PHÙNG HỮU LAN
馮友蘭

中國哲學史

Lịch sử TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

TẬP II
THỜI ĐẠI KINH HỌC

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ
TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中國哲學史

·Bản quyền Tiếng Việt thuộc GIA VŨ ©
·Vietnamese Copyright By GIA VŨ Co.,Ltd

PHÙNG HỮU LAN
馮友蘭

☯

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中國哲學史

Quyển II:

THỜI ĐẠI KINH HỌC

LÊ ANH MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

Quyển II: THỜI ĐẠI KINH HỌC

PHÙNG HỮU LAN

LÊ ANH MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
61 Phan Chu Trinh - Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 8256174 - 8255428 - 8249216
CN: 57 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: **8394948**

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập
TS. KIỀU VIỆT CƯỜNG
Sửa bản in
MAI THỦY
Trình bày
GIA VŨ

Tổ chức liên doanh và giữ bản quyền :

Công ty TNHH TMDV-VH Gia Vũ

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Xưởng in Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam. Địa chỉ: 265 Nguyễn Văn Đậu – Phường 11 – Quận Bình Thạnh – TP. HCM Giấy phép xuất bản số: 697 – 2006/ CXB/ 23 – 66/ KHXH do Cục Xuất bản cấp ngày 02 – 10 - 2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2007.

THỜI ĐẠI KINH HỌC

CHƯƠNG 1

PHIẾM LUẬN VỀ THỜI ĐẠI KINH HỌC

Các nhà nghiên cứu lịch sử triết học Tây phương thường phân chia lịch sử triết học Tây phương làm ba thời kỳ: Thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Điều ấy chẳng phải là một sự phân biệt tuỳ ý, bởi vì trong lịch sử triết học Tây phương mỗi thời kỳ quả thực đều có tinh thần đặc biệt và diện mục đặc thù của nó. Tương tự, lịch sử triết học Trung Quốc nếu chỉ chú ý về phương diện thời kỳ, thì cũng có thể phân chia làm ba thời kỳ: Thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Mỗi thời kỳ đều có một nền triết học riêng, nên cũng có thể lấy «thượng cổ, trung cổ, và cận đại» để đặt tên cho chúng. Những danh xưng này cũng được dùng trong quyển sách này. Nhưng từ một phương diện khác mà nói, Trung Quốc quả thực chỉ có triết học thượng cổ và triết học trung cổ, chứ không có triết học cận đại.

Nói rằng Trung Quốc không có triết học cận đại, thì nó không có nghĩa rằng trong thời cận đại Trung Quốc không có triết học. Tuy nhiên, nó nêu ra một sự khác biệt quan trọng giữa Trung Quốc và Tây phương. Trong lịch sử triết học Tây phương, cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng. Trong lịch sử triết học Tây phương, các hệ thống triết học được thành lập do các triết gia như Plato, Aristotle, v.v... vốn là cốt lõi của nền triết học thượng cổ của họ. Triết học trung cổ phần lớn đã chuyển mình trong các hệ thống này. Trong nền triết học trung cổ ấy có những thành phần mới thuộc về nhân sinh quan và vũ trụ quan của Thiên Chúa giáo. Các triết gia thời ấy cũng không phải là không thường có kiến giải mới, nhưng những thành phần mới và những kiến giải mới này cũng dựa vào các hệ thống triết học cổ đại, dùng những thuật ngữ của triết học cổ đại để diễn đạt. Bình cũ không thể chứa rượu mới. Trong triết học trung cổ của Tây phương không phải hoàn toàn không có rượu

mới, nhưng vì lượng rượu mới này không nhiều hoặc vì nó không quá mới, cho nên nó có thể chứa được trong cái bình cũ của triết học cổ đại. Đến thời hiện đại, tư tưởng con người hoàn toàn biến đổi, các tân triết gia đều trực tiếp quan sát sự thực. Triết học của họ không dựa theo xưa và các thuật ngữ họ dùng phần lớn là tân tạo. Nói cách khác, rượu mới vừa nhiều vừa mới nên cái bình cũ không thể chứa nổi. Cái bình cũ bị phá vỡ và cái bình mới đã thay thế. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng trong lịch sử triết học Tây phương cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng.

Ở quyển I tôi nói về thời đại từ Khổng Tử 孔子 (551-479 TCN) đến Hoài Nam Tử 淮南子 (mất năm 122 TCN) mà tôi gọi là thời đại Tử học (thời đại các học thuyết của các triết gia). Ở quyển II này, tôi nói về thời đại từ Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179? -104? TCN) đến Khang Hữu Vi 康有爲 (1858 -1927) mà tôi gọi là thời đại Kinh học (thời đại nghiên cứu kinh điển). Trong thời đại Kinh học, bất kể các kiến giải của các triết gia có mới hay không, thì họ cũng đều phải dựa vào cái danh của triết gia nào đó của thời đại Tử học. Kiến giải của họ cũng phần nhiều là lấy các thuật ngữ trong triết học của thời đại Tử học mà diễn đạt.[1] Thời này, rượu của các triết gia chế tạo – bất kể cũ hay mới – đều rót vào cái bình cũ là triết học cổ đại mà phần lớn là Kinh học; và mãi đến gần đây cái bình cũ ấy mới bắt đầu vỡ ra. Từ phương diện này mà nói, trong lịch sử triết học Trung Quốc, từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi đều là triết học trung cổ, còn triết học cận đại thì mới manh nha.

Tư tưởng con người đều bị hoàn cảnh tinh thần và vật chất của họ hạn chế. Thời Xuân Thu (722-481) và Chiến Quốc (403 -221), nền chính trị của quý tộc sụp đổ cho nên các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị đều biến chuyển tận gốc. Tuy nhiên, khi có sự thống nhất chính trị vào đời Tần (255 -207) và đời Hán (206 TCN -220 CN) thì các trật tự mới về phương diện xã hội và kinh tế đều dần dần yên định. Từ đó về sau, các triều đại tuy lần lượt thay đổi nhưng các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị đều không biến chuyển tận gốc. Ở các phương diện này, các thành tựu trong quá khứ đều được bảo tồn; con người cũng ít có hoàn cảnh mới và

[1] **Phùng Hữu Lan chú: Các thuật ngữ trong triết học cổ đại được dùng trong triết học trung cổ của Trung Quốc và Tây phương cũng có thể có ý nghĩa mới mẻ. Nhưng các triết gia trung cổ có những ý nghĩa mới mẻ mà không dùng thuật ngữ mới mẻ để diễn đạt, đó gọi là rót rượu mới vào bình cũ.**

kinh nghiệm mới. Tư tưởng sâu rộng trước đây lại đạt tới trình độ đáng kể, cho nên tư tưởng từ đời Hán về sau không thể không noi theo trước.

Tuy nhiên, trong thời đại Kinh học, tư tưởng Trung Quốc lại có một thành phần hoàn toàn mới mẻ du nhập từ bên ngoài, đó là Phật học. Nhưng cái Phật học mà người Trung Quốc giảng thì cũng là tinh thần của thời trung cổ. Các Phật học gia của Trung Quốc dù bản thân có kiến giải mới mẻ gì thì cũng đều noi theo lời Phật nói mà trình bày kiến giải của mình. Họ phần nhiều cũng lấy những thuật ngữ trong kinh Phật để diễn đạt kiến giải của mình. Phật học mà người Trung Quốc giảng cũng có thể gọi là Kinh học, nhưng kinh điển mà họ dựa vào chính là kinh Phật chứ không phải lục kinh (hay lục nghệ) của Nho gia.

Phật học mà người Trung Quốc giảng chính là thành phần mới mẻ trong lĩnh vực tư tưởng Trung Quốc. Các Kinh học gia đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1643) cũng đưa Phật học vào Kinh học. Cho nên nói rằng Trung Quốc không có triết học cận đại không có nghĩa là trong thời trung cổ và cận đại tư tưởng Trung Quốc hoàn toàn không có thành phần gì mới, cũng không có nghĩa là các triết gia của thời này về sau hoàn toàn không có kiến giải gì mới. Giòng lịch sử không hề để cho con người sống trong những tình cảnh hoàn toàn đồng nhất. Cho nên từ đời Hán về sau, những nhà giảng Khổng, giảng Lão, giảng Trang, và giảng các triết gia cổ đại khác, đều có lý luận minh xác hơn lý luận gốc của Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, và các triết gia cổ đại ấy. Những sự thực mà họ dựa vào để lý luận thì khá phong phú. Các kiến giải mới của họ cũng ở trong đó. Nơi quyển 1 (tiết 11 của chương 1) tôi có nói rằng lịch sử là tiến bộ; hiện tại câu nói đó vẫn thích hợp. Các kiến giải mới của các triết gia này từ đời Hán về sau đều là rượu mới.

Tuy nhiên, thứ rượu mới này không quá nhiều hoặc không quá mới cho nên nó vẫn còn được chứa trong cái bình cũ của triết học cổ đại (phần lớn là Kinh học). Hơn nữa, cái bình cũ lại có nhiều tính đàn hồi, khi gặp lượng rượu mới nhiều mà nó không thể chứa hết thì tự nó có thể giãnnở ra. Do đó Kinh học vốn là *lục kinh* dần dần gia tăng thành *thập tam kinh*.[2] Trong đó *Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung* được Tống nho đặc biệt tôn sùng (gọi là *Tứ Thư*) và quyền uy của chúng áp đảo cái

[2] **LAM chú: Lục kinh là: *Thi Kinh, Thượng Thư, Lễ Ký, Nhạc Kinh, Chu Dịch, Xuân Thu.* Thập tam kinh (13 kinh) là: *Thi Kinh, Thượng Thư, Chu Dịch, Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Xuân Thu Tả Truyện, Xuân Thu Công Dương Truyện, Xuân Thu Cốc Lương Truyện, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Hiếu Kinh, Nhĩ Nhã.***

mà người đời Hán vốn gọi là lục nghệ.

Trong cái Phật học mà người Trung Quốc giảng phần nhiều có kiến giải mới của người Trung Quốc. Hoàn cảnh vật chất và tinh thần của người Trung Quốc và người Ấn Độ vốn khác nhau, cho nên khi Phật học từ Ấn Độ đến Trung Quốc thì người Trung Quốc dựa theo quan điểm của mình mà chỉnh lý, tuyển chọn, và giải thích nó. Trong khi chỉnh lý, tuyển chọn, và giải thích nó, người Trung Quốc tuỳ thời mà đưa kiến giải mới của mình vào. Ở phương diện này, người Trung Quốc đã chế rượu mới. Nhưng vì thứ rượu mới này không quá nhiều và không quá mới, nên nó cũng được rót vào cái bình cũ Phật học và cái bình cũ này cũng chứa được nó luôn. Thí dụ như học thuyết Thiền Tông là một phát triển có tính chất hết sức cách mạng và hết sức Trung Quốc trong Phật học, nhưng nó cũng phải mượn thuyết «giáo ngoại biệt truyền» mà nói rõ chân ý của Phật. Trường hợp này cũng là bình cũ rượu mới. Cho nên tinh thần của Phật học Trung Quốc cũng là tinh thần trung cổ, và Phật học cũng là một thứ Kinh học.

Triết học thời trung cổ và cận đại phần lớn phải được tìm kiếm trong Kinh học và Phật học của thời đó. Trong thời trung cổ và cận đại, bởi vì Kinh học bất đồng ở các thời kỳ, nên triết học cũng bất đồng. Ta cũng có thể nói rằng bởi vì triết học bất đồng ở các thời kỳ nên Kinh học bất đồng. Mỗi tông phái trong Kinh học và Phật học đều có một thời hưng thịnh riêng. Tư tưởng thời đại Tử học thời thượng cổ thì phát triển khá rõ rệt theo chiều ngang; còn tư tưởng thời đại Kinh học thời trung cổ và cận đại thì phát triển khá rõ rệt theo chiều dọc. Cho nên trong bộ sách này, quyển 1 bao quát thời gian lịch sử hơn 400 năm; còn quyển 2 bao quát hơn 2000 năm. Đó cũng là một điểm khác biệt giữa thời đại Tử học và thời đại Kinh học. Xét tình hình chính trị trong lịch sử Trung Quốc mà nói, trên phương diện tư tưởng cũng phải có hiện tượng đó. Nền chính trị cổ đại chưa được thống nhất, còn từ đời Tần và đời Hán về sau thì nền chính trị Trung Quốc được thống nhất.

Cho đến gần đây, Trung Quốc bất kể ở phương diện nào đều ở trong thời đại trung cổ. Ở nhiều phương diện, Trung Quốc không như Tây phương, bởi vì lịch sử Trung Quốc khuyết mất thời cận đại, và triết học chỉ là một phương diện đặc thù của tình hình chung này. Gần đây cái gọi là sự khác biệt văn hoá giữa Đông và Tây trong nhiều trường hợp thực tế chỉ là sự khác biệt giữa văn hoá trung cổ và văn hoá cận đại. Tại Trung Quốc, tình hình này không phải do người Trung Quốc không thể tiến bộ mà do hành vi và tư tưởng con người cần phải thích ứng với yêu

cầu của hoàn cảnh. Một khi họ phát triển được kiến giải mới thì tự nhiên họ phải bám vào nó cho đến chừng nào nó tiếp tục thích ứng với yêu cầu của hoàn cảnh. Thậm chí khi dần dần có kiến giải mới thì tự nhiên nó bám vào hệ thống cũ. Chừng nào mà cái bình cũ chưa bị vỡ thì rượu mới cứ tiếp tục được rót vào nó. Chỉ khi nào hoàn cảnh biến chuyển dữ dội, các tư tưởng cũ không đủ để thích ứng yêu cầu của thời thế, thì các tư tưởng mới mẻ sẽ theo thời thế mà phát triển rất nhiều và rất mới. Cái bình cũ không thể chứa nổi nên vỡ ra và cái bình mới được thay vào. Sau khi Trung Quốc và Tây phương giao tiếp nhau, các phương diện học thuật, kinh tế, xã hội, chính trị đều biến chuyển tận gốc. Tuy nhiên, suốt thế kỷ XIX khi học thuật Tây phương mới bắt đầu du nhập Trung Quốc, những người Trung Quốc như bọn Khang Hữu Vi đã đưa nó vào Kinh học, mong muốn lấy cái bình cũ để chứa thứ rượu rất mới này. Nhưng phạm vi giãnnở của cái bình cũ đã đến cực điểm, mà rượu thì rất nhiều và rất mới, nên rốt cuộc bình bị vỡ. Cái bình cũ Kinh học bị phá vỡ và thời đại Kinh học trong lịch sử triết học cũng chấm dứt theo.

*

CHƯƠNG 2

ĐỔNG TRỌNG THƯ VÀ KINH HỌC KIM VĂN

1. Âm Dương gia và Kim văn Kinh học gia[1]

Trong chương 1 của quyển 1 của bộ sách này, tôi đã nói rằng: *thiên văn* 天文, *lịch phổ* 歷譜, và *ngũ hành* 五行 trong cái gọi là «thuật số» cổ đại đều chú ý đến mối quan hệ giữa Trời và người (gọi là «thiên nhân chi tế» 天人之際), cho rằng *thiên đạo* và *nhân sự* ảnh hưởng lẫn nhau. Về sau, Âm Dương gia lấy ý đó mà suy diễn ra, rồi lấy tư tưởng các tôn giáo mà thêm vào để lý luận hoá nó. (Xem quyển 1, chương 7, tiết 7). Các

---

[1] Derk Bodde chú: Kim văn gia 今文家 khống chế suốt đời Tiền Hán (206 TCN - 24 CN) nhưng họ có danh xưng này chỉ sau khi Cổ văn gia 古文家 (mà chương 4 sách này sẽ đề cập) xuất hiện khoảng năm Thiên Chúa giáng sinh và dần dần nổi bật vào đời Hậu Hán (25-220). Danh xưng Cổ văn gia bắt nguồn từ việc học thuyết của họ dựa trên các kinh điển mà tương truyền các kinh điển này đã được giấu kín hàng bao thế kỷ và được phát hiện vào thế kỷ I TCN. Vì thế các kinh điển này được viết bằng văn tự cổ xưa đời Chu. Trái lại, Kim văn gia dựa trên các kinh điển được viết bằng văn tự phổ thông đời Hán. Tính chân xác của các dị bản kinh điển này vốn là đề tài tranh luận sôi nổi của các học giả Trung Quốc bấy lâu nay. Tuy nhiên sự tranh luận giữa hai phái này không chỉ là vấn đề văn bản mà nó còn bao quát sự khác biệt rất lớn về ý thức hệ. Về phương diện văn bản, nói chung các bản kinh điển của Kim văn gia dùng được xem là chân xác hơn các bản kinh điển của Cổ văn gia dùng. Tuy nhiên về phương diện ý thức hệ, Kim văn gia quá chú trọng sự mê tín thần bí (chẳng hạn tin rằng Khổng Tử là nhân vật siêu nhiên), mà Cổ văn gia (vốn bình tĩnh và lý trí hơn) đã tránh xa sự mê tín thần bí đó. Trong chương này và các chương kế, thuật ngữ *Âm Dương* và *ngũ hành* được nhắc đến thường xuyên. *Âm* và *Dương* được xem là hai nguyên lý bổ túc nhau. *Dương* tiêu biểu cho nam tính, ánh sáng, ấm áp, khô ráo, cứng rắn, hoạt động, v.v... còn *Âm* tiêu biểu cho nữ tính, bóng tối, lạnh lẽo, ẩm ướt, mềm mại, thụ động, v.v... Tất cả các hiện tượng thiên nhiên là kết quả của sự tương tác không ngừng giữa Âm và Dương. *Ngũ hành* là năm yếu tố trong vũ trụ quan Trung Quốc: kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Người ta xem chúng có tính chất trừu tượng hơn là những chất liệu cụ thể trong thực tế. Năm hành đó được xem là phải tuần tự theo nhau trong một chu trình nhất định; do đó mỗi giai đoạn lịch sử được xem là thịnh đạt dưới sự chi phối của một trong năm hành. Chúng ta sẽ thấy ngũ hành kết hợp rộng thêm với ngũ phương (bốn phương và trung tâm), bốn mùa, ngũ sắc, ngũ vị, ngũ âm, v.v... Suốt thế kỷ IV và III TCN, Âm Dương gia và Ngũ hành gia dường như tách biệt nhau (Xin xem lại quyển 1, chương 7, tiết 7 và chương 15, tiết 2); nhưng suốt đời Hán, do xu hướng chiết trung của thời đại mà Âm Dương gia và Ngũ hành gia hợp nhất lại. Rồi sự hợp nhất này được Kim văn gia kế thừa.

Âm Dương gia, khi trở thành môn phái rồi, dường như có xu thế hỗn hợp với một bộ phận Nho gia. Khổng Tử dường như cũng có sự tin tưởng đối với thuật số từ cổ đại truyền lại. Cho nên, nhân chuyện «chim phượng không bay đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện hình đồ» mà Khổng Tử than thở: «Ta thế là hết rồi!»[2] Ông lại nói: «Trời chưa muốn làm mất nền văn hoá đó, người đất Khuông làm gì được ta!»[3] Về «thiên nhân chi tế» (mối quan hệ giữa Trời và người), tất nhiên Khổng Tử cũng xem trọng. Tư Mã Thiên khi đề cập học thuyết của Trâu Diễn, có nói: «Thuật của Trâu Diễn đại loại như thế, nhưng tóm lại là cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, thi hành lễ vua tôi, tôn ti trên dưới, lục thân (tức là: cha, mẹ, anh, em, vợ, con). Đó mới chỉ là khởi đầu học thuyết của ông thôi.»[4] Như vậy, Trâu Diễn cũng giảng cái học của Nho gia. *Tuân Tử* (Phi Thập Nhị Tử) nói Tử Tư và Mạnh Kha «dựa theo thời xưa để lập thuyết, gọi nó là ngũ hành» (án vãng

---

[2] *Luận Ngữ* (Tử Hãn): «Phượng điểu bất chí, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hĩ phù.» 鳳鳥不至河不出圖,吾已矣夫.– Derk Bodde chú: Phượng hoàng là chim báo điềm lành. Hà Đồ là bản đồ tương truyền được mang trên lưng con long mã xuất hiện ở sông Hoàng Hà trong thời Phục Hi. Có người cho rằng Hà Đồ miêu tả Bát Quái; có người cho rằng nó chỉ chứa một số dữ liệu mà từ đó Phục Hi dùng để tạo ra Bát Quái.– LAM chú: Phượng là chim linh (con trống gọi là *phượng* 鳳, con mái gọi là *hoàng* 凰). Tương truyền vua Thuấn được dâng tặng một con. Đời Văn Vương, chim phượng xuất hiện ở Kỳ Sơn. Chim phượng và long mã mang Hà Đồ xuất hiện là điềm thánh vương ra đời. Khổng Tử không thấy chúng xuất hiện, nên than Đạo ông không thi hành được vì thánh vương không ra đời.

[3] *Luận Ngữ* (Tử Hãn): «Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà?» 天之未喪斯文也,匡人其如予何.

[4] *Sử Ký* (Mạnh Tử Tuân Khanh Liệt Truyện): «Nhiên yếu kỳ quy tất chỉ hồ nhân nghĩa tiết kiệm, quân thần thượng hạ lục thân chi thì, thuỷ dã lạm nhĩ.» 然要其歸必止乎仁義節儉,君臣上下六親之施,始也濫耳.

[5] Phùng Hữu Lan phụ chú cho bản dịch tiếng Anh: Nay tôi có xu hướng tin rằng Tuân Tử phê bình Tử Tư và Mạnh Tử là có cơ sở chắc chắn. Do đó trong *Trung Dung* (chương 24) – tác phẩm tương truyền là của Tử Tư – có câu: «Quốc gia sắp hưng thịnh, điềm lành ắt xảy ra; quốc gia sắp diệt vong, yêu nghiệt ắt hiện ra.» (Quốc gia tương hưng, tất hữu trinh tường; quốc gia tương vong, tất hữu yêu nghiệt. 國家將興必有禎祥;國家將亡必有妖孽). Tương tự, trong *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - hạ, 13) có câu: «Hễ 500 năm thì có bậc thánh vương xuất hiện.» (Ngũ bách niên tất hữu vương giả hưng. 五百年必有王者興). Những dự ngôn này dường như báo trước khuynh hướng về tính chất dự trắc của Âm Dương gia suốt đời Hán. Hơn nữa, tôi cũng có xu hướng tin rằng các Kim văn gia đời Hán (mà đại biểu là Đổng Trọng Thư) có gốc gác là Nho gia thuộc phái Mạnh Tử. Do đó học thuyết của Đổng Trọng Thư về *Xuân Thu* (tôi sẽ nói rõ ở tiết 12 của chương này) chính là Mạnh học được phát huy thêm. Tương tự, tôi cũng tin rằng các Cổ văn gia có gốc gác là Nho gia thuộc phái Tuân Tử. Thí dụ như môn phái này theo xu hướng lý trí của Tuân Tử đã tránh không chú trọng *Xuân Thu* như các Kim văn gia đã thể hiện trong tác phẩm của họ. Cổ văn gia cũng phản đối sự phát triển thái quá học thuyết Âm Dương của các Kim văn gia.

cựu tạo thuyết, vị chi ngũ hành 案往舊造說，謂之五行).[5] Hiện nay trong sách *Mạnh Tử* không có chỗ nào đề cập ngũ hành. Có thể là sau khi Mạnh Tử mất, lời lẽ của Âm Dương gia mới trộn lẫn vào học thuyết của Mạnh Tử cho nên Tuân Tử mới nói như thế. Cho đến đời Tần và đời Hán, lời lẽ của Âm Dương gia hầu như hoàn toàn trộn lẫn vào Nho học. Các thầy giảng kinh đời Tiền Hán đều lượm lặt lời lẽ của Âm Dương gia để giảng kinh. Đó là nét đặc sắc trong Kinh học của các Kim văn gia vậy.

Đời Hán, bầu không khí của Kim văn gia đã tràn ngập tư tưởng hầu hết mọi người. Thiên đạo và nhân sự ảnh hưởng lẫn nhau. Con người đời Tiền Hán hết sức tin tưởng như vậy. Cho nên Nho gia đời Hán phần nhiều nói về chuyện tai ương và quái dị. Vua chúa khi gặp tai ương đều sợ hãi. Chức vụ gọi là Tam Công 三公, ngoài việc hành chính thì phần lớn là nhằm «điều hoà Âm Dương». Trần Bình 陳平 (mất năm 179 TCN) nói với Hán Văn Đế 漢文帝 (tức Lưu Hằng 劉恆, tại vị 179-157) rằng: «Bổn phận của tể tướng là giúp thiên tử xử lý việc Âm Dương, làm thuận hoà bốn mùa, tuân theo sự thích nghi của vạn vật.» Bính Cát 丙吉 (mất năm 55 TCN) – một chính khách đời Hán Vũ Đế (tại vị 140-87) – có lần đi đường gặp một con trâu ho suyễn, bèn nói rằng: «Tam Công điều hoà Âm Dương; nay mới mùa xuân, Thiếu Dương được dùng vào sự việc, thời tiết chưa thể nóng lắm. Nay trâu nhân trời nắng mà ho suyễn, sợ là thời tiết mất khí, tức là có chỗ tai hại.»[6] Tam Công ngoài việc hành chính thì có trách nhiệm về sự biến hoá của sự vật trong cõi tự nhiên. Cho nên trong đời Hán hễ việc tai ương hay quái dị xảy ra thì Tam Công phải chịu trách nhiệm. Việc này ngày nay chúng ta xem là kỳ quặc, nhưng trong đời Tiền Hán – thời đại mà bầu không khí của Âm Dương gia bao trùm khắp – thì mọi người xem đó là việc đương nhiên.[7]

2. Hệ thống vũ trụ trong tư tưởng của Âm Dương gia

---

[6] **Derk Bodde chú: Câu chuyện này như sau: Có lần Bính Cát đang đi thì gặp một đám đánh nhau, một số kẻ trong bọn chúng làm bị thương hay giết nhau. Bính Cát đi ngang qua mà không dừng lại, khiến đoàn tuỳ tùng của ông ngạc nhiên. Tuy nhiên một lúc sau ông gặp một người dắt trâu đi; con trâu ho suyễn lè lưỡi. Bính Cát dừng ngựa lập tức, hỏi người ấy đã đi bao nhiêu dặm rồi. Khi bị đoàn tuỳ tùng trách đã quan tâm chuyện có vẻ tầm phào, Bính Cát bảo họ rằng, vụ đánh nhau cứ để cho các quan chuyên trách trị an; còn việc điều hoà Âm Dương mới là vấn đề liên quan đến quan chức cao nhất. (Xem tiểu truyện của Bính Cát trong *Tiền Hán Thư*.)**

[7] **Phùng Hữu Lan chú: Để hiểu rõ hơn về đoạn văn này, xin xem: Triệu Dực 趙翼 (1727-1814), *Trấp Nhị Sử Trát Ký* 廿二史札記, quyển 2.**

Muốn hiểu được tư tưởng của người đời Tiền Hán, trước tiên ta phải hiểu khái quát về học thuyết của Âm Dương gia; mà muốn hiểu học thuyết của họ thì ta phải hiểu hệ thống vũ trụ trong tư tưởng của họ. Âm Dương gia phối hợp ngũ hành, tứ phương, tứ thời, ngũ âm, 12 tháng, 12 luật, thiên can, địa chi và các con số để lập thành một hệ thống vũ trụ.[8] Âm Dương lưu hành trong hệ thống đó, khiến cho hệ thống hoạt động và biến hoá mà sinh ra vạn vật. Những phối hợp như vậy đã có trong thuật số cổ đại. Mặc Tử nói: «Tử Mặc Tử đi hướng bắc đến nước Tề, gặp một thầy bói. Thầy bói nói: "Hôm nay Đế giết rồng đen ở hướng bắc, mà tiên sinh có nước da đen, nên không thể đi hướng bắc." [...] Tử Mặc Tử đáp: "Người miền nam không được đi bắc, người miền bắc không được đi nam. Nước da có màu đen, nước da có màu trắng, tại sao lại không đi được? Hơn nữa, Đế lấy ngày giáp ất để giết rồng xanh ở hướng đông, lấy ngày bính đinh để giết rồng đỏ ở hướng nam, lấy ngày canh tân để giết rồng trắng ở hướng tây, lấy ngày nhâm quý để giết rồng đen ở hướng bắc, [lấy ngày mậu kỷ để

---

[8] **Derk Bodde chú: *Ngũ âm* 五音 là: *cung* 宮, *thương* 商, *giốc* 角, *chủy* 徵, *vũ* 羽; lần lượt tương ứng với các nốt C (do), D (ré), E (mi), G (sol), A (la). Tuy nhiên còn một âm giai là *thập nhị luật* 十二律; nó đồng nhất với âm giai của Pythagoras, và đầu tiên xuất hiện tại Trung Quốc ở thế kỷ III TCN. Nó được mang đến đấy như là kết quả cuộc chinh phục châu Á của Alexander Đại Đế. Xem: Édouard Chavannes (dịch), *Les mémoires historiques de Se-ma Ts'ien* (Sử Ký Tư Mã Thiên), III, ii, Phụ lục 2: «*Des rapports de la musique greque avec la musique chinoise*» (Tương quan giữa âm nhạc Hi Lạp với âm nhạc Trung Quốc), trang 630-645.– *Thiên can* 天干 là: giáp 甲, ất 乙, bính 丙, đinh 丁, mậu 戊, kỷ 己, canh 庚, tân 辛, nhâm 壬, quý 癸. *Địa chi* 地支 là: tý 子, sửu 丑, dần 寅, mão 卯, thìn 辰, tỵ 巳, ngọ 午, mùi 未, thân 申, dậu 酉, tuất 戌, hợi 亥. Sự kết hợp can chi bắt đầu từ *giáp tý* (đôi thứ nhất) sẽ cho 60 đôi khác nhau rồi trở lại *giáp tý*. Chu kỳ giáp tý này được dùng đầu đời Thương dùng để chỉ ngày; tuy nhiên cách dùng chỉ năm dường như mãi đến đời Hán mới có.– LAM chú: Theo từ điển *Từ Hải*, trước đời Hán can chi dùng ghi ngày. Kể từ đầu đời Đông Hán (năm Kiến Vũ 建武, tức năm 25 CN) về sau, can chi mới được dùng ghi cả năm, tháng, ngày.**

[9] ***Mặc Tử* (Quý Nghĩa): «Tử Mặc Tử bắc chi Tề, ngộ nhật giả. Nhật giả viết: "Đế dĩ kim nhật sát hắc long ư bắc phương, nhi tiên sinh chi sắc hắc, bất khả dĩ bắc." [...] Tử Mặc Tử viết: "Nam chi nhân bất đắc bắc, bắc chi nhân bất đắc nam, kỳ sắc hữu hắc giả, hữu bạch giả, hà cố giai bất toại dã? Thả đế dĩ giáp ất sát thanh long ư đông phương, dĩ bính đinh sát xích long ư nam phương, dĩ canh tân sát bạch long ư tây phương, dĩ nhâm quý sát hắc long ư bắc phương(*), nhược dụng tử chi ngôn, tắc thị cấm thiên hạ chi hành giả dã."» 子墨子北之齊，遇日者。日者曰："帝以今日殺黑龍於北方，而先生之色黑，不可以北。"[...]子墨子曰："南之人不得北，北之人不得南，其色有黑者，有白者，何故皆不遂也？且帝以甲乙殺青龍於東方，以丙丁殺赤龍於南方，以庚辛殺白龍於西方，以壬癸殺黑龍於北方，若用子之言，則是禁天下之行者也。" – Phùng Hữu Lan chú: (*) Tất Nguyên 畢沅(1730-1797) theo *Thái Bình Ngự Lãm* 太平御覽, chép thêm câu «Dĩ mậu kỷ sát hoàng long ư trung phương.» 以戊己殺黃龍於中方(lấy ngày mậu kỷ để giết rồng vàng ở trung ương) vào đây.**

giết rồng vàng ở trung ương]. Nếu nghe lời của ông, tức là cấm hết thiên hạ đi đây đi đó rồi.»[9]

Ở đây lấy thiên can phối hợp ngũ sắc và tứ phương: lấy giáp ất phối hợp màu xanh và hướng đông; lấy bính đinh phối hợp màu đỏ và hướng nam; lấy canh tân phối hợp màu trắng và hướng tây; lấy nhâm quý phối hợp màu đen và hướng bắc; lấy mậu kỷ phối hợp màu vàng và trung ương. Sự phối hợp này trong thuật số không nhất thiết có ý nghĩa về hệ thống vũ trụ. Nhưng về sau Âm Dương gia đã căn cứ sự phối hợp này mà lập thuyết. *Nguyệt Lệnh* được chép trong *Lã Thị Xuân Thu* và *Lễ Ký* cho thấy sự phối hợp ấy, và nó tạo thành một hệ thống vũ trụ trong tư tưởng của Âm Dương gia.

Nguyệt Lệnh trong *Lã Thị Xuân Thu* và *Lễ Ký* cùng với thiên Thời Tắc Huấn trong *Hoài Nam Tử* đã lấy ngũ hành phối hợp bốn mùa: xuân-mộc, hạ-hoả, thu-kim, đông-thuỷ; còn thổ thì không có sự phối hợp. Tuy nhiên *Nguyệt Lệnh* thì nói trung ương là thổ. Còn *Hoài Nam Tử* thì phối hợp quý hạ với thổ.

Lấy bốn mùa và ngũ hành phối hợp với bốn hướng thì: xuân-mộc ở hướng đông, hạ-hoả ở hướng nam, thu-kim ở hướng tây, đông-thuỷ ở hướng bắc, và thổ ở trung ương.

Lấy bốn mùa và ngũ hành phối hợp với ngũ sắc thì: xuân-mộc với xanh, hạ-hoả với đỏ, thu-kim với trắng, đông-thuỷ với đen, và trung ương với vàng.

Lấy thiên can phối hợp với chúng thì: xuân-mộc phối giáp ất, hạ-hoả phối bính đinh, trung ương phối mậu kỷ, thu-kim phối canh tân, đông-thuỷ phối nhâm quý.

Lấy ngũ âm và 12 luật phối hợp với chúng thì: xuân-mộc với giốc 角, hạ-hoả với chuỷ 徵, trung ương và thổ với cung 宮, thu-kim với thương 商, đông-thuỷ với vũ 羽; mạnh xuân với thái thốc 太簇, trọng xuân với giáp chung 夾鐘, quý xuân với cô tẩy 姑洗; mạnh hạ với trung lữ (lã) 中呂, trọng hạ với nhuy tân 蕤賓, quý hạ với lâm chung 林鐘; mạnh thu với di tắc 夷則, trọng thu với nam lữ (lã) 南呂, quý thu với vô xạ 無射; mạnh đông với ứng chung 應鐘, trọng đông với hoàng chung 黃鐘, quý đông với đại lữ (lã) 大呂.

Lấy các con số phối hợp với chúng thì: xuân-mộc với 8, hạ-hoả với 7, thu-kim với 9, đông-thuỷ với 6, và trung ương với 5.

Tóm tắt:

5 hành	4 mùa	4 hướng	5 màu	thiên can	5 âm	số
mộc	*xuân*	*đông*	*xanh*	*giáp ất*	*giốc*	*8*
hỏa	*hạ*	*nam*	*đỏ*	*bính đinh*	*chuỷ*	*7*
kim	*thu*	*tây*	*trắng*	*canh tân*	*thương*	*9*
thủy	*đông*	*bắc*	*đen*	*nhâm quý*	*vũ*	*6*
thổ	–	*trung ương*	*vàng*	*mậu kỷ*	*cung*	*5*

XUÂN			HẠ			THU			ĐÔNG		
mạnh xuân	trọng xuân	quý xuân	mạnh hạ	trọng hạ	quý hạ	mạnh thu	trọng thu	quý thu	mạnh đông	trọng đông	quý đông
thái thốc	giáp chung	cô tẩy	trung lữ (lã)	nhuy tân	lâm chung	di tắc	nam lữ (lã)	vô xạ	ứng chung	hoàng chung	đại lữ (lã)

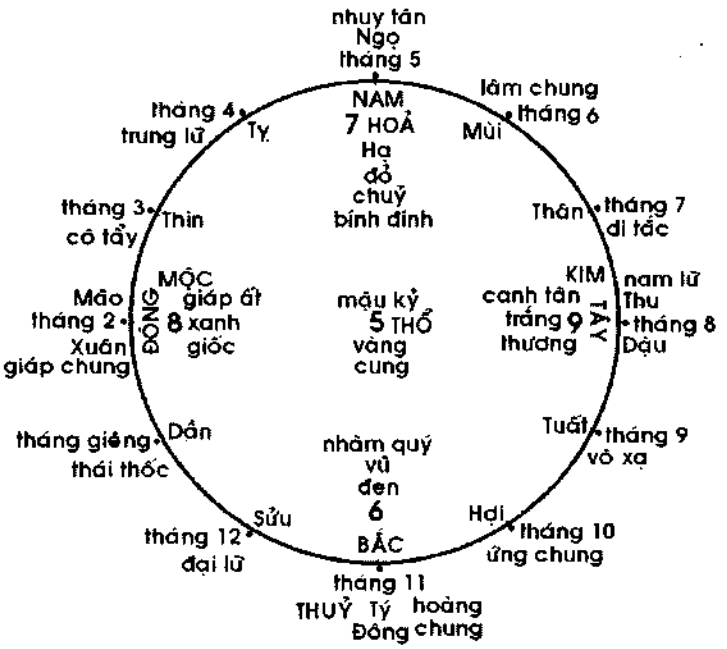
GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Sở dĩ có sự phối hợp như thế vì Hồng Phạm 洪範 (trong *Kinh Thư*) nói: «Ngũ hành có thứ tự là: 1-thuỷ, 2-hoả, 3-mộc, 4-kim, 5-thổ.» (Ngũ hành nhất viết thuỷ, nhị viết hoả, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ 五行一曰水，二曰火，三曰木，四曰金，五曰土). Theo thứ tự này, Hệ Từ của *Kinh Dịch* nói: «Trời 1, đất 2, trời 3, đất 4, trời 5, đất 6, trời 7, đất 8, trời 9, đất 10.» Trời 1 phải là thuỷ, đất 2 phải là hoả, trời 3 phải là mộc, đất 4 phải là kim, trời 5 phải là thổ, đất 6 phải là thuỷ, trời 7 phải là hoả, đất 8 phải là mộc, trời 9 phải là kim, đất 10 phải là thổ. 1, 2, 3, 4, 5 là các *số sinh* của thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. 6, 7, 8, 9, 10 là các *số thành* của thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. Thiên số sinh ra thuỷ, địa số hoàn thành nó. Địa số sinh ra hoả, thiên số hoàn thành nó. Thiên số sinh ra mộc, địa số hoàn thành nó. Địa số sinh ra kim, thiên số hoàn thành nó. Thiên số sinh ra thổ, địa số hoàn thành nó. Âm Dương phối ngẫu thì có thể sinh thành. (Xem *Lễ Ký*, Nguyệt Lệnh, Trịnh Huyền chú, Khổng Đĩnh Đạt sớ). Tuy nhiên theo thuyết này, thì bốn mùa mỗi năm trước hết phải là đông (thuỷ), rồi tới hạ (hoả), rồi tới xuân (mộc), rồi tới thu (kim). Tại sao thứ tự ngũ hành và thứ tự của bốn mùa không hợp nhau, điều này chưa ai giải thích.

Nguyệt Lệnh chưa từng lấy 12 địa chi phối hợp vào hệ thống này. Thông thường người ta xem tháng 11 là tháng tý, tháng 12 là tháng sửu, tháng giêng là tháng dần, tháng 2 là tháng mão, tháng 3 là tháng thìn, tháng 4 là tháng tỵ, tháng 5 là tháng ngọ, tháng 6 là tháng mùi, tháng 7

là tháng thân, tháng 8 là tháng dậu, tháng 9 là tháng tuất, tháng 10 là tháng hợi. *Hoài Nam Tử* (Thiên Văn Huấn) đã nói rõ điều ấy.

Sự phối hợp ấy được thể hiện qua hình vẽ sau:



Nguyệt Lệnh chưa lấy bát quái phối hợp vào hệ thống vũ trụ ấy, bởi vì trước đời Tần thuyết ngũ hành và thuyết bát quái vốn là hai hệ thống riêng biệt. (Xin xem lại quyển 1, chương 15, tiết 2). Bát quái tự nó có thể thành một hệ thống vũ trụ mà chương sau tôi sẽ nói rõ. Còn bây giờ chúng ta cần hiểu sơ lược những loại phối hợp này trước tiên, bởi vì nếu không hiểu chúng thì chúng ta sẽ không thể hiểu hết những lý thuyết đời Tiền Hán.

3. Địa vị của Đổng Trọng Thư trong Nho gia đời Tiền Hán

Có thể nói Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179?-104? TCN)[10] là đại biểu cho tư tưởng của con người của đời Tiền Hán và đại biểu cho tinh thần của thời đại ấy. *Hán Thư* chép: «Đổng Trọng Thư người xứ Quảng

[10] **Derk Bodde chú: Năm sinh và năm mất của Đổng Trọng Thư không được đề cập trong *Tiền Hán Thư*, nhưng Tô Dự 蘇輿 (mất năm 1914) có nêu ra trong tác phẩm *Xuân Thu Phồn Lộ Nghĩa Chứng* 春秋繁露義證 của ông. Ở Tây phương có hai tác phẩm quan trọng về Đổng Trọng Thư: (1) Otto Franke, *Studien zur Geschichte des konfuzianischen Dogmas und der chinesischen Staatsreligion: das Problem des Tsch'un-Ts'iu und Tung Tschung Shu's Tsch'un-Ts'iu Fan Lu* (Nghiên cứu về lịch sử các tín điều của Nho giáo và về lịch sử quốc giáo của Trung Quốc: Vấn đề thời Xuân Thu và tác phẩm *Xuân Thu Phồn Lộ* của Đổng Trọng Thư) [Hamburg: 1920]. Otto Franke trình bày chi tiết nhưng không phê phán. (2) Woo Kang, *Trois théories politiques du***

Xuyên 廣川[11]. Thuở nhỏ ông chuyên đọc sách *Xuân Thu*. Đời vua Hiếu Cảnh 孝景 (tại vị 156-141), ông giữ chức bác sĩ. Ông buông màn và ở phía sau màn mà giảng dạy. Đệ tử ông cũng truyền dạy theo cách ấy, có người chưa từng trông thấy mặt ông. Ông tinh chuyên nghiên cứu, ba năm không nhìn ra vườn. Các hành vi và cử chỉ của ông đều theo lễ. Các học sĩ đều kính trọng ông là thầy. [...] Trứ tác của ông đều nhằm thuyết minh ý nghĩa trong kinh điển. Những lời sớ ông dâng vua [Hán Vũ Đế] cùng với lời giảng dạy của ông gồm 123 thiên. Ông thuyết minh những thành công và thất bại được chép trong sách *Xuân Thu*, gồm vài chục thiên như *Văn Cử, Ngọc Bôi, Phồn Lộ, Thanh Minh, Trúc Lâm*, v.v., có đến hơn trăm ngàn chữ, đều được truyền lại đời sau.»[12]

Tch'ouen Ts'ieou, interprétées par Tong Tchong-chou d'après les principes de l'école Kong Yang (Ba học thuyết chính trị thời Xuân Thu do Đổng Trọng Thư giải thích theo các nguyên tắc của phái Công Dương), [Paris: 1932]. Woo Kang trình bày không chi tiết nhưng phê phán nhiều. Độc giả cũng nên đọc: Yao Shan Yu, ***The Cosmological and Anthropological Philosophy of Tung Chung Shu*** (Triết thuyết về vũ trụ và nhân loại của Đổng Trọng Thư), ***Journal of the North China Branch of the Royal Asiatic Society***, vol. 73 [Shanghai: 1948]. Năm sinh và năm mất của Đổng Trọng Thư, theo Otto Franke là (170-90) và theo Woo Kang là (175-105).

[11] Derk Bodde chú: Quảng Xuyên 廣川 cách huyện Tảo Cường 棗強 (hiện nay) khoảng 10 dặm về hướng đông; thuộc một nửa phía nam của tỉnh Hồ Bắc.

[12] ***Hán Thư*** (Đổng Trọng Thư Truyện): «Đổng Trọng Thư, Quảng Xuyên nhân dã. Thiếu trị *Xuân Thu*, Hiếu Cảnh thời, vi bác sĩ. Hạ duy giảng tụng, đệ tử truyền dĩ cửu thứ tương thụ nghiệp, hoặc mạc kiến kỳ diện. Cái tam niên bất khuy viên, kỳ tinh như thử. Tiến thoái dung chỉ, phi lễ bất hành, học sĩ giai sư tôn chi. [...] Trọng Thư sở trứ, giai minh kinh thuật chi ý; cập thượng sớ điều giáo, phàm hách nhị thập tam thiên; nhi thuyết Xuân Thu sự đắc thất, *Văn Cử, Ngọc Bôi, Phồn Lộ, Thanh Minh, Trúc Lâm* chi thuộc, phục sổ thập thiên, thập dư vạn ngôn, giai truyền ư hậu thế.» 董仲舒，廣川人也。少治春秋，孝景時，爲博士。下帷講誦，弟子傳以久次相授業，或莫見其面。蓋三年不窺園，其精如此。進退容止，非禮不行，學士皆師尊之。[...] 仲舒所著，皆明經術之意；及上疏條教，凡百二十三篇；而說春秋事得失，聞舉，玉杯，蕃露，清明，竹林之屬，復數十篇，十餘萬言，皆傳於後世.– Derk Bodde chú: Đây chỉ là một đoạn ngắn trích từ tiểu sử khá dài của ông trong ***Hán Thư***. Độc giả có thể xem chi tiết nơi Otto Franke (*sđd.*, tr.91-81) và Woo Kang (*sđd.*, tr.15-33). Đổng Trọng Thư chưa bao giờ giữ một chức vụ quan trọng nhiều về chính trị, một phần đời ông đã làm quan tại triều đình dưới hai đời vua (LAM chú: Cảnh Đế và Vũ Đế). Tuy nhiên, về mặt ý thức hệ, ảnh hưởng của ông vô cùng lớn. Ở tiết 3, chương 2, của quyển 1 (của bộ triết sử này), chúng ta đã thấy vai trò của ông khiến cho triều đình chính thức nhìn nhận Nho giáo. Ông viết rất nhiều, nhưng phần lớn tác phẩm đã mất hết. Tác phẩm chủ yếu của ông hiện còn là ***Xuân Thu Phồn Lộ***. Trong các nhan đề được nhắc đến trong đoạn tiểu sử trên, ***Ngọc Bôi*** là chương 2, ***Trúc Lâm*** là chương 3 của ***Xuân Thu Phồn Lộ***. ***Phồn Lộ*** tức là nói gọn của ***Xuân Thu Phồn Lộ***. Còn ***Văn Cử*** và ***Thanh Minh*** hiện nay đã mất. Otto Franke (*sđd.*, tr.276-308) đã dịch ***Trúc Lâm*** sang tiếng Đức. – LAM chú: Khi dịch các đoạn trích dẫn từ ***Hán Thư*** tôi tham khảo thêm bản in của Trung Hoa Thư Cục, Ban Cổ soạn, Nhan Sư Cổ chú [Bắc Kinh: 1997]. Derk Bodde chú «***Phồn Lộ*** tức là nói gọn của ***Xuân Thu Phồn Lộ***», kỳ thực hai chữ ***phồn lộ*** viết khác nhau: 蕃露 (Nhan Sư Cổ đọc là ***Phiên Lộ***) và 繁露 (trong ***Xuân Thu Phồn Lộ***).

Hán Thư còn chép: «Lưu Hướng khen Đổng Trọng Thư có tài phụ tá vua chúa, ngay cả Y Doãn và Lã Vọng cũng không hơn. [...] Cho đến con của Lưu Hướng là Lưu Hâm cũng cho rằng [...] Trọng Thư gặp đời Hán, tiếp nối giai đoạn sau khi Tần Thuỷ Hoàng tiêu diệt học vấn, lục kinh tản mác; ông buông màn và phát phẫn học tập, chuyên tâm vào nghiệp lớn, khiến cho những kẻ hậu học có cơ sở thống nhất. Ông là thủ lãnh của Nho gia.»[13]

Hán Thư (Ngũ Hành Chí) chép: «Ngày xưa khi đạo nhà Ân Thương mất thì Văn Vương diễn nghĩa *Chu Dịch*; khi đạo nhà Chu suy thì Khổng Tử viết *Xuân Thu*. Ngài noi theo Âm Dương của trời đất, dựa theo *cửu trưng* (điềm gở) trong Hồng Phạm; và như thế đạo trời và đạo người trở nên sáng rõ. Đời Hán nổi lên, nối tiếp sau khi đời Tần tiêu diệt học vấn; trong hai đời vua Hán là Cảnh Đế và Vũ Đế, Đổng Trọng Thư chuyên nghiên cứu *Công Dương Xuân Thu*, đầu tiên suy diễn lý Âm Dương, làm tông chỉ của Nho gia.»[14]

Qua các đoạn trích trên, ta đủ thấy địa vị của Đổng Trọng Thư trong Nho gia đời Tiền Hán. Một bộ kinh *Xuân Thu* trước đó tuy Nho gia cũng xem trọng, nhưng từ khi qua tay biên soạn của Đổng Trọng Thư thì «vi ngôn đại nghĩa» (lời lẽ tế vi và ý nghĩa lớn lao) của *Xuân Thu* được hậu Nho nhận thấy và bắt đầu có sự trình bày có hệ thống. Sách của Đổng Trọng Thư đối

---

[13] ***Hán Thư* (Đổng Trọng Thư Truyện Tán): «Lưu Hướng xưng Đổng Trọng Thư hữu vương tá chi tài, tuy Y Lã vong đĩ gia. [...] Chí Hướng tử Hâm đĩ vi [...] Trọng Thư tao Hán, thừa Tần diệt học chi hậu, lục kinh ly tích, hạ duy phát phẫn, tiềm tâm đại nghiệp, lịnh hậu học giả, hữu sở thống nhất, vi quần Nho chi thủ.»** 劉向稱董仲舒有王佐之材，雖伊呂亡以加，[...] 至向子歆以爲 [...] 仲舒遭漢，承秦滅學之後，六經離析，下帷發憤，潛心大業，令後學者，有所統壹，爲群儒之首.– **Derk Bodde chú: Lưu Hướng (79-8 TCN) là một trong các học giả lừng lẫy đời Tiền Hán. Cùng với con là Lưu Hâm (khoảng 46 TCN - 23 CN), ông đối chiếu các sách trong thư viện triều đình và lập một thư mục chú giải và nó trở thành thư mục vô giá hiện nay được chép trong quyển 30 (Nghệ Văn Chí) của *Hán Thư*. Năm sinh và năm mất của cha con ông [ghi trên đây] là chép theo: Charles S. Gardner, *Chinese Traditional Historiography* (Biên sử truyền thống của Trung Quốc), trang 33-35, chú thích 37 và 38.– Y Doãn là danh quan góp phần sáng lập đời Thương; Lã Vọng (Khương Thái Công) là vị tướng lỗi lạc giúp Văn Vương và Vũ Vương lập đời Chu.– Tần Thuỷ Hoàng đốt sách chôn Nho sinh (phần thư khanh Nho) vào năm 213 TCN.**

[14] ***Hán Thư* (Ngũ Hành Chí): «Tích Ân đạo thì, Văn Vương diễn *Chu Dịch*; Chu đạo tệ, Khổng Tử tác *Xuân Thu*. Tắc Càn Khôn chi Âm Dương, hiệu Hồng Phạm chi cửu trưng, thiên nhân chi đạo, xán nhiên trứ hĩ. Hán hưng, thừa Tần diệt học chi hậu, Cảnh Vũ chi thế, Đổng Trọng Thư trị *Công Dương Xuân Thu*, thuỷ suy Âm Dương, vi Nho giả tông.»** 昔殷道弛，文王演周易；周道敝，孔子作春秋．則乾坤之陰陽，效洪範之咎徵，天人之道，粲然著矣．漢興，承秦滅學之後，景武之世，董仲舒治公羊春秋，始推陰陽，爲儒者宗.

với kinh *Xuân Thu* cũng giống như *Dịch Truyện* đối với *Chu Dịch* vậy.[15]

4. Nguyên, Thiên, Âm Dương, Ngũ Hành

Cái mà Đổng Trọng Thư gọi là Thiên (Trời) có khi thì chỉ bầu trời mang tính cách vật chất (tức là trời đối với đất) nhưng có khi thì ám chỉ cõi tự nhiên có trí lực và có ý chí. Danh từ «cõi tự nhiên có trí lực và có ý chí» dường như có chỗ tự mâu thuẫn, nhưng «Thiên» của Đổng Trọng Thư quả thực có trí lực và có ý chí, tuy không phải là một Thượng Đế có nhân cách, cho nên mới gọi là cõi tự nhiên. Đổng Trọng Thư nói: «*Trời*, đất, Âm Dương, mộc, hoả, thổ, kim, thuỷ, cộng lại là 9, cùng với người là 10; số *trời* hoàn tất vậy.»[16] Trong câu đó, chữ *trời* đầu tiên là bầu trời (đối với đất), còn chữ *trời* (trong *số trời: thiên chi số*) là toàn thể cõi tự nhiên.

Đổng Trọng Thư nói vạn vật đều có sự khởi đầu của chúng. Sự khởi đầu ấy gọi là *nguyên* 元. Đổng Trọng Thư nói: «Cái gọi là *nhất nguyên*, tức là *đại thuỷ* (sự khởi đầu lớn). [...] Chỉ có thánh nhân mới có thể liên hệ vạn vật với Một, và liên chúng với *nguyên*. [...] *Nguyên* 元 (khởi đầu) cũng như *nguyên* 原 (nguồn gốc), mà ý nghĩa của chúng tuỳ thuộc sự khởi đầu và sự chấm dứt của trời đất. [...] Cho nên *nguyên* là gốc của vạn vật, và gốc con người cũng ở đó. Sự khởi đầu ấy như thế nào? Sự khởi đầu ấy có trước khi trời đất tạo lập.»[17]

Nguyên có trước khi trời đất tạo lập, cho nên nguồn gốc của con người cũng có trước cả trời đất. Tuy nhiên Đổng Trọng Thư chưa nói rõ rằng cõi tự nhiên có trí lực và có ý chí cũng có nguồn gốc ở *nguyên* hay không.

Về Âm Dương, Đổng Trọng Thư nói: «Giữa khoảng trời đất có khí Âm Dương. Khí ấy luôn ngấm vào người giống như nước ngấm vào cá. Sự

---

[15] **Phùng Hữu Lan chú: *Hán Thư* không đề cập năm sinh và năm mất của Đổng Trọng Thư. Tô Dư lập *Đổng Tử Niên Biểu* 董子年表, bắt đầu từ Hán Văn Đế nguyên niên (179 TCN) đến Hán Vũ Đế Thái Sơ nguyên niên (104 TCN). Xem: Tô Dư 蘇輿, *Xuân Thu Phồn Lộ Nghĩa Chứng* 春秋繁露義證.**

[16] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Thiên Địa Âm Dương): «Thiên, địa, Âm Dương, mộc, hoả, thổ, kim, thuỷ, cửu; dữ nhân nhi thập giả, thiên chi số tất dã.» 天,地,陰陽,木,火,土,金,水,[illegible];與人而十者,天之數畢也.**

[17] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Ngọc Anh): «Vị nhất nguyên giả, đại thuỷ dã. [...] Duy thánh nhân năng thuộc vạn vật ư nhất nhi hệ chi nguyên dã. [...] Nguyên do nguyên dã, kỳ nghĩa dĩ tuỳ thiên địa chung thuỷ dã. [...] Cố nguyên giả vi vạn vật chi bản, nhi nhân chi nguyên tại yên, an tại hồ? Nãi tại hồ thiên địa chi tiền.» 謂一元者,大始也.[...] 惟聖人能屬萬物於一而繫之元也.[...] 元猶原也,其義以隨天地終始也.[...] 故元者爲萬物之本,而人之元在焉,安在乎? 乃在乎天地之前.**

khác biệt giữa khí Âm Dương và nước ở chỗ: nước thì thấy được còn khí Âm Dương thì đạm bạc không thấy được. Cho nên con người sống giữa cõi trời đất giống như cá rời khỏi nước. Khắp cõi trời đất khí ấy mềm dịu hơn nước. Nước so với khí Âm Dương giống như bùn so với nước. Do đó giữa cõi trời đất có cái hư hư thực thực. Con người luôn ngấm trong sự đạm bạc ấy và lấy cái khí trị loạn ấy cùng với nó lưu thông lẫn lộn với nhau.» [18]

Ở đây xem Âm Dương là hai thứ khí như vật chất (tức là hai chất khí), tuy nhiên các Âm Dương gia và Đổng Trọng Thư phần nhiều không xem Âm Dương như vật chất.

Về Ngũ Hành, Đổng Trọng Thư nói: «Trời có ngũ hành: 1-mộc, 2-hoả, 3-thổ, 4-kim, 5-thuỷ. Mộc ở đầu của ngũ hành. Thuỷ ở cuối của ngũ hành. Thổ ở giữa của ngũ hành. Đó là thứ tự theo trời của ngũ hành. Mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc, đó là quan hệ cha con của chúng. Mộc ở trái, kim ở phải, hoả ở trước, thuỷ ở sau, thổ ở trung ương, đó là thứ tự cha con nhận lĩnh nhau mà phân bố. [...] Ngũ hành theo nhau, mỗi hành theo đúng thứ tự của nó; quan chức của ngũ hành là mỗi hành thực hiện hết chức năng của nó. Cho nên mộc ở hướng đông và chủ về khí mùa xuân; hoả ở hướng nam phương và chủ về khí mùa hạ; kim ở hướng tây và chủ về khí mùa thu; thuỷ ở hướng bắc và chủ về khí mùa đông. Cho nên mộc chủ về sinh, còn kim chủ về sát; hoả chủ về nóng, còn thuỷ chủ về lạnh. [...] Thổ ở trung ương, gọi là *thiên nhuận* 天潤. Thổ là cánh tay [trợ giúp] của trời. Đức của thổ tốt đẹp dồi dào, và thổ không thể làm công việc của một mùa nào cả, Cho nên trong ngũ hành và tứ thời thì thổ bao gồm cả. Kim, mộc, thuỷ, hoả, tuy mỗi hành có chức năng riêng, nhưng không có thổ, thì chúng không đứng được. Cũng như chua, mặn, cay, đắng, nếu không có ngọt béo thì không thể thành vị.

---

[18] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Thiên Địa Âm Dương): «Thiên địa chi gian, hữu Âm Dương chi khí, thường tiệm nhân giả, nhược thuỷ thường tiệm ngư dã. Sở dĩ dị ư thuỷ giả, khả kiến dữ bất khả kiến nhĩ, kỳ đạm đạm dã. Nhiên tắc nhân chi cư thiên địa chi gian, kỳ do ngư chi ly thuỷ, nhất dã. Kỳ vô gian nhược khí nhi náo ư thuỷ. Thuỷ chi tĩ ư khí dã, nhược nê chi tĩ ư thuỷ dã. Thị thiên địa chi gian, nhược hư nhi thực. Nhân thường tiệm thị đạm đạm chi trung, nhi dĩ trị loạn chi khí, dữ chi lưu thông tương hào dã.»** 天地之間，有陰陽之氣，常漸人者，若水常漸魚也．所以異於水者，可見與不可見耳，其澹澹也．然則人之居天地之間，其猶魚之離水，一也．其無間若氣而淖於水．水之比於氣也，若泥之比於水也．是天地之間，若虛而實．人常漸是澹澹之中，而以治亂之氣，與之流通相淆也．**– LAM chú: Bản tiếng Anh không dịch chữ «*ly*» 離 trong «*Nhiên tắc nhân chi cư thiên địa chi gian, kỳ do ngư chi ly thuỷ, nhất dã*»** 然則人之居天地之間，其猶魚之離水，一也；**như thế có lẽ lại đúng hơn: «Man's existence in the universe, however, is like a fish's attachment to water.» (Tuy nhiên sự tồn tại của con người trong vũ trụ giống như sự gắn liền của cá với nước).**

Ngọc là gốc của ngũ vị; thổ là chủ của ngũ hành. Chủ của ngũ hành là khí thổ, giống như ngũ vị phải có ngọt béo, không có nó thì không thành.»[19]

Đổng Trọng Thư lại nói: «Khí của trời đất hợp nhau làm một, phân làm Âm Dương, chia ra bốn mùa, bày ra làm ngũ hành. Hành là đi. Chúng đi không giống nhau, nên gọi là ngũ hành. Ngũ hành là ngũ quan (năm chức quan), so sánh thì sinh ra nhau và gián cách thì thắng nhau.»[20]

Ngũ hành tương sinh thì trên đã nói, còn ngũ hành tương thắng (hay tương khắc) thì: «Kim thắng mộc, ... thuỷ thắng hoả, ... mộc thắng thổ, ... hoả thắng kim, ... thổ thắng thuỷ.»[21]

Thứ tự của ngũ hành là: 1-mộc, 2-hoả, 3-thổ, 4-kim, 5-thuỷ. Theo

---

19 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Ngũ Hành Chi Nghĩa): «Thiên hữu ngũ hành: Nhất viết mộc, nhị viết hoả, tam viết thổ, tứ viết kim, ngũ viết thuỷ. Mộc, ngũ hành chi thuỷ dã. Thuỷ, ngũ hành chi chung dã. Thổ, ngũ hành chi trung dã. Thử kỳ thiên thứ chi tự dã. Mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc, thử kỳ phụ tử dã. Mộc cư tả, kim cư hữu, hoả cư tiền, thuỷ cư hậu, thổ cư trung ương, thử kỳ phụ tử chi tự, tương thụ nhi bố. [...] Ngũ hành chi tuỳ, các như kỳ tự; ngũ hành chi quan, các trí kỳ năng. Thị cố mộc cư đông phương nhi chủ xuân khí; hoả cư nam phương nhi chủ hạ khí; kim cư tây phương nhi chủ thu khí; thuỷ cư bắc phương nhi chủ đông khí. Thị cố mộc chủ sinh nhi kim chủ sát; hoả chủ thử nhi thuỷ chủ hàn. [...] Thổ cư trung ương, vị chi thiên nhuận. Thổ giả, thiên chi cổ quăng dã. Kỳ đức mậu mỹ, bất khả danh dĩ nhất thời chi sự, cố ngũ hành nhi tứ thời giả, thổ kiêm chi dã. Kim mộc thuỷ hoả tuy các chức, bất nhân thổ, phương bất lập. Nhược toan hàm tân khổ chi bất nhân cam phì chi bất năng thành vị dã. Cam giả, ngũ vị chi bản dã; thổ giả, ngũ hành chi chủ dã. Ngũ hành chi chủ, thổ khí dã, do ngũ vị chi hữu cam phì dã, bất đắc bất thành.»** 天有五行：一曰木，二曰火，三曰土，四曰金，五曰水。木，五行之始也。水，五行之終也。土，五行之中也。此其天次之序也。木生火，火生土，土生金，金生水，水生木，此其父子也。木居左，金居有，火居前，水居後。土居中央，此其父子之序，相受而布。[...]五行之隨，各如其序；五行之官，各致其能。是故木居東方而主春氣；火居南方而主夏氣；金居西方而主秋氣；水居北方而主冬氣。是故木主生而金主殺；火主暑而水主寒。[...] 土居中央，謂之大潤。土者，天之股肱也。其德茂美，不可名以一時之事，故五行而四時者，土兼之也。金木水火雖各職，不因土方不立。若酸咸辛苦之不因甘肥之不能成味也。甘者，五味之本也；土者，五行之主也。五行之主，土氣也，猶五味之有甘肥也，不得不成。

20 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Ngũ Hành Tương Sinh): «Thiên địa chi khí, các hợp nhi vi nhất, phân vi Âm Dương, phán vi tứ thời, liệt vi ngũ hành. Hành giả, hành dã, kỳ hành bất đồng, cố vị chi ngũ hành. Ngũ hành giả, ngũ quan dã, tỉ tương sinh nhi gián tương thắng dã.»** 天地之氣各合而爲一，分爲陰陽，判爲四時，列爲五行。行者，行也，其行不同，故謂之五行。五行者，五官也，比相生而間相勝也。

21 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Ngũ Hành Tương Thắng): «Kim thắng mộc, ... thuỷ thắng hoả, ... mộc thắng thổ, ... hoả thắng kim, ... thổ thắng thuỷ.»** 金勝木，...水勝火，...木勝土，...火勝金，...土勝水。

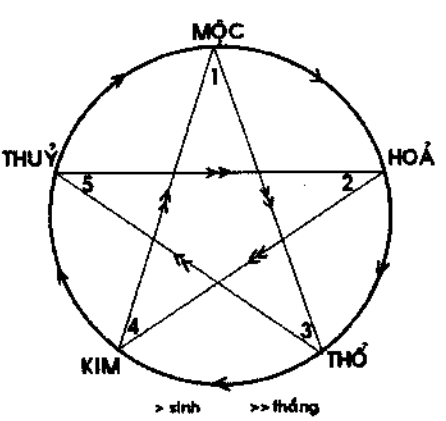
thứ tự ấy thì tương sinh: mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, [thuỷ sinh mộc]. Tức là hành 1 sinh hành 2, hành 2 sinh hành 3, hành 3 sinh hành 4, hành 4 sinh hành 5. Đó gọi là «so sánh thì sinh ra nhau» (tỉ tương sinh 比相生). Kim thắng mộc (bỏ qua thuỷ); mộc thắng thổ (bỏ qua hoả); thổ thắng thuỷ (bỏ qua kim); thuỷ thắng hoả (bỏ qua mộc); hoả thắng kim (bỏ qua thổ). Đó gọi là «gián cách thì thắng nhau» (gián tương thắng 間相勝).[22]

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Đời Hậu Hán, năm Kiến Sơ 建初 thứ 4 (tức năm 79 CN) đời vua Chương Đế 章帝, đại hội các Nho sĩ được tổ chức tại Bạch Hổ Quán 白虎觀 nhằm khảo sát tường tận sự tương đồng và dị biệt của Ngũ Kinh. Vua ra lệnh sử thần ghi chép lại ý nghĩa phổ thông, nên ngày nay ta có trứ tác *Bạch Hổ Thông Nghĩa* 白虎通義 được truyền lại. Các lời lẽ chép trong đó đều là lời lẽ của kim văn Kinh học gia, và phần lớn tương đồng với học thuyết của Đổng Trọng Thư. Chẳng hạn như về ngũ hành, *Bạch Hổ Thông Nghĩa* (Ngũ Hành) giảng cũng giống như Đổng Trọng Thư giảng, nhưng rõ ràng hơn: «Ngũ hành là gì? Đó là kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ vậy. Nói rằng chúng *hành* (đi), là muốn nói ý nghĩa chúng là các khí đang tiến hành của trời. Đất thuận theo trời, giống như vợ thuận theo chồng và bầy tôi thuận theo vua. Địa vị của đất thấp thỏi. Cái thấp thỏi tự nó trông thấy sự việc; cho nên nó tự đồng nhất với một hành (tức là hành thổ) và tôn kính trời.» (Ngũ hành giả, hà vị dã? Vị kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ dã. Ngôn hành giả, dục ngôn vi thiên hành khí chi nghĩa dã. Địa chi thừa thiên, do thê chi sự phu, thần chi sự quân dã. Kỳ vị ty, ty giả thân thị sự; cố tự đồng ư nhất hành, tôn ư thiên dã. 五行者, 何謂也? 謂金, 木, 水, 火土也. 言行者, 欲言爲天行氣之義也. 地之承天, 猶妻之事夫, 臣之事君也. 其位卑, 卑者親視事; 故自同於一行, 尊於天也). Thổ tức là đất. Đất không dám phối hợp với trời nên «nó tự đồng nhất với một hành» để thấy sự tôn quý của trời. *Bạch Hổ Thông Nghĩa* lại nói: «Ngũ hành vì sao

---

[22] **LAM chú: Ta có thể tóm tắt ngũ hành tương sinh và tương thắng (hay tương khắc) bằng hình vẽ sau:**



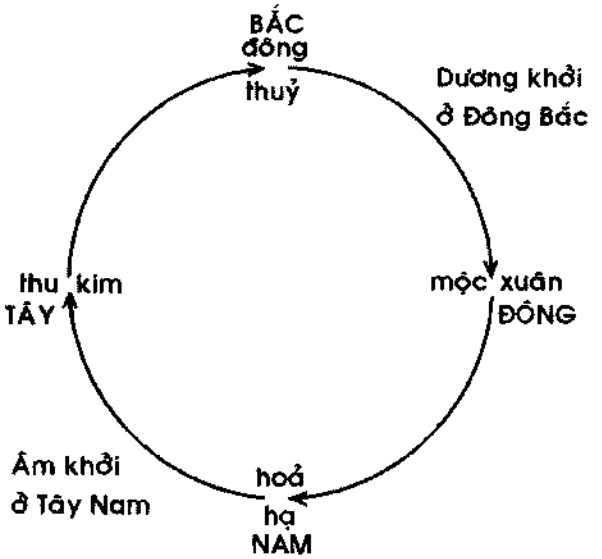
nối tiếp làm chủ? Vì chúng chuyển động mà sinh ra nhau, cho nên có đầu và cuối. Mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc. [...] Ngũ hành sở dĩ làm hại nhau đó là tính chất của trời. Nhiều thắng ít cho nên thuỷ thắng hoả. Tĩnh ròng thắng kiên cố cho nên hoả thắng kim. Cương thắng nhu, cho nên kim thắng mộc. Tập trung thắng phân tán cho nên mộc thắng thổ. Thực thắng hư cho nên thổ thắng thuỷ.» (Ngũ hành sở dĩ cánh vương hà? Dĩ kỳ chuyển tương sinh, cố hữu thuỷ chung dã. Mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc. [...] Ngũ hành sở dĩ tương hại giả, thiên địa chi tính, chúng thắng quả, cố thuỷ thắng hoả dã. Tinh thắng kiên, cố hoả thắng kim. Cương thắng nhu, cố kim thắng mộc. Chuyên thắng tán, cố mộc thắng thổ. Thực thắng hư, cố thổ thắng thuỷ dã. 五行所以更王何?以其轉相生,故有始終也.木生火,火生土,土生金,金生水,水生木[...] 五行所以相害者,天地之性,衆勝寡,故水勝火也.精勝堅,故火勝金.剛勝柔,故金勝木.專勝散,故木勝土.實勝虛,故土勝水也). Tác phẩm *Ngũ Hành Đại Nghĩa* trích dẫn *Bạch Hổ Thông Nghĩa* rằng: «Mộc sinh hoả vì mộc tính ôn; bên trong nó tiềm phục sự ấm áp; dùi gỗ lấy lửa, cho nên mộc sinh ra hoả. Hoả sinh thổ vì lửa nóng nên có thể đốt gỗ; gỗ bị đốt cháy thì thành tro, tro tức là thổ, cho nên hoả sinh thổ. Thổ sinh kim vì kim ở trong đá dựa vào núi, ẩm ướt mà sinh ra; đất tích tụ thành núi, núi ắt sinh đá; cho nên thổ sinh kim. Kim sinh thuỷ vì khí thiếu âm ôn nhuận lưu thông gội rửa; làm kim hoá lỏng; núi và mây theo sự ẩm ướt cho nên kim sinh thuỷ. Thuỷ sinh mộc vì thuỷ ẩm ướt nên có thể giúp [cây cối] sinh trưởng, cho nên thuỷ sinh mộc.» (Mộc sinh hoả giả, mộc tính ôn, noãn phục kỳ trung, toàn chước nhi xuất, cố sinh hoả. Hoả sinh thổ giả, hoả nhiệt cố năng phần mộc; mộc phần nhi thành hôi, hôi tức thổ dã; cố hoả sinh thổ. Thổ sinh kim giả, kim cư thạch y sơn, tân nhuận nhi sinh; tụ thổ thành sơn, sơn tất sinh thạch; cố thổ sinh kim. Kim sinh thuỷ giả, thiếu âm chi khí, ôn nhuận lưu trạch; toả kim diệc vi thuỷ; sở dĩ sơn vân nhi tòng nhuận; cố kim sinh thuỷ. Thuỷ sinh mộc giả, nhân thuỷ nhuận nhi năng sinh, cố thuỷ sinh mộc. 木生火者,木性溫,暖伏其中,鑽灼而出,故生火.火生土者,火熱故能焚木;木焚而成灰,灰即土也;故火生土.土生金者,金居石依山,津潤而生;聚土成山,山必生石;故土生金.金生水者,少陰之氣,溫潤流澤;鎖金亦爲水;所以山雲而從潤;故金生水.水生木者,因水潤而能生,故水生木). Đó là lý do tại sao ngũ hành tương sinh và tương khắc.

5. Bốn mùa

Mỗi hành mộc, hoả, kim, thuỷ, làm chủ một khí của bốn mùa, còn thổ ở trung ương là để trợ giúp chúng. Bởi vì khí của bốn mùa có thịnh và suy, cho nên có sự tuần hoàn và biến hoá của bốn mùa. Sở dĩ khí của bốn mùa có thịnh và suy là do tác động của Âm Dương. Đổng Trọng Thư nói: «Đạo thường của trời là vật tương phản và hai thứ tương phản thì không cùng lúc nổi lên, cho nên [đạo trời] gọi là Một. Một tức là không hai, đó là sự vận hành của trời. Âm và Dương là hai vật tương phản, cho nên trong chúng hễ cái này xuất thì cái kia nhập, hễ cái này bên trái thì cái kia bên phải. Mùa xuân thì cả hai đều đi về hướng nam, mùa thu thì cả

hai đều đi về bắc. Mùa hạ thì cả hai gặp nhau ở phía trước, mùa đông thì cả hai gặp nhau ở phía sau. Cùng đi nhưng khác đường, gặp nhau nhưng mỗi cái đại biểu cho một lý riêng. Đó là văn vẻ [mẫu mực] của chúng.»[23]

Đổng Trọng Thư lại nói: «Khí Dương bắt đầu xuất ra từ hướng đông bắc rồi di chuyển về hướng nam để hoàn thành vị trí của nó. Rồi nó di chuyển về hướng tây và đi vào hướng bắc và ẩn giấu sự nghỉ ngơi của nó. Khí Âm bắt đầu xuất ra từ hướng đông nam rồi di chuyển về hướng bắc để hoàn thành vị trí của nó. Rồi nó di chuyển về hướng Tây và đi vào hướng nam và che giấu sự ẩn nấp của nó. Cho nên Dương lấy hướng nam làm vị trí và lấy hướng bắc làm chỗ nghỉ ngơi. Âm lấy hướng bắc làm vị trí và lấy hướng nam làm chỗ nấp. Dương đến vị trí ấy của nó thì trời nắng rất nóng. Âm đến vị trí ấy của nó thì trời rét vô cùng.»[24]



[23] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thiên Đạo Vô Nhị): «Thiên chi thường đạo, tương phản chi vật dã, bất đắc lưỡng khởi, cố vị chi nhất. Nhất nhi bất nhị giả, thiên chi hành dã. Âm dữ dương, tương phản chi vật dã, cố hoặc xuất hoặc nhập, hoặc tả hoặc hữu. Xuân câu nam, thu câu bắc. Hạ giao ư tiền, đông giao ư hậu. Tịnh hành nhi bất đồng lộ, giao hội nhi các đại lý, thử kỳ văn dư.»** 天之常道,相反之物也,不得兩起,故謂之一.一而不二者,天之行也.陰與陽,相反之物也,故或出或入,或左或右.春俱南,秋俱北.夏交於前,冬交於後.並行而不同路,交會而各代理,此其文與

[24] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Vị): «Dương khí thuỷ xuất đông bắc nhi nam hành, tựu kỳ vị dã. Tây chuyển nhi bắc nhập, tàng kỳ hưu dã. Âm khí thuỷ xuất đông nam nhi bắc hành, diệc tựu kỳ vị dã. Tây chuyển nhi nam nhập, bình kỳ phục dã. Thị cố Dương dĩ nam phương vi vị, dĩ bắc phương vi hưu. Âm dĩ bắc phương vi vị, dĩ nam phương vi phục. Dương chí kỳ vị nhi đại thử nhiệt. Âm chí kỳ vị nhi đại hàn đống.»** 陽氣始出東北而南行,就其位也.西轉而北入,藏其休也.陰氣始出東南而北行,亦就其位也.西轉而南入,屏其伏也.是故陽以南方爲位,以北方爲休.陰以北方爲位,以南方爲伏.陽至其位而大暑熱,陰至其位而大寒凍..

Đổng Trọng Thư lại nói: «Đạo trời, kết thúc thì trở lại khởi đầu. Cho nên hướng bắc là chỗ kết thúc và khởi đầu [sự vận hành] của trời. Âm Dương hợp lại và cách biệt ở đó. Sau Đông Chí Âm cúi xuống và đi vào hướng tây, Dương ngước lên và xuất ra hướng đông. Chỗ xuất ra và đi vào của chúng thường trái nhau, nhưng sự thích nghi điều hoà số lượng nhiều ít của chúng thường thuận nhau. Có nhiều nhưng không tràn trề; có ít nhưng không cạn hết. Mùa xuân và mùa hạ thì Dương nhiều mà Âm ít; mùa thu và mùa đông thì Dương ít mà Âm nhiều. Số lượng ít và nhiều không chừng, bởi vì chúng chưa hề có lúc không phân chia và ly tán nhau. Lấy xuất nhập để giảm bớt hoặc gia tăng nhau, lấy nhiều ít làm đẫm ướt hoặc giúp nhau. Khi cái nhiều vượt trội thì cái ít rút lui vào nhiều; cái lui vào giảm bớt một còn cái xuất ra tăng lên hai. Trời khởi động [Âm hoặc Dương], hễ [Âm hoặc Dương] vận động thì lại tăng lên nhiều. Nó thường giữ thế vận hành trái ngược và gia tăng, để thành tựu đồng loại, và tương ứng với cái kia. Cho nên hai khí Âm Dương ảnh hưởng nhau và biến hoá lẫn nhau.»[25]

Đổng Trọng Thư lại nói: «Kim, mộc, thuỷ, hoả, mỗi hành ấy đều tuân theo chủ của mình, để theo Âm Dương và cùng hợp lực với chúng mà thực hiện công việc chung. Kỳ thực, chẳng riêng có Âm Dương mà thôi. Âm Dương nhân chúng (tức 4 hành ấy) để trợ giúp chủ của chúng. Cho nên thiếu dương nhân mộc mà trợ giúp với sự sinh ra [của vạn vật] trong mùa xuân. Thái dương nhân hoả mà trợ giúp với sự nuôi dưỡng [của vạn vật] trong mùa hạ. Thiếu âm nhân kim mà trợ giúp với sự thành tựu [của vạn vật] trong mùa thu. Thái âm nhân thuỷ mà trợ giúp

---

[25] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Chung Thuỷ): «Thiên chi đạo, chung nhi phục thuỷ. Cố bắc phương giả, thiên chi sở chung thuỷ dã. Âm Dương chi sở hợp biệt dã. Đông Chí chi hậu, Âm miễn nhi tây nhập, Dương ngưỡng nhi đông xuất. Xuất nhập chi xứ, thường tương phản dã. Đa thiểu điều hoà chi thích, thường tương thuận dã, hữu đa nhi vô dật, hữu thiểu nhi vô tuyệt. Xuân hạ, Dương đa nhi Âm thiểu, thu đông, Dương thiểu nhi Âm đa. Đa thiểu vô thường, vị thường bất phân nhi tương tán dã. Dĩ xuất nhập tương tổn ích, dĩ đa thiểu tương khái tế dã. Đa thắng thiểu giả bội nhập, nhập giả tổn nhất, nhi xuất giả ích nhị. Thiên sở khởi, nhất động nhi tái bội. Thường thừa phản hành tái đăng chi thế, dĩ tựu đồng loại, dữ chi tương háo. Cố kỳ khí tương hiệp, nhi dĩ biến hoá tương thâu dã.»** 天之道，終而復始．故北方者，天之所終始也．陰陽之所合別也．冬至之後，陰俛而西入，陽仰而東出．出入之處，常相反也．多少調和之適，常相順也，有多而無溢，有少而無絕．春夏，陽多而陰少，秋冬陽少而陰多．多少無常，未嘗不分而相散也．以出入相損益，以多少相滅濟也．多勝少者倍入，入者損一，而出者益二．天所起，一動而再[illegible]．[illegible]，[illegible]，[illegible]報．故其氣相俠，而以變化相輸也．

với sự ẩn tàng [của vạn vật] trong mùa đông.»[26]

Âm Dương ở đây là vật trái ngược nhau, chúng tuân theo đạo thường hằng của trời nhưng cả hai không cùng lúc phát khởi. Cho nên Dương xuất thì Âm nhập, Dương nhập thì Âm xuất. Thế lực của cái nhập thì giảm bớt một, thế lực của cái xuất thì tăng lên hai. Cho nên thế lực của cái xuất thì gia tăng nhiều so với thế lực của cái nhập. Cho đến sự vận hành của Âm Dương thì Đổng Trọng Thư nói khác với quan niệm phổ thông. *Hoài Nam Tử* (Thuyên Ngôn Huấn) nói: «Dương khí khởi lên ở đông bắc và chấm dứt ở tây nam. Âm khí khởi lên ở tây nam và chấm dứt ở đông bắc.» (Dương khí khởi ư đông bắc, tận ư tây nam. Âm khí khởi ư tây nam, tận ư đông bắc. 陽氣起於東北盡於西南.陰氣起於西南盡於東北). Đó là quan niệm phổ thông xuất hiện về sau này. Nhưng nếu Đổng Trọng Thư theo thuyết ấy, tức là khí Dương khởi lên ở đông bắc rồi đi theo hướng nam, đến hướng đông thì gặp mộc vốn là chủ khí ở đó, vậy là khí Dương trợ giúp mộc khiến nó hưng thịnh tạo ra mùa xuân. Khí Dương đến hướng nam thì gặp hoả vốn là chủ khí ở đó, vậy là khí Dương trợ giúp hoả khiến nó hưng thịnh tạo ra mùa hạ. Khí Âm khởi lên ở tây nam rồi đi theo hướng bắc, đến hướng tây thì gặp kim vốn là chủ khí ở đó, vậy là khí Âm trợ giúp kim khiến nó hưng thịnh tạo ra mùa thu. Khí Âm đến hướng bắc thì gặp thuỷ vốn là chủ khí ở đó, vậy là khí Âm trợ giúp thuỷ khiến nó hưng thịnh tạo ra mùa đông. Hình vẽ sau đây minh hoạ điều đó:

Thuyết đó giải thích rất dễ dàng về sự biến hoá của bốn mùa, nhưng Đổng Trọng Thư không dùng thuyết đó. Theo ông, «Khí Dương bắt đầu xuất ra từ hướng đông bắc rồi di chuyển về hướng nam», «khí Âm bắt đầu xuất ra từ hướng đông nam rồi di chuyển về hướng bắc». Âm Dương thì: «mùa xuân cả hai đều đi về hướng nam, mùa thu cả hai đều đi về bắc. Mùa hạ cả hai gặp nhau ở phía trước, mùa đông cả hai gặp nhau ở phía sau.»

Đổng Trọng Thư nói rõ: «Đạo trời khi chạm vào mùa đông lớn (đại đông) thì Âm và Dương mỗi cái từ một hướng mà đến, rồi chúng di chuyển về phía sau. Âm từ đông đi sang tây, Dương từ tây đi sang đông. Ở tháng

---

[26] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Thiên Biện Tại Nhân): «Như kim mộc thuỷ hoả, các phụng kỳ chủ, dĩ tòng Âm Dương, tương dữ nhất lực nhi tinh công. Kỳ thực phi độc Âm Dương dã, nhiên nhi Âm Dương nhân chi dĩ khởi trợ kỳ sở chủ. Cố thiếu dương nhân mộc nhi khởi trợ, xuân chi sinh dã. Thái dương nhân hoả nhi khởi trợ, hạ chi dưỡng dã. Thiếu âm nhân kim nhi khởi trợ, thu chi thành dã. Thái âm nhân thuỷ nhi khởi trợ, đông chi tàng dã.»** 如金木水火,各奉其主,以從陰陽,相與一力而并功.其實非獨陰陽也,然而陰陽因之以起助其所主.故少陽因木而起助,春之生也.太陽因火而起助,夏之養也.少陰因金而起助,秋之成也.太陰因水而起助,冬之藏也.

giữa của mùa đông, chúng gặp nhau ở hướng bắc, hợp lại làm một, gọi là [đông] chí. Rồi chúng rời nhau mà đi, Âm đi sang bên phải, Dương đi sang bên trái. [...] Tháng mùa đông hết, thì Âm Dương cùng trở về hướng nam. Dương trở về hướng nam và xuất ra ở dần, Âm trở về hướng nam và nhập vào tuất. [...] Ở tháng giữa của mùa xuân, Dương ở tại chính đông, Âm ở tại chính tây, gọi là xuân phân. Xuân phân tức là [phân đều] nửa Âm và nửa Dương. Cho nên ngày và đêm độ nóng và độ lạnh ngang nhau. Âm ngày càng giảm và tuỳ thuộc Dương; Dương ngày càng tăng và lớn mạnh. Cho nên có độ ấm và nóng. Khi Âm và Dương đầu tiên chạm tới tháng mùa hạ lớn (đại hạ), thì chúng gặp nhau ở hướng nam, rồi hợp lại làm một, gọi là [hạ] chí. Rồi chúng rời nhau mà đi, Dương đi sang bên phải, Âm đi sang bên trái. [...] Tháng mùa hạ hết, thì Âm Dương cùng trở về hướng bắc. Dương trở về hướng bắc và nhập vào thân, Âm trở về hướng bắc và xuất ra ở thìn. [...] Ở tháng giữa của mùa thu, Dương ở tại chính tây, Âm ở tại chính đông, gọi là thu phân. Thu phân tức là [phân đều] nửa Âm và nửa Dương. Cho nên ngày và đêm độ nóng và độ lạnh ngang nhau. Dương ngày càng giảm và tuỳ thuộc Âm; Âm ngày càng tăng và lớn mạnh.»[27]

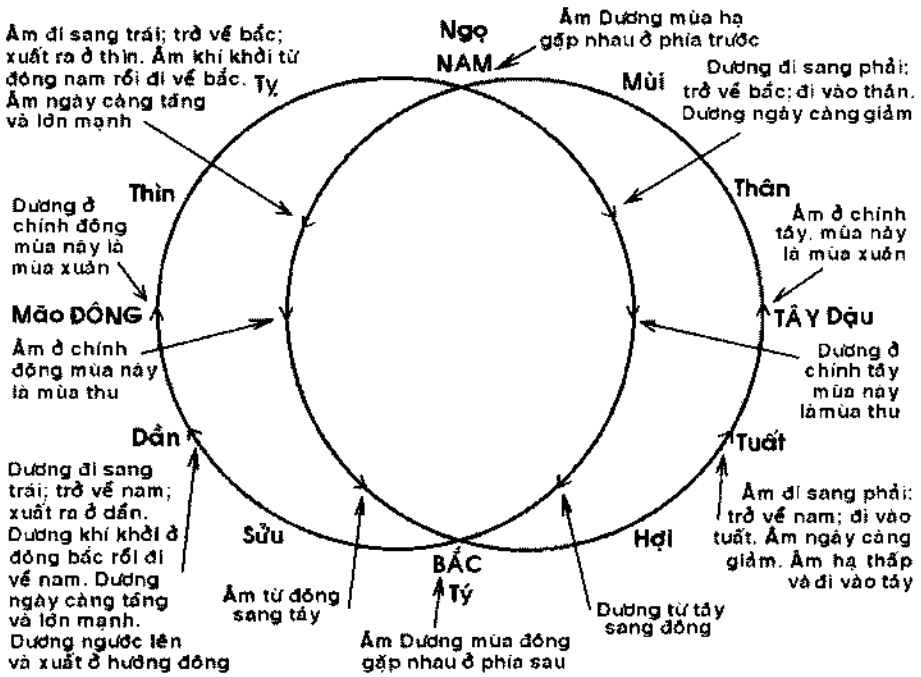
Lý thuyết trên khá phức tạp. Theo đó, đang mùa thu thì Âm không ở tại chính tây mà ở tại chính đông, vậy làm sao có thể trợ giúp kim? Đổng Trọng Thư giải thích rằng: «Khi đến mùa thu, thiếu Âm hưng nhưng không

---

[27] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Xuất Nhập): «Thiên chi đạo, sơ bạc đại đông, Âm Dương các tòng nhất phương lai, nhi di ư hậu. Âm do đông phương lai tây, Dương do tây phương lai đông. Chí ư trung đông chi nguyệt, tương ngộ bắc phương, hợp nhi vi nhất, vị chi viết chí. Biệt nhi tương khứ, Âm thích hữu, Dương thích tả. [...] Đông nguyệt tận, nhi Âm Dương câu nam hoàn. Dương nam hoàn xuất ư dần, Âm nam hoàn nhập ư tuất. [...] Chí ư trung xuân chi nguyệt, Dương tại chính đông, Âm tại chính tây, vị chi xuân phân. Xuân phân giả, Âm Dương tương bán dã. Cố trú dạ quân nhi hàn thử bình. Âm nhật tổn nhi tuỳ Dương; Dương nhật ích nhi hồng. Cố ví noãn nhiệt, sơ đắc đại hạ chi nguyệt, tương ngộ nam phương, hợp nhi vi nhất, vị chi viết chí. Biệt nhi tương khứ, Đương thích hữu, Âm thích tả. [...] Hạ nguyệt tận nhi Âm Đương câu bắc hoàn. Dương bắc hoàn nhi nhập ư thân, Âm bắc hoàn nhi xuất ư thìn. [...] Chí ư trung thu chi nguyệt, Dương tại chính tây, Âm tại chính đông, vị chi thu phân, thu phân giả, Âm Dương tương bán dã. Cố trú dạ quân nhi hàn thử bình, Dương nhật tổn nhi tuỳ Âm, Âm nhật ích nhi hồng.»** 天之道，初薄大冬，陰陽各從一方來，而移於後。陰由東方來西，陽由西方來東。至於中冬之月，相遇北方，合而爲一，謂之曰至。別而相去，陰適右，陽適左。[...] 冬月盡，而陰陽俱南還。陽南還出於寅，陰南還入於戌。[...]至於中春之月，陽在正東，陰在正西，謂之春分。春分者，陰陽相半也。故晝夜均而寒暑平。陰日損而隨陽；陽日益而鴻。故爲暖熱，初得大夏之月，相遇南方，合而爲一，謂之曰至。別而相去，陽適右，陰適左。[...] 夏月盡而陰陽俱北還。陽北還而入於申，陰北還而出於辰。[...] 至於中秋之月，陽在正西，陰在正東，謂之秋分，秋分者，陰陽相半也。故晝夜均而寒暑平，陽日損而隨陰，陰日益而鴻。

được nhân mùa thu mà theo kim, bởi vì theo kim thì làm hại công việc của hoả. Tuy không được theo kim, nhưng nó cũng nhân mùa thu mà xuất ra ở hướng đông. Ở đây nó hạ thấp để thích ứng công việc của nó, để hoàn thành công việc của một năm. Đó chẳng phải là quyền biến sao? [...] Cho nên đạo trời có quan hệ đúng đắn, có trật tự nhất định, mà cũng có quyền biến nữa.»[28]

Hình vẽ sau đây minh hoạ lý thuyết trên:



«Đến mùa xuân, thiếu Dương xuất ra ở hướng đông, thành tựu mộc, cùng sinh với nó. Đến mùa hạ, thái Dương xuất ra ở hướng nam, thành tựu hoả, cùng nóng với nó.»[29] Đấy là trật tự nhất định của trời. Thiếu Âm xuất ra ở hướng đông, hạ thấp để thích ứng công việc của nó, để hoàn thành công việc của một năm. Đấy là sự quyền biến của trời. Sở dĩ

---

[28] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Chung Thuỷ): «Chí ư thu thời, thiếu Âm hưng nhi bất đắc dĩ thu tòng kim, tòng kim nhi thương hoả công. Tuy bất đắc dĩ tòng kim, diệc dĩ thu xuất ư đông phương, miễn kỳ xứ nhi thích kỳ sự, dĩ thành tuế công, thử phi quyền dư? [...] Thị cố thiên chi đạo hữu luân, hữu kinh, hữu quyền.»** 至於秋時，少陰興而不得以秋從金，從金而傷火功．雖不得以從金，亦以秋出於東方，俛其處而適其事，以成歲功，此非權與?[...] 是故天之道有倫，有經，有權．

[29] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Chung Thuỷ): «Chí xuân thiếu Dương đông xuất tựu mộc, dữ chi câu sinh; chí hạ thái Dương nam xuất tựu hoả, dữ chi câu noãn.»** 至春少陽東出就木，與之俱生；至夏太陽南出就火，與之俱煖．

Âm nhận sự thua thiệt như vậy vì trời «tín nhiệm Dương chứ không tín nhiệm Âm, hiếu đức chứ không thích trừng phạt».[30] «Cho nên, khi trời vận hành khí Âm, thì chỉ lấy một ít Âm để tạo thành mùa thu, còn lại bao nhiêu thì trả về mùa đông.»[31]

Do đó, sự biến hoá của bốn mùa vốn là kết quả của sự chuyển động giảm và tăng của Âm và Dương. Dương thịnh thì có thể trợ giúp mộc tạo mùa xuân và trợ giúp hoả tạo mùa hạ; vạn vật nhân đó mà sinh trưởng. Âm thịnh thì có thể trợ giúp kim tạo mùa thu và trợ giúp thuỷ tạo mùa đông; vạn vật nhân đó mà thu tàng. Do đó Dương là «đức của trời» (thiên chi đức 天之德), còn Âm là «hình phạt của trời» (thiên chi hình 天之刑). Đổng Trọng Thư nói: «Lẽ thường của trời đất là một Âm một Dương. Dương là *thiên đức* (đức của trời). Âm là *thiên hình* (hình phạt của trời). [...] Đạo trời lấy ba mùa sinh thành và lấy một mùa gây chết chóc. Chết nghĩa là trăm vật khô héo rơi rụng. Tang tóc là khí Âm đau buồn. Trời cũng có khí mừng giận, có lòng buồn vui, tương tự như ở con người; cho nên lấy thứ loại mà hợp lại thì trời với người là một vậy.»[32]

6. Người tương ứng với các con số của trời

Trời với người là đồng loại, cho nên ta có thể lấy sinh lý của người mà xét trời. Đổng Trọng Thư nói: «Không gì tinh tế như khí [Âm Dương], không gì giàu có như đất, không gì thần diệu như trời. Sự tinh tế của trời đất sinh ra vạn vật, trong đó không gì quý như người. Người nhận được mệnh trời cho nên cao quý hơn các sinh vật khác. Vạn vật lo lắng sợ sệt nên không thể thi hành nhân nghĩa, chỉ có con người là có thể thi hành nhân nghĩa. Vạn vật lo lắng sợ sệt nên không thể sánh với trời đất, chỉ có con người là có thể sánh với trời đất. Người có 360 đốt xương, sánh với số trời. Hình thể và xương thịt sánh với sự dày dặn của đất. Phần trên của người có tai thông và mắt sáng, đó là hình tượng của mặt trời và mặt

---

[30] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Vị): «Nhậm Dương bất nhậm Âm, hiếu đức bất hiếu hình.»** 任陽不任陰，好德不好刑.

[31] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Nghĩa): «Thị cố thiên chi hành Âm khí dã, thiểu thủ chi dĩ thành thu, kỳ dư dĩ quy chi đông.»** 是故天之行陰氣也，少取之以成秋，其餘以歸之冬.

[32] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Âm Dương Nghĩa): «Thiên địa chi thường, nhất Âm nhất Dương. Dương giả, thiên chi đức dã. Âm giả, thiên chi hình dã. [...] Thiên chi đạo dĩ tam thời thành sinh, dĩ nhất thời táng tử. Tử chi giả, vị bách vật khô lạc dã. Táng chi giả, vị Âm khí bi ai dã. Thiên diệc hữu hỉ nộ chi khí, ai lạc chi tâm, dữ nhân tương phó, dĩ loại hợp chi, thiên nhân nhất dã.»** 天地之常，一陰一陽.陽者，天之德也.陰者，天之刑也.[...] 天之道以三時成生，以一時喪死.死之者，謂百物枯落也.喪之者，謂陰氣悲哀也.天亦有喜怒之氣，哀樂之心，與人相副，以類合之，天人一也.

trăng. Thân thể có lỗ khiếu và huyết mạch, đó là hình tượng của sông và hang cốc. Tâm có buồn vui mừng giận, đó là cùng loại với thần khí. Quan sát thân thể con người, sao mà nó cao quý hơn sinh vật khác thế và sao mà cùng loại với trời thế! Vạn vật nương cậy và lấy khí Âm Dương của trời để sống, chỉ có con người xán lạn với văn vẻ của trời. Cho nên vạn vật hữu hình chẳng thứ nào mà không nương cậy và phục tòng trời mà hành động, chỉ có con người là đứng thẳng đối mặt với trời đường đường chính chính. Cho nên thứ nào tiếp nhận ít từ trời đất thì nương cậy vào trời đất; thứ nào tiếp nhận nhiều từ trời đất thì đối mặt chính đáng với trời đất. Ở điểm này, có thể thấy con người tách biệt với vạn vật mà sánh ngang với trời đất. Cho nên thân thể con người có đầu lớn và tròn, tượng trưng dung mạo của trời. Tóc của người tượng trưng các sao và chòm sao. Tai và mắt sáng rõ tượng trưng mặt trời và mặt trăng. Mũi miệng hít thở tượng trưng hơi và gió. Sự thông đạt trong ngực tượng trưng thần minh. Bụng ruột đặc rỗng tượng trưng trăm vật. [...] Biểu tượng của trời đất và sự tương ứng của Âm Dương thường thiết lập ở thân người. Thân người do trời và tương ứng với số của trời, cho nên sinh mạng có liên quan đến trời. Trời lấy con số trọn năm để làm thành thân người, cho nên các đốt xương nhỏ có 366 cái, tương ứng với số ngày một năm. Các đốt xương lớn thì có 12 cái, tương ứng với số tháng một năm. Trong thân có ngũ tạng (tim, gan, phổi, thận, tỳ) tương ứng số của ngũ hành. Phía ngoài có tứ chi, tương ứng bốn mùa. Lúc mở mắt nhìn, lúc nhắm mắt lại, tương ứng ngày đêm. Lúc cương lúc nhu, tương ứng mùa đông và mùa hạ. Lúc buồn lúc vui, tương ứng Âm Dương. Tâm có suy tư tính toán, tương ứng độ số. Hành vi có luân lý, tương ứng trời đất. [...] Ở chỗ có thể đếm số thì tương ứng với số. Ở chỗ không thể đếm số thì tương ứng với loại. Cả hai trường hợp ấy đều một mực tương ứng với trời.»[33]

[33] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Nhân Phó Thiên Số): «Mạc tinh ư khí, mạc phú ư địa, mạc thần ư thiên. Thiên địa chi tinh, sở dĩ sinh vật giả, mạc quý ư nhân. Nhân thụ mệnh hồ thiên dã, cố siêu nhiên hữu dĩ ý, vật sấn tật mạc năng vi nhân nghĩa, duy nhân độc năng vi nhân nghĩa, vật sấn tật mạc năng ngẫu thiên địa, duy nhân độc năng ngẫu thiên địa. Nhân hữu tam bách lục thập tiết, ngẫu thiên chi số dã. Hình thể cốt nhục, ngẫu địa chi hậu dã. Thượng hữu nhĩ mục thông minh, nhật nguyệt chi tượng dã. Thể hữu không khiếu lý mạch, xuyên cốc chi tượng dã. Tâm hữu ai lạc hỉ nộ, thần khí chi loại dã. Quán nhân chi thể, diệc hà cao vật chi thậm nhi loại ư thiên dã. Vật bàng chiết thủ thiên chi Âm Dương dĩ sinh hoạt nhĩ, nhi nhân nãi lạn nhiên hữu kỳ văn lý. Thị cố phàm vật chi hình, mạc bất phục tòng bàng chiết thiên địa nhi hành, nhân độc đế trực lập đoan thượng, chính chính đáng chi. Thị cố sở thủ thiên địa thiểu giả bàng chiết chi. Sở thủ thiên địa đa giả chính đáng chi. Thử kiến nhân chi tuyệt ư vật nhi tham thiên địa. Thị cố nhân chi thân, thủ phần nhi viên, tượng thiên dung dã. Phát tượng tinh thần dã. Nhĩ mục lệ lệ, tượng nhật nguyệt dã. Tỵ khẩu hô hấp, tượng phong khí dã. Hung trung đạt tri, tượng thần minh dã. Phúc bào thực hư, tượng bách vật dã. [...] Thiên địa chi phù, Âm Dương chi phó, thường thiết ư thân. Thân do thiên dã,**

Đổng Trọng Thư lại nói: «Kẻ tạo ra sự sống không thể tạo ra người, vì kẻ tạo ra người chính là trời. Việc tạo ra người [tức sinh con cái] của con người vốn là ở trời. Trời cũng là ông cố của người vậy. Do đó mà người mới cùng loại với trời ở trên cao. Hình thể con người là do số trời biến hoá mà thành. Huyết khí của con người là do ý chí của trời biến hoá mà có đức nhân. Đức hạnh của con người là do lẽ trời biến hoá mà có đức nghĩa. Sự ưa ghét của con người là do tính ấm áp và trong trẻo của trời biến hoá ra. Sự mừng và giận của con người là do tính lạnh và nóng của trời biến hoá ra. [...] Sự tương ứng của trời thì ở nơi người. Tính tình của con người là do trời vậy.»[34]

Như thế, người với trời tương đồng, cho nên nếu vũ trụ không có con người thì vũ trụ sẽ không hoàn toàn, và không thành vũ trụ. Đổng Trọng Thư nói: «Trời, đất, và người là gốc của vạn vật. Trời sinh vạn vật, đất nuôi chúng, người hoàn thành chúng. Trời sinh chúng bằng hiếu đễ, đất nuôi chúng bằng cơm áo, người hoàn thành chúng bằng lễ nhạc. Ba cái đó như tay chân với nhau, hợp thành một thể, không thể thiếu mộc cái nào. Không hiếu đễ thì mất cái sinh ra, không cơm áo thì mất cái

---

số dữ chi tương tham, cố mệnh dữ chi tương liên dã. Thiên dĩ chung tuế chi số thành nhân chi thân, cố tiểu tiết tam bách lục thập lục, phó nhật số dã. Đại tiết thập nhị phân, phó nguyệt số dã. Nội hữu ngũ tạng, phó ngũ hành số dã. Ngoại hữu tứ chi, phó tứ thời số dã. Sạ thị sạ minh, phó trú dạ dã. Sạ cương sạ nhu, phó đông hạ dã. Sạ ai sạ lạc, phó âm dương dã. Tâm hữu kế lự, phó độ số dã. Hành hữu luân lý, phó thiên địa dã. [...] Ư kỳ khả số dã, phó số. Ư kỳ bất khả số dã, phó loại. Giai đáng đồng nhi phó thiên nhất dã.» 莫精於氣，莫富於地，莫神於天。天地之精，所以生物者，莫貴於人。人受命乎天也，故超然有以倚，物疢疾莫能爲仁義，唯人獨能爲仁義，物疢疾莫能偶天地，唯人獨能偶天地。人有三百六十節，偶天之數也。形體骨肉，偶地之厚也。上有耳目聰明，日月之象也。體有空竅理脈，川谷之象也。心有哀樂喜怒，神氣之類也。觀人之體，亦何高物之甚而類於天也。物旁折取天之陰陽以生活耳，而人乃爛然有其文理。是故凡物之形，莫不伏從旁折天地而行，人獨題直立端尚，正正當之。是故所取天地少者旁折之，所取天地多者正當之。此見人之絕於物而參天地。是故人之身，首妏而員，象天容也。髮象精神也。耳目戾戾象日月也。鼻口呼吸象風氣也。胸中達知象神明也。腹胞實虛象百物也。[...] 天地之符，陰陽之副，常設於身。身猶天也，數與之相參，故命與之相連也。天以終歲之數成人之身，故小節三百六十六，副日數也。大節十二分，副月數也。內有五臟，副五行數也。外有四肢，副四時數也。乍視乍瞑，副晝夜也。乍剛乍柔，副冬夏也。乍哀乍樂，副陰陽也。心有計慮，副度數也。行有倫理，副天地也。[...] 於其可數也，副數。於其不可數也，副類。皆當同而副天一也。

[34] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Vi Nhân Giả Thiên): «Vi sinh bất năng vi nhân, vi nhân giả, thiên dã. Nhan chi nhân bản ư thiên. Thiên diệc nhân chi tằng tổ phụ dã. Thử nhân chi sở dĩ nãi thượng loại thiên dã. Nhân chi hình thể, hoá thiên số nhi thành. Nhân chi huyết khí, hoá thiên chí nhi nhân. Nhân chi đức hạnh, hoá thiên lý nhi nghĩa. Nhân chi hiếu ố, hoá thiên chi noãn thanh. Nhân chi hỉ nộ, hoá thiên chi hàn thử. [...] Thiên chi phó tại hồ nhân. Nhân chi tình tính hữu do thiên giả**

nuôi dưỡng, không lễ nhạc thì mất cái giúp hoàn thành.»[35]

Theo thuyết trên, địa vị con người trong vũ trụ thực là tối cao vậy.

7. Tính và tình

Theo phương diện tâm lý mà nói, trong tâm lý con người cũng có bản tính và tình cảm, tương đương với Âm Dương của trời. Đổng Trọng Thư nói: «Thân người có tính và tình cũng như trời có Âm và Dương vậy. Nói người có bản chất mà không có tình cảm, giống như nói trời có Dương mà không có Âm vậy.»[36]

Sự biểu hiện ra bên ngoài của tính là lòng nhân; sự biểu hiện ra bên ngoài của tình là lòng tham. Đổng Trọng Thư nói: «Người quả thực có lòng tham và lòng nhân. Khí chất nhân và tham đều ở trong thân. Cái danh của thân lấy ở trời. Trời có sự biểu hiện hai mặt là Âm và Dương, thân người cũng có hai tính tham và nhân.»[37]

Lòng tham là sự biểu hiện của tình; lòng nhân là sự biểu hiện của

---

hĩ.» 爲生不能爲人，爲人者，天也。人之人本於天。天亦人之曾祖父也。此人之所以乃上類天也。人之形體，化天數而成。人之血氣，化天志而仁。人之德行，化天理而義。人之好惡，化天之暖清。人之喜怒，化天之寒暑 [...] 天副在乎人。人之情性有由天者矣。

35 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Lập Nguyên Thần): «Thiên địa nhân, vạn vật chi bản dã. Thiên sinh chi, địa dưỡng chi, nhân thành chi. Thiên sinh chi dĩ hiếu đễ, địa dưỡng chi dĩ ý thực, nhân thành chi dĩ lễ nhạc. Tam giả tương vi thủ túc, hợp dĩ thành thể, bất khả nhất vô dã. Vô hiếu đễ tắc vong kỳ sở dĩ sinh, vô ý thực tắc vong kỳ sở dĩ dưỡng, vô lễ nhạc tắc vong kỳ sở dĩ thành dã.»** 天地人，萬物之本也。天生之，地養之，人成之。天生之以孝悌，地養之以衣食，人成之以禮樂。三者相爲手足，合以成體，不可一無也。無孝悌則亡其所以生，無衣食則亡其所以養，無禮樂則亡其所以成也。

36 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thâm Sát Danh Hiệu): «Thân chi hữu tính tình dã, nhược thiên chi hữu Âm Dương dã, ngôn nhân chi chất nhi vô kỳ tình, do ngôn thiên chi Dương nhi vô kỳ Âm dã.»** 身之有性情也，若天之有陰陽也，言人之質而無其情，猶言天之陽而無其陰也。

37 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thâm Sát Danh Hiệu): «Nhân chi thành hữu tham hữu nhân. Nhân tham chi khí, lưỡng tại ư thân. Thân chi danh thủ chư thiên. Thiên lưỡng hữu Âm Dương chi thi, thân diệc lưỡng hữu tham nhân chi tính.»** 人之誠有貪有仁。仁貪之氣，兩在於身。身之名取諸天。天兩有陰陽之施，身亦兩有貪仁之性。

tính.[38]

Bản chất của con người gồm cả tính và tình, gồm cả lòng tham và lòng nhân. Cho nên ta chưa thể nói rằng bản chất con người có thiện lương hay không. *Xuân Thu Phồn Lộ* (Thâm Sát Danh Hiệu) nói: «Nếu nói tính vốn thiện, vậy tình thì thế nào?» (Vị tính dĩ thiện, nại kỳ tình hà? 謂性已善，奈其情何). Chữ *tính* này tức là ám chỉ bản chất vậy.

Đổng Trọng Thư lại nói: «Thiện như gạo, tính như lúa. Tuy lúa xuất ra gạo, nhưng lúa chưa thể gọi là gạo. Tuy tính xuất ra thiện, nhưng tính chưa thể gọi là thiện. Gạo và thiện, con người nối tiếp theo trời mà biểu hiện ra ngoài, chứ không phải chúng nằm ở trong trời. Cái mà trời làm thì trải rộng ra đến một chừng mực thì dừng lại. Dừng lại bên trong thì gọi là trời; dừng lại bên ngoài thì gọi là *vương giáo* (sự giáo hoá của vua thánh). Vương giáo nằm ở ngoài tính, mà tính không có nó thì không được. Cho nên tôi nói: Tính có bản chất thiện nhưng tự mình nó thì chưa thể làm thiện. Tôi đâu dám dùng lời hoa mỹ, thực tế nó là như vậy. Cái trời làm thì dừng ở kén, gai, lúa. Lấy gai làm vải bố, lấy kén làm ra tơ, lấy gạo làm ra cơm, lấy tính làm điều thiện; đấy đều là thánh nhân nối tiếp theo trời tiến

---

[38] **Phùng Hữu Lan chú: Cái *tính* mà Đổng Trọng Thư nói có hai nghĩa rộng và hẹp. Theo nghĩa rộng, «cái chất liệu được sinh ra một cách tự nhiên thì gọi là tính; tính tức là chất» (như kỳ sinh chi tự nhiên chi tư vị chi tính; tính giả, chất dã 如其生之自然之資謂之性；性者，質也) [*Xuân Thu Phồn Lộ* (Thâm Sát Danh Hiệu)]. Theo nghĩa này, tính là cái chất liệu được sinh ra một cách tự nhiên của con người, nó cũng nằm trong bản chất của con người. Cho nên Đổng Trọng Thư nói: «Cái được gọi là tính và tình là do trời đất sinh ra. Tính và tình là một thể thống nhất, tình cũng là tính.» (Thiên địa chi sở sinh vị chi tính tình, tính tình tương dữ vi nhất minh, tình diệc tính dã 天地之所生謂之性情，性情相與之一暝，情亦性也) [*Xuân Thu Phồn Lộ* (Thâm Sát Danh Hiệu)]. Theo nghĩa hẹp, tính đối với tình là khí Dương trong bản chất của người; tình đối với tính là khí Âm trong bản chất của người. *Thuyết Văn Giải Tự* nói: «Tình là khí Âm của trời, là cái có lòng dục; tính là khí Dương của trời, tính là cái thiện.» (Tình, thiên chi Âm khí hữu dục giả; tính, thiên chi Dương khí tính thiện giả dã. 情，天之陰氣有欲者；性，天之陽氣性善者也). *Luận Hành* (Bản Tính) của Vương Sung (27-100 CN) nói: «Đổng Trọng Thư xem sách của Tuân Tử và Mạnh Tử mà lập thuyết về tình và tính. Ông nói rằng: "Nguyên lý lớn của trời là một Âm một Dương; nguyên lý lớn của người là một tính một tình. Tính sinh ra từ Dương; tình sinh ra từ Âm. Khí Âm thô bỉ; khí Dương nhân ái. Nói rằng tính vốn thiện tức là nhìn vào phương diện Dương của người; nói rằng tính vốn ác tức là nhìn vào phương diện Âm của người."» (Trọng Thư lãm Tôn Mạnh chi thư, tác tình tính chi thuyết, viết: "Thiên chi đại kinh, nhất Âm nhất Dương; nhân chi đại kinh, nhất tình nhất tính. Tính sinh ư Dương, tình sinh ư Âm. Âm khí bỉ, Dương khí nhân. Viết tính thiện giả, thị kiến kỳ Dương dã; vị ác giả, thị kiến kỳ Âm giả dã." 仲舒覽孫孟之書，作情性之說，曰："天之大經，一陰一陽；人之大經，一情一性。性生於陽，情生於陰。陰氣鄙，陽氣仁。曰性善者，是見其陽也；謂惡者，是見其陰者也"). Ở đây cái mà Đổng Trọng Thư gọi là *tính* đều xét theo nghĩa hẹp. Để tránh rối loạn, Đổng Trọng Thư dùng chữ *chất* 質 để thay cho chữ *tính* theo nghĩa rộng.**

lên, chẳng phải tình tính chất phác mà có thể đạt tới vậy.»[39]

Ở đây chữ *tính* 性 cũng ám chỉ *chất* 質 vậy. Trong cái chất của con người có tính đối lập với tình, cho nên trong chất quả thực có thiện. Nhưng trong chất cũng có tình đối lập với tính, cho nên nó không thể hoàn toàn là thiện. Con người cần phải nỗ lực lấy tính mà ngăn cấm tình thì mới có thể thành người tốt. Đổng Trọng Thư nói: «Ngăn chặn mọi điều ác ở trong, không để chúng phát ra ngoài, đó là tâm. Cho nên tâm được gọi là *nhậm* (ngăn chặn). [...] Trời có sự ngăn chặn khí Âm Dương, thân người có sự ngăn chặn tình dục, cũng y như một với đạo trời. Cho nên Âm vận hành không được can thiệp vào mùa xuân và mùa hạ, mà cái phách của mặt trăng thường ghét ánh sáng ban ngày, lúc tròn lúc khuyết. Trời ngăn cấm khí Âm như thế. Tại sao con người không giảm bớt tình dục để thích ứng với trời? Cái mà trời cấm, thì thân người cũng cấm, cho nên thân người giống như trời. Cấm cái mà trời cấm, không phải là cấm trời. Chúng ta ắt biết tính trời hễ không được giáo hoá thì cuối cùng không thể ngăn cấm được.»[40]

---

[39] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thực Tính): «Thiện như mễ, tính như hoà. Hoà tuy xuất mễ, nhi hoà vị khả vị mễ dã. Tính tuy xuất thiện, nhi tính vị khả vị thiện dã. Mễ dữ thiện, nhân chi kế thiên nhi thành ư ngoại dã. Phi tại thiên sở vi chi nội dã. Thiên sở vi hữu sở chí nhi chỉ, chỉ chi nội vị chi thiên; chỉ chi ngoại vị chi vương giáo. Vương giáo tại tính ngoại, nhi tính bất đắc bất toại. Cố viết: Tính hữu thiện chất, nhi vị năng vi thiện dã. Khởi cảm mỹ từ, kỳ thực nhiên dã. Thiên chi sở vi, chỉ ư kiển ma dữ hoà. Dĩ ma vi bố, dĩ kiển vi ti, dĩ mễ vi phạn, dĩ tính vi thiện, thử giai thánh nhân sở kế thiên nhi tiến dã, phi tình tính chất phác chi năng chí dã.»** 善如米，性如禾．禾雖出米，而禾未可謂米也．性雖出善，而性未可謂善也．米與善，人之繼天而成於外也．非在天所爲之內也．天所爲有所至而止，止之內謂之天；止之外謂之王教．王教在性外，而性不得不遂．故曰性有善質，而未能爲善也．豈敢美辭，其實然也．天之所爲，止於繭麻與禾．以麻爲布，以繭爲絲，以米爲飯，以性爲善，此皆聖人所繼天而進也，非情性質樸之能至也．

[40] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thâm Sát Danh Hiệu): «Nhậm chúng ác ư nội, phất sử đắc phát ư ngoại giả, tâm dã. Cố tâm chi vi danh nhậm dã. [...] Thiên hữu Âm Dương cấm, thân hữu tình dục nhậm, dữ thiên đạo nhất dã. Thị dĩ Âm chi hành bất đắc can xuân hạ, nhi nguyệt chi phách thường yếm ư nhật quang, sạ toàn sạ thương. Thiên chi cấm Âm như thử, an đắc bất tổn kỳ dục nhi chuyết kỳ tình dĩ ứng thiên. Thiên sở cấm, nhi thân cấm chi, cố viết thân do thiên dã. Cấm thiên sở cấm, phi cấm thiên dã. Tất tri thiên tính bất thừa ư giáo, chung bất năng nhậm.»** 栣衆惡於內，弗使得發於外者，心也．故心之爲名栣也．[...] 天有陰陽禁，身有情欲栣，與天道一也．是以陰之行不得干春夏，而月之魄常厭於日光，乍全乍傷．天之禁陰如此，安得不損其欲而輟其情以應天．天所禁，而身禁之，故曰身猶天也．禁天所禁，非禁天也．必知天性不乘於教，終不能栣．– LAM chú: ***Nan Tự Đại Tự Điển*** 難字大字典 **(Dương Tông Nghĩa 楊宗義 chủ biên, Tây Nam Sư Phạm Đại Học Xuất bản xã, Trùng Khánh, 1999, tr.140) giảng** ***nhậm*** 栣 **[rěn] là:** ***cấm ngự*** 禁御 **(ngăn chặn).**

Lấy *tính* mà ngăn cấm *tình* thì gọi là *giáo*. Giáo là người nối tiếp trời, mà cũng là người bắt chước trời.

Lý thuyết về tính của Đổng Trọng Thư một mặt thì điều hoà lý thuyết của Mạnh Tử và Tuân Tử, một mặt thì nói rằng trong cái chất của người vốn có *thiện đoan* (đầu mối thiện), cho nên lý thuyết của Đổng Trọng Thư không trái ngược với thuyết tính thiện của Mạnh Tử. Có điều Đổng Trọng Thư nói tuy trong tính vốn có thiện đoan nhưng không thể nói nó là thiện. Do đó ông nói: «Có người hỏi: "Tính có *thiện đoan* (đầu mối thiện), tâm có *thiện chất* (bản chất thiện), sao lại bảo rằng không thiện?" Đáp rằng: Không phải thế. Kén cho ra tơ nhưng kén không phải là tơ. Trứng nở ra gà con nhưng trứng không phải là gà con. So sánh thì thấy đúng thế, sao còn nghi ngờ gì nữa? Trời sinh dân có nguyên lý lớn. Những ai nói về tính thì chớ nên nói khác nhau. Tuy nhiên, có kẻ nói tính thiện, có kẻ nói tính chưa thiện. Đó là vì khi họ nói đến thiện thì mỗi người mỗi ý khác nhau. Tính có thiện đoan (đầu mối thiện), trẻ con yêu cha mẹ là thiện hơn cầm thú, nên gọi là thiện; đấy là cái thiện theo quan niệm của Mạnh Tử. Tuân theo *tam cương* và *ngũ kỷ*, thông cái lý của *bát đoan*, trung tín mà bác ái, đôn hậu mà thích lễ, thì có thể gọi là thiện; đó là cái thiện của thánh nhân. Cho nên Khổng Tử nói: "Ta chưa từng thấy người thiện. Nếu ta được thấy người có ý chí bền bỉ, thế cũng được rồi." Do đấy mà xét, cái mà thánh nhân bảo là thiện, chưa từng dễ làm. Không phải thiện hơn cầm thú thì gọi là thiện. [...] Thiện hơn cầm thú thì chưa thể gọi là thiện, giống như có hiểu biết hơn cây cỏ nhưng không thể gọi là hiểu biết vậy. [...] So sánh với bản tính của cầm thú thì tính của con người là thiện. So sánh với cái thiện của nhân đạo (đạo làm người) thì tính của con người chưa đạt tới. Tôi đồng ý rằng tính của con người thiện hơn cầm thú, nhưng tôi không đồng ý rằng con người có cái thiện theo quan niệm của thánh nhân. Cách tôi đánh giá về tính thì khác với Mạnh Tử. Mạnh Tử đánh giá tính căn cứ theo hành vi của cầm thú, cho nên mới nói tính vốn thiện. Tôi đánh giá tính căn cứ theo hành vi của thánh nhân, cho nên mới nói tính chưa thiện. Thiện vượt trội hơn tính, thánh nhân vượt trội hơn thiện.»[41]

---

[41] *Xuân Thu Phồn Lộ* (Thâm Sát Danh Hiệu): «Hoặc viết: "Tính hữu thiện đoan, tâm hữu thiện chất, thượng an phi thiện." Ứng chi viết: Phi dã. Kiển hữu ti, nhi kiển phi ti dã. Noãn hữu sổ, nhi noãn phi sổ dã. Tỉ loại suất nhiên, hữu hà nghi yên? Thiên sinh dân hữu lục[a] kinh, ngôn tính giả bất đương dị. Nhiên kỳ hoặc viết tính dã thiện, hoặc viết tính vị thiện. Tắc sở vị thiện giả, các dị ý dã. Tính hữu thiện đoan, động[b] chi ái phụ mẫu, thiện ư cầm thú, tắc vị chi thiện; thử Mạnh Tử chi thiện. Tuần tam cương ngũ kỷ, thông bát đoan chi lý, trung tín nhi bác ái, đôn hậu nhi hiếu lễ, nãi khả vị thiện; thử thánh nhân chi thiện dã. Thị cố Khổng Tử viết: "Thiện nhân, ngô bất đắc nhi kiến chi, đắc kiến hữu thường giả, tư khả hĩ." Do thị quan chi, thánh nhân chi

Ở đây, Đổng Trọng Thư đặc biệt ám chỉ cái *chất* của người bình thường. Con người cũng có kẻ khi chào đời thì đã có thiện đoan, cũng có kẻ khi chào đời thì cơ hồ không có thiện đoan. Cho nên Khổng Tử mới phân biệt kẻ thượng trí và kẻ hạ ngu.[42] Đổng Trọng Thư nói: «Cái mà tôi gọi là tính không phải là cái tính của hạng người trên, cũng không phải là cái tính của hạng người dưới, mà là cái tính của người trung bình.»[43]

Ông lại nói: «Tính của thánh nhân không thể gọi là tính. Tính của hạng người nhỏ nhen như cái đấu cái sao cũng không thể gọi là tính. Gọi là tính, ý nói cái tính của người trung bình, giống như cái kén hay quả trứng. Trứng đợi ấp 20 ngày thì nở ra gà con, kén đợi nhúng nước sôi thì mới cho ra tơ. Tính đợi dạy dỗ dần dần thì mới ra thiện. Thiện là kết quả của dạy dỗ, chẳng phải là cái có thể đạt tới bằng sự chất phác.»[44]

---

sở vị thiện, vị dị dưỡng dã. Phi thiện ư cầm thú, tắc vị chi thiện dã. [...] Phù thiện ư cầm thú chi vị đắc vi thiện dã, do tri ư thảo mộc nhi bất đắc danh tri. [...] Chất ư cầm thú chi tính, tắc vạn dân chi tính thiện hĩ. Chất ư nhân đạo chi thiện, tắc dân tính phất cập dã. Vạn dân chi tính thiện ư cầm thú giả hữa chi, thánh nhân chi sở vị thiện giả phất hữa. Ngô chất chi mệnh tính giả, dị Mạnh Tử. Mạnh Tử hạ chất ư cầm thú chi sở vi, cố viết tính dĩ thiện. Ngô thượng chất ư thánh nhân chi sở vi, cố vị tính vị thiện. Thiện quá tính, thánh nhân quá thiện.» 或曰："性有善端，心有善質，尚安非善？" 應之曰：非也．繭有絲，而繭非絲也．卵有雛，而卵非雛也．比類率然，有何疑焉？天生民有六（大）經，言性者不當異．然其或曰性也善，或曰性未善．則所謂善者，各異意也．性有善端，動（童）之愛父母，善於禽獸，則謂之善；此孟子之善．循三綱五紀，通八端之理，忠信而博愛，敦厚而好禮，乃可謂善；此聖人之善也．是故孔子曰："善人，吾不得而見之，得見有常者，斯可矣．" 由是觀之，聖人之所謂善，未易當也．非善於禽獸，則謂之善也．[...] 夫善於禽獸之未得爲善也，猶知於草木而不得名知．[...] 質於禽獸之性，則萬民之性善矣．質於人道之善，則民性弗及也．萬民之性善於禽獸者許之，聖人之所謂善者弗許．吾質之命性者，異孟子．孟子下質於禽獸之所爲，故曰性已善．吾上質於聖人之所爲，故謂性未善．善過性，聖人過善．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Tô Dư nói chữ *lục* 六 này có người bảo là *đại* 大. (b) Tô Dư nói chữ *động* 動 ngờ là chữ *đồng* 童 (trẻ con).– Derk Bodde chú: *Tam cương* là ba mối quan hệ quân-thần, phụ-tử, phu-phụ (vua-tôi, cha-con, chồng-vợ). Đổng Trọng Thư không định nghĩa *ngũ kỷ*. *Bạch Hổ Thông* có nói đến *lục kỷ* (xem lời giảng ở tiết 8 chương này). Không rõ ý nghĩa của *bát đoan* là gì. Mạnh Tử chỉ nói đến *tứ đoan* (nhân, nghĩa, lễ, trí).**

42 **Derk Bodde chú: *Luận Ngữ* (Dương Hoá): «Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di.»** 唯上智與下愚不移 **(Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi.)**

43 ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Thâm Sát Danh Hiệu): «Danh tính bất dĩ thượng, bất dĩ hạ, dĩ kỳ trung danh chi.»** 名性不以上，不以下，以其中名之．

44 ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Thực Tính): «Thánh nhân chi tính, bất khả dĩ danh tính. Đầu sao chi tính, hựu bất khả dĩ danh tính. Danh tính giả, trung dân chi tính. Trung dân chi tính, như kiển như noãn. Noãn đãi phúc nhị thập nhật nhi hậu năng vi sổ; kiển đãi sào dĩ quan thang nhi hậu năng**

Đổng Trọng Thư khi bàn luận về tính là đã dung hợp quan điểm của Khổng Tử, Mạnh Tử, và Tuân Tử vậy.

8. Luân lý cá nhân và luân lý xã hội

Muốn phát triển thiện đoan trong bản chất của con người để nó trở nên hoàn toàn thiện, thì ta phải thực hành các đức tính. Đối với luân lý cá nhân, hai đức tính *nhân* và *nghĩa* là quan trọng nhất. Đổng Trọng Thư nói: «Khi trời tạo ra tính của con người thì ban lệnh khiến con người phải thi hành nhân nghĩa và biết xấu hổ về cái đáng xấu hổ. Nếu không thế thì họ khác gì cầm thú, chỉ biết sống và vì lợi mà thôi.»[45]

Về ý nghĩa của *nhân* và *nghĩa*, Đổng Trọng Thư nói: «Cái mà sách *Xuân Thu* đối trị chính là *người* (nhân 人) và *mình* (ngã 我). Cái dùng để đối trị người và ta chính là đức *nhân* 仁 và đức *nghĩa* 義. Lấy đức nhân để làm yên người, lấy đức nghĩa để sửa mình. Cho nên đức nhân là để nói về người; đức nghĩa là để nói về mình; lời nói và danh xưng để phân biệt vậy. Đức nhân áp dụng cho người, đức nghĩa áp dụng cho mình, điều đó không thể không xem xét kỹ vậy. Mọi người không xem xét, cứ áp dụng nhân cho mình và nghĩa cho người. Đó là làm trái nghịch với lý của chúng, nên hiếm khi không rối loạn. Cho nên con người chẳng ai muốn rối loạn, thế mà cứ bị rối loạn mãi, bởi vì họ không phân biệt được người khác với chính mình và không xem xét vị trí của nhân và nghĩa. Do đó sách *Xuân Thu* đưa ra phép tắc về nhân và nghĩa. Phép tắc của đức nhân là ở yêu người, chứ không ở yêu mình; phép tắc của nghĩa là ở tu sửa mình chứ không ở tu sửa người. Bản thân ta không tự tu sửa, dù có thể tu sửa người khác, thì đó cũng không phải là nghĩa. Người khác không được ta yêu, dù ta yêu chính mình rất nhiều, thì đó cũng không phải là nhân. [...] Càng trải rộng ra xa thì càng hiền lành, càng thu hẹp lại gần thì càng hư hỏng, đó là yêu. Cho nên bậc vương yêu cả những dân chưa khai hoá ở bốn phương, bậc bá yêu cả chư hầu, bậc được yên ổn yêu cả

---

vi tì. Tính đãi tiệm ư giáo huấn nhi hậu năng vi thiện. Thiện, giáo huấn chi sở nhiên dã, phi chất phác chi sở năng chí dã.» 聖人之性不可以名性.斗筲之性又不可以名性.名性者,中民之性,如繭如卵.卵待覆二十日而後能爲雛;繭待繰以溫湯而後能爲絲.性待漸於教訓而後能爲善.善,教訓之所然也,非質樸之所能至也. – **Derk Bodde chú: Trong *Luận Ngữ* (Tử Lộ), Tử Cống hỏi Khổng Tử: «Những kẻ làm chính trị hiện nay thế nào?» Khổng Tử đáp: «Hạng người nhỏ nhen như cái đấu cái sao (=1/2 đấu) thì đáng kể gì.» (Viết: Kim chi tòng chính giả hà như? Tử viết: Đẩu sao chi nhân, hà túc toán dã.** 曰:今之從政者何如?子曰:斗筲之人,何足算也).

45 ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Trúc Lâm): «Thiên chi vi nhân tính, mệnh sử hành nhân nghĩa nhi tu khả sỉ, phi nhược điểu thú nhiên, cẩu vi sinh, cẩu vi lợi nhi dĩ.»** 天之爲人性命,使行仁義而羞可恥,非若鳥獸然,苟爲生苟爲利而已.

mọi người trong đất vua ban phong, kẻ nguy khốn yêu người thân cận hai bên, kẻ sắp chết yêu riêng thân mình. [...] Cho nên nói: Kẻ có lòng nhân thì yêu người chứ không [chỉ] yêu mình; đó là phép tắc vậy. [...] Nghĩa và nhân khác nhau: Nhân ý nói là đi; nghĩa ý nói là đến. Nhân thì rất xa, nghĩa thì rất gần. Tình yêu hướng vào người khác mới gọi là nhân; nghĩa nhằm ở mình mới gọi là nghĩa. Điều nhân cốt ở người; điều nghĩa cốt ở mình. Cho nên nói "nhân là người, nghĩa là mình" là muốn nói ý đó vậy.»[46]

Ngoài hai đức *nhân* và *nghĩa*, con người lại phải có đức *trí* 智 nữa. Đổng Trọng Thư nói: «Chẳng gì gần gũi như nhân, chẳng gì cấp thiết như trí. [...] Nhân mà chẳng trí, thì yêu người nhưng không biết phân biệt. Trí mà chẳng nhân, thì biết phân biệt nhưng không yêu. Cho nên nhân là để yêu nhân loại dã, trí là để trừ hại. [...] Thế nào mới gọi là trí? Đó là người hễ nói điều gì thì sau đó làm ngay. Hễ muốn làm hay huỷ bỏ một hành vi nào đó thì đều lấy cái trí để qui định trước rồi sau mới thực hiện. [...] Người trí thì nhìn thấy hoạ phúc khi chúng còn ở xa, biết sẽ gặp lợi

---

[46] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Nhân Nghĩa Pháp): «Xuân Thu chi sở trị, nhân dữ ngã dã. Sở dĩ trị nhân dữ ngã giả, nhân dữ nghĩa dã. Dĩ nhân an nhân, dĩ nghĩa chính ngã. Cố nhân chi vi ngôn nhân dã. Nghĩa chi vi ngôn ngã dã, ngôn danh dĩ biệt hĩ. Nhân chi tư nhân, nghĩa chi tư ngã giả, bất khả bất sát dã. Chúng nhân bất sát, nãi phản dĩ nhân tự dụ, nhi dĩ nghĩa thiết nhân. Quỷ kỳ xử nhi nghịch kỳ lý, tiển bất loạn hĩ. Thị cố nhân mạc dục loạn, nhi đại để thường loạn, phàm dĩ ám tư nhân ngã chi phân, nhi bất tỉnh nhân nghĩa chi sở tại dã. Thị cố Xuân Thu vi nhân nghĩa pháp. Nhân chi pháp tại ái nhân, bất tại ái ngã; nghĩa chi pháp tại chính ngã, bất tại chính nhân. Ngã bất tự chính, tuy năng chính nhân, phất dư vi nghĩa. Nhân bất bị kỳ ái, tuy hậu tự ái, bất dư vi nhân. [...] Viễn nhi dũ hiển, cận nhi dũ bất tiểu giả, ái dã. Cố vương giả ái cập tứ di, bá giả ái cập chư hầu, an giả ái cập phong nội, nguy giả ái cập bàng trắc, vong giả ái cập độc thân. [...] Cố viết: Nhân giả ái nhân, bất tại ái ngã, thử kỳ pháp dã. [...] Nghĩa dữ nhân thù, nhân vị vãng, nghĩa vị lai. Nhân đại viễn, nghĩa đại cận. Ái tại nhân, vị chi nhân, nghĩa tại ngã, vị chi nghĩa. Nhân chủ nhân, nghĩa chủ ngã dã. Cố viết: Nhân giả nhân dã, nghĩa giả ngã dã, thử chi vị dã.»** 春秋之所治，人與我也．所以治人與我者，仁與義也．以仁安人，以義正我．故仁之爲言人也．義之爲言我也，言名以別矣．仁之於人，義之於我者，不可不察也．衆人不察，乃反以仁自裕，而以義設人．詭其處而逆其理，鮮不亂矣．是故人莫欲亂，而大抵常亂，凡以闇於人我之分，而不省仁義之所在也．是故春秋爲仁義法．仁之法在愛人，不在愛我；義之法在正我，不在正人．我不自正，雖能正人，弗予爲義．人不被其愛，雖厚自愛，不予爲仁．[...] 遠而愈賢，近而愈不肖者，愛也．故王者愛及四夷，霸者愛及諸侯，安者愛及封內，危者愛及旁側，亡者愛及獨身．[...] 故曰：仁者愛人，不在愛我，此其法也．[...] 義與仁殊，仁謂往，義謂來．仁大遠，義大近．愛在人，謂之仁，義（宜）在我，謂之義．仁主人，義主我．故曰：仁者人也，義者我也，此之謂也.– **Derk Bodde chú: «Ở đây có sự chơi chữ, *nhân* 仁 (lòng thương người) đồng âm với *nhân* 人(người). Chữ *nghĩa* 義 có chứa chữ *ngã* 我(tôi, ta, mình).»**

hay hại; vật vừa khởi động thì biết nó thay đổi thế nào; sự việc vừa xảy ra thì biết chỗ quay về của nó; vừa thấy nó bắt đầu thì biết kết cục của nó. [...] Người trí nói ít mà đầy đủ, nói đại khái mà có ngụ ý, nói đơn giản mà đạt lý, nói gọn mà đủ, nói ít nhưng không thể thêm gì được nữa, nói nhiều nhưng không bỏ được chữ nào. Người trí hành động thì đúng luân thường, nói năng thì đúng việc; như vậy thì gọi là trí.»[47]

Đổng Trọng Thư xem *nhân, nghĩa, trí* là ba đức mà con người cần có đủ, giống như Trung Dung xem *trí, nhân, dũng* là ba đức cần thiết của con người.

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Những đức tính đối với tâm lý và sinh lý của con người cùng với sự quan hệ với các phương diện khác thì *Bạch Hổ Thông Nghĩa* đã nói rõ ở thiên Tính Tình: «Sao gọi là tính và tình? Tính là sự thi hành của Dương; tình là sự biến hoá của Âm. Con người sinh ra là nhờ được phú bẩm hai khí Âm và Dương, cho nên trong lòng chứa năm tính và sáu tình (*ngũ tính, lục tình*). Tình là yên tĩnh; tính là sinh ra.[48] Ở đây ý nói con người được phú bẩm sáu khí[49] mà sinh ra đời. [...] Năm tính là gì? Đó là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhân là *bất nhẫn*[50] (không thể chịu nổi sự đau khổ của kẻ khác), thể

---

47 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Tất Nhân Thả Trí): «Mạc cận ư nhân, mạc cấp ư trí. [...] Nhân nhi bất trí, tắc ái nhi bất biệt dã. Trí nhi bất nhân, tắc trí nhi bất vi dã. Cố nhân giả sở dĩ ái nhân loại dã, trí giả sở dĩ trừ kỳ hại dã. [...] Hà vị chi trí? Tiên ngôn nhi hậu đáng, phàm nhân dục xả hành vi, giai dĩ kỳ trí, tiên quy nhi hậu vi chi. [...] Trí giả kiến hoạ phúc viễn, kỳ trí lợi hại tao. Vật động nhi trì kỳ hoá, sự hưng nhi trì kỳ quy, kiến thuỷ nhi trì kỳ chung. [...] Kỳ ngôn quả nhi túc, ước nhi dụ, giản nhi đạt, tỉnh nhi cụ, thiểu nhi bất khả ích, đa nhi bất khả tổn. Kỳ động trúng luân, kỳ ngôn đáng vụ, như thị giả vị chi trí.»** 莫近於仁，莫急於智．[...] 仁而不智，則愛而不別也．智而不仁，則知而不爲也．故仁者所以愛人類也，智者所以除其害也．[...] 何謂之智?先言而後當，凡人欲舍行爲，皆以其智，先規而後爲之．[...] 智者見禍福遠，其知利害蚤．物動而知其化，事興而知其歸，見始而知其終．[...] 其言寡而足，約而喻，簡而達，省而具，少而不可益，多而不可損．其動中倫，其言當務，如是者謂之智.

48 **Derk Bodde chú: Ở đây có sự chơi chữ (đồng âm) giữa *tình* 情 [qíng] và *tĩnh* 靜 [jìng]; giữa *tính* 性 [xìng] và *sinh* 生 [sheng]. Hai cặp chữ này thời xưa được phát âm gần như giống nhau.**

49 **Derk Bodde chú: Sáu khí (lục khí 六氣) có lẽ là sáu luật (lục luật 六律) được đề cập ở sau.**

50 **Derk Bodde chú: Ở đây có sự chơi chữ (đồng âm) giữa *nhân* 仁 [rén] và *nhẫn* 忍 [rěn]. Câu văn này dựa theo *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm; tiên vương hữu bất nhẫn nhân chi tâm; tư hữu bất nhẫn nhân chi chính hĩ.»** 人皆有不忍人之心；先王有不忍人之心；斯有不忍人之政矣．**(Ai cũng có lòng bất nhẫn [=không thể chịu nổi sự đau khổ của kẻ khác]. Đấng tiên vương có lòng bất nhẫn thì tất có chế độ chính trị không nỡ nhẫn tâm đối với mọi người.)**

hiện ở lòng yêu người. Nghĩa là đúng đắn,[51] quyết đoán đúng đắn. Lễ là bước đi;[52] bước đi trên con đường đạo đức mà thành văn vẻ. Trí là biết; một mình thấy sự việc đã qua, không sai lầm trong sự việc, thấy rõ ràng điều nhỏ nhặt. Tín là chân thành, một lòng không dời chuyển. Cho nên con người khi sinh ra thì ứng với cái thể của bát quái và có được năm khí để làm chuẩn mực không đổi, đó là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín vậy. Sao gọi là sáu tình? Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét gọi là sáu tình; chúng trợ giúp cho năm tính được thành tựu. Tại sao tính có năm và tình có sáu? Con người vốn hàm chứa sáu luật (*lục luật*)[53] và khí ngũ hành mà sinh ra, cho nên bên trong có ngũ tạng và lục phủ, đó là chỗ ra vào của tình và tính vậy. [...] Ngũ tạng là gì? Đó là tim, gan, phổi, thận, tỳ (lá lách). [...] Trong ngũ tạng thì: Gan chủ về nhân, phổi chủ về nghĩa, tim chủ về lễ, thận chủ về trí, tỳ chủ về tín. Tại sao gan chủ về nhân? Gan là tinh tuý của mộc. Lòng nhân thì yêu sự sống. Hướng đông là Dương, vạn vật bắt đầu sinh ra. Cho nên gan có hình tượng là mộc, sắc xanh và có cành lá. [...] Tại sao phổi chủ về nghĩa? Phổi là tinh tuý của kim. Nghĩa là quyết đoán. Hướng tây cũng là kim, giết chóc và tựu thành vạn vật. Cho nên phổi có hình tượng là kim, sắc trắng. [...] Tại sao tim chủ về lễ? Tim là tinh tuý của hoả. Hướng nam tôn trọng Dương ở trên và hạ thấp Âm ở dưới, lễ có trật tự trên dưới. Cho nên tim có hình tượng là hoả, sắc đỏ và tinh nhuệ. [...] Tại sao thận chủ về trí? Thận là tinh tuý của thuỷ. Người trí tiến lên hay dừng lại đều chẳng có chỗ nào nghi hoặc, thuỷ cũng tiến lên và không nghi hoặc. Hướng bắc là thuỷ, cho nên thận có sắc đen. Thuỷ thì Âm, nên thận có hai mảnh.[54] [...] Tại sao tỳ chủ về tín? Tỳ là tinh tuý của thổ. Thổ có tượng chịu trách nhiệm nuôi dưỡng vạn vật, sinh ra vạn vật mà chẳng có lòng riêng tư, đó là hết sức thành tín vậy. Cho nên tỳ có hình tượng là thổ, sắc vàng. [...] Lục phủ là gì? Đó là ruột già, ruột non, bao tử, bọng đái, *tam tiêu*,[55] mật. Phủ ý nói nó là cung phủ của ngũ tạng. Do đó thiên *Lễ Vận* chép: "Sáu tình là để trợ giúp và hoàn thành năm tính." [56] [...] Mừng ở hướng tây, giận ở hướng đông, thích ở hướng bắc, ghét ở hướng nam, buồn ở phía dưới, vui ở phía trên. Tại sao thế? Ở hướng tây vạn

---

[51] Derk Bodde chú: Ở đây có sự chơi chữ (đồng âm) giữa *nghĩa* 義 [yì] và *nghi* 宜 [yí] (đúng đắn). Định nghĩa này (*nghĩa giả nghi dã* 義者宜也) cũng thấy trong *Lễ Ký* (thiên *Tế Nghĩa*): «Nghĩa giả nghi thử giả dã.» 義者宜此者也; và thiên *Trung Dung*: «Nghĩa giả nghi dã.» 義者宜也.

[52] Derk Bodde chú: Ở đây có sự chơi chữ (đồng âm) giữa *lễ* 禮 [lǐ] và *lý* 履 [l] (bước đi; đạp lên). Định nghĩa này (*lễ giả lý dã* 禮者履也) cũng thấy trong *Lễ Ký* (thiên *Tế Nghĩa*): «Lễ giả lý thử giả dã.» 禮者履此者也.

[53] Derk Bodde chú: Ở tiết 2 của chương 2 tôi đã chú thích về 12 luật. *Lục luật* 六律 là phân nửa của 12 luật, ứng với Dương; phân nửa còn lại là *lã (lữ)* 呂, ứng với Âm.

[54] Derk Bodde chú: Hai (2) ứng với Âm, một (1) ứng với Dương.

[55] Derk Bodde chú: Có nhiều thuyết khác nhau về *tam tiêu*: cửa vào của bao tử, hoặc cửa vào của ruột già, hoặc cửa vào của bọng đái.

[56] Derk Bodde chú: *Lễ Vận* là một thiên của *Lễ Ký*, nhưng câu trích dẫn này không thấy chép trong thiên *Lễ Vận* của bản *Lễ Ký* hiện hành.

vật hoàn thành, nên mừng. Ở hướng đông vạn vật sinh ra, nên giận.[57] Ở hướng bắc khí Dương bắt đầu thi hành, nên thích. Ở hướng nam khí Âm bắt đầu khởi động, nên ghét. Phía trên vui nhiều, phía dưới buồn nhiều.»[58] Theo quan điểm «thiên nhân hợp nhất» 天人合一 thì các đức tính ấy cố nhiên ứng với các căn cứ đó.

Đối với luân lý xã hội, Đổng Trọng Thư đề cập *tam cương* 三綱 và *ngũ kỷ* 五紀. Về *tam cương*, ông nói: «Nói chung, vật ắt phải có cái hợp

---

57 Derk Bodde chú: Có lẽ có sự chơi chữ ở đây giữa *nộ* 怒[nù] (giận dữ) và *nỗ* 努[nǔ] (cố gắng), ngụ ý sự cố gắng tạo sinh vạn vật. Chữ *nộ* 怒 (giận) trong văn bản xưa đôi khi được dùng với ý nghĩa là *nỗ* 努 (cố gắng). [Giải thích này được tác giả Phùng Hữu Lan thêm vào bản dịch Anh ngữ].

58 *Bạch Hổ Thông Nghĩa* (Tính Tình): «Tính tình giả, hà vị dã? Tính giả, Dương chi thi; tình giả, Âm chi hoá dã. Nhân bẩm Âm Dương khí nhi sinh, cố nội hoài ngũ tính lục tình. Tính giả, tính dã; tính giả, sinh dã. Thử nhân sở bẩm lục khí dĩ sinh giả dã. [...] Ngũ tính giả hà? Vị nhân, nghĩa, lễ, trí, tín dã. Nhân giả, bất nhẫn dã, thi sinh ái nhân dã. Nghĩa giả, nghi dã, đoán quyết đắc trúng dã. Lễ giả, lý dã, lý đạo thành văn dã. Trí giả, tri dã, độc kiến tiền văn, bất hoặc ư sự, kiến vi tri trứ dã. Tín giả, thành dã, chuyên nhất bất di dã. Cố nhân sinh nhi ứng bát quái chi thể, đắc ngũ khí dĩ vi thường, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín dã. Lục tình giả, hà vị dã? Hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố vị lục tình, sở dĩ phù thành ngũ tính. Tính sở dĩ ngũ, tình sở dĩ lục, hà? Nhân bẩn hàm lục luật ngũ hành chi khí nhi sinh, cố nội hữu ngũ tạng lục phủ, thử tình tính chi sở do xuất nhập dã. [...] Ngũ tạng giả, hà dã? Vị tâm, can, phế, thận, tỳ dã. [...] Ngũ tạng: Can nhân, phế nghĩa, tâm lễ, thận trí, tỳ tín dã. Can sở dĩ nhân giả hà? Can, mộc chi tinh dã. Nhân giả hiếu sinh. Đông phương giả, Dương dã, vạn vật thuỷ sinh. Cố can tượng mộc, sắc thanh nhi hữu chi diệp. [...] Phế sở dĩ nghĩa giả hà? Phế giả kim chi tinh. Nghĩa giả đoán quyết. Tây phương diệc kim, sát thành vạn vật dã. Cố phế tượng kim, sắc bạch dã. [...] Tâm sở dĩ vi lễ hà? Tâm, hoả chi tinh dã. Nam phương tôn Dương tại thượng, ti Âm tại hạ, lễ hữu tôn ti. Cố tâm tượng hoả, sắc xích nhi nhuệ dã. [...] Thận sở dĩ trí hà? Thận giả thuỷ chi tinh. Trí giả tiến chỉ vô sở nghi hoặc, thuỷ diệc tiến nhi bất hoặc. Bắc phương thuỷ, cố thận sắc hắc. Thuỷ Âm, cố thận song. [...] Tỳ sở dĩ tín hà? Tỳ giả thổ chi tinh dã. Thổ thượng nhậm dưỡng vạn vật vi chi tượng, sinh vật vô sở tư, tín chi chí dã. Cố tỳ tượng thổ, sắc hoàng dã. [...] Lục phủ giả, hà vị dã? Vị đại trường, tiểu trường, vị, bàng quang, tam tiêu, đảm dã. Phủ giả, vị ngũ tạng cung phủ dã. Cố *Lễ Vận* ký viết: "Lục tình giả, sở dĩ phù thành ngũ tính dã." [...] Hỉ tại tây phương, nộ tại đông phương, hiếu tại bắc phương, ố tại nam phương, ai tại hạ, lạc tại thượng. Hà dĩ? Tây phương vạn vật chi thành, cố hỉ. Đông phương vạn vật chi sinh, cố nộ. Bắc phương Dương khí thuỷ thi, cố hiếu. Nam phương Âm khí thuỷ khởi, cố ố. Thượng đa lạc, hạ đa ai dã.» 性情者,何謂也?性者,陽之施;情者,陰之化也.人稟陰陽氣而生,故內懷五悄六情.情者,靜也;性者,生也.此人所稟六氣以生者也.[...] 五性者何?謂仁,義,禮,智,信也.仁者,不忍也,施生愛人也.義者宜也,斷決得中也.禮者履也,履道成文也.智者知也,獨見前聞,不惑於事,見微知著也.信者誠也,專一不移也.故人生而應八卦之體,得五氣以爲常,仁,義,禮,智,信也.六情者何謂也?喜,怒,哀,樂,愛,惡謂六情,所以扶成五性.性所以五,情所以六,何?人本含六律五行之氣而生,故內有五藏六府,此情性之所由出入也.[...] 五藏者何也?謂心,肝,肺,腎,脾也.[...] 五藏:肝仁,肺義,心禮,腎智,脾信也.肝所以仁者何?肝,木之精也.仁者好生.東方者,陽也,萬物始生,故肝象木,色青而有枝葉.[...] 肺所以

với nó. Hợp ắt phải có trên, ắt phải có dưới, ắt phải có trái, ắt phải có phải, ắt phải có trước, ắt phải có sau, ắt phải có ngoài, ắt phải có trong. Có đẹp ắt phải có xấu, có thuận ắt phải có nghịch, có mừng ắt phải có giận, có lạnh ắt phải có nóng, có ngày ắt phải có đêm; đó đều là cái hợp của chúng. Âm là cái hợp với Dương. Vợ là cái hợp với chồng. Con là cái hợp với cha. Bầy tôi là cái hợp với vua. Vạn vật chẳng cái nào mà không có cái hợp với nó; mà hợp thì mỗi cái có Âm hoặc Dương. [...] Nghĩa của vua-bầy tôi, cha-con, vợ-chồng đều lấy ra từ đạo Âm Dương. Vua là Dương, bầy tôi là Âm. Cha là Dương, con là Âm. Chồng là Dương, vợ là Âm. [...] Các qui định về nhân nghĩa và chế độ xã hội đều hoàn toàn bắt nguồn từ trời. Trời là vua nên che phủ và ban ơn bầy tôi; đất là bầy tôi nên nâng đỡ và giúp vua. Dương giống như chồng sinh con cái, Âm giống như vợ trợ giúp chồng. Mùa xuân giống như cha sinh con cái, mùa hạ giống như con nuôi dưỡng cha. Mùa thu gây chết chóc, nên cho vạn vật vào quan tài, mùa đông gây đau đớn và chôn cất vạn vật. Tam cương của vương đạo có thể cầu ở trời.»[59]

義者何?肺者金之精.義者斷決.西方亦金,殺成萬物也.故肺象金,色白也.[...] 心所以爲禮何?心火之精也.南方尊陽在上,卑陰在下,禮有尊卑.故心象火,色赤而銳也.[...] 腎所以智何?腎者水之精.智者進止無所疑惑,水亦進而不惑.北方水,故腎色黑.水陰,故腎雙.[...] 脾所以信何?脾者土之精也.土上任養萬物爲之象,生物無所私,信之至也.故脾象土,色黃也.[...] 六府者,何謂也?謂大腸,小腸,胃,膀胱,三焦,膽也.府者,謂五藏宮府也.故禮運記曰:"六情者,所以扶成五性也."[...] 喜在西方,怒在東方,好在北方,惡在南方,哀在下,樂在上.何以?西方萬物之成,故喜.東方萬物之生,故怒.北方陽氣始施,故好.南方陰氣始起,故惡.上多樂,下多哀也).

59 ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Cơ Nghĩa): «Phàm vật tất hữu hợp. Hợp tất hữu thượng, tất hữu hạ, tất hữu tả, tất hữu hữu, tất hữu tiền, tất hữu hậu, tất hữu biểu, tất hữu lý. Hữu mỹ tất hữu ố, hữu thuận tất hữu nghịch, hữu hỉ tất hữu nộ, hữu hàn tất hữu thử, hữu trú tất hữu dạ, thử giai kỳ hợp dã. Âm giả, Dương chi hợp. Thê giả, phu chi hợp. Tử giả, phụ chi hợp. Thần giả, quân chi hợp. Vật mạc vô hợp, nhi hợp các tương Âm Dương. [...] Quân thần, phụ tử, phu phụ chi nghĩa, giai thủ chư Âm Dương chi đạo. Quân vi Dương, thần vi Âm. Phụ vi Dương, tử vi Âm. Phu vi Dương, thê vi Âm. [...] Nhân nghĩa chế độ chi số, tận thủ chi thiên. Thiên vi quân nhi phúc lộ chi, địa vi thần nhi trì tải chi. Dương vi phu nhi sinh chi, Âm vi phụ nhi trợ chi.** ***Xuân vi phụ nhi sinh chi, hạ vi tử nhi dưỡng chi. Thu vi tử nhi quan chi, đông vi thống nhi táng chi.*** **Vương đạo chi tam cương, khả cầu ư thiên.»** 凡物必有合.合必有上,必有下,必有左,必有右,必有前,必有後,必有表,必有裏.有美必有惡,有順必有逆,有喜必有怒,有寒必有暑,有晝必有夜,此皆其合也.陰者陽之合.妻者夫之合.子者父之合.臣者君之合.物莫無合,而合各相陰陽.[...] 君臣,父子,夫婦之義,皆取諸陰陽之道.君爲陽,臣爲陰.父爲陽,子爲陰.夫爲陽,妻爲陰.[...] 仁義制度之數,盡取之天.天爲君而覆露之,地爲臣而持載之.陽爲夫而生之,陰爲婦而助之.春爲父而生之,夏爲子而養之.秋爲死而棺之,冬爲痛而喪之.王道之三綱,可求於天. **– Phùng Hữu Lan chú: Bốn câu nói về bốn mùa ở cuối đoạn trích dẫn này, theo Tô Dư, dường như do người đời sau thêm vào.**

Ở đây trong thuyết nhân luân của Nho gia, ba mối quan hệ (quân-thần, phụ-tử, phu-thê) đặc biệt được đề xuất thành *tam cương* 三綱 (ba giềng mối)[60]: «Vua là giềng mối của bầy tôi; cha là giềng mối của con, chồng là giềng mối của vợ.» (Quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương. 君爲臣綱,父爲子綱,夫爲妻綱). Trong luân lý xã hội Trung Quốc, *tam cương* có ảnh hưởng rất mạnh. Theo kiến giải truyền thống, khi đánh giá một kẻ nào, người ta chú trọng ba mặt *trung* 忠 - *hiếu* 孝 - *đại tiết* 大節 của người đó. Nếu đại tiết của kẻ ấy có khiếm khuyết, dù các đức tính khác có tốt mấy thì cũng không đủ xét đến. Thậm chí khi đánh giá một phụ nữ, chỉ cần chú ý vấn đề trinh tiết mà thôi: «Chết đói là chuyện nhỏ, thất tiết đối với chồng mới là chuyện lớn.» (Ngạ tử sự tiểu, thất tiết sự đại 餓死事小,失節事大). Một khi người đàn bà đã thất tiết (không trung thành với chồng), thế là xong, không còn gì để bàn luận nữa. «Vua là giềng mối của bầy tôi; cha là giềng mối của con, chồng là giềng mối của vợ.» Thế thì bầy tôi, con cái, người vợ trở thành kẻ phụ thuộc vào vua, cha, chồng. Điểm này, xét về mặt siêu hình học cũng có căn cứ. Đổng Trọng Thư nói: «Nghĩa của vua-bầy tôi, cha-con, vợ-chồng đều giữ lấy đạo Âm Dương.» (Quân thần, phụ tử, phu phụ chi nghĩa, giai thủ chư Âm Dương chi đạo. 君臣,父子,夫婦之義,皆取諸陰陽之道). *Bạch Hổ Thông Nghĩa* cũng nói như thế. Sở dĩ như thế vì Nho gia đời Hán đã lấy các quan hệ vua-bầy tôi, cha-con, vợ-chồng suy luận thành quan hệ Âm Dương. Quan niệm như thế, họ cho là hợp lý.

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Đổng Trọng Thư không giảng rõ *ngũ kỷ* là gì. Đối với *tam cương*, *Bạch Hổ Thông Nghĩa* càng phát huy thêm, lại còn sửa đổi *ngũ kỷ* thành *lục kỷ*: «Tam cương là gì? Đó là vua-bầy tôi, cha-con, chồng-vợ. Lục kỷ là chú bác (bên cha), anh em, họ hàng, bác cậu (bên mẹ), thầy dạy, bạn bè. Cho nên *Hàm Văn Gia*[61] nói: "Vua là giềng mối của bầy tôi; cha là giềng mối của con, chồng là giềng mối của vợ." Lại nói: "Kính trọng cha và anh; thực hành đạo lục kỷ. Bác cậu (bên mẹ) có nghĩa, họ hàng có vai vế, anh em thân ái, tôn kính thầy dạy, bạn bè thân thiết lâu dài." Sao gọi là cương kỷ? Cương là mở ra. Kỷ là điều hành. Mối dây lớn gọi là cương, mối dây nhỏ gọi là kỷ. Chúng nhằm mở ra và điều hành trật tự người trên kẻ dưới, chỉnh đốn đạo làm

---

60 **LAM chú:** ***Thuyết Văn Giải Tự*** **giảng: «Cương, duy hoành thằng dã.»** 綱,維紘繩也 **(cương là sợi dây chính của cái lưới). Suy rộng ra cương là bộ phận cốt lõi của sự vật; là nguyên tắc chỉ đạo (tức *pháp kỷ* 法紀, *pháp độ* 法度).**

61 **Derk Bodde chú: *Hàm Văn Gia* là một trong các sách sấm vĩ về Lễ, hiện nay mất gần hết, chỉ còn vài đoạn rời rạc. Về sấm vĩ, xin xem chương 3.**

người. Con người đều quý tính chất của *ngũ thường* (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) và có lòng thân ái. Đó là cương kỷ chuyển hoá họ. Giống như cái lưới có mối dây lớn nhỏ thì muôn mắt lưới được mở ra. *Kinh Thi* nói: "Siêng năng thay Văn Vương, giữ cương kỷ bốn phương." Sáu người: vua, bầy tôi, cha, con, chồng, vợ; sao gọi là tam cương? Một Âm và một Dương gọi là đạo.[62] Dương được Âm thì thành tựu, Âm được Dương thì có trật tự. Cương và nhu phối hợp nhau, cho nên sáu người ấy gọi là tam cương.»[63] *Bạch Hổ Thông Nghĩa* cũng cho rằng mọi chế độ xã hội đều là bắt chước ngũ hành: «Cha mất thì con kế vị, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước mộc hết thì hoả làm chủ. Anh mất thì em kế vị, đó là bắt chước cái gì? Là mùa hạ nối tiếp mùa xuân. Khen ngợi người thiện cho đến con cháu người ấy, đó là bắt chước cái gì? Là sinh lực mùa xuân đợi đến mùa hạ mà phát triển lại. Ghét kẻ ác cho đến thân nhân của kẻ ấy, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước mùa thu làm khô héo vạn vật mà không đợi đến mùa đông. Vua còn bé và quan đại thần cầm quyền thay, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước thổ áp dụng sự việc ở giữa tháng quý [=quý hạ] và tháng mạnh [=mạnh thu]. Con báo thù cho cha, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước thổ thắng thuỷ, thuỷ thắng hoả. Con thuận theo cha, vợ thuận theo chồng, bầy tôi thuận theo vua, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước đất thuận theo trời. Con trai lấy vợ không rời xa nhà cha mẹ, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước hoả không rời xa mộc. Con gái lấy chồng phải rời xa cha mẹ ruột, đó là bắt chước cái gì? Là bắt chước thuỷ chảy ra khỏi kim. Lấy vợ phải rước dâu [lúc hoàng hôn], đó là bắt chước cái gì?

---

[62] Derk Bodde chú: «Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo» là câu nói nổi tiếng của *Chu Dịch*.

[63] *Bạch Hổ Thông Nghĩa* (Tam Cương Lục Kỷ): «Tam cương giả, hà vị dã? Vị quân thần, phụ tử, phu phụ dã. Lục kỷ giả, vị chư phụ, huynh đệ, tộc nhân, chư cữu, sư trưởng, bằng hữu dã. Cố *Hàm Văn Gia* viết: "Quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương." Hựu viết: "Kính chư phụ huynh, lục kỷ đạo hành. Chư cữu hữu nghĩa, tộc nhân hữu tự, côn đệ hữu thân, sư trưởng hữu tôn, bằng hữu hữu cựu." Hà vị cương kỷ? Cương giả, trương dã. Kỷ giả, lý dã. Đại giả vi cương, tiểu giả vi kỷ. Sở dĩ trương lý thượng hạ, chỉnh tề nhân đạo dã. Nhân giai hoài ngũ thường chi tính, hữu thân ái chi tâm, thị dĩ cương kỷ vi hoá. Nhược la cương chi hữu kỷ cương, nhi vạn mục trương dã. *Thi* vân: "Vĩ vĩ Văn Vương, cương kỷ tứ phương." Quân thần, phụ tử, phu phụ, lục nhân dã. Sở xưng tam cương hà? Nhất Âm nhất Dương vị chi đạo. Dương đắc Âm nhi thành, Âm đắc Dương nhi tự. Cương nhu tương phối, cố lục nhân vi tam cương.» 三綱者,何謂也?謂君臣,父子,夫婦也.六紀者,謂諸父,兄弟,族人,諸舅,師長,朋友也.故含文嘉曰:"君爲臣綱,父爲子綱,夫爲妻綱."又曰:"敬諸父兄,六紀道行.諸舅有義,族人有序,昆弟有親,師長有尊,朋友有舊."何謂綱紀?綱者張也.紀者理也.大者爲綱,小者爲紀.所以張理上下,整齊人道也.人皆懷五常之性,有親愛之心,是以綱紀爲化.若羅綱之有紀綱,而萬目張也.詩云:"亹亹文王,綱紀四方."君臣,父子,夫婦,六人也.所稱三綱何?一陰一陽謂之道.陽得陰而成,陰得陽而序.剛柔相配,故六人爲三綱.

Là bắt chước mặt trời lặn, Dương hạ vào Âm.»[64] Đoạn văn này còn nêu rất nhiều thí dụ tương tự, ở đây không cần trích dẫn ra hết.

Con người phải theo các quy luật luân lý ấy mà hành động thì mới có thể phát triển trọn vẹn bản tính của mình và mới đích thực là người. Đổng Trọng Thư nói: «Con người nhận lĩnh sinh mệnh từ trời, cho nên vượt trên tự nhiên và khác với mọi sinh vật khác. Trong gia đình thì con người có tình thân của cha con, anh em; ngoài xã hội thì có nghĩa vua tôi và kẻ trên người dưới, quây quần gặp gỡ thì có sự cư xử đối với các bậc già cả, người lớn và trẻ nhỏ. Con người rõ ràng có sự văn vẻ để giao tiếp nhau và vui vẻ có ân tình để thân ái với nhau, đó là cái đáng quý của con người. Con người tạo ra ngũ cốc để ăn, dùng dâu và gai để tạo y phục mà mặc, chăn lục súc để nuôi mình, thuần phục trâu bò, cưỡi ngựa, đánh bẫy và nhốt cũi hổ báo; do đó con người có được cái linh tánh từ trời và quý hơn mọi sinh vật khác. Cho nên Khổng Tử nói: "[Vạn vật có] tính của trời đất, chỉ có người là quý hơn cả."[65] Con người hiểu rõ tính trời và tự biết mình quý hơn sinh vật khác. Tự biết mình quý hơn sinh vật khác, nên sau mới biết nhân và nghĩa.[66] Biết nhân và nghĩa, nên sau mới trọng lễ tiết. Trọng lễ tiết, nên sau mới sống yên lành. Sống yên lành, nên sau mới vui theo lễ. Vui theo lễ, nên sau mới gọi là quân tử. Cho nên Khổng

---

[64] *Bạch Hổ Thông Nghĩa* (Ngũ Hành): «Phụ tử tử kế hà pháp? Pháp mộc chung hoả vương dã. Huynh tử đệ cập hà pháp, hạ chi thừa xuân dã. Thiện thiện cập tử tôn hà pháp? Xuân sinh đãi hạ phục trưởng dã. Ác ác chỉ kỳ thân hà pháp? Pháp thu sát bất đãi đông. Chúa ấu thần nhiếp chính hà pháp? Pháp thổ dụng sự ư quý mạnh chi gian dã. Tử phục cừu hà pháp? Pháp thổ thắng thuỷ, thuỷ thắng hoả dã. Tử thuận phụ, thê thuận phu, thần thuận quân, hà pháp? Pháp địa thuận thiên dã. Nam bất ly phụ mẫu hà pháp? Pháp hoả bất ly mộc dã. Nữ ly phụ mẫu hà pháp? Pháp thuỷ lưu khứ kim dã. Thú thê thân nghinh hà pháp? Pháp nhật nhập Dương hạ Âm dã.» 父死子繼何法?法木終火王也.兄死弟及何法,夏之承春也.善善及子孫何法?春生待夏復長也.惡惡止其身何法?法秋煞不待冬.主幼臣攝政何法?法土用事於季孟之間也.子復仇何法?法土勝水,水勝火也.子順父,妻順夫,臣順君何法?法地順天也.男不離父母何法?法火不離木也.女離父母何法?法水流去金也.娶妻親迎何法?法日入陽下陰也.

[65] Derk Bodde chú: Câu này trong *Hiếu Kinh* 孝經 (chương 9: Thánh Trị 聖治), nguyên văn: «Tử viết: Thiên địa chi tính, duy nhân vi quý.» 子曰:天地之性,惟人爲貴.

[66] Derk Bodde chú: Nguyên văn là: «Tri tự quý ư vật, nhiên hậu tri nhân nghị.» 知自貴於物,然後知仁誼. Chữ *nghị* 誼 ở đây và ở các câu kế tương đương với *nghĩa* 義. (Nhận xét này được tác giả Phùng Hữu Lan bổ sung cho bản dịch tiếng Anh.)

Tử nói: "Ai không biết mệnh trời thì không thể thành quân tử."»[67]

Con người nếu không có luân thường và đạo đức thì không có gì khác với các sinh vật khác và đối với cầm thú thì chẳng có chi phân biệt.

9. Triết học chính trị và triết học xã hội

Bởi bản tính con người chưa thể hoàn toàn thiện, cho nên cần có vua để cai trị. Đổng Trọng Thư nói: «Trời sinh con người, bản tính của người có cái chất thiện nhưng họ chưa thể hoàn thiện, do đó trời mới lập ra vua để cải thiện dân chúng. Đó là ý trời vậy. Dân chúng nhận được từ trời cái bản tính ấy, mà tự bản tính ấy vốn chưa hoàn thiện, nên họ mới nhận được từ vua sự giáo hoá về bản tính; vua vâng theo ý trời mà chịu trách nhiệm về việc cải thiện bản tính của dân chúng.»[68]

Vua là kẻ nhận mệnh lệnh của trời, noi theo trời mà cai trị dân chúng. Địa vị của vua quả thực rất cao và trách nhiệm rất lớn. Đổng Trọng

---

[67] ***Tiền Hán Thư*** **(Đổng Trọng Thư Truyện): «Nhân thụ mệnh ư thiên, cố siêu nhiên dị ư quần sinh. Nhập hữu phụ tử huynh đệ chi thân, xuất hữu quân thần thượng hạ chi nghị, hội tụ tương ngộ, tắc hữu kỳ lão trưởng ấu chi thi. Xán nhiên hữu văn dĩ tương tiếp, hoan nhiên hữu ân dĩ tương ái, thử nhân chi sở dĩ quý dã. Sinh ngũ cốc dĩ thực chi, tang ma dĩ y chi, lục súc dĩ dưỡng chi, phục ngưu thừa mã, quyển báo lan hổ, thị kỳ đắc thiên chi linh quý ư vật dã. Cố Khổng Tử viết: "Thiên địa chi tính nhân vi quý." Minh ư thiên tính, tri tự quý ư vật. Tri tự quý ư vật, nhiên hậu tri nhân nghị. Tri nhân nghị, nhiên hậu trọng lễ tiết. Trọng lễ tiết, nhiên hậu an xử thiện. An xử thiện, nhiên hậu lạc tuần lễ. Lạc tuần lễ, nhiên hậu vị chi quân tử. Cố Khổng Tử viết, bất tri mệnh *vong dĩ vi* quân tử, thử chi vị dã.»** 人受命於天,故超然異於群生.人有父子兄弟之親,出有君臣上下之誼,會聚相遇,則有耆老長幼之施.粲然有文以相接,驩然有恩以相愛,此人之所以貴也.生五穀以食之,桑麻以衣之,六畜以養之,服牛乘馬,圈豹檻虎,是其得天之靈貴於物也.故孔子曰:"天地之性人爲貴."明於天性,知自貴於物.知自貴於物,然後知仁誼.知仁誼,然後重禮節.重禮節,然後安處善.安處善,然後樂循禮.樂循禮,然後謂之君子.故孔子曰,不知命亡以爲君子,此之謂也.– **LAM chú: Câu chót trích trong *Luận Ngữ*** **(Nghiêu Viết), nguyên văn: «Khổng Tử viết: Bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã; bất tri lễ, vô dĩ lập dã; bất tri ngôn, vô dĩ tri nhân dã.»** 孔子曰:不知命,無以爲君子也.不知禮,無以立也.不知言,無以知人也 **(Khổng Tử nói: Không biết mệnh trời thì không thể là quân tử; không biết lễ thì không thể lập thân trong xã hội; không biết phân tách lời nói của người khác thì không thể hiểu họ). [Nguyên văn chép là *vô dĩ vi* 無以爲, không phải là *vong dĩ vi* 亡以爲.]**

[68] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thâm Sát Danh Hiệu): «Thiên sinh dân tính hữu thiện chất nhi vị năng thiện, ư thị vi chi lập vương dĩ thiện chi, thử thiên ý dã. Dân thụ vị năng thiện chi tính ư thiên, nhi thoái thụ thành tính chi giáo ư vương; vương thừa thiên ý dĩ thành dân chi tính vi nhậm giả dã.»** 天生民性有善質而未能善,於是爲之立王以善之,此天意也.民受未能善之性於天,而退受成性之教於王;王承天意以成民之性爲任者也.

Thư nói: «Cổ nhân khi tạo ra chữ *vương* 王(vua) thì vạch ba nét ngang (三), giữa có một nét sổ (|) nối chúng lại. Ba nét ngang ấy tượng trưng cho trời, đất, và người (tức *tam tài*). Còn nét sổ ở giữa tượng trưng sự thông suốt [của nhà vua] về đạo *tam tài*. Đứng giữa tam tài và thông suốt đạo *tam tài*, nếu không phải thánh vương thì còn ai có thể làm được điều ấy? Cho nên thánh vương chỉ là người noi theo trời; noi theo bốn mùa mà giúp chúng thành tựu; noi theo mệnh trời và truyền mệnh ấy cho dân chúng; noi theo các con số của trời mà khởi sự; noi theo đạo trời mà đề ra cách cai trị; noi theo ý muốn của trời mà quay về với lòng nhân ái.»[69]

«Thánh vương chỉ là người noi theo trời; noi theo bốn mùa mà giúp chúng thành tựu.» Đổng Trọng Thư giảng câu ấy rằng: «Như thế sự thích, ghét, mừng, giận của vua chính là bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của trời. Sự ấm áp, trong trẻo, lạnh lẽo, nóng bức là do trời biến hoá mà thành. Trời xuất ra bốn cái ấy (ấm áp, trong trẻo, lạnh lẽo, nóng bức) theo mùa thì năm tốt, không theo mùa thì năm xấu. Vua của nhân dân xuất ra bốn cái ấy theo nghĩa thì đời thịnh trị, không theo nghĩa thì đời loạn lạc. Cho nên

---

[69] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Vương Đạo Thông Tam): «Cổ chi tạo văn giả, tam hoạch nhi liên kỳ trung, vị chi vương. Tam hoạch giả, thiên địa dữ nhân dã. Nhi liên kỳ trung giả, thông kỳ đạo dã. Thủ thiên địa dữ nhân chi trung, dĩ vi quán nhi tham thông chi, phi vương giả thục năng đương thị? Thị cố vương giả duy thiên chi *thi*, *thi* [a] kỳ thời nhi thành chi, pháp kỳ mệnh nhi tuần chi chư nhân, pháp kỳ số nhi dĩ khởi sự, *trị kỳ đạo nhi dĩ xuất pháp*,[b] *trị*[c] kỳ chí nhi quy chi ư nhân.»** 古之造文者，三畫而連其中，謂之王．三畫者，天地與人也．而連其中者，通其道也．取天地與人之中，以爲貫而參通之，非王者孰能當是?是故王者唯天之施，施其時而成之，法其命而循之諸人，法其數而以起事，治其道而以出法，治其志而歸之於仁．**– Phùng Hữu Lan chú: Tô Dư nói: «(a) Nghi chỗ này bị mất hai chữ. Chữ *thi* 施 nên viết là *pháp* 法. (b) Nên viết: *pháp kỳ đạo nhi dĩ xuất trị* 法其道而以出治. (c) Chữ *trị* 治 nên viết là *pháp* 法.» – Derk Bodde chú: Chữ *vương* 王 gồm ba nét ngang và một nét sổ giữa; về mặt từ nguyên tất nhiên là sai. Tự thể nguyên thuỷ của chữ này là hình một người trực diện đứng thẳng trên mặt đất, hai chân xoạc ra, hai cánh tay duỗi thẳng ngang. – LAM chú: *Thuyết Văn Giải Tự* giảng *vương* là: «Thiên hạ sở quy vãng dã. Đổng Trọng Thư viết: Cổ chi tạo văn giả, tam hoạch nhi liên kỳ trung, vị chi vương. Tam giả, thiên địa nhân dã. Nhi tham thông chi giả vương dã. Khổng Tử viết: Nhất quán tam vi vương, phàm vương chi thuộc giai tòng vương.»** 天下所歸往也董仲舒曰古之造文者三畫而連其中謂之王三者天地人也而參通之者王也孔子曰一貫三爲王凡王之屬皆從王 **(Vương là người mà thiên hạ quy về. Đổng Trọng Thư nói: Cổ nhân khi tạo ra chữ *vương* thì vạch ba nét ngang, giữa có một nét sổ nối chúng lại. Ba nét ngang ấy tượng trưng cho trời, đất, người. Người thông suốt thiên địa nhân chính là *vương*. Khổng Tử nói: Một mà thông suốt cả ba thì gọi là *vương*. Hễ cái gì thuộc về *vương* thì theo *vương*.) [*Thuyết Văn Giải Tự*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1996, tr.9]. Nhận xét của Derk Bodde không phải là không có căn cứ. Sau đây là các tự thể xưa của chữ vương:** 𠀎 𠀎 **[Nguồn: Từ Vô Văn 徐無聞chủ biên, *Giáp Kim Triện Lệ Đại Tự Điển* 甲金篆隸大字典, Tứ Xuyên Từ Thư xuất bản xã, 1996, tr.14].**

đời thịnh trị và năm tốt thì cùng số [của trời], đời loạn lạc và năm xấu thì cùng số [của trời]. Lấy đó mà thấy nguyên lý của người tương ứng với đạo trời vậy. [...] Vua của nhân dân đứng ở vị trí có quyền sinh sát, cùng với trời có cái thế biến hoá. Không có vật gì mà không ứng với sự biến hoá của trời. Sự biến hoá của trời đất chẳng hạn như bốn mùa. Vua thích thì gió xuất hiện thành khí ấm và đời có sinh vật được sinh. Vua ghét thì gió xuất hiện thành khí trong trẻo và đời có sinh vật bị giết. Vua mừng thì khí ấy có sự nuôi lớn. Vua giận thì có khí lạnh xuất hiện và có sự bế tắc xảy ra. Vua của nhân dân lấy thích, ghét, mừng, giận mà biến đổi tập tục, còn trời thì lấy ấm áp, trong trẻo, lạnh lẽo, nóng bức mà biến hoá thảo mộc. Mừng giận theo thời và làm đúng thì năm tốt, không theo thời và làm sai thì năm xấu. Trời, đất, người, vua, đều là một vậy.»[70]

Đổng Trọng Thư lại nói: «Đạo trời thì mùa xuân ấm để tạo sinh, mùa hạ nóng để nuôi dưỡng, mùa thu trong trẻo để sát hại, mùa đông lạnh để cất chứa. Các khí ấm, nóng, trong, lạnh tuy khác nhau nhưng cùng công dụng; tất cả đều là công cụ cho trời hoàn thành năm. Thánh nhân ứng theo sự vận hành của trời để cai trị, cho nên lấy chúc mừng để ứng với cái ấm áp trong mùa xuân, lấy khen thưởng để ứng với cái nóng bức trong mùa hạ, lấy trừng phạt để ứng với cái trong trẻo trong mùa thu, lấy hành hình để ứng với cái lạnh lẽo trong mùa đông. Các việc chúc mừng, khen thưởng, trừng phạt, hành hình tuy khác nhau nhưng đồng công dụng; tất cả đều là công cụ để vua hoàn thành đạo đức của mình. Chúc mừng, khen thưởng, trừng phạt, hành hình cùng với xuân, hạ, thu,

---

[70] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Vương Đạo Thông Tam): «Nhiên nhi chủ chi hiếu ố hỉ nộ, nãi thiên chi xuân hạ thu đông dã. Kỳ câu noãn thanh hàn thử, nhi dĩ biến hoá thành công dã. Thiên xuất thử *vật* (*) giả thời tắc tuế mỹ, bất thời tắc tuế ác. Nhân chủ xuất thử tứ giả, nghĩa tắc thế trị, bất nghĩa tắc thế loạn. Thị cố trị thế dữ mỹ tuế đồng số, loạn thế dữ ác tuế đồng số, dĩ thử kiến nhân lý chi phó thiên đạo dã. [...] Nhân chủ lập ư sinh sát chi vị, dữ thiên cộng trì biến hoá chi thế, vật mạc bất ứng thiên hoá. Thiên địa chi hoá như tứ thời. Sở hiếu chi phong xuất, tắc vi noãn khí nhi hữu sinh ư tục. Sở ác chi phong xuất, tắc vi thanh khí nhi hữu sát ư tục. Hỉ tắc vi thử khí nhi hữu dưỡng trưởng dã, nộ tắc vi hàn khí nhi hữu bế tắc dã. Nhân chủ dĩ hiếu ố hỉ nộ biến tập tục, nhi thiên dĩ noãn thanh hàn thử hoá thảo mộc. Hỉ nộ thời nhi đáng tắc tuế mỹ, bất thời nhi vọng tắc tuế ác, thiên địa nhân chủ nhất dã.»** 然而主之好惡喜怒，乃天之春夏秋冬也。其俱暖清寒暑，而以變化成功也。天出此物者(*)時則歲美，不時則歲惡。人主出此四者，義則世治，不義則世亂。是故治世與美歲同數，亂世與惡歲同數，以此見人理之副天道也。[...] 人主立於生殺之位，與天共持變化之勢，物莫不應天化。天地之化如四時。所好之風出，則爲暖氣而有生於俗。所惡之風出，則爲清氣而有殺於俗。喜則爲暑氣而有養長也，怒則爲寒氣而有閉塞也。人主以好惡喜怒變習俗，而天以暖清寒暑化草木。喜怒時而當則歲美，不時而妄則歲惡，天地人主一也。 – **Phùng Hữu Lan chú: (*) Tô Dư nói chữ *vật* 物 nên viết là *tử* 四.**

đông, lấy loại mà tương ứng, giống như hai mảnh tín phù ăn khớp với nhau. Cho nên nói: Vua phối hợp với trời, ý nói là cái đạo của vua. Trời có bốn mùa, vua có *tứ chính* (bốn cách cai trị); đó là trời với người có chỗ giống nhau vậy.»[71]

Sự mừng, giận, buồn, vui của vua và các việc chúc mừng, khen thưởng, trừng phạt, hành hình đều bắt chước theo bốn mùa. Nếu chúng được làm đúng đắn thì đời thịnh trị.

«Khi trời tạo ra tính của con người thì ban lệnh khiến con người phải thi hành nhân nghĩa và biết xấu hổ về cái đáng xấu hổ.» Vua «noi theo mệnh trời và truyền mệnh ấy cho dân chúng» tức là thực hành sự giáo hoá để dân chúng hoàn thành bản tính; vua nối tiếp theo trời (*kế thiên* 繼天) để giúp dân chúng trở nên hoàn thiện. Đổng Trọng Thư nói: «Lệnh trời gọi là mệnh; mệnh trời không phải tay thánh nhân thì không thi hành được. Chất phác gọi là tính; tính không nhờ giáo hoá thì không thành. Nhân dục gọi là tình; tình không nhờ các chế độ thì không tiết chế được. Cho nên bậc làm vua đối với trên thì vâng theo ý trời để thuận theo mệnh trời; đối với dưới thì cốt sáng suốt và giáo hoá dân chúng để hoàn thành bản tính của họ. Làm chính đáng các pháp độ, phân biệt trật tự trên dưới là để phòng ngừa dục vọng. Tu sửa ba điều ấy tức là nâng cao gốc lớn của xã hội vậy.»[72]

---

[71] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Tứ Thời Chi Phó): «Thiên chi đạo xuân noãn dĩ sinh, hạ thử dĩ dưỡng, thu thanh dĩ sát, đông hàn dĩ tàng. Noãn thử thanh hàn, dị khí nhi đồng công, giai thiên chi sở dĩ thành tuế dã. Thánh nhân phó thiên chi sở hành dĩ vi chính, cố dĩ khánh phó noãn nhi đương xuân, dĩ thưởng phó thử nhi đương hạ, dĩ phạt phó thanh nhi đương thu, dĩ hình phó hàn nhi đương đông. Khánh thưởng phạt hình, dị sự nhi đồng công, giai vương giả chi sở dĩ thành đức dã. Khánh thưởng phạt hình, dữ xuân hạ thu đông, dĩ loại tương ứng dã, như hợp phù. Cố viết: Vương giả phối thiên, vị kỳ đạo. Thiên hữu tứ thời, vương hữu tứ chính, nhược tứ thời thông loại dã, thiên nhân sở đồng hữu dã.»** 天之道春暖以生，夏暑以養，秋清以殺，冬寒以藏．暖暑清寒，異氣而同功，皆天之所以成歲也．聖人副天之所行以爲政，故以慶副暖之當春，以賞副暑而當夏，以罰副清而當秋，以刑副寒而當冬．慶賞罰刑，異事而同功，皆王者之所以成德也．慶賞罰刑，與春夏秋冬，以類相應也，如合符．故曰：王者配天，謂其道．天有四時，王有四政，若四時通類也，天人所同有也．

[72] ***Tiền Hán Thư*** **(Đổng Trọng Thư Truyện): «Thiên lệnh chi vị mệnh; mệnh phi thánh nhân bất hành. Chất phác chi vị tính; tính phi giáo hoá bất thành. Nhân dục chi vị tình; tình phi chế độ phi tiết. Thị cố vương giả thượng cẩn ư thừa thiên ý, dĩ thuận mệnh dã. Hạ vụ minh giáo hoá dân, dĩ thành tính dã. Chính pháp độ chi nghi, biệt thượng hạ chi tự, dĩ phòng dục dã. Tu thử tam giả, nhi đại bản cử hĩ.»** 天令之謂命；命非聖人不行．質樸之謂性；性非教化不成．人欲之謂情；情非制度非節．是故王者上謹於承天意，以順命也．下務明教化民，以成性也．正法度之宜，別上下之序，以防欲也．修此三者，而大本舉矣．

Trên đây nói bậc vương vâng theo ý trời để giáo hoá dân chúng.

Về việc vua «noi theo các con số của trời mà khởi sự», Đổng Trọng Thư nói: «Vua đặt ra các chức quan: *tam công* 三公, *cửu khanh* 九卿, 27 *đại phu* 大夫, 81 *nguyên sĩ* 元士, cả thảy 120 người, để hệ thống quan chức hoàn bị.[73] Ta nghe nói thánh vương lập hệ thống này là bắt chước theo nguyên lý lớn của trời: ba [tháng] khởi lên mà thành [một mùa], bốn [mùa] luân chuyển mà xong [một năm]. Quan chế cũng như thế, đấy chẳng phải là kiểu mẫu cho việc sắp đặt quan chức sao? Ba người là tuyển lần nhất, theo kiểu mẫu là ba tháng thành một mùa. Bốn tuyển thì dừng, theo kiểu mẫu là bốn mùa thì xong một năm.[74] Tam công là người vua dùng để giúp mình. Trời lấy số ba mà thành; vua lấy số ba để giúp mình. Khi số ấy được lập thành, thì nhân nó lên bốn lần; như thế sẽ không có sai lầm. Làm đầy đủ các số của trời để tham gia sự việc của con người; cai trị thì cẩn thận đối với ý nghĩa của đạo trời. [...] Một Dương mà ba [tháng] mùa xuân, chẳng phải một mùa là từ số ba sao? Trời nhân ba lên bốn lần, thì số đó [tức 12] đồng nhất [với số tháng của một năm]. Trời có bốn mùa, mỗi mùa có ba tháng. Vua có bốn lần tuyển chọn, mỗi lần tuyển chọn có ba vị quan. Cho nên một mùa có tháng *mạnh* (tháng đầu mùa), tháng *trọng* (tháng giữa mùa), tháng *quý* (tháng cuối mùa); đó là đặc điểm của một mùa. Có trên, giữa, dưới; đó là đặc điểm của một lần tuyển chọn. Ba vị quan là một lần tuyển chọn; thực hiện lần bốn tuyển chọn thì ngưng, thế là thể hiện đầy đủ đặc điểm của con người. Người tài cố nhiên có bốn lần tuyển chọn, giống như các mùa của trời cố nhiên có bốn lần biến đổi.

---

73 **Derk Bodde chú: Đây là hệ thống quan chức do các học giả đời sau tưởng tượng là đã tồn tại suốt đời Chu. Xem *Lễ Ký* (Vương Chế).– LAM chú: Theo quan chế đời Chu, *Tam Công* 三公 là: Thái Sư 太師, Thái Phó 太傅, Thái Bảo 太保. Đời Tây Hán, Tam Công là: Đại Tư Đồ 大司徒, Đại Tư Mã 大司馬, Đại Tư Không 大司空. Đời Đông Hán đến đời Ngụy-Tấn, Tam Công là: Thái Úy 太尉, Tư Đồ 司徒, Tư Không 司空. Tam Công cũng gọi là Tam Tư 三司. Theo quan chế đời Chu, *Cửu Khanh* 九卿 là: Thiếu Sư 少師, Thiếu Phó 少傅, Thiếu Bảo 少保, Trủng Tể 冢宰, Tư Đồ 司徒, Tông Bá 宗伯, Tư Mã 司馬, Tư Khấu 司寇, Tư Không 司空. Đời Tần, Cửu Khanh là: Phụng Thường 奉常, Lang Trung Lệnh 郎中令, Vệ Uý 衛尉, Thái Bộc 太仆, Đình Uý 廷尉, Điển Khách 典客, Tông Chính 宗正, Trị Túc Nội Sử 治粟內史, Thiếu Phủ 少府. Đời Hán, Cửu Khanh là: Thái Thường 太常, Quang Lộc Huân 光祿勛, Vệ Uý 衛尉, Thái Bộc 太仆, Đình Uý 廷尉, Hồng Lô 鴻臚, Tông Chính 宗正, Đại Tư Nông 大司農 (có lúc gọi là Đại Tư Lệnh 大司令), Thiếu Phủ 少府. (Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.824, 1343).**

74 **Derk Bodde chú: Đại ý ở đây là: Vua tuyển ba người (Tam Công) làm phụ tá, đó là tuyển lần nhất. Mỗi người trong Tam Công chọn ba phụ tá (tổng cộng có chín người gọi là Cửu Khanh), đó là tuyển lần hai. Mỗi người trong Cửu Khanh chọn ba phụ tá (tổng cộng có 27 người gọi là Đại Phu), đó là tuyển lần ba. Mỗi người trong Đại Phu chọn ba phụ tá (tổng cộng có 81 người gọi là Nguyên Sĩ), đó là tuyển lần bốn.**

Thánh nhân là một lần tuyển chọn; *quân tử* là một lần tuyển chọn, *thiện nhân* (người tốt) là một lần tuyển chọn, *chính nhân* (người chính trực) là một lần tuyển chọn. Những ai dưới bậc chính nhân thì không đủ tư cách được tuyển chọn. Trong bốn lần tuyển chọn, mỗi lần đều có sự tiết chế. Cho nên trời tuyển chọn bốn mùa và hoàn thành chúng với 12 tháng; như thế sự biến đổi của trời đã xong [cho một năm]. Hoàn thành sự biến đổi của người và phối hợp nó với trời, chỉ có thánh nhân mới làm được mà thôi. Đó là lý do tại sao thánh nhân thiết lập công việc của vua. [...] Cho nên trong một năm có bốn mùa, trong một mùa có ba khoảng thời gian [mạnh, trọng, quý], đó là thời tiết của trời. Con người sinh ra từ trời và thể hiện thời tiết của trời, cho nên cũng có sự biến đổi lớn nhỏ và dầy mỏng, đó là khí tiết của người. Các bậc vua đời trước dựa vào khí tiết của con người mà phân biệt các biến đổi và lập thành bốn sự tuyển chọn [quan chức]. Cho nên thánh nhân được tuyển vào vị trí Tam Công. Quân tử được tuyển vào vị trí Tam Khanh. Người tốt được tuyển vào vị trí Tam Đại Phu. Người chính trực được tuyển vào vị trí Tam Sĩ. Phân biệt sự biến đổi của con người để làm bốn lần tuyển chọn mà lập ba vị quan; điều ấy giống như trời phân biệt sự biến đổi của năm để làm bốn mùa, mỗi mùa có ba tiết. Trời lấy sự tuyển chọn bốn mùa phối hợp hài hoà với 12 tiết mà tạo thành một năm; vua lấy sự tuyển chọn bốn vị trí phối hợp hài hoà với 12 vị quan mà đạt tới cực điểm [của Đạo]. Phải đạt tới cực điểm của Đạo thì sau mới có được sự tốt đẹp của thiên hạ.»[75]

---

[75] *Xuân Thu Phồn Lộ* (Quan Chế Tượng Thiên): «Vương giả chế quan: tam công, cửu khanh, nhị thập thất đại phu, bát thập nhất nguyên sĩ, phàm bách nhị thập nhân, nhi liệt thần bị hĩ. Ngô văn thánh vương sở thủ nghi *kim*(a) thiên chi đại kinh, tam khởi nhi thành, tứ chuyển nhi chung. Quan chế diệc nhiên giả, thử kỳ nghi dư? Tam nhân nhi vi nhất tuyển, nghi ư tam nguyệt nhi vi nhất thời dã. Tứ tuyển nhi chỉ, nghi ư tứ thời nhi chung dã. Tam công giả, vương chi sở dĩ tự trì dã. Thiên dĩ tam thành chi; vương dĩ tam tự trì. Lập thành số dĩ vi thực, nhi tứ trùng chi, kỳ khả dĩ vô thất hĩ. Bị thiên số dĩ tham sự, trị cẩn ư đạo chi ý dã. [...] Nhất Dương nhi tam xuân, phi tự tam chi thời dữ? Nhi thiên tứ trùng chi, kỳ số đồng hĩ. Thiên hữu tứ thời, thời tam nguyệt. Vương hữu tứ tuyển, tuyển tam thần. Thị cố hữu mạnh, hữu trọng, hữu quý, nhất thời chi tình dã. Hữu thượng, hữu hạ, hữu trung, nhất tuyển chi tình dã. Tam thần nhi vi nhất tuyển, tứ tuyển nhi chỉ, nhân tình tận hĩ. Nhân chi tài cố hữu tứ tuyển, như thiên chi thời cố hữu tứ biến dã. Thánh nhân vi nhất tuyển, quân tử vi nhất tuyển, thiện nhân vi nhất tuyển, chính nhân vi nhất tuyển. Do thử nhi hạ giả, bất túc tuyển dã. Tứ tuyển chi trung, các hữu tiết dã. Thị cố *thiên tuyển tứ đê, thập nhị nhi nhân biến tận hĩ.*(b) Tận nhân chi biến, hợp chi thiên, duy thánh nhân giả năng chi. Sở dĩ lập vương sự dã. [...] Cố nhất tuế chi trung hữu tứ thời, nhất thời chi trung hữu tam trưởng, thiên chi tiết dã. Nhân sinh ư thiên, nhi thể thiên chi tiết, cố diệc hữu đại tiểu hậu bạc chi biến, nhân chi khí dã. Tiên vương nhân nhân chi khí nhi phân kỳ biến, dĩ vi tứ tuyển. Thị cố tam công chi vị, thánh nhân chi tuyển dã. Tam khanh chi vị, quân tử chi tuyển dã. Tam đại phu chi vị, thiện nhân chi tuyển dã. Tam sĩ chi vị, chính trực chi tuyển dã. Phân nhân chi biến, dĩ vi tứ tuyển, tuyển lập tam thần. Như thiên chi phân tuế chi biến dĩ vi tứ thời, thời hữu tam tiết dã. Thiên dĩ tứ thời chi tuyển, dữ thập nhị tiết tương hoà nhi thành tuế.

Việc lập ra và phân chia quan chức đều bắt chước theo các con số của trời, chứ không phải tuỳ tiện mà qui định.

Về việc vua «noi theo đạo trời mà đề ra cách cai trị» (pháp kỳ đạo nhi dĩ xuất trị 法其道而以出治), Đổng Trọng Thư nói: «Đạo trời có trật tự và bốn mùa, có pháp độ và tiết chế, tuy có sự biến đổi nhưng vẫn có lẽ thường, tuy có những trái ngược nhưng là để trợ giúp nhau. Đạo trời vi tế nhưng vươn tới chỗ xa xôi; xa xôi mà cực tinh; chỉ có một mà tích chứa [tất cả]; rộng mà đặc; rỗng mà đầy. Thánh nhân trông theo trời mà hành động. Cho nên thánh nhân cẩn thận thẩm xét những gì mình ưa, ghét, mừng, giận, cốt là để phù hợp với sự ấm áp, trong trẻo, lạnh lẽo, nóng bức được phát ra đúng mùa của trời. [...] Thánh nhân xấu hổ về sự hời hợt nông cạn mà quý trọng sự đôn hậu trung tín là muốn hoà hợp với trời vì trời âm thầm tích luỹ và thành tựu các công đức. Thánh nhân không a dua phe đảng và không tư vị; ngài yêu khắp vạn vật và làm lợi cho vạn vật là muốn hoà hợp với trời, vì trời ban ít giọt sương mà nhiều giọt móc để vạn vật thành tựu.»[76]

Vương dĩ tứ vị chi tuyển, dữ thập nhị thần tương để lệ nhi trí cực. Đạo tất cực ư kỳ sở chí, nhiên hậu năng đắc thiên địa chi mỹ dã.» 王者制官：三公，九卿，二十七大夫，八十一元士，凡百二十人，而列臣備矣。吾聞聖王所取儀金[a]天之大經，三起而成，四轉而終。官制亦然者，此其儀與？三人而爲一選，儀於三月而爲一時也。四選而止，儀於四時而終也。三公者，王之所以自持也。天以三成之；王以三自持。立成數以爲植，而四重之，其可以無失矣。備天數以參事，治謹於道之意也 [...] 一陽而三春，非自三之時與？而天四重之，其數同矣。天有四時，時三月。王有四選，選三臣。是故有孟，有仲，有季，一時之情也。有上，有下，有中，一選之情也。三臣而爲一選，四選而止，人情盡矣。人之材固有四選，如天之時固有四變也。聖人爲一選，君子爲一選，善人爲一選，正人爲一選。由此而下者，不足選也。四選之中，各有節也。是故天選四堤，十二而人變盡矣。[b] 盡人之變，合之天，唯聖人者能之。所以立王事也。[...] 故一歲之中有四時，一時之中有三長，天之節也。人生於天，而體天之節，故亦有大小厚薄之變，人之氣也。先王因人之氣而分其變，以爲四選。是故三公之位，聖人之選也。三卿之位，君子之選也。三大夫之位，善人之選也。三士之位，正直之選也。分人之變，以爲四選，選立三臣。如天之分歲之變以爲四時，時有三節也。天以四時之選，與十二節相和而成歲。王以四位之選，與十二臣相砥礪而致極。道必極於其所至，然後能得天地之美也。– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Du Việt nói: «Chữ *kim* 金 là chữ *pháp* 法 bị chép lầm.» (b) Tô Dư nói: «Câu này lẽ ra là: *thiên tuyển tứ thời, chung thập nhị, nhi thiên biến tận hĩ.* 天選四時，終十二，而天變盡矣.»**

[76] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thiên Dung): «Thiên chi đạo hữu tự nhi thời, hữu độ nhi tiết, hiến nhi hữu thường, phẫn nhi hữu tương phụng. Vi nhi chí viễn, trác nhi trí tinh, nhất nhi thiểu tích súc. Quảng nhi thực. Hư nhi doanh. Thánh nhân thị thiên nhi hành. Thị cố kỳ cấm nhi thẩm hiếu ố hỉ nộ chi xứ dã, dục hợp chư thiên chi phi kỳ thời bất xuất noãn thanh hàn thử dã. [...] Kỳ tu thiển mạt hoa hư nhi quý đôn hậu trung tín dã, dục hợp chư thiên chi mặc nhiên bất ngôn nhi công đức tích thành dã. Kỳ bất a đảng thiên tư nhi mỹ phiếm ái kiêm lợi dã, dục hợp chư**

Trên đây đều nói vua – người chủ của dân chúng – noi theo đạo trời mà có cách cai trị phù hợp.

Về việc vua «noi theo cách cai trị của trời mà quy về nhân ái» (pháp kỳ trị nhi quy ư nhân 法其治而歸於仁), Đổng Trọng Thư nói: «Cái đẹp của lòng nhân ái là ở trời. Trời là nhân ái; trời che phủ và nuôi dưỡng vạn vật, đã biến hoá và sinh ra chúng lại còn nuôi dưỡng và hoàn thành chúng. Việc của trời thì chẳng bao giờ xong; hễ vừa hết cái cũ thì lại bắt đầu cái mới; những gì trời tạo ra rốt cuộc là nhằm phụng sự cho người. Nếu ta xem xét ý chí của trời, thì thấy đó là lòng nhân ái vô hạn. Con người nhận lĩnh sinh mệnh từ trời và đồng thời nhận lĩnh lòng nhân ái từ trời nên họ trở nên nhân ái. Cho nên con người [...] có tình thân ái giữa cha anh và con em; có lòng trung thực, thành tín, từ huệ; có hành động theo lễ, nghĩa, liêm khiết, khoan nhượng; có cách xử lý đúng sai và thuận nghịch. Con người có nguyên tắc văn vẻ rực rỡ và dồi dào, trí tuệ rộng lớn. Chỉ có con người là có thể sánh với trời. Mục đích của trời là yêu thương và làm lợi vạn vật; công việc của trời là nuôi dưỡng và phát triển vạn vật; bốn mùa xuân, thu, đông, hạ đều được trời dùng. Mục đích của thánh vương cũng là yêu thương và làm lợi thiên hạ; công việc của thánh vương là làm cho đời yên vui; ưa, ghét, mừng, giận đều được thánh vương dùng hết.»[77]

---

thiên chi sở dĩ thành vật giả thiểu sương nhi đa lộ dã.» 天之道有序而時,有度而節,變而有常,反而有相奉,微而至遠,蹍而致精,一而少積蓄.廣而實,虛而盈.聖人視天而行.是故其禁而審好惡喜怒之處也,欲合諸天之非其時不出暖清寒暑也.[...] 其羞淺末華虛而貴敦厚忠信也,欲合諸天之默然不言而功德積成也.其不阿黨偏私而美汎愛兼利也,欲合諸天之所以成物者少霜而多露也.

77. ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Vương Đạo Thông Tam): «Nhân chi mỹ giả tại ư thiên. Thiên nhân dã, thiên phúc dục vạn vật, ký hoá nhi sinh chi, hữu[a] dưỡng nhi thành chi. Sự công vô dĩ, chung nhi phục thuỷ; phàm cử quy chi dĩ phụng nhân. Sát ư thiên chi ý, vô cùng cực chi nhân dã. Nhân chi thụ mệnh ư thiên dã, thủ nhân ư thiên nhi nhân dã. Thị *cố nhân chi thụ mệnh thiên chi tôn*,[b] *phụ huynh tử đệ chi thân*,[c] hữu trung tín từ huệ chi tâm, hữu lễ nghĩa liêm nhượng chi hành, hữu thị phi nghịch thuận chi trị. Văn lý xán nhiên nhi hậu, trí quảng đại hữu nhi bác. Duy nhân đạo vi khả dĩ tham thiên. Thiên thường dĩ ái lợi vi ý, dĩ dưỡng trưởng vi sự, xuân thu đông hạ, giai kỳ dụng dã. Vương giả diệc thường dĩ ái lợi thiên hạ vi ý, dĩ an lạc nhất thế vi sự, hiếu ố hỉ nộ *nhi bị*[d] dụng dã.»** 仁之美者在於天.天仁也,天覆育萬物,既化而生之,有[a]養而成之.事功無已,終而復始;凡舉歸之以奉人.察於天之意,無窮極之仁也.人之受命於天也,取仁於天而仁也.是故人之受命天之尊[b]父兄子弟之親[c]有忠信慈惠之心,有禮義廉讓之行,有是非逆順之治.文理燦然而厚,知廣大有而博.唯人道爲可以參天.天常以愛利爲意,以養長爲事,春秋冬夏,皆其用也.王者亦常以愛利天下爲意,以安樂一世爲事,好惡喜怒而備[d]用也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Tô Dư nói: «*Hữu* có và *hựu* 又 đồng.» (b) Lô Văn Chiêu 盧文炤 nói: «Bảy chữ "*nhân chi thụ mệnh thiên chi tôn*" 人之受命天之尊 nghi là bị suy diễn thêm vào.» (c) Lô Văn Chiêu nói: «Cần có chữ *hữu***

Mục đích của trời là yêu thương và làm lợi vạn vật, thánh vương bắt chước theo nên cũng yêu thương và làm lợi con người. Điểm này có chỗ giống với học thuyết của Mặc Tử.

Triết học xã hội của Đổng Trọng Thư chú trọng việc san bằng giàu nghèo, cho nên cần ngăn chận con đường phát triển tài phú của tư nhân. Đổng Trọng Thư nói: «Khổng Tử nói: "Không sợ nghèo, mà sợ phân chia không đồng đều."[78] Cho nên hễ có nơi tích chứa tài hoá thì sẽ có nơi thiếu thốn trống rỗng. Kẻ quá giàu tất kiêu căng, kẻ quá nghèo tất lo buồn; lo buồn tất sinh trộm cướp; kiêu căng tất sinh tàn bạo. Đấy là thói thường của dân chúng. Thánh nhân nhìn thấy mầm mống hỗn loạn từ trong cái thói thường ấy của dân chúng. Cho nên khi cai trị ngài phân biệt tầng lớp xã hội trên dưới, khiến kẻ giàu có vừa đủ để tỏ ra sang quý chứ không cho giàu tới mức kiêu căng; khiến kẻ nghèo có vừa đủ để nuôi thân chứ không cho nghèo tới mức phải lo buồn. Nếu theo sự pháp độ ấy mà điều hoà cho quân bình thì tài hoá không tích tụ và người trên kẻ dưới đều yên ổn, do đó dễ cai trị. Đời nay vất bỏ pháp độ ấy cho nên mỗi người ai cũng chạy theo dục vọng của mình. Dục vọng không cùng, mà người đời lại phóng túng, xu thế đó vô hạn. Ở tầng lớp trên kẻ đại nhân khổ sở vì không [biết] đủ; ở tầng lớp dưới kẻ tiểu dân khổ sở vì nghèo đói. Như vậy kẻ giàu càng tham lợi nên không chịu làm việc nghĩa, còn kẻ nghèo ngày càng vi phạm điều cấm mà không dừng lại được. Đó là lý do tại sao đời khó trị. [...] Trời không ban cho hai lần. Động vật nào có sừng thì không có hàm răng trên.[79] Do đó ai lấy được phần lớn thì không được lấy thêm phần nhỏ, đó là số trời. Trời còn không thể cho họ đã có phần lớn lại có thêm phần nhỏ, huống hồ là người? Cho nên bậc thánh minh bắt chước hành động của trời, đặt ra các chế độ khiến ai đã có lợi

---

有 trước "*phụ huynh tử đệ chi thân*" 父兄子弟之親.» (d) Tô Dư nói: «Hai chữ *nhi bị* 而備 nghi phải chép là *giai kỳ* 皆其.»

78 Derk Bodde chú: Nguyên văn ở *Luận Ngữ* (Quý Thị) là: «Khâu dã, văn hữu quốc gia giả, bất hoạn *quả* nhi hoạn bất quân, bất hoạn *bần* nhi hoạn bất an.» 丘也，聞有國家者，不患寡而患不均，不患貧而患不安 (Khâu này nghe nói kẻ có quốc gia không sợ ít mà sợ không đồng đều, không sợ nghèo mà sợ không yên ổn).– LAM chú: Dương Bá Tuấn 楊伯峻 (*Luận Ngữ Dịch Chú* 論語譯注, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1998, tr.172) nói lẽ ra phải chép là «bất hoạn *bần* nhi hoạn bất quân, bất hoạn *quả* nhi hoạn bất an» 不患貧而患不均，不患寡而患不安 (không *sợ nghèo* mà *sợ* không đồng đều, không *sợ ít* mà sợ không yên ổn).

79 Derk Bodde chú: Đây là sự tin tưởng phổ biến thời ấy. Câu này cũng xuất hiện trong: *Ỉ ā Thị Xuân Thu* (thiên 24 - Bác Chí 博志: «Phàm hữu giác giả vô thượng xỉ.» 凡有角者無上齒), *Hoài Nam Tử* (thiên 4 - Truỵ Hình Huấn: «Đái giác giả vô thượng xỉ.» 戴角者無上齒), *Đại Đái Lễ Ký* (thiên 81- Dịch Bản Mệnh 易本命: «Đái giác giả vô thượng xỉ.» 戴角者無上齒).

lộc lớn thì không được có thêm lợi nhỏ và đi tranh lợi với dân chúng. Đó là lẽ trời vậy.»[80]

Vua «đặt ra các chế độ khiến ai đã có lợi lộc lớn thì không được có thêm lợi nhỏ và đi tranh lợi với dân chúng»; cho nên vua ngăn chận con đường phát triển tài phú của tư nhân. Điều này Đổng Trọng Thư cho rằng hợp với lẽ trời (thiên lý).

Chế độ phân phối đất đai trong lý tưởng của Đổng Trọng Thư chính là chế độ *tỉnh điền* 井田. Ông nói: «Một dặm vuông là một *tỉnh* 井; một *tỉnh* có 900 mẫu và dân định cư trong vuông đất đó. Một dặm vuông có 8 gia đình; mỗi gia đình có 100 mẫu đất để nuôi [ít nhất] 5 miệng ăn. Một nông phu giỏi có thể canh tác 100 mẫu, thì nuôi được 9 miệng ăn. Thấp hơn thì nuôi được 8 miệng ăn; thấp hơn nữa thì nuôi được 7 miệng ăn; thấp hơn nữa thì nuôi được 6 miệng ăn; thấp hơn nữa thì nuôi được 5 miệng ăn.»[81]

---

80 *Xuân Thu Phồn Lộ* (Độ Chế): «Khổng Tử viết: "Bất hoạn bần nhi hoạn bất quân." Cố hữu sở tích trọng, tắc hữu sở không hư hĩ. Đại phú tắc kiêu, đại bần tắc ưu, ưu tắc vi đạo, kiêu tắc vi bạo; thử chúng nhân chi tình dã. Thánh giả tắc ư chúng nhân chi tình, kiến loạn chi sở tòng sinh. Cố kỳ chế nhân đạo nhi sai thượng hạ dã, sử phú giả túc dĩ thị quý nhi bất chí ư kiêu, bần giả túc dĩ dưỡng sinh nhi bất chí ư ưu. Dĩ thử vi độ nhi điều quân chi, thị dĩ tài bất quỹ nhi thượng hạ tương an, cố dị trị dã. Kim thế khí kỳ độ chế, nhi các tòng kỳ dục. Dục vô sở cùng, nhi tục đắc tự thứ, kỳ thế vô cực. Đại nhân bệnh bất túc ư thượng, nhi tiểu dân lụy tích ư hạ. Tắc phú giả dũ tham lợi nhi bất khẳng vi nghĩa, bần giả nhật phạm cấm nhi bất khả đắc chỉ. Thị thế chi sở dĩ nan trị dã. [...] Thiên bất trùng dữ. Hữu giác bất đắc hữu thượng xỉ. Cố dĩ hữu đại giả, bất đắc hữu tiểu giả, thiên số dã. Phù dĩ hữu đại giả, hựu kiêm tiểu giả, thiên bất năng túc chi, huống nhân hồ? Cố minh thánh giả, tượng thiên sở vi, vi chế độ, sử chư hữu đại phụng lộc, diệc giai bất đắc kiêm tiểu lợi, dữ dân tranh lợi nghiệp, nãi thiên lý dã.» 孔子曰："不患貧而患不均．" 故有所積重，則有所空虛矣．大富則驕，大貧則憂，憂則爲盜，驕則爲暴；此衆人之情也．聖者則於衆人之情，見亂之所從生．故其制人道而差上下也，使富者足以示貴而不至於驕，貧者足以養生而不至於憂．以此爲度而調均之，是以財不匱而上下相安，故易治也．今世棄其度制，而各從其欲．欲無所窮，而俗得自恣，其勢無極．大人病不足於上，而小民羸瘠於下．則富者愈貪利而不肯爲義，貧者日犯禁而不可得止．是世之所以難治也．[...] 天不重與．有角不得上齒．故以有大者，不得有小者，天數也．夫以有大者，又兼小者，天不能足之，況人乎？故明聖者，象天所爲，爲制度，使諸有大奉祿，亦皆不得兼小利，與民爭利業，乃天理也．

81 *Xuân Thu Phồn Lộ* (Tước Quốc): «Phương lý nhi nhất tỉnh, nhất tỉnh nhi cửu bách mẫu, nhi lập khẩu. Phương lý bát gia, nhất gia bách mẫu, dĩ tự ngũ khẩu. Thượng nông phu canh bách mẫu, tự cửu khẩu. Thứ bát nhân, thứ thất nhân, thứ lục nhân, thứ ngũ nhân.» 方里而一井，一井而九百畝，而立口．方里八家，一家百畝，以食五口．上農夫耕百畝，食九口．次八人，次七人，次六人，次五人．– Derk Bodde chú: Chế độ tỉnh điền không bằng cớ chắc chắn là xuất hiện tự bao giờ, tương truyền nó xuất hiện đầu đời Chu. Xin xem lại quyển 1 (chương 2, tiết 2). Việc phân cấp bậc ở đây liên quan tính chất tốt xấu của đất ruộng hơn là khả năng canh tác của nông phu.

Từ khi nền chính trị của giới quý tộc sụp đổ, dân chúng được cạnh tranh tự do về phương diện kinh tế. Giữa đời Tần và đời Hán, tầng lớp phú hào mới nổi lên, dẫn đến hiện tượng giàu và nghèo cách biệt rất rõ. Trong giới trí thức bấy giờ nhiều người đã phê phán hiện tượng này. Đổng Trọng Thư cũng rất muốn sửa đổi tệ trạng ấy.[82]

10. Tai ương và quái dị

Mối quan hệ giữa trời và người đã được nói rõ ở các tiết trên đây. Cho nên, sự việc và hành vi của con người nếu như không thích đáng và khác thường, thì trời cũng hiển hiện ra những hiện tượng phi thường. Những hiện tượng này được gọi là «tai dị» 災異(tai ương và quái dị). Đổng Trọng Thư nói: «Theo sự phân loại sơ lược, sự vật trong trời đất hễ có sự biến đổi khác thường thì biến đổi lớn gọi là *dị* 異(quái dị) còn biến đổi nhỏ gọi là *tai* 災(tai ương, tai hại). Tai ương thường xảy ra trước, rồi quái dị xảy ra tiếp theo nó. Tai ương là sự khiển trách của trời; quái dị là sự thị uy của trời. Trời khiển trách con người mà họ không biết, thì trời làm cho họ sợ hãi để thị uy. *Kinh Thi* nói "Sợ hãi uy trời" có lẽ ý nói về việc ấy. Cái gốc của tai và dị hoàn toàn phát sinh ở những thất bại của quốc gia. Sự thất bại của quốc gia bắt đầu nảy mầm thì trời cho xảy ra tai hại để khiển trách và cảnh cáo con người. Trời khiển trách và cảnh cáo con người mà họ không biết, thì trời cho hiện ra điều quái dị để họ kinh hãi. Trời làm cho họ kinh hãi mà họ không biết sợ hãi thì trời cho xuất hiện tai ương. Từ đó mà thấy sự nhân ái của ý trời, tức là trời không muốn hãm hại con người vậy.»[83]

---

[82] **Derk Bodde chú: Tuy nhiên, rõ ràng rằng Đổng Trọng Thư cũng như những nhà Nho khác đã chấp nhận hệ thống giai cấp bấy giờ. Mục đích của ông không phải là thủ tiêu sự khác biệt giai cấp, mà chỉ là làm hài hoà sự khác biệt giai cấp bằng cách kiểm soát sự bóc lột quá mức. Đồng thời, cũng như các nhà Nho khác, ông chấp nhận tình trạng là một cá nhân có thể phấn đấu để vươn lên tầng lớp xã hội cao hơn.**

[83] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Tất Nhân Thả Trí): «Kỳ đại lược chi loại, thiên địa chi vật, hữu bất thường chi biến giả, vị chi dị, tiểu giả vị chi tai. Tai thường tiên chí, nhi dị nãi tuỳ chi. Tai giả, thiên chi khiển dã; dị giả, thiên chi uy dã. Khiển chi nhi bất tri, nãi uý chi dĩ uy. Thi vân: "Uý thiên chi uy." Đãi thử vị dã. Phàm tai dị chi bản, tận sinh ư quốc gia chi thất. Quốc gia chi thất, nãi thuỷ manh nha, nhi thiên xuất tai hại dĩ khiển cáo chi. Khiển cáo chi nhi bất tri biến, nãi kiến [hiện] quái dị dĩ kinh hãi chi. Kinh hãi chi, thượng bất tri uý khủng, kỳ ương cữu nãi chí. Dĩ thử kiến thiên ý chi nhân, nhi bất dục hãm nhân dã.»** 其大略之類，天地之物，有不常之變者，謂之異，小者謂之災。災常先至，而異乃隨之。災者，天之譴也；異者，天之威也。譴之而不知，乃畏之以威。詩云："畏天之威。"殆此謂也。凡災異之本，盡生於國家之失。國家之失，乃始萌芽，而天出災害以譴告之。譴告之而不知變，乃見怪異以驚駭之。驚駭之，尚不知畏恐，其殃咎乃至。以此見天意之仁，而不欲陷人也。

Trên đây nói sự việc và hành vi của con người nếu như không thích đáng thì trời sinh ra tai ương và quái dị để khiển trách và cảnh cáo họ. Đổng Trọng Thư nói: «Nay nếu đổ nước vào đất bằng thì nó tránh chỗ khô ráo mà chảy vào chỗ ẩm ướt. Nếu để các thanh củi trước lửa thì lửa không bén vào củi ẩm ướt mà bén vào củi khô ráo.[84] Trăm vật tránh chỗ khác nhau của chúng mà chạy theo chỗ giống nhau của chúng. Cho nên hễ khí giống nhau thì hội tụ, âm thanh so sánh được với nhau thì tương ứng. Kinh nghiệm đã cho thấy rõ điều ấy. Chẳng hạn thử lấy cây đàn cầm và cây đàn sắt cùng so với nhau, hễ bật nốt cung ở cây đàn này thì nốt cung ở cây đàn kia sẽ cộng hưởng; hễ bật nốt thương ở cây đàn này thì nốt thương ở cây đàn kia sẽ cộng hưởng. Ngũ âm[85] so sánh nhau mà tự phát ra âm thanh; chẳng phải vì chúng có thần, mà vì các số của chúng [hoà nhau]. Việc tốt thì vời điều tốt; việc xấu thì vời điều xấu. Thí dụ một con ngựa hí thì con khác hí theo; một con trâu [bò] rống lên thì con khác rống theo. Bậc đế vương sắp nổi lên thì có điềm lành xuất hiện trước; bậc đế vương sắp bị diệt vong thì có điềm yêu nghiệt xuất hiện trước. Cho nên sự vật cùng loại triệu vời nhau. [...] Trời có Âm Dương, người cũng có Âm Dương. Khí Âm của trời đất khởi lên thì khí Âm của người tương ứng mà khởi lên theo. Khí Âm của người khởi lên thì khí Âm của trời đất cũng phải tương ứng mà khởi lên theo. Nguyên lý của chúng là một. Ai hiểu rõ lý ấy, nếu muốn trời mưa thì tác động khí Âm ở người để khí Âm của trời đất khởi lên; muốn trời tạnh mưa thì tác động khí Dương của người để khí Dương của trời đất khởi lên. Cho nên trời đổ mưa không phải là thần bí mà ngỡ như thần bí; nguyên lý của nó thì vi diệu vậy. Không phải chỉ có khí Âm Dương có thể theo loại mà tiến hay thoái. Sự phát sinh việc chẳng lành hay hoạ phúc thì cũng tiến hành giống như thế. Chẳng thứ gì mà không thế này: cái khởi lên trước khiến các thứ cùng loại đáp ứng theo nó mà hoạt động.»[86]

---

[84] **Derk Bodde chú: Thí dụ này cũng được dùng trong *Tuân Tử* (thiên 27).**

[85] **LAM chú: *Ngũ âm* 五音 là: *cung* 宮, *thương* 商, *giốc* 角, *chủy* 徵, *vũ* 羽; lần lượt tương ứng với các nốt C (do), D (ré), E (mi), G (sol), A (la). Cầm 琴 và sắt 瑟 là hai loại đàn khác nhau. Theo từ điển Từ Hải, đàn cầm tương truyền do vua Thuấn 舜 chế ra, có 5 dây. Theo *Thuyết Văn Giải Tự*, đàn cầm do Thần Nông 神農 chế ra, đời Chu tăng thêm 2 dây; từ đó đàn cầm có 7 dây. Đàn sắt tương truyền do Bào Hi 庖犧 (Phục Hi 伏羲) chế ra, có 50 dây. Hoàng Đế 黃帝 sửa lại còn 25 dây.**

[86] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Đồng Loại Tương Động): «Kim bình địa chú thuỷ, khử táo tựu thấp. Quân tân thi hoả, khử thấp tựu táo. Bách vật khứ kỳ sở dữ dị, nhi tòng kỳ sở dữ đồng. Cố khí đồng tắc hội, thanh tỉ tắc ứng, kỳ nghiệm kiểu nhiên dã. Thí điều cầm sắt nhi thác chi, cổ kỳ cung, tắc tha cung ứng chi, cổ kỳ thương, nhi tha thương ứng chi. Ngũ âm tỉ nhi tự minh, phi hữu thần, kỳ số nhiên dã. Mỹ sự triệu mỹ loại, ác sự triệu ác loại, loại chi tương ứng nhi khởi dã. Như mã**

Tiền Hán Thư chép lời Đổng Trọng Thư rằng: «Hình phạt ở thế gian không đúng ắt sinh ra tà khí. Tà khí tích tụ ở bên dưới, sự mong muốn và oán ghét được nuôi dưỡng bên trên. Khi kẻ trên người dưới bất hoà, thì Âm Dương trái ngược và điềm yêu nghiệt sinh ra. Đó là nguyên do phát sinh tai hoạ và quái dị vậy.»[87]

Đổng Trọng Thư lại nói: «Con người dưới thì khiến vạn vật phát triển, trên thì sánh với trời đất. Cho nên nguyên nhân sinh ra thịnh trị hay loạn lạc của họ là khí động hay tĩnh và khí thuận hay nghịch làm giảm bớt hay gia tăng sự biến hoá của Âm Dương và gây dao động trong bốn biển. Cái khó hiểu của vạn vật tựa như thần, không thể nói là không như thế. Do đó, nếu [vật gì] bị ném xuống đất [cứng] thì bản thân nó hư hoại và không gây chấn động ở đất; nếu nó bị ném xuốn bùn nhão thì nó gây chấn động ở đất trong một phạm vi gần; nếu nó bị ném vào nước thì nó gây chấn động ở nước trong một phạm vi xa hơn.[88] Do đấy mà xét, hễ vật càng mềm dịu thì càng dễ bị chấn động nhiều hơn. Nay khí chuyển hoá mềm dịu hơn nước, mà người chủ của dân chúng [tức vua] kích động

---

minh tắc mã ứng chi, ngưu minh tắc ngưu ứng chi. Đế vương chi tương hưng dã, kỳ mỹ tường diệc tiên kiến [hiện]. Kỳ tương vong dã, yêu nghiệt diệc tiên kiến [hiện]. Vật cố dĩ loại tương triệu dã. [...] Thiên hữu Âm Dương, nhân diệc hữu Âm Dương. Thiên địa chi Âm khí khởi, nhi nhân chi Âm khí ứng chi nhi khởi, nhân chi Âm khí khởi, thiên địa chi Âm khí diệc nghi ứng chi nhi khởi. Kỳ đạo nhất dã. Minh ư thử giả, dục trí vũ, tắc động Âm dĩ khởi Âm; dục chỉ vũ, tắc động Dương dĩ khởi Dương. Cố trí vũ, phi thần dã, nhi nghi ư thần giả, kỳ lý vi diệu dã. Phi độc Âm Dương chi khí khả dĩ loại tiến thoái dã, tuy bất tường hoạ phúc sở tòng sinh, diệc do thị dã, vô phi dĩ tiên khởi chi, nhi vật dĩ loại ứng chi nhi động giả dã.» 今平地注水，去燥就濕．均薪施火，去濕就燥．百物去其所與異，而從其所與同．故氣同則會，聲比則應，其驗皦然也．試調琴瑟而錯之，鼓其宮則他宮應之，鼓其商而他商應之．五音比而自鳴，非有神，其數然也．美事召美類，惡事召惡類，類之相應而起也．如馬鳴則馬應之，牛鳴則牛應之．帝王之將興也，其美祥亦先見．其將亡也，妖孽亦先見．物故以類相召也．[...] 天有陰陽，人亦有陰陽．天地之陰氣起，而人之陰氣應之而起；人之陰氣起，天地之陰氣亦宜應之而起．其道一也．明於此者，欲致雨，則動陰以起陰；欲止雨，則動陽以起陽．故致雨，非神也，而宜於神者，其理微妙也．非獨陰陽之氣可以類進退也，雖不祥禍福所從生，亦由是也，無非以先起之，而物以類應之而動者也．

87 ***Tiền Hán Thư* (Đổng Trọng Thư Truyện): «Hình phạt bất trúng, tắc sinh tà khí. Tà khí tích ư hạ, nguyện ố súc ư thượng. Thượng hạ bất tri, tắc Âm Dương mậu lệ nhi yêu nghiệt sinh hĩ. Thử tai dị sở duyên nhi khởi dã.»** 刑罰不中則生邪氣．邪氣積於下，願惡畜於上．上下不知，則陰陽繆戾而妖孽生矣．此災異所緣而起也．

88 **LAM chú: Câu này tôi dịch phỏng theo bản tiếng Anh: «Thus then, if [something] is thrown onto [hard] ground, it is [itself] injured and destroyed and causes no movement in the latter; if thrown into soft mire, it causes movement within a limited distance; if thrown into water, it causes movement over a greater distance.»**

dân chúng mãi không thôi. Cho nên [vua] thường khiến cái khí thịnh trị và loạn lạc lẫn lộn với sự biến hoá của trời đất, vì thế không có sự thịnh trị. Hễ đời thịnh trị và dân chúng yên ổn thì cái khí cực yên bình trở nên chân chính, thế thì sự biến hoá của trời đất trở nên tinh tuyền và cái đẹp của vạn vật khởi lên. Hễ đời loạn và dân chúng ngang ngược thì cái khí yên tĩnh trở nên ngược ngạo, thế thì sự biến hoá của trời đất bị thương tổn và các khí sinh tai hại khởi lên.»[89]

Trên đây nói hành vi của con người nếu không chính đáng thì khí Âm Dương sẽ tự động nhận lấy sự cảm ứng và các hiện tượng dị thường sẽ xuất hiện. Cách giải thích máy móc này khác với cách giải thích ở đầu tiết này về tai ương và quái dị (tức là tai ương và quái dị xảy ra vì trời muốn khiển trách và cảnh cáo con người). Đổng Trọng Thư chưa từng nói rõ thuyết nào là đúng hay là cả hai thuyết đều đúng. Trong lời lẽ của Âm Dương gia vốn có hai thuyết đối với nguyên lý «thiên nhân tương cảm» 天人相感 (trời và người cảm ứng nhau). (Xin xem lại quyển I, chương 7, tiết 8).

11. Triết học của lịch sử

Quan hệ mật thiết giữa người với trời đã được nói rõ trên đây, cho nên trong quan điểm của Đổng Trọng Thư và các nhà tư tưởng đời Hán, sự biến hoá của lịch sử cũng tuân theo qui luật của đạo trời. Đối với qui luật này, tức là cái mà lịch sử tuân theo, các nhà tư tưởng đời Hán có hai thuyết: Một là thuyết Ngũ Đức 五德 của Trâu Diễn 騶衍 : «Từ lúc trời đất mới tách rời cho đến nay, năm đức (tức ngũ hành) đổi dời, việc chính

---

[89] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Thiên Địa Âm Dương): «Nhân hạ trưởng vạn vật, thượng tham thiên địa. Cố kỳ trị loạn chi cố, động tĩnh thuận nghịch chi khí, nãi tổn ích Âm Dương chi hoá, nhi dao đãng tứ hải chi nội. Vật chi nan trì giả nhược thần, bất khả vị bất nhiên dã. Kim đầu địa tử thương, *nhi bất dằng tương trợ*.[a] Đầu náo tương động nhi cận, đầu thuỷ tương động nhi dũ viễn. Do thử quan chi, phù vật dũ náo nhi dũ dị biến động dao đãng dã. Kim khí hoá chi náo, phi trực thuỷ dã, nhi nhân chủ dĩ chúng động chi vô dĩ thời. Thị cố thường dĩ trị loạn chi khí, dữ thiên địa chi hoá tương hào nhi bất trị dã. Thế trị nhi dân hoà, chí bình nhi khí chính, tắc thiên địa chi hoá tinh, nhi vạn vật chi mỹ khởi. Thế loạn nhi dân quai, chí tịch nhi khí nghịch, tắc thiên địa chi hoá thương, *khí*[b] sinh tai hại khởi.»** 人下長萬物，上參天地．故其治亂之故，動靜順逆之氣，乃損益陰陽之化，而搖蕩四海之內．物之難者若神，不可謂不然也．今投地死傷，而不膽相助．[a] 投淖相動而近，投水相動而愈遠．由此觀之，夫物愈淖而愈易變動搖蕩也．今氣化之淖，非直水也，而人主以衆動之無已時．是故常以治亂之氣，與天地之化相毆而不治也．世治而民和，志平而氣正，則天地之化精，而萬物之美起．世亂而民乖，志僻而氣逆，則天地之化傷，氣[b]生災害起．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Tôn Di Nhượng nói: Nên chép là «*nhi bất năng tương trợ*»** 而不能相助．**(b) Lô Văn Chiêu nói: Có lẽ trước chữ *khí*** 氣 **bị mất một chữ.**

trị tuỳ thời mà khác nhưng đều phù hợp với sự đổi đời ấy.» (Xin xem lại quyển I, chương 7, tiết 7). Ý nghĩa căn bản của thuyết này chưa biến đổi trong đời Hán; nhưng khi dùng thuyết này để giải thích lịch sử thực tế thì ý kiến của các học phái chưa hoàn toàn tương đồng. Chẳng hạn như đời Hán chịu ảnh hưởng của đức thuỷ, hay đức hoả, hay đức thổ? Đó là vấn đề tranh luận sôi nổi suốt đời Hán. Ngoài thuyết Ngũ Đức (hay Ngũ Hành) còn có thuyết Tam Thống 三統 (cũng gọi là Tam Chính 三正): hắc thống 黑統, bạch thống 白統, xích thống 赤統.[90] Đổng Trọng Thư nói: «Tam Chính lấy *hắc thống* làm khởi đầu. Vào ngày mồng một đầu năm, mặt trời và mặt trăng ở sao Doanh Thất, và sao Đẩu đứng ở Dần. Khí bao trùm trời bắt đầu lưu thông và biến hoá vạn vật; các mầm của thực vật xuất hiện và có màu đen. Cho nên y phục ở triều đình vào ngày mồng một có màu đen, mũ đội có màu đen, xe ngựa của triều đình có màu đen, ngựa có màu đen, sợi dây cột ấn triện [của các quan] có màu đen, cờ có màu đen, ngọc quý lớn có màu đen, các con thú [để cúng] lễ tế giao có màu đen, sừng của chúng cong như quả trứng. Lễ gia quan tổ chức ở bậc thềm phía đông [trước đại sảnh]. Trong hôn lễ, [chú rể] đi rước dâu ở sân [của từ đường bên đàng gái]. Tang lễ và tẫn liệm tổ chức trên bậc thềm phía đông [dẫn vào đại sảnh]. [...] Khi *bạch thống*, vào ngày mồng một đầu năm, mặt trời và mặt trăng ở sao Hư, và sao Đẩu đứng ở Sửu. Khí bao trùm trời khiến vạn vật thoát xác và sinh ra; thực vật bắt đầu nảy mầm và có màu trắng. Cho nên y phục ở triều đình vào ngày mồng một có màu trắng, mũ đội có màu trắng, xe ngựa của triều đình có màu trắng, ngựa có màu trắng, sợi dây cột ấn triện [của các quan] có màu trắng, cờ có màu trắng, ngọc quý lớn có màu trắng, các con thú [để cúng] lễ tế giao có màu trắng, sừng của chúng giống như kén tơ. Lễ gia quan tổ chức ở đại sảnh. Trong hôn lễ, [chú rể] đi rước dâu ở đại sảnh [của từ đường bên đàng gái]. Tang lễ và tẫn liệm tổ chức ở giữa các cột nhà [của đại sảnh]. [...] Khi *xích thống*, vào ngày mồng một đầu năm, mặt trời và mặt trăng ở sao Khiên Ngưu, và sao Đẩu đứng ở Tý. Khí bao trùm trời bắt đầu hoạt động khiến vạn vật biến hoá; vạn vật bắt đầu hoạt động và có màu đỏ. Cho nên y phục ở triều đình vào ngày mồng một có màu đỏ, mũ đội có màu trắng, xe ngựa của triều đình có màu đỏ, ngựa có màu đỏ, sợi dây cột ấn triện [của các quan] có màu đỏ, cờ có

[90] **LAM chú: Derk Bodde dịch: Tam Thống = the Three Sequences (ba trình tự, ba thứ tự); Tam Chính = the Three Beginnings (ba khởi đầu). Kỳ thực, Tam Thống là ngày đầu năm (*chính sóc* 正朔 = *nhất niên đích đệ nhất thiên* 一年的第一天) của ba đời Hạ, Thương, Chu (*Hạ Thương Chu tam đại đích chính sóc* 夏商周三代的正朔). Đời xưa cứ mỗi lần đổi đời (tức đổi triều đại) thì phải đổi ngày đầu năm (*cổ đại cải triều hoán đại yếu cải định chính sóc* 古代改朝換代要改定正朔). Cho nên Tam Thống cũng gọi Tam Chính. Ở đây tôi giữ y thuật ngữ Tam Thống và Tam Chính mà không dịch.**

màu đỏ, ngọc quý lớn có màu đỏ, các con thú [để cúng] lễ tế giao có màu đỏ, sừng của chúng giống như hạt dẻ. Lễ gia quan tổ chức ở trong phòng. Trong hôn lễ, [chú rể] đi rước dâu ở cửa [của từ đường bên đàng gái]. Tang lễ và tẫn liệm tổ chức trên bậc thềm phía tây [dẫn vào đại sảnh]. [...] Ý nghĩa của sửa đổi là vâng theo trời mà phát khởi. Các bậc vua đời xưa nhờ nhận lĩnh mệnh trời mà thành vua, sửa đổi chế độ và xưng hiệu vào tháng giêng. Xác định được màu của phẩm phục rồi thì vua tổ chức lễ tế trời ở ngoại thành phía nam [tức tế nam giao] để báo cáo với trời đất và chư thần; cúng tế tổ tiên xa và gần xong rồi thì bố cáo cho thiên hạ [biết việc lên ngôi thiên tử]. Chư hầu tiếp nhận [sự bố cáo ấy] ở thái miếu để báo cáo cho các thần xã tắc, tông miếu, thần núi, thần sông. Như vậy có một qui tắc độc nhất [cho vạn vật] cảm ứng.[91] [...] Đấy là lý do tại sao làm rõ ý nghĩa của *thiên thống*. Gọi *thống* là *tam chính*, ý nói: *chính* là đúng đắn. Thiên thống khiến khí Âm Dương hoạt động, vạn vật đều ứng theo mà trở nên đúng đắn; cho nên khi thiên thống đã đúng đắn thì các thứ khác đều đúng đắn. Sự quan trọng của một năm là tháng giêng. Cách thức *pháp chính* (lấy sự đúng đắn làm mẫu mực) là làm cho gốc đúng đắn thì ngọn sẽ tương ứng mà đúng đắn, làm cho bên trong đúng đắn thì bên ngoài sẽ tương ứng mà đúng đắn. Động tác bắt đầu hay ngừng lại, không gì mà không tuỳ theo [sự đúng đắn] để biến hoá, như thế có thể gọi là *pháp chính* vậy. [...] Cho nên vua có cái không đổi, có cái sau hai đời thì khôi phục, có cái sau ba đời thì khôi phục, có cái sau bốn đời thì khôi phục, có cái sau năm đời thì khôi phục, có cái sau chín đời thì khôi phục. [...] Các chế độ của các vua đời Thương và đời Hạ, là chân chất và văn vẻ. Đời Thương chân chất, chủ về trời; đời Hạ văn vẻ, chủ về đất; thời Xuân Thu chủ về người.»[92]

Theo lịch sử thực tế mà nói, đời Hạ là hắc thống, lấy tháng Dần làm tháng giêng, chuộng màu đen; đời Thương là bạch thống, lấy tháng Sửu làm tháng giêng, chuộng màu trắng; đời Chu là xích thống, lấy tháng

[91] **LAM chú: Câu này tôi dịch theo bản tiếng Anh: «Thus there was a single rule [for all] to respond to.» Nguyên văn: «Nhiên hậu cảm ứng nhất kỳ tư.» 然後感應一其司.**

[92] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Tam Đại Cải Chế Chất Văn): «Tam chính dĩ hắc thống sơ. Chính nhật nguyệt sóc ư doanh thất, đẩu kiến dần. Thiên thống khí thuỷ thông hoá vật, vật kiến mạnh đạt, kỳ sắc hắc. Cố triều chính phục hắc, thủ phục tảo hắc, chính lộ dư chất hắc, mã hắc. Đại tiết thụ trách thượng hắc, kỳ hắc, đại bảo ngọc hắc, giao sinh hắc, hy sinh giác noãn. Quan ư tộ, hôn lễ nghịch ư đình, tang lễ tẫn ư đông giai chi thượng. [...] Chính bạch thống giả, lịch chính nhật nguyệt sóc ư hư, đẩu kiến sửu. Thiên thống khí thuỷ thuế hoá vật, vật sơ nha, kỳ sắc bạch. Cố triều chính phục bạch, thủ phục tảo bạch, chính lộ dư chất bạch, mã bạch. Đại tiết thụ trách thượng bạch, kỳ bạch, đại bảo ngọc bạch, giao sinh bạch, hy sinh giác kiển. Quan ư đường, hôn lễ nghịch ư đường, tang sự tẫn ư doanh trụ chi gian. [...] Chính xích thống giả, lịch chính nhật nguyệt sóc ư khiên ngưu, đẩu kiến tý. Thiên thống khí thuỷ thi hoá vật, vật thuỷ**

Tý làm tháng giêng, chuộng màu đỏ. Nối tiếp đời Chu lại là hắc thống. Lịch sử biến hoá tuần hoàn như thế; đi hết chu kỳ thì trở lại khởi điểm. Về việc «vua có cái không đổi», Đổng Trọng Thư nói: «Nay tôi nói một tân vương phải sửa đổi các định chế, nó không có nghĩa là phải sửa đổi đạo hay biến đổi lý. Sau khi nhận mệnh trời [để lập một triều đại mới], vua cai trị dưới cái họ khác với họ của vua đời trước, tức là một ông vua hoàn toàn mới (tân vương) lên ngôi chứ không phải là người kế vị vua đời trước. Nếu tân vương cứ theo chế độ trước, thực hành sự nghiệp cũ, mà chẳng có sự sửa đổi riêng của mình, thì ông ta không có gì phân biệt với vị vua đời trước. Khi tân vương nhận lĩnh mệnh trời, đó là sự hiển thị lớn [ân huệ] của trời. Phụng sự cha thì vâng ý cha; phụng sự vua thì thể hiện ý chí của vua; phụng sự trời thì cũng giống như thế. Nay hễ trời hiển

---

động, kỳ sắc xích. Cố triều chính phục xích, thủ phục tảo xích, chính lộ dư chất xích, mã xích. Đại tiết thụ trách thượng xích, kỳ xích, đại bảo ngọc xích, giao sinh tuynh, hy sinh giác lật. Quan ư phòng, hôn lễ nghịch ư hộ, tang lễ tẫn ư tây giai chi thượng. [...] Cải chính chi nghĩa, *phụng nguyên* [a] nhi khởi. Cổ chi vương giả thụ mệnh nhi vương, cải chế xưng hiệu chính nguyệt. Phục sắc định, nhiên hậu giao cáo thiên địa cập quần thần, viễn truy tổ nhĩ, nhiên hậu bố thiên hạ, chư hầu miếu thụ, đĩ cáo xã tắc tông miếu sơn xuyên, nhiên hậu cảm ứng nhất kỳ tư. [...] Sở dĩ minh hồ thiên thống chi nghĩa dã. Kỳ vị thống tam chính giả, viết: chính giả, chính dã. Thống trí kỳ khí, vạn vật giai ứng nhi chính, thống chính, kỳ dư giai chính, phàm tuế chi yếu, tại chính nguyệt dã. Pháp chính chí đạo, chính bản nhi mạt ứng, chính nội nhi ngoại ứng, động tác cử thác, mị bất biến hoá tuỳ tòng, khả vị pháp chính dã. [...] Cố vương giả hữu bất dịch giả, hữu tái nhi phục giả, hữu tam nhi phục giả, hữu tứ nhi phục giả, hữu ngũ nhi phục giả, hữu cửu nhi phục giả. [...] Vương giả *đĩ* [b] chế, nhất Thương nhất Hạ, nhất chất nhất văn. Thương chất giả chủ thiên, Hạ văn giả chủ địa, Xuân Thu giả chủ nhân.» 三正以黑統初.正日月朔於營室,斗建寅.天統氣始通化物,物見萌達,其色黑.故朝正服黑,首服藻黑,正路輿質黑,馬黑.大節綏幟尚黑,旗黑,大寶玉黑,郊牲黑,犧牲角卵.冠於阼,昏(婚)禮逆於庭,喪禮殯於東階之上[...] 正白統者,歷正日月朔於虛,斗建丑.天統氣始蛻化物,物初芽,其色白.故朝正服白,首服藻白,正路輿質白,馬白.大節綏幟尚白,旗白,大寶玉白,郊牲白,犧牲角繭.冠於堂,昏(婚)禮逆於堂,喪事殯於楹柱之間[...] 正赤統者,歷正日月朔於牽牛,斗建子.天統氣始施化物,物始動,其色赤.故朝正服赤,首服藻赤,正路輿質赤,馬赤.大節綏幟尚赤,旗赤,大寶玉赤,郊牲騂,犧牲角栗.冠於房,昏(婚)禮逆於戶,喪事殯於西階之上.[...] 改正之義,奉元[a]而起.古之王者受命而王,改制稱號正月.服色定,然後郊告天地及群神,遠追祖禰,然後布天下,諸侯廟受,以告社稷宗廟山川,然後感應一其司[...] 所以明乎天統之義也.其謂統三正者,曰:正者,正也.統致其氣,萬物皆應而正,統正,其餘皆正,凡歲之要,在正月也.法正之道,正本而末應,正內而外應,動作舉錯,靡不變化隨從,可謂法正也.[...] 故王者有不易也,有再而復者,有三而復也,有四而復也,有五而復也,有九而復也.[...] 王者以[b]制,一商一夏,一質一文.商質者主天,夏文者主地,春秋者主人.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Tô Dư nói: «Ngờ *phụng nguyên* 奉元 là *phụng thiên* 奉天.» (b) Tô Dư nói: «Ngờ *đĩ* 以 là *chi* 之.»**

thị lớn [ân huệ] cho ai [làm vua], thì mọi thứ phải phù hợp với điều lớn lao ấy; nếu các chế độ cũng y như cũ, thì chúng không rõ ràng và không thể hiện ý chí của trời. Cho nên tân vương phải dời chỗ cư trú, đổi danh hiệu, đổi tháng giêng, đổi màu sắc phẩm phục, tất cả chỉ nhằm cho thấy vua không dám không thuận theo ý trời, tức là vua tự làm rõ việc mình nhận được thiên mệnh. Còn về các phương diện như các mối ràng buộc lớn, nhân luân, đạo lý, chính trị, giáo hoá, tập tục, văn nghĩa, thì hoàn toàn như cũ; sao lại sửa đổi làm gì? Cho nên tân vương [của triều đại mới] có tiếng về việc sửa đổi các chế độ, chứ không biến đổi thực chất của đạo lý. Khổng Tử nói: "Vô vi mà thịnh trị phải chăng là [tài của] vua Thuấn?"[93] Ý nói [vua Thuấn] chỉ noi theo nguyên tắc của vua Nghiêu mà thôi. Đó chẳng phải là hiệu quả của việc chẳng đổi dời [nguyên tắc của đời trước] sao?»[94]

Tiền Hán Thư chép lời Đổng Trọng Thư rằng: «Nguồn lớn của đạo

---

[93] **Derk Bodde chú: Câu này ở *Luận Ngữ* (XV-5). *Vô vi* là thuật ngữ của Đạo giáo, và vua Thuấn là một vị thánh vương theo truyền thuyết.– LAM chú: *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công): «Tử viết: "Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dư? Phù hà vi tai? Cung kỷ chính nam diện nhi dĩ hĩ."» 子曰:無爲而治者,其舜也與?夫何爲哉?恭己正南面而已矣. (Vô vi mà thịnh trị phải chăng là [tài của] vua Thuấn? Ngài đã làm gì? Ngài chỉ kính cẩn, đoan chính xoay mặt về hướng nam mà thôi.)**

[94] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Sở Trang Vương): «Kim sở vị tân vương tất cải chế giả, phi cải kỳ đạo, phi biến kỳ lý. Thụ mệnh ư thiên, dịch tính canh vương, phi kế tiền vương nhi vương dã. Nhược nhất nhân tiền chế, tu cố nghiệp, nhi vô hữu sở cải, thị dữ kế tiền vương nhi vương giả vô dĩ biệt. Thụ mệnh chi quân, thiên chi sở đại hiển dã. Sự phụ giả thừa ý, sự quân giả nghi chí, sự thiên diệc nhiên. Kim thiên đại hiển dĩ, vật tập sở đại, nhi suất dữ đồng, tắc bất hiển bất minh, phi thiên chí. Cố tất tỷ cư xứ, canh xưng hiệu, cải chính sóc, dịch phục sắc giả, vô tha yên, bất cảm bất thuận thiên chí, nhi minh tự hiển dã. Nhược phù đại cương, nhân luân, đạo lý, chính trị, giáo hoá, tập tục. Văn nghĩa, tận như cố, diệc hà cải tai? Cố vương giả hữu cải chế chi danh, vô dịch đạo chi thực. Khổng Tử viết: "Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn hồ?" Ngôn kỳ chủ Nghiêu chi đạo nhi dĩ. Thử phi bất dịch chi hiệu dư?» 今所謂新王必改制者,非改其道,非變其理.受命於天,易姓更王,非繼前王而王也.若一因前制,修故業,而無有所改,是與繼前王而王者無以別.受命之君,天之所大顯也.事父者承意,事君者儀志,事天者然.今天大顯已,物襲所代,而率與同,則不顯不明,非天志.故必徙居處,更稱號,改正朔,易服色者,無他焉,不感不順天志,而明自顯也.若夫大綱人倫,道理政治,教化習俗.文義,盡如故.亦何改哉?故王者有改制之名,無易道之實.孔子曰:"無爲而治者,其舜乎?"言其主堯之道而已.此非不易之效與?**

(các nguyên tắc đúng) là trời. Trời không đổi, nên đạo cũng không đổi.»[95] Đó là «cái không đổi» đối với tân vương. «Có cái sau hai đời thì khôi phục», đó là *văn* và *chất*. Một đời chuộng văn, thì đời sau ắt chuộng chất để cứu chữa cái tệ hại của đời trước. «Có cái sau ba đời thì khôi phục», đó là *tam thống* hay *tam chính* vậy.

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Về văn và chất, *Bạch Hổ Thông Nghĩa* nói: «Tại sao bậc tân vương phải thay đổi giữa chất và văn? Đó là để vâng theo trời đất và thuận Âm Dương. Dương đạo đến cực điểm thì Âm đạo tiếp nối. Âm đạo đến cực điểm thì Dương đạo tiếp nối. Rõ ràng là hai Âm hoặc hai Dương không thể kế tiếp nhau. Chất bắt chước trời, văn bắt chước đất. Cho nên trời là chất; đất nhận lấy chất mà biến hoá vạn vật, nuôi dưỡng mà thành hình; cho nên đất là văn. *Thượng Thư Đại Truyện* chép: "Bậc tân vương phải thay đổi giữa chất và văn, đó là căn cứ theo đạo của trời đất." *Lễ Tam Chính Ký* chép: "Chất bắt chước trời, văn bắt chước đất." Đế vương lúc bắt đầu nổi lên, thì chất trước văn sau; đó là thuận theo đạo của trời đất, ý nghĩa của gốc ngọn, và thứ tự trước sau. Chẳng sự việc gì mà không có chất trước làm tính, có văn sau làm vẻ sáng.»[96] *Bạch Hổ Thông Nghĩa* càng nói rõ về *tam thống* hay *tam chính* rằng: «Tại sao bậc tân vương nhận mệnh trời rồi thì phải thay đổi ngày đầu năm? Đó là để làm rõ sự thay đổi dòng họ [cai trị] và cho thiên hạ thấy đó không phải là sự nối tiếp [đời vua trước]. Đó là để làm rõ việc tân vương nhận sứ mệnh từ trời chứ không phải từ người [tức vua đời trước]; cho nên tân vương thay lòng dân và đổi tai mắt của họ để trợ giúp việc giáo hoá. Cho nên *Thượng Thư Đại Truyện* chép: "Bậc tân vương lúc bắt đầu nổi lên thì thay đổi ngày đầu năm, màu sắc của phẩm phục, huy hiệu, khí giới, [kiểu dáng] y phục." [...] Tại sao có ba [ấn định] ngày đầu năm? Vốn là trời có *tam thống*, ý nói ba tháng tế vi vậy. Bậc tân vương sáng suốt phải thuận theo [*tam thống*] mà thành tựu, cho nên hễ nhận mệnh trời thì mỗi *thống* sẽ là một khởi đầu của năm, để tỏ ra

---

[95] *Tiền Hán Thư* (Đổng Trọng Thư Truyện): «Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên, thiên bất biến đạo diệc bất biến.» 道之大原出於天，天不變道亦不變.

[96] *Bạch Hổ Thông Nghĩa* (Tam Chính): «Vương giả tất nhất chất nhất văn giả hà? Sở dĩ thừa thiên địa, thuận Âm Dương. Dương chi đạo cực, tắc Âm đạo thụ. Âm chi đạo cực, tắc Dương đạo thụ. Minh nhị Âm nhị Dương, bất năng tương kế dã. Chất pháp thiên, văn pháp địa nhi dĩ. Cố thiên vi chất, địa thụ nhi hoá chi, dưỡng nhi thành chi, cố vi văn. *Thượng Thư Đại Truyện* viết: "Vương giả nhất chất nhất văn, cử thiên địa chi đạo." *Lễ Tam Chính Ký* viết: "Chất pháp thiên, văn pháp địa dã." Đế vương thuỷ khởi, tiên chất hậu văn giả, thuận thiên địa chi đạo, bản mạt chi nghĩa, tiên hậu chi tự dã. Sự mạc bất tiên hữu chất tính, hậu nãi hữu văn chương dã.» 王者必一質一文者何？所以承天地，順陰陽．陽之道極，則陰道受．陰之道極，則陽道受．明二陰二陽不能相繼也．質法天，文法地而已．故天爲質，地受而化之，養而成之，故爲文．尚書大傳曰："王者一質一文，據天地之道．" 禮三正記曰："質法天，文法地也．" 帝王始起，先質後文者，順天地之道，本末之義，先後之序也．事莫不先有質性，後乃有文章也．

kính trọng nguồn gốc vậy. Ngày đầu năm có ý nghĩa là khôi phục,[97] là thay đổi; ý nói vạn vật thay đổi, cho nên [nó là] một *thống*. *Lễ Tam Chính Ký* chép: "Ngày đầu năm có ba thay đổi, tức là văn và chất cứ hai đời thì trở lại." Ba sự tế vi là ý nói gì? Ý nói khi khí Dương bắt đầu thi hành ở Hoàng Tuyền,[98] hơi máy động và chưa hiện rõ. Tháng 11, khí Dương bắt đầu nuôi dưỡng gốc rễ của cây cối; ở dưới Hoàng Tuyền (tức ở dưới đất) mọi thứ đều có màu đỏ. Màu đỏ là khí Dương mạnh mẽ. Cho nên đời Chu lấy ngày đầu năm là *thiên chính*, chuộng màu đỏ. Tháng 12, vạn vật bắt đầu ra chồi và có màu trắng. Màu trắng là khí Âm. Cho nên đời Ân (tức đời Thương) lấy ngày đầu năm là *địa chính*, chuộng màu trắng. Tháng 13,[99] vạn vật bắt đầu tách vỏ bọc mà thoát ra, chúng đều có màu đen, và người ta có thể sử dụng chúng. Cho nên đời Hạ lấy ngày đầu năm là *nhân chính*, chuộng màu đen. *Thượng Thư Đại Truyện* chép: "Đời Hạ lấy tháng mạnh xuân làm đầu năm, đời Ân (Thương) lấy tháng quý đông làm đầu năm, đời Chu lấy tháng trọng đông làm đầu năm." Đời Hạ lấy tháng 13 làm đầu năm, chuộng màu đen, lấy *bính dần* (tức giờ dần) tính là ngày đầu năm. Đời Ân (Thương) lấy tháng 12 làm đầu năm, chuộng màu trắng, lấy *kê minh* (tức lúc gà gáy) tính là ngày đầu năm. Đời Chu lấy tháng 11 làm đầu năm, chuộng màu đỏ, lấy *dạ bán* (tức nửa đêm) tính là ngày đầu năm. Không lấy tháng 2 về sau làm đầu năm là vì thời gian ấy vạn vật không phát triển đều đặn, chẳng thứ nào thích hợp với đầu năm, do đó phải lấy ba tháng tế vi [tức tháng 11, 12, 13 nói trên]. Sự kế tục nhau của Tam Chính giống như sự liên hoàn xuôi thuận. Khổng Tử kế thừa chế độ đời Chu, thi hành lịch pháp đời Hạ,[100] ngài biết rằng kế tục [triều đại dùng] tháng 11 làm đầu năm [là

---

97 LAM chú: Nguyên văn là: «Sóc giả, tô dã, ...» 朔者，蘇也. *Sóc* = khởi đầu, bắt đầu; ngày mồng một Âm lịch (ở đây hiểu là ngày đầu năm như *chính sóc*). *Tô* = sống lại (tử nhi phục sinh 死而復生); được khôi phục sau cơn khốn đốn (khốn đốn hậu đắc đáo khôi phục 困頓後得到恢復).

98 Derk Bodde chú: Hoàng Tuyền (suối vàng: Yellow Spring) là cõi Âm của người Trung Quốc, nhưng ở đây nó ám chỉ dưới mặt đất mà thôi. Khí Dương bắt đầu máy động dưới mặt đất thì nó khiến các hạt giống nẩy mầm; sau đó khí Dương mới hoạt động rõ trên mặt đất khi mùa xuân tới và các cây con mọc lên từ lòng đất.

99 LAM chú: Có lẽ cách giải thích này dựa trên lịch pháp đời Hán, các tháng 11, 12, 13 là các tháng đời Hán; nên tháng 13 thực chất là tháng giêng của đời Hán.

100 LAM chú: *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công) chép: «Tử viết: Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tắc Thiều Vũ.» 子曰：行夏之時，乘殷之輅，服周之冕，樂則韶舞 (Khổng Tử nói: Thi hành lịch đời Hạ, đi xe đời Ân [Thương], đội mũ miện đời Chu, âm nhạc phải dùng nhạc Thiều và nhạc Vũ). Đương Bá Tuấn (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1998, tr.164) giảng: «Thiều 韶 là nhạc đời vua Thuấn 舜; Vũ 舞 (cũng viết là Vũ 武) là nhạc đời Chu Vũ Vương 周武王.» (Thiều thị Thuấn thời đích âm nhạc, Vũ đồng Vũ, Chu Vũ Vương thời đích âm nhạc 韶是舜時的音樂，舞同武，周武王時的音樂). Ở đây cho thấy Khổng Tử ủng hộ lịch pháp đời Hạ, có lẽ vì nó thích hợp nông nghiệp. Âm lịch ngày nay, người Trung Quốc gọi là *cựu lịch* 舊歷, *nông lịch* 農歷, hay *Hạ lịch* 夏歷, vì tương truyền nó theo lịch pháp đời Hạ.

triều đại] phải dùng tháng 13 làm đầu năm.»[101]

Theo Đổng Trọng Thư, «có cái sau bốn đời thì khôi phục», đó là *Thương, Hạ, chất, văn* (ở đây Thương và Hạ là khái niệm trừu tượng, không phải là đời Thương và đời Hạ). Ông nói: «Người xem trời là chủ yếu và noi theo *Thương* mà làm vua, thì đạo của vua đầy Dương; quan hệ thân tộc dồi dào nhân ái và chất phác; cho nên chọn kẻ nối ngôi là con trai [của mình]; lòng bao dung trải đến các em ruột [của mình]. Người thiếp nào có con trai với vua, thì do đứa con ấy mà trở nên cao quý. Về lễ cưới và lễ gia quan, đứa con được đặt tên *tự* theo cha. [Cô dâu và chú rể] không được liếc nhìn nhau. Vợ chồng ngồi [trên hai chiếu] đối diện lúc ăn [bữa ăn đầu

---

[101] ***Bạch Hổ Thông Nghĩa*** **(Tam Chính): «Vương giả thụ mệnh tất cải sóc hà? Minh dịch tính thị bất tương tập dã. Minh thụ chi ư thiên, bất thụ chi ư nhân, sở dĩ biến dịch dân tâm, cách kỳ nhĩ mục, dĩ trợ hoá dã. *Cố Đại Truyện* viết: "Vương giả thuỷ khởi, cải chính sóc, dịch phục sắc, thù huy hiệu, dị khí giới, biệt y phục dã." [...] Chính sóc hữu tam hà? Bản thiên hữu tam thống, vị tam vi chi nguyệt dã. Minh vương giả đương phụng thuận nhi thành chi, cố thụ mệnh các thống nhất chính dã, kính thuỷ trọng bản dã. Sóc giả, tô dã, cách dã, ngôn vạn vật cách canh ư thị, cố thống yên. *Lễ Tam Chính Ký* viết: "Chính sóc tam nhi cải, văn chất tái nhi phục dã." Tam vi giả, hà vị dã? Dương khí thuỷ thi hoàng tuyền, động vi nhi vị trứ dã. Thập nhất nguyệt chi thời, Dương khí thuỷ dưỡng căn chu, hoàng tuyền chi hạ, vạn vật giai xích. Xích giả, thịnh Dương chi khí dã. Cố Chu vi thiên chính, sắc thượng xích dã. Thập nhị nguyệt chi thời, vạn vật thuỷ nha nhi bạch, bạch giả Âm khí. Cố Ân vi địa chính, sắc thượng bạch dã. Thập tam nguyệt chi thời, vạn vật thuỷ đạt phu giáp nhi xuất, giai hắc, nhân đắc gia công. Cố Hạ vi nhân chính, sắc thượng hắc. *Thượng Thư Đại Truyện* viết: "Hạ dĩ mạnh xuân nguyệt vi chính, Ân dĩ quý đông nguyệt vi chính, Chu dĩ trọng đông nguyệt vi chính." Hạ dĩ thập tam nguyệt vi chính, sắc thượng hắc, dĩ bình đán vi sóc. Ân dĩ thập nhị nguyệt vi chính, sắc thượng bạch, dĩ kê minh vi sóc. Chu dĩ thập nhất nguyệt vi chính, sắc thượng xích, dĩ dạ bán vi sóc. Bất dĩ nhị nguyệt hậu vi chính giả, vạn vật bất tề, mạc thích sở thống, cố tất dĩ tam vi chi nguyệt dã. Tam chính chi tương thừa, nhược thuận liên hoàn dã. Khổng Tử thừa Chu chi tệ, hành Hạ chi thời, tri kế thập nhất nguyệt chính giả, đương dụng thập tam nguyệt dã.»** 王者受命必改朔何?明易姓示不相襲也.明受之於天,不受之於人,所以變易民心,革其耳目,以助化也.故大傳曰:"王者始起,改正朔,易服色,殊徽號,異器械,別衣服也."[...] 正朔有三何?本天有三統,謂三微之月也.明王者當奉順而成之,故受命各統一正也,敬始重本也.朔者,蘇也,革也,言萬物革更於是,故統焉.禮三正記曰:"正朔三而改,文質再而復也." 三微者,何謂也?陽氣始施黃泉,動微而未著也.十一月之時.陽氣始養根株,黃泉之下,萬物皆赤.赤者,盛陽之氣也.故周爲天正,色尚赤也.十二月之時,萬物始牙(芽)而白,白者陰氣.故殷爲地正,色尚白也.十三月之時,萬物始達孚甲而出,皆黑,人得加功.故夏爲人正,色尚黑.尚書大傳曰:"夏以孟春月爲正,殷以季冬月爲正,周以仲冬月爲正." 夏以十三月爲正.色尚黑,以平旦爲朔.殷以十二月爲正,色尚白,以雞鳴爲朔.周以十一月爲正,色尚赤,以夜半爲朔.不以二月後爲正者,萬物不齊,莫適所統,物必以三爲之月也.三正之相承,若順連環也.孔子承周之弊,行夏之時,知繼十一月正者,當用十三月也.

tiên]. Về lễ tang, vợ chồng sẽ được chôn riêng biệt. Khi cúng tế [vợ chồng] thì món mỡ lợn được dâng cúng [cho họ] trước tiên. [Bài vị của] vợ chồng được đặt riêng biệt bên trái (*chiêu* 昭) và bên phải (*mục* 穆). [...] Người xem đất là chủ yếu và noi theo *Hạ* mà làm vua, thì đạo của vua phát triển Âm; đạo ấy xem trọng bậc trưởng trượng và có nhiều nghĩa tiết; cho nên chọn kẻ nối ngôi là cháu ruột; lòng bao dung trải đến các thái tử. Người thiếp nào có con trai với vua, thì không do đứa con ấy mà trở nên cao quý. Về lễ cưới và lễ gia quan, đứa con được đặt tên *tự* theo mẹ. [Cô dâu và chú rể] không được liếc nhìn nhau. Vợ chồng cùng ngồi [một chiếu] lúc ăn [bữa ăn đầu tiên]. Về lễ tang, vợ chồng sẽ được chôn kế nhau. Khi cúng tế [vợ chồng] thì thức ăn được dâng cúng [cho họ] trước tiên. [Bài vị của] vợ đặt sau [bài vị của] chồng, cùng bên trái hoặc cùng bên phải. [...] Người xem trời là chủ yếu và noi theo *chất* mà làm vua, thì đạo của vua đầy Dương; quan hệ thân tộc dồi dào nhân ái và chất phác; cho nên chọn kẻ nối ngôi là con trai [của mình]; lòng bao dung trải đến các em ruột [của mình]. Người thiếp nào có con trai với vua, thì do đứa con ấy mà trở nên cao quý. Về lễ cưới và lễ gia quan, đứa con được đặt tên *tự* theo cha. [Cô dâu và chú rể] không được liếc nhìn nhau. Vợ chồng ngồi [trên hai chiếu] đối diện lúc ăn [bữa ăn đầu tiên]. Về lễ tang, vợ chồng sẽ được chôn riêng biệt. Khi cúng tế [vợ chồng] thì món ngũ cốc được dâng cúng [cho họ] trước tiên. [Bài vị của] vợ chồng được đặt riêng biệt bên trái và bên phải. [...] Người xem đất là chủ yếu và noi theo *văn* mà làm vua, thì đạo của vua phát triển Âm; đạo ấy xem trọng bậc trưởng trượng và có nhiều lễ văn; cho nên chọn kẻ nối ngôi là cháu ruột; lòng bao dung trải đến các thái tử. Người thiếp nào có con trai với vua, thì không do đứa con ấy mà trở nên cao quý. Về lễ cưới và lễ gia quan, đứa con được đặt tên *tự* theo mẹ. [Cô dâu và chú rể] không được liếc nhìn nhau. Vợ chồng cùng ngồi [một chiếu] lúc ăn [bữa ăn đầu tiên]. Về lễ tang, vợ chồng sẽ được chôn kế nhau. Khi cúng tế [vợ chồng] thì thức ăn được dâng cúng [cho họ] trước tiên. [Bài vị của] vợ đặt sau [bài vị của] chồng, cùng bên trái hoặc cùng bên phải.»[102]

[102] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Tam Đại Cải Chế Chất Văn): «Chủ thiên pháp Thương nhi vương, kỳ đạo dật Dương, thân thân nhi đa nhân phác, cố lập tự dư tử, đốc mẫu đệ. Thiếp dĩ tử quý. Hôn quan chi lễ, tự tử dĩ phụ. Biệt miếu. Phu phụ đối toạ nhi thực. Tang lễ biệt táng. Tế lễ tiên táo, phu thê chiêu mục biệt vị. [...] Chủ địa pháp Hạ nhi vương, kỳ đạo tiến Âm, tôn tôn nhi đa nghĩa tiết. Cố lập tự dữ tôn, đốc thế tử. Thiếp bất dĩ tử xưng quý hiệu. Hôn quan chi lễ, tự tử dĩ mẫu. Biệt miếu. Phu phụ đồng toạ nhi thực. Tang lễ hợp táng. Tế lễ tiên hanh,(*) phụ tòng phu vi chiêu mục. [...] Chủ thiên pháp chất nhi vương, kỳ đạo dật Dương, thân thân nhi đa chất ái. Cố lập tự dư tử, đốc mẫu đệ. Thiếp dĩ tử quý. Hôn quan chi lễ, tự tử dĩ phụ. Biệt miếu. Phu phụ đối toạ nhi thực. Tang lễ biệt táng. Tế lễ tiên gia sơ. Phu phụ chiêu mục biệt vị. [...] Chủ địa pháp văn nhi vương, kỳ đạo tiến Âm, tôn tôn nhi đa lễ văn. Cố lập tự dư tôn, đốc thế tử. Thiếp bất dĩ tử xưng quý hiệu. Hôn quan chi lễ, tự tử dĩ mẫu. Biệt miếu. Phu thê đồng toạ nhi thực.**

Trên đây nói «bốn sự noi theo (Thương, Hạ, chất, văn) giống như bốn mùa, hết chu kỳ thì trở lại khởi điểm, đạt tới cùng cực thì trở lại gốc» (tứ pháp như tứ thời nhiên, chung nhi phục thuỷ, cùng tắc phản bản 四法如四時然,終而復始,窮則反本). Theo lịch sử thực tế mà nói, «Thuấn 舜 xem trời là chủ yếu và noi theo *Thương* mà làm vua»; «Vũ 禹 xem đất là chủ yếu và noi theo *Hạ* mà làm vua»; «Thang 湯 xem trời là chủ yếu và noi theo *chất* mà làm vua»; «Văn Vương 文王 xem đất là chủ yếu và noi theo *văn* mà làm vua». Người kế tục đời Chu ắt «xem trời là chủ yếu và noi theo *Thương* mà làm vua». Sự tuần hoàn này là cái mà Đổng Trọng Thư nói rằng «có cái sau bốn đời thì khôi phục». Ông cũng nói «có cái sau năm đời thì khôi phục», nghĩa là khi một vị tân vương nổi lên, để thông suốt Tam Thống thì vua phong đất cho con cháu của hai đời trước, cho phép họ xưng vương hiệu, cho phép họ «mặc y phục của đời trước, thực hành lễ nhạc đời trước, và làm khách tại triều đình». Đồng thời vua cũng phong hiệu các vua của hai đời trước là *đế* 帝; phong đất (gọi là *tiểu quốc* 小國) cho con cháu của năm đế để có «nước nhỏ mà cúng tế họ». Ngoài ra vua cũng phong hiệu các vua trước ngũ đế là *hoàng* 皇; phong đất (gọi là *phụ dung* 附庸) cho con cháu của chín hoàng. Đó là cái mà Đổng Trọng Thư nói rằng «có cái sau chín đời thì khôi phục». Ông cũng nói: «Kẻ ở xa có danh hiệu tôn quý nhưng đất bé nhỏ; kẻ ở gần có danh hiệu thấp hèn nhưng đất rộng lớn, đó là ý nghĩa của thân và sơ.» (Viễn giả hiệu tôn nhi địa tiểu, cận giả hiệu ti nhi địa đại, thân sơ chi nghĩa dã 遠者號尊而地小,近者號卑而地大,親疏之義也).

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Khi bậc tân vương nổi lên phải phong đất cho con cháu của hai đời vua trước. *Bạch Hổ Thông Nghĩa* giải thích: «Tại sao bậc tân vương khi nổi lên phải phong đất cho con cháu của hai đời vua trước? Đó là để tôn trọng tiên vương và thông suốt tam

---

Tang lễ hợp táng. Tế lễ tiên cự xưởng, phụ tòng phu vi chiêu mục.» 主天法商而王,其道佚陽,親親而多仁樸,故立嗣予子,篤母弟.妾以子貴.昏(婚)冠之禮,字子以父.別眇.夫婦對坐而食.喪禮別葬.祭禮先曏,夫妻昭穆別位.[...] 主地法夏而王,其道進陰,尊尊而多義節.故立嗣與孫,篤世子.妾不以子稱貴號.昏(婚)冠之禮,字子以母.別眇.夫婦同坐而食.喪禮合葬.祭禮先亨,(*) 婦從夫爲昭穆. [...] 主天法質而王,其道佚陽,親親而多質愛.故立嗣予子,篤母弟.妾以子貴.昏(婚)冠之禮,字子以父.別眇.夫婦對坐而食.喪禮別葬.祭禮先嘉疏.夫婦昭穆別位. [...] 主地法文而王,其道進陰,尊尊而多禮文.故立嗣予孫,篤世子.妾不以子稱貴號.昏(婚)冠之禮,字子以母.別眇.夫妻同坐而食.喪禮合葬.祭禮先秬鬯,婦從夫爲昭穆.– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Lê Văn Chiêu nói: Chữ *hanh* 亨, chữ cổ là *phanh* 烹.**

thống của thiên hạ. Tân vương hiểu rằng thiên hạ không phải là sở hữu của một gia tộc, nên tỏ ra hết sức kính cẩn và khiêm nhượng. Do đó tân vương phong đất trăm dặm [cho con cháu của hai đời vua trước], cho phép họ mặc y phục có màu sắc của đời đó, thực hành lễ nhạc của đời đó, và vĩnh viễn thờ cúng tổ tiên của họ.»[103] Lý do tân vương bảo tồn danh hiệu ngũ đế và cửu hoàng thì cũng tương tự như thế.

Theo *Tiền Hán Thư*, Đổng Trọng Thư có thuyết về *Tam giáo* 三教 (*thiên giáo, địa giáo, nhân giáo*) như sau: «Đời Hạ chuộng *trung* 忠, đời Ân chuộng *kính* 敬, đời Chu chuộng *văn* 文. Đời kế tiếp muốn tự cứu mình thì phải dùng [ba điều ấy]. Khổng Tử (*Luận Ngữ* - Vi Chính) nói: "Đời Ân (Thương) theo chế độ nghi lễ của đời Hạ, có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Đời Chu theo chế độ nghi lễ của đời Ân (Thương), có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Sau này có đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được." Ở đây ý nói các vua trăm đời sau đều thực hành ba điều ấy.»[104]

Chuộng *trung* mà có xảy ra điều tệ hại thì lấy sự chuộng *kính* để cứu nó. Chuộng *kính* mà có xảy ra điều tệ hại thì lấy sự chuộng *văn* để cứu nó. Chuộng *văn* mà có xảy ra điều tệ hại thì lấy sự chuộng *trung* để cứu nó. Cứ tuần hoàn như thế, cho nên Khổng Tử mới nói «dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được».

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

***Bạch Hổ Thông Nghĩa* giải rõ lý thuyết ấy rằng: «Tại sao vua [mỗi đời đều] thiết lập tam giáo? Mỗi vua thừa hưởng sự suy bại của đời trước và phải sửa chữa các tệ hại của nó để mong dân trở lại chính đạo. Các vua của ba đời có những lầm lỗi, cho nên thiết lập tam giáo để làm nguyên tắc chỉ đạo mà cùng nhau nhận lĩnh. Vua của người đời Hạ dạy họ phải *trung* (trung thực), nhưng họ có lỗi là thô lỗ. Sửa chữa sự thô lỗ ấy, chẳng gì bằng *kính* (sự kính trọng). Vua của người đời Ân (Thương) dạy họ phải *kính*, nhưng họ có lỗi là quỷ quyệt. Sửa chữa sự quỷ quyệt ấy, chẳng gì**

---

[103] ***Bạch Hổ Thông Nghĩa*** **(Tam Chính): «Vương giả sở dĩ tôn nhị vương chi hậu hà dã? Sở dĩ tôn tiên vương, thông thiên hạ chi tam thống dã. Minh thiên hạ phi nhất gia chi hữu, cẩn kính khiêm nhượng chi chí dã. Cố phong chi bách lý, sử đắc phục kỳ chính sắc, hành kỳ lễ nhạc, vĩnh sự tiên tổ.»** 王者所以存二王之後何也?所以尊先王,通天下之三統也.明天下非一家之有,謹敬謙讓之至也.故封之百里,使得服其正色,行其禮樂,永事先祖.

[104] ***Tiền Hán Thư*** **(Đổng Trọng Thư Truyện): «Hạ thượng trung, Ân thượng kính, Chu thượng văn giả, sở kế chi cứu, đương dụng thử dã. Khổng Tử viết: "Ân nhân ư Hạ lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Chu nhân ư Ân lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế, khả tri dã." Thử ngôn bách vương chi dụng dĩ thử tam giả hĩ.»** 夏上忠,殷上敬,周上文者,所繼之捄,當用此也.孔子曰："殷因於夏禮,所損益,可知也.周因於殷禮,所損益,可知也.其或繼之者,雖百世,可知也." 此言百王之用以此三者矣.

bằng *văn* (văn vẻ). Vua của người đời Chu dạy họ phải văn vẻ, nhưng họ có lỗi là khinh bạc. Sửa chữa sự khinh bạc ấy, chẳng gì bằng *trung*. Đời kế đời Chu chuộng chế độ theo màu đen giống như đời Hạ. Ba điều (*trung, kính, văn*) xuôi thuận liên hoàn, hết chu kỳ thì trở lại khởi đầu, cùng cực thì trở lại gốc. [...] Tại sao sự giảng dạy có ba điều? Bởi vì bên trong tam tài (thiên, địa, nhân) là *trung*, bên ngoài là *kính*, thể hiện thành *văn vẻ*. Ba điều ấy là đầy đủ vậy. Để noi theo tam tài (thiên, địa, nhân), mỗi điều ấy được thi hành ra sao? *Trung* noi theo người, *kính* noi theo đất, *văn* noi theo trời. Đạo của người chủ về *trung*, người ta lấy đạo tối cao ấy mà dạy nhau để đạt cực điểm của *trung*. Người ta lấy *trung* mà dạy nhau, cho nên *trung* là *nhân giáo*. Đạo của đất khiêm nhường và thấp thỏi, mọi thứ trời sinh ra thì đất đều trân trọng và nuôi dưỡng, nên lấy *kính* làm *địa giáo* vậy.»[105]

Theo quan điểm «thiên nhân hợp nhất» mà xét, lịch sử trở thành «một vở hài kịch của thần thánh» (a divine comedy). Thuyết này tuy chúng ta hiểu rõ là không đúng, nhưng chúng ta phải nhìn nhận rằng nó thiết lập một triết học có hệ thống về lịch sử.

12. Đại nghĩa của *Xuân Thu*

Trong quyển 1 (nơi chương 4, tiết 4), chúng ta đã biết mối quan hệ giữa Khổng Tử với tác phẩm *Xuân Thu*. Từ Khổng Tử về sau, mối quan hệ giữa *Xuân Thu* với Nho gia ngày càng thêm quan trọng; ý nghĩa mà Nho gia gán cho *Xuân Thu* cũng ngày càng thêm phong phú. Đến khi Đổng Trọng Thư giảng *Xuân Thu* thì cái gọi là «vi ngôn đại nghĩa» 微言大義 (lời nói tinh tế và ý nghĩa lớn lao) của *Xuân Thu* được diễn đạt có hệ thống, và địa vị của Khổng Tử cũng được nâng cao từ *thầy* (sư 師) lên

[105] ***Bạch Hổ Thông Nghĩa*** (Tam Giáo): «Vương giả thiết tam giáo giả hà? Thừa suy cứu tệ, dục dân phản chính đạo dã. Tam vương chi hữu thất, cố lập tam giáo dĩ tương chỉ thụ. Hạ nhân chi vương giáo dĩ trung, hữu thất dã. Cứu dã chi thất mạc như kính. Ân nhân chi vương giáo dĩ kính, kỳ thất quỷ. Cứu quỷ chi thất mạc như văn. Chu nhân chi vương giáo dĩ văn, kỳ thất bạc. Cứu bạc chi thất mạc như trung. Kế Chu thượng hắc chế, dữ Hạ đồng. Tam giả như thuận liên hoàn, chu nhi phục thuỷ, cùng tắc phản bản. [...] Giáo sở dĩ tam giả hà? Thiên địa nhân nội trung ngoại kính văn sức chi cố, tam nhi bị dã. Tức pháp thiên địa nhân các hà thi? Trung pháp nhân, kính pháp địa, văn pháp thiên. Nhân đạo chủ trung, nhân dĩ chí đạo giáo nhân, trung chi chí dã. Nhân dĩ trung giáo, cố trung vi nhân giáo dã. Địa đạo nhượng tí, thiên chi sở sinh, địa kính dưỡng chi, dĩ kính vi địa giáo dã.(*)» 王者設三教者何?承衰救弊,欲民反正道也.三王之有失,故立三教以相指受.夏人之王教以忠,有失野.救野之失莫如敬.殷因之王教以敬,其失鬼.救鬼之失莫如文.周人之王教以文,其失薄.救薄之失莫如忠.繼周尚黑制,與夏同.三者如順連環,周而復始,窮則反本. [...] 教所以三者何?天地人內忠外敬文飾之故,三而備也.即法天地人各何施?忠法人,敬法地,文法天.人道主忠,人以至道教人,忠之至也.人以忠教,故忠爲人教也.地道讓卑,天之所生,地敬養之,以敬爲地教也(*).– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Ló Văn Chiêu nói: «Nghi thiếu một đoạn nói về *thiên giáo*.»**

vua (vương 王).

Đổng Trọng Thư cho rằng Khổng Tử nhận lĩnh mệnh trời mà sửa chữa những tệ hại của đời Chu, lập những định chế cho tân vương và tân triều đại. [Năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công, tức năm 481 TCN, mùa xuân] vua săn bắn ở phía tây nước Lỗ, bắt được một [con thú mà Khổng Tử xác nhận là] con lân.[106] Đó là điềm Khổng Tử nhận lĩnh mệnh trời. Đổng Trọng Thư nói: «Có những thứ tự động xảy ra chứ không do sự nỗ lực của

---

[106] **LAM chú: Phùng Hữu Lan chỉ chép bốn chữ «tây thú hoạch lân» 西狩獲麟(đi săn phía tây bắt được con lân). Sự kiện này được chép trong *Tả Truyện* (Ai Công thập tứ niên): «Thập tứ niên xuân, tây thú ư Đại Dã, Thúc Tôn thị chi xa Tử Sử Thương hoạch lân, dĩ vi bất tường, dĩ tứ ngu nhân. Trọng Ni quan chi, viết: "Lân dã." Nhiên hậu thủ chi.» 十四年春,西狩於大野,叔孫氏車子鉏商獲麟,以爲不祥,以賜虞人.仲尼觀之,曰: "麟也." 然後取之. (Mùa xuân năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công [tức 481 CN], vua đi săn ở Đại Dã thuộc miền tây nước Lỗ. Người đánh xe của Thúc Tôn tên là Tử Sử Thương bắt được một con lân, nghĩ là điềm chẳng lành, nên cho quan quản lý sơn trạch. Trọng Ni trông thấy con thú ấy, nói: "Đó là con lân." Rồi [người ta] lấy nó đi). (Xem: *Tả Truyện Toàn Dịch*, Vương Thủ Khiêm, Kim Tú Trân, Vương Phượng Xuân dịch chú, Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, 1990, tập hạ, tr.1553. Bản này chú thích: Đại Dã = Cự Dã 巨野 hay Cự Trạch 巨澤, nay ở phía bắc huyện Cự Dã tỉnh Sơn Đông; xa = người đánh xe; Tử Sử Thương = tên người đánh xe; ngu nhân = quan quản lý sơn trạch [núi và ao đầm]). *Sử Ký* (Khổng Tử Thế Gia) cũng chép tương tự: «Lỗ Ai Công thập tứ niên xuân, thú Đại Dã. Thúc Tôn thị xa tử, Sử Thương hoạch thú, dĩ vi bất tường. Trọng Ni thị chi, viết: "Lân dã." Thủ chi. Viết: "Hà bất xuất đồ, Lạc bất xuất thư, ngô dĩ hĩ phù." Nhan Uyên tử, Khổng Tử viết: "Thiên táng dư." Cập tây thú kiến lân, viết: "Ngô đạo cùng hĩ."» 魯哀公十四年春,狩大野.叔孫氏車子,鉏商獲獸,以爲不祥.仲尼視之,曰: "麟也." 取之.曰: "河不出圖,洛不出書,吾已矣夫." 顏淵死,孔子曰: "天喪予" 及西狩見麟,曰: "吾道窮矣". (Lỗ Ai Công mùa xuân năm 14 đi săn ở Đại Dã, người đánh xe của Thúc Tôn là Sử Thương bắt được một con thú, cho là điềm chẳng lành. Trọng Ni thấy nó, nói: "Đây là con lân." Rồi [người nước Lỗ] lấy nó đi. Khổng Tử nói: "Hoàng Hà không xuất hiện đồ, sông Lạc không xuất hiện thư, ta thế là hết." Nhan Uyên mất, Khổng Tử nói: "Trời hại ta rồi." Đến khi vua đi săn phía tây bắt được con lân, Khổng Tử nói: "Đạo ta hết rồi.") Theo cách ngắt câu trong bản in của Quảng Trí Thư Cục (Hương Cảng, không ghi năm, quyển 4), tên người đánh xe là Sử Thương, không phải Tử Sử Thương. Trong bản này, Phục Kiển 服虔 chú: «Tử phi tính dã.» 子非姓也(Tử đây không phải là họ). Phục Kiển lại chú: «Lân phi thời sở thường kiến, cố quái chi dĩ vi bất tường dã. Trọng Ni danh chi viết lân, nhiên hậu Lỗ nhân nãi thủ chi dã. Minh lân vi Trọng Ni chi dã.» 麟非時所常見,故怪之以爲不祥也.仲尼名之曰麟,然後魯人乃取之也.明麟爲仲尼至也 (Lân không phải là loài thú thường trông thấy, cho nên họ thấy kỳ quái và cho là điềm chẳng lành. Trọng Ni gọi nó là lân, rồi người Lỗ lấy nó đi. Nghe tin bắt được lân mà Trọng Ni đến). Hà Hưu 何休 chú: «Lân giả, thái bình chi thú, thánh nhân chi loại dã. Thời đắc nhi tử. Thử thiên diệc cáo phu tử tương một chi chứng.» 麟者,太平之獸,聖人之類也.時得而死.此天亦告夫子將歿之證 (Lân là loài thú tượng trưng cho thái bình, cùng loại với thánh nhân. Khi người ta bắt được lân thì nó đã chết. Đây là chứng cớ trời cũng báo trước Khổng Tử sắp chết). Theo bản tập chú này, con lân đã chết khi người ta thấy nó; đó là điềm trời cho biết Khổng Tử sắp chết chứ không phải điềm Khổng Tử nhận được mệnh trời như Đổng Trọng Thư nói.**

con người. Thí dụ như việc đi săn ở miền tây [nước Lỗ] bắt được con lân, đó là điềm [Khổng Tử] nhận lĩnh mệnh trời. Sau đó ngài gởi gấm [mệnh trời] vào sách *Xuân Thu*, chỉnh đốn những điều bất chính, và thuyết minh ý nghĩa của việc sửa đổi các định chế. Ngài [chủ trương] thống nhất thiên hạ dưới quyền một thiên tử, và tỏ ra lo buồn đối với sự lo buồn của thiên hạ. Ngài chủ yếu dẹp trừ mối hoạn nạn của thiên hạ; đối với đời trước thì muốn thông với [đạo của] ngũ đế, đối với đời sau thì muốn đạt tới [đạo của] tam vương. Bằng cách này ngài thông suốt đạo của bách vương và tuỳ thuận đạo trời từ đầu đến cuối. Ngài thâu tóm các kết quả thành công và thất bại, và khảo sát sự thi hành mệnh trời. Ngài tìm nguyên lý để tình cảm và bản tính [con người] phát triển đúng đắn trọn vẹn, như thế nội dung của mệnh trời mới đầy đủ.»[107]

Qua *Xuân Thu,* Khổng Tử thiết lập các định chế của một tân vương. Đổng Trọng Thư nói: «Mệnh trời thì vô thường, chỉ ai có đức thì được [trời] thưởng [cho thiên hạ]. Cho nên *Xuân Thu* ứng theo trời mà đề ra công việc tân vương phải làm. Đầu năm theo hắc thống; tân vương [được giao phó công việc đối với] nước Lỗ; chuộng màu đen; [...].[108] Âm nhạc thì dùng nhạc Thiều và nhạc Vũ, nên gần gũi với đời Ngu (Thuấn); về chế độ tước hiệu thì theo đời Thương; các tước hiệu *bá, tử, nam* được hợp thành một đẳng cấp.»[109]

---

[107] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Phù Thuỵ): «Hữu phi lực chi sở năng trí nhi tự chí giả, tây thú hoạch lân, thụ mệnh chi phù thị dã. Nhiên hậu thác hồ Xuân Thu, chính bất chính chi gian, nhi minh cải chế chi nghĩa. Nhất thống hồ thiên tử, nhi gia ưu ư thiên hạ chi ưu dã. Vụ trừ thiên hạ sở hoạn, nhi dục dĩ thượng thông ngũ đế, hạ cực tam vương. Dĩ thông bách vương chi đạo, nhi tuỳ thiên chi chung thuỷ. Bác đắc thất chi hiệu, nhi khảo mệnh tượng chi vi. Cực lý dĩ tận tình tính chi nghi, tắc thiên dung toại hĩ.»** 有非力之所能致而自至者，西狩獲麟，受命之符是也．然後託乎春秋，正不正之間，而明改制之義．一統乎天子，而加憂於天下之憂也．務除天下所患，而欲所上通五帝，下極三王．以通百王之道，而隨天之終始．博得失之效，而考命象之爲．極理以盡情性之宜，則天容遂矣．

[108] **LAM chú: Ở đây có 6 chữ khá tối nghĩa (dù Phùng Hữu Lan có giải thích ở sau): «Truất Hạ, thân Chu, cố Tống.»** 絀夏，親周，故宋．**Derk Bodde vừa dịch vừa giảng là: «[It] pushed the Hsia (dynasty) further back, took (that of) Chou as its immediate predecessor, and (the state of) Sung as the descendant of its more remote predecessor.» ([Nó = mệnh trời] đẩy lùi xa đời Hạ, xem đời Chu là đời kế trước và xem nước Tống là con cháu của đời xa hơn trước).**

[109] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Tam Đại Cải Chế Chất Văn): «Thiên** ***tử***[a] **mệnh vô thường,** ***duy mệnh thị đức khánh.***[b] **Cố Xuân Thu ứng thiên tác tân vương chi sự, thời chính hắc thống, vương Lỗ, thượng hắc, truất Hạ, thân Chu, cố Tống, nhạc nghi** ***thân***[c] **chiêu vũ,**[d] **cố dĩ Ngu lục thân, lạc** ***chế***[e] **nghi Thương, hợp bá tử nam vi nhất đẳng.»** 天子[a]命無常，唯命是德慶．[b] 故春秋應天作新王之事，時正黑統，王魯，尚黑，絀夏，親周，故宋，樂宜親[c]招武，[d] 故以虞錄親，樂制[e]宜商，合伯子男爲一等．**– Phùng Hữu Lan chú: (a) Tô Dư nói: «Nghi chữ** ***tử*** **子 là** ***chi*** **之».** **(b) Tô Dư nói: «Nghi câu này phải chép là** ***duy đức thị khánh*** **唯德是慶».** **(c) Tô Dư nói: «Nghi chữ** ***thân*** **親 bị dùng sai».** **(d) Tô Dư nói: «*Chiêu vũ* 招武 tức là *Thiều Vũ* 韶舞».** **(e) Lô Văn Chiêu nói: «Nghi phải chép là** ***chế tước*** **制爵».**

Đổng Trọng Thư nói: «Thang nhận lĩnh mệnh trời mà làm vua, ứng theo trời mà thay đổi đời Hạ và lấy hiệu là đời Ân (Thương), ấn định đầu năm theo bạch thống. [...] [Vua Thang] chế chất và lễ để phụng sự trời. Văn Vương nhận lĩnh mệnh trời mà làm vua, ứng theo trời mà thay đổi đời Ân và lấy hiệu là đời Chu, ấn định đầu năm theo xích thống. [...] [Văn Vương] chế văn và lễ để phụng sự trời.»[110] «*Xuân Thu* nhận lĩnh mệnh trời, chép việc của tân vương», kế tiếp xích thống của đời Chu, cho nên là hắc thống. Nó uỷ thác [nhiệm vụ của] tân vương ở nước Lỗ; màu sắc thì chuộng màu đen; đó gọi là «có cái sau ba đời thì khôi phục». Theo đoạn văn trên, cái gọi là «truất Hạ, thân Chu, cố Tống» 絀夏, 親周, 故宋 nghĩa là một vị tân vương phải phong đất cho con cháu của hai đời vua trước, cho phép họ xưng vương hiệu của họ, đồng thời gọi các vua trước hai đời vua ấy là đế. *Xuân Thu* qui định công việc của tân vương, cho nên xem [con cháu của các vua] đời Chu và nước Tống là con cháu của hai đời vua trước mà bảo tồn vương hiệu của họ; còn [các vua của] đời Hạ thì được liệt vào ngũ đế. Tân vương của *Xuân Thu* kế tiếp đời Chu, theo Đổng Trọng Thư thì tân vương phải «xem trời là chủ yếu và noi theo *Thương* mà làm vua» và tương đồng với vua Thuấn 舜, cho nên nói «âm nhạc thì dùng nhạc Thiều và nhạc Vũ». Thiều 韶 tức là âm nhạc của vua Thuấn vậy.

«Văn Vương chế văn và lễ để phụng sự trời.» Đời Chu chuộng văn, cho nên *Xuân Thu* chuộng chất. Đổng Trọng Thư nói: «Điều quan trọng của lễ là thái độ [của người thực hành]. Thái độ tôn kính và nghi tiết đầy đủ, thì quân tử xem đó là biết lễ. Thái độ ôn hoà và âm nhạc tao nhã, thì quân tử xem đó là biết nhạc. Thái độ đau buồn và cư tang đơn giản, thì quân tử xem đó là biết tang. Cho nên khi nói "[lễ] chớ có thực hành suông" là nói xem trọng thái độ vậy. Thái độ là chất, ngoại vật là văn. Văn thể hiện rõ hơn chất. Nếu chất không ở trong văn, thì văn sao thể hiện được chất? Chất và văn cùng đầy đủ, thì lễ mới thành tựu. Nếu thực hành trội văn hoặc trội chất, thì không có được cái danh văn hay chất. Nếu không thể cùng có đầy đủ văn và chất, mà chỉ thực hành trội văn hoặc trội chất, thì thà có chất mà không có văn. Tuy [người thực hành] không được xem là có đầy đủ lễ, nhưng vẫn được khen là tốt. [...] [Nếu hắn] có văn mà không có chất, [thì hắn] không được khen, mà còn bị xem là ác. [...] Do đó, thứ tự mà *Xuân Thu* nói là chất trước và văn sau; thái độ bên phải và lễ vật bên

[110] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Tam Đại Cải Chế Chất Văn): «Thang thụ mệnh nhi vương, ứng thiên biến Hạ tác Ân hiệu, thời chính bạch thống. [...] Chế chất lễ dĩ phụng thiên. Văn Vương thụ mệnh nhi vương, ứng thiên biến Ân tác Chu hiệu, thời chính xích thống. [...] Chế văn lễ dĩ phụng thiên.»** 湯受命而王，應天變夏作殷號，時正白統 [...] 制質禮以奉天. 文王受命而王，應天變殷作周號，時正赤統 [...] 制文禮以奉天.

trái (tức thái độ quan trọng hơn lễ vật). Cho nên [*Luận Ngữ* (Dương Hoá)] nói: "Lễ, lễ ư? Chỉ các thứ như ngọc và lụa mà thôi sao? Nhạc, nhạc ư? Chỉ các thứ như chuông và trống mà thôi sao?" Do đó Khổng Tử lập đạo của tân vương, nói rõ là thái độ được quý trọng để chống lại thói trục lợi, lòng thành được quý trọng để tiêu diệt thói xảo trá. Đó là vì [Khổng Tử] thừa hưởng cái tệ hại của đời Chu [là quá trọng văn], nên mới nói như thế.»[111] Ở đây tức là «có cái sau hai đời thì khôi phục» như Đổng Trọng Thư đã nói.

GHI CHÚ **(của Phùng Hữu Lan):**

Hà Hưu 何休 (129-182) chú *Công Dương Truyện* rằng: «Bậc tân vương mới nổi lên, sở dĩ phải sửa đổi chất và văn là nhân việc suy loạn mà sửa chữa lầm lỗi của con người. Đạo trời gốc ở bên dưới, [con người] thân ái với người thân mà chất thì giảm. Đạo đất tôn kính bề trên, [con người] tôn kính bậc tôn trưởng mà văn thì phiền phức. Cho nên bậc tân vương mới nổi lên, trước tiên lấy đạo trời làm gốc để trị thiên hạ, trọng chất và thân ái với người thân. Đến khi thiên hạ suy đồi, lỗi của họ là thân ái người thân mà không tôn kính. Cho nên bậc tân vương nổi lên sau phải bắt chước đạo đất mà trị thiên hạ, trọng văn mà tôn kính bậc tôn trưởng. Đến khi thiên hạ suy đồi, lỗi của họ là tôn kính bậc tôn trưởng mà không thân ái. Cho nên phải trở lại mà trọng chất vậy.»[112]

---

[111] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Ngọc Bôi): «Lễ chi sở trọng giả tại kỳ chí. Chí kính nhi tiết cụ, tắc quân tử dư chi trí lễ. Chí hoà nhi âm nhã, tắc quân tử dư chi trí nhạc. Chí ai nhi cư ước, tắc quân tử dư chi trí tang. Cố viết: Phi hư gia chi, trọng chí chi vị dã. Chí vi chất, vật vi văn. Văn trứ ư chất; chất bất cư văn, văn an thi chất. Chất văn lưỡng bị, nhiên hậu kỳ lễ thành. Văn chất thiên hành, bất đắc hữu ngã nhĩ chi danh. Câu bất năng bị nhi thiên hành chi, ninh hữu chất nhi vô văn. Tuy phất dư năng lễ, thượng thiểu thiện chi. [...] Hữu văn vô chất, phi trực bất dư, nãi thiểu ác chi. [...] Nhiên tắc Xuân Thu chi tự đạo dã, tiên chất nhi hậu văn, hữu chí nhi tả vật. Cố viết: "Lễ vân lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai? Nhạc vân nhạc vân, chung cổ vân hồ tai?" Thị cố Khổng Tử lập tân vương chi đạo, minh kỳ quý chí dĩ phản *hoà*,(*) kiến kỳ hảo thành dĩ diệt nguỵ, kỳ hữu kế Chu chi tệ, cố nhược thử dã.»** 禮之所重者在其志.志敬而節具,則君子予之知禮.志和而音雅,則君子予之知樂.志哀而居約,則君子予之知喪.故曰:非虛加之,重志之謂也.志爲質,物爲文.文著於質;質不居文,文安施質.質文兩備,然後其禮成.文質偏行,不得有我爾之名.俱不能備而偏行之,寧有質而無文.雖弗予能禮,尚少善之.[...] 有文無質,非直不予,乃少惡之.[...] 然則春秋之序道也,先質而後文,右志而左物.故曰:"禮云禮云,玉帛云乎哉?樂云樂云,鐘鼓云乎哉?" 是故孔子立新王之道,明其貴志以反和,(*)見其好誠以滅僞,其有繼周之弊,故若此也.– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Tô Dư nói: «Chữ *hoà* 和 này nghĩ là chữ *lợi* 利.»**

[112] ***Công Dương Truyện*** **(Hoàn Công Thập Nhất Niên), Hà Hưu chú: «Vương giả khởi, sở dĩ tất cải chất văn giả, vi thừa suy loạn, cứu nhân chi thất dã. Thiên đạo bản hạ, thân thân nhi chất tỉnh. Địa đạo kính thượng, tôn tôn nhi văn phiền. Cố vương giả thuỷ khởi, tiên bản thiên đạo, dĩ trị thiên hạ, chất nhi thân thân. Cập kỳ suy tệ, kỳ thất dã thân thân nhi bất tôn. Cố hậu vương khởi, pháp địa đạo dĩ trị thiên hạ, văn nhi tôn tôn. Cập kỳ suy tệ, kỳ thất dã tôn tôn nhi bất thân. Cố phục phản chi ư chất dã.»** 王者起,所以必改質文者,爲承衰亂,救人

Sách *Xuân Thu* là do Khổng Tử vâng mệnh trời mà viết. Cho nên trong đó đại nghĩa bao la và cực rộng. Đổng Trọng Thư nói: «*Xuân Thu* là sách để học vậy; nó nói về quá khứ và giảng rõ về tương lai. Tuy nhiên lời lẽ của nó thể hiện sự tế vi của trời nên khó hiểu. Ai không xét kỹ thì thấy nó như chẳng có gì; ai xem xét kỹ thì thấy cái gì cũng được nói trong đó. Cho nên ai quan tâm *Xuân Thu*, hễ nắm được một đầu mối thì sẽ liên kết được nhiều mối khác; hễ thấy một điều đúng thì liên hệ nó rộng khắp các điều khác. Như vậy người đó sẽ tường tận thiên hạ.»[113]

Theo Đổng Trọng Thư, *Xuân Thu* là sách được viết từ lẽ trời (*thiên lý* 天理), thể hiện sự tế vi của trời. Đại nghĩa của *Xuân Thu* có *Thập Chỉ* 十指, *Ngũ Thuỷ* 五始, và *Tam Thế* 三世.

Về *Thập Chỉ*, Đổng Trọng Thư nói: «Kinh văn của *Xuân Thu* bao quát 242 năm, chép việc lớn của thiên hạ và những biến đổi lớn của chúng, việc gì cũng có. Tuy nhiên, sự trọng yếu của nó tóm lại có mười nguyên tắc chỉ đạo (gọi là *Thập Chỉ*). Thập Chỉ liên kết các sự kiện được ghi chép, và những ảnh hưởng biến hoá của bậc vương có thể bắt nguồn từ đó. [*Thập Chỉ là*:] 1- Nêu ra các biến đổi trong nhân sự, thấy có điều quan trọng. 2- Thấy sự biến đổi trong nhân sự tiến tới đâu. 3- Nhân chỗ nó đến mà xử lý nó. 4- Làm cho thân mạnh cành yếu, gốc lớn ngọn nhỏ. 5- Phân biệt sự hiềm nghi, làm các thứ cùng loại trở nên khác. 6- Luận bàn ý nghĩa của bậc hiền tài, phân biệt năng lực chuyên môn của họ. 7- Thân ái với kẻ ở gần, thu hút kẻ ở xa về mình, chia sẻ nguyện vọng với dân. 8- Tỏ ra mình kế thừa văn của đời Chu và trở về chất. 9- Mộc sinh hoả, hoả là mùa hạ, là đầu mối của trời. 10- Phân tích cách trừng phạt những kẻ bị phê bình, khảo sát cách thêm vào của các biến dị theo đầu mối của trời. [*Giải thích*:] 1- *Nêu ra các biến đổi trong nhân sự, thấy có điều quan trọng*, thì trăm họ yên lành. 2- *Thấy sự biến đổi trong nhân sự tiến tới đâu*, thì tra xét được sự được hay mất. 3- *Nhân chỗ nó đến mà xử lý nó*, thì gốc của sự việc sẽ đúng đắn. 4- *Làm cho thân mạnh cành yếu,*

之失也.天道本下,親親而質省.地道敬上,尊尊而文煩.故王者始起,先本天道,以治天下,質而親親.及其衰敝,其失也親親而不尊.故後王起,法地道以治天下,文而尊尊.及其衰敝,其失也尊尊而不親.故復反之於質也.

[113] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Tinh Hoa)**: «Xuân Thu chi vi học dã, đạo vãng nhi minh lai giả dã. Nhiên nhi kỳ tử thể thiên chi vi, cố nan tri dã. Phất năng sát, tịch nhược vô. Năng sát chi, vô vật bất tại. Thị cố vi Xuân Thu giả, đắc nhất đoan nhi đa liên chi, kiến nhất nghi nhi bác quán chi, tắc thiên hạ tận hĩ.»
春秋之爲學也,道往而明來者也.然而其辭體天之微,故難知也.弗能察,寂若無.能察之,無物不在.是故爲春秋者,得一端而多連之,見一宜而博貫之,則天下盡矣.

gốc lớn ngọn nhỏ, thì có sự phân minh giữa vua và bầy tôi. 5- *Phân biệt sự hiềm nghi, làm các thứ cùng loại trở nên khác*, thì điều đúng hay sai trở nên rõ ràng. 6- *Luận bàn ý nghĩa của bậc hiền tài, phân biệt năng lực chuyên môn của họ*, thì trăm quan có trật tự. 7- *Tỏ ra mình kế thừa văn của đời Chu và trở về chất*, thì thiết lập được nhiệm vụ trong sự biến hoá. 8- *Thân ái với kẻ ở gần, thu hút kẻ ở xa về mình, chia sẻ nguyện vọng với dân*, thì nhân ái và ân đức phát triển đầy đủ. 9- *Mộc sinh hoả, hoả là mùa hạ*, thì nguyên lý Âm Dương và bốn mùa ảnh hưởng nhau mà có thứ tự. 10- *Phân tích cách trừng phạt những kẻ bị phê bình, khảo sát cách thêm vào của các biến dị theo đầu mối của trời*, thì ý muốn của trời thi hành. Hệ thống các điều ấy mà nêu ra, thì điều nhân đi và điều nghĩa đến. Ân đức rộng lớn, tràn đầy bốn biển. Âm Dương điều hoà, vạn vật đều thích ứng nguyên lý của chúng. Ai nói về *Xuân Thu* thì đều sử dụng Thập Chỉ, vì đấy là phép tắc của nó.»[114]

[114] *Xuân Thu Phồn Lộ* (Thập Chỉ): «Xuân Thu nhị bách tứ thập nhị niên chi văn, thiên hạ chi đại, sự biến chi bác, vô bất hữu dã. Tuy nhiên, đại lược chi yếu, hữu thập chỉ. Thập chỉ giả, sự chi sở hệ dã, vương hoá chi sở do đắc lưu dã. Cử sự biến, kiến hữu trọng yên, nhất chỉ dã. Kiến sự biến chi sở chí giả, nhất chỉ dã. Nhân kỳ sở dĩ chí giả nhi trị chi, nhất chỉ dã. Cường cán nhược chi, đại bản tiểu mạt, nhất chỉ dã. Biệt hiềm nghi, dị đồng loại, nhất chỉ dã. Luận hiền tài chi nghĩa, biệt sở trường chi năng, nhất chỉ dã. Thân cận lai viễn, đồng dân sở dục, nhất chỉ dã. Thừa Chu văn nhi phản chi chất, nhất chỉ dã. Mộc sinh hoả, hoả vi hạ, thiên chi đoan, nhất chỉ dã. Thiết thích cơ chi sở phạt, khảo biến dị chi sở gia, thiên chi đoan, nhất chỉ dã. Cử sự biến kiến hữu trọng yên, tắc bách tính an hĩ. Kiến sự biến chi sở chí giả, tắc đắc thất thẩm hĩ. Nhân kỳ sở dĩ chí nhi trị chi, tắc sự chi bản chính hĩ. Cường cán nhược chi, đại bản tiểu mạt, tắc quân thần chi phân minh hĩ. Biệt hiềm nghi, dị đồng loại, tắc thị phi trứ hĩ. Luận hiền tài chi nghĩa, biệt sở trường chi năng, tắc bách quan tự hĩ. Thừa Chu văn nhi phản chi chất, tắc hoá sở vụ lập hĩ. Thân cận lai viễn, đồng dân sở dục, tắc nhân ân đạt hĩ. Mộc sinh hoả, hoả vi Hạ, tắc Âm Dương tứ thời chi lý, tương thụ nhi thứ hĩ. Thiết thích cơ chi sở phạt, khảo biến dị chi sở gia, tắc thiên sở dục vi hành hĩ. Thống thử nhi cử chi, nhân văng nhi nghĩa lai. Đức trạch quảng đại, diễn dật ư tứ hải. Âm Dương hoà điều, vạn vật mỵ bất đắc kỳ lý hĩ. Thuyết Xuân Thu phàm dụng thị hĩ. Thử kỳ pháp dã.» 春秋二百四十二年之文，天下之大，事變之博，無不有也．雖然，大略之要，有十指．十指者，事之所繫也，王化之所由得流也．舉事變，見有重焉，一指也．見所變之所至者，一指也．因其所以至者而治之，一指也．強幹弱枝，大本小末，一指也．別嫌疑，異同類，一指也．論賢才之義，別所長之能，一指也．親近來遠，同民所欲，一指也．承周文而反之質，一指也．木生火，火爲夏，天之端，一指也．切刺譏之所罰，考變異之所加，天之端，一指也．舉事變見有重焉，則百姓安矣．見事變之所至者，則得失審矣．因其所以至而治之，則事之本正矣．強幹弱枝，大本小末，則群臣之分明矣．別嫌疑，異同類，則是非著矣．論賢才之義，別所長之能，則百官序矣．承周文而反之質，則化所務立矣．親近來遠，同民所欲，則仁恩達矣．木生火，火爲夏，則陰陽四時之理，相受而次矣．切刺譏之所罰，考變異之所加，則天所欲爲行矣．統此而舉之，仁往而義來．德澤廣大，衍溢於四海．陰陽和調，萬物靡不得其理矣．說春秋凡用是矣．此其法也．

Về «*Nêu ra các biến đổi trong nhân sự, thấy có điều quan trọng*», Đổng Trọng Thư nói: «*Xuân Thu* kính người hiền và trọng dân như thế. Cho nên tuy có vài trăm cuộc chiến tranh xâm lược [xảy ra suốt 242 năm] mà chúng vẫn được chép hết vào *Xuân Thu*. Đó là nhằm diễn tả sự đau thương và những thiệt hại trầm trọng do chiến tranh vậy.»[115]

Các cuộc chiến tranh xâm lược đều được chép trong *Xuân Thu* cả, đó là nhằm nêu ra cái ác của chiến tranh và tỏ lòng quý trọng người dân. Về «*Phân biệt sự hiềm nghi, làm các thứ cùng loại trở nên khác*», Đổng Trọng Thư nói: «Phùng Sửu Phụ chịu chết cho vua được sống, nhưng tại sao không được *Xuân Thu* xem là người biết quyền biến?[116] Sửu Phụ [giả làm Tề Khoảnh Công để] lừa nước Tấn; còn Tế Trọng nhận lời [minh thệ với] nước Tống;[117] cả hai đều làm điều sai để vua của mình sống.[118] Tuy nhiên hành vi của Sửu Phụ khó khăn hơn hành vi của Tế Trọng. Nhưng tại sao Tế Trọng được xem là người hiền, còn Sửu Phụ thì không? Xin đáp: Đúng và sai khó phân biệt tại chỗ này. Ở đây hai việc hiềm nghi thì tương tự mà lý của chúng thì bất đồng, nên không thể không xem xét. Hễ ai bỏ ngôi vị để tránh xung đột với anh em thì quân tử xem là rất quý.[119] Ai bị bắt làm tù binh mà đào tẩu thì quân tử xem là rất hèn. Tế Trọng để cứu mạng vua mà tự đặt mình vào vị thế mà người ta quý trọng, cho nên *Xuân Thu* xem Tế Trọng biết quyền biến và là người hiền. Sửu Phụ để cứu mạng vua mà tự đặt mình vào vị thế mà người ta khinh miệt, cho nên *Xuân Thu* xem Sửu Phụ không biết quyền biến và gạt bỏ

[115] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** **(Trúc Lâm): «Xuân Thu chi kính hiền trọng dân như thị. Thị cố chiến công xâm phạt, tuy số bách khởi, tất nhất nhị thư. Thương kỳ hại sở trọng dã.»** 春秋之敬賢重民如是.是故戰攻侵伐,雖數百起,必一二書.傷其害所重也.

[116] **Derk Bodde chú: Phùng Sửu Phụ không được đề cập trong *Xuân Thu* nhưng sự việc của ông được chép trong *Tả Truyện*, năm 589 TCN. Phùng Sửu Phụ là quan đại phu ngồi bên phải Tề Khoảnh Công 齊頃公 trên chiến xa trong trận chiến với nước Tấn. Tề thua Tấn, Sửu Phụ bèn hoán đổi vị trí với Khoảnh Công để cho mình bị bắt còn Khuỷnh Công chạy thoát. Tướng Khích Khắc 郤克 của nước Tấn bắt Sửu Phụ, cảm phục Sửu Phụ trung thành với vua nên tha chết Sửu Phụ.**

[117] **Derk Bodde chú: Sự kiện này được chép vắn tắt trong *Xuân Thu* năm 701 TCN: «Tháng 9, các tướng của nước Tống bắt Tế Trọng của nước Trịnh.» *Tả Truyện* giải thích rằng khi Tống Trang Công 宋庄公 bắt giữ Tế Trọng (một quan đại phu của Trịnh) bèn ép buộc Tế Trọng phế bỏ thái tử Hốt 忽 và lập em của Hốt là công tử Đột 突 làm vua nước Trịnh. Tế Trọng minh thệ với Tống, đưa công tử Đột lên ngôi, tức là Trịnh Lệ Công 鄭厲公. Nhưng năm 697 TCN, Tế Trọng dẹp trừ Lệ Công và đưa thái tử Hốt lên ngôi, tức Trịnh Chiêu Công 鄭昭公.**

[118] **Derk Bodde chú: Theo *Công Dương Truyện*, bấy giờ nước Tống mạnh còn nước Trịnh yếu. Để bảo vệ tính mệnh của thái tử Hốt, Tế Trọng buộc phải theo lệnh nước Tống mà đưa công tử Đột lên ngôi. Rồi Tế Trọng ẩn nhẫn đợi thời lập thái tử Hốt làm vua.**

[119] **Derk Bodde chú: Đây ám chỉ việc thái tử Hốt của nước Trịnh (do Tế Trọng bị nước Tống ép buộc) từ bỏ ngôi vua và để em là công tử Đột (được nước Tống hậu thuẫn) làm vua (tức Trịnh Lệ Công).**

ông ta. Cả hai đều làm điều sai để bảo tồn vua của mình; hai việc thì tương tự. Một người làm vua vinh, một người làm vua nhục; cái lý của sự việc thì khác nhau.[120] Cho nên trong các hành vi của con người nếu ban đầu sai lầm mà sau trở thành điều nghĩa thì được gọi là biết quyền biến. Dù sự việc không thành thì *Xuân Thu* cũng xem là tốt. Đó là trường hợp Ẩn Công của nước Lỗ và Tế Trọng của nước Trịnh.[121] Nếu ban đầu đúng mà sau trở thành sai lầm thì bị gọi là tà đạo, và *Xuân Thu* không thích. Đó là trường hợp [Tề Khoảnh Công và] Phùng Sửu Phụ vậy.»[122]

Việc Tế Trọng được chép trong *Công Dương Truyện*, Hoàn Công năm thứ 8; việc Phùng Sửu Phụ được chép trong *Công Dương Truyện*, Thành Công năm thứ 2. Hai nhân vật này đều làm điều sai nhằm bảo toàn mạng sống cho vua của mình; hai việc hiểm nghi này tương tự, nhưng *Xuân Thu* khen Tế Trọng mà chê Phùng Sửu Phụ. Cho nên Đổng Trọng Thư nói: «Phân biệt sự hiểm nghi, làm các thứ cùng loại trở nên khác.» Đổng Trọng Thư nói: «Mộc sinh hoả, hoả là mùa hạ.» Mộc là

---

[120] **Derk Bodde chú: Đây tiêu biểu cho sự nguỵ biện nhằm giải thích những chỗ không thích đáng trong *Xuân Thu* liên quan thuyết «khen-chê». Kỳ thực, khác với *Công Dương Truyện*, *Tả Truyện* được viết không theo thuyết «khen-chê», nên chép về Phùng Sửu Phụ nhiều hơn Tế Trọng.**

[121] **Derk Bodde chú: Năm 712 TCN, quan đại phu Vũ Phụ 羽父 xúi Ẩn Công 隱公 (đang nhiếp chính) giết em (là Hoàn Công 桓公) để khỏi tranh ngôi vua. Ẩn Công không nghe, Vũ Phụ bèn trở mặt vu hãm Ẩn Công rồi cho người ám sát Ẩn Công và lập Hoàn Công làm vua nước Lỗ.**

[122] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Trúc Lâm): «Phùng Sửu Phụ sát kỳ thân dĩ sinh kỳ quân, hà dĩ bất đắc vị tri quyền? Sửu Phụ khi Tấn, Tế Trọng hứa Tống, câu uổng chính dĩ tồn kỳ quân. Nhiên nhi Sửu Phụ chi sở vi, nan ư Tế Trọng. Tế Trọng kiến hiền, nhi Sửu Phụ do kiến phi, hà dã? Viết: Thị phi nan biệt giả tại thử, thử kỳ hiểm nghi tương tự, nhi bất đồng lý giả, bất khả bất sát. Phù khứ vị nhi tị huynh đệ giả, quân tử chi sở thậm quý. Hoạch lỗ đào độn giả, quân tử chi sở thậm tiện. Tế Trọng thố kỳ quân ư nhân sở thậm quý, dĩ sinh kỳ quân, cố Xuân Thu dĩ vi tri quyền nhi hiền chi. Sửu Phụ thố kỳ quân ư nhân sở thậm tiện, dĩ sinh kỳ quân, Xuân Thu dĩ vi bất tri quyền nhi giản chi. Kỳ câu uổng chính dĩ tồn quân tương tự dã, kỳ sử quân vinh chi dữ sử quân nhục bất đồng lý. Cố phàm nhân chi hữu vi dã, tiền uổng nhi hậu nghĩa giả, vị chi trung quyền. Tuy bất năng thành, Xuân Thu thiện chi. Lỗ Ẩn Công, Trịnh Tế Trọng thị dã. Tiền chính nhi hậu hữu uổng giả, vị chi tà đạo. Tuy năng thành chi, Xuân Thu bất ái. *Tề Khoảnh Công*,[*] Phùng Sửu Phụ thị dã.»** 逢丑父殺其身以生其君，何以不得謂知權？丑父欺晉，祭仲許宋，俱枉正以存其君．然而丑父之所爲，難於祭仲．祭仲見賢，而丑父猶見非，何也？曰：是非難別者在此，此其嫌疑相似，而不同理者，不可不察．夫去位而避兄弟者，君子之所甚貴．獲虜逃遁者，君子之所甚賤．祭仲措其君於人所甚貴，以生其君，故春秋以爲知權而賢之．丑父措其君於人所甚賤，以生其君，春秋以爲不知權而簡之．其俱枉正以存君相似也，其使君榮之與使君辱不同理．故凡人之有爲也，前枉而後義者，位之中權．雖不能成，春秋善之．魯隱公，鄭祭仲是也．前正而後有枉者，位之邪道．雖能成之，春

mùa xuân. *Xuân Thu* chép đầu mỗi năm là mùa xuân, là phát khởi đầu mối của trời. (Xem chi tiết sau đây).[123]

Xuân Thu có Ngũ Thuỷ 五始. Đổng Trọng Thư nói: «Đạo của *Xuân Thu* lấy sự thâm sâu của *nguyên* 元 (khởi đầu) để chỉnh đốn đầu mối của trời; lấy đầu mối của trời để chỉnh đốn chính sách của bậc vương; rồi lấy chính sách của bậc vương để chỉnh đốn việc lên ngôi của chư hầu và chỉnh đốn sự cai trị trong lãnh thổ. Có năm [nguyên tắc] được chỉnh đốn thì ảnh hưởng chuyển hoá [của nền chính trị tốt] sẽ tác dụng rộng khắp.»[124]

Câu đầu tiên của sách *Xuân Thu* là: «Nguyên niên xuân vương chính nguyệt.» 元年春王正月 (Năm đầu tiên [đời vua...], mùa xuân, tháng thứ nhất [của vua]). Mùa xuân là khởi đầu một năm; *nguyên* được chép trước, *xuân* được chép sau; tức là «lấy sự thâm sâu của *nguyên* 元 (khởi đầu) mà chỉnh đốn đầu mối của trời». Tiếp ngay sau chữ *xuân* là chữ *vương*, tức là «lấy đầu mối của trời để chỉnh đốn chính sách của bậc vương». *Nguyên niên* tức là năm vua lên ngôi, tức là «lấy chính sách của bậc vương để chỉnh đốn việc lên ngôi của chư hầu».

Xuân Thu có Tam Thế 三世. Đổng Trọng Thư nói: «*Xuân Thu* phân chia 12 đời thành ba bậc: *hữu kiến* (có thấy), *hữu văn* (có nghe), *hữu truyền văn* (có nghe đời xưa truyền lại). *Hữu kiến* gồm ba đời, *hữu văn* gồm bốn đời, *hữu truyền văn* gồm năm đời. Cho nên Ai Công, Định Công, Chiêu Công, là những vua mà quân tử thấy tận mắt. Tương Công, Thành Công, Văn Công, Tuyên Công, là những vua mà quân tử nghe nói đến. Hi Công, Mân Công, Trang Công, Hoàn Công, Ẩn Công, là những vua mà quân tử nghe đời xưa kể lại. Các vua được thấy tận mắt thì tại vị cả thảy 61 năm (541-480 TCN); các vua được nghe nói đến thì tại vị cả thảy 85 năm (626-542 TCN); các vua được đời xưa kể lại thì tại vị cả thảy 96 năm (722-627 TCN). Đối với các vua mà [Khổng Tử] thấy thì ngài dùng lời lẽ kín đáo; đối với các vua mà ngài nghe nói đến thì ngài bày tỏ sự đau lòng trước tai hoạ của họ; đối với các vua mà ngài nghe đời xưa kể lại thì ngài chép thẳng thừng. Điều đó đều tuỳ theo tình cảm [thích hợp

---

秋不愛.齊頃公,逢丑父是也.- **Phùng Hữu Lan chú: (*) Lô Văn Chiêu nói: «Nghi ba chữ *Tề Khoảnh Công* bị chép thêm vào.»**

[123] **Phùng Hữu Lan chú: Đổng Trọng Thư cho rằng đại nghĩa của *Xuân Thu* có thuyết Lục Khoa 六科. Cái gọi là Lục Khoa đại khái cũng tương đồng với Thập Chỉ, nên không trích dẫn ở đây.**

[124] ***Xuân Thu Phồn Lộ* (Nhị Đoan): «*Xuân Thu* chi đạo, dĩ nguyên chi thâm, chính thiên chi đoan, chính vương chi chính. Dĩ vương chi chính, chính chư hầu chi tức vị, chính cảnh nội chi trị. Ngũ giả câu chính, nhi hoá đại hành.»** 春秋之道,以元之深,正天之端,正王之政.以王之政,正諸侯之即位,正境内之治.五者俱正,而化大行.

ở mỗi hoàn cảnh].[125] Cho nên về việc Quý Thị bị trục xuất, ngài chỉ nói rằng lại có lễ cúng cầu mưa; đó là dùng lời kín đáo.[126] Về vụ Tử Xích bị ám sát,[127] ngài bất nhẫn mà ghi chép ngày ấy; đó là ngài đau lòng trước tai hoạ của Tử Xích. Về vụ Tử Ban bị ám sát, ngài ghi chép ngày xảy ra vụ việc là ất mùi;[128] đó là ngài chép thẳng thừng vậy. Chí của ngài khi co khi duỗi, văn của ngài khi tỉ mỉ khi giản lược, đều là thích ứng với [các nguyên tắc ấy]. Ta do đó biết ngài xét kỹ cái ở gần và xét qua cái ở xa; thân ái với cái thân thiết và lạt lẽo với cái không thân thiết. Ta cũng biết ngài quý cái đáng quý và coi rẻ cái hạ tiện; xem trọng cái quan trọng và xem nhẹ cái không quan trọng. Ta cũng biết ngài nồng hậu với cái dầy dặn và khinh bạc cái mỏng manh; xem điều thiện là tốt và xem điều ác là xấu. Ta cũng biết ngài xem Dương là Dương và Âm là Âm; xem trắng là trắng và đen là đen vậy.»[129]

---

[125] Derk Bodde chú: Ở đây ý nói Khổng Tử vì lòng trung với các vua nước Lỗ mà ngài tận mắt thấy nên ngài dùng lời lẽ kín đáo để chép những việc tồi tệ của thời đại mà ngài chứng kiến (từ năm 541 đến năm ngài mất là 479). Điều ấy không cần thiết nữa đối với thời đại các vua mà ngài nghe nói đến (626-542); nhưng ngài bày tỏ sự đau lòng trước tai hoạ của họ. Đối với thời đại các vua mà ngài biết do đời xưa ghi chép lại (722-627) thì ngài gạt tình cảm qua một bên mà ghi chép thẳng thừng. Xem: Franke, *Studien zur Geschichte des konfuzianischen Dogmas (Nghiên cứu về lịch sử học thuyết của Khổng Tử)*, tr. 44-45; và xem: Woo, *Trois théories politiques (Ba học thuyết chính trị)*, tr.97-99.

[126] Derk Bodde chú: *Xuân Thu* chép lễ cầu mưa năm 517 TCN nhưng không đề cập việc Quý Thị bị trục xuất. *Công Dương Truyện* có chép việc ấy, điều này minh họa lời Đổng Trọng Thư nói vì sao việc ấy không chép trong *Xuân Thu* (xem: Woo, *sđd.*, tr.98, chú 1). *Tả Truyện* cũng giống *Xuân Thu*, chỉ chép lễ cầu mưa, chứ không chép việc Quý Thị.

[127] Derk Bodde chú: Tử Xích là con của Lỗ Văn Công, bị ám sát năm 609 TCN. Cả *Xuân Thu* và *Tả Truyện* đều không chép ngày xảy ra vụ việc. Ở đây, lời thuyết minh của Đổng Trọng Thư phù hợp với giải thích của *Công Dương Truyện* (xem: Woo, *sđd.*, tr.99, chú 1).

[128] Derk Bodde chú: Tử Ban là con Lỗ Trang Công, bị ám sát năm 662 TCN. Tuy nhiên *Tả Truyện* chép ngày xảy ra vụ việc là kỷ mùi chứ không phải ất mùi. *Công Dương Truyện* không giải thích việc này. (xem: Woo, *sđd.*, tr.99, chú 3).

[129] *Xuân Thu Phồn Lộ* (Sở Trang Vương): «Xuân Thu phân thập nhị thế dĩ vi tam đẳng: hữu kiến, hữu văn, hữu truyền văn. Hữu kiến tam thế, hữu văn tứ thế, hữu truyền văn ngũ thế. Cố Ai, Định, Chiêu, quân tử chi sở kiến dã. Tương, Thành, Văn, Tuyên, quân tử chi sở văn dã. Hi, Mân, Trang, Hoàn, Ẩn, quân tử chi sở truyền văn dã. Sở kiến lục thập nhất niên, sở văn bát thập ngũ niên, sở truyền văn cửu thập lục niên. Ư sở kiến, vi kỳ từ, ư sở văn, thống kỳ hoạ, ư truyền văn, sát kỳ ân, dữ tình câu dã. Thị cố trục Quý Thị, nhi ngôn hựu vu, vi kỳ từ dã. Tử Xích sát, phất nhẫn thư nhật, thống kỳ hoạ dã. Tử Ban sát, nhi thư ất mùi, sát kỳ ân dã. Khuất thân chi chí, tường lược chi văn, giai ứng chí. Ngô dĩ kỳ cận cận nhi viễn viễn, thân thân nhi sơ sơ dã. Diệc tri kỳ quý quý nhi tiện tiện, trọng trọng nhi khinh khinh dã. Hữu tri kỳ hậu hậu nhi bạc bạc, thiện thiện nhi ác ác dã. Hữu tri kỳ Dương Dương nhi Âm Âm, bạch bạch nhi hắc hắc dã.» 春秋分十二世以爲三等：有見，有聞，有傳聞．有見三世，有聞四世，有傳聞五世．故哀，定，昭，君子之所見也．襄，成，文，宣，君子之所聞也．僖，閔，莊，桓，隱君子之

Các nhà thuộc phái Công Dương về sau lại lấy khái niệm Tam Thế 三世 này mà phân ra thành Cứ Loạn Thế 據亂世, Thăng Bình Thế 升平世, và Thái Bình Thế 太平世. Hà Hưu nói: «Trong thời đại [mà Khổng Tử] nghe đời xưa kể lại thì ngài thấy sự yên trị phát khởi từ trong suy loạn, cho nên ngài dụng tâm hướng tới phần đại thể [của sự vật]. Do đó ngài xem nước Lỗ của mình là bên trong [tức trung tâm], và xem các nước còn lại của Trung Quốc [chư Hạ 諸夏] là ở bên ngoài; ngài xem xét kỹ bên trong trước rồi mới xử lý bên ngoài sau. Ngài ghi chép sự việc lớn, giản lược sự việc nhỏ. Việc xấu bên trong [tức của nước Lỗ] thì ngài chép, còn việc xấu bên ngoài [nước Lỗ] thì ngài không chép. Đối với quan đại phu của nước lớn thì ngài chép là "*đại phu*", còn đối với quan đại phu của nước nhỏ thì ngài chép giản lược là "*người ta*". Các buổi hội họp dù không kết quả, nếu diễn ra bên trong [tức nước Lỗ] thì ngài chép, còn diễn ra bên ngoài [nước Lỗ] thì ngài không chép. Trong thời đại mà ngài nghe nói đến thì ngài thấy sự yên trị phát khởi từ *thăng bình* (yên bình sắp đến). Ngài xem các nước của Trung Quốc [chư Hạ 諸夏] là bên trong [tức trung tâm], và xem các nước di địch [tức các nước bị gọi là "man rợ"] là ở bên ngoài. Ngài chép các buổi hội họp dù không kết quả diễn ra ở bên ngoài. Đối với các quan đại phu của nước nhỏ thì ngài vẫn chép là "*đại phu*". [...] Đến thời đại mà ngài đích thân chứng kiến thì ngài thấy sự yên trị phát khởi từ *thái bình*. Các nước di địch tiến tới việc ban tước. Các nước xa gần, lớn nhỏ trong thiên hạ như một. Ngài dụng tâm hết sức sâu sắc và tinh tường. Cho nên ngài tôn trọng nhân nghĩa và phê bình việc [sử dụng] hai tên. [...] Sở dĩ có Tam Thế là vì theo lễ thì thời gian [cư tang] như sau: đối với cha mẹ là ba năm; đối với ông bà nội là một năm, đối với ông bà cố là ba tháng. Tình yêu khởi đầu từ cha mẹ ruột. Cũng giống thế, *Xuân Thu* căn cứ vào đời Lỗ Ai Công (tại vị 494-468), rồi chép sự việc ngược lên đời Lỗ Ẩn Công (tại vị 722-712), rồi chép sự việc ngược lên đời của tổ tiên của Lỗ Ai Công. Sở dĩ [*Xuân Thu*] bao quát 242 năm chép việc của 12 bậc công làm mẫu bởi vì [đó là] số trời đầy đủ, đủ để làm rõ cách

---

所傳聞也.所見六十一年,所聞八十五年.所傳聞九十六年.於所見,微其辭,於所聞,痛其禍,於傳聞,殺其恩,與情俱也.是故逐季氏,而言又雩,微其辭也.子赤殺,弗忍書日,痛其禍也.子般殺,而書乙未,殺其恩也.屈伸之志,詳略之文,皆應之.吾以其近近而遠遠,親親而疏疏也.亦知其貴貴而賤賤,重重而輕輕也.有知其厚厚而薄薄,善善而惡惡也.有知其陽陽而陰陰,白白而黑黑也.

thức cai trị.»[130]

Mỗi năm có 12 tháng, cho nên *Xuân Thu* cũng ghi chép việc của 12 bậc công.[131] Như các học giả gần đây đã nêu ra, lý thuyết Tam Thế ở đây cũng có chỗ giống với triết học chính trị được nói trong *Lễ Vận*.

Xuân Thu để nói về danh và phận. Đổng Trọng Thư đối với danh cũng rất xem trọng. Ông nói: «Đầu mối trị thiên hạ là ở việc thẩm tra biện biệt cái trọng đại. Đầu mối biện biệt cái trọng đại là ở việc xét kỹ danh hiệu. Danh là cái tượng trưng cho các nguyên lý lớn. Người ta ghi chép ý nghĩa của các tượng trưng ấy để dò xét sự vật ở bên trong. Do đó mà biết cái đúng cái sai; sự thuận hay nghịch [với trời] tự hiện rõ; và ta gần thông suốt [ý nghĩa của] trời đất. Các chuẩn mực về đúng và sai bắt nguồn từ việc thuận hay nghịch [với trời]. Các chuẩn mực về thuận và nghịch bắt nguồn từ *danh* 名 và *hiệu* 號. Các chuẩn mực về danh và hiệu bắt nguồn từ trời đất. Trời đất là nghĩa lớn của danh và hiệu. Thánh nhân đời xưa gào lên để bắt chước [âm thanh của] trời đất, nên gọi là *hiệu*. Kêu lên để ban mệnh lệnh, nên gọi là *danh*. *Danh* mà thành lời tức là kêu lên mà ban

---

[130] ***Công Dương Truyện*** **(Ẩn Công Nguyên Niên) Hà Hưu chú: «Ư sở truyền văn chi thế, kiến trị khởi ư suy loạn chi trung, dụng tâm thượng thô thô. Cố nội kỳ quốc nhi ngoại chư Hạ, tiên tường nội nhi hậu trị ngoại. Lục đại lược tiểu, nội tiểu ác thư, ngoại tiểu ác bất thư. Đại quốc hữu đại phu, tiểu quốc lược xưng nhân. Nội ly hội thư, ngoại ly hội bất thư, thị dã. Ư sở văn chi thế, kiến trị thăng bình. Nội chư Hạ nhi ngoại di địch. Thư ngoại ly hội. Tiểu quốc hữu đại phu. [...] Chí sở kiến chi thế, trứ trị thái bình. Di địch tiến chí ư tước. Thiên hạ viễn cận đại tiểu nhược nhất. Dụng tâm vưu thâm nhi tường. Cố sùng nhân nghĩa, cơ nhị danh. [...] Sở dĩ tam thế giả, lễ vi phụ mẫu tam niên, vi tổ phụ mẫu kỳ, vi tằng tổ phụ mẫu tề suy tam nguyệt. Lập ái tự thân thuỷ. Cố *Xuân Thu* cứ Ai lục Ẩn, thượng trị tổ nhĩ. Sở dĩ nhị bách tứ thập nhị niên giả, thủ pháp thập nhị công, thiên số bị, tức trứ trị pháp thức.»** 於所傳聞之世見治起於衰亂之中,用心尚麤粗.故內其國而外諸夏,先詳內而後治外.錄大略小,內小惡書,外小惡不書.大國有大夫,小國略稱人.內離會書,外離會不書,足也.於所聞之世,見治升平.內諸夏而外夷狄.書外離會.小國有大夫. [...] 至所見之世,著治太平.夷狄進至於爵.天下遠近大小若一.用心尤深而詳.故崇仁義譏二名. [...] 所以三世者,禮爲父母三年,爲祖父母期,爲曾祖父母齊衰三月.立愛自親始.故春秋据哀錄隱,上治祖禰.所以二百四十二年者,取法十二公,天數備,足著治法式.

[131] **LAM chú: Khổng Tử biên soạn *Xuân Thu* bắt đầu từ Lỗ Ẩn Công nguyên niên (tức 722 TCN), kết thúc ở đời Lỗ Ai Công năm 14 (tức 481 TCN), bao quát 242 năm. *Tả Truyện* bắt đầu từ Lỗ Ẩn Công nguyên niên (tức 722 TCN), kết thúc ở đời Lỗ Ai Công 27 (tức 468 TCN); bao quát 255 năm. 12 bậc công của nước Lỗ được chép ở cả hai bộ sách này là: 1- Ẩn Công 隱公 (tại vị 722-712), 2- Hoàn Công 桓公 (tại vị 711-694), 3- Trang Công 莊公 (tại vị 693-662), 4- Mân Công 閔公 (tại vị 661-660), 5- Hi Công 僖公 (tại vị 659-627), 6- Văn Công 文公 (tại vị 626-609), 7- Tuyên Công 宣公 (tại vị 608-591), 8- Thành Công 成公 (tại vị 590-573), 9- Tương Công 襄公 (tại vị 572-542), 10- Chiêu Công 昭公 (tại vị 541-509), 11- Định Công 定公 (tại vị 509-495), 12- Ai Công 哀公 (tại vị 494-468). Người tại vị mau nhất là Mẫn Công (2 năm), và lâu nhất là Hi Công (33 năm), Trang Công (32 năm), Chiêu Công (32 năm), Tương Công (31 năm).**

mệnh lệnh. *Hiệu* mà thành lời tức là gào lên mà bắt chước. Gào lên để bắt chước [âm thanh của] trời đất thì gọi là *hiệu*. Kêu lên để ban mệnh lệnh thì gọi là *danh*.[132] *Danh* và *hiệu* khác âm thanh nhưng cùng gốc, đều là kêu gào để đạt được ý trời. Trời không nói nhưng khiến con người phát hiện ra ý trời; trời không làm nhưng khiến con người thi hành sự trung dung của trời. Danh là ý trời được thánh nhân phát hiện, nên ta không thể không xem xét kỹ danh. Vua nhận lĩnh mệnh trời, là ý trời đã được giao cho vua. Cho nên kẻ được gọi là con trời (*thiên tử*) xem trời là cha, phụng sự trời để tỏ đạo hiếu vậy. Kẻ được gọi là *chư hầu* phải cẩn thận phụng sự con trời. Kẻ được gọi là *đại phu* phải cẩn thận về sự trung tín của mình, đôn hậu về lễ nghĩa, làm điều nghĩa lớn hơn điều nghĩa mà kẻ thất phu làm đủ để cảm hoá họ. Kẻ *sĩ* nghĩa là *sự* 事 (phụng sự). *Dân* nghĩa là *minh* 瞑 (mù).[133] Kẻ sĩ không hành động để cảm hoá [người khác] thì có thể giữ việc mình và thuận tòng bề trên là được rồi. Trong năm hiệu (*thiên tử, chư hầu, đại phu, sĩ, dân*) này, mỗi hiệu tự mô tả phận sự xã hội. Trong mỗi phận sự có những chi tiết cụ thể với danh của nó. Danh có nhiều hơn hiệu. Hiệu áp dụng cho cái đại thể [của sự vật]; danh áp dụng cho các phương diện phân tán riêng biệt [của sự vật]. Hiệu thì bao quát và sơ lược, danh thì tỉ mỉ rõ ràng từng mục. [Danh] tỉ mỉ từng mục là để phân biện sự vật. [Hiệu] bao quát là để nêu ra đại thể [của sự vật]. [Thí dụ như:] Dâng cúng quỷ thần thì có một hiệu là *tế* 祭 (cúng tế). *Tế* có nhiều danh: cúng tế vào mùa xuân gọi là *từ* 祠, cúng tế vào mùa hạ gọi là *dược* 礿, cúng tế vào mùa thu gọi là *thường* 嘗, cúng tế vào mùa đông gọi là *chưng* 烝. Săn bắn cầm thú thì có một hiệu là *điền* 田. *Điền* có nhiều danh: Săn bắn vào mùa xuân gọi là *miêu* 苗, săn bắn vào mùa thu gọi là *sưu* 蒐, săn bắn vào mùa đông gọi là *thú* 狩, săn bắn vào mùa hạ gọi là *mi* 獮. Không có danh và hiệu nào mà không trúng ý trời cả. Chẳng vật nào mà không có *hiệu* chung; chẳng *hiệu* nào mà không có nhiều *danh* như vậy. Cho nên mỗi thứ đều thuận với *danh*; mỗi *danh* đều thuận với trời; giữa trời và người có sự hợp nhất. Trời và người tương đồng và chung một lý, hoạt động để giúp ích nhau, thuận nhau để nhận lĩnh của nhau, đó gọi là đạo đức. *Kinh Thi* nói: "Chúng kêu

---

[132] **Derk Bodde chú: Ở đây có sự chơi chữ: *danh* 名 (tên) [míng], *minh* 鳴 (kêu lên) [míng], *mệnh* 命 (mệnh lệnh) [mìng] là các chữ đồng âm. Các chữ *hiệu* 號 (dấu hiệu) [hào], *hào* 號 (gào lên) [háo], *háo* 譹 (gào to) [xiao], *hiệu* 效 (bắt chước) [xiào] có âm tương cận.**

[133] **Derk Bodde chú: Dân chúng «mù loà», nên cần được bề trên dẫn dắt.**

thành lời ấy, đều có nguyên lý, đều có lý lẽ." Nó đề cập điều ấy.»[134]

Đó là lấy *danh* và *hiệu* để đại biểu cho ý trời. Nó có ý nghĩa thần bí; cho nên khi ta xem xét ý nghĩa của danh thì ta ắt biết sự vật mà cái danh ấy trỏ vào.

---

[134] ***Xuân Thu Phồn Lộ*** (Thâm Sát Danh Hiệu): «Trị thiên hạ chi đoan, tại thẩm biện đại. Biện đại chi đoan, tại thâm sát danh hiệu. Danh giả, đại lý chi thủ chương dã. Lục kỳ thủ chương chi ý, dĩ khuy kỳ trung chi sự, tắc thị phi khả tri, nghịch thuận tự trữ, kỳ cơ thông ư thiên địa hĩ. Thị phi chi chính, thủ chi nghịch thuận. Nghịch thuận chi chính, thủ chi danh hiệu. Danh hiệu chi chính, thủ chi thiên địa. Thiên địa vi danh hiệu chi đại nghĩa dã. Cổ chi thánh nhân, hác nhi hiệu thiên địa, vị chi hiệu. Minh nhi thi mệnh, vị chi danh. Danh chí vi ngôn, minh dữ mệnh dã. Hiệu chi vi ngôn, hác nhi hiệu dã. Hác nhi hiệu thiên địa giả vi hiệu; minh nhi mệnh giả vi danh. Danh hiệu dị thanh nhi đồng bản, giai minh *hiệu* [a] nhi đạt thiên ý giả dã. Thiên bất ngôn sử nhân phát kỳ ý, phất vi sử nhân hành kỳ trung. Danh tắc thánh nhân sở phát thiên ý, bất khả bất thâm quán dã. Thụ mệnh chi quân, thiên ý chi sở dư dã. Cố hiệu vi thiên tử giả, tuyên thị thiên vi phụ, sự thiên dĩ hiếu đạo dã. Hiệu vi chư hầu giả, nghi cẩn thị sở hầu phụng chi thiên tử dã. Hiệu vi đại phu giả, nghi hậu kỳ trung tín, đôn kỳ lễ nghĩa, sử thiện đại ư thất phu chi nghĩa, túc dĩ hoá dã. Sĩ giả, sự dã. Dân giả, minh dã. Sĩ bất cập hoá, khả sử thủ sự tòng thượng nhi dĩ. Ngũ hiệu tự tán, các hữu phận, phận trung uỷ khúc, *khúc*[b] hữu danh. Danh chúng ư hiệu. Hiệu kỳ đại toàn; danh đã giả, danh kỳ biệt ly phân tán dã. Hiệu phàm nhi lược; danh tường nhi mục. Mục giả, biến biện kỳ sự dã. Phàm giả, độc cử kỳ đại dã. Hướng quỷ thần *giả* [c] hiệu nhất, viết tế. Tế chi tán danh: xuân viết từ, hạ viết dược, thu viết thường, đông viết chưng. Liệp cầm thú giả hiệu nhất viết điển. Điển chi tán danh: xuân miêu, thu sưu, đông thú, hạ mi. Vô hữu bất giai trúng thiên ý giả. Vật mạc bất hữu phàm hiệu; hiệu mạc bất hữu tán danh như thị. Thị cố sự các thuận ư danh; danh các thuận ư thiên; thiên nhân chi tế, hợp nhi vi nhất. Đồng nhi thông lý, động nhi tương ích, thuận nhi tương thụ, vị chi đức đạo. Thi viết: "Duy hiệu tư ngôn, hữu luân hữu tích." Thử chi vị dã.» 治天下之端，在審辨大．辨大之端，在深察名號．名者，大理之首章也．錄其首章之意，以窺其中之事，則是非可知，逆順自著，其幾通於天地矣．是非之正，取之逆順．逆順之正，取之名號．名號之正，取之天地．天地爲名號之大義也．古之聖人，謼而號天地，謂之號．鳴而施命，謂之名．名之爲言，鳴與命也．號之爲言，謼而號也．謼而號天地者爲號；鳴而命者爲名．名號異聲而同本，皆鳴號[a]而達天意者也．天不言使人發其意，弗爲使人行其中．名則聖人所發天意，不可不深觀也．受命之君，天意之所予也．故號爲天子者，宜視天爲父，事天以孝道也．號爲諸侯者，宜謹視所侯奉之天子也．號爲大夫者，宜厚其忠信，敦其禮義，使善大於匹夫之義，足以化也．士者，事也．民者，瞑也．士不及化，可使守事從上而已．五號自贊，各有分，分中委曲，曲[b]有名．名衆於號．號其大全；名也者，名其別離分散也．號凡而略；名詳而目．目者，遍辨其事也．凡者，獨舉其大也．享鬼神者[c]號一，曰祭．祭之散名：春曰祠，夏曰礿，秋曰嘗，冬曰烝．獵禽獸者號一曰田．田之散名：春苗，秋蒐，冬狩，夏獮．無有不皆中天意者．物莫不有凡號；號莫不有散名如是．是故事各順於名；名各順於天；天人之際，合而爲一．同而通理．動而相益，順而相受，謂之德道．詩曰："維號斯言，有倫有脊．"此之謂也．– Phùng Hữu Lan chú: (a) Lô Văn Chiêu nói: «Nghi *hiệu* 號 vốn là *hác* 嚄.» (b) Tô Dư nói: «Chữ *khúc* 麯 này nghi là chữ *các* 閣 bị chép nhầm.» (c) Tô Dư nói: «Chữ *giả* 者 như chữ *chi* 之.»

CHƯƠNG 3

CÁI HỌC SẤM VĨ VÀ TƯỢNG SỐ GIỮA HAI ĐỜI HÁN

1. Vĩ 緯 và sấm 讖

Cuối tiết 2 của chương 2, tôi nói *Nguyệt Lệnh* chưa lấy bát quái phối hợp vào hệ thống vũ trụ của Âm Dương gia, bởi vì bát quái vốn có thể tự thành một hệ thống vũ trụ riêng. Các Kinh học gia đời Tây Hán lấy lời nói của Âm Dương gia để giải thích kinh điển Nho gia. *Kinh Dịch* vốn được dùng để bói toán; ngay từ đầu nó là một loại thuật số. Do đó nó càng dễ tiếp nhận cách giải thích theo quan điểm của Âm Dương gia. Cái gọi là *Dịch vĩ* 易緯 đã theo phương hướng này mà giải thích *Kinh Dịch*. Kể từ nửa sau đời Tây Hán có *vĩ thư* 緯書 xuất hiện. Chữ *vĩ* 緯 (nghĩa gốc là đường chỉ ngang của tấm vải) được dùng để đối ứng với chữ *kinh* 經 (nghĩa gốc là đường chỉ dọc của tấm vải). Ngoài *vĩ thư* 緯書, còn có *sấm thư* 讖書. *Tuỳ Thư Kinh Tịch Chí* nói: «Cũng có kẻ bảo rằng: Khổng Tử đã biên soạn Lục Kinh để nói rõ đạo của trời và người rồi, nhưng biết đời sau không thể hiểu được ý nghĩa của chúng, nên lập riêng vĩ thư và sấm thư để lưu lại đời sau. Các sách ấy xuất hiện đời Tiền Hán, có 9 thiên về Hà Đồ, 6 thiên về Lạc Thư; tương truyền đó là văn bản gốc được truyền từ Hoàng Đế đến Chu Văn Vương. Ngoài ra còn có riêng 30 thiên, từ khởi đầu đến Khổng Tử, tương truyền đó là phần tăng bổ và giải thích của chín thánh nhân[1] để khai triển rộng ý nghĩa [của vĩ thư và sấm thư]. Ngoài ra còn có 36 thiên Vĩ cho bảy kinh, đều được nói là do Khổng Tử viết. Chúng gộp với các thiên kể trên thành 81 thiên. [...] Nhưng văn từ của các thiên này nông cạn tầm thường, lộn xộn và lầm lẫn, không thể xem là ý chỉ của thánh nhân. Tương truyền chúng do người đời sau tạo ra, hoặc do người đời sau thêm thắt sửa chữa; nên

[1] Derk Bodde chú: Chín thánh nhân (cửu thánh) không thấy giải thích ở đây, có lẽ ám chỉ ngũ đế, ba vị sáng lập ba đời Hạ, Thương, Chu, và Khổng Tử.

không phải là văn bản thực.»[2]

Vĩ và sấm thường được gọi chung là *sấm vĩ*. Kỳ thực chúng là hai loại khác nhau. *Tứ Khố Toàn Thư Tổng Mục Đề Yếu* nói: «Phần lớn Nho gia gọi chung là *sấm vĩ*, kỳ thực *sấm* là *sấm*, mà *vĩ* là *vĩ*, chẳng phải một loại. *Sấm* là ẩn ngữ lạ lùng trá ngụy nhằm dự đoán việc cát hung; *Sử Ký* (Tần Bản Kỷ) nói Lư Sinh tâu lên vua những lời lẽ của *Lục Đồ*,[3] việc này đánh dấu sự khởi đầu của *sấm*. *Vĩ* là một chi nhánh của *kinh*, nhằm diễn giải ý nghĩa phụ. *Sử Ký* (Tự Tự) trích dẫn *Kinh Dịch* rằng: "Sai một ly, đi ngàn dặm." *Hán Thư* (Cái Khoan Nhiêu Truyện) trích dẫn *Kinh Dịch*: "Thời Ngũ đế, thiên hạ là của chung; thời tam vương thiên hạ là của một nhà."[4] Các nhà chú giải đều xem đó là văn của Dịch vĩ. Từ đời Tần và đời Hán đến nay, ngày càng xa thánh nhân [Khổng Tử], nên Nho

---

[2] *Tùy Thư Kinh Tịch Chí* 隋書經籍志 (quyển 31): «Thuyết giả hựu vân: Khổng Tử ký tự Lục Kinh, dĩ minh thiên nhân chi đạo, tri hậu thế bất năng kê đồng kỳ ý. Cố biệt lập Vĩ cập Sấm, dĩ di lai thế. Kỳ thư xuất ư Tiền Hán, hữu Hà Đồ cửu thiên, Lạc Thư lục thiên, vân tự Hoàng Đế chí Chu Văn Vương sở thụ bản văn. Hựu biệt hữu tam thập thiên, vân tự sơ khởi chí ư Khổng Tử, cửu thánh chi sở tăng diễn, dĩ quảng kỳ ý. Hựu hữu thất kinh vĩ tam thập lục thiên, tịnh vân Khổng Tử sở tác. Tịnh tiền hợp vi bát thập nhất thiên. [...] Nhiên kỳ văn từ thiển tục, điên đảo suyễn mậu, bất loại thánh nhân chi chỉ. Tương truyền nghi thế nhân tạo vi chi, hậu hoặc giả hựu gia điểm thoán, phi kỳ thực lục.» 說者又云：孔子既敘六經，以明天人之道，知後世不能稽同其意．故別立緯及讖，以遺來世．其書出於前漢，有河圖九篇，洛書六篇，云自黃帝至周文王所受本文．又別有三十篇，云自初起至於孔子，九聖之所增演，以廣其意．又有七經緯三十六篇，並云孔子所作．并前合爲八十一篇．[...] 然其文辭淺俗，顛倒舛謬，不類聖人之旨．相傳疑世人造爲之，後或者又加點竄，非其實錄．

[3] Derk Bodde chú: *Lục Đồ* là sách mà phương sĩ Lư Sinh trình tấu lên vua Tần năm 215 TCN. Lời sấm trong sách dự báo sự sụp đổ của đời Tần. Xem: *Sử Ký* (Tần Thuỷ Hoàng Bản Kỷ) và Derk Bodde, *China's First Unifier (Người đầu tiên thống nhất Trung Quốc)*, tr.179-180.– LAM chú: *Sử Ký* (Tần Thuỷ Hoàng Bản Kỷ) chép: «Tam thập nhị niên, [...] Yên nhân Lư Sinh sử nhập hải hoàn, dĩ quỷ thần sự, nhân tấu Lục Đồ thư viết: *vong Tần giả Hồ dã*. Thuỷ Hoàng nãi sử tướng quân Mông Điềm phát binh tam thập vạn nhân, bắc kích Hồ, lược thủ Hà Nam địa.» 三十二年 [...] 燕人盧生使入海還，以鬼神事，因奏錄圖書曰：亡秦者胡也．始皇乃使將軍蒙恬發兵三十萬人北擊胡，略取河南地 (Năm 32 đời Tần, [...] Người Yên là Lư Sinh sau khi đi biển [tìm thuốc trường sinh] trở về, thờ cúng quỷ thần, nhân đó tâu vua về sách Lục Đồ chép rằng: *Kẻ làm mất đời Tần là Hồ*. Thuỷ Hoàng bèn sai tướng Mông Điềm dẫn binh 30 vạn người đánh rợ Hồ phương bắc, chiếm được đất Hà Nam). Trịnh Huyền chú: «Hồ, Hồ Hợi, Tần Nhị Thế danh dã. Tần kiến đồ thư bất tri thử vi nhân danh, phản bị bắc Hồ.» 胡，胡亥，秦二世名也．秦見圖書不知此爲人名，反備北胡 (Hồ là Hồ Hợi, tức là tên của Tần Nhị Thế. Thuỷ Hoàng thấy sách sấm nói thế, không biết đó là tên người, nên sai đánh rợ Hồ phía bắc).

[4] Derk Bodde chú: Cả hai câu trích dẫn này đều không có trong bản *Kinh Dịch* hiện hành. Đó là lý do tại sao chúng được xem là phát xuất từ sách Dịch Vĩ đã mất.

gia suy diễn rồi luận thuyết, mỗi người tự viết sách, ý tứ khác xa với bản kinh nguyên thuỷ. Chẳng hạn như Phục Sinh viết *Thượng Thư Đại Truyện*, Đổng Trọng Thư viết *Xuân Thu Phồn Lộ* và viết về Âm Dương. Nếu ta khảo sát văn thể của các sách ấy thì biết chúng là vĩ thư. Chúng đặc biệt nổi tiếng với tên của tác giả, cho nên không thể gán cho Khổng Tử đã viết. Những sách khác do tư nhân biên soạn, dần dần hỗn tạp, và lấy lý thuyết thuật số mà nói. Chúng chẳng cho biết tác giả là ai, mà còn phụ hoạ để thần bí hoá thuyết ấy. Lâu ngày truyền lại chúng càng mất tinh tuý, lại còn tăng thêm lời lẽ yêu vọng, dần dần vĩ thư hợp làm một với sấm thư.»[5]

Hậu Hán Thư chép việc Trương Hành (75-135) dâng sớ lên vua rằng: «[Các sách] nói trước sự việc gì sẽ xảy ra về sau [...] gọi là sấm thư. Khi sấm thư bắt đầu xuất hiện, rất ít người biết nó. [...] Kể từ Hán Thành Đế (37-7 TCN) và Hán Ai Đế (6-1 TCN) trở đi thì người ta mới bắt đầu nghe nói về chúng. [...] Dường như chúng là do bọn bình dân hư nguỵ [ghi chép] làm tư liệu để người đời chú ý.»[6]

Sấm thư và vĩ thư không thể bàn luận chung với nhau. Tuy nhiên phần

---

[5] ***Tứ Khố Toàn Thư Tổng Mục Đề Yếu*** 四庫全書總目提要 **(quyển 6, Phụ lục: Dịch Vĩ): «Án Nho giả đa xưng Sấm Vĩ, kỳ thực Sấm tự Sấm, Vĩ tự Vĩ, phi nhất loại dã. Sấm giả, quỷ vi ẩn ngữ, dự quyết cát hung;** ***Sử Ký*** **Tần Bản Kỷ xưng Lư Sinh tấu** ***Lục Đồ*** **thư chi ngữ thị kỳ thuỷ dã. Vĩ giả, Kinh chi chi lưu, diễn cập bàng nghĩa.** ***Sử Ký*** **Tự Tự dẫn Dịch: "Thất chi hào ly, sai dĩ thiên lý."** ***Hán Thư*** **Cái Khoan Nhiêu Truyện dẫn Dịch: "Ngũ đế quan thiên hạ, tam vương gia thiên hạ." Chú giả quân dĩ vi Dịch Vĩ chi văn thị dã. Cái Tần Hán dĩ lai, khử thánh nhật viễn, Nho giả suy xiển luận thuyết, các tự thành thư, dữ kinh nguyên bất tương tỉ phụ. Như Phục Sinh** ***Thượng Thư Đại Truyện*****, Đổng Trọng Thư** ***Xuân Thu Âm Dương*****, hạch kỳ văn thể, tức thị Vĩ Thư; đặc dĩ hiển hữu chủ danh, cố bất năng thác chư Khổng Tử. Kỳ tha tư tương soạn thuật, tiệm tạp dĩ thuật số chi ngôn, ký bất tri tác giả vi thuỳ, nhân phụ hội dĩ thần kỳ thuyết. Đãi dĩ truyền dĩ thất, hựu ích dĩ yêu vọng chi từ, toại dữ sấm hợp nhi vi nhất.»** 按儒者多稱讖緯，其實讖自讖，緯自緯，非一類也．讖者，詭爲隱語，預決吉凶；史記秦本紀稱盧生奏錄圖書之語足其始也．緯者，經之支流，衍及旁義．史記自序引易："失之毫釐，差以千里．"漢書蓋寬饒傳引易："五帝官天下，三王家天下．"注者均以爲易緯之文足也．蓋秦漢以來，去聖日遠，儒者推闡論說，各自成書，與經原不相比附．如伏生尚書大傳，董仲舒春秋陰陽，核其文體，即是緯書；特以顯有主名，故不能託諸孔子．其他私相撰述，漸雜以術數之言，既不知作者爲誰，因附會以神其說．迨彌傳彌失，又益以妖妄之辭，遂與讖合而爲一．

[6] ***Hậu Hán Thư*** **(Trương Hành Truyện): «Lập ngôn ư tiền, hữu trưng ư hậu, [...] vị chi Sấm Thư. Sấm Thư thuỷ xuất, cái tri chi giả quả. [...] Thành, Ai chi hậu, nãi thuỷ văn chi. [...] Đãi tất hư nguỵ chi đồ, dĩ yếu thế thủ tư.»** 立言於前，有徵於後，[...] 謂之讖書．讖書始出，蓋知之者寡．[...] 成，哀之後，乃始聞之．[...] 殆必虛僞之徒，以要世取資．

hoang đường trong vĩ thư quả thực có thể xếp vào loại sấm. Cả hai loại sách này đều là một loại sản phẩm từ một xu hướng chung của thời đại.

2. Cái học tượng số

Hầu hết các vĩ thư hiện nay không còn nữa, trừ một vài trích dẫn về chúng có trong sách khác, như phần Dịch lý được giảng trong *Dịch vĩ* mà Tống Nho gọi là «cái học tượng số» 象數之學. Trong *Tả Truyện* (Hi Công năm 15, tức 645 TCN), Hàn Giản 韓簡 nói: «Bói rùa có biểu tượng; bói cỏ thi có số. Vật được sinh ra rồi sau có *tượng* (biểu tượng), có tượng rồi sau có đồi đào, có đồi đào rồi sau có *số* (các con số).»[7] Câu này ý nói trước tiên có vật rồi sau có tượng; có tượng rồi sau có số. Thuyết này cũng phù hợp với kiến thức thông thường. Như đã trình bày ở quyển I, *Dịch Truyện* cũng nói về tượng; thí dụ Hệ Từ nói: «Bát quái thành liệt, tượng tại kỳ trung hĩ.» 八卦成列象在其中矣 (Khi Bát quái được xếp theo thứ tự, trong đó có tượng); hoặc: «Dĩ chế khí giả thượng kỳ tượng.» 以制器者尚其象 (Để chế tạo đồ vật thì chuộng cái tượng của nó). *Dịch Truyện* cũng nói về số; thí dụ nói: «Thiên nhất, địa nhị, thiên tam, địa tứ, thiên ngũ, địa lục, thiên thất, địa bát, thiên cửu, địa thập.» 天一, 地二, 天三, 地四, 天五, 地六, 天七, 地八, 天九, 地十 (Trời 1 đất 2, trời 3 đất 4, trời 5 đất 6, trời 7 đất 8, trời 9 đất 10). *Dịch Truyện* cho rằng có vật rồi sau có tượng. Tượng của Bát quái là do Phục Hi ngước trông thiên văn, cúi nhìn địa lý mà tạo ra. Khi có các tượng rồi thì người ta lấy tượng mà chế tạo đồ vật. Cho nên tượng tuy có trước các đồ vật mà con người chế tạo, nhưng quả thực chúng có sau các vật thể trong tự nhiên. Từ đó về sau, địa vị của Bát quái ngày càng cao. Các nhà giảng Dịch dần dần cho rằng trước tiên có số rồi sau có tượng, sau cùng là có vật. Điểm này người đời Hán chưa từng nói rõ, nhưng đến đời Tống (960-1279) thì Nho gia bắt đầu nói rõ. Do đó, cái học tượng số phát đạt ở đời Hán mà thành tựu lớn ở đời Tống.

GHI CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

Cái học tượng số thoạt nhìn tưởng chừng như mê tín, nhưng sự dụng ý của nó là tạo ra sự giải thích có hệ thống về các sự vật trong vũ trụ cũng như các phương diện trong vũ trụ. Sự chú trọng về số và tượng của nó có điểm hết sức tương đồng với học

[7] *Tả Truyện* (Hi Công năm 15): «Quy tượng dã; phệ số dã. Vật sinh nhi hậu hữu tượng, tượng nhi hậu hữu tư, tư nhi hậu hữu số.» 龜象也；筮數也. 物生而後有象, 象而後有滋, 滋而後有數.

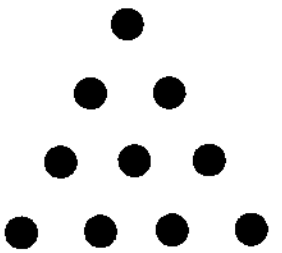
phái Pythagoras của Hi Lạp. Để có cơ sở so sánh, tôi lược thuật học phái Pythagoras sau đây. Aristotle nói: «Hiển nhiên rằng những triết gia [của phái Pythagoras] này đã xem số mục là nguyên lý thứ nhất; nó là vật chất của các sự vật đồng thời tạo thành các tính chất và hình trạng của chúng. Theo họ, các yếu tố của số mục là chẵn và lẻ. Số lẻ thì hữu hạn, số chẵn thì vô hạn.(*) *Nhất* (unity) gồm cả hai (bởi vì nó vừa chẵn vừa lẻ). Số mục sinh ra từ *Nhất*. Toàn cõi vũ trụ đều là số mục. Các triết gia khác của phái này nói rằng: có 10 nguyên lý mà mỗi nguyên lý là một đôi tương ứng như sau: (1) vô hạn và hữu hạn, (2) chẵn và lẻ; (3) nhiều (đa) và một (nhất); (4) trái và phải; (5) nữ và nam; (6) động và tĩnh; (7) cong và thẳng; (8) tối và sáng, (9) xấu và tốt; (10) chữ nhật và vuông.»[8] Tương tự, Diogenes Laërtius trích dẫn lời của Alexander về học phái Pythagoras như sau: «*Nhất* (monad) là khởi đầu của vạn vật. Từ *Nhất* (monad) sinh ra *Nhị* bất định (indefinite duad). *Nhị* thuộc về *Nhất*; *Nhất* là nguyên nhân của *Nhị*. Từ Nhất và Nhị bất định sinh ra các số (numbers); từ các số sinh ra các *tượng* (signs); từ các tượng sinh ra các hình phẳng; từ hình phẳng sinh ra các thể rắn; từ thể rắn sinh ra các thể nhạy cảm; trong các thể nhạy cảm có bốn yếu tố: lửa, nước, đất, không khí.(*)»[9] John Burnet nói về Eurytos (một học giả của phái Pythagoras) rằng: «[Eurytos] từng gán các con số cho vạn vật, thí dụ như ngựa và người, và ông

---

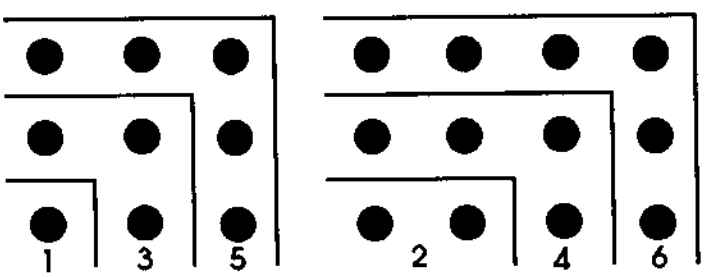
[8] Aristotle, *Metaphysics (Siêu hình học)*, I, v, 5-6 (bản dịch Anh ngữ của Hugh Tredenwick), London & New York: Loeb Classical Library, 1933, tr.35.– LAM chú: (*) Chỗ này Phùng Hữu Lan dịch ngược với bản Anh ngữ. Hugh Tredenwick dịch: «The elements of numbers, according to them, are the Even and the Odd. Of these the former is limited and the latter is unlimited.» (Theo họ, các yếu tố của số mục là chẵn và lẻ. Trong đó, cái trước [tức số chẵn] thì hữu hạn, cái sau [tức số lẻ] thì vô hạn). Bản Hán văn: «Số mục chi nguyên chất tức cơ ngẫu: cơ vi hữu hạn, ngẫu vi vô hạn.» 數目之原質即奇偶：奇爲有限，偶爲無限 (Tính chất của số mục là lẻ và chẵn. [Số] lẻ thì hữu hạn, [số] chẵn thì vô hạn). Tôi dịch theo Phùng Hữu Lan, vì căn cứ vào các thí dụ về «số tam giác», «số vuông», và «số chữ nhật» trong học thuyết của Pythgoras mà Phùng Hữu Lan nêu ra ở đoạn văn ở sau, thì dường như ông hiểu đúng.

[9] Diogenes Lae"rtius, *Lives and Opinions of Eminent Philosophers (Cuộc đời và triết lý của các triết gia lỗi lạc)*, quyển 8 (bản dịch Anh ngữ của C.D. Yonge), London: G. Bell & Sons, 1915, tr.348.– LAM chú: (*) Chỗ này tôi dịch theo bản Anh ngữ: «From the monad and the indefinite duad proceed numbers. And from numbers signs. And from these last, signs of which plane figures consist. And from plane figures are derived solid bodies. And from solid bodes sensible bodies, of which last there are four elements: fire, water,earth, and air.» (Từ Nhất và Nhị bất định sinh ra các số (numbers); từ các số sinh ra các *tượng* (signs); từ các tượng sinh ra các hình phẳng; từ hình phẳng sinh ra các thể rắn; từ thể rắn sinh ra các thể nhạy cảm; trong các thể nhạy cảm có bốn yếu tố: lửa, nước, đất, không khí). Phùng Hữu Lan dịch: «Tự Nhất cập bất định dích Nhị sinh số [numbers]; tự số sinh tượng [signs]. Tự tượng sinh cấu thành nhi tích chi tuyến. Tự tuyến sinh lập thể. Tự lập thể sinh khả kiến chi vật. Khả kiến chi vật trung hữu tứ nguyên chất: thuỷ, hoả, phong, địa.» 自一及不定的二生數 [numbers]；自數生象 [signs]. 自象生構成而積之線，自線生立體，自立體生可見之物. 可見之物中有四原質：水，火，風，地 (Từ Nhất và Nhị bất định sinh ra các số (numbers); từ các số sinh ra các tượng (signs); từ các tượng sinh ra các đường cấu thành và tích gộp; từ các đường sinh ra các thể khối; từ thể khối sinh ra các vật có thể nhìn thấy được. Trong vật có thể nhìn thấy được có bốn nguyên chất: nước, lửa, gió, đất).

thường sắp xếp các hòn sỏi theo một cách thức nhất định để biểu thị các con số. [...] Aristotle đã so sánh cách thức của Eurytos với cách thức của những người sắp xếp các con số thành hình tam giác và hình vuông.»[10] Burnet viết tiếp: «Tương truyền *tetraktys* (số tam giác) là phát minh vĩ đại của Pythagoras cho nhân loại. Về sau có nhiều chủng loại số tam giác, nhưng chủng loại ban sơ là *số tam giác của số 10* (the tetraktys of the dekad), mà nó có hình tượng như sau:



Hình tượng này lấy một tam giác mà mỗi cạnh có 4 điểm để thể hiện số 10. Nói cách khác, nó cho thấy: 1+2+3+4=10. Speusippos kể cho chúng ta biết về nhiều tính chất mà Pythagoras phát hiện trong số 10 (dekad). Thí dụ: chính nó (tức số 10) là con số đầu tiên có chứa con số đồng đẳng với các *tố số* (prime number) và *hợp số* (composite number). Chúng ta không thể biết có bao nhiêu con số mà Pythagoras đã phát hiện, nhưng tương truyền Pythagoras đã đưa ra kết luận rằng: theo tự nhiên, bất kể là dân Hi Lạp hay người dã man, họ đều đếm tới số 10 rồi trở lại đếm từ số 1. Hiển nhiên rằng chính số tam giác (tetraktys) có thể khai triển đến vô hạn để biểu thị các tổng số của các loạt số liên tục trong một hình tượng, và theo đó các tổng số này được gọi là số tam giác. Cùng lý do đó, tổng số các số lẻ liên tục (1+3+5+...) được gọi là số vuông; còn tổng số các số chẵn liên tục (2+4+6+...) được gọi là số chữ nhật. Nếu các số lẻ được cộng vào đơn vị theo hình thức *gnomens*, thì kết quả luôn là một hình đồng dạng, tức là hình vuông. Còn các số chẵn khi được cộng vào như thế, chúng ta sẽ có một loạt các hình chữ nhật như hình vẽ sau đây cho thấy:



Chúng ta cũng biết rằng Pythagoras đã nghiên cứu âm nhạc, mà kết quả là sự khám phá ra bát độ (octave: quãng tám) và mối quan hệ về số giữa các quãng hoà âm

[10] John Burnet, *Early Greek Philosophy (Triết học Hi Lạp cổ đại)*, London: 1908, tr.110-111.

khác nhau (different harmonic intervals). Điều này dường như mang đến cho Pythagoras kết luận rằng các sự vật khác cũng dựa trên các con số. Nếu âm thanh của âm nhạc mà còn quy được về số thì tại sao các sự vật khác lại không thể?»[11] Do đó, Pythagoras xem trời cũng là một âm thanh hài hoà và cũng là một con số.

Có sự tương đồng khá nhiều giữa cái học tượng số của Trung Quốc và học thuyết của phái Pythgoras trong triết học Hi Lạp. Chúng ta thử so sánh chúng thì sẽ thấy những điểm tương đồng khá nhiều khiến chúng ta phải kinh ngạc. Hệ Từ nói: «Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi.» 易有太極，是生兩儀 (Dịch có Thái Cực; nó sinh ra hai nghi [là Âm Dương]). Học thuyết của Pythgoras cũng xem nhất sinh nhị: «Từ *Nhất* (monad) sinh ra *Nhị* bất định (indefinite duad)». Tương tự, thử xét 10 đôi tương ứng (tức 10 nguyên lý) của học thuyết phái này, chẳng hạn như đôi «hữu hạn và vô hạn», thì ta có thể thấy rằng «hữu hạn» chính là cái mà Dịch học Trung Quốc gọi là «Dương», còn «vô hạn» chính là cái mà Dịch học gọi là «Âm». Trong triết học Hi Lạp, *vô hạn* được xem là «matter» (tài liệu); *hữu hạn* được xem là «form» (hình thức). Tài liệu nhận lĩnh hình thức mà thành một vật. Dịch học cũng xem Dương ban cho và Âm nhận lĩnh. Thử xét tổng quát 10 đôi tương ứng nói trên, chỉ có hai điểm khác với lý thuyết của Dịch học: (1) Theo thuyết của Pythgoras, hữu hạn thì vuông, vô hạn thì chữ nhật; còn Dịch học nói «thiên viên địa phương» 天圓地方 (trời tròn, đất vuông). Tuy nhiên, theo Pythgoras, hữu hạn thì vuông, số lẻ là số vuông; vô hạn thì chữ nhật, số chẵn là số chữ nhật. Do đó mà nói, điểm này Dịch học Trung Quốc có thể thừa nhận. (2) Tuy nhiên, thuyết của Pythgoras xem hữu hạn là tĩnh, vô hạn là động; còn tính chất của Âm Dương theo Dịch học Trung Quốc là Âm tĩnh Dương động.

Phái Pythgoras nêu ra các số của vạn vật, còn sắp xếp các hòn sỏi theo một cách thức nhất định để biểu thị các con số. Đó là «đem số vào tượng». Dịch học Trung Quốc cũng giảng về tượng và số như vậy. Pythgoras xem trời là một âm thanh hài hoà (hoà thanh 和聲) và công dụng của các số có thể thấy rõ ở thiên văn và âm nhạc. Trung Quốc từ đời Hán về sau, các nhà giảng về luật lữ và lịch pháp đều xem các số của Dịch là gốc. Chỉ nêu ra vài điểm tương đồng giữa Dịch học Trung Quốc và học thuyết của phái Pythgoras cũng đủ khiến cho ta kinh dị.

[11] John Burnet, *sách đã dẫn*, tr.118.

3. Số Âm Dương

Dịch Truyện là sáng tác của người đầu đời Hán, ngoại trừ một hai điểm, thì tư tưởng trọng yếu trong đó có khuynh hướng Lão học của Đạo gia. Điều này đã được trình bày ở quyển I (chương 15, tiết 2). Bấy giờ tư tưởng của Âm Dương gia chưa xâm nhập vào Dịch học. Trong Hệ Từ, đoạn nói về số Đại Diễn 大衍 (tức số 50) về sau được các nhà giảng về số xem là tông chỉ. Tuy nhiên ý nghĩa nguyên văn của nó hiển nhiên là giảng về phép bói cỏ thi. Thí dụ Hệ Từ nói: «Điệp chi dĩ tứ dĩ tượng tứ thời, quy cơ ư lặc dĩ tượng nhuận.» 揲之以四以象四時，歸奇於扐以象閏 (Tách từng cụm 4 cọng để tượng trưng tứ thời; phần còn dư để qua một bên để tượng trưng tháng nhuận). Rõ ràng nó nói phép bói cỏ thi là tượng trưng cho thiên văn và lịch pháp; chứ không phải là thiên văn và lịch pháp tượng trưng cho phép bói cỏ thi. Ở đây khác với điều các nhà giảng về số đã nói. Điểm khác biệt này sẽ được nói rõ dưới đây.

Dịch Vĩ Càn Tạc Độ nói: «Ngày xưa thánh nhân nhân Âm Dương mà định tiêu trưởng, lập quẻ Càn và quẻ Khôn để thâu tóm trời đất. Cái hữu hình sinh ra từ vô hình, Càn Khôn sinh ra từ đâu? Đáp rằng: Có Thái Dịch, có Thái Sơ, có Thái Thuỷ, có Thái Tố. Thái Dịch là lúc khí chưa hiện. Thái Sơ là khởi đầu của khí. Thái Thuỷ là khởi đầu của hình. Thái Tố là khởi đầu của chất. Khí, hình, và chất đầy đủ và chưa rời nhau thì gọi là Hồn Luân (hỗn độn). Hồn Luân ý nói vạn vật hỗn độn với nhau mà chưa rời nhau. Nhìn nó mà không trông thấy, nghe nó mà không nghe thấy, sờ nó không được, cho nên nói là Dịch. Dịch không có sự phân chia thành hình. Dịch biến mà thành 1. Một biến mà thành 7. Bảy biến mà thành 9. Chín là giới hạn sự biến dịch của khí. Rồi lại biến nữa thành 1. Một là khởi đầu của sự biến hình. Phần trong và nhẹ thì đi lên thành trời; phần đục và nặng hạ xuống thành đất. Vật có khởi đầu, có lớn mạnh, có giới hạn; cho nên ba vạch được vẽ thành quẻ Càn. Càn và Khôn cùng sinh, vật có Âm Dương, nhân đó mà xếp chồng chúng lên, cho nên sáu vạch được vẽ thành quẻ kép (trùng quái). [...] Dương động mà tiến, Âm động mà thoái. Cho nên Dương lấy số 7 và Âm lấy số 8 làm hào tĩnh.[12]

[12] **Derk Bodde chú: *Thoán* 彖 thông thường chỉ Thoán Từ. Nhưng trong ngữ cảnh này, Trịnh Huyền chú rằng: «*Thoán* là sự bất biến động của hào.» (Thoán giả hào chi bất biến động dã 彖者爻之不變動也). Do đó tôi dịch là «unchanging line» (hào tĩnh). Bởi vì Dương ở đây là quẻ kép Càn và Âm là quẻ kép Khôn, nên đoạn văn này nói 7 là số chỉ hào tĩnh quẻ Càn và 8 là số chỉ hào tĩnh quẻ Khôn. Như ta sẽ thấy sau đây, 9 là số chỉ hào động quẻ Càn và 6 là số chỉ hào động quẻ Khôn. Cách gọi tên này bắt nguồn từ phép bói cỏ thi. Bó cỏ thi được tách ra [nhiều lần] để có những hợp số khác nhau. Hễ kết quả là 7 tức là hào Dương tĩnh (Thiếu Dương), hễ là 8 tức là hào Âm tĩnh (Thiếu Âm). Hễ kết quả là 9 tức là hào Dương động (Lão Dương), hễ là 6 tức là hào Âm động (Lão Âm). Do đó, 7 và 8 tượng trưng hào tĩnh; 9 và 6 tượng trưng hào động.**

Dịch có một Âm, một Dương, [tức 7 và 8] hợp lại thành 15, gọi là Đạo. Dương biến từ 7 ra 9, Âm biến từ 8 ra 6; [9 và 6] cũng hợp lại thành 15, như thế các số của hào tĩnh và hào động như nhau. Năm âm, sáu luật, bảy tinh tú, do đó mà được tạo tác. Cho nên số Đại Diễn là 50, để tạo thành sự biến hoá và khiến quỷ thần hành động. 10 can [gọi tên] ngày ứng với năm âm. 12 giờ của một ngày ứng với sáu luật. 28 chòm sao ứng với 7 tinh tú. Số 50 [do 10+12+28] là giới hạn lớn mà vạn vật xuất ra từ nó. Khổng Tử nói: Dương 3, Âm 4; đó là vị trí đúng của chúng.»[13]

---

[13] *Dịch Vĩ Càn Tạc Độ* nói: «Tích giả thánh nhân nhân Âm Dương định tiêu tức, lập Càn Khôn, dĩ thống thiên địa dã. Phù hữu hình sinh ư vô hình, Càn Khôn an tòng sinh? Cố viết: Hữu Thái Dịch, hữu Thái Sơ, hữu Thái Thuỷ, hữu Thái Tố dã. Thái Dịch giả, vị hiện (kiến) khí dã. Thái Sơ giả, khí chi thuỷ dã. Thái Thuỷ giả, hình chi thuỷ dã. Thái Tố giả, chất chi thuỷ dã. Khí hình chất cụ nhi vị ly, cố viết Hỗn Luân. Hỗn Luân giả, ngôn vạn vật tương hỗn thành, nhi vị tương ly. Thị chi bất kiến, thính chi bất văn, tuần chi bất đắc, cố viết Dịch dã. Dịch vô hình bạn. Dịch biến nhi vi nhất. Nhất biến nhi vi thất. Thất biến nhi vi cửu. Cửu giả, khí biến chi cùng dã. *Nãi phục biến nhi vi nhất.*(a) Nhất giả hình biến chi thuỷ. Thanh khinh giả thường vi thiên, trọc trọng giả hạ vi địa. Vật hữu thuỷ, hữu tráng, hữu cửu, cố tam hoạch nhi thành Càn. Càn Khôn tương tịnh câu sinh, vật hữu Âm Dương, nhân hữu trùng chi, cố lục hoạch nhi thành quái. [...] Dương động nhi tiến, Âm động nhi thoái. Cố Dương dĩ thất, Âm dĩ bát, vi thoán. Dịch nhất Âm nhất Dương, hợp nhi vi thập ngũ, chi vị Đạo. Dương biến thất chi cửu, Âm biến bát chi lục, diệc hợp ư thập ngũ, tắc thoán biến chi số nhược chi nhất dã. Ngũ âm, lục luật, *thất biến*,(b) do thử tác yên. Cố Đại Diễn chi số ngũ thập, sở dĩ thành biến hoá nhi hành quỷ thần dã. Nhật thập can giả, ngũ âm dã. Thần thập nhị giả, lục luật dã. Tinh nhị thập bát giả, thất tú dã. Phàm ngũ thập sở dĩ đại hạch vật nhi xuất chi giả dã. Khổng Tử viết: Dương tam Âm tứ, vị chi chính dã.» 昔者聖人因陰陽定消息，立乾坤以統天地也．夫有形生於無形，乾坤安從生?故曰：有太易，有太初，有太始，有太素也．太易者未見氣也．太初者氣之始也．太始者形之始也．太素者質之始也．氣形質具而未離，故曰渾淪．渾淪者，言萬物相混成，而未相離．視之不見聽之不聞，循之不得，故曰易也．易無形畔．易變而爲一．一變而爲七．七變而爲九．九者氣變之究也．乃復變而爲一．一者形變之始．清輕者上爲天，濁重者下爲地．物有始，有壯，有究，故三畫而成乾．乾坤相並俱生，物有陰陽，因有重之，故六畫而成卦．[...] 陽動而進，陰動不退．故陽以七，陰以八，爲彖．易一陰一陽，合而爲十五，之謂道．陽變七之九，陰變八之六，亦合於十五，則彖變之數若之一也．五音六律七變由此作焉．故大衍之數五十，所以成變化之行鬼神也．日十干者，五音也．辰十二者，六律也．星二十八者，七宿也．凡五十所以大閱物而出之者也．孔子曰：陽三陰四，位之正也.– Phùng Hữu Lan chú: (a) *Dịch Vĩ Càn Tạc Độ* quyển hạ có một đoạn giống chỗ này. Trịnh Huyền chú: «*Nãi phục biến nhi vi nhất*; nhất biến ngộ nhĩ, đương vi nhị. Nhị biến nhi vi lục. Lục biến nhi vi bát. Tắc dữ thượng thất cửu ý tương hiệp.» 乃復變而爲一；一變誤耳，當爲二．二變而爲六．六變而爲八．則與上七九意相協 (Trong câu "*Nãi phục biến nhi vi nhất*", chữ *nhất* sai, lẽ ra là *nhị* [2]. 2 biến ra 6; 6 biến ra 8; như vậy ý mới hợp với 7 và 9 được nói ở trên). (b) Cùng tác phẩm này có đoạn văn giống ở đây, chép là *thất tú* 七宿 [chữ không phải là *thất biến* 七變].

Hệ Từ nói: «Thiên nhất, địa nhị, thiên tam, địa tứ, thiên ngũ, địa lục, thiên thất, địa bát, thiên cửu, địa thập.» 天一，地二，天三，地四，天五，地六，天七，地八，天九，地十 (Trời 1 đất 2, trời 3 đất 4, trời 5 đất 6, trời 7 đất 8, trời 9 đất 10). Dương ứng với các số lẻ từ 1 đến 9. Số 1 là sự bắt đầu sinh ra của Dương; số 3 là vị trí chính của Dương.[14] Số 7 là *thoán* (sự bất biến động) của Dương.[15] Số 9 là sự biến động của Dương. Số 2 là sự bắt đầu sinh ra của Âm. số 4 là vị trí chính của Âm.[16] Số 8 là *thoán* (sự bất biến động) của Âm. Số 6 là sự biến động của Âm. Bởi vì «Dương động mà tiến, Âm động mà thoái», cho nên Dương biến từ 7 ra 9, Âm biến từ 8 ra 6. Do đó, trong *Kinh Dịch*, hào Dương được xem là 9 (hào cửu) và hào Âm được xem là 6 (hào lục). *Càn Tạc Độ* dường như xem số 15 và số 50 là hai số tương tự, nên nói: «[6 và 9] cũng hợp lại thành 15. [...] Cho nên số Đại Diễn là 50.» Bởi vì hai số 15 và 50 đều dùng 5 và 10. Trịnh Huyền chú: «5 tượng trưng cho số trời và lẻ; 10 tượng trưng cho số đất và chẵn. Hợp số trời với số đất, thì gọi là Đạo.» (Ngũ tượng thiên chi số, cơ dã; thập tượng địa chi số, ngẫu dã. Hợp thiên địa chi số, nãi vị chi Đạo 五象天之數，奇也；十象地之數，偶也．合天地之數，乃謂之道). Cho nên số 15 và số 50 đều là hợp số của trời và đất. «Dịch biến mà thành 1. Một biến mà thành 7. [...] Cho nên ba vạch được vẽ thành quẻ Càn.» Các số 1, 3, 5, 7, 9 đều là số Dương. Ba vạch liền (☰) là tượng của Dương. Các số 2, 4, 6, 8, 10 đều là số Âm. Ba vạch đứt (☷) là tượng của Âm. Cho nên ba vạch tượng trưng cho *hữu thuỷ, hữu tráng, và hữu cửu* của vạn vật. Các khái niệm trên có điểm tương đồng với học thuyết của phái Pythgoras. Học phái này cho rằng 1 sinh 2 (giống như *Kinh Dịch* nói Thái Cực sinh lưỡng nghi); 2 sinh ra số; số sinh ra tượng.

Càn Tạc Độ (quyển hạ) có một đoạn tương đồng với đoạn văn trên, trừ một điểm hơi khác: «Dương động mà tiến, biến từ 7 đến 9, tượng trưng sự tăng trưởng của khí Dương. Âm động mà thoái, biến từ 8 đến 6,

---

[14] **Phùng Hữu Lan chú: Trịnh Khang Thành 鄭康成 (tức Trịnh Huyền 鄭玄) nói: «Viên giả kính nhất nhi chu tam.» 圓者徑一而周三 (Đường kính của hình tròn bằng 1 thì chu vi của nó bằng 3).– Derk Bodde chú: Dương tượng trưng bằng quẻ Càn, tức là trời; trời thì tròn.**

[15] **Phùng Hữu Lan chú: Trịnh Khang Thành 鄭康成 (tức Trịnh Huyền 鄭玄) nói: «*Thoán* là sự bất biến động của hào.» (Thoán giả hào chi bất biến động dã 彖者爻之不變動也).**

[16] **Phùng Hữu Lan chú: Trịnh Khang Thành 鄭康成 nói: «Phương giả kính nhất nhi táp tứ.» 方者徑一而匝四 (Cạnh của hình vuông bằng 1 thì chu vi của nó bằng 4).– Derk Bodde chú: Âm tượng trưng bằng quẻ Khôn, tức là đất; đất thì vuông.**

tượng sự giảm bớt của khí Âm. Cho nên Thái Nhất[17] lấy các số này để vận hành trong cửu cung, bao gồm *tứ chính* (4 hướng chính) và *tứ duy* (4 hướng phụ); [các số này] đều hợp với 15.»[18]

Câu «Thái Nhất lấy các số này để vận hành trong cửu cung, bao gồm *tứ chính* (4 hướng chính) và *tứ duy* (4 hướng phụ); [các số này] đều hợp với 15» thì *Càn Tạc Độ* không giải thích rõ. Người đời sau lấy hình đồ và biểu tượng mà biểu thị nó. Lưu Mục 劉牧 đời Tống biểu thị nó bằng Hà Đồ; Chu Hi 朱熹 biểu thị nó bằng Lạc Thư. Về các hình đồ và biểu tượng này, chính Pythgoras đã dùng các hòn sỏi xếp thành nhiều hình trạng để biểu thị các loại số.

4. Phương vị của Bát quái

Trong Thuyết Quái của *Dịch Truyện*, ta thấy hệ thống vũ trụ có sự phối hợp của Bát quái, bốn hướng, bốn mùa như sau: «Vạn vật xuất hiện ở Chấn. Chấn ở hướng đông. Chúng chỉnh tề ở Tốn. Tốn ở đông nam. Tề tức là vạn vật chỉnh tề. Ly là sáng, ở đó vạn vật thấy nhau. Nó là quẻ của hướng nam. [...] Khôn là đất. Vạn vật đều được nuôi dưỡng. Cho nên nói: "*Để khiến cho vạn vật được giúp đỡ ở Khôn.*" Đoài là trung thu, là nơi vạn vật vui vẻ. Cho nên nói: "*Để khiến chúng vui ở Đoài.*" – "*Để chiến đấu ở Càn.*" Càn là quẻ của hướng tây bắc. Nó có nghĩa là Âm và Dương tác động nhau. Khảm là nước. Nó là quẻ của chính hướng bắc, của sự lao nhọc, là nơi mà vạn vật quy phục. Cho nên nói: "*Để lao nhọc ở Khảm.*"

---

[17] Derk Bodde chú: Chúng ta biết rằng thần Thái Nhất bắt đầu được triều đình thờ cúng khoảng năm 123 TCN. Nơi thờ Thần có hình bát giác, mỗi mặt có khoảng trống để tiếp chư thần (*Sử Ký*, III, tr.466-467). Nơi cư ngụ của thần Thái Nhất là sao Bắc Đẩu (*Sử Ký*, III, tr.439). Trịnh Huyền chú trong *Càn Tạc Độ* rằng Bát quái chiếm 8 mặt của nơi thờ, Thái Nhất ở chính giữa, tạo thành 9 cung (cửu cung). Trịnh Huyền còn nói Thái Nhất thường xuyên từ trung cung đi thăm viếng chư thần ở 8 cung kia (mà các cung này ứng với Bát quái). Điều này giải thích tại sao nơi thờ thần Thái Nhất có hình bát giác và tại sao mỗi mặt có khoảng trống xem như lối vào của chư thần.

[18] *Càn Tạc Độ* (quyển hạ): «Dương động nãi tiến, biến thất cái cửu, tượng kỳ khí chi tức đã. Âm động nhi thoái, biến bát chi lục, tượng kỳ khí chi tiêu đã. Cố Thái Nhất thủ kỳ số dĩ hành cửu cung, tứ chính, tứ duy, giai hợp ư thập ngũ.» 陽動而進，變七之九，象其氣之息也。陰動而退，變八之六，象其氣之消也。故太一取其數以行九宮，四正，四維，皆合于十五。

Cấn là quẻ của hướng đông bắc, là nơi mà vạn vật hoàn thành chung cuộc của chúng. Cho nên nói: "*Để khiến vạn vật thành tựu ở Cấn.*"»[19]

Dường như không có một lý do đầy đủ nào có thể giải thích được vì sao phương vị của Bát quái lại có sự phân phối như thế. *Càn Tạc Độ* nói kỹ thêm rằng: «Khổng Tử nói: Dịch bắt đầu từ Thái Cực. Thái Cực phân ra làm hai, cho nên sinh ra trời đất. Trời đất có thời tiết xuân thu đông hạ, cho nên sinh ra bốn mùa. Mỗi mùa đều có sự phân biệt Âm và Dương, cương và nhu, cho nên sinh ra Bát quái. Bát quái được phân bố vị trí, thì đạo của trời đất thành lập; và các biểu tượng sấm, gió, nước, lửa, núi, ao đầm được ấn định. Sự phân bố của chúng là để áp dụng vào sự việc. Chấn sinh vạn vật ở hướng đông, vị trí ở tháng 2. Tốn phân tán vạn vật ở hướng đông nam, vị trí ở tháng 4. Ly tăng trưởng vạn vật ở hướng nam, vị trí ở tháng 5. Khôn nuôi dưỡng vạn vật ở hướng tây nam, vị trí ở tháng 6. Đoài thu vạn vật ở hướng tây, vị trí ở tháng 8. Càn chế tạo vạn vật ở hướng tây bắc, vị trí ở tháng 10. Khảm cất chứa vạn vật ở hướng bắc, vị trí ở tháng 11. Cấn đánh dấu khởi thuỷ và chung cuộc của vạn vật ở hướng đông bắc, vị trí ở tháng 12. Khí của Bát quái hết, thì bốn hướng chính và bốn hướng phụ phân minh, đạo sinh-trưởng-thu-tàng hoàn bị, các thể Âm Dương ổn định, đức của thần minh thông suốt, và vạn vật mỗi thứ hoàn thành chủng loại của mình. Chúng đều được bao gồm trong Dịch. Đức của Dịch lớn lắm thay. Khổng Tử nói: Năm 360 ngày, khí của trời vận hành xong. Bát quái áp dụng vào sự việc, mỗi quái ứng với 45 ngày, mới đầy đủ một năm. [...] Khổng Tử nói: Càn và Khôn là chủ của Âm và Dương. Dương bắt đầu ở hợi, thành hình ở sửu. Càn ở tây bắc; Dương tự lập ở đấy khi nó bắt đầu phát triển. Âm bắt đầu ở tỵ, thành hình ở mùi; và nó tự lập ở vị trí đúng đắn; cho nên Khôn có vị trí ở tây nam, đó là vị trí đúng của Âm. Đạo của vua là khởi xướng sự việc, đạo của bầy tôi là hoàn thành nó đúng đắn. Do đó Càn có vị trí ở hợi, Khôn

[19] ***Dịch Truyện*** **(Thuyết Quái): «Vạn vật xuất hồ Chấn, Chấn đông phương dã. Tế hồ Tốn, Tốn đông nam dã. Tề dã giả, ngôn vạn vật chi khiết tề dã. Ly dã giả, minh dã, vạn vật giai tương kiến, nam phương chi quái dã. [...] Khôn dã giả, địa dã, vạn vật giai trí dưỡng yên, cố viết: trí dịch hồ Khôn. Đoài, chính thu dã, vạn vật chi sở duyệt, cố viết: duyệt ngôn hồ Đoài. Chiến hồ Càn, Càn tây bắc chi quái dã, ngôn Âm Dương tương bạc dã. Khảm giả thuỷ dã, chính bắc phương chi quái dã, lao quái dã, vạn vật chi sở quy dã, cố viết: lao hồ Khảm. Cấn, đông bắc chi quái dã. Vạn vật chi sở thành chung nhi sở thành thuỷ dã, cố viết: thành ngôn hồ Cấn.»** 萬物出乎震，震東方也．齊乎巽，巽東南也．齊也者，言萬物之絜齊也．離也者，明也，萬物皆相見．南方之卦也．[...] 坤也者，地也，萬物皆致養焉，故曰致役乎坤．兌，正秋也，萬物之所說，故曰說言乎兌．戰乎乾，乾西北之卦也，言陰陽相薄也．坎　者水也，正北方之卦也，勞卦也，萬物之所歸也，故曰勞乎坎．艮東北之卦也．萬物之所成終而所成始也，故曰成言乎艮．

có vị trí ở mùi, để nhằm nói rõ chức năng của Âm và Dương cũng như xác định vị trí giữa vua và bầy tôi vậy.»[20]

Ở đây hệ thống vũ trụ lấy Bát quái làm cốt cán thì có sau hệ thống vũ trụ lấy ngũ hành làm cốt cán. Lấy bốn quẻ của Bát quái phối hợp với bốn hướng chính, bốn quẻ còn lại thì xếp vào bốn hướng phụ (đông bắc, đông nam, tây nam, tây bắc); đó gọi là «tứ chính tứ duy» 四正四維 (bốn hướng chính, bốn hướng phụ). Lấy Âm Dương tiêu trưởng biểu thị bằng Bát quái để thuyết minh sự biến thiên của bốn mùa nóng lạnh, điều đó khá rõ ràng dễ hiểu, do đó tuy thuyết này có sau thuyết về hệ thống vũ trụ lấy ngũ hành làm cốt cán nhưng nó lưu hành thật rộng rãi. Dù vậy, thuyết về hệ thống vũ trụ lấy ngũ hành làm cốt cán cũng không bị phế bỏ.

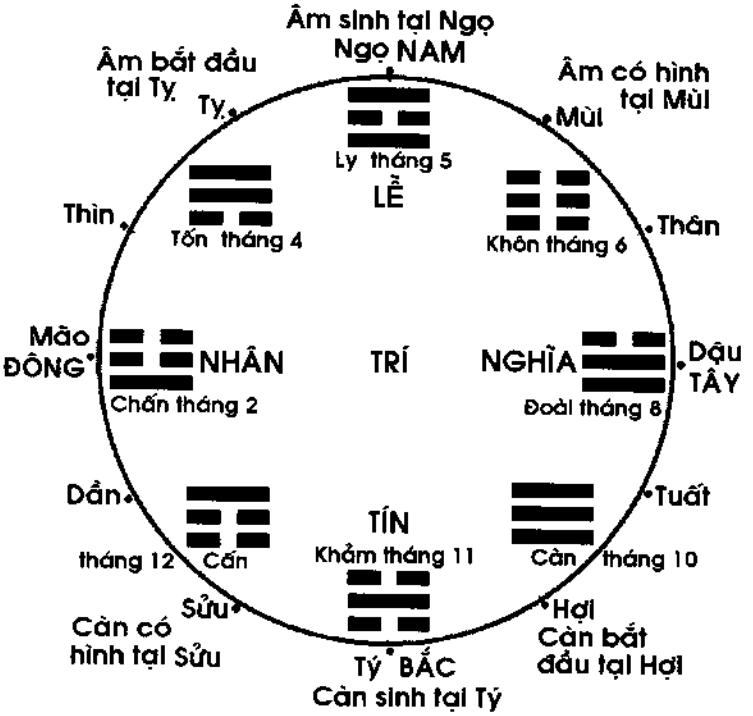
---

[20] *Càn Tạc Độ*: «Khổng Tử viết: Dịch thuỷ ư Thái Cực. Thái Cực phân nhi vi nhị, cố sinh thiên địa. Thiên địa hữu xuân thu đông hạ chi tiết, cố sinh tứ thời. Tứ thời các hữu Âm Dương cương nhu chi phân, cố sinh Bát quái. Bát quái thành liệt, thiên địa chi đạo lập, lôi phong thuỷ hoả sơn trạch chi tượng định hĩ. Kỳ bố tán dụng sự dã. Chấn sinh vật ư đông phương, vị tại nhị nguyệt. Tốn tán chi ư đông nam, vị tại tứ nguyệt. Ly trưởng chi ư nam phương, vị tại ngũ nguyệt. Khôn dưỡng chi ư tây nam phương, vị tại lục nguyệt. Đoài thu chi ư tây phương, vị tại bát nguyệt. Càn chế chi ư tây bắc phương, vị tại thập nguyệt. Khảm tàng chi ư bắc phương, vị tại thập nhất nguyệt. Cấn chung thuỷ chi ư đông bắc phương, vị tại thập nhị nguyệt. Bát quái chi khí chung, tắc tứ chính tứ duy chi phân minh, sinh trưởng thu tàng chi đạo bị, Âm Dương chi thể định, thần minh chi đức thông, nhi vạn vật các dĩ kỳ loại thành hĩ. Giai Dịch chi sở bao dã. Chí hĩ tai, Dịch chi đức dã. Khổng Tử viết: Tuế tam bách lục thập nhất, nhi thiên khí chu. Bát quái dụng sự, các tứ thập ngũ nhật, phương bị tuế yên. [...] Khổng Tử viết: Càn Khôn, Âm Dương chi chủ dã. Dương thuỷ ư hợi, hình ư sửu. Càn vị tại tây bắc, Dương tổ vi cứ thuỷ dã. Âm thuỷ ư tỵ, hình ư mùi, cứ chính lập vị, cố Khôn vị tại tây nam, Âm chi chính dã.(*) Quân đạo xướng thuỷ, thần đạo chung chính. Thị dĩ Càn vị tại hợi, Khôn vị tại mùi; sở dĩ minh Âm Dương chi chức, định quân thần chi vị dã.» 孔子曰：易始於太極．太極分而爲二，故生天地．天地有春秋冬夏之節，故生四時．四時各有陰陽剛柔之分，故生八卦．八卦成列，天地之道立，雷風水火山澤之象定矣．其布散用事也．震生物於東方，位在二月．巽散之於東南，位在四月．離長之於南方，位在五月．坤養之於於西南方，位在六月．兌收之於西方，位在八月．乾制之於西北方，位在十月．坎藏之於北方，位在十一月．艮終始之於東北方，位在十二月．八卦之氣終，則四正四維之分明，生長收藏之道備，陰陽之體定，神明之德通，而萬物各以其類成矣．皆易之所包也．至矣哉，易之德也．孔子曰：歲三百六十日，方備歲焉．[...] 孔子曰：乾坤，陰陽之主也．陽始於亥，形於丑．乾位在西北，陽祖微據始也．陰始於巳，形於未，據正立位，故坤位在西南，陰之正也．君道倡始，臣道終正．是以乾位在亥，坤位在未；所以明陰陽之職，定君臣之位也．– Phùng Hữu Lan chú: (*) Trịnh Huyền chú: «Âm khí thuỷ vu tỵ, sinh vu ngọ, hình vu mùi. Âm đạo ty thuận, bất cảm cứ thuỷ dĩ địch, cố lập ư chính hình chi vị.» 陰氣始于巳，生于午，形于未．陰道卑順，不敢據始以敵，故立於正形之位(Âm khí bắt đầu ở tỵ, sinh ở ngọ, thành hình ở mùi. Âm đạo thấp thỏi thuận tòng, không dám đối địch với khởi đầu, cho nên đứng ở vị trí chính hình).

Càn Tạc Độ còn phối hợp Bát quái với *ngũ thường* 五常 (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín): «Khổng Tử nói: Sau khi thứ tự của Bát quái đã thành lập thì *ngũ khí* (năm khí) biến hình. Cho nên con người khi sinh ra thì ứng với thể của Bát quái bằng cách nhận lấy ngũ khí để thành *ngũ thường*: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nói chung, vạn vật bắt đầu xuất ra từ Chấn. Chấn là quẻ ở hướng đông. Khí Dương bắt đầu sinh, đó là cách mà vạn vật nhận lấy hình thể, cho nên hướng đông là *nhân* (lòng nhân ái). Vạn vật hình thành ở Ly. Ly là quẻ ở hướng nam. Dương đắc chính ở trên, Âm đắc chính ở dưới, biểu tượng của tôn ti đã xác định, đó là thứ tự theo lễ, cho nên hướng nam là *lễ*. Vạn vật nhập vào Đoài. Đoài là quẻ ở hướng tây. Âm được áp dụng vào sự việc mà vạn vật có được sự thích đáng, đó là cái lý của nghĩa, cho nên hướng tây là *nghĩa*. Vạn vật tiến triển dần dần ở Khảm. Khảm là quẻ ở hướng bắc. Khí Âm dồi dào, khí Âm Dương xả ra và bế lại, nó tương tự như tín, cho nên hướng bắc là *tín*. Nói chung, ý nghĩa của bốn hướng chính (đông, tây, nam, bắc) đều do trung ương thống lĩnh. Cho nên Càn, Khôn, Cấn, Tốn có vị trí tại bốn hướng phụ (Càn ở tây bắc, Khôn ở tây nam, Cấn ở đông bắc, Tốn ở đông nam). Trung ương ràng buộc hành động ở bốn hướng, đó là sự quyết định của trí, cho nên trung ương là *trí*. Do đó Đạo hưng ở nhân, lập ở lễ, lý ở nghĩa, định ở tín, thành ở trí. Năm cái đó là sự phân ra của đạo đức, là sự quan hệ giữa trời và người. Thánh nhân do đó thông suốt ý trời, lý giải nhân luân, và làm rõ Đạo lớn vậy.»[21]

[21] *Càn Tạc Độ*: «Khổng Tử viết: Bát quái chi tự thành lập, tắc ngũ khí biến hình. Cố nhân sinh nhi ứng Bát quái chi thể, đắc ngũ khí, dĩ vi ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, thị dã. Phù vạn vật xuất ư Chấn; Chấn, đông phương chi quái dã. Dương khí thuỷ sinh, thụ hình chi đạo dã, cố đông phương vi nhân. Thành ư Ly; Ly, nam phương chi quái dã. Dương đắc chính ư thượng, Âm đắc chính ư hạ, tôn ti chi tương định, lễ chi tự dã, cố nam phương vi lễ. Nhập ư Đoài; Đoài, tây phương chi quái dã. Âm dụng sự nhi vạn vật đắc kỳ nghi, nghĩa chi lý dã, cố tây phương vi nghĩa. Tiệm ư Khảm; Khảm, bắc phương chi quái dã. Âm khí hình thịnh, Âm Dương khí xả bế, tín chi loại dã, cố bắc phương vi tín. Phù tứ phương chi nghĩa, giai thống ư trung ương. Cố Càn, Khôn, Cấn, Tốn, vị tại tứ duy. Trung ương sở dĩ thằng tứ phương hành dã, trí chi quyết dã, cố trung ương vi trí. Cố đạo hưng ư nhân, lập ư lễ, lý ư nghĩa, định ư tín, thành ư trí. Ngũ giả, đạo đức chi phân, thiên nhân chi tế dã. Thánh nhân sở dĩ thông thiên ý, lý nhân luân, nhi minh chi đạo dã.» 孔子曰：八卦之序成立，則五氣變形。故人生而應八卦之體，得五氣，以爲五常：仁，義，禮，智，信，是也。夫萬物出於震；震東方之卦也。陽氣始生，受形之道也，故東方爲仁。成於離；離，南方之卦也。陽得正於上，陰得正於下，尊卑之象定，禮之序也，故南方爲禮。入於兌；兌，西方之卦也。陰用事而萬物得其宜，義之理也，故西方爲義。漸於坎；坎，北方之卦也。陰氣形盛，陰陽氣舍閉，信之類也，故北方爲信。夫四方之義，皆統於中央。故乾，坤，艮，巽，位在四維。中央所以繩四方行也，智之決也，故中央爲智。故道興於仁，立於禮，理於義，定於信，成於智。五者，道德之分，天人之際也。聖人所以通天意，理人倫，而明至道也。

Sự phối hợp nói trên có thể biểu thị bằng hình vẽ Bát Quái và Ngũ Thường.



Bát Quái và Ngũ Thường

5. Quái khí

Dịch Vĩ Kê Lãm Đồ 易緯稽覽圖 [22] có phương pháp rõ ràng hơn, đó là phối hợp 64 quẻ Dịch với bốn mùa. *Kê Lãm Đồ* nói: «Tiểu Quá (quẻ 62), Mông (quẻ 4), Ích (quẻ 42), Tiệm (quẻ 53), Thái (quẻ 11) ở *dần*. Nhu (quẻ 5), Tuỳ (quẻ 17), Tấn (quẻ 35), Giải (quẻ 40), Đại Tráng (quẻ 34) ở *mão*. Dự (quẻ 16), Tụng (quẻ 6), Cổ (quẻ 18), Cách (quẻ 49), Quải (quẻ 43) ở *thìn*. Lữ (quẻ 56), Sư (quẻ 7), Tỷ (quẻ 8), Tiểu Súc (quẻ 9), Càn (quẻ 1) ở *tỵ*. Đại Hữu (quẻ 14), Gia Nhân (quẻ 37), Tỉnh (quẻ 48), Hàm (quẻ 31), Cấu (quẻ 44) ở *ngọ*. Đỉnh (quẻ 50), Phong (quẻ 55), Hoán (quẻ 59), Ly (quẻ 30), Độn (quẻ 38) ở *mùi*. Hằng (quẻ 32), Tiết

[22] LAM chú: Tương truyền có 8 loại Dịch Vĩ gọi là *Dịch Vĩ bát chủng* 易緯八種: (1) *Dịch Vĩ Càn Khôn Tạc Độ* 易緯乾坤鑿度, (2) *Dịch Vĩ Kê Lãm Đồ* 易緯稽覽圖, (3) *Dịch Vĩ Thông Quái Nghiệm* 易緯通卦驗, (4) *Dịch Vĩ Thị Loại Mưu* 易緯是類謀, (5) *Dịch Vĩ Càn Tạc Độ* 易緯乾鑿度, (6) *Dịch Vĩ Biện Chung Bị* 易緯辨終備, (7) *Dịch Vĩ Càn Nguyên Tự Chế Ký* 易緯乾元序制記, (8) *Dịch Vĩ Khôn Linh Đồ* 易緯坤靈圖.

(quẻ 60), Đồng Nhân (quẻ 13), Tổn (quẻ 41), Bĩ (quẻ 12) ở *thân*. Tốn (quẻ 57), Tuỵ (quẻ 45), Đại Súc (quẻ 26), Bí (quẻ 22), Quan (quẻ 20) ở *dậu*. Quy Muội (quẻ 54), Vô Vọng (quẻ 25), Minh Di (quẻ 36), Khốn (quẻ 47), Bác (quẻ 23) ở *tuất*. Cấn (quẻ 52), Ký Tế (quẻ 63), Phệ Hạp (quẻ 21), Đại Quá (quẻ 28), Khôn (quẻ 2) ở *hợi*. Vị Tế (quẻ 64), Kiển (quẻ 39), Di (quẻ 27), Trung Phu (quẻ 61), Phục (quẻ 24) ở *tý*. Truân (quẻ 3), Khiêm (quẻ 15), Khuê (quẻ 38), Thăng (quẻ 46), Lâm (quẻ 19) ở *sửu*. Khảm (quẻ 29) với 6, Chấn (quẻ 51) với 8, Ly (quẻ 30) với 7, Đoài (quẻ 58) với 9. Bốn quẻ trên (Khảm, Chấn, Ly, Đoài) là 4 quẻ chính, là tứ tượng. Mỗi năm có 12 tháng, mỗi tháng ứng với 5 quẻ. Mỗi quẻ làm chủ 6 ngày và 7 phần. Mỗi năm bằng 365 và ¼ ngày.»[23]

Tóm tắt:

Tháng	*Địa chi*	*Quẻ Dịch:*
1	dần	62, 4, 42, 53, 11
2	mão	5, 17, 35, 40, 34
3	thìn	16, 6, 18, 49, 43
4	tỵ	56, 7, 8, 9, 1
5	ngọ	14, 37, 48, 31, 44
6	mùi	50, 55, 59, 30, 38
7	thân	32, 60, 13, 41, 12
8	dậu	57, 45, 26, 22, 20
9	tuất	54, 25, 36, 47, 23
10	hợi	52, 63, 21, 28, 2
11	tý	64, 39, 27, 61, 24

[23] ***Dịch Vĩ Kê Lãm Đồ*: «Tiểu Quá, Mông, Ích, Tiệm, Thái, *dần*. Nhu, Tuỳ, Tấn, Giải, Đại Tráng, *mão*. Dự, Tụng, Cổ, Cách, Quải, *thìn*. Lữ, Sư, Tỷ, Tiểu Súc, Càn, *tỵ*. Đại Hữu, Gia Nhân, Tỉnh, Hàm, Cấu, *ngọ*. Đỉnh, Phong, Hoán, Ly, Độn, *mùi*. Hằng, Tiết, Đồng Nhân, Tổn, Bĩ, *thân*. Tốn, Tuỵ, Đại Súc, Bí, Quan, *dậu*. Quy Muội, Vô Vọng, Minh Di, Khốn, Bác, *tuất*. Cấn, Ký Tế, Phệ Hạp, Đại Quá, Khôn, *hợi*. Vị Tế, Kiển, Di, Trung Phu, Phục, *tý*. Truân, Khiêm, Khuê, Thăng, Lâm, *sửu*. Khảm lục, Chấn bát, Ly thất, Đoài cửu. Dĩ thượng tứ quái giả, tứ chính quái, vi tứ tượng. Mỗi tuế thập nhị nguyệt, mỗi nguyệt ngũ *nguyệt*.[a] Quái lục nhật thất phân. Mỗi kỳ tam bách lục thập *lục nhật mỗi tử phân*.[b]»** 小過, 蒙, 益, 漸, 泰, 寅. 需, 隨, 晉, 解, 大壯, 卯. 豫, 訟, 蠱, 革, 夬, 辰. 旅, 師, 比, 小　畜, 乾, 巳. 大　有, 家　人,　井,　咸,　姤, 午. 鼎,　豐, 渙, 離, 遯, 未. 恆, 節　, 同　人, 損, 否, 申. 巽, 萃, 大　畜, 賁, 觀, 酉. 歸妹, 无　妄, 明　夷, 困, 剝, 戌. 艮, 既　濟, 噬　嗑, 大　過, 坤, 亥　. 未　濟, 蹇, 頤, 中　孚, 復, 子. 屯, 謙, 睽. 升, 臨, 丑. 坎　六, 震　八, 離　七　, 兌　九　. 已　上　四　卦　者, 四　正　卦, 爲　四　象　. 每　歲　十　二　月, 每　月　五　月.[a]卦　六　日　七　分　. 每　期　三　百　六　十　六日每四分.[b]– **Phùng Hữu Lan chú: Kỷ Quân 紀昀 chú: (a) «Chữ *nguyệt* 月 phải viết là *quái* 卦. (b) *lục nhật mỗi tử phân* phải viết là *ngũ nhật tử phân nhật chi nhất* 五日四分日之一.»**

12	sửu	3, 15, 38, 46, 19

Dịch Vĩ Kê Lãm Đồ nói tiếp: «*Dịch Vĩ Thị Loại Mưu* 易緯是類謀 cho rằng đấy là bốn quẻ chính; mỗi quẻ sáu hào; mỗi hào làm chủ một khí. Còn lại 60 quẻ; mỗi quẻ làm chủ 6 ngày và 7 phần (tức là $^{7}/_{80}$ ngày). Như vậy, một năm đúng có 365 ¼ ngày. 60 quẻ tạo thành chu kỳ một năm.»[24]

Ở đây bốn quẻ được đặt ở bốn hướng: Chấn ở hướng đông, số của nó là 8; Ly ở hướng nam, số của nó là 7; Đoài ở hướng tây, số của nó là 9; Khảm ở hướng bắc, số của nó là 6. Đó là bốn quẻ chính, làm chủ bốn mùa. Mỗi quẻ sáu hào, mỗi hào làm chủ một khí. *Kê Lãm Đồ* còn nói ở sau rằng: Hào sơ lục quẻ Khảm chủ Đông Chí, hào sơ cửu quẻ Chấn chủ Xuân Phân, hào sơ cửu quẻ Ly chủ Hạ Chí, hào sơ cửu quẻ Đoài chủ Thu Phân. Những hào còn lại phân ra để làm chủ các tiết khí còn lại. (Xem hình vẽ ở tiết 6 kế đây sẽ rõ).

64 quẻ trừ đi bốn quẻ (Khảm, Chấn, Ly, Đoài) nói trên, còn lại 60 quẻ. Mỗi quẻ làm chủ 6 ngày và 7 phần. 7 phần tức là 7 phần 80 của một ngày. Vậy một năm có 365 ¼ ngày. Nếu mỗi quái làm chủ 6 ngày, thì 60 quẻ ứng với 360 ngày. Còn thừa 5¼ ngày. Nếu nhân 5¼ với 80 (tức 80 phần của một ngày) thì ta có 420 phần. Lấy 420 chia cho 60 (quẻ) thì mỗi quẻ được 7 phần của một ngày. Cho nên nói: «Mỗi quẻ làm chủ 6 ngày và 7 phần.»[25]

60 quẻ này phân phối cho 12 tháng thì mỗi tháng có 5 quẻ. *Kê Lãm Đồ* phân mỗi nhóm 5 quẻ này làm: 1- thiên tử 天子, 2- chư hầu 諸侯, 3- công 公, 4- khanh 卿, 5- đại phu 大夫. Thí dụ: Tiểu Quá (quẻ 62) là chư hầu của tháng giêng (tức tháng dần); Mông (quẻ 4) là đại phu của tháng giêng; Ích (quẻ 42) là khanh của tháng giêng; Tiệm (quẻ 53) là công của tháng giêng; Thái (quẻ 11) là thiên tử của tháng giêng. Tính từ tháng 11 trở đi, các quẻ thiên tử trong 12 tháng là: Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. 12 quẻ này làm chủ 12 tháng, nên gọi là quẻ thiên tử, cũng còn được gọi là *tích quái* 辟卦

---

[24] ***Dịch Vĩ Kê Lãm Đồ*: «*Dịch Vĩ Thị Loại Mưu* đĩ thử tứ chính chi quái, quái hữu lục hào, hào chủ nhất khí. Dư lục thập quái, quái chủ lục nhật thất phân, bát thập phân nhật chi thất. Chính tuế tam bách lục thập ngũ nhật tứ phân chi nhất. Lục thập nhi nhất chu.»** 易緯是類謀以此四正之卦，卦有六爻，爻主一氣．餘六十卦，卦主六日七分，八十分日之七．正歲三百六十五日四分之一．六十而一周．– **LAM chú: Cách tính ở đây là: 60 x (6 + $^{7}/_{80}$) = 365 ¼ ngày.**

[25] **Derk Bodde chú: Tính theo giờ Tây phương, «6 ngày 7 phần» bằng 6 ngày + 2 giờ + 6 phút.**

(*tích* cũng có nghĩa là vua).[26] Sở dĩ lấy 12 quẻ này làm quẻ chủ cho 12 tháng là vì:

- quẻ Phục ䷗ có 1 hào Dương dưới 5 hào Âm,
- quẻ Lâm ䷒ có 2 hào Dương dưới 4 hào Âm,
- quẻ Thái ䷊ có 3 hào Dương dưới 3 hào Âm,
- quẻ Đại Tráng ䷡ có 4 hào Dương dưới 2 hào Âm,
- quẻ Quải ䷪ có 5 hào Dương dưới 1 hào Âm,
- quẻ Càn ䷀ có 6 hào Dương,
- quẻ Cấu ䷫ có 1 hào Âm dưới 5 hào Dương,
- quẻ Độn ䷠ có 2 hào Âm dưới 4 hào Dương,
- quẻ Bĩ ䷋ có 3 hào Âm dưới 3 hào Dương,
- quẻ Quan ䷓ có 4 hào Âm dưới 2 hào Dương,
- quẻ Bác ䷖ có 5 hào Âm dưới 1 hào Dương,
- quẻ Khôn ䷁ có 6 hào Âm.

Nếu lấy 12 quẻ này phân phối cho 12 tháng, thì quẻ Phục ở tháng 11, quẻ Càn ở tháng 4, quẻ Cấu ở tháng 5, quẻ Khôn ở tháng 10. Hiển nhiên ta thấy chúng tượng trưng sự thịnh suy của Âm Dương trong 12 tháng. Vì thế 12 quẻ này được lấy làm quẻ chủ (tích quái), tượng trưng cho Âm Dương tiêu trưởng trong một năm. Tuy nhiên *Kê Lãm Đồ* chưa hề giải thích lý do rõ ràng tại sao các quẻ còn lại mang tên là chư hầu, công, khanh, đại phu.

Phục	*Lâm*	*Thái*	*ĐạiTráng*	*Quải*	*Càn*	*Cấu*	*Độn*	*Bĩ*	*Quan*	*Bác*	*Khôn*
䷗	䷒	䷊	䷡	䷪	䷀	䷫	䷠	䷋	䷓	䷖	䷁
th.11	th.12	th.1	th.2	th.3	th.4	th.5	th.6	th.7	th.8	th.9	th.10

6. Mạnh Hỉ và Kinh Phòng

Mạnh Hỉ 孟喜 và Kinh Phòng 京房 cũng giảng về thuyết quái khí. *Hán Thư* (Kinh Phòng Truyện) nói: «Thuyết của ông ta [tức Kinh Phòng] chuyên giải thích về tai biến; ông phân phối 60 quẻ để áp dụng lần lượt vào sự việc hàng ngày. Ông lấy gió, mưa, lạnh, ấm làm khí hậu,

---

[26] **LAM chú: Chữ 辟 có âm là *tịch* và *tích*. *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, tr.79) giảng: *Tích* 辟 [bì] là *quân chủ* 君主, *quốc quân* 國君 (tức là vua). Trương Thiện Văn 張善文 (*Chu Dịch Từ Điển* 周易辭典, Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã, 1995, tr.786) nói: *Tích quái* còn gọi là *tiêu tức quái* 消息卦, *nguyệt quái* 月卦, *hầu quái* 候卦, *thiên tử quái* 天子卦.**

Quái Khí Đồ của Nhất Hạnh

24 khí	Tháng & 4 quẻ chủ	72 hậu (mỗi khí có 3 hậu)		
		Hậu A + quẻ đầu	Hậu B + quẻ giữa	Hậu C + quẻ cuối
1 Đông Chí	11 (trung) sơ lục *Khảm*	sâu đất cuộn - công - *Trung Phu*	nai bỏ sừng - vua - *Phục*	suối nước động - hầu - *Truân* (nội)
2 Tiểu Hàn	12 (tiết) cửu nhị *Khảm*	ngỗng trời về bắc - hầu - *Truân* (ngoại)	chim thước làm tổ - đại phu - *Khiêm*	gà rừng gáy - khanh - *Khuê*
3 Đại Hàn	12 (trung) lục tam *Khảm*	gà ấp trứng - công - *Thăng*	chim mồi bay cao nhanh - vua - *Lâm*	ao đầm đóng băng - hầu - *Tiểu Quá* (nội)
4 Lập Xuân	giêng (tiết) lục tứ *Khảm*	gió đông tan băng - hầu - *Tiểu Quá* (ngoại)	côn trùng ngủ đông trở mình - đại phu - *Mông*	cá trồi lên băng - khanh - *Ích*
5 Vũ Thuỷ	giêng (trung) cửu ngũ *Khảm*	rái cá cúng cá - công - *Tiệm*	ngỗng trời bay đến - vua - *Thái*	thảo mộc nảy chồi - hầu - *Nhu* (nội)
6 Kinh Trập	2 (tiết) thượng lục *Khảm*	hoa đào nở - hầu - *Nhu* (ngoại)	chim thương canh hót - đại phu - *Tuỳ*	diều hâu biến thành bồ câu - khanh - *Tấn*
7 Xuân Phân	2 (trung) sơ ngũ *Chấn*	huyền điểu bay đến - công - *Giải*	sấm nổ - vua - *Đại Tráng*	chớp xẹt - hầu - *Dự* (nội)
8 Thanh Minh	3 (tiết) lục nhị *Chấn*	ngô đồng ra hoa - hầu - *Dự* (ngoại)	chuột đồng biến ra cút - đại phu - *Tụng*	cầu vồng hiện - khanh - *Cổ*
9 Cốc Vũ	3 (trung) lục tam *Chấn*	lục bình sinh ra - công - *Cách*	bồ câu vỗ cánh kêu - vua - *Quải*	chào mào đậu cây dâu - hầu - *Lữ* (nội)
10 Lập Hạ	4 (tiết) cửu tứ *Chấn*	ếch nhái kêu - hầu - *Lữ* (ngoại)	sâu đất sinh - đại phu - *Sư*	dưa hấu ra quả - khanh - *Tỉ*
11 Tiểu Mãn	4 (trung) lục ngũ *Chấn*	rau đắng mọc - công - *Tiểu Súc*	cỏ non chết - vua - *Càn*	nắng ít - hầu - *Đại Hữu* (nội)
12 Mang Chủng	5 (tiết) thượng lục *Chấn*	bọ ngựa sinh - hầu - *Đại Hữu* (ngoại)	chim bồ lao hót - đại phu - *Gia Nhân*	chim ngừng hót - khanh - *Tỉnh*
13 Hạ Chí	5 (trung) sơ cửu *Ly*	nai bỏ sừng - công - *Hàm*	ve sầu kêu - vua - *Cấu*	cỏ giữa mùa hè mọc - hầu - *Đỉnh* (nội)
14 Tiểu Thử	6 (tiết) lục nhị *Ly*	gió ấm thổi đến - hầu - *Đỉnh* (ngoại)	dế ở vách tường - đại phu - *Phong*	diều hâu tập bay - khanh - *Hoán*
15 Đại Thử	6 (trung) cửu tam *Ly*	cỏ mục thành đom đóm - công - *Lý*	đất ẩm khí nóng - vua - *Độn*	mưa lớn luôn - hầu - *Hằng* (nội)
16 Lập Thu	7 (tiết) cửu tứ *Ly*	gió mát thổi đến - hầu - *Hằng* (ngoại)	móc trắng xuống - đại phu - *Tiết*	ve sầu kêu - khanh - *Đồng Nhân*
17 Xử Thử	7 (trung) lục ngũ *Ly*	diều hâu cúng chim - công - *Tốn*	trời đất nghiêm túc - vua - *Bĩ*	lúa ra bông - hầu - *Tốn* (nội)
18 Bạch Lộ	8 (tiết) thượng cửu *Ly*	ngỗng trời bay đến - hầu - *Tốn* (ngoại)	huyền điểu bay về - đại phu - *Tụy*	chim chóc trữ mồi - khanh - *Đại Súc*
19 Thu Phân	8 (trung) sơ cửu *Đoài*	sấm thu nhỏ tiếng - công - *Bí*	côn trùng ngủ đông bít hang - vua - *Quan*	nước khô cạn - hầu - *Quy Muội* (nội)
20 Hàn Lộ	9 (tiết) cửu nhị *Đoài*	ngỗng trời đến - hầu - *Quy Muội* (ngoại)	én vào biển hoá sò - đại phu - *Vô Vọng*	cúc có hoa vàng - khanh - *Minh Di*
21 Sương Giáng	9 (trung) lục tam *Đoài*	chó sói cúng thú - công - *Khốn*	cây cỏ rụng vàng - vua - *Bác*	côn trùng ngủ đông - hầu - *Cấn* (nội)
22 Lập Đông	10 (tiết) cửu tứ *Đoài*	nước đóng băng - hầu - *Cấn* (ngoại)	đất giá lạnh - đại phu - *Ký Tế*	gà rừng vào nước hoá sò - khanh - *Phệ Hạp*
23 Tiểu Tuyết	10 (trung) cửu ngũ *Đoài*	cầu vồng lặn - công - *Đại Quá*	khí trời lên, khí đất xuống - vua - *Khôn*	bế tắc thành mùa đông - hầu - *Vị Tế* (n)

mỗi thứ đều có sự chiêm nghiệm [cát hung].»[27] Quyển *Quái Nghị* 卦議 của sư Nhất Hạnh —行(673-727) đời Đường viết rằng: «12 *nguyệt quái* (tức quẻ chủ của 12 tháng) phát xuất từ văn chương của Mạnh Hỉ. Ông nói rằng Dịch gốc ở khí, rồi sau ông giải thích rõ nó với nhân sự. Kinh Phòng lại lấy các hào của quẻ phối hợp với các ngày trong năm.»[28]

Nhất Hạnh lại nói: «Theo Mạnh Hỉ, từ đầu Đông Chí, quẻ Trung Phu áp dụng vào sự việc. Các que bói (*sách* 策) của một tháng[29] như 9, 6, 7, 8 cộng lại là 30. Quẻ hoạt động theo số đất là 6; *hậu* 候 [30] hoạt động theo số trời là 5. Nhân 5 với 6, là một lần biến đổi [Âm Dương] tiêu tức. Biến đổi 12 lần thì hết một năm và trở lại ban đầu. Mỗi hào của các quẻ Khảm, Chấn, Ly, Đoài, theo thứ tự làm chủ 24 khí. Các hào sơ của chúng làm chủ hai Chí (tức Đông Chí và Hạ Chí) và hai Phân (tức Xuân Phân và Thu Phân). Trong quẻ Khảm ䷜ [hai hào] Âm bao lấy [hào] Dương, cho nên tự nó ở chính hướng bắc. Một chút Dương động ở bên dưới, thăng lên nhưng chưa tới hào trên cùng. Khi đạt tới cực điểm ở tháng 2, khí [Âm] đông cứng trở nên tiêu tán, sự vận động của Khảm kết thúc. Xuân Phân xuất hiện ở Chấn ䷲, [Dương] bắt đầu căn cứ vào khởi đầu của vạn vật và làm chủ trong quẻ, các hào Âm bị tác động mà đi theo nó. Khi đạt tới cực điểm ở chính hướng nam, sự lớn lao dồi dào biến hoá đến cùng tận, thì công việc của Chấn kết thúc. Trong quẻ Ly ䷝ [hai hào] Dương bao lấy [hào] Âm, cho nên tự nó ở chính hướng nam. Một chút Âm sinh ra ở dưới đất, tích tụ mà chưa hiện rõ. Cho đến tháng 8, chất văn vẻ sáng rỡ trở nên suy yếu, sự vận động của Ly kết thúc. Giữa thu (Thu Phân), Âm thành hình ở Đoài ䷹, [Âm] bắt đầu đi theo giai đoạn cuối của vạn vật và làm chủ trong quẻ, các hào Dương quy phục và thừa nhận nó. Khi đạt tới cực điểm ở chính hướng bắc, sự thi hành ân trạch của trời đến cùng tận, thì công việc của Đoài kết thúc. Cho nên cái tĩnh của Dương 7 bắt đầu ở Khảm; cái động của Dương 9 bắt đầu ở Chấn. Cái tĩnh của Âm

---

[27] ***Hán Thư* (Kinh Phòng Truyện): «Kỳ thuyết trường vu tai biến, phân lục thập quái cánh trực nhật dụng sự. Dĩ phong vũ hàn ôn vi hậu, các hữu chiêm nghiệm.»** 其說長于災變，分六十卦更直日用事，以風雨寒溫爲候，各有占驗.

[28] ***Tân Đường Thư* (quyển 27, thượng): «Thập nhị nguyệt quái, xuất ư Mạnh thị chương cú, kỳ thuyết Dịch bản ư khí, nhi hậu dữ nhân sự minh chi. Kinh thị hựu dĩ quái hào phối kỳ chi nhật.»** 十二月卦，出於孟氏章句，其說易本於氣，而後與人事明之.京氏又以卦爻配期之日.

[29] **LAM chú: Derk Bodde dịch *nhất nguyệt chi sách* 一月之策 là «the numbers of a single month» (các số của một tháng). Kỳ thực, *sách* 策(筮) ở đây là các que cỏ thi để bói. Tách bó cỏ thi 3 lần mới được một hào, kết quả là số que cỏ thi có tổng là 9, hoặc 6, hoặc 7, hoặc 8. Thao tác 18 lần mới được một quẻ kép.**

[30] **LAM chú: Một năm có 72 hậu, tức là 24 tiết khí.**

8 bắt đầu ở Ly; cái động của Âm 6 bắt đầu ở Đoài. Do đó sự biến hoá của tứ tượng đều kiêm sáu hào, và sự đáp ứng trúng khí tiết trở nên đầy đủ.»[31]

Về Mạnh Hỉ và Kinh Phòng, *Hán Thư* (Nho Lâm Truyện) viết: «Mạnh Hỉ tự là Trường Khanh, người Lan Lăng thuộc Đông Hải.[32] [...] Ông kiếm được sách về Âm Dương tai biến của các Dịch học gia. [...] Kinh Phòng học Dịch từ một người nước Lương là Tiêu Diên Thọ. (*Nhan Sư Cổ chú: Diên Thọ là tự của ông, còn tên ông là Cống.*) Diên Thọ nói ông thường theo Mạnh Hỉ để hỏi về Dịch; sau khi Mạnh Hỉ mất, Kinh Phòng xem Dịch học của Diên Thọ tức là Dịch học của Mạnh Hỉ. [...] Đến thời Hán Thành Đế (tại vị 32-7 TCN), Lưu Hướng hiệu đính sách vở, khảo cứu các thuyết về Dịch, và cho rằng các thuyết về Dịch đều bắt nguồn từ Điền Hà, Dương

---

[31] ***Tân Đường Thư*** **(quyển 27, thượng): «Dương cứ Mạnh thị, tự Đông Chí sơ, Trung Phu dụng sự. Nhất nguyệt chi sách, cửu lục thất bát, thị vi tam thập. Nhi quái đĩ địa lục, hậu dĩ thiên ngũ. Ngũ lục tương thừa, tiêu tức nhất biến. Thập hữu nhị biến nhi tuế phục sơ. Khảm, Chấn, Ly, Đoài, nhị thập tứ khí, thứ chủ nhất hào. Kỳ sơ tắc nhị chí nhị phân dã. Khảm đĩ Âm bao Dương, cố tự bắc chính, vi Dương động ư hạ, thăng nhi vị đạt. Cực ư nhị nguyệt, ngưng cố chi khí tiêu, Khảm vận chung yên. Xuân Phân xuất ư Chấn, thuỷ cứ vạn vật chi nguyên, vi chủ ư nội, tắc quần Âm hoá nhi tòng chi. Cực ư nam chính, nhi phong đại chi biến cùng, Chấn công cứu yên. Ly đĩ Dương bao Âm, cố tự nam chính, vi Âm sinh ư địa hạ, tích nhi vị chương. Chí ư bát nguyệt, văn minh chi chất suy, Ly vận chung yên. Trọng Thu Âm hình ư Đoài, thuỷ tuần vạn vật chi mạt, vi chủ ư nội, quần Dương hàng nhi thừa chi. Cực ư bắc chính, nhi thiên trạch chi thi cùng, Đoài công cứu yên. Cố Dương thất chi tĩnh thuỷ ư Khảm; Dương cửu chi động thuỷ ư Chấn. Âm bát chi tĩnh thuỷ ư Ly; Âm lục chi động thuỷ ư Đoài. Cố tứ tượng chi biến, giai kiêm lục hào, nhi trúng tiết chi ứng bị hĩ.»** 當據孟氏，自冬至初，中孚用事．一月之策，九六七八，是爲三十．而卦以地六，候以天五．五六相乘，消息一變．十有二變而歲復初．坎震離兌二十四氣，次主一爻．其初則二至二分也．坎以陰包陽，故自北正，微陽動於下，升而未達．極於二月，凝固之氣消，坎運終焉．春分出於震，始據萬物之元，爲主於內，則群陰化而從之．極於南正，而豐大之變窮，震功究焉．離以陽包陰，故自南正，微陰生於地下，積而未章．至於八月，文明之質衰，離運終焉．仲秋陰形於兌，始循萬物之末，爲主於內，群陽降而承之．極於北正，而天澤之施窮，兌功究焉．故陽七之靜始於坎；陽九之動始於震．陰八之靜始於離；陰六之動始於兌．故四象之變，皆兼六爻，而中節之應備矣．

[32] **LAM chú: Trương Thiện Văn (*Chu Dịch Từ Điển*, Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã, 1995, tr.538) nói Lan Lăng hiện nay là trấn Lan Lăng 蘭陵, huyện Thương Sơn 蒼山, tỉnh Sơn Đông 山東.**

Thúc, và tướng quân Đinh Khoan;[33] chúng đại khái tương đồng, ngoại trừ thuyết của Kinh Phòng thuộc phái khác. Tiêu Diên Thọ riêng được học thuyết của ẩn sĩ, nói thác là của Mạnh Hỉ, khác với các thuyết nói trên. Kinh Phòng nhờ thuyết minh việc tai dị mà được vua yêu, nhưng ông bị [hoạn quan] Thạch Hiển 石顯 gièm pha giết hại.»[34]

Nho Lâm Truyện không hề đề cập năm sinh năm mất của Mạnh Hỉ, chỉ nói rằng Mạnh Hỉ đồng môn với Thi Thù 施讎; vào năm Cam Lộ 甘露 tại Thạch Cừ Các 石渠閣, ông cùng với các Nho quan về ngũ kinh bàn luận về những quan điểm đồng dị. Việc ấy xảy ra vào năm Cam Lộ thứ 3 (tức 51 TCN) đời Hán Tuyên Đế 漢宣帝 (tức Lưu Tuân 劉詢, tại vị 73-49 TCN). Kinh Phòng bị giết năm Kiến Chiêu 建昭 thứ 2 (tức năm 37 TCN) đời Hán Nguyên Đế 漢元帝 (tức Lưu Thích 劉奭, tại vị 48-33 TCN). Mạnh Hỉ, Tiêu Cống (Tiêu Diên Thọ), Kinh Phòng đều lấy cái gọi là Âm Dương tai biến để giảng Dịch. Lý thuyết của họ có điểm giống và khác thế nào thì sách vở ngày nay đều thiếu sót nên chúng ta không thể khảo chứng. Tuy nhiên tôn chỉ của họ đều lấy lời lẽ của Âm Dương gia để giải thích Dịch. Thậm chí các lý luận về quái khí, quả thực có phải là Dịch

---

[33] **LAM chú: Theo lời chú của Nhan Sư Cổ 顏師古 trong thiên *Trọng Ni Đệ Tử Liệt Truyện* 仲尼弟子列傳 của *Sử Ký*, Điền Hà dạy Dịch cho bốn người: Vương Đồng, Chu Vương Tôn, Đinh Khoan, Phục Sinh. Bốn người này đều viết Dịch Truyện. Tử Trung là tên tự của Vương Đồng. «Trung» đọc là «Trọng». (Điền Sinh thụ Vương Đồng, Chu Vương Tôn, Đinh Khoan, Phục Sinh, tứ nhân, nhi tứ nhân giai trứ «Dịch Truyện» dã. Tử Trung, Vương Đồng tự dã. «Trung» độc viết «Trọng» 田生授王同，周王孫，丁寬，服生四人，而四人皆著易傳也．子中王同字也．中讀曰仲). Dương Thúc ở đây tức là Dương Hà (Thúc Nguyên), Trương Thiện Văn (*sđd.*, tr.209) chép: «Vương Đồng truyền dạy Dịch học cho Dương Hà ở Tri Xuyên. Dương Hà tự là Thúc Nguyên. Năm Nguyên Quang (đời Hán Vũ Đế) ông được phong chức Thái Trung đại phu. [...] ông nhờ Dịch học mà làm quan lớn.» (Đồng thụ Tri Xuyên Dương Hà, tự Thúc Nguyên. Nguyên Quang trung trưng vi Thái Trung đại phu. [...] giai dĩ Dịch vi đại quan 同授淄川楊何，字叔元．元光中徵爲太中大夫．[...] 皆以易爲大官). Về các nhân vật này, xin xem lại quyển I (chương 15, tiết 1) của Phùng Hữu Lan.**

[34] ***Hán Thư* (Nho Lâm Truyện): «Mạnh Hỉ tự Trường Khanh, Đông Hải Lan Lăng nhân dã. [...] Đắc Dịch gia hậu Âm Dương tai biến thư. [...] Kinh Phòng thụ Dịch Lương nhân Tiêu Diên Thọ. (*Sư Cổ viết: Diên Thọ kỳ tự, danh Cống.*) Diên Thọ vân: Thường tòng Mạnh Hỉ vấn Dịch, hội Hỉ tử, Phòng dĩ vi Diên Thọ Dịch tức Mạnh thị học. [...] Chí Thành Đế thời, Lưu Hướng hiệu thư, khảo Dịch thuyết, dĩ chư Dịch gia thuyết, giai tổ Điền Hà, Dương Thúc, Đinh tướng quân, đại nghị lược đồng, duy Kinh thị vi dị đẳng. Tiêu Diên Thọ độc đắc ẩn sĩ chi thuyết, thác chi Mạnh thị, bất dữ tương đồng. Phòng dĩ minh tai dị đắc hạnh, vi Thạch Hiển sở trấm tru.» 孟喜字長卿，東海蘭陵人也．[...]得易家候陰陽災變書．[...]京房受易梁人焦延壽．(師古曰：延壽其字，名贛).延壽云：嘗從孟喜問易，會喜死，房以爲延壽易即孟氏學．[...]至成帝時，劉向校書，考易說，以諸易家說，皆祖田何，楊叔，丁將軍，大誼略同，惟京氏爲異黨．焦延壽獨得隱士說，託之孟氏，不與相同．房以明災異得幸，爲石顯所譖誅．**

Vĩ lấy từ thuyết của Mạnh Hỉ và Kinh Phòng? hay là Mạnh Hỉ và Kinh Phòng lấy từ Dịch Vĩ? hay là Dịch Vĩ là sáng tác của các nhà giảng Dịch thuộc môn phái Mạnh Hỉ và Kinh Phòng? Điều ấy quả thực không dễ đoán định được.

Theo lời Nhất Hạnh nói, Mạnh Hỉ cũng lấy bốn quẻ Khảm, Chấn, Ly, Đoài phân ra làm chủ bốn hướng và bốn mùa. 24 hào của chúng được phân ra làm chủ 24 khí. Như thế thuyết này tương đồng với thuyết của Dịch Vĩ. Có điều Nhất Hạnh lại nói «*hậu* hoạt động theo số trời là 5» (hậu dĩ thiên ngũ 候以天五); tức là ngoài 24 khí Mạnh Hỉ còn thêm vào 72 *hậu*. 72 *hậu* là căn cứ theo *Nguyệt Lệnh*. *Nguyệt Lệnh* chép: «Tháng Mạnh Xuân, [...] gió đông xua tan giá lạnh, côn trùng ngủ đông bắt đầu trở mình, cá trồi lên mặt băng, rái cá cúng cá, ngỗng trời bay đến.» (Mạnh Xuân chi nguyệt, [...] đông phong giải đống, trập trùng thuỷ chấn, ngư thướng băng, thát tế ngư, hồng nhạn lai 孟春之月, [...]東風解凍, 蟄蟲始振, 魚上冰, 獺祭魚, 鴻雁來). Trịnh Huyền chú: «Chúng đều ghi chép về thời hậu.» (Giai ký thời hậu dã 皆記時候也). Mỗi tháng đều có «thời hậu» của nó. Khổng Dĩnh Đạt (574-648) giải thích rằng: «Phàm 24 khí, nếu mỗi khí được chia làm ba, thì cả thảy thành 72 phần. Mỗi phần chiếm hơn năm ngày một chút. Cho nên một năm có 72 *hậu*.» (Phàm nhị thập tứ khí, mỗi tam phân chi, thất thập nhị khí, khí gian ngũ nhật hữu dư, cố nhất niên hữu thất thập nhị hậu dã. 凡二十四氣, 每三分之, 七十二氣, 氣間五日有餘, 故一年有七十二候也). Mỗi *hậu* chiếm hơn năm ngày một chút, tức là «*hậu* hoạt động theo số trời là 5» (hậu dĩ thiên ngũ) được nói ở trên. Số 5 là số ở giữa các số trời (1, 3, 5, 7, 9); cho nên nói «thiên ngũ». Mỗi quẻ làm chủ hơn sáu ngày một chút, cho nên nói «quẻ hoạt động theo số đất là 6» (quái dĩ địa lục). Số 6 là số ở giữa các số đất (2, 4, 6, 8, 10); cho nên nói «địa lục». 5 nhân 6 thành 30, tức là số ngày của một tháng, là số ngày của một lần biến Âm Dương tiêu tức. 9 và 7 là số Dương, 6 và 8 là số Âm. Tổng của bốn số 9, 7, 6, 8 cũng bằng 30, tức là số ngày của một tháng, là số ngày của một lần biến Âm Dương tiêu tức.

Nhất Hạnh dựa theo thuyết của Mạnh Hỉ mà lập Quái Khí Đồ như dưới đây. (Xem bảng Quái Khí Đồ ở trang sau). Qua đó ta cũng có thể thấy thuyết quái khí của Dịch Vĩ.

Quái Khí Đồ của Lý Khái 李溉 đời Tống cũng lấy các hào của các quẻ làm chủ 12 tháng phối hợp với 72 hậu. Bởi vì mỗi quẻ có sáu hào, 12 quẻ có 72 hào. Quái Khí Đồ này Chu Chấn 朱震 đã đưa vào *Hán Thượng Dịch Truyện* 漢上易傳.

7. Âm luật phối hợp với quẻ

Hán Thư (Luật Lịch Chí) dùng thuyết của Lưu Hâm 劉歆, lấy 12 luật phối hợp với 12 tháng, đồng thời lấy 12 tháng phối hợp với sáu hào quẻ Càn và sáu hào quẻ Khôn; tức là dùng cái gọi là thuyết *hào thần* 爻辰. Rồi lấy ba luật Hoàng Chung 黃鐘, Lâm Chung 林鐘, Thái Thốc 太簇 làm *tam thống* 三統 của trời, đất, người. *Hán Thư* (Luật Lịch Chí) chép: «Tam thống là phép tắc cho trời thi hành, phép tắc cho đất chuyển hoá, và phép tắc về nhân sự.[35] Tháng 11 ứng với hào sơ cửu quẻ Càn, khí Dương tiềm phục dưới mặt đất bắt đầu xuất hiện thành một Dương, vạn vật nảy mầm chồi và hoạt động[36] ở Thái Âm. Cho nên Hoàng Chung là *thiên thống*, ống luật dài 9 tấc (*thốn* 寸). Số 9 là số mà nó đạt tới cực điểm của trung hoà, là nguồn gốc của vạn vật. Dịch nói: "[Thánh nhân] lập đạo trời thì có Âm và Dương."[37] Tháng 6 ứng với hào sơ lục quẻ Khôn, khí Âm nhận nhiệm vụ từ Thái Dương, tiếp tục nuôi dưỡng và biến hoá vạn vật mềm mại, để chúng sinh trưởng phồn thịnh ở mùi, khiến chúng cứng cáp và lớn mạnh. Cho nên Lâm Chung là *địa thống*, ống luật dài 6 tấc. Số 6 là số mà nó hàm chứa sự thi hành của Dương, phồn thịnh trong *lục hợp* (tức 4 hướng và trên, dưới), khiến cho những thứ cứng và mềm có hình thể. [Thánh nhân] lập đạo đất thì có nhu và cương (mềm và cứng).[38] Càn làm chủ sự khởi đầu lớn của vạn vật; Khôn làm cho chúng hoàn thành.[39] Tháng giêng ứng với hào cửu nhị quẻ Càn, vạn

[35] **Derk Bodde chú: Quan niệm về *Tam Thống* ở đây khác với quan niệm của Đổng Trọng Thư (xem lại chương 2, tiết 11 trên đây).**

[36] **Derk Bodde chú: Chữ *chung* 鍾 ở đây – theo *Bạch Hổ Thông* giảng – có nghĩa là *động* 動.**

[37] **LAM chú: Thuyết Quái chép: «Tích giả thánh nhân chi tác Dịch dã, tương dĩ thuận tính mệnh chi lý. Thị dĩ *lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương*, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa. Kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố Dịch lục hoạch nhi thành quái. Phân Âm phân Dương, điệt dụng nhu cương, cố Dịch lục vị nhi thành chương.»** 昔者聖人之作易也,將以順性命之理.是以立天之道曰陰與陽,立地之道曰柔與剛,立人之道曰仁與義.兼三才而兩之,故易六畫而成卦.分陰分陽,迭用柔剛,故易六位而成章**(Ngày xưa khi thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, các ngài thuận theo quy luật biến hoá của tính và mệnh của sự vật. Cho nên, *các ngài xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương*, đạo người thì có nhân và nghĩa. Các ngài gộp tam tài (thiên-địa-nhân) [thành quẻ đơn] và gấp đôi lên [thành quẻ kép], cho nên sáu vạch Kinh Dịch lập thành quẻ kép. Sáu vạch được phân làm hào Âm và hào Dương, được dùng lần lượt thành hào nhu và hào cương. Do đó sáu vị trí trong quẻ Dịch lập thành hình quẻ).**

[38] **LAM chú: Câu này lấy ở Thuyết Quái (xem chú thích ngay trên).**

[39] **LAM chú: Hệ Từ Thượng chép: «*Càn tri đại thuỷ, Khôn tác thành vật.*»** 乾知大始,坤作成物**. (Càn làm chủ sự khởi đầu lớn của vạn vật; Khôn làm cho chúng hoàn thành). Cao Hanh trích dẫn Vương Niệm Tôn: «*Tri* cũng như *vi*; *vi* cũng như *tác* (làm).» (Tri do vi dã; vi do tác dã** 知猶爲也;爲猶作也**). Ý nói trời sáng tạo vạn vật, đất nuôi dưỡng cho chúng trưởng thành. Chu Hi nói: «*Tri* là làm chủ. Càn làm chủ, bắt đầu vạn vật; Khôn tác thành cho chúng.» (Tri do chủ dã. Càn chủ thuỷ vật nhi Khôn tác thành chi** 知猶主也.乾主始物而坤作成之**).**

vật phát triển và hiển hiện ở dần, con người vâng theo mà hoàn thành chúng. Nhân ái được dùng để nuôi dưỡng chúng và điều nghĩa được dùng để khiến chúng vận hành, khiến cho mỗi sự vật đều đạt được nguyên lý của nó. Dần ứng với hành mộc, là nhân ái; âm thanh là cung Thương, là điều nghĩa. Cho nên Thái Thốc là *nhân thống*. Ống luật dài 8 tấc, tượng trưng cho Bát quái. Mật Hí (tức Phục Hi)[40] do đó thuận theo trời đất, tương thông với thần minh, và phân loại được tình trạng của vạn vật. [Thánh nhân] lập đạo người thì có nhân và nghĩa.[41] Trên trời các hiện tượng thành lập, dưới đất các hình thể thành lập,[42] rồi sau đạo của trời đất mới tạo thành. [Thánh nhân] trợ giúp vào sự đúng đắn của trời đất để giúp dân chúng. Ba luật (Hoàng Chung, Lâm Chung, Thái Thốc) được nói ở đây là *Tam Thống*.»[43]

---

[40] **LAM chú: Mật Hí 戲(hay Mật Hi 宓羲) = Phục Hi 伏羲(犧) = Phục Hí 伏戲. *Chu Dịch Từ Điển* của Trương Thiện Văn và *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa giải: Bao Hi 包犧 = Bào Hi 庖犧 = Phục Hi 伏羲(犧) = Phục Hí 伏戲 = Mật Hi 宓羲 = Hoàng Hi 皇羲 = Hi Hoàng 犧皇 = Thái Hạo 太皞(昊).**

[41] **LAM chú: Câu này lấy ở Thuyết Quái (xem chú thích ở trên).**

[42] **LAM chú: Câu này lấy ở Hệ Từ Thượng: «Thiên tôn địa ti, Càn Khôn định hĩ. Ti cao dĩ trần, quý tiện vị hĩ. Động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hĩ. Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân, cát hung sinh hĩ. *Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình*, biến hoá hiện hĩ.» 天尊地卑，乾坤定矣．卑高以陳，貴賤位矣．動靜有常，剛柔斷矣．方以類聚，物以群分，吉凶生矣．在天成象，在地成形，變化見矣(Trời cao, đất thấp; nên Càn và Khôn xác định. Cao và thấp đã phô bày, thì địa vị quý và tiện được xác lập. Sự vật luôn có động và tĩnh; theo đó, có sự phân biệt cương (cứng) và nhu (mềm). Người tụ tập theo loại; vật phân chia theo bầy. Cát hung từ đó nảy sinh. *Trên trời các hiện tượng thành lập, dưới đất các hình thể thành lập*, và những biến hoá của chúng hiển hiện ra).**

[43] ***Hán Thư* (Luật Lịch Chí): «Tam thống giả, thiên thi địa hoá nhân sự chi kỷ dã. Thập nhất nguyệt Càn chi sơ cửu, Dương khí phục ư địa hạ, thuỷ trứ vi nhất, vạn vật manh động, chung ư Thái Âm, cố Hoàng Chung vi thiên thống, luật trường cửu thốn. Cửu giả, sở dĩ cứu cực trung hoà, vi vạn vật nguyên dã. Dịch viết: "Lập thiên chi đạo, viết Âm dữ Dương." Lục nguyệt, Khôn chi sơ lục, Âm khí thụ nhậm ư Thái Dương, kế dưỡng hoá nhu vạn vật, sinh trưởng mậu chi ư mùi, lịnh chủng cương cương đại, cố Lâm Chung vi địa thống, luật trường lục thốn. Lục giả, sở dĩ hàm Dương chi thi, mậu chi ư lục hợp chi nội, lịnh cương nhu hữu thể dã. Lập địa chi đạo, viết nhu dữ cương. Càn trì thái thuỷ, Khôn tác thành vật. Chính nguyệt Càn chi *cửu tam*,(*) vạn vật lệ thông, tộc xuất ư dần, nhân phụng nhi thành chi. Nhân dĩ dưỡng chi, nghĩa dĩ hành chi. Lịnh sự vật các đắc kỳ lý. Dần, mộc dã, vi nhân, kỳ thanh, Thương dã, vi nghĩa. Cố Thái Thốc vi nhân thống. Luật trường bát thốn, tượng Bát quái. Mật Hí thị chi sở dĩ thuận thiên địa, thông thần minh, loại vạn vật chi tình dã. Lập nhân chi đạo, viết nhân dữ nghĩa. Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tương thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân, thử tam luật chi vị hĩ. Thị vi tam thống.» 三統者，天施地化人事之紀也．十一月乾之初九，陽氣伏於地下，始著爲一，萬物萌動，鍾於太陰，故黃鐘爲天統，律長九寸．九者，所以究極中和，爲萬物元也．易曰："立天之道，曰陰與陽．"六月，坤之初六，陰氣受任於太陽，繼養化**

Hoàng Chung là luật của tháng 11, tức là tháng có khí Dương sinh. Ống luật Hoàng Chung dài 9 tấc. Lâm Chung là luật của tháng [6, tức là tháng] có khí Âm sinh. Ống luật Lâm Chung dài 6 tấc. *Hán Thư* (Luật Lịch Chí) lại nói: «9, 6, Âm, Dương, đó là đạo giữa vợ chồng, mẹ con vậy. *Luật* 律 lấy vợ, còn *lữ* 呂 sinh con, đó là cái tình của trời đất vậy.» (Cửu lục Âm Dương, phu phụ tử mẫu chi đạo dã. Luật thú thê, nhi lữ sinh tử, thiên địa chi tình dã. 九六陰陽,夫婦子母之道也.律娶妻,而呂生子,天地之情也). Ống luật Hoàng Chung 3 phần bớt 1; tức là lấy 2/3 nhân với 9 tấc, ta được 6 tấc. Đó là độ dài của ống Lâm Chung. Hoàng Chung sinh Lâm Chung tức là «lữ sinh con» được nói ở trên. Ống luật Lâm Chung 3 phần thêm 1; tức là lấy 4/3 nhân với 6 tấc, ta được 8 tấc. Đó là độ dài của ống Thái Thốc. Lâm Chung sinh Thái Thốc tức là «lữ sinh con» được nói ở trên. Trong 12 luật, tên chung đều gọi là luật, nhưng phân ra thì sáu luật Dương được gọi là *luật*, còn sáu luật Âm được gọi là *lữ*. Hoàng Chung đứng đầu luật; Lâm Chung đứng đầu lữ. Thái Thốc do Lâm Chung sinh ra. Do đó, nếu Hoàng Chung là *thiên thống*, Lâm Chung là *địa thống*, thì Thái Thốc là *nhân thống*.

Hán Thư (Luật Lịch Chí) cũng lấy ngũ âm (Cung, Thương, Giốc, Chuỷ, Vũ) phối hợp với ngũ hành; điều này cũng giống như trong *Nguyệt Lệnh* đã làm. Tuy nhiên các học giả chưa từng giải thích cho người ta hài lòng về lý do tại sao ngũ âm lại phối hợp với bốn mùa và ngũ hành như thế. Có điều, sự phối hợp giữa 12 luật với 12 tháng thì nhạc lý đã giải thích. Trong 12 luật, ống Hoàng Chung dài nhất và âm của nó đục nhất. Ống Đại Lữ ngắn hơn, âm của nó bớt đục hơn. Ống Thái Thốc ngắn hơn nữa, âm của nó bớt đục hơn nữa. Trong một năm, tháng 11 là tháng khí Dương sinh. Hoàng Chung được phối hợp với tháng 11, về sau sự trong đục của âm này được lấy làm tiêu chuẩn. Phối hợp theo trình tự đi xuống, thì ống Ứng Chung là ngắn nhất, âm của nó trong trẻo nhất. Tháng 10 được phối hợp với Ứng Chung, và được xem là hết một năm. Có điều, trong một năm, khí Dương sinh vào tháng 11, cực thịnh vào tháng 5; đến tháng 6 thì khí Âm sinh. Từ lúc này, Dương suy dần, còn Âm thì thịnh dần và nó cực

---

柔萬物,生長楙於未,令種剛彊大,故林鐘爲地統,律長六寸.六者,所以含陽之施,楙之於六合之內,令剛柔有體也.立地之道,曰柔與剛.乾知太始,坤作成物.正月乾之九三,(*) 萬物棣通,族出於寅,人奉而成之.仁以養之,義以行之.令事物各得其理.寅,木也,爲仁,其聲,商也,爲義.故太簇爲人統.律長八寸,象八卦.宓戲氏之所以順天地,通神明,類萬物之情也.立人之道,曰仁與義.在天成象,在地成形,后以裁成天地之道,輔相天地之宜,以左右 民,此三律之謂矣.是爲三統.– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Tống Kỳ** 宋祁 **nói: «*Cửu tam* 九三 nên chép là *cửu nhị* 九二.»**

thịnh vào tháng 10. Tại sao 12 luật từ âm đục tiến dần tới âm trong trẻo như vậy thì sự giải thích rất phức tạp. *Hoài Nam Tử* (Thiên Văn Huấn) lấy 12 luật phối hợp 24 khí như sau: «Vào Đông Chí, âm ứng với Lâm Chung [*theo Vương Dẫn Chi, lẽ ra là Ứng Chung*], rồi âm dần dần đục đi. Vào Hạ Chí âm ứng với Hoàng Chung, âm dần dần trong hơn. Đó là lấy 12 luật ứng với sự biến đổi của 24 thời khí.»[44] *Hoài Nam Tử* (Thiên Văn Huấn) lại nói: «Khí Dương sinh ở tý; khí Âm sinh ở ngọ.» Đông Chí ứng với Ứng Chung; ống của luật này ngắn nhất, âm của nó trong nhất. Sau đó 15 ngày là Tiểu Hàn, âm của nó ứng với Vô Xạ; ống của luật này khá dài, âm của nó khá đục. Từ đây khí Dương ngày càng thịnh, khí Âm ngày càng suy. Âm thanh ứng với khí hậu ấy cũng ngày càng đục. Đến Hạ Chí, âm ứng với Hoàng Chung. Nó là âm đục nhất trong 12 luật. Từ đây khí Dương ngày càng suy, khí Âm ngày càng thịnh. Âm thanh ứng với khí hậu ấy cũng ngày càng trong. Đến Tiểu Thử, âm ứng với Đại Lữ. Đến Đại Thử, âm ứng với Thái Thốc. Đến Tiểu Tuyết, âm ứng với Vô Xạ. Đến Đại Tuyết, âm ứng với Ứng Chung. Như vậy là xong một năm. Ở đây nói khí Dương thịnh thì âm đục, khí Âm thịnh thì âm trong. Trong một năm, khí Âm và khí Dương thịnh và suy, tuần hoàn biến hoá. Cho nên sự trong và đục của âm thanh cũng tuần hoàn biến hoá. Như vậy trong hệ thống này *Hoài Nam Tử* đã đưa ra một thuyết khá hoàn chỉnh.

Tháng giêng sở dĩ ứng với hào cửu nhị quẻ Càn vì *Dịch Vĩ Càn Tạc Độ* nói: «Càn là Dương; Khôn là Âm. Chúng cùng cai trị và xen kẽ vận hành. Càn có vị trí đúng ở tháng 11, tức tý, nó vận hành bên trái; Dương có 6 tháng. Khôn có vị trí đúng ở tháng 6, tức mùi, nó vận hành bên phải; Âm có 6 tháng. [Càn và Khôn] thuận theo đó mà thành một năm. Năm hết thì hai quẻ đi theo là Truân và Mông.»[45] Tháng 11 ứng với hào sơ cửu quẻ Càn. Tháng giêng ứng với hào cửu nhị quẻ Càn. Tháng 3 ứng với hào cửu tam quẻ Càn. Tháng 5 ứng với hào cửu tứ quẻ Càn. Tháng 7 ứng với hào cửu ngũ quẻ Càn. Tháng 9 ứng với hào thượng cửu quẻ Càn. Đó gọi là: «Càn có vị trí đúng ở tháng 11, tức tý, nó vận hành bên trái; Dương có

[44] *Hoài Nam Tử* (Thiên Văn Huấn) : «Nhật Đông Chí tí Lâm Chung,(*) tẩm dĩ trọc. Hạ Chí âm tí Hoàng Chung, tẩm dĩ thanh. Dĩ thập nhị luật, ứng nhị thập tứ thời chi biến.» 日冬至比林鐘，浸以濁。夏至音比黃鐘，浸以清。以十二律，應二十四時之變。- Phùng Hữu Lan chú: (*) «Theo Vương Dẫn Chi, lẽ ra là Ứng Chung.» (Cứ Vương Dẫn Chi hiệu, đương vi Ứng Chung 據王引之校，當爲應鐘).

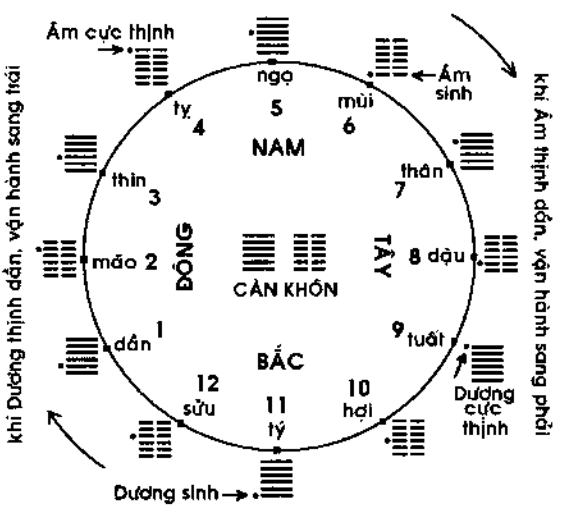
[45] *Dịch Vĩ Càn Tạc Độ*: «Càn Dương dã; Khôn Âm dã; tịnh trị nhi giao thác hành. Can trinh ư thập nhất nguyệt tý, tả hành, Dương thời lục. Khôn trinh ư lục nguyệt mùi, hữu hành, Âm thời lục. Dĩ phụng thuận thành kỳ tuế. Tuế chung thử tòng ư Truân, Mông.» 乾陽也；坤陰也；並治而交錯行。乾貞於十一月子，左行，陽時六。坤貞於六月未，右行，陰時六。以奉順成其歲。歲終次從於屯蒙。

6 tháng.» Tháng 6 ứng với hào sơ lục quẻ Khôn. Tháng 8 ứng với hào lục nhị quẻ Khôn. Tháng 10 ứng với hào lục tam quẻ Khôn. Tháng 12 ứng với hào lục tứ quẻ Khôn. Tháng 2 ứng với hào lục ngũ quẻ Khôn. Tháng 4 ứng với hào thượng lục quẻ Khôn. Đó gọi là: «Khôn có vị trí đúng ở tháng 6, tức mùi, nó vận hành bên phải; Âm có 6 tháng.» Đó gọi là: «Chúng [tức Càn và Khôn] cùng cai trị và xen kẽ vận hành.»[46] Năm mà Càn và Khôn làm chủ đã xong thì hai quẻ kế tiếp chúng là Truân và Mông sẽ làm chủ của năm. Sáu hào quẻ này và sáu hào quẻ kia xen kẽ nhau mà cai trị một năm. Như vậy 64 quẻ lần lượt đi hết chu kỳ thì trở lại khởi đầu. Luật Lịch Chí dùng thuyết này, cho nên nói tháng 11 ứng với hào sơ cửu quẻ Càn và tháng 6 ứng với hào sơ lục quẻ Khôn.

8. Những Vĩ thư khác

Các Vĩ thư khác đều đặc biệt chú trọng cái gọi là «đạo của trời và người» (thiên nhân chi đạo 天人之道). Một vĩ thư của *Thư Kinh* tên là *Thượng Thư Vĩ Tuyền Kỳ Kiềm* chép: «Trong nhan đề của thiên Thượng Thư thì *Thượng* là trên, còn *Thư* là như. Trên trời hiện ra các hiện tượng thiên văn, công bố các chế độ để điều tiết, sách này được soạn để phụ

[46] **LAM chú: Sáu hào quẻ Càn (sơ cửu đến thượng cửu) tương ứng với các tháng 11 (tý), 1 (dần), 3 (thìn), 5 (ngọ), 7 (thân), 9 (tuất). Sáu hào quẻ Khôn (sơ lục đến thượng lục) tương ứng với các tháng 6 (mùi), 8 (dậu), 10 (hợi), 12 (sửu), 2 (mão), 4 (tỵ). Nếu phân bố các tháng trên vòng tròn với quan niệm truyền thống Trung Quốc là hướng bắc ở dưới và hướng nam ở trên, ta thấy khí Dương thịnh dần dần từ tý (tháng 11, tại hướng bắc) vận hành sang bên trái; còn khí Âm thịnh dần dần từ mùi (tháng 6, tại hướng nam-tây nam) vận hành sang bên phải. Xem hình sau đây:**



hoạ sự vận hành của trời.»[47] Sách này lại chép: «*Thượng Thư* [tức *Thư Kinh*] chủ yếu nói về trời.» (Thư vụ dĩ thiên ngôn chi. 書務以天言之).

Kinh Thi tương tự như thế, nghĩa là cũng «được soạn để phụ hoạ sự vận hành của trời» và «chủ yếu nói về trời». Một vĩ thư của *Thi Kinh* tên là *Thi Vĩ Hàm Thần Vụ* chép: «Thi là tâm của trời đất, là đức của vua và tổ tiên của vua, là gốc của trăm phúc, là âm thanh của vạn vật. Thi tập hợp những điều tế vi và những điều hiển nhiên; trên thì thống lĩnh Nguyên Hoàng 元皇, dưới thì tiếp tục Tứ Thuỷ 四始, và bày ra Ngũ Tế 五際.»[48]

Một vĩ thư của *Xuân Thu* tên là *Xuân Thu Vĩ Thuyết Đề Từ* chép: «Thi là tinh tuý của thiên văn, là phép tắc quản lý các sao và hành tinh, là sự kiểm soát lòng người.»[49]

Về Tứ Thuỷ (bốn khởi đầu) và Ngũ Tế, một vĩ thư của *Thi Kinh* tên là *Thi Vĩ Phiếm Lịch Xu* giảng: «Đại Minh tại hợi, là khởi đầu của hành thuỷ; Tứ Mẫu tại dần, là khởi đầu của hành mộc; Gia Ngư tại tỵ, là khởi đầu của hành hoả; Hồng Nhạn tại thân, là khởi đầu của hành kim.»[50] Và giảng về Ngũ Tế (năm khoảng giữa) rằng: «Khoảng giữa ngọ [tháng 5] và hợi [tháng 10] là sửa đổi mệnh trời (cách mệnh); khoảng giữa mão [tháng 2] và dậu [tháng 8] là sửa lại cho đúng (cải chính); thìn [tháng 3] tại cửa trời (thiên môn), ra vào, chờ đợi và lắng nghe; mão [tháng 2] là Thiên Bảo; dậu [tháng 8] là Kỳ Phụ; ngọ [tháng 5] là Thái Khỉ; hợi

---

[47] ***Thượng Thư Vĩ Tuyền Ky Kiểm*** 尚書璇璣玲: **«Thượng Thư thiên đế hiệu; Thượng giả, thượng dã; Thư giả, như dã. Thượng thiên thuỳ văn tượng, bố tiết độ, thư như thiên hành dã.»** 尚書篇題號;尚者,上也;書者,如也.上天垂文象,布節度,書如天行也.– **LAM chú: Đây là vĩ thư của *Thượng Thư* tức *Thư Kinh*. Từ điển *Từ Bá* của Đại học Bắc Kinh (2000) cho hai nghĩa của *Tuyền Ky*: «1. Cổ đại nhất chủng thiên văn nghi khí, hồn thiên nghi 古時一種天文儀器,渾天儀 (Tuyền ky là tên một dụng cụ thiên văn cổ đại, cũng gọi là *hồn thiên nghi* 渾天儀); 2. Cổ đại xưng Bắc Đẩu tinh đích đệ nhất chí đệ tứ tinh 古代稱北鬥星的第一星至第四星 (Tuyền Ky là 4 sao đầu tiên trong chòm Bắc Đẩu).» Theo tự điển *Khang Hi, Kiểm* (cũng đọc *cam*) là tên một loại ngọc quý. (Derk Bodde chú rằng *Tuyền* và *Ky* là tên hai sao trong chòm Bắc Đẩu).**

[48] ***Thi Vĩ Hàm Thần Vụ*** 詩緯含神霧: **«Thi giả, thiên địa chi tâm, quân tổ chi đức, bách phúc chi tông, vạn vật chi thanh dã. Tập vi quỹ trử, thượng thống Nguyên Hoàng, hạ tự Tứ Thuỷ, la liệt Ngũ Tế.»** 詩者,天地之心,君祖之德,百福之宗,萬物之聲也.集微揆著,上統元皇,下序四始,羅列五際.

[49] ***Xuân Thu Vĩ Thuyết Đề Từ*** 春秋緯說題辭: **«Thi giả, thiên văn chi tinh, tinh thần chi độ, nhân tâm chi thao dã.»** 詩者,天文之精,星辰之度,人心之操也.

[50] ***Thi Vĩ Phiếm Lịch Xu*** 詩緯氾歷樞: **«Đại Minh tại hợi, thuỷ thuỷ dã; Tứ Mẫu tại dần, mộc thuỷ dã; Gia Ngư tại tỵ, hoả thuỷ dã; Hồng Nhạn tại thân, kim thuỷ dã.»** 大明在亥,水始也;四牡在寅,木始也;嘉魚在巳,火始也;鴻雁在申,金始也.

[tháng 10] là Đại Minh. Như vậy hợi là thời gian sửa đổi mệnh trời, là khoảng giữa thứ nhất (nhất tế). Hợi lại là cửa trời (thiên môn), ra vào, chờ đợi và lắng nghe, là khoảng giữa thứ hai (nhị tế). Mão là sự giao tiếp qua lại giữa Âm và Dương, là khoảng giữa thứ ba (tam tế). Ngọ là Dương suy Âm hưng, là khoảng giữa thứ tư (tứ tế). Dậu là Âm thịnh Dương suy, là khoảng giữa thứ năm (ngũ tế).»[51]

Ở đây các thiên của *Thi Kinh* (như Thiên Bảo, Kỳ Phụ, Thái Khỉ, Đại Minh) được phối hợp vào hệ thống vũ trụ của Âm Dương gia. Sự phối hợp này cần được so sánh với các phối hợp trong các biểu đồ trên đây để có cái nhìn tổng hợp.

Trong lễ cũng có đạo của trời và người. Một vĩ thư của *Lễ Ký* là *Lễ Vĩ Kê Mệnh Trưng* chép: «Sự dao động của Lễ có cùng khí [Âm Dương] với trời đất. Khi bốn mùa tin nhau, khi Âm Dương bổ sung nhau, khi mặt trời mặt trăng vẫn sáng, khi trên dưới hoà hợp nhau, thì mọi vật và muông thú thuận theo tính mệnh của chúng.»[52]

Xuân Thu Vĩ Thuyết Đề Từ chép: «Lễ nhằm thiết lập [chuẩn mực cho] hành vi [con người] và làm rõ các hình thể của trời đất.»[53] Lại chép: «Lễ là thể. Tình cảm con người có lúc buồn lúc vui, ngũ hành có lúc hưng

---

[51] ***Thi Vĩ Phiếm Lịch Xu*** 詩緯汜歷樞: ***«Ngọ hợi chi tế vi cách mệnh, mão dậu chi tế vi cải chính, thần tại thiên môn, xuất nhập hậu thính.***[a] **Mão, Thiên Bảo dã; dậu, Kỳ Phụ dã; ngọ, Thái Khỉ dã; hợi, Đại Minh dã. Nhiên tắc hợi vi cách mệnh, nhất tế dã. Hợi**[b] **hựu vi thiên môn, xuất nhập hậu thính, nhị tế dã. Mão vi Âm Dương giao tế, tam tế dã. Ngọ vi Dương tạ Âm hưng, tứ tế dã. Dậu vi Âm thịnh Dương vi, ngũ tế dã.»** 午亥之際爲革命，卯酉之際爲改正，辰在天門，出入候聽.[a] 卯，天保也；酉，祈父也；午采芑也；亥，大明也．然則亥爲革命，一際也．亥[b]又爲天門，出入候聽，二際也．卯爲陰陽交際，三際也．午爲陽謝陰興，四際也．酉爲陰盛陽微，五際也．– **Phùng Hữu Lan chú: (a)** ***Hậu Hán Thư*** **(Lang Nghĩ Truyện** 郎顗傳**) cũng trích dẫn chỗ này nhưng chép: «Mão dậu vi cách chính,** ***ngọ hợi vi cách mệnh, thần tại thiên môn, xuất nhập hậu thính.*** **Thần tại tuất hợi, tư hậu đế vương hưng suy đắc thất, quyết thiện tắc xương, quyết ác tắc vong.»** 卯酉爲革政，午亥爲革命，神在天門，出入候聽．神在戌亥，司候帝王興衰得失，厥善則昌，厥惡則亡 **(Mão dậu là sửa đổi chính trị, ngọ hợi là cách mạng, thần tại cửa trời, ra vào, chờ đợi, lắng nghe. Thần tại tuất hợi, giám sát sự hưng suy và được mất của vua chúa. Vua chúa làm thiện thì được rực rỡ, làm ác thì bị diệt vong). (b) Trần Kiều Tung** 陳喬樅 **nói: «Đương tác** ***tuất hợi chi gian.»*** 當作戌亥之間 **(Lẽ ra phải chép:** ***tuất hợi chi gian*** **[= giữa tuất và hợi]).**

[52] ***Lễ Vĩ Kê Mệnh Trưng*** 禮緯稽命徵: **«Lễ chi động dao dã, dữ thiên địa đồng khí. Tứ thời hợp tín, Âm Dương vi phù, nhật nguyệt vi minh, thượng hạ hoà hợp, tắc vật thú như kỳ tính mệnh.»** 禮之動搖也，與天地同氣．四時合信，陰陽爲符，日月爲明，上下和洽，則物獸如其性命．

[53] ***Xuân Thu Vĩ Thuyết Đề Từ:*** **«Lễ giả, sở dĩ thiết dung, minh thiên địa chi thể dã.»** 禮者，所以設容，明天地之體也．

lúc diệt. Cho nên lễ được lập để dâng thức ăn thức uống [cho bậc trưởng thượng], để ghi dấu khởi đầu và kết thúc của [thời kỳ chịu tang] buồn đau, để giữ sự đúng đắn của hôn nhân, để tạo ra bộ mặt đúng đắn của triều đình, để có thứ tự tôn quý và thấp hèn, để có thể thống kẻ trên người dưới. Bậc vương thi hành lễ thì có được sự trung hoà của trời. Khi lễ được duy trì, thì mọi thứ trong thiên hạ sẽ có được sự đúng đắn của chúng, Âm Dương nuôi dưỡng và bồi bổ, vạn vật điều hoà, bốn mùa điều hoà. Dù động hay tĩnh, con người phải thường dùng lễ, không thể xao lãng phút giây nào hết.»[54]

Trong nhạc cũng có đạo của trời và người. Một vĩ thư của nhạc là *Nhạc Vĩ Động Thanh Nghi* chép: «Thánh vương biết rằng thời thế đến cực thịnh thì sẽ suy, nắng nóng lắm thì sẽ lạnh, vui sướng lắm thì sẽ đau buồn; cho nên mặt trời đến chính ngọ thì xế, trăng tròn thì khuyết, sự đầy vơi của trời đất tăng giảm với thời gian. Những vị chế tạo lễ và nhạc là nhằm sửa đổi thói đời, để đời được gió lành và mưa móc hiền hoà, để trăm họ nhận được phúc từ Vua Trời vậy.»[55]

Nhạc Vĩ Diệp Đồ Trưng chép: «Thánh nhân làm ra nhạc, không phải để riêng mình vui vẻ, mà để thấy kết quả của việc được hay mất. Cho nên thánh nhân không lấy nhạc từ một người, mà phải theo tám kẻ sĩ tài năng. Ai gõ chuông thì phải biết chuông, ai đánh trống thì phải biết trống, ai thổi *quản* thì phải biết *quản*, ai thổi *vu* thì phải biết *vu*, ai gõ khánh thì phải biết khánh, ai khảy đàn cầm thì phải biết đàn cầm. Cho nên tám kẻ sĩ tài năng nói: có người điều Âm Dương, có người điều ngũ hành, có người điều thịnh suy, có người điều luật lịch, có người điều ngũ âm. Hễ hợp đức với trời đất và thần minh, thì *thất thuỷ* và *bát khí* mỗi thứ đạt được sự đúng đắn của chúng. [...] Tám kẻ sĩ tài năng thường thường vào ngày Đông Chí giúp thiên văn hoàn thành, vào ngày Hạ Chí giúp địa lý hoàn thành. Làm ra nhạc Âm để giúp thiên văn hoàn thành,

[54] *Xuân Thu Vĩ Thuyết Đề Từ:* «Lễ giả, thể dã. Nhân tình hữu ai lạc, ngũ hành hữu hưng diệt; cố lập hương ẩm chi lễ, chung thuỷ chi ai, hôn nhân chi nghi, triều sính chi biểu, tôn ti hữu tự, thượng hạ hữu thể. Vương giả hành lễ, đắc thiên trung hoà. Lễ đắc tắc thiên hạ hàm đắc quyết nghi, Âm Dương tư dịch, vạn vật điều, tứ thời hoà. Động tĩnh thường dụng, bất khả tu du noa dã.» 禮者，體也．人情有哀樂，五行有興滅；故立鄉飲之禮，終始之哀，婚姻之宜，朝聘之表，尊卑有序，上下有體．王者行禮，得天中和．禮得則天下咸得厥宜，陰陽滋液，萬物調，四時和．動靜常用，不可須臾惰也．

[55] *Nhạc Vĩ Động Thanh Nghi* 樂緯動聲儀: «Thánh vương trị cực thịnh thời suy, thử cực tắc hàn, lạc cực tắc ai; thị dĩ nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực, thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức. Chế lễ tác nhạc giả, sở dĩ cải thế tục, trí tường phong, hoà vũ lộ, vi bách tính hoạch phúc ư Hoàng Thiên giả dã.» 聖王知極盛時衰，暑極則寒，樂極則哀；是以日中則昃，月盈則蝕，天地盈虛，與時消息．制禮作樂者，所以改世俗，致祥風，和雨露，爲百姓獲福於皇天者也．

làm ra nhạc Dương để giúp địa lý hoàn thành.»[56]

Trong *Xuân Thu* cũng có đạo của trời và người. Một vĩ thư của *Xuân Thu* là *Xuân Thu Vĩ Ác Thành Đồ* chép: «Khổng Tử làm sách *Xuân Thu,* trần thuật mối quan hệ giữa trời và người, ghi chép điều tai dị và khảo các điềm [lành dữ].»[57]

Một vĩ thư của *Xuân Thu* là *Xuân Thu Vĩ Hán Hàm Tư* chép: «Khổng Tử nói: Khâu này xem sách sử, thấy chúng viện dẫn các biểu đồ xưa, suy luận và sưu tập các biến dị của trời, chế ra luật pháp cho các vua đời Hán, trần thuật các biểu đồ và các ký lục.»[58]

Những trích dẫn trên đây tuy đặc biệt chú trọng «đạo của trời và người» nhưng cũng là điều mà các Kim văn gia thường nói. Tuy nhiên thuyết Khổng Tử tự làm sách *Xuân Thu* để «chế ra luật pháp cho các vua

---

[56] ***Nhạc Vĩ Diệp Đồ Trưng*** 樂緯叶圖徵: **«Phù thánh nhân chi tác nhạc, bất khả dĩ tự ngu dã, sở dĩ quan đắc thất chi hiệu giả dã. Cố thánh nhân bất thủ ư nhất nhân, tất tòng bát năng chi sĩ. Cố chàng chung giả đương tri chung, kích cổ giả đương tri cổ, xuy quản giả đương tri quản, xuy vu giả đương tri vu, kích khánh giả giả đương tri khánh, cổ cầm giả giả đương tri cầm. Cố bát sĩ viết: hoặc điều Âm Dương, hoặc điều ngũ hành, hoặc điều thịnh suy, hoặc điều luật lịch, hoặc điều ngũ âm. Dữ thiên địa thần minh hợp đức giả, tắc thất thuỷ bát khí các đắc kỳ nghi dã. [...] Bát năng chi sĩ, thường dĩ nhật Đông Chí thành thiên văn, nhật Hạ Chí thành địa lý. Tác Âm nhạc dĩ thành thiên văn, tác Dương nhạc dĩ thành địa lý.»** 夫聖人之作樂，不可以自娛也，所以觀得失之效者也．故聖人不取於一人，必從八能之士．故撞鐘者當知鐘，擊鼓者當知鼓，吹管者當知管，吹竽者當知竽，擊磬者當知磬，鼓琴者當知琴．故八士曰：或調陰陽，或調五行，或調盛衰，或[illegible]歷，或調五音．與天地神明合德者，則七始八氣各得其宜也．[...] 八能之士，常以日冬至成天文，日夏至成地理．作陰樂以成天文，作陽樂以成地理.– **LAM chú: *Quản* 管: Một loại nhạc khí hình ống của Trung Quốc cổ đại, ban đầu dùng ngọc để tạo thành, về sau dùng trúc; ống có 6 lỗ, dài một thước. Về sau nó được dùng để chỉ chung các loại nhạc khí hình ống).– *Vu* 竽: Một nhạc khí bằng ống sậy có lưỡi gà. *Chính Tự Thông* 正字通 nói: «Hoàng, sanh, vu đều gọi chung là hoàng.» (Hoàng, sanh, vu, giai vị chi hoàng簧, 笙, 竽皆謂之簧). *Cầm* 琴: đàn do Thần Nông 神農 chế ra, có 5 dây; đời Chu tăng thêm 2 dây thành 7 dây.– *Khánh* 磬: Nhạc khí cổ đại bằng đá hay ngọc, treo trên cái giá, gõ vào phát ra âm thanh.– *Bát năng* 八能: Ở đây chỉ 8 tài năng âm nhạc. Tuy nhiên các nhạc công ở đây chỉ chơi 6 nhạc cụ: chuông, trống, quản, vu, khánh, đàn cầm.– *Thất thuỷ* 七始 (bảy khởi đầu): Theo từ điển *Từ Hải,* Hoàng Chung, Lâm Chung, Thái Thốc là khởi đầu của trời, đất, người; Cô Tẩy, Nhuy Tân, Nam Lữ, Ứng Chung là khởi đầu của bốn mùa.– *Bát khí* 八氣: Theo Derk Bodde chú, có lẽ đây là *bát tiết* 八節: Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông, Xuân Phân, Thu Phân, Đông Chí, Hạ Chí.**

[57] ***Xuân Thu Vĩ Ác Thành Đồ*** 春秋緯握誠圖: **«Khổng Tử tác *Xuân Thu,* trần thiên nhân chi tế, ký dị khảo phù.»** 孔子作春秋，陳天人之際，記異考符.

[58] ***Xuân Thu Vĩ Hán Hàm Tư*** 春秋緯漢含孳: **«Khổng Tử viết: Khâu lãm sử ký, viện dẫn cổ đồ, suy tập thiên biến, vi Hán đế chế pháp, trần tự đồ lục.»** 孔子曰：邱覽史記，援引古圖，推集天變，爲漢帝制法，陳敘圖錄.

đời Hán» (vi Hán đế chế pháp 爲漢帝制法) thì khá quái đản. Trong các vĩ thư không thiếu gì các thuyết quái đản đại loại như thế. Thí dụ như *Xuân Thu Vĩ Diễn Khổng Đồ* chép: «Mẹ của Khổng Tử tên là Trưng Tại đi chơi ở dốc một gò mả lớn. Bà ngủ quên và mộng thấy được Hắc Đế mời đến. Trong giấc mộng, bà đi đến và giao hoan với Hắc Đế. Hắc Đế nói: "Nàng sinh con tất ở bụi cây dâu trống." Khi tỉnh dậy, bà thấy mình có thai, và về sau sinh Khâu (tức Khổng Tử) ở bụi cây dâu trống. Cho nên nói Khổng Tử là thánh nhân đầu tiên (*nguyên thánh* 元聖). Đầu của ngài gồ lên giống núi Ni (Ni Khâu 尼丘), nên lấy đó làm tên. Trên ngực Khổng Tử có chữ viết: "Chế độ đã định, đời đã đổi." Khổng Tử cao 10 thước, lớn 9 ôm, ngồi như rồng xổm, đứng như sao Khiên Ngưu. Ai đến gần, thấy ngài như sao Mão, ngước trông ngài như sao Đẩu. Thánh nhân chẳng phải sinh ra mà ở không, tất phải có sự chế tác để hiển thị lòng trời. Khâu là mõ gỗ, chế ra phép tắc cho thiên hạ. [...] Sau sự kiện bắt được con lân, trời đổ mưa máu hiện thành chữ viết trên cửa thành chính của nước Lỗ rằng: "Mau làm luật pháp, Khổng thánh sắp chết. Họ Cơ của nhà Chu vong, sao chổi hiện hướng đông. Nhà Tần nổi lên, huỷ học thuật. Sách vở mất, Khổng học không dứt." Hôm sau Tử Hạ đến đó xem thì chữ viết bằng máu bay lên biến thành chim đỏ rồi hoá thành chữ trắng viết là Diễn Khổng Đồ. Bên trong nó mô tả việc làm ra hình đồ và chế ra pháp luật. Khổng Tử bàn luận kinh điển, thì có con chim [bay đến] hoá thành chữ viết. Khổng Tử phụng mệnh và báo cáo cho trời biết, con chim sẻ đậu trên hàng chữ và hoá thành ngọc màu vàng, trên có khắc chữ: "Khổng Tử nắm mệnh trời mà hành động, lập ra chế độ thích ứng pháp luật, chim sẻ đỏ tụ tập."»[59]

---

[59] *Xuân Thu Vĩ Diễn Khổng Đồ* 春秋緯演孔圖: «Khổng Tử mẫu Trưng Tại du ư đại trũng chi pha, thuỵ mộng Hắc Đế sử thỉnh kỷ. Dĩ vãng mộng giao, ngữ viết: Nhữ nhũ[a] tất ư không tang chi trung. Giác tại nhược cảm, sinh Khâu ư không tang chi trung. Cố viết nguyên thánh. Thủ loại Ni Khâu,[b] cố danh. Khổng Tử chi hung hữu văn viết: "Chế tác định, thế phù vận." Khổng Tử trường thập xích, đại cửu vi, toạ như tôn long, lập như Khiên Ngưu. Tựu chi như Mão, vọng chi như Đẩu. Thánh nhân bất không sinh, tất hữu sở chế, dĩ hiển thiên tâm. Khâu vi mộc đạc, chế thiên hạ pháp. [...] Đắc lân chi hậu, thiên hạ huyết thư Lỗ đoan môn, viết: "Xu tác pháp, Khổng thánh một. Chu Cơ vong, tuệ đông xuất. Tần chính khởi, Hồ phá thuật. Thư kỷ tán, Khổng bất tuyệt." Tử Hạ minh nhật vãng thị chi, huyết thư phi vi xích điểu, hoá vi bạch thư, thư viết Diễn Khổng Đồ. Trung hữu tác đồ chế pháp chi trạng. Khổng Tử luận kinh, hữu điểu hoá vi thư. Khổng Tử phụng dĩ cáo thiên, xích tước[c] thư thượng, hoá vi hoàng ngọc. Khắc viết: "Khổng đế mệnh tác, ứng pháp vi chế, xích tước tập."» 孔子母徵在游於大冢之陂，睡夢黑帝使請己。已往夢交，語曰：女乳必空桑之中。覺在若感，生邱於空桑之中。故曰元聖。首類尼邱，故名。孔子之胸有文曰："制作定，世符運。"孔子長十尺，大九圍，坐如龍蹲，立如牽牛。就之如昴，望之如斗。聖人不空生，必有所制，以顯天心。邱爲木鐸，制天下法。[...] 得麟之後，天下血書魯端門，曰："趨作法，孔聖没。周姬亡，彗東出。秦政起，胡破

Trong vĩ thư này có lời sấm tạp nhạp, thậm chí còn biến Khổng Tử thành thần. Khổng Tử sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Mọi người bấy giờ xem ông chỉ là ông thầy lớn của một thời đại. Trong *Công Dương Xuân Thu* địa vị của Khổng Tử từ thầy trở thành vua không ngai (tố vương). Trong vĩ thư và sấm thư, Khổng Tử từ vua trở thành thần. Ta có thể thấy rõ sự chuyển biến tư tưởng của mỗi thời đại.

Những kiểu luận bàn quái dị và khác thường như vậy cho đến cuối đời Tây Hán vẫn còn thịnh hành. Cuối đời Tây Hán, sấm thư vô cùng thịnh hành; tất cả chúng đều là những ẩn ngữ trá nguỵ nhằm dự đoán cát hung. Vương Mãng 王莽 tự xem mình ứng theo sấm mà lật đổ đời Hán đổi thành đời Tân 新.[60] Quang Vũ 光武 (tại vị 25-56) cũng tự xem mình ứng theo sấm mà lật đổ đời Tân đổi thành đời Hán. Việc tiến thoái của các quan đại thần cũng được quyết định ở sấm. Những điều này vốn không có trong học thuyết của Âm Dương gia, nhưng Âm Dương gia vốn chú trọng «đạo của trời và người» và thuyết này lưu hành rất mạnh, cho nên những tệ hại của sấm cố nhiên có thể tiến triển đến mức đó.

9. Âm Dương gia và khoa học

Cái học của Âm Dương gia tuy lưu hành những điều tệ hại nhưng nền khoa học của Trung Quốc phần lớn đã manh nha từ đó, bởi vì động cơ chủ yếu của Âm Dương gia là nhằm thiết lập một hệ thống đầy đủ, qua đó họ có thể bao quát vô vàn hiện tượng trong vũ trụ ngõ hầu giải thích được chúng. Phương pháp của họ tuy sai lầm, hiểu biết của họ tuy sơ sài, nhưng ý muốn hệ thống hoá vạn vật trong vũ trụ và tìm hiểu vì sao chúng như thế của họ quả thực là chính đáng; và cố nhiên nó có tinh thần khoa học. Nền chính trị của đời Tần và đời Hán đã thống nhất Trung Quốc, nền học thuật của của đời Tần và đời Hán cũng muốn thống nhất vũ trụ nữa. Sự thống nhất của đời Tần và đời Hán là một sự kiện chưa từng xảy ra tại Trung Quốc trước thời đại đó, khiến cho con người thời ấy cảm

---

術，書紀散，孔不絕." 子夏明日往視之，血書飛爲赤鳥，化爲白書，署曰演孔圖，中有作圖制法之狀，孔子論經，有鳥化書：孔子奉以告天，赤爵書上，化爲黃玉，刻曰："孔握命作，應法爲制，赤雀集." – **LAM chú: (a)** ***Thuyết Văn*** **phân biệt: «Người và chim sinh con gọi là** ***nhũ*****, thú vật sinh con gọi là** ***sản*****.» (Nhân cập điểu sinh tử viết** ***nhũ*****, thú viết** ***sản*****.** 人及鳥生子曰乳，獸曰產). **(b)** ***Ni Khâu*** 尼丘 (尼邱) **hay Ni Sơn** 尼山 **hiện ở đông nam huyện Khúc Phụ** 曲阜, **tỉnh Sơn Đông, tương truyền là nơi sinh của Khổng Tử; nên ngài có tên là Khâu** 丘, **tự là Trọng Ni** 仲尼. **(c)** ***Xích tước*** 赤爵 **(tước hiệu đỏ) có lẽ chép lầm từ** ***xích tước*** 赤雀 **(chim sẻ đỏ)**

[60] **LAM chú: Vương Mãng lật đổ đời Tây Hán, lập đời Tân** 新, **niên hiệu Thuỷ Kiến Quốc** 始建國, **tồn tại 15 năm (9-23).**

thấy việc gì cũng có thể khả thi. Do đó ở mọi phương diện họ đều muốn hoàn chỉnh chúng và hệ thống hoá chúng. Sự nỗ lực của họ có thể gọi là khá cuồng nhiệt. Chúng ta hễ biết được hoàn cảnh của người đời Hán thì ắt hiểu được sự vĩ đại của họ.

Thử xét những gì lược thuật trên đây, ta có thể thấy rằng những nhà giảng lịch pháp và âm nhạc phần đông đều dùng lời lẽ của Âm Dương gia; ngoài ra, giảng về y học và toán học, họ cũng dùng lời lẽ của Âm Dương gia nữa. Thử đọc *Hoàng Đế Nội Kinh* 黃帝內經 và *Chu Bễ Toán Kinh* 周髀算經 thì ta có thể biết điều ấy. Sự nỗ lực của Âm Dương gia ở các phương diện này mãi đến gần đây mới dần dần suy giảm. Những sách lịch (lịch thư) vào một vài năm trước kỷ nguyên Dân Quốc (1912) đều chép 72 hậu, v.v... Từ phương diện này, có thể thấy từ đời Hán đến gần đây, Trung Quốc vẫn ở trong thời đại trung cổ; còn thời đại cận đại thì vừa mới manh nha.

CHƯƠNG 4

KINH HỌC CỔ VĂN VÀ DƯƠNG HÙNG, VƯƠNG SUNG

1. Cổ học và Lưu Hâm

Trong đời Tây Hán, có một số người bất mãn việc Kinh học gia lấy học thuyết của Âm Dương gia để thuyết minh kinh điển. Họ bèn lập ra một loại Kinh học để chống lại việc ấy. *Tuỳ Thư Kinh Tịch Chí* chép: «Vương Mãng thích các điềm triệu, Quang Vũ nhờ hình đồ và sấm ký mà nổi lên; [nên điềm triệu và đồ sấm] thịnh hành trên đời. Vua Hán còn hạ chiếu sai Đông bình vương tên là Thương chỉnh lý chương cú của ngũ kinh, tất cả phải noi theo sấm. Bọn Nho gia tầm thường xu thời, ngày càng chạy theo cái học này. Số thiên và số quyển ngày càng tăng thêm. Những kẻ giảng ngũ kinh đều dựa vào sấm mà giảng. Riêng bọn Khổng An Quốc, Mao Công, Vương Hoàng, Giả Quỳ là bác bỏ thói ấy; họ cùng thừa nhận nó là yêu vọng gây rối loạn kinh điển. Cho nên nhân việc Lỗ Cung Vương đời Hán và Hà Gian Hiến Vương kiếm được cổ văn, họ bèn tham khảo cổ văn để hoàn thành ý tưởng của họ, và gọi đó là cổ học.»[1]

«Cổ học» ở đây tức là Kinh học của Cổ văn gia. Khi giảng kinh, họ không dùng vĩ thư, sấm thư, và lời lẽ của Âm Dương gia. Họ một mực

---

[1] *Tuỳ Thư Kinh Tịch Chí* 隋書經籍志: «Vương Mãng háo phù mệnh, Quang Vũ dĩ đồ sấm hưng, toại thịnh hành ư thế. Hán thế hựu chiếu đông bình vương Thương chính ngũ kinh chương cú, giai mệnh tòng sấm. Tục Nho xu thời, ích vi kỳ học. Thiên quyển đệ mục, chuyển gia tăng quảng. Ngôn ngũ kinh giả, giai bằng sấm vi thuyết. Duy Khổng An Quốc, Mao Công, Vương Hoàng, Giả Quỳ chi đồ, độc phi chi, tương thừa dĩ vi yêu vọng, loạn trung dung chi điển; cố nhân Hán Lỗ Cung Vương, Hà Gian Hiến Vương sở đắc cổ văn, tham nhi khảo chi, dĩ thành kỳ nghĩa, vi chi cổ học.» 王莽好符命，光武以圖讖興，遂盛行於世。漢世又詔東平王蒼正五經章句，皆命從讖。俗儒趨時，益爲其學。篇卷第目，轉加增廣。言五經者，皆憑讖爲說。唯孔安國，毛公，王璜，賈逵之徒，獨非之，相承以爲妖妄，亂中庸之典；故因漢魯恭王，河間獻王所得古文，參而考之，以成其義，爲之古學。

quét sạch những luận thuyết mang tính quái đản và dị thường đương thời, khiến cho Khổng Tử trở về địa vị của một ông thầy. Những Kinh học gia này quả thực là những nhà cách mạng tư tưởng bấy giờ.

Các Kinh học gia kim văn của đời Thanh (1644-1911) cho rằng kinh điển cổ văn đời Hán đều do Lưu Hâm 劉歆 (khoảng 46 TCN - 23 CN) nguỵ tạo. Họ cho rằng Lưu Hâm nguỵ tạo các kinh là để trợ giúp Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia cổ văn xuất hiện sau kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia kim văn, điều đó không thể nghi ngờ. Nhưng nếu nói kinh điển cổ văn đời Hán đều là nguỵ tạo, tức là kinh điển của Kinh học gia kim văn cũng chẳng phải đích thực của Khổng môn [bởi vì họ cho rằng kinh điển của họ chỉ xuất hiện suốt đời Hán]. Hơn nữa, kinh thuyết của Kinh học gia cổ văn thực tế gần với tinh thần của Khổng môn hơn; còn kinh thuyết của Kinh học gia kim văn thì tràn đầy những mê tín dị đoan mà người ta không thể gán cho Khổng Tử được. Do đó, khó mà chấp nhận kinh điển của Kinh học gia kim văn là chân thực.

Kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia cổ văn xuất hiện rất nhiều, ắt không thể do một người trong một thời nguỵ tạo được. Nếu Lưu Hâm là một người đã nguỵ tạo các kinh, thì ông quả thực là một siêu nhân rồi vậy. Đời Hán vốn có những học giả bất mãn đối với kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia chính thống đương thời (tức là các Kinh học gia kim văn), nên mỗi nhà tự lập kinh điển và kinh thuyết riêng và cho rằng đó là chân truyền của Khổng Tử. Về lâu dài, cái gọi là «Cổ học» trở nên hưng thịnh. Một phong trào cách mạng tư tưởng của một thời đại không thể nào do một cá nhân mà thành.



Dương Hùng

Tuy Cổ học không phải do một tay Lưu Hâm sáng lập, nhưng Lưu Hâm quả thực là người cực lực đề xướng Cổ học. Cổ học phát khởi từ kẻ sĩ trong dân gian, chứ không phải được thành lập từ các học quan. Đời Hán Thành Đế 漢成帝 (tức Lưu Ngao 劉驁, tại vị 32-7 TCN), «Lưu Hướng được lệnh hiệu đính sách vở trong thư viện triều đình; còn *yết giả* Trần Nông được phái đi tìm các sách tản mác trong

thiên hạ.»[2] Kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia cổ văn phải xuất hiện ở thời này. Nhờ tư cách là các «sách còn sót lại» (di thư) chúng được thu thập vào thư viện triều đình. Kế tục công việc của cha là Lưu Hướng, Lưu Hâm xem trọng các sách này. Do đó, đời Hán Ai Đế 漢哀帝 (tức Lưu Hân 劉欣, tại vị 6-1 TCN), Lưu Hâm muốn đưa kinh điển và kinh thuyết của các Kinh học gia cổ văn như *Tả Thị Xuân Thu, Mao Thi, Dật Lễ, Cổ Văn Thượng Thư* vào học quan. Tuy nhiên, các bác sĩ đương thời cực lực phản đối ông. Lưu Hâm và họ tranh biện, rốt cuộc không thắng họ được. Lưu Hâm đã dùng địa vị của mình trên phương diện học thuật và chính trị để cực lực tranh đấu cho Cổ học, cho nên ông quả thực có thể gọi là lãnh tụ của Cổ học vậy.

Thế nhưng, về học thuyết của cá nhân ông thì Lưu Hâm vẫn chuộng thuyết giảng về sự tai dị và ngũ hành; xem *Hán Thư* (Ngũ Hành Chí) thì rõ. Điều này cho thấy Lưu Hâm không tránh khỏi ảnh hưởng của Âm Dương gia. Tuy nhiên tác phẩm *Thất Lược* 七略 của ông đã tổng luận nguồn gốc và chi phái học thuật đời thượng cổ. Ông nhận thức sự phát khởi của mỗi nhà đều có căn cứ lịch sử của nó. Sự giảng giải này không pha tạp với những luận thuyết quái lạ dị thường. Quả thực ông đã lấy rặt kiến giải của Kinh học gia cổ văn mà lập ngôn. Đối với thời bấy giờ, nó quả là một tác phẩm mang tính chất cách mạng vậy.

2. Dương Hùng

Đối với giới tư tưởng đương thời, các Kinh học gia cổ văn có cống hiến là đã quét sạch những luận thuyết quái lạ dị thường của các Kinh học gia kim văn, khiến cho học thuyết của Nho gia tách ra khỏi học thuyết của Âm Dương gia. Tuy nhiên cống hiến này lại có tính tiêu cực nhiều hơn là tích cực.

Đại biểu các nhà tư tưởng tương ứng với phái Kinh học gia này là Dương Hùng 揚雄 (53 TCN - 18 CN) và Vương Sung 王充 (27-100). Tuy hai ông đều không đưa ra được kiến giải gì mới, nhưng mặt tích cực

[2] *Tiền Hán Thư* (Thành Đế Kỷ): «Lưu Hướng hiệu trung bí thư, yết giả Trần Nông sử sứ cầu di thư ư thiên hạ.» 劉向校中秘書，謁者陳農使使求遺書於天下.- LAM chú: *Yết giả* là một chức quan, *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1836) giảng: «Chức quan này tuỳ theo triều đại mà có trách nhiệm khác nhau. Đời Tần và đời Hán, yết giả phụ trách việc tiếp đãi quan khách và nhận lễ vật.» Từ điển còn dẫn một câu trong *Hán Thư* (Nghệ Văn Chí) có nội dung tương tự về Trần Nông: «Chí Thành Đế thời, dĩ thư phả tán vong, sử yết giả Trần Nông cầu di thư ư thiên hạ.» 至成帝時，以書頗散亡，使謁者陳農求遺書於天下 (Đến đời Thành Đế, do sách vở tản mác nhiều, vua sai yết giả Trần Nông đi tìm sách còn sót trong thiên hạ).- Derk Bodde chú: Theo *Tiền Hán Thư* (bản dịch của H.H. Dubs, *History of the Former Han Dynasty*, II, tr.386) sự kiện này xảy ra năm 26 TCN.

của họ là đã kết thúc cục diện tư tưởng của Lưỡng Hán (hai đời Hán) và khai mở con đường tư tưởng của đời Nguỵ (220-265) và đời Tấn (265-419). Từ quan điểm triết học sử mà nói, tư tưởng của hai nhà này cần được lược thuật để chúng ta thấy dấu vết chuyển biến tư tưởng từ Lưỡng Hán đến Nguỵ-Tấn. Đại khái, thời đại Lưỡng Hán lấy tư tưởng hỗn hợp giữa Nho gia và Âm Dương gia làm chủ thể; thời đại Nguỵ-Tấn lấy tư tưởng hỗn hợp giữa Nho gia và Đạo gia làm chủ thể.

Tiền Hán Thư (Dương Hùng Liệt Truyện) chép: «Dương Hùng *tự* là Tử Vân, là người Thành Đô thuộc quận Thục. [...] Thuở nhỏ ham học, không trọng tầm chương trích cú, chỉ cầu thông suốt ý nghĩa từ ngữ mà thôi. Ông xem rộng, chẳng gì mà không xem. Tính ông giản dị và hoà hoãn; do nói lắp nên không thể nói nhanh; lặng lẽ và thích trầm tư. Ông [thích] thanh tĩnh vô vi; ít ham muốn; không bon chen giàu sang, không lo lắng nghèo hèn; ông không phải tu sửa phẩm hạnh để nhằm nổi danh đương thời. Gia sản không quá mười nén vàng, thực phẩm dự trữ không được vài thạch, mà ông vẫn sống yên vui. Bản thân ông vốn có đại độ, chẳng phải sách của thánh nhân hiền triết thì ông chẳng thích. Việc gì trái chí hướng, dù nó sẽ đem lại giàu sang ông cũng không làm. [...] Ông thực hiếu cổ và vui với đạo. Ông muốn nhờ văn chương để lưu danh đời sau. Ông thấy trong các kinh, chẳng kinh nào vĩ đại bằng *Dịch*, cho nên ông soạn sách *Thái Huyền*; rồi thấy trong các truyện chẳng truyện nào vĩ đại bằng *Luận Ngữ*, cho nên ông soạn sách *Pháp Ngôn*. [...] Đến năm 71 tuổi, ông mất, nhằm năm Thiên Phượng thứ 5 (tức 18 CN).»[3]

---

[3] ***Tiền Hán Thư*** **(Dương Hùng Liệt Truyện): «Dương Hùng tự Tử Vân, Thục quận, Thành Đô nhân dã. [...] Thiếu nhi ái học, bất vi chương cú, huấn *cổ* (hỗ)[a] thông nhi dĩ. Bác lãm vô sở bất kiến. Vi nhân giản dị *thiết đãng* (dật đãng),[b] khẩu ngật bất năng *kịch* [c] đàm, mặc nhi hiếu thâm *trầm* (trạm)[d] chi tư. Thanh tĩnh vong vi, thiểu thị dục, bất cấp cấp ư phú quý, bất thích thích ư bần tiện, bất tu liêm ngung, dĩ kiểu danh đương thế. Gia [sản][e] bất quá thập kim, phạp vô đam thạch chi trữ, án như dã. Tự hữu đại độ, phi thánh triết chi thư bất hiếu dã, phi kỳ ý tuy phú quý bất sự dã. [...] Thực hiếu cổ nhi lạc đạo, kỳ ý dục cầu văn chương thành danh ư hậu thế. Dĩ vi kinh mạc đại ư *Dịch*, cố tác *Thái Huyền*; truyện mạc đại ư *Luận Ngữ*, tác *Pháp Ngôn*. [...] Niên thất thập nhất, Thiên Phượng[f] ngũ niên tốt.»** 揚雄字子雲，蜀郡成都人也。[...] 少而愛學，不爲章句，訓詁通而已。博覽無所不見。爲人簡易佚蕩，口吃不能劇談，默而好深湛之思，清靜亡爲少嗜欲，不汲汲於富貴，不戚戚於貧賤，不修廉隅，以徼名當世。家（產）不過十金，乏無儋石之儲，晏如也。自有大度，非聖哲之書不好也，非其意雖富貴不事也。[...] 實好古而樂道，其意欲求文章成名於後世。以爲經莫大於易，故作太玄；傳莫大於論語，作法言。[...] 年七十一，天鳳五年卒。– LAM chú: (a) Chữ 詁 này lẽ ra phải đọc là *cổ* (*Từ Hải* phiên thiết là: cô ngũ thiết, âm cổ 姑五切音古) hoặc *cố* (*Từ Hải* cũng phiên thiết là: cổ ngộ thiết, âm cố 古誤切音顧); âm Bắc Kinh hiện nay của 詁 là /gǔ/. Thuật ngữ *huấn cổ* 訓詁 (thường bị đọc sai là *huấn hỗ*) còn gọi là *huấn cố* 訓故. (b) Trong bản *Hán Thư* (ấn bản của Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1997, quyển 11), Trương Án

Trong các tác phẩm của Dương Hùng, liên quan đến triết học thì có sách *Thái Huyền* 太玄. Ông phỏng theo Dịch mà sáng tác *Thái Huyền*. Trước đây tôi có nói trong *Dịch Truyện* có học thuyết của Lão Tử. Cho nên quả thực phần lớn học thuyết của Dương Hùng chịu ảnh hưởng của Lão Tử và Dịch. Trong *Cổ Văn Uyển* 古文苑có bài *Thái Huyền Phú* của Dương Hùng như sau:

«Ta xem lẽ thêm bớt của Đại Dịch,
và xét lẽ [hoạ phúc] nương tựa nhau của Lão Tử.
Thấy rằng buồn và vui cùng chung một cửa,
và xét rằng lành và dữ cùng chung một cõi.
Các lý lẽ ấy rực sáng như mặt trăng mặt trời,
sao [chẳng thấy] đuốc mờ của tục thánh?
Cầu sủng ái phải chăng để chuốc tai hoạ?
Rồi sau có hối cũng không kịp.
Như gió lốc không suốt buổi sáng,
mưa rào không suốt cả ngày.
Sấm ầm ầm bỗng ngưng,
lửa phừng phừng chợt tắt.
Bản thân vạn vật đều có thịnh và suy,
huống hồ việc người khi đến mức tột cùng.»[4]

張晏 chú: «Chữ 佚 âm là *thiết* 鐵; chữ 蕩 âm là *đảng* 讜.» (Dật âm *thiết*, đãng âm *đảng* 佚音鐵, 蕩音讜). Tấn Chước 晉灼 chú: «*Thiết đảng* là hoà hoãn.» (Thiết đảng, hoãn dã 佚蕩, 緩也). (c) Tấn Chước chú: «[Chữ *kịch*] cũng viết là *cự*. Cự là nhanh. Nói lắp nên không thể nói nhanh.» (Hoặc tác cự. Cự, tật dã. Khẩu ngật bất năng tật ngôn 或作遽. 遽疾也. 口吃不能疾言). (d) Nhan Sư Cổ chú: «*Trạm* đọc là *trầm*.» (Trạm độc viết trầm 湛讀曰沉). (e) Ấn bản của Trung Hoa Thư Cục (1997) in là *gia sản* 家產; Phùng Hữu Lan chép là *gia* 家. (f) Các năm Thiên Phượng (14-18) của đời Tân (Vương Mãng cầm quyền). Dương Hùng mất năm 18 CN; năm này bắt đầu có loạn Xích Mi 赤眉(18-27).

4 *Thái Huyền Phú* 太玄賦:

«Quan Đại Dịch chi tổn ích[e] hề,	觀大易之損益兮
Lãm Lão Thị chi ỷ phục.[b]	覽老氏之倚伏
Tỉnh ưu hỉ chi cộng môn hề,	省憂喜之共門兮
Sát cát hung chi đồng vực.	察吉凶之同域
Kiểu kiểu trừ hồ nhật nguyệt hề,	皦皦著乎日月兮
Hà tục thánh chi ám chúc?	何俗聖之暗燭？
Khởi khế sủng dĩ mạo tai hề,	豈愒寵以冒災兮

Bài phú này thuật lại nguyên lý «vật cực tắc phản» 物極則反 (vật phát triển đến chỗ cùng cực thì phản ngược) mà Lão Tử và Dịch đã nói; quả thực chẳng có kiến giải gì mới. Tuy nhiên, đương thời vĩ thư và sấm thư rất thịnh hành, thế mà Dương Hùng đặc biệt nêu ra vũ trụ quan và nhân sinh quan theo chủ nghĩa tự nhiên của Lão Tử và Dịch, quả thực điều này có thể gọi là có ý nghĩa cách mạng. Như vậy, Dương Hùng lấy tư tưởng của Lão Tử và Dịch làm cơ sở để viết *Thái Huyền*.

a. Thái Huyền 太玄

Dương Hùng nói: «Cái đáng quý của người viết sách là việc noi theo và thể hiện cái tự nhiên. Hễ đối tượng noi theo mà lớn, thì sự thể hiện mạnh mẽ. Hễ đối tượng noi theo mà nhỏ, thì sự thể hiện ốm yếu. Hễ đối tượng noi theo mà thẳng thắn, thì sự thể hiện đầy đủ. Hễ đối tượng noi theo mà cong vẹo, thì sự thể hiện tán loạn. Cho nên chớ vất bỏ cái có và chớ cường điệu cái không có. Giống như thân thể, tăng thêm thì

Tương phệ tể chi bất cập.	將噬臍之不及
Nhược phiêu phong chi bất chung triêu hề,	若飄風之不終朝兮
Sậu vũ bất chung nhật.[c]	驟雨不終日
Lôi long long nhi triếp tức hề,	雷隆隆而輒息兮
Hoả do sí nhi tốc diệt.	火猶熾而速滅
Tự phù vật hữu thịnh suy hề,	自夫物有盛衰兮
Huống nhân sự chi sở cực[d]**.»**	況人事之所極

LAM chú: (a) ***Dịch Truyện*** **(Tạp Quái): «Tổn Ích, thịnh suy chi thuỷ dã.»** 損益，盛衰之始也**(Tổn [tổn giảm] và Ích [tăng thêm] là khởi đầu cho sự thịnh suy của sự vật).– (b)** ***Lão Tử,*** **ch.58: «Họa hề phúc chi sở ỷ. Phúc hề họa chi sở phục.»** 禍兮福之所倚，福兮禍之所伏**(Họa là nơi phúc tựa, phúc là nơi họa nấp).– (c)** ***Lão Tử,*** **ch.23: «Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử giả, thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống ư nhân hồ.»** 飄風不終朝，驟雨不終日，孰爲此者？天地．天地尚不能久，而況於人乎**(Gió lốc không suốt buổi sáng, mưa rào không suốt cả ngày. Ai làm những việc ấy? Trời và đất. Trời đất còn không thể lâu, huống chi người).– (d) Sự vật phát triển đến chỗ cùng cực thì phản ngược (vật cực tắc phản, cùng tắc biến 物極則反，窮則變). Sự việc của con người cũng thế, hết thịnh thì suy, bĩ cực thái lai. Hệ Từ Hạ: «Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.»** 易窮則變，變則通，通則久**(Dịch cùng thì biến, biến rồi thì thông, thông rồi thì lâu bền).** ***Lão Tử,*** **ch.40: «Phản giả Đạo chi động.»** 反者道之動**(Trở về là cái động của Đạo).**

dư thừa, cắt bớt thì thiếu thốn.[5] Cho nên bản chất là ở tự nhiên, thêm thắt hoa mỹ là ở nhân tạo. Có thể thêm bớt [bản chất] được ư?»[6]

Cái đáng quý của người viết sách lập thuyết là học thuyết của họ lấy tự nhiên làm đối tượng. Nếu đối tượng ấy nhỏ thì học thuyết cũng nhỏ; nếu đối tượng ấy lớn thì học thuyết cũng lớn. Cái tự nhiên ấy như thế nào thì học thuyết của người viết sách lập thuyết phải xem như thế ấy, chứ không thể lấy ý riêng của mình mà tăng giảm nó. Điều đó Dương Hùng nói là «chớ vất bỏ cái có và chớ cưỡng điệu cái không có». Còn «bản chất là ở tự nhiên, thêm thắt hoa mỹ là ở nhân tạo» ý nói rằng học thuyết của người viết sách lập thuyết cần phải lấy tự nhiên làm chủ thể, nhưng đối với tự nhiên thì không thể có lời lẽ hoa mỹ thêm bớt.

Về cái gọi là *Huyền* trong sách *Thái Huyền*, Dương Hùng nói: «Huyền là cái âm thầm sinh ra muôn loài nhưng nó không tự hiện hình trạng của mình. Phải chăng nó nhào nặn hư vô mà tạo ra sự sống? [Xin đáp rằng] nó thao tác thần minh để tạo ra hình thể cố định; nó thông với xưa và nay để mở các loài; nó khai triển Âm Dương để phát thành khí. [...] [Người ta] ngước lên trông thấy nó ở trên [trời], cúi xuống nhìn thấy nó ở dưới [đất]; nhón gót chân ngóng nó ở phía trước, vất bỏ và quên nó ở phía sau. [Người ta] muốn chống lại nó cũng không được; nhưng ai trầm mặc thì sẽ đạt được chỗ của nó. Nó là Huyền vậy. [...] Dương biết Dương mà không biết Âm, Âm biết Âm mà không biết Dương. Nhưng

---

[5] **Derk Bodde chú: Ý này tương tự ý trong *Trang Tử* (Biền Mẫu): «Bỉ chính chính giả, bất thất kỳ tính mệnh chi tình. Cố hợp giả bất vi biền, nhi chi giả bất vi kỳ; trường giả bất vi hữu dư, đoản giả bất vi hất túc. Thị cố phù hĩnh tuy đoản, tục chi tắc ưu; hạc hĩnh tuy trường, đoạn chi tắc bi. Cố tính trường phi sở đoạn, tính đoản phi sở tục, vô sở khử ưu dã.» 彼正正者, 不失其性命之情.故合者不爲駢,而枝者不爲跂;長者不爲有餘,短者不爲不足.是故鳧脛雖短，續之則憂;鶴脛雖長，斷之則悲.故性長非所斷,性短非所續,無所去憂也 (Người hay sự vật chí phải thì không bao giờ đánh mất bản tính tự nhiên mà mình được phú bẩm. [Ngón chân] hợp lại đừng xem là ngón dính; mọc nhánh ra thì đừng xem là ngón thừa. Cái dài thì đừng xem là dư; cái ngắn thì đừng xem là thiếu. Cho nên, chân vịt tuy ngắn nhưng nếu ta nối dài thêm thì nó khổ; chân hạc tuy dài nhưng nếu ta chặt ngắn đi thì nó sầu. Vậy, bản tính dài thì chớ làm ngắn lại; bản tính ngắn thì chớ nối dài thêm. Bản tính như vậy, có gì đáng ưu phiền đâu mà phải khử bỏ đi?)**

[6] ***Thái Huyền* (Thái Huyền Oánh 太玄瑩): «Phù tác giả quý kỳ hữu tuần nhi thể tự nhiên dã, kỳ sở tuần dã đại, tắc kỳ thể dã tráng; kỳ sở tuần dã tiểu, tắc kỳ thể dã tích; kỳ sở tuần dã trực, tắc kỳ thể dã hồn; kỳ sở tuần dã khúc, tắc kỳ thể dã tán. Cố bất cúc sở hữu, bất cương sở vô. Thí chư thân, tăng tắc chuế, nhi cát tắc khuy. Cố chất cần tại hồ tự nhiên, hoa tảo tại hồ nhân sự dã, kỳ khả tổn ích dư?»** 夫作者貴其有循而體自然也,其所循也大,則其體也壯;其所循也小,則其體也瘠;其所循也直,則其體也渾;其所循也曲,則其體也散.故不擢所有,疆所無.譬諸身,增則贅,而割則虧.故質幹在乎自然,華藻在乎人事也,其可損益歟?

biết Âm biết Dương, biết dừng biết đi, biết tối biết sáng, phải chăng chỉ có Huyền thôi?»[7]

Dương Hùng lại nói: «Huyền là đạo trời, đạo đất, và đạo người.»[8]

Theo đó, Huyền là nguyên lý tối cao của vũ trụ. Sự vận động phát sinh ra vạn vật và trật tự trong vũ trụ đều do Huyền mà ra. Dương Hùng lại nói: «Huyền xuôi thuận thay! Nó vận hành hồn nhiên bất tận, chính xác theo cách thức của trời. Nó cùng Âm và Dương phối hợp thành bộ ba. Nó lấy một Dương quản lý một *thống* 統, vạn vật nhờ đó mà có hình thể. *Phương* 方, *châu* 州, *bộ* 部, *gia* 家 được hoàn thành theo từng bộ ba. Theo cách sắp xếp 9 nhân 9, có sự sinh ra qua các con số. *Tán* 贊 thể hiện các nguyên lý phồn tạp; các nguyên lý này được gộp thành các nhóm căn cứ vào danh [của *thủ*]. Với 81 *thủ* 首, sự việc của một năm được làm đúng đắn.»[9]

Dương Hùng nói: «Huyền có hai nguyên lý: một [nguyên lý là] lấy ba mà khởi và một [nguyên lý nữa là] lấy ba mà sinh. Lấy ba mà khởi tức là *phương, châu, bộ, gia*. Lấy ba mà sinh tức là lấy khí Dương phân

---

[7] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Ly 太玄攡): «Huyền giả, u ly[a] vạn loại nhi bất hiện[b] kỳ hình giả dã, tư đào hư vô nhi sinh hồ? Qui quan[c] thần minh nhi định mô, thông đồng cổ kim dĩ khai loại, ly thố Âm Dương nhi phát khí.[d] [...] Ngưỡng nhi thị chi tại hồ thượng, phủ nhi khuy chi tại hồ hạ. Xí nhi vọng chi tại hồ tiền, khí nhi vong chi tại hồ hậu. Dục vi tắc bất năng, mặc tắc đắc kỳ sở giả, Huyền dã. [...] Dương tri Dương nhi bất tri Âm, Âm tri Âm nhi bất tri Dương. Tri Âm tri Dương, tri chỉ tri hành, tri hối tri minh giả, kỳ duy Huyền hồ?» 玄者，幽攡萬類而不見其形者也，資陶虛無而生乎?規攡神明而定摹，通同古今以開類，攡措陰陽而發氣．[...] 仰而視之在乎上，俯而窺之在乎下．企而望之在乎前，棄而忘之在乎後．欲違則不能，嘿則得其所者，玄也．[...] 陽知陽而不知陰，陰知陰而不知陽．知陰知陽，知止知行，知晦知明者，其惟玄乎? – LAM chú: (a) Chữ *ly* 攡 (*Từ Hải* phiên là «lực di thiết âm ly chi vận» 力移切音離支韻) nghĩa là *trương* 張 (khai mở ra); Derk Bodde dịch *u ly* là *secretly permeate* (âm thầm lan toả). (b) Chữ *kiến* 見 là giả tá của *hiện* 現. (c) *Nan Tự Đại Tự Điển* (sđd., tr.210) giảng *quan* 攡 là *quan liên* 關聯 (liên quan); Derk Bodde dịch *qui quan* là *manipulate* (thao tác). (d) Chỗ này, có lẽ do ngắt câu khác, Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, quyển hạ, Bộ Giáo Dục xuất bản, Saigon 1971, tr.38) dịch là: «Đạo huyền là là đạo mở ra muôn loài ở trong chỗ u vi mà không ai biết được rõ hình trạng: Nhào nặn cái hư vô mà đặt ra khuôn, mở rõ cái thần minh mà định ra bằng cứ, thông đồng cổ kim để mở các loài, xếp đặt Âm Dương mà phát ra thành khí.» Nguyễn Đăng Thục dịch gần như y hệt thế trong *Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, tập IV, Bộ Giáo Dục xuất bản, Saigon 1968, tr.108.**

[8] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Phù Huyền dã giả, thiên đạo dã, địa đạo dã, nhân đạo dã.» 夫玄也者，天道也，地道也，人道也．**

[9] ***Thái Huyền*** **(Huyền Thủ Tổng Tự 玄首總序): «Tuấn[a] hồ Huyền, hồn hành vô cùng, chính tượng thiên, Âm Dương tỷ[b] tham. Dĩ nhất Dương thừa nhất thống, vạn vật tư hình.[c] Phương châu bộ gia, tam vị sơ thành. Viết, trần kỳ cửu cửu, đĩ vi số sinh. Tán thượng quần cương, nãi tông hồ danh. Bát thập nhất thủ, tuế sự hàm trình.» 馴乎玄，渾行无窮，正象天，陰**

làm ba, rồi chồng lên ba lần, đến chín *doanh* 營 là tối đa. Đó gọi là cùng một gốc mà phân ly ở ngọn, là đạo thường của trời đất vậy. Bàng thông trên dưới, vạn vật liên kết nhau. Chín *doanh* chu lưu [trong một năm], bắt đầu và kết thúc đúng đắn. Bắt đầu vào tháng 11, kết thúc vào tháng 10 [của năm sau]. Nó gồm chín lần vận hành, mỗi lần 40 ngày.»[10]

Dương Hùng gọi nguyên lý tổng quát của vũ trụ là Huyền 玄. Huyền phân làm 3 *phương*. Mỗi *phương* phân làm 3 *châu*, nên Huyền có 9 *châu*. Mỗi *châu* phân làm 3 *bộ*, nên Huyền có 27 *bộ*. Mỗi *bộ* phân làm 3 *gia*, nên Huyền có 81 *gia*. Đó gọi là «phương châu bộ gia, tam vị sơ thành» 方州部家，三位疏成 (*phương, châu, bộ, gia* được hoàn thành theo từng bộ ba); tức là «dĩ tam khởi» 以三起 (lấy 3 mà khởi).[11] Như vậy: Huyền = 3 phương = 9 châu = 27 bộ = 81 gia.

81 *gia* cũng được gọi là 81 *thủ*. Thái Huyền có 81 *thủ* thì Dịch có 64

陽坒參．以一陽乘一統，萬物資形．方州部家，三位疏成．曰，陳其九九，以爲數生．贊上群綱，乃綜乎名．八十一首，歲事咸貞．– LAM chú: ***Thái Huyền Kinh*** **(tập chú với lời tựa Tư Mã Quang), Trung Hoa Thư Cục (không ghi năm) chú: (a)** ***Tuần*** **馴 =** ***thuận*** **順 (xuôi thuận). (b)** ***Tỷ*** **坒 (tỳ chí thiết 毗至切) =** ***phối hợp*** **配合. (c) 1539 năm là một** ***thống*****, ba** ***thống*** **là một** ***nguyên*** **(Thiên ngũ bách tam thập cửu tuế vi nhất thống, tam thống vi nhất nguyên 千五百三十九歲爲一統，三統爲一元).**

[10] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Huyền hữu** ***nhất [nhị]****(*) đạo, nhất dĩ tam khởi, nhất dĩ tam sinh. Dĩ tam khởi giả, phương, châu, bộ, gia dã. Dĩ tam sinh giả, tham phân Dương khí, dĩ vi tam trùng, cực vi cửu doanh. Thị vi đồng bản ly sinh, thiên địa chi kinh dã. Bàng thông thượng hạ, vạn vật tịnh dã. Cửu doanh chu lưu, thuỷ chung trinh dã. Thuỷ ư thập nhất nguyệt, chung ư thập nguyệt, la trùng cửu hành, hành tứ thập nhật.»** 玄有一(二)道，…以三起，一以三生．以三起者，方，州，部，家也．以三生者，參分陽氣，以爲三重，極爲九營．是爲同本離生，天地之經也．旁通上下，萬物并也．九營周流，始終貞也．始於十一月，終於十月，羅重九行，行四十日.– LAM chú: (*) **Phùng Hữu Lan chép là** ***nhất*** **theo bản trong Tứ Bộ Tùng San (Khan), nhưng bản** ***Thái Huyền Kinh*** **(bản tập chú có lời tựa của Tư Mã Quang) do Trung Hoa Thư Cục in theo Tứ Bộ Bị Yếu thì chép là** ***nhị*****. Trần Trọng Kim (sđd., tr.37) cũng chép là** ***nhị*****. Chép** ***nhị đạo*** **thì hợp lý, vì ngay trong ngữ cảnh đã giải rõ: một đạo là «dĩ tam khởi» và một đạo là «dĩ tam sinh».**

[11] **Phùng Hữu Lan chú: Dương Hùng sở dĩ thiết lập** ***phương, châu, bộ, gia,*** **chỉ có 4 tầng không hơn không kém, là vì quan chế theo thuyết minh phổ thông của Nho gia cũng có 4 tầng. Dương Hùng nói trong Thái Huyền Oánh rằng: «Phương, châu, bộ, gia, bát thập nhất sở, hoạch hạ, trung, thượng, dĩ biểu tứ hải. Huyền thuật oánh chi. Nhất tích, tam công, cửu khanh, nhị thập thất đại phu, bát thập nhất nguyên sĩ, thiểu tắc chế chúng, vô tắc chế hữu, huyền thuật oánh chi.»** 方州部家，八十一所，畫下中上，以表四海．玄術瑩之．一辟，三公，九卿，二十七大夫，八十一元士，少則制衆，無則制有，玄術瑩之 **(*Phương, châu, bộ, gia,* 81 sở, phân hoạch dưới, giữa, trên, để biểu thị bốn biển. Thuật của Huyền soi sáng chúng. Một vua, 3 công, 9 khanh, 27 đại phu, 81 nguyên sĩ, ít không chế đông, vô không chế hữu; thuật của Huyền soi sáng chúng). Dương Hùng lấy 4 tầng của quan chế mà bắt chước để lập 4 tầng của Huyền.**

quẻ. Một *phương*, một *châu*, một *bộ*, một *gia* gọi là *trung thủ* 中首. Một *phương*, một *châu*, một *bộ*, hai *gia* gọi là *chu thủ* 周首. Chúng phối hợp nhau thành 81 *thủ*. Mỗi *thủ* có 9 *tán*. Huyền có 81 *thủ* tức là có 81 x 9 = 729 *tán*. Cũng giống như Dịch có 64 quẻ tức là có 64 x 6 = 384 hào. *Tán* tổ hợp bên trong thủ có danh, đó gọi là «tán thượng quần cương, nãi tông hồ danh» 贊上群綱,乃綜乎名(tán thể hiện các nguyên lý phồn tạp; các nguyên lý này được gộp thành các nhóm căn cứ vào danh của thủ). Như vậy tổng cộng có 729 *tán*, đó gọi là «trần kỳ cửu cửu, dĩ vi số sinh» 陳其九九,以爲數生(theo cách sắp xếp 9 nhân 9, có sự sinh ra qua các con số); cũng gọi là «tham phân Dương khí, dĩ vi tam trùng, cực vi cửu doanh» 參分陽氣,以爲三重,極爲九營(lấy ba mà sinh tức là lấy khí Dương phân làm ba, rồi chồng lên ba lần, đến chín *doanh* là tối đa); và gọi là «dĩ tam sinh» 以三生(lấy ba mà sinh) vậy.

Huyền tuy «Âm Dương tý tham» 陰陽毖參 (cùng Âm và Dương phối hợp thành bộ ba), tuy «ly thố Âm Dương nhi phát khí» 攡措陰陽而發氣(khai triển Âm Dương để phát thành khí), tuy «tri Âm tri Dương» 知陰知陽(biết Âm biết Dương), nhưng sự vận hành của Huyền quả thực lấy Dương làm chủ thể, đó gọi là «dĩ nhất Dương thừa nhất thống, vạn vật tư hình» 以一陽乘一統,萬物資形([Huyền] lấy một Dương quản lý một *thống*, vạn vật nhờ đó mà có hình thể).

Huyền là nguyên lý tổng quát của vũ trụ (gồm 3 phương, 9 châu, 27 bộ, 81 gia) cùng với 81 thủ (gồm 729 tán) như là cương lĩnh vũ trụ; đó gọi là «đồng bản ly sinh, thiên địa chi kinh» 同本離生,天地之經(cùng một gốc mà phân ly ở ngọn, là đạo thường của trời đất). Cái cương lĩnh vũ trụ này vạn vật đều có thể nhận lấy mà tồn tại; đó gọi là «bàng thông thượng hạ, vạn vật tịnh dã» 旁通上下,萬物并也 (bàng thông trên dưới, vạn vật liên kết nhau). Sự biến hoá của thời tiết trong năm có thể nhận lấy cương lĩnh ấy mà thành; đó gọi là «cửu doanh chu lưu, thuỷ chung trinh dã» 九營周流,始終貞也(chín doanh chu lưu [trong một năm], bắt đầu và kết thúc đúng đắn) và «bát thập nhất thủ, tuế sự hàm trinh» 八十一首

[12] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Số 太玄數): «Cửu thiên: nhất vi *Trung thiên*, nhị vi *Diễn thiên*, tam vi *Tòng thiên*, tứ vi *Canh thiên*, ngũ vi *Tuý thiên*, lục vi *Khuếch thiên*, thất vi *Giảm thiên*, bát vi *Trầm thiên*, cửu vi *Thành thiên*.»** 九天:一爲中天,二爲羨天,三爲從天,四爲更天,五爲晬天,六爲廓天,七爲減天,八爲沈天,九爲成天.- **LAM chú: Theo thứ tự của 81 thủ thì 9 thiên này là 9 thủ sau: *Trung* (thủ 1), *Diễn* (thủ 10), *Tòng* (thủ 19), *Canh* (thủ 28), *Tuý* (thủ 37), *Khuếch* (thủ 46), *Giảm* (thủ 55), *Trầm* (thủ 64), *Thành* (thủ 73). Chữ 羨 bình thường đọc là *tiện*, nhưng bản *Thái Huyền Kinh* (tập chú) do Trung Hoa Thư Cục in theo Tứ Bộ Bị Yếu phiên là *«vu tuyến thiết»* 于線切; tự điển *Khang Hi* phiên là *«diên diện thiết âm diễn; dĩ thiển thiết âm diễn»* 延面切音衍;以淺切音演; từ điển *Từ Hải* cũng phiên *«dị tiện thiết âm diễn»* 異賤切音衍. **Vậy 羨 đọc là *diễn*.**

,歲事咸貞(với 81 *thủ* sự việc của một năm được làm đúng đắn).

Dịch Vĩ cũng như Dịch học của Mạnh Hỉ và Kinh Phòng đều có thuyết Quái khí. Thái Huyền của Dương Hùng cũng lấy 81 *thủ* phối hợp với bốn mùa trong năm để thấy sự hưng thịnh của sự việc được làm đúng đắn trong năm với 81 *thủ*. *Thủ* đại biểu cho *gia* đầu tiên của *bộ* đầu tiên của mỗi *châu* đầu tiên chính là cái *thủ* biểu hiện sự biến dịch rõ ràng của thời tiết trong năm. Cái *thủ* này được gọi là *thiên* 天. Trong 81 *thủ*, tất cả có 9 *thủ* được gọi là 9 *thiên*. Dương Hùng nói: «Chín *thiên* là: 1- *Trung thiên* 中天, 2- *Diễn thiên* 羨天, 3- *Tòng thiên* 從天, 4- *Canh thiên* 更天, 5- *Tuý thiên* 晬天, 6- *Khuếch thiên* 廓天, 7- *Giảm thiên* 減天, 8- *Trầm thiên* 沈天, 9- *Thành thiên* 成天.»[12]

Trung là tên của một thủ, thiên mà nó đại biểu được gọi là *Trung thiên*. *Diễn* là tên của một thủ, thiên mà nó đại biểu được gọi là *Diễn thiên*. Bảy thiên còn lại cũng có tính cách như vậy. Mỗi thiên làm chủ 40 ngày; đó gọi là «thuỷ ư thập nhất nguyệt, chung ư thập nguyệt, la trùng cửu hành, hành tứ thập nhật» 始於十一月,終於十月,羅重九行,行四十日(bắt đầu vào tháng 11, kết thúc vào tháng 10 [của năm sau]; nó gồm chín lần vận hành, mỗi lần 40 ngày).

Dương Hùng giảng thêm về chín lần vận hành liên quan đến chín thủ đặc biệt cũng gọi là chín *thiên*: «Chân thực ở bên trong thì liên quan đến *Trung* 中(thủ 1 = 1111); tuyên bố và xuất ra thì liên quan đến *Diễn* 羨(thủ 10 = 1211); mây bay mưa rảy thì liên quan đến *Tòng* 從(thủ 19 = 1311); biến đổi tiết độ thì liên quan đến *Canh* 更(thủ 28 = 2111); sáng đẹp hoàn toàn thì liên quan đến *Tuý* 晬(thủ 37 = 2211); trống rỗng bên trong và mở rộng bên ngoài thì liên quan đến *Khuếch* 廓(thủ 46 = 2311); bóc lột rút lui và suy giảm thì liên quan đến *Giảm* 減(thủ 55 = 3111); giáng xuống và ẩn nấp trong tối tăm thì liên quan đến *Trầm* 沈(thủ 64 = 3211); trọn hết tính mạng thì liên quan đến *Thành* 成(thủ 73 = 3311).

[13] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Thành hữu nội giả tồn hồ *Trung*, tuyên nhi xuất giả tồn hồ *Diễn*, vân hành vũ thi tồn hồ *Tòng*, biến tiết dị độ tồn hồ *Canh*, trân quang thuần toàn tồn hồ *Tuý*, hư trung hoằng ngoại tồn hồ *Khuếch*, tước thoái tiêu bộ tồn hồ *Giảm*, giáng đội u tàng tồn hồ *Trầm*, khảo chung tính mệnh tồn hồ *Thành*. Thị cố nhất chí cửu giả, Âm Dương tiêu tức chi kế tà. Phản nhi trần chi, tý tắc Dương sinh ư thập nhất nguyệt, Âm chung thập nguyệt khả kiến dã. Ngọ tắc Âm sinh ư ngũ nguyệt, Dương chung ư tứ nguyệt khả kiến dã. Sinh Dương mạc như tý, sinh Âm mạc như ngọ. Tây bắc tắc tý mỹ tận hĩ, đông nam tắc ngọ mỹ cực hĩ.»** 誠有內者存乎中,宣而出者存乎羨,雲行雨施存乎從,變節易度存乎更,珍光淳全存乎晬,虛中弘外存乎廓,削退消部存乎減,降隊幽藏存乎沈,考終性命存乎成.是故一至九者,陰陽消息之計邪.反而陳之,子則則陽生於十一月,陰終十月可見也.午則陰生於五月,陽終於四月可見也.生陽莫如子,生陰莫如午.西北則子美盡矣,東南則午美極矣.

Cho nên từ *thiên* 1 đến *thiên* 9 là sự tính toán về Âm Dương tăng giảm. Nói cách khác, có thể thấy: ở tý thì Dương sinh vào tháng 11 và Âm hết ở tháng 10; còn ở ngọ thì Âm sinh vào tháng 5 và Dương hết vào tháng 4. Sinh Dương thì chẳng gì như tý, sinh Âm thì chẳng gì như ngọ. Ở hướng tây bắc thì cái đẹp của tý hết, ở hướng đông nam thì cái đẹp của ngọ đến cực điểm.»[13]

Dương bắt đầu ở hợi, sinh ra ở tý; Âm bắt đầu ở tỵ, sinh ra ở ngọ. Một năm [thiên văn] bắt đầu vào tháng 11; tháng 11 ứng với thủ *Trung*. Thời điểm này, vạn vật bắt đầu sinh ra nhưng còn ẩn chứ chưa phát lộ; do đó mới nói «chân thực ở bên trong» (thành hữu nội giả 誠有內者). Năm [thiên văn] kết thúc ở tháng 10 [của năm kế tiếp thông thường]; tháng 10 ứng với thủ *Thành*. Thời điểm này, vạn vật thu liễm ẩn tàng và tử vong; do đó mới nói «trọn hết tính mạng» (khảo chung tính mệnh 考終性命).

Căn cứ việc làm của con người mà nói, một sự việc cũng có thể phân làm chín giai đoạn. Dương Hùng nói: «Cho nên [chín giai đoạn của sự việc là]: 1- tư tưởng và tâm ý, 2- xuy xét trở lại, 3- ý tưởng hoàn thành, 4- khai triển ý tưởng, 5- thành tựu rõ ràng, 6- thành tựu cực đại, 7- thất bại và hao tổn, 8- sụp đổ tan tác, 9- tuyệt diệt. Giai đoạn 1 là ý thức phát sinh, chẳng gì có trước nó; giai đoạn 5 là trung hoà, chẳng gì thịnh hơn nó; giai đoạn 9 là nguy kịch, chẳng gì khốn khổ hơn nó. Ở giai đoạn 1 tư tưởng manh nha; giai đoạn 4 tiềm ẩn mầm mống của hạnh phúc; giai đoạn 7 là bậc thềm dẫn đến tai hoạ; ở giai đoạn 3 tư tưởng phát triển tối đa; ở giai đoạn 6 hạnh phúc vững chắc; ở giai đoạn 9 tai hoạ tột cùng. Các giai đoạn 2, 5, 8 là trung gian giữa các giai đoạn 1 và 3, 4 và 6, 7 và 9.»[14]

Việc làm của con người ở giai đoạn 1 là bắt đầu có ý niệm, ở giai đoạn 2 là suy xét cân nhắc, ở giai đoạn 3 là có ý tưởng xác định, ở giai đoạn 4 là khai triển ý tưởng thành hành vi, ở giai đoạn 5 là hiển lộ một thành tựu nào đó nên gọi là «phúc», ở giai đoạn 6 là thành tựu cực đại

[14] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Cố tư tâm hồ nhất, phản phục hồ nhị, thành ý hồ tam, điều sướng hồ tứ, trứ minh hồ ngũ, cực đại hồ lục, bại tổn hồ thất, bác lạc hồ bát, điển tuyệt hồ cửu. Sinh thần mạc tiên hồ nhất, trung hoà mạc thịnh hồ ngũ, cử kịch mạc khốn hồ cửu. Phù nhất dã giả, tư chi vi giả dã; tứ dã giả, phúc chi tư giả dã; thất dã giả, hoạ chi giai giả dã; tam dã giả, tư chi sùng giả dã; lục dã giả, phúc chi long giả dã; cửu dã giả, hoạ chi cùng giả dã. Nhị ngũ bát, tam giả chi trung dã.»** 故思心乎一,反復乎二,成意乎三,條暢乎四,著明乎五,極大乎六,敗損乎七,剝落乎八,殄絕乎九.生神莫先乎一,中和莫盛乎五,倨劇莫困乎九.夫一也者,思之微者也;四也者,福之資者也;七也者,禍之階者也;三也者,思之崇者也;六也者,福之隆者也;九也者,禍之窮者也.二五八,三者之中也.

nên phúc vững chắc. Nhưng sự việc đến đấy là phát triển hết mức, cực tắc phản, nên ở giai đoạn 7 là thất bại và hao tổn, cho nên gọi là «bậc thềm dẫn đến tai hoạ». Nếu tiến tới giai đoạn 8 và 9 thì sẽ sụp đổ tan tác và tuyệt diệt, cho nên gọi là «tai hoạ tột cùng».

Dương Hùng nói thêm: «Từ giai đoạn 1 đến 3, nghèo hèn và lao tâm; từ giai đoạn 4 đến 6, giàu sang và tôn quý; từ giai đoạn 7 đến 9, gặp phải tai hoạ và hoạn nạn. Giai đoạn 5 trở xuống 1 là phát triển, giai đoạn 5 trở lên 9 là suy giảm. Người ở giai đoạn có số lớn thì được giàu sang mà thực ra là khổ tâm, ở giai đoạn có số nhỏ thì bị nghèo hèn mà thực ra là vui nhiều. Phát triển và suy giảm xoáy vào nhau, sang và hèn thông với nhau.»[15]

Đó đều là học thuyết của Lão Tử và Dịch; Dương Hùng chỉ thuật lại mà thôi.

Tuy nhiên, Dương Hùng rốt cuộc vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi kiến giải của Âm Dương gia, cho nên ông cũng thuyết giảng cái học tượng số: «1 và 6 cùng gốc [hướng bắc]; 2 và 7 cùng sáng [hướng nam]; 3 và 8 thành bạn [hướng đông]; 4 và 9 cùng đạo [hướng tây]; 5 và 5 giúp nhau [ở trung ương].»[16]

Đó là hệ thống vũ trụ theo thuyết giảng của Âm Dương gia (đã được đề cập ở chương 2, tiết 2). Trong hệ thống này, số được phối hợp với bốn hướng. Tuy nhiên Âm Dương gia chỉ nêu ra số thành của ngũ hành, còn ở đây Dương Hùng nêu thêm cả số sinh của ngũ hành. Sự sắp xếp các số như vậy được người đời sau biểu thị bằng hình đồ, tức là cái mà Lưu Mục 劉牧 (khoảng cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI) đời Tống gọi là Lạc Thư, còn Chu Hi 朱熹 (1130-1200) gọi là Hà Đồ.

---

[15] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Tự nhất chí tam giả, bần tiện nhi tâm lao; tứ chí lục giả, phú quý nhi tôn cao; thất chí cửu giả, *ly cữu nhi phạm tai*.(a) Ngũ dĩ hạ tác tức, ngũ dĩ thượng tác tiêu. Số đa giả kiến quý nhi thực *sách*,(b) số thiểu giả kiến tiện nhi thực nhiêu. Tức dữ tiêu củ, quý dữ tiện giao.»** 自一至三者，貧賤而心勞；四至六者，富貴而尊高；七至九者，離咎而犯菑。五以下作息，五以上作消。數多者見貴而實索，數少者見賤而實饒。息與消糾，貴與賤交。– **LAM chú: (a) *Thuyết Văn*** **giảng: «Cữu, tai dã.»** 咎，災也 **(cữu là tai hoạ). Từ điển *Từ Bá*** **(Đại học Bắc Kinh) giảng: *Ly*** **離 dùng thông với *ly*** **罹 (gặp phải), *ly cữu*** **罹咎 = *tao thụ hoạ hoạn*** **遭受禍患 (gặp phải tai hoạ hoạn nạn). Chữ 菑 ở đây đọc là *tai*** **(dùng thông với *tai*** **災 = tai hoạ), không đọc là *tri*. (b) Từ điển *Từ Bá*** **(Đại học Bắc Kinh) giảng: *Sách*** **索 = *tịch mịch*** **寂寞 (cô đơn); *ly tán*** **離散; *thế lệ lưu xuất mạo*** **涕淚流出貌 (dáng rơi lệ).**

[16] ***Thái Huyền*** **(Thái Huyền Đồ 太玄圖): «Nhất dữ lục cộng tông; nhị dữ thất cộng minh; tam dữ bát thành hữu; tứ dữ cửu đồng đạo; ngũ dữ ngũ tương thủ.»** 一與六共宗；二與七共明；三與八成友；四與九同道；五與五相守.

b. Pháp Ngôn 法言

Cái học của Dương Hùng rốt cuộc là lấy Nho gia làm chủ, lấy Khổng Tử làm tông. Dương Hùng nói: «Các đường nhỏ nơi núi đứt quãng thì nhiều quá nên không vượt qua được hết. Các cửa ở tường thì nhiều quá nên không đi qua được hết. Nếu ai hỏi: "Nhờ cái gì thì ta có thể vượt qua và đi qua hết chúng?" Xin đáp: "Nhờ Khổng Tử. Khổng Tử chính là cửa nẻo vậy."»[17]

Dương Hùng lại nói: «Có kẻ hỏi: "Mỗi người đều có thói: cái mình cho rằng đúng thì nó đúng, cái mình cho rằng sai thì nó sai. Vậy lấy ai để sửa lại thói ấy?" Xin đáp: "Vạn vật rối rắm thì vin vào trời; lời lẽ thiên hạ rối loạn thì lấy thánh nhân [tức Khổng Tử] làm chuẩn để phán đoán nó." Có kẻ hỏi: "Làm sao nhìn thấy thánh nhân và lấy ngài làm chuẩn để phán đoán nó?" Xin đáp: "Thánh nhân còn sống thì lấy bản thân của ngài làm chuẩn; nếu chết rồi thì lấy kinh sách của ngài làm chuẩn; chuẩn mực đều như nhau."»[18]

Đến như Lão Tử thì Dương Hùng nói: «Lão Tử nói về đạo đức thì ta nhận lấy; nhưng ông đả phá nhân nghĩa cũng như dứt bỏ lễ và học vấn thì ta chẳng nhận lấy.»[19]

Luận về cái học của các nhà không phải là Nho gia, Dương Hùng nói: «Trang Tử và Dương Chu phóng đãng mà chẳng phép tắc, Mặc Tử

---

[17] ***Pháp Ngôn*** **(Ngô Tử 吾子): «Sơn hình chi khê, bất khả thắng do hĩ; hướng tường chi hộ, bất khả thắng nhập hĩ. Viết: Ô do nhập? Viết: Khổng thị. Khổng thị giả, hộ dã.»** 山嶞之嵠，不可勝由矣；向牆之戶不可勝入矣．曰：惡由入？曰：孔氏．孔氏者，戶也．**– LAM chú: *Nan Tự Đại Tự Điển* (sđd., tr.98, 377) giảng: «*Hình* 嶞 = 陘 (nơi đứt quãng của một dãy núi); *Khê* 蹊 = 小路 (đường nhỏ).»** ***Sơn hình chi khê*****: những đường nhỏ nơi núi đứt quãng. Derk Bodde dựa theo bản dịch tiếng Đức của Erwin von Zach mà dịch là «mountain paths» (các lối mòn trên núi).** ***Do*** **由 = bước qua, đi xuyên qua, như trong câu:«Thuỳ năng xuất bất do hộ?» 誰能出不由戶? (Có ai ra khỏi nhà mà không đi qua cửa?)[*Luận Ngữ* -Ung Dã].**

[18] ***Pháp Ngôn*** **(Ngô Tử 吾子): «Hoặc viết: "Nhân các thị kỳ sở thị, nhi phi kỳ sở phi, tương thuỳ sử chính chi?" Viết: "Vạn vật phân thác, tắc huyền chư thiên; chúng ngôn hào loạn, tắc chiết chư thánh." Hoặc viết: "Ô đổ hồ thánh nhi chiết chư?" Viết: "Tại tắc nhân, vong tắc thư, kỳ thống nhất dã."»** 或曰："人各是其所是，而非其所非，將誰使正之？"曰："萬物紛錯，則懸諸天；衆言淆亂，則折諸聖．"或曰："惡睹乎聖而折諸？"曰："在則人，亡則書，其統一也．" **– LAM chú: *Từ Bá*** **(Đại học Bắc Kinh) giảng: «*Huyền* 懸: *hệ liên* 系連, *quan liên* 關聯 (liên hệ với).** ***Chiết*** **折: *phán quyết* 判決, *phán đoán* 判斷.** ***Chư*** **諸 = *chi ư* 之於.**

[19] ***Pháp Ngôn*** **(Vấn Đạo 問道): «Lão Tử chi ngôn đạo đức, ngô hữu thủ yên nhĩ. Cập truỳ đề nhân nghĩa, tuyệt diệt lễ học, ngô vô thủ yên nhĩ.»** 老子之言道德，吾有取焉耳．及搥提仁義，絕滅禮學，吾無取焉耳．

và Án Tử tiết kiệm mà phế bỏ lễ, Thân Bất Hại và Hàn Phi Tử nguy hiểm và thiếu giáo hoá, Trâu Diễn khoác lác và không đáng tin.»[20]

Về các kinh sách còn lại của thánh nhân như *Dịch, Thư, Lễ, Thi, Xuân Thu*, Dương Hùng nói: «Nói về trời chẳng sách nào rõ bằng *Dịch*, nói về sự việc chính trị chẳng sách nào rõ bằng *Thư*, nói về thể thức của trăm việc chẳng sách nào rõ bằng *Lễ*, nói về ý chí chẳng sách nào rõ bằng *Thi*, nói về lý lẽ chẳng sách nào rõ bằng *Xuân Thu*.»[21]

Các kinh sách ấy đều liên quan đến Khổng Tử. Dương Hùng nói: «Có kẻ hỏi: "Kinh có sự thêm bớt gì không?" Xin đáp: "*Dịch* lúc đầu có tám quẻ, rồi sau Văn Vương thêm vào thành 64 quẻ; sự thêm vào có thể biết vậy. *Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu*, một số do nương theo một số do sáng tác, mà hoàn thành là do Trọng Ni; sự thêm vào có thể biết vậy."»[22]

Người đời sau nếu có lập ngôn thì phải lấy kinh làm tiêu chuẩn. Dương Hùng nói: «Sách mà không lấy kinh làm chuẩn thì chẳng phải là sách; lời nói mà không lấy kinh làm chuẩn thì chẳng phải là lời nói. Lời nói và sách mà không lấy kinh làm chuẩn thì càng nhiều càng vô dụng.»[23]

Cho đến học thuyết của Âm Dương gia đương thời, Dương Hùng cũng xem là không hợp với thánh nhân. Ông nói: «Có kẻ hỏi: "Thánh nhân có bói trời không?" Đáp: "Có bói trời." [Hỏi tiếp:] "Nếu vậy,

---

[20] ***Pháp Ngôn*** **(Ngũ Bách 五百): «Trang Dương đãng nhi bất pháp, Mặc Án kiệm nhi phế lễ, Thân Hàn hiểm nhi vô hoá, Trâu Diễn vu nhi bất tín.»** 莊楊蕩而不法，墨晏儉而廢禮，申韓險而無化，鄒衍迂而不信.

[21] ***Pháp Ngôn*** **(Quả Kiến 寡見): «Thuyết thiên giả mạc biện hồ *Dịch*, thuyết sự giả mạc biện hồ *Thư*, thuyết thể giả mạc biện hồ *Lễ*, thuyết chí giả mạc biện hồ *Thi*, thuyết lý giả mạc biện hồ *Xuân Thu*.»** 說天者莫辯乎易，說事者莫辯乎書，說體者莫辯乎禮，說志者莫辯乎詩，說理者莫辯乎春秋.– **LAM chú: Bản *Pháp Ngôn* với lời chú của Lý Quỹ 李軌 đời Tấn (Trung Hoa Thư Cục in lại từ *Tứ Bộ Bị Yếu*, không ghi năm in) chú: «Thượng Thư luận chính sự dã. Chính bách sự chi thể dã. Tại tâm vi chí, phát ngôn vi thi.»** 尚書論論政事也.正百事之體也.在心爲志，發言爲詩 **(Kinh Thư luận về việc chính trị. [Kinh Lễ] chỉnh đốn thể thức của trăm việc. [Đối với Kinh Thi] ý chí trong lòng phát ra lời thành thi).**

[22] ***Pháp Ngôn*** **(Vấn Thần 問神): «Hoặc viết: "Kinh hà tổn ích dư?" Viết: "*Dịch* thuỷ Bát quái, nhi Văn Vương lục thập tứ, kỳ ích khả tri dã. *Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu*, hoặc nhân hoặc tác, nhi thành ư Trọng Ni, kỳ ích khả tri dã."»** 或曰："經何損益歟？"曰："易有八卦，而文王六十四，其益可知也.詩，書，禮，春秋，或因或作，而成於仲尼，其益可知也."

[23] ***Pháp Ngôn*** **(Vấn Thần 問神): «Thư bất kinh, phi thư dã; ngôn bất kinh, phi ngôn dã. Ngôn thư bất kinh, đa đa chuế hĩ.»** 書不經，非書也；言不經，非言也.言書不經，多多贅矣.

thánh nhân khác với *sử* (quan phụ trách bói toán) thế nào?" Đáp: "*Sử* lấy trời mà bói người, thánh nhân lấy người mà bói trời."»[24]

Dương Hùng lại nói: «Có kẻ hỏi về chu kỳ đầu đuôi của trời đất nói trong sách *Hoàng Đế*. Ta đáp: "Nói phét cả. Ngày xưa kẻ họ Tự 姒 (tức Vũ, về sau sáng lập đời Hạ) trị lụt và đất đai, thế là bọn đồng cốt bắt chước bước đi [như chim] của Vũ (tức Vũ bộ 禹步). Biển Thước là người đất Lư, thế là bọn thầy lang về sau đều nói mình quê đất Lư. Hễ muốn bao biện cái sai ắt phải làm giả cái thật. Vũ bộ, đất Lư, và chu kỳ đầu đuôi của trời đất có khác gì?"»[25]

Dương Hùng lại nói: «Có kẻ nói: "Kinh sách xưa truyền lại chẳng xác thực chút nào." Xin đáp: "Nếu không xác thực thì không xác thực. Thế còn tiếng trống của bọn đồng cốt (vu cổ 巫鼓) thì sao?"»[26]

Lời lẽ của Âm Dương gia đều là «tiếng trống của bọn đồng cốt»

---

[24] ***Pháp Ngôn*** **(Ngũ Bách 五百): «Hoặc vấn: "Thánh nhân chiêm thiên hồ?" Viết: "Chiêm *thiên địa*." (*) – "Nhược thử, tắc sử dã hà dị?" Viết: "Sử dĩ thiên chiêm nhân, thánh nhân dĩ nhân chiêm thiên."» 或問："聖人占天乎?" 曰："占天地." – "若此,則史也何異?" 曰："史以天占人,聖人以人占天." – Phùng Hữu Lan chú: (*) Uông Vinh Bảo 汪榮寶 nói: «*Thiên địa* nghi là viết lầm từ *thiên dã*.» (*Thiên địa* nghi vi *thiên dã* chi ngộ 天地疑爲天也之誤).**

[25] ***Pháp Ngôn*** **(Trọng Lê 重黎): «Hoặc vấn Hoàng Đế thuỷ chung. Viết: "Thác dã. Tích giả Tự thị trị thuỷ thổ, nhi vu bộ đa Vũ; Biển Thước Lư nhân dã, nhi y đa Lư. Phù dục thù nguỵ tất giả chân. Vũ hồ, Lư hồ, chung thuỷ hồ?"» 或問黃帝始終. 曰："託也. 昔者姒氏治水土,而巫步多禹;扁鵲盧人也,而醫多盧. 夫欲讎僞必假眞. 禹乎,盧乎,終始乎?" – LAM chú: *Hoàng Đế thuỷ chung:* Lý Quỹ chú: «Thế hữu Hoàng Đế chi thư, luận chung thuỷ chi vận, đương Hiếu Văn chi thời. Tam thiên ngũ bách tuế, thiên địa nhất chu dã.» 世有黃帝之書論終始之運當孝文之時.三千五百歲天地一周也 (Đời có sách Hoàng Đế luận về vận đầu đuôi của trời đất, sách xuất hiện vào thời Hiếu Văn Đế; nói 3500 năm là một chu kỳ của trời đất). *Sử Ký* (Biển Thước Thương Công Liệt Truyện) chép: «Biển Thước giả, Bột Hải quận Trịnh nhân dã, tính Tần thị, danh Việt Nhân.» 扁鵲者,勃海郡鄭人也,姓秦氏,名越人 (Biển Thước là người đất Trịnh thuộc quận Bột Hải; họ Tần, tên là Việt Nhân). *Y Cổ Văn* 醫古文 (Đặng Vĩ Dân 滕偉民 và Thành Vi Phẩm 成爲品 chủ biên, Hoa Hạ xuất bản xã, Bắc Kinh, 1991, tr.1) chú: «Quận Bột Hải là tên một quận đời Hán. Trịnh vốn thuộc nước Triệu, hiện nay ở phía bắc huyện Nhậm Khâu 任丘, tỉnh Hà Bắc 河北; có thuyết nói đây là Trịnh Châu 鄭州 tỉnh Hà Nam 河南.» Ở đây Dương Hùng nói Biển Thước là người đất Lư. Lý Quỹ chú: «Thái Sơn Lư nhân.» 太山盧人 ([Biển Thước] là người đất Lư ở Thái Sơn). Derk Bodde chú: «Biển Thước là danh y cuối đời Chu, nhiều chi tiết về đời ông hiển nhiên là hư cấu. Đất Lư hiện nay nằm ở tây nam huyện Trường Thanh 長清, tỉnh Sơn Đông.»**

[26] ***Pháp Ngôn*** **(Quân Tử 君子): «Hoặc viết: "Thậm hĩ, truyền thư chi bất quả dã." Viết: "Bất quả tắc bất quả hĩ, *hựu* (*) dĩ vu cổ."» 或曰："甚矣,傳書之不果也." 曰："不果則不果矣,又以巫鼓." – Phùng Hữu Lan chú: (*) Chữ *hựu* 又 trong nguyên tác chép là *nhân* 人, tôi sửa theo hiệu đính của Uông Vinh Bảo. – LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Quả* 果 = *xác thực* 確實». Derk Bodde dịch *bất quả* 不果 là «unreliable» (không đáng tin).**

(vu cổ 巫鼓). Thời bấy giờ bọn phương sĩ thuyết giảng về thuật trường sinh cửu thị của thần tiên. Dương Hùng cũng xem thuyết ấy không hợp với thánh nhân. Ông nói: «Có kẻ hỏi: "Thời của nước Triệu có lắm quỷ thần, tại sao thế?" Xin đáp: "Quỷ thần và điềm quái dị mơ hồ chẳng rõ, như có như không, chớ nên thánh nhân không bàn tới.»[27]

Dương Hùng lại nói: «Có kẻ hỏi: "Người ta nói về tiên, vậy có tiên không?" [Xin đáp:] "Ôi! Ta nghe Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn lão suy mà chết. Văn Vương chết ở đất Tất, Khổng Tử chết ở phía bắc của thành nước Lỗ. Sao riêng ngươi quan tâm cái chết của họ? Đó là điều mà chẳng ai can thiệp được! Tiên cũng chẳng ích gì cho vốn kiến thức của ngươi." Có kẻ nói: "Thánh nhân không xem tiên là thầy, tiên thuật khác với thánh thuật. Thánh nhân ở trong thiên hạ, cảm thấy xấu hổ vì có một vật nào đó mà mình không biết; còn tiên ở trong thiên hạ, cảm thấy xấu hổ vì không sống thêm một ngày." Xin đáp: "Sống à! Sống à! Mang tiếng là sống mà thực ra đã chết rồi." Có kẻ hỏi: "Nếu trên đời không có tiên, vậy sao người ta nói về tiên?" Xin đáp: "Kẻ nói về tiên chẳng phải là nói bậy ư? Chỉ nói bậy mới biến không thành có." Có kẻ hỏi rằng tiên có thực hay không, xin đáp: "Chớ nói về điều đó. Có tiên hay không, chẳng phải là điều đáng hỏi. Điều đáng hỏi là hỏi về trung và hiếu. Người con hiếu và bậc tôi trung không rỗi hơi [mà hỏi về tiên]."»[28]

---

[27] *Pháp Ngôn* (Trọng Lê 重黎): «Hoặc vấn: "Triệu thế đa thần, hà dã?" Viết: "Thần quái mang mang, nhược tồn nhược vong, thánh nhân mạn vân."» 或問："趙世多神，何也？"曰："神怪茫茫，若存若亡，聖人曼云.– LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Mạn* 曼 = *vô* 無, *một hữu* 沒有 (không; không có).» – Derk Bodde chú: Nước Triệu có lẽ cuối đời Chu, nổi tiếng có nhiều tai dị siêu nhiên. Câu đáp của Dương Hùng phản ánh *Luận Ngữ* (Thuật Nhi): «Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần.» 子不語怪異亂神 (Khổng Tử không nói đến quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần).

[28] *Pháp Ngôn* (Quân Tử 君子): «Hoặc vấn: "Nhân ngôn tiên giả hữu chư hồ?" – "Hu! Ngô văn Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn tổ lạc nhi tử, Văn Vương Tất, Khổng Tử Lỗ thành chi bắc, độc tử ái kỳ tử hồ? Phi nhân chi sở cập dã! Tiên diệc vô ích tử chi vựng hĩ." Hoặc viết: "Thánh nhân bất sư tiên, quyết thuật dị dã. Thánh nhân chi ư thiên hạ, sỉ nhất vật chi bất tri; tiên nhân chi ư thiên hạ, sỉ nhất nhật chi bất sinh." Viết: "Sinh hồ, sinh hồ, danh sinh nhi thực tử dã." Hoặc viết: "Thế vô tiên, tắc yên đắc tư ngữ?" Viết: "Ngữ hồ giả, phi hiêu hiêu dã dư? Duy hiêu hiêu năng sử vô vi hữu." Hoặc vấn tiên chi thực, viết: "Vô dĩ vi dã. Hữu dữ vô, phi vấn dã. Vấn dã giả, trung hiếu chi vấn dã. Trung quân hiếu tử, hoàng hồ bất hoàng."» 或問："人言仙者有諸乎？" – "吁！吾聞伏羲，神農，黃帝，堯，舜殂落而死，文王畢，孔子魯城之北，獨子愛其死乎？非人之所及也！仙亦無益子之纍矣." 或曰："聖人不師仙，厥術異也. 聖人之於天下，恥一物之不知；仙人之於天下，恥一日之不生." 曰："生乎，生乎，名生而實死也." 或曰："世無仙，則焉得斯語？" 曰："語乎者，非囂囂也與？惟囂囂能使無爲有." 或問仙之實，曰："無以爲也. 有與無，非問也. 問也者，忠孝之問也. 忠君孝子，偟乎不偟."

Dương Hùng lại nói: «Có sống ắt có chết, có đầu ắt có cuối, đó là đạo tự nhiên vậy.»[29]

Sống và chết là đạo tự nhiên, con người lẽ nào lại sống mãi mà không chết. Lời nói của bọn phương sĩ nương theo sự thịnh hành của Âm Dương gia. Bầu không khí mê tín lan toả khắp một thời đại; lời lẽ của Dương Hùng như trên quả thực có công đả phá mê tín mà thanh lọc bầu không khí ấy vậy.

Dương Hùng cũng có kiến giải đối với nhân tính. Kiến giải này cũng được người đời sau nói đến. Dương Hùng nói: «Bản tính con người lẫn lộn thiện với ác. Hễ trau giồi mặt thiện thì thành người thiện lương; hễ trau giồi mặt ác thì thành người hung ác.»[30]

Mạnh Tử cho rằng bản tính con người vốn thiện, Tuân Tử cho rằng bản tính con người vốn ác. Như vậy Dương Hùng đã dung hoà quan điểm của Mạnh Tử và quan điểm của Tuân Tử.


Vương Sung

Tuy không cùng quan điểm với Mạnh Tử về bản tính con người, nhưng Dương Hùng rất tôn sùng Mạnh Tử. Dương Hùng nói: «Có kẻ hỏi chẳng hay Mạnh Tử có biết sự quan trọng của lời nói và sự sâu kín của đức hay không. Xin đáp: "Mạnh Tử chẳng những biết rõ chúng mà còn thực hành chúng đầy đủ nữa." Có kẻ hỏi: "Ông xem thường chư tử, vậy Mạnh Tử chẳng phải thuộc chư tử ư?" Xin đáp: "[Ta xem thường] chư tử nào có hiểu biết khác với Khổng Tử. Còn Mạnh Tử có khác [với Khổng Tử] đâu."»[31]

Dương Hùng tự xem mình có thể phục hưng Nho học, nên ông tự sánh mình với Mạnh Tử. Ông nói: «Ngày xưa khi Dương Chu và Mặc

---

[29] ***Pháp Ngôn*** **(Quân Tử 君子): «Hữu sinh giả tất hữu tử, hữu thuỷ giả tất hữu chung, tự nhiên chi đạo dã.»** 有生者必有死，有始者必有終，自然之道也.

[30] ***Pháp Ngôn*** **(Tu Thân 修身): «Nhân chi tính dã thiện ác hỗn. Tu kỳ thiện tắc vi thiện nhân, tu kỳ ác tắc vi ác nhân.»** 人之性也善惡混. 修其善則爲善人, 修其惡則爲惡人.

[31] ***Pháp Ngôn*** **(Quân Tử 君子): «Hoặc vấn Mạnh Tử tri ngôn chi yếu, tri đức chi áo. Viết: "Phi cẩu tri chi, diệc sung đạo chi." Hoặc viết: "Tử tiểu chư tử, Mạnh Tử phi chư tử hồ?" Viết: "Chư tử giả, dĩ kỳ tri dị ư Khổng Tử dã. Mạnh Tử dị hồ bất dị."»** 或問孟子知言之要, 知德之奧. 曰："非苟知之，亦尤蹈之." 或曰："子小諸子，孟子非諸子乎?" 曰："諸子者，以其知異於孔子也. 孟子異乎不異."

Địch lấp nẻo chân lý thì có Mạnh Tử dùng ngôn từ mà khai đường mở lối. Đời sau cũng có kẻ lấp nẻo chân lý thì ta trộm nghĩ mình có thể sánh với Mạnh Tử vậy.»[32]

Từ quan điểm triết học mà nói, cái học của Dương Hùng còn xa mới bắt kịp Mạnh Tử; nhưng sự phản bác của ông đối với lời lẽ của Âm Dương gia đã giúp Nho học tách rời cái học của Âm Dương gia. Tuy việc ấy có sự cộng tác của các Kinh học gia cổ văn, nhưng trên phương diện tư tưởng Dương Hùng đã có sự trình bày có hệ thống. Từ quan điểm lịch sử mà nói, Dương Hùng cũng có địa vị riêng của mình trong lịch sử.

3. Vương Sung

Sống cùng thời và trễ hơn Dương Hùng một chút có Hoàn Đàm 桓譚 (mất khoảng năm 25 CN), cũng là người phản đối cái học sấm vĩ. Theo *Hậu Hán Thư*, ông là người «có khả năng văn chương, đặc biệt ưa thích cổ học, nhiều lần cùng Lưu Hâm và Dương Hùng tranh luận và phân tích những quan điểm khả nghi và khác biệt. [...] Ông viết sách có tên là *Tân Luận*, gồm 29 thiên, bàn về những sự việc lưu hành đương thời.»[33] Tác phẩm *Tân Luận* hiện nay không còn.

Sau đó, đầu đời Hậu Hán, cái gọi là sấm học và vĩ học tiếp tục thịnh hành, nên sự phản động tiến thêm một bước. Trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại, Đạo gia khởi đầu sớm nhất và không có quan hệ với thuật số. Giữa đời Đông Hán và thời Tam Quốc, chủ nghĩa tự nhiên trong học thuyết của Đạo gia dần dần chiếm ưu thế. Tác phẩm *Luận Hành* 論衡 của Vương Sung 王充 (27-100) được viết theo quan điểm chủ nghĩa tự nhiên của Đạo gia, nhằm phê bình thói mê tín của người thời bấy giờ. *Luận Hành* của Vương Sung có công đả phá thói mê tín và thanh lọc bầu không khí mê tín thời bấy giờ. Tuy nhiên *Luận Hành* công kích phá hoại thì nhiều mà xây dựng thì ít. Do đó giá trị của sách này kỳ thực không lớn lao như các học giả gần đây đã tưởng tượng.

Thiên 85 và cũng là thiên cuối của *Luận Hành* chép tiểu sử của Vương Sung rằng: «Vương Sung 王充 là người ở Thượng Ngu 上虞, thuộc quận

---

[32] *Pháp Ngôn* (Ngô Tử 吾子): «Cổ giả Dương Mặc tái lộ, Mạnh Tử từ nhi quan chi, khuếch như dã. Hậu chi tái lộ giả hữu hĩ, thiết tự tỉ ư Mạnh Tử.» 古者楊墨塞路，孟子辭而闢之，廓如也。後之塞路有矣，竊自比於孟子。

[33] *Hậu Hán Thư*: «[...] năng văn chương, vưu hiếu cổ học. Sổ tòng Lưu Hâm Dương Hùng biện tích nghi dị. [...] Trứ thư ngôn đương thế hành sự nhị thập cửu thiên, hiệu viết Tân Luận.» [...] 能文章，尤好古學。數從劉歆揚雄，辯析疑異。[...] 著書言當世行事二十九篇，號曰新論。

Cối Kê 會稽, tự là Trọng Nhậm 仲任. [...] Sung sinh năm Kiến Vũ 建武 thứ 3 (tức năm 27 CN, đời vua Quang Vũ 光武, tức Lưu Tú 劉秀, tại vị 25-57). [...] Ông có tài cao nhưng không thích viết bừa, có tài biện luận nhưng không thích tranh luận tay đôi. Nếu không gặp đúng người thì cả ngày ông cũng không thèm nói chuyện. Luận thuyết của ông đối với mọi người thoạt đầu tưởng như kỳ quái nhưng sau khi nghe cho đến hết thì mọi người đều cho là phải. Ông viết sách, tính cách cũng như thế. [...] Ông rất thích đọc cổ văn và các truyện dị thường. Sách vở và học thuyết ở đời bấy giờ khiến ông không yên tâm, ông bèn một mình ở nơi vắng vẻ, khảo luận sự thực hư.»[34]

Hậu Hán Thư chép truyện Vương Sung, nói ông mất năm Vĩnh Nguyên 永元. Các năm Vĩnh Nguyên đời Hán Hoà Đế 漢和帝 từ năm 89 CN đến 104 CN.[35] Vương Sung mất khoảng năm 100 CN. «Sách vở và học

---

[34] ***Luận Hành*** **(Tự Kỷ 自紀): «Vương Sung giả, Cối Kê Thượng Ngu nhân dã, tự Trọng Nhậm. [...] Kiến Vũ tam niên, Sung sinh. [...] Tài cao nhi bất thượng cẩu tác, khẩu biện nhi bất hiếu đàm đối, phi kỳ nhân, chung nhật bất ngôn. Kỳ luận thuyết, thuỷ nhược quỷ ư chúng, cực thính kỳ chung, chúng nãi thị chi. Dĩ bút trứ văn, diệc như thử yên.[...] Đam độc cổ văn, cam văn dị ngôn. Thế thư tục thuyết, đa sở bất an, u xứ độc cư, khảo luận thực hư.» 王充者, 會稽上虞人也, 字仲任. [...] 建武三年, 充生. [...] 才高而不尚苟作, 口辯而不好談對, 非其人, 終日不言. 其論說, 始若詭於衆, 極聽其終, 衆乃是之. 以筆著文, 亦如此焉. [...] 淫讀古文, 甘聞異言. 世書俗說, 多所不安, 幽處獨居, 考論實虛. – LAM chú: Nguyễn Đăng Thục (*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, tập IV, Bộ Giáo Dục - Trung Tâm Học Liệu xuất bản, Saigon, 1968, tr.124-125) khi chép tiểu sử của Vương Sung đã tham khảo Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, quyển hạ, tr.47) và Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử*). Đáng tiếc, ông Thục đã chép lẫn lộn tiểu sử của Hoàn Đàm (mất khoảng năm 25 CN) với tiểu sử của Vương Sung (27-100). Dương Hùng (53 TCN - 18 CN) mất được 5 năm rồi thì Vương Sung mới chào đời, làm sao Vương Sung có thể *«từng theo Lưu Hâm, Dương Hùng biện bẻ điều dị nghị»* như ông Thục chép cho được (sđd., tr.124)? Chi tiết này Phùng Hữu Lan dẫn từ *Hậu Hán Thư* là nói về Hoàn Đàm, không phải Vương Sung. Còn nữa, tác phẩm *Tân Luận* là của Hoàn Đàm, không phải của Vương Sung như ông Thục chép (sđd., tr.125). Chúng ta cần chú ý rằng: Phùng Hữu Lan nói Vương Sung lấy chủ nghĩa tự nhiên của Đạo gia làm căn cứ cho việc khảo luận sách vở và học thuyết đương thời. Như vậy, Phùng Hữu Lan dường như xem Vương Sung thuộc hàng Đạo gia. Trần Trọng Kim thì xem Vương Sung thuộc hàng Nho gia khi viết: «Hán nho tuy có những người như Dương Hùng và Vương Sung đã trông thấy cái tệ ấy, cũng có ý muốn sửa đổi, nhưng phần thì vì thế lực không đủ làm cho thiên hạ theo mình, phần thì người đời say đắm về đường lợi lộc, không sao vãn hồi lại được.» (sđd., tr.58).**

[35] **LAM chú: Phùng Hữu Lan chép lầm các năm Vĩnh Nguyên 永元 đời Hán Hoà Đế 漢和帝 (tức Lưu Triệu 劉肇, tại vị 89-105) từ năm 98 đến 104. Trong bản tiếng Anh, Derk Bodde cũng chép sai theo. Kỳ thực, các năm Vĩnh Nguyên từ năm 89 đến năm 104. Trong bản dịch này, tôi sửa lại là từ 89 đến 104, căn cứ: Vạn Quốc Đỉnh 萬國鼎, *Trung Quốc Lịch Sử Kỷ Niên Biểu* 中國歷史紀年表, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1972, tr.89; và Phương Thi Minh 方詩銘, *Trung Quốc Lịch Sử Kỷ Niên Biểu* 中國歷史紀年表, Thượng Hải Từ Thư xuất bản xã, 1998, tr.40.**

thuyết ở đời bấy giờ khiến Vương Sung không yên tâm» cho nên ông «một mình ở nơi vắng vẻ, khảo luận sự thực hư». Tác phẩm *Luận Hành* của ông là nhằm khảo luận sự thực hư trong sách vở và học thuyết ở đời bấy giờ vậy.

a. Chủ nghĩa tự nhiên

Khi khảo luận sách vở và học thuyết ở đời bấy giờ, Vương Sung lấy chủ nghĩa tự nhiên của Đạo gia làm căn cứ. *Luận Hành* chép: «Trời đất hợp khí, vạn vật tự sinh ra, giống như vợ chồng hợp khí, con cái tự sinh ra vậy. Vạn vật sinh ra, loại nào hàm chứa máu huyết thì biết đói biết lạnh, thấy ngũ cốc ăn được thì lấy ăn, thấy sợi tơ và sợi gai có thể làm y phục được thì lấy làm y phục. [...] Trời vận động nhưng không muốn tạo sinh vạn vật mà vạn vật tự sinh ra; đó là tự nhiên vậy. Trời sinh khí nhưng không muốn khiến vạn vật làm mà vạn vật tự làm; đó là vô vi vậy. Tại sao nói trời thì tự nhiên và vô vi? Đó là do khí. Khí ấy điềm đạm, vô dục, vô vi, vô sự. [...] Người nào đức cao và thuần hậu là do nhận được nhiều khí ấy. Do đó có thể nói trời thì tự nhiên và vô vi. [...] Người hiền và thuần hậu là Hoàng Lão. Hoàng tức là Hoàng Đế; Lão tức là Lão Tử. Đạo của Hoàng Lão tác động bản thân cho nên điềm đạm. Hoàng Lão cai trị bằng vô vi, và tự sửa chữa bản thân, cho nên Âm Dương tự hài hoà. Hoàng Lão không cố ý hành động mà vạn vật tự chuyển hoá; không cố ý tạo sinh mà vạn vật tự thành hình. *Kinh Dịch* nói: "Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn rũ xiêm y mà thiên hạ thịnh trị." Rũ xiêm y tức là khoanh tay không làm. [...] *Kinh Dịch* nói: "Đại nhân hợp đức của mình với trời đất." Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn là đại nhân; đức của họ hợp với trời đất, cho nên họ biết vô vi vậy. Đạo trời thì vô vi, cho nên mùa xuân không làm cho vạn vật sinh và mùa hạ không làm cho chúng phát triển; mùa thu không làm cho chúng hoàn thành và mùa đông không làm cho chúng ẩn nấp. Khí Dương tự xuất ra, vạn vật tự sinh trưởng; khí Âm tự khởi, vạn vật tự hoàn thành rồi ẩn nấp. Lấy nước giếng và làm cạn ao hồ để tưới ruộng vườn, thì vật cũng sinh trưởng. Mưa tầm tã thì cọng, lá, gốc, rễ của thực vật đều ướt đẫm. Xét về lượng ẩm ướt, việc lấy nước giếng và làm cạn ao hồ để tưới tiêu sao sánh được với mưa? Cho nên vô vi mà làm thì kết quả lớn lao vậy. Bản thân không cầu công, thì công được lập; bản thân không cầu danh, thì danh thành. Mưa tầm tã và công danh lớn, không phải do trời đất làm, mà do khí hoà và mưa tự tụ tập vậy.»[36]

[36] *Luận Hành* (Tự Nhiên 自然): «Thiên địa hợp khí, vạn vật tự sinh, do phu phụ hợp khí, tử tự sinh hĩ. Vạn vật chi sinh, hàm huyết chi loại, tri cơ tri hàn, kiến ngũ cốc khả thực thủ nhi thực chi, kiến tì ma khả y thủ nhi y chi. [...] Thiên động bất dục dĩ sinh vật nhi vật tự sinh, thử tắc tự nhiên dã; thì khí bất dục vi vật nhi vật tự vi, thử tắc vô vi dã. Vị thiên tự nhiên vô vi giả hà?

Đó là chủ nghĩa tự nhiên của Đạo gia mà Vương Sung đã thuật lại.

b. Phê bình kiến giải của người cùng thời

Dựa trên quan điểm nói trên mà Vương Sung khảo luận một cách hệ thống để phê bình sự thực hư trong sách vở và học thuyết của người cùng thời với ông. *Luận Hành* chép: «Những kẻ nói về lạnh nóng bảo rằng: khi vua vui mừng thì nóng, lúc vua giận dữ thì lạnh. Tại sao thế? Vui mừng và giận dữ phát ra từ ngực, rồi sau mới xuất ra ngoài, ra ngoài thì thành thưởng và phạt. Thưởng và phạt là kết quả do sự vui mừng và giận dữ [của vua]. Cho nên lạnh và nóng mà nhiều thì mọi vật điêu tàn và con người bị hại.»[37]

Khí dã. Điềm đạm vô dục, vô vi vô sự giả dã. [...] Chí đức thuần ác chi nhân, bẩm thiên khí đa, cố năng tắc thiên tự nhiên vô vi. [...] Hiển chi thuần giả Hoàng Lão thị dã. Hoàng giả, Hoàng Đế dã; Lão giả, Lão Tử dã. Hoàng Lão chí thao thân trung điềm đạm, kỳ trị vô vi, chính thân cộng kỷ, nhi Âm Dương tự hoà. Vô tâm ư vi nhi vật tự hoá; vô ý ư sinh nhi vật tự thành. *Dịch* viết: "Hoàng Đế Nghiêu Thuấn thuỳ y thường nhi thiên hạ trị." Thuỳ y thường giả, thuỳ củng vô vi dã. [...] *Dịch* viết: "Đại nhân dữ thiên địa hợp kỳ đức." Hoàng Đế Nghiêu Thuấn, đại nhân dã, kỳ đức dữ thiên địa hợp, cố trị vô vi dã. Thiên đạo vô vi, cố xuân bất vi sinh nhi hạ bất vi trưởng, thu bất vi thành nhi đông bất vi tàng. Dương khí tự xuất, vật tự sinh trưởng; Âm khí tự khởi, vật tự thành tàng. Cấp tỉnh quyết pha, quán khái viên điển, vật diệc sinh trưởng. Bái nhiên nhi vũ, vật chí kính diệp căn cai, mạc bất hiệp nhu. Trình lượng chú trạch, thục dữ cấp tỉnh quyết pha tai? Cố vô vi chi vi đại hĩ. Bản bất cầu công, cố kỳ công lập; bản bất cầu danh, cố kỳ danh thành. Bái nhiên chi vũ, công danh đại hĩ, nhi thiên địa bất vi dã, khí hoà nhi vũ tự tập.» 天地合氣，萬物自生，猶夫婦合氣，子自生矣。萬物之生，含血之類，知饑知寒，見五穀可食取而食之，見絲麻可衣取而衣之。[...] 天動不欲以生物而物自生，此則自然也；施氣不欲爲物而物自爲，此則無爲也。謂天自然無爲者何？氣也。恬澹無欲，無爲無事者也。[...] 至德純渥之人，稟天氣多，故能則天自然無爲。[...] 賢之純者黃老是也。黃者，黃帝也；老者，老子也。黃老之操身中恬澹，其治無爲，正身共己，而陰陽自和。無心於爲而物自化；無意於生而物自成。易曰："黃帝堯舜垂衣裳而天下治。"垂衣裳者，垂拱無爲也。[...] 易曰："大人與天地合其德。"黃帝堯舜，大人也，其德與天地合，故知無爲也。天道無爲，故春不爲生而夏不爲長，秋不爲成而冬不爲藏。陽氣自出，物自生長；陰氣自起，物自成藏。汲井決陂，灌溉園田，物亦生長。霈然而雨，物之莖葉根荄，莫不洽濡。程量澍澤，孰與汲井決陂哉？故無爲之爲大矣。本不求功，故其功立；本不求名，故其名成。霈然之雨，功名大矣，而天地不爲也，氣和而雨自集。

37 ***Luận Hành* (Hàn Ôn 寒溫): «Thuyết hàn ôn giả viết: nhân quân hỉ tắc ôn, nộ tắc hàn. Hà tắc? Hỉ nộ phát ư hung trung, nhiên hậu hành xuất ư ngoại, ngoại thành thưởng phạt. Thưởng phạt, hỉ nộ chi hiệu. Cố hàn ôn ác thịnh, điêu vật thương nhân.»** 說寒溫者曰：人君喜則溫，怒則寒。何則？喜怒發於胸中，然後行出於外，外成賞罰。賞罰，喜怒之效。故寒溫渥盛，凋物傷人。

Đó là thuyết của Âm Dương gia về thời tiết nóng lạnh. Vương Sung luận về nó rằng: «Đạo trời là tự nhiên, tự nhiên là vô vi. Hai [nguyên lý Âm Dương] phối hợp với việc người. Việc người mới bắt đầu thì khí trời đã sẵn có, cho nên gọi là đạo [trời]. Khiến nó ứng với việc chính trị, thì nó là hữu vi, không còn là tự nhiên nữa»[38]

Luận Hành (Khiển Cáo 譴告) chép: «Bàn về tai dị, [Âm Dương gia] nói rằng hễ vua thời xưa cai trị mà mất chính đạo, thì trời dùng tai dị để khiển trách và cảnh cáo vua. Tai dị chẳng xảy ra một lần, nó tái diễn như là kết quả lạnh và nóng. Vua dùng hình phạt không đúng thời thì trời lạnh, ban thưởng trái khí tiết thì trời nóng. Thần trên trời khiển trách và cảnh cáo vua cũng giống như vua trách phạt bầy tôi vậy.»[39]

Đó là thuyết của Âm Dương gia về tai dị. Vương Sung luận về nó rằng: «Đạo trời là tự nhiên, là vô vi; còn như việc khiển trách và cảnh cáo con người, đó là hữu vi, không phải là tự nhiên. Hoàng Đế và Lão Tử bàn về đạo trời thì có được sự chân thực.»[40]

Luận Hành (Biến Động 變動) chép: «Kẻ bàn về tai dị nghi ngờ trời dùng tai dị để khiển trách và cảnh cáo con người. Nói như vậy tức là tai dị xảy ra cơ hồ do vua lấy việc cai trị [tồi tệ] làm kinh động đến trời; trời động thì khí ứng theo. Thí dụ như lấy vật đánh vào trống, lấy chày nện vào chuông. Trống ví như trời, chày ví như việc cai trị. Âm thanh của chuông và trống ví như sự cảm ứng của trời. Vua hành động ở dưới, thì khí của trời đi theo con người mà đến vậy.»[41]

---

[38] ***Luận Hành* (Hàn Ôn 寒溫): «Phù thiên đạo tự nhiên, tự nhiên vô vi, nhị lệnh tham ngẫu, tao thích phùng hội. Nhân sự thuỷ tác, thiên khí dĩ hữu, cố viết đạo dã. Sử ứng chính sự, thị hữu, phi tự nhiên dã.»** 夫天道自然,自然無爲,二令參偶,遭適逢會.人事始作,天氣以有,故曰道也.使應政事,是有,非自然也.

[39] ***Luận Hành* (Khiển Cáo 譴告): «Luận tai dị, vị cổ chi nhân quân vi chính thất đạo, thiên dụng tai dị khiển cáo chi dã. Tai dị phi nhất, phục dĩ hàn ôn vi chi hiệu. Nhân quân dụng hình phi thời tắc hàn, thi thưởng vi tiết tắc ôn. Thiên thần khiển cáo nhân quân, do nhân quân trách nộ thần hạ dã.»** 論災異,謂古之人君爲政失道,天用災異譴告之也.災異非一,復以寒溫爲之效.人君用刑非時則寒,施賞違節則溫.天神譴告人君,猶人君責怒臣下也.

[40] ***Luận Hành* (Khiển Cáo 譴告): «Phù thiên đạo tự nhiên dã, vô vi; như khiển cáo nhân, thị hữu vi, phi tự nhiên dã. Hoàng Lão chi gia, luận thuyết thiên đạo, đắc kỳ thực hĩ.»** 夫天道自然也,無爲;如譴告人,是有爲,非自然也.黃老之家,論說天道,得其實矣.

[41] ***Luận Hành* (Biến Động 變動): «Luận tai dị giả, dĩ nghi ư thiên dụng tai dị khiển cáo nhân hĩ, cánh thuyết viết, tai dị chi chí, đãi nhân quân dĩ chính động thiên, thiên động khí dĩ ứng chi. Thí chi dĩ vật kích cổ, dĩ chuỳ khẩu chung, cổ do thiên, chuỳ do chính, chung cổ thanh do thiên chi ứng dã. Nhân chủ vi ư hạ, tắc thiên khí tuỳ nhân nhi chí hĩ.»** 論災異者,已疑於天用災異譴告人矣,更說曰,災異之至,殆人君以政動天,天動氣以應之.譬之以物擊鼓,以椎叩鐘,鼓猶天,椎猶政,鐘鼓聲猶天之應也.人主爲於天,則天氣隨人而至矣.

Đó là thuyết của Âm Dương gia về tai dị. Vương Sung luận về nó rằng: «Con người sống giữa cõi trời đất giống như chấy và rận ở trong quần áo hay dế và kiến ở trong hang và khe nứt. Chấy, rận, dế, kiến bò dọc ngang bò xuôi ngược; chúng có thể khiến khí trong quần áo và khe nứt biến động được chăng? Chấy, rận, dế, kiến không thể làm được, mà nói chỉ có con người làm được, như thế là không thấu đạt nguyên lý của khí ở vạn vật vậy. [...] Khí lạnh và nóng lệ thuộc vào trời đất và được điều khiển bởi Âm Dương; còn việc người và nền chính trị một nước sao có thể biến động được khí?»[42]

Luận Hành (Thương Trùng 商蟲) chép: «Các nhà chủ trương biến đổi và phản phục nói côn trùng ăn ngũ cốc là do quan lại ở các bộ. Họ tham lam cướp đoạt [dân chúng], cho nên côn trùng ăn ngũ cốc. Côn trùng mình đen đầu đỏ tượng trưng quan võ; côn trùng đầu đen mình đỏ tượng trưng quan văn. Hễ trừng trị bọn quan lại mà côn trùng tượng trưng cho chúng, thì côn trùng bị diệt hết và không xuất hiện trở lại nữa.»[43]

Đó cũng là thuyết của bọn Âm Dương gia. Vương Sung luận về nó rằng: «Trong 300 loài *khoả trùng* thì người đứng đầu. Do đấy mà nói, người cũng là côn trùng. Người ăn những thức mà côn trùng ăn; côn trùng cũng ăn những thức mà người ăn. Cả hai đều là côn trùng, nên ăn thức ăn của nhau, có gì lạ đâu? Nếu côn trùng có tri giác, chúng sẽ mắng người rằng: "Mày ăn những thức do trời sinh, tao cũng ăn chúng. Mày nói tao là tai biến cho mày, sao mày không nói mày cũng là tai hoạ cho

---

[42] ***Luận Hành* (Biến Động 變動): «Nhân tại thiên địa chi gian, do tảo sắt chi tại y thường chi nội, lâu nghĩ chi tại huyệt khích chi trung. Tảo sắt, lâu nghĩ vi nghịch thuận hoành tòng, năng lệnh y thường huyệt khích chi gian khí biến động hồ? Tảo sắt, lâu nghĩ bất năng, nhi độc vị nhân năng, bất đạt vật khí chi lý dã. [...] Hàn ôn chi khí, hệ ư thiên địa, nhi thống ư Âm Dương, nhân sự quốc chính, an năng động chi?»** 人在天地之間，猶蚤虱之在衣內，螻蟻之在穴隙之中。蚤虱，螻蟻爲逆順橫從，能令衣裳穴隙之間氣變動乎？蚤虱螻蟻不能，而獨謂人能，不達物氣之理也。[...] 寒溫之氣，繫於天地，而統於陰陽，人事國政，安能動之？

[43] ***Luận Hành* (Thương Trùng 商蟲) chép: «Biến phục chi gia, vị trùng thực cốc giả, bộ lại sở trí dã. Tham tắc xâm ngư, cố trùng thực cốc. Thân hắc đầu xích, tắc vị vũ quan; đầu hắc thân xích, tắc vị văn quan. Sử gia phạt ư trùng sở tượng loại chi lại, tắc trùng diệt tức bất phục kiến hĩ.»** 變復之家，謂蟲食穀者，部吏所致也。貪則侵漁。故蟲食穀，身黑頭赤，則謂武官；頭黑身赤，則謂文官。使加罰於蟲所象類之吏，則蟲滅息不復見矣。– **LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: *ngư* 漁 = *lược đoạt* 掠奪 (cướp giật). Sử Đông 史東 (*Giản Minh Cổ Hán Ngữ Từ Điển*, Văn Nam Nhân Dân xuất bản xã, 1999, tr.385) giảng: *xâm ngư* 侵漁 = *đạo thiết hoặc xâm đoạt tài vật* 盜竊或侵奪財物 (trộm cắp hoặc cướp đoạt tiền tài và đồ vật).**

tao." Các loài hàm chứa khí, có sự ưa thích, thì miệng và bụng của chúng chẳng khác nhau. Người thích ăn ngũ cốc và ghét côn trùng ăn ngũ cốc, cũng như ghét côn trùng sinh xuất trong cõi trời đất. Nếu côn trùng biết nói, chúng sẽ vin vào đó mà mắng người; người ắt không thể hỏi vặn lại được. [...] Nói chung, trong cõi trời đất, Âm Dương sinh ra muôn loài. Loài thuồng luồng và giun lãi, loài côn trùng sâu bọ đều do ngậm khí mà sinh ra. Chúng mở miệng ăn, ưa thức này ghét thức nọ, đều có lòng ham muốn giống nhau. Loài hung mạnh ăn loài yếu ớt, loài thông minh diệt loài ngu si. Khi những loài vật khác, dù lớn dù nhỏ, ăn thịt lẫn nhau thì chúng ta không xem đó là tai hoạ, mà chỉ riêng nói côn trùng ăn ngũ cốc là điềm ứng với nền chính trị [thối nát]. Kẻ nào nói vậy thì hẳn đánh mất thực chất của đạo lý và không hiểu bản tính của khí ở vạn vật vậy.»[44]

---

[44] ***Luận Hành*** (Thượng Trùng 商蟲): ***«Khoả trùng***(*) **tam bách, nhân vi chi trưởng. Do thử ngôn chi, nhân diệc trùng dã. Nhân thực trùng sở thực, trùng diệc thực nhân sở thực, câu vi trùng nhi tương thực vật, hà vi quái chi? Thiết trùng hữu tri, diệc tương phi nhân viết: "Nhữ thực thiên chi sở sinh, ngô diệc thực chi, vị ngã vi biến, bất tự vị vi tai." Phàm hàm khí chi loại, sở cam thị giả, khẩu phúc bất dị. Nhân cam ngũ cốc, ố trùng chi thực; tự sinh thiên địa chi gian, ố trùng chi xuất. Thiết trùng năng ngôn, đi thử phi nhân, diệc vô đĩ cật dã. [...] Phàm thiên địa chi gian, Âm Dương sở sinh, giao nhiêu chi loại, côn nhu chi thuộc, hàm khí nhi sinh, khai khẩu nhi thực, thực hữu cam bất, đồng tâm đẳng dục. Cương đại thực tế nhược, tri tuệ phản đốn ngu. Tha vật tiểu đại liên tương niết phệ, bất vị chi tai, độc vị trùng thực cốc vật vi ứng chính sự, thất đạo lý chi thực, bất đạt vật khí chi tính dã.» 裸蟲(*)三百，人爲之長．由此言之，人亦蟲也．人食蟲所食，蟲亦食人所食，俱爲蟲而相食物，何爲怪之？設蟲有知，亦將非人曰："汝食天之所生，吾亦食之，謂我爲變，不自謂爲災．"凡含氣之類，所甘嗜者，口腹不異．人甘五穀，惡蟲之食；自生天地之間，惡蟲之出．設蟲能言，以此非人，亦無以詰也．[...] 凡天地之間，陰陽所生，蛟蟜之類，昆蠕之屬，含氣而生，開口而食，食有甘不，同心等欲．彊大食細弱，知慧反頓愚．他物小大連相齧噬，不謂之災，獨謂蟲食穀物爲應政事，失道理之實，不達物氣之性也．– LAM chú: ***Khoả*** 裸(cũng đọc là ***loã***) = loã lồ, trần truồng. Chữ ***trùng*** 蟲 nghĩa gốc là ***côn trùng***; nghĩa mở rộng như từ điển ***Từ Hải*** giảng là ***«động vật chi thông danh»*** 動物之通名 (tên gọi chung động vật). ***Từ Hải*** dẫn ***Đại Đái Lễ Ký*** (Tăng Tử Thiên Viên 曾子天圓): «Mao trùng chi tinh giả viết lân, vũ trùng chi tinh giả viết phượng, giới trùng chi tinh giả viết quy, lân trùng chi tinh giả viết long, khoả trùng chi tinh giả viết thánh nhân.» 毛蟲之精者曰麟，羽蟲之精者曰鳳，介蟲之精者曰龜，鱗蟲之精者曰龍，裸蟲之精者曰聖人(Tinh hoa của động vật lông mao là lân, tinh hoa của động vật lông vũ là chim phượng, tinh hoa của động vật giáp xác là rùa, tinh hoa của động vật có vảy là rồng, tinh hoa của động vật khoả thân là thánh nhân). Vậy người cũng linh thiêng như tứ linh (long, lân, quy, phượng) mà hạng siêu việt kiệt xuất trong loài người chính là thánh nhân. (Chú ý: ***Lân*** thường gọi gộp là ***kỳ lân*** 麒麟, vốn được xem là ***nhân thú*** 仁獸 [loài thú nhân ái, biểu tượng cho thái bình], thực ra ***kỳ*** 麒 là con đực, ***lân*** 麟 là con cái. ***Phượng*** thường gọi gộp là ***phượng hoàng*** 鳳凰, thực ra ***phượng*** 鳳 là con trống, ***hoàng*** 凰 là con mái). Trong đoạn văn của Vương Sung trên đây, chữ ***trùng*** được dùng với cả hai nghĩa là ***côn trùng*** và ***động vật***.

Biện luận của Vương Sung đối với Âm Dương gia bấy giờ đại khái như thế. Đối với các thói mê tín ở đời bấy giờ, Vương Sung cũng biện bác tinh tế rõ ràng. Khi bài bác thói mê tín ấy, biện luận của ông về vấn đề có hay không có quỷ thần thì mang tính chất triết học. Vương Sung luận về vấn đề người chết và quỷ như sau: «Đời nói người chết thành quỷ, có tri giác và có thể hại người. Thử lấy vật mà suy nghiệm nó, người chết không thành quỷ, không có tri giác và không thể hại người. Làm sao nghiệm được nó? Lấy vật mà nghiệm nó. Người là vật; vật cũng là vật. Vật hư mất thì không thành quỷ, cớ sao riêng người chết thì lại thành quỷ? Đời biết phân biệt người với vật, [biết rằng vật] không thể thành quỷ, vậy mà [người] thành quỷ hay không thành quỷ lại khó phân biệt rõ. Nếu như không phân biệt được, thì cũng không thể biết người có thành quỷ hay không. Người sở dĩ sinh ra là do tinh khí. Khi chết thì tinh khí dứt. Có thể làm ra tinh khí là huyết mạch. Người chết thì huyết mạch cạn kiệt; cạn kiệt thì tinh khí dứt; dứt thì hình thể mục nát; mục nát thì thành tro đất. Làm sao mà thành quỷ? [...] Người chết không thể thành quỷ, cũng không có tri giác. Làm sao nghiệm được nó? Lúc người chưa sinh ra đời, thì không có tri giác. Người lúc chưa sinh ra thì ở trong nguyên khí; khi người chết thì quay trở về nguyên khí. Nguyên khí mờ mịt, khí của người ở trong đó. Người lúc chưa sinh ra thì không có tri giác, lúc chết thì trở về bản chất không có tri giác; làm sao mà có tri giác cho được? Người sở dĩ thông minh trí huệ là do hàm chứa khí ngũ thường. Khí ngũ thường sở dĩ ở trong người là do ngũ tạng ở trong thân thể. Ngũ tạng không tổn thương, thì người trí huệ; ngũ tạng có bệnh, thì người mụ mẫm. Mụ mẫm thì ngu si. Người chết, ngũ tạng mục nát, nên ngũ thường không còn chỗ bám. Cái dùng chứa trí huệ bị bại hoại, cái dùng tạo ra trí huệ đi mất. Hình cần khí mới thành, khí cần hình mới có tri giác. Thiên hạ không có lửa tự đốt, thế gian sao có được cái tinh thần không hình thể mà chỉ có tri giác? [...] Cái chết của người giống như sự tắt lửa. Lửa tắt thì ánh sáng không chiếu, người chết thì tri giác hết, hai cái đó bản chất giống nhau. Kẻ bàn luận nếu nói người chết có tri giác, tức là sai lầm. Người bệnh rồi chết, có khác gì lửa tắt? Lửa tắt, ánh sáng hết, nhưng đuốc thì còn. Người chết, tinh thần mất mà xác thì còn. Nếu nói người chết có tri giác, tức là nói lửa tắt rồi và có ánh sáng trở lại. Vào tháng mùa đông, khí lạnh tác dụng, nước đóng băng; bước qua mùa xuân thì khí ấm, băng tan thành nước. Người ta sống giữa cõi trời đất, cũng giống như băng. Khí Âm và khí Dương ngưng kết thành người; tuổi thọ hết thì người chết và trở lại thành khí. Nước vào mùa xuân không thể

trở lại thành băng thì hồn người chết sao có thể có hình thể trở lại?»[45]

Đó là quan điểm của Vương Sung về sống và chết theo chủ nghĩa tự nhiên.

c. Kiến giải của Vương Sung đối với lịch sử

Kiến giải của Vương Sung đối với lịch sử cũng có chỗ đặc biệt. Đa số triết gia cổ đại đều mượn danh cổ nhân để lập ngôn. Hậu quả là người ta trở nên lý tưởng hoá cổ đại, cho rằng mọi thứ của đời xưa đều tốt hơn đời nay. Vương Sung rất quan tâm quan niệm này. Ông nói: «Kẻ cai trị đời xưa bình yên, đó là thánh nhân; kẻ cai trị đời nay bình yên cũng là thánh nhân. Đức của thánh nhân trước sau như một, vậy khi cai trị đời bình yên thì xưa nay chẳng khác. Trời của đời xưa cũng là trời của đời nay. Trời không biến dịch, khí không đổi thay. Người dân đời xưa và người dân đời nay đều được phú bẩm nguyên khí. Nguyên khí thuần hoà, xưa nay không khác; hễ được phú bẩm nguyên khí thì có hình thể, cớ sao lại [nói người dân xưa nay] bất đồng? Phú bẩm nguyên khí như nhau thì chứa bản tính như nhau; chứa bản tính như nhau thì hình thể như nhau; hình thể như nhau thì đẹp xấu như nhau; đẹp xấu như nhau thì chết non và sống thọ như nhau. Một trời một đất cùng sinh vạn vật. Sự sống của vạn vật đều nhận được một khí. Khí dày hay mỏng, muôn đời như một. Đế vương trị thiên hạ, trăm đời cùng nguyên tắc. [...] Xưa có kẻ bất nghĩa, nay có kẻ sĩ tạo nên tiết tháo. Thiện ác lẫn lộn, đời nào chẳng có. Kẻ kể lể việc đời, xem trọng đời xưa mà coi thường đời nay, quý trọng điều mình nghe mà khinh rẻ điều mình thấy. Biện sĩ thì nói về cái lâu đời, văn nhân thì viết về cái xa xôi. Gần đây có việc lạ lùng thì khi biện luận

[45] *Luận Hành* (Luận Tử 論死): «Thế vị tử nhân vi quỷ, hữu tri năng hại nhân. Thí dĩ vật loại nghiệm chi, tử nhân bất vi quỷ, vô tri, bất năng hại nhân. Hà dĩ nghiệm chi? Nghiệm chi dĩ vật. Nhân, vật dã; vật, diệc vật dã. Vật tử bất vi quỷ, nhân tử hà cố độc năng vi quỷ? Thế năng biệt nhân vật bất năng vi quỷ, tắc vi quỷ bất vi quỷ, thượng nan phân minh; như bất năng biệt, tắc diệc vô dĩ trì kỳ năng vi quỷ dã. Nhân chi sở dĩ sinh giả, tinh khí dã, tử nhi tinh khí diệt. Năng vi tinh khí giả, huyết mạch dã. Nhân tử huyết mạch kiệt, kiệt nhi tinh khí diệt, diệt nhi hình thể hủ, hủ nhi thành hôi thổ, hà dụng vi quỷ? [...] Phù tử nhân bất năng vi quỷ, tắc diệc vô sở tri hĩ. Hà dĩ nghiệm chi? Dĩ vị sinh chi thời, vô sở tri dã. Nhân vị sinh, tại nguyên khí chi trung; ký tử, phục quy nguyên khí. Nguyên khí hoang hốt, nhân khí tại kỳ trung. Nhân vị sinh vô sở tri, kỳ tử quy vô tri chi bản, hà năng hữu tri hồ? Nhân chi sở dĩ thông minh trí huệ giả, dĩ hàm ngũ thường chi khí dã; ngũ thường chi khí sở dĩ tại nhân giả, dĩ ngũ tạng tại hình trung dã. Ngũ tạng bất thương, tắc nhân trí huệ; ngũ tạng hữu bệnh, tắc nhân hoang hốt. Hoang hốt tắc ngu si hĩ. Nhân tử, ngũ tạng hủ hủ, tắc ngũ thường vô sở thác hĩ, sở dụng tạng trí giả dĩ bại hĩ, sở dụng vi trí giả dĩ khứ hĩ. Hình tu khí nhi thành, khí tu hình nhi trí. Thiên hạ vô độc nhiên chi hoả, thế gian an đắc hữu vô thể độc tồn chi tinh? [...] Nhân chi tử, do hoả chi diệt dã. Hoả diệt nhi diệu bất chiếu, nhân tử nhi trí bất huệ, nhị giả nghi đồng nhất thực. Luận giả do vị tử hữu trí, hoặc dã. Nhân bệnh thả tử, dữ hoả chi thả diệt hà dĩ dị? Hoả diệt quang tiêu nhi chúc tại,

lại không nêu ra, ngày nay có điều kỳ dị thì lúc viết sách lại không chép vào.»[46]

Thói đời «quý trọng điều mình nghe mà khinh rẻ điều mình thấy» cho nên xem đời xưa tốt đẹp hơn đời nay; nhưng thực tế theo Vương Sung đời nay lại tốt đẹp hơn đời xưa. Ông so sánh đời Hán mà ông đang sống với đời Chu rằng: «Xét sự chuyển hoá thực sự [của dân] do đức, thì đời Chu không thể vượt quá đời Hán; bàn về phù thuỵ (điềm triệu) thì đời Hán thịnh hơn đời Chu; xét về lãnh thổ thì đất đời Chu hạn hẹp hơn đất đời Hán. Tại sao [lại nói] đời Hán không bằng đời Chu chứ? Riêng nói đời Chu có nhiều thánh nhân, cai trị hết sức thái bình. Nhà Nho nói [đời Chu] thánh nhân quá nhiều, tức là khiến thánh nhân trở nên xa xôi, không còn dấu vết ở đời sau; lại nói [đời Chu] cai trị cực thịnh, tức là

nhân tử tinh vong nhi hình tồn. Vị nhân tử hữu tri, thị vị hoả diệt phục hữu quang dã. Long đông chi nguyệt, hàn khí dụng sự, thuỷ ngưng vi băng, du xuân khí ôn, băng thích vi thuỷ. Nhân sinh ư thiên địa chi gian, kỳ do băng dã. Âm Dương chi khí, ngưng nhi vi nhân, niên chung thọ tận, tử hoàn vi khí. Phù xuân thuỷ bất năng phục vi băng, tử hồn an năng phục vi hình?» 世謂死人爲鬼，有知能害人．試以物類驗之，死人不爲鬼，無知，不能害人．何以驗之？驗之以物．人，物也．物，亦物也．物死不爲鬼，人死何故獨能爲鬼？世能別人物不能爲鬼，則爲鬼不爲鬼，尚難分明；如不能別，則亦無以知其能爲鬼也．人之所以生者，精氣也，死而精氣滅．能爲精氣者，血脈也．人死血脈竭，竭而精氣滅，滅而形體朽，朽而成灰土，何用爲鬼？[...] 夫死人能爲鬼，則亦無所知矣．何以驗之？以未生之時，無所知也．人未生在元氣之中；既死，復歸元氣．元氣荒忽，人氣在其中．人未生無所知，其死歸無知之本，何能有知乎？人之所以聰明智惠者，以含五常之氣也；五常之氣所以在人者，以五藏在形中也．五藏不傷，則人智惠；五藏有病，則人荒忽．荒忽則愚痴矣．人死五藏腐朽，則五常無所託矣，所用藏智者已敗矣，所用爲智者已去矣．形須氣而成，氣須形而知．天下無獨然之火，世間安得有無體獨存之精？[...] 人之死，猶火之滅也．火滅而耀不照，人死而知不惠，二者宜同一實．論者猶謂死有知，惑也．人病且死，與火之且滅何以異？火滅光消而燭在，人死精亡而形存．謂人死有知，是謂火滅復有光也．隆冬之月，寒氣用事，水凝爲冰，踰春氣溫，冰釋爲水．人生於天地之間，其猶冰也．陰陽之氣，凝而爲人，年終壽盡，死還爲氣．夫春水不能復爲冰，死魂安能復爲形？– LAM chú: Trong cổ văn, *tàng* 藏 dùng như *tạng* 臟; *huệ* 惠 dùng như *tuệ (huệ)* 慧. Xem: Sử Đông, *Giản Minh Cổ Hán Ngữ Từ Điển*, tr.36; *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, tr.137, 665. Vương Lực (*Cổ Hán Ngữ Thường Dụng Tự Tự Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1993, tr.27) nói chữ 藏 (ý nghĩa là nội tạng) là chữ gốc, về sau người ta mới viết thành 臟.– *Hoang hốt* 荒忽 = *hoảng hốt* 恍惚 (dáng vẻ ẩn ước không rõ).**

[46] ***Luận Hành* (Tế Thế 齊世): «Phù thượng thế trị giả, thánh nhân dã; hạ thế trị giả, diệc thánh nhân dã. Thánh nhân chi đức, tiền hậu bất thù, tắc kỳ trị thế, cổ kim bất dị. Thượng thế chi thiên, hạ thế chi thiên dã. Thiên bất biến dịch, khí bất cải canh. Thượng thế chi dân, hạ thế chi dân dã, câu bẩm nguyên khí. Nguyên khí thuần hoà, cổ kim bất dị, tắc bẩm dĩ vi hình thể giả, hà cố bất đồng? Phù bẩm khí đẳng tắc hoài tính quân, hoài tính quân, tắc hình thể đồng; hình thể đồng, tắc xú hảo tề; xú hảo tề, tắc yểu thọ thích. Nhất thiên nhất địa, tịnh sinh vạn vật. Vạn vật chi sinh, câu đắc nhất khí. Khí chi bạc ác, vạn thế nhược nhất. Đế vương trị thế, bách đại đồng đạo. [...] Cổ hữu vô nghĩa chi nhân, kim hữu kiến tiết chi sĩ. Thiện ác tạp xí, hà thế**

khiến thái bình dứt tuyệt, không còn tiếp tục ở đời sau nữa.»[47]

«Nhà Nho nói [đời Chu] thánh nhân quá nhiều, tức là khiến thánh nhân trở nên xa xôi, không còn dấu vết ở đời sau; lại nói [đời Chu] cai trị cực thịnh, tức là khiến thái bình dứt tuyệt, không còn tiếp tục ở đời sau nữa.» Cái gọi là «thánh vương» 聖王 (vua thánh) và «thánh trị» 聖治 (nền cai trị của thánh vương) chẳng qua chỉ là lý tưởng của Nho gia. Chẳng phải đời xưa có sự thực ấy. Nếu nói chỉ có đời xưa mới có *thánh vương*, tức là «khiến thánh nhân trở nên xa xôi, không còn dấu vết ở đời sau». Nếu nói chỉ có đời xưa mới có *thánh trị*, tức là «khiến thái bình dứt tuyệt, không còn tiếp tục ở đời sau nữa».

d. Phương pháp luận

Vương Sung nói: «*Thi* có 300 bài, tóm lại chỉ một lời: "Tư vô tà." 思無邪 (không nghĩ bậy). *Luận Hành* có vài chục thiên, tóm lại chỉ một lời : "Tật hư vọng." 疾虛妄 (ghét dối láo).»[48]

Đối với việc khảo luận sách vở và các học thuyết thế tục đương thời, Vương Sung luôn luôn biểu hiện tinh thần «*tật hư vọng*» 疾虛妄. Vương Sung cho rằng khi bàn luận điều gì chúng ta phải có căn cứ thực tế; cho nên

---

vô hữu. Thuật sự giả hiếu cao cổ nhi hạ kim, quý sở văn nhi tiện sở kiến. Biện sĩ tắc đàm kỳ cửu giả, văn nhân tắc trứ kỳ viễn giả. Cận hữu kỳ nhi biện bất xưng, kim hữu dị nhi bút bất ký.» 夫上世之治者，聖人也；下世治者，亦聖人也．聖人之德，前後不殊，則其治世古今不異．上世之天，下世之天也．天不變易，氣不改更．上世之民，下世之民也，俱稟元氣．元氣純和，古今不異，則稟以爲形體者，何故不同？夫稟氣等則懷性均，懷性均則形體同；形體同則醜好齊；醜好齊則夭壽適．一天一地並生萬物．萬物之生，俱得一氣．氣之薄渥，萬世若一．帝王治世，百代同道．[...] 古有無義之人，今有建節之士．善惡雜廁，何世無有．述事者好高古而下今，貴所聞而賤所見．辨士則談其久者，文人則著其遠者．近有其而辨不稱，今有異而筆不記．

[47] ***Luận Hành*** **(Tuyên Hán 宣漢): «Phù thực đức hoá tắc Chu bất năng quá Hán, luận phù thuỵ tắc Hán thịnh ư Chu, độ thổ cảnh tắc Chu hiệp ư Hán, Hán hà dĩ bất như Chu? Độc vị Chu đa thánh nhân, trị trí thái bình. Nho giả xưng thánh thái long, sử thánh trác nhi vô tích; xưng trị diệc thái thịnh, sử thái bình tuyệt nhi vô tục dã.»** 夫實德化則周不能過漢，論符瑞則漢盛於周，度土境則周狹於漢，漢何以不如周？獨謂周多聖人，治智太平．儒者稱聖泰隆，使聖卓而無跡；稱治亦泰盛，使太平絕而無續也．

[48] ***Luận Hành*** **(Dật Văn 佚文): «*Thi* tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: "Tư vô tà." *Luận Hành* thiên dĩ thập số, diệc nhất ngôn dã, viết: "Tật hư vọng."»** 詩三百，一言以蔽之，曰："思無邪．"論衡篇十數，亦一言也，曰："疾虛妄．"**- LAM chú: Vương Sung trích nguyên văn trong *Luận Ngữ* (Vi Chính): «*Thi* tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: "Tư vô tà."» *Luận Hành* có 85 thiên, hiện nay chỉ còn 84 thiên, mất thiên 44 (Chiêu Trí 招致). Từ điển *Từ Bá* giảng: *Tật* 疾 = *yếm ác* 厭惡; *tăng hận* 憎恨 (ghét, oán hận). *Hư vọng* 虛妄 = *hoang đản vô kê* 荒誕無稽 (thêu dệt, vô căn cứ, không khảo được).**

trong *Luận Hành* mỗi lập luận đều được chứng minh bằng vô số sự thực. Ông nói: «Nêu ra thí dụ so sánh để xác định đúng với thực tế.»[49]

Vương Sung còn nói: «Sự việc chẳng gì rõ ràng bằng có hiệu quả, lý luận chẳng gì xác định bằng có chứng minh.»[50]

Lý luận có chứng minh, tức là lý luận có căn cứ thực tế. Lý luận có căn cứ thực tế tuy có thể là một định luận, nhưng cái sự thực mà ta dùng để căn cứ rốt cuộc có đúng hay không thì cũng không dễ xác định. Chẳng hạn như Mặc gia nói: «Lời nói có ba tiêu chuẩn.» (Ngôn hữu tam biểu 言有三表). Hễ lập luận thì phải «có chuẩn *Nguyên*, tức là lời nói được chứng thực bằng tai nghe mắt thấy của mọi người» (nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực 原察百姓耳目之實).[51] Cho nên trong thiên Minh Quỷ 明鬼 (nói rõ về quỷ) Mặc Tử đã nêu ra vô số chuyện người xưa thấy quỷ thế nào để chứng minh quỷ là có thật. Tuy nhiên cảm giác của con người có khi lại không phù hợp với thực tế. Cảm giác của ta không thể xem là chứng cứ cho lập luận. Vương Sung nói: «Nếu lập luận không giữ tư tưởng tinh ròng mà cứ lấy bừa sự việc bên ngoài để thiết lập sự đúng sai và nếu cứ tin tưởng điều tai nghe mắt thấy ở ngoài mà không giải thích và đính chính ở trong [tâm trí], thì đó là lấy tai mắt chứ không phải lấy tâm ý mà nghị luận. Hễ lấy tai mắt mà nghị luận, tức là lấy *hư tượng* (hiện tượng không thật) mà nói; hư tượng mà hiệu quả, tức là biến cái đúng thành sai. Cho nên cái đúng và cái sai không tuỳ thuộc tai và mắt, mà nó cần khai mở *tâm ý* (lý trí). Mặc Tử khi nghị luận thì không lấy tâm ý để suy xét sự việc, mà cứ tin bừa vào tai nghe mắt thấy, tuy hiệu nghiệm thấy rõ nhưng nó mất chân thực. Nghị luận mất chân thực thì khó mà dạy bảo được ai. Tuy thoả mãn được bọn dân ngu, nhưng nó không vừa lòng kẻ trí thức; vì đánh mất sự chân thực của sự vật nên nó vô dụng, chẳng có ích gì cho đời. Do đó mà học

---

[49] ***Luận Hành*** **(Tao Hổ 遭虎): «Lược cử giảo trứ, đĩ định thực nghiệm.» 略舉較著, 以定實驗.**

[50] ***Luận Hành*** **(Bạc Táng 薄葬): «Sự mạc minh ư hữu hiệu, luận mạc định ư hữu chứng.» 事莫明於有效, 論莫定於有證.**

[51] **LAM chú: *Mặc Tử* (Phi Mệnh 非命) chép: «Hễ nói thì phải có tiêu chuẩn trước. Nói mà không theo tiêu chuẩn có sẵn thì khác gì ở trên bàn xoay của thợ gốm mà biện luận sớm tối, phải trái, lợi hại khác nhau thế nào. Cho nên khi nói phải có ba tiêu chuẩn: *bản* 本 (nền tảng), *nguyên* 原 (chứng thực), và *dụng* 用 (vận dụng). *Bản* nghĩa là lời nói căn cứ vào sự việc của thánh vương đời xưa. *Nguyên* nghĩa là lời nói được chứng thực bằng tai nghe mắt thấy của mọi người. *Dụng* nghĩa là lời nói được vận dụng vào hành chính để xem xét cái lợi của nó cho quốc gia và nhân dân.»**

thuật của Mặc Tử chẳng truyền được cho đời sau vậy.»[52]

Cảm giác không phù hợp thực tế, tức là «hư tượng» 虛象 (hiện tượng không thật). Cho nên cái mà ta cảm giác phải được «tâm ý» 心意 (lý trí) giải thích. Hễ tâm ý xác nhận cảm giác đó phù hợp thực tế, thì nó là sự thật đúng đắn. Mặc gia buộc lời nói phải được chứng thực bằng tai nghe mắt thấy của mọi người nhưng không lấy tâm ý để suy xét mà cứ tin bừa vào tai nghe mắt thấy, vì thế Mặc Tử mới bàn luận về quỷ. Tuy hiệu nghiệm thấy rõ nhưng nó mất chân thực. Phương pháp luận của Vương Sung quả thực có tinh thần khoa học, tiếc rằng về sau không có ai nối gót ông.

e. Nói về Tính

Vương Sung cũng có kiến giải về nhân tính. *Luận Hành* (Bản Tính 本性) chép: «Tình cảm và bản tính là cái gốc trị người, là nguyên do sinh ra lễ và nhạc. Cho nên đối với sự thái quá của tình cảm và bản tính nguyên sơ, thì lễ được dùng để phòng ngừa và nhạc được dùng để tiết chế. Bản tính có ti khiêm từ nhượng, nên lễ được đặt ra để thích nghi; tình cảm có ưa, ghét, mừng, giận, buồn, vui, cho nên nhạc được soạn để tôn trọng. Lễ sở dĩ được đặt ra, nhạc sở dĩ được soạn, là do bởi tình cảm và bản tính. Nho gia và học giả ngày xưa viết sách không ai không luận thuyết về tình và tính, nhưng chẳng ai xác định đúng cả. [...] Do đấy mà nói, sự dễ biết, đạo khó luận vậy. Văn chương ghi chép đầy rẫy rực rỡ và hoa mỹ, lời lẽ luận bàn khôi hài ngọt như mật; các thứ ấy chắc gì chân thực. Điều chân thực là nhân tính có thiện có ác, giống như tài năng con người có cao có thấp vậy. [...] Ta cho rằng Mạnh Kha (tức Mạnh Tử) khi nói nhân tính là thiện, tức là ám chỉ hạng người trung bình trở lên; Tuân Khanh (tức Tuân Tử) khi nói nhân tính là ác, tức là ám chỉ hạng người trung bình trở xuống; Dương Hùng khi nói nhân tính lẫn lộn thiện và ác, tức là ám chỉ hạng người trung bình. Tuy các thuyết ấy trái lẽ thường

---

[52] ***Luận Hành* (Bạc Táng 薄葬): «Phù luận bất lưu tinh trừng ý, cẩu dĩ ngoại hiệu lập sự thị phi, tín văn kiến ư ngoại, bất thuyên đính ư nội, thị dụng nhĩ mục luận, bất dĩ tâm ý nghị dã. Phù dĩ nhĩ mục luận, tắc dĩ hư tượng vi ngôn; hư tượng hiệu, tắc dĩ thực sự vi phi. Thị cố thị phi giả bất đồ nhĩ mục, tất khai tâm ý. Mặc nghị bất dĩ tâm nhi nguyên vật, cẩu tín văn kiến, tắc tuy hiệu nghiệm chương minh, do vi thất thực. Thất thực chi nghị nan dĩ giáo. Tuy đắc ngu dân chi dục, bất hợp tri giả chi tâm, táng vật sách dụng, vô ích ư thế. Thử cái Mặc thuật sở dĩ bất truyền dã.»** 夫論不留精澄意，苟以外效立事是非，信聞見於外，不詮訂於內，是用耳目論，不以心意議也．夫以耳目論，則以虛象爲言；虛象效，則以實事爲非．是故是非者不徒耳目，必開心意．墨議不以心而原物，苟信聞見，則雖效驗章明，猶爲失實．失實之議難以教．雖得愚民之欲，不合知者之心，喪物索用，無益於世．此蓋墨術所以不傳也．

[nhưng chừng mực nào đó cũng] hợp đạo, nên có thể dùng dạy đời; còn như việc thấu suốt nguyên lý của nhân tính thì các thuyết ấy chưa hề có.»[53]

Trong nhân tính tuy có ác, nhưng nếu chúng ta chịu khó giáo dục thì nhân tính đều có thể trở nên thiện. Vương Sung nói: «Luận về bản tính con người, quả thực nó có thiện có ác. Mặt thiện của nó tất nhiên là vốn thiện rồi; mặt ác của nó có thể được giáo dục và đốc thúc để trở nên thiện. Bậc vua và cha nên xem xét bản tính của bề tôi và con cái. Nếu thấy thiện thì dưỡng dục và khuyến khích, chớ để họ gần cái ác. Nếu họ gần cái ác tắc thì phải trợ giúp, bảo bọc, và ngăn ngừa, như vậy họ dần dần trở nên thiện. Thiện dần trở nên ác, ác hoá ra thiện; chính do hai quy trình ấy mà bản tính hình thành. [...] Đạo trời có chân và nguỵ. Chân thì tự tương ứng với trời; nguỵ thì con người gia thêm trí xảo [để sửa đổi], như vậy nó cũng không khác với chân.»[54]

---

[53] ***Luận Hành*** **(Bản Tính 本性): «Tình tính giả, nhân trị chi bản, lễ nhạc sở do sinh dã. Cố nguyên tình tính chi cực, lễ vi chi phòng, nhạc vi chi tiết. Tính hữu ti khiêm từ nhượng, cố chế lễ dĩ thích kỳ nghi; tình hữu hiếu ố hỉ nộ ai lạc, cố tác nhạc dĩ thông kỳ kính. Lễ sở dĩ chế, nhạc sở vì tác giả, tình dữ tính dã. Tích Nho cựu sinh, trứ tác thiên chương, mạc bất luận thuyết, mạc năng thực định. [...] Do thử ngôn chi, sự dị trị, đạo nan luận dã. *Phong*[a] văn mậu ký, phồn như vinh hoa, *khôi hài*[b] kịch đàm, cam như di mật, vị tất đắc thực. Thực giả, nhân tính hữu thiện hữu ác, do nhân tài hữu cao hữu hạ dã. [...] Dư cố dĩ Mạnh Kha ngôn nhân tính thiện giả, trung nhân dĩ thượng giả dã; *Tôn Khanh*[c] ngôn nhân tính ác giả, trung nhân dĩ hạ giả dã; Dương Hùng ngôn nhân tính thiện ác hỗn giả, trung nhân dã. Nhược phản kinh hợp đạo, tắc khả dĩ vi giáo; tận tính chi lý, tắc vị dã.»** 情性者,人治之本,禮樂所由生也.故原情性之極,禮爲之防,樂爲之節.性有卑謙辭讓,故制禮以適其宜;情有好惡喜怒哀樂,故作樂以通其敬.禮所以制,樂所爲作者,情與性也.昔儒舊生,著作篇章,莫不論說,莫能實定.[...] 由此言之,事易知,道難論也.鄮文茂記,繁如榮華,恢諧劇談,甘如飴蜜,未必得實.實者,人性有善有惡,猶人才有高有下也.[...] 余固以孟軻言人性善者,中人以上者也;孫卿言人性惡者,中人以下也;揚雄言人性善惡混者,中人也.若反經合道,則可以爲教;盡性之理,則未也. – **LAM chú: (a)** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển,*** **tr.412, giảng: «*Phong* 鄮 = *phong phú* 豐富, *phong thịnh* 豐盛». (b)** ***Từ Bá*** **giảng: «*Khôi hài* 恢諧 = *khôi hài* 詼諧». (c)** ***Tôn Khanh*** **孫卿 lẽ ra là** ***Tuân Khanh*** **荀卿.**

[54] ***Luận Hành*** **(Suất Tính 率性): «Luận nhân chi tính, thực hữu thiện hữu ác. Kỳ thiện giả, cố tự thiện hĩ; kỳ ác giả, cố khả giáo cáo suất miễn, sử chi vi thiện. Phàm nhân quân phụ thẩm quan thần tử chi tính, thiện tắc dưỡng dục khuyến suất, vô lệnh cận ác; cận ác tắc phụ bảo cấm phòng, lệnh tiệm ư thiện, thiện tiệm ư ác, ác hoá ư thiện, thành vi tính hành. [...] Thiên đạo hữu chân nguỵ. Chân giả cố tự dữ thiên tương ứng, nguỵ giả nhân gia trí xảo, diệc dữ chân giả vô dĩ dị dã.»** 論人之性,實有善有惡.其善者,固自善矣;其惡者,故可教告率勉,使之爲善.凡人君父審觀臣子之性,善則養育勸率,無令近惡;近惡則輔保禁防,令漸於善,善漸於惡,惡化於善,成爲性行.[...] 天道有眞僞.眞者固自與天相應,僞者人加知巧,亦與眞者無以異也.

Ở đây Vương Sung tiếp thu và dung hoà cả hai kiến giải của Mạnh Tử và Tuân Tử về nhân tính.

f. Kiến giải của Vương Sung đối với vận mệnh

Ngoài *tính* 性 còn có *mệnh* 命 (vận mệnh), Vương Sung nói: «Tính và mệnh khác nhau. Có người bản tính thiện mà vận mệnh xấu; có người bản tính ác mà vận mệnh tốt. Ăn ở thiện hay ác, đó là bản tính; hoạ phúc và cát hung là vận mệnh. Có người làm thiện mà gặp hoạ, đó là do bản tính thiện mà vận mệnh xấu; có người làm ác nhi được phúc, đó là do bản tính ác mà vận mệnh tốt. Bản tính tự nó có thiện và ác, vận mệnh tự nó có tốt và xấu. Nếu người có vận mệnh tốt, tuy không làm thiện, chắc gì không được phúc; kẻ có vận mệnh xấu, tuy gắng làm thiện, chắc gì không gặp hoạ.»[55]

Ý kiến này của Vương Sung là nhằm đả phá thuyết thiện ác báo ứng (thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo 善有善報,惡有惡報). *Luận Hành* thuật lại quan niệm của người đời rằng: «Người đời thường nói: làm thiện thì phúc đến, làm ác thì hoạ đến. Sự báo ứng phúc hay hoạ đều do trời. Con người hành động việc gì thì trời sẽ báo ứng. Công khai thi ân thì được vua khen thưởng. Âm thầm ban huệ thì được trời đất báo đáp âm đức. Những kẻ quý, tiện, hiền, ngu, chẳng ai mà không cho điều ấy là đúng.»[56]

Ông thuật tiếp: «Người đời thường nói: người được phúc và được phù hộ là do làm thiện; còn nói: người bị tai hoạ là do làm ác. Họ còn cho rằng ai che giấu tội lỗi và hành vi ác sẽ bị trời đất trừng phạt, quỷ thần báo ứng. Bất kể việc ác lớn hay nhỏ, sự trừng phạt của trời đất đều

---

[55] ***Luận Hành* (Mệnh Nghĩa 命義): «Phù tính dữ mệnh dị, hoặc tính thiện nhi mệnh hung, hoặc tính ác nhi mệnh cát. Thao hành thiện ác giả, tính dã; hoạ phúc cát hung giả, mệnh dã. Hoặc hành thiện nhi đắc hoạ, thị tính thiện nhi mệnh hung; hoặc hành ác nhi đắc phúc, thị tính ác nhi mệnh cát dã. Tính tự hữu thiện ác, mệnh tự hữu cát hung. Sử mệnh cát chi nhân, tuy bất hành thiện, vị tất vô phúc; hung mệnh chi nhân, tuy miễn thao hành, vị tất vô hoạ.»** 夫性與命異,或性善而命凶,或性惡而命吉.操行善惡者,性也;禍福吉凶者,命也.或行善而得禍,是性善而命凶;或行惡而得福,是性惡而命吉也.性自有善惡,命自有吉凶.使命吉之人,雖不行善,未必無福;凶命之人,雖勉操行,未必無禍.

[56] ***Luận Hành* (Phúc Hư 福虛): «Thế luận hành thiện giả phúc chí, vi ác giả hoạ lai. Phúc hoạ chi ứng, giai thiên dã, nhân vi chi, thiên ứng chi. Dương ân, nhân quân thưởng kỳ hành; Âm huệ, thiên địa báo kỳ đức. Vô quý tiện hiền ngu, mạc vị bất nhiên.»** 世論行善者福至,爲惡者禍來.福禍之應,皆天也,人爲之,天應之.陽恩,人君賞其行,陰惠,天地報其德.無貴賤賢愚,莫謂不然.

có; bất kể người ở xa hay gần, sự báo ứng của quỷ thần đều tới.»[57]

Vương Sung luận về quan niệm ấy của thế tục như sau: «Trong mọi hành vi, con người dù hiền hay ngu, đều có thể gặp hoạ hay được phúc, được hạnh phúc hoặc gặp bất hạnh. Việc họ làm khi đúng khi sai, nhưng việc được thưởng hay bị phạt đều do may mắn hay không may mắn. Nếu nhiều người cùng bị quân giặc tấn công, ai ẩn nấp được thì sẽ không bị nạn. Nếu nhiều người cùng [ra đồng làm ruộng và] phơi sương sớm, ai che chắn [bằng cách đội nón và mặc áo tơi] thì không lâm bệnh. Kẻ bị nạn và kẻ lâm bệnh chắc gì là người ác; kẻ ẩn nấp và kẻ che chắn chắc gì là người thiện? Thế mà kẻ ẩn nấp và kẻ che chắn thì tốt lành; kẻ bị nạn và kẻ lâm bệnh thì bất hạnh. Nhiều người muốn thể hiện lòng trung với vua, có người được thưởng, có kẻ bị phạt. Nhiều người muốn tạo lợi ích cho vua, có người được tin cậy, có kẻ bị nghi ngờ. Kẻ được thưởng và kẻ được tin cậy chắc gì là người chân chính; kẻ bị phạt và kẻ bị nghi ngờ chắc gì là người tà nguỵ? Kẻ được thưởng và kẻ được tin cậy là do may mắn; kẻ bị phạt và kẻ bị nghi ngờ là do không may mắn. Trong số hơn 70 đệ tử của Khổng Tử thì Nhan Hồi chết yểu. Khổng Tử than: "Hồi bất hạnh, vẫn số mà chết vậy." Vẫn số thì bảo là bất hạnh, tức là biết trường thọ là hạnh phúc còn vẫn số là bất hạnh. [...] Dế kiến bò trên mặt đất, người ta đi bước qua chúng. Hễ chân người đạp lên chúng thì chúng chết; không đạp lên chúng thì chúng sống lành lặn. Lửa đốt cỏ đồng cho xe chạy qua; vạt cỏ nào không bị đốt thì người bình dân mừng cho nó và gọi nó là "cỏ may mắn". Dế kiến không bị đạp và cỏ không bị đốt, chắc gì do chúng thiện? Đó là do lửa không lan tới chân không đạp phải mà thôi.»[58]

---

[57] ***Luận Hành* (Hoạ Hư 禍虛): «Thế vị thụ phúc hữu giả, ký dĩ vi hành thiện sở trí; hựu vị bị hoạ hại giả, vi ác sở đắc. Dĩ vi hữu trầm ác phục quá, thiên địa phạt chi, quỷ thần báo chi. Thiên địa sở phạt, tiểu đại do phát; quỷ thần sở báo, viễn cận do chí.»** 世謂受福佑者，既以爲行善所致；又謂被禍害者，爲惡所得。以爲有沉惡伏過。天地罰之，鬼神報之。天地所罰，小大猶發；鬼神所報，遠近猶至。

[58] ***Luận Hành* (Hạnh Ngẫu 幸偶): «Phàm nhân thao hành, hữu hiền hữu ngu, cập tao hoạ phúc, hữu hạnh hữu bất hạnh. Cử sự hữu thị hữu phi, cập xúc thưởng phạt, hữu ngẫu hữu bất ngẫu. Tịnh thời tao binh, ẩn giả bất trúng. Đồng nhật bị sương, tế giả bất thương. Trúng thương vị tất ác, ẩn tế vị tất thiện. Ẩn tế hạnh, trúng thương bất hạnh. Câu dục nạp trung, hoặc thưởng hoặc phạt; tịnh dục hữu ích, hoặc tín hoặc nghi. Thưởng nhi tín giả vị tất chân, phạt nhi nghi giả vị tất nguỵ. Thưởng tín giả ngẫu, phạt nghi giả bất ngẫu dã. Khổng Tử môn đồ thất thập hữu dư, Nhan Hồi tảo yểu. Khổng Tử viết: "Bất hạnh đoản mệnh tử hĩ." Đoản mệnh xưng bất hạnh, tắc trí trường mệnh giả hạnh dã, đoản mệnh giả bất hạnh dã. [...] Lâu nghĩ hành ư địa, nhân cử túc nhi thiệp chi. Túc sở lý, lâu nghĩ tạc tử; túc sở bất đạo, toàn hoạt bất thương. Hoả phần dã thảo, xa lịch sở trí, hoả sở bất phần, tục hoặc hỉ chi, danh viết hạnh thảo. Phù túc sở bất đạo, hoả sở bất cập, vị tất thiện dã, cử hoả hành hữu thích nhiên dã.»** 凡人操行，有賢有愚，及遭禍福，有幸有不幸。舉事有是有非，及觸賞罰，有偶有不偶。並時遭兵，隱者不中。同日被霜，蔽者不傷。中傷未必惡，隱蔽未必

Người làm thiện chắc gì được phúc; kẻ làm ác chắc gì gặp hoạ. Con người khi được phúc hoặc gặp hoạ, đều xem đó là hạnh phúc hoặc bất hạnh. Nếu dừng ở đây thì lập luận của Vương Sung hoàn toàn phù hợp với nhân sinh quan và vũ trụ quan theo chủ nghĩa tự nhiên và cũng phù hợp với sự thực nữa. Tuy nhiên lập luận của Vương Sung không dừng lại ở đó, mà ông còn cho rằng việc con người được hạnh phúc hay bị bất hạnh đều do vận mệnh đã định sẵn. Ông nói: «Người ta gặp may mắn hay rủi ro đều do số mệnh. Có số sống hay chết, thọ hay yểu; cũng có số phú quý hay bần tiện. Từ vương công cho đến dân thường, từ thánh hiền cho đến hạ ngu, nói chung hễ loài nào có đầu và mắt, có hàm chứa máu huyết, thì đều có số mệnh cả. Số mệnh bắt phải bần tiện, dù cố làm cho phú quý rốt cuộc cũng trải qua tai hoạ hoạn nạn. Số mệnh bắt phải phú quý, dù cố làm cho bần tiện, rốt cuộc cũng gặp phúc thiện. Cho nên số mệnh bắt phải phú quý thì đang ở chỗ thấp rồi cũng tự ngoi lên cao; số mệnh bắt phải bần tiện thì đang ở chỗ phú quý rồi cũng tự lâm nguy. Cho nên phú quý cơ hồ có thần phù trợ, bần tiện cơ hồ có quỷ gieo hoạ. [...] Do đó khi gặp việc, người ta khôn hay ngu; khi hành động, người ta trong hay đục; đó là vấn đề bản tính và tài năng. Còn như trở nên quý hay tiện trên đường công danh khoa hoạn và giầu hay nghèo về tài sản, thì đó là vấn đề số mệnh và thời vận. Số mệnh không thể gượng có, thời vận không thể cố gặp.»[59]

善.隱蔽幸,中傷不幸.俱欲納忠,或賞或罰;並欲有益,或信或疑.賞而信者未必眞,罰而疑者未必僞.賞信者偶,罰疑者不偶也.孔子門徒七十有餘,顏回蚤夭.孔子曰:"不幸短命死矣."短命稱不幸,則知長命者幸也,短命不幸也.[...] 螻蟻行於地,人舉足而涉之.足所履,螻蟻牟死;足所不蹈,全活不傷.火燔野草,車轢所致,火所不燔,俗或喜之,名曰幸草.夫足所不蹈,火所不及,未必善也,舉火行有適然也.

[59] ***Luận Hành*** **(Mệnh Lộc 命祿): «Phàm nhân ngẫu ngộ cập tao luỵ hại, giai do mệnh dã. Hữu tử sinh thọ yểu chi mệnh, diệc hữu quý tiện bần phú chi mệnh. Tự vương công đãi thứ nhân, thánh hiền cập hạ ngu, phàm hữu thủ mục chi loại, hàm huyết chi thuộc, mạc bất hữu mệnh. Mệnh đương bần tiện, tuy phú quý chi, do thiệp hoạ hoạn hĩ. Mệnh đương phú quý, tuy bần tiện chi, do phùng phúc thiện hĩ. Cố mệnh quý tòng tiện địa tự đạt, mệnh tiện tòng phú vị tự nguy. Cố phù phú quý nhược hữu thần trợ, bần tiện nhược hữu quỷ hoạ. [...] Cố phù lâm sự tri ngu, thao hành thanh trọc, tính dữ tài dã; sĩ hoạn quý tiện, trị sản bần phú, mệnh dữ thời dã. Mệnh tắc bất khả miễn, thời tắc bất khả lực.»** 凡人偶遇及遭累害,皆由命也.有死生壽夭之命,亦有貴賤貧富之命.自王公逮庶人,聖賢及下愚,凡有首目之類,含血之屬,莫不有命.命當貧賤,雖富貴之,猶涉禍患矣.命當富貴,雖貧賤之,猶逢福善矣.故命貴從賤地自達,命賤從富位自危.故夫富貴若有神助,貧賤若有鬼禍.[...] 故夫臨事知愚,操行清濁,性與才也;士宦貴賤,治產貧富,命與時也.命則不可勉,時則不可力.

Không phải chỉ riêng cá nhân là có số mệnh bất phải quý hay tiện, hoạ hay phúc; mà ngay cả quốc gia cũng có số mệnh bất phải hưng thịnh hay suy vong, yên bình hay loạn lạc. Vương Sung nói: «Tống, Vệ, Trần, Trịnh bị thiên tai cùng một ngày. Dân chúng của bốn nước này ắt cũng có người phúc lộc đang thịnh chưa phải suy. Nhưng họ đều bị thiên tai; tai hoạ của quốc gia làm hại đến họ. Cho nên vận mệnh của quốc gia thắng vận mệnh của cá nhân; số sống thọ thắng số hưởng phúc lộc.»[60]

Do ý nghĩa này mà suy ra, sự hưng thịnh hay suy vong và sự yên bình hay loạn lạc của một quốc gia đều do ở «quốc mệnh» 國命 (vận mệnh của quốc gia; vận nước) mà ra. Còn những bậc hiền tài hay những kẻ ngu muội của quốc gia đang bình yên hưng thịnh ấy có làm được gì hay không thì chẳng có quan hệ chi. Vương Sung nói: «Ai cũng biết sự giàu có, an cư, hạnh phúc đều do số mệnh được lộc hậu, chứ không biết quốc gia yên bình và tiến hoá là do trải qua số mệnh tốt. Cho nên đời thịnh trị đâu phải là công lao của hiền thánh, đời suy loạn đâu phải con người quá vô đạo. Quốc gia phải suy loạn, thì hiền thánh không thể làm cho nó hưng thịnh; thời phải yên bình, kẻ ác không thể gây rối loạn. Sự yên bình hay loạn lạc của đời là do thời thế chứ không do chính quyền; sự an nguy của quốc gia là do vận nước chứ không do giáo hoá. Vua hiền hay không hiền, chính quyền anh minh hay không anh minh, đều không

---

[60] ***Luận Hành*** **(Mệnh Nghĩa 命義): «Tống, Vệ, Trần, Trịnh đồng nhật tịnh tai. Tứ quốc chi dân, tất hữu lộc thịnh vị đương suy chi nhân. Nhiên nhi câu tai, quốc hoạ lăng chi dã. Cố quốc mệnh thắng nhân mệnh, thọ mệnh thắng lộc mệnh.»** 宋，衛，陳，鄭同日並災．四國之民，必有祿盛未當衰之人．然而俱災，國禍陵之也．故國命勝人命，壽命勝祿命．**– Derk Bodde chú: Theo *Xuân Thu* và *Tả Truyện*, vào một ngày mùa hè năm 524 TCN, hoả tai đồng thời xảy ra ở kinh đô của bốn nước Tống, Vệ, Trần, Trịnh. Người ta cho rằng đó là do sao chổi gây nên.– LAM chú: Vụ thiên tai này xảy ra năm Chiêu Công 昭公 18 (năm 524 TCN), có điềm gở vào ngày bính tý (mồng 7 tháng 5 Âm lịch) và chính thức xảy ra ngày nhâm ngọ (14 tháng 5 Âm lịch). *Tả Truyện* chép: «Hạ ngũ nguyệt, hoả thuỷ hôn hiện. Bính tý, phong. Tử Thận viết: "Thị vị dung phong, hoả chi thuỷ dã. Thất nhật, kỳ hoả tác hồ?" Mậu dần phong thậm. Nhâm ngọ đại thậm. Tống, Vệ, Trần, Trịnh giai hoả. Tử Thận đăng Đại Đình Thị chi khố dĩ vọng chi, viết: "Tống, Vệ, Trần, Trịnh dã."»** 夏五月，火始昏見．丙子風．梓慎曰："是謂融風，火之始也．七日其火作乎？" 戊寅風甚．任午大甚．宋，衛，陳，鄭皆火．梓慎登大庭氏之庫以望之，曰："宋，衛，陳，鄭也．" **(Tháng 5, mùa hè, một hoả tinh xuất hiện lúc hoàng hôn. Ngày mồng 7 gió nổi lên. Tử Thận nói: "Đó là gió mùa xuân, khởi đầu cho hoả tai. 7 ngày nữa hoả tai sẽ xảy ra chăng?" Ngày mồng 9, gió càng lớn. Ngày 14, gió càng lớn hơn nữa. Bốn nước Tống, Vệ, Trần, Trịnh cùng xảy ra hoả tai. Tử Thận lên kho chứa của Đại Đình Thị [trong thành của nước Lỗ] để quan sát, rồi nói: "Hoả tai ở bốn nước Tống, Vệ, Trần, Trịnh đấy."). Xem: *Tả Truyện Toàn Dịch* 左傳全譯 (Vương Thủ Khiêm 王守謙, Kim Tú Trân 金秀珍, Vương Phượng Xuân 王鳳春 dịch chú), Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, 1992, tr.1276.**

thể làm cho quốc gia bị tổn thất hay được lợi ích gì.»[61]

Theo quan điểm của Vương Sung, sự phú quý hay bần tiện và tai hoạ hay phúc lộc của một cá nhân, sự yên bình hay loạn lạc và sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia, tất cả đều do số mệnh. Ông cho rằng: «Các tinh tú ở trên trời; trời có các hiện tượng. Con người có tướng phú quý thì sẽ phú quý; có tướng bần tiện thì sẽ bần tiện.»[62] Ông còn nói vận mệnh của con người có thể nhìn thấy ở *cốt tướng* 骨相.[63] Lý thuyết của Vương Sung về mệnh đều khác hẳn với thuyết về mệnh theo Nho gia và Đạo gia.

Mạnh Tử nói: «Việc gì mình không mong cầu mà tự nhiên nó đến, đấy là số mệnh vậy.»[64] Tuân Tử nói: «Cái mà người ta tình cờ gặp gọi là mệnh.»[65] Trang Tử nói: «Biết sự tình đã hết cách sửa đổi mà lòng vẫn cứ

---

[61] ***Luận Hành*** **(Trị Kỳ 治期): «Nhân giai tri phú nhiêu cư an lạc giả mệnh lộc hậu, nhi bất tri quốc an trị hoá hành giả lịch số cát dã. Cố thế trị phi hiền thánh chi công, suy loạn phi vô đạo chi trí. Quốc đương suy loạn, hiền thánh bất năng thịnh; thời đương trị, ác nhân bất năng loạn. Thế chi trị loạn, tại thời bất tại chính; quốc chi an nguy, tại số bất tại giáo. Hiền bất hiền chi quân, minh bất minh chi chính, vô năng tổn ích.»** 人皆知富饒居安樂者命祿厚，而不知國安治化行者歷數吉也．故世治非賢聖之功，衰亂非無道之致．國當衰亂，賢聖不能盛；時當治，惡人不能亂．世之治亂，在時不在政；國之安危，在數不在教．賢不賢之君，明不明之政，無能損益．

[62] ***Luận Hành*** **(Mệnh Nghĩa 命義): «Chúng tinh tại thiên, thiên hữu kỳ tượng. Đắc phú quý tướng tắc phú quý, đắc bần tiện tướng tắc bần tiện.»** 衆星在天，天有其象．得富貴相則富貴，得貧賤相則貧賤．

[63] **LAM chú: Vương Sung đề cập cách xem tướng xương trong *Luận Hành* (Cốt Tướng 骨相): «Nhân viết mệnh nan tri. Mệnh thậm dị tri. Tri chi hà dụng? Dụng chi cốt thể. [...] Thị cố tri mệnh chi nhân, kiến phú quý ư bần tiện, đổ bần tiện ư phú quý. Án cốt tiết chi pháp, sát bì phu chi lý, đĩ thẩm nhân chi tính mệnh, vô bất ứng giả. [...] Phú quý chi cốt, bất ngộ bần tiện chi khổ; bần tiện chi tướng, bất tao phú quý chi lạc, điệc do thử dã.»** 人曰命難知．命甚易知．知之何用?用之骨體．[...] 是故知命之人，見富貴於貧賤，睹貧賤於富貴．案骨節之法，察皮膚之理，以審人之性命，無不應者．[...] 富貴之骨，不遇貧賤之苦；貧賤之相，不遭富貴之樂，亦猶此也．**(Người ta nói khó biết được mệnh. Nhưng ta nói mệnh thật dễ biết. Dùng gì để biết nó? Dùng hình thể xương. [...] Cho nên người biết mệnh [tức thấy tướng số], thấy phú quý hiện ở kẻ bần tiện, thấy bần tiện hiện ở kẻ phú quý. Xem phép tắc của xương và các đốt xương, xem sắc da, thì thẩm định được tính mệnh của con người, chẳng gì mà không ứng nghiệm. [...] Kẻ có cốt cách phú quý sẽ không gặp cái khổ sở của cảnh bần tiện; kẻ có tướng bần tiện sẽ không hưởng sự sung sướng của cảnh phú quý; chúng đều do cốt tướng cả).**

[64] ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - thượng): «Mạc chi trí nhi chí giả mệnh dã.»** 莫之致而至者命也．

[65] ***Tuân Tử*** **(Chính Danh): «Tiết ngộ chi vị mệnh.»** 節遇之謂命．**– LAM chú: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.785) giảng: «*Tiết ngộ* 節遇(jiéyù) = *ngẫu nhiên tính đích tao ngộ* 偶然性的遭遇 (gặp gỡ tình cờ).» Derk Bodde dịch: «What one meets with by chance is called Fate.» (Cái mà người ta tình cờ gặp thì gọi là Mệnh).**

vui vẻ chấp nhận nó như số mệnh an bài, vậy là người chí đức.»[66] Trang Tử để cho nhân vật Tử Tang nói: «Tôi nghĩ mãi mà vẫn không hiểu vì sao tôi bị cùng cực thế này. Cha mẹ tôi lẽ nào lại muốn tôi nghèo như vầy? Trời che phủ vạn vật đâu có tư vị ai. Đất chở vạn vật cũng đâu có tư vị ai. Trời đất lẽ nào lại khiến riêng tôi phải nghèo? Tôi cứ tìm mãi nguyên nhân của cái nghèo mà tìm không ra. Tôi cùng cực thế này là do số mệnh ư?»[67]

Người đời khi có được hạnh phúc hay gặp phải bất hạnh, mong tìm hiểu nguyên do nhưng không tìm được, bèn đổ cho số mệnh. Đó gọi là «tình cờ mà gặp» và «không mong cầu mà tự nhiên nó đến». Ý này tương đồng với quan điểm của Vương Sung (ở thiên Hạnh Ngẫu của *Luận Hành*) được trích dẫn trên đây. Nhưng ở một thiên khác, ông lại nói rằng mỗi cá nhân và mỗi quốc gia đều có một vận mệnh đã được quyết định sẵn. Sự phú quý hay bần tiện và tai hoạ hay phúc lộc của một cá nhân; sự hưng thịnh hay suy vong và sự yên bình hay loạn lạc của một quốc gia; tất cả đều do số mệnh đã quyết định sẵn. Sự nỗ lực của con người không hề sửa đổi được nó chút nào. Cái gọi là mệnh này, người đời gọi là số mệnh, có yếu tố mê tín trong đó. Ở điểm này, Vương Sung cũng chưa thể thoát khỏi quan niệm của thế tục.

Vương Sung tuy công kích học thuyết của Âm Dương gia, nhưng cũng nói đến phù thuỵ (điềm triệu). Ông từng nói ở thiên Tuyên Hán rằng «bàn về phù thuỵ thì đời Hán thịnh hơn đời Chu». Dường như phù thuỵ là thuyết của Âm Dương gia. Một người như Vương Sung vốn chủ trương «tật hư vọng» 疾虛妄(ghét dối láo) và lập luận cần phải có chứng cứ chân thực, thế mà cũng chủ trương thuyết về số mệnh và phù thuỵ. Có thể thấy ảnh hưởng rất lớn của thời đại bấy giờ, đến nỗi một kẻ sĩ đặc biệt khác đời như Vương Sung lắm lúc cũng khó mà tự thoát được ảnh hưởng đó.

*

---

[66] *Trang Tử* (Nhân Gian Thế): «Tri kỳ bất khả nại hà nhi an chi nhược mệnh, đức chi chí dã.» 知其不可奈何而安之若命德之至也.

[67] *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Ngô tư phù sử ngã chí thử cực giả nhi phất đắc dã. Phụ mẫu khởi dục ngô bần tai? Thiên vô tư phúc, địa vô tư tải, thiên địa khởi tư bần ngã tai? Cầu kỳ vi chi giả nhi bất đắc dã? Nhiên nhi chí thử cực giả, mệnh dã phù!» 吾思夫使我至此極者而弗得也. 父母豈欲吾貧哉?天無私覆, 地無私載, 天地豈私貧我哉?求其爲之者而不得也? 然而至此極者, 命也夫.– LAM chú: Tử Dư và Tử Tang là bạn. Mưa dầm suốt mười ngày, Tử Dư thốt: "Tử Tang ắt khốn quẫn rồi!" Bèn mang một bao lương thực đến tặng. Đến tới cửa, Tử Dư liền nghe có tiếng như ca như khóc ở bên trong. Nghe vỗ đàn và tiếng hát rằng: "Cha ơi! Mẹ ơi! Trời ư? Người ư?" Giọng bị đuối, lời ca gấp gáp. Tử Dư bước vào, hỏi: "Tại sao anh ca hát như thế?" Và Tử Tang đáp như trên.

LAM chú: **So sánh Dịch và Thái Huyền**

Phần này tôi viết căn cứ *Thái Huyền Kinh* (tập chú với lời tựa của Tư Mã Quang, Trung Hoa Thư Cục in theo Tứ Bộ Bị Yếu, không ghi năm in).

Dịch và Thái Huyền (dưới đây viết tắt là TH) vốn «Đạo đồng pháp dị» 道同法異 (Đạo thì như nhau còn phương pháp trình bày thì khác nhau). Sự tương đồng của chúng có thể tóm tắt như sau:

1. [a] Nguyên lý tổng quát của Dịch là Thái Cực, sinh lưỡng nghi: Âm (vạch đứt đôi – – và Dương (vạch liền —). Các hào 7 (Thiếu Dương, tĩnh), 9 (Lão Dương, động), 8 (Thiếu Âm, tĩnh), 6 (Lão Âm, động) được gọi là *Tứ Tượng* 四象, dùng lập quẻ Dịch.

[b] Nguyên lý tổng quát của TH là Huyền, lấy 3 mà sinh (dĩ tam sinh 以三生), tức là 1 sinh 2, sinh 3 (tượng trưng bằng vạch liền —, vạch đứt đôi – –, vạch đứt ba - - -). Ba loại vạch này gọi là *Tam Mô*, 三摹 dùng lập *thủ* 首.

2. [a] Dịch có 64 quẻ (*quái* 卦), mỗi quẻ có sáu hào ứng với lục vị (tính từ dưới lên: sơ, nhị, tam, tứ, ngũ, thượng). 64 quẻ có cả thảy 384 *hào* 爻.

[b] TH có 81 *thủ* 首, mỗi thủ có 4 vạch (gọi là *tứ trùng* 四重 = 4 tầng, tính từ trên xuống là: *phương* 方, *châu* 州, *bộ* 部, *gia* 家. Theo nguyên tắc sinh 3, Huyền = 3 phương = 9 châu = 27 bộ = 81 gia). Mỗi thủ có 9 *tán* 贊, 81 thủ có 729 *tán*.

3. [a] Quẻ Dịch (trùng quái) gồm hai quẻ của Bát quái chồng lên nhau (thượng quái và hạ quái). Viết quẻ từ dưới lên, đọc tên quẻ từ trên xuống. Thí dụ: quẻ 11 ䷊ (*Thái* 泰) trên là Khôn (địa) và dưới là Càn (thiên), vậy tên là «*Địa Thiên Thái*» 地天泰.

[b] Thủ của TH gồm bốn vạch viết từ trên xuống, và đọc tên theo số từ trên xuống (vạch liền — là 1, vạch đứt đôi – – là 2, vạch đứt ba - - - là 3). Thí dụ: thủ 12 (*Đồng* 童) 𝌢 đọc là «*nhất phương, nhị châu, nhất bộ, tam gia Đồng*» 一方二州一部三家童.

4. [a] Dịch có bốn đức: *nguyên* 元, *hanh* 亨, *lợi* 利, *trinh* 貞.

[b] TH có năm đức: *võng* 罔 (tương đương *trinh*, ở hướng bắc), *trực* 直 (tương đương *nguyên*, ở hướng đông), *mông* 蒙 (tương đương *hanh*, ở hướng nam), *tù* 酋 (tương đương *lợi*, ở hướng tây), *minh* 冥 (chưa có hình).

5. [a] Dịch có thuyết Quái khí, đại khái cho rằng khí Dương của vũ trụ

bắt đầu sinh từ quẻ Trung Phu. Bốn quẻ kép Khảm, Ly, Chấn, Đoài là bốn quẻ chính. 24 hào của bốn quẻ này làm chủ 24 khí. 60 quẻ còn lại mỗi quái làm chủ 6 ngày và 7 phân, tức là làm chủ 365 ¼ ngày. 60 quẻ này bắt đầu từ Trung Phu 中孚 (hào sơ cửu quẻ Trung Phu ứng với đầu Đông Chí) và kết thúc ở quẻ Di 頤 (hào thượng cửu của quẻ Di ứng với cuối Đại Tuyết), hết chu kỳ thì trở lại từ đầu.

[b] Mỗi thủ của TH có 9 tán (81 thủ có cả thảy 729 tán). Cứ hai tán hợp thành một ngày (một tán là ban ngày, một tán là ban đêm); vậy 729 : 2 = 364 ½ ngày. Hai tán gọi là *cơ* 踦 và *doanh* 贏 được thêm vào để thành 365 ¼ ngày. Tán sơ nhất của thủ *Trung* 中 (thủ thứ nhất của 81 thủ) ứng với đầu Đông Chí; hai tán *cơ* và *doanh* ứng với cuối Đại Tuyết, hết chu kỳ thì trở lại từ đầu.

6. [a] Dịch có số Đại Diễn là 50. Khi bói thì dùng 50 que bói (*sách* 策), cất riêng 1 que (tượng trưng Thái Cực), còn lại 49 que để thao tác. Thao tác thì tách đại 49 que làm hai bó, rồi ngắt từng cụm 4 que từ một bó. Thao tác 3 lần được một hào, 18 lần thì được một quẻ. Viết các hào từ dưới lên.

[b] TH có que bói trời đất (thiên địa chi sách 天地之策), gồm 18 que trời và 18 que đất. Khi bói thì dùng 36 que bói (*sách* 策), cất riêng 1 que (tượng trưng Huyền), còn lại 35 que để thao tác. Thao tác thì tách đại 35 que làm hai bó, rồi ngắt từng cụm 3 que từ một bó. Số dư là 7 thì ứng với vạch liền (tức là 1), số dư là 8 thì ứng với vạch đứt đôi (tức là 2), số dư là 9 thì ứng với vạch đứt ba (tức là 3). Viết các vạch từ trên xuống.

7. [a] Dịch có *Thoán* 彖) để giải thích ý nghĩa của quẻ.

[b] TH có thủ 首, tức là lời gắn vào một thủ để giải thích ý nghĩa chung của thủ đó.

8. [a] Dịch có *Tượng* 象 để giải thích ý nghĩa của từng hào trong một quẻ.

[b] TH có *Trắc* 測 để giải thích ý nghĩa của từng *tán* trong một thủ.

9. [a] Dịch có *Văn Ngôn* 文言 (giải thích riêng hai quẻ Càn và Khôn).

[b] TH có *Văn* 文 (giải thích 5 đức và 9 tán của thủ thứ nhất tên là *Trung*).

10. [a] Dịch có *Hệ Từ* 繫辭.

[b] TH có *Ly* 攡, *Oánh* 瑩, *Nghĩ* 擬, *Đồ* 圖, *Cáo* 告.

11. [a] Dịch có *Thuyết Quái* 說卦.

[b] TH có *Số* 數.

12. [a] Dịch có *Tự Quái* 序卦.

[b] TH có *Xung* 衝.

13. [a] Dịch có *Tạp Quái* 雜卦.

[b] TH có *Thác* 錯.

14. [a] Dịch có *Thập Dực* 十翼 (gọi chung là Dịch Truyện, 10 thiên nhưng chỉ có 7 truyện): 1- *Thoán Truyện* (2 thiên), 2- *Tượng Truyện* (2 thiên), 3- *Hệ Từ* (2 thiên), 4- *Văn Ngôn*, 5- *Thuyết Quái*, 6- *Tự Quái*, 7- *Tạp Quái*.

[b] TH có *Thập nhất thiên* 十一篇 (11 thiên): 1- *Thủ* 首 (tương ứng *Thoán Truyện*), 2- *Trắc* 測 (tương ứng *Tượng Truyện*), 3- *Ly* 攡, 4- *Oánh* 瑩, 5- *Nghĩ* 擬, 6- *Đồ* 圖, 7- *Cáo* 告 (năm thiên này tương ứng *Hệ Từ*), 8- *Văn* 文 (tương ứng *Văn Ngôn*), 9- *Số* 數 (tương ứng *Thuyết Quái*), 10- *Xung* 衝 (tương ứng *Tự Quái*), 11- *Thác* 錯 (tương ứng *Tạp Quái*).

15. [a] Dịch có 64 quẻ là: 1. CÀN 乾 (Bát thuần), 2. KHÔN 坤 (Bát thuần), 3. TRUÂN 屯 (Thủy lôi), 4. MÔNG 蒙 (Sơn thủy), 5. NHU 需 (Thủy thiên), 6. TỤNG 訟 (Thiên thủy), 7. SƯ 師 (Địa thủy), 8. TỶ (TỶ) 比 (Thủy địa), 9. TIỂU SÚC 小畜 (Phong thiên), 10. LÝ 履 (Thiên trạch), 11. THÁI 泰 (Địa thiên), 12. BĨ 否 (Thiên địa), 13. ĐỒNG NHÂN 同人 (Thiên hỏa), 14. ĐẠI HỮU 大有 (Hỏa thiên), 15. KHIÊM 謙 (Địa sơn), 16. DỰ 豫 (Lôi địa), 17. TÙY 隨 (Trạch lôi), 18. CỔ 蠱 (Sơn phong), 19. LÂM 臨 (Địa trạch), 20. QUÁN (QUAN) 觀 (Phong địa), 21. PHỆ HẠP 噬嗑 (Hỏa lôi), 22. BÍ 賁 (Sơn hỏa), 23. BÁC 剝 (Sơn địa), 24. PHỤC 復 (Địa lôi), 25. VÔ VỌNG 无妄 (Thiên lôi), 26. ĐẠI SÚC 大畜 (Sơn thiên), 27. DI 頤 (Sơn lôi), 28. ĐẠI QUÁ 大過 (Trạch phong), 29. KHẢM 坎 (Bát thuần), 30. LY 離 (Bát thuần), 31. HÀM 咸 (Trạch sơn), 32. HẰNG 恆 (Lôi phong), 33. ĐỘN 遯 (Thiên sơn), 34. ĐẠI TRÁNG 大壯 (Lôi thiên), 35. TẤN 晉 (Hỏa địa), 36. MINH DI 明夷 (Địa hỏa), 37. GIA NHÂN 家人 (Phong hỏa), 38. KHUÊ 睽 (Hỏa trạch), 39. KIỂN 蹇 (Thủy sơn), 40. GIẢI 解 (Lôi thủy), 41. TỔN 損 (Sơn trạch), 42. ÍCH 益 (Phong lôi), 43. QUẢI 夬 (Trạch thiên), 44. CẤU 姤 (Thiên phong), 45. TỤY 萃 (Trạch địa), 46. THĂNG 升 (Địa phong), 47. KHỐN 困 (Trạch thủy), 48. TỈNH 井 (Thủy phong), 49. CÁCH 革 (Trạch hỏa), 50. ĐỈNH 鼎 (Hỏa phong), 51. CHẤN 震 (Bát thuần), 52. CẤN 艮 (Bát thuần), 53. TIỆM

漸 (Phong sơn), 54. QUY MUỘI 歸妹 (Lôi trạch), 55. PHONG 豐 (Lôi hỏa), 56. LỮ 旅 (Hỏa sơn), 57. TỐN 巽 (Bát thuần), 58. ĐOÀI (ĐOÁI) 兌 (Bát thuần), 59. HOÁN 渙 (Phong thủy), 60. TIẾT 節 (Thủy trạch), 61. TRUNG PHU 中孚 (Phong trạch), 62. TIỂU QUÁ 小過 (Lôi sơn), 63. KÝ TẾ 既濟 (Thủy hỏa), 64. VỊ TẾ 未濟 (Hỏa thủy).

[b] TH có 81 thủ là: 1. TRUNG 中 (1111), 2. CHU 周 (1112), 3. HIỀN 賢 (1113), 4. NHÀN 閑 (1121), 5. THIỂU 少 (1122), 6. LỆ 戾 (1123), 7. THƯỢNG 上 (1131), 8. CAN 干 (1132), 9. TRỮ 狩 (1133), 10. DIỄN 羨 (1211), 11. SAI 差 (1212), 12. ĐỒNG 童 (1213), 13. TĂNG 增 (1221), 14. NHUỆ 銳 (1222), 15. ĐẠT 達 (1223), 16. GIAO 交 (1231), 17. NHUYỄN 而+火 (1232), 18. HỀ 傒 (1233), 19. TÒNG 從 (1311), 20. TIẾN 進 (1312), 21. THÍCH 釋 (1313), 22. CÁCH 格 (1321), 23. DI 夷 (1322), 24. LẠC 樂 (1323), 25. TRANH 爭 (1331), 26. VỤ 務 (1332), 27. SỰ 事 (1333), 28. CANH 更 (2111), 29. ĐOÁN 斷 (2112), 30. NGHỊ 毅 (2113), 31. TRANG 裝 (2121), 32. CHÚNG 衆 (2122), 33. MẬT 密 (2123), 34. THÂN 親 (2131), 35. LIỄM 斂 (2132), 36. CƯƠNG 疆 (2133), 37. TUÝ 睟 (2211), 38. THỊNH 盛 (2212), 39. CƯ 居 (2213), 40. PHÁP 法 (2221), 41. ỨNG 應 (2222), 42. NGHINH 迎 (2223), 43. NGỘ 遇 (2231), 44. TÁO 灶 (2232), 45. ĐẠI 大 (2233), 46. KHUẾCH 廓 (2311), 47. VĂN 文 (2312), 48. LỄ 禮 (2313), 49. ĐÀO 逃 (2321), 50. ĐƯỜNG 唐 (2322), 51. THƯỜNG 常 (2323), 52. ĐỘ 度 (2331), 53. VĨNH 永 (2332), 54. CÔN 昆 (2333), 55. GIẢM 減 (3111), 56. CẤM 唫 (3112), 57. THỦ 守 (3113), 58. HẤP 翕 (3121), 59. TỤ 聚 (3122), 60. TÍCH 積 (3123), 61. SỨC 飾 (3131), 62. NGHI 疑 (3132), 63. THỊ 視 (3133), 64. TRẦM 沈 (3211), 65. NỘI 內 (3212), 66. KHỨ 去 (3213), 67. HỐI 晦 (3221), 68. MỘNG 瞢 (3222), 69. CÙNG 窮 (3223), 70. CÁT 割 (3231), 71. CHỈ 止 (3232), 72. KIÊN 堅 (3233), 73. THÀNH 成 (3311), 74. TRÍ 門+致 (3312), 75. THẤT 失 (3313), 76. KỊCH 劇 (3321), 77. TUẦN 馴 (3322), 78. TƯƠNG 將 (3323), 79. NAN 難 (3331), 80. CẦN 勤 (3332), 81. DƯỠNG 養 (3333). (*Chú ý*: ① 4 chữ số trong ngoặc thay cho 4 vạch từ trên xuống với qui ước: 1 = vạch liền, 2 = vạch đứt đôi, 3 = vạch đứt ba. Khi đọc tên của thủ cũng đọc theo số. ② Tên thủ 9 là 狩, đọc là *Trữ*, cũng viết: 狩, 狋, 鉒. ③ Tên thủ 10 là 羨, đọc là *Diễn* [không đọc là *Tiện*].)

CHƯƠNG 5

HUYỀN HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU (1)

1. Huyền học gia và Khổng Tử

Cuối đời Tây Hán và đầu đời Đông Hán là thời đại cực thịnh của vĩ thư và sấm thư. Kinh học gia cổ văn không dùng sấm vĩ, khiến cho Khổng Tử trở về địa vị của một ông thầy. Từ đó về sau, tiến thêm một bước sự phản động nữa là sự phục hưng học thuyết Đạo gia. Trong tư tưởng cổ đại, Đạo gia cực kỳ chú trọng chủ nghĩa tự nhiên. Cho nên giữa đời Đông Hán và thời Tam Quốc, học thuyết Đạo gia dần dần chiếm thế lực. Chẳng hạn như trong *Luận Hành* của Vương Sung có học thuyết Đạo gia mà ở chương trước tôi đã nói rõ. Từ Vương Sung về sau, cho đến thời Nam Bắc Triều, học thuyết Đạo gia ngày càng thịnh. Cái học Đạo gia bấy giờ được gọi là Huyền học 玄學. *Tấn Thư* (Lục Vân Truyện 陸雲傳) chép rằng Lục Vân (262-303) vốn không biết Huyền học. Có một đêm tối nọ lạc đường, Vân đi đến một căn nhà, bèn xin nghỉ trọ. Ở đấy Vân gặp một thiếu niên, cùng nhau luận đàm về Lão Tử, lời lẽ rất sâu xa. Đến sáng, Vân mới biết đó là nhà của Vương Bật (226-249).[1] Từ đấy Vân chuyên tâm nghiên cứu Huyền học.

Nam Sử (Vương Kiệm Truyện 王儉傳) chép rằng vào đời Tống (420-478), quốc học suy đồi. Đến đời Tống Minh Đế 宋明帝 (tức Lưu Úc 劉彧, tại vị 465-472), năm 470, vua thành lập Tổng Minh Quán 總明觀 (tương tự nhà Thái Học) gồm bốn khoa: Nho học, Huyền học, Văn học, Sử học. Mỗi khoa có 10 học sĩ. *Nam Sử* (Nho Lâm Truyện 儒林傳) chép rằng học sĩ Phục Mạn Dung 伏曼容 (421-502) giỏi về Lão học và Dịch học, Tống Minh Đế đã ví ông với Kê Thúc Dạ 嵇叔夜 (tức Kê Khang 嵇康, 223-262, một trong Trúc lâm thất hiền). Sau khi bãi triều, Phục Mạn Dung thường đàm đạo về Huyền lý với Viên Xán 袁粲 (420-477). Lại có học sĩ Nghiêm Thực Chi 嚴植之 (457-508), thuở còn trẻ đã giỏi về cái

[1] LAM chú: Vương Bật mất năm 23 tuổi; 13 năm sau thì Lục Vân mới chào đời. Theo giai thoại này, thiếu niên đó là hồn ma của Vương Bật.

học Lão Trang, thường luận về Huyền. Ngoài ra còn có Thái Sử Thúc Minh 太史叔明(474-546), thuở còn trẻ cũng giỏi về cái học Lão Trang, đặc biệt tinh thông *tam huyền* 三玄. Cái gọi là *tam huyền*, theo thiên Miễn Học 勉學 của *Nhan Thị Gia Huấn* 顏氏家訓, chính là: *Lão Tử, Trang Tử,* và *Chu Dịch.* Theo chú thích của Vương Bật, các sách *Lão Tử* và *Chu Dịch* được xem là cùng một loại.

Cần chú ý rằng những nhân vật nói trên tuy cùng theo Đạo gia, nhưng một số người trong bọn họ vẫn tôn sùng Khổng Tử là thánh nhân vĩ đại nhất và xem học thuyết của Khổng Tử là chính thống. Thí dụ *Thế Thuyết Tân Ngữ* (Văn Học) chép: «Khoảng 20 tuổi, Vương Phụ Tự (tức Vương Bật) đến thăm Bùi Huy. Bùi Huy hỏi: "Vô là nền tảng của vạn vật; tại sao thánh nhân (tức Khổng Tử) chẳng hề muốn bàn về nó, trong khi Lão Tử cứ nói mãi về nó?" Vương Bật đáp: "Thánh nhân đồng nhất với Vô, nhưng Vô lại không thể đem ra dạy đời, cho nên phải đề cập Hữu. Lão và Trang vẫn chưa thoát khỏi Hữu, cho nên luôn rao giảng về cái mà họ chưa đầy đủ."»[2]

Thế Thuyết Tân Ngữ (Ngôn Ngữ) chép: «Hai người Tôn Tề Do và Tôn Tề Trang lúc còn nhỏ đến viếng Dữu công. Công hỏi Tề Do có tên tự là gì? Tề Do đáp: "Tên tự của tôi là Tề Do." Công hỏi: "Ngươi muốn bằng ai thế?" Đáp: "Muốn bằng Hứa Do." Công hỏi Tề Trang có tên tự là gì? Tề Trang đáp: "Tên tự của tôi là Tề Trang." Công hỏi: "Ngươi muốn bằng ai thế?" Đáp: "Muốn bằng Trang Chu." Công hỏi: "Sao người không hâm mộ Trọng Ni mà hâm mộ Trang Chu?" Đáp: "Thánh nhân sinh ra đã biết, cho

---

[2] ***Thế Thuyết Tân Ngữ*** **(Văn Học 文學): «Vương Phụ Tự nhược quan nghệ Bùi Huy, Huy vấn viết: "Phù vô giả, thành vạn vật chi sở tư; thánh nhân mạc khẳng trí ngôn, nhi Lão Tử thân chi vô dĩ, hà da?" Bật viết: "Thánh nhân thể vô, vô hựu bất khả dĩ huấn, cố ngôn tất cập hữu. Lão Trang vị miễn ư hữu, hằng huấn kỳ sở bất túc."» 王輔嗣弱冠詣裴徽, 徽問曰: "夫無者, 誠萬物之所資; 聖人莫肯致言, 而老子申之無已, 何耶?" 弼曰: "聖人體無, 無又不可以訓, 故言必及有. 老莊未免於有, 恆訓其所不足." – LAM chú:** ***Nghệ*** **詣 =** ***chí*** **至 (đi tới). Từ điển** ***Từ Bá*** **giảng:** ***Nhược quan*** **弱冠 = Thời xưa, con trai đến 20 tuổi thì làm lễ** ***gia quan*** **加冠 (lễ đội nón), cho biết đã trưởng thành, tuy nhiên thể lực vẫn chưa mạnh mẽ cho nên mới gọi là** ***nhược quan*****; về sau từ này chỉ chung con trai tuổi tác khoảng 20 (Cổ đại nam tử nhị thập tuế hành quan lễ, biểu thị đã kinh thành nhân, đản thể hoàn vị tráng, sở dĩ xưng tố** ***nhược quan*****, hậu phiếm chỉ nam tử nhị thập tả hữu đích niên kỷ 古代男子二十歲行冠禮, 表示已經成人, 但體還未壯, 所以稱做弱冠, 後泛指男子二十左右的年紀).**

nên khó mà ngưỡng mộ." Công rất vui về lời đối đáp của trẻ con.»[3]

Ở đây đều xem Khổng Tử là thánh nhân vĩ đại nhất. Nhưng những kẻ xem Khổng Tử là thánh nhân vĩ đại nhất, khi giảng về học thuyết của Khổng Tử, đã pha tạp quan điểm của Đạo gia mà thành một phái Kinh học khác. *Tấn Thư* (Nguyễn Tịch Truyện 阮籍傳) chép: «(Nguyễn Thiệm 阮瞻, mất khoảng 312) gặp quan Tư đồ Vương Nhung (234-305). Vương Nhung hỏi: "Thánh nhân (tức Khổng Tử) quý *danh giáo* 名教, còn Lão Trang làm rõ *tự nhiên* 自然, tôn chỉ của họ giống hay khác?" Thiệm đáp: "Họ không có chỗ tương đồng ư?"»[4]

Khổng Tử và Lão Trang có tôn chỉ giống nhau, đó là kiến giải của một số người đương thời.

2. Hà Án, Vương Bật và Kinh học của các Huyền học gia

Thời Tam Quốc, đối với học thuyết Đạo gia, Hà Án 何晏 (190-249) và Vương Bật 王弼 (226-249) là hai nhà giảng thuật khá hệ thống. *Tam Quốc Chí* (Tào Sảng Truyện 曹爽傳) chép: «Hà Án là cháu của Hà Tiến. Mẹ của Án là Doãn thị, là vợ Ngụy Thái Tổ. Án trưởng thành nơi cung đình, lại được chúa [tức Tào Tháo] yêu quý. Lúc còn trẻ Án đã nổi tiếng thông minh tài tuấn, ham thích lời lẽ Lão Tử và Trang Tử. Án viết *Đạo Đức Luận* và các văn phú, khoảng vài chục bài.»[5]

---

[3] ***Thế Thuyết Tân Ngữ*** **(Ngôn Ngữ): «Tôn Tể Do, Tể Trang nhị nhân tiểu thời nghệ Dữu công, vấn Tể Do hà tự? Đáp viết: "Tự Tể Do." Công viết: "Dục hà tể da?" Viết: "Tể Hứa Do." Tể Trang hà tự? Đáp viết: "Tự Tể Trang." Công viết: "Dục hà tể da?" Viết: "Tể Trang Chu." Công viết: "Hà bất mộ Trọng Ni nhi mộ Trang Chu?" Viết: "Thánh nhân sinh tri, cố nan xí mộ." Công đại hỉ tiểu nhi đối.»** 孫齊由, 齊莊二人小時詣庾公, 問齊由何字?答曰: "字齊由." 公曰: "欲何齊耶?" 曰: "齊許由." 齊莊何字? 答曰: "字齊莊." 公曰: "欲何齊耶?" 曰: "齊莊周." 公曰: "何不慕仲尼而慕莊周?" 曰: "聖人生知, 故難企慕." 公大喜小兒對.- **LAM chú:** ***Tể*** **齊 = bằng; làm cho bằng nhau.** ***Xí mộ*** **企慕 =** ***ngưỡng mộ*** **仰慕.**

[4] ***Tấn Thư*** **(Nguyễn Tịch Truyện 阮籍傳): «[Nguyễn Thiệm] kiến Tư đồ Vương Nhung, Nhung vấn viết: "Thánh nhân quý danh giáo, Lão Trang minh tự nhiên, kỳ chỉ đồng dị?" Thiệm viết: "Tương vô đồng."»** [阮瞻] 見司徒王戎, 戎問曰: "聖人貴名教, 老莊明自然, 其旨同異?" 瞻曰: "將無同."

[5] ***Tam Quốc Chí*** **(Tào Sảng Truyện 曹爽傳): «Án, Hà Tiến tôn dã. Mẫu Doãn thị, vi Thái Tổ phu nhân. Án trưởng ư cung tỉnh, hựu thượng công chủ. Thiếu dĩ tài tú tri danh, hiếu Lão Trang ngôn, tác Đạo Đức Luận cập chư văn phú, trứ thuật phàm sổ thập thiên.»** 晏, 何進孫也. 母尹氏, 爲太祖夫人. 晏長於宮省, 又尚公主. 少以才秀知名, 好老莊言, 作道德論及諸文賦, 著述凡數十篇.

Tấn Thư (Vương Diễn Truyện 王衍傳) chép: «Giữa những năm Chính Thuỷ 正始(240-248) đời Nguỵ Tề Vương 魏齊王 (tức Tào Phương 曹芳, tại vị 240-253), Hà Án, Vương Bật, và vài học giả đã thuật lại lập luận của Lão Tử và Trang Tử cho rằng trời đất và vạn vật đều lấy *vô vi* làm gốc. *Vô* khai mở mọi vật, hoàn thành mọi việc; không đi đâu mà không tồn tại. Âm Dương cậy vào nó để hoá sinh, vạn vật cậy vào nó để thành hình, người hiền cậy vào nó để thành đức, kẻ hư hỏng cậy vào nó để sinh sản. Cho nên cái dụng của *vô* tuy không chức tước mà đáng quý vậy.»[6]

Đạo Luận của Hà Án chép: «*Hữu* là có, dựa vào *vô* mà sinh; sự là sự việc, do *vô* mà thành. Muốn nói về nó thì nó không có lời, muốn gọi tên nó thì nó không có tên, muốn nhìn nó thì nó không có hình, muốn lắng nghe nó thì nó không có âm thanh, đó là toàn thể của Đạo. Cho nên nó có thể làm rõ âm hưởng mà xuất ra khí và vật, làm cho tinh thần có hình sắc để làm rực rỡ ánh sáng và ảnh. Huyền nhờ nó mà đen tối nhờ nó mà trắng, thước vuông nhờ nó mà vuông, thước tròn nhờ nó mà tròn. Tròn và vuông có hình mà nó không hình, trắng đen có tên mà nó không tên.»[7]

---

[6] ***Tấn Thư*** **(Vương Diễn Truyện 王衍傳): «Nguỵ Chính Thuỷ trung, Hà Án Vương Bật đẳng tổ thuật Lão Trang lập luận, dĩ vi thiên địa vạn vật, giai dĩ vô vi vi bản. Vô dã giả, khai vật thành vụ, vô vãng nhi bất tồn giả dã. Âm Dương thị dĩ hoá sinh, vạn vật thị dĩ thành hình, hiền giả thị dĩ thành đức, bất tiếu thị dĩ miễn thân. Cố vô chi vi dụng, vô tước nhi quý hĩ.» 魏正始中，何晏王弼等祖述老莊立論，以爲天地萬物，皆以無爲本．無也者，開物成務，無往而不存者也．陰陽恃以化生，萬物恃以成形，賢者恃以成德，不肖恃以免身．故無之爲用，無爵而貴矣．– LAM chú: «*Khai vật thành vụ*» xuất xứ ở Hệ Từ Thượng: «Tử viết: "Phù Dịch hà vi giả dã? Phù Dịch *khai vật thành vụ*, mạo thiên hạ chi đạo, như tư nhi dĩ giả dã. Thị cố thánh nhân dĩ thông thiên hạ chi chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi."» 子曰：夫易何爲者也．夫易開物成務，冒天下之道，如斯而已者也．是故聖人以通天下之志，以定天下之業，以斷天下之疑 (Khổng Tử nói: "Dịch để làm gì? Dịch *khai mở mọi vật, hoàn thành mọi việc*, và bao quát mọi đạo lý trong thiên hạ. Chỉ vậy thôi chứ không gì khác. Do đó thánh nhân dùng Dịch để thấu suốt mọi ý chí của thiên hạ, an định mọi sự nghiệp của thiên hạ, và phán đoán mọi hoài nghi của thiên hạ.") – Từ điển *Từ Hải* giảng: *miễn thân* 免身 (cũng viết 勉身)= *vị phụ nữ sinh sản dã* 謂婦女生產也 (ý nói phụ nữ sinh sản).**

[7] **Hà Án, *Đạo Luận* 道論: «Hữu chi vi hữu, thị vô dĩ sinh; sự nhi vi sự, do vô dĩ thành. Phù đạo chi nhi vô ngữ, danh chi nhi vô danh, thị chi nhi vô hình, thính chi nhi vô thanh, tắc đạo chi toàn yên. Cố năng chiêu âm hưởng nhi xuất khí vật, sắc hình thần nhi chương quang ảnh. Huyền dĩ chi hắc, tố dĩ chi bạch, củ dĩ chi phương, qui dĩ chi viên. Viên phương đắc hình nhi thử vô hình, bạch hắc đắc danh nhi thử vô danh dã.» 有之爲有，恃無以生；事而爲事，由無以成．夫道之而無語，名之而無名，視之而無形，聽之而無聲，則道之全焉．故能昭音響而出氣物，色形神而彰光影．玄以之黑，素以之白，矩以之方，規以之圓．圓方得形而此無形，白黑得名而此無名也．**

Vô Danh Luận của Hà Án chép: «Đạo không có *hữu*. Từ khi có trời đất đến nay, đều có *hữu*. Nhưng gọi nó là Đạo là lấy khả năng của nó để dùng lại cái không có *hữu*. [...] Hạ Hầu Huyền viết: "Trời đất lấy tự nhiên mà vận hành, thánh nhân lấy tự nhiên mà sử dụng." Tự nhiên là Đạo; Đạo vốn không có tên. Cho nên Lão Tử nói: "Gượng đặt tên cho nó." Trọng Ni nói Nghiêu "quảng đại nên không thể gọi tên" rồi nói Nghiêu "thành công tột bậc" tức là gượng gọi tên; là lấy cái mà đời vốn biết để gọi. Có cái tên nào xứng đáng với cái không thể gọi tên sao? Chỉ có Đạo là không có tên, nên có thể lấy cái tên của thiên hạ dùng mà đặt tên cho nó; nhưng đó phải chăng là tên của nó ư?»[8]

Lão Tử (chương 40) nói: «Thiên địa vạn vật sinh ra từ *Hữu*; *Hữu* sinh ra từ *Vô*.» (Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô 天地萬物生於有，有生於無). Trong *Đạo Luận*, Hà Án đã phát huy lời ấy của Lão Tử. Chỉ có Đạo là *Vô*, không phải là cái *Hữu* cụ thể. Cho nên nó phổ biến khắp trong vạn hữu. Chỉ có Đạo là *vô danh*, cho nên «có thể lấy cái danh của thiên hạ mà đặt tên cho nó». *Lão Tử* (chương 25) nói: «Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước tự nhiên.» (Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên 人法地，地法天，天法道，道法自然). Chỉ có Đạo là như thế, cho nên «trời đất lấy tự nhiên mà vận hành, thánh nhân lấy tự nhiên mà sử dụng». Vạn vật đều tự nhiên mà như thế. Đó chính là phương diện *vô vi* của *Vô*; tức là «trời đất và vạn vật đều lấy *vô vi* làm gốc». Chỉ có Đạo là *vô vi* (không làm), cho nên có thể *vô bất vi* (không gì không làm).[9] Chỉ có Đạo là *vô bất vi*, cho nên «*Vô* khai mở mọi vật, hoàn thành mọi việc; không đi đâu mà không tồn tại».

---

[8] **Hà Án, *Vô Danh Luận* 無名論: «Phù Đạo giả, duy vô sở hữu giả dã. Tự thiên địa dĩ lai, giai hữu sở hữu hĩ, nhiên do vị chi Đạo giả, dĩ kỳ năng phục dụng vô sở hữu dã. [...] Hạ Hầu Huyền viết: "Thiên địa dĩ tự nhiên vận, thánh nhân dĩ tự nhiên dụng." Tự nhiên giả, Đạo dã; Đạo bản vô danh. Cố Lão thị viết: "Cưỡng vi chi danh." Trọng Ni xưng Nghiêu "đãng đãng vô năng danh yên", hạ vân "nguy nguy thành công", tắc cưỡng vi chi danh, thủ thế sở tri nhi xưng nhĩ, khởi hữu danh nhi cánh đương vân vô năng danh yên giả da? Phù duy vô danh, cố khả đắc biến dĩ thiên hạ chi danh danh chi, nhiên khởi kỳ danh dã tai?»** 夫道者，惟無所有者也．自天地以來，皆有所有矣，然猶謂之道者，以其能復用無所有也．[...] 夏侯玄曰："天地以自然運，聖人以自然用．"自然者，道也；道本無名．故老氏曰："疆爲之名．"仲尼稱堯"蕩蕩無能名焉"，下云"巍巍成功"，則疆爲之名，取世所知而稱耳，豈有名而更當云無能名焉者耶？夫惟無名，故可得遍以天下之名名之，然豈其名也哉？

[9] **LAM chú: *Lão Tử* (chương 37): «Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.»** 道常無爲而無不爲 **(Đạo thường không làm gì; nhưng không gì không làm).**



Vương Bật

Tam Quốc Chí (Chung Hội Truyện 鍾會傳) chép: «Chung Hội thuở đôi mươi cùng nổi tiếng với Vương Bật, Bật người ở Sơn Dương 山陽, thích luận về Nho và Đạo, giỏi biện luận, chú thích *Dịch* và *Lão Tử,* làm chức Thượng thư lang, hơn 20 tuổi thì mất.»[10] Bùi Tùng Chi 裴松之 (327-451) chú thích: «Vương Bật tự là Phụ Tự, Hà Thiệu chép truyện của Bật rằng: Vương Bật thuở bé có óc quan sát và thông tuệ, hơn 10 tuổi đã hâm mộ Lão Tử, giỏi biện luận. [...] Bấy giờ Hà Án làm Lại bộ thượng thư, rất kinh dị về Bật, than rằng: "Thánh nhân (tức Khổng Tử) nói kẻ sinh sau thật đáng sợ, phải chăng là kẻ này? Có thể nói với hắn về quan hệ giữa trời với người được chăng?" [...] Hà Án cho rằng thánh nhân không có mừng, giận, buồn, vui; lý luận của Án rất tinh thâm. Bọn Chung Hội cũng nói theo. Vương Bật không đồng ý với họ, ông cho rằng thánh nhân hơn người bình thường là ở sự thần minh; và giống như người ở năm tình. Có thần minh nên thể hiện được sự xung hoà để thông với *vô*; cùng có năm tình như người thường nên không thể không vui buồn thích ứng với ngoại vật. Do đó tình cảm của thánh nhân thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật. Nay thấy thánh nhân không luỵ ở vật mà nói là họ không thích ứng với vật nữa, nói thế là rất sai. Vương Bật chú Chu Dịch. Tuân Dung ở Dĩnh Xuyên nêu ra những khó khăn chống lại tác phẩm *Đại Diễn Nghĩa*[11] của Bật. Vương Bật viết thư trả lời Tuân Dung, giọng đùa cợt: "Dù người ta thông minh đủ để truy tìm cái cực kỳ tinh tế tối tăm, nhưng họ vẫn không thể khử bỏ tính tự nhiên của mình. Tài đức của Nhan Uyên khiến Khổng Tử cảm thấy rất hài lòng. Mỗi lần gặp gỡ Khổng Tử không thể không vui, khi Nhan Uyên

---

[10] ***Tam Quốc Chí* (Chung Hội Truyện 鍾會傳): «Sơ Hội nhược quan, dữ Sơn Dương Vương Bật tịnh tri danh. Bật hiếu luận Nho Đạo, từ tài dật biện, chú Dịch cập Lão Tử, vi Thượng thư lang, niên nhị thập dư tốt.»** 初會弱冠，與山陽王弼並知名．弼好論儒道，辭才逸辯，注易及老子，爲尚書郎，年二十餘卒．**– LAM chú: Trương Thiện Văn (*Chu Dịch Từ Điển,* Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã, 1995, tr.103) nói Sơn Dương hiện nay là phía đông huyện Tiêu Tác 焦作, tỉnh Hà Nam 河南. Derk Bodde thì chú rằng Sơn Dương hiện nay là huyện Hoài An 淮安, tỉnh Giang Tô 江蘇.**

[11] **LAM chú: *Chu Dịch Từ Điển* của Trương Thiện Văn (sđd., tr.103) nói trong các tác phẩm của Vương Bật thì chỉ có «*Chu Dịch Đại Diễn Luận* đã mất từ lâu, hiện nay không còn.» (Duy *Chu Dịch Đại Diễn Luận* cửu dật vô tồn 唯周易大衍論久佚無存). Vì đã mất từ lâu nên nhan đề tác phẩm là *Chu Dịch Đại Diễn Luận* hay *[Chu Dịch] Đại Diễn Nghĩa* cũng khó mà nói đúng.**

mất, Khổng Tử không thể không buồn. Nên tôi vốn coi thường người ấy (tức Khổng Tử), nghĩ rằng ông ta chưa thể lấy tình theo lý. Nhưng nay tôi biết tính tự nhiên không thể sửa đổi. Tài ba của túc hạ tuy đã cố định trong ngực của túc hạ, nhưng sao mới cách mặt nhau mấy tuần lễ mà túc hạ nghĩ đến tôi nhiều như thế? Thế mới biết, thái độ của Trọng Ni đối với Nhan Uyên không thể xem là lỗi lớn vậy."»[12]

Trang học chủ yếu lấy lý mà chuyển hoá tình, nên nói «theo thời mà cư xử tuỳ thuận, vui buồn không thể tác động đến tâm». Hà Án cho rằng thánh nhân không có mừng, giận, buồn, vui. Đại khái đó là thuyết trong Trang học. Ở đây nói Vương Bật lúc đầu cũng chủ trương như vậy, nên gọi là «lấy tình theo lý» (dĩ tình tòng lý giả dã 以情從理者也). «Nhan Uyên chết, Khổng Tử khóc thảm.» (*Luận Ngữ* - Tiên Tiến). Người theo thời mà cư

---

[12] ***Tam Quốc Chí*** **(Chung Hội Truyện 鍾會傳), Bùi Tùng Chi chú: «Bật tự Phụ Tự, Hà Thiệu vi ký truyện viết: Bật ấu nhi sát huệ, niên thập dư hiếu Lão thị, thông biện năng ngôn. [...] Ư thời Hà Án vi Lại bộ thượng thư, thậm kỳ Bật, thán chi viết: "Thánh nhân xưng hậu sinh khả uý, nhược tư nhân giả, khả dữ ngôn thiên nhân tương tế hồ?" [...] Hà Án dĩ vi thánh nhân vô hỉ nộ ai lạc, kỳ luận thậm tinh, Chung Hội đẳng thuật chi, Bật dữ bất đồng. Dĩ vi thánh nhân mậu ư nhân giả, thần minh dã; đồng ư nhân giả, ngũ tình dã. Thần minh mậu, cố năng thể xung hoà dĩ thông vô; ngũ tình đồng, cố bất năng vô ai lạc dĩ ứng vật. Nhiên tắc thánh nhân chi tình, ứng vật nhi vô luỵ ư vật giả dã. Kim dĩ kỳ vô luỵ sử vị vô phục ứng vật, thất chi đa hĩ. Bật chú Dịch, Dĩnh Xuyên nhân Tuân Dung nạn Bật** ***Đại Diễn Nghĩa***, **Bật đáp kỳ ý bạch thư dĩ hí chi viết: "Phù minh túc dĩ tầm cực u vi, nhi bất năng khử tự nhiên chi tính. Nhan Tử chi lượng, Khổng Phụ chi sở dự tại, nhiên ngộ chi bất năng vô lạc, táng chi bất năng vô ai. Hựu thường hiệp tư nhân dĩ vi vị năng dĩ tình tòng lý giả dã, nhi kim nãi tri tự nhiên chi bất khả cách. Thị túc hạ chi lượng tuy dĩ định hồ hung hoài chi nội, nhiên nhi cách du tuần sóc, hà kỳ tương tư chi đa hồ? Cố tri Ni Phụ chi ư Nhan Tử, khả dĩ vô đại quá hĩ."» 弼字輔嗣,何劭爲其傳曰:弼幼而察惠,年十餘好老氏,通辯能言. [...] 於時何晏爲吏部尚書,甚奇弼,歎之曰:"聖人稱後生可畏,若斯人者,可與言天人相際乎?" [...] 何晏以爲聖人無喜怒哀樂,其論甚精,鍾會等述之,弼與不同.以爲聖人茂於人者,神明也;同於人者,五情也.神明茂,故能體沖和以通無;五情同,故不能無哀樂以應物.然則聖人之情,應物而無累於物者也.今以其無累使謂無復應物,失之多矣.弼注易,潁川人荀融難弼大衍義,弼答其意白書以戲之曰:"夫明足以尋極幽微,而不能去自然之性.顏子之量,孔父之所預在,然遇之不能無樂,喪之不能無哀.又常狹斯人以爲未能以情松理者也,而今乃知自然之不可革.是足下之量雖以定乎胸懷之內,然而隔踰旬朔,何其相思之多乎?故知尼父之於顏子,可以無大過矣." – LAM chú: Tuân Dung đồng hương với Tuân Sảng (128-190). Ngũ Hoa 伍華 (*Chu Dịch Đại Từ Điển*, Trung Sơn Đại Học xuất bản xã, Quảng Đông, 1993, tr.872) nói: «Tuân Dung người Dĩnh Âm 潁陰 thuộc Dĩnh Xuyên 潁川 (nay là thành phố Hứa Xương 許昌, tỉnh Hà Nam 河南). Ông sống đời Ngụy thời Tam Quốc, tự là Bá Nhã 伯雅, cùng thời với Vương Bật; làm chức lệnh ở Lạc Dương; cùng nổi danh với Vương Bật và Chung Hội. Tác phẩm của ông nay không còn.»**

xử tuỳ thuận, căn cứ vào lý mà xem xét, hẳn biết sống và chết đều là kết quả tự nhiên; cho nên tự nhiên không có thứ tình cảm đau buồn. Đó gọi là lấy lý để chuyển hoá tình. Tuy nhiên con người có tình cảm cũng là một bản tính tự nhiên, cho nên «không thể không vui buồn thích ứng với ngoại vật». Do đó Trọng Ni khóc Nhan Uyên cũng là việc tự nhiên. Tuy nhiên tình cảm của thánh nhân «thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật». Trang Tử nói: «Bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi, chẳng mong chờ cũng chẳng nghinh đón ai hay vật gì. Gương phản chiếu người hay vật trước nó, nhưng nó không lưu giữ các hình ảnh đó. Vì thế ngài vượt trên mọi sự vật và không gây hại cho ai.»[13] «Vượt trên mọi sự vật và không gây hại cho ai» tức là «thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật». Trang học đối phó tình cảm không dùng phương pháp ấy, nhưng Vương Bật suy rộng ra sự ứng dụng của cái lý ấy, dùng nó để đối phó tình cảm. Về sau, phương pháp đối phó tình cảm của Tống Nho cũng đều giống như vậy.

Ở điểm này, ý kiến của Vương Bật và Hà Án tuy bất đồng, nhưng thuyết «hữu sinh ra từ vô» của Lão Tử thì Vương Bật và Hà Án đều chủ trương. Trong *Luận Ngữ Thích Nghi*, Vương Bật nói: «Đạo là tên gọi của *vô*. Nó không gì mà không thông suốt; vạn vật không gì mà không phát sinh từ nó. Tuy gọi là Đạo, nó lặng yên và vô thể, nó không có hình tượng cụ thể.»[14]

Lão Tử (chương 1) nói: «Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật.» (Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu 無名天地之始, 有名萬物之母). Vương Bật chú rằng: «Hữu đều khởi đầu từ vô. Cho nên khi chưa có hình chưa có danh thì nó là khởi đầu của vạn vật; đến khi nó có hình có danh thì nó nuôi lớn vạn vật, dưỡng dục và

---

[13] *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.» 至人之用心若鏡, 不將不迎, 應而不藏, 故能勝物而不傷.

[14] Vương Bật, *Luận Ngữ Thích Nghi* 論語釋疑: «Đạo giả, vô chi xưng dã. Vô bất thông dã, vô bất do dã. Huống chi viết Đạo, tịch nhiên vô thể, bất khả vi tượng.» 道者, 無之稱也. 無不通也, 無不由也. 況之曰道, 寂然無體, 不可爲象.

[15] *Lão Tử Vương Bật chú*: «Phàm hữu giai thuỷ ư vô. Cố vị hình vô danh chi thời, tắc vi vạn vật chi thuỷ; cập kỳ hữu hình hữu danh chi thời, tắc trưởng chi dục chi, đình chi độc chi, vi kỳ mẫu dã. Ngôn Đạo dĩ vô hình vô danh thuỷ thành, vạn vật dĩ thuỷ, dĩ thành nhi bất tri, kỳ sở dĩ huyền chi hựu huyền dã.» 凡有皆始於無. 故未形無名之時, 則爲萬物之始; 及其有形有名之時, 則長之育之, 亭之毒之, 爲其母也. 言道以無形無名始成, 萬物以始, 以成而不知, 其所以玄之又玄也.- LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Đình* 亭 = *dưỡng dục* 養育; *độc* 毒 = *hoá dục* 化育.»

hoá dục chúng, nên nó là mẹ của vạn vật. Nói Đạo lấy vô hình và vô danh để bắt đầu tạo thành vạn vật; vạn vật lấy nó làm khởi đầu, tựu thành mà không biết nó; nên nó đã huyền rồi lại thêm huyền vậy.»[15]

Thoán Truyện của quẻ Phục 復 ䷗ nói: «Trở về, phải chăng nó cho thấy lòng của trời đất?» (Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ? 復, 其見天地之心乎). Vương Bật chú: «Phục là nói trở về gốc. Trời đất lấy gốc làm tâm. Hễ động dừng thì tĩnh, tĩnh không đối lập với động; nói xong thì im lặng, im lặng không đối lập với nói. Thế nhưng, tuy trời đất lớn và có dồi dào vạn vật, tuy sấm động gió thổi và sự vận hành biến hoá vô vàn, nhưng có sự lặng lẽ đến hư vô, đó là cái gốc vậy. Cho nên động dừng trong đất là lòng trời đất hiện ra. Nếu trời đất lấy hữu làm tâm, thì các loài khác nhau không cách nào cùng tồn tại được.»[16]

Quẻ Địa lôi Phục ䷗, trên là Khôn ☷ (địa: đất), dưới là Chấn ☳ (lôi: sấm), nên nói «[sấm] động dừng trong đất». Đạo là *vô*, chẳng phải là sự vật. Cho nên nói «nó không gì mà không thông suốt; vạn vật không gì mà không phát sinh từ nó». *Hữu* thì có cái có; có cái có tức là thành sự vật. Đối với sự vật, cái nào ra cái ấy (cái này là cái này, cái kia là cái kia); không thể là mọi loại khác nhau. Cho nên nói «nếu trời đất lấy *hữu* làm tâm, thì các loài khác nhau không cách nào cùng tồn tại được».

Cái thể của Đạo là *vô*, tác dụng của Đạo là *vô vi*. *Lão Tử* (chương 5) nói: «Trời đất không có lòng nhân ái, nên xem vạn vật là chó rơm.» (Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu 天地不仁, 以萬物爲芻狗).[17] Vương Bật chú: «Trời đất thuận theo tự nhiên, không làm, không tạo tác, để cho vạn vật tự xử lý với nhau, cho nên không nhân ái. Hễ nhân ái thì sẽ tạo lập và thi hành chuyển hoá, có ân và có làm. Hễ tạo lập và thi hành chuyển hoá thì vật sẽ mất sự chân thực của nó. Có ân và có làm thì vật không cùng tồn tại. Vật không cùng tồn tại thì sẽ không đủ để đất chở hết. Đất không sinh cỏ vì thú vật mà thú vật ăn cỏ, không sinh chó vì

---

[16] ***Dịch Kinh Vương Bật chú*: «Phục giả, phản bản chi vị dã. Thiên địa dĩ bản vi tâm giả dã. Phàm động tức tắc tĩnh, tĩnh phi đối động giả dã; ngữ tức tắc mặc, mặc phi đối ngữ giả dã. Nhiên tắc thiên địa tuy đại, phú hữu vạn vật, lôi động phong hành, vận hoá vạn biến, tịch nhiên chí vô, thị kỳ bản hĩ. Cố động tức địa trung, nãi thiên địa chi tâm kiến dã. Nhược kỳ dĩ hữu vi tâm, tắc dị loại vị hoạch cụ tồn hĩ.»** 復者, 反本之謂也. 天地以本爲心者也. 凡動息則靜, 靜非對動者也; 語息則默, 默非對語者也. 然則天地雖大, 富有萬物, 雷動風行, 運化萬變, 寂然至無, 是其本矣. 故動息地中, 乃天地之心見也. 若其以有爲心, 則異類未獲具存矣.

[17] **LAM chú: *Sô cẩu* 芻狗: chó cỏ, chó rơm. *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.218) giảng: «Cổ đại thúc thảo vi cẩu, cung tế tự chi dụng, tế hậu khí chi.»** 古代束草爲狗, 供祭祀之用, 祭後棄之 (Xưa, người ta bện cỏ, rơm thành chó, để dùng tế lễ; khi lễ xong rồi, người ta vất bỏ nó).

người mà người ăn thịt chó. Vô vi đối với vạn vật mà vạn vật mỗi thứ đều thích ứng với công dụng của nó, như vậy chẳng gì mà không đầy đủ sung túc. Nếu đó là ân do mình làm, thì nó chưa đủ để đất gánh vác vậy.»[18]

«Vô vi đối với vạn vật mà vạn vật mỗi thứ đều thích ứng với công dụng của nó»; do đó «Đạo thường vô vi nhi vô bất vi» (Đạo thường không làm gì, nhưng không gì không làm) [*Lão Tử* - chương 37].

Đạo lấy *vô* làm thể, lấy *vô vi* làm dụng. Lấy *vô* làm thể, cho nên không gì không có; lấy *vô vi* làm dụng, cho nên không gì không làm. Khi thánh nhân hành động, cũng lấy đó làm phép tắc. Vương Bật chú *Lão Tử* (chương 38) rằng: «Cho nên trời đất tuy rộng mà lấy vô làm tâm; thánh vương tuy lớn mà lấy khiêm hư làm chủ. [...] Do đó hễ tiêu diệt lòng riêng tư và không xem bản thân là có, thì bốn biển chẳng gì mà không đầy đủ, xa gần chẳng ai không đến; hễ xem bản ngã là riêng biệt và xem tâm là có, thì một tổng thể không thể tự toàn vẹn, cơ bắp và xương không thể dung nạp nhau.»[19]

---

[18] ***Lão Tử Vương Bật chú*: «Thiên địa nhậm tự nhiên, vô vi vô tạo, vạn vật tự tương trị lý, cố bất nhân dã. Nhân giả tất tạo lập thi hoá, hữu ân hữu vi. Tạo lập thi hoá, tắc vật thất kỳ chân. Hữu ân hữu vi tắc vật bất cụ tồn. Vật bất cụ tồn, tắc bất túc dĩ bị tái hĩ. Địa bất vị thú sinh sô nhi thú thực sô, bất vị nhân sinh cẩu nhi nhân thực cẩu. Vô vi ư vạn vật, nhi vạn vật các thích kỳ sở dụng, tắc mạc bất thiệm hĩ. Nhược ân do kỷ thụ, vị túc nhậm dã.»** 天地任自然，無爲無造，萬物自相治理，故不仁也。仁者必造立施化，有恩有爲。造立施化，則物失其眞。有恩有爲則物不具存。物不具存，則不足以備載矣。地不爲獸生芻而獸食芻，不爲人生狗而人食狗。無爲於萬物，而萬物各適其所用，則莫不贍矣。若恩由己樹，未足任也。

[19] ***Lão Tử* (chương 38) Vương Bật chú: «Thị dĩ thiên địa tuy quảng, dĩ vô vi tâm; thánh vương tuy đại, dĩ hư vi chủ. [...] Cố diệt kỳ tư nhi vô kỳ thân, tắc tứ hải mạc bất thiệm, viễn cận mạc bất chí; thù kỳ kỷ nhi hữu kỳ tâm, tắc nhất thể bất năng tự toàn, cơ cốt bất năng tương dung.»** 是以天地雖廣，以無爲心；聖王雖大，以虛爲主。[...] 故滅其私而無其身，則四海莫不瞻，遠近莫不至；殊其己而有其心，則一體不能自全，肌骨不能相容。– LAM chú: ***Lão Tử* (chương 38): «Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi. Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi. Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi. Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi. Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng. Tắc nhương tý nhi nhưng chi. Cố thất Đạo nhi hậu đức. Thất đức nhi hậu nhân. Thất nhân nhi hậu nghĩa. Thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả Đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy. Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu bất cư kỳ bạc. Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.»** 上德不德，是以有德；下德不失德，是以無德。上德無爲而無以爲；下德爲之而有以爲。上人爲之而無以爲；上義爲之而有以爲。上禮爲之而莫之應，則攘臂而扔之。故失道而後德，失德而後仁，失仁而後義，失義而後禮。夫禮者，忠信之薄，而亂之首。前識者，道之華，而愚之始。是以大丈夫處其厚，不居其薄；處其實，不居其華。故去彼取此。**(Bậc đức cao coi thường tục đức, vì thế nên có đức. Người đức thấp nệ vào tục đức, vì thế nên không có đức. Bậc đức cao không làm, cũng không hệ lụy vì công việc.**

Hào Lục ngũ quẻ Sơn trạch Tổn 損 ䷨ nói: «Hoặc ích chi thập bằng chi quy, phất khắc vi, nguyên cát.» 或益之十朋之龜,弗克違,元吉 (Có người tặng anh ta rùa lớn quý, giá trị mười *bằng*,[20] không cách gì từ chối được; đây là chuyện may mắn). Vương Bật chú: «Lấy âm nhu [tức hào lục] ở vị trí tôn quý [tức vị trí 5] mà làm tổn đạo. Sông biển [ám chỉ Đoài] ở dưới, trăm thung lũng đổ về nó. Bước lên chỗ tôn quý để hao tổn, thì có người tăng ích cho. [...] Âm không thể xướng lên trước, nhu không thể tự đảm nhiệm. Tôn lên để tự ở vị trí ấy, làm hao tổn để giữ lấy nó. Cho nên người ta dùng sức mình, phụng sự hết sức mình; người trí tính toán theo khả năng mình, kẻ sáng tính toán theo quẻ bói Dịch, không thể làm trái lại. Như thế tài năng mọi người đều được tận dụng. Thu hoạch có ích là được rùa quý, đủ để nhận hết sự giúp đỡ của trời và người.»[21]

Người đức thấp có làm, nhưng hệ lụy vì công việc. Bậc *thượng nhân* có làm nhưng không hệ lụy vì công việc. Bậc *thượng nghĩa* có làm, nhưng hệ lụy vì công việc. Bậc *thượng lễ* có làm; nếu không được người hưởng ứng, thì xắn tay áo lôi kéo người theo. Cho nên mất Đạo thì đến Đức; mất Đức thì đến nhân; mất nhân thì đến nghĩa; mất nghĩa thì đến lễ; mà lễ là trung tín đã đi đến chỗ mỏng manh, và là đầu mối loạn lạc. Giỏi giang là hào nhoáng của Đạo và là đầu mối của sự ngu si. Cho nên bậc đại trượng phu ở chỗ dày dặn mà tránh chỗ mỏng manh, ở chỗ thực mà tránh chỗ hào nhoáng. Thế tức là bỏ cái kia [hào nhoáng, mỏng manh] mà giữ cái này [dày dặn, thực chất]).

[20] LAM chú: Trương Thiện Văn và Hoàng Thọ Kỳ (*Chu Dịch Dịch Chú*, Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã, 1997, tr.341) dịch: «Hữu nhân tiến hiến giá trị thập bằng đích đại bảo quy, vô pháp từ tạ, chí vi cát tường.» 有人進獻價值十朋的大寶龜,無法辭謝,至爲吉祥 (Có người dâng tặng rùa lớn quý, giá trị mười *bằng*, không cách gì từ chối được; đây là chuyện may mắn); và giảng: "bằng" 朋 là đơn vị tiền tệ thời cổ; hai "bối" được tính là một "bằng" (song bối vi bằng 雙貝爲朋). "Thập bằng" 十朋 tức là "hai mươi bối" 二十貝, ý như nói giá trị cao quý (do ngôn giá trị ngang quý 猶言價值昂貴). Lý Đỉnh Tộ dẫn lời Thôi Cảnh: «Nguyên quy giá trị nhị thập đại bối, quy chi tối thần quý giả.» 元龜價值二十大貝,龜之最神貴者 (Rùa lớn giá hai mươi bối, đó là rùa thần rất quý hiếm).

[21] *Chu Dịch Vương Bật chú*: «Dĩ nhu cư tôn, nhi vi tổn đạo. Giang hải xử hạ, bách cốc quy chi. Lý tôn dĩ tổn, tắc hoặc ích chi hĩ. [...] Âm phi tiên xướng, nhu phi tự nhậm. Tôn dĩ tự cư, tổn dĩ thủ chi. Cố nhân dụng kỳ lực, sự kiệt kỳ công, trí giả lự năng, minh giả lự sách, phất năng vi dã. Tắc chúng tài chi dụng tận hĩ. Hoạch ích nhi đắc thập bằng chi quy, túc dĩ tận thiên nhân chi trợ dã.» 以柔居尊,而爲損道.江海處下,百谷歸之.履尊以損,則或益之矣.[...] 陰非先唱,柔非自任.尊以自居,損以守之.故人用其力,事竭其功,智者慮能,明者慮策,弗能違也,則衆才之用盡矣.獲益而得十朋之龜,足以盡天人之助也.– LAM chú: Phùng Hữu Lan giản lược 10 chữ: «Bằng, đảng dã. Quy giả, quyết nghi chi vật dã.» 朋,黨也.龜者,決疑之物也 (Bằng là bè đảng. Quy là vật [bói] để giải quyết điều nghi ngờ). Như vậy, Vương Bật không cho rằng *bằng* là một đơn vị tiền xưa như các nhà chú giải khác đã nói. (Tôi dùng bản *Chu Dịch* Vương Bật chú, in trong: *Trung Quốc Khí Công Đại Thành*, Phương Xuân Dương 方春陽 chủ biên, Cát Lâm Khoa Học Kỹ Thuật xuất bản xã, 1999, tr.26).

Vương Bật chú *Lão Tử* (chương 49) rằng: «Trời đất đã được thiết lập địa vị, thánh nhân thành tựu tài năng. Người mưu quỷ tính, trăm họ cung cấp người tài năng. Người tài năng cho tài năng, người có tài sản giữ tài sản; tài năng lớn thì lớn, tài sản quý thì quý. Vật có gốc, sự có chủ. Như thế, [thánh vương] có thể dùng mão có rèm ngọc che mắt mà không sợ bị lừa, dùng dải lụa bít tai mà không lo bị khinh; sao lại lao nhọc sự thông minh của bản thân để xem xét cái tình của trăm họ? Lấy thông minh để xem xét vật, thì vật cũng cạnh tranh mà lấy cái thông minh của nó để đáp ứng; lấy sự bất tín để xem xét vật, thì vật cũng cạnh tranh mà lấy sự bất tín của nó để đáp ứng. Tâm của thiên hạ không nhất thiết phải giống nhau. Sự đáp ứng của họ không dám khác biệt thì họ không chịu dùng tình cảm. Cái hại thật lớn thay! Không [tai hại] gì lớn cho bằng việc dùng sự thông minh của mình. Dựa vào trí tuệ thì người kiện tụng với ta; dựa vào thế lực thì người tranh đấu với ta. Trí tuệ không dùng đối phó với người, hễ lập chỗ kiện tụng thì sẽ cùng; thế lực không dùng đối phó với người, hễ lập chỗ tranh đấu thì sẽ nguy. Chưa từng có ai có thể khiến người khác không dùng trí tuệ và thế lực đối địch với hắn. Như thế, hễ ta lấy một đối địch với người, thì người lấy mười triệu đối địch với ta. Còn như lắm phép tắc, rườm hình phạt, bít lối nẻo, đánh nhà tối, thì vạn vật mất sự tự nhiên của chúng, trăm họ mất đi tay chân của mình, chim hỗn loạn trên không, cá hỗn loạn dưới nước. Cho nên thánh nhân ở trong thiên hạ mà lòng luôn hồn nhiên, không có chủ kiến, cứ mặc lòng thiên hạ lẫn lộn, tâm ý ngài không có cái lo buồn. Không xem xét gì thì trăm họ tránh né mà chi? Không mong cầu gì thì trăm họ đáp ứng mà chi? Không tránh né và không đáp ứng thì chẳng ai mà không dùng tình cảm của mình. Người vô vi thì bỏ cái mình có khả năng mà làm cái mình không có khả năng, bỏ sở trường của mình mà làm cái sở đoản của mình. Như thế, kẻ nói sẽ nói cái mình biết; kẻ làm sẽ làm cái mình có khả năng; trăm họ ai cũng để tai mắt vào [thánh nhân] mà ngài chỉ xem họ như trẻ thơ thôi.»[22]

---

[22] *Lão Tử Vương Bật chú*: «Phù thiên địa thiết vị, thánh nhân thành năng. Nhân mưu quỷ mưu, bách tính dữ năng giả. Năng giả dữ chi, tư giả thủ chi, năng đại tắc đại, tư quý tắc quý. Vật hữu kỳ tông, sự hữu kỳ chủ. Như thử, tắc khả miện lưu sung mục nhi bất cụ tư khi, thẩu khoáng tắc nhĩ nhi vô thích ư mạn; hựu hà vi lao nhất thân chi thông minh, dĩ sát bách tính chi tình tai? Phù dĩ minh sát vật, vật diệc cạnh dĩ kỳ minh ứng chi; dĩ bất tín sát vật, vật diệc cạnh dĩ kỳ bất tín ứng chi. Phù thiên hạ chi tâm bất tất đồng, kỳ sở ứng bất cảm dị, tắc mạc khẳng dụng kỳ tình hĩ. Thậm hĩ hại chi đại dã, mạc đại ư dụng kỳ minh hĩ. Phù tại trí tắc nhân dữ chi tụng, tại lực tắc nhân dữ chi tranh. Trí bất xuất ư nhân, nhi lập hồ tụng địa, tắc cùng hĩ; lực bất xuất ư nhân, nhi lập hồ tranh địa, tắc nguy hĩ. Vị hữu năng sử nhân vô dụng kỳ trí lực hồ kỳ giả dã. Như thử tắc kỷ dĩ nhất địch nhân, nhi nhân dĩ thiên vạn địch kỷ dã. Nhược nãi đa kỳ pháp võng, phiền kỳ hình phạt, tắc kỳ kính lộ, công kỳ u trạch, tắc vạn vật thất kỳ tự nhiên, bách tính táng

Thánh nhân bắt chước cái *vô* của Đạo, cho nên lấy khiêm hư làm chủ; bắt chước cái *vô vi* của Đạo, cho nên cũng lấy *vô vi* làm chủ. Thánh nhân ở địa vị cao, khiêm hư và vô vi, thì «người ta dùng sức mình, phụng sự hết sức mình», và thánh nhân có thể «nhận hết sự giúp đỡ của trời và người». «[Thánh vương] có thể dùng mão có rèm ngọc che mắt mà không sợ bị lừa, dùng dải lụa bít tai mà không lo bị khinh.» Nếu không thể khiêm hư mà sự việc buộc phải tự làm, thế thì «ta lấy một đối địch với người, thì người lấy mười triệu đối địch với ta». Tuy «lao nhọc sự thông minh của bản thân» cũng không có thành công gì. Trang Tử nói: «Vô vi thì sai khiến được thiên hạ mà nhàn nhã; hữu vi thì bị thiên hạ sai khiến

---

kỳ thủ túc, điều loạn ư thượng, ngư loạn ư hạ. Thị dĩ thánh nhân chi ư thiên hạ, hấp hấp yên tâm vô sở chủ dã; vi thiên hạ hỗn tâm yên, ý vô sở thích mạc dã. Vô sở sát yên, bách tính hà tị; vô sở cầu yên, bách tính hà ứng? Vô tị vô ứng, tắc mạc bất dụng kỳ tình hĩ. Nhân vô vi xả kỳ sở năng nhi vi kỳ sở bất năng, xả kỳ sở trường nhi vi kỳ sở đoản. Như thử, tắc ngôn giả ngôn kỳ sở tri, hành giả hành kỳ sở năng, bách tính các giai chú kỳ nhĩ mục yên, ngô giai hài chi nhi dĩ.» 夫天地設位，聖人成能．人謀鬼謀，百姓與能者．能者與之，資者取之，能大則大，資貴則貴．物有其宗，事有其主．如此，則可冕旒充目而不懼於欺，黈纊塞耳而無戚於慢；又何爲勞一身之聰明，以察百姓之情哉？夫以明察物，物亦競以其明應之；以不信察物，物亦競以其不信應之．夫天下之心不必同，其所應不感異，則莫肯用其情矣．甚害之大也，莫大於用其明矣．夫在智則人與之訟，在力則人與之爭．智不出於人，而立乎訟地，則窮矣；力不出於人，而立乎爭地，則危矣．未有能使人無用其智力乎己者也．如此則己以一敵人，而人以千萬敵己也．若乃多其法網，煩其刑罰，塞其徑路，攻其幽宅，則萬物失其自然，百姓喪其手足，鳥亂於上，魚亂於下．是以聖人之於天下，歙歙爲心無所主也；爲天下渾心爲，意無所適莫也．無所察焉，百姓何避；無所求焉，百姓何應？無避無應，則莫不用其情矣．人無爲舍其所能而爲其所不能，舍其所長而爲其所短．如此，則言者言其所知，行者行其所能，百姓各皆注其耳目焉，吾皆孩之而已．– LAM chú: ***Lão Tử*** **(chương 49): «Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi. Bất thiện giả ngô diệc thiện chi. Đắc thiện hĩ. Tín giả ngô tín chi. Bất tín giả ngô diệc tín chi, đắc tín hĩ. Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hỗn kỳ tâm. Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.»** 聖人無常心，以百姓心爲心．善者吾善之，不善者吾亦善之，得善矣．信者吾信之，不信者吾亦信之，得信矣．聖人在天下，歙歙爲天下渾其心．百姓皆注其耳目，聖人皆孩之 **(Thánh nhân không có tâm thường hằng, nên lấy tâm thiên hạ làm tâm mình. Đối với kẻ lành dữ, ngài đều tốt. Thế là tốt rất mực. Đối với người thành tín hay gian ngoan, ngài cũng đều tin cậy ngang nhau, đó là lòng tin rất mực. Thánh nhân ở trong thiên hạ mà lòng luôn hỗn nhiên, không có thiên tư, thiên kiến. Mọi người đều để tai mắt vào ngài mà ngài coi mọi người như trẻ thơ).**

mà không đủ.»[23] Cho nên chỉ có *vô vi* thì sau mới có thể *vô bất vi*. Đối với dân chúng mà nói, «người vô vi thì bỏ cái mình có khả năng mà làm cái mình không có khả năng, bỏ sở trường của mình mà làm cái sở đoản của mình.» Cho nên thánh nhân tuỳ theo tính tự nhiên của dân chúng, thì họ tự cầu nhiều phúc, không cần thánh nhân phải mưu tính giùm.

Dịch Lược Lệ 易略例 của Vương Bật chép: «Sự vật không rối loạn vì chúng có nguyên lý của chúng.» (Vật vô vọng nhiên, tất do kỳ lý 物無妄然必由其理).

Thoán Truyện quẻ Tổn nói: «Tổn ích doanh hư, dữ thời giai hành.» 損益盈虛與時偕行 (Sự giảm, tăng, đầy, vơi [của vạn vật] đều tiến hành hài hòa với thời). Vương Bật chú: «Bản chất tự nhiên khiến vạn vật mỗi thứ ổn định phận mình. Cái ngắn không nghĩ mình không đủ, cái dài không nghĩ mình dư thừa. Giảm tăng mà làm gì? Đó chẳng phải lẽ thường của Đạo cho nên chúng ắt phải cùng tiến hành hài hòa với thời.»[24]

Lão Tử (chương 20) chép: «Tuyệt học vô ưu.» 絕學無憂 (Hãy dứt tuyệt học vấn và chớ có âu lo). Vương Bật chú: «Chim yến và chim én có sự phối hợp; tu hú và bồ câu có sự hận thù; dân cư vùng lạnh lẽo biết mặc áo lông ấm. Để tự nhiên thì đủ, tăng ích thì âu lo.»[25]

---

[23] ***Trang Tử* (Thiên Đạo): «Vô vi dã, tắc dụng thiên hạ nhi hữu dư; hữu vi dã, tắc vi thiên hạ dụng nhi bất túc.»** 無爲也，則用天下而有餘；有爲也，則爲天下用而不足. – **LAM chú: Phùng Hữu Lan chép khác: «Vô vi dã, cố dụng thiên hạ nhi hữu dư; hữu vi dã, cố vi thiên hạ dụng nhi bất túc.»** 無爲也，故用天下而有餘；有爲也，故爲天下用而不足. **Tôi chép theo *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (Ngô Phong 吳楓 chủ biên, Nam Hải xuất bản công ty, 1994, tr.150) và sách này chú: *dụng* 用 = *dịch sử* 役使 (sai khiến); *vi thiên hạ dụng* 爲天下用 = *bị thiên hạ dịch sử* 被天下役使 (bị thiên hạ sai khiến); *dư* 餘 = *dư hạ* 餘暇 (nhàn nhã).**

[24] ***Chu Dịch Vương Bật chú*: «Tự nhiên chi chất, các định kỳ phận. Đoản giả bất vi bất túc, trường giả bất vi hữu dư. Tổn ích tương hà gia yên? Phi Đạo chi thường, cố tất dữ thời giai hành dã.»** 自然之質，各定其分，短者不爲不足，長者不爲有餘. 損益將何加焉? 非道之常，故必與時偕行也.

[25] ***Lão Tử Vương Bật chú*: «Phù yến tước hữu thất, cưu cáp hữu cữu, hàn hương chi dân, tắc trí chiên cầu. Tự nhiên dĩ túc, ích chi tắc ưu.»** 夫燕雀有匹，鳩鴿有仇，寒鄉之民，則知旃裘. 自然已足，益之則憂. – **LAM chú: Thông thường *«tuyệt học vô ưu»* được dịch là: «Dứt tuyệt học vấn thì khỏi âu lo». Thí dụ như D.C. Lau dịch: «Exterminate learning and there will no longer be worries.» (Cứ dứt tuyệt học vấn thì sẽ không còn âu lo nữa). Các học giả và các nhà bình chú vẫn phân vân không rõ *«tuyệt học vô ưu»* là cuối chương 19 hay đầu chương 20. Bản *Lão Tử Hà Thượng Công chú* cho vào đầu chương 20. Dựa vào cấu trúc toàn chương 19 và sự hiệp vận 3 chữ *phác, dục, ưu* ở cuối chương 19 (*Kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục* 見素抱朴，少私寡欲) nên Henricks cương quyết xếp *«tuyệt học vô ưu»* vào cuối chương 19, và dịch: *«Manifest plainness and embrace the genuine; lessen self-interest and make few your desires; eliminate learning and have no undue concern.»* (Hãy thể hiện sự trong trắng**

Lão Tử (chương 29) chép: «Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.» 爲者敗之, 執者失之 (Kẻ làm thì hỏng, kẻ giữ thì mất). Vương Bật chú: «Vạn vật lấy tự nhiên làm bản tính, cho nên có thể nhân đó chứ không thể làm, có thể lưu thông chứ không thể giữ. Vật có tính thường hằng, hễ tạo tác đối với nó thì ắt phải hỏng; vật có sự lưu thông qua lại, hễ giữ nó thì ắt phải mất.»[26]

Thánh nhân bắt chước theo Đạo, khiêm hư và vô vi, như vậy sự nghiệp của thánh nhân sẽ thành công chứ không thất bại. Còn mọi người và vạn vật cũng có thể thích ứng tính cách ấy.

Việc chú thích Dịch của Vương Bật đã mở rộng phong cách chú thích kinh trong cái học của Đạo gia. Trong *Luận Ngữ Tập Giải Nghĩa Sớ* của Hoàng Khản 皇侃 (488-545) cũng có nhiều chỗ lượm lặt từ học thuyết của Đạo gia. Chẳng hạn, *Luận Ngữ* (Tiên Tiến) chép: «Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không.» 回也其庶乎, 屢空 (Nhan Hồi hầu như đạt đạo, thế mà luôn bần cùng).[27] Trong *Luận Ngữ Tập Giải Nghĩa Sớ*, Hà Án giải: «Có thuyết nói *lũ* (thường hay) giống như *mỗi* (luôn luôn), *không*

và ôm giữ sự trinh nguyên; hãy giảm bớt tư lợi và ham muốn; hãy vất bỏ học vấn và đừng âu lo). Theo cách dịch này, Henricks xem *kiến* 見 là giả tá của *hiện* 現. Xem: Robert G. Henricks (trans.), *Lao-Tzu Tao Te Ching: A new translation based on the recently discovered Ma-Wang-Tui texts*, Ballantine Books, New York, 1989, p.224-225. Ninh Chí Tân (sđd., tr.17) và Ngô Phong (sđd., tr.11) cũng cùng ý kiến với Henricks.

[26] *Lão Tử Vương Bật chú*: «Vạn vật đĩ tự nhiên vi tính, cố khả nhân nhi bất khả vi dã, khả thông nhi bất khả chấp dã. Vật hữu thường tính, nhi tạo vi chi cố tất bại chi; vật hữu vãng lai, nhi chấp chi, cố tất thất hĩ.» 萬物以自然爲性, 故可因而不可爲也, 可通而不可執也. 物有常性, 而造爲之故必敗之; 物有往來, 而執之, 故必失矣.

[27] LAM chú: Dương Bá Tuấn 楊伯峻 (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, 1998, tr.115) chú: «*Thứ* 庶 = *thứ cơ* 庶幾 (hầu như), *sai bất đa* 差不多 (có lẽ); *không* 空 = *bần cùng* 貧窮. Cổ đại phân biệt hai chữ *bần* và *cùng*. Tiền tài cơm áo thiếu thốn thì gọi là *bần*; bất đắc chí, cuộc sống khó khăn không lối thoát, không có tiền đồ, thì gọi là *cùng*. Chữ *không* ở đây gồm cả hai nghĩa *bần* và *cùng*.» *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.1016) giảng: «*Lũ không* 屢空 = nhất vô sở hữu, kinh thường bần cùng 一無所有, 經常貧窮 (chẳng có gì, luôn bần cùng).» và dẫn *Sử Ký* (Bá Di Liệt Truyện): «Thả thất thất thập tử chi đồ, Trọng Ni tiến Nhan Uyên vi hiếu học, nhiên Hồi dã lũ không.» 且七十子之徒, 仲尼稱顏淵爲好學, 然回也屢空 (Trong số hơn 70 môn đệ, Trọng Ni khen Nhan Uyên hiếu học, nhưng Nhan Hồi thì luôn bần cùng). James Legge dịch «*Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không*» là: «There is Hui! He has nearly attained to perfect virtue. He is often in want.» (Hồi đấy! Anh ta hầu như đạt được chí đức. Anh ta thường túng thiếu). James Ware dịch: «Yen Hui almost achieved the ideal, but he was frequently penniless.» (Nhan Hồi hầu như đạt được lý tưởng, nhưng thường nghèo túng). Derk Bodde dịch: «As for Hui, he was near [perfection], yet frequently was devoid [of worldly goods].» (Về phần Nhan Hồi, anh ta gần hoàn hảo, nhưng thường xuyên thiếu thốn vật chất).

(trống không) giống như *hư trung* (tâm trống rỗng).»[28]

Đó là điều mà *Trang Tử* (Nhân Gian Thế) đã nói: «Duy Đạo tập hư; hư giả, tâm trai dã.» 唯道集虛;虛者,心齋也(Chỉ có Đạo tập trung trong hư không. Hư không là *tâm trai* [chay lòng]). Từ đấy về sau các nhà chú giải *Luận Ngữ* ngày càng biến Khổng Tử thành Đạo gia. Chẳng hạn như *Luận Ngữ* (Vi Chính) chép: «Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách.» 導之以德,齊之以禮,有恥且格(Nếu dùng đạo đức để dẫn dắt họ [tức dân chúng] và dùng lễ giáo để chỉnh đốn họ, thì họ không những có liêm sỉ mà còn có lòng quy phục nữa).[29] Cư sĩ họ Thẩm 沈居士 giải: «Hễ lập chính sách để khống chế vật, thì vật ắt sửa đổi để thuận theo nó; hễ dùng hình phạt để chỉnh đốn vật, thì vật ắt khôn khéo mà tránh né nó. Sửa đổi thì tuân theo chứ tâm thì không cải hoá; khôn khéo tránh né thì chỉ cần tránh được trách nhiệm mà thôi chứ tình cảm thì không biết xấu hổ. Bởi vì chúng mất bản tính tự nhiên của chúng. Nếu lấy đức dẫn dắt vật, khiến vật nào cũng đạt được bản tính của nó, thế thì khi dụng tâm chúng sẽ không sửa đổi chân tính và đều biết xấu hổ để tự chỉnh đốn lấy mình.»[30]

Luận Ngữ (Vi Chính): «Lục thập nhi nhĩ thuận.» 六十而耳順

---

[28] ***Luận Ngữ Tập Giải Nghĩa Sớ*** 論語集解義疏: «Nhất viết, lũ do mỗi dã, không do hư trung dã.» 一曰,屢猶每也,空猶虛中也.

[29] **LAM chú: Tôi dịch theo Dương Bá Tuấn (sđd., tr.12): «Như quả dụng đạo đức lai dụ đạo tha môn, sử dụng lễ giáo lai chỉnh đốn tha môn, nhân dân bất đãn hữu liêm sỉ chi tâm, nhi thả nhân tâm quy phục.» 如果用道德來誘導他們,使用禮教來整頓他們,人民不但有廉恥之心,而且人心歸服. Dương Bá Tuấn chú: «Chữ *cách* 格 này có nhiều nghĩa, ở đây có thể giải là *lai* 來 (đến), *chí* 至 (tới), *chính* 正 (ngay chính), *kính* 敬 (kính trọng); nhưng các giảng giải này vị tất phù hợp nguyên ý của Khổng Tử. *Lễ Ký* (Trí Y 緇衣) chép: "Phù dân, giáo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, tắc dân hữu cách tâm; giáo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, tắc dân hữu độn tâm." 夫民,教之以德,齊之以禮,則民有格心;教之以政,齊之以刑,則民有遯心(Đối với dân, hễ lấy đạo đức dạy họ và lấy lễ chỉnh đốn họ, thì dân có *cách tâm*; hễ lấy chính trị dạy họ và lấy hình phạt chỉnh đốn họ, thì dân có *độn tâm*). Câu này có thể xem là chú thích sớm nhất cho câu nói trên của Khổng Tử, nên đáng tin. *Cách tâm* và *độn tâm* trái nghĩa nhau trong ngữ cảnh này. *Độn* 遯 là *đào tị* 逃避 (chạy trốn); trái nghĩa là *thân cận* 親近, *quy phục* 歸服, *hướng vãng* 嚮往 (mong ngóng). Cho nên tôi dịch là *nhân tâm quy phục* 人心歸服.»**

[30] ***Luận Ngữ*, Thẩm cư sĩ 沈居士 giải: «Phù lập chính dĩ chế vật, vật tắc kiểu dĩ tòng chi; dụng hình dĩ tề vật, vật tắc xảo dĩ tị chi. Kiểu tắc tích tòng nhi tâm bất hoá, xảo tị tắc cầu miễn nhi tình bất sỉ. Do thất kỳ tự nhiên chi tính dã. Nhược đạo chi dĩ đức, sử vật các đắc kỳ tính, tắc giai dụng tâm bất kiểu kỳ chân, tắc giai tri sỉ nhi tự chính dã.» 夫立政以制物,物則矯以從之;用刑以齊物,物則巧以避之.矯則跡從而心不化,巧避則苟免而情不恥.由失其自然之性也.若導之以德,使物各得其性,則皆用心不矯其眞,則皆知恥而自正也.– LAM chú: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.773) giảng: «*Kiểu* 矯 = *cải biến* 改變 (sửa đổi).» Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Tích* 跡 = *tuân tuần* 遵循 (tuân theo).»**

([Khổng Tử nói khi ta] 60 tuổi, nghe ai nói thì phân biệt được thật hay giả, biết được đúng hay sai).[31] Tôn Xước 孫綽 giải: «*Nhĩ thuận* là nguyên lý phế bỏ sự lắng nghe. Tự giác ngộ rõ ràng về Huyền, không sai khiến mà sau đạt được, đó gọi là "không biết, không hiểu, vâng theo nguyên tắc của trời" vậy.»[32]

Luận Ngữ (Tiên Tiến) chép: «Nhan Uyên tử, tử khốc chi đỗng.» 顏淵死，子哭之慟 (Nhan Uyên chết, Khổng Tử khóc thảm). Quách Tượng 郭象 giải: «Người khóc thì ta cũng khóc, người đau xót thì ta cũng đau xót; kẻ vô tình cùng chuyển hoá với vật vậy.»[33]

Luận Ngữ (Tiên Tiến) chép: «Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không.» 回也其庶乎，屢空 (Nhan Hồi hầu như đạt đạo, thế mà luôn bần cùng). Cố Hoan 顧歡 (420-483) giải: «Lấy vô dục đối với vô dục, đó là bản chất thường hằng của thánh nhân; lấy hữu dục đối với vô dục, đó là sự phân biệt của hiền nhân. Nếu đều là vô dục, thì ta sẽ hoàn toàn là không, và được xem là thánh nhân. Nếu là một hữu một vô, thì ta sẽ luôn trống rỗng, và được gọi là hiền nhân. Hiền nhân từ phương diện hữu mà xét, là lấy vô dục đối với hữu dục; từ phương diện vô mà xét, là lấy hữu dục đối với vô dục. Nếu trống rỗng chưa cùng tận, tại sao nói nó không luôn như thế?»[34]

---

[31] **LAM chú: Trọn câu này là lời Khổng Tử: «Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.»** 吾十有五而志於學，三十而立，四十而不惑，五十而知天命，六十而耳順，七十而從心所欲不踰矩 **(Ta 15 tuổi chí tâm học tập; 30 tuổi thì vững vàng; 40 tuổi không còn nghi ngờ; 50 tuổi biết mệnh trời; 60 tuổi nghe ai nói thì phân biệt được thật hay giả, biết được đúng hay sai; 70 tuổi tuỳ ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc). Dương Bá Tuấn (sđd., tr.12) nói hai chữ *nhĩ thuận* 耳順 này rất khó giải thích, rất nhiều người cố giải thích nhưng đều khiên cưỡng; ông cũng gượng dịch là: «Lục thập tuế nhất thính biệt nhân ngôn ngữ, tiện khả dĩ phân biệt chân giả, phán minh thị phi.»** 六十歲一聽別人言語，便可以分別眞假，判明是非 **(60 tuổi mỗi khi nghe kẻ khác nói thì phân biệt được thật giả, phán đoán rõ đúng sai).**

[32] ***Luận Ngữ*, Tôn Xước giải: «Nhĩ thuận giả, phế thính chi lý dã. Lãng nhiên tự Huyền ngộ, bất phục dịch nhi hậu đắc, sở vị "bất thức, bất tri, tòng đế chi tắc" dã.»** 耳順者，廢聽之理也．朗然自玄悟，不復役而後得，所謂"不識，不知，從帝之則"也．

[33] ***Luận Ngữ*, Quách Tượng 郭象 giải: «Nhân khốc diệc khốc, nhân đỗng diệc đỗng, cái vô tình giả, dữ vật hoá dã.»** 人哭亦哭，人慟亦慟，蓋無情者，與物化也．

[34] ***Luận Ngữ*, Cố Hoan 顧歡 giải: «Phù vô dục ư vô dục giả, thánh nhân chi thường dã; hữu dục ư vô dục giả, hiền nhân chi phân dã. Nhị dục đồng vô, cố toàn không dĩ mục thánh; nhất hữu nhất vô, cố mỗi hư dĩ xưng hiền. Hiền nhân tự hữu quan chi, tắc vô dục ư hữu dục; tự vô quan chi, tắc hữu dục ư vô dục. Hư nhi vị tận, phi lũ như hà.»** 夫無欲於無欲者，聖人之常也；有欲於無欲者，賢人之分也．二欲同無，故全空以目聖；一有一無，故每虛以稱賢．賢人自有觀之，則無欲於有欲；自無觀之，則有欲於無欲．虛而未盡，非屢如何．

Thái sử Thúc Minh 太史叔明giải: «Nhan Hồi là bậc thượng hiền, đạt Đạo đầy đủ tinh thâm, nên không tiến thân mà thoái ẩn. Do đó chữ "lũ" 屢(luôn) được dùng để ám chỉ việc ấy. Nhan Hồi gạt bỏ nhân nghĩa, quên lễ nhạc, bất cần thân thể, truất bỏ thông minh, *ngồi quên* (toạ vong 坐忘) để nhập vào cõi *đại thông* 大通(tức Đạo); chữ *quên* 忘này có ý nghĩa đó. Khi *quên hết*, chẳng phải là *không* 空sao? Nếu lấy thánh nhân mà suy nghiệm điều ấy, thánh nhân thì *quên* luôn cả *quên* (vong vong 忘忘) nhưng đại hiền thì chưa thể *quên* luôn cả *quên*. Chưa thể *quên* luôn cả *quên* thì tâm chưa dứt sạch. Tâm chưa dứt sạch mà đồng thời lại *không* 空, cho nên chữ "lũ" 屢(luôn) được dùng ở đây.»[35]

Luận Ngữ (Hiến Vấn): «Tu kỷ dĩ an bách tính, Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư.» 修己以安百姓,堯舜其猶病諸(Tự sửa mình để trăm họ yên vui; ngay cả Nghiêu, Thuấn cũng khó làm được thế).[36] Quách Tượng 郭象giải: «Bậc quân tử không thể tìm kiếm đủ [ở ngoài] cho nên kẻ sửa mình thì tìm kiếm ở mình. Do đó kẻ sửa mình đối với bên trong thì trọng bản thân, đối với bên ngoài thì làm cho người khác cùng yên vui với mình, như vậy không đủ để làm trăm họ yên vui sao? Trăm họ có trăm tính cách, vạn nước có phong tục khác nhau. Hễ lấy *không trị* mà trị họ, thì kết quả cực tốt. Nếu muốn sửa mình để trị họ, ngay cả Nghiêu và Thuấn cũng khó làm nổi, nói gì bậc quân tử! Nay thấy Nghiêu và Thuấn không sửa mình, vạn vật tự vô vi mà trị, như trời vốn cao, đất vốn dầy, mặt trăng mặt trời chiếu sáng, mây bay mưa xuống. Cho nên vạn vật đều thông sướng điều

---

[35] ***Luận Ngữ*, Thái sử Thúc Minh** 太史叔明**giải: «Nhan Tử thượng hiền, thể cụ nhi vi tắc tính dã. Cố vô tiến thoái chi sự, tựu nghĩa thượng dĩ lập lũ danh. Án kỳ di nhân nghĩa, vong lễ nhạc, huỷ chi thể, truất thông minh, toạ vong đại thông, thử vong hữu chi nghĩa dã. Vong hữu đốn tận, phi không như hà? Nhược dĩ thánh nhân nghiệm chi, thánh nhân vong vong, đại hiền bất năng vong vong. Bất năng vong vong, tâm phục vi vị tận. Nhất vị nhất không, cố lũ danh sinh dã yên.»** 顏子上賢,體懼而微則精也.故無進退之事,就義上以立屢名.按其遺仁義,忘禮樂,隳支體,黜聰明,坐忘大通,此忘有之義也.忘有頓盡,非空如何?若以聖人驗之,聖人忘忘,大賢不能忘忘.不能忘忘,心復爲未盡.一未一空,故屢名生也焉.

[36] **LAM chú: Câu «Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư»** 堯舜其猶病諸 **xuất hiện hai lần trong *Luận Ngữ*** (**Ung Dã và Hiến Vấn**). **Dương Bá Tuấn giảng: «*Bệnh*** 病= ***bất túc*** 不足 **(không đủ).» *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** (**tr.102**) **trích ngay câu này và giảng: «*Bệnh*** 病= ***nan, vi nan*** 難, 爲難 **(khó, khó làm).» *Chư*** 諸= ***đối vu thử*** 對于此 **(đối với việc ấy).**

hoà, cùng hưng thịnh mà không sót thứ nào; như thế đâu khó khăn gì.»[37]

Lấy học thuyết Đạo gia để giải thích kinh điển Nho gia, đó là Kinh học của Huyền học gia.

3. Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh

Cái học Đạo gia đã thịnh thì người ta cũng càng thêm phóng túng trong việc làm và xem thường lễ giáo. Đại biểu cho phong cách ấy là những kẻ như Nguyễn Tịch 阮籍, Kê Khang 嵇康, Lưu Linh 劉伶.

Tấn Thư chép: «Nguyễn Tịch (210-263) tự là Tự Tông, quê ở Uý Thị thuộc quận Trần Lưu. [...] Dung mạo khôi ngô lạ thường, chí khí ngang tàng, ngạo nghễ tự tại, theo tính tự nhiên và không câu nệ [lễ giáo], mừng giận không hiện ra mặt. Có khi đóng cửa đọc sách mấy tháng không ra khỏi nhà; có khi ngao du sơn thuỷ mấy ngày không trở về. Ông đọc rất nhiều sách, đặc biệt hâm mộ Lão Trang; thích rượu, ca hát ngâm vịnh, giỏi đàn cầm. Đương khi đắc ý, chợt quên hình hài, nhiều người cùng thời cho ông là điên. [...] Mùa đông năm Cảnh Nguyên thứ tư (263 CN), ông mất, thọ 54 tuổi.»[38]

---

[37] *Luận Ngữ*, Quách Tượng 郭象 giải: «Phù quân tử giả bất năng sách túc; cố tu kỷ giả sách kỷ. Cố tu kỷ giả cận khả dĩ nội kính kỳ thân, ngoại an đồng kỷ chi nhân nhĩ, khởi túc an bách tính tai? Bách tính bách phẩm, vạn quốc thù phong, dĩ bất trị trị chi, nãi đắc kỳ cực. Nhược dục tu kỷ dĩ trị chi, tuy Nghiêu Thuấn tất bệnh, huống quân tử hồ! Kim kiến Nghiêu Thuấn phi tu chi dã, vạn vật tự vô vi nhi trị, nhược thiên chi tự cao, địa chi tự hậu, nhật nguyệt chi minh, vân hành vũ thí nhi dĩ. Cố năng di sướng điều đạt, khúc thành bất di, nhi vô bệnh dã.» 夫君子者不能索足;故修己者索己.故修己者僅可以內敬其身,外安同己之人耳,豈足安百姓哉?百姓百品,萬國殊風,以不治治之,乃得其極.若欲修己以治之,雖堯舜必病,況君子乎!今見堯舜非修之也,萬物自無爲而治,若天之自高,地之自厚,日月之明,雲行雨施而已.故能夷暢條達,曲成不遺,而無病也.- LAM chú: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.1843, 1549) giảng: «*Di* 夷 = bình an, an định; *điều đạt* 條達 = *sướng đạt* 暢達 (thông suốt thấu đạt)». Câu «*khúc thành bất di*» xuất xứ ở Hệ Từ Thượng: «*Khúc thành vạn vật nhi bất di.*» (Vạn vật được thành tựu mà không sót thứ gì). *Khúc* 曲 = *câu* 俱 (đều, cùng); *thành* 成 = *thịnh* 盛; *di* 遺 = *lậu* 漏 (rò rỉ, lọt).

[38] *Tấn Thư* (Nguyễn Tịch Truyện 阮籍傳): «Nguyễn Tịch tự Tự Tông, Trần Lưu Uý Thị nhân dã. [...] Dung mạo côi kiệt, chí khí hoành phóng, ngạo nhiên độc đắc, nhậm tính bất kỳ, nhi hỉ nộ bất hình ư sắc. Hoặc bế hộ thị thư, luỹ nguyệt bất xuất; hoặc đăng lâm sơn thuỷ, kính nhật vong quy. Bác lãm quần tịch, vưu hiếu Trang Lão. Thị tửu năng khiếu, thiện đàn cầm. Đương kỳ đắc ý, hốt vong hình hài, thời nhân đa vị chi si. [...] Cảnh Nguyên tứ niên đông tốt, thời niên ngũ thập tứ.» 阮籍字嗣宗,陳留尉氏人也.[...] 容貌瑰傑,志氣宏放,傲然獨得,任性不羈,而喜怒不形於色.或閉戶視書,累月不出;或登臨山水,經日忘歸.博覽群籍,尤好莊老.嗜酒能嘯善彈琴.當其得意.忽忘形骸,時人多謂之癡.[...] 景元四年冬卒,時年五十四.- LAM chú: Theo *Từ Hải*, Uý Thị là tên huyện; Trần Lưu đời Hán là tên quận, đời Ngụy gọi là nước Trần Lưu, nay

Nguyễn Tịch viết *Đạt Trang Luận* 達莊論 rằng: «Trời đất sinh ở tự nhiên, vạn vật sinh ở trời đất. Tự nhiên không có ở ngoài, nên có tên trời đất. Trời đất có ở trong, nên vạn vật sinh ra. Đang không ở ngoài, ai nói là dị biệt? Đang có ở trong, ai nói là sai khác? [...] Do đó khí Âm trùng nhau thành sấm và chớp, không phải sấm và chớp là hai thứ khác nhau xuất ra; trời đất, mặt trời, mặt trăng, không phải là các vật khác biệt vậy. Cho nên *Trang Tử* (Đức Sung Phù) nói: "Về mặt khác nhau mà xét thì vạn vật [khác nhau] ví như gan với mật, hay nước Sở với nước Việt. Về mặt giống nhau mà xét thì vạn vật đều là một." Người ta sinh ra trong cõi trời đất, thể hiện trong hình hài tự nhiên. Thân thể là tinh khí của Âm Dương. Bản tính là tính đúng đắn của ngũ hành. Tình cảm là lòng dục biến đổi của *du hồn* (hồn bất định). Tinh thần là chỗ trời đất thống trị. Lấy sự sống mà nói, không vật nào mà không thọ; lấy sự chết mà suy, không vật nào mà không chết non. Từ phương diện nhỏ mà nhìn, vạn vật không thứ nào mà không nhỏ. Từ phương diện lớn mà nhìn, vạn vật không thứ nào mà không lớn. Trẻ chết yểu thì thọ, Bành Tổ thì yểu; chiếc lông mùa thu thì lớn, Thái Sơn thì nhỏ. Cho nên sống chết là một mối; đúng sai là một điều. Từ phương diện khác biệt mà nói thì râu với chân mày khác tên; hợp chung mà nói thì chúng chung một thể là lông. [...] Giác quan như tai và mắt, thi hành theo tên gọi, nhưng cơ quan xử lý thì không khác; thân thể cử động làm việc không phải dứt bỏ chân tay, cắt lìa chi thể. Nhưng người đời ưa sự khác biệt mà chẳng quan tâm cái gốc; ai ai cũng nói đến cái tôi của mình mà thôi, sao không cậy vào kẻ khác? Tàn hại sự sống và bản tính, trở thành thù địch; cắt lìa chi thể, không cảm thấy đau. Mắt nhìn màu sắc mà không màng cái nghe của tai; tai nghe mà không cậy sự suy nghĩ của tâm; tâm chạy theo lòng dục mà không thích ứng với chỗ yên ổn của bản tính. Cho nên tật bệnh manh nha thì hết muốn sống; tai hoạ và rối loạn tác động thì vạn vật điêu tàn. Bậc chí nhân điềm đạm đối với sự sống và bình tĩnh đối với sự chết. Điềm đạm đối với sự sống thì tình cảm không mê hoặc; bình tĩnh đối với sự

---

là tỉnh Hà Nam. *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.515) giảng: «*Côi kiệt* 瑰傑 = *kiệt xuất bất phàm* 傑出不凡 (xuất sắc khác thường).» và dẫn câu «*Dung mạo côi kiệt, chí khí hoành phóng*» 容貌瑰傑, 志氣宏放 làm thí dụ. *Khiếu* 嘯 bản nghĩa là «kêu gào, huýt sáo, gầm, rống, hú» ở đây có lẽ hiểu như *khiếu ca* 嘯歌, *khiếu vịnh* 嘯詠 (ca hát ngâm vịnh). Các năm Cảnh Nguyên (260-263) thuộc đời Ngụy Nguyên Đế 魏元帝 (tức Tào Hoán 曹奐, tại vị 260-265). Nguyễn Tịch (210-263) từng làm các chức quan: Tòng sự trung lang, Đại tư mã tòng sự trung lang, Quan nội hầu, Tán kỵ thường thị. Cha ông là Nguyễn Vũ, một danh sĩ trong Kiến An Thất Tử 建安七子 (tức Khổng Dung 孔融, Trần Lâm 陳琳, Vương Xán 王粲, Từ Cán 徐幹, Nguyễn Vũ 阮瑀, Ưng Sướng 應場, Lưu Trinh 劉楨). Những công văn và thư từ chính trị ngoại giao của Tào Tháo đều do Nguyễn Vũ và Trần Lâm soạn thảo.

chết thì tinh thần không lìa thân thể. Cho nên ngài có thể cùng chuyển hoá với Âm Dương mà không dời chuyển, theo sự biến đổi của trời đất mà không dời đổi. Sống cho tận tuổi thọ, chết tuân theo sự chính đáng, tâm khí bình ổn, tăng giảm không làm suy tổn.»[39]

Đó cũng là ý tưởng mà Trang Tử nói là: «Trời đất với ta cùng sinh ra; vạn vật với ta là một.» (Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất 天地與我并生而萬物與我爲一). Nhưng lập luận của Trang Tử phần nhiều theo phương diện lô-gíc của nhận thức luận mà nói, còn ở đây thì Nguyễn Tịch chuyên theo phương diện hình nhi thượng (tức siêu

---

[39] Nguyễn Tịch, *Đạt Trang Luận* 達莊論: «Thiên địa sinh ư tự nhiên, vạn vật sinh ư thiên địa. Tự nhiên giả vô ngoại, cố thiên địa danh yên. Thiên địa giả hữu nội, cố vạn vật sinh yên. Đương kỳ vô ngoại, thuỳ vị dị hồ? Đương kỳ hữu nội, thuỳ vị thù hồ? [...] Thị dĩ trùng Âm lôi điện, phi dị xuất dã; thiên địa nhật nguyệt, phi thù vật dã. Cố viết: "Tự kỳ dị giả thị chi, tắc can đảm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, tắc vạn vật nhất thể dã." Nhân sinh thiên địa chi trung, thể tự nhiên chi hình. Thân giả, Âm Dương chi tinh khí dã. Tính giả, ngũ hành chi chính tính dã. Tình giả, du hồn chi biến dục dã. Thần giả, thiên địa chi sở dĩ ngự giả dã. Dĩ sinh ngôn chi, tắc vật vô bất thọ; suy chi dĩ tử, tắc vật vô bất yểu. Tự tiểu thị chi tắc vạn vật mạc bất tiểu. Do đại quan chi, tắc vạn vật mạc bất đại. Thương tử vi thọ, Bành Tổ vi yểu; thu hào vi đại, Thái Sơn vi tiểu. Cố dĩ tử sinh vi nhất quán, thị phi vi nhất điều dã. Biệt nhi ngôn chi, tắc tu mi dị danh; hợp nhi thuyết chi, tắc thể chi nhất mao dã. [...] Phàm nhĩ mục chi quan, danh phân chi thi, xử quan bất dị tư, cử phụng kỳ thân, phi dĩ tuyệt thủ túc, liệt chi thể dã. Nhiên hậu thế chi hiếu dị giả, bất cố kỳ bản, các ngôn ngã nhi dĩ hĩ, hà đãi ư bỉ? Tàn sinh hại tính, hoàn vi thù địch, đoạn cát chi thể, bất dĩ vi thống. Mục thị sắc nhi bất cố nhĩ chi sở văn, nhĩ sở thính nhi bất đãi tâm chi sở tư, tâm bôn dục nhi bất thích tính chi sở an. Cố tật bệnh manh, tắc sinh ý tận; hoạ loạn tác, tắc vạn vật tàn hĩ. Phù chí nhân giả, điềm ư sinh nhi tĩnh ư tử. Sinh điềm tắc tình bất hoặc, tử tĩnh tắc thần bất ly. Cố năng dữ Âm Dương hoá nhi bất dịch, tòng thiên địa biến nhi bất di. Sinh cửu kỳ thọ, tử tuần kỳ nghi, tâm khí bình trị, tiêu tức bất khuy.» 天地生於自然，萬物生於天地。自然者無外，故天地名焉。天地者有內，故萬物生焉。當其無外，誰謂異乎？當其有內誰謂殊乎？[...] 是以重陰雷電，非異出也；天地日月，非殊物也。故曰："自其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一體也。" 人生天地之中，體自然之形，身者，陰陽之精氣也，性者，五行之正性也，情者，遊魂之變欲也，神者，天地之所馭也。以生言之，則物無不壽；推之以死，則物無不夭。自小視之則萬物莫不小，由大觀之則萬物莫不大。殤子爲壽，彭祖爲夭；秋毫爲大，泰山爲小。故死生爲一貫，是非爲一條也。別而言之，則鬚眉異名；合而說之，則體之一毛也。[...] 凡耳目之官，名分之施，處官不易司，舉幸其身，非以絕手足，裂肢體也。然後世之好異者，不顧其本，各言我而已矣，何待於彼？殘生害性，還爲讎敵，斷割肢體，不以爲痛。目視色而不顧耳之所聞，耳所聽而不待心之所思，心奔欲而不適性之所安。故疾病萌，則生意盡；禍亂作，則萬物殘矣。夫至人者，恬於生而靜於死。生恬則情不惑，死靜則神不離。故能與陰陽化而不易，從天地變而不移。生究其壽，死循其宜，心氣平治，消息不虧。– LAM chú: *Trang Tử* (Thu Thủy): «Dĩ đạo quan chi, vật vô quý tiện; dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện; dĩ tục quan chi, quý tiện bất tại kỷ. Dĩ sai quan chi, nhân kỳ sở đại nhi đại chi, tắc vạn vật mạc bất đại; nhân kỳ sở

hình học) mà nói. Ông xem trời đất và vạn vật cùng là một thể, «khí Âm trùng nhau thành sấm và chớp, không phải sấm và chớp là hai thứ khác nhau xuất ra; trời đất, mặt trời, mặt trăng, không phải là các vật khác biệt». Cái gọi là cá thể đều là bộ phận của toàn thể. Như thân thể người ta có râu và chân mày, «từ phương diện khác biệt mà nói, thì râu với chân mày khác tên; hợp chung mà nói, thì chúng chung một thể là lông». Đa số người đời chấp vào cá thể mà xem nó là bản ngã. Điều này khác nào tay của một người tự xem nó là bản ngã, rồi chân của người đó cũng tự xem nó là bản ngã; cho nên Nguyễn Tịch nói: «Người đời ưa sự khác biệt mà chẳng quan tâm cái gốc; ai ai cũng nói đến cái tôi của mình mà thôi, sao không cậy vào kẻ khác? Tàn hại sự sống và bản tính, trở thành thù địch, cắt lìa chi thể, không cảm thấy đau.» Như vậy lập luận của Nguyễn Tịch khác với Trang Tử.

Nguyễn Tịch còn viết *Đại Nhân Tiên Sinh Truyện* để châm biếm lễ pháp của hạng quân tử: «Có người để lại quyển sách *Đại Nhân Tiên Sinh,* chép rằng: "Về cái quý trong thiên hạ thì chẳng gì quý bằng quân tử. Y phục có màu sắc nhất định, dung mạo có quy tắc nhất định, nói năng có chuẩn mực nhất định, hành động có cách thức nhất định. [...]" [Nghe nói vậy] Đại Nhân tiên sinh điềm tĩnh thở dài, trỏ mây và cầu vồng mà đáp: "Nói như thế mà nghe được sao? Bậc đại nhân cùng thể với tạo vật, cùng sinh với trời đất, tiêu dao cõi tạm, cùng hoàn thành với Đạo. Ngài biến hoá và tán tụ, không có hình hài nhất định. Trong khu vực trời đất chế định, ngài sáng rỡ ở bề ngoài. Sự bền vững mãi mãi của trời đất không phải là điều mà thế tục có thể bàn đến. [...] Thế mà riêng anh không thấy rận trong quần ư? Nó chạy vào đường chỉ may sâu, ẩn trong sợi bông nát, tự xem đấy là nơi ở tốt lành. Nó đi thì không dám rời đường chỉ may, cử động thì không dám ra khỏi đũng quần, tự cho mình có mực thước. Khi đói thì nó cắn người hút máu, tự xem đấy là nguồn lương

---

tiểu nhi tiểu chi, tắc vạn vật mạc bất tiểu.» 以道觀之,物無貴賤;以物觀之,自貴而相賤;以俗觀之,貴賤不在己.以差觀之,因其所大而大之,則萬物莫不大;因其所小而小之,則萬物莫不小 **(Theo phương diện Đạo mà xét, vật chẳng quý chẳng tiện. Từ bản thân của vật mà xét, mỗi vật tự cho mình quý và coi vật khác là tiện. Từ quan điểm thế tục mà xét, quý và tiện không nằm tại bản thân sự vật. Từ sự khác biệt của vật mà xét, do tầm cỡ lớn mà cho rằng chúng lớn thì vạn vật chẳng thứ nào mà không lớn; do tầm cỡ nhỏ mà cho rằng chúng nhỏ thì vạn vật chẳng thứ nào mà không nhỏ).** ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Thiên địa mạc đại ư thu hào chí mạt, nhi đại sơn vi tiểu; mạc thọ ư thương tử, nhi Bành Tổ vi yểu. Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất.»** 天下莫大於秋毫之末,而大山爲小;莫壽於殤子,而彭祖爲夭.天地與我并生而萬物與我爲一 **(Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu; còn núi Thái thì nhỏ. Không có gì sống lâu bằng đứa trẻ chết non; còn ông Bành Tổ thì chết yểu. Trời đất với ta cùng sinh ra; vạn vật với ta là một).**

thực vô tận. Nhưng khi đồi cháy lửa lan, đô ấp bị tiêu diệt, thì đàn rận chết trong quần, không thể chạy thoát. Hạng quân tử các anh sống trong khu vực của mình, có khác gì đàn rận trong quần đâu? [...] Thời xưa khi khai thiên lập địa, vạn vật cùng sinh. Thứ lớn thì có tính điềm đạm, thứ nhỏ bé thì có hình yên tĩnh. [...] Hễ không có kẻ sang thì người hèn không oán; hễ không có kẻ giàu, thì người nghèo không tranh. Ai cũng cảm thấy mình đầy đủ và chẳng mong cầu chi. Ân trạch không có chỗ quy về, thì kẻ thất bại không có chỗ cừu hận. Âm thanh lạ không phát ra thì tai nghe không thấy lạ; dâm sắc không hiển lộ thì mắt nhìn không thay đổi. Tai mắt không đổi thì không làm loạn tinh thần; đó là chỗ dừng lại của [thánh hiền] đời trước. nay các anh trọng người hiền để làm cao hơn nhau, cạnh tranh tài năng để ở trên nhau, tranh giành cuộc đời để làm vua, yêu quý để gia tăng cho nhau, phân cắt thiên hạ để làm vui; do đó mà trên dưới tương tàn. Làm cạn kiệt tối đa trời đất và vạn vật để cung phụng lòng ham muốn bất tận đối với âm thanh sắc tướng; đó không phải là cách nuôi dưỡng trăm họ. Do đó sợ dân biết được bản tính tự nhiên của họ, các anh bèn trọng thưởng để họ vui, phạt nặng để họ thấy uy mà sợ. Kho tài chánh dùng để thưởng mà không cung cấp vào, hình phạt nhiều mà không thi hành, tức là bắt đầu có mối hoạ mất nước giết vua. Đó chẳng phải là việc làm của hạng quân tử các anh ư? Lễ pháp của bọn quân tử các anh quả là cách thức làm tàn hại thiên hạ, gây loạn lạc nguy hiểm và tử vong, thế mà lại xem nó là cái đạo bất biến vận hành tốt đẹp; chẳng phải là lỗi lầm sao! Nay ta phiêu bồng ngoài cõi trời đất, cùng tồn tại với tạo hoá; sáng sớm ăn nơi Dương Cốc (nơi mặt trời mọc), chiều tối uống ở biển Tây; biến hoá và dời chuyển hết chu kỳ rồi trở lại từ đầu cùng với Đạo. Điều ấy đối với vạn vật, chẳng phải là không nồng hậu ư? Cho nên kẻ không thông hiểu tự nhiên thì không đủ tư cách nói về Đạo; kẻ tối tăm nơi sáng rỡ thì không đủ tư cách đạt được minh triết. Đó là nói hạng quân tử các anh đấy.»[40]

[40] Nguyễn Tịch, *Đại Nhân Tiên Sinh Truyện* 大人先生傳: «Hoặc dĩ *Đại Nhân Tiên Sinh* thư viết: "Thiên hạ chi quý, mạc quý ư quân tử. Phục hữu thường sắc, mạo hữu thường tắc, ngôn hữu thường độ, hành hữu thường thức. [...]" Ư thị Đại Nhân tiên sinh nãi du nhiên nhi thán, giả vân nghê nhi ứng chi viết: "Nhược chi vân thượng hà thông tai? Phù đại nhân giả, nãi dữ tạo vật đồng thể, thiên địa tịnh sinh, tiêu dao phù thế, dữ Đạo câu thành. Biến hoá tán tụ, bất thường kỳ hình. Thiên địa chế vực chi nội, nhi phù minh khai đạt ư ngoại. Thiên địa chi vĩnh cố, phi thế tục chi sở cập dã. [...] Thả như độc bất kiến phù sắt chi xử ư côn trung? Đào hồ thâm phùng, nặc hồ hoại như, tự dĩ vi cát trạch dã. Hành bất cảm ly phùng tế, động bất cảm xuất côn đương, tự dĩ vi đắc thằng mặc dã. Cơ tắc khiết nhân, tự dĩ vi vô cùng thực dã. Nhiên viêm khâu hoả lưu, tiêu ấp diệt đô, quần sắt tử ư côn trung, bất năng xuất. Nhữ quân tử chi xử khu nội, diệc hà dị phù sắt chi xử côn trung hồ? [...] Tích giả thiên địa khai tịch, vạn vật tịnh sinh. Đại giả điềm kỳ tính, tế giả tĩnh kỳ hình. [...] Phù vô quý tắc tiện giả bất oán, vô phú tắc bần giả bất

Sự công kích trên cũng là lời lẽ của Lão Tử và Trang Tử.

Đồng thời với Nguyễn Tịch có Kê Khang 嵇康(223-262). *Tấn Thư* chép: «Kê Khang tự là Thúc Dạ, người huyện Chí thuộc nước Tiêu. [...] Ông sớm mồ côi, có kỳ tài, thích cô độc lẻ loi. Thân cao 7 thước 8 tấc, lời nói và cốt cách đẹp, có phong nghi, dáng vẻ cứng cỏi không tô điểm, người đời cho là có cốt cách long phụng, thiên chất tự nhiên. Ông điềm tĩnh ít ham muốn, nhẫn nhịn khi bị xúc phạm, không màng lỗi lầm của người, khoan dung giản dị và có đại lượng. Ông tự học, không có thầy, đọc sách

---

tranh; các túc ư thân nhi vô sở cầu dã. Ân trạch vô sở quy, tắc tử bại vô sở cứu. Kỳ thanh bất tác tắc nhĩ bất dị thính; dâm sắc bất hiển tắc mục bất cải thị. Nhĩ mục bất tương dị cải, tắc vô dĩ loạn kỳ thần hĩ, thử tiên thế chi sở chí chỉ dã. Kim nhữ tôn hiền dĩ tương cao, cạnh năng dĩ tương thượng, tranh thế dĩ tương quân, sủng quý dĩ tương gia, khu thiên hạ dĩ thú chi, thử sở dĩ thượng hạ tương tàn dã. Kiệt thiên địa vạn vật chi chí, dĩ phụng thanh sắc vô cùng chi dục, thử phi sở dĩ dưỡng bách tính dã. Ư thị cụ dân chi tri kỳ nhiên, cố trọng thưởng dĩ hỉ chi, nghiêm hình dĩ uy chi. Tài quỹ nhi thường bất cung, hình tận nhi phạt bất hành, nãi thuỷ hữu vong quốc lục quân hội tán chi hoạ. Thử phi nhữ quân tử chi vi hồ? Nhữ quân tử chi lễ pháp, thành thiên hạ tàn tặc loạn nguy tử vong chi thuật nhĩ, nhi nãi mục dĩ vi mỹ hành bất dị chi đạo, bất diệc quá hồ! Kim ngô nãi phiêu diêu ư thiên địa chi ngoại, dữ tạo hoá vi hữu. Triêu xan Dương Cốc, tịch ẩm Tây Hải. Tương biến hoá thiên dịch, dữ Đạo chu thuỷ. Thử chi ư vạn vật, khởi bất hậu tai? Cố bất thông ư tự nhiên giả, bất túc dĩ ngôn Đạo; ám ư chiêu chiêu giả, bất túc dữ đạt minh, tử chi vị dã.”» 或遺大人先生書曰：“天下之貴，莫貴於君子．服有常色，貌有常則，言有常度，行有常式．[...]” 於是大人先生乃逌然而歎，假雲霓而應之曰：“若之云尚何通哉?夫大人者，乃與造物同體，天地並生，逍遙浮世，與道俱成．變化散聚，不常其形．天地制域之內，而浮明開達於外．天地之永固，非世俗之所及也．[...] 且汝獨不見夫虱之處於褌中?逃乎深縫，匿乎壞絮，自以爲吉宅也．行不敢離縫際，動不敢出褌襠，自以爲得繩墨也．飢則嚙人，自以爲無窮食也．然炎丘火流，焦邑滅都，群虱死於褌中，不能出．汝君子之處區內，亦何異夫虱之處褌中乎？[...] 昔者天地開闢，萬物並生．大者恬其性，細者靜其形．[...]夫無貴則賤者不怨，無富則貧者不爭；各足於身而無所求也．恩澤無所歸，則死敗無所仇．奇聲不作則耳不異聽；淫色不顯則目不改視．耳目不相易改，則無以亂其神矣，此先世之所至止也．今汝尊賢以相高，競能以相尚，爭勢以相君，寵貴以相加，驅天下以趣之，此所以上下相殘也．竭天地萬物之至，以奉聲色無窮之欲，此非所以養百姓也．於是懼民之知其然，故重賞以喜之，嚴刑以威之．財匱而賞不供，刑盡而罰不行，乃始有亡國戮君潰散之禍．此非汝君子之爲乎?汝君子之禮法，誠天下殘賊亂危死亡之術耳，而乃目以爲美行不易之道，不亦過乎!今吾乃翺翔於天地之外，與造化爲有．朝餐湯谷，夕飲西海．將變化遷易，與道周始．此之於萬物，豈不厚哉?故不通於自然者，不足以言道；闇於昭昭者，不足以達明，子之謂也．”» – **LAM chú:** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **(tr.1523) giảng:** ***«Dương Cốc*** **湯谷(không đọc là** ***Thang Cốc*****), cũng viết là 暘谷[yánggǔ] =** ***thái dương thăng khởi đích địa phương*** **太陽升起的地方 (nơi mặt trời mọc).»**

rộng, chẳng gì mà không thông; sở trường về cái học Lão Trang. [...].»[41]

Kê Khang viết *Thích Tư Luận* 釋私論 rằng: «Bậc gọi là quân tử thì tâm không thi thố ở sự đúng hay sai, còn hành động thì không trái với Đạo. Tại sao nói thế? Hễ khí tĩnh thì thần hư, tâm không kiêu căng; thể lượng tâm đạt thì tình không ràng buộc vào ham muốn; kiêu căng chẳng còn trong tâm nên có thể vượt qua danh giáo để tuỳ theo tự nhiên; tình không ràng buộc vào ham muốn nên có thể xét rõ sang hèn mà thông suốt tình trạng của sự vật. Tình trạng của sự vật thuận thông, cho nên Đại Đạo không bị trái nghịch. Vượt qua danh mà theo tâm, cho nên không gây thị phi. Do đó nói đến quân tử thì xem không toan tính là chủ, xem thông suốt sự vật là đẹp. Còn nói đến tiểu nhân thì xem dung nạp tình cảm là sai, xem trái nghịch Đạo là cửa nẻo. Tại sao? Dung nạp tình cảm và kiêu căng là sự cực xấu của tiểu nhân; hư tâm và không toan tính là hành động cố gắng của quân tử. Do đó đại Đạo nói: "Nếu không có thân, ta đâu có lo lắng gì? Không xem sự sống là quý tức là xem hiền quý hơn sống." Do đó mà nói, sự dụng tâm của bậc chí nhân không còn có toan tính vậy. [...] Hành động của quân tử là hiền, không xét chừng mực rồi sau mới làm; lòng người không tà vạy, không nghị luận cái thiện rồi sau mới sửa chữa; tình cảm hiển lộ không toan tính, không bàn luận cái đúng rồi sau mới làm. Cho nên cao ngạo quên hiền thì hiền với chừng mực hội tụ; hốt nhiên tuỳ tâm thì tâm với thiện gặp gỡ; ngẫu nhiên không toan tính thì sự việc với cái đúng cùng

---

[41] *Tấn Thư* (Kê Khang Truyện): «Kê Khang tự Thúc Dạ, Tiêu quốc Chí nhân dã. [...] Tảo côi, hữu kỳ tài, viễn mại bất quần. Thân trường thất xích bát thốn, mỹ từ khí, hữu phong nghi. Nhi thổ mộc hình hài, bất tự tảo sức, nhân dĩ vi long chương phượng tư, thiên chất tự nhiên. Điềm tĩnh quả dục, hàm cấu nặc hà, khoan giản hữu đại lượng. Học bất sư thụ, bác lãm vô bất cai thông. Trường hiếu Lão Trang. [...].» 嵇康字叔夜，譙國銍人也. [...] 早孤，有奇才，遠邁不群. 身長七尺八寸，美詞氣，有風儀. 而土木形骸，不自藻飾，人以爲龍章鳳姿，天質自然. 恬靜寡欲，含垢匿瑕，寬簡有大量. 學不師受，博覽無不該通. 長好老莊. [...].— LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Chí* 銍 là tên một huyện ngày xưa, nay ở tây nam huyện Túc 宿, tỉnh An Huy 安徽.» Vậy có lẽ nước Tiêu là nơi mà nay là tỉnh An Huy. Ban đầu ông họ Hề 奚, ở Thượng Ngu 上虞 thuộc Cối Kê 會稽, tị nạn đến huyện Chí. Nơi đây có núi Kê Sơn 嵇山 nên ông đổi họ là Kê 嵇. Ông sinh năm Hoàng Sơ 黃初 thứ 4 (tức 223) đời Ngụy Văn Đế 魏文帝 (tức Tào Phi 曹丕, tại vị 220-226), bị giết năm Cảnh Nguyên 景元 thứ 3 (tức 262). Chung Hội 鍾會 ở Dĩnh Xuyên có hiềm khích với ông, nên sàm tấu với Văn Đế để hãm hại Kê Khang. Xem: Dương Ấm Thâm 楊蔭深, *Trung Quốc Văn Học Gia Liệt Truyện*, Hương Cảng, 1962, tr.63; Đàm Gia Định 譚嘉定, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, quyển I, Thế Giới Thư Cục, (năm?), tr.97.

có.»[42]

Cùng thời với Kê Khang và Nguyễn Tịch có Lưu Linh 劉伶. *Tấn Thư* chép: «Lưu Linh tự là Bá Luân, người nước Bái. Ông thân cao 6 thước, dung mạo xấu xí; phóng túng tình chí, thường xem vũ trụ là nhỏ và luôn xem vạn vật như nhau; lãnh đạm ít lời, không quên giao du. Khi gặp Nguyễn Tịch và Kê Khang thì vui vẻ sảng khoái, rồi dắt nhau vào núi; lúc đầu chẳng màng gia sản có hay không; thường cưỡi xe nai, mang theo bầu rượu; sai người vác xẻng đi theo, rồi nói: "Ta có chết thì chôn ta." Ông xem thường hình hài như thế.»[43]

[42] ***Kê Trung Tân Tập*, quyển 6: «Phù xưng quân tử giả, tâm vô thố hồ thị phi, nhi hành bất vi hồ Đạo giả dã. Hà dĩ ngôn chi? Phù khí tĩnh thần hư giả, tâm bất tổn ư căng thượng; thể lượng tâm đạt giả, tình bất hệ ư sở dục, căng thượng bất tổn hồ tâm, cố năng việt danh giáo nhi nhậm tự nhiên; tình bất hệ ư sở dục, cố năng thẩm quý tiện nhi thông vật tình. Vật tình thuận thông, cố đại Đạo vô vi; việt danh nhậm tâm, cố thị phi vô thố dã. Thị cố ngôn quân tử, tắc dĩ vô thố vi chủ, dĩ thông vật vi mỹ; ngôn tiểu nhân, tắc dĩ nặc tình vi phi, dĩ vi Đạo vi khuyết. Hà giả? Nặc tình căng lận, tiểu nhân chi chí ác; hư tâm vô thố, quân tử chi đốc hành dã. Thị dĩ đại Đạo ngôn: "Cập ngô vô thân, ngô hựu hà hoạn? Vô dĩ sinh vi quý giả, thị hiền ư quý sinh dã." Do tư nhi ngôn, phù chí nhân chi dụng tâm, cố bất tổn hữu thố hĩ. [...] Quân tử chi hành hiển dã, bất sát ư hữu độ nhi hậu hành dã; nhân tâm vô tà, bất nghị ư thiện nhi hậu chính dã; hiển tình vô thố, bất luận ư thị nhi hậu vi dã. Thị cố ngạo nhiên vong hiền, nhi hiền dữ độ hội; hốt nhiên nhậm tâm, nhi tâm dữ thiện ngộ; thảng nhiên vô thố, nhi sự dữ thị câu dã.»** 夫稱君子者,心無措乎是非,而行不違乎道者也.何以言之?夫氣靜神虛者,心不存於矜上;體亮心達者,情不繫於所欲,矜上不存乎心,故能越名教而任自然;情不繫於所欲,故能沈貴賤而通物情.物情順通,故大道無違;越名任心,故是非無措也.是故言君子,則以無措爲主,以通物爲美;言小人,則以匿情爲非,以違道爲闕.何者?匿情矜吝,小人之至惡;虛心無措,君子之篤行也.是以大道言:"及吾無身,吾又何患?無以生爲貴者,是賢於貴生也."由斯而言,夫至人之用心,固不存有措矣.[...] 君子之行賢也,不察於有度而後行也;人心無邪,不議於善而後正也;顯情無措,不論於是而後爲也.是故傲然忘賢,而賢與度會;忽然任心,而心與善遇;儻然無措,而事與是俱也.» – LAM chú: ***Lận*** nguyên bản viết 悋, là dạng thông tục của 吝 (xem: ***Nan Tự Đại Tự Điển***, tr.2). ***Lão Tử*** (chương 13): «Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?» 吾所以有大患者,爲吾有身,及吾無身,吾有何患 (Sở dĩ ta phải lo âu nhiều bởi vì ta có thân. Nếu không có thân, ta đâu có lo lắng gì).

[43] ***Tấn Thư*** (Lưu Linh Truyện): «Lưu Linh tự Bá Luân, Bái quốc nhân dã. Thân trường lục xích, dung mạo thậm lậu. Phóng tình tự chí, thường dĩ tế vũ trụ, tề vạn vật vi tâm. Đạm nhiên thiểu ngôn, bất vong giao du, dữ Nguyễn Tịch, Kê Khang tương ngộ, hân nhiên thần giải, huề thủ nhập lâm, sơ bất dĩ gia sản hữu vô giới ý. Thường thừa lộc xa, huề nhất hồ tửu, sử nhân hà sáp nhi tuỳ chi, vị viết: "Tử tiện mai ngã." Kỳ di hình hài như thử.» 劉伶字伯倫,沛國人也.身長六尺,容貌甚陋.放情肆志,常以細宇宙,齊萬物爲心.儻然少言,不忘交遊,與阮籍,嵇康相遇,欣然神解,攜手入林,初不以家產有無介意.常乘鹿車,攜一壺酒,使人荷鍤而隨之,謂曰:"死便埋我."其遺形骸如此. – LAM chú: Đàm Gia Định (sđd., tr.96) nói Lưu Linh năm sinh và mất không rõ; phỏng chừng sống từ năm Hoàng Sơ 黃初 thứ 2 (tức 221) đời Ngụy Văn Đế 魏文帝 đến năm Vĩnh Khang 永康 thứ 2 (tức 300) đời Tấn Huệ Đế 晉惠帝 (tức Tư Mã Trung 司馬衷, tại vị 290-306).

Lưu Linh viết *Tửu Đức Tụng* 酒德頌 rằng: «Có Đại Nhân tiên sinh, xem trời đất lâu như sáng sớm, xem hạn kỳ của vạn vật là khoảnh khắc, xem mặt trời và mặt trăng như cửa sổ, xem nơi xa ở tám hướng là sân và đường. Đi không lưu vết xe, ở không lều thất, màn trời chiếu đất, phóng túng tự do. Dừng lại thì cầm cốc, cử động thì nâng bình. Chỉ có rượu mới đáng kể, ngoài ra không cần biết. Có [hai] quý công tử, là kẻ sĩ chưa làm quan, nghe phong thanh của ta, đến vặn hỏi tại sao. Họ xăn tay áo tốc vạt áo, trừng mắt nghiến răng, nói về lễ pháp, lời lẽ đúng sai sắc bén. Đại nhân tiên sinh bèn bưng bê ang chậu, ngậm chén súc miệng bằng rượu nồng, rồi vểnh râu ngồi xoạc chân, lấy men rượu làm gối lấy bã rượu làm chiếu. Không nghĩ ngợi âu lo, sướng khoái vô cùng. Chợt say chợt tỉnh. Lặng nghe mà không nghe thấy tiếng sấm ầm ầm, nhìn kỹ mà không thấy hình núi Thái Sơn. Chẳng cảm giác nóng lạnh cắt thịt, chẳng thấy cảm tình của lợi dục. Cúi xuống xem vạn vật, [thấy chúng] rối bời như cánh bèo trên sông biển. Hai bậc anh hào đứng hầu hai bên như tò vò cùng với con nhện con.»[44]

Đó là nhân sinh quan phóng túng tình cảm và ý chí của con người nói chung ở thời bấy giờ.

4. Duy vật luận và Cơ giới luận trong sách *Liệt Tử*

Trong cái nhìn của Huyền học gia đời Ngụy và đời Tấn, Đạo gia khác Nho gia ở chỗ: Đạo gia chủ trương «việt danh giáo nhi nhậm tự nhiên» 越名教而任自然 (vượt trên lễ giáo và định chế mà thuận theo tự nhiên

---

[44] ***Tấn Thư*** **(Lưu Linh Truyện): «Hữu đại nhân tiên sinh, dĩ thiên địa vi nhất triêu, vạn vật kỳ vi tu du, nhật nguyệt vi quỳnh dũ, bát hoang vi đình cù. Hành vô triệt tích, cư vô thất lư, mạc thiên tịch địa, túng ý sở như. Chỉ tắc thao chi chấp cô, động tắc khiết khạp đề hồ. Duy tửu thị vụ, yên tri kỳ dư. Hữu quý giới công tử, tấn thân xử sĩ, văn ngô phong thanh, nghị kỳ sở dĩ. Nãi phấn mệ nhương khâm, nộ mục thiết xỉ, trần thuyết lễ pháp, thị phi phong khởi. Tiên sinh ư thị phương phủng anh thừa tào. Hàm bôi thấu lao, phấn nhiêm kỳ cứ, chẩm khúc tịch tao. Vô tư vô lự, kỳ lạc đào đào. Ngột nhiên nhi tuý, hoát nhĩ nhi tỉnh. Tĩnh thính bất văn lôi đình chi thanh, thục thị bất kiến Thái Sơn chi hình. Bất giác hàn thử chi thiết cơ, lợi dục chi cảm tình. Phủ quan vạn vật, nhiễu nhiễu yên nhược giang hải chi tải phù bình; nhị hào thị trắc yên, như quả loã chi dữ minh linh.»** 有大人先生，以天地爲一朝，萬期爲須臾，日月爲扃牖爲須臾，日月爲扃牖，八荒爲庭衢．行無轍跡，居無室廬，幕天席地，縱意所如．止則操卮執觚，動則挈榼提壺．惟酒是務，焉知其餘．有貴介公子，搢紳處士，聞吾風聲，議其所以．乃奮袂攘襟，怒目切齒，陳說禮法，是非蜂起．先生於是方捧罌承槽．銜盃漱醪，奮髯箕踞，枕麴藉糟．無思無慮，其樂陶陶．兀然而醉，豁然而醒．靜聽不聞雷霆之聲，熟視不見泰山之形．不覺寒暑之切肌，利欲之感情．俯觀萬物，擾擾焉若江海之載浮萍；二豪侍側焉，如蜾蠃之與蜮蛤．– LAM chú: ***Bát hoang*** 八荒 = nơi hoang vu xa xôi ở tám

– lời của Kê Khang). Nhưng «nhậm tự nhiên» nghĩa là gì? *Lão Tử* (chương 12) nói: «Năm màu khiến người mù mắt; năm âm khiến người điếc tai; năm vị khiến người tê lưỡi; ruổi rong săn bắn khiến lòng người hóa cuồng; của cải khó được, khiến người bị tai hại.»[45] Tất cả các việc ấy thuộc về sự nỗ lực đầy ý thức của con người, mà đáng lẽ ra họ nên «giữ trinh trắng, ôm chất phác, ít tư tâm, ít ham muốn» (kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục 見素抱朴,少私寡欲: *Lão Tử* - chương 19). Nếu «kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục» được, thì họ quả thực có thể gọi là «nhậm tự nhiên» vậy.

Tuy nhiên, nếu phản bác lại, người ta có thể nói rằng sự ham muốn năm màu, năm âm, năm vị, v.v... quả thực là cố hữu và tự nhiên đối với con người rồi, vì thế người ta có thể thực sự «nhậm tự nhiên» chỉ khi nào các ham muốn ấy được thoả mãn trọn vẹn. Như thế, ít nhất đó là cách thức mà các nhà tư tưởng đời Ngụy và đời Tấn đã dùng để giải thích thuyết «nhậm tự nhiên». Kết quả là hành vi của họ có xu hướng mà người đương thời gọi là «phóng» 放 (buông bỏ), «thông» 通 (thông hiểu), và «đạt» 達 (thấu đạt). Do đó *Thế Thuyết Tân Ngữ* (Đức Hạnh) chép: «Những người như Vương Bình Tử và Hồ Vô Ngạn Quốc đều xem việc theo tự nhiên và buông bỏ [lễ giáo] là thấu đạt. Bọn họ có người còn loã lồ thân thể nữa.»[46]

---

hướng.– *Lão Tử* (chương 27): «Thiện hành vô triệt tích.» 善行無轍跡(Kẻ đi giỏi không lưu lại vết xe).– *Chi* 卮 và *cô* 觚 là hai loại cốc uống rượu. *Cô* 觚 có 8 cạnh, về sau người ta bỏ các cạnh, nên Khổng Tử (*Luận Ngữ* - Ung Dã) đòi phải chỉnh danh: «Cái *cô* mà không góc cạnh thì sao gọi là cái *cô*? Sao gọi là cái *cô*?» (Cô bất cô, cô tai! cô tai! 觚不觚觚哉觚哉). *Khạp* 榼 và *hồ* 壺 là hai loại bình chứa rượu.– *Tấn* 搢 là cắm vào, *thân* 紳 là đai lưng của quan; ý nói giắt cái hốt vào thắng lưng (*tấn hốt ư thân* 搢笏於紳= to stick the official tablet into the girdle), nghĩa rộng là những kẻ làm quan hay sĩ đại phu.– *Xử sĩ* = kẻ sĩ chưa làm quan; người có tài đức nhưng ở ẩn không chịu ra làm quan.– *Quả loã (khoả)* 蜾蠃= tò vò; *minh linh* 螟蛉= ấu trùng giống con nhện con; tò vò bắt về làm lương thực cho con của nó nhưng người đời lầm tưởng tò vò bắt *minh linh* về làm con nuôi, nên *minh linh* nghĩa rộng là con nuôi. (Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, các trang 24, 221, 808, 1078; *Mathews' Chinese-English Dictionary*, mục từ 1089 搢).

[45] *Lão Tử* (chương 12): «Ngũ sắc lịnh nhân mục manh. Ngũ âm lịnh nhân nhĩ lung. Ngũ vị lịnh nhân khẩu sảng. Trì sính điền liệp lịnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa lịnh nhân hành phương.» 五色令人目盲;五音令人耳聾;五味令人口爽;馳騁田獵令人心發狂;難得之貨令人行妨.– *Lịnh* 令: khiến. *Manh* 盲: mù. *Lung* 聾: điếc. *Sảng* 爽: sai. *Trì sính* 馳騁: rong ruổi. *Điền liệp* 田獵: săn bắn. Săn mùa xuân gọi là *điền* 田; săn mùa hạ gọi là *miêu* 苗; săn mùa thu gọi là *tiễn* 獮; săn mùa đông gọi là *liệp* 獵, vì thế săn bắn gọi là *điền liệp* 田獵. *Phương* 妨: tổn thương hư hỏng.

[46] LAM chú: Tôi dịch theo bản *Thế Thuyết Tân Ngữ* lấy từ Internet: «Vương Bình Tử, Hồ Mẫu Ngạn Quốc chư nhân, giai dĩ nhậm phóng vi đạt. Hoặc hữu loã thể giả.» 王平子,胡毋彥國諸人,皆以任放爲達.或有裸體者.– LAM chú: Từ điển *Từ Hải* giảng: «*Hồ Mẫu* 胡母 là họ kép (phức tính 複姓), đời Tần có thái sử lệnh Hồ Mẫu Kính 胡母敬, đời Hán có bác sĩ về Công Dương học là Hồ Mẫu Sinh 胡母生, đời Đông Hán có Hồ Mẫu Ban 胡母班. Chữ 母 này có hai âm đọc: *Mẫu* và *Vô*. [...]» Như vậy, 胡母 có thể đọc là Hồ Mẫu hoặc Hồ Vô. (Xem: *Từ Hải*, mục từ 胡母).

Lưu Tuấn chú: «Cuối đời Nguỵ, Nguyễn Tịch nghiện rượu và cuồng phóng. Ông thường vất mũ, xoã tóc, thoát y, và nằm xoài trên mặt đất. Về sau bọn thanh niên quý tộc như Nguyễn Thiệm 阮瞻(mất khoảng 312), Vương Bình Tử 王平子(269-312), Tạ Côn 謝鯤(280-322), Hồ Mẫu Ngạn Quốc 胡母彥國 đều noi gương Nguyễn Tịch. Bọn họ nói đấy là cách để đạt tới nguồn gốc của Đại Đạo. Do đó bọn họ vất mũ nón, thoát y, phô bày hành vi đáng xấu hổ như thể cầm thú. Làm như thế cho thật tích cực thì họ gọi là *thông*, hơi tích cực thì họ gọi là *đạt*.»[47]

«Phóng» 放(buông bỏ) nghĩa là khước từ những ràng buộc của lễ giáo và các định chế xã hội. «Thông» 通(thông hiểu) và «đạt» 達(thấu đạt) mô tả tâm cảnh của những ai ý thức về sự vô thường của kiếp người, bày tỏ thái độ ngạo nghễ khinh miệt đối với cát hung và thành bại. Từ ngữ «phong lưu» 風流 thường được dùng để ám chỉ những kẻ như thế ở đời Nguỵ và đời Tấn. Họ là những người hoàn toàn phản kháng lễ giáo và các định chế của Nho gia.

Nhân sinh quan phóng túng tình cảm và ý chí ấy được bàn luận khá hệ thống trong thiên Dương Chu của sách *Liệt Tử*. Tương truyền *Liệt Tử* là tác phẩm của Liệt Ngự Khấu 列禦寇, một Đạo sĩ sống cuối đời Chu, còn thiên Dương Chu thì trình bày triết học của Đạo sĩ Dương Chu 楊朱 sống ở đời Chu mà tôi đã đề cập trong quyển I của bộ sách này. Tuy nhiên, các học giả hiện đại đã bác bỏ thuyết ấy, đa số họ cho rằng *Liệt Tử* không phải là tác phẩm được viết vào đời Chu, mà là sản phẩm của một tác giả nào đấy ở đời Nguỵ và đời Tấn. Những ý tưởng trong thiên Dương Chu cũng khác với những ý tưởng của nhân vật lịch sử Dương Chu; chúng tương hợp nhiều hơn với thuyết «phóng» và «đạt» của đời Nguỵ và đời Tấn.

Liệt Tử hàm chứa duy vật luận thuần tuý, cơ giới luận, và chủ nghĩa khoái lạc; chẳng hạn thiên Lực Mệnh chép: «Lực (ám chỉ nỗ lực của con người) nói với Mệnh (ám chỉ mệnh trời) rằng: "Công của ngươi sao bằng công của ta?" Mệnh đáp: "Mi có công gì đối với sự vật mà muốn so bì với công của ta?" Lực đáp: "Ta có thể khiến cho con người thọ hay yểu, khốn cùng hay hiển đạt, sang hay hèn, giàu hay nghèo." Mệnh nói: "Bành Tổ sáng suốt chẳng bằng Nghiêu và Thuấn, thế mà thọ 800 tuổi; Nhan Uyên tài ba có thua kém ai, thế mà chết năm 18 tuổi. Trọng Ni tài đức kém chi chư hầu, thế mà bị vây khốn ở nước Trần, nước Thái. Trụ đời Ân-Thương đức hạnh sao bằng ba người nhân đức (Vi Tử, Cơ Tử, Tỉ Can) thế mà lại làm vua. Quý Trát không chức tước ở nước Ngô, Điền Hằng

[47] **LAM chú: Tôi dịch theo tiếng Anh, vì không có bản *Thế Thuyết Tân Ngữ* với lời chú của Lưu Tuấn.**

chấp chính ở nước Tề. Bá Di và Thúc Tề [chết] đói ở núi Thủ Dương. Quý Thị giàu hơn Triển Cầm. Nếu đấy là những gì mi làm được, thì sao mi khiến người này thọ kẻ kia yểu, khiến người đạo đức phải khốn cùng, khiến kẻ phản nghịch được hiển đạt, khiến người hiền phải hèn, khiến kẻ ngu được sang, khiến người tốt phải nghèo túng, khiến kẻ ác được giàu có?" Lực nói: "Nếu như lời ngươi nói, ta chẳng có công gì đối với sự vật sao? Còn chính ngươi đã khống chế sự vật khiến chúng phải như thế ư?" Mệnh đáp: "Đã nói là số mệnh, thì ai mà khống chế được? Sự vật bất kể cong hay thẳng thế nào, ta cứ mặc xác nó. Cứ để nó tự thọ, tự yểu, tự khốn cùng, tự hiển đạt, tự sang, tự hèn, tự giàu, tự nghèo. Ta lẽ nào biết được điều đó sao? Ta lẽ nào biết được điều đó sao?"»[48]

---

[48] ***Liệt Tử*** **(Lực Mệnh): «Lực vị Mệnh viết: "Nhược chi công hề nhược ngã tai?" Mệnh viết: "Nhữ hề công ư vật, nhi dục tỷ trẫm?" Lực viết: "Thọ yểu, cùng đạt, quý tiện, bần phú, ngã lực chi sở năng dã." Mệnh viết: "Bành Tổ chi trí bất xuất Nghiêu, Thuấn chi thượng, nhi thọ bát bách; Nhan Uyên chi tài bất xuất chúng nhân chi hạ, nhi thọ** ***thập bát***.[a] **Trọng Ni chi đức bất xuất chư hầu chi hạ, nhi khốn ư Trần, Thái. Ân Trụ chi hành bất xuất tam nhân chi thượng, nhi cư quân vị. Quý Trát vô tước ư Ngô, Điền Hằng chuyên hữu Tề quốc. Di, Tề ngạ ư Thủ Dương, Quý Thị phú ư Triển Cầm. Nhược thị nhữ lực chi sở năng, nại hà thọ bỉ nhi yểu thử, cùng thánh nhi đạt nghịch, tiện hiền nhi quý ngu, bần thiện nhi phú ác tà?" Lực viết: "Nhược như nhược ngôn, ngã cố vô công ư vật, nhi vật nhược thử tà, thử tắc nhược chi sở chế tà?" Mệnh viết: "Ký vị chi mệnh, nại hà hữu chế chi giả tà? Trẫm trực nhi suy chi, khúc nhi nhậm chi. Tự thọ tự yểu, tự cùng tự đạt, tự quý tự tiện, tự phú tự bần, trẫm khởi năng thức chi tai? Trẫm khởi năng thức chi tai?"»** 力謂命曰："若之功奚若我哉?" 命曰："汝奚功於物，而欲比朕?" 力曰："壽夭，窮達，貴賤，貧富，我力之所能也." 命曰："彭祖之智不出堯舜之上，而壽八百；顏淵之才不出衆人之下，而壽十八.[b]仲尼之德不出諸侯之下，而困於陳蔡；殷紂之行不出三仁之上，而居君位．季札無爵於吳，田恆專有齊國．夷齊餓於首陽,[c] 季氏富於展禽．若是汝力之所能，奈何壽彼而夭此，窮聖而達逆，賤賢而貴愚，貧善而富惡邪?" 力曰："若如若言，我固無功於物，而物若此邪，此則若之所制邪?" 命曰："既謂之命，余何有制之者邪?朕直而推之，麤而任之．自壽自夭，自窮自達，自貴自賤，自富自貧，朕豈能識之哉?朕豈能識之哉?" – **LAM chú: (a) Phùng Hữu Lan chép là** ***tứ bát*** 四八, **Derk Bodde dịch là** ***four times eight*** **(4 x 8 = 32 tuổi). Ngô Phong (*Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*, sđd., tr.244) và Ninh Chí Tân (*Đạo Giáo Thập Tam Kinh*, Hà Bắc Nhân Dân xuất bản xã, 1994, tr.349) đều chép là** ***thập bát*** 十八. **A.C. Graham (*The Book of Lieh-tzŭ*, New york, 1990, tr.121) dịch là: «Yan Yüan was no less talented than ordinary men, yet he died at eighteen.» (Nhan Uyên tài ba có thua kém ai, thế mà chết năm 18 tuổi). Theo *Luận Ngữ*, Nhan Uyên chết yểu khiến Khổng Tử khóc than, do đó ở đây chép là** ***thập bát*** 十八**(18) thì hợp lý hơn. (b) Phùng Hữu Lan chép là «*Di, Tề ngạ ư* 於 *Thủ Dương*» (Bá Di và Thúc Tề** ***đói*** **ở núi Thủ Dương); Ngô Phong và Ninh Chí Tân chép là «*Di, Tề ngạ tử* 死 *Thủ Dương*» (Bá Di và Thúc Tề** ***chết đói*** **ở núi Thủ Dương).– Ngô Phong chú: Trước đời Tần,** ***trẫm*** **朕 là tiếng tự xưng (tôi, ta); sau đời Tần,** ***trẫm*** **chuyên để cho vua tự xưng.** ***Khốn ư Trần Thái*** 困於陳蔡 **: Lỗ Ai Công năm thứ 4, Khổng Tử và môn đệ đến ranh giới nước Trần và nước Thái, bị vây ở đồng hoang, hết lương thực nhiều ngày.** ***Tam nhân*** 三仁: **ba người nhân đức là Vi Tử** 微子 **, Cơ Tử** 箕子, **Tỉ Can** 比干. **Vi Tử là anh của vua Trụ (đời Ân-Thương), nhiều lần can gián**

Ở đây Lực tượng trưng cho cái gọi là sức người; còn Mệnh tượng trưng cho cái gọi là mệnh trời. Sự biến hoá của sự vật đều do tự chúng tiến hành, sức người và mệnh trời đều không thể khống chế để thay đổi chúng. Sự biến hoá của sự vật còn là lẽ tất nhiên phải thế. Thiên Lực Mệnh chép: «Vậy thì Quản Di Ngô vốn chẳng bạc đãi Bào Thúc, nhưng không thể không bạc; vốn chẳng hậu đãi Thấp Bằng, nhưng không thể không hậu. Hậu đãi lúc đầu hoặc bạc đãi lúc chót; bạc đãi lúc chót hoặc hậu đãi lúc đầu. Hậu đãi và bạc đãi thay đổi qua lại, nào phải do ta làm đâu.»[49]

Trụ đừng dâm loạn, Trụ không nghe, Vi Tử bèn bỏ đi. Khi Chu Vũ Vương diệt Trụ xong, phong Vi Tử làm vua nước Tống để dẫn dắt con cháu Ân-Thương. Cơ Tử vai chú bác của Trụ, làm quan Thái sư, nhiều lần can gián Trụ mà bị Trụ tống vào ngục. Tỉ Can là chú của Trụ, làm quan Thiếu sư, cũng can gián Trụ mà bị Trụ moi tim. Quý Trát (tức Công tử Trát) là người hiền minh kiến thức uyên bác, nhưng không chức tước. Điền Hằng (tức Trần Thành Tử 陳成子) thu phục nhân tâm, khuếch trương thế lực, giết Tề Giản Công 齊簡公 mà chấp chính nước Tề thời Xuân Thu. Bá Di 伯夷 và Thúc Tề 叔齊 là hai con của Cô Trúc Quân 孤竹君; sau khi Cô Thúc Quân mất và để phản đối Chu Vũ Vương diệt nhà Thương, Bá Di và Thúc Tề chạy trốn nơi núi Thủ Dương (nay ở phía nam huyện Vận Thành 運成 tỉnh Sơn Tây 山西), không ăn lúa thóc nhà Chu, chịu đói mà chết. Quý Thị (tức Quý Tôn Thị 季孫氏) nắm quyền lực lớn lâu dài ở nước Lỗ. Triển Cầm (tức Liễu Hạ Huệ 柳下惠) quan đại phu nước Lỗ, nổi tiếng đạo đức thanh cao. *Nhược như nhược ngôn* 若如若言: nếu như ông nói; chữ *nhược* trước là «nếu» (*như quả* 如果), chữ *nhược* sau là «ông, ngài» (*nễ* 你). Các chữ *cùng, đạt, tiện, quý, bần, phú* được dùng như động từ: *Cùng thánh:* khiến người đạo đức phải khốn cùng. *Đạt nghịch:* khiến kẻ phản nghịch được hiển đạt. *Tiện hiền:* khiến người hiền phải hèn. *Quý ngu:* khiến kẻ ngu được sang. *Bần thiện:* khiến người lành phải nghèo túng. *Phú ác:* khiến kẻ ác được giàu có. Câu «*Trẫm trực nhi suy chi, khúc nhi nhậm chi.*» Derk Bodde theo Lionel Giles dịch: «If a thing is to be straight, I push it straight along, but if it is to be crooked, I let it remain so.» (Hễ một vật buộc phải thẳng thì ta đẩy cho nó thẳng, nhưng hễ cái gì buộc phải cong thì ta cứ để cho nó cong). A.C. Graham (sđd., tr.122) dịch: «I push it when it is going straight, let it take charge when it is going crooked.» (Ta đẩy nó khi nó sắp thẳng, để cho nó chịu trách nhiệm khi nó sắp cong). Ninh Chí Tân (sđd., tr.355) dịch: «Vô luận thị phi khúc trực, ngã đô thính chi nhậm chi.» 無論是非曲直我都聽之任之 (Bất kể là sự vật đúng hay sai, cong hay thẳng, ta đều kệ xác chúng). Hiểu như Ninh Chí Tân thì ý câu này mạch lạc với ý của câu kế tiếp.

[49] *Liệt Tử* (Lực Mệnh): «Nhiên tắc Quản Di Ngô phi bạc Bào Thúc dã, bất đắc bất bạc; phi hậu Thấp Bằng dã, bất đắc bất hậu. Hậu chi ư thuỷ, hoặc bạc chi ư chung; bạc chi ư chung, hoặc hậu chi ư thuỷ. Hậu bạc chi khứ lai, phất do ngã dã.» 然則管夷吾非薄鮑叔也，不得不薄；非厚隰朋也，不得不厚．厚之於始，或薄之於終；薄之於終，或厚之於始．厚薄之去來，弗由我也．– LAM chú: Ngay thiên Lực Mệnh này có kể lại tình tri âm tri kỷ giữa Quản Trọng và Bào Thúc, tôi lược dịch như sau: Quản Di Ngô (tức Quản Trọng 管仲) và Bào Thúc (thường bị đọc nhầm là Bão Thúc; tức Bào Thúc Nha 鮑叔牙) là bạn tâm giao, cùng sống ở nước Tề. Quản Trọng theo hầu công tử Củ 糾, Bào Thúc theo hầu công tử Tiểu Bạch 小白 (là em công tử Củ). Dân trong nước sợ loạn. Quản Trọng và Thiệu Hốt 召忽 đưa công tử Củ lánh ở nước Lỗ 魯. Bào Thúc đưa công tử Tiểu Bạch đi lánh ở nước Cử 莒. Công Tôn Vô Tri 公孫無知 làm loạn, nước Tề không vua. Hai công tử

Liệt Tử (Lực Mệnh) còn chép: «Đặng Tích chủ trương những lời nói lấp lửng nước đôi, dùng những từ ngữ khéo léo. Khi Tử Sản chấp chính, Đặng Tích viết "Trúc Hình" (bộ hình luật viết trên thẻ tre). Nước Trịnh sử dụng nó. Đặng Tích nhiều lần phê phán việc chính trị của Tử Sản. Tử Sản bị xúc phạm; bèn bắt Đặng Tích để trừng phạt; rồi đột nhiên giết Đặng Tích. Vậy thì Tử Sản vốn không dùng "Trúc Hình" nhưng không thể không dùng; Đặng Tích vốn không xúc phạm Tử Sản nhưng không thể không xúc phạm;

---

tranh nhau về làm vua. Quản Trọng đánh Tiểu Bạch ở nước Cử, bắn tên trúng đai lưng của Tiểu Bạch. Sau, Tiểu Bạch thắng, lên ngôi thành Tề Hoàn Công 齊桓公, buộc dân nước Lỗ giết công tử Củ. Thiệu Hốt tự tử, Quản Trọng bị cầm tù. Bào Thúc tâu Hoàn Công rằng Quản Trọng là người tài, có thể giúp Hoàn Công nên nghiệp bá. Hoàn Công không chịu, muốn giết Quản Trọng. Bào Thúc can rằng vua hiền không có tư thù, tôi trung chỉ vì chủ của mình, nên không thể trách Quản Trọng; nếu vua muốn nên nghiệp bá, ngoài Quản Trọng, không ai có thể giúp vua được. Hoàn Công bèn nghe lời, nhờ đó mà nên nghiệp bá. Quản Trọng thạn: «Ta thuở nhỏ khốn cùng, thường đi buôn với Bào Thúc; chia lời thì ta lấy phần hơn; Bào Thúc không xem ta tham vì biết ta nghèo. Ta thường cùng mưu tính công việc với Bào Thúc nhưng bị khốn đốn lớn; Bào Thúc không xem ta ngu vì biết thời thế có khi thuận lợi có khi bất lợi. Ta ba lần làm quan là ba lần bị vua đuổi; Bào Thúc không xem ta bất tài vì biết ta chưa gặp thời. Ta ba lần đánh trận là ba lần thua chạy; Bào Thúc không xem ta khiếp sợ vì biết ta còn mẹ già. Công tử Củ thất bại, Thiệu Hốt tự tử, ta chịu nhục trong ngục tối; Bào Thúc không xem ta là kẻ vô sỉ vì biết ta không xấu hổ vì tiểu tiết, mà chỉ nhục vì chưa hiển danh ở đời. Sinh ta ra là cha mẹ, hiểu được ta là Bào Thúc vậy!» (Ngô thiếu cùng khốn thời, thường dữ Bào Thúc cổ, phân tài đa tự dữ; Bào Thúc bất dĩ ngã vi tham, tri ngã bần dã. Ngô thường vị Bào Thúc mưu sự nhi đại cùng khốn, Bào Thúc bất dĩ ngã vi ngu, tri thời hữu lợi bất lợi dã. Ngô thường tam sĩ, tam kiến trục ư quân, Bào Thúc bất dĩ ngã vi bất tiếu, tri ngã bất tao thời dã. Ngô thường tam chiến, tam bắc, Bào Thúc bất dĩ ngã vi khiếp, tri ngã hữu lão mẫu dã. Công tử Củ bại, Thiệu Hốt tử chi, ngô u tù thụ nhục; Bào Thúc bất dĩ ngã vi vô sỉ, tri ngã bất tu tiểu tiết, nhi sỉ danh bất hiển ư thiên hạ dã. Sinh ngã giả phụ mẫu, tri ngã giả Bào Thúc dã! 吾少窮困時，常與鮑叔賈，分財多自與；鮑叔不以我爲貪，知我貧也。吾嘗爲鮑叔謀事而大窮困，鮑叔不以我爲愚，知時有利不利也。吾嘗三仕，三見逐於君，鮑叔不以我爲不肖，知我不遭時也。吾嘗三戰，三北，鮑叔不以我爲怯，知我有老母也。公子糾敗，召忽死之，吾幽囚受辱；鮑叔不以我爲無恥，知我不羞小節，而恥名不顯於天下也。生我者父母，知我者鮑叔也). **Khi Quản Trọng già yếu, sắp mất, vua hỏi ông nên tìm ai thế chỗ ông, thì Quản Trọng tiến cử Thấp Bằng. Vua hỏi sao không phải là Bào Thúc; Quản Trọng nói Bào Thúc liêm khiết cương trực, không thể làm chính trị được, chỉ có Thấp bằng xứng cương vị ấy thôi. Không phải Quản Trọng bạc đãi Bào Thúc, mà vì hiểu Bào Thúc không thích hợp; không phải hậu đãi Thấp Bằng, mà vì hiểu Thấp Bằng thích hợp. Quản Trọng xem trọng việc lớn hơn tình riêng vậy.**

Tử Sản vốn không giết Đặng Tích nhưng không thể không giết.»[50]

Liệt Tử (Thuyết Phù) chép: «Người họ Điền ở nước Tề tổ chức ở ngoài sân một lễ cúng lộ thần (thần đường xá) trước khi đi xa; đãi ăn một ngàn người khách. Trong bọn khách có người mang biếu cá và vịt trời. Người họ Điền trông thấy quà biếu, thốt rằng: "Trời quả là hậu đãi dân vậy! Đã cho mọc ngũ cốc lại còn sinh cá và chim cho dân dùng." Khách khứa hùa theo như tiếng dội. Đứa con 12 tuổi của một vị khách họ Bào cùng dự lễ với cha, bèn tiến lên nói: "Không đúng như ngài nói đâu. Trời đất, vạn vật, cùng sinh với chúng ta, đều cùng loại như nhau. Không có loại nào sang, loại nào hèn. Chúng chỉ lấy trí tuệ và sức lực mà khống chế nhau, ăn thịt nhau; nào phải loài này được sinh là vì loài kia đâu. Người ta thấy loài nào ăn được thì ăn; nào phải trời sinh loài ấy để cho người ăn? Như muỗi mòng cắn đốt da người, cọp sói ăn thịt người; nào phải trời sinh người là để cho muỗi mòng cắn đốt da, cho cọp sói ăn

---

[50] ***Liệt Tử*** **(Lực Mệnh): «Đặng Tích thao lưỡng khả chi thuyết, thiết vô cùng chi từ. Đương Tử Sản chấp chính, tác "Trúc Hình". Trịnh quốc dụng chi. Sổ nan Tử Sản chi trị. Tử Sản khuất chi. Tử Sản chấp nhi lục chi, nga nhi tru chi. Nhiên tắc Tử Sản phi năng dụng "Trúc Hình", bất đắc bất dụng; Đặng Tích phi năng khuất Tử Sản, bất đắc bất khuất; Tử Sản phi năng tru Đặng Tích, bất đắc bất tru dã.»** 鄧析操兩可之說，設無窮之辭．當子產執政，作"竹刑"．鄭國用之．數難子產之治．子產屈之．子產執而戮之，俄而誅之．然則子產非能用"竹刑"，不得不用；鄧析非能屈子產，不得不屈；子產非能誅鄧析，不得不誅也．– **LAM chú: Phùng Hữu Lan đã đề cập Đặng Tích ở quyển I (chương 9, tiết 2). Tử Sản là chính trị gia nổi tiếng của nước Trịnh thời Xuân Thu, ông soạn bộ hình luật gọi là Hình Thư** 刑書, **khắc trên đỉnh đồng, công bố năm 536 TCN (Lỗ Chiêu Công năm thứ 6), được xem là bộ luật thành văn đầu tiên của Trung Quốc. Hơn 30 năm sau, Đặng Tích căn cứ tình hình xã hội thay đổi mà sửa đổi hình pháp, khắc lên thẻ tre, gọi là Trúc Hình, thay thế Hình Thư. Theo** ***Tả Truyện*****, Đặng Tích bị Tử Chuyên** 駟顓 **(quan đại phu của nước Trịnh) giết năm 501 TCN (Lỗ Định Công năm thứ 9). Tử Sản mất năm 522 TCN, trước lúc Đặng Tích mất 21 năm, cho nên chi tiết «Tử Sản giết Đặng Tích» trong** ***Liệt Tử*** **(Lực Mệnh) trên đây là sai.** ***Tả Truyện Toàn Dịch*** 左傳全譯, **Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, 1990, tr.1457, chép: «Trịnh Tử Chuyên sát Đặng Tích, nhi dụng kỳ Trúc Hình. Quân tử vị: "Tử Nhiên ư thị bất trung. Cẩu khả dĩ gia ư quốc gia giả, khí kỳ tà khả dã."»** 鄭駟顓殺鄧析而用其竹刑．君子謂："子然於是不忠．苟可以加於國家者，棄其邪可也" **([Quan đại phu] Tử Chuyên của nước Trịnh giết Đặng Tích, nhưng vẫn sử dụng bộ Trúc Hình của Đặng Tích. Quân tử nói: "Tử Nhiên [tên tự của Tử Chuyên] như vậy là kẻ bất trung. Hễ ai có thể tạo thêm lợi ích cho quốc gia thì có thể không trách phạt sự tà ác của hắn.") Không rõ «quân tử» mà** ***Tả Truyện*** **đề cập ở đây cụ thể là ai; tuy nhiên một cá nhân dù có cống hiến nhiều cho quốc gia và xã hội nhưng hắn vẫn phải chịu trách nhiệm về việc làm tà ác [nếu có] của mình trước pháp luật.**

thịt?"»[51]

Đó quả thực có thể xem là một thí dụ về «trời đất bất nhân» vậy. Sự biến hoá của thiên nhiên và hoạt động của con người đều có tính máy móc. Sự tự do và mục đích của con người hoặc thần linh không tồn tại

---

[51] *Liệt Tử* (Thuyết Phù): «Tề Điền thị tổ ư đình, thực khách thiên nhân. Trung toạ hữu hiến ngư nhạn giả. Điền thị thị chi, nãi thán viết: "Thiên chi ư dân hậu hĩ! Thực ngũ cốc, sinh ngư điểu, dĩ vi chi dụng." Chúng khách hoà chi như hưởng. Bào thị chi tử niên thập nhị, dự ư thứ, tiến viết: "Bất như quân ngôn. Thiên địa vạn vật, dữ ngã tịnh sinh, loại dã. Loại vô quý tiện, đố dĩ tiểu đại trí lực nhi tương chế, diệt tương thực; phi tương vị nhi sinh chi. Nhân thủ khả thực giả nhi thực chi, khởi thiên bản vị nhân sinh chi? Thả văn nhuế thảm phu, hổ lang thực nhục, phi thiên bản vị văn nhuế sinh nhân, hổ lang sinh nhục giả tai?"» 齊田氏祖於庭，食客千人。中坐有獻魚雁者。田氏視之，乃嘆曰："天之於民厚矣！殖五穀，生魚鳥，以爲之用。" 衆客和之如響。鮑氏之子年十二，預於次，進曰："不如君言。天地萬物，與我並生，類也。類無貴賤徒以小大智力而相制，迭相食；非相爲而生之。人取可食者而食之，豈天本爲人生之？且蚊蚋嗜膚，虎狼食肉，非天本爲蚊蚋生人，虎狼生肉者哉？"– LAM chú: Derk Bodde theo Lionel Giles, dịch là: «Mr. T'ien of Ch'i was holding an ancestral banquet in his hall, to which a thousand guests were invited, [...]» (Ông họ Điền của nước Tề tổ chức đám giỗ trong đại sảnh, mời một ngàn khách dự). Ninh Chí Tân (sđd., tr.) cũng hiểu *tổ* 祖 là cúng giỗ, nên dịch: «Tề quốc đích Tề thị tại đại đường thượng tế tự tổ tiên, tiền lai phó yến đích khách nhân thượng thiên.» 齊國的田氏在大堂上祭祀祖先，前來赴宴的客人上千 (Họ Điền nước Tề tại đại sảnh cúng tổ tiên, khách đến dự tiệc đến ngàn người). A.C. Graham (sđd., tr.178) dịch chính xác là: «T'ien of Ch'i was going on a journey; he sacrified in his courtyard to the god of the roads, and banqueted a thousand guests.» (Người họ Điền của nước Tề sắp sửa viễn du; ông tổ chức lễ cúng thần đường xá ở ngoài sân và đãi ăn một ngàn khách). *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.2080) giảng: «*Tổ* 祖 = *xuất hành tiền tế lộ thần* 出行前祭路神(cúng thần đường xá trước khi xuất hành).» Ngô Phong (sđd., tr. 262) chú thích: «Tề Điền Thị, Tề quốc đích quý tộc Điền Thị. Tổ, cổ thời tế tự tổ tiên hoặc xuất môn viễn hành thời thiết yến tế tự lộ thần khiếu "tổ".» 齊田氏，齊國的貴族田氏。祖，古時祭祀祖先或出門遠行時設宴祭祀路神叫祖(Tề Điền Thị: họ Điền quý tộc của nước Tề. Tổ: thời xưa cúng tổ tiên hoặc trước khi ra khỏi cửa đi xa thì bày tiệc cúng thần đường xá, gọi là "tổ"). Cúng thần đường xá để thượng lộ bình an là tín ngưỡng thời xưa. Tiết Nho Chương 薛儒章 (*Giản Minh Cổ Hán Ngữ Loại Từ Từ Điển*, Đối Ngoại Mậu Dịch Giáo Dục xuất bản xã, Bắc Kinh, 1989, tr.284-286) phân biệt các từ *tế* 祭, *tự* 祀, *tổ* 祖, *xã* 社, *thiền* 禪, *nhương* 禳, *điện* 奠, *kỳ* 祈, *đảo* 禱, *chúc* 祝 như sau: ①*tế* 祭 = cúng tế nói chung (các chủng tế tự đích thông xưng 各種祭祀的通稱); ②*tự* 祀 = cũng như *tế* (tự dữ tế phiếm chỉ vô biệt 祀與祭泛指無別); ③*tổ* 祖 = cúng thần đường xá (tế lộ thần 祭路神); ④*xã* 社 = cúng thần đất đai (tế thổ địa thần 祭土地神); ⑤*thiền* 禪 = cúng đất (tế địa 祭地); ⑥*nhương* 禳 = cúng tế cầu giải trừ tai ách (tế tự dĩ cầu trừ tai trừ ác 祭祀以求除災除惡); ⑦*điện* 奠 = bày biện rượu và thức ăn để cúng tế người quá cố hay quỷ thần (thiết trí tửu thực lai tế tự tử giả, quỷ thần 設置酒食來祭祀死者，鬼神); ⑧*kỳ* 祈 = cúng quỷ thần để cầu phúc, như: *kỳ vũ* 祈雨 (cúng cầu mưa), *kỳ phúc* 祈福 (cúng cầu phúc), *kỳ cốc* 祈穀 (cúng cầu được mùa); ⑨*đảo* 禱 = cũng như *kỳ* 祈; ⑩*chúc* 祝 = cúng quỷ thần để cầu phúc (= *kỳ*, *đảo*), hoặc cầu quỷ thần gieo tai hoạ cho ai (= *tổ* 詛).

trong đó. Quả thực nó là một kết luận cực đoan. Nhân sinh quan buông bỏ tình cảm và ý chí trong thiên Dương Chu của sách *Liệt Tử* dường như lấy cái cơ giới luận và duy vật luận ấy làm căn cứ; dưới đây tôi sẽ nói rõ.

5. Nhân sinh quan buông bỏ tình cảm và ý chí trong thiên Dương Chu

Thiên thứ 7 sách *Liệt Tử* với nhan đề Dương Chu nhằm trình bày học thuyết của Dương Chu đời Chu, nhưng thực tế nó là sách được viết sau đời Hán. Đại khái thiên này nói rằng đời người thật ngắn ngủi, mà phần lớn của nó – nói nghiêm túc – không đáng gọi là đời người. Thiên Dương Chu chép: «Trăm tuổi là giới hạn tối đa của sống thọ; nhưng sống đến 100 tuổi thì ngàn người chưa có một. Giả sử ai sống đến trăm tuổi, thì khoảng thời gian từ lúc ẩm bồng đến lúc lão suy đã chiếm khoảng phân nửa cuộc đời. Thời gian tiêu hao cho ngủ đêm và thời gian ban ngày lãng phí lúc thức lại chiếm khoảng phân nửa của thời gian còn lại. Rồi thời gian ta đau đớn, bệnh tật, buồn, khổ, mất mát, lo lắng, sợ hãi, lại chiếm khoảng phân nửa của thời gian còn lại. Trong khoảng chừng mười năm lẻ còn lại, nếu tính toán xem thời gian ta vui vẻ tự đắc không lo buồn được bao lâu, e rằng khoảng thời gian ấy không tới một ngày.»[52]

Sống thì sống tạm, mà chết rồi thì hoàn không. Thiên Dương Chu chép: «Vạn vật khác nhau là ở lúc sống; giống nhau là ở lúc chết. Lúc còn sống thì có những hạng hiền, ngu, sang, hèn; đó là chỗ khác nhau. Lúc chết rồi, thì họ đều thối nát tiêu diệt; đó là chỗ giống nhau. Hiền, ngu, sang, hèn, chẳng là cái ta quyết định được; thối nát tiêu diệt, cũng chẳng là cái ta quyết định được. Cho nên đâu phải muốn sống là sống, muốn chết là chết, muốn hiền là hiền, muốn ngu là ngu, muốn sang là sang, muốn nghèo là nghèo. Tuy nhiên, vạn vật cùng sống cùng chết, cùng hiền cùng ngu, cùng sang cùng hèn. Mười tuổi cũng chết, trăm tuổi cũng chết, nhân ái thánh thiện cũng chết, hung ác ngu si cũng chết. Sống [hiền minh] như Nghiêu như Thuấn, chết cũng là xương mục nát; sống

---

[52] ***Liệt Tử* (Dương Chu): «Bách niên thọ chi đại tề; đắc bách niên giả, thiên vô nhất yên. Thiết hữu nhất giả, hài bão đĩ đãi hôn lão, cơ cư kỳ bán hĩ. Dạ miên chi sở nhị, trú giác chi sở di hựu cơ cư kỳ bán hĩ. Thống tật ai khổ, vong thất ưu cụ, hựu cơ cư kỳ bán hĩ. Lượng thập sổ niên chi trung, du nhiên nhi tự đắc, vong giới yên chi lự giả, diệc vong nhất thời chi trung nhĩ.»** 百年壽之大齊；得百年者，千無一焉．設有一者，孩抱以逮昏老，幾居其半矣．夜眠之所弭，晝覺之所遺又幾居其半矣．痛疾哀苦，亡失憂懼，又幾居其半矣．量十數年之中，逌然而自得，亡介焉之慮者，亦亡一時之中爾．– **LAM chú: «*Nhất thời*» Derk Bodde và C.A. Graham dịch là «*one hour*» (một tiếng đồng hồ), Ninh Chí Tân dịch là «*nhất thiên*» 一天(một ngày).**

[dâm ác] như Kiệt như Trụ, chết cũng là xương mục nát. Xương mục nát như nhau, ai biết chỗ khác nhau của họ? Còn sống được ngày nào thì cứ vội hưởng đi, chớ lo chi chuyện sau khi chết!»[53]

«Còn sống được ngày nào thì cứ vội hưởng đi, chớ lo chi chuyện sau khi chết!» (Thả thú đương sinh, hề hoàng tử hậu 且趣當生，奚遑死後) tóm tắt toàn bộ triết học về nhân sinh của Dương Chu. Đời người chỉ có hưởng thụ khoái lạc mới là giá trị; cho nên mục đích và ý nghĩa của kiếp người cũng ở chỗ đó. Ham muốn càng được thoả mãn thì cuộc sống càng khoái lạc.

Thiên Dương Chu chép: «Án Bình Trọng hỏi Quản Di Ngô về dưỡng sinh. Quản Di Ngô nói: "Chỉ cần sống thoải mái là được; chớ cản trở, chớ ức chế." Án Bình Trọng hỏi: "Xin ngài nói cụ thể." Di Ngô nói: "Cứ để mặc cho tai nghe, mặc cho mắt thấy, mặc cho mũi ngửi, mặc cho miệng nói, mặc cho thân nghỉ ngơi, mặc cho ý tưởng nghĩ gì. Cái mà tai muốn nghe là âm thanh; hễ không được nghe thì gọi là ức chế sự thông tỏ của tai. Cái mà mắt muốn nhìn là sắc đẹp; hễ không được nhìn thì gọi là ức chế sự sáng tỏ của mắt. Cái mà mũi muốn ngửi là hương thơm; hễ không được ngửi thì gọi là ức chế sự thông sướng của mũi. Cái mà miệng muốn nói là chuyện thị phi; hễ không được nói thì gọi là ức chế trí tuệ của não. Cái mà thân thể muốn nghỉ ngơi là chỗ đẹp đẽ tiện nghi; hễ không được theo thì gọi là ức chế sự thoả thích. Cái mà ý tưởng muốn nghĩ là sự phóng túng; hễ không được nghĩ thì gọi là ức chế bản tính. Tất cả những ức chế ấy là nguyên nhân chủ yếu làm tàn hại thân tâm. Hễ trừ khử cái nguyên nhân chủ yếu làm tàn hại thân tâm ấy và hân hoan chờ đón cái chết, thì dù sống được một ngày hay một tháng, một năm hay mười năm, ta vẫn gọi đó là dưỡng sinh. Còn như cứ bám víu vào cái nguyên nhân chủ yếu làm tàn hại thân tâm ấy, cứ bám lấy mà chẳng buông bỏ, thì dù sống trong âu lo sầu não cho đến trăm năm, ngàn năm, hay vạn năm, ta cũng

---

[53] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Vạn vật sở dị giả, sinh dã; sở đồng giả, tử dã. Sinh tắc hữu hiền ngu quý tiện, thị sở dị dã; tử tắc hữu xú hủ tiêu diệt, thị sở đồng dã. Tuy nhiên, hiền ngu quý tiện, phi sở năng dã; xú hủ tiêu diệt, diệc phi sở năng dã. Cố sinh phi sở sinh, tử phi sở tử, hiền phi sở hiền, ngu phi sở ngu, quý phi sở quý, tiện phi sở tiện. Nhiên nhi vạn vật tề sinh tề tử, tề hiền tề ngu, tề quý tề tiện. Thập niên diệc tử, bách niên diệc tử, nhân thánh diệc tử, hung ngu diệc tử. Sinh tắc Nghiêu Thuấn, tử tắc hủ cốt; sinh tắc Kiệt Trụ, tử tắc hủ cốt. Hủ cốt nhất hĩ, thục tri kỳ dị? Thả thú đương sinh, hề hoàng tử hậu.» 萬物所異者，生也；所同者，死也．生則有賢愚貴賤，是所異也；死則有臭腐消滅，是所同也．雖然，賢愚貴賤，非所能也；臭腐消滅非所能也．故生非所生，死非所死，賢非所賢，愚非所愚，貴非所貴，賤非所賤．然而萬物齊生齊死，齊賢齊愚，齊貴齊賤．十年亦死百年亦死，仁聖亦死，凶愚亦死．生則堯舜，死則腐骨；生則桀紂，死則腐骨．腐骨一矣，孰知其異？且趣當生，奚遑死後．

không gọi là dưỡng sinh."»[54]

Thiên Dương Chu xem đó là đạo tìm cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, khi mong cầu thoả mãn những ham muốn thì ta gặp khó khăn là các ham muốn thường xung đột nhau. Thoả mãn cho hết mọi ham muốn là chuyện không thể nào làm được trên cõi đời. Do đó, muốn thoả mãn các ham muốn thì trước tiên ta phải chọn lọc một số ham muốn nào cần được thoả mãn. Mặc dù thiên Dương Chu có vẻ không đề cập sự chọn lọc các ham muốn, nhưng kỳ thực vẫn có. Theo đoạn văn trên, ta chỉ nên cầu mong sống tiện nghi thoải mái hơn là cầu mong mạnh khoẻ lâu dài, mặc dù chúng ta ai cũng muốn vừa được sống tiện nghi thoải mái vừa được mạnh khoẻ lâu dài. Theo đoạn văn trên, ta chỉ nên cầu mong theo tình cảm mà nói năng, chẳng màng sự chê bai của xã hội; dù rằng chúng ta ai cũng muốn vừa được nói năng tuỳ ý vừa được xã hội khen ngợi. Nói gọn, các ham muốn mà thiên Dương Chu chọn lựa và xem là đáng để thoả mãn chính là các ham muốn tức thời và dễ thoả mãn hơn cả. Còn những ham muốn nào đòi hỏi thời gian và công sức chuẩn bị phức tạp để thoả mãn thì

---

[54] ***Liệt Tử* (Dương Chu): «Án Bình Trọng vấn dưỡng sinh ư Quản Di Ngô. Quản Di Ngô viết: "Tứ chi nhi dĩ, vật ưng vật át." Án Bình Trọng viết: "Kỳ mục nại hà?" Di Ngô viết: "Thử nhĩ chi sở dục thính, thử mục chi sở dục thị, thử tỵ chi sở dục hướng, thử khẩu chi sở dục ngôn, thử thể chi sở dục an, thử ý chi sở dục hành. Phù nhĩ chi sở dục văn giả âm thanh, nhi bất đắc thính, vị chi át thông; mục chi sở dục kiến giả mỹ sắc, nhi bất đắc thị, vị chi át minh; tỵ chi sở dục hướng cần tiêu lan, nhi bất đắc khứu, vị chi át chiết; khẩu chi sở dục đạo giả thị phi, nhi bất đắc ngôn, vị chi át trí; thể chi sở dục an giả mỹ hậu, nhi bất đắc tòng, vị chi át thích; ý chi sở dục vi giả phóng dật, nhi bất đắc hành, vị chi át tính. Phàm thử chư át, phế ngược chi chủ. Khứ thử phế thí chi chủ, hi hi nhiên dĩ sĩ tử, nhất nhật nhất nguyệt, nhất niên thập niên, ngộ sở vị dưỡng. Cấu thử phế ngược chi chủ, lục nhi bất xả, thích thích nhiên dĩ chí cửu sinh, bách niên thiên niên vạn niên, phi ngô sở vị dưỡng."»** 晏平仲問養生於管夷吾。管夷吾曰："肆之而已，勿壅勿閼。" 晏平仲曰："其目奈何？" 夷吾曰："恣耳之所欲聽，恣目之所欲視，恣鼻之所欲向，恣口之所欲言，恣體之所欲安，恣意之所欲行。夫耳之所欲聞者音聲，而不得聽，謂之閼聰；目之所欲見者美色，而不得視，謂之閼明；鼻之所欲向乾椒蘭，而不得嗅，謂之閼顫；口之所欲道者是非，而不得言，謂之閼智；體之所欲安者美厚，而不得從，謂之閼適；意之所欲爲者放逸，而不得行，謂之閼性。凡此諸閼，廢虐之主。去此廢試之主，熙熙然以俟死，一日一月，一年十年，吾所謂養。拘此廢虐之主，縲而不舍，戚戚然以至久生百年千年非吾所謂養。" – **LAM chú: Án Bình Trọng (? - 500 TCN) tức Án Anh 晏嬰, quê ở Di Duy 夷維 (nay là huyện Cao Mật 高密, tỉnh Sơn Đông 山東), là quan đại phu nước Tề, cuối thời Xuân Thu. Cha là Án Nhược 晏弱, làm chức khanh đời Tề Linh Công 齊靈公. Tề Linh Công năm 26 (tức 556 TCN), Án Nhược mất. Án Anh kế vị cha. Hai năm sau, Linh Công mất; Trang Công 莊公 lên ngôi, Án Anh phò tá Trang Công. Trang Công mất, ông phò tá Cảnh Công 景公. Trải 3 đời vua, hơn 50 năm, ông phò tá Cảnh Công lâu nhất: hơn 40 năm. Án Anh mất năm 500 TCN; Quản Trọng mất năm 645 TCN, trước Án Anh 145 năm; cho nên sự kiện Án Anh hỏi Quản Trọng về dưỡng sinh được chép trong thiên Dương Chu là phi lý.**

chẳng nên màng đến. Do đó, thiên Dương Chu rất xem trọng khoái lạc nhục thể, có lẽ vì trong mọi khoái lạc thì khoái lạc nhục thể là dễ đạt được nhất. Tuyển chọn khoái lạc gần nhất chính là để tránh sự đau khổ lâu dài.

Các triết gia thuộc học phái Cyrenaic (khoái lạc chủ nghĩa) của Hi Lạp cho rằng trên đời chẳng có gì tự nhiên và tự thân nó là công chính, tôn quý, nhục nhã, mà đó là những thứ được quan niệm do bởi luật pháp và tập quán. Theo Theodorus, luật pháp và tập quán tồn tại là do sự tán thành của bọn ngu ngốc.[55]

Luật pháp và tập quán cũng có ích lợi, nhưng đó là cái lợi cho tương lai chứ không phải cái lợi trước mắt cho con người hưởng thụ. Do đó, nếu chẳng màng tương lai mà chỉ biết trước mắt, thì các thứ pháp luật cho đến các định chế quả thực chỉ là những thứ ức chế mọi ham muốn của con người mà thôi. Thiên Dương Chu cơ hồ cũng phản đối pháp luật và các định chế khi chép rằng: «Chúng ta sống là vì cái gì? Làm sao để khoái lạc? Nếu vì sự đẹp đẽ tiện nghi, vì âm nhạc và nữ sắc, thì chúng ta không luôn có sự đẹp đẽ tiện nghi để thoả mãn, không luôn có âm nhạc và nữ sắc để hưởng thụ. Trái lại, chúng ta bị cấm chỉ bằng hình phạt, được khuyến khích bằng khen thưởng, được thúc tới bằng danh tiếng và bị đẩy lui bằng pháp luật. Chúng ta hối hả bon chen vì chút danh hão nhất thời, lại còn toan tính lưu lại cái hư vinh sau khi mình mất. Chúng ta một mình thận trọng những gì mắt thấy tai nghe; chú ý cái đúng cái sai của hành vi và tư tưởng. Cho nên chúng ta đánh mất oan uổng những khoái lạc tột cùng đang lúc còn sống, chẳng biết tự phóng túng thân tâm một phút giây nào. Chúng ta nào khác chi kẻ ở tù mang gông cùm nặng nề? Con người thuở xa xưa, biết sống là tạm đến, chết là tạm đi. Cho nên họ thích gì làm đó, chẳng trái với bản tính tự nhiên; hễ còn sống thì cứ hưởng lạc, chẳng khước từ. Do đó họ không bị danh tiếng cám dỗ. Cứ theo bản tính mà vui chơi, chẳng nghịch với sự ham muốn của vạn vật. Cái danh tiếng sau khi chết chẳng là cái mà họ cầu, nên họ không bị hình phạt tác động. Danh dự trước hay sau, tuổi đời nhiều hay ít,

---

[55] **Xem: Diogenes Laërtius, *The Lives and Opinions of Eminent Philosophers (Cuộc đời và triết lý của các triết gia lỗi lạc)*, (bản dịch Anh ngữ của C.D. Yonge), London: G. Bell & Sons, 1915, tr.91, 94.**

chẳng là cái mà họ màng.»[56]

Thiên Dương Chu còn chép: «Bá Di nào phải không ham muốn, chỉ vì quá trọng sự thanh cao của mình, [không chịu ăn lúa thóc nhà Chu] nên đi đến chỗ chết đói. Triển Quý [tức Triển Cầm hay Liễu Hạ Huệ] nào phải không tình cảm, chỉ vì quá trọng sự kiên trinh của mình nên đi đến chỗ con cháu ít ỏi. Thói thanh cao và kiên trinh làm hại cái tốt lành như vậy đó.»[57]

Cái gọi là «tốt lành» ở đây tức là sự khoái lạc trước mắt.

---

[56] ***Liệt Tử*** **(Dương Chu): «Nhân chi sinh dã, hề vị tai? Hề lạc tai? Vị mỹ hậu nhĩ, vị thanh sắc nhĩ. Nhi mỹ hậu phục bất khả thường yếm túc, thanh sắc bất khả thường ngoạn văn; nãi phục vị hình thưởng chi sở cấm khuyến, danh pháp chi sở tiến thoái; hoàng hoàng nhĩ cạnh nhất thời chi hư dự, quy tử hậu chi dư vinh; vũ vũ nhĩ thận nhĩ mục chi quan thính, tích thân ý chi thị phi; đồ thất đương niên chi chí lạc, bất năng tự tứ ư nhất thời. Trọng tù luỵ cốc, hà dĩ dị tai? Thái cổ chi nhân, tri sinh chi tạm lai, tri tử chi tạm vãng, cố tòng tâm nhi động, bất vi tự nhiên sở hảo, đương thân chi ngu, phi sở khứ dã, cố bất vị danh sở khuyến. Tòng tính nhi du, bất nghịch vạn vật sở hiếu, tử hậu chi danh, phi sở thủ dã, cố bất vị hình sở cập. Danh dự tiên hậu, niên mệnh đa thiểu, phi sở lượng dã.»** 人生之生也，奚爲哉？奚樂哉？爲美厚爾，爲聲色爾。而美厚不可常厭足，聲色不可常翫聞；乃復爲刑賞之所禁勸，名法之所進退；遑遑爾競一時之虛譽，規死後之餘榮；僊僊爾慎耳目之觀聽，惜身意之是非；徒失當年之至樂，不能自肆於一時，重囚累梏，何以異哉？太古之人，知生之暫來，知死之暫往，故從心而動，不違自然所好，當身之娛，非所去也，故不爲名所勸。從性而游，不逆萬物所好，死後之名，非所取也，故不爲刑所及。名譽先後，年命多少，非所量也。– LAM chú: A.C. Graham (sđd., tr. 140) nhận xét rằng ***«tri sinh chi tạm lai, tri tử chi tạm vãng»*** **ở đây gợi ra thuyết luân hồi của Phật giáo; thật kỳ lạ, vì ở chỗ khác, tác giả theo chủ nghĩa hưởng lạc cho rằng chết là hết. Ngô Phong (sđd., tr.249) chú:** ***Hoàng hoàng nhĩ*** 遑遑爾 **=** ***thông mang đích dạng tử*** 匆忙的樣子 **(hối hả);** ***vũ vũ nhĩ*** 僊僊爾 **(như 踽踽爾) =** ***độc hành vô bạn đích dạng tử*** 獨行無伴的樣子 **(đi lẻ loi không bạn);** ***tích*** 惜 **=** ***ái tích*** 愛惜 **(quý) nhưng ở đây là** ***chú ý*** 注意**;** ***đồ*** 徒 **= bạch bạch địa** 白白地 **(hoài công);** ***tự nhiên sở hảo*** 自然所好 **=** ***tự nhiên đích bản tính*** 自然的本性 **(bản tính tự nhiên);** ***khuyến*** 勸 **=** ***cổ lệ*** 鼓勵 **(khuyến khích), nhưng ở đây là** ***dẫn dụ*** 引誘 **(cám dỗ).**

[57] ***Liệt Tử*** **(Dương Chu): «Bá Di phi vong dục, căng thanh chi bưu, dĩ phóng ngạ tử. Triển Quý phi vong tình, căng trinh chi bưu, dĩ phóng quả tông. Thanh trinh chi ngộ thiện nhược thử.»** 伯夷非亡欲，矜清之郵，以放餓死。展季非亡情，矜貞之郵，以放寡宗。清貞之誤善若此。– LAM chú: ***Bưu*** 郵 **=** ***vưu*** 尤 **(quá). Câu chót** ***«Thanh trinh chi ngộ thiện nhược thử»*** **Derk Bodde dịch: «Such is the erroneous 'goodness' that results from purity and chastity like this.» (Cái tốt sai lầm do thanh trinh là như vậy đó). A.C. Graham (sđd., tr.141) dịch: «They went to these extremes in treating mistaken 'purity' and 'correctness' as virtues.» (Họ quá cực đoan ngộ nhận cái thanh khiết và chân chính là đức hạnh). Chữ** ***ngộ*** 誤 **ở đây là động từ như từ điển** ***Từ Bá*** **Đại học Bắc Kinh giảng: «*** ***Ngộ*** 誤 **[động từ] =** ***phương hại*** 妨害 **[harm, injure].» Cổ Hán ngữ có cấu trúc [Chủ ngữ + chi + vị ngữ] để làm chủ ngữ cho một vị ngữ khác. Trần Cao Xuân** 陳高春 **(*Thực Dụng Hán Ngữ Ngữ Pháp Đại Từ Điển,* Chức Công Giáo Dục xuất bản xã, Bắc Kinh, 1989, tr.612) giảng nơi mục từ «chủ vị gia** ***chi*** **kết cấu đích dụng pháp»** 主謂加之結構的用法 **(cách dùng kết cấu thêm** ***chi*** 之 **vào giữa chủ ngữ và vị ngữ), nêu**

Danh thơm tiếng tốt thì chúng ta ai cũng muốn, Dương Chu cũng không phủ nhận: «Dục Tử nói: "Ai khử bỏ danh tiếng thì không âu lo." Lão Tử nói: "Danh tiếng là người khách của thực chất." Thế mà người đời cứ đeo đuổi danh tiếng mãi không thôi. Vậy thì danh tiếng không thể khử bỏ và không thể làm khách ư? Nay có danh tiếng thì được tôn vinh, không danh tiếng thì hèn nhục. Tôn vinh thì dật lạc, hèn nhục thì lo khổ. Lo khổ thì trái với bản tính tự nhiên; dật lạc thì thuận với bản tính tự nhiên. Nó liên quan đến thực chất vậy. Sao khử bỏ được danh tiếng? Sao có thể xem danh tiếng là khách? Chỉ cần ghét bỏ việc bám lấy danh tiếng và làm luỵ thực chất. Bám lấy danh tiếng và làm luỵ thực chất thì sẽ lo buồn, lâm nguy, tiêu vong, chẳng thể nào cứu nổi. Lẽ nào chỉ có dật lạc hay lo khổ mà thôi sao?»[58]

Theo lời trên, danh tiếng chẳng là cái đáng quý. Nếu chuyên vì cái danh hão mà gánh lấy cái tai hoạ có thực, thì quả là chẳng nên. Hơn nữa, danh thơm tiếng tốt phải lâu ngày chầy tháng mới đạt được, thường thường là trong tương lai xa vời, hoặc sau khi chết. Chẳng biết cái sung sướng do hưởng thụ danh tiếng trong tương lai xa vời ấy có bù đắp được cái tổn thất do phải hi sinh niềm khoái lạc trước mắt hay không; nhưng rõ ràng cái

---

hay tân ngữ trong câu; (2) kết cấu [chủ ngữ + chí + vị ngữ] cho biết lời nói chưa dứt ý, cần được nói thêm. Như vậy, trong «*Thanh trinh chi ngộ thiện nhược thử*», thì *thanh trinh* là chủ ngữ của động từ *ngộ*, còn *thiện* là tân ngữ; rồi cụm *thanh trinh chi ngộ thiện* là chủ ngữ của trọn câu phức này. Cho nên tôi dịch: «Thói thanh cao và kiên trinh làm hại cái tốt lành như vậy đó.» Câu dịch này phù hợp lời giải thích của Phùng Hữu Lan: «Sở vị 'thiện' đương tức thị mục tiền chi khoái lạc hĩ.» 所謂善當即是目前之快樂矣(Cái gọi là «tốt lành» tức là sự khoái lạc trước mắt). Chú ý: Phùng Hữu Lan chép «*Thanh trinh chi ngộ thiện nhược thử*», khác với câu chép của Ninh Chí Tân, của Ngô Phong, và cả trong bản hiện hành trên Internet: «*Thanh trinh chi ngộ, thiện chi nhược thử.*» 清貞之誤，善之若此. Cho nên Ninh Chí Tân (sđd., tr.373) dịch: «Thanh cao hoà kiên trinh đích thất ngộ, cánh thị như thử chi đại a.» 清高和堅貞的失誤，竟是如此之大啊(Cái lỗi thanh cao và kiên trinh rốt cuộc lớn như thế đó).

[58] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Dục Tử viết: "Khử danh giả vô ưu." Lão Tử viết: "Danh giả thực chi tân." Nhi du du giả xu danh bất dĩ. Danh cố bất khả khử, danh cố bất khả tân tà? Kim hữu danh tắc tôn vinh, vong danh tắc ti nhục; tôn vinh tắc dật lạc, ti nhục tắc ưu khổ. Ưu khổ, phạm tính giả dã; dật lạc, thuận tính giả dã, tư thực chi sở hệ hĩ. Danh hồ khả khử? Danh hồ khả tân? Đãn ố phù thủ danh nhi luỵ thực. Thủ danh nhi luỵ thực, tương tuất nguy vong chi bất cứu, khởi đồ dật lạc ưu khổ chi gian tai?» 鶡子曰: "去名者無憂." 老子曰: "名者實之賓." 而悠悠者趨名不已. 名固不可去，名固不可賓邪?今有名則尊榮，亡名則卑辱；尊榮則逸樂，卑辱則憂苦. 憂苦，犯性者也；逸樂，順則者也，斯實之所係矣. 名胡可去?名胡可賓?但惡夫守名而累實. 守名而累實，將恤危亡之不救，豈徒逸樂憂苦之間哉?- LAM chú: *Dục Tử* 鶡子là tác phẩm do Dục Hùng 鶡熊đời Chu soạn. *Hán Thư* (Nghệ Văn Chí) chép ở phần tác phẩm của Đạo gia rằng *Dục Tử* có 22 thiên. Nhưng bản hiện hành chỉ còn 14 thiên, do Phùng

danh tiếng sau khi chết quả là vô dụng. Thiên Dương Chu chép: «Cái tốt trong thiên hạ đều quy cho Thuấn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử; cái xấu trong thiên hạ đều quy cho Kiệt, Trụ. [...] Bốn vị thánh nhân ấy, lúc còn sống thì chẳng hưởng một ngày vui sướng, chết rồi thì được lưu danh muôn thuở. Danh tiếng đời đời vốn chẳng là cái mà thực tế cần đến. Dù ta xưng tụng họ, họ cũng không biết; dù ta tán thưởng họ, họ cũng chẳng hay; họ khác chi gốc cây cục đất? [...] Hai kẻ hung ác kia, lúc còn sống thì sung sướng buông thả theo dục vọng, chết rồi thì mang tai tiếng ngu si bạo ác. Thực tế vốn chẳng là cái mà tai tiếng gán cho. Dù ta mắng chửi họ, họ cũng không biết; dù ta chê bai họ, họ cũng chẳng hay; họ khác chi gốc cây cục đất? Bốn vị thánh nhân ấy, dù bao tốt đẹp gán cho họ, nhưng họ khổ cả đời, cuối cùng đều chết. Hai kẻ hung ác kia, dù bao xấu xa đổ cho họ, nhưng họ sướng cả đời, cuối cùng đều chết.»[59]

Dương Chu nói: «Từ Phục Hi đến nay là hơn 30 vạn năm. Trong thời gian ấy, những hạng hiền hay ngu, đẹp hay xấu, thành công hay thất bại, đúng hay sai, ai mà không chết; chẳng qua là nhanh hay chậm thôi. Nếu quan tâm tiếng chê khen nhất thời mà lao khổ tinh thần và tiều tuỵ thể xác để mong cầu cái danh hão mấy trăm năm sau khi chết, liệu cái danh ấy có làm tươi thắm lại mớ xương khô và trả lại niềm khoái lạc trên đời này hay không?»[60]

Hành Khuê 逢行珪 đời Đường chú, đã được đưa vào *Đạo Tạng*. (Xem: Ngô Phong [sđd., tr. 1065] và Trương Chí Triết 張志哲, *Đạo Giáo Văn Hoá Từ Điển*, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr.435). Trong sách *Liệt Tử*, Dục Tử còn được nhắc đến ở 3 thiên: Thiên Thuỵ, Hoàng Đế, và Lực Mệnh. – Câu «*Danh giả thực chi tân*» 名者實之賓 không hề có trong *Lão Tử Đạo Đức Kinh*. Câu này Derk Bodde dịch: «Fame is secondary to reality.» (Danh tiếng là cái phụ của thực tế). A.C. Graham (sđd., tr.156) dịch: «Reputation is the guest who comes and goes, reality is the host who stays.» (Danh tiếng là khách, đến rồi đi; thực tế là chủ nhà, còn ở lại).

[59] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Thiên hạ chi mỹ, quy chi Thuấn, Vũ, Chu, Khổng; thiên hạ chi ác, quy chi Kiệt, Trụ. [...] Phàm bỉ tứ thánh giả, sinh vô nhất nhật chi hoan, tử hữu vạn thế chi danh. Danh giả, cố phi thực chi *sở* thủ dã. Tuy xưng chi phất tri, tuy thường chi bất tri, dữ chu khôi vô dĩ dị hĩ. [...] Bỉ nhị hung dã, sinh hữu tùng dục chi hoan, tử bị ngu bạo chi danh. Thực giả cố phi danh chi sở dữ dã, tuy huỷ chi bất tri, tuy xưng chi phất tri, thử dữ chu khôi hề dĩ dị hĩ. Bỉ tứ thánh tuy mỹ chi sở quy, khổ dĩ chí chung, đồng quy ư tử hĩ. Bỉ nhị hung tuy ác chi sở quy, lạc dĩ chí chung, đồng quy ư tử hĩ.» 天下之美，歸之舜，禹，周，孔；天下之惡，歸之桀紂。[...] 凡彼四聖者，生無一日之歡，死有萬歲之名。名者，固非實之所取也。雖稱之弗知，雖賞之不知，與株塊無以異矣。[...] 彼二凶也，生有縱欲之歡，死被愚暴之名。實者固非名之所與也，雖毀之不知，雖稱之弗知，此與株塊奚以異矣。彼四聖雖美之所歸，苦以至終，同歸於死矣。彼二凶雖惡之所歸，樂以至終，同歸於死矣。

[60] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Phục Hi dĩ lai tam thập dư vạn tuế, hiền ngu, hảo xú, thành bại, thị phi, vô bất tiêu diệt, đãn trì tốc chi gian nhĩ. Căng nhất thời chi huỷ dự, dĩ tiêu khổ kỳ thần hình, yếu tử hậu số bách niên trung dư danh, khởi túc nhuận khô cốt, hà sinh chi lạc tai?» 伏羲以來三十餘萬歲，賢愚，好醜，成敗，是非，無不消滅，但遲速之間耳。矜一時之毀譽，以焦苦其神形，要死後數百年中餘名，豈足潤枯骨，何生之樂哉？

Nếu quả như thế, chúng ta sao lại vất bỏ niềm khoái lạc trước mắt để mong tìm cái danh thơm mà ta không thể biết được sau khi chết?

Cho nên cái mà thiên Dương Chu chọn lựa chỉ là sự khoái lạc trước mắt. Nếu có thể hưởng thụ được sự khoái lạc trước mắt, thì kết quả sau này dù thế nào ta cũng chẳng màng.

Thiên Dương Chu còn chép: «Đoan Mộc Thúc ở nước Vệ là cháu Tử Cống. Nhờ tài sản tổ tiên, gia đình tích trữ vạn lượng vàng, nên ông không bận tâm sinh kế, thích gì làm đó. Dân chúng muốn cái gì ông cũng muốn cái đó; dân vui chơi thứ gì ông cũng vui chơi thứ đó. [...] Ăn uống tiêu xài còn dư bao nhiêu ông bèn phân phát trước tiên cho họ hàng; còn dư bao nhiêu thì phân phát cho người cùng thôn xóm; còn dư bao nhiêu thì phân phát cho người trong nước. Đến 60 tuổi, sức khoẻ suy nhược, ông phế bỏ việc nhà, phân phát hết tài sản của nả, vật quý, xe cộ, quần áo, kể cả hầu thiếp nữa. Trong một năm thì phân phát hết sạch, chẳng để lại của cải cho con cháu. Khi ông lâm bệnh, không có tiền mua thuốc; khi chết không có tiền lo chôn cất. Người trong cả nước xưa kia được ông chu cấp bèn gom góp tiền bạc để mai táng ông, rồi hoàn trả tài sản cho con cháu ông. Cầm Hoạt Ly nghe chuyện ấy bèn nói: "Đoan Mộc Thúc là tên khùng, làm nhục tổ tiên." Đoàn Can Sinh nghe chuyện ấy bèn nói: "Đoan Mộc Thúc là người thông đạt; đạo đức ông còn hơn cả tổ tiên của ông nữa. Hành vi của ông làm mọi người kinh ngạc, nhưng quả thực có lý lẽ đúng đắn của nó. Bọn quân tử nước Vệ phần lớn đều bám lấy lễ giáo, nên chưa đủ thu phục được lòng người như vậy."»[61]

---

[61] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Vệ Đoan Mộc Thúc giả, Tử Cống chi thế dã. Tịch kỳ tiên ty, gia luỹ vạn kim. Bất trị thế cố, phóng ý sở hiếu. Kỳ sinh dân chi sở dục vi, nhân ý chi sở dục ngoạn giả, vô bất vi dã, vô bất ngoạn dã. [...] Phụng dưỡng chi dư, tiên tán chi tông tộc; tông tộc chi dư, thứ tán chi ấp lý; ấp lý chi dư, nãi tán chi nhất quốc. Hành niên lục thập, khí can tương suy, khí kỳ gia sự, đô tán kỳ khố tàng, trân bảo, xa phục, thiếp dẳng, nhất niên chi trung tận yên, bất vi tử tôn lưu tài. Cập kỳ bệnh dã, vô dược thạch chi trừ; cập kỳ tử dã; vô ế mai chi tư. Nhất quốc chi nhân, thụ kỳ thi giả, tương dữ phú nhi tàng chi, phản kỳ tử tôn chi tài yên. Cầm Hoạt Ly văn chi viết: "Đoan Mộc Thúc cuồng nhân dã, nhục kỳ tổ hĩ." Đoàn Can Sinh văn chi viết: "Đoan Mộc Thúc đạt nhân dã, đức quá kỳ tổ hĩ. Kỳ sở hành dã, kỳ sở vi dã, chúng ý sở kinh, nhi thành lý sở thủ. Vệ chi quân tử đa lễ giáo tự trì, cố vị túc dĩ đắc thử nhân chi tâm dã."» 衛端木叔者,子貢之世也.藉其先貲,家累萬金.不治世故,放意所好.其生民之所欲爲,人意之所欲玩者,無不爲也,無不玩也.[...] 奉贍之餘,先散之宗族;宗族之餘,次散之邑里;邑里之餘,乃散之一國.行年六十,氣幹(干)將衰,棄其家事,都散其庫藏,珍寶,車服,妾媵,一年之中盡焉,不爲子孫留財.及其病也,無藥石之儲;及其死也;無瘞埋之資.一國之人,受其施者,相與賦而藏之,反其子孫之財焉.禽骨(滑)釐聞之曰:"端木叔狂人也,辱其祖矣."段干生聞之曰:"端木叔達人也,德過其祖矣.其所行也,其所爲也,衆意所驚,而誠理所取

Cái tệ hại nhất của con người là cái chết. Vì sợ chết nên họ lo nghĩ nhiều đến tương lai, do đó mà không thể vô tư thoải mái hưởng thụ khoái lạc trước mắt. Bởi thế, trong lịch sử triết học, các triết gia của phái hưởng lạc phần lớn khuyên người ta nên an nhiên tự tại, chớ sợ chết; và dạy rằng chết chẳng phải là cái gì đáng sợ. Thiên Dương Chu chép: «Quản Di Ngô nói: "Tôi đã nói với ông về dưỡng sinh rồi. Xin ông nói tôi biết về tang ma?" Án Bình Trọng đáp: "Tang ma đại khái thôi, có gì mà nói." Quản Di Ngô nói: "Tôi cứ muốn nghe." Bình Trọng đáp: "Ta đã chết rồi, sự việc còn do ta làm chủ nữa ư? Thiêu cũng được, đìm xuống nước cũng được, chôn cũng được, phơi thây cũng được, bó xác bằng cây củi rồi vất lạch nước cũng được, cho mặc áo long bào và xiêm gấm thêu rồi để trong hòm đá cũng được; cứ tuỳ ý mà làm." Quản Di Ngô quay sang Bào Thúc Nha và Hoàng Tử nói rằng: "Đạo về sống chết, hai chúng tôi đã thấu triệt rồi đó."»[62]

.衛之君子多禮教自持,故未足以此人之心也."- **LAM chú: Ngô Phong (sđd., tr.251) chú:** ***Tử Cống*** **tức Đoan Mộc Tứ 端木賜(520-?), là học trò của Khổng Tử, kém ngài 31 tuổi.** ***Thế*** **世 =** ***hậu đại*** **後代,** ***hậu tự*** **後嗣 (cháu chắt).** ***Tịch*** **藉 =** ***bằng tá*** **憑借 (cậy, ỷ).** ***Tiên*** **先 =** ***tổ tiên*** **祖先.** ***Ty*** **貲 =** ***tài sản*** **財產.** ***Thế cố*** **世故 =** ***sinh kế*** **生計.** ***Sinh dân*** **生民 =** ***dân chúng*** **民衆.** ***Phú*** **賦 =** ***án nhân khẩu xuất tiền*** **按人口出錢 (theo số miệng ăn mà chi tiền).** ***Tàng*** **藏 =** ***táng*** **葬 (mai táng, chôn). Cầm Hoạt Ly 禽滑釐 cũng gọi là Cầm Cốt Ly 禽骨釐, người nước Nguỵ, học trò Mặc Tử. Đoàn Can Sinh 段干生 tức Đoàn Can Mộc 段干木, người nước Nguỵ, đầu thời Chiến Quốc.**

62 ***Liệt Tử*** **(Dương Chu): «Quản Di Ngô viết: "Ngô ký cáo tử dưỡng sinh hĩ, tống tử nại hà?" Án Bình Trọng viết: "Tống tử lược hĩ, tương hà dĩ cáo yên?" Quản Di Ngô viết: "Ngô cố dục văn chi." Bình Trọng viết: "Ký tử, khởi tại ngã tai? Phần chi diệc khả, trầm chi diệc khả, ế chi diệc khả, lộ chi diệc khả, ý tân nhi khí chư câu hác diệc khả, cổn y ý tú thường nhi nạp chư thạch quách diệc khả, duy sở ngộ yên." Quản Di Ngô cố vị Bào Thúc Hoàng Tử viết: "Sinh tử chi đạo, ngô nhị nhân tiến chi hĩ."» 管夷吾曰: "吾既告子養生矣,送死奈何?" 晏平仲曰: "送死略矣,將何以告焉?" 管夷吾曰: "吾固欲聞之." 平仲曰: "既死,豈在我哉?焚之亦可,沈之亦可,瘞之亦可,露之亦可,衣薪而棄諸溝壑亦可,衮衣繡裳而納諸石槨亦可,唯所遇焉." 管夷吾顧謂鮑叔黃子曰: "生死之道,吾二人進之矣."- LAM chú: Ngô Phong (sđd., tr.251) chú: «*Hoàng Tử* là quan đại phu nước Tề.** ***Tiến*** **進 =** ***tận*** **盡;** ***tiến chi*** **進之 =** ***chỉ hoàn toàn lĩnh ngộ sinh tử đích đạo lý*** **指完全領悟生死的道理 (ám chỉ hoàn toàn thấu triệt lẽ sống chết).» Câu chót Derk Bodde dịch: «We have both made some progress in the doctrine of life and death.» (Hai chúng tôi đã có tiến bộ về thuyết sinh tử rồi). A.C. Graham (sđd., tr.143) dịch: «Between the two of us, we have said all that there is to say about the Way to live and to die.» (Tất cả những gì cần nói về Đạo sống và chết thì hai chúng tôi đã nói hết rồi đấy). Ninh Chí Tân (sđd., tr.374) dịch: «Sinh dữ tử đích đạo lý, ngã môn nhị nhân dĩ hoàn toàn thuyết tận liễu.» 生與死的道理,我們二人已完全說盡了 (Lẽ sống chết, hai chúng tôi đã hoàn toàn nói hết rồi).**

Thiên Dương Chu chép: «Mạnh Tôn Dương hỏi Dương Chu rằng: "Có kẻ yêu đời quý thân đến nỗi cầu mong trường sinh bất tử. Có thể được chăng?" Đáp: "Không có lý lẽ bất tử." Hỏi: "Có thể cầu mong sống lâu chăng?" Đáp: "Không có lý lẽ trường sinh. Sự sống đâu phải hễ quý nó thì duy trì được nó; thân xác đâu phải hễ yêu nó thì kéo dài được nó. Nhưng sống lâu để làm gì? Năm tình ưa ghét [của năm giác quan], xưa cũng như nay; sự an nguy của thân và tứ chi, xưa cũng như nay; sự đời sướng khổ, xưa cũng như nay; yên loạn thay đổi, xưa cũng như nay. Đã nghe rồi, đã thấy rồi, đã trải qua rồi, thế thì sống trăm năm cũng đủ chán lắm; sống lâu hơn nữa mà chi cho khổ?" Mạnh Tôn Dương nói: "Nếu thế, chết mau tốt hơn sống lâu. Cứ đạp lên dao bén, cứ xông vào nước sôi lửa bỏng, miễn được thoả chí thì thôi." Dương Chu nói: "Không phải thế. Đã sống thì cứ mặc cuộc sống, cứ chấp nhận nó, cứ thoả mãn mọi ham muốn, chừng nào chết thì chết. Khi sắp chết thì cứ mặc cái chết, cứ chấp nhận nó, cho đến lúc tận diệt. Cái gì cũng mặc, cái gì cũng chấp nhận, cần chi phải làm cho sống lâu hay làm cho mau chết?"»[63]

Trong lịch sử triết học Tây phương, triết gia Epicurus cũng nói như vậy: «Hãy tập suy nghĩ rằng cái chết và chúng ta chẳng quan hệ gì, bởi vì mọi cái tốt và mọi cái xấu đều là cảm giác, và cái chết chỉ là sự dứt tuyệt cảm giác mà thôi. Do đó, hễ hiểu đúng rằng cái chết chẳng quan hệ với chúng ta, thì sự hiểu biết đúng đắn ấy khiến sự hữu sinh hữu tử trở nên dễ chịu đối với chúng ta, bởi vì ta biết rằng kiếp người là hữu hạn, nhưng ta không vất vả đi tìm sự trường sinh bất tử. [...] Cho nên, cái tệ

---

[63] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Mạnh Tôn Dương vấn Dương Tử viết: "Hữu nhân ư thử, quý sinh ái thân, dĩ kỳ bất tử, khả hồ?" Viết: "Lý vô bất tử." "Dĩ kỳ cửu sinh, khả hồ?" Viết: "Lý vô cửu sinh. Sinh phi quý chi sở năng tồn, thân phi ái chi sở năng hậu. Thả cửu sinh hề vi? Ngũ tình hiếu ố, cổ do kim dã; tứ thể an nguy, cổ do kim dã; thế sự khổ lạc, cổ do kim dã; biến dịch trị loạn, cổ do kim dã. Ký văn chi hĩ, ký kiến chi hĩ, ký canh chi hĩ, bách niên do yếm kỳ đa, huống cửu sinh chi khổ dã hồ?" Mạnh Tôn Dương viết: "Nhược nhiên, tốc vong dã ư cửu sinh, tắc tiễn phong nhận, nhập thang hoả, đắc sở chí hĩ." Dương Tử viết: "Bất nhiên. Ký sinh tắc phế nhi nhậm chi, cứu kỳ sở dục, dĩ sĩ ư tử. Tương tử tắc phế nhi nhậm chi, cứu kỳ sở chi, dĩ phóng ư tận. Vô bất phế, vô bất nhậm, hà cự trì tốc ư kỳ gian hồ?"» 孟孫陽問楊子曰: "有人於此, 貴生愛身, 以蘄不死, 可乎?" 曰: "理無不死." "以蘄久生, 可乎?" 曰: "理無久生. 生非貴之所能存, 身非愛之所能厚. 且久生奚爲? 五情好惡, 古猶今也, 四體安危, 古猶今也, 世事苦樂, 古猶今也, 變易治亂, 古猶今也. 既聞之矣, 既見之矣, 既更之矣, 百年猶厭其多, 況久生之苦也乎?" 孟孫陽曰: "若然, 速亡愈於久生, 則踐鋒刃, 入湯火, 得所志矣." 楊子曰: "不然. 既生則廢而任之, 究其所欲, 以俟於死. 將死則廢而任之, 究其所之, 以放於盡. 無不廢, 無不任, 何遽遲速於其間乎?"

hại nhất của mọi xấu xa là cái chết sẽ chẳng là gì cả đối với chúng ta, vì khi ta còn sống thì cái chết chưa đến và khi cái chết đến rồi thì ta đâu còn nữa.»[64]

Cái chết đã chẳng đáng sợ, vậy thì mọi hành vi của ta dù có kết quả thế nào cũng chẳng đáng sợ.

Chúng ta nên tìm những khoái lạc trước mắt, bất kể mai sau kết quả tốt xấu thế nào, và cũng nên tránh né những đau khổ trước mắt, bất kể mai sau kết quả ra sao. Thiên Dương Chu chép: «Cầm Tử (Cầm Hoạt Ly) hỏi Dương Chu rằng: "Nhổ một sợi lông trên mình ông mà cứu được đời, ông có chịu làm không?" Dương Chu đáp: "Đời đâu phải chỉ một sợi lông mà cứu được." Cầm Tử nói: "Giả sử cứu được, ông có chịu làm không?" Dương Tử không trả lời. Cầm Tử đi ra ngoài nói với Mạnh Tôn Dương. Mạnh Tôn Dương nói: "Ông chẳng hiểu tâm tư của thầy tôi rồi. Để tôi nói cho mà nghe. Cắt da thịt ông mà được vạn lượng vàng, ông chịu làm không?" Cầm Tử đáp: "Làm chứ." Mạnh Tôn Dương hỏi: "Chặt một chân (hay một tay) ông mà được một nước, ông chịu làm không?" Cầm Tử làm thinh. Mạnh Tôn Dương nói: "Một sợi lông không quan trọng bằng da thịt, da thịt không quan trọng bằng một chân (hay một tay); hiển nhiên là thế. Nhưng gom nhiều sợi lông thành da thịt, gom da thịt thành chân tay. Một sợi lông là một phần vạn của thân thể, sao lại xem thường nó? Cầm Tử nói: "Tôi không trả lời được; nhưng đem lời ông mà hỏi Lão Đam và Quan Doãn thì lời ông đúng; còn đem lời tôi mà hỏi Đại Vũ và Mặc Địch thì lời tôi đúng." Mạnh Tôn Dương quay sang đệ tử nói lảng chuyện khác.»[65]

[64] Diogenes Lae"rtius, *The Lives and Opinions of Eminent Philosophers (Cuộc đời và triết lý của các triết gia lỗi lạc)*, (bản dịch Anh ngữ của C.D. Yonge), London: G. Bell & Sons, 1915, tr.469: «Accustom yourself to think death a matter with which we are not at all concerned, since all good and all evil is in sensation, and since death is only the privation of sensation. On which account, the correct knowledge of the fact that death is no concern of ours, makes the mortality of life pleasant to us, inasmuch as it sets forth no illimitable time, but relieves us from the longing of immortality... Therefore, the most formidable of all evils, death, is nothing to us, since when we exist, death is not present to us; and when dead is present, then we have no existence.»

[65] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Cầm Tử vấn Dương Chu viết: "Khử tử thể chi nhất mao, dĩ tế nhất thế, hữu vi chi hồ?" Dương Tử viết: "Thế cố phi nhất mao chi sở tế." Cầm Tử viết: "Giả tế, vi chi hồ?" Dương Tử phất ứng. Cầm Tử xuất, ngữ Mạnh Tôn Dương. Mạnh Tôn Dương viết: "Tử bất đạt phu tử chi tâm, ngô thỉnh ngôn chi. Hữu xâm khổ cơ phu hoạch vạn kim giả, nhược vi chi hồ?" Viết: "Vi chi." Mạnh Tôn Dương viết: "Hữu đoạn nhược nhất tiết đắc nhất quốc. Tử vi chi hồ?" Cầm Tử mặc nhiên hữu gián. Mạnh Tôn Dương viết: "Nhất mao vi ư cơ phu, cơ phu vi ư nhất tiết, tỉnh hĩ. Nhiên tắc tích nhất mao dĩ thành cơ phu, tích cơ phu dĩ thành nhất tiết. Nhất mao cố nhất thể vạn phân trung chi nhất vật, nại hà khinh chi hồ?" Cầm Tử viết: "Ngô

Đoạn trên đây khái quát học thuyết của Dương Chu, nên Mạnh Tử nói: «Dương Chu chủ trương vị ngã. Nhổ một sợi lông mà có lợi cho thiên hạ thì ông cũng chẳng làm.»[66] Nhổ một sợi lông là đau khổ trước mắt, cứu được thiên hạ là kết quả trong tương lai xa. Chúng ta nên tránh cái đau khổ trước mắt, bất kể kết quả trong tương lai có lợi lớn thế nào. Cái lý lẽ trong thiên Dương Chu là thế. Nhổ một sợi lông để thiên hạ có lợi ông cũng không làm, mà nhổ một sợi lông để có được thiên hạ ông cũng không làm luôn.

Đó tuy là một lý lẽ cực đoan, nhưng thiên Dương Chu lại xem nó là cách cứu đời. Giả sử mọi người trên đời đều cầu mong khoái lạc trước mắt thì tự nhiên sẽ không có kẻ tranh quyền giành lợi, bởi vì quyền và lợi là những thứ nếu không có cách thức chuẩn bị phức tạp và vất vả thì không thể đạt được. Như vậy, cái mà người đời lấy chỉ là cái họ cần thiết, mà cái họ cần thiết thì một cá nhân trong một lúc chỉ có thể hưởng dụng một lượng rất hữu hạn. *Trang Tử* nói: «Chim tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu cũng chỉ trên một cành cây; con yển thử uống nước sông cũng chỉ đầy một bụng. [...] Ta đâu cần có cả thiên hạ.»[67]

Nếu vậy thì tự nhiên sẽ không có tranh đoạt, cho nên thiên Dương Chu chép: «Người xưa nếu mất một sợi lông mà làm lợi thiên hạ thì họ cũng chẳng chịu; đem thiên hạ dâng cho một người thì người ấy cũng chẳng khứng. Ai nấy đều không làm mất một sợi lông, ai nấy cũng chẳng làm lợi thiên hạ, thì thiên hạ yên trị vậy.»[68]

---

bất năng sở dĩ đáp tử. Nhiên tắc dĩ tử chi ngôn vấn Lão Đam, Quan Doãn, tắc tử ngôn đáng hĩ; dĩ ngô ngôn vấn Đại Vũ, Mặc Địch, tắc ngô ngôn đáng hĩ." Mạnh Tôn Dương nhân cố dữ kỳ đồ thuyết tha sự.» 禽子問楊朱曰: "去子體之一毛,以濟一世,汝爲之乎?" 楊子曰: "世固非一毛之所濟." 禽子曰: "假濟,爲之乎?" 楊子弗應. 禽子出,語孟孫陽. 孟孫陽曰: "子不達夫子之心,吾請言之. 有侵苦肌膚獲萬金者,若爲之乎?" 曰: "爲之." 孟孫陽曰: "有斷若一節得一國. 子爲之乎?" 禽子默然有間. 孟孫陽曰: "一毛微於肌膚,肌膚微於一節,省矣. 然則積一毛以成肌膚,積肌膚以成一節. 一毛固一體萬分中之一物,奈何輕之乎?" 禽子曰: "吾不能所以答子. 然則以子之言問老聃,關尹,則子言當矣. 以言言問大禹,墨翟,則吾言當矣." 孟孫陽因顧與其徒說他事.

66 ***Mạnh Tử* (Tận Tâm - thượng): «Dương Tử thủ vị ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ bất vi dã.»** 楊子取爲我, 拔一毛而利天下不爲也.

67 ***Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Tiêu liêu sào ư thâm lâm bất quá nhất chi, yển thử ẩm hà bất quá mãn phúc. [...] Dư vô sở dụng thiên hạ vi.»** 鷦鷯巢於深林不過一枝;偃鼠飲河不過滿腹[...] 余無所用天下爲.

68 ***Liệt Tử* (Dương Chu): «Cổ chi nhân tổn nhất hào lợi thiên hạ bất dữ dã, tất thiên hạ phụng nhất thân bất thủ dã. Nhân nhân bất tổn nhất hào, nhân nhân bất lợi thiên hạ, thiên hạ trị hĩ.»** 古之人損一毫利天下不與也,悉天下奉一身不取也. 人人不損一毫,人人不利天下,天下治矣.

Lấy phương pháp đơn giản ấy mà giải quyết các vấn đề rắc rối phức tạp của thế giới ắt hẳn sẽ chưa thể thành công, nhưng sự hỗn loạn của thế giới quả thực phần lớn là do người đời tranh quyền giành lợi. Cho nên học thuyết của Dương Chu cũng có nguyên do và lý lẽ của nó.[69]

Chủ nghĩa khoái lạc được nói trong thiên Dương Chu là như thế. Nếu so sánh với triết học Tây phương thì quan điểm của Dương Chu rất giống triết thuyết của phái Cyrenaicism và phái Epicureanism.[70] Phái Cyrenaicism xem khoái lạc nhục thể cao hơn khoái lạc tinh thần và xem đau khổ tinh thần cao hơn đau khổ nhục thể.

Theo phái Cyrenaicism, khoái lạc tất phải là tích cực, và con người có thể cố gắng đạt được để thoả mãn dục vọng của mình. Dương Chu cũng nói như vậy. Ông cho rằng chúng ta nên mong cầu khoái lạc trước mắt, chẳng màng kết quả mai sau. Chúng ta bất tất lấy ý kiến của người bình thường mà phê bình ông. Ý kiến cơ bản của thiên Dương Chu là: Thà khoái

---

[69] **LAM chú: Theo sửa chữa của Phùng Hữu Lan, từ đây đến hết chương này trong nguyên tác (gồm hai trang chữ Hán) không được dịch sang tiếng Anh.**

[70] **LAM chú: Phái Cyrenaicism do triết gia Hi lạp Aristippus (khoảng 435-360 TCN) sáng lập. Ông sinh tại Cyrene (một thành phố cổ ở bắc Phi do một số người Hi Lạp thành lập vào thế kỷ VII TCN), do đó địa danh này được lấy để đặt tên cho môn phái. Aristippus học với Socrates tại Athens.**

Triết thuyết của Aristippus là một thứ chủ nghĩa hưởng lạc (hedonism), đại khái cho rằng: (1) kiến thức không đáng tin nên vô dụng, (2) con người nên khống chế hoàn cảnh hơn là bị nó khống chế, (3) mục đích đời người là hưởng thụ khoái lạc trước mắt, (4) khoái lạc nhục thể thì cao hơn khoái lạc tinh thần. Môn phái này hưng thịnh ở thế kỷ IV TCN nhưng suy tàn ở thế kỷ kế tiếp.

Môn phái này về sau có một số triết gia có quan niệm khác nhau, như Theodorus cho rằng sự hoan lạc an tĩnh lâu dài thì tốt hơn là sự hoan lạc nhiệt cuồng nhất thời; Anniceris cho rằng sự mãn nguyện cao nhất của con người phát xuất từ lòng thông cảm với tha nhân và hi sinh cho tha nhân; còn Hegesias thì cho rằng: (1) người ta khó mà được thoả mãn tột cùng, (2) người mình triết thì chủ yếu tránh né đau khổ thôi, và (3) tự tử không phải là cách hữu hiệu nhất để tránh né đau khổ.

Phái Cyrenaicism chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử triết học Tây phương. Nó phát biểu một cách cực đoan về chủ nghĩa hưởng lạc và mở đường cho môn phái Epicureanism mà người sáng lập là triết gia Hi Lạp Epicurus.

Epicurus đại khái cho rằng: (1) khoái lạc là cái tốt nhất trần đời và là mục đích chính yếu của con người; (2) khoái lạc tinh thần thì cao hơn khoái lạc nhục thể vì khoái lạc nhục thể chỉ làm loạn tâm mà thôi; (3) con người có hạnh phúc đích thực khi an nhiên tự tại nhờ vất bỏ mọi sợ hãi đối với thần linh, cái chết, và kiếp sau.

Epicurus xem vũ trụ là vô hạn và vĩnh cửu, bao gồm không gian và các thực thể (bodies). Một số thực thể là là hợp thể (compounds), một số thực thể là nguyên tử (atoms), tức là các yếu tố

lạc được một ngày còn hơn là đau khổ suốt trăm năm.[71] Nhưng các thứ khoái lạc, bất kể chúng gần gũi trước mắt ta thế nào, chúng ta cũng phải dùng phương pháp hay thủ đoạn thì mới đạt được chúng, mà các phương pháp hay thủ đoạn ấy thường thường là rất đáng chán. Nếu muốn đạt được khoái lạc mà không phải hi sinh một chút gì cả, thì ắt hẳn sẽ không đạt được cái gì hết. John Watson đã nói rằng triết học của phái Cyrenaicism thực sự dạy người ta đạt được khoái lạc mà không cần phải cầu mong nó.[72] Do đó trong lịch sử triết học Tây phương, triết gia Epicurus đã điều chỉnh học thuyết của phái Cyrenaicism. Epicurus cho rằng hễ không đau khổ thì thân tâm an nhiên thư thái, tức là sướng rồi. Theo thuyết này, chúng ta nên an phận và tri túc trong cuộc sống giản dị để hưởng đời. Thiên Dương Chu cơ hồ cũng nói ý đó: «Nguyên Hiến bần cùng ở nước Lỗ, Tử Cống kinh doanh phát đạt ở nước Vệ. Nguyên Hiến bần cùng mà tổn hại sinh mạng, Tử Cống phát đạt giàu có mà khổ luỵ thân tâm. [Có người hỏi:] vậy thì bần cùng cũng không được, mà phát đạt giàu có cũng không nên, phải như thế nào đây? [Dương Chu] đáp: Hễ sống vui vẻ là được, hễ thân an nhàn là được. Cho nên người giỏi vui sống thì không bần cùng, giỏi an thân thì

---

tĩnh và bất khả phân, tạo thành các hợp thể. Thế giới này là sự vận động, va chạm, và kết hợp của các nguyên tử, qua đó con người có hình dáng, tầm vóc, và trọng lượng.

Epicurus cho rằng các sinh lực tự nhiên tạo ra vô vàn cơ cấu sinh vật khác nhau và chỉ chủng loại nào có thể mạnh mẽ và truyền chủng được thì mới tồn tại.

Epicurus cho rằng mọi cảm giác đều đáng tin cậy. Linh hồn cấu tạo bởi những hạt tinh tế (fine particles) lan toả khắp cơ thể. Khi con người chết, thân xác phân rã và linh hồn bởi vì luôn bám vào thân xác nên cũng phân rã theo, do đó cái chết là sự tận diệt (total extinction) và hoàn toàn không có kiếp sau (afterlife).

Theo Epicurus, con người cần có một số đức tính như công chính (justice), trung thực (honesty), và thận trọng (prudence), cũng như sự quân bình giữa khoái lạc và đau khổ. Ông xem trọng tình bạn hơn tình yêu nam nữ. Nhờ tự kiềm chế, khiêm tốn, và buông xả, người ta sẽ đạt tới an nhiên tự tại tức là sự hạnh phúc chân thực.

Một số môn đệ nổi bật của phái Epicureanism là Apollodorus, Horace, Lucretius, v.v... Môn phái này suy tàn ở thế kỷ IV CN nhưng rồi phục hưng ở thế kỷ XVII với sự nổi bật của triết gia Pháp Pierre Gassendi. (Nguồn: Microsoft Encarta, 2004; mục từ: *Cyrenaicism* và *Epicureanism*).

[71] LAM chú: Lời này gợi chúng ta nhớ một câu thơ bất hủ trong bài thơ *Giục Giã* của Xuân Diệu: «Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối, còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.»

[72] John Watson, *Hedonistic Theories from Aristippus to Spencer (Các thuyết hưởng lạc từ Aristippus đến Spencer)*, tr.42.

không giàu có.»[73] Ý này của Dương Chu gần gũi với triết thuyết của Epicurus vậy.

Tuy nhiên, trong cuộc sống lý tưởng theo triết thuyết của Epicurus, con người đối với quá khứ thì không tín ngưỡng, đối với tương lai thì không hi vọng; còn đối với hiện tại thì an lạc tuỳ thuận, bình thản đợi cái chết. Tâm trạng ấy có người xem là rất tốt, nhưng cũng có sắc thái ưu uất. Những triết thuyết này, trên bề mặt thì có vẻ lạc quan mà kỳ thực lại là bi quan vậy.

*

[73] ***Liệt Tử*** **(Dương Chu): «Nguyên Hiến cũ ư Lỗ, Tử Cống thực ư Vệ. Nguyên Hiến chi cũ tổn sinh, Tử Cống chi thực luỵ thân. Nhiên tắc cũ diệc bất khả, thực diệc bất khả, kỳ khả yên tại? Viết: khả tại lạc sinh, khả tại dật thân. Cố thiện lạc sinh giả bất cũ, thiện dật thân giả bất thực.»** 原憲窶於魯，子貢殖於衛。原憲之窶損生，子貢之殖累身。然則窶亦不可，殖亦不可，其可焉在?曰可在樂生，可在逸身。故善樂生不窶，善逸身者不殖。– **LAM chú:** ***Từ Hải*** **phiên chữ 窶 là** ***cục vũ thiết*** 局羽切, **vậy âm là** ***cũ*** **(thường bị đọc nhầm là** ***lũ***) **nghĩa là** ***bần cùng*** 貧窮. **Ngô Phong (sđd., tr.250) chú: «Nguyên Hiến tức là Tử Tư** 子思, **học trò Khổng Tử.** ***Cũ*** 窶[jù]= ***bần hàn*** 貧寒. ***Thực*** 殖= ***kinh doanh thương nghiệp, giá lý chỉ phát tài trí phú*** 經營商業，這里指發財致富 **(kinh doanh buôn bán, ở đây chỉ phát tài giàu có).» A.C. Graham (sđd., tr.141) dịch: «Yang Chu said: "Yüan Hsien grew poor in Lu, Tzŭ-kung grew rich Wei. Yu"an Hsien's poverty injured his life, Tzŭ-kung's wealth involved him in trouble." – "If that is so, wealth and poverty are both bad; where is the right coûrse to be found?" – "It is to be found in enjoying life, in freeing ourselves from care. Hence those who are good at enjoying life is not poor, and those who are good at freeing themselves from care do not get rich."» (Dương Chu nói: "Nguyên Hiến nghèo ở Lỗ, Tử Cống giàu ở Vệ. Cái nghèo của Nguyên Hiến làm hại đời hắn, cái giàu của Tử Cống làm hắn luỵ thân." – "Nếu thế, giàu và nghèo đều tệ hại như nhau; biết tìm đâu cách sống đúng?" – "Cách sống đúng là vui hưởng đời và vô tư lự. Do đó, ai khéo vui hưởng đời thì không nghèo, ai khéo vô tư lự thì không giàu.") Nguyễn Hiến Lê (*Liệt Tử - Dương Tử*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1992, tr.219) dịch «*thiện lạc sinh giả bất cũ* (ông phiên âm là *lũ*)» 善樂生不窶 là: «Kẻ biết sống vui thì tránh kẻ nghèo.» E rằng sự kỳ thị hay xa lánh người nghèo không phải là quan niệm của Dương Chu. Tinh thần của đoạn văn trích dẫn này dường như là «tri túc thường lạc» 知足常樂 (biết đủ thì luôn vui sướng). Hễ biết đủ thì không thấy mình nghèo. Mà biết thế nào mới là đủ, là nhàn? Nguyễn Công Trứ (1778-1858) nói trong bài *Chữ Nhàn*: «Tri túc tiện túc, đãi túc, hà thời túc? Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn, hà thời nhàn?» 知足便足，待足何時足?知閒便閒，待閒何時閒 (Biết đủ là đủ liền, đợi cho đủ thì bao giờ mới đủ? Biết nhàn là nhàn liền, đợi cho nhàn thì bao giờ mới nhàn?)

PHỤ CHƯƠNG

LAM chú: Các tiết 1, 2, 3 của chương này ở nguyên tác Hán ngữ đã được Phùng Hữu Lan và Derk Bodde sửa lại cho bản dịch Anh ngữ. Tiết 1 thì không thay đổi mấy, nhưng tiết 2 và 3 thì khác hẳn. Cho nên tôi dịch luôn ra đây để độc giả tham khảo. Còn năm đoạn đầu của tiết 4 của bản Anh ngữ cũng được tác giả viết thêm, không có trong nguyên tác Hán ngữ, nhưng tôi đưa chúng vào phần chính ở trên cho tiện. Tiết 5 thì tuy Phùng Hữu Lan và Derk Bodde đã bỏ hai trang cuối chương này trong nguyên tác Hán ngữ, không dịch sang Anh ngữ, nhưng tôi đã dịch trọn tiết 5 như trên.

1. Huyền học gia và Khổng Tử

Như chúng ta đã thấy ở chương 3, giữa hai đời Hán (thế kỷ I TCN đến thế kỷ II CN) là thời cực thịnh của vĩ thư và sấm thư. Tuy nhiên khi Kinh học gia cổ văn nổi lên, sấm vĩ dần dần không được chuộng, khiến cho Khổng Tử từ địa vị của một *bán thần* (semi-divine) trở về địa vị của một ông thầy. Sự phát triển kế tiếp là sự phục hưng của học thuyết Đạo gia. Trong tư tưởng cổ đại, Đạo gia cực kỳ chú trọng chủ nghĩa tự nhiên. Chủ nghĩa tự nhiên là nhân tố nổi bật của phái Kinh học gia cổ văn. Chẳng hạn như trong *Luận Hành* của Vương Sung có học thuyết Đạo gia mà ở chương trước tôi đã nói rõ. Từ Vương Sung về sau, cho đến thời Nam Bắc Triều, học thuyết Đạo gia ngày càng thịnh.

Để phân biệt học thuyết Đạo gia phục hưng với học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ, ngày nay chúng ta thường dùng thuật ngữ Neo-Taoism (Tân Đạo gia). Tuy nhiên thời bấy giờ, cái học Đạo gia được gọi là Huyền học 玄學. Thí dụ, danh từ này xuất hiện trong *Tấn Thư* (Lục Vân Truyện 陸雲傳). Sách chép rằng Lục Vân (262-303) vốn không biết Huyền học. Có một đêm tối nọ lạc đường, Vân đi đến một căn nhà, bèn xin nghỉ trọ. Ở đấy Vân gặp một thiếu niên, cùng nhau luận đàm về Lão Tử, lời lẽ rất sâu xa. Đến sáng, Vân mới biết đó là nhà của Vương Bật (226-249). Từ đấy

Vân chuyên tâm nghiên cứu Huyền học.

Còn nữa, *Nam Sử* (Vương Kiệm Truyện 王儉傳) chép rằng vào đời Tống (420-478), quốc học suy đồi. Đến năm 470, vua Tống thành lập Tổng Minh Quán 總明觀 (tương tự nhà Thái Học) gồm bốn khoa: Nho học, Huyền học, Văn học, Sử học. Mỗi khoa có 10 học sĩ. *Nam Sử* (Nho Lâm Truyện 儒林傳) chép rằng học sĩ Phục Mạn Dung 伏曼容 (421-502) giỏi về Lão học và Dịch học. Sau khi bãi triều, Phục Mạn Dung thường đàm đạo về Huyền lý với Viên Xán 袁粲 (420-477). Lại có học sĩ Nghiêm Thực Chi 嚴植之 (457-508), thuở còn trẻ đã giỏi về cái học Lão Trang, thường luận về Huyền. Ngoài ra còn có Thái Sử Thúc Minh 太史叔明 (474-546), thuở còn trẻ cũng giỏi về cái học Lão Trang, đặc biệt tinh thông *tam huyền* 三玄, tức là *Lão Tử, Trang Tử,* và *Chu Dịch.* Theo chú thích của Vương Bật, các sách *Lão Tử* và *Chu Dịch* được xem là cùng một loại.

Cần chú ý rằng những nhân vật nói trên tuy cùng theo Đạo gia, nhưng một số người trong bọn họ vẫn tôn sùng Khổng Tử là thánh nhân vĩ đại nhất và cho rằng giữa Nho và Đạo không có khác biệt gì lớn. Điều này được minh họa trong đoạn văn sau trích từ *Tấn Thư:* «Nguyễn Thiệm 阮瞻 (mất khoảng 312) gặp quan Tư đồ Vương Nhung (234-305). Vương Nhung hỏi: "Thánh nhân quý *danh giáo* 名教, còn Lão Trang làm rõ *tự nhiên* 自然, tôn chỉ của họ giống hay khác?" Thiệm đáp: "Họ không có chỗ tương đồng ư?"»

Thánh nhân ở đây tức là Khổng Tử. Đối với đa số người đương thời, «quý *danh giáo*» và «làm rõ *tự nhiên*» đã đúc kết sự khác biệt giữa Nho và Đạo. Do đó khi hỏi «Tôn chỉ của họ giống hay khác?» thì Vương Nhung ngờ rằng sự khác biệt này chỉ là bề mặt. Và khi đáp «Họ không có chỗ tương đồng ư?» thì Nguyễn Thiệm ngụ ý rằng không thể nói Nho và Đạo hoàn toàn giống hay hoàn toàn khác.

Vậy thì đâu là sự khác biệt đích thực giữa Nho và Đạo? Câu trả lời đã được Vương Bật đưa ra trong một đoạn của *Thế Thuyết Tân Ngữ* (Văn Học): «Khoảng 20 tuổi, Vương Bật đến thăm Bùi Huy. Bùi Huy hỏi: "Vô là nền tảng của vạn vật; tại sao thánh nhân (tức Khổng Tử) chẳng hề muốn bàn về nó, trong khi Lão Tử cứ nói mãi về nó?" Vương Bật đáp: "Thánh nhân đồng nhất với Vô, nhưng Vô lại không thể đem ra dạy đời, cho nên phải đề cập Hữu. Lão và Trang vẫn chưa thoát khỏi Hữu, cho nên luôn rao giảng về cái mà họ chưa đầy đủ."»[74]

Về ý nghĩa của Vô, ở sau tôi sẽ nói rõ; còn ngay bây giờ chỉ cần nói

[74] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 2 của chương này.**

rằng bất cứ ai đã «đồng nhất với Vô» (thể Vô 體無) thì hoàn toàn không thể nói về một cái Vô nào khác, ngoài cái Vô của anh ta; thậm chí cái Vô đầu tiên cơ bản là không thể luận bàn. Điều này giải thích tại sao Khổng Tử chỉ có thể nói về Hữu. Về phần Lão Tử và Trang Tử, chính sự kiện họ thường xuyên rao giảng về Vô tiết lộ rằng trong phương pháp tiếp cận với Vô họ cũng khiếm khuyết. Câu nói «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri» 知者不言, 言者不知(người biết thì không nói, người nói không biết)[75] của Trang Tử hoàn toàn diễn đạt ý tưởng của Vương Bật. Nói cách khác, cái mà Vương Bật muốn nói tức là trong tư duy của Lão Tử vẫn còn một phản đề (antithesis) giữa Hữu và Vô. Chính từ Hữu mà Lão Tử mới có quan niệm về Vô. Kết quả là Lão Tử thường xuyên luận bàn về Vô như thể nó là một thứ ở bên ngoài ông. Trái lại, trong tư duy của Khổng Tử, cái phản đề này được tổng hợp hoàn toàn. Bởi đã *thể Vô* (đồng nhất với Vô), Khổng Tử nói về Hữu từ quan niệm về Vô, và do đó ông ở một cương vị thực sự để nói về nó.

Mặc dù Vương Bật là nhà chú giải xuất sắc nhất về Lão Tử, nhưng ta cần lưu ý rằng Vương Bật không xem Lão và Khổng ngang nhau. Quách Tượng 郭象 (mất năm 312) cũng thế; tuy nhiên nhà chú giải xuất sắc nhất về Trang Tử này cũng không xem Trang và Khổng ngang nhau. Trong lời tựa của *Trang Tử Chú* 莊子注, Quách Tượng viết: «Trang Tử có thể gọi là người biết gốc, nên chưa hề che giấu lời lẽ ngông cuồng. Lời ông đời không hiểu mà chỉ riêng đáp ứng cho mình. Nếu lời lẽ đáp ứng chính mình mà đời không hiểu thì dù có đúng cũng vô dụng; lời lẽ trái sự vật thì dù có cao siêu cũng không thể thực hành. Giữa cái tịch nhiên bất động và cái bất đắc dĩ khởi lên sau có một khoảng cách. Hễ tâm vô vi, thì nó tuỳ tình cảm mà ứng, ứng thì tuỳ thời. Lời nói phải cẩn thận vậy. Cho nên đồng nhất với mọi biến hoá, trôi theo vạn đời mà khế hợp với vật. Sao một người [như Trang Tử] có thể đặt ra các mẩu đối đáp chỉ nhắm riêng cho mình và dẫn mình ra khỏi [giới hạn của] thế tục! Cho nên sách *Trang Tử* đã không thành kinh điển dù rằng Trang là người lỗi lạc nhất trong bách gia. Tuy Trang chưa đồng nhất [với mọi biến hoá] nhưng ngôn từ của ông cực thâm sâu, thông suốt sự thống lĩnh của trời đất, cho thấy trật tự trong bản tính vạn vật, thấu đạt sự biến hoá của sống chết, và giảng rõ đạo nội thánh ngoại vương. Đối với trên trời thì ông biết không có vật nào tạo ra muôn vật, đối với dưới đất thì ông biết

[75] **LAM chú: Câu này trong *Trang Tử* (Thiên Đạo) và *Lão Tử* (chương 56).**

muôn vật hiện hữu là do tự tạo.»[76]

Ở đây chúng ta thấy lời phê bình của Quách Tượng đối với Trang Tử phân làm hai phần: Một phần là Quách Tượng không xem trình độ phát triển tâm linh của Trang Tử ngang bằng với trình độ của Khổng Tử, dù rằng Trang Tử đã *tri bản* (biết gốc) và vô vi. Trang Tử chỉ biết chúng thôi chứ chưa đồng nhất với chúng. Cho nên ông «chưa hề che giấu lời lẽ ngông cuồng», mà ông thoả mãn «đặt ra các mẩu đối đáp chỉ nhắm riêng cho mình» và các mẩu đối đáp ấy đã chạm tới những vấn đề ngoài phạm vi của thế tục. Quan điểm của Quách Tượng là khi bậc thánh nhân đã đồng nhất với mọi biến hoá thì ngài không chỉ biết tâm vô vi mà tâm của ngài còn phải ở trong cảnh giới vô vi nữa. Thế thì ngài mới sẵn sàng «tuỳ tình cảm mà ứng». Đó là cái được gọi là «tịch nhiên bất động mà từ đó có cái bất đắc dĩ nổi lên sau». Ở cảnh giới này, ngài tự do thích ứng với hiện thực, sự thích ứng này linh động tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể, nhưng ngài tránh bàn luận tỉ mỉ về vấn đề này, tức là «lời nói phải cẩn thận vậy».

Khi phê bình như vậy, Quách Tượng đã nhất trí với Vương Bật; bởi vì Vương Bật cho rằng «Lão và Trang vẫn chưa thoát khỏi Hữu» còn Quách Tượng cho rằng Trang chỉ «biết» về cảnh giới vô vi của tâm chứ chưa đồng nhất với nó.

Trong phần thứ hai của lời phê bình của mình về Trang Tử, Quách Tượng phê phán lời nói của Trang «chỉ riêng đáp ứng cho mình» mà không đáp ứng cho người đời nói chung. Vậy thì, theo ông, những lời lẽ ấy dù có đúng cũng vô dụng, dù có cao siêu cũng không thực hành được. Dù Trang Tử đã «giảng rõ đạo nội thánh ngoại vương» nhưng phần nội

[76] **LAM chú: Tôi chép lại từ *Tân Nguyên Đạo* 新原道 của Phùng Hữu Lan (in trong *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, Hà Bắc Giáo Dục xuất bản xã, 1996, tr.766): «Phù Trang Tử giả, khả vị tri bản hĩ. Cố vị thuỷ tàng kỳ cuồng ngôn, ngôn tuy vô hội, nhi độc ứng giả dã. Phù ứng nhi phi hội, tắc tuy đáng vô dụng; ngôn phi vật sự, tắc tuy cao bất hành. Dữ phù tịch nhiên bất động, bất đắc dĩ nhi hậu khởi giả, cố hữu gian hĩ. Tư khả vị tri vô tâm giả dã. Phù tâm vô vi, tắc tuỳ cảm nhi ứng, ứng tuỳ kỳ thời, ngôn duy cẩn nhĩ. Cố dữ hoá vi thể, lưu vạn đại nhi minh vật. Khởi tằng thiết đối độc cấu, nhi du đàm hồ phương ngoại tai. Thử kỳ sở dĩ bất kinh, nhi vi bách gia chi quan dã. Nhiên Trang Sinh tuy vị thể chi, ngôn tắc chí hĩ. Thông thiên địa chi thống, tự vạn vật chi tính, đạt tử sinh chi biến, nhi minh nội thánh ngoại vương chi đạo. Thượng tri tạo vật vô vật, hạ tri hữu vật chi tự tạo dã.»** 夫莊子者,可謂知本矣.故未始藏其狂言,言雖無會,而獨應者也.夫應而非會,則雖當無用;言非事物,則雖高不行.與夫寂然不動,不得已而後起者,固有間矣.斯可謂知無心者也.夫心無爲,則隨感而應,應隨其時,言唯謹爾.故與化爲體,流萬代而冥物.豈曾設對獨遣,而游談乎方外哉.此其所以不經,而爲百家之冠也.然莊生雖未體之,言則至矣.通天地之統,序萬物之性,達死生之變,而明內聖外王之道.上知造物無物,下知有物之自造也.

thánh thì quá nhiều còn phần ngoại vương thì quá ít.

Chính ở hai điểm này mà Quách Tượng khẳng định rằng có sự khác biệt hẳn giữa Trang Tử và một thánh nhân đích thực (tức là Khổng Tử). Đó là lý do tại sao Quách Tượng nói dù Trang Tử là một bậc lỗi lạc nhất trong bách gia mà sách *Trang Tử* chưa hề thành kinh điển. Với định luận ấy, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của câu đáp «Họ không có chỗ tương đồng ư?» của Nguyễn Thiệm. Chỗ tương đồng của Lão Trang và Khổng Tử là họ cùng nhấn mạnh về Vô; còn chỗ khác biệt là Khổng Tử đã đồng nhất với Vô, còn Lão và Trang thì chỉ «biết» Vô mà thôi. Tuy nhiên sự khác biệt này chỉ là một phát triển tương đối; nó không có nghĩa rằng giữa Khổng Tử và Lão Trang có một bất đồng cơ bản.

Xét về phương diện lịch sử mà nói, lý thuyết này có một phương diện cụ thể; tức là, tuy Vương Bật, Quách Tượng, và các nhà huyền học khác nhìn nhận Khổng Tử là bậc thánh nhân vĩ đại nhất, nhưng họ đã diễn giải ý nghĩa của từ «thánh nhân» theo cách thức của Đạo gia hơn là cách thức của Nho gia. Họ chấp nhận Khổng Tử là bậc thánh nhân vĩ đại, nhưng đồng thời họ lại dùng học thuyết Đạo gia để giải thích lại lời nói của Khổng Tử. Chẳng hạn như *Luận Ngữ* (Tiên Tiến) chép: «Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không.» 回也其庶乎，屢空 (Nhan Hồi hầu như đạt đạo, thế mà luôn bần cùng). Trong *Luận Ngữ Tập Giải Nghĩa Sớ*, Hà Án giải: «Có thuyết nói *lũ* (thường hay) giống như *mỗi* (luôn luôn), *không* (trống không) giống như *hư trung* (tâm trống rỗng).»[77]

Cố Hoan 顧歡(420-483) giải: «Lấy vô dục đối với vô dục, đó là bản chất thường hằng của thánh nhân; lấy hữu dục đối với vô dục, đó là sự phân biệt của hiền nhân. Nếu đều là vô dục, thì ta sẽ hoàn toàn là không, và được xem là thánh nhân. Nếu là một hữu một vô, thì ta sẽ luôn trống rỗng, và được gọi là hiền nhân. Hiền nhân từ phương diện hữu mà xét, là lấy vô dục đối với hữu dục; từ phương diện vô mà xét, là lấy hữu dục đối với vô dục. Nếu trống rỗng chưa cùng tận, tại sao nói nó không luôn như thế?»[78]

Thái sử Thúc Minh 太史叔明 giải: «Nhan Hồi là bậc thượng hiền, đạt Đạo đầy đủ tinh thâm, nên không tiến thân mà thoái ẩn. Do đó chữ "lũ" 屢 (luôn) được dùng để ám chỉ việc ấy. Nhan Hồi gạt bỏ nhân nghĩa, quên lễ nhạc, bất cần thân thể, truất bỏ thông minh, *ngồi quên* (toạ vong 坐忘) để nhập vào cõi *đại thông* 大通 (tức Đạo); chữ *quên*

[77] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 28 của chương này.**

[78] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 34 của chương này.**

忘này có ý nghĩa đó. Khi *quên hết*, chẳng phải là *không* 空sao? Nếu lấy thánh nhân mà suy nghiệm điều ấy, thánh nhân thì *quên* luôn cả *quên* (vong vong 忘忘) nhưng đại hiền thì chưa thể *quên* luôn cả *quên*. Chưa thể *quên* luôn cả *quên* thì tâm chưa dứt sạch. Tâm chưa dứt sạch mà đồng thời lại *không* 空, cho nên chữ "lũ" 屢(luôn) được dùng ở đây.»[79]

Những minh hoạ trên cho thấy lời lẽ của Khổng Tử đã được giải thích bằng thuật ngữ *Trai Tâm* và *Toạ Vong* của Trang Tử.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà Huyền học như Vương Bật và Quách Tượng muốn nhấn mạnh học thuyết Đạo gia. Tuy nhiên vấn đề ở đây là tại sao họ vẫn tôn sùng Khổng Tử là bậc thánh nhân vĩ đại nhất? Chúng ta có thể đưa ra hai giải thích: một là về phương diện xã hội và một là về phương diện triết học.

Về phương diện xã hội, kể từ sự thống nhất tư tưởng đầu đời Hán và Nho gia chiếm địa vị độc tôn, Khổng Tử vẫn được tôn trọng là bậc thánh nhân vĩ đại. Ở chương cuối của quyển I bộ sách này tôi đã nói rõ rằng từ đời Hán về sau địa vị của Nho gia trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc giống như địa vị của vua trong chế độ quân chủ lập hiến. Ngôi vua vẫn cha truyền con nối, nhưng chính sách trị nước thì tuỳ theo nội các mà thay đổi. Vì thế trong tư tưởng của các nhà Huyền học như Vương Bật và Quách Tượng, địa vị Khổng Tử giống như địa vị của vua, còn địa vị Lão và Trang giống như địa vị các quan trong nội các. Điều này phù hợp với truyền thống, và nó dẫn đến tình cảnh là địa vị của Khổng Tử vẫn còn cao hơn địa vị của Lão và Trang, thậm chí khi ý thức hệ của Lão và Trang thực tế đã thay thế ý thức hệ của Khổng Tử.

Về phương diện triết học, hiển nhiên là Huyền học của Vương Bật và Quách Tượng gần gũi với Nho học hơn là gần gũi với học thuyết của Lão Trang. Đó là vì Vương và Quách không chỉ là những nhà trình bày học thuyết Lão Trang mà họ còn là nhà phê bình và chỉnh lý tư tưởng Lão Trang nữa. Ngày nay chúng ta quen dùng thuật ngữ Neo-Confucianism (Tân Nho học = Đạo học) để mô tả phong trào *Đạo học* 道學 đời Tống và đời Minh. Do đó có lẽ cũng hợp lý khi chúng ta áp dụng thuật ngữ Neo-Taoism (Tân Đạo gia = Huyền học) cho Huyền học của nhóm Vương Bật và Quách Tượng. Điểm này sẽ được nói rõ ở các tiết sau.

---

[79] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 35 của chương này.**

2. Danh lý

Một chủ đề thông thường được thảo luận giữa các nhà tư tưởng đời Nguỵ và đời Tấn là *danh lý* 名理. *Thế Thuyết Tân Ngữ* (Văn Học) chép: «Có vị Trưởng sử họ Vương viết sách vài trăm chữ, tự gọi đó là văn chương kỳ lạ về *danh lý*.» Lưu Tuấn 劉峻(426-521) chú dẫn *Tạ Huyền Biệt Truyện* 謝玄別傳 rằng: «Tạ Huyền (343-388) có khả năng về lời lẽ triết lý, giỏi về *danh lý*.»[80] Quách Tượng giảng «giỏi về *danh lý*» (thiện danh lý 善名理) là: «Có thể phân biệt tên và phân tích nghĩa lý.» (Năng biện danh tích lý 能辯(辨)名析理). Ở chương 9 của quyển I bộ sách này, chúng ta đã xét các học thuyết của Danh gia – đời Hán gọi họ là «Danh gia» 名家, thời Chiến Quốc gọi họ là «Hình danh gia» 刑名家 hoặc «Biện giả» 辯者 [nhà biện luận] – chẳng hạn như «ngựa trắng không phải ngựa» (bạch mã phi mã 白馬非馬) và «tách rời cứng và trắng» (ly kiên bạch 離堅白) của Công Tôn Long. Đó là các thí dụ về «biện danh tích lý» tức là phân tích lô-gíc về nghĩa lý thông qua việc phân biệt các tên mà không quan tâm sự thực. Tư Mã Đàm phê phán thứ hoạt động trí tuệ này là «chuyên vào danh mà mất tình người» (chuyên quyết ư danh nhi thất nhân tình 專決於名而失人情).

Thế Thuyết Tân Ngữ (Văn Học) chép: «Có người khách hỏi quan lệnh họ Nhạc (tức Nhạc Quảng, mất năm 304) về câu "*chỉ bất chí*" 旨不至 (khái niệm không tới), Nhạc không phân tích câu văn, mà lấy cán phất trần lông đuôi nai chạm vào mặt bàn, hỏi: "Nó có tới không?" Khách đáp: "Tới." Nhạc bèn giơ phất trần lên và hỏi: "Nếu có sự chạm tới, làm sao nó có thể bị lấy đi?"»[81] Câu «*chỉ bất chí*» là một nghịch lý bắt nguồn từ bọn biện giả như Công Tôn Long, được chép trong thiên Thiên Hạ của sách *Trang Tử*.[82] Khi cán phất trần chạm vào mặt bàn, thì nó được xem

[80] **LAM chú: Đoạn cổ văn tương ứng tôi chép lại từ *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, sđd., tr.764): «Vương (trưởng sử) tự trí tác sổ bách ngữ, tự vị thị danh lý kỳ tảo.» 王(長史)敘致作數百語, 自謂是名理奇藻. Chú dẫn *Tạ Huyền Biệt Truyện* 謝玄別傳: «Huyền năng thanh ngôn, thiện danh lý.» 玄能清言善名理.**

[81] **LAM chú: Tôi chép lại từ *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, sđd., tr.764): «Khách vấn Nhạc lệnh (Nhạc Quảng) "chỉ bất chí" giả, Nhạc diệc bất phục phẫu tích văn cú, trực dĩ chủ vĩ bính xác kỷ viết: "Chí bất?" Khách viết: "Chí." Nhạc nhân hựu cử chủ vĩ viết: "Nhược chí giả, nả đắc khứ?"» 客問樂令(樂廣) "旨不至" 者, 樂亦不復剖析文句, 直以麈尾柄確几曰: "至不?" 客曰: "至." 樂因又舉麈尾曰: "若至者, 那得去?" – Từ điển *Từ Bá* giảng: *Chủ* 麈 = *đà chủ* 駝麈 tức *mi lộc* 麋鹿 (con nai). *Chủ vĩ* 麈尾 = *dụng chủ đích vĩ mao tố đích phất trần* 用麈的尾毛做的拂麈 (cái phất trần làm bằng lông đuôi con nai).**

[82] **LAM chú: *Trang Tử* (Thiên Hạ) chép: «Chỉ bất chí, vật bất tuyệt.» 指不至, 物不絕 (*Chỉ* không tới, vật không dứt). Ở đây chép là *chỉ* 指 không phải là *chỉ* 旨. Derk Bodde chú: «Cho dù chữ *chỉ* này chép khác nhau, nhưng trong học thuyết của Công Tôn Long nó có nghĩa tương đương với *universal* (cộng tướng 共相) trong triết học Tây phương.»**

là *chí* 至 (tới) mặt bàn. Nhưng nếu đấy là sự chạm tới thật sự thì sự chạm tới không thể bị *khứ* 去 (lấy đi), nói cách khác, hành động không thể bị huỷ bỏ. Nếu sự chạm tới bị lấy đi, thì sự chạm tới ấy không phải là chân thật. Ở đây, thông qua từ ngữ *chí* 至 (tới), nghĩa lý ẩn sau nó được phân tích, và nhân đó người ta phê bình sự thực về cái chạm tới nào đó. Đây là một thí dụ minh họa về «biện danh tích lý».

Về đoạn văn ấy trong *Thế Thuyết Tân Ngữ*, Lưu Tuấn (tức Lưu Hiếu Tiêu 劉孝標) chú rằng: «Thuyền được giấu thì lặng lẽ đi; tay trong tay là xa nhau mãi; một khoảnh khắc không lưu lại, nó vừa sinh vừa diệt. Cho nên cái bóng của con chim bay chẳng ai thấy di động; bánh xe của chiếc xe đang chạy thì chưa hề chạm mặt đất. Cho nên lấy đi [phất trần] không phải là lấy đi, thì sao gọi là chạm tới? Chạm tới không phải là chạm tới, thì sao gọi là lấy đi? Nhưng sự chạm tới trước không khác sự chạm tới sau, nên sinh ra cái danh «chí» (chạm tới); sự lấy đi trước không khác sự lấy đi sau, nên lập ra cái danh «khứ» (lấy đi). Nay thiên hạ không có sự lấy đi thì sự lấy đi không phải là giả ư? Nếu nó đã là giả rồi, thì sự chạm tới là thực sao?»[83]

Chúng ta không rõ trong lời chú này là ý tưởng của chính Lưu Tuấn hay là của ai khác. «Cái bóng của con chim bay chẳng ai thấy di động» và «bánh xe của chiếc xe đang chạy thì chưa hề chạm mặt đất» là hai nghịch lý được chép trong *Trang Tử* (Thiên Hạ), nguyên văn: «Phi điểu chi ảnh, vị thường động dã.» 飛鳥之影未嘗動也 và «Luân bất triển địa.» 輪不輾地.

Lời chú của Lưu Tuấn đại ý là: sự vật lúc nào cũng biến dịch. Một khoảnh khắc chính là một cái vừa sinh vừa diệt. Cho nên cái bóng của con chim bay vào một khoảnh khắc cụ thể thì không phải là cái bóng của nó ở một khoảnh khắc trước đó. Cái bóng của nó ở một khoảnh khắc trước đó thì đã mất ngay lúc đó; còn cái bóng của nó ở khoảnh khắc sau thì vừa sinh ra ngay bấy giờ. Liên hợp hai khoảnh khắc này mà nhìn, ta thấy cái

---

[83] **LAM chú: Tôi chép lại từ *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, sđd., tr.764): «Phù tàng chu tiềm vãng, giao tỷ hằng tạ, nhất tức bất lưu, hốt yên sinh diệt. Cố phi điểu chi ảnh, mạc kiến kỳ di; trì xa chi luân, tằng bất yểm địa. Thị đi khứ bất khứ hĩ, dung hữu chí hồ? Chí bất chí hĩ, dung hữu khứ hồ? Nhiên tắc tiền chí bất dị hậu chí, chí danh sở đĩ sinh; tiền khứ bất dị hậu khứ, khứ danh sở đĩ lập. Kim thiên hạ vô khứ hĩ, nhi khứ giả phi giả tai? Ký vi giả hĩ, nhi chí giả khởi thực tai?»** 夫藏舟潛往,交臂恆謝,一息不留,忽焉生滅.故飛鳥之影,莫見其移;馳車之輪,曾不掩地.是以去不去矣,庸有至乎?至不至矣,庸有去乎?然則前至不異後至,至名所以生;前去不異後去,去名所以立.今天下無去矣,而去者非假哉?既爲假矣,而至者豈實哉?

bóng di động; nhưng nếu tách riêng ra mà nhìn, ta không thấy cái bóng di động. Tương tự, «cái bánh xe của chiếc xe đang chạy thì chưa hề chạm mặt đất» cũng có nguyên lý ấy.

Cũng thế, cái gọi là «khứ» (lấy đi) chính là tập hợp nhiều động tác lấy đi trong nhiều khoảnh khắc, là sự liên hợp của sự lấy đi trước và sự lấy đi sau. Cái gọi là «chí» (chạm tới) chính là tập hợp nhiều động tác chạm tới trong nhiều khoảnh khắc, là sự liên hợp của sự chạm tới trước và sự chạm tới sau. Bởi vì sự chạm tới trước và sự chạm tới sau tương tự, cho nên dường như chỉ có một sự chạm tới. Do đó cái danh «chí» được lập. Cũng vậy, vì sự lấy đi trước và sự lấy đi sau tương tự, cho nên dường như chỉ có một sự lấy đi. Do đó cái danh «khứ» được lập. Nếu chỉ lấy sự sinh diệt trong một khoảnh khắc mà nói, thì quả thực không có «khứ»; đã không có «khứ» thì không có «chí».

Đó chính là «biện danh tích lý». Trong *Trang Tử* (Thiên Hạ) còn chép hai nghịch lý là: «Cây gậy một thước, mỗi ngày chặt đi phân nửa, muôn đời cũng không chặt hết.» (Nhất xích chi chuỳ, nhật thủ kỳ bán, vạn thế bất kiệt 一尺之捶日取其半,萬世不竭) và «Những vòng liên kết có thể tách rời.» (Liên hoàn khả giải dã 連環可解也). Quách Tượng chú: «[Các lời của biện giả] không liên quan việc chính trị của quốc gia, quả thực có thể gọi là sự đàm luận vô dụng. Nhưng con em bọn nhà giàu đều lấy nó để giải trí. Chúng mệt mỏi với lời lẽ trong kinh điển mà có thể phân biệt danh và phân tích nghĩa lý để phô trương chí khí của mình và để ước thúc tư tưởng, lưu lại đời sau, khiến cho bản tính khỏi tà dâm. Như thế các lời [của biện giả] không tốt hơn trò cờ bạc giải trí sao?»[84] Quách Tượng đã vượt xa các biện giả vì ông «được cá quên nơm»[85]

---

[84] **LAM chú: Tôi chép lại từ *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, sđd., tr.765): «Vô kinh quốc thể trí, chân sở vị vô dụng chi đàm dã. Nhiên cao lương chi tử, quân chi hí dự, hoặc quyện ư điển ngôn, nhi năng biện danh tích lý, dĩ tuyên kỳ khí, dĩ hệ kỳ tư, lưu ư hậu thế, sử tính bất tà dâm, bất do hiền ư bác dịch giả hồ?» 无经国体致,真所谓无用之谈也.然膏梁之子,均之戏豫,或倦於典言,而能辩名析理,以宣其气,以系其思,流於后世,使性不邪淫,不犹贤於博奕者乎?**

[85] **LAM chú: *Trang Tử* (Ngoại Vật): «Thuyên giả sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyên; đề giả sở dĩ tại thố, đắc thố nhi vong đề; ngôn giả sở dĩ tại ý, đắc ý nhi vong ngôn. Ngô an đắc phù vong ngôn chi nhân nhi dữ chi ngôn tai?» 筌者所以在魚,得魚而忘筌;蹄者所以在兔,得兔而忘蹄;言者所以在意,得意而忘言.吾安得夫忘言之人而與之言哉 (Nơm là để bắt cá, hễ được cá thì quên nơm. Lưới là để bắt thỏ, hễ được thỏ thì quên lưới. Lời là để diễn ý, hễ được ý thì quên lời. Ta làm sao có được kẻ quên lời để cùng hắn bàn luận đây?)**

cho nên dường như ông phản đối việc «biện danh tích lý». Bản thân ông cũng rất giỏi «biện danh tích lý» và chính tác phẩm *Trang Tử Chú* của ông cũng là một mẫu mực về «biện danh tích lý» vậy.

3. Vương Bật

Vương Bật 王弼 (226-249) cũng giỏi danh lý như Quách Tượng. Cho nên chú giải của Vương và Quách về Lão Trang khác biệt rất lớn với các nhà chú giải khác về Lão Trang; thí dụ như khác với *Hoài Nam Tử* giảng Lão Trang. Về phương diện siêu hình mà nói, *Hoài Nam Tử* giảng Lão Trang theo tính cách vũ trụ luận; còn Vương và Quách giảng Lão Trang theo tính cách hiện tượng luận. Chính tính cách của vũ trụ luận khiến sự giải thích trở nên tích cực đối với thực tế; còn tính cách của hiện tượng luận thì khiến nó ít tích cực hơn. Huyền học đời Nguỵ và đời Tấn mà đại biểu là Vương Bật và Quách Tượng đã dùng phương pháp «biện danh tích lý» để giải thích hiện tượng luận, do đó nó ít khẳng định về thực tế. Từ quan điểm thông thường, cái mà những nhà Huyền học này đề cập ắt hẳn có vẻ «rỗng tuếch» đối với những người bình thường.

Vương Bật tự là Phụ Tự 輔嗣, hẳn là một bậc tuổi trẻ tài cao trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc. Tuy nhiên cuộc đời ông quá ngắn ngủi đến nỗi có quá ít sự kiện quan trọng trong đời ông được ghi chép lại. Qua *Tam Quốc Chí* (Chung Hội Truyện 鍾會傳), chúng ta biết được đôi nét về Vương Bật: «Chung Hội thuở đôi mươi cùng nổi tiếng với Vương Bật, Bật người ở Sơn Dương 山陽, thích luận về Nho và Đạo, giỏi biện luận, chú thích *Dịch* và *Lão Tử*, làm chức Thượng thư lang, hơn 20 tuổi thì mất.»[86]

a. Vô

Vương Bật viết trong *Chu Dịch Lược Lệ* 周易略例 rằng: «Số đông không thể trị số đông; cái trị được số đông là cái cực ít. Động không thể chế ngự được động; chế ngự được cái động của thiên hạ là cái Một trinh bền. Cho nên số đông sở dĩ được cùng tồn tại là do chủ của chúng đạt tới Một; động sở dĩ được cùng vận hành là do nguồn gốc của chúng không hai. Vạn vật chẳng phải tuỳ tiện mà trở nên như thế, chúng ắt phải do nguyên lý ấy. Có cái cơ sở thống lĩnh chúng và có cái khởi đầu để hội tụ chúng, do đó chúng tuy phồn tạp mà không hỗn loạn, đông đúc nhưng không sai lạc. [...] Cho nên từ phương diện thống lĩnh mà tìm chúng thì vạn vật tuy đông đúc nhưng ta biết cái Một chế ngự chúng; từ

[86] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 10 của chương này.**

phương diện nguồn gốc mà xem chúng thì tuy ý nghĩa của chúng rộng nhưng ta biết có thể lấy một cái danh để nêu chúng ra.»[87]

Trong đoạn văn trên, Vương Bật nhằm giải thích khái niệm tổng quát ẩn chứa trong Thoán Truyện của từng quẻ riêng biệt. Ông cũng viết: «Thoán là gì? Nó tổng luận về cái thể của một quẻ và giảng rõ hào chủ của mỗi quẻ.»[88] Qua câu này, ông ám chỉ rằng trong sáu hào cấu thành quẻ Dịch thì luôn có một hào làm chủ năm hào kia. Cho nên ông mở đầu thiên Minh Thoán bằng nhận định chung rằng: «Số đông không thể trị số đông; cái trị được số đông là cái cực ít. Động không thể chế ngự được động; chế ngự được cái động của thiên hạ là cái đơn độc và trinh bền.» Đó là nguyên tắc đầu tiên trong các nguyên tắc siêu hình của ông.

Thoán Truyện của quẻ Phục 復 nói: «Trở về, phải chăng nó cho thấy lòng của trời đất?» (Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ? 復, 其見天地之心乎). Vương Bật chú: «Phục là nói trở về gốc. Trời đất lấy gốc làm tâm. Hễ động dừng thì tĩnh, tĩnh không đối lập với động; nói xong thì im lặng, im lặng không đối lập với nói. Thế nhưng, tuy trời đất lớn và có đổi dào vạn vật, tuy sấm động gió thổi và sự vận hành biến hoá vô vàn, nhưng có sự lặng lẽ hư vô, đó là cái gốc vậy. Cho nên động dừng trong đất là lòng trời đất hiện ra. Nếu trời đất lấy hữu làm tâm, thì các loài khác nhau không cách nào cùng tồn tại được.»[89]

Khi Vương Bật đề cập «vạn vật của trời đất» và «sự vận hành biến hoá vô vàn», ông muốn nói đến *tất cả* vạn vật và *tất cả* biến hoá, tức là, tất cả hoạt động mang tính chất hiện tượng. Nhưng cái nguyên nhân sinh

---

[87] **LAM chú: Nguyên văn chữ Hán tôi chép lại từ: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, Nhân Dân xuất bản xã, Bắc Kinh, 1986, quyển 4, tr.56: «Phù chúng bất năng trị chúng, trị chúng giả, chí quả giả dã. Phù động bất năng chế động, chế thiên hạ chi động giả, trình phù nhất giả dã. Cố chúng chi sở dĩ đắc hàm tồn giả, chủ tất trí nhất dã; động chi sở dĩ đắc hàm vận giả, nguyên tất vô nhị dã. Vật vô vọng nhiên, tất do kỳ lý. Thống chi hữu tông, hội chi hữu nguyên, cố phồn nhi bất loạn, chúng nhi bất hoặc. [...] Cố tự thống nhi tầm chi, vật tuy chúng, tắc tri khả dĩ chấp nhất ngự dã; do bản dĩ quan chi, nghĩa tuy bác, tắc tri khả dĩ nhất danh cử dã.»** 夫衆不能治衆，治衆者，至寡者也．夫動不能制動，制天地之動者，貞夫一者也．故衆之所以得咸存者，主必致一也；動之所以得咸運者，原必無二也．物無妄然，必由其理．統之有宗，會之有元，故繁而不亂，衆而不惑．[...] 故自統而尋之，物雖衆，則知可以執一御也；由本觀之，義雖博，則知可以一名舉也．

[88] **LAM chú: Nguyên văn chữ Hán tôi chép lại từ: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, sđd., quyển 4, tr.56: «Phù thoán giả, hà dã? Thống luận nhất quái chi thể, minh kỳ sở do chi chủ giả dã.»** 夫彖者，何也？統論一卦之體，明其所由之主者也．

[89] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 16 của chương này.**

ra tất cả biến hoá hay tất cả hoạt động ấy thì lặng lẽ hư vô. Tuy nhiên cái lặng lẽ hư vô ấy không phải là thứ đồng đẳng và đối ứng với mọi hoạt động; mà nó chính là cái gốc sinh ra mọi hoạt động. Cho nên Vương Bật nói: «Hễ động dừng thì tĩnh, tĩnh không đối lập với động; nói xong thì im lặng, im lặng không đối lập với nói.» Điều này cũng đúng với Hữu: bậc cai trị hay đấng sáng tạo vạn hữu thì «lặng lẽ hư vô». Nếu không thế, thì nó sẽ chỉ là một thứ hữu thể nào đó trong số vạn hữu, chứ không phải là nguồn gốc sinh ra vạn hữu hay vạn vật. Cho nên Vương Bật nói: «Nếu trời đất lấy Hữu làm tâm, thì các loài khác nhau không cách nào cùng tồn tại được.» Kết luận lô-gíc của Vương Bật trong chú giải chương 40 của *Lão Tử* rằng «Vô là gốc sinh ra vạn hữu».

Vạn vật trong thiên hạ thì phồn tạp, nhưng gốc của sự phồn tạp ấy chỉ là cái Một. *Hệ Từ Thượng* nói: «Số đại diễn là 50; nhưng dùng 49.» (Đại diễn chi số ngũ thập, kỳ dụng tứ thập hữu cửu 大衍之數五十,其用四十有九). Hàn Khang Bá 韓康伯(mất khoảng năm 385) trích dẫn lời giải thích của Vương Bật rằng: «Trong sự khai triển các số trời và số đất, số mà chúng nương vào là 50; nhưng dùng 49, tức là không dùng 1. Một không dùng mà dùng các số kia để thông; nó không phải là số [như các số khác] mà được xem là số để tạo thành các số khác. Cho nên nó (tức Một) là Thái Cực của Dịch. 49 là cực điểm của các số. Vô không thể hiển minh từ Vô mà ắt phải từ Hữu. Cho nên thường do cực điểm của vạn hữu mà hiển minh cái gốc gác phát xuất ra vạn hữu.»[90]

Đoạn văn về số Đại Diễn trong Hệ Từ Thượng ngay từ đầu là nhằm giải thích thao tác bói cỏ thi đầu đời Chu. Khi bói thì một cọng cỏ thi được lấy ra từ bó cỏ thi 50 cọng và nó được để qua một bên (để tượng trưng Thái Cực). 49 cọng còn lại được tách đại làm đôi (để tượng trưng

---

[90] **LAM chú: Nguyên văn chữ Hán tôi chép lại từ: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, sđd., quyển 4, tr.58: «Diễn thiên địa chi số, sở lại giả ngũ thập dã. Kỳ dụng tứ thập hữu cửu, tắc kỳ nhất bất dụng dã. Bất dụng nhi dụng dĩ chi thông, phi số nhi số dĩ chi thành, tư Dịch chi Thái Cực dã. Tứ thập hữu cửu, số chi cực dã. Phù Vô bất khả dĩ vô minh, tất nhân ư Hữu, cố thường ư hữu vật chi cực, nhi tất minh kỳ sở do chi tông dã.»** 演天地之數,所賴者五十也.其用四十有九,則其一不用也.不用而用以之通,非數之數以之成,斯易之太極也.四十有九,數之極也.夫無不可以無明,必因於有,故常於有物之極,而必明其所由之宗也.

lưỡng nghi tức Âm Dương), v.v...[91] Tuy nhiên khi Vương Bật chú giải đoạn văn này, số 49 tượng trưng số đông (*chúng* 衆) tức là tượng trưng «hữu vật chi cực» 有物之極 (cực điểm của vạn hữu) còn Một là «kỳ sở do chi tông» 其所由之宗 (cái gốc gác phát xuất ra vạn hữu). Số 50 là tổng số được làm tròn của các số Dương hay số trời (1, 3, 5, 7, 9) và các số Âm hay số đất (2, 4, 6, 8, 10). Tức là: (1 + 3 + 5 + 7 + 9) + (2 + 4 + 6 + 8 + 10) = 25 + 30 = 55 (làm tròn là 50). Trong tổng số được làm tròn này, Một không được dùng, còn lại 49 được xem là «hữu vật chi cực». Khi chú giải chương 39 của *Lão Tử*, Vương Bật viết: «Một là khởi đầu của các số, và là cực điểm của vạn vật.» (Nhất giả số chi thuỷ, nhi vật chi cực dã 一者數之始,而物之極也). Vì Một là gốc gác sinh ra các số khác, nên Vương Bật nói: «Một không phải là số [như các số khác] mà được xem là số để tạo thành các số khác.» Và vì nó là «cái gốc gác phát xuất ra vạn hữu» (kỳ sở do chi tông) nên nó được mô tả là «cực điểm của vạn hữu» (hữu vật chi cực).

Trong học thuyết của Vương Bật, Vô tương đương với Thái Cực của Dịch và tương đương với Đạo của Lão Tử. Tuy nhiên sự vận hành của Vô chỉ có thể hiển minh qua Hữu; cho nên Vương Bật nói: «Vô

[91] **LAM chú: Hệ Từ Thượng chép: «Đại diễn chi số ngũ thập, kỳ dụng tứ thập hữu cửu. Phân nhi vi nhị dĩ tượng lưỡng, quải nhất dĩ tượng tam, điệp chi dĩ tứ dĩ tượng tứ thời, quy cơ ư lặc dĩ tượng nhuận; ngũ tuế tái nhuận, cố tái lặc nhi hậu quải.» 大衍之數五十,其用四十有九.分而爲二以象兩,掛一以象三,揲之以四以象四時,歸奇於扐以象閏;五歲再閏,故再扐而後掛 (Số đại diễn là 50; khi dùng [để bói] thì lấy 49 [cọng cỏ thi]. Tách hai bó để tượng trưng lưỡng nghi. Treo 1 cọng để tượng trưng tam tài. Tách từng cụm 4 cọng để tượng trưng tứ thời. Phần còn dư để qua một bên để tượng trưng tháng nhuận. Trong 5 năm có hai tháng nhuận. Cho nên để qua một bên lần nữa, rồi treo lên).– Cao Hanh chú: *Diễn* 衍 = *diễn* 演 = *toán quái* 算卦 (thao tác bói, lập quẻ). Tiên Tần dùng chữ *diễn* 衍; đời Hán dùng chữ *diễn* 演. – *Điệp* 揲 = tách các cọng cỏ thi từ một bó để bói.– *Cơ* 奇 = dư.– *Lặc* 扐 theo cách giải thông thường là kẽ ngón tay (*chỉ gian* 指間), nhưng Cao Hanh cho nó là giả tá của *lặc* 肋 (để qua một bên). Khi tay phải nắm bó cỏ thi, tay trái lấy ra từng đợt 4 cọng (*điệp tứ* 揲四), các cọng còn dư bên tay phải có thể là 1 hay 2 hay 3 hay 4. Lấy các cọng dư này kẹp vào kẽ ngón tay. Cao Hanh nói kẹp chúng vào kẽ ngón tay thì không thể dùng tay để *điệp tứ* nữa, cho nên giảng *lặc* là kẽ tay là sai. Richard Wilhelm dịch: «Số toàn thể là 50; ta chỉ dùng 49 trong đó. Ta tách hai phần để tượng trưng lưỡng nghi. Giữ 1 để tượng trưng tam tài. Đếm từng cụm 4 cọng để tượng trưng tứ thời. Phần còn dư để qua một bên để tượng trưng tháng nhuận. Trong 5 năm có hai tháng nhuận. Cho nên để qua một bên lần nữa, rồi ta có toàn thể.» (Die Zahl der Gesamtmenge ist 50. Davon benützt man 49. Man teilt sie in zwei Teile, um die beiden Grundkräfte nachzubilden. Dann hält man eines besonders, um die drei Mächte nachzubilden. Man zählt mit vier durch, um die vier Jahreszeiten nachzubilden. Den Rest steckt man weg, um den Schaltmonat nachzubilden. In fünf Jahren sind zwei Schaltmonate, darum wiederholt man das Wegstecken, und danach hält man das Ganze). Xem: Richard Wilhelm, *I Ging*, Diederichs, München 2001, trang 287.**

không thể hiển minh từ Vô mà ắt phải từ Hữu.» Hệ Từ Thượng nói: «Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.» 一陰一陽之謂道 (Một Âm và một Dương gọi là Đạo). Hàn Khang Bá chú giải: «Đạo là gì? Nó là tên gọi của *Vô*. Nó không gì mà không thông suốt; vạn vật không gì mà không phát sinh từ nó. Cái tên Đạo được dùng vì bản thân Vô thì lặng yên và vô thể, nó không có hình tượng cụ thể. Chính khi sự cực động của Hữu được đạt tới thì cái thành của Vô được hiển hiện.»[92]

Ý kiến của Hàn Khang Bá ở đây rất tương đồng với ý kiến của Vương Bật.[93] Chính là khi Hữu cực động thì Vô hoàn thành. Bản thân Vô thì vô hình và ta chỉ thấy sự thành tựu của Vô mà thôi; sự thành tựu này là do Hữu cực động.

Lão Tử (chương 42) chép: «Đạo sinh nhất.» 道生一. Vương Bật chú: «Vạn vật có vạn hình thể, nhưng chúng quy về Một. Cái Một này từ đâu ra? Nó từ Vô mà ra.»[94]

Ở đây, Một chỉ là sản phẩm của Đạo, nên bản thân nó không phải là Đạo. Do đó điều này mâu thuẫn với lời chú của Vương Bật trong *Chu Dịch Lược Lệ*, trong đó ông nói rằng Một là nguồn gốc sinh ra vạn hữu hay vạn vật; cho nên Một tương đương với Đạo. Trong hệ thống vũ trụ của Lão Tử, bởi vì «Đạo sinh Một» cho nên Đạo vượt trội hơn Một. Tuy nhiên, trong hệ thống vũ trụ của Vương Bật, Một đối ứng với số đông; cái số đông này bao gồm vạn vật hay vạn hữu, và Một là gốc sinh ra chúng. Tức là Một chính là Đạo. Sự giải thích mâu thuẫn này dường như cho thấy rằng khi chú giải chương 42 của *Lão Tử*, Vương Bật cố giải thích ý nghĩa gốc theo Lão Tử; còn khi chú giải Chu Dịch, ông khai triển chính quan điểm của mình.

b. Khái niệm và lý

Trong *Chu Dịch Lược Lệ*, Vương Bật viết: «Tượng 象 là để diễn đạt ý. Lời nói (*ngôn* 言) là để giải thích tượng. Diễn cho hết ý thì chẳng gì

---

[92] **LAM chú: Tôi dịch theo bản tiếng Anh, vì chưa tìm thấy đoạn chữ Hán tương ứng.**

[93] **LAM chú: Vương Bật nói: «Đạo giả, vô chi xưng dã. Vô bất thông dã, vô bất do dã. Huống chi viết Đạo, tịch nhiên vô thể, bất khả vi tượng.»** 道者，無之稱也. 無不通也，無不由也. 況之曰道，寂然無體，不可爲象 **(Đạo là tên gọi của *vô*. Nó không gì mà không thông suốt; vạn vật không gì mà không phát sinh từ nó. Tuy gọi là Đạo, nó lặng yên và vô thể, nó không có hình tượng cụ thể.) [Vương Bật, *Luận Ngữ Thích Nghi* 論語釋疑].**

[94] **LAM chú: Nguyên văn chữ Hán tôi chép từ *Tân Nguyên Đạo* (sđd., tr.765): «Vạn vật vạn hình, kỳ quy nhất dã. Hà do trí nhất, do ư vô dã.»** 萬物萬形，其歸一也. 何由致一，由於無也.

bằng tượng; giải thích cặn kẽ tượng thì chẳng gì bằng lời. Lời sinh từ tượng, cho nên có thể tìm lời để xem tượng; tượng sinh từ ý, cho nên có thể tìm tượng để xét ý. Ý nhờ tượng mà được diễn đạt hết; tượng nhờ lời mà được giải thích rõ. Do đó lời nói là để giải thích tượng, hễ được tượng thì hãy quên lời; tượng là để giữ lấy ý, hễ được ý thì hãy quên tượng. Giống như cái lưới thỏ là để bắt thỏ, hễ được thỏ rồi thì hãy quên lưới; cái nơm là để bắt cá, hễ được cá rồi thì hãy quên nơm. Vậy thì, lời là cái lưới bắt tượng; tượng là cái nơm bắt ý. Do đó, giữ lấy lời thì không được tượng; giữ lấy tượng thì không được ý. Tượng sinh ở ý nên hễ giữ tượng thì nó không còn là tượng của ý đó nữa; lời sinh ở tượng nên hễ giữ lời thì nó không còn là lời của tượng đó nữa. Vậy thì, hễ quên tượng thì được ý; hễ quên lời thì được tượng. Được ý là tại quên tượng, được tượng là tại quên lời. Cho nên lập tượng là để diễn đạt hết ý, và tượng có thể quên đi. Các vạch được chồng lên nhau thành quẻ để diễn đạt hết sự tình, và các vạch có thể quên đi. Cho nên tiếp xúc thứ loại có thể tạo ra tượng của nó; hoà hợp khái niệm có thể tạo ra cái tượng trưng của nó. Nếu khái niệm là cương kiện, cần gì phải nói đến ngựa đực? Nếu thứ loại là thuận tòng, cần gì phải nói đến trâu cái? Nếu các hào hợp với thuận tòng, cần gì phải nói Khôn là trâu cái? Nếu khái niệm ứng với cương kiện, cần gì phải nói Càn là ngựa đực?»[95]

[95] **Vương Bật, *Chu Dịch Lược Lệ* (Minh Tượng): «Phù tượng giả, xuất ý giả dã. Ngôn giả, minh tượng giả dã. Tận ý mạc nhược tượng, tận tượng mạc nhược ngôn. Ngôn sinh ư tượng, cố khả tầm ngôn dĩ quan tượng; tượng sinh ư ý, cố khả tầm tượng dĩ quan ý. Ý dĩ tượng tận, tượng dĩ ngôn trừ. Cố ngôn giả sở dĩ minh tượng, đắc tượng nhi vong ngôn; tượng giả, sở dĩ tồn ý, đắc ý nhi vong tượng. Do đề giả sở dĩ tại thố, đắc thố nhi vong đề; thuyên giả sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyên dã. Nhiên tắc, ngôn giả, tượng chi đề dã; tượng giả, ý chi thuyên dã. Thị cố, tồn ngôn giả, phi đắc tượng giả dã; tồn tượng giả, phi đắc ý giả dã. Tượng sinh ư ý nhi tồn tượng yên, tắc sở tồn giả nãi phi kỳ tượng dã; ngôn sinh ư tượng nhi tồn ngôn yên, tắc sở tồn giả nãi phi kỳ ngôn dã. Nhiên tắc, vong tượng giả, nãi đắc ý giả dã; vong ngôn giả, nãi đắc tượng giả dã. Đắc ý tại vong tượng, đắc tượng tại vong ngôn. Cố lập tượng dĩ tận ý, nhi tượng khả vong dã; trùng dĩ tận tình, nhi hoạch khả vong dã. Thị cố xúc loại khả vi kỳ tượng, hợp nghĩa khả vi kỳ trưng. Nghĩa cầu tại kiện, hà tất mã hồ? Loại cầu tại thuận, hà tất ngưu hồ? Hào cầu hợp thuận, hà tất Khôn nãi vi ngưu? Nghĩa cầu ứng kiện, hà tất Càn nãi vi mã?»** 夫象者,出意者也.言者,明象者也.盡意莫若象,盡象莫若言.言生於象,故可尋言以觀象;象生於意,故可尋象以觀意.意以象盡,象以言著.故言者所以明象,得象而忘言;象者,所以存意,得意而忘象.猶蹄者所以在兔,得兔而忘蹄;筌者所以在魚,得魚而忘筌也.然則,言者,象之蹄也;象者,意之筌也.是故,存言者,非得象者也;存象者,非得意者也.象生於意而存象焉,則所存者乃非其象也;言生於象而存言焉,則所存者乃非其言也.然則忘象者,乃得意者也;忘言者,乃得象者也.得意在忘象,得象在忘言.故立象以盡意,而象可忘也;重以盡情,而畫可忘也.是故觸類可爲其象,合義可爲其徵.義苟在健,何必馬乎?類苟在順,何必牛乎?爻苟合順,何必坤乃爲牛?義苟應健,何必乾乃爲馬?**(Chép lại từ: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học***

Đoạn văn trên nảy sinh nhiều vấn đề. Trước hết là thuyết «lời có thể diễn đạt hết ý» phổ biến trong một số người cùng thời với Vương Bật. Thuyết này trái với học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ, vốn dĩ cho rằng ý tưởng không thể nào diễn đạt hết bằng lời. Chẳng hạn như *Trang Tử* (Thiên Đạo) và *Lão Tử* (chương 56) nói: «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri» 知者不言,言者不知(Người biết thì không nói, người nói không biết). Thế lực của thuyết «ngôn tận ý» (lời có thể diễn trọn ý) phổ biến suốt đời Ngụy và đời Tấn có thể chứng minh bằng vô số trích dẫn. Chẳng hạn như *Thế Thuyết Tân Ngữ* (Văn Học) chép về Vương Đạo 王導(267-330): «Vương thừa tướng sau khi qua sông [Dương Tử] về phương nam thì chỉ nói ba nguyên lý: "Âm thanh không buồn hay vui; dưỡng sinh; lời diễn đạt trọn ý." Tuy nhiên ba nguyên lý ấy liên kết nhau thì chẳng gì mà chúng không xâm nhập vào (tức là chúng đều có thể ứng dụng được ở mọi vấn đề).»[96]

Sử Tân Biên, quyển 4, tr.125-126)– LAM chú: Ý tưởng «Càn là ngựa, Khôn là trâu cái» xuất xứ từ Thuyết Quái: «Càn vi thiên, vi viên, vi quân, vi phụ, vi ngọc, vi kim, vi hàn, vi băng, vi đại xích, vi lương mã, vi lão mã, vi tích mã, vi bác mã, vi mộc quả. Khôn vi địa, vi mẫu, vi bố, vi phủ, vi lận sắc, vi quân, vi tử mẫu ngưu, vi đại dư, vi văn, vi chúng, vi bính. Kỳ ư địa dã vi hắc.» 乾爲天,爲圜,爲君,爲父,爲玉,爲金,爲寒,爲冰,爲大赤,爲良馬,爲老馬,爲瘠馬,爲駁馬,爲木果.坤爲地,爲母,爲布,爲釜,爲吝嗇,爲均,爲子母牛,爲大輿,爲文,爲衆,爲柄.其於地也爲黑 (Càn là: trời, hình tròn, vua, cha, ngọc, kim loại, lạnh lẽo, băng đá, đỏ thắm, ngựa giỏi, ngựa già, ngựa gầy, ngựa đốm, trái cây. Khôn là: đất, người mẹ, tấm vải, cái chảo, keo kiệt, bình quân, trâu cái, cỗ xe lớn, hoa văn, đám đông, cái tay cầm. Trong các loại đất, nó là đất đen). Richard Wilhelm (sđd., tr. 255-256) dịch: «Càn (sáng tạo) là: trời, tròn, vua, cha, ngọc mềm, kim loại, lạnh lẽo, băng đá, đỏ thắm, ngựa giỏi, ngựa già, ngựa gầy, ngựa hoang, trái cây.– Khôn (tiếp nhận) là: đất, người mẹ, tấm vải, cái ấm, tiết kiệm, bằng phẳng, bê với bò cái, cỗ xe lớn, dáng vẻ, số đông, cái cẩn. Trong các loại đất, nó là đất đen.» (Das Schöpferische ist der Himmel, ist rund, ist der Fürst, ist der Vater, ist der Nephrit, ist das Metall, ist die Kälte, ist das Eis, ist das Tiefrote, ist ein gutes Pferd, ist ein altes Pferd, ist ein mageres Pferd, ist ein wildes Pferd, ist das Baumobst.– Das Empfangende ist die Erde, ist die Mutter, ist Tuch, ist der Kessel, ist die Sparsamkeit, ist ebenmäßig, ist ein Kalb mit der Kuh, ist ein großer Wagen, ist die Form, ist die Menge, ist der Stamm. Unter den Erdarten ist es die schwarze.) – *Tử mẫu ngưu* 子母牛 Trương Thiện Văn dịch là: *tử ngưu* (nghé) và *mẫu ngưu* (trâu mẹ), Wilhelm dịch là «bê với bò cái» (ein Kalb mit der Kuh), Legge dịch là «bê/nghé cái» (a young heifer), Derk Bodde dịch là «bò cái» (cow). Cao Hanh nói *tử* 子 là *tự* 牸. *Quảng Nhã* giảng: «Tự, thư dã.» 牸,雌也(Tự là cái). *Tự ngưu* 牸牛 = *tẫn ngưu* 牝牛(trâu cái). Tôi theo Cao Hanh, dịch là «trâu cái».

[96] LAM chú: Nguyên văn chữ Hán tôi chép lại từ: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, sđd., tr.120: «Vương thừa tướng quá giang tả, chỉ đạo thanh vô ai lạc, dưỡng sinh, ngôn tận ý, tam lý nhi dĩ, nhiên uyển chuyển quan sinh, vô sở bất nhập.» 王丞相過江左,只道聲無哀樂,養生,言盡意,三理而已,然宛轉關生,無所不入. (Derk Bodde chú: Đó là năm 317, bấy giờ triều đình nhà Tấn do rối ren chính trị đã buộc phải dời kinh đô về phương nam, đến nơi mà nay là Nam Kinh). Phùng Hữu Lan (sđd., tr.120) giảng rằng:

Trong các tác phẩm của Kê Khang 嵇康 (223-262) có *Thanh Vô Ai Lạc Luận* 聲無哀樂論 (luận về âm nhạc không vui không buồn) và *Dưỡng Sinh Luận* 養生論 (luận về dưỡng sinh).[97] Ta cũng biết rằng Âu Dương Kiến 歐陽建 (mất khoảng năm 300) cũng viết một bài là *Ngôn Tận Ý Luận* 言盡意論 (luận về lời diễn đạt trọn ý). Lưu Tuấn khái quát tình hình ấy trong lời chú giải *Thế Thuyết Tân Ngữ* rằng: «Lý được lĩnh hội bằng tâm, nhưng nếu không có lời thì ta không thể truyền đạt được lý. Sự vật tương quan với nhau, nếu không có tên gọi (danh) thì ta

---

«Vương thừa tướng chính là Vương Đạo, một nhân vật trọng yếu trên lĩnh vực tư tưởng và chính trị đời Đông Tấn. Ba nguyên lý (tam lý) mà ông giảng ở đây chính là *Thanh Vô Ai Lạc Luận* và *Dưỡng Sinh Luận* của Kê Khang, và *Ngôn Tận Ý Luận* của Âu Dương Kiến. Ông cho rằng ba nguyên lý này liên quan nhau và cùng có thể ứng dụng vào các vấn đề khác.»

97 **LAM chú: Kê Khang 嵇康 giải rõ quan điểm dưỡng sinh của mình qua hai tác phẩm *Dưỡng sinh luận* 養生論 và *Đáp nan dưỡng sinh luận* 答難養生論. Ông cho rằng người tu tập phải chú ý đến những việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt hằng ngày, phải bảo dưỡng trong và ngoài thân thể. Trong *Dưỡng sinh luận*, Kê Khang viết: «Kẻ ăn ở thái quá, ẩm thực không điều độ để sinh trăm bệnh; ham mê sắc dục không biết mệt đến mức cạn kiệt; đó là khiến cho gió lạnh và trăm thứ độc tác hại, để cho chết non chốn gian nan; người đời đều hiết vui biết buồn, nhưng không giỏi giữ gìn thân thể. Để thân thể đến mức mất sự quân bình, làm mất những nhỏ nhặt; lâu ngày nhiều nhỏ nhặt mất đi dần lại thành hao tổn, nhiều hao tổn dồn lại thành suy nhược, từ suy nhược trở nên bạc đầu, từ bạc đầu thành già nua, từ già nua dẫn đến tử vong, sầu muộn vu vơ. Kẻ cận trí trung bình trở xuống xem đó là lẽ tự nhiên, nên phóng túng, ít ai giác ngộ. Khi bắt đầu gặp tai họa thì đều than thở, nhưng họ không biết cẩn thận trước khi mọi nguy hiểm báo hiệu.» (Kỳ tự dụng thậm giả, ẩm thực bất tiết, dĩ sinh bách bệnh; hiếu sắc bất quyện, dĩ trí phạp tuyệt; phong hàn sở tai, bách độc sở thương, trung đạo yểu vu chúng nan, thế giai tri tiếu điệu, vị chi bất thiện trì thân dã. Chí vu thốn thân thất lý, vong chi vu vi. Tích vi thành tổn, tích tổn thành suy, tòng suy đắc bạch, tòng bạch đắc lão, tòng lão đắc chung, muộn nhược vô đoan. Trung trí dĩ hạ, vị chi tự nhiên, túng thiếu giác ngộ, hàm thán hận vu sở ngộ chi sơ, nhi bất tri thận chúng hiểm vu vị triệu. 其自用甚者, 飲食不節, 以生百病; 好色不倦; 以致乏絕; 風寒所災, 百毒所傷, 中道夭于衆難, 世皆知笑悼, 謂之不善持身也. 至于措身失理, 亡之于微. 積微成損, 積損成衰, 從衰得白. 從白得老, 從老得終, 悶若無端. 中智以下謂之自然, 縱少覺悟, 咸嘆恨于所遇之初, 而不知慎衆險于未兆).– Tôi trích dịch từ: *Dưỡng Sinh Luận* của Kê Khang, in trong: Phương Xuân Dương 方春陽 chủ biên, *Trung Quốc khí công đại thành* 中國氣功大成, Cát Lâm Khoa Học Kỹ Thuật xuất bản xã, 1999, tr.148-149.– Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, sđd., quyển 4, tr.86-92) trình bày lý luận về âm nhạc của Kê Khang. Tôi tóm tắt như sau: Bản chất âm nhạc là bất biến, là một tồn tại khách quan, không có tính chất vui hay buồn. Người có tâm sự buồn nghe nhạc càng thấy thêm buồn; người có tâm sự vui nghe nhạc càng thấy thêm vui. Âm nhạc có thể cảm động lòng người, nhưng không vì thế mà ta nói âm nhạc có tính chất vui hay buồn. Tính chất của âm nhạc là âm thanh hài hoà, giống như rượu có tính cay nồng. Có người uống rượu say thì giận dữ; có người uống say thì điên cuồng. Ta không thể nói rượu có tính điên cuồng hay giận dữ. Tương tự, có người nghe nhạc thì cảm thấy vui, có người nghe nhạc thì cảm thấy buồn. Ta không thể nói âm nhạc có tính vui hay buồn. Nhưng nhạc có thể cảm động lòng người cho nên ta có thể kết hợp nhạc và lễ để cảm hoá lòng người và sửa đổi phong tục.**

không thể phân biệt được chúng. Tên gọi thay đổi theo sự vật; lời thay đổi theo lý. Lời và tên gọi không thể tách lìa khỏi lý và sự vật. Nếu vậy, lời bao giờ cũng diễn đạt trọn ý.»[98]

Tuy nhiên, Vương Bật cho rằng «hễ được tượng thì hãy quên lời; tượng là để giữ lấy ý, hễ được ý thì hãy quên tượng», tức là ở đây ông nhất trí với học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ. Nhưng khi ông nói rằng «diễn cho hết ý thì chẳng gì bằng tượng; giải thích cặn kẽ tượng thì chẳng gì bằng lời» tức là hiển nhiên ông ủng hộ thuyết «ngôn tận ý» (lời diễn đạt trọn ý) rồi, và như thế ông đã ly khai học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ. Trong đời Tấn không phải ai cũng nhất trí với thuyết «ngôn tận ý», chẳng hạn như Ân Dung 殷融 (nổi danh khoảng năm 300) đã viết bài *Tượng Bất Tận Ý Luận* 象不盡意論 (luận về tượng không thể diễn đạt trọn ý).

Vấn đề thứ hai nảy sinh từ đoạn văn của Vương Bật là mối quan hệ giữa *ý* 意 (idea) và *nghĩa* 義 (chữ *nghĩa* này nên hiểu là *khái niệm*: concept). Ở đầu đoạn văn, Vương Bật nói: «Tượng là để diễn đạt ý.» (Phù tượng giả, xuất ý giả dã. 夫象者,出意者也). Nhưng khi chú thích hào thượng cửu quẻ Càn ở phần Văn Ngôn, ông viết: «Dịch là tượng. Chỗ phát sinh ra tượng là khái niệm.» (Phù Dịch giả, tượng dã. Tượng chi sở sinh, sinh ư nghĩa dã. 夫易者,象也.象之所生,生於義也). Như vậy cái mà ông gọi là «ý» và cái mà ông gọi là «nghĩa» (khái niệm) là một.

Còn nữa, trong *Chu Dịch Lược Lệ* ông viết: «Vạn vật chẳng phải tuỳ tiện mà trở nên như thế, chúng ắt phải do nguyên lý ấy.» (Vật vô vọng nhiên, tất do kỳ lý. 物無妄然,必由其理). Nhưng ở Văn Ngôn quẻ Càn ông chú: «Hễ hiểu được sự vận động của vạn vật thì ta có thể biết được cái nguyên lý khiến vạn vật trở nên như thế.» (Phù thức vật chi động, tắc kỳ sở dĩ nhiên chi lý giai khả tri dã. 夫識物之動,則其所以然之理皆可知也). Ở hào lục nhị quẻ Dự 豫 ông chú: «Cho nên [hắn] không có sự vui vẻ bất chính, mà biết phân biệt nguyên lý tất nhiên.» (Cố bất cẩu duyệt, biện tất nhiên chi lý. 故不苟說,辯必然之理). Ở Tượng của hào sơ lục quẻ Giải 解 ông chú: «Khái niệm cũng giống như nguyên lý.» (Nghĩa do lý dã. 義猶理也). Rõ ràng ở lời chú này Vương Bật đánh đồng «nghĩa» 義 (khái niệm) và «lý» 理 (nguyên lý). Do đó hai thuật ngữ «nghĩa» và «lý» dường như được ông dùng để trỏ cái nguyên lý ban đầu ẩn tàng trong thế giới hiện tượng; còn thuật ngữ

[98] **LAM chú: Tôi dịch theo tiếng Anh, vì không có bản *Thế Thuyết Tân Ngữ* với lời chú của Lưu Tuấn.**

«ý» 意 thì ông dùng để trỏ những nguyên lý khách quan y như chúng được in sâu trong tâm trí mọi người.

Vấn đề thứ ba nảy sinh từ đoạn văn của Vương Bật là thuật ngữ «loại» 類 (thứ loại, phạm trù). Ông nói: «Cho nên tiếp xúc thứ loại có thể tạo ra tượng của nó; hoà hợp khái niệm có thể tạo ra cái tượng trưng của nó. Nếu khái niệm là cương kiện, cần gì phải nói đến ngựa đực? Nếu thứ loại là thuận tòng, cần gì phải nói đến trâu cái? Nếu các hào hợp với thuận tòng, cần gì phải nói Khôn là trâu cái? Nếu khái niệm ứng với cương kiện, cần gì phải nói Càn là ngựa đực?» Ở đây dường như có ý nói trong vũ trụ có vô vàn thứ loại khác nhau của sự vật, và mỗi quẻ Dịch thì tượng trưng cho một hay nhiều thứ loại ấy. Chẳng hạn như Càn tượng trưng cho những sự vật nào có tính chất cương kiện; còn Khôn tượng trưng cho những sự vật nào có tính chất thuận tòng. Cương kiện và thuận tòng là những khái niệm hay nguyên lý của những sự vật thuộc hai thứ loại ấy; còn ngựa đực và trâu cái chỉ là «tượng» của chúng. Sự giải thích các tượng tạo ra lời nói. Tất cả các sự vật có tính cương kiện như trời, vua, cha, chồng, v.v... được tượng trưng bằng quẻ Càn. Tất cả các sự vật có tính thuận tòng như đất, bầy tôi, vợ, con, v.v... được tượng trưng bằng quẻ Khôn. Ngựa đực và trâu cái chẳng qua là «tượng» của Càn và Khôn. Cho nên hễ hiểu được các khái niệm được thể hiện trong «tượng» thì ta có thể gạt các tượng qua một bên và giữ lại trong tâm trí các khái niệm như là các ý. Cho nên Vương Bật nói «hễ được ý thì hãy quên tượng».

Sự giải thích của Vương Bật về ba vấn đề trên đây – nếu có thể đưa đến một kết luận lô-gíc thì – ở nhiều phương diện dường như giống với các thuyết của phái Lý học đời Tống và đời Minh (mà đại biểu là Chu Hi). Tuy nhiên bản thân Vương Bật lại không đưa ra các kết luận lô-gíc và ông cũng không giải thích mối quan hệ giữa cái mà ông gọi là «nghĩa» (khái niệm) hay «lý» với Đạo.

c. Tình cảm của thánh nhân

Nhiều vấn đề được bàn luận trên đây đã không xuất hiện trong học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ, mà chỉ nảy sinh đầu tiên từ chú giải của Vương Bật. Một điểm khác biệt nữa với học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ là thuyết của Vương Bật về tình cảm của thánh nhân. Bùi Tùng Chi 裴松之 (327-451) chú thích *Tam Quốc Chí* rằng: «Hà Án cho rằng thánh nhân không có mừng, giận, buồn, vui; lý luận của Án rất tinh thâm. Bọn Chung Hội cũng nói theo. Vương Bật không đồng ý với họ, ông cho rằng thánh nhân hơn người bình thường là ở sự thần minh; và giống như người

ở năm tình. Có thần minh nên thể hiện được sự xung hoà để thông với *vô*; cùng có năm tình như người thường nên không thể không vui buồn thích ứng với ngoại vật. Do đó tình cảm của thánh nhân thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật. Nay thấy thánh nhân không luỵ ở vật mà nói là họ không thích ứng với vật nữa, nói thế là rất sai. Vương Bật chú Chu Dịch. Tuân Dung ở Dĩnh Xuyên nêu ra những khó khăn chống lại tác phẩm *Đại Diễn Nghĩa* của Bật. Vương Bật viết thư trả lời Tuân Dung, giọng đùa cợt: "Dù người ta thông minh đủ để truy tìm cái cực kỳ tinh tế tối tăm, nhưng họ vẫn không thể khử bỏ tính tự nhiên của mình. Tài đức của Nhan Uyên khiến Khổng Tử cảm thấy rất hài lòng. Mỗi lần gặp gỡ Khổng Tử không thể không vui, khi Nhan Uyên mất, Khổng Tử không thể không buồn. Nên tôi vốn coi thường người ấy (tức Khổng Tử), nghĩ rằng ông ta chưa thể lấy tình theo lý. Nhưng nay tôi biết tính tự nhiên không thể sửa đổi. Tài ba của túc hạ tuy đã cố định trong ngực của túc hạ, nhưng sao mới cách mặt nhau mấy tuần lễ mà túc hạ nghĩ đến tôi nhiều như thế? Thế mới biết, thái độ của Trọng Ni đối với Nhan Uyên không thể xem là lỗi lớn vậy."»[99]

Trang Tử dạy chúng ta dùng lý trí để chuyển hoá tình cảm, ông nói ở thiên Đại Tông Sư rằng: «Hễ ai yên ổn tuỳ thời và sống thuận theo Đạo thì vui buồn không tác động đến mình nữa.» (An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã. 安時而處順，哀樂不能入也). Hà Án cho rằng thánh nhân không có mừng, giận, buồn, vui. Đại khái đó là thuyết trong Trang học. Ở đây nói Vương Bật lúc đầu cũng chủ trương như vậy, nên gọi là «lấy tình theo lý» (dĩ tình tòng lý giả dã 以情從理者也). «Nhan Uyên chết, Khổng Tử khóc thảm.» (*Luận Ngữ* - Tiên Tiến). Người theo thời mà cư xử tuỳ thuận, căn cứ vào lý mà xem xét, hẳn biết sống và chết đều là kết quả tự nhiên; cho nên tự nhiên không có thứ tình cảm đau buồn. Đó gọi là lấy lý để chuyển hoá tình. Tuy nhiên con người có tình cảm cũng là một bản tính tự nhiên, cho nên «không thể không vui buồn thích ứng với ngoại vật». Do đó Trọng Ni khóc Nhan Uyên cũng là việc tự nhiên. Tuy nhiên tình cảm của thánh nhân «thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật». Trang Tử nói: «Bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi, chẳng mong chờ cũng chẳng nghinh đón ai hay vật gì. Gương phản chiếu người hay vật trước nó, nhưng nó không lưu giữ các hình ảnh đó. Vì thế ngài vượt trên mọi sự vật và không gây hại cho ai.»[100] «Vượt trên mọi sự vật và không gây hại cho

[99] **LAM chú: Xin xem đoạn cổ văn tương ứng ở chú thích 12 của chương này.**

[100] ***Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.»** 至人之用心若鏡，不將不迎，應而不藏，故能勝物而不傷.

ai» tức là «thích ứng ngoại vật nhưng không luỵ ở vật». Trang học đối phó tình cảm không dùng phương pháp ấy, nhưng Vương Bật suy rộng ra sự ứng dụng của cái lý ấy, dùng nó để đối phó tình cảm. Về sau, phương pháp đối phó tình cảm của Tống Nho cũng đều giống như vậy.

Khi thảo luận về Vương Bật, chúng ta đã nhấn mạnh những điểm mà ông nói khác với học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ. Còn về cách thức mà ông dùng trong lời chú giải Lão Tử và Chu Dịch để tô điểm thêm các thuyết sẵn có trong học thuyết Đạo gia nguyên thuỷ thì không cần bàn luận ở đây.

CHƯƠNG 6

HUYỀN HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU (2)



Quách Tượng

Nhân sinh quan phóng túng tình cảm và ý chí cũng có thể nói là một nhánh rẽ trong giòng chủ lưu của tư tưởng Đạo gia. Tuy nhiên, Trang học và Lão học trong Đạo gia vốn dĩ không chủ trương nhân sinh quan đó. Trang học và Lão học tuy cũng nói đến chủ nghĩa tự nhiên, nhưng không hề là cơ giới luận cực đoan như một phần của sách *Liệt Tử* đã chủ trương. Sách *Trang Tử* cũng có yếu tố chủ nghĩa thần bí; nó phối hợp với chủ nghĩa tự nhiên, tạo thành một triết học nhất quán, tương tự triết học của Spinoza trong lịch sử triết học Tây phương. Đó là là nét đặc sắc của Trang học.

Đời Nguỵ và đời Tấn, cái học Đạo gia thịnh hành. Thời này, tác phẩm *Trang Tử Chú* 莊子注 của Quách Tượng 郭象 (252-312) cực kỳ giá trị. Quách Tượng không chỉ phát huy được tư tưởng trong sách Trang Tử mà còn có một số kiến giải mới mẻ. Cho nên nó là một tác phẩm độc lập, là một điển tịch trọng yếu trong triết học Đạo gia.

1. Hướng Tú và Quách Tượng

Trang Tử Chú tuy nói là của Quách Tượng, nhưng nó cũng là tác phẩm của Hướng Tú 向秀 (227 - 277). *Tấn Thư* (Hướng Tú Truyện) chép: «Hướng Tú tự là Tử Kỳ 子期, người đất Hoài 懷, thuộc Hà Nội 河內. Ông thông minh, kiến thức rộng; lúc còn nhỏ đã được Sơn Đào 山濤 (205-283, một trong Trúc Lâm Thất Hiền) biết tiếng. Ông hâm mộ cái học Lão Trang. Trang Chu viết hơn chục thiên (nội thiên và ngoại thiên). Trải bao đời, các phương sĩ tuy có xem qua, nhưng chẳng ai luận đúng tư tưởng cốt lõi của Trang Tử cả. Hướng Tú bèn giải thích ẩn nghĩa trong đó và phát minh những điều kỳ thú, làm dấy lên phong trào Huyền học. Người đọc sách, tâm giác ngộ lẽ siêu nhiên; ai cũng thích thú hài lòng. Đời Huệ Đế 惠帝 (tức Tư Mã Trung 司馬衷, tại vị 290-306),

Quách Tượng lại giảng rộng thêm, khiến dấu vết Nho học và Mặc học bị lu mờ, còn cái học Đạo gia thì hưng thịnh lên.»[1]

Tấn Thư (Quách Tượng Truyện) chép: «Quách Tượng tự là Tử Huyền, thuở nhỏ đã có tài, thích Lão Trang, có thể bàn luận triết lý. [...] Ông mất năm Vĩnh Gia cuối cùng (tức 312). [...] Trước đấy đã có vài chục nhà chú giải Trang Tử, nhưng chẳng ai thấu được tôn chỉ. Ngoài các chú thích cũ đã có, Hướng Tú còn giải nghĩa, diễn giải rộng ra, làm dấy khởi phong trào Huyền học. Chỉ có hai thiên Thu Thuỷ và Chí Lạc chưa chú xong thì Hướng Tú mất. Con của Hướng Tú còn nhỏ, để mặc bản chú giải của cha thất tán. Tuy nhiên, nó còn tồn tại trong khá nhiều bản khác. Quách Tượng là người đức hạnh mỏng, thấy những lời chú của Hướng Tú không truyền được ở đời, bèn trộm cắp những lời chú của Hướng Tú, nói là của mình chú. Quách Tượng tự chú giải thêm hai thiên Thu Thuỷ và Chí Lạc, đồng thời sửa đổi một phần lời chú của Hướng Tú về thiên Mã Đề. Còn các thiên còn lại thì Quách Tượng định điểm lại câu cú mà thôi. Sau đó các bản khác do Hướng Tú chú giải xuất hiện, cho nên hiện nay có hai bản chú giải Trang Tử, một của Hướng Tú và một của Quách Tượng, kỳ thực chúng chỉ là một.»[2]

---

1 *Tấn Thư* (Hướng Tú Truyện 向秀傳): «Hướng Tú tự Tử Kỳ, Hà Nội, Hoài nhân dã. Thanh ngộ hữu viễn thức, thiếu vi Sơn Đào sở trí. Nhã hiếu Lão Trang chi học. Trang Chu trứ nội ngoại sổ thập thiên, lịch thế phương sĩ, tuy hữu quan giả, mạc thích luận kỳ chỉ thống dã. Tú nãi vi chi ẩn giải, phát minh kỳ thú, chấn khởi huyền phong, độc chi giả siêu nhiên tâm ngộ, mạc bất tự túc nhất thời dã. Huệ Đế chi thế, Quách Tượng hựu thuật nhi quảng chi, Nho Mặc chi tích kiến bỉ, Đạo gia chi ngôn toại thịnh yên.» 向秀字子期，河内懷人也．清悟有遠識，少爲山濤所知．雅好老莊之學．莊周著內外數十篇，歷世方士，雖有觀者，莫適論其旨統也．秀乃爲之隱解，發明奇趣，振起玄風，讀之者超然心悟，莫不自足一時也．惠帝之世，郭象又述而廣之，儒墨之跡見鄙，道家之言遂盛焉．– LAM chú: Theo Ngô Phong (sđd., tr.890), đất Hoài (thuộc Hà Nội) nay là huyện Vũ Trắc 武陟, tỉnh Hà Nam 河南.

2 *Tấn Thư* (Quách Tượng Truyện): «Quách Tượng tự Tử Huyền, thiếu hữu tài lý, hiếu Lão Trang, năng thanh ngôn. [...] Vĩnh Gia (307-312) mạt niên tốt. [...] Tiên thị chú Trang Tử giả sổ thập gia, mạc năng cứu kỳ chỉ thống. Hướng Tú ư cựu chú ngoại nhi vi giải nghĩa, diệu diễn kỳ trí, đại sướng huyền phong. Duy Thu Thuỷ Chí Lạc nhị thiên vị cánh nhi Tú tốt. Tú tử ấu, kỳ nghĩa linh lạc, nhiên phả hữu biệt bản thiên lưu. Tượng vi nhân hạnh bạc, dĩ Tú nghĩa bất truyền ư thế, toại thiết đĩ vi kỷ chú. Nãi tự chú Thu Thuỷ Chí Lạc nhị thiên, hựu dịch Mã Đề nhất thiên, kỳ dư chúng thiên, hoặc điểm định văn cú nhi dĩ. Kỳ hậu Tú nghĩa biệt bản xuất, cố kim hữu Hướng Quách nhị Trang, kỳ nghĩa nhất dã.» 郭象字子玄，少有才理，好老莊，能清言．[...] 永嘉(307-312)末年卒．[...] 先是注莊子者數十家，莫能究其旨統．向秀於舊注外而爲解義，妙演奇致，大暢玄風．惟秋水至樂二篇未竟而向秀卒．秀子幼，其義零落，然頗有別本遷流．象爲人行薄，以秀義不傳於世，遂竊以爲己注．乃自注秋水至樂二篇，又易馬蹄一篇，其餘衆篇，或點定文句而已．其後秀義別本出，故今有向郭二莊，其義一也．

Như vậy, theo truyện Hướng Tú thì Quách Tượng «giảng rộng thêm chú giải của Hướng Tú»; còn theo truyện Quách Tượng thì Quách Tượng «trộm cắp những lời chú của Hướng Tú, nói là của mình chú», «sửa đổi một phần lời chú của Hướng Tú về thiên Mã Đề», và «định điểm lại câu cú» của các thiên còn lại. Hai việc «mở rộng thêm chú giải» và «định điểm lại câu cú» cố nhiên rất khác nhau. Nay theo bản *Liệt Tử* do Trương Trạm 張湛 (đời Đông Tấn) chú, thì ở các chỗ Liệt Tử trích dẫn Trang Tử, phần lớn Trương Trạm dùng chú giải của Hướng Tú hoặc của Quách Tượng. Khi ông ghi là chú giải của Hướng Tú thì chú giải này giống như trong bản *Trang Tử* mà hiện nay ghi là Quách Tượng chú. Tuy nhiên, Trương Trạm cũng nhiều lần trực tiếp trích dẫn Quách Tượng chứ không trích dẫn Hướng Tú. Hoặc vì ở chỗ đó Hướng Tú không có lời chú, mà Quách Tượng lại có; hoặc vì ở chỗ đó Hướng Tú chú giải không hay bằng Quách Tượng; nên Trương Trạm bỏ lời chú của Tú mà lấy lời chú của Tượng chăng? Ta nên biết rằng ông nội của Trương Trạm ở vai cháu, gọi một người em họ của Vương Bật bằng chú. Trương Trạm sống rất gần với thời của Quách Tượng. Ông thường thấy bản *Trang Tử* do Hướng Tú chú nên dùng nó để trích dẫn. Còn chỗ nào ông trích dẫn Quách Tượng chứ không trích dẫn Hướng Tú thì không ngoài hai lý do đã nêu trên.

Các lời chú của Quách Tượng mà Trương Trạm trích dẫn đều không liên quan ba thiên Thu Thuỷ, Chí Lạc, và Mã Đề. Như vậy *Tấn Thư* (Quách Tượng Truyện) không đáng tin cậy khi chép rằng: «Quách Tượng tự chú giải thêm hai thiên Thu Thuỷ và Chí Lạc, đồng thời sửa đổi một phần lời chú của Hướng Tú về thiên Mã Đề. Còn các thiên còn lại thì Quách Tượng định điểm lại câu cú mà thôi.» Tuy nhiên, nếu xét các lời chú của Hướng Tú mà Trương Trạm trích dẫn, thì ta thấy quả thực là khi chú Trang Tử, Quách Tượng đã dùng rất nhiều lời chú của Hướng Tú. Do đó mà nói, bản *Trang Tử Chú* của Quách Tượng đang lưu hành hiện nay quả thực là tác phẩm hỗn hợp của Hướng Tú và Quách Tượng. Do đó *Tấn Thư* (Hướng Tú Truyện) có lẽ chép gần với sự thực hơn. Vì thế, tác phẩm hỗn hợp này, sau đây tôi chỉ ghi là *Trang Tử Chú*.

2. Độc hoá

Hà Án và Vương Bật xem Đạo là Vô, nhưng ý nghĩa của Vô thì hai ông chưa hề nói tường tận. Đến *Trang Tử Chú*, thì cái gọi là Vô này tức là số không (zero) trong môn toán học. Như thế, bởi vì là Vô nên Đạo không thể được xem là nguyên nhân đầu tiên sinh ra vạn vật. Trái lại, vạn vật sở dĩ như thế chính vì sự tự nhiên của chúng khiến chúng phải như thế. Chẳng hạn, *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư) chú giải câu «Thần quỷ thần đế, sinh thiên

sinh địa» 神鬼神帝生天生地 ([Đạo] khiến quỷ đế trở nên thần; [Đạo] sinh ra trời đất) rằng: «[Đạo là] Vô, lẽ nào nó sinh ra được thần ư? Đạo không khiến quỷ đế trở nên thần, mà quỷ đế tự trở nên thần. Cái thần của quỷ đế là cái thần không do ai khác khiến. Đạo không sinh trời đất, mà trời đất tự sinh ra. Sự sinh ra của trời đất là sự sinh ra không do ai khác làm.»[3]

Trang Tử Chú (Đại Tông Sư) chú giải câu «Tại Thái Cực chi tiên nhi bất vi cao» 在太極之先而不爲高 ([Đạo] ở trước ngôi Thái Cực mà nó không cao) rằng: «Ý nói Đạo ở khắp mọi nơi. Cho nên nó ở chỗ cao mà nó không cao; ở chỗ sâu mà nó không sâu; tồn tại từ lâu đời mà nó không lâu đời; tồn tại từ xưa mà nó không già. Đạo ở khắp nơi, mà tại bất cứ nơi nào nó cũng đều là Vô.»[4]

Trang Tử Chú (Trí Bắc Du) chú giải câu «Hữu tiên thiên địa sinh giả, vật da?» 有先天地生者，物耶 (Cái có trước khi trời đất sinh ra là vật phải không?) rằng: «Cái gì có trước vạn vật? Chúng ta có thể cho rằng Âm Dương có trước vạn vật; nhưng chính Âm Dương cũng là vật; vậy thì cái gì có trước cả Âm Dương? Chúng ta có thể cho rằng Tự nhiên có trước Âm Dương, nhưng Tự nhiên tức là sự tự nhiên của vạn vật. Chúng ta có thể cho rằng Đạo có trước vạn vật; nhưng Đạo tột cùng là Vô tột cùng (tức là không có gì hết); đã không có gì hết, sao có thể có trước cả vạn vật? Như vậy, có trước cả vạn vật là cái gì? Vạn vật cứ tiếp tục sinh sôi mãi, điều đó giải rõ sự tự nhiên của vạn vật khiến chúng phải như thế, chẳng có cái gì khác khiến chúng phải như thế.»[5]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú giải câu «Phù xuy vạn bất đồng

---

[3] ***Trang Tử Chú*** **(Đại Tông Sư): «Vô dã, khởi năng sinh thần tai? Bất thần quỷ đế nhi quỷ đế tự thần, tự nãi bất thần chi thần dã; bất sinh thiên địa nhi thiên địa tự sinh, tự nãi bất sinh chi sinh dã.»** 無也，豈能生神哉?不神鬼帝而鬼帝自神，斯乃不神之神也；不生天地而天地自生，斯乃不生之生也.

[4] ***Trang Tử Chú*** **(Đại Tông Sư): «Ngôn Đạo chi vô sở bất tại dã. Cố tại cao vi vô cao, tại thâm vi vô thâm, tại cửu vi vô cửu, tại lão vi vô lão. Vô sở bất tại, nhi sở tại giai vô dã.»** 言道之無所不在也.故在高爲無高，在深爲無深，在久爲無久，在老爲無老.無所不在，而所在皆無也.

[5] ***Trang Tử Chú*** **(Trí Bắc Du): «Thuỳ đắc tiên vật giả hồ tai? Ngô dĩ Âm Dương vi tiên vật; nhi Âm Dương giả tức sở vị vật nhĩ; thuỳ hựu tiên Âm Dương giả hồ? Ngô dĩ tự nhiên vi tiên chi, nhi tự nhiên tức vật chi tự nhĩ nhĩ. Ngô dĩ chí Đạo vi tiên chi hĩ; nhi chí Đạo giả, nãi chí Vô dã; ký dĩ Vô hĩ, hựu hề vi tiên? Nhiên tắc tiên vật giả thuỳ hồ tai? Nhi do hữu vật vô dĩ. Minh vật chi tự nhiên, phi hữu sử nhiên dã.»** 誰得先物者乎哉?吾以陰陽爲先物；而陰陽者即所謂物耳；誰又先陰陽者乎?吾以自然爲先之，而自然即物之自爾耳.吾以至道爲先之矣；而至道者，乃至無也；既以無矣，又奚爲先?然則先物者誰乎哉?而猶有物無已.明物之自然，非有使然也.

nhi sử kỳ tự kỷ dã» 夫吹萬不同而使其自己也([Các ngọn gió] thổi vạn cách khác nhau, nhưng chúng đều tự sinh ra) rằng: «Bởi Vô là không có gì cả, nên nó không thể sinh Hữu. Nếu Hữu chưa được sinh ra, thì nó không thể sinh ra vật khác. Vậy thì cái gì sinh ra vạn vật? Chúng tự nhiên sinh ra vậy. Chúng tự nhiên sinh ra chứ chẳng phải ta sinh chúng. Ta đã không thể sinh vật, vật cũng không thể sinh ta; nên ta tự nhiên mà sinh ra. Tự thân vạn vật tự nhiên sinh ra, đó gọi là thiên nhiên. Đã là thiên nhiên nghĩa là không tạo tác. [...] Cho nên vạn vật mỗi loại tự nhiên sinh ra chứ không phát xuất từ đâu cả, đó gọi là Thiên Đạo vậy.»[6]

Do đó, cái gọi là «Đạo» ám chỉ sự thật là «mỗi loài trong vạn vật tự nhiên sinh ra chứ không phát xuất từ đâu cả». Khi nói «nếu Hữu chưa được sinh ra, thì nó không thể sinh ra vật khác», *Trang Tử Chú* muốn thuyết minh nguyên lý «vạn vật tự nhiên tự sinh». Kỳ thực, Hữu vĩnh viễn là Hữu, nên không thể có lúc «chưa sinh». Vật cá thể thì có thể có lúc chưa sinh; còn như hễ đề cập bao quát mọi cái Hữu thì nó vĩnh viễn tồn tại.

Trang Tử Chú (Trí Bắc Du) chú giải câu «Vô cổ vô kim, vô thuỷ vô chung» 無古無今,無始無終(Không xưa, không nay; không đầu, không cuối) rằng: «Chẳng những Vô không thể biến hoá mà thành Hữu; mà Hữu cũng không thể biến hoá mà thành Vô nữa. Do đó, Hữu là vật dù có thiên biến vạn hoá, thì cũng không hề thành Vô. Không hề thành Vô, cho nên từ xa xưa chẳng lúc nào mà không có Hữu; Hữu luôn tồn tại vậy.»[7]

Lý luận trên rất giống lý luận của triết gia Hi Lạp Parmenides (sinh khoảng năm 515 TCN).

Trang Tử Chú sở dĩ chủ trương «mỗi loài trong vạn vật tự nhiên sinh ra chứ không phát xuất từ đâu cả» là vì dù cho tri thức của chúng ta

---

[6] ***Trang Tử Chú*** **(Tề Vật Luận): «Vô ký vô hĩ, tắc bất năng sinh hữu. Hữu chi vị sinh, hựu bất năng vi sinh. Nhiên tắc sinh sinh giả thuỳ tai? Khối nhiên nhi tự sinh nhĩ. Tự sinh nhĩ, phi ngã sinh dã. Ngã ký bất năng sinh vật, vật diệc bất năng sinh ngã, tắc ngã tự nhiên hĩ. Tự kỷ nhi nhiên, vị chi thiên nhiên. Thiên nhiên nhĩ, phi vi dã. [...] Cố vật các tự sinh nhi vô sở xuất yên, thử Thiên Đạo dã.»** 無既無矣,則不能生有.有之未生,又不能爲生.然則生生者誰哉?塊然而自生耳.自生耳,非我生也.我既不能生物,物亦不能生我,則我自然矣.自己而然,謂之天然.天然耳,非爲也.[...] 故物各自生而無所出焉,此天道也.

[7] ***Trang Tử Chú*** **(Trí Bắc Du): «Phi duy Vô bất đắc hoá nhi vi Hữu dã; Hữu diệc bất đắc hoá nhi vi Vô hĩ. Thị dĩ Hữu chi vi vật, tuy thiên biến vạn hoá, nhi bất đắc nhất vi Vô dã. Bất đắc nhất vi Vô, cố tự cổ vô vị Hữu chi thời nhi thường tồn dã.»** 非唯無不得化而爲有也;有亦不得化而爲無矣.是以有之爲物,雖千變萬化,而不得一爲無也.不得一爲無,故自古無未有之時而常存也.

có bao la đến đâu hay dù cho chúng ta biết bao lần tự hỏi «Vạn vật từ đâu mà ra?», thì rốt cuộc chúng ta phải kết luận rằng «vạn vật tự nhiên tự sinh», hoặc mệnh danh cái nguyên nhân ban đầu sinh ra vạn vật là Thượng Đế, hoặc Đạo, hoặc nguyên tử, hoặc điện tử.

Ý tưởng này được diễn tả trong thiên Thiên Vận rằng: «Thiên hữu lục cực ngũ thường.» 天有六極五常 (Trời có 6 cực và 5 thường). *Trang Tử Chú* chép: «Khi tìm hiểu sự vật, có khi ta biết nguyên nhân của nó; nhưng truy tìm nguyên nhân đến kỳ cùng, thì thấy sự vật tự nó sinh ra như thế, chứ không có nguyên nhân gì cả. Nó tự như thế, nên ta không còn hỏi nguyên nhân của nó là gì, và chỉ chấp nhận nó như nó vốn thế mà thôi.»[8]

Sự vật rốt cuộc là «tự nó sinh ra như thế, chứ không có nguyên nhân gì cả» cho nên *Trang Tử Chú* cho rằng vạn vật tự nhiên mà như thế, chẳng trông cậy vào cái gì cả. Thuyết này được gọi là «độc hoá» 獨化 (tự chuyển hoá). Ở thiên Tề Vật Luận có câu: «Ngô sở đãi hựu hữu đãi nhi nhiên giả da?» 吾所待又有待而然者耶(Cái mà ta dựa vào liệu có dựa vào cái khác để nó được như thế không?). *Trang Tử Chú* nói: «Nếu hỏi nó dựa vào đâu và tìm xem nó phát xuất từ đâu, thì ta sẽ tìm hỏi mãi mãi [cho đến khi hiểu rằng] nó chẳng dựa vào đâu cả. Thế thì cái nguyên lý "độc hoá" trở nên rõ ràng vậy.»[9]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Ô thức sở dĩ bất nhiên?» 惡識所以不然(Tại sao ta như thế, tại sao không khác thế?) rằng: «Đời có người nói bóng mờ tuỳ thuộc bóng, bóng tuỳ thuộc hình, hình tuỳ thuộc đấng sáng tạo vạn vật. Xin hỏi: có hay là không có đấng sáng tạo vạn vật? Nếu không có, sao có thể tạo ra vạn vật? Nếu có, thì không đủ để tạo ra vô số hình thể. Cho nên hễ hiểu rõ rằng vô số hình thể là vật do chúng tự tạo, thì ta mới có thể nói về sự sáng tạo vạn vật. Do đó, trải qua cõi có sự vật, chẳng thứ nào mà không tự chuyển hoá trong sự u huyền, ngay cả cái bóng mờ kia cũng thế. Cho nên sự sáng tạo vạn vật không có ai làm chủ, mà chính mỗi vật tự tạo; mỗi vật tự tạo mà chẳng nương cậy

---

[8] ***Trang Tử Chú* (Thiên Vận): «Phù sự vật chi cận, hoặc tri kỳ cố; nhi tầm kỳ nguyên đĩ chí hồ cực, tắc vô cố nhi tự nhĩ dã. Tự nhĩ tắc vô sở sảo vấn kỳ cố dã. Đãn thường thuận chi.»** 夫事物之近,或知其故;而尋其原以至乎極,則無故而自爾也.自爾則無所稍問其故也.但常順之.

[9] ***Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Nhược trách kỳ sở đãi, nhi tầm kỳ sở do, tắc tầm trách vô cực, nhi chí ư vô đãi, nhi độc hoá chi lý minh hĩ.»** 若責其所待,而尋其所由,則尋責無極,而至於無待,而獨化之理明矣.

cái gì khác; đó là lẽ chân chính của trời đất vậy.»[10]

«Sự sáng tạo vạn vật không có ai làm chủ, mà chính mỗi vật tự tạo» tức là nguyên lý *độc hoá* (tự chuyển hoá) vậy.

3. Quan hệ giữa các sự vật trong vũ trụ

«Mỗi vật tự tạo mà chẳng nương cậy cái gì khác». Câu này ý nói chúng ta không thể chỉ định một sự vật đặc thù nào đấy là nguyên nhân của một sự vật đặc thù nào khác, chứ không hề nói rằng các sự vật chẳng quan hệ gì với nhau cả. Theo *Trang Tử Chú*, các sự vật có quan hệ tất yếu với nhau. Thiên Thu Thuỷ nói: «Dĩ công quan chi.» 以功觀之 (Lấy chức năng của chúng mà xét chúng). *Trang Tử Chú* nói: «Trong thiên hạ chẳng gì mà không tương quan với nhau như *tôi* (ngã) với *người* (bỉ). Nhưng *tôi* với *người* đều muốn hoạt động cho nhau, vì thế trở nên trái ngược nhau như đông với tây. Tuy nhiên *tôi* với *người* lại có quan hệ chặt chẽ như môi với răng. Môi với răng chưa từng cố ý hoạt động cho nhau, nhưng hễ mất môi thì răng lạnh. Cho nên hoạt động của *người* cho chính mình đồng thời cũng có chức năng lớn để giúp *tôi*. Do đó tuy tương phản nhưng không thể thiếu nhau.»[11]

Trang Tử Chú (Đại Tông Sư) chú câu «Thục năng tương dữ ư vô tương dữ?» 孰能相與於無相與 (Ai có thể liên kết ở chỗ không liên kết?) rằng: «Chân và tay có nhiệm vụ khác nhau, ngũ tạng có chức năng khác nhau. Chúng không hề liên kết nhau, nhưng trăm phần [của thân thể] cùng hài hoà. Đó là liên kết ở chỗ không liên kết. Chúng không hề

---

[10] ***Trang Tử Chú*** **(Tề Vật Luận): «Thế hoặc vị võng lưỡng đãi ảnh, ảnh đãi hình, hình đãi tạo vật giả. Thỉnh vấn phù tạo vật giả hữu da, vô da? Vô dã, tắc hồ năng tạo vật tai? Hữu dã, tắc bất túc dĩ vật chúng hình. Cố minh chúng hình chi tự vật, nhi hậu thuỷ khả dữ ngôn tạo vật nhi. Thị dĩ thiệp hữu vật chi vực, tuy phục võng lưỡng, vị hữu bất độc hoá ư huyền minh giả dã. Cố tạo vật giả vô chủ, nhi vật các tự tạo; vật các tự tạo, nhi vô sở đãi yên; thử thiên địa chi chính dã.»** 世或謂罔兩待影,影待形,形待造物者.請問夫造物者有耶,無耶?無也,則孰能造物哉?有也,則不足以物衆形.故明衆形之自物,而後始可與言造物耳.是以涉有物之域,雖復罔兩,未有不獨化於玄冥者也.故造物者無主,而物各自造;物各自造,而無所待焉;此天地之正也.– LAM chú: ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **(sđd., tr.1606) giảng: «*Võng lưỡng* 罔兩 = *ảnh tử ngoại biên đích đạm ảnh* 影子外邊的淡影 (quầng mờ viền ngoài một cái bóng).»**

[11] ***Trang Tử Chú*** **(Thu Thuỷ): «Thiên hạ mạc bất tương dữ vi bỉ ngã; nhi bỉ ngã giai dục tự vi, tư đông tây chi tương phản dã. Nhiên bỉ ngã tương dữ ví thần xỉ; thần xỉ giả, vị thường tương vi, nhi thần vong tắc xỉ hàn. Cố bỉ chi tự vì, tế ngã chi công hoằng hĩ. Tư tương phản nhi bất khả dĩ tương vô giả dã.»** 天下莫不相與爲彼我;而彼我皆欲自爲,斯東西之相反也.然彼我相與唇齒;唇齒者,未嘗相爲,而唇亡則齒寒.故彼之自爲,濟我之功宏矣.斯相反而不可以相無者也.

hợp tác, nhưng bên trong và bên ngoài đều giúp nhau. Đó là hợp tác ở chỗ không hợp tác.»[12]

Trang Tử Chú (Đại Tông Sư) chú câu «Tri nhân chi sở vi giả...» 知人之所爲者(Kẻ biết hành vi của người khác...) rằng: «Người ta khi sinh ra, tuy hình hài chỉ 7 thước, nhưng *ngũ thường* (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) đều đầy đủ. Cho nên tuy thân thể tầm thường, nhưng có thể khiến trời đất phụng sự mình. Do đó vạn vật trong trời đất, hễ là hữu thể thì không thể một ngày không có nhau. Nếu thiếu đi một vật, thì sự sống của con người không thể không bị ảnh hưởng. Nếu một lý không thực hiện được, thì con người không thể sống đến số tuổi mà hắn phải sống.»[13]

Con người sở dĩ như thế vì vũ trụ như thế. Nói nghiêm túc, mọi sự vật trong vũ trụ đều có quan hệ nhau. Cho nên nói «tuy thân thể tầm thường, nhưng có thể khiến trời đất phụng sự mình, do đó vạn vật trong trời đất, hễ là hữu thể thì không thể một ngày không có nhau.»

Trong sự việc của con người, sự luân phiên giữa yên bình và loạn lạc cũng là lẽ tự nhiên phải thế. *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư) chú câu «Dung cự tri ngô sở vị thiên chi phi nhân hồ?» 庸詎知吾所謂天之非人乎(Làm sao biết cái mà ta gọi là *thiên* [= tự nhiên] chẳng phải là người?) rằng: «Con người đều là tự nhiên, vậy thì trị hay loạn, thành hay bại, có cơ hội hay không, chẳng phải người làm được, mà đều là tự nhiên thôi.»[14]

---

[12] ***Trang Tử Chú*** **(Đại Tông Sư): «Thủ túc dị nhậm, ngũ tạng thù quan. Vị thường tương dữ, nhi bách tiết đồng hoà. Tư tương dữ ư vô tương dữ dã. Vị thường tương vi, nhi biểu lý câu tế, tư tương vi ư vô tương vi dã.»** 手足異任,五藏殊官.未嘗相與,而百節同和.斯相與於無相與也.未嘗相爲,而表裏俱濟,斯相爲於無相爲也.

[13] ***Trang Tử Chú*** **(Đại Tông Sư): «Nhân chi sinh dã, hình tuy thất xích, nhi ngũ thường tất cụ. Cố tuy khu khu chi thân, nãi cử thiên địa dĩ phụng chi. Cố thiên địa vạn vật, phàm sở hữu giả, bất khả nhất nhật nhi tương vô dã. Nhất vật bất cụ, tắc sinh giả vô do đắc sinh, nhất lý bất chí, tắc thiên niên vô duyên đắc chung.»** 人之生也,形雖七尺,而五常必具.故雖區區之身,乃擧天地以奉之.故天地萬物,凡所有者,不可一日而相無也.…物不具,則大年無緣得終.– **LAM chú: Câu *«Nhất vật bất cụ, tắc sinh giả vô do đắc sinh, nhất lý bất chí, tắc thiên niên vô duyên đắc chung»* Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, sđd., tr.140) dịch là: «Chỉ yếu khuyết thiểu nhất điểm đông tây, tha đích sinh mệnh tựu bất năng bất thụ kỳ ảnh hưởng. Hữu nhất cá lý bất năng thực hiện, tha tựu bất năng hoạt đáo tha ưng hoạt đáo đích tuế số.»** 只要缺少一點東西,他的生命就不能不受其影響.有一個理不能實現,他就不能活到他應活到的歲數. **Cho nên tôi căn cứ ở đây mà dịch như trên.**

[14] ***Trang Tử Chú*** **(Đại Tông Sư): «Nhân giai tự nhiên, tắc trị loạn thành bại, ngộ dữ bất ngộ, phi nhân vi dã, giai tự nhiên nhĩ.»** 人皆自然,則治亂成敗,遇與不遇,非人爲也,皆自然耳.

Trang Tử Chú (Thiên Vận) chú câu «Nhân tự vi chủng nhi thiên hạ nhĩ» 人自爲種而天下耳(Người ta tự lập cho mình thành từng cõi "thiên hạ" riêng)[15] rằng: «Không thể khiến vạn vật bằng nhau cả, mà người với người tự phân biệt nhau. Cho nên con người tự tạo các cõi "thiên hạ" khác nhau. Sự phát triển trăm đời qua cùng với sự biến chuyển gần đây đưa đến sự tồi tệ như vậy chẳng phải do Đại Vũ, nên ở trên mới nói là "thiên hạ". Ý nói hoạt động của thánh nhân chẳng làm loạn thiên hạ, mà thiên hạ ắt phải có cái loạn ấy.»[16]

«Sự phát triển trăm đời qua cùng với sự biến chuyển gần đây», trong toàn thể tình hình ấy, ắt phát sinh một tình hình nào đó, một sự vật nào đó. Đó gọi là tất nhiên. Nhưng chúng ta không thể nêu ra một tình hình nào đó hay một sự vật nào đó là nguyên nhân của một tình hình nào khác hay một sự vật nào khác. Đó gọi là *độc hoá* (tự chuyển hoá). Kiến giải này có chỗ khá tương đồng với triết học lịch sử theo duy vật sử quan.

---

[15] **LAM chú: Câu này liên quan câu ở chú thích 19, nằm trong ngữ cảnh Lão Đam bảo Tử Cống: «Dư ngữ nhữ Tam Vương Ngũ Đế chi trị thiên hạ: Hoàng Đế chi trị thiên hạ, sử dân tâm nhất. Dân hữu kỳ thân tử bất khốc nhi dân bất phi dã. Nghiêu chi trị thiên hạ, sử dân tâm thân. Dân hữu vi kỳ sát kỳ phục nhi dân bất phi dã. Thuấn chi trị thiên hạ, sử dân tâm cạnh. Dân dựng phụ thập nguyệt sinh tử, tử sinh ngũ nguyệt nhi năng ngôn, bất chí bổ hài nhi thuỷ thuỳ, tắc nhân thuỷ hữu yểu hĩ. Vũ chi trị thiên hạ, sử dân tâm biến, nhân hữu tâm nhi binh hữu thuận, sát đạo phi sát. *Nhân tự vi chủng nhi thiên hạ nhĩ*. Thị dĩ thiên hạ đại hãi, Nho Mặc giai khởi. Kỳ tác thuỷ hữu luân, nhi kim hồ phụ nữ, hà ngôn tai!»** 小子少進，余語汝三王五帝之治天下：黃帝之治天下，使民心一。民有其親死不哭而民不非也。堯之治天下，使民心親。民有爲其殺其服而民不非也。舜之治天下，使民心競。民孕婦十月生子，子生五月而能言，不至乎孩而始誰，則人始有夭矣。禹之治天下，使民心變，人有心而兵有順，殺盜非殺。人自爲種而天下亡。是以天下大駭儒墨皆起。其作始有倫，而今乎婦女，何言哉！ **(Ta nói cho mi biết về việc cai trị của ba vua và năm đế nhé: Hoàng Đế trị thiên hạ, khiến lòng dân như một. Dân có cha mẹ mất mà không khóc, nhưng không bị xem là sai. Nghiêu cai trị thiên hạ, khiến lòng dân yêu riêng cha mẹ mình. Dân có tang phục khác nhau tùy theo thân sơ, nhưng không bị xem là sai. Thuấn cai trị thiên hạ, khiến lòng dân cạnh tranh. Đàn bà có thai, 10 tháng sinh con, con được 5 tháng thì biết nói, chưa thành trẻ em mà bắt đầu biết phân biệt ai lạ ai quen; và người ta bắt đầu chết non. Vũ cai trị thiên hạ, khiến lòng dân biến loạn; lòng họ mưu mô, sử dụng vũ khí mà cho là hợp lẽ; nói rằng giết kẻ đạo tặc chẳng phải là giết người. Người ta tự lập cho mình thành từng cõi "thiên hạ" riêng. Cho nên thiên hạ rất kinh hãi. Rồi Nho và Mặc nổi lên, bắt đầu có luân thường, mà nay có kẻ loạn luân lấy con gái của mình làm vợ; thật hết nước nói!) Về câu chót, xin xem chú thích 19.**

[16] ***Trang Tử Chú* (Thiên Vận): «Bất năng đại tề vạn vật, nhi nhân nhân tự biệt, tư nhân tự vi chủng dã. Thừa bách đại chi lưu, nhi hội hồ đương kim chi biến; kỳ tệ chí ư tư giả, phi Vũ dã, cố viết thiên hạ nhĩ. Ngôn thánh trí chi tích, phi loạn thiên hạ, nhi thiên hạ tất hữu tư loạn.»** 不能大齊萬物，而人人自別，斯人自爲種也。承百代之流，而會乎當今之變；其弊至於斯者，非禹也，故曰天下耳。言聖知(智)之跡，非亂天下，而天下必有斯亂。

4. Sự biến hoá của thiên nhiên và nhân sự

Trên đây tôi đã nói lý luận trong *Trang Tử Chú* khá giống lý luận của Parmenides (sinh khoảng năm 515 TCN). Tuy nhiên ở những phương diện khác, nó rất gần lý luận của Heraclitus (540?-480? TCN), chẳng hạn *Trang Tử Chú* cho rằng các sự vật trong vũ trụ luôn biến đổi.[17]

Thiên Đại Tông Sư nói: «[Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ.] Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã.» 夫藏舟於壑，藏山於澤，謂之固矣．然而夜半有力者負之而走，昧者不知也([Giấu thuyền trong hang; giấu núi trong cái đầm; vậy là ổn thoả.] Nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất thì người đang ngủ không biết được.» *Trang Tử Chú* chú giải rằng: «Trong các lực mà không có lực thì chẳng gì lớn bằng lực biến hoá. Cho nên nó chở trời đất tiến về cái mới; nó cõng đồi núi đi để vất bỏ cái cũ. Cái cũ không tạm dừng mà nó tức khắc chuyển sang cái mới. Vậy thì trời đất và vạn vật không lúc nào mà không biến dịch. Đời đều luôn đổi mới, nhưng ta tự xem nó là cũ. Chiếc thuyền mỗi ngày đều biến dịch, nhưng ta xem nó vẫn như cũ. Núi mỗi ngày đều thay đổi, nhưng ta xem nó vẫn như trước. Hôm nay ta chạm vào cánh tay [của ai đó qua đường] và mất nó. Mọi thứ đều âm thầm đi mất. Cái tôi của quá khứ không phải là cái tôi của hôm nay. Cái tôi cùng đi mất với hôm nay, lẽ nào chúng ta cứ bám mãi vào cái cũ? Thế mà đời chẳng ai giác ngộ được lẽ ấy, còn nói ngang rằng cái gặp gỡ hôm nay có thể [tiếp tục] tồn tại; chẳng phải là u mê ư?»[18]

---

[17] **LAM chú: Triết gia Hi Lạp Heraclitus (540?-480? TCN) sinh tại Ephesus (một thành phố cổ của Hi Lạp, nay nằm ở Thổ Nhĩ Kỳ). Do ông sống cô độc cũng như do tính chất tăm tối và yếm thế trong triết thuyết của ông, nên người đời gọi ông là "triết gia hắc ám" (dark philosopher). Mặc dù triết thuyết của ông bắt nguồn từ phái Ionian của triết học Hi Lạp, nhưng ông được xem là một trong những nhà sáng lập môn siêu hình học của Hi Lạp. Ông cho rằng lửa là chất đầu tiên hay nguyên lý đầu tiên tạo ra các hiện tượng trong thế giới cảm giác. Ông cũng cho rằng vạn vật trong vũ trụ luôn biến dịch mãi; chỉ có biến dịch mới là thực.**

[18] ***Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư): «Phù vô lực chi lực, mạc đại ư biến hoá giả dã. Cố nãi yết thiên địa dĩ xu tân, phụ sơn nhạc dĩ xả phóng. Cố bất tạm đình, hốt dĩ thiệp tân; tắc thiên địa vạn vật, vô thời nhi bất dĩ dã. Thế giai tân hĩ, nhi tự dĩ vi cố; chu nhật dịch hĩ, nhi thị chi nhược cựu; sơn nhật canh hĩ, nhi thị chi nhược tiền. Kim giao nhất tý nhi thất chi, giai tại minh trung khứ hĩ. Cố hướng giả chi ngã, phi phục kim ngã dã. Ngã dữ kim câu vãng, khởi thường thủ cố tai? Nhi thế mạc chi giác, hoành vị kim chi sở ngộ, khả hệ nhi tại, khởi bất muội tai?»** 夫無力之力，莫大於變化者也．故乃揭天地以趨新，負山岳以舍放．故不暫停，忽以涉新；則天地萬物，無時而不移也．世皆新矣，而自以爲故；舟日易矣，而視若舊；山日更矣，而視之若前．今交一臂而失之，皆在冥中去矣．故向者之我，非復今我也．我與今俱往，豈常守故哉？而世莫之覺，橫謂今之所遇，可係而在，豈不昧哉？

Parmenides và Heraclitus có triết học trái ngược nhau, nhưng *Trang Tử Chú* có chỗ tương tự với triết học của hai ông khi nói rằng Hữu chỉ là Hữu nếu xét theo toàn thể vũ trụ và nói rằng vạn vật luôn biến dịch nếu xét theo từng sự vật riêng lẻ trong vũ trụ. Thí dụ như nước sông Trường Giang thay đổi từng khoảnh khắc, nhưng xét về toàn thể thì Trường Giang vẫn là Trường Giang.

Xã hội cũng luôn biến dịch. Những định chế xã hội được áp dụng vào một thời kỳ, nhưng theo thời gian thì chúng có hậu quả tai hại cho nên chúng bị thay đổi. *Trang Tử Chú* (Thiên Vận) chú câu «Kỳ tác thuỷ hữu luân nhi kim hồ phụ nữ» 其作始有倫而今乎婦女 ([Đến khi Nho và Mặc nổi lên], bắt đầu có luân thường, thế mà nay điên đảo loạn luân có kẻ lấy con gái của mình làm vợ)[19] rằng: «Nay đời có kẻ lấy con gái của mình

[19] **LAM chú: *Trang Tử* (Thiên Vận) chép lời Lão Đam nói với Tử Cống về việc trị dân của Tam Hoàng Ngũ Đế càng ngày càng khiến dân càng loạn, thậm chí khi Nho và Mặc nổi lên rồi thì sau cũng thế: «Nho Mặc giai khởi. Kỳ tác thuỷ hữu luân, nhi kim hồ phụ nữ, hà ngôn tai!» 儒墨皆起.其作始有倫,而今乎婦女,何言哉! (Đến khi Nho và Mặc nổi lên, bắt đầu có luân thường, mà nay có kẻ loạn luân lấy con gái của mình làm vợ; thật hết nước nói!) Ngô Phong (sđd., tr.155) chú: «*Kỳ* 其 = Nho và Mặc; *phụ nữ* 婦女 = *dĩ nữ vi phụ, chỉ điên đảo thị phi* 以女爲婦,指顚倒是非 (lấy con gái của mình làm vợ, chỉ sự tráo trở đúng sai).» Quách Tượng cũng hiểu như thế: «Kim chỉ dĩ nữ vi phụ nhi thượng hạ bội nghịch giả.» 今之以女爲婦而上下悖逆者 (Nay đời [có kẻ] lấy con gái của mình làm vợ mà trên dưới loạn nghịch). Vương Phu Chi 王夫之 (*Trang Tử Giải* 莊子解, Quảng Văn Thư Cục, không ghi năm, tr.315) chú: «Kỳ xướng đoan các hữu luân loại nhi ngật kim xảo trá cập ư phụ nữ.» 其倡端各有倫類而迄今巧詐及於婦女 (Họ bắt đầu để xướng ai cũng có thứ loại luân lý, mà nay sự xảo trá xảy ra đến cả phụ nữ). Ninh Chí Tân (sđd., tr.180) hiểu *phụ* 婦 là viết nhầm của *quy* 歸 (về, phản lại), còn *nữ* 女 tức là *nhữ* 汝 (anh, mi, ngươi) nên sửa và ngắt câu lại là: «Nho Mặc giai khởi. Kỳ tác thuỷ hữu luân, nhi kim hồ quy, nữ (nhữ) hà ngôn tai!» 儒墨皆起.其作始有倫,而今乎歸,女(汝)何言哉! và dịch: «Nho Mặc chi ngôn hưng khởi. Khởi sơ thế gian hữu luân hữu tự, nhi kim đô phản liễu, nễ hoàn hữu thập ma thoại khả thuyết ni?» 儒墨之言興起.起初世間有倫有序,而今都反了,你還有什么話可說呢 (Lời lẽ của Nho và Mặc nổi lên. Bắt đầu thế gian có luân lý và trật tự, mà nay đều phản ngược cả, ngươi còn có lời nào có thể nói được chăng?) Nguyễn Hiến Lê (*Trang Tử*, Nxb Văn Hoá, 1994, tr.309) dịch: «Lúc đó đạo Khổng và đạo Mặc xuất hiện, đặt ra luân thường [tức tổ chức xã hội] bắt mọi người theo. Phải vậy không em?» Qua đó, ta đoán ông cũng xem: *phụ* 婦 = *quy* 歸 và *nữ* 女 = *nhữ* 汝; nhưng ông hiểu khác Ninh Chí Tân. James R. Ware (*The Sayings of Chuang Chou*, A Mentor Classic, NY 1963, tr.101) dịch: «This so frightened the world that Confucianists and Mohists came into existence. Their rise was quite natural, but today they remind us of the ladies. How is the mess to be described?» ([Sự hỗn loạn ấy] khiến thiên hạ sợ hãi đến nỗi Nho gia và Mặc gia xuất hiện. Sự nổi lên của họ thì hoàn toàn tự nhiên, nhưng nay họ nhắc chúng ta nhớ đến [tình trạng] của phụ nữ. Sự hỗn loạn ấy làm sao tả xiết?). James Legge (bản dịch *Trang Tử* lưu hành trên Internet) dịch: «Then arose the Literati and the followers of Mo Ti. From them came first the doctrine of the relationships of society; and what can be said of the now prevailing customs in the marrying of wives and daughters?» (Rồi thì bọn Nho gia và Mặc gia nổi lên. Khởi đầu từ họ**

làm vợ mà trên dưới loạn nghịch. Chẳng phải việc bắt đầu lập ra luân thường là vô lý, mà khi cái lý của nó trở nên không thích hợp, thì tình trạng xảy ra như thế.»[20]

Trang Tử Chú (Thiên Vận) chú câu «Bỉ tri tần mỹ nhi bất tri tần chi sở dĩ mỹ» 彼知矉美而不知矉之所以美(Ả [xấu xí] kia biết [Tây Thi] cau mày mà đẹp chứ không biết tại sao cau mày mà vẫn đẹp) rằng: «Lễ nghĩa phải đúng thời mà áp dụng, [như trường hợp của] Tây Thi vậy. Thời đã qua mà không vất bỏ nó, [như trường hợp của] ả xấu xí vậy.»[21]

Trang Tử Chú (Thiên Vận) chú câu «Vi ư Trần Thái chi gian» 圍於陳蔡之間([Khổng Tử và đệ tử] bị vây ở biên giới nước Trần và nước Thái [7 ngày]) rằng: «Điển lễ của tiên vương tuỳ thời thích hợp mà áp dụng. Thời đã qua mà không vất bỏ, thì điển lễ trở thành tai hoạ cho dân, và khởi đầu cho thói bắt chước giả dối.»[22]

---

có thuyết về các mối quan hệ xã hội; mà nay người ta có thể nói gì về lề thói thịnh hành trong việc cưới vợ và con gái?) Derk Bodde chép lại bản dịch của H.A. Giles về câu «*Kỳ tác thuỷ hữu luân, nhi kim hồ phụ nữ*» là: «The social relationships were first of all created, but what about women today?» (Những mối quan hệ xã hội được tạo ra trước tiên, nhưng còn phụ nữ ngày nay thì sao?). Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, sđd., tr.178) diễn giải lời chú của Quách Tượng rằng: «Có kẻ lấy con gái của chính mình làm vợ; đó là chuyện lộn lạo, cũng là cái hậu quả tệ hại của lý. Quách Tượng cho rằng hễ có một cái lý thì cũng có cái hậu quả tệ hại của lý. Đó là sự tình không có biện pháp giải quyết.»

20 *Trang Tử Chú* (Thiên Vận): «Kim chi dĩ nữ vi phụ nhi thượng hạ bội nghịch giả, phi tác thuỷ chi vô lý; đãn chí lý chi tệ; toại chí ư thử.» 今之以女爲婦而上下悖逆者,非作始之無理;但至理之弊;遂至於此.

21 *Trang Tử Chú* (Thiên Vận): «Phù lễ nghĩa, đương kỳ thời nhi dụng chi, tắc Tây Thi dã. Thời quá nhi bất khí, tắc xú nhân dã.» 夫禮義,當其時而用之,則西施也.時過而不棄,則醜人也.- LAM chú: *Tần* 矉 tức *tần* 顰 (cau mày, nhăn mặt). Tây Thi (mỹ nhân nước Việt thời Xuân Thu) đau tim, ôm ngực nhăn mặt, nhưng vẫn đẹp. Một ả xấu xí trong xóm tưởng làm vậy là đẹp, nên cũng bắt chước ôm ngực nhăn mặt.

22 *Trang Tử Chú* (Thiên Vận): «Phù tiên vương điển lễ, sở dĩ thích thời dụng dã. Thời quá nhi bất khí, tức vi dân yêu, sở dĩ kiểu hiệu chi đoan dã.» 夫先王典禮,所以適時用也.時過而不棄,即爲民妖,所以矯效之端也.- LAM chú: Từ *kiểu hiệu* 矯效 này không có trong từ điển. Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, tr.174) giảng: «*Hiệu* tựu thị mô phỏng, *kiểu* tựu thị kiểu nhu tạo tác. Sự vật các hữu tự kỷ đích bản tính, yêu mô phỏng biệt nhân, tựu đắc đối ư tự kỷ đích bản tính kiểu nhu tạo tác.» 效就是摹仿,矯就是矯揉造作.事物各有自己的本性,要摹仿別人,就得對於自己的本性矯揉造作(*Hiệu* là bắt chước, *kiểu* là tạo tác mất tự nhiên. Sự vật đều có bản tính riêng của mình, nếu phải bắt chước kẻ khác, ắt phải có sự tạo tác mất tự nhiên đối với bản tính riêng của mình).

Trang Tử Chú (Thiên Vận) chú câu «[Nhân nghĩa, tiên vương chi cừ lư dã]. Chỉ khả dĩ nhất túc nhi bất khả cửu xử. Cấu nhi đa trách» [仁義,先王之邃廬也].止可以一宿而不可久處.覩而多責 ([Nhân nghĩa là cái chòi tạm trú của tiên vương]. Tạm trú một đêm thì được chứ ở lâu thì bị chê trách lắm) rằng: «Nhân nghĩa là bản tính con người; bản tính con người xưa nay thay đổi khác nhau. Cho nên hễ tạm thời dừng ở nhân nghĩa theo thời xưa thì sẽ u tối; hễ để mình trì trệ và bị buộc vào một phương diện thì sẽ hiển lộ. Hiển lộ thì giả dối phát sinh, giả dối phát sinh thì bị chê trách nhiều.»[23]

Xã hội do xu thế tất nhiên mà phải chuyển biến. Hễ xã hội chuyển biến thì những biện pháp cũ hay định chế cũ trở nên lỗi thời. Thời thế đã biến đổi mà cứ cố chấp vào cái lỗi thời ấy, thì không những trái tự nhiên mà còn giả dối nữa.

Trang Tử Chú (Khư Khiếp) chú câu «Nhiên nhi Điền Thành Tử nhất đán sát Tề quân nhi đạo kỳ quốc» 然而田成子一旦殺齊君而盜其國 (Nhưng một sớm Điền Thành Tử giết vua Tề và cướp nước) rằng: «Kẻ bắt chước thánh nhân chỉ bắt chước được vết tích của thánh nhân thôi. Vết tích là vật đã qua, không phải là công cụ đối phó với sự biến đổi [hiện nay]. Tại sao ta lại xem trọng nó mà bám lấy nó? Bám lấy vết tích đã hoàn thành để chế ngự cái bất định; cái bất định xảy đến nhưng vết tích ấy trở thành vật cản trở [chứ không chế ngự được cái bất định].»[24]

Thời thế đã thay đổi thì phải có biện pháp mới hay định chế mới để ứng phó. Thánh nhân lấy biện pháp mới hay định chế mới để ứng phó sự biến đổi mới của thời thế; đó chính là thuận theo tự nhiên.

Trang Tử Chú (Thu Thuỷ) chú câu «Mặc mặc hồ Hà Bá. Nhữ ô tri quý tiện chi môn, tiểu đại chi gia?» 默默乎河伯.汝惡知貴賤之門,小大之家 (Im đi, Hà Bá. Mi làm sao biết được hạng người sang hèn, lớn nhỏ?) rằng: «Cái mà thói đời xem là quý thì có lúc bị xem là tiện;

---

[23] ***Trang Tử Chú*** **(Thiên Vận): «Phù nhân nghĩa giả, nhân chi tính dã; nhân tính hữu biến, cổ kim bất đồng dã. Cố du kỳ nhi quá khứ tắc minh; nhược trệ nhi hệ ư nhất phương tắc kiến. Kiến tắc nguỵ sinh, nguỵ sinh nhi trách đa hĩ.»** 夫仁義者,人之性也;人性有變,古今不同也.故遊寄而過去則冥;若滯而係於一方則見.見則僞生,僞生而責多矣.

[24] ***Trang Tử Chú*** **(Khư Khiếp): «Pháp thánh nhân giả, pháp kỳ tích nhĩ. Phù tích giả, đĩ khứ chi vật, phi ứng biến chi cụ dã. Hề túc thượng nhi chấp chi tai? Chấp thành tích dĩ ngự hồ vô phương; vô phương chí nhi tích trệ hĩ.»** 法聖人者,法其跡耳.夫跡者,已去之物,非應變之具也.奚足尚而執之哉?執成跡以御乎無方;無方至而跡滯矣.

cái lớn trong các sự vật bị người đời xem là nhỏ. Cho nên thuận theo vết tích của vật thì không thể không có sự khác biệt. Vì thế mà Ngũ Đế và Tam Vương khác nhau vậy.»[25]

Trang Tử Chú (Thiên Địa) chú câu «Thiên hạ quân trị nhi Hữu Ngu thị trị chi da?» 天下均治而有虞氏治之耶(Thiên hạ nếu đều yên trị, liệu có cần Thuấn làm cho yên trị chăng?) rằng: «Ở đây ý nói hai thánh nhân (tức Thuấn và Vũ) đều do đời loạn nên mới làm cho nó yên trị. Do thời thế khác nhau mà vua Thuấn dùng phương thức ôn hoà còn vua Vũ thì dùng quân sự. Giữa họ chưa từng có ai hơn ai.»[26]

Thánh nhân bởi thời thế mà thuận theo sự vật; thời thế thay đổi thì phương thức thuận theo sự vật không thể không thay đổi. Họ đều thuận theo sự vật; dù phương thức khác nhau, nhưng giữa họ không có ai hơn ai. *Trang Tử Chú* hoàn toàn không phản đối chế độ đạo đức mà chỉ phản đối chế độ đạo đức nào không hợp thời thôi.

5. Vô vi

Để ứng phó thời thế mới, người ta tự nhiên có biện pháp mới và định chế mới. Đó là sự tất nhiên của thời thế. Thánh nhân thuận theo sự tất nhiên đó, không làm gì nhưng không gì không làm. *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư) chú câu «Dĩ tri vi thời giả, bất đắc dĩ ư sự dã» 以知爲時者,不得已於事也(Dùng trí tuệ để ứng phó thời thế, bất đắc dĩ mới hành động) rằng: «[Nước] trên cao đổ xuống, vật ở dưới nhận lãnh, không thể nào làm ngược giòng chảy. Lớn nhỏ hợp quần, đó là cái thế bất đắc dĩ. Khi một người không thành kiến, anh ta sẽ hiểu biết mọi vật. Đối phó với trăm giòng sông và lãnh đạo mọi người, anh ta sẽ làm sao? Cứ tuỳ theo sự hiểu biết về thời thế, cứ mặc sự việc tất nhiên, và cứ để thiên hạ tự đối phó.»[27]

---

[25] ***Trang Tử Chú* (Thu Thuỷ): «Tục chi sở quý, hữu thời nhi tiện; vật chi sở đại, thế hoặc tiểu chi. Cố thuận vật chi tích, bất đắc bất thù. Tư Ngũ Đế Tam Vương chi sở dĩ bất đồng dã.»** 俗之所貴,有時而賤;物之所大,世或小之.故順物之跡,不得不殊.斯五帝三王之所以不同也.

[26] ***Trang Tử Chú* (Thiên Địa): «Ngôn nhị thánh câu dĩ loạn cố trị chi, tắc ấp nhượng chi ư dụng sư, trực thị thời dị nhĩ. Vị hữu thắng phụ ư kỳ gian dã.»** 言二聖俱以亂故治之,則揖讓之於用師,直是時異耳.未有勝負於其間也.

[27] ***Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư): «Phù cao hạ tương thụ, bất khả nghịch chi lưu dã. Tiểu đại tương quần, bất đắc dĩ chi thế dã. Khoáng nhiên vô tình, quần trí chi phủ dã. Thừa bách lưu chi hội, cư sư nhân chi cực giả, hề vi tai? Nhậm thời thế chi trí, uỷ tất nhiên chi sự, phó chi thiên hạ nhi dĩ.»** 夫高下相受,不可逆之流也.小大相群,不得已之勢也.曠然無情,群知之府也.承百流之會,居師人之極者,奚爲哉?任時世之知,委必然之事,付之天下而已.

«Sẽ làm sao?», cứ vô vi mà thôi. Không làm nhưng không gì không làm.

Trang Tử Chú (Tại Hựu) chú câu «Cố quân tử bất đắc dĩ nhi lâm ly thiên hạ, mạc nhược vô vi» 故君子不得已而臨蒞天下，莫若無爲(Cho nên quân tử khi bất đắc dĩ cai trị thiên hạ thì không biện pháp gì bằng vô vi)[28] rằng: «Vô vi không phải là khoanh tay im lặng; mà chỉ là để mặc mọi vật tự nhiên làm theo bản tính của chúng, như vậy tính mệnh của chúng sẽ yên ổn. Bất đắc dĩ không phải là bị hình phạt uy nghiêm bức bách; mà chỉ là ôm lấy Đạo và giữ chất phác, tuỳ thuận tối đa sự tất nhiên, như vậy thiên hạ tự quy phục.»[29]

«Vô vi» tức là «tuỳ thuận tối đa sự tất nhiên» và «để mặc mọi vật tự nhiên làm theo bản tính của chúng».

Trang Tử Chú (Thiên Đạo) chú câu «Dĩ thử tiến vi nhi phủ thế» 以此進爲而撫世(Lấy nó [tức vô vi] tiến tới làm cho đời bình yên) rằng: «Cái thể của vô vi lớn thay; trong thiên hạ nơi nào chẳng có vô vi? Cho nên chúa thượng không làm thay việc của quan tể tướng, thì Y Doãn và Lã Vọng yên tĩnh làm việc của mình. Quan tể tướng không làm thay việc của trăm quan, thì trăm quan yên tĩnh làm việc của mình. Trăm quan không làm thay việc của vạn dân, thì vạn dân yên tĩnh làm ăn. Trong vạn dân, giữa kẻ này kẻ nọ không hoán đổi cái mà họ có thể làm được với nhau, thì họ yên tĩnh tự đắc. Cho nên từ thiên tử xuống tới thường dân, thậm chí tới động vật, ai dúng tay tạo tác (tức hữu vi) mà thành công được đâu? Do đó càng vô vi thì càng tôn quý.»[30]

---

[28] **LAM chú: Legge dịch: «*Therefore the superior man, who feels himself constrained to engage in the administration of the world will find it his best way to do nothing.*» (Do đó quân tử khi bất đắc dĩ cai trị thiên hạ thì thấy cách tốt nhất là không làm gì cả).**

[29] ***Trang Tử Chú* (Tại Hựu): «Vô vi giả, phi củng mặc chi vị dã. Trực các nhậm kỳ tự vi, tắc tính mệnh an hĩ. Bất đắc dĩ giả, phi bách ư uy hình dã, trực bão Đạo hoài phác, nhậm hồ tất nhiên chi cực, nhi thiên hạ tự tân dã.»** 無爲者，非拱默之謂也．直各任其自爲，則性命安矣．不得已者，非迫於威刑也，直抱道懷朴，任乎必然之極，而天下自賓也.– **LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: «*Tân* 賓 = *phục tòng* 服從, *quy phục* 歸服.»**

[30] ***Trang Tử Chú* (Thiên Đạo): «Phù vô vi chi thể đại hĩ; thiên hạ hà sở bất vô vi tai? Cố chủ thượng bất vi trủng tể chi nhậm, tắc Y Lã tĩnh nhi tư doãn hĩ. Trủng tể bất vi bách quan chi sở chấp, tắc bách quan tĩnh nhi ngự sự hĩ. Bách quan bất vi vạn dân chi sở vụ, tắc vạn dân tĩnh nhi an kỳ nghiệp hĩ. Vạn dân bất dịch bỉ ngã chi sở năng, tắc thiên hạ chi bỉ ngã tĩnh nhi tự đắc hĩ. Cố tự thiên tử dĩ hạ chí ư thứ nhân, hạ cập côn trùng, thục năng hữu vi nhi thành tai? Thị cố di vô vi nhi di tôn dã.»** 夫無爲之體大矣；天下何所不無爲哉？故主上不爲冢宰之任，則伊呂靜而司尹矣．冢宰不爲百官之所執，則百官靜而御事矣．百官不爲萬民之所務，則萬民靜而安其業矣．萬民不易彼我之所能，則天下之彼我靜而自得矣．故自天子以下至

Trang Tử Chú (Thiên Đạo) chú câu «Cố cổ chi nhân quý phù vô vi dã» 故古之人貴夫無爲也(Cho nên người xưa quý trọng vô vi) rằng: «Người thợ vô vi ở khắc gỗ mà hữu vi ở dùng búa. Chúa thượng vô vi ở quản lý sự việc mà hữu vi ở dùng bầy tôi. Bầy tôi có thể quản lý sự việc, chúa thượng có thể dùng bầy tôi. Búa có thể khắc gỗ và thợ có thể dùng búa. Ai nấy đảm đương chức năng của mình, thì lẽ trời trở nên tự nhiên, không có hữu vi. [...] Cho nên ai nấy làm tròn nhiệm vụ của mình, thì trên dưới đều có vị trí đúng đắn mà cái nguyên lý vô vi đạt được tối cao vậy.»[31]

Trang Tử Chú (Thiên Đạo) chú câu «Thượng tất vô vi nhi dụng thiên hạ» 上必無爲而用天下(Vua ắt phải vô vi để sử dụng thiên hạ) rằng: «Cho nên xét về trên dưới thì vua tĩnh mà bầy tôi động; so sánh xưa nay thì Nghiêu và Thuấn vô vi mà Thang và Vũ hữu vi. Tuy nhiên ai nấy đều dùng bản tính của mình mà thiên cơ phát lộ huyền diệu. Vậy, xưa nay, trên dưới, đều vô vi, có ai hữu vi đâu?»[32]

Lấy xưa so sánh với nay, hoạt động sự nghiệp ngày nay thì nhiều hơn. Nhưng hoạt động sự nghiệp ngày nay cũng bởi sự tất nhiên của thời thế mà tự nhiên sinh ra như thế. Con người ngày nay «ai nấy đều dùng bản tính của mình mà thiên cơ phát lộ huyền diệu» cho nên cũng là vô vi. Lấy trên so sánh với dưới, vô vi cũng là «ai nấy đảm đương chức năng của mình». Kiểu nói phổ thông một cách tiêu cực của mọi người về từ «vô vi» (với ý nghĩa: *chống lại xu hướng phát triển của sự vật*) thì chính *Trang Tử Chú* cũng phản đối. Thí dụ, *Trang Tử Chú* (Mã Đề) chú câu «Nhi mã chi tử giả dĩ quá bán

---

於庶人,下及昆蟲,孰能有爲而成哉?是故彌無爲而彌尊也.- LAM chú: ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **(tr.2035) giảng: «*Trùng tể* 冢宰= *Chu đại quan danh, hựu xưng Thái tể, vi bách quan chi thủ* 周代官名,又稱太宰,爲百官之首(tên một chức quan đời Chu, cũng gọi là Thái tể, đứng đầu trăm quan).» Theo từ điển *Từ Hải, côn trùng* 昆蟲 nghĩa rộng là *động vật* (animals), nghĩa hẹp là *sâu bọ* (insects).**

31 ***Trang Tử Chú*** **(Thiên Đạo): «Phù công nhân vô vi ư khắc mộc, nhi hữu vi ư dụng phủ. Chủ thượng vô vi ư thân sự, nhi hữu vi ư dụng thần. Thần năng thân sự, chủ năng dụng thần. Phủ năng khắc mộc, nhi công năng dụng phủ. Các đương kỳ năng, tắc thiên lý tự nhiên, phi hữu vi dã. [...] Cố các tư kỳ nhậm, tắc thượng hạ hàm đắc, nhi vô vi chi lý chí hĩ.»** 夫工人無爲於刻木,而有爲於用斧.主上無爲於親事,而有爲於用臣.臣能親事,主能用臣.斧能刻木,而工能用斧.各當其能,則天理自然,非有爲也.[...] 故各司其任,則上下咸得,而無爲之理至矣.

32 ***Trang Tử Chú*** **(Thiên Đạo): «Cố đối thượng hạ tắc quân tĩnh nhi thần động; tỷ cổ kim tắc Nghiêu Thuấn vô vi nhi Thang Vũ hữu sự. Nhiên các dụng kỳ tính, nhi thiên cơ huyền phát, tắc cổ kim thượng hạ vô vi, thuỳ hữu vi dã?»** 故對上下則君靜而臣動;比古今則堯舜無爲而湯武有事.然各用其性,而天機玄發,則古今上下無爲,誰有爲也?

hĩ» 而馬之死者已過半矣(Hơn phân nửa bầy ngựa đã chết) rằng: «Kẻ giỏi đánh xe phải để cho ngựa trổ hết tài năng. Ngựa trổ hết tài năng khi được tự do. Nhưng kẻ đánh xe lại bắt ngựa chạy nhanh quá sức, muốn dùng quá khả năng của nó, cho nên ngựa không kham nổi mà lăn ra chết nhiều. Nếu tuỳ theo sức ngựa hay ngựa dở mà cho chúng chạy nhanh hay chậm, thì dù ta đi tới tám hướng xa xôi, bản tính của bầy ngựa vẫn được bảo toàn. Nhưng khi nghe nói cứ tuỳ theo bản tính của ngựa thì những kẻ lầm lẫn bèn thả ngựa ra chứ không cưỡi nó; khi nghe nói đến vô vi thì họ nói rằng đi bộ không bằng nằm ngủ. Tại sao họ lầm lạc thế mà không trở lại? Họ đã đánh mất yếu chỉ của Trang Tử quá xa rồi chăng?»[33]

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã» 子治天下,天下既已治也(Ngài cai trị thiên hạ mà thiên hạ yên trị)[34] rằng: «Yên trị do bởi không yên trị; hữu vi xuất từ vô vi. Nếu Nghiêu mà đủ tài, lẽ nào mượn tay Hứa Do ư? Nếu nói khoanh tay yên lặng trong rừng núi mà rồi được tiếng là bậc vô vi, thì cái học Lão Trang bị kẻ quyền lực vất bỏ; cho nên kẻ quyền lực tự hoạt động ở cõi hữu vi mà không quay về [vô vi].»[35]

[33] ***Trang Tử Chú*** **(Mã Đề): «Phù thiện ngự giả, tương dĩ tận kỳ năng dã. Tận năng tại ư tự nhậm, nhi nãi tẩu tác trì bộ, cầu kỳ quá năng chi dụng, cố hữu bất kham nhi đa tử yên. Nhược nãi nhậm nô kỳ chi lực, thích trì tật chi phân, tuy tắc túc tích tiếp hồ bát hoang chi biểu, nhi chúng mã chi tính toàn hĩ. Nhi hoặc giả văn nhậm mã chi tính, nãi vị phóng nhi bất thừa, văn vô vi chi phong, toại vân hành bất như ngoạ, hà kỳ vãng nhi bất phản tai? Tư thất hồ Trang sinh chi chỉ viễn hĩ.»** 夫善御者,將以盡其能也.盡能在於自任,而乃走作馳步,求其過能之用,故有不堪而多死焉.若乃任駑驥之力,適遲疾之分,雖則足跡接乎八荒之表,而衆馬之性全矣.而惑者聞任馬之性,乃謂放而不乘,聞無爲之風,遂云行不如臥,何其往而不返哉?斯失乎莊生之旨遠矣.

[34] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Nghiêu nhượng thiên hạ ư Hứa Do. [...] Hứa Do viết: "*Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã*, nhi ngã do đại tử, ngô tương vị danh hồ? Danh giả, thực chi tân dã, ngô tương vi tân hồ? Tiêu liêu sào ư thâm lâm bất quá nhất chi, yển thử ẩm hà bất quá mãn phúc. [...] Dư vô sở dụng thiên hạ vi.»** 堯讓天下於許由.[...] 許由曰: "子治天下,天下既已治也,而我猶代子,吾將爲名乎?名者,實之賓也,吾將爲賓乎?鷦鷯巢於深林不過一枝;偃鼠飲河不過滿腹[...] 余無所用天下爲. **(Nghiêu muốn nhường thiên hạ cho Hứa Do. [...] Hứa Do nói: "*Ngài cai trị thiên hạ mà thiên hạ yên trị*. Nay tôi thay thế ngài thì tôi vì danh ư? Danh là khách của thực. Tôi muốn làm khách ư? Chim tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu cũng chỉ trên một cành cây; con yển thử uống nước sông cũng chỉ đầy một bụng. [...] Tôi đâu cần dùng thiên hạ.")**

[35] ***Trang Tử Chú*** **(Tiêu Dao Du): «Phù trị chi do hồ bất trị, vi chi xuất hồ vô vi dã, thủ ư Nghiêu nhi túc, khởi tá chi Hứa Do tai? Nhược vị củng mặc hồ sơn lâm chi trung, nhi hậu đắc xưng vô vi giả, thử Lão Trang chi đàm sở dĩ kiến khí ư đương đồ, đương đồ giả tự tất ư hữu vi chi vực nhi bất phản giả, tư chi do dã.»** 夫治之由乎不治,爲之出乎無爲也,取於堯而足,豈借之許由哉?若謂拱默乎山林之中,而後得稱無爲者,此老莊之談所以見棄於當塗,當塗者自必於有爲之域而不反者,斯之由也.

Trang Tử Chú cũng phản đối cái mà người đời noi theo *Lão Tử* gọi là «trở về thuần phác» (phản phác hoàn thuần 返樸還淳).[36] *Trang Tử Chú* (Khắc Ý) chú câu «Cố tố dã giả, vị kỳ vô sở dữ tạp dã» 故素也者,謂其無所與雜也(*Tố* [trong trắng] là nói tình trạng không bị pha tạp với cái khác) rằng: «Nếu xem không hao tổn là *thuần*, thì cho dù trăm hành động cùng làm và vạn thay đổi cùng có, nó vẫn là *thuần*. Nếu xem không pha tạp là *tố*, thì cho dù dáng vẻ như rồng như phượng và nhìn xinh đẹp phi thường, nó vẫn là *tố*. Nếu không thể bảo toàn tính chất tự nhiên mà pha tạp trang sức bề ngoài, thì cho dù da dê da chó đã cạo sạch lông cũng dễ gọi là *thuần* là *tố* ư?»[37]

«Dáng vẻ như rồng như phượng» đều là tính chất tự nhiên, cho nên tuy có dáng vẻ phi thường thì cũng là tố phác. Vật pha tạp trang sức bề ngoài thì không là tố phác, nên phải quay về sự thuần phác.

6. Thánh trí

Lão Tử (chương 19) nói: «Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội.» 絕聖棄智民利百倍(Dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm). Cứ theo các trích dẫn ở tiết trên ta thấy *Trang Tử Chú* không phản đối thánh và trí, mà chỉ phản đối sự học đòi thánh và trí. *Trang Tử Chú* (Mã Đề) chú câu «Cập chí thánh nhân» 及至聖人(Cho đến thánh nhân) rằng: «Thánh nhân là người có bề ngoài đạt được tính, chứ không có cái tạo ra bề ngoài đó. [...] Hễ bề ngoài thánh thiện đã hiển lộ, thì nhân nghĩa không thật và lễ nhạc xa rời bản tính, chỉ có bề ngoài mà thôi. Có thánh nhân tức là có cái tệ hại đó; chúng ta mà như thế sao?»[38]

---

[36] **LAM chú: Cụm từ «phản phác hoàn thuần» 返樸還淳 không nằm trong chính văn của *Lão Tử*. Hà Thượng Công đặt tên cho chương 28 là «phản phác» và cho chương 19 là «hoàn thuần».**

[37] ***Trang Tử Chú* (Khắc Ý): «Cẩu dĩ bất khuy vi thuần, tắc tuy bách hành đồng cử, vạn biến tham bị, nãi chí thuần dã. Cẩu dĩ bất tạp vi tố, tắc tuy long chương phượng tư, thiến hồ hữu phi thường chi quan, nãi chí tố dã. Nhược bất năng bảo kỳ tự nhiên chi chất, nhi tạp hồ ngoại sức, tắc tuy khuyển dương chi khuếch, dung đắc vị chi thuần tố tai?»** 苟以不虧爲純,則雖百行同舉,萬變參備,乃至純也.苟以不雜爲素,則雖龍章鳳姿,倩乎有非常之觀,乃至素也.若不能保其自然之質,而雜乎外飾,則雖犬羊之鞹,庸得謂之純素哉?

[38] ***Trang Tử Chú* (Mã Đề): «Thánh nhân giả, dân đắc tính chi tích nhĩ, phi sở dĩ tích dã. [...] Phù thánh tích ký chương, tắc nhân nghĩa bất chân, nhi lễ nhạc ly tính, đồ đắc hình biểu nhi dĩ hĩ. Hữu thánh nhân tức hữu tư tệ, ngô nhược thị hà tai?»** 聖人者,民得性之跡耳,非所以跡也.[...] 夫聖跡旣彰,則仁義不眞,而禮樂離性,徒得形表而已矣.有聖人即有斯弊,吾若是何哉?

Trang Tử Chú (Thiên Đạo) chú câu «Cổ chi nhân dữ kỳ bất khả truyền dã tử hĩ» 古之人與其不可傳也死矣(Cổ nhân và những gì họ không thể truyền lại được đều chết cả rồi) rằng: «Sự việc ngày xưa đã dứt tuyệt với ngày xưa. Tuy nay có người truyền lại, lẽ nào có thể khiến cái xưa hiện ở ngày nay sao? Cái xưa không hiện ở ngày nay, mà việc ngày nay đã biến đổi. Cho nên hãy dứt bỏ học vấn mà tuỳ theo bản tính tự nhiên, cứ biến hoá theo thời thế, rồi sẽ hoàn thiện.»[39]

Thánh trí thực sự là thánh trí khi nó là tự nhiên của thiên cơ, như thế «dáng vẻ như rồng như phượng» vẫn là *phác tố*. Còn cố ý học đòi thánh trí thì chúng ta chỉ có cái vỏ bề ngoài thôi. Nó chỉ là vết tích của cái đã qua, nên vô dụng cho ngày nay. Cho nên học đòi thánh trí là sai.

Trang Tử Chú (Khư Khiếp) chú câu «Bỉ Tăng, Sử, Dương, Mặc, Sư Khoáng, Công Thuỳ, Ly Chu» 彼曾,史,楊,墨,師曠,工倕,離朱 (Những kẻ như Tăng Tử, Sử Ngư, Dương Chu, Mặc Địch, Sư Khoáng, Công Thuỳ, Ly Chu)[40] rằng: «Mấy kẻ ấy vốn có tài năng này nọ nên khiến thiên hạ nhảy cẫng lên mà bắt chước. Bắt chước họ thì ta mất bản ngã. Bản ngã mất do ngoại vật, tức là ngoại vật làm loạn chủ thể (tức bản ngã). Mối hoạ lớn của thiên hạ chính là mất bản ngã vậy.»[41]

Trang Tử Chú (Khư Khiếp) chú câu «Trạc loạn lục luật» 擢亂六律 (Phá bỏ sáu luật [của âm nhạc]) rằng: «Về âm thanh sắc tướng thì có Ly Chu và Sư Khoáng. Họ có cái được mọi người quý là tai thẩm âm và mắt nhìn xa. Mỗi loài được sinh ra là có phận riêng, nếu lấy cái được mọi người quý mà dẫn đất mình, thì tính mệnh của mình mất đi. Nếu huỷ bỏ cái được mọi người quý, bỏ ngoại vật mà tuỳ thuận bản ngã, thì tai thông mắt sáng

[39] ***Trang Tử Chú* (Thiên Đạo): «Đương cổ chi sự, dĩ diệt ư cổ hĩ. Tuy hoặc truyền chi, khởi năng sử cổ tại kim tai? Cổ bất tại kim, kim sự dĩ biến; cố tuyệt học nhậm tính, dữ thời biến hoá, nhi hậu chí yên.»** 當古之事,已滅於古矣.雖或傳之,豈能使古在今哉?古不在今,今事以變;故絕學任性,與時變化,而後至焉.

[40] **LAM chú: Nguyên văn: «Bỉ Tăng, Sử, Dương, Mặc, Sư Khoáng, Công Thuỳ, Ly Chu, giai ngoại lập kỳ đức nhi dược loạn thiên hạ giả dã, pháp chi sở vô dụng dã.»** 彼曾,史,楊,墨,師曠,工倕,離朱,皆外立其德而煽亂天下者也,法之所無用也 **(Những kẻ như Tăng, Sử, Dương, Mặc, Sư Khoáng, Công Thuỳ, Ly Chu đều lấy ngoại vật để tạo lập tài đức cho mình khiến thiên hạ mê loạn; chớ bắt chước họ mà vô ích).** ***Tăng* là Tăng Tử tức Tăng Sâm, một đại hiếu tử; *Sử* là Sử Ngư** 史魚**, tính cương trực; *Dương* là Dương Chu, chủ trương hưởng lạc; *Mặc* = Mặc Tử; *Sư Khoáng* là bậc thầy âm nhạc, thế kỷ VI TCN; Công Thuỳ là một nghệ nhân; *Ly Chu* có nhãn lực mạnh.**

[41] ***Trang Tử Chú* (Khư Khiếp): «Thử số nhân giả, sở bẩm đa phương, cố sử thiên hạ dược nhi hiệu chi. Hiệu chi tắc thất ngã, ngã thất do bỉ, tắc bỉ vi loạn chủ hĩ. Phù thiên hạ chi đại hoạn giả, thất ngã dã.»** 此數人者,所稟多方,故使天下躍而效之,效之則失我,我失由彼,則彼爲亂主矣.夫天下之大患者,失我也.

của mỗi loài được bảo toàn và con người còn giữ được bản chân của mình.»[42]

Trang Tử Chú (Khư Khiếp) chú câu «Cố viết đại xảo nhược chuyết» 故曰大巧若拙 (Nên nói: khéo lắm mà như rất vụng)[43] rằng: «Kìa con nhện và bọ hung, dù môi trường tệ lậu nhưng nhện vẫn giăng lưới và bọ hung vẫn lăn tròn cục phân, chẳng cầu ở người thợ nào cả; vậy thì vạn vật mỗi thứ đều có khả năng riêng. Khả năng của chúng tuy bất đồng, nhưng sự luyện tập của chúng thì như nhau, có vẻ khéo léo mà lại vụng về. Cho nên kẻ giỏi dùng người, hễ ai làm được vật vuông thì sai làm vật vuông, hễ ai làm được vật tròn thì sai làm vật tròn. Ai nấy tuỳ theo khả năng của mình, nên giữ yên bản tính. [Kẻ giỏi dùng người] không buộc vạn dân phải khéo như Công Thuỳ, cho nên mọi kỹ năng khác nhau dường như vụng; nhưng thiên hạ đều có khả năng riêng, nên chúng dường như khéo. Hễ ai cũng dùng khả năng chính mình, thì ê-ke và com-pa có thể vất bỏ, ngón tay người thợ khéo [Công Thuỳ] có thể chặt bỏ.»[44]

[42] *Trang Tử Chú* (Khư Khiếp): «Phù thanh sắc Ly Khoáng, hữu nhĩ mục giả chi sở quý dã. Thụ sinh hữu phận, nhi dĩ sở quý dẫn chi, tắc tính mệnh táng hĩ. Nhược nãi huỷ kỳ sở quý, khí bỉ nhậm ngã, tắc thông minh các toàn, nhân hàm kỳ chân dã.» 夫聲色離曠，有耳目者之所貴也．受生有分，而以所貴引之，則性命喪矣．若乃毀其所貴，棄彼任我，則聰明各全，人含其眞也.

[43] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Cố tuyệt thánh khí trí, đại đạo nãi chỉ; trịch ngọc huỷ châu, tiểu đạo bất khởi; phần phù phá tỉ, nhi dân phác bỉ; bồi đấu chiết hành, nhi dân bất tranh; đạn tàn thiên hạ chi thánh pháp, nhi dân thuỷ khả dữ luận nghị; *trạc loạn lục luật*, thước tuyệt vu sắt, tắc cổ Khoáng chi nhĩ, nhi thiên hạ thuỷ nhân hàm kỳ thông hĩ; diệt văn chương, tán ngũ thái, giao Ly Chu chi mục, nhi thiên hạ thuỷ nhân hàm kỳ minh hĩ. Cố viết *đại xảo nhược chuyết*.» 故絕聖棄知(智)，大盜乃止；擲玉毀珠，小盜不起；焚符破璽，而民朴鄙；掊斗折衡，而民不爭；殫殘天下之聖法，而民始可與論議；擢亂六律，鑠絕竽瑟，塞瞽曠之耳，而天下始人含其聰矣；滅文章，散五采(彩)，膠離朱之目，而天下始人含其明矣．故曰大巧若拙(Cho nên dứt thánh bỏ trí thì không còn trộm cướp lớn; vất ngọc bỏ châu thì trộm cướp nhỏ không nổi lên; đốt tín phù phá ngọc tỉ thì dân trở nên chất phác; chẻ cái đấu bẻ cái cân [để cân đo] thì dân không tranh chấp; vất bỏ phép tắc của thánh nhân áp dụng cho thiên hạ thì dân bắt đầu có thể nghị luận; *phá bỏ sáu luật*, đập nát ống vu và đàn sắt, bịt tai Sư Khoáng thì thiên hạ bắt đầu có người thính tai; diệt văn chương, dẹp năm màu, làm mờ mắt Ly Chu thì thiên hạ bắt đầu có người tỏ mắt. Cho nên nói: *rất khéo mà như rất vụng*).

[44] *Trang Tử Chú* (Khư Khiếp): «Phù dĩ trí thù kiết khang chi lậu, nhi bố võng chuyển hoàn, bất cầu chi tư công tượng, tắc vạn vật các hữu năng dã. Sở năng tuy bất đồng, nhi sở tập bất cảm dị, tắc nhược xảo nhi chuyết hĩ. Cố thiện dụng nhân giả, sử năng phương giả vi phương, năng viên giả vi viên. Các nhậm kỳ sở năng, nhân an kỳ tính. Bất trách vạn dân dĩ Công Thuỳ chi xảo, cố chúng kỹ dĩ bất tương năng tự chuyết, nhi thiên hạ giai tự năng, tắc đại xảo hĩ. Phù dụng kỳ tự năng, tắc qui củ khả khí, nhi diệu tượng chi chỉ khả lệ dã.» 夫以蜘蛛蛄蜣之陋，而布網轉丸，不求之於工匠，則萬物各有能也．所能雖不同，而所習不敢異，則若巧而拙矣．故善用人者，使能方者爲方，能圓者爲圓．各任其所能，人安其性．不責萬民以工倕之巧，故衆技以不相能自拙，而天下皆自能，則大巧矣．夫用其自能，則規矩可棄，而妙匠之指可攘也.

Ai nấy đều có bản tính riêng và khả năng riêng. Thánh trí sở dĩ là thánh trí chẳng qua là thuận theo bản tính và khai triển khả năng của mình mà thôi. Hễ ai vất bỏ khả năng chính mình mà học đòi thánh trí, thì tính mệnh của mình mất đi. Lý Bạch sinh ra đã là Lý Bạch, không thể không là Lý Bạch. Không có bản tính như Lý Bạch mà học đòi làm Lý Bạch, thì chẳng những thất bại mà còn đánh mất khả năng của chính mình. Thánh trí chẳng qua là tự khai triển khả năng chính mình. Cho nên hễ ai để cho «ai nấy tuỳ theo khả năng của họ» thì không phế bỏ cái nguyên lý của thánh trí. Nhưng kẻ không có tư chất thánh trí thì không thể bỏ bản ngã mà chạy theo người khác, vì sẽ không giữ yên bản tính của mình. Do đó câu «Hễ ai cũng dùng khả năng chính mình, thì com-pa và ê-ke có thể vất bỏ, ngón tay người thợ khéo [Công Thuỳ] có thể chặt bỏ» là để chú giải câu «Khí qui củ, lệ Công Thuỳ chi chỉ» 棄規矩，攦工倕之指 (vất bỏ com-pa và ê-ke; chặt ngón tay Công Thuỳ) trong *Trang Tử*.

Trang Tử Chú (Dưỡng Sinh Chủ) chú câu «Ngô sinh dã hữu nhai nhi tri dã vô nhai» 吾生也有涯而知也無涯 (Cuộc đời ta thì hữu hạn mà tri thức thì vô hạn) rằng: «Nâng cái nặng và nắm cái nhẹ mà thần khí vẫn thư thái, là vì ta biết cái giới hạn của sức lực. Nhưng kẻ chuộng danh và hiếu thắng dù cố gắng đến cụp xương sống cũng chưa đủ thoả mãn tham vọng; đó là vì tri thức không có giới hạn. Cho nên danh từ "tri thức" sinh ra từ chỗ sai lầm và dứt tuyệt ở người thâm sâu. Người thâm sâu tức là tuỳ theo phận mình, chứ không lấy chút gì bên ngoài thêm vào thân. Do đó, dù ta vác nặng vạn cân, nếu làm đúng theo khả năng của mình, thì thân tự nhiên không thấy nặng, dù ta ứng phó vạn nguyên đo, thì sẽ không cảm thấy áp lực của công việc lên chính mình. Đó là nguyên tắc dưỡng sinh vậy.»[45]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Ngũ giả viên nhi cơ hướng phương hĩ» 五者圓而幾向方矣 (Năm cái đó [Đạo, biện, nhân, liêm,

---

[45] ***Trang Tử Chú*** **(Dưỡng Sinh Chủ): «Phù cử trọng huề khinh, nhi thần khí tự nhược; thử lực chi sở hạn dã. Nhi thượng danh hiếu thắng giả, tuy phục tuyệt lữ, do vị túc dĩ hiểm kỳ nguyện, thử tri chi vô nhai dã. Cố tri chi vi danh, sinh ư thất đáng, nhi diệt ư minh cực. Minh cực giả, nhậm kỳ chí phận, nhi vô hào thù chi gia. Thị cố tuy phụ vạn quân, cẩu đương kỳ sở năng, tắc hốt nhiên bất tri trọng chi tại thân, tuy ứng vạn cơ, mẫn nhiên bất giác sự chi tại kỷ. Thử dưỡng sinh chi chủ dã.»** 夫舉重攜輕，而神氣自若；此力之所限也。而尚名好勝者，雖復絕臂，猶未足以慊其願，此知之無涯也。故知之爲名，生於失當，而滅於冥極。冥極者，任其至分，而無毫銖之加。是故雖負萬鈞，苟當其所能，則忽然不知重之在身，雖應萬機，泯然不覺事之在己。此養生之主也。

dũng] tròn trịa nhưng hoá ra vuông vức)[46] rằng: «Năm cái ấy đều lấy hữu vi làm hại cái đúng. [Có kẻ] không thể dừng ở bản tính, mà cứ cầu mong bên ngoài mãi. Bên ngoài vốn không thể cầu được mà cứ cầu nó, giống như hình tròn đòi làm hình vuông, cá đòi làm chim. [Có kẻ] mong có cánh như chim loan chim phượng, [có kẻ] muốn tròn như mặt trời mặt trăng. cái này càng gần, cái kia càng xa. Càng được tri thức thì càng mất bản tính. Cho nên cứ xem mọi vật như nhau và khử bỏ thói thiên vị, ưa chuộng hơn.»[47]

Có thể thấy *Trang Tử Chú* không bảo chúng ta phải sai kẻ có thể vác vạn cân đi vác 10 cân, phải khiến chim loan chim phượng trở thành chim én chim sẻ. Nhưng chim loan, chim phượng, chim én, chim sẻ phải «dừng ở bản tính của mình», không được vọng cầu bên ngoài; phải «tuỳ theo phận mình» chứ đừng «thêm chút gì từ bên ngoài». «Danh từ "tri thức" sinh ra từ chỗ sai lầm», tri thức của bậc thánh trí đều nằm ở trong chính phận mình. Thiên tài ở đời đều làm những gì mà họ không thể không làm và dừng lại ở những chỗ mà họ không thể không dừng. Đó đều là vô vi. Cho nên dù tri thức lớn thế nào cũng không gọi là «tri thức». Còn bất cứ tri thức nào xuất phát từ sự miễn cưỡng thì đều là hữu vi, cho nên dù tri thức ít ỏi thế nào cũng vẫn gọi là «tri thức».

Trang Tử Chú (Nhân Gian Thế) chú câu «Phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải» 福輕乎羽,莫之知載(Phúc nhẹ như lông hồng mà chẳng

---

[46] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Phù đại đạo bất xưng, đại biện bất ngôn, đại nhân bất nhân, đại liêm bất khiếm, đại dũng bất kỷ. Đạo chiêu nhi bất đạo, ngôn biện nhi bất cập, nhân thường nhi bất chu, liêm thanh nhi bất tín, dũng kỷ nhi bất thành. *Ngũ giả viên nhi cơ hướng phương hĩ.*»** 夫大道不稱,大辯不言,大仁不仁,大廉不嗛,大勇不忮.道昭而不道,言辯而不及,仁常而不周,廉清而不信,勇忮而不成.五者圓而幾向方矣 **(Đạo lớn không cần khen, biện luận giỏi không cần nói, nhân ái lớn không yêu riêng ai, liêm khiết lớn thì không khiêm tốn, dũng cảm lớn thì không hung hăn. Đạo mà hiển minh rồi thì không phải là Đạo, lời nói đầy biện luận thì không đạt lý; luôn nhân ái thì không chu toàn tất cả; liêm khiết mà tỏ ra trong sạch thì không đáng tin; dũng cảm mà hung hăn thì không thành công. *Năm cái đó* [Đạo, biện, nhân, liêm, dũng] *tròn trịa nhưng hoá ra vuông vức*).**

[47] ***Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Thử ngũ giả giai dĩ hữu vi thương đương giả dã. Bất năng chỉ hồ bản tính, nhi cầu ngoại vô dĩ. Phù ngoại bất khả cầu nhi cầu chi, thí do dĩ viên học phương, dĩ ngư mộ điểu nhĩ. Tuy hi dực loan phượng, nghĩ qui nhật nguyệt, thử dũ cận, bỉ dũ viễn, thực học di đắc nhi tính di thất. Cố tề vật nhi thiên thượng chi luỵ khử hĩ.»** 此五者皆以有爲傷當者也.不能止乎本性,而求外無已.夫外不可求而求之,譬猶以圓學方,以魚慕鳥耳.雖希翼鸞鳳,擬規日月,此愈近彼愈遠,實學彌得而性彌失.故齊物而偏尚之累去矣.

ai biết mang)[48] rằng: «Chân có thể đi thì cứ để nó đi; tay có thể cầm thì cứ để nó cầm. Cứ nghe cái mà tai nghe; cứ nhìn cái mà mắt thấy. Đừng cố biết cái ta không thể biết được; đừng cố làm cái ta không thể làm được. Hãy dùng cái mình tự dùng được; hãy làm cái mình tự làm được. Hãy làm thoải mái những gì trong bản tính của mình; chớ tìm một chút xíu gì ở ngoài phận mình. Đó là sự cực dễ của vô vi. Vô vi mà tính mệnh không toàn vẹn; điều ấy chưa hề có. Tính mệnh toàn vẹn mà chẳng là phúc; cái lý lẽ ấy chưa hề nghe nói. Cho nên phúc là nhằm cái mà ta gọi là toàn vẹn; nó không phải là vật giả dối, sao lại gởi gấm sức nặng của chiếc lông hồng? Hành động theo bản tính mà không vượt quá phận mình; đó là sự cực dễ của thiên hạ vậy. Cứ nâng cái gì mình tự nâng được; cứ chở cái gì mình tự chở được; đó là sực cực nhẹ của thiên hạ vậy. [...]

---

[48] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Khổng Tử thích Sở, Sở cuồng Tiếp Dư du kỳ môn viết: "Phượng hề phượng hề, hà như đức chi suy dã. Lai thế bất khả đãi, vãng thế bất khả truy dã. Thiên hạ hữu đạo thánh nhân thành yên; thiên hạ vô đạo, thánh nhân sinh yên. Phương kim chi thời, cận miễn hình yên! *Phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải*; hoạ trọng hồ địa, mạc chi tri tị. Dĩ hồ, dĩ hồ! Lâm nhân dĩ đức. Đãi hồ, đãi hồ ! Hoạ địa nhi xu. Mê dương mê dương, vô thương ngô hành. Ngô hành vi khích khúc, vô thương ngô túc." Sơn mộc, tự khẩu dã; cao hoả, tự tiễn dã. Quế khả thực, cố phạt chi; tất khả dụng, cố cát chi. Nhân giai tri hữu dụng chi dụng, nhi mạc tri vô dụng chi dụng dã.»** 孔子適楚，楚狂接輿游其門曰：“鳳兮鳳兮，何如德之衰也．來世不可待，往世不可追也．天下有道聖人成焉；天下無道聖人生焉．方今之時，僅免刑焉！福輕乎羽，莫知之載；禍重乎地，莫知之避．已乎已乎！臨人以德．殆乎殆乎！畫地而趨．迷陽迷陽，無傷吾行．吾行郤曲，無傷吾足．” 山木，自寇也．膏火自煎也．桂可食，故伐之．漆可用故割之．人皆知有用之用，而莫知無用之用也 **(Khi Khổng Tử đến nước Sở, một người điên của nước Sở tên là Tiếp Dư chơi trước cửa nhà Khổng Tử trú ngụ, hát: "Chim phượng ơi, chim phượng ơi! Sao đức lại suy thế! Kỳ vọng chi ở đời sau, cứu vãn chi ở đời trước? Thiên hạ có đạo, thánh nhân thành tựu sự nghiệp; thiên hạ vô đạo, thánh nhân chỉ mong giữ được thân. Đời nay chỉ mong tránh được hình phạt. *Phúc nhẹ như lông hồng mà chẳng ai biết mang*; hoạ nặng như đất mà không ai biết tránh. Thôi đi! Thôi đừng đem đạo đức đến với người đời! Nguy rồi! Nguy vì tự vẽ một vòng tròn trên mặt đất và chạy lẩn quẩn trong đó. Gai góc, gai góc! Ta đi, đừng làm ta đau. Đường ta đi khúc khuỷu, đừng làm chân ta đau!" [Vì có ích nên] cây trên núi tự khiến nó bị đốn; [vì cháy được nên] mỡ tự khiến nó bị đốt sạch. Quế ăn được nên cây quế bị đốn. Cây sơn có ích nên thân bị khắc rạch [để lấy nhựa]. Ai cũng biết lợi thế của sự hữu dụng; mấy ai biết lợi thế của sự vô dụng). Sự kiện Sở cuồng Tiếp Dư hát khi đi qua Khổng Tử cũng được chép trong *Luận Ngữ* (Vi Tử): «Sở cuồng Tiếp Dư, ca nhi quá Khổng Tử, viết: "Phượng hề! Phượng hề! Hà đức chi suy? Vãng giả bất khả gián, lai giả do khả truy. Dĩ nhi! Dĩ nhi! Kim chi tòng chính giả đãi nhi."»** 楚狂接輿，歌而過孔子，曰：鳳兮鳳兮何德之衰？往者不可諫來者猶可追．已而已而今之從政者殆而 **(Một người điên của nước Sở tên là Tiếp Dư đi ngang qua xe Khổng Tử và hát: «Phượng ơi! Phượng ơi! Đức suy đồi. Chuyện đã qua không cứu được rồi, chuyện sắp tới có thể sửa đổi. Thôi đi, thôi đi. Thời này kẻ làm chính trị chỉ nguy mà thôi). Nhân vật Sở cuồng Tiếp Dư xuất hiện chỉ một lần trong *Trang Tử* và chỉ một lần trong *Luận Ngữ* như trích dẫn trên đây.**

Nâng những vật trong phạm vi bản tính, thì dù vác vạn cân ta cũng không cảm thấy nó nặng. Gởi thêm ngoại vật vào, dù nó nặng tí xíu thôi nhưng ta cũng không thể chịu nổi. Làm trong phạm vi bản tính là phúc; cho nên phúc cực nhẹ. Làm ngoài phạm vi bản tính là hoạ; cho nên hoạ cực nặng. Hoạ cực nặng mà chẳng ai biết tránh; đó là sự u mê lớn của thế gian vậy.»[49]

«Làm thoải mái những gì trong bản tính của mình» tức là vô vi, còn có thêm «một chút xíu gì ở ngoài phận mình» tức là hữu vi. Cái gọi là «Chân có thể đi thì cứ để nó đi; tay có thể cầm thì cứ để nó cầm, v.v...» không hề phản đối thánh trí, bởi vì những khả năng của chân, tay, tai, mắt, và tâm trí vốn khác nhau giữa người này với người kia. Thánh trí tự nó là thánh trí. Không hề có tư chất thánh trí mà học đòi có thánh trí, tức là vất bỏ cái cực dễ của vô vi để thực hành cái cực khó của hữu vi vậy; cho nên ắt bị nguy khốn.

Trang Tử Chú (Đức Sung Phù) chú câu «Đạo dữ chi mạo thiên dữ chi hình» 道與之貌天與之形 (Đạo cho nó dung mạo, trời cho nó hình thể)[50] rằng: «Cuộc đời con người đâu phải do ý muốn mà sinh ra. Sự

[49] ***Trang Tử Chú*** **(Nhân Gian Thế): «Túc năng hành nhi phóng chi, thủ năng chấp nhi nhậm chi, thính nhĩ chi sở văn, thị mục chi sở kiến; tri chỉ kỳ sở bất tri, năng chỉ kỳ sở bất năng; dụng kỳ tự dụng, vi kỳ tự vi; thứ kỳ tính nội, nhi vô tiêm giới ư phận ngoại; thử vô vi chi chí dị dã. Vô vi nhi tính mệnh bất toàn giả, vị chi hữu dã. Tính mệnh toàn nhi phi phúc giả, lý vị văn dã. Cố phù phúc giả, tức hướng chi sở vị toàn nhĩ, phi giả vật dã, khởi hữu ký hồng mao chi trọng tai? Suất tính nhi động, động bất quá phận, thiên hạ chi chí dị giả dã. Cử kỳ tự cử, tải kỳ tự tải, thiên hạ chi chí khinh giả dã. [...] Cử kỳ tính nội, tắc tuy phụ vạn quân nhi bất giác kỳ trọng dã. Ngoại vật ký chi, tuy trọng bất doanh tri thù, hữu bất thắng nhậm giả hĩ. Vi nội, phúc dã; cố phúc chí khinh. Vi ngoại, hoạ dã; cố hoạ chí trọng. Hoạ chí trọng nhi mạc chi tri tị; thử thế chi đại mê dã.»** 足能行而放之，手能執而任之，聽耳之所聞，視目之所見；知止其所不知，能止其所不能；用其自用，爲其自爲；恣其性內，而無纖介於分外；此無爲之至易也．無爲而性命不全者，未之有也．性命全而非福者，理未聞也．故夫福者，即向之所謂全耳，非假物也，豈有寄鴻毛之重哉？率性而動，動不過分，天下之至易者也．舉其自舉，載其自載，天下之至輕者也．[...] 舉其性內，則雖負萬鈞而不覺其重也．外物寄之，雖重不盈錙銖，有不勝任者矣．爲內，福也；故福至輕．爲外，禍也；故禍至重．禍至重而莫之錙避；此世之大迷也．

[50] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Huệ Tử vị Trang Tử viết: "Nhân cố vô tình hồ?" Trang Tử viết: "Nhiên." Huệ Tử viết: "Nhân nhi vô tình, hà dĩ vị chi nhân?" Trang Tử viết: "*Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình*, ô đắc bất vị chi nhân?"»** 惠子謂莊子曰："人故無情乎？"莊子曰："然．"惠子曰："人而無情，何以謂之人？"莊子曰："道與之貌，天與之形，惡得月謂之人？" **(Huệ Tử hỏi Trang Tử: "Con người vốn vô tình ư?" Trang Tử đáp: "Đúng vậy." Huệ Tử hỏi: "Người mà vô tình sao gọi là người?" Trang Tử viết: "*Đạo cho nó dung mạo, trời cho nó hình thể*, sao lại không gọi là người được?")**

hiểu biết về cuộc sống lẽ nào do ý muốn mà biết ư? Cho nên có người muốn thành Ly Chu và Sư Khoáng mà không làm được, nhưng Ly Chu và Sư Khoáng do không cố ý mà thông minh. Cũng vậy, có kẻ muốn thành hiền thánh mà không làm được, nhưng hiền thánh do không cố ý mà là hiền thánh. Chẳng phải hiền thánh đã quá xa ư, chẳng phải Ly Chu và Sư Khoáng khó cho ta noi theo ư? Dù ta có ý muốn ngu, điếc, mù, hoặc gáy như gà, sủa như chó, rốt cuộc ta cũng không thể làm được vậy.»[51]

Con người được sinh ra đâu phải hễ có ý muốn là được sinh ra. Tri thức và năng lực của con người cũng đâu phải hễ có ý muốn học tập là có được chúng. Kẻ bình thường không thể học làm thiên tài; thiên tài cũng không thể học làm người bình thường; cũng như chó không thể học làm người, người không thể học làm chó vậy.

7. Tiêu dao

Bậc thánh trí ắt là nhân vật lớn và có sự nghiệp lớn. Hạng người bình thường ắt là nhân vật nhỏ và có sự nghiệp nhỏ. Chim *đại bằng* là chim lớn, chim *học cưu* (một loại bồ câu) là chim nhỏ. *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du) chú câu «Thị điểu dã, hải vận tắc tương tỷ ư nam minh» 是鳥也，海運則將徙南冥 (Con chim [bằng] ấy, khi biển động thì nó bay về biển nam)[52] rằng: «Chỉ có biển mới đủ lớn để vận chuyển thân

[51] *Trang Tử Chú* (Đức Sung Phù): «Nhân chi sinh dã, phi tình chi sở sinh dã. Sinh chi sở tri, khởi tình chi sở tri tai? Cố hữu tình ư vi Ly Khoáng nhi phất năng dã, nhiên Ly Khoáng dĩ vô tình nhi thông minh hĩ. Hữu tình ư vi hiền thánh nhi phất năng dã, nhiên hiền thánh dĩ vô tình nhi hiền thánh hĩ. Khởi trực hiền thánh tuyệt viễn nhi Ly Khoáng nan mộ tai? Tuy hạ ngu lung cổ, cập kê minh cẩu phệ, kỳ hữu tình ư vi chi, diệc chung bất năng dã.» 人之生也，非情之所生也．生之所知，豈情之所知哉?故有情於爲離曠而弗能也，然離曠以無情而聰明矣．有情於爲賢聖而弗能也，然賢聖以無情而賢聖矣．豈直賢聖絕遠而離曠難慕哉?雖下愚聾瞽，及雞鳴狗吠，其有情於爲之，亦終不能也.

[52] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Bắc minh hữu ngư, kỳ danh vi côn. Côn chi đại, bất tri kỳ kỷ thiên lý dã. Hoá nhi vi điểu, kỳ danh vi bằng. Bằng chi bối, bất tri kỳ kỷ thiên lý dã. Nộ nhi phi, kỳ dực nhược thuỳ thiên chi vân. *Thị điểu dã, hải vận tắc tương tỷ ư nam minh.* Nam minh giả, thiên trì dã. [...] Bằng chi tỷ ư Nam minh dã, thuỷ kích tam thiên lý, *đoàn phù dao nhi thượng giả cửu vạn lý, khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã.* [...] *Điểu dĩ học cưu tiếu chi viết:* Ngã quyết khởi nhi phi, thường du phương, thời tắc bất chí nhi khống ư địa nhi dĩ hĩ, hề dĩ giá cửu vạn lý nhi nam vi.» 北冥有魚，其名爲鯤．鯤之大，不知其幾千里也．化而爲鳥，其名爲鵬．鵬之背，不知其幾千里也．怒而飛，其翼若垂天之雲．是鳥也，海運則將徙南冥．南冥者，天池也．[...] 鵬之徙於南冥也，水擊三千里，摶扶搖而上者九萬里，去以六月息者也．[...] 蜩與學鳩笑之曰：我決起而飛，搶榆枋，時則不至而控於地而已矣，奚以這九萬里而南爲(Biển bắc có cá côn, dài không biết mấy ngàn dặm. Nó biến thành chim gọi là chim bằng, dài không biết mấy ngàn dặm. Khi nổi giận thì nó bay, cánh nó

chim bằng, chỉ có chín vạn dặm mới đủ cao để nâng cánh nó; điều đó chẳng phải đáng cho ta hiếu kỳ sao? Chẳng qua vật lớn ắt tự sinh ở nơi lớn; nơi lớn cũng ắt tự sinh ra vật lớn. Nguyên lý vốn tự nhiên như thế, chẳng cần lo sai sót, sao quan tâm đến nó làm gì?»[53]

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Đoàn phù dao nhi thướng giả cửu vạn lý» 摶扶搖而上者九萬里([Chim bằng] vừa bay lên vừa xoay giống như một cơn gió lốc, lên cao chín vạn dặm)[54] rằng: «Hễ cánh lớn thì khó nâng, cho nên vừa bay vừa xoay giống như một cơn gió lốc thì chim bằng mới bay lên được, và chín vạn dặm là đủ cho nó tự vùng vẫy. Bởi có cánh lớn như thế, lẽ nào nó có thể đột ngột bay lên và đáp xuống trong cự ly ngắn ư? Đó là điều tất nhiên phải thế chứ không phải nó làm để cho vui đâu.»[55]

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Chi nhị trùng hựu hà tri?» 之二蟲又何知 (Hai con vật ấy làm sao biết lý lẽ đó)[56] rằng: «Nhị trùng là nói chim bằng và ve sầu. Chim bằng lớn còn ve sầu nhỏ, nên xu hướng của chúng khác nhau. Xu hướng khác nhau phải chăng là kết quả của hiểu biết khác nhau? Chúng tự nhiên như thế mà đều không biết tại sao mình lại như thế. Chúng tự nhiên như thế chứ không cố ý làm ra như

---

xoè như đám mây trời. *Con chim ấy, khi biển động thì nó bay về biển nam.* Biển nam là ao trời. [...] Khi chim bằng [từ biển Bắc] dời về biển Nam, nó đập nước và lướt trên mặt nước dài ba ngàn dặm, *rồi vừa bay lên vừa xoay giống như một cơn gió lốc, lên cao chín vạn dặm; bay mất sáu tháng mới đến biển Nam, rồi nó nghỉ.* [...] *Ve sầu và chim cưu chê cười chim bằng và nói nhau rằng:* Bọn mình cố sức bay, thì chỉ bay tới mấy cây du, cây phương; có khi bay chưa tới thì rơi xuống đất. Tại sao hắn phải bay cao chín vạn dặm rồi mới đi về phương Nam nhỉ?)

[53] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Phi mình hải bất túc dĩ vận kỳ thân, phi cửu vạn lý bất túc dĩ phụ kỳ dực; thử khởi hiếu kỳ tai? Trực dĩ đại vật tất tự sinh ư đại xứ, đại xứ diệc tất tự sinh thử đại vật. Lý cố tự nhiên, bất hoạn kỳ thất, hựu hà thố tâm ư kỳ gian tai?»** 非冥海不足以運其身，非九萬里不足以負其翼；此豈好奇哉？直以大物必自生於大處，大處亦必自生此大物．理固自然，不患其失，又何厝心於其間哉？

[54] **LAM chú: Câu này trong đoạn trích dẫn ở chú thích 52 ngay trên đây.**

[55] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Phù dực đại tắc nan cử, cố đoàn phù dao nhi hậu năng thướng, cửu vạn lý nãi túc tự thắng nhĩ. Ký hữu tư dực, khởi đắc quyết nhiên nhi khởi, sổ nhẫn nhi hạ tai? Thử giai bất đắc bất nhiên, phi lạc nhiên dã.»** 夫翼大則難舉，故摶扶搖而後能上，九萬里乃足自勝耳．既有斯翼，豈得決然而起，數仞而下哉？此皆不得不然，非樂然也．

[56] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Thích mãng thướng giả, tam xan nhi phản, phúc do quả nhiên; thích bách lý giả, túc thung lương; thích thiên lý giả, tam nguyệt tụ lương. *Chi nhị trùng hựu hà tri?*»** 適莽蒼者，三餐而反，腹猶果然；適百里者，宿舂糧；適千里者，三月聚糧．之二蟲又何知？**(Ai muốn đi tới một chỗ ở ngoại thành thì cần mang theo lương thực đủ cho ba bữa, khi về bụng còn no; ai muốn đi 100 dặm thì cần mang**

thế; đó là đại ý của tiêu dao (hạnh phúc).»[57]

Cử động của đại bằng ắt phải lớn; cử động của chim cưu ắt phải nhỏ; đều là cái nguyên lý vốn tự nhiên như thế, không thể nào khác đi được. Chúng tự nhiên như thế mà đều không biết tại sao mình lại như thế. Sự phân biệt lớn nhỏ trong cõi thiên nhiên và trong cõi nhân sự đều là như thế. Đại đế Alexander tất lập nên đại nghiệp như thế; Plato tất phải viết quyển «Dialogues» (Đối thoại) như thế. Cả hai ông đều thuận theo bản tính của mình, không thể nào làm khác đi được; tự nhiên như thế mà đều không biết tại sao mình lại như thế.

Vạn vật tuy có sự bất đồng như thế, nhưng nếu mỗi thứ đều thuận theo bản tính của riêng mình, thì tất cả bọn chúng đều hạnh phúc (tức *tiêu dao*). *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du) chú câu «Khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã» 去以六月息者也([Chim bằng] bay mất sáu tháng [mới đến biển Nam], rồi nó nghỉ)[58] rằng: «Con chim bằng lớn hễ bay thì mất nửa năm, đến ao trời thì ngừng nghỉ; chim cưu nhỏ hễ bay thì mất nửa buổi sáng sớm, bay tới mấy cây du cây phương thì dừng. Nếu so sánh khả năng của chúng, ắt sẽ có khác biệt, nhưng việc chúng thuận theo bản tính thì giống hệt nhau.»[59]

---

lương thực đủ để qua đêm; ai muốn đi 1000 dặm thì cần mang lương thực đủ cho ba tháng. *Hai con vật ấy làm sao biết lý lẽ đó*).– Các dịch giả hiểu *hai con vật ấy* tức là ve sầu và chim cưu, như Nguyễn Hiến Lê (*Trang Tử*, sđd., tr.149) dịch: «Hai con vật nhỏ kia (tức con ve sầu và con chim cưu) biết đâu lẽ đó.»; James Legge dịch: «What should these two small creatures know about the matter?» (Hai sinh vật bé nhỏ này có biết gì về vấn đề đó đâu?); James R. Ware dịch: «But what do cicadas and doves know about such matters?» (Nhưng ve sầu và chim bồ câu biết gì về các vấn đề như thế?); Ninh Chí Tân (sđd., tr.68) dịch: «Thiền hoà han cưu giá lưỡng cá tiểu trùng điểu tri đạo thập ma!» 蟬和斑鳩這兩個小蟲鳥知道什麼!(Ve sầu và bồ câu, hai con côn trùng và chim nhỏ này thì biết cái gì!); Ngô Phong (sđd., tr.111) chú: «Nhị trùng, chỉ điểu hoà học cưu.» 二蟲指蜩和學鳩 (Nhị trùng ám chỉ ve sầu và chim cưu). Thế nhưng, Quách Tượng giảng: «Nhị trùng vị bằng điểu dã.» 二蟲謂鵬蜩也(Nhị trùng là nói chim bằng và ve sầu). Chú ý: *Từ Hải* giảng *trùng* 蟲 có hai nghĩa: *động vật* và *sâu bọ*. Xin xem tiếp chú thích 57 ngay sau đây.

[57] *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Nhị trùng vị bằng điểu dã. Đối đại ư tiểu, sở dĩ quần dị thú dã. Phù thú chi sở dĩ dị, khởi tri dị nhi dị tai? Giai bất tri sở dĩ nhiên nhi tự nhiên nhĩ. Tự nhiên nhĩ, bất vi dã; thử tiêu dao chi đại ý.» 二蟲謂鵬蜩也.對大於小,所以均異趣也.夫趣之所以異,豈知異而異哉?皆不知所以然而自然耳.自然耳,不爲也;此逍遙之大意.

[58] LAM chú: Câu này trong đoạn trích dẫn ở chú thích 52 ngay trên đây.

[59] *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Phù đại điểu nhất khứ bán tuế, chí thiên trì nhi tức; tiểu điểu nhất phi bán triêu, thưởng du phương nhi chỉ. Thử tỉ sở năng, tắc hữu gian hĩ; kỳ ư thích tính nhất dã.» 夫大鳥一去半歲,至天池而息;小鳥一飛半朝,搶榆枋而止.此比所能,則有間矣;其於適性一也.

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Thả phù thuỷ chi tích dã bất hậu» 且夫水之積也不厚 (Nước tích tụ không sâu)[60] rằng: «Ở đây đều nói rõ sở dĩ chim bằng bay cao là vì cánh nó lớn. Hễ cái có chất nhỏ thì không cần thứ lớn; hễ cái có chất lớn thì không dùng thứ nhỏ. Cho nên lý lẽ có sự phân biệt cực rõ, sự vật có cái giới hạn nhất định. Mỗi thứ đều xứng với một việc nào đó, mà sự thành công của chúng thì [được xem] như nhau. Nếu ta mất đi nguyên lý cơ bản là quên sự sống, mà cứ gắng sức ở ngoài cái cực đúng, làm việc không thích hợp sức lực của ta, hành động không tương xứng với tình cảm của ta; như thế cho dù ta xoè cánh như đám mây trời thì cũng không thể lập tức cất cánh lên được, và không thể không gặp khốn đốn.»[61]

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Điều dữ học cưu tiếu chi» 蜩與學鳩笑之 (Ve sầu và chim cưu chê cười chim bằng)[62] rằng: «Nếu có sự mãn túc ở bản tính, thì chim bằng tuy lớn nhưng không tự xem mình quý hơn chim nhỏ; còn chim nhỏ thì không ham muốn ở ao trời mà ước nguyện sung sướng thì có thừa. Cho nên vật tuy lớn nhỏ khác nhau mà niềm hạnh phúc thì như nhau.»[63]

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Nhi Bành Tổ nãi kim dĩ cửu đặc văn» 而彭祖乃今以久特聞 (Ông Bành Tổ cho đến nay do

---

[60] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: *«Thả phù thuỷ chi tích dã bất hậu*, tắc kỳ phụ đại chu dã vô lực. Phúc bôi thuỷ ư ao đường chi thượng, tắc giới vi chi chu. Trí bôi yên tắc giao, thuỷ thiển nhi chu đại dã.» 且夫水之積也不厚,則其負大舟也無力.覆杯水於坳堂之上,則芥爲之舟.置杯焉則膠,水淺而舟大也(Nước tích tụ không sâu thì không chở được thuyền lớn. Đổ một bát nước xuống một chỗ trũng trước sân thì thả một cọng cỏ xuống làm thuyền được. Nhưng thả cái bát xuống đó thì bát dính sát đất [không nổi lên được] vì nước cạn mà thuyền [tức cái bát] lớn).**

[61] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Thử giai minh bằng chi sở dĩ cao phi giả, dực đại cố nhĩ. Phù chất tiểu giả sở tư bất đắc đại, tắc chất đại giả sở dụng bất đắc tiểu hĩ. Cố lý hữu chí phân, vật hữu định cực, các túc xứng sự, kỳ tế nhất dã. Nhược nãi thất hồ vong sinh chi chủ, nhi doanh sinh ư chí đương chi ngoại, sự bất nhậm lực, động bất xứng tình, tắc tuy thuỳ thiên chi dực, bất năng vô cùng quyết khởi chi phi, bất năng vô khốn hĩ.»** 此皆明鵬之所以高飛者,翼大故耳.夫質小者所資不得大,則質大者所用不得小矣.故理有至分,物有定極,各足稱事,其濟一也.若乃失乎忘生之主,而營生於至當之外,事不任力,動不稱情,則雖垂天之翼,不能無窮決起之飛,不能無困矣.

[62] **LAM chú: Câu này trong đoạn trích dẫn ở chú thích 52 ngay trên đây.**

[63] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Cẩu túc ư kỳ tính, tắc tuy đại bằng vô dĩ tự quý ư tiểu điểu, tiểu điểu vô tiện ư thiên trì, nhi vinh nguyện hữu dư hĩ. Cố tiểu đại tuy thù, tiêu dao nhất dã.»** 苟足於其性,則雖大鵬無以自貴於小鳥,小鳥無羨於天池,而榮願有餘矣.故小大雖殊,逍遙一也.

trường thọ mà đặc biệt nổi danh ở đời)[64] rằng: «Tuổi thọ và trí tuệ của người này không bằng tuổi thọ và trí tuệ của người khác, đó là điều lo âu của mọi người. So với những chuyện buồn của con người thì điều này cũng đáng buồn thật. Nhưng người ta chưa từng thấy thế mà buồn, vì ai nấy đều có cái giới hạn riêng của mình. Nếu biết cái giới hạn của mình, thì ta sẽ chẳng mong cầu một chút gì cả ở ngoài giới hạn đó. Vậy thì thiên hạ có chi mà buồn. Vật đã lớn thì chẳng mong nhỏ lại; nhưng vật nhỏ thì luôn ham trở nên lớn. Cho nên Trang Tử nêu ra sự khác biệt giữa cái lớn và cái nhỏ, cho thấy mỗi thứ đều có giới hạn nhất định, như thế nếu ai nấy đều không mong cho bằng kẻ khác, thì cái khổ luỵ do mong cầu có thể dứt tuyệt vậy. Đau buồn sinh ra từ sự khổ luỵ ấy. Khổ luỵ hết thì đau buồn dứt. Nếu đau buồn dứt mà tính mệnh bất an thì điều này chưa hề có vậy.»[65]

---

[64] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Tiểu tri (trí) bất cập đại tri (trí), tiểu niên bất cập đại niên. Hề dĩ tri kỳ nhiên dã? Triêu khuẩn bất tri hồi sóc, huệ cô bất tri xuân thu, thử tiểu niên dã. Sở chi nam hữu minh linh giả, dĩ ngũ bách tuế vi xuân, ngũ bách tuế vi thu; thượng cổ hữu đại xuân giả, dĩ bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu, thử tiểu niên dã. *Nhi Bành Tổ nãi kim dĩ cửu đặc văn*, chúng nhân thất chi, bất diệc bi hồ!»** 小知(智)不及大知(智),小年不及大年.奚以知其然也?朝菌不知晦朔,蟪蛄不知春秋,此小年也.楚之南有冥靈者,以五百歲爲春,五百歲爲秋;上古有大椿者,以八千歲爲春,八千歲爲秋,此大年也.而彭祖乃今以久特聞,衆人匹之,不亦悲乎(**Trí nhỏ không sánh bằng trí lớn; đời ngắn không sánh bằng đời dài. Làm sao mà biết như thế? Loài nấm chỉ sống trọn một buổi sáng thì không biết sự khác biệt đêm và ngày. Huệ cô [một loại ve sầu] không biết sự khác biệt giữa mùa xuân và mùa thu. Đó là những thứ có đời sống ngắn ngủi. Miền nam nước Sở có cây minh linh, mùa xuân của nó dài năm trăm năm, mùa thu của nó dài năm trăm năm; thời xa xưa có cây xuân lớn, mùa xuân của nó dài ngàn năm, mùa thu của nó dài ngàn năm. Đó là những thứ có đời sống dài. Ông Bành Tổ [sống độ bảy trăm năm], cho đến nay do trường thọ mà đặc biệt nổi danh ở đời. Người bình thường đều mong ước được như ông ta; họ chẳng đáng thương sao?) – Ngô Phong (sđd., tr.111) chú: «*Tri* 知 thông với *trí* 智 (trí tuệ); *niên* 年 = tuổi thọ; *triêu khuẩn* 朝菌 = một loại nấm sáng sinh chiều chết; *hồi* 晦 = ngày cuối tháng, *sóc* 朔 = ngày mồng một; *Hồi sóc ở đây chỉ sự bất đồng giữa đêm tối và bình minh (Giả lý hồi sóc chỉ hắc dạ dữ bình minh chi bất đồng* 這里晦朔指黑夜與平明之不同); *huệ cô* 蟪蛄 = *hàn thiền* 寒蟬 (ve sầu mùa lạnh), xuân sinh hè chết hoặc hè sinh thu chết; *xuân thu* chỉ sự sai biệt giữa mùa xuân và mùa thu; *nãi kim* 乃今 = cho đến nay; *đĩ cửu đặc văn* 以久特聞 = do sự trường thọ mà đặc biệt nổi danh ở đời (*đĩ thọ trường nhi đặc biệt văn danh ư thế* 以壽長而特別聞名於世); *thất* 匹 = *tỉ* 比 (so sánh).» Câu cuối, James Legge dịch: «And Master Peng is the one man renowned to the present day for his length of life: if all men were (to wish) to match him, would they not be miserable?» (Còn ông Bành Tổ là người duy nhất nổi tiếng cho đến ngày nay về sống lâu; nếu ai cũng ước được như ông ấy, thì họ chẳng đáng thương sao?)**

Bản tính của vạn vật là cái cực đúng. Hễ vượt ra ngoài nó để mong cầu gì khác, thì sẽ khổ luỵ và đau buồn. Sự đau khổ của con người phần lớn bắt đầu từ đó vậy.

8. Tề vật

Cái khốn khổ của con người chính là do họ không thể an phận với bản tính của mình, không thể dứt tuyệt sự khổ luỵ bởi mong cầu. Kẻ nhỏ mong trở nên lớn, kẻ hèn mong trở nên sang, kẻ ngu mong trở nên khôn. Họ «làm việc không thuận theo sức lực và hành động không tương xứng với tình cảm», cho nên «dù họ xoè cánh như đám mây trời thì cũng không thể lập tức cất cánh lên được, và không thể không gặp khốn đốn».

Muốn cho con người tránh được khổ luỵ bởi mong cầu thì tốt nhất là khiến họ hiểu được ý nghĩa của «tề vật» 齊物 (vạn vật như nhau).

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Nhữ văn nhân lại nhi vị văn địa lại» 汝聞人籟而未聞地籟 (Anh nghe được âm thanh của người chứ chưa nghe được âm thanh của đất)[66] rằng: «Ống tiêu và ống quản có

[65] *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Phù niên trí bất tương cập, nhược thử chi huyền dã. Tì ư chúng nhân chi sở bỉ, diệc khả bi hĩ. Nhi chúng nhân vị thường bỉ thử giả, dĩ kỳ tính các hữu cực dã. Cẩu trí kỳ cực, tắc hào phân bất khả dĩ tương kỳ, thiên hạ hựu hà sở bỉ hồ tai? Phù vật vị thường dĩ đại dục tiểu, nhi tất dĩ tiểu tiện đại. Cố cử tiểu đại chi thù, các hữu định phận, phi tiện dục sở cập, tắc tiện dục sở luỵ, khả dĩ tuyệt hĩ. Phù bỉ sinh ư luỵ, luỵ tuyệt tắc bỉ khứ; bỉ khứ nhi tính mệnh bất an giả, vị chi hữu dã.» 夫年知不相及，若此之懸也．比於於衆人之所悲，亦可悲矣．而衆人未嘗悲此者，以跂性各有極也．苟知跂極，則毫分不可以相跂，天下又何所悲乎哉？夫物未嘗以大欲小，而必以小羨大．故舉小大之殊，各有定分，非羨欲所及，則羨欲所累，可以絕矣．夫悲生於累，累絕則悲去；悲去而性命不安者，未之有也．

[66] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Nam Quách Tử Kỳ ẩn cơ nhi toạ, ngưỡng thiên nhi hư, đài yên tự táng kỳ ngẫu. Nhan Thành Tử Du lập thị hồ tiền, viết: "Hà cư hồ? Hình cố khả sử như cảo mộc, nhi tâm cố khả sử như tử hôi hồ? Kim chi ẩn cơ giả, phi tích chi ẩn cơ giả dã?" Tử Kỳ viết: "Yển, bất diệc thiện hồ nhi vấn chi dã! Kim giả ngô táng ngã, nhữ tri chi hồ? *Nhữ văn nhân lại nhi vị văn địa lại, nhữ văn địa lại nhi bất văn thiên lại phù!*"» 南郭子綦隱機而坐，仰天而噓，荅焉似喪其耦．顏成子游立侍乎前，曰: "何居乎？形固可使如槁木，而心固可使如灰乎？今之隱機者，非昔之隱機者也？" 子綦曰: "偃，不亦善乎而問之也！今者吾喪我，汝知之乎？汝聞人籟而未聞地籟，汝聞地籟而不聞天籟夫！" (Nam Quách Tử Kỳ ngồi tựa bàn, ngước mặt lên trời, từ từ thở ra, dáng như quên hình hài, tinh thần lìa thể xác. Học trò là Nhan Thành Tử Du đứng hầu ở trước mặt, hỏi: "Sao thầy như thế? Hình hài sao khiến như cây khô, tâm sao khiến như tro lạnh vậy? Người tựa bàn hôm nay bây giờ chẳng phải là người tựa bàn hồi nãy hay sao?" Tử Kỳ đáp: "Yển à, anh hỏi hay lắm! Nay ta đã mất bản ngã rồi, anh có biết không? *Anh nghe được âm thanh của người chứ chưa nghe được âm thanh của đất; anh nghe được âm thanh của đất chứ không nghe được âm thanh của trời!*") – Ngô Phong (sđd., tr.114) chú: «*ẩn* 隱 = *y* 依, *bằng khảo* 憑靠 (dựa vào); *cơ* 機 = *kỷ án* 几案 (cái bàn); *hư* 噓

độ dài khác nhau, *cung* và *thương* (trong 5 âm) có âm luật khác nhau, cho nên sinh ra vô vàn âm thanh dài ngắn cao thấp khác nhau; âm thanh tuy vô vàn khác nhau, nhưng mức độ phú bẩm chỉ có một. Như vậy giữa các âm thanh chẳng có sự phân biệt tốt hay xấu.»[67]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Nhạc xuất hư, chưng thành khuẩn» 樂出虛蒸成菌 (Như âm nhạc phát ra từ hư không, hay như

= *thổ khí* 緩緩吐氣 (từ từ hà hơi ra); *đài yên* 荅焉 = *vong hình đích dạng tử* 忘形的樣子 (dáng vẻ quên hình hài); *ngẫu* 耦 = *ngẫu, chỉ khu thể* 偶, 指軀體 (pho tượng, ở đây chỉ thân thể); *táng kỳ ngẫu* 喪其耦 = *tinh thần siêu thoát khu thể, tức đạt đáo liễu vong ngã đích cảnh địa* 精神超脫軀體, 即達到了忘我的境地 (tinh thần xuất ra khỏi thể xác, tức đạt tới cảnh giới vong ngã); *nhi* 而 = *nhĩ* 爾, *nễ* 你 (anh, mi, ngươi); *lại* 籟 = *tiêu* 簫 (ống tiêu, sáo dọc), *giả lý phiếm chỉ tòng khổng huyệt phát xuất đích thanh âm* 這里泛指從孔穴發出的聲音 (ở đây chỉ chung các âm thanh phát ra từ các lỗ); *nhân lại* 人籟 = *chỉ nhân xuy tiêu quản phát xuất đích thanh âm* 指人吹簫管發出的聲音 (ám chỉ âm thanh phát ra do người thổi ống tiêu); *địa lại* 地籟 = *phong xuy các chủng khổng huyệt phát xuất đích thanh âm* 風吹各種孔穴發出的聲音 (âm thanh phát ra do gió thổi từng loại lỗ [tức hang cốc]); *thiên lại* 地籟 = *các khổng huyệt tự nhiên phát xuất đích thanh âm* 各孔穴自然發出的聲音 (âm thanh phát ra tự nhiên bởi từng lỗ).» Câu cuối tôi dịch thoát theo James Legge: «You may have heard the notes of Man, but have not heard those of Earth; you may have heard the notes of Earth, but have not heard those of Heaven.»

[67] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù tiêu quản tham sai, cung thương dị luật, cố hữu đoản trường cao hạ vạn thù chi thanh; thanh tuy vạn thù, nhi sở bẩm chi độ nhất dã. Nhiên tắc ưu liệt vô sở thác kỳ gian hĩ.» 夫簫管參差, 宮商異律, 故有短長高下萬殊之聲; 聲雖萬殊, 而所稟之度一也. 然則優劣無所錯其間矣.~ LAM chú: Phân biệt một số nhạc khí làm bằng ống trúc hay sậy: ① *tiêu* 簫 = ống tiêu bằng trúc; thời xưa dùng *bài tiêu* 排簫 tức là ghép nhiều ống tiêu có độ dài ngắn khác nhau, tượng trưng cánh chim phượng; về sau chỉ dùng một ống, có 3 lỗ, và thổi dọc gọi là *động tiêu* 洞簫. Theo *Ngũ Kinh Thông Nghĩa*, tiêu làm bằng trúc, dài 1 thước 5 tấc (*Tiêu, biên trúc vi chi, trường xích ngũ thốn* 簫, 編竹爲之, 長尺五寸). ② *quản* 管 = một loại nhạc khí hình ống thời xưa, lúc đầu làm bằng ngọc, sau làm bằng ống trúc, có 6 lỗ, dài một thước; về sau chỉ chung nhạc khí hình ống (*cổ đại đích nhất chủng quản nhạc khí, khởi sơ dụng ngọc chế thành, cải dụng trúc, hữu lục khổng, trường nhất xích; hậu phiếm chỉ quản nhạc khí* 古代的一種管樂器, 起初用玉制成, 改用竹, 有六孔, 長一尺. 後泛指管樂器). ③ *địch* 笛 (篴) = sáo 7 lỗ (*Thuyết Văn* giảng: *Địch, thất khổng dược dã* 笛, 七孔龠也). ④ *trì* 篪 = sáo ngang, 8 lỗ. ⑤ *vu* 竽 = nhạc cụ dân gian thịnh hành thời Chiến Quốc, gồm 36 ống sậy có lưỡi gà (*Thuyết Văn* giảng: *Vu, trúc tam thập lục hoàng dã* 竽, 竹三十六簧也); *sanh* 笙 = nhạc cụ gồm 13 ống sậy có lưỡi gà. *Vu* và *sanh* gọi chung là *hoàng* 簧 (*Chính Tự Thông* 正字通 giảng: *Sanh, vu giai vị chi hoàng* 笙, 竽皆謂之簧). ⑥ *dược* 龠 (籥) = sáo 6 lỗ. ⑦ *lại* 籟 = *tiêu* 簫 = ống sáo dọc có 3 lỗ.

nấm sinh ra từ hơi ẩm)[68] rằng: «Mọi vật đều tự nhiên như thế mà không biết tại sao chúng lại như thế, cho nên về hình thể thì chúng khác nhau nhưng về bản chất tự nhiên thì chúng như nhau.»[69]

Mọi sự vật trong cõi thiên nhiên và trong cõi nhân sự tuy khác nhau vô vàn nhưng về bản chất tự nhiên thì chúng như nhau. Thí dụ người là người, chó là chó; người và chó tuy khác nhau nhưng giống nhau về bản chất tự nhiên. Đã như nhau, sao lại xem người là tốt, chó là xấu? Hiểu được lẽ ấy, thì thấy tốt với xấu như nhau.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Như thị giai hữu vi thần thiếp hồ?» 如是皆有爲臣妾乎? (Như vậy chúng đều là bầy tôi và tì thiếp ư?)[70] rằng: «Có tài của hạng bầy tôi và tì thiếp mà không yên

[68] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Hỉ nộ, ai lạc, lự thán, biến triết, điêu dật, khải thái. *Nhạc xuất hư, chưng thành khuẩn.* Nhật dạ tương đại hồ tiền nhi mạc tri kỳ sở manh. Dĩ hồ, dĩ hồ! đán mộ đắc thử, kỳ sở do dĩ sinh hồ!» 喜怒，哀樂，慮嘆，變慹，姚佚，啓態．樂出虛，蒸成菌．日夜相代乎前而莫知其所萌．已乎！已乎！旦暮得此，其由以生乎！ (Mừng và giận, buồn và vui, lo lắng và ân hận, biến đổi và bất biến, hăng hái và biếng lười, nhiệt cuồng và trì trệ. *Tất cả thứ ấy giống như âm nhạc phát ra từ hư không, hay giống như nấm sinh ra từ hơi ẩm nóng.* Ngày và đêm luân phiên nhau, ai biết chúng phát sinh từ đâu. Thôi được rồi! Giữa khoảng sớm tối, ta biết được chúng do đâu mà ra chăng?). Câu cuối, Nguyễn Hiến Lê (sđd., tr.161) dịch: «Hỡi ơi, hỡi ơi; bao giờ chúng ta mới hiểu được lẽ sinh hoá đó trong vũ trụ?» James Legge dịch: «Let us stop! Let us stop! Can we expect to find out suddenly how they are produced?» (Thôi đi! Thôi đi! Ta có thể mong đột nhiên tìm ra chúng được sinh như thế nào chăng?) James R. Ware (sđd., tr.21) dịch: «Enough of this! Between a dawn and a sunset can we discover their birthplaces?» (Thôi đủ rồi! Giữa bình minh và hoàng hôn chúng ta tìm được nơi sinh của chúng chăng?) Ngô Phong (sđd., tr.111) dịch: «Toán liễu ba! Toán liễu ba! Nhất đán ngộ đáo liễu giá cá, ná ma tha tựu thị manh sinh vạn vật đích căn nguyên.» 算了吧！算了吧！一旦悟到了這個，那么它就是萌生萬物的根源 (Mặc kệ nó! Mặc kệ nó! Một mai ta hiểu được điều ấy, thế thì nó chính là căn nguyên sinh ra vạn vật).**

[69] ***Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Vật các tự nhiên, bất tri sở dĩ nhiên nhi nhiên, tắc hình tuy dị dị, kỳ nhiên dĩ đồng dã.»** 物各自然，不知所以然而然，則形雖彌異，其然彌同也.

[70] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Phi bỉ vô ngã, phi ngã vô sở thủ. Thị diệc cận hĩ, nhi bất tri kỳ sở vi sử. Nhược hữu chân tể, nhi đặc bất đắc kỳ trẫm. Khả hành kỷ tín, nhi bất kiến kỳ hình, hữu tình nhi vô hình. Diện hài, cửu khiếu, lục tạng, cai nhi tồn yên, ngô thuỳ dữ vi thân? Nhữ giai thuyết (duyệt) chi hồ? Kỳ hữu tư yên? *Như thị giai hữu vi thần thiếp hồ?* Kỳ thần thiếp bất túc dĩ tương trị hồ? Kỳ đệ tương vi quân thần hồ? Kỳ hữu chân quân tồn yên! Như cầu đắc kỳ tình dữ bất đắc, vô ích tổn hồ kỳ chân.»** 非彼無我，非我無所取．是亦近矣，而不知其所爲使．若有眞宰，而特不得其朕．可行已信，而不見其形，有情而無形．面骸，九竅，六藏，賅而存焉，吾誰與爲親？汝皆說(悅)之乎？其有私焉？如是皆有爲臣妾乎？其臣妾不足以相治乎？其遞相爲君臣乎？其有眞君存焉！如求得其情與不得，無益損乎其眞 (Không có nó thì không có ta, không có ta thì nó không có chỗ thể hiện.

phận bầy tôi và tì thiếp, tức là sai lầm. Cho nên ta biết rằng các quan hệ giữa vua và bầy tôi, trên và dưới, tay và chân, ngoài và trong, đều là sự tự nhiên của lẽ trời, lẽ nào con người mà làm được sao? [...] Hãy để bầy tôi và tì thiếp ai nấy đều an phận mình và vui vẻ giúp nhau. Hãy để chúng giúp nhau như tay với chân, tai với mắt, tứ chi, trăm phần của thân thể; mỗi thứ ấy đều có phận sự riêng mà đồng thời hoạt động vì nhau. [...] Hãy để kẻ mà thời thế cho thấy là người hiền làm vua và để kẻ mà tài không đáp ứng được thời thế làm bầy tôi, như trời tự nhiên mà cao, đất tự nhiên thấp, đầu tự nhiên ở trên, chân tự nhiên ở dưới. [...] Tuy không có sự sắp xếp cố ý cho đúng, mà kết quả tất nhiên là đúng.»[71]

Người tài cao làm vua, người tài thấp làm bầy tôi, đó là đó là sự tự nhiên của lẽ trời. Tuy ai nấy đều có phận sự riêng, nhưng đồng thời có tác dụng với nhau. Biết thế thì ta thấy sang và hèn như nhau.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã» 天地一指也，萬物一馬也 (Trời đất là một *chỉ*

Ta và nó cũng gần như nhau, nhưng không biết ai sai khiến ai. Dường như có một chủ tể đích thực, nhưng ta không thấy được dấu vết của chủ tể. Ta có thể thực hành sự thể nghiệm của mình nhưng không thấy được hình dạng của chủ tể; chủ tể có thực mà không có hình. Ta có mặt mũi, hình hài, 9 khiếu, 6 tạng; chúng đều tồn tại trong thân thể; ta thương thứ nào nhất? Ngươi thích chúng như nhau ư? Hay chỉ yêu riêng thứ nào? *Như vậy chúng đều là bầy tôi và tì thiếp ư?* Bầy tôi và tì thiếp này không đủ năng lực để chi phối nhau ư? Hay là chúng luân phiên làm vua rồi làm bầy tôi? Hay là chúng có một ông vua đích thực! Dù ta có tìm thấy thực trạng của chủ tể đó hay không, thì điều ấy không là suy giảm hay tăng thêm sự chân thực của chủ tể ấy). Ngô Phong (sđd., tr.114) chú: «*Thử* 取= thể hiện; *tình* 情= thực tại; *thuyết* 說= *duyệt* 悅 (vui, thích); *tư* 私= *thiên ái* 偏愛 (yêu thiên vị).»

[71] ***Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Thần thiếp chi tài, nhi bất an thần thiếp chi nhậm, tắc thất hĩ. Cố tri quân thần thượng hạ, thủ túc ngoại nội, nãi thiên lý tự nhiên, khởi chân nhân chi sở vi tai? [...] Phù thần thiếp đãn các đương kỳ phận nhĩ, vị vi bất túc dĩ tương trị dã. Tương trị giả, nhược thủ túc, nhĩ mục, tứ chi, bách thể, các hữu sở tư, nhi cánh tương ngự dụng dã. [...] Phù thời chi sở hiền giả vi quân, tài bất ứng thế giả vi thần. Nhược thiên chi tự cao, địa chi tự ti, thủ tự tại thượng, túc tự tại hạ. [...] Tuy vô thác ư đương nhi tất đương dã.»** 臣妾之才，而不安臣妾之任，則失矣．故知君臣上下，手足外內，乃天理自然，豈眞人之所爲哉？[...] 夫臣妾但各當其分耳，未爲不足以相治也．相治者，若手足，耳目，四肢，百體，各有所司，而更相御用也．[...] 夫時之所賢者爲君，才不應世者爲臣．若天之自高，地之自卑，首自在上，足自在下．[...] 雖無錯於當而必當也．

[tức là *khái niệm*]; vạn vật là một con ngựa)[72] rằng: «Tự xem mình là đúng và xem người khác là sai, đó là thói thường của ta và của người khác. [...] Để hiểu rõ là chẳng có gì khác biệt giữa đúng và sai, thì chẳng gì bằng lấy bên này để minh họa bên kia. Khi lấy bên này để minh họa bên kia, thì ta thấy rằng ta và người khác [bởi ở cùng một bên nên] cùng tự cho mình đúng, còn những kẻ bên kia thì sai. Bởi các bên đều xem nhau là sai, thì thiên hạ không có ai đúng. Hễ cùng xem nhau là đúng, thì thiên hạ không có ai sai. Làm thế nào giảng rõ điều ấy vốn thế? Nếu đúng quả thực là đúng, thì thiên hạ không thể xem nó là sai. Nếu sai quả thực là sai, thì thiên hạ không thể xem nó là đúng. Nhưng ngày nay không có chuẩn mực nhất định để phân biệt đúng hay sai, mà chỉ có sự lẫn lộn đúng sai. Điều đó cho thấy rằng các sự phân biệt đều do mỗi người tin vào quan niệm thiên lệch của mình và cùng nhất trí với nhau. Dù có ngước nhìn trời hay cúi nhìn đất, thì không có gì mà không thế. Do đó thánh nhân hiểu thiên hạ chỉ là một khái niệm, vạn vật chỉ là một con ngựa, nên thánh nhân cực kỳ yên ổn; còn trời đất và vạn vật ai nấy làm phận mình. Tất cả cùng tự đắc, nên không có đúng và không có sai.»[73]

---

[72] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã. Dĩ mã dụ mã chi phi mã, bất nhược dĩ phi mã dụ mã chi phi mã dã. *Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã.*»** 以指喻指之非指，而若以非指喻指之非指也．以馬喻馬之非馬，不若以非馬喻馬之非馬也．天地一指也，萬物一馬也 **(Lấy *chỉ* [tức *khái niệm*] để minh hoạ rằng *chỉ* là *phi chỉ*, chẳng bằng lấy *phi chỉ* để minh họa rằng *chỉ* là *phi chỉ*. Lấy *ngựa* để minh hoạ rằng *ngựa* là *không ngựa*, chẳng bằng lấy *không ngựa* để minh hoạ rằng *ngựa* là *không ngựa*. Trời đất là một *chỉ* [tức là *khái niệm*]; vạn vật là một con ngựa).** Theo Công Tôn Long, «chỉ» 指 (khái niệm phổ quát) khác với «vật» 物 (sự vật cụ thể). Vấn đề này đã được đề cập ở quyển I (chương 9, tiết 6).

[73] ***Trang Tử Chú*** **(Tề Vật Luận): «Phù tự thị nhi phi bỉ, bỉ ngã chi thường tình dã. [...] Tương minh vô thị vô phi, mạc nhược phản phúc tương dụ. Phản phúc tương dụ, tắc bỉ chi dữ ngã, kỷ đồng ư tự thị, hựu quân ư tương phi. Quân ư tương phi, tắc thiên hạ vô thị; đồng ư tự thị, tắc thiên hạ vô phi. Hà dĩ minh kỳ nhiên da? Thị nhược quả thị, tắc thiên hạ bất đắc phục hữu phi chi giả dã. Phi nhược quả phi, diệc bất đắc phục hữu thị chi giả dã. Kim thị phi vô chủ, phân nhiên hào loạn, minh thử khu khu giả, các tín kỳ thiên kiến, nhi đồng ư nhất trí nhĩ. Ngưỡng quan phủ sát, mạc bất giai nhiên. Thị dĩ chí nhân tri thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã. Cố hạo nhiên đại ninh, nhi thiên địa vạn vật, các đương kỳ phận, đồng ư tự đắc, nhi vô thị vô phi dã.»** 夫自是而非彼，彼我之常情也．[...] 將明無是無非，莫若反覆相喻．反覆相喻，則彼之與我，既同於自是，又均於相非．均於相非，則天下無是；同於自是，則天下無非．何以明其然耶？是若果是，則天下不得復有非之者也．非若果非，亦不得復有是之者也．今是非無主，紛然淆亂，明此區區者，各信其偏見，而同於一致耳．仰觀俯察，莫不皆然．是以至人知天地一指也，萬物一馬也．故浩然大寧，而天地萬物各當其分，同於自得，而無是無非也．

Biết như thế, tức là đúng và sai cũng như nhau.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Đại (Thái) Sơn vi tiểu» 天下莫大於秋毫之末，而大(泰)山爲小 (Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu, còn núi Thái thì nhỏ)[74] rằng: «Lấy hình dáng mà so sánh nhau, thì Thái Sơn không chỉ lớn hơn cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu. Nhưng nếu căn cứ bản tính và giới hạn mà xem là lớn, thì những giới hạn trong thiên hạ chưa từng lớn hơn cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu. Bản tính và giới hạn của chúng không lớn, thì cho dù Thái Sơn đi nữa cũng là nhỏ. Cho nên nói: Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu, còn núi Thái thì nhỏ. Thái Sơn mà nhỏ, thì thiên hạ có chi là lớn. Cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu mà lớn, thì thiên hạ có chi là nhỏ. Không có nhỏ, không có lớn, không có thọ không có yểu. Cho nên con *huệ cô* (ve sầu mùa lạnh) chẳng ham cây xuân lớn, mà vui vẻ tự đắc; con sẻ nhỏ chẳng quý *thiên trì* (ao trời), mà mãn nguyện đầy đủ. Nếu biết đủ ở thiên nhiên và yên vui với tính mệnh của mình, thì dù trời đất chưa đủ xem là thọ, trời đất cũng cùng sinh với ta; vạn vật chưa đủ xem là khác biệt, nhưng vạn vật với ta là một. Trời đất sao chẳng cùng sinh? Vạn vật sao chẳng là một?»[75]

---

[74] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «*Thiên địa mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi đại sơn vi tiểu*; mạc thọ ư thương tử, nhi Bành Tổ vi yểu. Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất.» 天下莫大於秋毫之末，而大山爲小；莫壽於殤子，而彭祖爲夭．天地與我并生而萬物與我爲一．(*Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu*; còn núi Thái thì nhỏ. Không có gì sống lâu bằng đứa trẻ chết non; còn ông Bành Tổ thì chết yểu. Trời đất với ta cùng sinh ra; vạn vật với ta là một).– *Thu hào* 秋毫 = chim và thú đến mùa thu mọc thêm lông nhỏ (*tế mao* 細毛); *thu hào chi mạt* 秋毫之末 = cái đầu nhỏ của sợi lông nhỏ đó, nghĩa là rất nhỏ. *Thương* 殤 = trẻ chết non. *Đại sơn* 大山 = tức *Thái Sơn* 泰山. *Bành Tổ* 彭祖 = theo truyền thuyết, ông là người sống lâu đến 800 tuổi. Câu chót rất danh tiếng, James Legge dịch: «*Heaven, earth, and I were produced together and all things and I are one.*» (Trời, đất, và ta cùng được sinh; vạn vật với ta là một) James R. Ware dịch: «*Since Sky, Earth, and I all came into existence at the same time, all creation and I are one.*» (Bởi Trời, đất, và ta cùng sinh, nên vạn vật với ta là một).

[75] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù dĩ hình tương đối, tắc Thái Sơn bất độc đại kỳ đại hĩ. Nhược dĩ tính túc vi đại, tắc thiên hạ chi túc, vị hữu quá ư thu hào dã. Kỳ tính túc giả phi đại, tắc tuy Thái Sơn diệc khả xưng tiểu hĩ. Cố viết, thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Thái Sơn vi tiểu. Thái Sơn vi tiểu, tắc thiên hạ vô đại hĩ. Thu hào vi đại, tắc thiên hạ vô tiểu dã. Vô tiểu vô đại, vô thọ vô yểu. Thị dĩ huệ cô bất tiện đại xuân, nhi hân nhiên tự đắc; xích yến bất quý thiên trì, nhi vinh nguyện dĩ túc. Cẩu túc ư thiên nhiên nhi an kỳ tính mệnh, cố tuy thiên địa vị túc vi thọ, nhi dữ ngã tịnh sinh; vạn vật vị túc vi dị nhi dữ ngã đồng đắc. Tắc thiên địa chi sinh, hựu hà bất tịnh? Nhi vạn vật chi đắc, hựu hà bất nhất tai?» 夫以形相對，則泰山不獨大其大矣．若以性足爲大，則天下之足，未有過於秋毫也．其

Biết như thế, tức là lớn và nhỏ cũng như nhau, sống lâu và chết non cũng như nhau.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã» 彼是方生之說也(Đó là lý thuyết cái kia và cái này sinh ra lẫn nhau)[76] rằng: «Sự biến đổi giữa sống và chết cũng giống như sự vận hành của bốn mùa: xuân và thu, đông và hạ. Cho nên trạng thái sống và chết tuy khác nhau, nhưng chúng là một nếu ai cũng an tâm chấp nhận cảnh ngộ. Kẻ đang sống tự gọi sự sống là sống, còn kẻ sắp chết tự gọi sự sống là chết, vậy thì không có sự sống. Kẻ đang sống tự gọi cái chết là chết, còn kẻ sắp

---

性足者非大,則雖泰山亦可稱小矣.故曰,天下莫大於秋毫之末,而泰山爲小.泰山爲小,則天下無大矣.秋毫爲大,則天下無小也.無小無大,無壽無夭.是以蟪蛄不羨大椿,而欣然自得;斥鴳不貴天池,而榮願以足.苟足於天然而安其性命,故雖天地未足爲壽,而與我並生;萬物未足爲異,而與我同得.則天地之生,又何不並?而萬物之得,又何不一哉?- LAM chú: ***Huệ cô*** 蟪蛄 = ***hàn thiền*** 寒蟬 (ve sầu mùa lạnh), xuân sinh hè chết hoặc hè sinh thu chết; ***xích yến*** 斥鴳 (尺鷃) = chim sẻ nhỏ, cũng gọi là ***yến tước*** 鷃雀, ***ly yến*** 鸝鷃 (xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, tr.1818, mục từ ***yến*** 鷃); ***đại xuân*** 大椿 = cây ***xuân*** 椿 [chun], loại cây theo truyền thuyết là trường thọ (đừng lầm với cây ***thung*** 椿 [zhuang]), mùa xuân hoặc mùa thu của nó dài tám ngàn năm, từ đó người ta dùng từ ***xuân linh*** 椿齡 hay ***xuân niên*** 椿年 để chúc thọ cho nhau, đồng thời gọi cha là ***xuân đình*** 椿庭 (gọi mẹ là ***huyên đường*** 萱堂; cha mẹ gọi chung là ***xuân huyên*** 椿萱). Derk Bodde dịch ***huệ cô*** là ***chrysalis*** (con nhộng) và ***xích yến*** là ***quail*** (chim cút), e rằng sai.

[76] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Đạo ô hồ ẩn nhi hữu chân ngụy? Ngôn ô hồ ẩn nhi hữu thị phi? Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn? Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả? Đạo ẩn ư tiểu thành, ngôn ẩn ư vinh hoa. Cố hữu Nho Mặc chi thị phi, dĩ thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị. Dục thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị, tắc mạc nhược dĩ minh. Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị. Tự bỉ tắc bất kiến, tự tri tắc tri chi. Cố viết: bỉ xuất ư thị, thị diệc nhân bỉ. ***Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã.*** Tuy nhiên phương sinh phương tử, phương tử phương sinh; phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả; nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị.» 道惡乎隱而有眞僞?言惡乎隱而有是非?道惡乎往而不存?言惡乎存而不可?道隱於小成,言隱於榮華.故有儒墨之是非,以是其所非而非其所是.欲是其所非而非其所是,則莫若以明.物無非彼,物無非是.自彼則不見,自知則知之.故曰:彼出於是,是亦因彼.彼是方生之說也.雖然方生方死,方死方生;方可方不可,方不可方可;因是因非,因非因是 (**Đạo bị che lấp nơi đâu, khiến có chân và ngụy? Lời bị che lấp nơi đâu, khiến có thị và phi? Đạo đi đâu khiến nó không còn nữa? Lời ở đâu khiến nó không sao hiểu được? Đạo bị sự vụn vặt che lấp. Lời bị sự hoa mỹ sáo rỗng che lấp. Cho nên có sự tranh luận đúng sai giữa Nho gia và Mặc gia; bên này cho là đúng cái mà bên kia cho là sai và cho là sai cái mà bên kia cho là đúng. Muốn xem là đúng cái bị xem là sai và xem là sai cái được xem là đúng, thì không gì bằng dùng ánh sáng [của trí tuệ]. Vật nào cũng là vật khác mà cũng là chính nó. Xét từ phía vật khác thì ta không thấy nó, còn tự biết mình thì ta biết nó. Cho nên nói: cái kia phát xuất ở cái này, cái này cũng nhân cái kia mà ra. *Đó là lý thuyết cái kia và cái này sinh ra lẫn nhau.* Tuy nhiên, bất cứ vật gì đang sống cũng là đang chết, đang chết là cũng đang sống; có thể cũng là không thể, không thể cũng là có thể. Nguyên do đúng cũng là nguyên do sai, nguyên do sai cũng là nguyên do đúng).

chết tự gọi cái chết là sống, vậy thì không có cái chết. Không có cái sống, không có cái chết; không có cái có thể, không có cái không thể.»[77]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Thử chi vị vật hóa» 此之謂物化(Đó gọi là sự chuyển hoá qua lại giữa sự vật)[78] rằng: «Thời gian không tạm dừng; cái hiện tại thì không tiếp tục tồn tại. Cho nên giấc mộng hôm qua, hôm nay đã biến đổi. Sự biến đổi giữa sống và chết, có khác thế đâu. Vậy sao chúng ta cứ khổ tâm giữa sống với chết?»[79]

Trang Tử Chú (Đại Tông Sư) chú câu «Kỳ vi lạc khả thắng kế da?» 其爲樂可勝計耶 (còn vui biết bao)[80] rằng: «Cái vốn chẳng là người mà hoá ra người; hoá ra người thì nó mất trạng thái ban đầu của nó. Mất

---

[77] ***Trang Tử Chú*** **(Tề Vật Luận): «Phù sinh tử chi biến, do xuân thu đông hạ tứ thời hành nhĩ. Cố tử sinh chi trạng tuy dị, kỳ ư các an sở ngộ nhất dã. Kim sinh giả phương tự vị sinh vi sinh, nhi tử giả phương tự vị sinh vi tử, tắc vô sinh hĩ. Sinh giả phương tự vị tử vi tử, nhi tử giả phương tự vị tử vi sinh, tắc vô tử hĩ. Vô tử vô sinh, vô khả vô bất khả.»** 夫生死之變，猶春秋冬夏四時行耳．故死生之狀雖異，其於各安所遇一也．今生者方自謂生爲生，而死者方自謂生爲死，則無生矣．生者方自謂死爲死，而死者方自謂死爲生，則無死矣．無死無生，無可無不可.

[78] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Tích giả Trang Chu mộng vi hồ điệp, hồ hồ nhiên hồ điệp dã. Tự dụ thích chí dư! Bất tri Chu dã. Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Chu dã. Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư? Hồ điệp chi mộng vi Chu dư? Chu dữ hồ điệp tắc tất hữu phân hĩ. Thử chi vị vật hóa.»** 昔者莊周夢爲蝴蝶，栩栩然蝴蝶也．自喻適志歟！不知周也．俄然覺，則蘧蘧然周也.不知周之夢爲蝴蝶歟?蝴蝶之夢爲周歟?周與蝴蝶則必有分矣.此之謂物化**(Có lần Trang Chu tôi mộng thấy mình biến thành bướm, bay lượn khoái chí, tôi chẳng biết nó là Chu. Đột nhiên tôi tỉnh dậy, biết mình đích thực là Chu. [Tôi không biết trước đó] Chu mộng thấy biến thành bướm, hay bướm mộng thấy biến thành Chu? Nhưng giữa Chu và bướm ắt phải có sự phân biệt. Đó gọi là sự chuyển hoá qua lại giữa sự vật).- *Vi* 爲= hoá thành. *Hủ hủ nhiên* 栩栩然= linh hoạt sung sướng. *Dụ* 喻= cảm thấy (*giác đắc* 覺得). *Nga nhiên* 俄然= *đột nhiên* 突然. *Cừ cừ nhiên* 蘧蘧然= hiển nhiên.*Vật hoá* 物化= sự chuyển hoá của sự vật.

[79] ***Trang Tử Chú*** **(Tề Vật Luận): «Phù thời bất tạm đình, nhi kim bất toại tồn, cố tạc nhật chi mộng, ư kim hoá hĩ. Tử sinh chi biến, khởi dị ư thử, nhi lao tâm ư kỳ gian tai?»** 夫時不暫停，而今不遂存，故昨日之夢，於今化矣．死生之變，豈異於此，而勞心於其間哉?

[80] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ. Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã. Tàng đại tiểu hữu nghi, do hữu sở độn, nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ, nhi bất đắc sở độn, thị hằng vật chi đại tình dã. Đặc phạm nhân chi hình nhi do hỉ chi. Nhược nhân chi hình giả, vạn hoá nhi vị thuỷ hữu cực dã, *kỳ vi lạc khả thắng kế da*? Cố thánh nhân tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn. Thiện yểu thiện lão, thiện thuỷ thiện chung, nhân do hiệu chi, nhi huống vạn vật chi sở hệ nhi nhất hoá chi sở đãi hồ?»** 夫藏舟於壑，藏山於澤，謂之固矣．然而夜半有力者負之而走，昧者不知也．藏大小有宜，猶有所遯，若夫藏天下於天下，而不得所遯，是恆物之大情也．特犯人之形猶喜之．若人之形者，萬化而未始有極也，其爲樂可勝計耶?故聖人將遊於物

đi mà vui; vui với mọi thứ nó gặp. Biến hoá vô cùng, có gì mà không gặp? Gặp mà vui, cái vui ấy chẳng là tột cùng sao?»[81]

Biết như thế, tức là sống và chết cũng như nhau.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Phù tam tử giả, do tồn hồ bồng ngải chi gian» 夫三子者,猶存乎蓬艾之間(Vua ba nước ấy ở nơi hoang vu xa xôi)[82] rằng: «Khi người ta tìm thấy yên ổn ở cái gì, thì cái ấy không còn là bỉ lậu nữa, vậy thì nơi hoang vu xa xôi ấy chính là chỗ ở tuyệt vời của ba vua ba nước ấy. [...] Nay [vua Nghiêu] muốn tước đoạt chí nguyện sống nơi hoang vu xa xôi của họ, muốn chinh phạt họ khiến họ phải phục tòng mình, thì việc ấy có lớn lao đối với đạo lớn chăng? Cho nên [vua Nghiêu] cảm thấy bất an. Nếu mỗi vật vui sướng

---

之所不得遯而皆存.善夭善老,善始善終,人猶效之,而況萬物之所係而一化之所待乎?(Giấu thuyền trong hang; giấu núi trong cái đầm; vậy là ổn thoả. Nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất thì người đang ngủ không biết được. Cất giấu cái lớn và cái nhỏ đúng đắn mà còn bị mất. Nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì sẽ không còn chỗ nào hở để nó mất. Đó là chân lý lớn của mọi vật. Có hình thể của con người là cũng vui rồi. Hình thể con người cũng chỉ là một trong vô vàn biến hoá của vũ trụ. Vậy thì ngắm những biến hoá trong vũ trụ *còn vui biết bao*. Cho nên thánh nhân lãng du trong cái không thể mất của vật mà cùng tồn tại. Ai biết chấp nhận thọ như yểu, đầu như cuối, thì được người ta bắt chước; huống hồ [Đạo là] cái liên hệ với vạn vật và mọi biến hoá lệ thuộc vào nó?) - Ngô Phong (tr.131) giảng: *cố* 固 = *ổn thoả* 穩妥; *muội* 昧 = *mị* 寐(ngủ); *muội giả* 昧者 = *thuỵ trước đích nhân* 睡著的人(kẻ đang ngủ); *độn* 遯 = *thất* 失(mất); *đặc* 特 = *chỉ* 只(chỉ là); *phạm* 犯 = *thừa thụ* 承受(nhận lĩnh, tiếp nhận).

[81] *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư): «Bản phi nhân nhi hoá vi nhân, hoá vi nhân thất tư cố hĩ. Thất cố nhi hĩ, hĩ sở ngộ dã. Biến hoá vô cùng, hà sở bất ngộ? Sở ngộ nhi lạc, lạc khởi hữu cực hồ?» 本非人而化爲人,化爲人失於故矣.失故而喜,喜所遇也.變化無窮,何所不遇?所遇而樂,樂豈有極乎?

[82] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Cố tích giả Nghiêu vấn ư Thuấn viết: "Ngã dục phạt Tông, Khoái, Tư Ngao, nam diện nhi bất thích nhiên. Kỳ cố hà dã?" Thuấn viết: "*Phù tam tử giả, do tồn hồ bồng ngải chi gian.* Nhược bất thích nhiên hà tai! Tích giả thập nhật tịnh xuất, vạn vật giai chiếu, nhi huống đức chi tiến hồ nhật giả hồ!"» 故昔者堯問於舜曰: "我欲伐宗,膾,胥敖,南面而不釋然.其故何也?" 舜曰: "夫三子者,猶存乎蓬艾之間.若不釋然何哉!昔者十日并出,萬物皆照,而況德之進乎日者乎!" (Cho nên ngày xưa vua Nghiêu hỏi ông Thuấn: "Tôi muốn chinh phạt ba nước Tông, Khoái, Tư Ngao; mỗi khi lâm triều, hướng về phía nam lòng tôi chẳng vui, tại sao thế?" Ông Thuấn đáp: "*Vua ba nước ấy ở nơi hoang vu xa xôi.* Lòng bệ hạ chẳng vui ư? Ngày xưa mười mặt trời cùng mọc, đều chiếu sáng vạn vật, huống hồ đạo đức còn chiếu sáng hơn mặt trời nữa!").– Ngô Phong (sđd., tr.117) chú: «*Tông, Khoái, Tư Ngao* 宗,膾,胥敖 = ba nước nhỏ thời Nghiêu Thuấn; *bất thích nhiên* 不釋然 = *tâm trung bất duyệt* 心中不悅 (trong lòng không vui); *tam tử* 三子 = *tam tiểu quốc chi quân* 三小國之君(các vua của ba nước nhỏ); *bồng ngải* 蓬艾 = *hao thảo* 蒿草(cỏ hao); *bồng ngải chi gian* 蓬艾之間 = *hoang viễn chi địa* 荒遠之地(nơi hoang vu xa xôi).

với bản tính của mình, ai nấy yên ổn với chỗ yên ổn của mình, bất kể là xa hay gần hay thâm u, và nếu cứ để mặc kệ họ đạt được tột đỉnh của họ, thế thì họ đều mãn nguyện mà ta cũng vui.»[83]

«Khi người ta tìm thấy yên ổn ở cái gì», đó là đạo lý tự biết đủ; thế thì «cái ấy không còn là bỉ lậu nữa». Con người man dã tự an vui nơi hoang vu xa xôi, thì nơi chốn ấy chính là chỗ tuyệt diệu của họ. Vậy thì cứ mặc kệ họ, chớ có đem quân chinh phạt họ, bắt họ quy phục mình. Biết thế, tức là trí tuệ và ngu muội cũng như nhau, văn minh và man dã cũng như nhau.

Hễ biết vạn vật đều như nhau, sống và chết là một, thì chúng ta sẽ *vô chấp* 無執 (không câu chấp) và *vô ngã* 無我.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã» 是故滑疑之耀，聖人之所圖也 (Cho nên sự rực rỡ của biện thuyết làm loạn nhân tâm là cái mà thánh nhân vất bỏ)[84] rằng: «Thánh nhân là bậc vô ngã. Cho nên sự rực rỡ của biện thuyết

[83] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù vật chi sở an vô lậu dã, tắc bổng ngải nãi tam tử chi diệu xứ dã. [...] Nhi kim dục đoạt bổng ngải chi nguyện, nhi phạt sử tòng kỷ, ư chí đạo khởi hoành tai? Cố bất thích nhiên thần giải nhĩ. Nhược nãi vật sướng kỳ tính, các an kỳ sở an, vô viễn nhĩ u thâm, phó chi tự nhược, giai đắc kỳ cực, tắc bỉ vô bất đáng, nhi ngã vô bất dĩ dã.» 夫物之所安無陋也，則蓬艾乃三子之妙處也. [...] 而今欲奪蓬艾之願，而伐使從己，於至道豈宏哉?故不釋然神解耳. 若乃物暢其性，各安其所安，無遠邇幽深，付之自若，皆得其極，則彼無不當，而我無不怡也.

[84] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Chiêu Văn chi cổ cầm dã, Sư Khoáng chi chi sách dã, Huệ Tử chi cứ ngô dã, tam tử chi tri cơ hồ giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chi mạt niên. Duy kỳ hiếu chi dã dĩ dị ư bỉ, kỳ hiếu chi dã dục dĩ minh chi. Bỉ phi sở minh nhi minh chi, cố dĩ kiên bạch chi muội chung. Nhi kỳ tử hựu đĩ văn chi luân chung, chung thân vô thành. Nhược thị nhi khả vị thành hồ, tuy ngã diệc thành dã; nhược thị nhi bất khả vị thành hồ, vật dữ ngã vô thành dã. *Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã.* Vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung, thử chi vị "dĩ minh".» 昭文之鼓琴也，師曠之枝策也，惠子之據梧也，三子之知幾乎皆其盛者也，故載之末年. 唯其好之也以異於彼，其好之也欲以明之，故以堅白之昧終. 而其子又以文之綸終，終身無成. 若是而可謂成乎，雖我亦成也；若是而不可謂成乎，物與我無成也. 是故滑疑之耀，聖人之所圖也. 爲是不用而寓諸庸，此之謂"以明" (Chiêu Văn chơi đàn cầm, Sư Khoáng gõ nhịp, Huệ Tử dựa cây ngô đồng. Tài trí của ba người đó gần như hoàn hảo, cho nên họ giữ được tiếng đến hết đời. Sở thích của họ khác với sở thích của người khác, nên họ đều muốn khiến người khác biết rõ sở thích của họ. Nhưng dù cố làm cho người khác hiểu nhưng họ lại không làm rõ được, do đó Huệ Thi mới làm hỏng đời mình bằng thuyết kiên bạch, còn con cái của họ muốn nối nghiệp cha, đến cuối đời cũng không thành công. Nếu họ làm theo cách đó mà có thể gọi là thành công, thì tôi [tuy thất bại] cũng gọi là thành công; còn như họ không thể gọi là thành công, thì tôi cũng như kẻ khác cũng không thành công. *Cho nên sự rực rỡ của biện thuyết làm loạn nhân tâm là cái mà thánh nhân vất bỏ.* Ngài không dùng quan điểm thành hay bại để xem xét sự vật, mà gởi gắm sự vật ở sự bình

làm loạn nhân tâm thì ngài vất bỏ. Những gì kỳ lạ và quái dị thì ngài thấu suốt và xem như một. Ngài để mặc những thứ khác biệt nhau yên phận chúng và để cho mọi người không làm mất cái mà họ xem là đúng. Vậy thì ngài không bị vật sử dụng và công dụng của vạn vật đều được dùng. Nếu vạn vật tự vận dụng, thì ai là đúng ai là sai? Cho nên, dù các biến đổi tràn lan và những khác biệt lạ lùng, nếu người ta thuận theo chúng và để mặc chúng tự vận dụng, thì các tác dụng tuy khác biệt vô vàn nhưng chúng tự trở nên rõ ràng.»[85]

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần» 參萬歲而一成純 ([Thánh nhân] hoà với sự biến hoá của vạn năm, hỗn nhiên làm một, hoàn toàn thuần phác)[86] rằng: «Chỉ có thánh nhân vĩ đại là vô chấp, cho nên ngài hồn hậu và thẳng thắn, và hợp nhất với mọi biến hoá. Khi hợp nhất với mọi biến hoá, ngài thường ngao du trong lẽ Một. Cho nên dù ngài hoà lẫn với trăm ngàn năm và với muôn ngàn khác biệt, nhưng "Đạo vận hành mà thành tựu", tức là từ xưa đến nay đều có các thành tựu. "Vật được gọi tên và như thế", tức là vạn vật đều như thế. Không vật nào mà không thế; không thời nào mà không thành tựu; đó có thể gọi là thuần phác. [...] Trải rộng ra vạn năm, thì vạn

---

thường; đó gọi là dùng ánh sáng [của trí tuệ]). Ngô Phong (sđd., tr.117) chú: «*Hoạt nghi* 滑疑 = *hình dung năng ngôn thiện biện túc dĩ loạn nhân tâm* 形容能言善辯足以亂人心 (hình dung khả năng ăn nói, giỏi biện luận, đủ để loạn lòng người); *đồ* 圖 = *bính khí* 摒棄 (vất bỏ).» Derk Bodde dịch «*Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã*» là: «Therefore what the sage aims at is the light out of darkness.» (Cho nên cái mà thánh nhân nhắm tới là ánh sáng từ trong bóng tối).

85 *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù thánh nhân, vô ngã giả dã. Cố hoạt nghi chi diệu, tắc đồ nhi vực chi. Khôi quỹ quyệt quái, tắc thông nhi nhất chi. Sử quần dị các an kỳ sở an, chúng nhân bất thất kỳ sở thị, tắc dĩ bất dụng tư vật, nhi vạn vật chi dụng dụng hĩ. Vật giai tự dụng, tắc thục thị thục phi tai? Cố tuỳ phóng đãng chi biến, khuất kỳ chi dị, khúc nhi tòng chi, ký chi tự dụng, tắc dụng tuỳ vạn thù, lịch nhiên tự minh.» 夫聖人，無我者也．故滑疑之耀，則圖域之．恢詭憰怪，則通而一之．使群異各安其所安，衆人不失其所是，則已不用於物，而萬物之用用矣．物皆自用，則孰是孰非哉？故雖放蕩之變，屈奇之異，曲而從之，寄之自用，則用雖萬殊，歷然自明.– LAM chú: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.650, 851) giảng: *Khôi quỹ* 恢詭 = *kỳ dị* 奇異; *quyệt quái* 憰怪 = *quái dị* 怪異. Derk Bodde hiểu là «khôi, quỹ, quyệt, quái» nên dịch: «Greatness, wickedness, perverseness, and strangeness, he penetrate and unifies.» (Ngài xuyên suốt và hợp nhất sự to lớn, sự tà ác, sự bất chính, sự quái dị).

86 LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Chúng nhân dịch dịch, thánh nhân ngu độn, *tham vạn tuế nhi nhất thành thuần*.» 衆人役役，聖人愚純，參萬歲而一成純 (Mọi người hối hả bon chen việc đời, nhưng thánh nhân thì ngu độn, hoà với sự biến hoá của vạn năm, hỗn nhiên làm một, hoàn toàn thuần phác).– Ngô Phong (sđd., tr.118) chú: «*Dịch dịch* 役役 = *vi thế vụ mang lục đích dạng tử* 爲世務忙碌的樣子 (dáng vẻ bận rộn hối hả vì việc đời); *tham* 參 = *tham đồng* 參同 (hợp nhất).»

năm đều như thế. Trải rộng ra vạn vật, thì vạn vật đều như thế. Cho nên thánh nhân không biết sống và chết cũng như trước và sau ở đâu; không biết mình và người khác cũng như hơn và kém ra sao.»[87]

Bằng cách ấy, thánh nhân quên sống quên chết, quên người khác và quên mình, quên đúng quên sai.

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh» 忘年忘義，振於無竟，故寓諸無竟 (Hãy quên tuổi đời [tức quên sinh tử], quên sự phân biệt đúng sai. Hãy ngao du trong cõi vô cùng tận và gởi mình trong đó)[88] rằng: «Quên tuổi đời nên huyền đồng với chết và sống, quên sự phân biệt đúng sai nên xuyên suốt đúng và sai. Đúng và sai, chết và sống, cũng chỉ là một; đó là nguyên lý tối cao. Nguyên lý tối cao dẫn tới vô cực; cho nên ai ngụ trong đó thì không bao giờ cùng tận.»[89]

---

[87] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Duy đại thánh vô chấp, cố truân nhiên trực vãng, nhi dữ biến hoá vi nhất, nhất biến hoá nhi thường du ư độc giả dã. Cố tuy tham nhu ức tải, thiên thù vạn dị, "đạo hành chi nhi thành", tắc cổ kim nhất thành dã. "Vật vị chi nhi nhiên", tắc vạn vật nhất nhiên dã. Vô vật bất nhiên, vô thời bất thành, tư khả vị thuần dã. [...] Tích thị ư vạn tuế, tắc vạn tuế nhất thị dã. Tích nhiên ư vạn vật, tắc vạn vật tận nhiên dã. Cố bất tri tử sinh tiên hậu chi sở tại, bỉ ngã thắng phụ chi sở như dã.» 唯大聖無執，故屯然直往，而與變化爲一，一變化而常遊於獨者也．故雖參糅億載，千殊萬異，"道行之而成"，則古今一成也．"物謂之而然"，則萬物一然也．無物不然，無時不成，斯可謂純也．[...] 積是於萬歲，則萬歲一是也．積然於萬物，則萬物盡然也．故不知死生先後之所在，彼我勝負之所如也．

[88] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Thị bất thị, nhiên bất nhiên. Thị nhược quả thị dã, tắc thị chi dị hồ bất thị dã, diệc vô biện; nhiên nhược quả nhiên dã, tắc nhiên chi dị hồ bất nhiên dã, diệc vô biện. Hoá thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi. Hoà chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã. *Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh.*» 是不足，然不然．是若果是也，則是之異乎不是也，亦無辯；然若果然也，則然之異乎不然也，亦無辯．化聲之相待，若其不相待．和之以天倪，因之以曼衍，所以窮年也．忘年忘義，振於無竟，故寓諸無竟 (Về cái đúng và không đúng, cái phải và không phải: Nếu cái đúng mà là đúng, thì nó ắt khác với cái không đúng, nên khỏi cần phân biệt nữa. Nếu cái phải mà là phải, thì nó ắt khác với cái không phải, nên khỏi cần phân biệt nữa. Lời lẽ đúng sai đối đãi nhau cũng giống như không đối đãi nhau. [Thánh nhân] lấy nguyên tắc hài hoà tự nhiên để điều hoà đúng sai, tuỳ theo vạn vật biến hoá mà biến hoá. Đó là cách sống trọn tuổi đời. *Hãy quên tuổi đời [tức quên sinh tử], quên sự phân biệt đúng sai. Hãy ngao du trong cõi vô cùng tận và gởi mình trong đó*).– Ngô Phong (sđd., tr.119) chú: «*Biện* 辯 thông với *biện* 辨 (phân biệt); *hoá thanh* 化聲 = *thị phi bất đồng ngôn luận* 是非不同言論 (lời lẽ đúng sai khác nhau); *cánh* 竟 = *cảnh* 境 (cảnh giới, cõi); *chấn* 振 = *sướng* 暢 (vui sướng); *thiên nghê* 天倪 (như *thiên quân* 天鈞) = *hài hoà tự nhiên* 諧和自然.»

[89] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù vong niên cố huyền đồng tử sinh, vong nghĩa cố di quán thị phi; thị phi tử sinh, đãng nhi vi nhất, tư chí lý dã. Chí lý sướng ư vô cực, cố ký chi giả bất đắc hữu cùng dã.» 夫忘年故玄同死生，忘義故彌貫是非；是非死生，蕩而爲一，斯至理也．至理暢於無極，故寄之者不得有窮也．

Đạt tới cảnh giới ấy, thì ta đều quên hết tất cả mọi phân biệt, mà chỉ còn biết «tề vật» (vạn vật như nhau) thôi.

9. Chí nhân

Ai đạt tới cảnh giới quên hết tất cả mọi phân biệt, mà chỉ còn biết «tề vật», thì được gọi là *chí nhân* 至人 (người hoàn thiện), tức thánh nhân, tức người không nương tựa vào ai hay vào vật gì cả.

Trang Tử Chú (Tiêu Dao Du) chú câu «Tiểu trí bất cập đại trí, tiểu niên bất cập đại niên» 小知(智)不及大知(智), 小年不及大年 (Trí nhỏ không sánh bằng trí lớn; đời ngắn không sánh bằng đời dài)[90] rằng: «Mỗi vật có bản tính riêng; mỗi bản tính đều có sự cực hạn của nó, chẳng hạn như tuổi đời và trí tuệ, lẽ nào có thể so sánh cho bằng được sao? Từ đây trở đi, cho đến Liệt Tử, [sách *Trang Tử*] nêu ra các thí dụ về sự khác biệt của tuổi đời và trí tuệ, [cho thấy] ai nấy tin tưởng phía của mình, nhưng chưa có ai thực sự vượt qua kẻ khác. Sau đó, [Trang Tử] kết luận bằng trường hợp của bậc không tựa vào ai hay cái gì, và bậc ấy quên mình và quên người khác, và hoà lẫn với mọi khác biệt. Mọi vật cùng yên vui trong các lĩnh vực khác biệt, nhưng bậc ấy không có công và không có danh tiếng. Do đó, ai thống nhất được lớn và nhỏ, thì không còn phân biệt lớn hay nhỏ. Nếu còn phân biệt lớn với nhỏ, thì dù đại bằng hay chim sẻ nhỏ, dù một vị quan hay bậc chân nhân cưỡi gió, tất cả họ đều luỵ vào ngoại vật. Nhưng hễ ai xem sống chết như nhau thì sẽ không còn phân biệt sống với chết. Nếu còn phân biệt sống với chết, thì dù cây đại xuân hay con huệ cô, dù Bành Tổ hay nấm sáng sớm, tất cả đều chết non. Cho nên ai ngao du trong cõi không phân biệt lớn nhỏ thì sẽ là bậc không có tận cùng. Ai hoà lẫn không sống với không chết thì sẽ là bậc không có cực hạn. Hễ ai có niềm vui ràng buộc vào chỗ hữu hạn, thì dù hắn có buông xả và ngao du tuỳ ý, nhưng hắn vẫn còn giới hạn, và chưa thể gọi là bậc không nương tựa vào ai hay vào cái gì.»[91]

[90] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 64 trên đây của chương này.**

[91] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Vật các hữu tính, tính các hữu cực, giai như niên trí, khởi kỳ thượng chi sở cập tai? Tự thử dĩ hạ, chí ư Liệt Tử, lịch cử niên trí chi đại tiểu, các tín kỳ nhất phương, vị hữu túc dĩ tương khuynh giả dã. Nhiên hậu thống dĩ vô đãi chi nhân, dĩ bỉ vong ngã, minh thử quần dị. Dị phương đồng đắc, nhi ngã vô công danh. Thị cố thống tiểu đại giả, vô tiểu vô đại giả dã. Cẩu hữu hồ tiểu đại, tắc tuy đại bằng chi ư xích yến, tể quan chi ư ngự phong, đồng vi luỵ vật nhĩ. Tể tử sinh giả, vô tử vô sinh giả dã. Cẩu hữu hồ tử sinh, tắc tuy đại xuân chi ư huệ cô, Bành Tổ chi dữ triêu khuẩn, quân ư đoản chiết nhĩ. Cố du ư vô tiểu vô đại giả,vô cùng giả dã. Minh hồ bất tử bất sinh giả, vô cực giả dã. Nhược phù tiêu dao nhi hệ ư hữu phương tắc tuy phóng chi sử du nhi hữu sở cùng hĩ. Vị năng vô đãi dã.»** 物各有性,性各有極,皆如年智,豈跂尚之所及哉?自此以下,至於列子,歷舉年智之大小,各信其一方,未有足以相傾者也.然後統以無待之人,遺

Một vật có thể thuận theo bản tính, nhưng nếu chưa biết xem vạn vật như nhau, thì không thể huyền đồng với sống và chết, và không thể xuyên suốt đúng sai. Như vậy nó có thể thoả mãn ở cái này nhưng bất mãn ở cái khác. Kẻ vui sống chưa chắc cảm thấy vui chết; kẻ yên ổn với cái được chưa chắc cảm thấy yên ổn với cái mất. Đó gọi là «có niềm vui ràng buộc vào chỗ hữu hạn», thì niềm vui ấy là hữu hạn. Kẻ được nó mà rồi có thể thoả mãn, tức là hắn có chỗ nương tựa. Có cái nương tựa mà rồi mới vui thì niềm vui bị hạn chế bởi chỗ nương tựa. Mất chỗ nương tựa thì sẽ bất mãn, cho nên «dù hắn có buông xả và ngao du tuỳ ý, nhưng hắn vẫn còn giới hạn».

Bậc không nương tựa vào ai hay vào cái gì, tức là bậc chí nhân, thì không như thế. *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du) chú câu «Nhược phù thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện, dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai» 若夫乘天地之正,而御六氣之辯,以遊無窮者,彼且惡乎待哉(Còn như kẻ cưỡi trên chính đạo của trời đất và thuận ứng với sự biến đổi của lục khí, để ngao du trong cõi vô cùng, thì hắn còn nương tựa vào cái gì nữa!)[92] rằng: «Thiên địa là danh từ gọi chung cho

彼忘我,冥此群異.異方同得,而我無功名.是故統小大者,無小無大者也.苟有乎小大,則雖大鵬之於斥鴳,宰官之於御風,同爲累物耳.齊死生者,無死無生者也.苟有乎死生,則雖大椿之於蟪蛄,彭祖之與朝菌,均於短折耳.故遊於無小無大者,無窮者也.冥乎不死不生者,無極者也.若夫逍遙而繫於有方則雖放之使遊而有所窮矣.未能無待也.

[92] LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: «Liệt Tử ngự phong nhi hành, linh nhiên thiện dã, tuần hữu ngũ nhật nhi phản. Bỉ tư trí phúc giả, vị sổ sổ nhiên dã. Thử tuy miễn hồ hành, do hữu sở đãi giả dã. *Nhược phù thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện, dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai.*» 列子御風而行,泠然善也,旬有五日而反.彼於致福者,未數數然也.此雖免乎行,猶有所待者也.若夫乘天地之正,而御六氣之辯,以遊無窮者,彼且惡乎待哉(Liệt Tử cưỡi gió mà đi, nhẹ nhàng khéo léo, sau 15 ngày thì trở về. Người có phúc như ông ta thực hiếm có trên đời. Tuy ông ta không phải đi bằng chân, nhưng còn có cái phải cậy nhờ [tức nương theo gió mới đi được]. *Còn như kẻ cưỡi trên chính đạo của trời đất và thuận ứng với sự biến đổi của lục khí, để ngao du trong cõi vô cùng, thì hắn còn nương tựa vào cái gì nữa!*). – Ngô Phong (sđd., tr.112) chú: «*Biện* 辯 thông với *biến* 變 (biến hoá); *lục khí* 六氣 = Âm, Dương, gió, mưa, sáng sủa, tối tăm.»

[93] *Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Thiên địa giả, vạn vật chi tổng danh dã. Thiên địa dĩ vạn vật vi thể, nhi vạn vật tất dĩ tự nhiên vi chính. Tự nhiên giả, bất vi nhi tự nhiên giả dã. Cố đại bằng chi năng cao, xích yến chi năng hạ, xuân mộc chi năng trường, triêu khuẩn chi năng đoản. Phàm thử giai tự nhiên chi sở năng, phi vi chi sở năng dã. Bất vi nhi tự năng, sở dĩ vi chính dã. Cố "thừa thiên địa chi chính" giả, tức thị thuận vạn vật chi tính dã; "ngự lục khí chi biện" giả, tức thị du biến hoá chi đồ dã. Như tư dĩ vãng, tắc hà vãng nhi hữu cùng tai? Sở ngộ tư thừa, hựu tương ô hồ đãi tai? Thử nãi chí đức chi nhân, huyền đồng bỉ ngã giả, chi tiêu dao dã.» 天地者,萬物之總名也.天地以萬物爲體,而萬物必以自然爲正.自然者,不

vạn vật. Thiên địa lấy vạn vật làm thể, còn vạn vật ắt lấy tự nhiên làm chính. Tự nhiên là cái không làm mà tự nhiên như thế. Cho nên đại bằng có thể bay cao, chim sẻ nhỏ có khả năng bay thấp, cây đại xuân có thể sống thọ, nấm buổi sớm có thể sống yểu. Đấy đều là khả năng tự nhiên, chứ không phải khả năng do tạo tác. Không làm gì mà tự có khả năng như thế, cho nên gọi là chính. Cho nên kẻ "cưỡi trên chính đạo của trời đất" tức là kẻ thuận theo bản tính của vạn vật; kẻ "thuận ứng với sự biến đổi của lục khí" tức là ngao du trên con đường biến hoá. Nếu như kẻ ấy đi như thế, thì đi thế nào mới đến cùng? Thuận ứng với cái mình gặp, thì còn nương tựa cái gì đâu? Đó là sự tiêu dao (hạnh phúc) của bậc chí đức, tức là bậc đã huyền đồng chính mình với người khác.»[93]

Trang Tử Chú (Đại Tông Sư) chú câu «Nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ, nhi bất đắc sở độn» 若夫藏天下於天下,而不得所遯 (Nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì sẽ không còn chỗ nào hở để nó mất)[94] rằng: «Ai không có cái để cất giấu, mà cứ để mặc mọi vật theo ý chúng, thì sẽ hoà đồng với mọi vật và hợp nhất với mọi biến hoá. Cho nên đối với người ấy, sẽ không có trong, không có ngoài, không có chết, không có sống. Người ấy sẽ đồng thể với trời đất và hợp nhất với mọi biến hoá; dù có tìm kiếm chỗ hở để mất thì cũng không kiếm được. Đó là cảnh giới lớn lao của sự tồn tại mãi mãi, chứ không phải là một ý niệm nhỏ nhặt bị xuyên tạc.»[95]

Bậc chí nhân quên mọi phân biệt và hoà đồng với vạn vật, cho nên «đồng thể với trời đất và hợp nhất với mọi biến hoá», tuỳ thuận vô vàn biến hoá trong vũ trụ. Vũ trụ vô cùng, bậc chí nhân cũng vô cùng. Một bậc mà như thế, tức là có thể hợp nhất trong với ngoài, động với tĩnh.[96]

爲而自然者也.故大鵬之能高,斥鴳之能下,椿木之能長,朝菌之能短.凡此皆自然之所能,非爲之所能也.不爲而自能,所以爲正也.故"乘天地之正"者,即是順萬物之性也;"御六氣之辯"者,即是遊變化之塗也.如斯以往,則何往而有窮哉?所遇斯乘,又將惡乎待哉?此乃至德之人,玄同彼我者,之逍遙也.

94 **LAM chú: Xin xem lại chú thích 80 trên đây của chương này.**

95 ***Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư): «Vô sở tàng nhi đô nhậm chi, tắc dữ vật vô bất minh, dữ hoá vô bất nhất. Cố vô nội vô ngoại, vô tử vô sinh, thể thiên địa nhi hợp biến hoá, sách sở độn nhi bất đắc hĩ. Thử nãi thường tồn chi đại tình, phi nhất khúc chi tiểu ý.»** 無所藏而都任之,則與物無不冥,與化無不一.故無內無外,無死無生,體天地而合變化,索所遯而不得矣.此乃常存之大情,非一曲之小意.

96 **Derk Bodde chú: Từ đây tới hết chương, tác giả đã hiệu đính cho phù hợp với nội dung trong *Tân Nguyên Đạo*, tương ứng với các trang 144-146 trong bản dịch của E.R. Hughes: *The Spirit of Chinese Philosophy (Tinh thần của triết học Trung Quốc)*.– LAM chú: Tôi đối chiếu với bản *Tân Nguyên Đạo* 新原道 của Phùng Hữu Lan (in trong *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, Hà Bắc Giáo Dục xuất bản xã, 1996, tr.772-773).**

Làm một bậc chí nhân như thế bất tất phải «khoanh tay yên lặng trong rừng núi» (củng mặc hồ sơn lâm chi trung 拱默乎山林之中). Thiên Tiêu Dao Du hết sức tôn sùng những bậc ẩn sĩ như Hứa Do, xem thường Nghiêu và Thuấn.[97] Nghiêu muốn nhường thiên hạ cho Hứa Do. Hứa Do nói: «Thôi ngài yên lặng về đi. Tôi đâu cần dùng thiên hạ làm gì.» (Quy hưu hồ quân, dư vô sở dụng thiên hạ vi 歸休乎君，余無所用天下爲). Thiên Tiêu Dao Du lại chép: «Dùng những bụi bặm cặn bã của họ [tức thần nhân trên núi Cô Xạ] có thể nhào nặn thành những kẻ như Nghiêu và Thuấn.» (Kỳ trần cấu bì khang, tương do đào chú Nghiêu Thuấn giả dã 其塵垢秕糠，將猶陶鑄堯舜者也).[98]

Thiên Tiêu Dao Du lại chép: «Nghiêu cai trị dân chúng trong thiên hạ, giữ yên nền chính trị trong bốn biển. Nhưng sau khi gặp bốn ẩn sĩ trên núi Mạo Cô Xạ [tức là Vương Nghê 王倪, Niết Khuyết 齧缺, Bị Y 被衣, Hứa Do 許由], ông trở về [kinh đô ở] bờ bắc của sông Phần, tinh thần ông mờ mờ mịt mịt, quên mất thiên hạ của mình.»[99] Hứa Do và các ẩn sĩ ấy đã vượt ra khỏi thế tục, nhưng Nghiêu và Thuấn thì vẫn còn bị vướng trong đó.

Tuy nhiên, *Trang Tử Chú* lại đưa ra một ý nghĩa mới, hết sức tôn

---

97 **LAM chú: Xin xem lại chú 34 trên đây của chương này.**

98 **LAM chú: Ngữ cảnh câu này là lời của Liên Thúc 連叔 nói về những thần nhân trên núi Mạo Cô Xạ 藐姑射. Họ xinh đẹp, da trắng, mềm mại như trinh nữ, không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương, cưỡi rồng và mây mà ngao du bốn bể; họ định thần làm cho vạn vật khoẻ mạnh, mùa màng phong nhiêu. «Dùng những bụi bặm cặn bã của họ có thể nhào nặn thành những kẻ như Nghiêu và Thuấn.»**

99 ***Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Nghiêu trị thiên hạ chi dân, bình hải nội chi chính. Vãng kiến tứ tử Mạo Cô Xạ chi sơn, Phần thuỷ chi dương, yểu nhiên táng kỳ thiên hạ yên.» 堯治天下之民，平海內之政．往見四子藐姑射之山，汾水之陽，窅然喪其天下焉．- LAM chú: Ngô Phong (sđd., tr.113) chú: «*Tứ tử* 四子 = Vương Nghê 王倪, Niết Khuyết 齧缺, Bị Y 被衣, Hứa Do 許由, đều là những ẩn sĩ hư cấu; *dương* 陽= *thuỷ chi bắc ngạn* 水之北岸 (bờ bắc của sông); *yểu nhiên* 窅然 = thần tư thâm viễn đích dạng tử 神思深遠的樣子 (dáng vẻ tinh thần và tư tưởng thâm viễn); *táng* 喪 = *vong* 忘 (quên mất).» và giảng: «Thị thuyết Nghiêu kiến đáo thần nhân, kỳ tâm du ư thế ngoại, nhập ư dữ vạn vật hỗn nhất đích cảnh giới, cánh vong kỷ liễu sở chưởng quản đích thiên hạ.» 是說堯見到神人，其心游於世外，入於與萬物混一的境界，更忘記了所掌管的天下 (Đây nói Nghiêu gặp thần nhân, thấy tâm của họ vượt khỏi thế gian mà nhập vào cảnh giới lẫn lộn làm một với vạn vật, rốt cuộc Nghiêu quên mất thiên hạ mà mình nắm giữ). Derk Bodde hiểu *dương* là phía nam của sông, nên dịch: «But having paid a visit to the four wise men of the Miao-ku-yi mountain, he returned to the south of the Fen river and silently forgot his empire.» (Nhưng sau khi viếng bốn bậc minh triết ở núi Mao Cô Xạ, ông trở về phía nam sông Phần và lặng lẽ quên đi vương quốc của mình). James Legge cũng hiểu *dương* là phía nam của sông. *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (sđd., tr.1822) giảng: «*Dương = sơn đích nam diện, thuỷ đích bắc diện.*» 陽=山的南面，水的北面 (Dương = phía nam của núi, phía bắc của sông).**

sùng Nghiêu và Thuấn, mà coi thường bọn ẩn sĩ như Hứa Do: «Kẻ sống thuận theo chính mình thì đối nghịch với vật, còn kẻ sống thuận theo vật thì không đối nghịch với vật. Cho nên Nghiêu không đối nghịch với cái gì trong thiên hạ. Còn Hứa Do và ông Tắc và ông Khế là bọn thất phu. Tại sao lại nói thế? Những ai hoà lẫn với vật thì không thể thoát ly khỏi mọi vật. Do đó với sự vô tâm, họ thích ứng huyền diệu với chúng, và tuỳ theo cảm giác của mình. Họ bất định như con thuyền không neo, trôi giạt đây đó mà không cố ý. Cho nên chẳng hành động nào của họ mà không thuận với trăm họ; chẳng nơi nào họ tới mà không làm vua thiên hạ. Làm vua như thế, họ cao như trời, và có tính chất của vị vua đích thực. Giả sử có kẻ đứng đơn độc trên đỉnh núi cao, nếu hắn không có tình cảm riêng đối với việc tự bảo vệ hay việc bảo vệ sự thiên lệch của một trường phái, thì làm sao hắn có thể đứng đơn độc? Kẻ ấy chẳng qua là một vật trong số các vật phàm tục và là kẻ bầy tôi bên ngoài (ngoại thần) của vua Nghiêu.»[100] Mỗi vật đều bảo vệ lòng thiên ái của mình, nên mỗi vật đều đối nghịch với vật khác. Kẻ thuận theo vật, không bảo vệ lòng thiên ái của mình, nên tuỳ thuận vạn vật. Cái gọi là tuỳ thuận vạn vật kỳ thực là vượt trên vạn vật. Ai vượt trên vạn vật thì không ở vào vị trí đối nghịch với vạn vật. Cho nên người đó chẳng phải là một vật trong số các vật phàm tục, và cũng chẳng đối nghịch với vạn vật. Tuy từng ngày có vô vàn biến hoá nhưng người ấy vẫn lấy vô tâm để thích ứng. Đó gọi là «thích ứng với ngoại vật nhưng không luỵ ngoại vật» (ứng vật nhi vô luỵ ư vật 應物而無累於物).

Trang Tử Chú (Tề Vật Luận) chú câu «Mạo Cô Xạ chi sơn, hữu thần nhân cư yên. Cơ phu nhược băng tuyết, náo ước nhược xử tử» 藐姑射之山,有神人居焉.肌膚若冰雪,淖約若處子 (Núi Mạo Cô Xạ có thần nhân ở, da thịt họ như băng tuyết, phong thái dịu dàng xinh

[100] ***Trang Tử Chú* (Tiêu Dao Du): «Phù tự nhậm giả đối vật, nhi thuận vật giả dữ vật vô đối, cố Nghiêu vô đối ư thiên hạ, nhi Hứa Do dữ Tắc Khế vi thất hĩ. Hà dĩ ngôn kỳ nhiên da? Phù dữ vật minh giả, cố quần vật chi sở bất năng ly dã. Thị dĩ vô tâm huyền ứng, duy cảm chi tòng. Phiếm hồ nhược bất hệ chi chu, đông tây chi phi kỷ dã. Cố vô hành nhi bất dữ bách tính cộng giả, diệc vô vãng nhi bất vi thiên hạ chi quân hĩ. Dĩ thử vi quân, nhược thiên chi tự cao, thực quân chi đức dã. Nhược độc kháng nhiên lập hồ cao sơn chi đỉnh, phi phù nhân hữu tình ư tự thủ, thủ nhất gia chi thiên thượng, hà đắc chuyên thử? Thử cố tục trung chi nhất vật, nhi vi Nghiêu chi ngoại thần nhĩ.»** 夫自任者對物,而順物者與物無對,故堯無對天下,而許由與稷契爲匹矣.何以言其然耶?夫與物冥者,故群物之所不能離也.是以無心玄應,惟感之從.泛乎若不系之舟,東西之非己也.故無行而不與百姓共者,亦無往而不爲天下之君矣.以此爲君,若天之自高,實君之德也.若獨亢然立乎高山之頂,非夫人有情於自守,守一家之偏尚,何得專此?此固俗中之一物,而爲堯之外臣耳.

đẹp như trinh nữ)[101] rằng: «Thánh nhân tuy cư ngụ tại cung điện nhưng lòng khác chi lúc ở trong rừng núi; người đời sao chẳng biết điều đó? Bọn họ thấy ngài đội mũ vua, mang ngọc tỉ, thì cho rằng dải mũ và dải lụa của ngọc tỉ đủ ràng buộc tâm ngài. Bọn họ thấy ngài băng rừng vượt suối, cùng xử lý việc dân, thì cho rằng việc ấy đủ làm cho ngài tiều tuỵ tinh thần. Sao họ chẳng biết bậc chân nhân chí thiện thì lẽ nào lại hao tổn thần lực?»[102]

---

[101] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Mạo Cô Xạ chi sơn, hữu thần nhân cư yên. Cơ phu nhược băng tuyết, náo ước nhược xử tử. Bất thực ngũ cốc, hấp phong ẩm lộ; thừa vân khí, ngự phi long, nhi du hồ tứ hải chi ngoại; kỳ thần ngưng, sử vật bất tì lệ nhi niên cốc thục.» 藐姑射之山, 有神人居焉. 肌膚若冰雪, 淖約若處子. 不食五穀, 吸風飲露, 乘雲氣, 御飛龍, 而游乎四海之外; 其神凝, 使物不疵癘而年穀熟 (Núi Mạo Cô Xạ có thần nhân ở, da thịt họ như băng tuyết, phong thái dịu dàng xinh đẹp như trinh nữ. Thần nhân không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương; đi trên khí mây, cưỡi rồng bay, ngao du ngoài bốn biển. Khi ngưng thần, họ khiến cho mọi vật không bị bệnh tật và dịch lệ, và giúp mùa màng phong nhiêu mỗi năm).– Ngô Phong (sđd., tr.112) chú: «*Náo ước* 淖約 (cũng viết 綽約) = *tư thái nhu mỹ đích dạng tử* 姿態柔美的樣子 (phong thái dịu dàng xinh đẹp); *xử tử* 處子 = *xử nữ* 處女 (gái trinh).» Theo Ngô Phong, tên núi là Mạo Cô Xạ, nhưng James Legge, James R.Ware, và Nguyễn Hiến Lê hiểu *mạo* 藐 như *mạo* 邈 (xa xôi = *far away*). James Legge (cũng như Derk Bodde) hiểu trên núi chỉ có một thần nhân. James R. Ware và Nguyễn Hiến Lê hiểu là có nhiều vị thần nhân. Ở chú thích 99 trên đây, chúng ta còn biết núi này còn có những ẩn sĩ (cũng có thể xem là chân nhân) mà vua Nghiêu sau khi đi viếng họ về thì quên cả thiên hạ của mình. James Legge dịch: «Far away on the hill of Ku She there dwelt a Spirit-like man whose flesh and skin were (smooth) as ice and (white) as snow; that his manner was elegant and delicate as that of a virgin; that he did not eat any of the five grains, but inhaled the wind and drank the dew; that he mounted on the clouds, drove along the flying dragons, rambling and enjoying himself beyond the four seas; that by the concentration of his spirit-like powers he could save men from disease and pestilence, and secure every year a plentiful harvest.» (Trên núi Cô Xạ xa xôi có một vị thần nhân, da thịt trơn như băng, trắng như tuyết. Phong thái của thần dịu dàng thanh nhã như trinh nữ. Thần không ăn ngũ cốc, mà chỉ hít gió và uống sương. Thần đi trên mây, cưỡi rồng bay, ngao du ngoài bốn biển. Bằng sự tập trung thần lực, ngài cứu con người khỏi bệnh tật và ôn dịch, và giúp cho mùa màng phong nhiêu mỗi năm).

[102] *Trang Tử Chú* (Tề Vật Luận): «Phù thánh nhân tuy tại miếu đường chi thượng, nhiên kỳ tâm vô dị ư sơn lâm chi trung, thế khởi thức chi tai? Đổ kiến kỳ đái hoàng ốc, bội ngọc tỉ, tiện vị túc dĩ anh phất kỳ tâm hĩ. Kiến kỳ lịch sơn xuyên, đồng dân sự, tiện vị túc dĩ tiều tuỵ kỳ thần hĩ. Khởi tri chí chí giả chi bất khuy tai?» 夫聖人雖在廟堂之上, 然其心無異於山林之中, 世豈識之哉? 徒見其戴黃屋, 佩玉璽, 便謂足以纓紱其心矣. 見其歷山川, 同民事, 便謂足以憔悴其神矣. 豈知至至者之不虧哉?– LAM chú: Theo *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (sđd., tr. 643), *hoàng ốc* có ba nghĩa: *đế vương xa cái* 帝王車蓋 (xe và lọng của vua), *đế vương cung thất* 帝王宮室 (cung điện của vua), *chỉ đế vương hoặc đế vương quyền vị* 指帝王或帝王權位 (ám chỉ vua hoặc quyền lực và địa vị của vua). Nhưng do ba chữ *đái* 戴 (đội), *anh* 纓 (dải mũ), *phất* 紱 (dải lụa cột ấn triện), nên *hoàng ốc* ở đây có lẽ nên hiểu là mão (mũ) vua đội. Ý nói dải mũ và dải lụa cột ấn triện ràng buộc tâm. Derk Bodde (dựa theo E.R. Hughes) dịch *hoàng ốc* 黃屋 là *imperial chariot* (long xa).

Thánh nhân không lao tổn, bởi vì ngài thích ứng với đời chứ không luỵ đời, thích ứng với ngoại vật chứ không luỵ ngoại vật.

Cảnh giới của thánh nhân tuy cao tột bậc, nhưng hành vi của ngài thì có thể hết sức bình thường. Về sự kiện vua Nghiêu viếng bốn vị Vương Nghê 王倪, Niết Khuyết 齧缺, Bị Y 被衣, Hứa Do 許由 ở núi Mạo Cô Xạ, *Trang Tử Chú* chú rằng: «Người thuận theo dấu chân đi xa nhất thì gần gũi [với mọi người và mọi vật]; kẻ đạt tới đỉnh cao thì trở ngược xuống cái ở dưới thấp.»[103] Lại chú rằng: «Nếu như ai xem vị trí cao tột đơn độc là tuyệt đỉnh, mà không hoà đồng với người thế tục, thì kẻ ấy chỉ là hạng ẩn sĩ nơi sơn cốc, chứ không phải là bậc không nương cậy vào ai.»[104] Lại chú rằng: «Nếu nói khoanh tay yên lặng trong rừng núi mà rồi được tiếng là bậc vô vi, thì cái học Lão Trang bị kẻ quyền lực vất bỏ; cho nên kẻ quyền lực tự hoạt động ở cõi hữu vi mà không quay về [vô vi].»[105]

Theo ý nghĩa mới này của *Trang Tử Chú,* đối với thánh nhân, sẽ không có sự phân biệt bên trong và bên ngoài thế tục. *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư) chú câu «Bỉ du phương chi ngoại giả dã» 彼游方之外者也(Họ là những bậc đã vượt ra ngoài thế tục)[106] rằng: «Khi nguyên

[103] ***Trang Tử Chú*** **(Tiêu Dao Du): «Chí viễn chi tích, thuận giả cánh cận. Nhi chí cao chi sở hội giả phản hạ.»** 至遠之跡,順者更近.而至高之所會者反下.

[104] ***Trang Tử Chú*** **(Tiêu Dao Du): «Nhược nãi lệ nhiên đĩ độc cao vi chí, nhi bất dĩ hồ tục luỵ, tư sơn cốc chi sĩ, phi vô đãi giả dã.»** 若乃屬然以獨高爲至,而不夷乎俗累,斯山谷之士,非無待者也.

[105] ***Trang Tử Chú*** **(Tiêu Dao Du): «Nhược vị củng mặc hồ sơn lâm chi trung, nhi hậu đắc xưng vô vi giả, thử Lão Trang chi đàm sở dĩ kiến khí ư đương đồ, đương đồ giả tự tất ư hữu vi chi vực nhi bất phản giả, tư chi do dã.»** 若謂拱默乎山林之中,而後得稱無爲者,此老莊之談所以見棄於當塗,當塗者自必於有爲之域而不反者,斯之由也.

[106] **LAM chú: Câu này trong ngữ cảnh sau: Khổng Tử sai Tử Cống đi điếu tang. Hai người bạn thân của người chết đang đàn hát bên quan tài. Tử Cống trách là không hợp lễ. Hai người ấy cười Tử Cống mới là không hiểu lễ. Tử Cống trở về kể lại cho Khổng Tử nghe, Khổng Tử nói: «*Bỉ du phương chi ngoại giả dã*, nhi Khâu du phương chi nội giả dã. Ngoại nội bất tương cập, nhi Khâu sử nhữ vãng điếu chi, Khâu tắc lậu hĩ! Bỉ phương thả dữ tạo vật giả vi nhân, nhi du hồ thiên địa chi nhất khí. Bỉ dĩ sinh vi phụ chuế huyện vưu, dĩ tử vi quyết vưu hội ung. Phù nhược nhiên giả, hựu ô tri tử sinh tiên hậu chi sở tại!»** 彼游方之外者也,而丘游方之內者也.外內不相及,而丘使汝往吊之,丘則陋矣!彼方且與造物者爲人,而游乎天地之一氣.彼以生爲附贅縣疣,以死爲決疣潰癰.夫若然者,又惡知死生先後之所在(***Họ là những bậc đã vượt ra ngoài thế tục,*** **còn Khâu này thì vẫn ở trong thế tục. Trong và ngoài không thông nhau được, mà ta sai trò đến phúng điếu, ta thật là quê mùa quá. Họ cùng làm bạn với tạo vật, ngao du trong một khí của trời đất. Họ coi sự sống [nặng nề] như cái bướu dính vào thân lâu ngày, và xem cái chết [thoải mái] như cái ung nhọt bị vỡ. Nếu quả đúng như vậy, làm sao họ biết được giữa sống và chết cái nào có trước cái nào có sau?)**

lý ở mức tối cao thì trong và ngoài hoà lẫn; lúc đó chưa từng có ai vượt ra ngoài mà bên trong chưa hoà lẫn; chưa từng có ai hoà lẫn bên trong mà không vượt ra ngoài. Cho nên thánh nhân thường vượt ra bên ngoài để làm lớn rộng bên trong; ngài vô tâm mà thuận theo vạn hữu. Cho nên tuy suốt ngày thấy hình, mà thần khí không biến; dù trông thấy vô vàn biến đổi mà ngài vẫn điềm đạm tự nhiên là chính mình.»[107]

Hễ ai vượt ra ngoài thế tục thì phải hoà lẫn bên trong nó; hễ hoà lẫn bên trong thế tục, thì mới có thể vượt ra ngoài nó. Thánh nhân vô tâm mà thuận theo vạn hữu; tức là tuỳ thuận vạn vật; vô tâm tức là hoà lẫn bên trong thế tục. Thuận theo vạn hữu tức là vượt ra ngoài thế tục. Ở đây Hướng Tú và Quách Tượng thuật lại đại ý của Trang Tử. Đại ý đó là: «Đạo vượt ra ngoài và hoà lẫn bên trong tự nó trở nên rõ ràng; cho nên sách Trang Tử chỉ là giảng về cách vượt ra thế tục và bao trùm cuộc đời.» Nỗ lực của Hướng Tú và Quách Tượng khiến cho học thuyết mịt mờ của Đạo gia nguyên thuỷ trở thành triết lý vượt ra thế tục và bao trùm cuộc đời (*thiệp tục cái thế* 涉俗蓋世), khiến cho trong và ngoài thế tục bắt đầu thống nhất. Họ có thành tựu rất lớn. Ở phương diện này, họ gần với học thuyết của Nho gia hơn là học thuyết của Đạo gia nguyên thuỷ.

---

[107] *Trang Tử Chú* (Đại Tông Sư): «Phù lý hữu chí cực, ngoại nội tương minh. Vị hữu cực du ngoại chi chí, nhi bất minh ư nội giả dã. Vị hữu năng minh ư nội nhi bất du ư ngoại giả dã. Cố thánh nhân thường du ngoại dĩ hoành nội, vô tâm dĩ thuận hữu. Cố tuy chung nhật kiến hình, nhi thần khí vô biến; phủ ngưỡng vạn cơ, nhi đạm nhiên tự nhược.» 夫理有至極，外內相冥．未有極游外之至，而不冥於內者也．未有能冥於內而不游於外者也．故聖人常游外以宏內，無心以順有．故雖終日見形，而神氣無變；俯仰萬機，而淡然自若.

CHƯƠNG 7

PHẬT HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU VÀ SỰ TRANH LUẬN CỦA NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI VỀ PHẬT HỌC

Dẫn nhập của Derk Bodde: Với Phật giáo (được bàn trong chương này và chương kế), chúng ta bước vào một cõi tư tưởng rất khác tư tưởng Trung Quốc với những thuật ngữ đặc thù. Phần tóm tắt sau đây về một số khái niệm cơ bản có thể hữu ích về mặt này:

1- Từ tư tưởng truyền thống Hindu, Phật giáo chấp nhận thuyết tái sinh (theory of reincarnation). Những việc làm, tức *nghiệp* (karma), của chúng sinh trong các kiếp trước sẽ xác định kiếp sau họ là gì. Sự tái sinh diễn ra theo các mức độ khác nhau: tái sinh vào các cõi địa ngục, vào cõi động vật, vào cõi người, vào các cõi trời, v.v... Về tổng thể, chúng tạo thành vòng luân hồi sinh tử.

2- Chưa hề có một hành động sáng tạo thiêng liêng nào tạo ra dòng suối hiện hữu của chúng sinh. Nó chỉ là cái vốn thế. Thậm chí các thiên thần trong cõi Phật cũng bị vướng vào vòng luân hồi sinh tử, chứ họ không phải là những vị tạo ra vòng luân hồi đó. Do đó vòng luân hồi ấy là thường hằng, bất biến, với ý nghĩa là nó luân chuyển mãi mãi. Tuy nhiên vòng luân hồi ấy lại vô thường và biến dịch với ý nghĩa là vạn hữu biến đổi không ngừng. Tức là sự hiện hữu vô thường (như thường được quan niệm) chỉ là hư ảo. Tuy nó tồn tại, nhưng nó vẫn không thật chừng nào mà sự hiện hữu của nó không là tuyệt đối, hay thường hằng. Không có gì thuộc về nó mà có bản chất bền vững. Tất cả đều tuỳ thuộc vào sự kết hợp của một số điều kiện và nhân tố biến động để tạo ra một sự «hiện hữu» vào một thời điểm nào đó. Đó là thuyết nhân quả (theory of causation) của Phật giáo.

3- Một đặc điểm của tư duy con người là ghét vô thường mà thích thường hằng. Nói theo thuật ngữ Phật giáo thì đó là muốn thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử vô tình bất tận để hợp nhất với thực tại ở phía sau sự hiện hữu vô thường ấy. «Mọi chúng sinh đều đau khổ.» Tuy nhiên sự thoát khổ chỉ có thể thực hiện bằng cách chận đứng sự hoạt động liên tục của các hậu quả của các nghiệp kiếp trước, tức là chặt đứt chuỗi nhân

quả. Cảnh giới hợp nhất với thực tại là cảnh giới niết bàn (nirvāṇa) và những vị Phật (tức là các đấng giác ngộ) là những hữu thể thuộc về cảnh giới đó. Phật Cồ Đàm (Gautama) cũng chỉ là một trong các hữu thể đã giác ngộ. Các vị Phật khác (như đã thành tựu trong Phật giáo) thể hiện sự nhân cách hoá đối với tâm thức phổ thông về các phương diện khác nhau của thực tại. Do đó chư Phật không phải là thần thánh hay đấng tạo hoá thiêng liêng; bởi vì vượt khỏi vòng luân hồi sinh tử nên họ mãi mãi thành các đấng thiêng liêng trong cõi Phật.

4- Sự giải thoát hay cứu rỗi có thể đạt được bằng sự giác ngộ. Một phần đó là nhờ các thiện nghiệp mà ta đã làm; nhưng quan trọng hơn đó là nhờ sự nhận thức siêu việt, có thể xuyên thấu tấm màn ảo hoá để nhìn thấy thực tại ẩn phía sau nó. Khi sự nhận thức này phát khởi, những ràng buộc của các phân biện cảm tính sai lầm và những ràng buộc của tình dục (tham, sân, si, v.v...) bị chặt đứt, để cho chúng ta không còn trôi giạt trên dòng suối hiện hữu vô thường nữa. Tuy nhiên, giác ngộ không đơn thuần là sự nhận thức trí tuệ về tính hư giả của vũ trụ. Sự giác ngộ chân thực phải là sự thể nghiệm trực giác về chân lý, tức là người thể nghiệm và chân lý phải hoà lẫn thành một toàn thể.

Có một số tín điều chung của Phật giáo và các tông phái đã cải biên chúng tỉ mỉ hơn. Về các tông phái Phật giáo thì có hai nhóm chính là Phật giáo tiểu thừa (Hīnayāna) và Phật giáo đại thừa (Mahāyāna). Phật giáo tiểu thừa gần với Phật giáo nguyên thuỷ hơn và hiện nay thịnh hành ở các nước Đông Nam Á. Phật giáo đại thừa phát triển tinh tế hơn và được cải biên nhiều hơn Phật giáo nguyên thuỷ, chủ yếu thịnh hành ở các nước phía bắc và đông bắc của Ấn Độ như: Trung Á, Nhật Bản, và đặc biệt là Trung Quốc. Trong các chương sau chúng ta sẽ thấy tính chất phức tạp của các học thuyết tâm lý và siêu hình này, với sự đa dạng của lý thuyết chúng ta thấy rằng thế giới như ta nhìn thấy chỉ là một sản phẩm của tâm.

Trong vô số khác biệt giữa Phật giáo tiểu thừa và Phật giáo đại thừa, chúng ta chỉ cần nêu ra hai điểm chính: (1) Trong Phật giáo tiểu thừa, sự cứu độ (salvation) chỉ là vấn đề cá nhân. Cá nhân phải giải quyết sự cứu độ của chính mình và có thể giúp đỡ phần nào cho kẻ khác được cứu độ. Ngược lại, trong Phật giáo đại thừa, khái niệm Bồ tát (Bodhisattva) thì nổi bật. Đó là bậc muốn tự giác ngộ và giác ngộ kẻ khác; tự độ và độ người. Bậc Bồ tát tự nguyện hi sinh cho người khác, và như thế, sau khi giác ngộ rồi, vẫn tự nguyện lưu lại thế gian với vòng sinh tử. (2) Do sự phân biệt này, đối với Phật giáo đại thừa Niết bàn mất đi ý

nghĩa là tuyệt diệt, mà chỉ còn ý nghĩa là cảnh giới giác ngộ thôi. Bồ tát tiếp tục sống tại thế gian để cứu độ chúng sinh, nhưng nhờ sự giác ngộ của mình mà Bồ tát không còn bám víu vào thế gian, nên không tạo nghiệp. Bồ tát vẫn trong vòng sinh tử nhưng miễn nhiễm với các hiệu quả của nó. Sự khác biệt giữa Phật giáo tiểu thừa với Phật giáo đại thừa phần nào phản ánh sự khác biệt giữa «cõi này» trong tư tưởng Trung Quốc với «cõi khác» trong tư tưởng Ấn Độ.

Về thuật ngữ, người Trung Quốc dùng: *hữu* 有 (hiện hữu, tồn tại), *vô* (không hiện hữu, không tồn tại), *hư* 虛 (hư không, trống rỗng), *ảo* 幻 (không có thật, ảo ảnh), *không* 空 (không), *thực* (thực, thực tại, thực tế), v.v... Một số thuật ngữ bắt nguồn từ Đạo giáo. Khi gặp các thuật ngữ Phật học, chúng ta cần nhớ hai điểm sau:

(1) Các thuật ngữ có ý nghĩa khác nhau tuỳ ngữ cảnh. Thí dụ sự tồn tại vô thường được mô tả là *hữu*. Nhưng vì nó vô thường (tức là có tính hiện tượng) nên cũng được mô tả là *vô* hay *không*. Mặt khác, thực tại thường được mô tả là *vô* hay *không*, nhưng cũng có thể mô tả là *hữu* với ý nghĩa là sự tồn tại tuyệt đối. Nói chung, *hữu* hay *ảo* ám chỉ sự tồn tại vô thường; còn *vô* và *không* ám chỉ thực tại thường hằng.

(2) Các thuật ngữ này không nên hiểu theo nghĩa đen. Do đó cõi vô thường có thể mô tả là *vô* nhưng nó không có nghĩa là các sự vật đều không tồn tại trong đó. Nó chỉ ngụ ý rằng sự tồn tại của chúng là vô thường. Cũng thế, thực tại được mô tả là *không* hay *vô*. Hiển nhiên nó không có nghĩa là thực tại không tồn tại. Nó chỉ ngụ ý rằng sự tồn tại của nó khác với sự tồn tại của thế tục và nó không có tính chất hiện tượng như sự tồn tại của thế tục có.

* * *

Thời Nam Bắc Triều (221-589) đánh dấu một nhân tố mới trong tư tưởng Trung Quốc, đó là Phật giáo. Hệ thống triết lý kiêm tôn giáo này (thông qua ngả Trung Á) du nhập vào Trung Quốc vào đầu thế kỷ I CN và gây được ảnh hưởng cho hết đời Hán.[1] Tuy nhiên, suốt mấy thế kỷ bất

[1] **LAM chú: Đây chỉ là ý kiến của Phùng Hữu Lan và Derk Bodde trong bản dịch tiếng Anh (hiệu đính cho tiết 1 của nguyên tác Hán văn). Kỳ thực, có nhiều thuyết nói về Phật giáo truyền vào Trung Quốc. Tóm tắt như sau:**

- **Đời Chu, Phật giáo truyền vào Trung Quốc. Điều này ghi trong *Ngụy Thư* 魏書 (phần *Thích Lão chí* 釋老志). *Liệt Tử* 列子 (thiên *Chu Mục Vương* 周穆王) ghi: «Đời Chu Mục Vương có một *hóa nhân* 化人 từ cực Tây đến, đó chính là Phật.»**
- **Cuối đời Chiến Quốc, Phật giáo truyền vào Trung Quốc.**
- **Đời Tần Thủy Hoàng, có tăng nhân ngoại quốc đến Trung Quốc.**

- Các đời vua Hán Vũ Đế và Hán Thành Đế đã biết Phật giáo. Hán Minh Đế nằm mộng thấy người vàng bay qua cung điện (như đã ghi trong *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*), nên sai sứ đi cầu Phật pháp. (Xem: Lý Chấn Cương 李振綱 chủ biên, *Trung Quốc Phật Giáo Sử Thoại* 中國佛教史話, Hà Bắc đại học xuất bản xã, 1999, tr.122.)

  Đó chỉ là những truyền thuyết, nhằm củng cố uy tín của Phật giáo trước ảnh hưởng của Đạo giáo; sau này để phản bác, Đạo giáo còn có thuyết Lão Tử Hóa Hồ, bảo rằng Lão Tử đi về hướng Tây (tức Thiên Trúc: Ấn Độ) dạy đạo cho dân địa phương, ở đó Lão Tử được gọi là Phật.

  Erik Zürcher (*The Buddhist conquest of China*, Leiden, 1970, tr.19-22) nói rõ thêm về các thuyết trên:

- Một sa môn (śramana) tên là Thất Lợi Phòng 室利防 dẫn một đoàn tu sĩ mang theo nhiều kinh sách đến kinh đô Hàm Dương 咸陽 thời Tần Thủy Hoàng (tại vị 221-208 TCN). Nhưng vua Tần không thích, bèn giam cả bọn vào ngục. Đến nửa đêm, một thần nhân mình vàng cao 16 trượng đến phá toang ngục, giải cứu cả bọn, sau đó vua Tần khấu đầu tạ tội. Lương Khải Siêu tin vào thuyết này, nói là họ do vua Aśoka phái đến Trung Quốc truyền đạo. Thuyết này tất nhiên là không đứng vững. Câu chuyện này được ghi chép rất trễ trong *Lịch Đại Tam Bảo Ký* 歷代三寶記 (597 CN).
- Năm 120 TCN, khi người ta đào hồ Côn Minh 昆明 thì tìm được một vật màu đen tuyền, vua (Hán Vũ Đế) hỏi quan Đông Phương Sóc 東方朔. Đông Phương Sóc trả lời không biết nhưng đề nghị vua hỏi các người Hồ xem sao. Vua hỏi, các người Hồ trả lời: *«Đó là tro tàn sót lại sau trận đại hỏa tai cuối một kiếp (kalpa).»* Câu chuyện này chép trong *Tam phụ cố sự* 三輔故事, tác phẩm của một tác giả khuyết danh cuối thế kỷ III CN (Zürcher, *sđd.*, tr.324, nói chuyện này in trong *Nhị Dậu đường tùng thư* 二酉堂叢書, tr.5b, do Trương Thụ 張澍 sưu tập năm 1821). O. Franke (*Zur Frage der Einführung des Buddhismus in China*: *Về vấn đề Phật giáo truyền nhập Trung Quốc*, 1910, tr.295-305) xem đây là bằng chứng sự hiện diện của các sư Phật giáo tại Trường An vào nửa sau thế kỷ II TCN. Maspero (bài điểm sách in trong *BEFEO*, X– 1910, tr.629-636), khi nhận xét quyển sách trên của O. Franke, đã theo dõi các dị bản của giai thoại này. Ông kết luận giai thoại này xuất hiện đầu tiên trong *Chí quái* 志怪 của Tào Tỷ 曹毗 (nửa sau thế kỷ III CN) nhưng các chi tiết hơi khác: Vì Đông Phương Sóc không trả lời được nên vua không cần hỏi ai khác. Về sau khi các tăng nhân ngoại quốc đến Lạc Dương dưới triều Hán Minh Đế (tại vị 57-58 CN), một vị tăng đã trả lời vua như đã nói ở trên. Một dị bản khác chép trong *Cao Tăng Truyện* 高僧傳 (I–325. 1.19). Ở đây chính Trúc Pháp Lan 竺法蘭 đã tiết lộ bí mật của chất đen ấy. Chuyện này hiển nhiên dựa trên truyền thuyết về giấc mơ của Hán Minh Đế và sự có mặt của các sư tăng đầu tiên truyền giáo tại Lạc Dương. Do đó chuyện xảy ra không trễ hơn thế kỷ III CN.
- Ngụy Thu 魏收 (506-572), tác giả *Ngụy Thư* 魏書 (Lịch sử Ngụy Thác Bạt), trong chương về Phật giáo và Đạo giáo đã viết rằng nhà thám hiểm trứ danh Trương Khiên 張騫 năm 138 TCN được phái đến nước Nguyệt Chi và sang Tây Vực. Khi trở về Trung Quốc, ông đã tường trình về Phật giáo Ấn Độ, và người Trung Quốc lần đầu tiên đã biết đến Phật giáo. Zürcher (*sđd.*, tr.324) chú: «Ngụy Thư (114.1a) chép: "Cập khai Tây Vực tao Trương Khiên sứ Đại Hạ, hoàn truyền kỳ bàng hữu Thân Độc quốc, nhất danh Thiên Trúc, thủy khai Phù Đồ chi giáo." 及西域遭張騫使大夏，還傳其旁有身毒國，一名天竺，始聞浮圖之教 *(Mở sang Tây Vực gặp Trương Khiên đi sứ nước Đại Hạ. Khi về nước kể rằng bên cạnh nước Đại Hạ có nước Thân Độc, còn có tên là Thiên Trúc, [dân Trung Quốc] bắt đầu nghe nói đạo Phù Đồ.)* Câu chuyện này hẳn là không có thật, vì ta sẽ thấy tác giả của *Hậu Hán Thư* thậm chí còn nhấn mạnh sự kiện là Trương Khiên chưa hề đề cập Phật giáo trong các tường trình của ông về Tây Vực. Trương Kiên (nửa sau thế kỷ II TCN) giữ vai trò quan trọng trong những dị bản

sớm nhất về truyền thuyết giấc mộng của Hán Minh Đế (xảy ra khoảng năm 64 CN).

- Pho tượng vàng nổi tiếng của vua rợ Hun bị tướng Hoắc Khứ Bệnh 霍去病 tịch thâu tại vùng Karanor bấy lâu nay có lúc được xem là tượng Phật. Pho tượng này được nhắc đến trong các nguồn tư liệu sớm nhất về *«kim nhân được vua Hưu Đồ 休屠 dùng tế trời»*. Sự giải thích sai lầm rõ rệt này không phải là khởi nguyên Phật giáo tại Trung Quốc. Nó được chú thích trong *Hán Thư*, Nhan Sư Cổ 顏師古 dẫn lời của nhà chú giải Trương Yến 張晏. Trương nói «tín đồ Phật giáo thờ người vàng» (Phật đồ từ kim nhân dã 佛徒祠金人也). Nhưng trong các tư liệu hơi trễ hơn, yếu tố Phật giáo được nhấn mạnh thêm: Pho tượng được mang về Trung Quốc, đặt ở Cam Tuyền Cung 甘泉宮; Hán Vũ Đế (140–87 TCN) không dùng sinh vật để cúng tượng mà chỉ đốt nhang và quỳ lạy; và đây là cách thức Phật giáo truyền dần vào Trung Quốc.

- Lưu Tuấn 劉峻 (?–521 CN) khi chú *Thế Thuyết Tân Ngữ* đã trích lời tựa của *Liệt Tiên Truyện* 列仙傳: *«Tác giả thu thập tiểu sử 146 vị tiên, nhưng vì 74 tiểu sử đã thấy trong kinh Phật nên chỉ chép có 72.»* Nhiều kết luận khác nhau được rút ra từ câu văn này (nhưng câu văn này lại không thấy trong các bản *Liệt Tiên Truyện* hiện nay). O. Franke một mặt không tin Lưu Hướng là tác giả của *Liệt Tiên Truyện* (ông cho rằng tác phẩm này có vào thế kỷ III hoặc IV CN), một mặt ông lại nghĩ rằng câu trích dẫn sớm nhất về *Liệt Tiên Truyện* này là chứng cớ đáng tin cậy về sự xuất hiện của Phật giáo tại Trung Quốc vào thế kỷ I TCN. Maspero chỉ ra rằng *Liệt Tiên Truyện* (bị gán nhầm là Lưu Hướng viết) dù sao cũng chỉ là một tác phẩm đời Hán, bởi vì Ứng Thiệu 應邵 đã 2 lần trích dẫn nó trong *Hán Thư âm nghĩa* 漢書音義 (nửa sau thế kỷ II CN). Ông cho rằng câu văn này, cùng với lời trình tấu của Tương Khải 襄楷 (116 CN) với Hán Hoàn Đế, chính là sự đề cập xưa nhất về Phật giáo trong nền văn học phi Phật giáo. Từ đời Đông Hán thời vua Hoàn Đế, thuyết Lão Tử hóa Hồ (the conversion of the barbarians) thực sự bắt đầu xuất hiện. Bấy giờ quan thượng thư Tương Khải 襄楷 (năm 116 CN) trình tấu với Hán Hoàn Đế 桓帝 rằng: «Có người bảo rằng Lão Tử vào xứ của bọn rợ mà thành Phật. Phật không nghỉ đêm dưới cây dâu ba lần, không muốn sinh lòng ân ái lâu dài, tinh chuyên một mực như vậy. Thiên thần tặng cho gái đẹp, Phật nói đó là túi da đầy máu nên không nhìn. Cứ gìn giữ một lòng như thế là có thể thành đạo.» (Hoặc ngôn Lão Tử nhập di địch vi Phù Đồ, Phù Đồ bất tạm túc tang hạ, bất dục cửu sinh ân ái, tinh chi chí dã. Thiên thần di dĩ bảo nữ, Phù Đồ viết: Thử đản cách nang thịnh huyết, toại bất phán chi. Kỳ thủ nhất như thử, nãi năng thành đạo. 或言老子入夷狄爲浮屠，浮屠不三宿桑下，不欲久生恩愛，精之至也．天神遺以好女，浮屠曰：此但革囊盛血，遂不盼之．其守一如此，乃能成道).

- Rất nổi tiếng là truyền thuyết về giấc mộng của Hán Minh Đế (58–75 CN), ghi dấu sự truyền nhập «chính thức» của Phật giáo vào trung Quốc. Vua ban đêm mộng thấy thần nhân; do lời bàn của các quan, vua sai một phái đoàn do Trương Khiên dẫn đến Thiên Trúc thỉnh kinh. Truyền thuyết này ghi trong các thư tịch từ đời Tùy trở về trước như: *Mâu Tử Lý Hoặc Luận* 牟子理惑論, *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* 四十二章經, *Lão Tử Hoá Hồ Kinh* 老子化胡經 (của Vương Phù 王浮, Tây Tấn), *Hậu Hán kỷ* 後漢紀 (của Viên Hoành 袁宏, Đông Tấn), *Hậu Hán Thư* 後漢書 (của Phạm Việp 范曄, Lưu Tống), *Minh Phật Luận* 明佛論 (của Tông Bính 宗炳, Lưu Tống), *Xuất Tam Tạng Ký Tập* 出三藏記集 (của Tăng Hựu 僧祐, Lưu Tống), *Cao Tăng Truyện* 高僧傳 (của Huệ Kiểu 慧皎), *Chân Cáo* 眞誥 (Đào Hoằng Cảnh 陶弘景), *Thủy Kinh Chú* 水經注 (của Lịch Đạo Nguyên 酈道元, Bắc Ngụy), *Lạc Dương Già Lam Ký* 洛陽伽藍記 (của Dương Huyễn 楊衒), *Ngụy Thư – Thích Lão Chí* 魏書釋老志 (của Ngụy Thu 魏收), thậm chí đến cuốn sách ngụy tạo của tăng đồ là *Hán Pháp Bản Nội Truyện* 漢法本內傳. Có nhiều dị bản, sau đây là

một đoạn trích trong lời tựa của *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*: «Ngày xưa, Hán Hiếu Minh hoàng đế đêm mộng thấy thần nhân, thân hình ngài có sắc vàng, đầu có hào quang, bay ngang cung điện; trong lòng vua hân hoan vui sướng. Sáng ra, vua hỏi quần thần: 'Đó là thần nào?' Một người thông thạo tên là Phó Nghị đáp: 'Thần nghe bên Thiên Trúc có một vị đắc đạo, gọi là Phật, thân nhẹ có thể bay, chắc là giống với vị thần mà bệ hạ thấy.' Vua hiểu ra, bèn sai Trương Khiên, Vũ lâm trung lang tướng Tần Cảnh, bác sĩ đệ tử Vương Tuân, v.v... tổng cộng 12 người đến nước Đại Nguyệt Chi, chép đem về quyển kinh 42 chương; lập tháp và chùa; rồi tàng kinh tại gian nhà đá thứ 14. Từ đó đạo pháp mới truyền ra, đâu đâu cũng lập chùa Phật; người nơi xa cũng tâm phục mà sửa đổi; số người nguyện tuân theo [Phật] nhiều vô kể.» (Tích Hán Hiếu Minh hoàng đế, dạ mộng kiến thần nhân, thân thể hữu kim sắc, hạng hữu nhật quang, phi tại điện tiền. Ý trung hân nhiên, thậm duyệt chí. Minh nhật vấn quần thần, thử vi hà thần dã? Hữu thông nhân Phó Nghị viết: "Thần văn Thiên Trúc hữu đắc đạo giả, hiệu viết Phật, kinh cử năng phi, đãi tương kỳ thần dã." Vu thị thượng ngộ, tức khiển sứ giả Trương Khiên, Vũ lâm trung lang tướng Tần Cảnh, bác sĩ đệ tử Vương Tuân đẳng thập nhị nhân, chí Đại Nguyệt Chi quốc, tả thủ Phật kinh tứ thập nhị chương, tại thập tứ thạch hàm trung, đăng khởi lập tháp tự. Vu thị đạo pháp lưu bố, xứ xứ tu lập Phật tự, viễn nhân phục hóa, nguyện vi thần thiếp giả bất khả thắng số. 昔漢孝明皇帝,夜夢見神人,身體有金色,項有日光,飛在殿前。意中欣然,甚悅之。明日問群神,此爲何神也?有通人傅毅曰: "臣聞天竺有得道者,號曰佛,輕舉能飛,殆將其神也。" 于是上悟,即遣使者張騫,羽林中郎將秦景,博士弟子王遵等十二人,至大月支國,寫取佛經四十二章,在十四石函中,登起立塔寺。于是道法流布,處處修立佛寺,遠人伏化,愿爲臣妾者不可勝數). Ngô Trác 吳焯(*Hán Minh Đế Dữ Phật Giáo Sơ Truyền* 漢明帝與佛教初傳, tạp chí *Truyền thống văn hóa dữ hiện đại hóa* 傳統文化與現代化, Bắc Kinh, kỳ 5-1995, tr.55-62) dẫn ra 11 đoạn có nói đến giấc mộng này từ các tác phẩm mà ông đã nêu. Tôi chọn đoạn chép trong lời tựa của *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, vì theo Zürcher (sđd., tr.30) đây vốn được xem là quyển kinh sớm nhất của Phật giáo Trung Quốc.

Năm đi sứ nói trên phỏng chừng là 60, 61, 64, hoặc 68 CN. Sau 3 (có nơi nói là 11) năm, phái đoàn đem kinh 42 chương về Lạc Dương, tháp tùng có các sư nước ngoài như Ca Diếp Ma Đằng 迦葉摩騰(Kāśyapa Mātanga) và Trúc Pháp Lan 竺法蘭 (Dharmaratna). Vua đã lập ngôi chùa đầu tiên cho họ tại Lạc Dương, đó là chùa Bạch Mã 白馬寺. Giấc mộng Hán Minh Đế hiện nay được nhiều học giả xem là hư cấu.

- Đề tài giấc mộng nói trên được phát triển trong ngụy thư *Hán Pháp Bản Nội Truyện* (viết khoảng đầu thế kỷ VI CN), ghi chép các cuộc đấu pháp so tài giữa đạo sĩ và sư tăng tại triều đình năm 69 CN. Sau đó nhà vua đã quy y, phong tặng cho hàng trăm sư tăng và xây 10 chùa tại nội và ngoại thành Lạc Dương. Tuy đây là ngụy thư mà các học giả dần dần bác bỏ, nhưng một vài đoạn trong sách cũng được trích dẫn vào các sách sau này viết về Phật giáo.

Trên đây sơ lược một vài thuyết giải thích Phật giáo truyền nhập Trung Quốc mà hiện nay đã bị bác bỏ. Người ta chỉ có thể nói Phật giáo từ Tây Vực vào Trung Quốc giữa hai đời Hán. Bấy giờ Phật giáo được lưu truyền đang lúc cái học Hoàng Đế và Lão Tử và sấm vĩ phương thuật đang thịnh hành. Lúc đầu dân Hán ít có ai đi tu, các sư tăng thuở ấy đều là người Hồ. Đến cuối đời Hán và trong thời Tam Quốc, số Hồ tăng từ Tây Vực vào càng nhiều, sự phiên dịch kinh Phật càng thịnh. Phật giáo Đại Thừa và Tiểu Thừa mới phổ truyền trong dân gian, tín đồ người Hán càng nhiều. (Xem: Thời Quang 時光 và Vương Lam 王嵐, *Tôn Giáo Học Dẫn Luận* 宗教學引論, Trung Ương Dân Tộc Đại Học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1994, tr.304-305).

ổn chính trị sau khi triều đại Hán sụp đổ, Phật giáo trở thành một thế lực lớn ở Trung Quốc và người Trung Quốc cũng hiểu biết có hệ thống về Phật giáo. Sự truyền bá Phật giáo được trợ giúp do các tăng nhân phi Hán từ Ấn Độ, Trung Á, Đông Nam Á liên tục đi vào Trung Quốc và do những tăng nhân Trung Quốc đi sang Ấn Độ học tập và sưu tập kinh Phật. Sự nỗ lực của những tăng nhân này dẫn đến thành tựu là một khối lượng kinh điển đồ sộ được phiên dịch dần dần từ Phạn văn (Sanskrit) ra Hán văn và hàng ngàn từ ngữ mới mẻ được gia nhập vào Hán ngữ. *Tam tạng* (Tripiṭaka) bằng Hán văn dồi dào hơn bất cứ bộ *Tam tạng* bằng ngôn ngữ nào khác và nó còn bảo tồn được nhiều bản kinh mà nguyên bản Phạn văn của chúng đã bị mất. Do đó trong khoảng 1000 năm từ đầu thế kỷ IV cho đến đầu đời Tống, Phật giáo đã hấp thu những tinh lực tốt nhất của những người Trung Quốc có tư duy triết học nhất, trong khi các hệ thống triết học bản địa thì tương đối sa sút.

1. Phật gia và Đạo gia [2]

Trong thời Nam Bắc Triều, cái học Đạo gia cực thịnh. Các kẻ sĩ đương thời bàn luận về Huyền phần lớn nhận thấy Lão Trang và Phật học chẳng có gì khác biệt. Chẳng hạn như Lưu Cù 劉虯(438-495) nói: «Từ Huyền Bổ (Côn Lôn) đi sang đông, hiệu là Thái Nhất [được dùng]; Từ Kế Tân (Kashmir) đi sang tây, tự là Chính Giác [được dùng]. Mong cầu *vô* và tu luyện *không*, đạo lý chỉ có một.»[3] Phạm Việp 范曄 luận về Phật giáo rằng: «Xét kỹ lời dạy về thanh tâm để thoát khỏi hệ luỵ của

---

[2] **LAM chú: Trong nguyên tác Hán ngữ đây là tiết 2. Còn tiết 1 *(Phật học Trung Quốc và khuynh hướng tư tưởng của người Trung Quốc)* đã bị bỏ đi trong bản dịch Anh ngữ; thay vào đó là phần dẫn nhập của Derk Bodde và phần sửa đổi của Phùng Hữu Lan.**

[3] **Lưu Cù, *Vô Lượng Nghĩa Kinh Tự* (Bài tựa của *Vô Lượng Nghĩa Kinh*): «Huyền Bổ đi đông, hiệu viết Thái Nhất; Kế Tân đi tây, tự vi Chính Giác. Hi vô chi dữ tu không, kỳ quỹ nhất dã.» 玄圃以東，號曰太一；罽賓以西，字爲正覺．希無之與修空，其揆一也.– LAM chú: Chữ 圃 thường bị đọc lầm là *phố*, nhưng theo *Khang Hi* và *Từ Hải* thì phải đọc là *bổ* hoặc *bố*, bởi vì *Khang Hi* phiên: «Bác cổ thiết 博古切; bỉ ngũ thiết âm bổ 彼五切音補»; *Từ Hải* phiên: «bốc ngũ thiết âm bổ 卜五切音補; bổ ngộ thiết âm bố 補誤切音布». Huyền Phố 玄圃 là núi tiên ở (cũng viết Huyện Bổ 縣圃, Huyền Bổ 懸圃). *Thuỷ Kinh Chú* nói: «Núi Côn Lôn có ba tầng, tầng dưới tên là Phàn Đồng 樊桐 (hay Bản Đồng 板桐), tầng giữa tên là Huyền Bổ (hay Lăng Phong 閬風), tầng trên tên là Tăng Thành 增城 (hay Thiên Đình 天庭), là nơi cư ngụ của Thượng Đế.» (Xem: Trương Chí Triết, *Đạo Giáo Văn Hoá Từ Điển*, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr.1206). Theo từ điển *Từ Hải*, ở đời Hán, Kế Tân là tên gọi một nước ở Tây Vực; ở đời Đường nó gọi là Ca Thấp Di La 迦濕彌羅 (phiên âm của địa danh Kashmir); hiện nay nó gọi là Khắc Thập Mễ Nhĩ 克什米爾 (cũng là phiên âm của địa danh Kashmir).**

đời, và xét tôn chỉ vất bỏ cả *không* lẫn *hữu* [của tôn giáo này, ta thấy nó] cùng một dòng với kinh sách của Đạo giáo.»[4]

Do đó học giả của Phật giáo và học giả của Đạo giáo cũng thường được mọi người xem là các nhân vật cùng một dòng tư tưởng. Đời Tấn, Tôn Xước 孫綽 viết *Đạo Hiền Luận,* cũng lấy bảy vị tăng sánh với trúc lâm thất hiền, chẳng hạn: Trúc Đạo Tiềm 竺道潛 sánh với Lưu Linh 劉伶, Chi Độn 支遁 sánh với Hướng Tú 向秀, Vu Pháp Lan 于法蘭 sánh với Nguyễn Tịch 阮籍, Vu Đạo Toại 于道邃 sánh với Nguyễn Hàm 阮咸. *Đạo* (ở đây ám chỉ tăng nhân) và *hiền* đều là các nhân vật cùng một bọn, nên có thể so sánh mà bàn luận vậy.

Cho nên đương thời cũng có người dùng Trang học để giảng Phật học. *Cao Tăng Truyện* chép: «Thích Huệ Viễn (334-416), vốn là họ Giả, người ở Lâu Phiền, thuộc Nhạn Môn (gần Nhạn Môn Quan ở phía bắc Sơn Tây). [...] Viễn đọc khắp lục kinh, đặc biệt giỏi về Lão Trang. [...] Năm Viễn 21 tuổi, [...] sa môn Thích Đạo An (312-385) lập chùa ở Hằng Sơn trong rặng Thái Hàng, [...] Viễn bèn đến quy y. [...] Năm 24 tuổi, Viễn giảng thuyết, thường có khách đến nghe. Khi Viễn giảng ý nghĩa của thực tướng, tuy buổi giảng vẫn tiếp tục nhưng thính giả càng thêm nghi hoặc. Viễn bèn viện dẫn ý nghĩa trong *Trang Tử* có liên hệ cùng loại, do đó những kẻ nghi hoặc liền hiểu rõ.»[5]

---

[4] **Phạm Việp, *Hậu Hán Thư* (Tây Vực Truyện Luận): «Tường kỳ thanh tâm thích luỵ chi huấn, không hữu kiêm khiển chi tông, Đạo thư chi lưu dã.»** 詳其清心釋累之訓，空有兼遣之宗，道書之流也.

[5] ***Cao Tăng Truyện*: «Thích Huệ Viễn, bản tính Giả thị, Nhạn Môn Lâu Phiền nhân dã. [...] Bác tổng lục kinh, vưu thiện Lão Trang. [...] Niên nhị thập nhất, [...] thời sa môn Thích Đạo An lập tự ư Thái Hàng Hằng Sơn, [...] Viễn toại vãng quy chí. [...] Niên nhị thập tứ tiện tựu giảng thuyết, thường hữu khách thính giảng, giảng thực tướng nghĩa, vãng phục dị thời, dị tăng nghi muội, Viễn nãi dẫn Trang Tử nghĩa vi liên loại, ư thị hoặc giả hiểu nhiên.»** 釋慧遠，本姓賈氏，雁門樓煩人也.[...] 博綜六經，尤善老莊.[...] 年二十一，[...] 時沙門釋道安立寺於太行恆山，[...] 遠遂往歸之.[...] 年二十四便就講說，嘗有客聽講，講實相義，往復移時，彌增疑昧，遠乃引莊子義爲連類，於是惑者曉然.– **LAM chú: Truyện Huệ Viễn khá dài và có nhiều tình tiết ly kỳ, nên** Zürcher **(sđd., tr.240-253) đã dịch trọn sang Anh ngữ. Phùng Hữu Lan trích dẫn phần đầu và lược bỏ nhiều tình tiết, chủ yếu minh hoạ phương pháp *cách nghĩa* mà Huệ Viễn dùng thôi. Tôi tạm dịch một phần đầu, dựa theo** Zürcher **và bản Hán ngữ *Cao Tăng Truyện* trên Internet (CBETA 中華電子佛典協會 = Trung Hoa Điện Tử Phật Điển Hiệp Hội). Phần trong ngoặc vuông là của** Zürcher **viết thêm cho rõ:**

« Thích Huệ Viễn (334-416), vốn là họ Giả, người ở Lâu Phiền 樓煩, thuộc Nhạn Môn 雁門. Thuở còn thơ Viễn đã hiếu học và tài trí sớm phát lộ. Năm 13 tuổi, Viễn theo một người cậu (em

của mẹ) thuộc họ tộc Lịnh Hồ 令狐 đi du học ở Hứa Xương 許昌 và Lạc Dương 洛陽. Cho nên ngay từ bé Viễn là học sinh [của trường Thái Học 太學]. Viễn đọc khắp lục kinh, đặc biệt giỏi về Lão Trang. Tính tình của Viễn phóng khoáng, kiến thức uyên bác, ngay cả những bậc túc Nho cũng phải thán phục.

« Năm 21 tuổi, Viễn muốn đi Giang Đông 江東 đến Phạm Tuyên Tử 范宣子 để ẩn cư.[a] Nhưng bấy giờ Thạch Hổ 石虎 mới chết [349 CN], Trung Nguyên loạn lạc, trộm cướp nổi lên và đường về phương nam bị tắc nghẽn. Ý muốn của Viễn không thành. Bấy giờ sa môn Thích Đạo An [312-385] lập chùa ở Hằng Sơn 恆山 trong rặng núi Thái Hàng 太行, hoằng dương Phật pháp, danh tiếng như cồn. Viễn bèn đến quy y. Vừa mới gặp Đạo An, Viễn cảm thấy kính trọng vô cùng, xem ngài đúng là chân sư của mình. Về sau khi nghe Đạo An giảng *Bát Nhã Kinh* 般若經, Viễn bèn hoát nhiên đại ngộ, than rằng: "Nho giáo, Đạo giáo, và 9 phái triết gia đều là cám và lúa lép mà thôi." Rồi Viễn dắt em là Huệ Trì 慧持 vất bỏ trâm cài đầu đến quy y ở đấy.[b]

« Khi vào đạo rồi, Huệ Viễn trở nên nổi bật trong bọn đệ tử. Huệ Viễn luôn muốn nắm vững các nguyên lý chung của Phật pháp và xem đó là nhiệm vụ của mình. Huệ Viễn tập trung tinh thần tụng đọc kinh điển suốt đêm tới sáng. Tuy hai anh em Viễn và Trì thuộc gia đình nghèo không có tài sản, nhưng vẫn vui vẻ thuỷ chung kính trọng Phật pháp, tu hành không biếng lười. Có sa môn tên là Đàm Dực 曇翼 thường cấp chi phí cho hai anh em ông để mua đèn đuốc [thắp tụng kinh]. Đạo An nghe chuyện, vui vẻ nói: "Ông đạo này quả thực biết người [cần giúp] đấy."

« Huệ Viễn dựa vào trí huệ có được từ những nguyên nhân trong tiền kiếp, nên phát tâm mạnh mẽ trong kiếp này. Do đó ông thông minh khác thường và kiến thức rất uyên thâm. Đạo An thường tán thán rằng: "Khiến cho đạo pháp lưu truyền sang nước phía đông phải là nhờ Viễn chăng?"

« Năm 24 tuổi [357 CN], Huệ Viễn giảng thuyết, thường có khách đến nghe. Khi Huệ Viễn giảng *ý nghĩa của thực tướng*, tuy buổi giảng vẫn tiếp tục nhưng thính giả càng thêm nghi hoặc. Huệ Viễn bèn viện dẫn ý nghĩa trong *Trang Tử* có liên hệ cùng loại, do đó những kẻ nghi hoặc liền hiểu rõ. Sau đó [để phục vụ mục đích này], Đạo An đặc biệt cho phép Huệ Viễn không phế bỏ sách vở thế tục.[c] Đạo An còn có hai đệ tử là Pháp Ngộ 法遇 và Đàm Huy 曇徽, đều thuộc tầng lớp quý tộc, có tài năng, trong sạch, siêng năng; họ cũng đều ca ngợi Huệ Viễn.

« Về sau Huệ Viễn theo Đạo An về phương nam đến Phàn Thành 樊城 và Miến Dương 沔陽 [tức Tương Dương 襄陽]. Năm Kiến Nguyên thứ 9 của triều đại Tiền Tần [373 CN], tướng Tiền Tần là Phù Phi 符丕 đánh chiếm Tương Dương.[d] Đạo An bị tướng Tiền Tần là Chu Tự 朱序 giữ lại, không cho đi nơi khác. Đạo An bèn phân đệ tử thành nhóm lẻ và bảo họ đi đâu tuỳ ý. Trước lúc lên đường, các đại đệ tử họp lại nghe Đạo An dặn dò. Chỉ có Huệ Viễn chẳng nghe một lời. Viễn bèn quỳ xuống thưa: "Con là đệ tử duy nhất chẳng được giáo huấn và giúp đỡ của Thầy; con e sẽ chẳng bằng người khác." Đạo An nói: "Người như con ta còn lo lắng gì."

« Sau đó Huệ Viễn cùng vài chục đồng môn đi về phương nam đến Kinh Châu 荊州, trú tại chùa Thượng Minh 上明. Sau đó Huệ Viễn muốn đến La Phù Sơn 羅浮山, nhưng trên đường đi, ngang qua Tầm Dương 潯陽 ông thấy núi Lư Sơn 廬山 phong cảnh thanh tĩnh đủ để tĩnh tâm, nên dừng lại đấy.

« Ban đầu ông trú ở một tịnh xá [mà sau này có tên là] Long Tuyền 龍泉. Nơi này rất xa nguồn nước. Huệ Viễn bèn lấy thiền trượng gõ trên mặt đất và nói: "Nếu nơi này cho phép chúng tôi lưu lại, thì xin cho một dòng suối ở đây." Nói xong, có một dòng nước phún lên, rồi chảy thành suối. Không lâu sau đó Tầm Dương bị hạn hán. Huệ Viễn bèn đến bờ ao, đọc *Hải Long Vương Kinh* 海龍王經.[e] Bỗng nhiên một con rắn lớn từ ao bay lên không trung. Rồi



Huệ Viễn

Huệ Viễn viện dẫn ý nghĩa trong *Trang Tử* để giảng ý nghĩa của thực tướng, tức là dùng Trang học để giảng Phật học. Đương thời gọi phương pháp này là «cách nghĩa» 格義 (method of analogy: phương pháp loại tự / tương tự / loại suy). *Cao Tăng Truyện* chép về Pháp Nhã rằng: «Pháp Nhã là người ở Hà Gian. [...] Thuở nhỏ, Nhã sở trường cái học ngoài Phật học; khi trưởng thành thì thông Phật nghĩa. [...] Bấy giờ môn đồ của Pháp Nhã chỉ giỏi tụng kinh, chứ chưa giỏi Phật lý, nên Nhã cùng với Khang Pháp Lãng và một số tăng nhân khác lấy những điều trong kinh Phật phối hợp với sách bên ngoài để lập ra các thí dụ giải thích cho môn đồ hiểu, phương pháp này gọi là *cách nghĩa*. Những tăng khác như Tỳ Phù và Tương Đàm cũng dùng *cách nghĩa* để dạy môn đồ. Nhã có phong thái thoải mái, giỏi về vấn đáp. Bằng cách này, ngoại điển và Phật kinh đều được truyền, trợ giúp nhau mà giảng thuyết.»[6]

---

mưa để như trút nước, cho nên năm đó nơi này mùa màng tươi tốt. Nhân việc này, tịnh xá được đặt tên là chùa Long Tuyền (suối rồng) [...].» – Zürcher chú: (a) Phạm Tuyên 范宣 tự là 宣子, là một ẩn sĩ, rất nổi tiếng về Lễ. Ông là nhà Nho chính thống, chống cái học Lão Trang. Điều đáng chú ý rằng Huệ Viễn là một nhà huyền học lại muốn nhập bọn với bậc ẩn sĩ nơi sản dã tại Dự Chương (nay là Nam Xương, Giang Tây) này. (b) Theo truyện của Huệ Trì chép trong *Cao Tăng Truyện*, sự kiện này xảy ra năm 354 CN. (c) Điều này có nghĩa các đệ tử khác của Đạo An không được phép dùng sách thế tục, có lẽ nó ngụ ý Đạo An đã ghét bỏ phương pháp *cách nghĩa* chăng? (d) Chỗ này lầm lẫn, vì Phù Phi bao vây Tương Dương năm 378 và chiếm được nó năm 379. (e) *Hải Long Vương Kinh* do Dharmarakṣa phiên dịch từ Sāgaranāgarājaparipṛccha. Trừ vai trò quan trọng của nāgas (rồng) trong bộ kinh, bộ kinh này không hề liên quan việc trừ tà hay đảo vũ cầu mưa. – LAM chú: Chúng ta nên biết thêm rằng năm 402, Huệ Viễn hướng dẫn tăng chúng lập trai đàn thệ nguyện vãng sanh Tịnh Độ, đánh dấu sự thành lập Tịnh Độ Tông 淨土宗 của Trung Quốc mà sáng tổ là Huệ Viễn và Lư Sơn được xem là nơi khởi nguyên của tông phái này.

6 *Cao Tăng Truyện* (Pháp Nhã Truyện): «Pháp Nhã, Hà Gian nhân. [...] Thiếu trường ngoại học, trưởng thông Phật nghĩa. [...] Thời y môn đồ, tịnh thế điển hữu công, vị thiện Phật lý. Nhã nãi dữ Khang Pháp Lãng đẳng dĩ kinh trung sự số, nghĩ phối ngoại thư, vi sinh giải chi lệ, vị chi cách nghĩa. Nãi Tỳ Phù Tương Đàm đẳng, diệc biện cách nghĩa, dĩ huấn môn đồ. Nhã phong thái sái lạc, thiện ư xu cơ, ngoại điển Phật kinh, đệ hồ giảng thuyết.» 法雅, 河間人. [...] 少長外學, 長通佛義. [...] 時依門徒, 並世典有功, 未善佛理. 雅乃與康法朗等以經中事數, 擬配外書, 爲生解之例, 謂之格義. 乃毗浮相疊等, 亦辯格義, 以訓門徒. 雅風采灑落, 善於樞機, 外典佛經, 遞互講說.

Trong kinh điển Trung Quốc (ở đây gọi là ngoại điển) được dùng để phụ giảng nghĩa lý trong kinh Phật thì *Lão Tử* và *Trang Tử* là thích hợp nhất.[7] Những cao tăng như Đạo An và Chi Độn khi giảng kinh Phật thường dùng lời lẽ của «Tam Huyền» 三玄 (*Lão Tử, Trang Tử, Chu Dịch*) để phụ giảng thêm. *An Ban Kinh Chú Tự* (Lời tựa của bản chú giải *An Ban Kinh* [Ānāpāna Sūtra] hay kinh đạy hô hấp) của Đạo An viết: «*An ban* (ānāpāna) là hô hấp ra vào. Chỗ gởi của Đạo và chỗ ngụ của Đức không nơi nào mà không có. Cho nên *an ban* gởi ở hơi thở mà thành toàn vẹn, tứ thiền ngụ ở hình hài mà thành định (dhyāna). Gởi ở hơi thở nên có sáu bậc khác nhau, ngụ ở hình hài nên có bốn cấp khác biệt. Sáu bậc khác nhau, giảm tổn nó rồi lại giảm tổn nó, cho đến vô vi. Bốn cấp khác biệt, quên nó rồi lại quên nó, cho đến vô dục. Vô vi nên hài hoà với vạn vật, vô dục nên thích ứng với mọi sự. Hài hoà với vạn vật, nên có thể khai mở mọi vật. Thích ứng với mọi sự, nên có thể hoàn thành mọi việc. Hoàn thành mọi việc, tức là vạn hữu tự xem mình là kẻ khác. Khai mở mọi vật, nên khiến thiên hạ cùng quên chính mình. Kẻ khác và chính mình cùng phế bỏ, đấy là gởi trong sự toàn vẹn duy nhất.»[8]

An ban 安般 (Ānāpāna) tức là hô hấp. Trong phương pháp tu hành của Phật giáo có *bất tịnh quán* 不淨觀 (khi toạ thiền thì quán xét thân thể mình vốn không sạch sẽ), nên trên đây nói là «tứ thiền ngụ ở hình hài mà thành định». Niệm hơi thở (*tức niệm* 息念) trong lúc toạ thiền tức là chú ý đến hô hấp, nên trên đây nói là «hô hấp gởi ở hơi thở mà thành toàn vẹn». «Tổn rồi lại tổn» là lời của *Lão Tử* (chương 48); «quên rồi lại quên» là ý của *Trang Tử*; «khai vật thành vụ» là văn của *Chu*

---

7 **Phùng Hữu Lan chú: Về ý nghĩa của «cách nghĩa», tôi theo thuyết của Giáo sư Trần Dần Khác** 陳寅恪.

8 **Đạo An, *An Ban Kinh Chú Tự*: «An ban giả, xuất nhập dã. Đạo chi sở ký, vô vãng bất nhân. Đức chi sở ngụ, vô vãng bất thác. Thị cố an ban ký tức dĩ thành thủ, tứ thiền ngụ hài dĩ thành định dã. Ký tức cố hữu lục giai chi sai, ngụ hài cố hữu tứ cấp chi biệt. Giai sai giả, tổn chi hựu tổn chi, dĩ chí ư vô vi. Cấp biệt giả, vong chi hựu vong chi, dĩ chí ư vô dục dã. Vô vi cố vô hình nhi bất nhân, vô dục cố vô sự nhi bất thích. Vô hình nhi bất nhân, cố năng khai vật. Vô sự nhi bất thích, cố năng thành vụ. Thành vụ giả, tức vạn hữu nhi tự bỉ. Khai vật giả, sử thiên hạ kiêm vong ngã dã. Bỉ ngã song phế giả, ký ư duy thủ dã.»** 安般者,出入也.道之所寄,無往不因.德之所寓,無往不託.是故安般寄息以成守,四禪寓骸以成定也.寄息故有六階之差,寓骸故有四級之別.階差者,損之又損之,以至於無爲.級別者,忘之又忘之,以至於無欲也.無爲故無形而不因,無欲故無事而不適.無形而不因,故能開物.無事而不適,故能成務.成務者,即萬有而自彼.開物者,使天下兼忘我也.彼我雙廢者,寄於唯守也.

Dịch.[9] Đó là dùng Tam Huyền để phụ giảng Phật học vậy.

2. Lục gia thất tông (6 nhà - 7 tông)

Trung Quốc vốn có cái học Lão Trang. Nó thịnh hành vào thời kỳ này. Bấy giờ, khi giảng Lão Trang người ta rất chú trọng vấn đề *hữu* và *vô*. (Hai chương 5 và 6 trên đây đã nói rõ). Bấy giờ, khi giảng Phật học người ta rất chú trọng vấn đề *không* và *hữu*. Có người nói *hữu* và *vô*, có kẻ nói *không* và *hữu*. *Không* và *hữu* cũng chính là *hữu* và *vô* vậy. Cũng có thể bấy giờ có kẻ giảng Lão Trang nhưng vốn chịu ảnh hưởng của Phật học mà đặc biệt chú trọng vấn đề *hữu* và *vô* chăng? Nhưng cũng có thể bấy giờ có kẻ giảng Phật học nhưng vốn chịu ảnh hưởng của Lão Trang mà đặc biệt chú trọng vấn đề *không* và *hữu* chăng? Hai việc ấy đều có. Tóm lại, cái gọi là *hữu* và *vô*, *không* và *hữu*, đều là vấn đề cùng có trong cái học Lão Trang và Phật học; và nó cũng là vấn đề được thảo luận nhiều nhất của các nhà Phật học từ thời Nam Bắc Triều về sau.

---

[9] **LAM chú: Hệ Từ Thượng: «Tử viết: "Phù Dịch hà vi giả dã? Phù Dịch *khai vật thành vụ*, mạo thiên hạ chi đạo, như tư nhi dĩ giả dã. Thị cố thánh nhân dĩ thông thiên hạ chi chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi."» 子曰: 夫易何爲者也. 夫易開物成務, 冒天下之道, 如斯而已者也. 是故聖人以通天下之志, 以定天下之業, 以斷天下之疑 (Khổng Tử nói: «Dịch để làm gì? *Dịch khai mở mọi vật, hoàn thành mọi việc*, và bao quát mọi đạo lý trong thiên hạ. Chỉ vậy thôi chứ không gì khác. Do đó thánh nhân dùng Dịch để thấu suốt mọi ý chí của thiên hạ, an định mọi sự nghiệp của thiên hạ, và phán đoán mọi hoài nghi của thiên hạ.») – Cao Hanh chú: «*Mạo* 冒 = bao quát. *Mạo thiên hạ chi đạo* = bao quát mọi đạo lý trong thiên hạ (bao quát thiên hạ sự vật chi đạo lý 包括天下事物之道理). *Tư* 斯 = *thử* 此 (này, cái này).» – Wilhelm dịch: «Der Meister sprach: Die Wandlungen, was tun sie denn? Die Wandlungen eröffnen die Dinge, vollenden die Sachen und umfassen alle Wege auf Erden. Dies und nichts anderes. Deshalb benützten sie die Heiligen und Weisen, um alle Willen auf Erden zu durchdringen und alle Wirkungsfelder auf Erden zu bestimmen, um alle Zweifel auf Erden zu entscheiden.» (Khổng Tử nói: Dịch làm gì? *Dịch mở ra mọi vật, hoàn thành sự việc* và bao quát các đường lối trong thiên hạ. Cái này chứ chẳng gì khác. Do đó thánh nhân sử dụng Dịch để thấu suốt mọi ý chí trên đời, và xác định mọi lĩnh vực hoạt động trên đời để phán quyết những hoài nghi trên đời). – James Legge dịch: «The Master said: "What is it that the Yi does? The Yi opens up the knowledge of the issues of things, accomplishes the undertakings of men, and embraces under it the way of all things under the sky. This and nothing more is what the Yi does. Thereby the sages, through divination by it, would give their proper course to the aims of all under the sky, would give stability to their undertakings, and determine their doubts."» (Khổng Tử nói: Cái mà Dịch làm là gì? *Dịch khai mở kiến thức về sự vật, tựu thành công việc của con người*, và bao hàm đạo của vạn vật trong thiên hạ. Cái mà Dịch làm là đấy chứ chẳng gì khác. Cho nên qua bói Dịch các thánh nhân sẽ đưa đường lối đúng đắn của các ngài đến ý chí của mọi người trong thiên hạ, sẽ ổn định sự nghiệp trong thiên hạ, và xác định những nghi ngờ của mọi người.)**

Thời Nam Bắc Triều, thảo luận vấn đề này có *lục gia thất tông* (sáu nhà và bảy tông).[10] Thông tin về sự phân chia ban đầu này của Phật giáo Trung Quốc hiện nay tản mác. Phần lớn chúng chỉ là các mẩu trích dẫn từ các văn bản nay đã mất; các mẩu trích dẫn này về sau được tuyển từ hai tác phẩm lớn là *Trung Quán Luận Sớ* (Chú sớ về Mādhyamika Śāstra) của Cát Tạng 吉藏 (549-623) và *Trung Luận Sớ Ký* 中論疏記 của sư Nhật Bản là An Trừng 安澄 (Anchō, 763-814) viết trong các năm 801-806.

An Trừng viết trong *Trung Luận Sớ Ký* rằng: «Thích Bảo Xướng đời Lương (502-556) viết *Tục Pháp Luận* nói: Thích Đàm Tế đời Tống

---

[10] **LAM chú: Thuật ngữ *tông* 宗 và *phái* 派 đồng nghĩa nhau và Trung Quốc hay dùng lẫn lộn *phái* và *tông* để đặt tên. Người Tây phương thường dùng chữ *sect* để dịch chữ *phái* và chữ *school* để dịch chữ *tông*. Thực tế, tuy *tông* và *phái* đồng nghĩa nhau, nhưng Phật giáo có xu hướng dùng chữ *tông* và Đạo giáo có xu hướng dùng chữ *phái*. Theo Soothill & Hodous, hiện nay Phật giáo Trung Quốc có 13 tông phái chính (*thập tam tông* 十三宗): (1) *Câu Xá Tông* 俱舍宗, dựa trên Câu Xá Luận; (2) *Thành Thực Tông* 成實宗, dựa trên Thành Thực Luận; (3) *Thiền Tông* 禪宗 (= Phật Tâm Tông 佛心宗), không dựa trên kinh điển; (4) *Thiên Thai Tông* 天台宗, dựa trên *Pháp Hoa Kinh, Niết Bàn Kinh, Đại Phẩm Kinh,* và Trí Độ Luận; (5) *Hoa Nghiêm Tông* 華嚴宗 (= Hiền Thủ Tông 賢首宗), dựa trên *Hoa Nghiêm Kinh*; (6) *Chân Ngôn Tông* 眞言宗 (= Mật Tông 密宗), dựa trên *Kim Cương Đỉnh Kinh* và *Tì Lư Giá Na Thành Phật Kinh*; (7) *Pháp Tướng Tông* 法相宗 (= Hữu Tông 有宗, Tướng Tông 相宗, Duy Thức Tông 唯識宗, Từ Ân Tông 慈恩宗), dựa trên *Giải Thâm Mật Kinh*, Duy Thức Luận, và Du Già Luận; (8) *Tịnh Độ Tông* 淨土宗 (= Liên Tông 蓮宗, Niệm Phật Tông 念佛宗), dựa trên 7 bộ kinh: *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Đại A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh, Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thụ Kinh, Cổ Âm Thanh Tam Đà La Ni Kinh*; (9) *Luật Tông* 律宗 (= Nam Sơn Tông 南山宗), dựa trên Thập Tụng Luật, Tứ Phần Luật, v.v...; (10) *Tam Luận Tông* 三論宗 (= Bát Nhã Tông 般若宗, Không Tông 空宗, Tính Tông 性宗, Pháp Tính Tông 法性宗), dựa trên tam luận là Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, Bách Luận; (11) *Niết Bàn Tông* 涅槃宗, dựa trên *Niết Bàn Kinh*; (12) *Địa Luận Tông* 地論宗, dựa trên Thập Địa Luận; (13) *Nhiếp Luận Tông* 攝論宗, dựa trên Nhiếp Đại Thừa Luận.**

Trung Quốc Phật Giáo **(do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm, Thượng Hải, 1996, tập 1) phân biệt 28 tông phái Phật giáo Trung Quốc: 1. Thành Thực Sư 成實師, 2. Niết Bàn Sư 涅槃師, 3. Tỳ Đàm Sư 毗曇師, 4. Địa Luận Sư 地論師, 5. Nhiếp Luận Sư 攝論師, 6. Câu Xá Sư 俱舍師, 7. Tịnh Độ Tông 淨土宗, 8. Thiên Thai Tông 天台宗, 9. Tam Luận Tông 三論宗, 10. Luật Tông 律宗, 11. Từ Ân Tông 慈恩宗, 12. Hiền Thủ Tông 賢首宗, 13. Mật Tông 密宗, 14. Thiền Tông 禪宗, 15. Quy Ngưỡng Tông 潙仰宗, 16. Lâm Tế Tông 臨濟宗, 17. Tào Động Tông 曹洞宗, 18. Vân Môn Tông 雲門宗, 19. Pháp Nhãn Tông 法眼宗, 20. Đương Kỳ Phái 楊岐派, 21. Hoàng Long Phái 黃龍派, 22. Tam Giai Phái 三階派, 23. Cách Lỗ Phái 格魯派, 24. Hưởng Ba Ca Cử Phái 響巴迦舉派, 25. Tát Già Phái 薩嘉派, 26. Ninh Mã Phái 寧瑪派, 27. Ca Đương Phái 迦當派, 28. Ca Cử Phái 迦舉派.**

(420-478) viết *Lục Gia Thất Tông Luận,* nói rằng có lục gia, phân thành thất tông: 1- Bản Vô Tông, 2- Bản Vô Dị Tông, 3- Tức Sắc Tông, 4- Tâm Vô Tông, 5- Thức Hàm Tông, 6- Ảo Hoá Tông, 7- Duyên Hội Tông. Cái mà nay gọi là lục gia, là thất tông trừ đi Bản Vô Dị Tông. Có người nói lời ấy không rõ. Nay phải nói lục gia là thất tông trừ đi Bản Vô Tông.»[11]


吉藏
Cát Tạng

Sau đây chúng ta tìm hiểu thất tông theo thứ tự nói trên:

❶ ***Bản Vô Tông*** 本無宗:

Cát Tạng nói: «Pháp sư Cưu Ma La Thập (Kumārajīva, 343-413) lúc chưa đến Trường An, thì ở đây đã có ba thuyết. Một thuyết được Thích Đạo An giảng nghĩa là Bản Vô 本無. Nói rằng *vô* 無có trước muôn vàn biến hoá và *không* 空 là khởi đầu của mọi hình thể. Chướng ngại của con người là do ràng buộc với hữu. Nếu gởi tâm vào *bản vô* (cái vô gốc), thì mọi tư tưởng khác biệt liền dứt. [...] Xét rõ ý này, [ta thấy] theo giải thích của Đạo An về *bản vô*, mọi pháp đều có bản tính là trống không và vắng lặng, cho nên gọi là *bản vô.* Điểm này cũng giống như các kinh luận Đại thừa nói. Lời giảng của Cưu Ma La Thập và Tăng Triệu (384-414) cũng không khác vậy.»[12]

[11] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Lương Thích Bảo Xướng tác *Tục Pháp Luận* vân: Tống Thích Đàm Tế tác Lục Gia Thất Tông Luận, luận hữu lục gia, phân thành thất tông. Nhất Bản Vô Tông, nhị Bản Vô Dị Tông, tam Tức Sắc Tông, tứ Tâm Vô Tông, ngũ Thức Hàm Tông, lục Ảo Hoá Tông, thất Duyên Hợp Tông. Kim thử ngôn lục gia giả, ư thất tông trung trừ Bản Vô Dị Tông dã. Hữu nhân truyền vân: thử ngôn bất minh. Kim ưng vân, ư thất tông trung trừ Bản Vô Tông, danh lục gia dã.»** 梁釋寶唱作續法論云:宋釋曇濟作六家七宗論,論有六家,分成七宗.一本無宗,二本無異宗,三即色宗,四心無宗,五識含宗,六幻化宗,七緣會宗.今此言六家者,於七宗中除本無異宗也.有人傳云:此言不明.今應云.於七宗中除本無宗,名六家也.

[12] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Thập pháp sư vị đáo Trường An, bản hữu tam gia nghĩa. Nhất giả Thích Đạo An minh bản vô nghĩa. Vị vô tại vạn hoá chi tiền, không vi chúng hình chi thuỷ. Phù nhân chi sở trệ, trệ tại vị[a] hữu; nhược sá[b] tâm bản vô, tắc dị tưởng tiện tức. [...] Tường thử ý An công minh bản vô giả, nhất thiết chư pháp, bản tính không tịch, cố vân bản vô. Thử dữ phương đẳng kinh luận. Thập Triệu sơn môn, bản vô dị dã.»** 什法師未到長安,本有三家義.一者釋道安明本無義.謂無在萬化之前,空爲衆形之始.夫人之所滯,滯在未(末)有;若託(託)心本無,則異想便息.[...] 詳此意安公明本無者,一切諸法,本性空寂,故云本無.此與方等經論,什肇山門,本無異也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) chữ *vị* 未 nghĩ là *mạt* 末; (b) chữ *sá* 託 nghĩ là *thác* 託.**

An Trừng viết: «*Bản Vô Luận* của Thích Đạo An nói: Khi Phật Như Lai xuất hiện ở đời, ngài lấy *bản vô* để hoằng giáo. Cho nên kinh điển Đại thừa đều giảng *ngũ âm* (= ngũ uẩn) vốn là *vô*. Thuyết *bản vô* đã có từ lâu, ý nói *vô* 無có trước muôn vàn biến hoá và *không* 空là khởi đầu của mọi hình thể. Chướng ngại của con người là do ràng buộc với hữu. Nếu gởi tâm vào *bản vô*, thì mọi tư tưởng khác biệt liền dứt.»[13]

Theo *Cao Tăng Truyện*, Cưu Ma La Thập (Kumārajīva, 343-413) đến Trường An năm 401.[14] Trước đó, Đạo An đã có mặt tại Trường An để hoằng dương Phật pháp. Đạo An (312-385) là một đại lãnh tụ của Phật giáo đời Tấn.[15] Ông đang cư ngụ ở Tương Dương 襄陽 thì bị quân Tiền Tần 前秦 (351-394) bắt đưa đến Trường An năm 379. Vua Tiền Tần là Phù Kiên 苻堅cực kỳ tôn kính Đạo An. Theo *Cao Tăng Truyện*, Đạo An nhiệt tâm nghiên cứu kinh điển dốc chí hoằng dương Phật pháp; còn mời các sa môn ngoại quốc hợp tác phiên dịch rất nhiều kinh Phật từ

---

[13] An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký:* «Thích Đạo An *Bản Vô Luận* vân: Như lai hưng thế, dĩ bản vô hoằng giáo. Cố phương đẳng chúng kinh, giai minh ngũ âm bản vô. Bản vô chi luận, do lai thượng hĩ. Vị vô tại nguyên hoá chi tiền, không vi chúng hình chi thuỷ. Phù nhân chi sở trệ, trệ tại vị hữu. Nhược thác tâm bản vô, tức dị tưởng tiện tức.» 釋道安本無論云：如來興世，以本無弘教．故方等衆經，皆明五陰本無．本無之論，由來尚矣．謂無在元化之前，空爲衆形之始．夫人之所滯，滯在未有．若託心本無，即異想便息.– LAM chú: *Phương đẳng* 方等= 1- rộng lớn, khắp nơi (vaipulya); 2- [thuộc về] Đại thừa; 3- bình đẳng khắp nơi. Ở đây, *phương đẳng chúng kinh* (vaipulya-sūtra) là kinh điển Đại thừa. *Ngũ âm* 五陰 hay *ngũ chúng* 五衆là thuật ngữ cổ, nay dùng *ngũ uẩn* 五蘊 (Cưu Ma La Thập là người đầu tiên để dịch thuật ngữ «pañca-skandha» là *ngũ chúng* trong bộ kinh *Pháp Hoa*). *Ngũ uẩn* 五蘊 (pañca-skandha) là năm thành tố của một hữu thể trí tuệ, nhất là con người: 1- *sắc* 色(rūpa), 2- *thụ* 受(vedana), 3- *tưởng* 想(saṃjñā), 4- *hành* 行 (saṃskāra), 5- *thức* 識 (vijñāna).

[14] LAM chú: Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什(Kumārajīva), 343-413 (Zürcher, tr.226, nói ông sinh năm 350), thường được gọi là La Thập, xuất thân từ một gia đình Bà La Môn quý tộc ở Quy Tư 龜茲(Kuchā, nay ở huyện Khố Xa 庫車, tỉnh Tân Cương 新疆). Cha ông là Cưu Ma La Viêm 鳩摩羅炎(Kumārayaṇa) đã xuất gia, sau được vua Quy Tư tôn làm quốc sư, rồi vua gả em gái (tên là Kỳ Bà 耆婆) cho Cưu Ma La Viêm, sinh ra hai anh em Cưu Ma La Thập và Phất Sa Đề Bà 弗沙提婆. Khi lên 7 tuổi, La Thập cùng xuất gia với mẹ. Cả hai đến Kế Tân 罽賓(Kashmir), ở đây 3 năm tu học nơi Phật Đồ Thiệt Di 佛圖舌彌 chuyên về Tiểu Thừa. Rồi La Thập cùng mẹ sống một năm ở Sa Lặc 沙勒(Kashgar). Ở đây La Thập học thiên văn, toán học, Phật học; rồi ông chuyển sang Đại Thừa và chuyên về Trung Quán Phái (Mādhyamika), dựa trên Trung Luận (Madhyamaka-śāstra) của Long Thụ 龍樹 (Nāgārjuna, 150-250). Khi trở về Quy Tư, ông rất nổi tiếng, và bắt đầu giảng kinh Đại Thừa. Năm 379, vua nước Tiền Tần 前秦 là Phù Kiên 苻堅sai Phù Phi 苻丕 đánh chiếm Tương Dương 襄陽. Phù Kiên vốn sùng Phật giáo nên rước cao tăng Đạo An (bấy giờ đã 67 tuổi, lánh nạn binh đao tại Tương Dương được 15 năm) về Trường An, trụ trì chùa Ngũ Trọng 五重. Năm 382, Phù Kiên sai Lã Quang 呂光đánh chiếm Quy Tư. Nhân dịp này Đạo An khuyên Phù

Kiên nên rước Cưu Ma La Thập về Trường An. Năm 382, Lã Quang chiếm được Quy Tư, bắt được La Thập. Nhưng Lã Quang chỉ là kẻ võ biền không sùng Phật pháp, thấy La Thập còn trẻ nên rất khinh thường. Năm 385, Phù Kiên bị giết chết. Lã Quang bèn cát cứ Lương Châu 涼州 và xưng vương. La Thập bị dẫn theo và bị giam lỏng nơi này 17 năm. Sau đó Diêu Trường 姚萇 nối ngôi Phù Kiên tại Trường An. Diêu Trường hâm mộ La Thập, xin Lã Quang thả La Thập nhưng Lã Quang phớt lờ. Năm 401, Diêu Hưng 姚興 nối ngôi Diêu Trường, xuất quân đánh Lương Châu; chiến thắng và rước La Thập về Trường An, bấy giờ La Thập 58 tuổi. Diêu Hưng cực kỳ trọng đãi La Thập, phong ông làm quốc sư. Với sự cộng tác của nhiều tăng nhân học giả, La Thập trở thành nhà phiên dịch kinh Phật nhiều nhất trong lịch sử Phật giáo. Ông dịch khoảng 72 bộ kinh từ Phạn ngữ sang Hán ngữ, trong đó có các bộ quan trọng như: ***Kim Cương Kinh*** 金剛經 (Vajra-sūtra), ***A Di Đà Kinh*** 阿彌陀經 (Amitābha-sūtra), ***Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*** 妙法蓮華經 (Saddharmapuṇḍarīka-sūtra), ***Duy Ma Kinh*** 維摩經 (Vimalakīrti-nirdeśa-sūtra), v.v... Học trò của ông nổi tiếng nhất là Tăng Triệu 僧肇, Tăng Duệ 僧睿, Đạo Dung 道融, v.v... (Xem: ***Trung Quốc Phật Giáo*** do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm, Thượng Hải, 1996, tập 2, tr.37-43).

15 LAM chú: Đạo An 道安 (312-385) là học giả Phật giáo kiệt xuất đời Đông Tấn (317-420). Ông sinh tại huyện Phù Liễu 扶柳 thuộc Thường Sơn 常山 (nay là huyện Ký 冀, tỉnh Hà Bắc 河北). Bấy giờ chiến tranh loạn lạc, ông còn bé đã sớm mất cha mẹ, nên được một người anh họ nuôi dưỡng. Lên bảy tuổi, ông bắt đầu đọc sách; 15 tuổi đã thông ngũ kinh và chuyển sang học Phật. Năm 18 tuổi, ông xuất gia (***Cao Tăng Truyện*** nói ông xuất gia năm 20 tuổi). Năm 335, ông theo học cao tăng Phật Đồ Trừng 佛圖澄 (232-348) ở Nghiệp Đô 鄴都 (nay là huyện Lâm Chương 臨漳 tỉnh Hà Nam 河南). Sau khi Phật Đồ Trừng mất, ông thay Phật Đồ Trừng giảng Phật pháp. Để lánh nạn lửa binh, ông bỏ Hà Nam đến Hộ Trạch 濩澤 (nay là huyện Lâm Phần 臨汾) ở Sơn Tây. Không lâu sau đó, năm 355, ông cùng Pháp Thải 法汰 lập chùa trên ngọn Hằng Sơn trong rặng Thái Hàng. Huệ Viễn 慧遠 (334-416) bấy giờ 21 tuổi, đến đây xuất gia. Do chiến loạn, Đạo An đưa Huệ Viễn cùng với khoảng 400 đệ tử khác đi Tương Dương (bấy giờ còn thuộc Đông Tấn, tương đối yên bình), lập chùa và trú tại đó 15 năm. Thời gian này ông giảng pháp, dịch kinh rất nhiều. Trong thời gian tại Tương Dương (365-380), chính ông đầu tiên chủ trương thống nhất đổi họ của sa môn là Thích 釋 (Śākya). ***Cao Tăng Truyện*** (quyển 5) chép: «Sơ Ngụy Tấn sa môn y sư vi tính cố tính các bất đồng. An dĩ vi đại sư chi bản mạc tôn Thích Ca, nãi dĩ Thích mệnh thị.» 初魏晉沙門依師爲姓故姓不同. 安以爲大師之本莫尊釋迦, 乃以釋命氏 (Đầu đời Ngụy và đời Tấn các sa môn lấy họ theo thầy, nên các họ khác nhau. Đạo An cho rằng các đại sư ai mà chẳng tôn kính Thích Ca, bèn đặt họ Thích [cho sa môn]). Trước đó, các sa môn lấy họ của thầy, như họ An 安 của sư gốc An Tức 安息 (Parthia), họ Chi 支 của sư gốc Nguyệt Chi 月支 (Indoscyth), họ Trúc 竺 của sư gốc Ấn Độ, họ Vu 于 của sư gốc Vu Điền 于闐 (Khotan hay Kustana), họ Khang 康 của sư gốc Khang Cư 康居 (Soghdiana), họ Bạch 帛 của sư gốc Quy Tư 龜滋 (Kucha), v.v... Đối với người Trung Quốc, việc đổi họ (cả đời lẫn đạo) không phải là vấn đề tầm thường, nhưng Đạo An đã làm được, chứng tỏ ảnh hưởng của ông hết sức lớn. Năm 379, Phù Kiên sai Phù Phi đánh Tương Dương, và rước Đạo An về Trường An; lúc này Đạo An 67 tuổi. Tại Trường An trong khoảng bảy tám năm, ngoài việc giảng kinh, ông chủ yếu tổ chức ban phiên dịch kinh Phật rất quy mô. Ông là một trong những nhà Phật học áp dụng phương pháp ***cách nghĩa*** 格義, tức là dùng ***Lão-Trang*** và ***Kinh Dịch*** để phụ giảng Phật học; nhưng về sau ông bỏ phương pháp này. Trứ tác của ông hiện nay không còn nhiều. Ông là một trong những người sớm nhất lập mục lục các kinh Phật bằng Hán ngữ, được gọi là ***Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục*** 綜理衆經目錄, thường gọi tắt là ***An Lục*** 安錄 (mục lục của Đạo An). (Xem: ***Trung Quốc Phật Giáo*** do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, sđd., tập 2, tr.20-26; Zürcher, sđd., tr.189, 281, 425).

Phạn văn ra Hán văn. *Triệu Luận Sớ* 肇論疏 của Nguyên Khang 元康 (thế kỷ VII) nói Đạo An viết *Tính Không Luận* 性空論. Bản văn này hiện đã thất truyền. Theo Cát Tạng nói, *Tính Không Luận* của Đạo An ý nói «nhất thiết chư pháp, bản tính không tịch» 一切諸法本性空寂 (mọi pháp đều có bản tính là hư không và vắng lặng). Đó là Bản Vô Tông. Nếu căn cứ câu nói «*Vô* 無 có trước muôn vàn biến hoá và *không* 空 là khởi đầu của mọi hình thể» thì Bản Vô Tông và Bản Vô Dị Tông không có khác biệt lớn. Theo như Cát tạng nói, thì thuyết Bản Vô có cùng ý nghĩa với thuyết «bất chân không» 不眞空 của Tăng Triệu.

❷ ***Bản Vô Dị Tông*** 本無異宗:

Cát Tạng nói: «Kế đến, pháp sư Sâm (tức Trúc Đạo Tiềm) nói: [Ý nghĩa của] bản vô là lúc chưa có vật chất thì có vô; tức là hữu phát xuất từ vô; tức là vô có trước hữu, hữu có sau vô. Cho nên gọi là *bản vô* (cái vô gốc). Giải thích này bị *Bất Chân Không Luận* của Tăng Triệu đả phá. Nó cũng không được nói đến trong kinh luận.»[16]

An Trừng nói: «(Sâm pháp sư) viết rằng: *Vô* là gì? [Nó là] trống rỗng vô hình, nhưng vạn vật do nó mà sinh ra. *Hữu* tuy có thể sinh [những vật riêng lẻ], nhưng *vô* có thể sinh [toàn thể] vạn vật. Cho nên Phật trả lời một người phạn chí rằng *tứ đại* (đất, nước, lửa, gió) từ *không* mà sinh ra. *Sơn Môn Huyền Nghĩa* (quyển 5, chương Nhị Đế) chép rằng: "Lại có Trúc Pháp Sâm nói rằng các pháp vốn là *vô*; nó trống rỗng vô hình và là chân lý tối cao. Nó sinh ra vạn vật, nên được gọi là chân lý thế tục.»[17]

---

[16] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ:* «Thứ Sâm pháp sư vân: Bản vô giả, vị hữu sắc pháp, tiên hữu ư vô, cố tòng vô xuất hữu. Tức vô tại hữu tiên, hữu tại vô hậu, cố xưng bản vô. Thử thích vi Triệu công Bất Chân Không Luận chi sở phá. Diệc kinh luận chi sở vị minh dã.»** 次琛法師云:本無者,未有色法,先有於無,故從無出有.即無在有先,有在無後,故稱本無.此釋爲肇公不眞空論之所破.亦經論之所未明也.

[17] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký:* «(Sâm pháp sư) chế luận vân: Phù vô giả, hà dã. Hác nhiên vô hình, nhi vạn vật do chi nhi sinh giả dã. Hữu tuy khả sinh, nhi vô năng sinh vạn vật. Cố Phật đáp phạn chí, tứ đại tòng không sinh dã. Sơn Môn Huyền Nghĩa đệ ngũ quyển, Nhị Đế chương hạ vân: Phục hữu Trúc Pháp Sâm tức vân: Chư pháp bản vô, hác nhiên vô hình, vi đệ nhất nghĩa đế; sở sinh vạn vật danh vi thế đế.»** (琛法師)製論云:夫~~無者何~~也.壑然無形,而萬物由之而生者也.有雖可生,而無能生萬物.故佛答梵志四大從空生也.山門玄義第五卷,二諦章下云:復有竺法琛即云:諸法本無,壑然無形,爲第一義諦;所生萬物名爲世諦.– **LAM chú: Trần Nghĩa Hiếu** 陳義孝 **(*Phật Học Thường Kiến Từ Vị* 佛學常見辭彙, Đài Trung, 1995, tr.240) giảng: «*Phạn chí* có 3 nghĩa: (1) người lập chí cầu thác sinh vào cõi phạn thiên; (2) người Bà la môn tại gia; (3) chỉ chung người ngoại đạo xuất gia.» *Sơn môn* = cổng chùa, cổng thiền viện. Derk Bodde chú: «Tác phẩm *Sơn Môn Huyền Nghĩa* nay không còn; có lẽ là sách thuộc đời Trần (557-589).» Theo *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (sđd., tr.311), chữ 諦 có hai âm *đế* [dì] (chân lý) và**

An Trừng nói thêm: «Pháp sư Thâm 深 tức là Trúc [Đạo] Tiềm 竺[道]潛 đời Tấn, trụ trì ở núi Ngưỡng Sơn 仰山 thuộc phía đông của đất Diễm 剡; tự là Pháp Thâm 法深, họ là Vương 王; nguyên quán ở Lang Nha 琅琊; xuất gia lúc 18 tuổi. [...] Năm Ninh Khang thứ 2 đời Tấn (tức 374 CN) mất ở sơn môn, thọ 89 tuổi. Nói đến pháp sư Thâm 深, có văn bản chép tên là Sâm 琛.»[18] Truyện Trúc Đạo Tiềm (286-374) được chép trong *Cao Tăng Truyện*, quyển 4.

Cùng thời với Trúc Đạo Tiềm có Trúc Pháp Thải 竺法汰 (320-387), cũng có thuyết *bản vô*. *Cao Tăng Truyện* chép: «Trúc Pháp Thải quê quán ở Đông Quản 東莞, thuở nhỏ cùng học với Đạo An. Tuy tài năng và biện luận của Pháp Thải không bằng Đạo An, nhưng tư thái và dung mạo thì hơn hẳn. [...] Năm Thái Nguyên thứ 12 đời Tấn (tức năm 387 CN), Pháp Thải mất, thọ 68 tuổi. [...] Pháp Thải viết chú sớ, thư từ với Khích Siêu 郤超 để bàn luận về thuyết *bản vô*. Tất cả văn bản ấy cùng lưu hành trên đời.»[19]

Bất Chân Không Luận của Tăng Triệu đả phá thuyết *bản vô*. *Triệu Luận Sớ* của Nguyên Khang xem thuyết *bản vô* là của Pháp Thải. Thuyết này cùng thuyết của Trúc Đạo Tiềm dường như tạo thành Bản Vô Dị

đề **[tí] (dùng giả tá cho *đề* 啼 = kêu, khóc). Các sách Phật học bằng tiếng Việt thường thường không phân biệt, nên «tứ diệu đế» 四妙諦 (= *khổ* 苦, *tập* 集, *diệt* 滅, *đạo* 道) bị đọc sai thành «tứ diệu đề». William Edward Soothill & Lewis Hodous (*A Dictionary of Chinese Buddhist Terms: Trung Anh Phật Học Từ Điển*, trên Internet) giảng *đế* 諦 bao gồm hai dạng: (a) *tục đế* 俗諦 (saṃvṛti-satya) cũng gọi là *thế đế* 世諦, *thế tục đế* 世俗諦, *phú tục đế* 覆俗諦, *phú đế* 覆諦, tức là chân lý thông thường của thế tục, ý nói những hiện tượng được xem như là thật; và (b) *chân đế* 眞諦 (paramartha-satya) cũng gọi là *đệ nhất đế* 第一諦, *thắng nghĩa đế* 勝義諦, ý nói chân lý hay chủ trương của bậc giác ngộ. Soothill & Hodous giảng: «*Đệ nhất nghĩa đế* = chân lý tối cao, hay thực tại tương phản với hư giả; cũng gọi là nirvāṇa (niết bàn), bhūtatathatā (chân như), madhya (không), śūnyatā (trống rỗng, hư không), v.v...»**

[18] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Thâm pháp sư giả, Tấn, Diễm đông, Ngưỡng Sơn, Trúc Tiềm, tự Pháp Thâm, tính Vương, Lang Nha nhân dã. Niên thập bát xuất gia. [...] Dĩ Tấn, Ninh Khang nhị niên, tốt ư sơn quán, xuân thu bát thập hữu cửu yên. Ngôn Thâm pháp sư giả, hữu bản tác Sâm tự.»** 深法師者，晉剡東仰山竺潛，字法深，姓王，琅琊人也．年十八出家．[...] 以晉，寧康二年，卒於山館，春秋八十九焉．言深法師者，有本作琛字.

[19] ***Cao Tăng Truyện* (Trúc Pháp Thải Truyện): «Trúc Pháp Thải Đông Quản nhân. Thiếu dữ Đạo An đồng học, tuy tài biện bất đãi nhi tư mạo quá chi. [...] Dĩ Tấn Thái Nguyên thập nhị niên tốt, xuân thu lục thập hữu bát. [...] Thải sở trứ nghĩa sớ, tịnh dữ Khích Siêu thư luận bản vô nghĩa, giai hành ư thế.»** 竺法汰東莞人．少與道安同學，雖才辯不逮而姿貌過之．[...] 以晉太元十二卒，春秋六十有八．[...] 汰所著義疏，并與郤超書論本無義，皆行於世.– **Derk Bodde chú: «Các văn bản này hiện đã mất. Khích Siêu là một Tân Đạo gia và cũng là một đại quan.»**

Tông. Tôn chỉ của tông này quả thực là thuyết của *Lão Tử* (chương 40): «Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.» 天地萬物生於有，有生於無(Trời đất và vạn vật sinh ra từ *hữu*; *hữu* sinh ra từ *vô*). Đó là lấy Lão học để giảng Phật học vậy.

❸ ***Tức Sắc Tông*** 即色宗:

Cát Tạng nói: «Thứ nhì là Tức Sắc Tông; nhưng thuyết *tức sắc* (vật chất như thế) có hai nhà. Một nhà là thuyết *tức sắc* [của một pháp sư] bên trong ải quan (tức vùng xung quanh Trường An). Thuyết này giải thích rằng *tức sắc* là *không*; tức là giải thích *sắc* (rūpa: vật chất) không có tự tính, cho nên nói *tức sắc* là *không*, mà không nói bản tính ẩn dưới *tức sắc* là *không*. Ý nghĩa này bị Tăng Triệu đả phá. Tăng Triệu nói đó là hiểu về *sắc* (vật chất hữu hình) mà không hiểu *tự sắc* (bản thân của vật chất), tức là chưa hiểu được *sắc phi sắc* (vật chất chẳng phải là vật chất).»[20]

An Trừng nói: «Ý của vị pháp sư [bên trong ải quan] nói rằng: *tế sắc* (vật chất tinh tế, tức vô hình) hoà hợp thì thành *thô sắc* (vật chất thô, tức hữu hình). Nếu đề cập *không*, thì nó chỉ là cái thô sắc không, chứ không phải tế sắc bất không. Xét từ phương diện *tế sắc*, thì *thô sắc* không phải là *tự sắc*. Cho nên, giống như thế, xét từ phương diện *hắc sắc* thì khi có *bạch sắc*, cái *bạch sắc* này không phải là *bạch sắc*. Cho nên nói *tức sắc* là không, điều đó không có nghĩa rằng mọi *sắc* đều không tồn tại. Nếu *sắc* có *định tướng* (tính chất xác định), không lệ thuộc nhân duyên, thì phải có *sắc pháp*. Cũng vậy, nếu *thô sắc* có *định tướng*, thì nó phải không do *tế sắc* mà thành. Ở đây giải thích ý nghĩa *sắc bất không* (vật chất [vô hình] chẳng là không) vậy.»[21]

---

[20] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Đệ nhị Tức Sắc nghĩa. Đãn Tức Sắc hữu nhị gia. Nhất giả, quan nội Tức Sắc nghĩa. Minh tức sắc thị không giả. Thử minh sắc vô tự tính, cố ngôn tức sắc thị không, bất ngôn tức sắc thị bản tính không dã. Thử nghĩa vi Triệu Công sở hạ. Triệu Công vấn thử nãi ngộ sắc nhi bất tự sắc, vị lĩnh sắc phi sắc dã.»** 第二即色義.但即色有二家.一者，關內即色義.明即色是空者.此明色無自性，故言即色是空，不言即色是本性空也.此義爲肇公所呵.肇公云此乃悟色而不自色，未領色非色也.

[21] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Thử sư ý vân: tế sắc hoà hợp, nhi thành thô sắc. Nhược vi không thời, đãn không thô sắc, bất không tế sắc. Vọng tế sắc nhi thô sắc bất tự sắc. Cố hựu vọng hắc sắc nhi thị bạch sắc, bạch sắc bất bạch sắc. Cố ngôn tức sắc không, đô phi vô sắc. Nhược hữu sắc định tướng giả, bất đãi nhân duyên, ưng hữu sắc pháp. Hựu thô sắc hữu định tướng giả, ưng bất nhân tế sắc nhi thành. Thử minh giả sắc bất không nghĩa dã.»** 此師意云:細色和合，而成粗色.若爲空時，但空粗色，不空細色.望細色而粗色不自色.故又望黑色而是白色，白色不白色.故言即色空，都非無色.若有色定相者，不待因緣，應有色法.又粗色有定相者，應不因細色而成.此明假色不空義也.

Ở đây chúng ta không cách nào biết vị pháp sư bên trong ải quan nêu ra thuyết này là ai. An Trừng không nói thẳng ra. Câu nói về *hắc sắc* và *bạch sắc* cũng không dễ giải thích. Đại ý ở đây là: *Thô sắc* là không, *tế sắc* không là không. *Thô sắc* sở dĩ là không, vì *thô sắc* không có *định tướng* (tính chất xác định); nghĩa là, nó biến đổi không chừng, nên không có tình trạng tuyệt đối. Do đó ở đây nói sắc không có định tướng, chứ không nói bản tính của sắc là không. Vì thế Tăng Triệu nói: «Hiểu về *sắc* (vật chất hữu hình) mà không hiểu *tự sắc* (bản thân của vật chất), tức là chưa hiểu được *sắc phi sắc* (vật chất chẳng phải là vật chất).» An Trừng nói: «Biết sắc chẳng phải là tự sắc, thì nhân duyên tạo thành. Không biết sắc vốn là không, khác gì chỉ còn *giả hữu* (sự tồn tại hư giả).» (Đãn tri sắc phi tự sắc, nhân duyên nhi thành. Bất tri sắc bản thị không, do tồn giả hữu dã. 但知色非自色,因緣而成.不知色本是空,猶存假有). Trên đây là nhà thứ nhất nói về ý nghĩa của *tức sắc*. Tông chỉ của thuyết này không thể biết rõ, nhưng theo những mẩu trích dẫn trên đây, dường như nó cũng giống kiến giải của các nhà khoa học đối với ngoại vật. Nguyên tử, điện tử, v.v... tương ứng với tế sắc; chúng ổn định nên chẳng phải là không. Nguyên tử, điện tử, v.v... cấu thành vật cụ thể; vật này tương ứng với thô sắc, nhưng nó biến đổi nên nó là không.

Nhà thứ hai nói về ý nghĩa của *tức sắc*, theo Cát Tạng, đó là Chi Đạo Lâm 支道林 (314-366).

Cát Tạng nói: «Kế đến là Chi Đạo Lâm, viết *Tức Sắc Du Huyền Luận*, giảng rằng *tức sắc* là không. Cho nên ông nói *tức sắc* ngao du trong cõi huyền. Ở đây nói về thực tướng, giống như là cái giả danh không hư hoại. Thuyết này vì thế không khác với thuyết *bản tính không* của Đạo An.»[22]

Chi Đạo Lâm tức là Chi Độn 支遁. *Cao Tăng Truyện* chép: «Chi Độn tự là Đạo Lâm, vốn là họ Quan, quê quán ở Trần Lưu (có thuyết nói là ở Lâm Lự thuộc Hà Đông). [...] Gia đình ông mấy đời đã thờ Phật, nên ông sớm giác ngộ lẽ vô thường. [...] Ông xuất gia năm 25 tuổi. Mỗi khi giảng học điều gì, ông khéo nêu ra ý nghĩa tổng quát mà hay bỏ qua chương cú. [...] Tại chùa Bạch Mã (ở Lạc Dương), Chi Độn thường cùng với bọn Lưu Hệ Chi luận đàm về thiên Tiêu Dao Du trong *Trang Tử*. Thiên ấy đại ý nói rằng: "Nếu mỗi thứ đều thuận theo bản tính của riêng

[22] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Thứ Chi Đạo Lâm trứ Tức Sắc Du Huyền Luận, minh tức sắc thị không, cố ngôn tức sắc du huyền luận. Thử do thị bất hoại giả danh, nhi thuyết thực tướng. Dữ An sư bản tính không cố vô dị dã.»** 次支道林著即色遊玄論,明即色是空,故言即色遊玄論.此猶是不壞假名,而說實相.與安師本性空故無異也.

mình, thì tất cả bọn chúng đều tiêu dao (tức hạnh phúc)." Chi Độn nói điều ấy không đúng. Kiệt và Trụ lấy việc tàn hại người khác làm bản tính; nếu thuận theo bản tính mà tiêu dao thì Kiệt và Trụ hẳn là tiêu dao rồi. Do đó Chi Độn trở về chú giải thiên Tiêu Dao Du. Những Nho gia cựu học không ai không thán phục. [...] Năm Thái Hoà nguyên niên (tức 366 CN) đời Tấn [...] ông mất ở nơi thường trú, thọ 53 tuổi.»[23]

An Trừng nói: «*Sơn Môn Huyền Nghĩa,* quyển 5, chép: Thứ tám là Chi Đạo Lâm, viết *Tức Sắc Du Huyền Luận* rằng: "Về bản tính của sắc, sắc chẳng phải là tự sắc. Sắc chẳng phải là tự sắc, tuy sắc mà không. Biết chẳng phải là tự biết, tuy biết mà vắng lặng." Ở đây ý nói: Sắc và tâm về bản tính thì đều là không; đó là chân lý tối cao (chân đế). Nhưng chẳng nơi nào mà không có *không sắc*; đó là chân lý thế tục (tục đế). Lời chú nói rằng: Chi Độn viết *Tức Sắc Luận* rằng: "Ta xem *tức sắc* là không; điều ấy không có nghĩa là sắc tiêu diệt không. Vậy thì nó có nghĩa gì? Về bản tính của sắc, sắc chẳng tự có. Sắc chẳng tự có, tuy sắc mà không. Biết chẳng tự biết, tuy biết mà luôn vắng lặng. Nếu xét ý này, ta thấy nó tương đồng với thuyết *Bất Chân Không* của Tăng Triệu. Cái sắc do nhân duyên thì theo duyên mà có. Chẳng phải vì nó tự có, nên gọi là không. Cái không này chẳng phải dựa vào sự phá hoại nào mới thành không. Cho nên ta nói về bản tính của sắc, sắc chẳng tự có; sắc chẳng tự có, tuy sắc mà không. Tuy nhiên, điều ấy không nói thiên lệch rằng chẳng có tự tính. Cho nên ta thấy nó tương đồng với thuyết *Bất Chân Không* của Tăng Triệu."»[24]

Cao Tăng Truyện cũng nói Chi Độn viết *Tức Sắc Du Huyền Luận.* Còn *Thế Thuyết Tân Ngữ* nói Chi Đạo Lâm viết *Tức Sắc Luận.* Lưu Tuấn 劉峻 (426-521) chú rằng: «Trong tuyển tập của Chi Đạo Lâm, *Diệu Quán Chương* nói: "Về bản tính của sắc, sắc chẳng tự có. Sắc chẳng tự

---

[23] ***Cao Tăng Truyện* (Chi Độn Truyện): «Chi Độn, tự Đạo Lâm, bản tính Quan thị, Trần Lưu nhân. Hoặc viết Hà Đông Lâm Lự nhân. [...] Gia thế sự Phật, tảo ngộ phi thường chi lý. [...] Niên nhị thập ngũ xuất gia. Mỗi chí giảng dị, thiện tiêu tông hội, nhi chương cú hoặc hữu sở dị. [...] Độn thường tại Bạch Mã tự dữ Lưu Hệ Chi đẳng, đàm Trang Tử Tiêu Dao thiên vân: Các thích tính dĩ vi tiêu dao. Độn viết bất nhiên. Phù Kiệt Trụ dĩ tàn hại vi tính, nhược thích tính vi đắc giả, bỉ diệc tiêu dao hĩ. Ư thị thoái nhi chú Tiêu Dao thiên, quần Nho cựu học mạc bất thán phục. [...] Dĩ Tấn Thái Hoà nguyên niên [...] chung vu sở trú, xuân thu ngũ thập hữu tam.»** 支遁，字道林，本姓關氏，陳留人，或曰河東林慮人。[...] 家世事佛，早悟非常之理。[...] 年二十五出家。每至講肆，善標宗會，而章句或有所遺。[...] 遁常在白馬寺與劉系之等談莊子逍遙篇云：各適性以爲逍遙。遁曰不然。夫桀紂以殘害爲性，若適性爲得者，彼亦逍遙矣。於是退而注逍遙篇，群儒舊學莫不歎服。[...] 以晉太和元年 [...] 終于所住，春秋五十有三。

có, tuy sắc mà không. Cho nên nói sắc tức là không, nhưng sắc khác với không."»[25]

Trên đây đại khái giống như lời trích dẫn của Cát Tạng, ý nói bản tính của sắc tức là không. Thô sắc là không mà tế sắc cũng là không. Tức là tuy có sắc như thế nhưng chúng ta biết nó là không. Do đó, *tức sắc* ngao du trong cõi huyền.

Cao Tăng Truyện cũng nói Chi Độn viết *Thánh Bất Biện Tri Luận* 聖不辯知論. An Trừng trích dẫn câu «Biết chẳng phải là tự biết, tuy biết mà vắng lặng», dường như câu này ở trong *Thánh Bất Biện Tri Luận*. Đó là thuyết thứ hai về Tức Sắc. Nó tương đồng với thuyết Bất Chân Không của Tăng Triệu; và *Thánh Bất Biện Tri Luận* của Chi Độn cũng tương đồng *Bát Nhã Vô Tri Luận* 般若無知論 của Tăng Triệu.

❹ ***Tâm Vô Tông*** 心無宗:

Cát Tạng nói: «Thứ ba là thuyết Tâm Vô của pháp sư Ôn. Tâm vô tức là vô tâm ở vạn vật; vạn vật chưa từng vô. Ở đây giải thích ý rằng: Trong kinh Phật nói mọi pháp đều là không, tức là muốn khiến cho tâm thể hư không, chớ câu chấp sai lầm, cho nên nói là vô. Nó không có nghĩa là xem ngoại vật là không; tức là nó không xem cõi của vạn vật là

---

[24] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Sơn Môn Huyền Nghĩa độ ngũ quyển vân: Đệ bát Chi Đạo Lâm trứ Tức Sắc Du Huyền Luận vân: Phù sắc chi tính, sắc bất tự sắc, bất tự tuy sắc nhi không. Tri bất tự tri, tuy tri nhi tịch. Bỉ ý minh: sắc tâm pháp không danh chân, nhất thiết bất vô không sắc thị tục dã. Thuật nghĩa vân: Kỳ chế Tức Sắc Luận vân: Ngô dĩ vi tức sắc thị không, phi sắc diệt không. Tư ngôn hĩ. Hà giả? Phù sắc chi tính, bất tự hữu sắc. Sắc bất tự hữu, tuy sắc nhi không. Tri bất tự tri, tuy tri hằng tịch. Nhiên tầm kỳ ý, đồng bất chân không. Chính dĩ nhân duyên chi sắc, tòng duyên nhi hữu. Phi tự hữu cố, tức danh vi không. Bất đãi suy tầm phá hoại phương không. Ký ngôn phù sắc chi tính, bất tự hữu sắc, sắc bất tự hữu, tuy sắc nhi không. Nhiên bất thiên ngôn vô tự tính biên, cố tri tức đồng ư bất chân không dã.»** 山門玄義第五卷云：第八支道林著即色遊玄論云：夫色之性，色不自色，不自雖越南空，知不自知雖知而寂，彼意明：色心法空名眞，一切不無空色是俗也，述義云：其製即色論云：吾以爲即色是空，非色滅空，斯言矣，何者？夫色之性，不自有色，色不自有，雖色而空，知不自知，雖知恆寂，然尋其意，同不眞空，正以因緣之色，從緣而有，非自有故，即名爲空，不待推尋破壞方空，既言夫色之性，不自有色，色不自有，雖色而空，然不偏言無自性邊，故知即同於不眞空也.

[25] ***Thế Thuyết Tân Ngữ*** **(Văn Học): «Chi Đạo Lâm tập Diệu Quán Chương vân: "Phù sắc chi tính dã, bất tự hữu sắc. Sắc bất tự hữu, tuy sắc nhi không. Cố viết sắc tức vi không, sắc phục dị không."»** 支道林集妙觀章云："夫色之性也，不自有色，色不自有，雖色而空，故曰色即爲空，色復異空." **– Derk Bodde chú: *Diệu Quán Chương* cũng như các tác phẩm triết học khác của Chi Độn hiện nay đã mất.**

không.»[26]

An Trừng nói: «*Sơn Môn Huyền Nghĩa*, quyển 5, nói: "Thứ nhất là sư Tăng Ôn, viết *Tâm Vô Nhị Đế Luận*, nói rằng: Hữu là hữu hình. Vô là vô tượng. Hữu hình không thể là vô, vô tượng không thể là hữu. Nên khi kinh nói sắc là vô, tức là ở bên trong dừng [các hoạt động của] tâm, chứ chẳng xem *ngoại sắc* (vật chất bên ngoài) là không." [...] *Nhị Đế Sưu Huyền Luận* nói: Trúc Pháp Ôn đời Tấn là đệ tử của pháp sư Thích Pháp Sâm. Pháp Ôn viết *Tâm Vô Luận* rằng: "Hữu là hữu hình. Vô là vô tượng. Như thế hữu tượng không thể nói là vô, vô hình không thể nói là hữu. Do đó hữu là thực hữu, sắc là chân sắc. Kinh nói sắc là không, tức là ở bên trong dừng [các hoạt động của] tâm, chớ để cho ngoại sắc cản trở. Ngoại sắc không tồn tại trong tình cảm của mình, nếu chẳng là vô thì là cái gì? Lẽ nào nói lặng lẽ vô hình mà là vô sắc ư?»[27]

Cao Tăng Truyện chép về Pháp Thâm 法深 (tức Trúc Tiềm 竺潛) có nhắc đến Trúc Pháp Uẩn 竺法蘊, chưa biết đó có phải là Pháp Ôn 法溫 hay không. *Nhị Đế Chương* (quyển thượng) của Cát Tạng có trình bày thuyết Tâm Vô, đại khái cũng giống như lời An Trừng nói trên đây. Thuyết Tâm Vô tương đồng với Trang học, tức là tâm Vô Tông dùng Trang học để giảng Phật học vậy.

Tuy nhiên, trong *Thế Thuyết Tân Ngữ* cũng có nói đến một thuyết

---

[26] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Đệ tam Ôn pháp sư dụng tâm vô nghĩa. Tâm vô giả, vô tâm ư vạn vật, vạn vật vị thường vô. Thử thích ý vân: Kinh trung thuyết chư pháp không giả, dục linh tâm thể hư vọng bất chấp, cố ngôn vô nhĩ. Bất không ngoại vật, tức vạn vật chi cảnh bất không.»** 第三溫法師用心無義.心無者,無心於萬物,萬物未嘗無.此釋意云:經中說諸法空者,欲令心體虛妄不執,故言無耳.不空外物,即萬物之境不空.

[27] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Sơn Môn Huyền Nghĩa đệ ngũ quyển vân: Đệ nhất Thích Tăng Ôn, trứ Tâm Vô Nhị Đế Luận vân: Hữu, hữu hình dã. Vô, vô tượng dã. Hữu hình bất khả vô, vô tượng bất khả hữu. Nhi kinh xưng sắc vô giả, đãn nội chỉ kỳ tâm, bất không ngoại sắc. [...] Nhị Đế Sưu Huyền Luận vân: Tấn Trúc Pháp Ôn, vi Thích Pháp Sâm pháp sư chi đệ tử dã. Kỳ chế Tâm Vô Luận vân: Phù hữu, hữu hình giả dã; vô, vô tượng giả dã. Nhiên tắc hữu tượng bất khả vị vô, vô hình bất khả vị hữu. Thị cố hữu vi thực hữu, sắc vi chân sắc. Kinh sở vị sắc vi không giả, đãn nội chỉ kỳ tâm, bất trệ ngoại sắc. Ngoại sắc bất tồn dư tình chi nội, phi vô như hà? Khởi vị khuếch nhiên vô hình, nhi vi vô sắc hồ?»** 山門玄義第五云:第一釋僧溫,著心無二諦論云:有,有形也.無,無像也.有形不可無,無像不可有.而經稱色無者,但內止其心,不空外色.[...] 二諦搜玄論云:晉竺法溫,爲釋法琛法師之弟子也.其製心無論云:夫有,有形者也;無,無像者也.然則有像不可謂無,無形不可謂有.是故有爲實有,色爲眞色.經所謂色爲空者,但內止其心,不滯外色.外色不存餘情之內,非無如何?豈謂廓然無形,而爲無色乎?

gọi là Tâm Vô do Chi Mẫn Độ chủ trương: «Đạo nhân Mẫn Độ muốn vượt qua sông Dương Tử [đi về nam]. Ông muốn đồng hành với một đạo nhân [miền bắc chạy loạn về nam]. Hai người bàn tính: "Nếu dùng *thuyết cũ* đến Giang Đông (miền đông sông Dương Tử), e rằng sẽ không có ăn mất." Hai người bèn lập một thuyết khác về Tâm Vô. Nhưng đạo nhân miền bắc vượt qua sông không thành. Mẫn Độ vượt sông được và giảng thuyết này trong mấy năm. Về sau có một người miền bắc chạy loạn về nam, vượt qua sông, đến gặp Mẫn Độ, chuyển cho ông lời nhắn của đạo nhân kia rằng: "Nhắn Mẫn Độ giùm ta rằng ông ta chớ có giảng thuyết Tâm Vô nữa. Chúng ta đã lập thuyết ấy để tạm kiếm ăn đỡ đói. Chớ giảng đạo nữa, kẻo phụ lòng Như Lai đấy."»[28]

Khi chú giải chỗ này, Lưu Tuấn phân biệt sự khác nhau giữa «thuyết cũ» và thuyết của Mẫn Độ: «Thuyết cũ cho rằng: Hễ có *chủng trí* (toàn tri), thì có thể *viên chiếu* (chiếu sáng đầy đủ). Thế thì muôn hệ luỵ dứt sạch, gọi là không vô. Có sự thường trụ bất biến, gọi là *diệu hữu*. Còn thuyết về *vô* cho rằng: Thể của *chủng trí* là sự hư vô rất lớn. Hư nhưng có thể biết, vô nhưng có thể ứng. [Hễ đạt được nó thì] cư ngụ ở gốc của sự vật và đạt được sự thành tựu tối cao. Đó chẳng phải là *vô* sao?»[29]

Chúng ta không biết lời chú trên đây có trích dẫn nguyên văn thuyết Tâm Vô của Chi Mẫn Độ hay không. *Cao Tăng Truyện* (Trúc Pháp Thải Truyện) chép rằng: «Bấy giờ sa môn Đạo Hằng khá tài giỏi, thường

---

[28] ***Thế Thuyết Tân Ngữ*** **(Giả Duật): «Mẫn Độ đạo nhân thuỷ dục quá giang, dữ nhất thương đạo nhân vi lữ. Mưu viết: "Dụng cựu nghĩa vãng Giang Đông, khủng bất biện đắc thực." Tiện cộng lập Tâm Vô nghĩa. Ký nhi thử đạo nhân bất thành độ, Mẫn Độ quả giảng nghĩa tích niên. Hậu hữu thương nhân lai, tiên đạo nhân ký ngữ viết: "Vi ngã trí ý Mẫn Độ, vô nghĩa ná khả lập. Trị thử kế quyền cứu cơ nhĩ, vô vi toại phụ như lai dã."» 愍度道人始欲過江，與一傖道人爲呂．謀曰："用舊義往江東，恐不辦得食．"便共立心無義．既而此道人不成度，愍度果講義積年．後有傖人來，先道人寄語曰："爲我致意愍度，無義那可立．治此計權救饑爾，無爲遂負如來也．" – Derk Bodde chú: «*Thương* 傖 (nghĩa gốc là bỉ lậu) là từ ngữ dân vùng hạ lưu sông Dương Tử dùng để ám chỉ dân miền bắc bấy giờ chạy loạn vượt qua sông này xuống miền nam. Ở đây để dịch ý này, tôi thêm chữ "miền bắc" vào.»

[29] ***Thế Thuyết Tân Ngữ*** **(Giả Duật), Lưu Tuấn chú: «Cựu nghĩa giả vân: Chủng trí hữu thị, nhi năng viên chiếu. Nhiên tắc vạn luỵ tư tận, vị chi không vô; thường trụ bất biến, vị chi diệu hữu. Nhi vô nghĩa giả viết: Chủng trí chi thể, hoát nhiên thái hư. Hư nhi năng tri, vô nhi năng ứng. Cư tông chí cực, kỳ duy vô hồ?» 舊義者云：種智有是，而能圓照．然則萬累斯盡，謂之空無；實住不變，謂之妙有．而無義者曰：種智之體，豁然太虛．虛而能知，無而能應．居宗至極，其唯無乎？ – LAM chú: Soothill & Hodous giảng: «*Chủng trí = Omniscience, knowledge of the seed or cause of all phenomena* (sự toàn tri, sự hiểu biết về nguyên nhân của mọi hiện tượng).» Derk Bodde hiểu *chủng trí* là *nhất thiết chủng trí* (cũng gọi là *Phật trí*: sarvākārajñatā).**

giảng thuyết Tâm Vô, rất thịnh hành ở đất Kinh. Pháp Thải nói: "Đó là tà thuyết, phải phá nó đi." Pháp Thải bèn lập đại hội quy tụ nhiều danh tăng, [mời Đạo Hằng đến], rồi sai đệ tử là Đàm Nhất chất vấn Đạo Hằng. Đàm Nhất căn cứ kinh điển và viện dẫn lý lẽ, phân tích và kịch liệt bác bỏ thuyết của Đạo Hằng. Hằng chống đỡ luận điểm của mình, không chịu khuất phục. Hết ngày thì tạm ngừng, sáng hôm sau lại tiếp tục tranh luận. Huệ Viễn cũng có mặt, mấy lần chất vấn Hằng rất gay gắt. Hằng tự biết thuyết của mình sai, thần sắc hơi biến động, phất trần gõ xuống bàn mà chưa đáp được ngay. Viễn nói: "Không gấp mà nhanh, ông còn suy nghĩ làm gì?" Cử toạ đều cười ầm lên. Thuyết Tâm Vô từ đó hết lưu truyền.»[30]

Pháp Ôn, Chi Mẫn Độ, Đạo Hằng đều dùng thuyết Tâm Vô. An Trừng nói: «Trong *Cao Tăng Truyện*, sa môn Đạo Hằng dùng thuyết Tâm Vô là do học từ Pháp Ôn chứ không phải tự Đạo Hằng lập ra thuyết ấy. Về sau Chi Mẫn Độ cũng học thuyết của Pháp Ôn.»[31] Tuy nhiên, An Trừng lầm lẫn, vì Chi Mẫn Độ và Đạo Hằng sống trước thời của Pháp Ôn. Hơn nữa, theo các trích dẫn trên thì thuyết tâm Vô của Pháp Ôn, Chi Mẫn Độ,

---

[30] ***Cao Tăng Truyện*** **(Trúc Pháp Thải Truyện): «Thời sa môn Đạo Hằng phả hữu tài lực, thường chấp tâm vô nghĩa, đại hành Kinh thổ. Thải viết: "Thử thị tà thuyết, ưng tu phá chi." Nãi đại tập danh tăng, lịnh đệ tử Đàm Nhất nạn chi, cứ kinh dẫn lý, tích bác phân vân. Hằng trượng kỳ khẩu biện, bất khẳng thụ khuất. Nhật sắc ký mộ, minh đán cánh tập. Huệ Viễn tựu tịch, thiết nạn sổ phiên, quan trách phong khởi. Hằng tự giác nghĩa đồ sai dị, thần sắc vi động, trần vĩ khấu án, vị tức hữu đáp. Viễn viết: "Bất tật nhi tốc, trữ trục hà vi?" Toạ giả giai tiếu hĩ. Tâm vô chi nghĩa, ư thử nhi tức.»** 時沙門道恆頗有才力，常執心無義，大行荊土．沐曰："此是邪說，應須破之．"乃大集名僧，令弟子曇一難之，據經引理，析駁紛紜．恆仗其口辯，不肯受屈．日色既暮，明旦更集．慧遠就席，設難數番，關責鋒起．恆自覺義途差異，神色微動，塵尾扣案，未息有答．遠曰："不疾而速，杼柚何爲?"座者皆笑矣．心無之義，於此而息.– **LAM chú: Theo Derk Bodde, «đại hội này tổ chức năm 365».** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **giảng: «*Trữ trục* 杼柚 (杼軸)= cái thoi dệt cửi, ám chỉ cấu tứ văn chương.» Câu «*bất tật nhi tốc*» là ở Hệ Từ Thượng: «Duy thần dã, cố bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí.»** 唯神也，故不疾而速，不行而至 **(Kinh Dịch thần diệu nên không gấp mà nhanh, không đi mà tới). – Richard Wilhelm dịch: «Nur durch das Göttliche kann man ohne Hast eilen und, ohne zu gehen, ans Ziel kommen.» (Chỉ qua cái thần diệu người ta mới không gấp mà nhanh, không đi mà tới đích). James Legge dịch: «Their action was spirit-like: therefore they could make speed without hurry, and reached their destination without travelling.» (Hành động của chúng như thần: nên chúng có thể nhanh mà không gấp, tới nơi mà không đi).**

[31] **An Trừng,** ***Trung Luận Sớ Ký:*** **«Cao Tăng trung sa môn Đạo Hằng, chấp Tâm Vô thuyết, chỉ thị tư học Pháp Ôn chi nghĩa, phi tự ý chi sở lập. Hậu Chi Mẫn Độ truy học tiền nghĩa.»** 高僧中沙門道恆，執心無說，只是資學法溫之義，非自意之所立．後支愍度追學前義．

Đạo Hằng đều khác nhau. Thuyết của Pháp Ôn chú trọng «bất không ngoại sắc» (vật chất bên ngoài chẳng trống không); thuyết của Chi Mẫn Độ chú trọng chứng minh tâm thể là «hoát nhiên thái hư» (sự hư vô rất lớn); còn thuyết của Đạo Hằng tuy chưa rõ ràng, nhưng bởi Huệ Viễn nói mỉa Đạo Hằng «Không gấp mà nhanh, ông còn suy nghĩ làm gì?», thì dường như Đạo Hằng chú trọng tâm là «hư nhưng có thể biết, vô nhưng có thể ứng».

❺ ***Thức Hàm Tông*** 識含宗:

Cát Tạng nói: «Bốn vị sư (Đạo An, Pháp Thâm, Chi Độn, Pháp Ôn) này thuộc đời Tấn. Rồi đến đời Tống (420-478), pháp sư Đàm Tế ở chùa Đại Trang Nghiêm viết *Thất Tông Luận*, có thuật lại bốn vị sư ấy, gọi là bốn tông. Còn tông thứ năm thì: "Vu Pháp Khai lập ra thuyết Thức Hàm. Tam giới chỉ là chỗ ẩn của đêm dài, tâm thức chỉ là chủ của giấc mộng lớn (xảy ra trong đêm dài ấy). Mọi hiện hữu mà ta thấy hiện nay đều là những gì ta thấy trong giấc mộng. Hễ tỉnh giấc mộng ấy thì đêm dài bừng sáng, tâm thức mê lầm liền diệt, và tam giới đều trở thành không. Bấy giờ không có gì để cho tâm từ đó sinh ra, nhưng chẳng có gì không sinh".»[32]

An Trừng nói: «*Sơn Môn Huyền Nghĩa*, quyển 5, nói: Thứ tư là Vu Pháp Khai 于法開, viết *Hoặc Thức Nhị Đế Luận*, [...] cho rằng cái thấy do mê lầm là tục đế (chân lý thế tục); khi giác ngộ thì mọi cái không đều là chân lý.»[33] *Cao Tăng Truyện* (Vu Pháp Khai) chép: «Không rõ Vu

---

[32] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Thử tứ sư (Đạo An, Pháp Thâm, Chi Độn, Pháp Ôn) tức Tấn thế sở lập hĩ. Viên chí Tống Đại Trang Nghiêm tự Đàm Tế pháp sư trứ Thất Tông Luận, hoàn thuật tiền tứ, dĩ vi tứ tông. Đệ ngũ "Vu Pháp Khai lập Thức Hàm nghĩa. Tam giới vi trường dạ chi trạch, tâm thức vi đại mộng chi chủ. Kim chi sở kiến quần hữu, giai ư mộng trung sở kiến. Kỳ ư đại mộng ký giác, trường dạ hoạch hiểu, tức đảo hoặc thức diệt, tam giới đồ không. Thị thời vô sở tòng sinh, nhi mị sở bất sinh".»** 此四師(道安, 法深, 支遁, 法溫) 即晉世所立矣. 爰至宋大莊嚴寺曇濟法師著七宗論, 還述前四, 以爲四宗. 第五"于法開立識含義. 三界爲長夜之宅, 心識爲大夢之主. 今之所見群有, 皆於夢中所見. 其於大夢旣覺, 長夜獲曉, 即倒惑識滅, 三界都空. 是時無所從生, 而靡所不生".– **LAM chú: Soothill & Hodous giảng: Tam giới** 三界 **(trailokya) tức *tam hữu*** 三有 **: 1- *Dục giới*** 欲界 **(kāmadhātu): cõi ham muốn, nhất là nhục dục và ẩm thực; bao gồm 6 tầng trời tham dục (lục dục thiên), cõi người, và các địa ngục; 2- *Sắc giới*** 色界 **(rūpadhātu) cõi vật chất, bao gồm thân thể, đền đài, đồ vật, v.v...; 3- *Vô sắc giới*** 無色界 **(arūpadhātu): cõi tinh thần, cõi không có vật chất.**

[33] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Sơn Môn Huyền Nghĩa đệ ngũ quyển vân: Đệ tứ Vu Pháp Khai, trứ Hoặc Thức Nhị Đế Luận. [...] Dĩ hoặc sở đổ vi tục, giác thời đô không vi chân.»** 山門玄義第五云 :第四于法開, 著惑識二諦論 [...]以惑所睹爲俗, 覺時都空爲眞.

Pháp Khai gốc gác thế nào, chỉ biết là đệ tử của sư Lan.»[34] Sư Lan ở đây là Vu Pháp Lan 于法蘭, được chép trong *Cao Tăng Truyện* (quyển 4). Đó là Thức Hàm Tông.

❻ *Ảo Hoá Tông* 幻化宗:

Cát Tạng nói: «Thứ sáu là pháp sư Nhất, nói: Các pháp của *thế đế* đều như *ảo hoá* (māyā). Cho nên kinh nói: Từ khởi thuỷ đến nay chưa hề có thực hữu.»[35]

An Trừng nói: «*Sơn Môn Huyền Nghĩa* nói thứ nhất là Đạo Nhất 道壹, viết *Thần Nhị Đế Luận* rằng: Tất cả các pháp đều là ảo hoá. Đều là ảo hoá nên gọi là *thế đế* (chân lý thế tục). Nhưng *thần* của tâm thì chân thực và chẳng là không, và là *đệ nhất nghĩa đế* (chân lý tối cao). Nếu thần mà là không, thì Phật pháp sẽ dạy cho ai? Ai sẽ tu đạo để bỏ phàm thành thánh? Cho nên chúng ta biết thần chẳng là không.»[36]

Cao Tăng Truyện chép: «Đạo Nhất họ là Lục 陸, người ở đất Ngô 吳. [...] Theo học Trúc Pháp Thải 竺法汰. [...] Những năm Long An 隆安 (397-401) đời Tấn, bị bệnh mất, thọ 71 tuổi.»[37] Đó là Ảo Hoá Tông.

❼ *Duyên Hội Tông* 緣會宗:

Cát Tạng nói: «Thứ bảy là Vu Đạo Toại 于道邃 giảng rằng *hữu* là do nhân duyên hội tụ, đó gọi là *thế đế*. Nhân duyên tan thì thành *vô*, đó gọi là *đệ nhất nghĩa đế*.»[38]

An Trừng nói: «*Sơn Môn Huyền Nghĩa* nói thứ bảy là Vu Đạo Toại

---

[34] ***Cao Tăng Truyện*** **(Vu Pháp Khai): «Bất tri hà hữu nhân, sự Lan Công vi đệ tử.»** 不知何許人，事蘭公爲弟.

[35] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Đệ lục Nhất pháp sư vân: Thế đế chi pháp, giai như ảo hoá. Thị cố kinh vân: Tòng bản dĩ lai, vị thuỷ hữu dã.»** 第六壹法師云：世諦之法，皆如幻化．是故荊云：從本以來，未始有也.– **LAM chú: *Thế đế* tức là *tục đế* (Xin xem lại chú thích 17 trên đây của chương này).**

[36] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Huyền Nghĩa vân: Đệ nhất Thích Đạo Nhất, trứ Thần Nhị Đế Luận vân: Nhất thiết chư pháp, giai đồng ảo hoá. Đồng ảo hoá cố, danh vi thế đế. Tâm thần do chân bất không, thị đệ nhất nghĩa. Nhược thần phục không, giáo hà sở thi. Thuỳ tu đạo cách phàm thành thánh, cố tri thần bất không.»** 玄義云：第一釋道壹，著神二諦論云：一切諸法，皆同幻化．同幻化故，名爲世諦．心神猶眞不空，是第一義．若神復空，教何所施．誰修道隔凡成聖，故知神不空.

[37] ***Cao Tăng Truyện*: «Đạo Nhất tính Lục, Ngô nhân. [...] Tòng Thải Công thụ học. [...] Tấn Long An trung ngộ tật nhi tốt, xuân thu thất thập hữu nhất.»** 道壹姓陸，吳人．[...] 從汰公受學．[...] 晉隆安中遇疾而卒，春秋七十有一.

[38] **Cát Tạng, *Trung Quán Luận Sớ*: «Đệ thất Vu Đạo Toại minh duyên hội cố hữu, danh vi thế đế. Duyên tán cố tức vô, xưng đệ nhất nghĩa đế.»** 第七于道邃明緣會故有，名爲世諦．緣散故即無，稱第一義諦.

于道邃, viết *Duyên Hội Nhị Đế Luận* rằng: Nhân duyên hội tụ nên có hữu, đó là tục đế; tan rã nhân duyên thì thành vô, đó là chân đế. Thí dụ như đất và gỗ hợp lại thành nhà ở. Nhà vốn chưa có hình thể trước, có danh mà không có thực. Cho nên Phật bảo La Đà 羅陀 (Rādha) rằng: Hoại diệt mọi sắc tướng thì chẳng còn gì để thấy.»[39]

Cao Tăng Truyện chép: «Vu Đạo Toại là người ở Đôn Hoàng, [...] xuất gia lúc 16 tuổi, theo học Vu Pháp Lan.»[40]

Tất cả các pháp đều do nhiều nhân duyên hợp lại mà thành *hữu*; khi các nhân duyên tan rã thì lập tức trở thành *vô*. Giống như nhà cửa là do cây và đất hợp lại mà dựng lên, nên gọi là hữu; khi các vật liệu ấy tan rã mất thì nó thành vô. Đó là Duyên Hội Tông.

3. Tăng Triệu [41]

Đời Ngụy và đời Tấn, Phật pháp đã du nhập Trung Quốc và đã có ảnh hưởng đáng kể trong tư tưởng người đương thời. Trong Phật học có sự tương phản giữa *chân như* và *sinh diệt*, giữa *thường* và *vô thường*, giữa *niết bàn* và *sinh tử*. Các tư tưởng gia đương thời đã xem *chân như - sinh diệt* tương đương với *vô - hữu* của Đạo gia; xem *thường - vô thường* tương đương với *tĩnh - động* của Đạo gia; và xem *niết bàn - sinh tử* tương đương với *vô vi - hữu vi* của Đạo gia. Bấy giờ một số nhà giảng Phật học quả thực đã sử dụng các khái niệm ấy của Đạo gia. Vì thế, tuy giảng Phật học nhưng cái Phật học mà họ giảng chẳng qua là một phái Huyền Học. Tăng Triệu 僧肇 (384-414) là một nhân tài kiệt xuất trong số các nhà Phật học. Các luận thuyết *Vật Bất Thiên* 物不遷, *Bất Chân Không* 不眞空, v.v... của ông chính là các tác phẩm đại biểu của Phật học.

Cao Tăng Truyện (Tăng Triệu Truyện) chép: «Thích Tăng Triệu,

---

[39] **An Trừng, *Trung Luận Sớ Ký*: «Huyền Nghĩa vân: Đệ thất Vu Đạo Toại, trứ Duyên Hội Nhị Đế Luận, vân: Duyên hội cố hữu thị tục, thôi xích vô thị chân. Thí như thổ mộc hợp vi xá, xá vô tiền thể, hữu danh vô thực. Cố Phật cáo La Đà: Hoại diệt sắc tướng vô sở kiến.»** 玄義云:第七于道邃,著緣會二諦論,云:緣會故有是俗,推拆無是眞.譬如土木合爲舍,舍無前體,有名無實.故佛告羅陀:壞滅色相無所見.

[40] ***Cao Tăng Truyện*: «Vu Đạo Toại Đôn Hoàng nhân, [...] niên thập lục xuất gia, sự Lan Công vi đệ tử.»** 于道邃燉煌人,[...] 年十六出家,事蘭公爲弟子.

[41] **Derk Bodde chú: Tiết này – trừ tiểu sử của Tăng Triệu và phần chú ở cuối tiết – đã được tác giả đã hiệu đính cho phù hợp với nội dung trong *Tân Nguyên Đạo*, tương ứng với các trang 147-154 trong bản dịch của E.R. Hughes: *The Spirit of Chinese Philosophy (Tinh thần của triết học Trung Quốc)*.– LAM chú: Khi phiên dịch, tôi đối chiếu với bản *Tân Nguyên Đạo* 新原道 của Phùng Hữu Lan (in trong *Phùng Hữu Lan quyển* 馮友蘭卷, Hà Bắc Giáo Dục xuất bản xã, 1996, tr.773-778).**

người ở Kinh Triệu; nhà nghèo nên kiếm sống bằng nghề chép sách. Do chép sách mà ông đọc khắp kinh sử, thông suốt văn thể trong sách. Ông thích huyền vi; xem Lão Trang là trọng yếu cho tâm. Ông thường đọc *Lão Tử*, các chương về *đức* (tức *Lão Tử hạ kinh*), bèn than rằng: "Ý đẹp thì đẹp đấy, nhưng phương pháp trừ bỏ sự hệ luỵ của cái chết thì chưa được hoàn toàn tốt." Về sau khi đọc bản dịch cũ của *Duy Ma Kinh* thì ông hoan hỉ chấp nhận. Nghiên cứu kỹ lưỡng, ông bèn vui vẻ nói rằng đã bắt đầu biết chỗ quay về của mình; và nhân đó mà xuất gia. Ông học giỏi kinh điển Đại Thừa kiêm thông Tam Tạng. [...] Về sau, khi Cưu Ma La Thập đến Cô Tang.[42] Tăng Triệu từ xa đến đó để theo La Thập. La Thập luôn khen ngợi Tăng Triệu. Đến khi La Thập đến Trường An (năm 402). Tăng Triệu cũng đi theo. [Vua của nước Hậu Tần là] Diêu Hưng ra lệnh Tăng Triệu, Tăng Duệ, và nhiều sư khác vào Tiêu Dao Viên để trợ giúp việc xác định rõ kinh luận. Tăng Triệu biết các tác giả thánh triết của kinh điển đã mất lâu rồi, nên văn nghĩa của kinh rất tạp loạn, các bản giải thích trước đây đều có sai sót. Đến khi ông gặp được La Thập và học hỏi, thì mới hiểu biết thêm càng nhiều. Cho nên sau khi bản dịch *Đại Phẩm Bát Nhã Kinh* ra đời (năm 403-404), thì Tăng Triệu liền viết *Bát Nhã Vô Tri Luận* dài hơn hai ngàn chữ. Sau đó ông trình cho La Thập xem. La Thập đọc xong khen hay, rồi nói với Tăng Triệu rằng: "Hiểu biết của tôi chẳng thua ông, nhưng ngôn từ thì kém hơn ông." Bấy giờ ẩn sĩ Lưu Di Dân ở Lư Sơn đọc được bài luận ấy bèn than rằng: "Không ngờ trong giới cà sa lại có một Bình Thúc (tức Hà Án) như thế." Nhân đó Lưu Di Dân đem trình cho Huệ Viễn xem. Huệ Viễn xem xong bèn vỗ bàn than: "Xưa nay chưa hề có tác phẩm độc đáo thế này." Nhân đó cả tăng chúng chuyền tay nhau đọc nó, ai cũng muốn giữ lâu hơn mà đọc. [...] Năm Nghĩa Hi thứ 10 đời Tấn (tức 414), Tăng Triệu mất tại Trường

[42] **LAM chú: Cô Tang 姑臧 nay là Vũ Uy 武威, tỉnh Cam Túc 甘肅 (Xem: Vương Hữu Tam 王友三, *Trung Quốc Tôn Giáo Sử*, Tế Lỗ Thư Xã, Sơn Đông, 1991, quyển 1, tr.397). Theo *Từ Hải*, Cô Tang bấy giờ là Lương Châu 涼州. Chúng ta biết rằng, Phù Kiên bị giết chết năm 385. Lã Quang bèn cát cứ Lương Châu và xưng vương. La Thập bị dẫn theo và bị giam lỏng nơi này 17 năm. Như vậy đây là thời gian Tăng Triệu tìm gặp La Thập, nhưng chúng ta không biết đích xác năm nào.**

An, thọ 31 tuổi.»[43]

Cưu Ma La Thập là một trong các tăng đến Trung Quốc sớm nhất và giới thiệu tư tưởng Ấn Độ có hệ thống. Tăng Triệu là đệ tử của La Thập, vốn giỏi Lão Trang; cho nên trong các chuyên luận của ông đều có ý nghĩa Phật học lẫn Huyền học. Những chuyên luận này được sưu tập thành bộ *Triệu Luận* 肇論.

[43] ***Cao Tăng Truyện*** **(Tăng Triệu Truyện): «Thích Tăng Triệu, Kinh Triệu nhân. Gia bần dĩ dung thư vi nghiệp, toại nhân thiện tả, nãi lịch quán kinh sử, bị tận phẩn tịch. Ái hảo huyền vi, mỗi dĩ Lão Trang vi tâm yếu. Thường độc Lão Tử đức chương, nãi thán viết: "Mỹ tắc mỹ hĩ, nhiên kỳ thần minh luỵ chi phương, do vị tận thiện dã." Hậu kiến cựu Duy Ma Kinh, hoan hỉ đỉnh thụ, phi tẩm ngoạn vị, nãi ngôn thuỷ tri sở quy hĩ, nhân thử xuất gia. Học thiện phương đẳng kiêm thông Tam Tạng. [...] Hậu La Thập chí Cô Tang. Triệu tự viễn tòng chi. Thập ta thường vô cực. Cập Thập thích Trường An. Triệu diệc tuỳ phẩn. Diêu Hưng mệnh Triệu dữ Tăng Duệ đẳng nhập Tiêu Dao Viên, trợ tường định kinh luận. Triệu dĩ khứ thánh cửu viễn, văn nghĩa đa tạp, tiên cựu sở giải thời hữu quai mậu. Cập kiến Thập tỉ bẩm, sở ngộ cánh đa. Nhân xuất đại phẩm chi hậu, Triệu tiện trứ Bát Nhã Vô Tri Luận phàm nhị thiên dư ngôn. Cánh dĩ trình Thập. Thập độc chí xưng thiện, nãi vị Triệu viết: "Ngô giải bất tạ tử, từ đương tương ấp." Thời Lư Sơn ẩn sĩ Lưu Di Dân kiến Triệu thử luận, nãi thán viết: "Bất ý phương bào, phục hữu Bình Thúc." Nhân dĩ trình Viễn Công. Viễn nãi phủ cơ thán viết: "Vị thường hữu dã." Nhân cộng phi tẩm ngoạn vị, cánh tổn vãng phục. [...] Tấn Nghĩa Hi thập niên tốt ư Trường An. Xuân thu tam thập hữu nhất hĩ.»** 釋僧肇，京兆人．家貧以傭書爲業，遂因繕寫，乃歷觀經史，備盡墳籍．愛好玄微，每以老莊爲心要．嘗讀老子德章，乃歎曰："美則美矣，然期神冥累之方，猶未盡善也．"後見舊維摩經，歡喜頂受，披尋玩味，乃言始知所歸矣，因此出家．學善方等兼通三藏．[...] 後羅什至姑臧．肇自遠從之．什嗟賞無極．及什適長安．肇亦隨返．姚興命肇與僧叡等入逍遙園，助詳定經論．肇以去聖久遠，聞義多雜，先舊所解時有乖謬．及見什諮稟，所悟更多．因出大品之後，肇便著般若無知論凡二千餘言．更以呈什．什讀之稱善，乃謂肇曰："吾解不謝子，辭當相挹．"時廬山隱士劉遺民見肇此論，乃歎曰："不意方袍，復有平叔．"因以呈遠公．遠乃撫机歎曰："未常有也．"因共披尋玩味更存往復．[...] 晉義熙十年卒於長安．春秋三十有一矣．– LAM chú: Soothill & Hodous giảng: «***Phương bào*** 方袍 **=** ***phương phục*** 方服, ***ca sa*** 袈裟(áo cà sa).» **Đời Đông Tấn Phật giáo cực thịnh, miền bắc có trung tâm Phật giáo Trường An mà đại biểu là Đạo An và Cưu Ma La Thập, hoạt động chủ yếu là phiên dịch kinh Phật. Miền nam có hai trung tâm Phật giáo: Trung tâm Lư Sơn 廬山 lấy chùa Đông Lâm 東林 làm căn cứ mà lãnh tụ là Huệ Viễn (đệ tử của Đạo An) và trung tâm Kiến Khang 建康 lấy chùa Đạo Trường 道場 làm căn cứ với các danh tăng như Phật Đà Bạt Đà La 佛陀跋陀羅 (Buddhabhadra, đến Trung Quốc năm 404, là dịch giả đầu tiên của *Hoa Nghiêm Kinh* 華嚴經 và *Quán Phật Tam Muội Hải Kinh* 觀佛三昧海經), Pháp Hiển 法顯, Huệ Quán 慧觀, Huệ Nghiêm 慧嚴, v.v... Bấy giờ phong trào du hành Ấn Độ rất thịnh. Năm 399 Pháp Hiển cùng Huệ Cảnh 慧景, Huệ Nghiêm 慧嚴, Bảo Vân 寶雲, từ Trường An đi Ấn Độ thỉnh kinh cầu giới luật. Cuộc Tây du này kéo dài 11 năm. Trung tâm phật giáo Lư Sơn thu hút nhiều danh sĩ và cao tăng. Theo Zürcher (sđd., tr.217), số lượng *ưu bà tắc* 優婆塞 (upāsakas, nam Phật tử tại gia) này không rõ bao nhiêu. Trong *Lư Sơn Ký* 廬山記 của Trần Thuấn Du 塵舜俞 (thế kỷ 11) có ghi chép thông tin về họ. Các danh sĩ là *ưu bà tắc***

a. Vật Bất Thiên Luận 物不遷論

Luận về *Vật Bất Thiên* (vật không dời đổi), Tăng Triệu nói: «Cái mà người ta gọi là động là bởi vật ngày xưa không đi tới nay, cho nên nói vật động và không tĩnh. Cái mà tôi gọi là tĩnh cũng là bởi vật ngày xưa không đi tới nay, cho nên nói vật tĩnh và không động. Họ nói vật động và không tĩnh, là bởi vật không đi tới hiện tại. Tôi nói vật tĩnh và không động, là bởi vật không đi từ quá khứ.»[44]

Tăng Triệu lại nói: «Nếu ta tìm vật quá khứ ở trong quá khứ, thì [ta thấy rằng] nó chưa hề không tồn tại trong quá khứ; nhưng nếu ta tìm vật quá khứ ở hiện tại, thì [ta thấy rằng] nó chưa hề tồn tại ở hiện tại. Ở hiện tại nó chưa hề tồn tại, rõ ràng là vật quá khứ không đến hiện tại. Trong quá khứ nó chưa hề không tồn tại, cho nên ta biết vật không đi. Trái lại, ta cầu hiện tại, hiện tại cũng không đi. Đó gọi là vật quá khứ thì ở quá khứ, nó không từ hiện tại mà đi về quá khứ; vật hiện tại thì ở hiện

---

hâm mộ Huệ Viễn mà tìm đến Lư Sơn có Lưu Di Dân 劉遺民(ở Bành Thành), Lôi Thứ Tông 雷次宗(ở Dự Chương), Chu Tục Chi 周續之(ở Nhạn Môn), Tất Dĩnh Chi 畢穎之(ở Tân Thái), Tông Bính 宗炳(ở Nam Dương), v.v... Về ẩn sĩ Lưu Di Dân mà trong tiểu truyện của Tăng Triệu trên đây nhắc đến, Zürcher viết: «Lưu Trình Chi 劉程之(354-410) thường được gọi là Lưu Di Dân 劉遺民 xuất thân từ gia đình nghe nói là thuộc dòng dõi em của Lưu Bang (sáng lập đời Hán) ở Bành Thành 彭城. [...] Ông từng làm tri huyện ở Nghi Xương 宜昌 và Sài Tang 柴桑, rồi sau đó từ quan, xây dựng một *thiền phường* 禪坊(như thiền thất) để tu hành, gần chùa Tây Lâm 西林 nơi sư Huệ Vĩnh 慧永 trụ trì. Trong 15 năm cuối đời, ông về Lư Sơn tu hành. Theo *Thập Bát Hiền Truyện* 十八賢傳 của một tác giả vô danh, dường như ông là ẩn sĩ thuộc giới văn nhân đầu tiên đến Lư Sơn. Nếu quả thực ông mất năm 410, thì ông đến Lư Sơn năm 396. Lưu Trình Chi theo pháp môn Tịnh Độ, được thực hành tại Lư Sơn.» Derk Bodde chú rằng Lưu Di Dân đọc được *Bát Nhã Vô Tri Luận* của Tăng Triệu năm 408. Theo Zürcher, điều đáng chú ý là đa số ẩn sĩ đến Lư Sơn còn rất trẻ. Họ từ quan và sống một vài năm tại đây. Chẳng hạn năm 402, khi Huệ Viễn (334-416) hướng dẫn tăng chúng lập trai đàn thệ nguyện vãng sanh Tịnh Độ (đánh dấu sự thành lập Tịnh Độ Tông 淨土宗 của Trung Quốc và Huệ Viễn được xem là tổ thứ nhất), bấy giờ Chu Tục Chi (377-423) mới 25 tuổi, Tông Bính (375-443) 27 tuổi, Lôi Thứ Tông (386-?) 16 tuổi.

[44] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Phù nhân chi sở vị động giả, dĩ tích vật bất chí kim, cố viết động nhi phi tĩnh. Ngã chi sở vị tĩnh giả, diệc dĩ tích vật bất chí kim, cố viết tĩnh nhi phi động. Động nhi phi tĩnh, dĩ kỳ bất lai. Tĩnh nhi phi động, dĩ kỳ bất khứ.»** 夫人之所謂動者，以昔物不至今，故曰動而非靜．我之所謂靜者，亦以昔物不至今，故曰靜而非動．動而披靜，以其不來．靜而非動，以其不去．**– Derk Bodde chú: Vật không đi tới hiện tại bởi vì nếu thế thì điều này có nghĩa là vật quá khứ sẽ đồng nhất với vật hiện tại. Tuy nhiên theo quan điểm này, một tiến trình chuyển hoá thường xuyên cứ diễn ra, mà trong đó vật quá khứ tiến triển thành vật hiện tại. Bởi vì mọi sự vật đều lệ thuộc vào tiến trình chuyển hoá này, nên mới nói vật là động. Theo Tăng Triệu, vật quá khứ mãi mãi là vật quá khứ, nó không theo tiến trình chuyển hoá gì cả (để thành vật hiện tại). Bởi vì vật vẫn không đến hiện tại, điều này có nghĩa là vật tĩnh và không động.**

tại, nó không từ quá khứ mà đến hiện tại.»[45]

Tăng Triệu lại nói: «Như vậy, rõ ràng là vật không đi và đến (giữa thời gian này với thời gian khác). Đã không có dấu hiệu nhỏ nhặt của vật đi và đến, thì đâu có vật gì có thể động? Vậy có gì lạ đâu nếu như gió xoáy lật đổ núi mà nó vẫn luôn tĩnh, nếu như sông ngòi tranh nhau làm ngập đất mà vẫn không trôi chảy, nếu như hơi nước bay lên mà vẫn bất động, nếu như mặt trời và mặt trăng luân chuyển trên trời mà vẫn không xoay vòng?»[46]

Trong *Thế Thuyết Tân Ngữ*, Lưu Tuấn (tức Lưu Hiếu Tiêu 劉孝標) chú rằng: «Nhưng sự chạm tới trước không khác sự chạm tới sau, nên sinh ra cái danh «chí» (chạm tới); sự lấy đi trước không khác sự lấy đi sau, nên lập ra cái danh «khứ» (lấy đi).» (Nhiên tắc tiền chí bất dị hậu chí, chí danh sở dĩ sinh; tiền khứ bất dị hậu khứ, khứ danh sở dĩ lập. 然則前至不異後至，至名所以生；前去不異後去，去名所以立).[47] Đại ý của Tăng Triệu cũng giống như vậy. «Cái chạm tới trước» và «cái lấy đi trước» không phải từ quá khứ đi tới hiện tại; «cái chạm tới sau» và «cái lấy đi sau» không phải từ hiện tại đi về quá khứ. Như vậy bất kỳ một sự vật tại một thời điểm nào đó chỉ là sự vật đó tại thời điểm đó mà thôi. Sự vật đó ở một thời điểm khác quả thực là một sự vật khác, chứ nó không hề là sự liên tục của sự vật ở thời điểm trước.

Tăng Triệu nói tiếp: «Cho nên có một người phạn chí hồi trẻ xuất gia, đến khi đầu bạc trở về nhà. Hàng xóm gặp, bèn hỏi: "Người xưa còn sống ư?" Người phạn chí đáp: "Tôi giống như người xưa mà không phải

[45] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Cầu hướng vật ư hướng, ư hướng vị thường vô; trách hướng vật ư kim, ư kim vị thường hữu. Ư kim vị thường hữu, dĩ minh vật bất lai; ư hướng vị thường vô, cố tri vật bất khứ. Phú nhi cầu kim, kim diệc bất vãng. Thị vị tích vật tự tại tích, bất tòng kim đĩ chí tích; kim vật tự tại kim, bất tòng tích đĩ chí kim.»** 求向物於向，於向未嘗無；責向物於今，於今未嘗有．於今未嘗有，以明物不來；於向未嘗無，故知物不去．覆而求今，今亦不往．是謂昔物自在昔，不從今以至昔；今物自在今，不從昔以至今.

[46] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Như thử, tắc vật bất tương vãng lai, minh hĩ. Ký vô vãng phản chi vi trẫm, hữu hà vật nhi khả động hồ? Nhiên tắc *tuyền lam*(a) *yển*(b) nhạc nhi thường tĩnh, giang hà cạnh chú nhi bất lưu, *dã mã*(c) phiêu cổ nhi bất động, nhật nguyệt lịch thiên nhi bất chu, phục hà quái tai?»** 如此，則物不相往來，明矣．既無往返之微朕，有何物而可動乎？然則旋嵐偃嶽而常靜，江河競注而不流，野馬飄鼓而不動，日月歷天而不周，復何怪哉?– LAM chú: (a) Nghĩ *tuyền lam* 旋嵐 là *tuyền phong* 旋風 = gió lốc, gió xoáy. (b) Nghĩ *yển* 偃 là giả tá của *yết* 揭 (thường bị đọc nhầm là *yển*) = nhổ lên. (c) *Dã mã* 野馬 = hơi nước bốc lên ở đồng không (vapor in open country). *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Hơi nước bốc lên, bụi bặm [bay trong ánh nắng], các sinh vật lấy hơi thở thổi vào nhau.» (野馬也，塵埃也，生物之以息相吹也 **Dã mã dã, trần ai dã, sinh vật chi đĩ tức tương xuy dã**).

[47] **LAM chú: Xin xem lại chương 5, chú 85.**

là người xưa."»[48] Người phạn chí nay chẳng qua có vẻ như là người phạn chí xưa. Người phạn chí xưa là người phạn chí xưa; hắn không từ xưa mà đi tới nay. Người phạn chí nay là người phạn chí nay; hắn không từ nay mà trở về xưa.

Tăng Triệu lại nói: «Bảo rằng [một việc] đã qua không có nghĩa là nó nhất thiết đã qua. Xưa và nay cùng luôn tồn tại, bởi vì chúng bất động. Nói rằng [một việc] đã đi không có nghĩa là nó nhất thiết đã đi. Tức là sự việc không từ nay trở về xưa, bởi vì sự việc xưa vốn không đi đến nay. Không đi đến nay, nên không có sự rong ruổi ở xưa và nay. Xưa và nay bất động, nên mỗi cá thể chỉ trú ngụ ở một thời điểm của chính nó.»[49]

Ngày xưa từng có một sự kiện [lịch sử] của một sự vật nào đó. Nó không những thường tồn mà còn có công dụng. Tăng Triệu nói: «Do đó, công của Như Lai lưu vạn thế mà thường tồn, đạo của ngài thông bách kiếp mà càng kiên cố. Núi hình thành từ rổ đất đầu tiên; đường đi hình thành từ bước chân đầu tiên. Kết quả ấy là do công nghiệp không thể hư hoại. Công nghiệp ấy không thể hư hoại, cho nên tuy ở quá khứ mà nó không biến hoá; vì không biến hoá nên không dời đổi; vì không dời đổi nên ngời sáng.»[50] Ở đây ví dụ việc đắp núi, một rổ đất có công của một rổ đất; hoặc ví dụ việc đi đường, một bước chân có công của một bước chân. Đắp thành ngọn núi phải dựa vào rổ đất đầu tiên. Đi xong một

---

[48] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Thị dĩ phạn chí xuất gia, bạch thủ nhi quy, lân nhân kiến chi viết: "Tích nhân thượng tồn hồ?" Phạn chí viết: "Ngô do tích nhân, phi tích nhân dã."»** 是以梵志出家，白首而歸，鄰人見之曰："昔人尚存乎？"梵志曰："吾猶昔人，非昔人也."**– LAM chú: *Phạn chí* (brahmacārin) không phải là tên riêng. Xin xem lại chú thích 17 của chương này.**

[49] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Ngôn vãng bất tất vãng, cổ kim thường tồn, dĩ kỳ bất động. Xưng khứ bất tất khứ, vị bất tòng kim chí cổ, dĩ kỳ bất lai. Bất lai, cố bất trì sinh ư cổ kim; bất động, cố các tính trú ư nhất thế.»** 言往不必往，古今常存，以其不動．稱去不必去，謂不從今至古，以其不來．不來，故不馳騁於古今；不動，故各性住於一世．

[50] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Thị dĩ Như Lai, công lưu vạn thế nhi thường tồn, đạo thông bách kiếp nhi di cố. Thành sơn giả tựu ư thuỷ quỹ, tu đồ thác chí ư sơ bộ, quả dĩ công nghiệp bất khả hủ cố dã. Công nghiệp bất khả hủ, cố tuy tại tích nhi bất hoá, bất hoá cố bất thiên, bất thiên cố tắc trạm nhiên minh hĩ.»** 是以如來，功流萬世而常存，道通百劫而彌固．成山假就於始簣，修途託不初步，果以功業不可朽故也．功業不可朽，故雖在昔而不化，不化故不遷，不遷故則湛然明矣．**– LAM chú: *«Thành sơn giả tựu ư thuỷ quỹ, tu đồ thác chí ư sơ bộ.»* ý nghĩa giống như *Lão Tử* (chương 64): «Hợp bão chi mộc sinh ư hào mạt, cửu tầng chi đài khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ.»** 合抱之木生於毫末；九層之臺起於累土．千里之行始於足下 **(Cây to một ôm sinh ra từ gốc nhỏ xíu; đài cao chín tầng khởi từ mô đất; cuộc viễn hành nghìn dặm khởi từ dưới chân).**

đoạn đường phải nhờ bước chân đầu tiên. Công của rổ đất đầu tiên và công của bước chân đầu tiên là trong quá khứ, nhưng chúng không biến hoá. Vì không biến hoá nên chúng không đổi dời.

Người bình thường cho rằng: nếu như sự vật được xem là tĩnh, vậy thì sự vật hôm nay chính là sự vật hôm qua. Cái gọi là tĩnh này thì trái ngược với động. Người bình thường cho rằng: nếu như sự vật được xem là động, vậy thì phải nói rằng sự vật hôm qua biến thành sự vật hôm nay. Cái gọi là động này thì trái ngược với tĩnh. Kỳ thực, sự vật hôm nay không hề là sự vật hôm qua, cũng không hề là do sự vật hôm qua biến thành. Động là «dường như động mà tĩnh»; đi mất là «dường như đi mất mà còn lưu lại». Động chỉ là dường như động, chứ nó không trái với tĩnh. Đi mất chỉ là dường như đi mất, chứ nó không trái với lưu lại.

Tăng Triệu nói: «Khi ta cầu bất động, lẽ nào bỏ động để cầu tĩnh? Tất phải cầu tĩnh ở động. Tất phải cầu tĩnh ở động, cho nên tuy động mà thường tĩnh. Không bỏ động để cầu tĩnh, cho nên tuy tĩnh mà không lìa động.»[51]

«Tuy động mà thường tĩnh», «tuy tĩnh mà không lìa động»; tức là tĩnh và động không phải là hai mặt đối lập. Nói như thế là thủ tiêu sự đối lập giữa động và tĩnh trong quan điểm của người bình thường; cũng có thể nói rằng nó thống nhất hai mặt đối lập đó.

b. Bất Chân Không Luận 不眞空論

Trong *Bất Chân Không Luận,* Tăng Triệu nói: «Vạn vật quả thực vốn có cái vừa khiến nó không tồn tại (bất hữu) vừa khiến nó không không tồn tại (bất vô). Bởi vốn có cái vừa khiến nó không tồn tại, cho nên tuy tồn tại mà chẳng phải là tồn tại (hữu nhi phi hữu). Bởi vốn có cái vừa khiến nó không không tồn tại, cho nên tuy không tồn tại mà chẳng phải là không tồn tại (vô nhi phi vô).»[52]

Mọi sự vật đều do nhiều nhân duyên hợp lại mà thành: «Giả sử tồn

---

[51] **Tăng Triệu, *Vật Bất Thiên Luận*: «Tầm phù bất động chi tác, khởi thích động dĩ cầu tĩnh? Tất cầu tĩnh ư chư động. Tất cầu tĩnh ư chư động, cố tuy động nhi thường tĩnh. Bất thích động dĩ cầu tĩnh, cố tuy tĩnh nhi bất ly động.»** 尋夫不動之作，豈釋動以求靜?必求靜於諸動.必求靜於諸動，故雖動而常靜.不釋動以求靜，故雖靜而不離動.

[52] **Tăng Triệu, *Bất Chân Không Luận*: «Vạn vật quả hữu kỳ sở dĩ bất hữu, hữu kỳ sở dĩ bất vô. Hữu kỳ sở dĩ bất hữu, cố tuy hữu nhi phi hữu. Hữu kỳ sở dĩ bất vô, cố tuy vô nhi phi vô.»** 萬物果有其所以不有，有其所以不無.有其所以不有，故雖有而非有.有其所以不無，故雖無而非無.

tại là sự tồn tại chân thực (chân hữu), thì tồn tại vốn là sự tồn tại mãi mãi (thường hữu), lẽ nào phải nương vào nhân duyên rồi sau mới tồn tại ư? Giả sử kia là sự không tồn tại chân thực (chân vô), thì không tồn tại vốn là sự không tồn tại mãi mãi (thường vô), lẽ nào phải nương vào nhân duyên rồi sau mới không tồn tại ư? Nếu sự tồn tại không tự nó là tồn tại, mà phải nương vào nhân duyên rồi sau mới tồn tại, thì sự tồn tại ấy chẳng phải là sự tồn tại chân thực (chân hữu). Bởi vì tồn tại mà chẳng phải là tồn tại chân thực, cho nên tuy tồn tại nhưng không thể gọi nó là tồn tại. Sự không không tồn tại [cũng thế], hễ không tồn tại thì rõ ràng bất động, có thể gọi nó là không tồn tại. Vạn vật nếu không tồn tại, thì chúng không khởi lên. Nếu khởi lên thì chúng chẳng phải là không tồn tại. Bởi có nhân duyên nên mới khởi lên, do đó chúng không không tồn tại.»[53]

Tăng Triệu nói: «Như vậy vạn pháp quả thực có cái khiến chúng không tồn tại, nên không thể xem là tồn tại; đồng thời lại có cái khiến chúng không không tồn tại, nên không thể xem là không tồn tại. Tại sao vậy? Nếu ta muốn khẳng định là chúng tồn tại, thì sự tồn tại ấy chẳng phải là sự tồn tại tuyệt đối (chân sinh). Nếu ta muốn khẳng định là chúng không tồn tại, thì các hiện tượng của sự vật đã có hình. Những hình thể có tính hiện tượng này chẳng phải là không tồn tại, nhưng chúng không tuyệt đối và không có thực. Như vậy thuyết Bất Chân Không (thuyết về Không của Bất Chân) đã hiển rõ. Cho nên *Phóng Quang Kinh* nói: "Các pháp đều giả hiệu, không chân thật. Thí dụ như người ảo hoá [do phép thuật biến ra], chẳng phải không có người ảo hoá, nhưng người ảo hoá này chẳng phải là người chân thật."»[54]

[53] **Tăng Triệu, *Bất Chân Không Luận*: «Phù hữu nhược chân hữu, hữu tự thường hữu, khởi đãi duyên nhi hậu hữu tai? Thí bỉ chân vô, vô tự thường vô, khởi đãi duyên nhi hậu vô dã? Nhược hữu bất năng tự hữu, đãi duyên nhi hậu hữu giả, cố tri hữu phi chân hữu. Hữu phi chân hữu, tuy hữu bất khả vị chi hữu hĩ. Bất vô giả, phù vô tắc trạm nhiên bất động, khả vị chi vô. Vạn vật nhược vô, tắc bất ứng khởi. Khởi tắc phi vô. Dĩ minh duyên khởi, cố bất vô dã.»** 夫有若眞有，有自常有，豈待緣而後有哉？譬彼眞無，無自常無，豈待緣而後無也？若有不能自有，待緣而後有者，故知有非眞有．有非眞有，雖有不可謂之有矣．不無者，夫無則湛然不動，可謂之無．萬物若無，則不應起．起則非無．以明緣起，故不無也．

[54] **Tăng Triệu, *Bất Chân Không Luận*: «Nhiên tắc vạn pháp quả hữu kỳ sở dĩ bất hữu, bất khả đắc nhi hữu; hữu kỳ sở dĩ bất vô, bất khả đắc nhi vô. Hà giả? Dục ngôn kỳ hữu, hữu phi chân sinh; dục ngôn kỳ vô, sự tượng ký hình. Tượng hình bất tức vô. Phi chân phi thực hữu. Nhiên tắc bất chân không nghĩa, hiển ư tư hĩ. Cố Phóng Quang vân: "Chư pháp giả hiệu bất chân. Thí như ảo hoá nhân, phi vô ảo hoá nhân, ảo hoá nhân phi chân nhân dã."»** 然則萬法果有其所以不有，不可得而有；有其所以不無，不可得而無．何者？欲言其有，有非眞生；欲言其無，事象既形．象形不即無．非眞非實有．然則不眞空義，顯於茲矣．故放光云："諸法假號不眞．譬如幻化人，非無幻化人，幻化人非眞人也." – **Derk Bodde chú: *Phóng Quang Kinh* = Pañcaviṃśatisāhasrikā Prajñāpāramita Sūtra (chương 27).**

Tất cả các pháp, hễ duyên hợp thì sinh, hễ duyên lìa thì diệt, giống như người ảo hoá. Ở mặt này mà nói, «vạn pháp quả thực có cái khiến chúng không tồn tại». Người ảo hoá tuy chẳng phải là người thật, nhưng người ảo hoá tồn tại. Vạn pháp tuy đều ở trong vòng sinh diệt, nhưng vạn vật sinh diệt tức là tồn tại. Từ phương diện này mà nói, không là không và bất không. «Vạn pháp quả thực có cái khiến chúng không không tồn tại».

Người bình thường nói *vô* (không tồn tại) tức là nói không có sự vật. Người bình thường nói *hữu* (tồn tại) tức là nói có sự vật. Kỳ thực, có sự vật, nhưng sự vật chẳng tồn tại tuyệt đối. Thế tức là *bất hữu* (không tồn tại) và *bất vô* (không không tồn tại), mà cũng có thể nói là *hữu* (tồn tại) và *vô* (không tồn tại). Tăng Triệu nói: «Nếu *hữu* (tồn tại) chẳng phải là chân thật, và nếu *vô* (không tồn tại) chẳng phải là bỏ đi không dấu vết, vậy thì *hữu* và *vô* tuy tên gọi khác nhau, kỳ thực chỉ là một.»[55] Thuyết này thủ tiêu sự đối lập giữa *hữu* và *vô* trong cái nhìn của người bình thường, cũng có thể nói rằng nó thống nhất hai mặt đối lập *hữu* và *vô*.

c. Bát Nhã Vô Tri Luận 般若無知論

Tăng Triệu định nghĩa *bát nhã* (prajña) là «thánh trí» 聖智, tức là tri thức theo nghĩa rộng. Thánh trí cũng là một loại tri thức, nhưng nó khác với tri thức của người bình thường. Biết thì có cái được biết mà hiện nay chúng ta gọi nó là đối tượng của tri thức. Đối tượng của thánh trí là *chân đế* 眞諦 (chân lý tuyệt đối: paramārtha-satya), nhưng chân đế không thể là đối tượng của tri thức, bởi vì hễ biết tức là biết đối tượng là vật gì, mà chân đế thì không phải là một vật gì. Do đó chân đế không thể là đối tượng của tri thức. Trong *Bát Nhã Vô Tri Luận,* Tăng Triệu nói: «Biết là biết cái được biết, hiểu được đặc tính (*tướng* 相) của nó nên gọi là biết. Chân đế vốn không có đặc tính (*vô tướng*), thì *chân trí* do đâu mà biết được?»[56]

Một sự vật là cái gì, đó là đặc tính (*tướng* 相: lakṣaṇa) của nó. Biết một sự vật là cái gì tức là hiểu được đặc tính (*tướng*) của nó. Nhưng chân đế không là cái gì hết, nên nó vô tướng. Đã là vô tướng thì không thể biết.

---

[55] **Tăng Triệu, *Bất Chân Không Luận*: «Nhược hữu bất tức chân, vô bất di tích, nhiên tắc hữu vô xứng dị, kỳ trí nhất dã.»** 若有不即眞，無不夷跡，然則有無稱異，其致一也.

[56] **Tăng Triệu, *Bát Nhã Vô Tri Luận*: «Tri dĩ tri sở tri, thủ tướng cố danh tri. Chân đế tự vô tướng, chân trí hà do tri?»** 知以知所知，取相故名知．眞諦自無相，眞智何由知？

Mặt khác, cái biết và cái được biết thì đối đãi với nhau. Có cái biết ắt là có cái được biết. Có cái được biết ắt là có cái biết. Tăng Triệu nói: «Cái biết và cái được biết cùng nhau tồn tại; cùng nhau tồn tại mà không tồn tại. [...] Cái được biết sinh ra cái biết, cái biết cũng sinh ra cái được biết. Cái được biết [và cái biết] sinh ra lẫn nhau, Sinh ra lẫn nhau tức là *duyên pháp* (pháp do duyên tạo). Duyên pháp nên không chân thật. Không chân thật nên chẳng phải là chân đế.»[57]

Đối tượng của tri thức là do duyên của biết sinh ra; chính tri thức cũng là do đối tượng ấy sinh ra. Đối tượng của tri thức là do duyên sinh. Do duyên sinh nên không chân thật. Không chân thật nên chẳng phải là chân đế. Cho nên chân đế không phải là đối tượng của tri thức.

Mặt khác, bát nhã trực tiếp liên quan tri thức về chân đế. Thứ tri thức này lấy cái đối tượng của cái không thể biết làm đối tượng. Do đó thứ tri thức này khác với tri thức của người bình thường. Tăng Triệu nói: «Do đó, khi ta quán xét chân đế thì *chân trí* (tri thức chân thật) không hề là cái được biết thông thường. Nếu vậy, chân trí do đâu mà biết?»[58] Do đó, cái tri thức bát nhã cũng có thể gọi là *vô tri* (không có tri thức). «Thánh nhân lấy cái bát nhã vô tri này để quán chiếu chân đế vô tướng.» «Lặng lẽ bất động mà vô tri, bát nhã vô tri nhưng biết tất cả.» Vô tri nhưng biết tất cả, đó là cái biết vô tri.

Tuy nhiên cái gọi là chân đế (chân lý tuyệt đối) không hề tồn tại ở ngoài sự vật. Chân đế là cái chân chính của mọi sự vật, Phật học gọi chân đế là «chư pháp thực tướng» 諸法實相(đặc tính chân thật của mọi sự vật). Mọi sự vật đều do nhiều duyên hợp lại mà sinh ra, giống như «người ảo hoá» (do pháp thuật tạo thành). Đặc tính của nó là hư ảo, tướng của nó là vô tướng. Vô tướng chính là chư pháp thực tướng. Cái tri thức biết chư pháp thực tướng chính là bát nhã. Vô tướng không thể là đối tượng của tri thức, cho nên bát nhã vô tri. Cho nên trong lá thư phúc đáp Lưu Di Dân, Tăng Triệu viết: «Sự phát triển của trí đạt tới cực điểm trong tướng. Nhưng vì pháp vốn vô tướng, vậy thánh trí sao có thể là tri thức?»[59] Thánh trí là

---

[57] **Tăng Triệu, *Bát Nhã Vô Tri Luận*: «Phù tri dữ sở tri, tương dữ nhi hữu, tương hữu nhi vô. [...] Sở tri ký sinh tri, tri diệc sinh sở tri. Sở tri ký tương sinh, tương sinh tức duyên pháp. Duyên pháp cố phi chân. Phi chân cố phi chân đế dã.»** 夫知與所知，相與而有，相有而無．[...] 所知既生知，知亦生所知．所知既相生，相生即緣法．緣法故非眞．非眞故非眞諦也．

[58] **Tăng Triệu, *Bát Nhã Vô Tri Luận*: «Thị dĩ chân trí quán chân đế, vị thường thủ sở tri. Trí bất thủ sở tri, thử trí hà do tri?»** 是以智觀眞諦，未嘗取所知．智不取所知，此智何由知？

[59] **Tăng Triệu, *Đáp Lưu Di Dân Thư*: «Phù trí chi sinh dã, cực ư tướng nội. Pháp bản vô tướng, thánh trí hà tri?»** 夫智之生也，極於相內．法本無相，聖智何知?

tri thức vô tướng (vô tướng chi tri 無相之知); hễ có tri thức vô tướng tức là có sự chiếu sáng không tri thức (bất tri chi chiếu 不知之照).

Sự chiếu sáng không tri thức ấy soi sáng thực tướng của mọi sự vật. Cho nên thánh trí cũng không lìa mọi sự vật. Không lìa mọi sự vật, thì gọi là *ứng hội* 應會 hay *phủ hội* 撫會. *Ứng hội* hay *phủ hội* tức là ứng phó mọi sự vật. Thánh nhân có bát nhã vô tri; tức là ngài khiến tâm mình hư không (hư kỳ tâm). Thánh nhân có sự chiếu sáng không tri thức; tức là ngài khiến sự chiếu sáng của mình chân thực (thực kỳ chiếu). [Bát nhã] hư không nhưng không mất sự chiếu sáng; chiếu sáng nhưng không mất sự hư không. Tăng Triệu nói: «Như thế, thánh trí không biết nhưng có sự soi xét tới cõi thâm u sâu thẳm. Thần không lo nghĩ nhưng có công dụng ứng hội. Thần không lo nghĩ, nên có thể một mình cai quản ở ngoài thế gian. Thánh trí không biết nên có thể soi sáng huyền diệu ở ngoài sự vật. Thánh trí tuy ở ngoài sự vật, nhưng chưa hề không có sự vật. Thần tuy ở ngoài thế gian, nhưng suốt ngày ở trong thế gian.»[60]

Tăng Triệu nói: «Do đó, thánh trí soi sáng vô tướng, nhưng không mất công dụng phủ hội; nhìn thấy biến động, nhưng không trái nghịch vô tướng.»[61] Lại nói: «Do đó, thánh nhân biến lòng mình như hang động trống rỗng, không hay không biết, nhưng cư ngụ trong cõi công dụng mà dừng trong miền vô vi; ở trong cõi có danh xưng mà trú ở miền không lời; vắng lặng một mình, trống rỗng mênh mông; [trạng thái ấy] không thể lấy lời nói mà diễn tả được. Nói về ngài chỉ như vậy thôi.»[62] «Cư ngụ trong cõi công dụng» và «ở trong cõi có danh xưng» là nói về hành vi của thánh nhân. «Dừng trong miền vô vi» và «trú ở miền không lời» là nói về cảnh giới của thánh nhân.

---

[60] **Tăng Triệu, *Bát Nhã Vô Tri Luận*: «Nhiên tắc trí hữu cùng u chi giám, nhi vô tri yên. Thần hữu ứng hội chi dụng, nhi vô lự yên. Thần vô lự, cố năng độc vương ư thế biểu. Trí vô tri, cố năng huyền chiếu ư sự ngoại. Trí tuy sự ngoại, vị thuỷ vô sự. Thần tuy thế biểu, chung nhật vực trung.»** 然則智有窮幽之監，而無知焉．神有應會之用，而無慮焉．神無慮，故能獨王於世表．智無知，故能玄照於事外．智雖事外，未始無事．神雖世表，終日域中.

[61] **Tăng Triệu, *Đáp Lưu Di Dân Thư*: «Thị dĩ chiếu vô tướng, bất thất phủ hội chi công; đổ biến động, bất quai vô tướng chi chỉ.»** 是以照無相，不失撫會之功；睹變動，不乖無相之旨.

[62] **Tăng Triệu, *Đáp Lưu Di Dân Thư*: «Thị dĩ thánh nhân không động kỳ hoài, vô thức vô tri, nhiên cư công dụng chi vực, nhi chỉ vô vi chi cảnh; xử hữu danh chi nội, nhi trạch tuyệt ngôn chi hương; tịch liêu hư khoáng, mạc khả dĩ hình danh đắc, nhược tư nhi dĩ hĩ.»** 是以聖人空洞其懷，無識無知，然居功用之域，而止無爲之境；處有名之內，而宅絕言之鄉；寂寥虛曠，莫可以形名得，若斯而已矣.

Tăng Triệu nói: «Cho nên *Bảo Tích Kinh* nói: "[Phật] lấy vô tâm ý mà hành động." *Phóng Quang Kinh* nói: "[Phật] trong cảnh giới giác ngộ và bất động mà kiến lập mọi pháp." Cho nên dấu tích của bậc thánh tuy đa đoan muôn mối mà vẫn nhất trí. Do đó, bát nhã tuy hư không mà vẫn soi sáng; chân đế tuy bị quên mà vẫn được biết; muôn biến động tuy xảy ra nhưng vẫn yên tĩnh; thánh ứng tuy không làm nhưng vẫn làm. Ngài không biết nhưng tự biết; không làm nhưng tự làm. Ngài còn biết gì nữa và còn làm gì nữa?»[63]

Thánh nhân vừa biết vừa không biết; vừa hữu vi vừa vô vi. Nói thế tức là thủ tiêu sự đối lập giữa biết và không biết, cũng là thống nhất hai mặt đối lập hữu vi và vô vi.

Tăng Triệu lấy gương sáng để làm thí dụ trạng thái tâm lý của người tu dưỡng thành công. Trang Tử cũng nói thánh nhân dụng tâm như chiếc gương soi.[64] Về sau, các Đạo học gia đời Tống và đời Minh thường dùng thí dụ ấy. Tăng Triệu chú *Duy Ma Kinh* (Vimalakīrti -nirdeśa Sūtra) rằng: «Hễ xem đạo là đạo và xem không đạo là không đạo, thì yêu ghét cùng khởi, các hệ luỵ trần tục càng hiện rõ. Làm sao có thể thông hiểu ý nghĩa huyền diệu của tâm và đạt được đạo bình đẳng? Nếu có thể không

---

[63] **Tăng Triệu, *Bát Nhã Vô Tri Luận*: «Cố Bảo Tích viết: "Dĩ vô tâm ý nhi hiện hành." Phóng Quang vân: "Bất động đẳng giác nhi kiến lập chư pháp." Sở dĩ thánh tích vạn đoan, kỳ trí nhất nhi dĩ hĩ. Thị dĩ bát nhã khả hư nhi chiếu, chân đế khả vong nhi tri, vạn động khả tức nhi tĩnh, thánh ứng khả vô nhi vi. Tư tắc bất tri nhi tự tri. Bất vi nhi tự vi hĩ. Phục hà tri tai? Phục hà vi tai?» 故寶積曰: "以無心意而現行." 放光云: "不動等覺而見立諸法." 所以聖跡萬端, 其致一而已矣. 是以般若可虛而照, 眞諦可亡而知, 萬動可即而靜, 聖應可無而爲. 斯則不知而自知. 不爲而自爲矣. 復何知哉?復何爲哉? - LAM chú: *Bảo Tích* tức là *Đại Bảo Tích Kinh* 大寶積經 (Mahāratnakūṭa Sūtra). Soothill & Hodous giảng: «Tứ đại bộ kinh 四大部經 trong kinh điển Đại Thừa là: *Hoa Nghiêm Kinh* 華嚴經, *Niết Bàn Kinh* 涅盤經, *Bảo Tích Kinh* 寶積經, *Bát Nhã Kinh* 般若經.» Chữ *vong* 亡 (mất) ở đây có lẽ là *vong* 忘 (quên), nên Derk Bodde dịch: «Absolute Truth, though forgotten, can be known.» (Chân đế tuy bị quên nhưng vẫn có thể được biết).**

[64] **LAM chú: *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.» 至人之用心若鏡, 不將不迎, 應而不藏, 故能勝物而不傷 (Bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi, chẳng mong chờ cũng chẳng nghinh đón ai hay vật gì. Phản chiếu người hay vật trước nó, nhưng nó không lưu giữ các hình ảnh đó. Vì thế ngài siêu vượt trên mọi sự vật và không gây hại cho ai). James Legge dịch: «When the perfect man employs his mind, it is a mirror. It conducts nothing and anticipates nothing; it responds to what is before it but does not retain it. Thus he is able to deal successfully with all things and injures none.» (Khi bậc chí nhân dụng tâm, nó là chiếc gương soi. Nó không dẫn dắt cái gì và cũng không dự liệu cái gì cả; nó phản chiếu cái ở phía trước nó, nhưng không lưu giữ cái ấy. Vì thế ngài thắng mọi vật và không làm ai thương tổn).**

xem đạo là đạo và không xem không đạo là không đạo, thì đúng và sai sẽ dứt tuyệt ở tâm, và khi gặp sự việc xảy ra ta có thể cưỡi trên nó. Cho nên ở trong cái đúng mà không cảm thấy cái đúng là đúng; ở trong cái sai mà không cảm thấy cái sai là sai. Do đó ta có thể xem đẹp và xấu như nhau, trải nghịch cảnh mà luôn xuôi thuận; làm dịu ánh sáng của mình và hoà đồng với trần tục; càng tối thì càng sáng. Bấy giờ có thể gọi là thông đạt và không bị chướng ngại, là Phật đạo bình đẳng vậy.»[65]

Trong thời Nam Bắc Triều, khi lấy cái học Lão Trang để giảng Phật học, nhiều nhà đã đồng nhất hữu với vô, hợp nhất động với tĩnh, xem ta với người là một. Nhưng đối với ý nghĩa «xuyên suốt đúng và sai» của Trang Tử thì ít nhà bàn đến. Ở đoạn văn trên, Tăng Triệu đã phát huy ý nghĩa «xem đúng sai như nhau» (tề thị phi) trong thiên Tề Vật Luận của Trang Tử để giải thích Phật học

4. Đạo Sinh

Đạo Sinh (355-434) cùng học với Tăng Triệu nơi La Thập và cùng nổi tiếng như Tăng Triệu. *Cao Tăng Truyện* chép: «Trúc Đạo Sinh 竺道生, vốn là họ Nguỵ, người ở Cự Lộc 鉅鹿(nay là huyện Cự Lộc, tỉnh Hà Bắc); ngụ cư Bành Thành 彭城(nay là thành phố Từ Châu 徐州, tỉnh Giang Tô), gia thế sĩ tộc. [...] Thuở nhỏ, Sinh thông minh đĩnh ngộ như thần. [...] Về sau, ông tiếp xúc sa môn Trúc Pháp Thải (320-387), bèn quy y, theo học Pháp Thải. [...] Sau, ông cùng Huệ Duệ và Huệ Nghiêm cùng đến Trường An, theo học Cưu Ma La Thập. Các tăng lữ ở miền trong quan ải đều khen Đạo Sinh thông hiểu như thần. [...] Đạo Sinh suy tư lâu ngày, bèn thấu triệt ngoài ngôn ngữ, nên than rằng: "Tượng là để diễn hết ý, được ý thì tượng bị quên. Lời là để diễn lý, nhập lý thì lời

---

[65] Tăng Triệu, *Duy Ma Kinh Chú* 維摩經注: **«Phù dĩ đạo vi đạo, phi đạo vi phi đạo giả, tắc ái ố tịnh khởi, cấu luỵ tư chương. Hà năng thông tâm diệu chỉ, đạt bình đẳng chi đạo hồ? Nhược năng bất dĩ đạo vi đạo, bất dĩ phi đạo vi phi đạo giả, tắc thị phi tuyệt ư tâm, ngộ vật tư khả thừa hĩ. Sở dĩ xử thị vô thị thị chi tình, thừa phi vô phi phi chi ý. Cố năng mỹ ác tề quan, lý nghịch thường thuận. *Hoà quang trần lao*, dũ hối dũ minh. Tư khả vị thông đạt vô ngại, bình đẳng Phật đạo dã.»** 夫以道爲道，非道爲非道者，則愛惡並起，垢累滋彰，何能通心妙旨，達平等之道乎?若能不以道爲道，不以非道爲非道者，則是非絕於心，遇物斯可乘矣.所以處是無是是之情，乘非無非非之意.故能美惡齊觀，履逆常順.和光塵勞，愈晦愈明.斯可謂通達無礙，平等佛道也.- **LAM chú: «Hoà quang trần lao» là ý của *Lão Tử* (chương 56): «Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.»** 和其光，同其塵([Thánh nhân] làm dịu ánh sáng của mình và hòa đồng với bụi bặm của thế tục). **Đó là chủ trương *thao quang, hồi tích, ẩn thánh, hiển phàm* (che bớt ánh sáng, làm mờ dấu tích, che dấu vẻ thánh, làm lộ nét phàm) của chân nhân; cũng là nội dung bức tranh chăn trâu thiền tông thứ 10: *thuỳ thủ nhập triền* (thõng tay vào chợ).**

ngưng. Từ khi kinh điển truyền sang phía đông [đến Trung Quốc], các dịch giả gặp rất nhiều trở ngại, đa số bị vướng ở văn tự, rất ít thấy được ý nghĩa trọn vẹn. Nếu được cá quên nơm, thì mới có thể nói đạo với họ." Do đó Đạo Sinh hiệu duyệt chân đế và tục đế, nghiên cứu nhân quả, rồi lập thuyết "thiện bất thụ báo" và "đốn ngộ thành phật". Hơn nữa, khi *Niết Bàn Kinh* (6 quyển) lần đầu đến kinh đô, Đạo Sinh phân tích nghĩa lý của kinh và nhập vào cõi u huyền tế vi. [...] Ông bèn nói kẻ nhất xiển đề (icchantika: kẻ không tin Phật) đều được thành Phật. Bấy giờ *Đại Niết Bàn Kinh* chưa đến vùng đất này, Đạo Sinh một mình hiểu được điều đó và đầu tiên phát triển thuyết này. Ý kiến độc đáo này trái ngược với ý kiến của mọi người. [...] Bỗng *Đại Niết Bàn Kinh* đến kinh đô, quả thực trong đó nói kẻ nhất xiển đề cũng có Phật tính. [...] Đạo Sinh mất năm Nguyên Gia 元嘉 thứ 11 (tức 434) đời Nam Triều Tống (420-479) dưới triều vua Văn Đế 文帝 (tức Lưu Nghĩa Long 劉義隆, tại vị 424-453)."[66]



Đạo Sinh

[66] *Cao Tăng Truyện*: «Trúc Đạo Sinh, bản tính Nguỵ, Cự Lộc nhân. Ngụ cư Bành Thành gia thế sĩ tộc. [...] Sinh ấu nhi dĩnh ngộ thông triết nhược thần. [...] Hậu trị sa môn Trúc Pháp Thải, toại cải tục quy y, phục ưng thụ nghiệp. [...] Hậu dữ Huệ Duệ, Huệ Nghiêm đồng du Trường An, tòng Thập Công thụ nghiệp, quan trung tăng lữ hàm vị thần ngộ. [...] Sinh ký tiềm tư nhật cửu, triệt ngộ ngôn ngoại, nãi vị nhiên thán viết: "Phù tượng dĩ tận ý, đắc ý tắc tượng vong. Ngôn dĩ thuyên lý, nhập lý tắc ngôn tức. Tự kinh điển đông lưu, dịch nhân trùng trở, đa thủ trệ văn, tiển kiến viên nghĩa. Nhược vong thuyên thủ ngư, thuỷ khả dữ ngôn đạo hĩ." Ư thị hiệu duyệt chân tục nghiên tư nhân quả. Nãi lập "thiện bất thụ báo", "đốn ngộ thành phật". Hựu lục quyển nê hoàn tiên chí kinh sư. Sinh phẫu tích kinh lý, động nhập u vi. [...] Nãi thuyết nhất xiển đề nhân giai đắc thành phật. Ư thị Đại Niết Bàn Kinh vị đáo thử thổ, cô minh tiên phát, độc kiến ngỗ chúng. [...] Nga nhi Đại Niết Bàn Kinh đáo ư kinh đô, quả xưng xiển đề tất hữu phật tính. [...] Dĩ Tống Nguyên Gia thập nhất niên [...] tốt.» 竺道生, 本姓魏, 鉅鹿人. 寓居彭城家世士族. [...] 生幼而穎悟聰哲若神. [...] 後值沙門竺法汰, 遂改俗歸依. 伏膺受業. [...] 後與慧叡, 慧嚴同遊長安, 從什公受業, 關中僧侶咸謂神悟. [...] 生既潛思日久, 徹悟言外, 遁喟然歎曰: "夫象以盡意, 得意則象忘. 言以詮理, 入理則言息. 自經典東流, 譯人重阻, 多守滯文, 鮮見圓義. 若忘詮取魚, 始可與言道矣." 於是校閱眞俗研思因果. 遁立"善不受報", "頓悟成佛". 又六卷泥洹先至京師. 生剖析經理, 洞入幽微. [...] 乃說一闡提人皆得成佛. 於是大涅槃經未到此土, 孤明先發, 獨見忤衆. [...] 俄而大涅槃經到於京都, 果稱闡提悉有佛性. [...] 以宋元嘉十一年[...] 卒.– **LAM chú:** Nirvāṇa (*niết bàn*) còn được phiên âm là *niết bàn na* 涅槃那, *nê hoàn* 泥洹(丸), *nê nhật* 泥日, *nê bạn* 泥畔. (*Nê hoàn* 泥丸 vốn là thuật ngữ của Đạo giáo). *Niết Bàn Kinh* do Pháp Hiển mang từ Ấn Độ về Trung Quốc năm 414.

a. Thuyết thiện bất thụ báo 善不受報

Nhất Thừa Phật Tính Huệ Nhật Sao —乘佛性慧日抄 của nhà sư Nhật Bản Ensō viện dẫn *Danh Tăng Truyện* 名僧傳 rằng: «Đạo Sinh nói: "Hễ ai thụ bẩm hai khí Âm Dương thì đều có nguyên nhân đúng để đạt niết bàn, và việc thụ sinh ở ba cõi (sắc giới, dục giới, vô sắc giới) đều là kết quả của sự mê lầm. Kẻ xiển đề thuộc loài thụ sinh, tại sao [lại nói] riêng họ không có Phật tính?"»[67]

Nhất xiển đề là kẻ không tin Phật pháp. Nhất xiển đề đều có Phật tính, đều có thể thành Phật. Tức là mọi người đều có thể thành Phật. Đạo Sinh xem ngôn ngữ của kinh điển là cái nơm. Ai quên nơm để bắt cá thì mới có thể nói Đạo, có thể liễu ngộ Đạo, tức thời thành Phật. Về sau Thiền Tông không chú trọng văn tự, chỉ chú trọng giác ngộ, chính là từ ý này.[68]

Nhất xiển đề **(icchantika) nguyên nghĩa là rất khó thành Phật; có hai loại *nhất xiển đề*: (a) *đoạn thiện xiển đề* 斷善闡提: kẻ có tà kiến, cắt đứt tất cả thiện căn, nên không thể thành Phật, (b) *đại bi xiển đề* 大悲闡提: bồ tát đại bi, phát nguyện chừng nào độ hết chúng sanh thì mới thành Phật, mà chúng sanh thì vô biên, cho nên việc thành Phật này không có kỳ hạn. Ở đây Đạo Sinh ám chỉ *đoạn thiện xiển đề*. Theo quan niệm thông thường, hạng này không thể thành Phật, nhưng Đạo Sinh cho rằng chúng sanh đều có Phật tính nên kẻ nhất xiển đề cũng có Phật tính, tức là có thể thành Phật. Theo *Cao Tăng Truyện*, sau khi Đạo Sinh tuyên bố kẻ nhất xiển đề cũng đều thành Phật thì thuyết ấy bị giới cựu học xem là tà kiến nên họ trục xuất Đạo Sinh khỏi tăng chúng. Đạo Sinh bèn thề trước mọi người rằng nếu lời ông có trái kinh điển thì hiện thân của ông sẽ bị muôn tật bệnh; nói xong bèn bỏ đi. Ông đến núi Hổ Khâu ở đất Ngô. Năm 430, ông về Lư Sơn, bấy giờ *Đại Niết Bàn Kinh* mới truyền đến Kiến Nghiệp, trong đó có nói kẻ nhất xiển đề cũng có thể thành Phật, mọi người mới khâm phục Đạo Sinh. Năm 434 (ngày Canh Tý, tháng 11), ông giảng Niết Bàn Kinh tại Lư Sơn, thần sắc tươi tỉnh, ngồi ngay ngắn, khi mọi người thấy phất trần của ông rơi xuống đất mới hay ông đã viên tịch.**

[67] ***Đại Tạng Kinh*** **(quyển 70): «Sinh viết: "Bẩm khí nhị nghi giả, giai thị niết bàn chính nhân. Tam giới thụ sinh, cái duy hoặc quả. Xiển đề hàm sinh chi loại, hà đắc độc vô Phật tính?"» 生曰: "稟氣二儀者,皆是涅槃正因.三界受生,蓋惟惑果.闡提含生之類,何得獨無佛性?" – Derk Bodde chú: Lai lịch của tác giả Nhật Bản này chưa rõ. Nhiều người cho rằng tác giả là nhà sư Ensō (mất năm 883).**

[68] **LAM chú: Đạo Sinh mượn cách diễn đạt trong *Trang Tử* (Ngoại Vật): «Thuyên giả sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyên; đề giả sở dĩ tại thố, đắc thố nhi vong đề.» 筌者所以在魚,得魚而忘筌;蹄者所以在兔,得兔而忘蹄;(Nơm là để bắt cá, hễ được cá thì quên nơm. Lưới là để bắt thỏ, hễ được thỏ thì quên lưới). Chủ trương Thiền Tông là không chú trọng văn tự: «Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật.» 不立文字,教外別傳,直指人心,見性成佛 (Không lập văn tự, truyền riêng ngoài kinh điển, chỉ thẳng vào nhân tâm, thấy bản tính thì thành Phật). Lục tổ Huệ Năng (638-713) cũng nói trong *Đàn Kinh*: «Chư Phật diệu lý phi quan văn tự.» 諸佛妙理非關文字 (Chân lý huyền diệu của chư Phật không liên quan văn tự).**

Chúng ta không biết rõ nội dung thuyết «*thiện bất thụ báo*» (việc thiện không bị báo ứng) của Đạo Sinh như thế nào. Huệ Viễn có giảng *thiện bất thụ báo* trong *Minh Báo Ứng Luận;* có lẽ ông chịu ảnh hưởng của Đạo Sinh.[69] Huệ Viễn nói: «Nếu ta suy xét tính chất của *tứ đại* (đất, nước, lửa, gió) để hiểu cái gốc gác khiến ta có hình thể, thì ta thấy hình thể là sự vay mượn nhiều vật khác nhau gởi vào chung một thể. Sự sống vật chất này giống như bụi bặm, nổi lên và tiêu diệt chỉ trong một biến hoá. Đó chính là [chân lý] mà sự hiểu biết trí huệ và thanh gươm trí huệ đưa ta đến. Do đó, chúng ta cưỡi trên sự xoay chuyển tự nhiên giữa đi và đến (tức vòng sinh tử), tuy [nhân duyên] tụ tán nhưng nó không phải là ta. Chúng ta ngụ ở vô vàn hình thể [trong bao kiếp] trong suốt giấc mộng lớn, tuy chúng ta thực sự ở trong hữu nhưng chúng ta đồng nhất với vô. Vậy, lẽ nào ta phân biệt cái xảy đến cho ta? Lẽ nào ta tự ràng buộc vào tham ái? Nếu chân lý ấy tự có ở tâm ta, nhưng kẻ khác chưa giác ngộ, vậy thì ta nên buồn rằng mình được trọn lành mà chẳng có ích [cho ai], và cảm thấy phải có bổn phận đối với người khác khi ta giác ngộ trước họ. Do đó ta hoằng đạo để làm rõ giáo lý, cho đức nhân ái và đức khoan thứ vẫn còn. Nếu ta và ngoại vật hợp nhất thì tâm ta không có sự đối nghịch [giữa ta và vật]. Giả sử có gặp đao kiếm thì ta sẽ biến mất trong sự quán xét huyền diệu; có gặp chiến trận thì chẳng nghịch với ai, mà lại xem nhau như bạn; có muốn làm tổn thương ai thì cũng không hại thần, nên không có sinh mệnh nào bị giết. Cho nên Văn Thù (Mañjuśrī) chống kiếm, cách thức tuy bạo nghịch, nhưng thuận đạo. Dù vung giáo mác cả ngày cũng không trúng vào đâu.[70] Ai mà như thế thì mới có thể khuyến khích thúc giục chúng sinh phát huy hết trí tuệ của họ (*cổ vũ dĩ tận thần*), có thể vận dụng vũ khí để chuyển hoá họ.[71] Công lao ấy tuy không được thưởng,

[69] Phùng Hữu Lan chú: Đây là thuyết của Giáo sư Trần Dần Khắc 陳寅恪.

[70] Derk Bodde chú: Chỗ này nhắc đến chuyện Văn Thù (bồ tát tượng trưng cho trí tuệ) muốn dạy các đệ tử của Phật huyền lý, nên cầm gươm tấn công Phật. Phật liền nói: «Người không hại được ta; cho dù có hại được thì đấy cũng là tổn hại có ích lợi.» Rồi ngài giải thích rằng tất cả chỉ là ảo hoá, kể cả sự phân biệt giữa ta với kẻ khác. Cho nên kẻ này không thể hại kẻ khác. Các đệ tử liền thông hiểu và bái phục bài giảng trí tuệ của Văn Thù.

[71] LAM chú: Derk Bodde dịch thoát: «Such a person as this may transform the whole world either by civil or military means.» (Người như thế có thể chuyển hoá toàn thế giới hoặc bằng cách thức dân sự hoặc bằng cách thức quân sự). Derk Bodde chú: «Dịch sát là: "Người như thế có thể sử dụng trống và nhảy múa để phát triển tối đa thần của chúng sinh, và dùng cái khiên và cái kích để giúp chúng sinh hoàn thành chuyển hoá." Câu *cổ vũ dĩ tận thần* 鼓舞以盡神 là lấy từ Hệ Từ: "*Cổ chi vũ chi dĩ tận thần.*" 鼓之舞之以盡神 (Cổ vũ con người phát huy hết trí tuệ của mình).» – LAM chú: Tất nhiên ở ngữ cảnh này, «*cổ vũ dĩ tận thần*» phải hiểu khác với câu ở ngữ cảnh trong Hệ Từ. Huệ Viễn vốn tinh thông *tam huyền* (Lão, Trang, Dịch), nên câu cú đã nhập tâm, ngẫu nhiên trùng hợp mà thôi, nó không liên quan với Dịch.

nhưng đâu có tội phạt gì. Nếu xét ngược lại điều này và tìm hiểu sự vận hành của nó trong cuộc sống, chúng ta có thể hiểu sự báo ứng. Suy xét sự việc mà tìm ý nghĩa ẩn sâu của nó, chúng ta có thể luận bàn về tội phạt. Để tôi thử nói về chúng. Hễ nhân duyên cảm động thì biến hoá sinh ra. Lẽ nào nó không do nguyên lý ấy? Vô minh là nguồn của lưới mê lầm, tham ái là nhà chứa mọi khổ luỵ. Hai lẽ ấy cùng làm mịt mờ công dụng của tinh thần. May, rủi, hối tiếc, xấu hổ, do đó mà sinh ra. Bởi vô minh che phủ trí huệ nên tình cảm và tư tưởng ngưng trệ ở ngoại vật. Tham ái làm trôi chảy bản tính, nên tứ đại kết thành hình thể. Hình thể kết mà người với ta có phân biệt. Tình cảm ngưng trệ thì thiện và ác có tác nhân. Hễ có phân biệt người với ta thì ta sẽ xem cái thân này là của riêng ta nên không quên được thân. Hễ có tác nhân của thiện và ác thì ta tham luyến cuộc sống mà tái sinh mãi không thôi. Do đó ta cam chịu ngủ trong giấc mộng lớn, bị hôn ám bởi mê muội. Ôm mối nghi ngờ suốt đêm dài, chỉ có sự chấp trước tồn tại mà thôi. Cho nên được và mất xô đẩy nhau, hoạ và phúc bám theo nhau. Việc ác tích tụ nên tai ương từ trời tự đến. Tội lỗi tạo thành thì địa ngục trừng phạt. Đó là sự báo ứng tất nhiên, không có chi phải ngờ. [...] Vậy thì sự báo ứng tội và phước tuỳ vào cái mà tâm ta cảm động. Cảm động mà ra như thế, nên ta gọi nó là tự nhiên. Tự nhiên tức là do ảnh hưởng của ta. Sao chúng có thể là công việc của một đấng chủ tể huyền bí nào đó cho được?»[72]

Xét riêng ngữ cảnh trong Hệ Từ, Cao Hanh giảng: «Thần là nói trí tuệ tối cao. Ở đây nói Kinh Dịch cổ vũ con người phát huy hết trí tuệ của mình.» (Thần thị tối cao trí tuệ chi xưng. Thử ngôn Dịch Kinh cổ vũ nhân dĩ tận kỳ trí tuệ 神是最高智慧之稱. 此言易經鼓舞人以盡其智慧). James Legge hiểu khác: «They thus stimulated the people as by drums and dances, thereby completely developing the spirit-like character of the Yi.» (Các ngài [tức thánh nhân] đã cổ vũ dân chúng, nhân đó phát triển hoàn toàn tính chất như thần của *Kinh Dịch*). Richard Wilhelm lại hiểu khác: «[...], sie trieben an, sie setzten in Bewegung, um den Geist restlos darzustellen.» ([...], các ngài thúc đẩy và hoạt động để thể hiện hết cái thần).

[72] ***Hoằng Minh Tập*** **(quyển 5): «Suy phù tứ đại chi tính, dĩ mình thụ hình chi bản; tắc giả ư dị vật, thác vi đồng thể; sinh nhược đi trần, khởi diệt nhất hoá. Thử tắc huệ quán chi sở nhập, trí nhận chi sở du dã. Ư thị thừa khứ lại chi tự vận, tuy tụ tán nhi phi ngã. Ngụ quần hình ư đại mộng, thực xứ hữu nhi đồng vô. Khởi phục hữu phong ư sở thụ, hữu bệ ư sở luyến tai? Nhược tư lý tự đắc ư tâm, nhi ngoại vật vị ngộ, tắc bỉ độc thiện chi vô công, cảm tiên giác nhi hưng hoài. Ư thị tư hoàng đạo dĩ minh huấn, cố nhân thứ chi đức tồn yên. Nhược bỉ ngã đồng đắc, tâm vô lưỡng đối; du nhận tắc mẫn nhất huyền quán, giao bình tắc mạc nghịch tương ngộ; thương chi khởi duy vô hại ư thần, cố diệc vô sinh khả sát. Thử tắc Văn Thù án kiếm, tích nghịch nhi đạo thuận, tuy phục chung nhật huy qua, thố nhận vô địa hĩ. Nhược nhiên giả, phương tương thác cổ vũ dĩ tận thần, vận can việt nhi thành hoá, tuy công bị do vô thưởng, hà tội phạt chi hữu da? Nhược phản thử nhi tầm kỳ vận, tắc báo ứng khả đắc nhi minh; suy sự nhi cầu kỳ tông, tắc tội phạt khả đắc nhi luận hĩ. Thường thí ngôn chi, phù nhân duyên chi sở cảm, biến hoá chi sở sinh, khởi bất do kỳ đạo tai? Vô minh vi hoặc võng chi uyên, tham ái vi chúng luỵ chi phủ, nhị lý câu**

Ở đây Huệ Viễn dung hợp thuyết của Đạo gia với thuyết của Phật gia. Cái gọi là báo ứng là do sự cảm động và triệu vời của tâm. Nếu vô tâm và thuận ứng theo vật, thì tuy có tạo tác nhưng không có cảm động và triệu vời; tức là siêu việt trên cả luân hồi, nên không bị quả báo nữa.

b. Thuyết đốn ngộ thành Phật

Thuyết đốn ngộ thành Phật của Đạo Sinh được thuật lại trong *Biện Tông Luận* 辯宗論 của Tạ Linh Vận 謝靈運 (385-433):[73] «Theo thuyết của Thích Ca, thánh đạo tuy xa, học nhiều thì có thể tới; sự hệ luỵ (tức vô minh) dứt sạch thì [chân tâm] chiếu sáng; như thế mới giác ngộ dần dần. Theo thuyết của Khổng Tử, thánh đạo vốn huyền diệu, cỡ như Nhan Hồi mà còn gần như đạt tới; người ta phải đồng nhất với vô và phải soi chiếu

---

du, minh vị thần dụng. Cát hung hối lận, duy thử chi động. Vô minh yểm kỳ chiếu, cố tình tưởng ngưng trệ ư ngoại vật. Tham ái lưu kỳ tính, cố tứ đại kết nhi thành hình. Hình kết nhi bỉ ngã hữu phong, tình trệ tắc thiện ác hữu chủ. Hữu phong ư bỉ ngã, tắc tư kỳ thân nhi thân bất vong. Hữu chủ ư thiện ác, tắc luyến kỳ sinh nhi sinh bất tuyệt. Ư thị cam tẩm đại mộng, hôn ư sở mê. Bão nghi trường dạ, sở tồn duy trứ. Thị cố thất đắc tương thôi, hoạ phúc tương tập, ác tích nhi thiên ương tự chí, tội thành tắc địa ngục tư phạt. Thử nãi tất nhiên chi số, vô sở dung nghi hĩ. [...] Nhiên tắc tội phúc chi ứng, duy kỳ sở cảm. Cảm chi nhi nhiên, cố vị chi tự nhiên. Tự nhiên giả, tức ngã chi ảnh hưởng nhĩ. Ư phù huyền tể, phục hà công tai?» 推夫四大之性，以明受形之本；則假於異物，託爲同體；生若遺塵，起滅一化．此則慧觀之所入，智刃之所遊也．於是乘去來之自運，雖聚散而非我．寓群形於大夢，實處有而同無．豈復有封於所受，有係於所戀哉？若斯理自得於心，而外物未悟，則悲獨善之無功，感先覺而興懷．於是思弘道以明訓，故仁恕之德存焉．若彼我同得，心無兩對；遊刃則泯一玄觀，交兵則莫逆相遇；傷之豈唯無害於神，故亦無生可殺．此則文殊按劍，跡逆而道順，雖復終日揮戈，措刃無地矣．若然者，方相託鼓舞以盡神，運干鉞而成化，雖功被猶無賞，何罪罰之有耶？若反此而尋其運，則報應可得而明；推事而求其宗，則罪罰可得而論矣．嘗試言之，夫因緣之所感，變化之所生，豈不由其道哉？無明爲惑網之淵，貪愛爲衆累之府，二理俱遊，冥爲神用．吉凶悔吝，惟此而動．無明掩其照，故情想凝滯於外物．貪愛流其性，故四大結而成形．形結而彼我有封，情滯則善惡有主．有封於彼我，則私其身而身不忘．有主於善惡則戀其生而生不絕．於是甘寢大夢，昏於所迷．抱疑想夜，所存惟著．是故失得相推，禍福相襲，惡積而天殃自至，罪成則地獄斯罰．此乃必然之數，無所容疑矣．[...] 然則罪福之應，惟其所感．感之而然，故謂之自然．自然者，即我之影響爾．於夫玄宰，復何功哉？

[73] LAM chú: Tạ Linh Vận quê ở Dương Hạ 陽夏, thông minh, hiếu học, bác lãm, giỏi thư pháp và hội hoạ, nổi tiếng thơ văn. Linh Vận là cháu nội của Tạ Huyền 謝玄 (giữ chức Xa kỵ tướng quân đời Tấn); nhờ đó Tạ Linh Vận được phong tước Công (gọi là Khang Lạc Công 康樂公), thực ấp ba ngàn hộ. Ông còn giữ nhiều chức quan (Thái úy Tham quân, Thái thú ở Vĩnh Gia, v.v...). Về sau bị nghi kỵ nên ông bị giáng xuống tước Hầu, thực ấp 500 hộ. Văn Đế nghi kỵ ông mưu phản nên đày ra Quảng Châu và giết ông ở đó. Linh Vận quy y từ nhỏ, thâm nhập kinh tạng. Ông thường đàm luận với Trúc Đạo Sinh trụ trì chùa Long Quang. Bái phục thuyết đốn

tất cả, thì đạt chân lý duy nhất cùng tột.»[74]

Ở đây theo ý Tạ Linh Vận, Phật nói thánh đạo rất xa, người ta phải tích luỹ học vấn để dứt sạch vô minh trong tâm (tức là cái gọi là sự hệ luỵ), như thế sự sáng của chân tâm mới có thể xuất hiện. Đó tức là muốn thành Phật phải dụng công tu luyện dần dần (*tiệm tu* 漸修). Cái thứ học vấn tích luỹ này không phải chỉ giới hạn ở một đời một kiếp; con người phải «học» qua nhiều kiếp thì mới thành Phật được. Trong *Luận Ngữ* (Tiên Tiến), Khổng Tử nói về Nhan Hồi rằng: «Nhan Hồi hầu như đạt đạo, thế mà luôn bần cùng.» (Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không. 回也其庶乎, 屢空). «Nhan Hồi hầu như đạt đạo» dường như cũng nói về công phu tiệm tu. Tuy nhiên, theo Tạ Linh Vận, rốt cuộc Khổng Tử cho rằng «thánh đạo huyền diệu, người ta phải đồng nhất với vô và phải soi chiếu tất cả, thì đạt chân lý duy nhất cùng tột.» Như thế, Khổng Tử cũng chủ trương phương pháp tu hành đốn ngộ (giác ngộ tức khắc).



Tạ Linh Vận

Tạ Linh Vận còn nói: «Có đạo sĩ (ý nói Đạo Sinh) nêu thuyết mới, xem sự soi chiếu vắng lặng [của niết bàn] là vi diệu, không chấp nhận tầng bậc.[75] Tích lũy học vấn vô hạn, biết chừng nào xong? Nay tôi bác

---

ngộ của Đạo Sinh nên ông viết *Bản Tông Luận* để xiển dương thuyết của Đạo Sinh. Những năm Nghĩa Hi (405-418) ông về trung tâm Phật giáo ở Lư Sơn, gặp Huệ Viễn và gia nhập Bạch Liên Xã 白蓮社(tiền thân của Tịnh Độ Tông) tại đây. Khi bản dịch *Niết Bàn Kinh* truyền đến Kiến Khang, Linh Vận cùng với một số tăng như Huệ Quán 慧觀, Huệ Nghiêm 慧嚴 tu đính, căn cứ bản dịch của Pháp Hiển 法顯, tạo thành bộ *Đại Niết Bàn Kinh* (36 quyển) của phương nam, lưu truyền cho đến nay. Tạ Linh Vận được ghi nhận là người có công truyền há thuyết đốn ngộ (của Đạo Sinh) và Niết Bàn học. (Xem: Đàm Gia Định 譚嘉定, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng, (năm ?), tr.176; Dương Ấm Thâm 楊蔭深, *Trung Quốc Văn Học Gia Liệt Truyện*, Hương Cảng, 1962, tr.92; *Phật Quang Đại Từ Điển*, Đài Loan, 1997, tr.6520; *Trung Quốc Phật Giáo* do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, sđd., tập 1, tr.36-39).

[74] *Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận*): «Thích thị chi luận, thánh đạo tuy viễn, tích học năng chí; luỵ tận giám sinh, phương ứng tiệm ngộ. Khổng thị chi luận, thánh đạo kỳ diệu, tuy Nhan đãi thử; thể vô giám chu, lý quy nhất cực.» 釋氏之論, 聖道雖遠, 積學能至; 累盡鑒生, 方應漸悟. 孔氏之論, 聖道既妙, 雖顏殆庶; 體無鑒周, 理歸一極.

[75] Derk Bodde chú: Theo thuyết tiệm ngộ, người ta có thể đạt tới niết bàn qua nhiều tầng bậc (bhūmi) tu luyện; tuỳ theo, khoảng 6, 7 hoặc 10 tầng bậc.

bỏ phương pháp tiệm ngộ của Thích Ca nhưng chấp nhận rằng "ta có thể đạt đạo" (năng chí) và bác bỏ phương pháp "gần tới" (đãi thứ) của Khổng Tử nhưng chấp nhận rằng "chân lý duy nhất cùng tột". "Chân lý duy nhất cùng tột" khác với "giác ngộ dần dần"; "có thể đạt đạo" không phải là "gần tới". Cho nên cái cần bác bỏ khỏi chân lý thì tách lìa thuyết của Khổng và thuyết của Thích tuy nó vay mượn từ hai nhà. Tôi cho rằng lời lẽ của hai nhà Khổng và Thích cũng là để cứu vớt mọi vật, nhưng chính thuyết của đạo sĩ kia mới đúng ý. Tôi dám phân tích các thuyết và tự cho phép mình nói rằng cái thuyết mới mẻ ấy là đúng.»[76]

«Đạo sĩ nêu thuyết mới» là ám chỉ Đạo Sinh. *Xuất Tam Tạng Ký Tập* của Tăng Hựu trích dẫn Lục Trừng 陸澄 (425-494) rằng: «Sa môn Đạo Sinh chủ trương đốn ngộ; *Biện Tông Luận* của Tạ Linh Vận tức Khang Lạc Công thuật lại nó.»[77] Trong đoạn văn trên của Tạ Linh Vận, có thể thấy «Sự soi chiếu vắng lặng [của niết bàn] là vi diệu, không chấp nhận tầng bậc. Tích lũy học vấn vô hạn, biết chừng nào xong?» là ý của Đạo Sinh; phần còn lại là nhận xét của Tạ Linh Vận đối với thuyết đốn ngộ của Đạo Sinh. Tạ Linh Vận bác bỏ phương pháp tiệm ngộ của Thích Ca nhưng chấp nhận rằng "ta có thể đạt đạo" (năng chí) và bác bỏ phương pháp "gần tới" (đãi thứ) của Khổng Tử nhưng chấp nhận rằng "chân lý duy nhất cùng tột". Đó là chuyên nói thuyết đốn ngộ.

Vì sao Thích Ca nghiêng về tích luỹ học vấn và Khổng Tử nghiêng về đốn ngộ? Tạ Linh Vận nói: «Hai giáo lý khác nhau, tuỳ địa phương mà thích ứng với vật, bởi hoàn cảnh giáo hoá khác nhau. So sánh đại khái, chúng phản ánh về người dân của hai nước. Người Trung Hoa dễ xét lý mà khó thụ giáo, nên bế tắc việc tích luỹ học vấn mà khai mở chân lý duy nhất cùng tột. Người di (Ấn Độ) dễ thụ giáo mà khó xét lý, nên bế tắc đốn ngộ mà khai mở tiệm ngộ. Tuy tiệm ngộ có thể đạt tới một chừng mực nào đó, nhưng nó vẫn còn tăm tối ở thực trạng của đốn ngộ. Tuy hiểu biết gởi vào chân lý duy nhất cùng tột, nhưng nó dứt tuyệt

[76] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Hữu tân luận đạo sĩ, dĩ vi tịch giám vi diệu, bất dung giai cấp, tích học vô hạn, hà vi tự tuyệt? Kim khử Thích thị chi tiệm ngộ, nhi thủ kỳ năng chí; khử Khổng thị chi đãi thứ, nhi thủ kỳ nhất cực. Nhất cực dị tiệm ngộ, năng chí phi đãi thứ. Cố lý chi sở khử, tuy hợp các thủ, nhi kỳ ly Khổng Thích hĩ. Dư vị nhị đàm cứu vật chi ngôn, Đạo gia chi xướng đắc ý chi thuyết, cảm dĩ chiết trung, tự hứa thiết vị tân luận vi nhiên.»** 有新論道士，以爲寂鑒微妙，不容階級，積學無限，何爲自絕？今去釋氏漸悟，而取其能至；去孔氏之殆庶，而取其一極．一極異漸悟，能至非殆庶．故理之所去，雖合各取，而其離孔釋矣．余謂二談救物之言，道家之唱得意之說，敢以折中，自許竊謂新論爲然．

[77] ***Xuất Tam Tạng Ký Tập*** **(quyển 12): «Sa môn Đạo Sinh chấp đốn ngộ, Tạ Khang Lạc Linh Vận Biện Tông thuật đốn ngộ.»** 沙門道生執頓悟．謝康樂靈運辯宗述頓悟．

hi vọng [thành Phật] nhờ tích luỹ học vấn. Người Trung Hoa đúng [khi nói rằng] hiểu chân lý thì không dần dần nhưng sai [khi nói rằng] có thể đạt đạo không cần học. Người di đúng [khi nói rằng] hiểu chân lý cần học vấn nhưng sai [khi nói rằng] có thể đạt đạo dần dần. Cho nên sự linh động theo thực tế của người Trung Hoa và người di giống nhau nhưng sự vận dụng của họ khác nhau.»[78]

Người Trung Quốc giỏi hiểu lý, nên Khổng Tử dạy người nghiêng về đốn ngộ. Người Ấn Độ dễ thụ giáo, nên Thích Ca dạy người nghiêng về tích luỹ học vấn. Sự phân biệt đốn và tiệm là do sự khác biệt giữa người Trung Quốc và người Ấn Độ.

Tuy nhiên, «sự soi chiếu vắng lặng [của niết bàn] là vi diệu, không chấp nhận tầng bậc». Còn cái gọi là «vô» vốn là cảnh giới tối cao, hễ đạt được là được trọn vẹn, chứ không đạt được từ từ từng phần. Do đó, việc tích luỹ học vấn chỉ là một thứ công phu dự bị, cuối cùng rồi hễ giác ngộ là đạt được «vô» ngay. Chừng nào ta chưa đạt được bước cuối cùng ấy, thì mọi công phu cũng chỉ có thể gọi là học tập, chứ không thể gọi là giác ngộ. Nói nghiêm túc, kỳ thực chẳng có cái gọi là «tiệm ngộ». Về điểm này, *Biện Tông Luận* đã ghi chép những biện luận của Tạ Linh Vận với các nhà khác. Tăng Duy 僧維 hỏi: «Theo vị pháp sư có thuyết mới ấy, mục đích cuối cùng rất vi diệu và không chấp nhận sự đạt được theo tầng bậc. Giả sử người tu học đạt tới cùng cực của hữu, thì tự nhiên hợp nhất với vô; nếu có sự hợp nhất như vậy thì cần chi phải nói đến vô? Nếu anh ta dùng sự học về vô để đạt tới cùng cực của hữu, thì sao không gọi nó là tiệm ngộ được?»[79]

Ở đây nói người tu học đạt tới cùng cực của hữu, thì tự nhiên hợp

---

[78] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Nhị giáo bất đồng giả, tuỳ phương ứng vật, sở hoá địa dị dã. Đại nhi giáo chi, giám tại ư dân. Hoa nhân dị ư giám lý, nan ư thụ giáo, cố bế kỳ luỹ học, nhi khai kỳ nhất cực. Di nhân dị ư thụ giáo, nan ư giám lý, cố bế kỳ đốn liễu, nhi khai kỳ tiệm ngộ. Tiệm ngộ tuy khả chí, muội đốn liễu chi thực; nhất cực tuy tri ký, tuyệt luỹ học chi ký. Lương do Hoa nhân ngộ lý vô tiệm nhi vu đạo vô học, di nhân ngộ lý hữu học nhi vu đạo hữu tiệm. Thị cố quyền thực tuy đồng, kỳ dụng các dị.»** 二教不同者，隨方應物，所化地異野．大而較之，鑒在於民．華人易於鑒理，難於受教，故閉其累學，而開其一極．夷人易於受教，難於鑒理，故閉其頓了，而開其漸悟．漸悟雖可至，昧頓了之實；一極雖知寄，絕累學之實．良由華人悟理無漸而誣道無學，夷人悟理有學而誣道有漸．是故權實雖同，其用各異．

[79] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Thừa tân luận pháp sư, dĩ tông cực vi diệu, bất dung giai cấp. Sử phù học giả cùng hữu chi cực, tự nhiên chi vô, hữu nhược phù khế, hà tu ngôn vô dã. Nhược tư vô dĩ tận hữu giả, yên đắc bất vị chi tiệm ngộ da?»** 承新論法師，以宗極微妙，不容階級．使夫學者窮有之極，自然之無，有若符契，何須言無野．若資無以盡有者，焉得不謂之漸悟耶?

nhất với vô. Nếu có sự hợp nhất như vậy thì không cần phải nói đến vô. Nhưng chừng nào anh ta chưa đạt tới cùng cực của hữu, thì anh ta phải dùng sự học về vô để đạt tới cùng cực của hữu. Lẽ nào không thể gọi nó là tiệm ngộ ư?

Tạ Linh Vận đáp: «Chừng nào chưa dứt sạch hệ luỵ, thì ta chưa thể đạt được vô. Chỉ dứt sạch hệ luỵ thì mới có thể đạt được vô. Luỵ hết thì đạt được vô, điều ấy chính xác như hai mảnh phù ăn khớp nhau. Trước khi dứt bỏ hệ luỵ phải dựa vào giáo lý. Chừng nào còn ở trong hữu, thì học không phải là giác ngộ; giác ngộ ở ngoài hữu, dù ta bám vào học để đạt tới. Tuy nhiên tầng bậc chỉ là lời nói để dạy kẻ ngu; giác ngộ ngay một lần mới là thuyết có lý.»[80]

Trên đây ý nói hễ chưa dứt tận hệ luỵ thì chưa đạt được vô. Cho nên ta phải học để dứt tận hệ luỵ. Tuy nhiên học không phải là giác ngộ, chẳng qua học chỉ là công phu dự bị cho giác ngộ. Giác ngộ phải nương cậy vào học.

Tăng Duy lại hỏi: «[Cứ cho rằng] giác ngộ ở ngoài hữu và không thể dần dần đạt được nó. Giả sử ai học để nhắm vào mục đích đó, thì hắn mỗi ngày có tiến đến sự hiểu biết không? Nếu nói hắn không thể tiến đến sự hiểu biết mỗi ngày, thì điều này cũng giống như nói không có học. Nếu nói hắn có thể tiến đến sự hiểu biết mỗi ngày, thì đó chẳng phải là tiệm ngộ ư?»[81]

Ở đây ý nói nếu không thể tiến đến sự hiểu biết mỗi ngày, thì điều đó cũng giống như không có học. Học mà mỗi ngày tiến đến sự hiểu biết, nếu chẳng phải tiệm ngộ thì là gì?

Tạ Linh Vận đáp: «Sự giác ngộ không đạt đến dần dần, còn đức tin phát khởi từ giáo lý. Tại sao tôi nói thế? Do giáo lý mà tin, thì có công phu tiến bộ mỗi ngày; nhưng nó không phải là sự giác ngộ dần dần. Ta

---

[80] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Phù luỵ kỳ vị tận, vô bất khả đắc; tận luỵ chi tệ, thuỷ khả đắc vô nhĩ. Luỵ tận tắc vô, thành như phù khế; tương trừ kỳ luỵ, yếu tu bàng giáo. Tại hữu chi thời, học nhi phi ngộ; ngộ tại hữu biểu, thác học dĩ chí. Đãn giai cấp giáo ngu chi đàm, nhất ngộ đắc ý chi luận hĩ.»** 夫累既盡，無不可得；盡累之弊，始可得無耳．累盡則無，誠如符契；將除其累，要須傍教．在有之時，學而非悟；悟在有表，託學以至．但階級教愚之談，一悟得意之論矣．

[81] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Ngộ tại hữu biểu, đắc bất dĩ tiệm. Sử phù thiệp học hĩ tông, đương nhật tiến kỳ minh bất? Nhược sử minh bất nhật tiến, dữ bất ngôn đồng. Nhược nhật tiến kỳ minh giả, đắc phi tiệm ngộ hồ?»** 悟在有表，得不以漸．使夫涉學希宗，當日進其明不？若使明不日進，與不言同．若日進其明者，得非漸悟乎？

không thể nhập vào sự giác ngộ từng phần. Tuy nhiên, hướng đến đạo mà thiện tâm khởi, thì các hệ luỵ bớt đi và sự cấu nhiễm lắng yên. Sự giảm đi này giống như vô, còn thiện tâm tựa như trái với ác tâm. Nhưng cái được làm ở đây chẳng phải là cảnh giới giác ngộ thật sự và cũng chẳng phải là tâm không hệ luỵ. Hễ giác ngộ ngay một lần thì muôn chướng ngại dứt sạch.»[82]

Ở đây Tạ Linh Vận có ý nói cái công phu dùng để học có thể tăng tiến đức tin phát khởi từ giáo lý. Cái đức tin phát khởi từ giáo lý ấy có thể làm giảm đi mọi hệ luỵ trong tâm, làm lắng yên mọi cấu nhiễm trong tâm. Cấu nhiễm lắng yên tưởng chừng như vô, mà thực sự nó chẳng phải là vô. Do đó, đức tin phát khởi từ giáo lý cũng có công phu tiến bộ mỗi ngày; nhưng nó không thể khiến cho tâm hết hệ luỵ. Rốt cuộc hễ giác ngộ ngay một lần thì muôn chướng ngại dứt sạch. Có được sự giác ngộ ngay một lần thì đó là «đốn» chứ không phải là «tiệm».

Tăng Duy hỏi lần thứ ba: «Giả sử có kẻ tôn trọng giáo lý và thúc đẩy mạnh đến mục đích. Tuy hắn không dùng giáo lý mãi mãi, nhưng khi thúc đẩy mạnh đến mục đích, lẽ nào hắn không thể tạm hợp với vô? Nếu ta nhìn nhận sự tạm hợp ấy, chẳng phải nó không tốt hơn sự bất hợp ư? Đó chẳng phải tiệm ngộ thì là gì?»[83]

Tạ Linh Vận đáp: «Cái tạm thời thì giả dối; cái chân thật thì thường hằng. Hiểu biết giả thì không thường hằng; hiểu biết thường hằng thì không giả. Nay lẽ nào có thể lấy cái tạm thời của hiểu biết giả dối mà xâm nhập vào cái chân thật của hiểu biết thường hằng ư? Nay ông nói tạm hợp thì tốt hơn bất hợp; nếu quả đúng như lời ông nói thì tôi xin có bằng chứng nhỏ nhặt sau: Vào ngày Vu Thần can gián Sở Trang Vương [đừng nạp nàng Hạ Cơ làm phi], thì vật ở xa bản thân, nên lý đặt trước tình. Đến khi Hạ Cơ được nạp vào cung rồi, thì bản thân và vật giao nhau, nên tình ở trên lý. Tình và lý thay đổi như mây vần; vật và bản

---

[82] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Phù minh phi tiệm chí, tín do giáo phát. Hà dĩ ngôn chi? Do giáo nhi tín, tắc hữu nhật tiến chi công; phi tiệm sở minh, minh vô nhập chiếu chi phân. Nhiên hướng đạo thiện tâm khởi, tổn luỵ sinh cấu phục. Phục tự vô đồng, thiện tự ác quai. Thử sở vụ bất câu, phi tâm bản vô luỵ. Chí phù nhất ngộ, vạn trệ đồng tận nhĩ.»** 夫明非漸至，信由教發．何以言之？由教而信，則有日進之功；非漸所明，明無入照之分．然向道善心起，損累生垢伏．伏似無同，善似惡乖．此所務不俱，非心本無累．至夫一悟萬滯同盡耳．

[83] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Phù tôn giáo nhi suy tông giả, tuy bất vĩnh dụng, đương suy chi thời, khởi khả bất tạm hợp vô da? Nhược hứa kỳ tạm hợp, do tự hiền ư bất hợp, phi tiệm như hà?»** 夫尊教而推宗者，雖而永用當推之時，豈可不暫合無耶？若許其暫合，猶自賢於不合，非漸如何？

thân khuynh đảo nhau. Đó cũng là thói thường của kẻ có trí tuệ trung bình. Nếu Sở Trang Vương giác ngộ ngay ngày được Vu Thần can gián, lẽ nào vua lại sai lầm mà dung nạp nàng ấy? [84] Giả sử miền nam là đất thánh, miền bắc là xứ ngu. Nếu có kẻ day lưng về hướng bắc và nhìn về hướng nam, nghĩa là hắn sẽ không dừng ở miền bắc. Tuy nhiên, nhìn về hướng nam và day lưng về hướng bắc không có nghĩa là đi về miền nam. Nhưng nhìn về hướng nam thì có thể đi đến miền nam; day lưng về hướng bắc là sẽ không dừng ở miền bắc. Không dừng ở miền bắc, nên cái ngu có thể dứt bỏ; có thể đi đến miền nam, nên sự giác ngộ có thể đạt được.»[85]

Khi Vu Thần can gián Sở Trang Vương, dục tình của Trang Vương chưa hết mà chỉ tạm lắng xuống; nên về sau mới có chuyện Trang Vương nạp Hạ Cơ làm phi. Cũng giống như vậy, sự học chỉ tạm thời đè nén hệ luỵ mà thôi; còn hễ giác ngộ thì mọi hệ luỵ đều dứt tuyệt.

Biện Tông Luận cũng chép đối đáp giữa Tạ Linh Vận với Huệ Lân

---

[84] **LAM chú: Sự kiện này xảy ra năm 589 TCN. Theo *Tả Truyện*, Sở Trang Vương không lấy Hạ Cơ làm phi. Hạ Cơ là con gái Trịnh Mục Công 鄭穆公, là vợ của Ngự Thúc 御叔 (quan đại phu nước Trần), là mẹ của Hạ Trưng Thư 夏徵舒 (cũng là quan đại phu nước Trần). Hạ Cơ rất đẹp và dâm đãng; thông dâm với nhiều người như Linh Công 靈公 (vua nước Trần), Khổng Ninh 孔寧, Nghi Hành Phụ 儀行父. Hạ Trưng Thư bèn giết Trần Linh Công. Sở Trang Vương mượn cớ Trưng Thư giết vua là vô đạo nên hô hào chư hầu diệt Trần, giết Trưng Thư; rồi biến nước Trần thành một huyện của Sở. Sở Trang Vương thấy Hạ Cơ quá đẹp, muốn nạp làm phi. Vu Thần can gián, viện dẫn đủ lý do nào là đạo đức, chính nghĩa, nào là những ai liên can với Hạ Cơ đều bị bất đắc kỳ tử, v.v... Sở Trang Vương bèn đem Hạ Cơ gả cho một vị quan là Tương Lão 巫老 (Tương Lão sau cũng bị giết chết). Vu Thần can Trang Vương cũng chẳng từ tế gì, bởi vì cuối cùng Vu Thần gạ gẫm Hạ Cơ, rồi dắt nhau chạy sang nước Tấn. (Xem: *Từ Hải*, mục từ Hạ Cơ, và *Tả Truyện Toàn Dịch* 左傳全譯, Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, 1990, tr.520, 522, 607).**

[85] ***Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận*): «Tạm giả, giả dã; chân giả, thường dã. Giả tri vô thường; thường tri vô giả. Kim khởi khả dĩ giả tri chi tạm, nhi xâm thường tri chi chân tại? Kim tạm hợp hiền ư bất hợp, thành như lai ngôn, thiết hữu vi chứng. Vu Thần gián Trang Vương chi nhật, vật xa ư kỷ, cố lý vi tình tiên; cập nạp Hạ Cơ chi thời, kỷ giao ư vật, cố tình cư lý thượng. Tình lý vân hỗ, vật kỷ tương khuynh, diệc trung trí chi suất nhậm dã. Nhược dĩ gián nhật vi ngộ, khởi dung nạp thời chi hoặc dư? Thả nam vi thánh dã, bắc vi ngu dã. Bối bắc hướng nam, phi đình bắc chi vị; hướng nam bối bắc, phi chỉ nam chi xưng. Nhiên hướng nam khả dĩ chỉ nam, bối bắc phi thị đình bắc. Phi thị đình bắc, cố ngu khả khử hĩ; khả dĩ chỉ nam, cố ngộ khả đắc hĩ.»** 暫者，假也；眞者，常也．假知無常；常知無假．今豈可以假知之暫，而侵常知之眞哉？今暫合賢於不合，誠如來言，竊有微證．巫臣諫裝王之日，物賒於己，故理爲情先；及納夏姬之時，己交於物，故情居理上．情理雲互，物己相傾，亦中智之率任也．若以諫日爲悟，豈容納時之惑耶？且南爲聖也；北爲愚也．背北向南，非停北之謂；向南背北，非至南之稱．然向南可以至南，背北非是停北．非是停北，故愚可去矣；可以至南，故悟可得矣．

慧驎: «Lân hỏi: "Sự hợp nhất thời do giả tri thì giống hay khác với chân tri?" Vận đáp: "Khác với chân tri." Lân hỏi nữa: "Khác thế nào?" Vận đáp: "Do giả tri mà đè nén hệ luỵ, nên chân lý tạm thời tác dụng. Tác dụng tạm thời tại chân lý, khiến cái hiểu biết không thường hằng. Do chân tri mà soi chiếu lặng lẽ, nên chân lý thường tác dụng. Tác dụng thường tại chân lý, nên chân tri vĩnh viễn." Lân hỏi: "Vì hệ luỵ không tự diệt trừ, cho nên phải cầu chân lý để trừ luỵ. Nay có sự hợp nhất thời nhờ giả tri, chân lý quả thực tại tâm. Chân lý tại tâm nhưng hệ luỵ không trừ khử được. Làm sao để trừ khử nó?" Vận đáp: "Hệ luỵ khởi do tâm; tâm tiếp xúc ngoại vật nên tạo thành hệ luỵ. Tâm ai tiếp xúc hệ luỵ mãi thì ngày càng hôn ám. Tâm ai vận dụng giáo lý thì ngày càng đè nén hệ luỵ. Đè nén hệ luỵ lâu ngày đến mức diệt trừ hệ luỵ. Nhưng diệt trừ được hệ luỵ là xảy ra sau khi đè nén nó. Đè nén hệ luỵ và diệt trừ hệ luỵ, bề ngoài giống nhau mà thực chất khác nhau; ta không thể không xét. Cảnh giới diệt trừ hệ luỵ là: ta và ngoại vật cùng quên nhau, thấy hữu và vô là một. Cảnh giới đè nén hệ luỵ là: ta và người khác tình cảm, nhận thấy không và thực khác nhau; nên nhập vào chỗ chướng ngại. Sự đồng nhất hữu với vô, sự đồng nhất ta với ngoại vật, đều phát xuất từ sự chiếu sáng [của giác ngộ]."»[86]

Trên đây ý nói học có thể đè nén hệ luỵ, còn giác ngộ có thể diệt trừ hệ luỵ. Cái gọi là «đè nén hệ luỵ lâu ngày đến mức diệt trừ hệ luỵ; nhưng diệt trừ được hệ luỵ là xảy ra sau khi đè nén nó» tức là «giác ngộ ở ngoài hữu; dựa vào học để đạt được giác ngộ». Đối với người đã diệt

[86] *Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận*): «"Đương giả tri chi nhất hợp, dữ chân tri đồng dị?" Sơ đáp: "Dữ chân tri dị." Lân tái vấn: "Dĩ vi hà dị?" Tái đáp: "Giả tri giả luỵ phục cố, lý tạm vi dụng, dụng tạm tại lý, bất hằng kỳ tri. Chân tri giả chiếu tịch cố, lý thường vi dụng, dụng thường tại lý, cố vĩnh vi chân tri." Lân tam vấn: "Luỵ bất tự trừ, cố cầu lý dĩ trừ luỵ. Kim giả tri chi nhất hợp, lý thực tại tâm; tại tâm nhi luỵ bất khử, tương hà dĩ khử chi hồ?" Tam đáp: "Luỵ khởi nhân tâm; tâm xúc thành luỵ. Luỵ hằng xúc giả tâm nhật hôn, giáo vi dụng giả tâm nhật phục. Phục luỵ dĩ cửu, chí ư diệt luỵ; nhiên diệt chi thời, tại luỵ phục chi hậu dã. Phục luỵ diệt luỵ, mạo đồng thực dị, bất khả bất sát. Diệt luỵ chi thể, vật ngã đồng vong, hữu vô nhất quan; phục luỵ chi trạng, tha kỷ dị tình, không thực thù kiến. Thù thực không, dị kỷ tha giả, nhập ư trệ hĩ; nhất vô hữu, đồng ngã vật giả, xuất ư chiếu dã."» "當假知之一合,與眞知同異?" 初答: "與眞知異." 驎再問: "以爲何異?" 再答: "假知者累伏故,理暫爲用,用暫在理,不恆其知.眞知者照寂故,理常爲用,用常在理,故永爲眞知." 驎三問: "累不自除,故求理以除累.今假知之一合,理實在心;在心而累不去,將何以去之乎?" 三答: "累起因心;心觸成累.累恆觸者心日昏,教爲用者心日伏.伏累彌久,至於滅累;然滅之時,在累伏之後也.伏累滅累,貌同實異,不可不察.滅累之體,物我同忘,有無一觀;伏累之狀,他己異情,空實殊見.殊實空,異己他者,入於滯矣;一無有,同我物者,出於照也."

trừ hệ luỵ rồi, sự phân biệt giữa cái gọi là hữu với vô, giữa cái gọi là ta với ngoại vật, đều không tồn tại; bởi vì chúng là một. Đối với người chỉ đè nén được hệ luỵ, ắt sẽ có sự phân biệt giữa không với thực, giữa người với ta; bởi vì chúng khác nhau.

Trên đây, Tạ Linh Vận nói: «Sự giác ngộ không đạt đến dần dần, còn đức tin phát khởi từ giáo lý. Do giáo lý mà tin, thì có công phu tiến bộ mỗi ngày; nhưng nó không phải là sự giác ngộ dần dần. Ta không thể nhập vào sự giác ngộ từng phần.» Quan điểm này bị vệ tướng quân Vương Hoằng 王弘(379-432) phê bình rằng: «Do giáo lý mà tin, và không thể nhập vào sự giác ngộ từng phần; đó chỉ là tin mù quáng vào thánh nhân. Nếu tin mù quáng vào thánh nhân thì sẽ không quan tâm chân lý; quả thực là lỗi của thánh nhân. Như thế làm sao có công phu tiến bộ mỗi ngày?»[87]

Do giáo lý, có thể phát sinh đức tin, nhưng không thể giác ngộ, tức là chỉ tin mù quáng thánh nhân. Đức tin mù quáng này không liên quan đến sự giác ngộ chân lý. Nếu giáo lý chỉ có thể phát sinh đức tin, thì ta chẳng những không nhập vào sự giác ngộ từng phần mà còn không có công phu tiến bộ mỗi ngày. Tạ Linh Vận chép lá thư của Đạo Sinh gởi cho Vương Hoằng để trả lời vấn đề ấy: «Nghiên cứu thuyết của Tạ Vĩnh Gia (tức Tạ Linh Vận),[88] tôi hoàn toàn đồng ý. Thuyết này rất tuyệt vời, tôi không thể không vui vẻ trích dẫn. Vấn đề mà đàn việt (dānapati)[89] nêu ra cực kỳ quan trọng, tôi mong rằng sau khi tìm hiểu kỹ ý tưởng của Tạ Vĩnh Gia thì đàn việt sẽ thông suốt. Tôi thử tóm tắt đại ý thuyết của ông ấy để bày tỏ sự hân hoan của mình. Tạ Vĩnh Gia cho rằng nếu không hiểu biết thì sao có thể tin? Tuy do giáo lý mà tin, chẳng phải ta không hiểu biết, nhưng với cái hiểu biết đó, chân lý ở ngoài ta. Vận dụng hiểu

[87] *Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận*): «Do giáo nhi tín, nhi vô nhập chiếu chi phân, tắc thị ám tín thánh nhân. Nhược ám tín thánh nhân, lý bất quan tâm, chính khả vô phi thánh chi vưu, hà do hữu nhật tiến chi công?» 由教而信，而無入照之分，則是闇信聖人．若闇信聖人，理不關心，政可無非聖之尤，何由有日進之功？

[88] LAM chú: Khi Vũ Đế 武帝(tức Lưu Dụ 劉裕, tại vị 420-422) lên ngôi lập quốc (Nam Triều Lưu Tống, 420-479), Tạ Linh Vận bị giáng từ tước công xuống tước hầu. Khi Thiếu Đế 少帝 (tức Lưu Nghĩa Phù 劉義符, tại vị 422-424) lên ngôi, quyền hành nằm trong tay đại thần. Tư đồ Từ Tiệp Chi 徐羨之 sợ Linh Vận mưu phản nên thuyên chuyển Linh Vận làm thái thú ở Vĩnh Gia. (Xem: Dương Ấm Thâm, *Trung Quốc Văn Học Gia Liệt Truyện*, tr.93). Trong thư gởi Vương Hoằng (379-432), Đạo Sinh gọi Tạ Linh Vận là Tạ Vĩnh Gia, như vậy thư này xuất hiện khoảng từ năm 420 (Thiếu Đế lên ngôi) đến năm 432 (Vương Hoằng mất).

[89] LAM chú: *Đàn việt* 檀越(dānapati) = *thí chủ* 施主(tín đồ cúng dường, phụng hiến vật chất cho nhà chùa). Ở đây Đạo Sinh gọi tướng quân Vương Hoằng là *đàn việt*.

biết đó, ta có thể đạt tới chân lý. Vậy [hiểu biết đó] chẳng có công tiến bộ mỗi ngày sao? Vì nó chưa phải là sự hiểu biết về tự ngã, thì làm sao mà nhập vào sự chiếu sáng [giác ngộ] một phần? Chân lý được thấy ở ngoại vật, nên không có sự tối tăm hoàn toàn. Nhưng vì cái hiểu biết đó không ở trong chúng ta, phải chăng nó chưa thể chiếu sáng?»[90]

Giáo lý có thể cung cấp chúng ta hiểu biết, có thể giúp chúng ta biết «chân lý». Nhưng cái hiểu biết do vậy mà có cũng chỉ là hiểu biết suông. Cái chân lý do vậy mà thấy chỉ ở ngoài ta. Tức là ta chỉ có thể biết nó chứ không thể trải nghiệm nó, không thể chứng ngộ được nó. Cho nên giáo lý không giúp ta nhập vào sự chiếu sáng một phần, tuy rằng hiểu biết bắt nguồn từ giáo lý cung cấp một cơ sở giúp ta chứng ngộ. Đạo Sinh nói: «Vận dụng hiểu biết đó, ta có thể đạt tới chân lý. Vậy [hiểu biết đó] chẳng có công tiến bộ mỗi ngày sao?» Từ lá thư của Đạo Sinh, có thể thấy ông tán thành chủ trương của Tạ Linh Vận đối với sự đốn ngộ. Đạo Sinh giúp Linh Vận trả lời những chất vấn của những người phản bác, do đó thuyết đốn ngộ mà Linh Vận trình bày cũng tiêu biểu cho thuyết của Đạo Sinh.

Biện Tông Luận cũng chép ý kiến của Huệ Lâm 慧琳[91] dung hoà các quan điểm trên: «Thích Ca nói có tiệm, bởi xét từ phương diện hình thể nên có tiệm, Khổng Tử nói không có tiệm, bởi xét từ phương diện đạo nên không có tiệm. Tại sao mà biết như thế? Đối với người bậc

---

[90] *Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận - Trúc Đạo Sinh Đáp Vương Vệ Quân Thư* 竺道生答王衛軍書): «Cửu tầm Tạ Vĩnh Gia luận, đô vô nhàn nhiên, hữu đồng tự nhược diệu thiện, bất năng bất dẫn dĩ vi hân. Đàn việt nan chỉ thậm yếu, thiết tưởng tầm tất giai thông nhĩ. Thả liêu thí lược thủ luận ý, dĩ thân hân duyệt chi hoài. Dĩ vi cẩu nhược bất tri, yên năng hữu tín? Nhiên tắc do giáo nhi tín, phi bất tri dã. Đãn tư bỉ chi trí, lý tại ngã biểu, tư bỉ khả dĩ chí ngã, dung đắc vô công ư nhật tiến? Vị thị ngã trí, hà do hữu phần ư nhập chiếu? Khởi bất dĩ kiến lý ư ngoại, phi phục toàn muội. Trí bất tự trung, vị vi năng chiếu da?» 究尊謝永嘉論，都無開然，有同似若妙善，不能不引以爲欣．橫越難旨甚要，切想尋必住通耳．且聊試略取論意，以伸欣悅之懷．以爲苟若不知，焉能有信？然則由教而信，非不知也．但資彼之知，理在我表，資彼可以至我，庸得無功於日進？未是我知，何由有分於入照？豈不以見理於外，非復全昧．知不自中，未爲能照耶?

[91] LAM chú: Huệ Lâm 慧琳 (không rõ năm sinh năm mất) là sa môn đời Nam Triều Lưu Tống, quê quán huyện Tần 秦 (nay là Thiểm Tây), vốn họ Lưu 劉, là đệ tử của Đạo Uyên 道淵, tinh thông Phật và Lão Trang. Vương Nghĩa Chân 王義眞 ở Lư Giang 廬江 tiến cử Huệ Lâm với Văn Đế 文帝 (tức Lưu Nghĩa Long 劉義隆, tại vị 424-453). Vua rất sủng ái và tin tưởng ông, thường cho nghị luận việc cơ mật; cho nên đời gọi Huệ Lâm là «Hắc Y Tể Tướng» 黑衣宰相. Huệ Lâm viết *Hắc Bạch Luận* 黑白論 (cũng gọi *Quân Thiện Luận* 均善論) để phê bình thuyết Bất Nhã Bản Vô của người đương thời. (Xem: *Phật Quang Đại Từ Điển*, Đài Loan, 1997, tr.6045).

trung [trở lên] ta có thể nói điều cao siêu; luyện tập lâu ngày họ có thể thay đổi bản tính; đó là lời Khổng Tử dạy.[92] Hợp đạo ngay một lần, không trải qua mười bậc; đó là lời Thích Ca dạy. Hai thánh (tức Khổng Tử và Thích Ca) đã nói rõ về tiệm và đốn như thế. Lẽ nào lại nói người Ấn câu thúc ở giáo huấn [tiệm ngộ], còn người Hoa câu thúc ở chân lý [đốn ngộ]? Tôi e rằng những biện luận phân biệt đốn tiệm phải chăng phát sinh nhằm ủng hộ thuyết mới [của Đạo Sinh]?»[93]

Ở đây ý nói Thích Ca có đốn giáo và tiệm giáo; Khổng Tử cũng có đốn giáo và tiệm giáo. Thời bấy giờ đã có hai thuyết đốn và tiệm, nên Huệ Viễn viết: «Đời Tấn, ẩn sĩ Lưu Cù 劉虯(438-495) ở núi Vũ Đô 武都 (phía bắc huyện Miên Trúc 綿竹, Tứ Xuyên) nói: "Như Lai thuyết giảng, không nói đến đốn và tiệm." [...] Huệ Đản 慧誕 nói: "Phật giáo có hai thuyết đốn và tiệm." [...] Bồ Đề Lưu Chi 菩提流支(Bodhiruci) nói: "Phật lấy một âm thanh (tức giáo lý duy nhất) ứng với vạn pháp; không phân biệt tiệm và đốn."[94] Nói vậy không đúng. Tuy Như Lai lấy một âm thanh ứng với vạn pháp, nhưng đó là tuỳ theo chúng sinh, nên có phân biệt tiệm và đốn. Bởi có chúng sinh căn cơ nông cạn mà bậc thềm

---

[92] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Ung Dã): «Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.» 中人以上,可以語上;中人以下,不可以語上也 (Kẻ bậc trung trở lên thì ta có thể nói điều cao siêu với họ; kẻ bậc trung trở xuống thì ta không thể nói điều cao siêu với họ).**

[93] ***Quảng Hoằng Minh Tập* (quyển 18, *Biện Tông Luận*): «Thích vân hữu tiệm, cố thị tự bình giả hữu tiệm, Khổng chi vô tiệm, diệc thị tự đạo giả vô tiệm. Hà dĩ trí kỳ nhiên da? Trung nhân khả dĩ ngữ thượng, cửu tập khả dĩ di tính, Khổng thị chi huấn dã. Nhất hợp ư đạo trường, phi thập địa chi sở giai, Thích gia chi xướng dã. Như thử tiệm tuyệt văn luận, nhị thánh tường ngôn. Khởi độc di thúc ư giáo, Hoa câu ư lý. Tương khủng xích ly chi biện, từ trường ư tân luận hồ?» 釋云有漸,故是自形者有漸.孔之無漸,亦是自道者無漸.何以知其然耶?中人可以語上,久習可以移性,孔氏之訓也.一合於道場,非中地之所階,釋家之唱也.如此漸絕文論,二聖詳言.豈獨束於教,華拘於理.將恐斥離之辯,辭長於新論乎?**

[94] **LAM chú: *Nhất âm giáo* 一音教 (hay *nhất viên giáo* 一圓教) là thuyết do Bồ Đề Lưu Chi lập ra khi đến Trường An khoảng năm 502, nói giáo lý của Phật là duy nhất. (*Duy Ma Kinh* nói Phật giáo chỉ có một âm thanh, một mùi vị). Sở dĩ có Đại Thừa và Tiểu Thừa, đốn và tiệm, là do căn trí chúng sanh khác nhau. Bồ Đề Lưu Chi 菩提流支(Bodhiruci, mất năm 527) là sư ở bắc Ấn Độ, đệ tử đời thứ 4 của Thế Thân 世親(Vasubandhu, sáng lập phái Du Già). Năm 508, Bồ Đề Lưu Chi đem nhiều kinh Phật bằng tiếng Sankrit, đi ngang qua Tây Vực, đến kinh đô Lạc Dương của Bắc Ngụy. Tuyên Vũ Đế 宣武帝(tại vị 500-515) của Bắc Ngụy đón tiếp ông trọng thể và đưa về trụ trì chùa Vĩnh Ninh 永寧. Bấy giờ số tăng nhân Ấn Độ và Tây Vực tại Lạc Dương có đến khoảng bảy trăm người; về phương diện dịch kinh, nổi bật nhất là Bồ Đề Lưu Chi, ông dịch trên 30 bộ kinh và luận Đại Thừa. Sau khi đến Lạc Dương, ông chỉ chuyên dịch kinh, đến năm 535 thì ngưng (bấy giờ Ngụy đã dời đô về Nghiệp Thành). (Xem: *Trung Quốc Phật Giáo*, sđd., tập 2, tr.79-81).**

[đến giác ngộ] thì xa, nên Phật nói tiệm ngộ. Nhưng cũng có chúng sinh nhảy một bước là đại giải thoát, nên Phật nói đốn ngộ. Lẽ nào không phân biệt đốn và tiệm?»[95]

Ở đây nói đến cái gọi là «phán giáo» 判教.[96] Kể từ đấy về sau, các tông phái Phật giáo Trung Quốc phần lớn đều có chủ trương riêng của mình đối với phán giáo. Bởi vì kinh điển Phật giáo vốn không do một người sáng tác trong một thời; trong đó lại có nhiều chỗ xung đột và không nhất trí. Các nhà Phật học Trung Quốc tin rằng kinh Phật đều là lời Phật nói, cho nên đối với nguyên nhân sinh ra xung đột và không nhất trí thì họ tìm cách giải thích. Đại khái, họ cho rằng Phật thuyết giáo khác nhau tuỳ theo người và tuỳ theo thời. Cho nên toàn bộ Phật giáo có thể phân chia ra thành nhiều loại giáo lý. Các giáo lý tuy có sự khác biệt, nhưng chúng không cản trở tính chất «chân lý là duy nhất» của Phật giáo. Các chủ trương này và những biện luận về chúng không có nhiều tính triết học, do đó không cần phải đề cập nhiều ở đây.

5. Biện luận về "thần diệt" và "thần bất diệt"

Thời Nam Bắc Triều cũng có rất nhiều người chống đối Phật giáo. Họ thường là Nho gia và Đạo sĩ. Những lời lẽ chống đối và ủng hộ Phật giáo được Tăng Hựu 僧佑(445-518) sưu tập thành bộ *Hoằng Minh Tập* 弘明集, rồi được Đạo Tuyên 道宣(596-667) tiếp tục gom lại thành *Quảng Hoằng Minh Tập* 廣弘明集. Những lời lẽ chống đối Phật giáo có sáu loại. Trong lời cuối của *Hoằng Minh Tập*, Tăng Hựu viết: «Xét kỹ sự giảng dạy của thế tục ta thấy họ noi theo ngũ kinh. Họ tôn kính trời và noi theo thánh. Nhưng chẳng ai thấy được hình dạng của trời, chẳng ai

[95] **Huệ Viễn, *Đại Thừa Nghĩa Chương*, quyển 1: «Tấn Vũ Đô sơn ẩn sĩ Lưu Cù thuyết ngôn, Như Lai nhất hoá sở thuyết, vô xuất đốn tiệm. [...] Hựu Đản Công vân: Phật giáo hữu nhị, nhất đốn nhất tiệm. [...] Bồ Đề Lưu Chi ngôn, Phật nhất âm dĩ báo vạn cơ, phán vô tiệm đốn, thị diệc bất nhiên. Như Lai tuỳ phục nhất âm báo vạn, tuỳ chư chúng sinh, phi vô tiệm đốn. Tự hữu chúng sinh tịch thiển giai viễn, Phật vi tiệm thuyết. Hoặc hữu chúng sinh nhất việt giải đại, Phật vi đốn thuyết. Ninh vô đốn tiệm?»** 晉武都幽隱士劉虯說言，如來一化所說，無出頓漸．[...] 又誕公云：佛教有二，一頓一漸．[...] 菩提流支言，佛一音以報萬機，判無漸頓，是亦不然．如來雖復一音報萬，隨諸衆生，非無漸頓．自有衆生藉淺階遠，佛爲漸說．或有衆生一越解大，佛爲頓說．寧無頓漸?

[96] **LAM chú: *Phán giáo* là phân loại giáo lý theo chủ đề, thời đại, v.v... Phán giáo là một phương diện chính của việc nghiên cứu văn bản của nhiều cao tăng từ thế kỷ V đến thế kỷ VIII thuộc Pháp Tướng Tông, Thiên Thai Tông, và Hoa Nghiêm Tông. Một số nhà phán giáo nổi tiếng là Huệ Viễn 慧遠(336-416, sơ tổ Tịnh Độ Tông), Trí Nghĩ 智顗(538-597, sơ tổ Thiên Thai Tông), Pháp Tạng 法藏(643-712, tam tổ Hoa Nghiêm Tông), và Tông Mật 宗密(780-841, ngũ tổ Hoa Nghiêm Tông).**

xem được lòng của thánh. Tuy kính trọng và tin tưởng nhưng khác gì mù quáng chẳng hiểu. Huống hồ Phật còn đáng tôn kính hơn trời, giáo pháp còn huyền diệu hơn thánh. Tuy ảnh hưởng chuyển hoá của Phật giáo ở trong cõi đời nhưng chân lý của Phật siêu việt trên mọi ràng buộc hiện hữu. Kiên Ngô (nhân vật trong *Trang Tử*) kinh ngạc trước sông Ngân Hà; kẻ sĩ thế tục sao chẳng hoài nghi và kinh hãi trước biển giác của Phật cho được? Đã hoài nghi biển giác, thì sự kinh ngạc của kẻ sĩ cũng giống sự kinh ngạc của Kiên Ngô trước sông Ngân Hà. Hoài nghi thứ nhất của họ là kinh Phật nói vu khoát, hoang đường, phóng đại mà chẳng bằng cớ. Hoài nghi thứ hai là người chết rồi thì thần (tức linh hồn) hoại diệt, chẳng có ba đời (quá khứ, hiện tại, tương lai). Hoài nghi thứ ba là không ai thấy Phật đích thực, Phật vô ích cho việc trị nước. Hoài nghi thứ tư là ngày xưa không có Phật pháp, nó chỉ xuất hiện gần đời Hán. Hoài nghi thứ năm là Phật pháp phát xuất tại nước man rợ, không phù hợp phong tục Trung Hoa. Hoài nghi thứ sáu là Phật giáo nhỏ nhặt ở đời Hán và đời Nguỵ, và phồn thịnh ở đời Tấn. Bởi sáu hoài nghi này, họ chẳng khởi lòng tin Phật pháp.»[97]

Sáu hoài nghi ấy tức là sáu loại biện luận mà người chống Phật giáo đương thời lấy để công kích Phật giáo. Trong sáu hoài nghi ấy, chỉ có loại thứ hai – tức là «người chết rồi thì thần hoại diệt và chẳng có ba đời» – là có tính chất triết học. Như chúng ta thấy ở tiết trên đây, Huệ Viễn đã trình bày sự giải thích phổ thông của người Trung Quốc về thuyết luân hồi của Phật giáo: khi con người chết đi, thì thần (tức linh hồn) không hoại diệt, bởi vì con người có sự sống và làm người là do vô minh (avidyā) và tham ái (rāga). Chúng làm mê muội bản tính. Do đó chừng nào họ chưa đoạn lìa vô minh và tham ái thì họ vẫn chết ở kiếp này và

---

[97] ***Hoằng Minh Tập*** **(quyển 14): «Tường kiểm tục giáo, tịnh hiến chương ngũ kinh. Sở tôn duy thiên, sở pháp duy thánh. Nhiên mạc trắc thiên hình, mạc khuy thánh tâm. Tuy kính nhi tín chi, do mông mông bất liễu. Huống não Phật tôn ư thiên, pháp diệu ư thánh. Hoá xuất vực trung, lý tuyệt hệ biểu. Kiên Ngô do kinh bố ư Hà Hán, tục sĩ an đắc bất nghi hãi ư giác hải tai? Ký nghi giác hải, tắc kinh đống Hà Hán. Nhất nghi kinh thuyết vu đản, đại nhi vô trưng. Nhị nghi nhân tử thần diệt, vô hữu tam thế. Tam nghi mạc kiến chân Phật, vô ích quốc trị. Tứ nghi cổ vô pháp giáo, cận xuất Hán thế. Ngũ nghi giáo tại nhung phương, hoá phi Hoa tục. Lục nghi Hán Nguỵ pháp vi, Tấn đại thuỷ thịnh, dĩ thử lục nghi, tín tâm bất thụ.»** 詳檢俗教，並憲章五經．所尊惟天，所法惟聖．然莫測天形，莫窺聖心．雖敬而信之，猶矇矇不了．況乃佛尊於天，法妙於聖．化出域中，理絕繫表．肩吾猶驚怖於河漢，俗上安得不疑駭於覺海哉？既疑覺海，則經同河漢．一疑經說迂誕，大而無徵．二疑人死神滅，無有三世．三疑莫見眞佛，無益國治．四疑古無法教，近出漢世．五疑教在戎方，化非華俗．六疑漢魏法微，晉代始盛，以此六疑，信心不樹．

tái sinh ở một kiếp khác. Đó là vòng luân hồi sinh tử.[98]

Những người chống thuyết này cho rằng thần (tức linh hồn) gắn liền với thể xác. Thần không thể lìa thể xác để tồn tại riêng một mình. Cho nên khi thân xác đã hoại diệt thì thần cũng hoại diệt theo. Đó là *Thần Diệt Luận* 神滅論.

Đời Tấn cũng đã có nhiều người lấy Thần Diệt Luận để công kích Phật giáo. Trong *Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận* 沙門不敬王者論, Huệ Viễn nói rằng hình thể tận diệt nhưng thần bất diệt, và ông đầu tiên viện dẫn luận điệu của những người công kích Phật giáo.

Họ nói: «Hễ phú bẩm khí cực độ thì có một sự sống. Hễ sự sống hết thì khí tiêu mất mà thành vô. Thần tuy là vật kỳ diệu, nhưng nó vốn là do Âm Dương biến hoá ra. Hễ biến hoá thì có sự sống, hễ biến hoá lần nữa thì chết. Hễ khí tụ thì có sự bắt đầu, hễ khí tán thì có sự kết thúc. Nhân đó mà suy, thì biết thần và hình thể cùng biến hoá; từ đầu chúng không có sự quản lý khác nhau. Tinh và thô đều cùng một khí; đầu và cuối đều cùng một nhà (tức hình thể). Nhà (tức hình thể) còn nguyên vẹn thì khí tụ và có linh diệu (tức thần); nhà tan thì khí tán và thần diệt. Khí tán thì nó trở về cái gốc lớn; thần diệt thì nó trở về hư vô. Sự đảo ngược đến tận cùng đều là quy trình tự nhiên. Có ai tạo ra đâu? Nếu ngay từ đầu thần và hình thể khác nhau, thì các khí khác nhau hợp lại. Hợp thì cùng biến hoá, cũng là thần ngụ ở hình thể. Giống như lửa sinh ở gỗ. Gỗ còn thì lửa còn; gỗ hết thì lửa tắt. Lìa hình thể thì thần tan rã, như gỗ hết thì lửa tắt. Nguyên lý là thế. Giả sử sự phân biệt giống và khác này tối tăm khó hiểu, thì thuyết hữu vô (tồn tại và không tồn tại) ắt nhằm ở sự tụ và tán, tức là tên gọi chung của sự biến hoá của khí, là sự sinh và diệt của muôn vàn biến hoá. Cho nên *Trang Tử* nói: "Đời người chỉ là sự tích tụ của khí. Khí tụ lại thì ta sống, khí phân tán thì ta chết. Đã biết sống và chết tiếp

[98] **Derk Bodde chú: Kỳ thực đây là sự xuyên tạc thuyết luân hồi của Phật giáo. Phật giáo vốn cho rằng *nghiệp* (karma) của một kiếp sẽ chuyển sang và ảnh hưởng đến kiếp sau. Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của một thực thể trường tồn (tức linh hồn, ngã, hay ātman) sẽ được mang đi cùng với nghiệp sang kiếp sau. Tuy nhiên đây là một thuyết khó hiểu, cho nên chẳng lạ gì mà người Trung Quốc diễn giải thuyết luân hồi rằng có một thực thể trường tồn (hay linh hồn) không hoại diệt.**

nối nhau, ta còn lo lắng chi?" [99] Cổ nhân giỏi nói về đạo ắt đã đạt đạo. Nếu quả như vậy, nguyên lý tối cao là khí chỉ tập trung ở một lần sống mà thôi. Sự sống hết tận thì chẳng còn gì biến hoá nữa, lý thuyết này đáng tìm hiểu vậy.»[100]

Ý trên đây nói rằng nếu thần và hình thể là một, thì dù thô hay tinh cũng chỉ là một khí. Hình thể tồn tại thì thần tồn tại; hình thể không tồn tại thì thần không tồn tại. Nếu thần và hình thể khác nhau, thì thần ngụ ở hình thể giống như lửa ở gỗ. Gỗ hết tận thì lửa không chỗ bám. Hình thể mất thì thần không chỗ gởi vào. Vậy là thần với hình vừa đồng nhất vừa khác nhau. Chúng ta có lúc không thể đoán định, cho nên thuyết hữu vô (tồn tại

[99] LAM chú: *Trang Tử* (Trí Bắc Du): «Sinh dã tử chi đồ, tử dã sinh chi thủy, thục tri kỳ kỷ? Nhân chi sinh, khí chi tụ dã. Tụ tắc vi sinh, tán tắc vi tử. Nhược tử sinh vi đồ, ngô hựu hà hoạn? Cố vạn vật nhất dã.» 生也死之徒，死也生之始，孰知其紀？人之生，氣之聚也．聚則爲生，散則爲死．若死生爲徒，吾又何患？故萬物一也 (Sự sống tiếp nối cái chết và cái chết khởi đầu sự sống, nhưng nào ai biết qui luật của chúng? Đời người chỉ là sự tích tụ của khí. Khí tụ lại thì ta sống, khí phân tán thì ta chết. Đã biết sống và chết tiếp nối nhau, ta còn lo lắng chi? Do đó vạn vật cùng một thể).– James Legge dịch: «Life is the follower of death, and death is the predecessor of life; but who knows the Arranger of this connection between them? Life is due to the collecting of breath. When that is collected there is life; when it is dispersed there is death. Since death and life thus attend on each other, why should I account either of them an evil? Therefore all things go through one and the same experience.» (Sống là cái tiếp theo chết, chết là cái đi trước sống; nhưng ai nào biết kẻ sắp đặt sống và chết? Đời người chỉ là sự tụ khí. Khí tụ thì sống, khí tán thì chết. Vì chết và sống phục vụ nhau, sao ta lại nghĩ một trong hai cái đó là xấu? Do đó vạn vật đều trải qua một và kinh nghiệm y nhau). James Ware dịch: «Life is the companion of death, and death is the beginning of life, but who knows how to untangle the problem? The birth of a human being is an amassing of breaths. While the amassing exists life goes on; when it scatters death occurs. If death and life are companions, what have I to be anxious about? The conclusion is that all creation is one.» (Sống đồng hành với chết, chết là khởi đầu sự sống, nhưng nào ai biết hoá giải khó khăn này? Sự sinh ra của con người là sự tụ lại của hơi thở. Khi sự tụ lại này tồn tại thì sự sống tiếp diễn; khi nó phân tán ra thì cái chết xảy đến. Nếu chết và sống là đồng hành nhau thì tại sao ta còn phải âu lo gì nữa? Câu kết luận chính là vạn vật là một thể).

[100] *Hoằng Minh Tập* (quyển 5): «Phù bẩm khí cực ư nhất sinh, sinh tận tắc tiêu dịch nhi đồng vô. Thần tuy diệu vật, cố thị Âm Dương chi sở hoá nhĩ. Ký hoá nhi vi sinh, hựu hoá nhi vi tử. Ký tụ nhi vi thuỷ, hựu tán nhi vi chung. Nhân thử nhi suy, cố tri thần hình câu hoá, nguyên vô dị thống. Tinh thô nhất khí, thuỷ chung đồng trạch. Trạch toàn tắc khí tụ nhi hữu linh, trạch huỷ tắc khí tán nhi chiếu diệt. Tán tắc phản sở thụ ư đại bản; diệt tắc phục quy ư vô vật. Phản phú chung cùng, giai tự nhiên chi số nhĩ. Thục vi chi tai? Nhược lệnh bản dị, tắc dị khí sổ hợp, hợp tắc đồng hoá, diệc vi thần chi xử hình, do hoả chi tại mộc. Kỳ sinh tắc tồn, kỳ huỷ tất diệt. Hình ly tắc thần tán nhi võng ký, mộc hủ tắc hoả tịch nhi mị thác, lý chi nhiên hĩ. Giả sử đồng dị chi phân, muội nhi nan minh. Hữu vô chi thuyết, tất tồn hồ tụ tán, khí biến chi tổng danh, vạn hoá chi sinh diệt. Cố Trang Tử viết: "Nhân chi sinh, khí chi tụ. Tụ tắc vi sinh, tán tắc vi tử. Nhược tử sinh vi bỉ đồ khổ, ngô hựu hà hoạn?" Cổ chi thiện ngôn đạo giả, tất hữu dĩ đắc chi. Nhược

và không tồn tại) ắt nhằm ở sự tụ và tán. Khí tụ lại thì ta sống, khí phân tán thì ta chết. Cho nên sự tồn tại của chúng ta chỉ có một lần sống mà thôi. Sự sống hết tận thì chẳng còn tồn tại nữa. Nên trên đây nói «khí chỉ tập trung ở một lần sống mà thôi; sự sống hết tận thì chẳng còn gì biến hoá nữa».

Huệ Viễn trả lời: «Thần là gì? Nó là cái cực tinh và linh. Cực tinh thì không thể mô tả bằng hình quẻ của kinh Dịch, cho nên thánh nhân nói nó là vật kỳ diệu, dù bậc thượng trí cũng không thể xác định thể trạng của nó và cũng không thể xét đến tận cùng sự thâm u của nó. Nay kẻ bàn luận về nó đã lấy tri thức thông thường để gây hoài nghi, khiến mọi người tự loạn tâm. Sự vu khoát của họ cũng đã quá sâu xa rồi. [...] Trang Tử thốt lời huyền diệu ở thiên Đại Tông Sư rằng: "Trời đất cho ta sống để lao nhọc, cho ta chết để an nghỉ." [101] Hơn nữa, Trang Tử xem sống là sự ràng buộc của con người, xem chết là sự trở về chân thực. Do đấy mà biết sống chỉ là tai hoạ lớn, và không sống tức là trở về cái gốc của mình.

---

quả nhiên da, chí lý cực ư nhất sinh. Sinh tận bất hoá, nghĩa khả tầm dã.» 夫稟氣極於一生，生盡則消液同無．神雖妙物，故是陰陽之所化耳．既化而爲生，又化而爲死．既聚而爲始，又散而爲終．因此而推，故知神形俱化，原無異統．精粗一氣，始終同宅．宅全則氣聚而有靈，宅毀則氣散而照滅．散則反所受於大本；滅則復歸於無物．反覆終窮，皆自然之數耳．孰爲之哉?若令本異，則氣數合，合則同化，亦爲神之處形，猶火之在木．其生則存，其毀必滅．形離則神散而罔寄，木朽則火寂而靡託，理之然矣．假使同異之分，昧而難明．有無之說，必存乎聚散，氣變之總名，萬化之生滅．故莊子曰: "人之生，氣之聚．聚則爲生，散則爲死．若死生爲彼徒苦，吾又何患?" 古之善言道者，必有以得之．若果然耶，至理極於一生．生盡不化，義可尋也.

[101] **LAM chú: *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Phù đại khối tái ngã dĩ hình, lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã xuất tử. Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã. [...] Thiện yểu thiện lão, thiện thủy thiện chung.»** 夫大塊載我以形，勞我以生，佚我以老，息我以死．故善吾生者，乃所以善吾死也．[...]善妖善老，善始善終 **(Trời đất cho ta hình hài, cho ta sống để lao nhọc, cho ta già để an nhàn, cho ta chết để an nghỉ. Cho nên sự sống của ta là tốt thì cái chết của ta cũng tốt. [...] Yểu hay thọ, sinh hay tử đều tốt). James Legge dịch: «There is the great mass of nature: I find the support of my body in it; my life is spent in toil on it; my old age seeks ease on it; at death I find rest on it. What has made my life good will make my death also good. [...] He considers early death or old age, his beginning and his ending, all to be good.» (Có khối lớn của tự nhiên: ta cảm thấy sự nâng đỡ thân hình ta trong đó, đời ta lao nhọc trải qua trong đó; tuổi già ta tìm thấy dễ chịu trong đó; khi chết ta cảm thấy nghỉ ngơi trong đó; cái làm cho đời ta tốt cũng làm cho cái chết ta tốt. [...] Thánh nhân xem chết yểu hay sống lâu, bắt đầu và chung cuộc của mình, tất cả đều tốt như nhau).**

Văn Tử [102] trích dẫn lời của Hoàng Đế rằng: "Hình thể dù có huỷ diệt nhưng thần vẫn không biến hoá. Lấy cái không biến hoá để vượt trên mọi biến hoá; sự biến hoá ấy thì vô cùng." Trang Tử cũng nói: "Có được hình thể của con người thì cũng vui rồi. Hình thể con người cũng chỉ là một trong vô vàn biến hoá của vũ trụ." [103] Từ đó ta biết rằng sự sống không phải tận diệt ở một lần biến hoá và nó chạy theo ngoại vật mà không trở về. Biện luận của Trang Tử và Văn Tử tuy chưa hoàn toàn đạt tới chân lý, nhưng họ cũng hiểu ý nghĩa phần nào. Kẻ biện luận ấy chẳng tìm hiểu thuyết "vừa sống vừa chết" [104] nên mê lầm rằng tụ và tán chỉ ở một lần biến hoá; chẳng suy nghĩ rằng sự tiến triển của thần có sự linh thiêng của vật kỳ diệu, cho nên nói rằng tinh và thô cùng tận diệt. Điều ấy chẳng đáng buồn sao? Cái thí dụ về lửa và gỗ vốn là lấy từ kinh điển (tức sách Trang Tử). Nhưng kẻ biện luận ấy đã làm mất đại cương đúng đắn của nó, nên sinh ra tối tăm không thể hiểu. [...] Hãy nghiệm lại thực tế, lửa lan vào củi giống như thần truyền vào hình thể. Lửa lan qua củi khác củi giống như thần truyền sang hình thể khác. Củi trước không phải

---

[102] **LAM chú: Văn Tử là tác giả của một đạo kinh mang cùng tên là *Văn Tử*. Cho đến nay người ta vẫn chưa minh xác được nhân vật Văn Tử là ai. Một vài thuyết cho rằng Văn Tử là Tân Kế Nhiên 辛計然 vốn là thầy của Phạm Lãi 范蠡. Cả hai được Việt Vương Câu Tiễn 越王勾踐 trọng dụng trước khi Câu Tiễn bị nguy khốn tại Cối Kê 會稽. Ban Cố 班固 viết trong *Hán Thư* 漢書 rằng: Văn Tử là đệ tử của Lão Tử. Văn Tử sống đồng thời với Khổng Tử. (Xem: Trương Thanh Hoa 張清華 chủ biên, *Đạo Kinh Tinh Hoa* 道經精華, Thời Đại Văn Nghệ xuất bản xã, Trường Xuân, 1995, quyển 2, tr.1270).**

[103] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 80 của chương 6. James Legge dịch: «When the body of man comes from its special mould, there is even then occasion for joy; but this body undergoes a myriad transformations, and does not at once reach its perfection.» (Khi thân thể con người hình thành từ cái khuôn đặc biệt của nó, như thế cũng có dịp vui rồi; nhưng cái thân này trải qua vô vàn biến hoá, và không đạt được ngay sự hoàn hảo của nó).**

[104] **LAM chú: *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Phương sinh phương tử, phương tử phương sinh; phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả; nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị. Thị dĩ thánh nhân bất do nhi chiếu chi ư thiên.» 方生方死，方死方生；方可方不可，方不可方可；因是因非，因非因是．是以聖人不由而照之於天 (Bất cứ vật gì đang sống tức là đang chết, đang chết tức là đang sống; có thể tức là không thể, không thể tức là có thể. Nguyên do đúng tức là nguyên do sai, nguyên do sai tức là nguyên do đúng. Do đó, thánh nhân không câu chấp những điều ấy, mà nhìn sự vật theo quan điểm tự nhiên).**

là củi sau, vậy ta hiểu sự huyền diệu của cách thức "dầu mỡ cháy hết".[105] Hình thể trước không phải là hình thể sau, vậy ta hiểu cách thức thâm sâu mà thần hoạt động.[106] Kẻ mê lầm thấy hình thể hư hoại sau một lần sống bèn cho rằng thần cùng mất luôn. Giống như thấy lửa tắt ở một khúc gỗ thì nói là chúng đều hết sạch. Sự khúc triết ấy đã nói ở thiên Dưỡng Sinh Chủ, khỏi tìm xa xôi thứ loại của nó.»[107]

Ở đây Huệ Viễn ý nói thần và hình thể khác nhau. Khi hình thể tận diệt thì thần có thể truyền sang một hình thể khác; giống như củi cháy hết thì lửa lan sang củi khác.

[105] **LAM chú: *Trang Tử* (Dưỡng Sinh Chủ): «Chỉ cùng ư vi tân, hoả truyền dã, bất tri kỳ tận dã.» 指窮於爲薪，火傳也，不知其盡也(Dầu mỡ động vật làm chất đốt có thể cháy hết, nhưng lửa thì truyền sang chỗ khác; ta không biết sự cùng tận của nó). James Legge hiểu *chỉ* là *nêu ra*, nên dịch: «What we can point to are the faggots that have been consumed; but the fire is transmitted elsewhere, and we know not that it is over and ended.» (Cái chúng ta có thể nêu ra là bó củi cháy hết, nhưng lửa được truyền sang chỗ khác, và ta không biết [khi nào] lửa hết). Derk Bodde theo bản dịch của Walter Liebenthal và H.A. Giles, hiểu *chỉ* là *ngón tay*, nên dịch: «The fingers may come to an end in their supplying of the fuel. But the fire is transmitted, and we know not when it will come to an end.» (Những ngón tay có thể hết khi cung cấp chất đốt, nhưng lửa được truyền sang [chỗ khác], và ta không biết khi nào lửa hết). Câu dịch thật là tối nghĩa! Ngô Phong (*Trung Hoa Đạo Học Thông Diễn*, tr.121) giảng: «Chỉ đương tác chỉ, động vật chỉ cao. Chỉ cao dụ hình thể, hoả dụ tinh thần. Hình thể khả dĩ huỷ diệt nhi tinh thần khước khả dĩ dĩ lánh nhất hình thức tồn tại hạ khứ.» 指當作脂，動物脂膏．脂膏喻形體，火喻精神．形體可以毀滅而精神卻可以以另一形式存在下去 (Chỉ là chỉ, tức dầu mỡ động vật. Dầu mỡ động vật ám chỉ hình thể, lửa ám chỉ tinh thần. Hình thể có thể bị huỷ diệt nhưng tinh thần có thể tồn tại ở một hình thức khác). Cho nên Ngô Phong dịch: «Chỉ cao tố vi chúc tân hữu nhiên tận chi thời nhi tha đích hoả khước truyền liễu hạ khứ, bất tri hữu cùng tận chi thời.» 脂膏做爲燭薪有燃盡之時而它的火卻傳了下去，不知有窮盡之時(Dầu mỡ động vật làm chất đốt có khi cháy hết nhưng ngọn lửa của nó truyền sang chỗ khác, không biết lúc cùng tận).**

[106] **LAM chú: Tôi dịch nương theo Walter Liebenthal: «Nor is the earlier body the same as the later body; from this we may understand the profound way in which our spiritual faculties operate.»**

[107] ***Hoằng Minh Tập* (quyển 5): «Phù thần giả hà da? Cực tinh nhi vi linh giả dã. Cực tinh tắc phi quái tượng chi sở đồ, cố thánh nhân dĩ diệu vật nhi vi ngôn, tuy hữu thượng trí, do bất năng định kỳ thể trạng, cùng kỳ u trí. Nhi đàm giả dĩ thường thức sinh nghi, đa đồng tự loạn. Vi kỳ vu dã, diệc dĩ thâm hĩ. [...] Trang Tử phát huyền âm ư Đại Tông, viết: "Đại khối lao ngã dĩ sinh, tức ngã dĩ tử." Hựu dĩ sinh vi nhân ký, tử vi phản chân. Thử sở vị tri sinh vi đại hoạn, dĩ vô sinh vi phản bản giả dã. Văn Tử xưng Hoàng Đế chi ngôn viết: "Hình hữu mị nhi thần bất hoá. Dĩ bất hoá thừa hoá, kỳ biến vô cùng." Trang Tử diệc vân: "Đặc phạm nhân chi hình nhi do hỉ chi. Nhược nhân chi hình giả, vạn hoá nhi vị thuỷ hữu cực." Thử sở vị tri sinh bất tận ư nhất hoá, phương trục vật nhi bất phản giả dã. Nhị tử chi luận, tuy vị cứu kỳ thực, diệc thường bàng tông nhi hữu văn yên. Luận giả bất tầm phương sinh phương tử chi thuyết, nhi hoặc tụ tán ư nhất hoá; bất tư thần đạo hữu diệu vật chi linh, nhi vị tinh thô đồng tận; bất diệc bi hồ? Hoá mộc chi dụ, nguyên tự thánh điển. Thất kỳ pháp thống, cố u hưng mạc tầm. [...] Thỉnh vi**

Cho đến giữa đời Tề 齊 (479-501) và đời Lương 梁 (502-556), một người chống Phật giáo tên là Phạm Chẩn 范縝 (khoảng 450 - khoảng 515) đã viết *Thần Diệt Luận* 神滅論.[108] *Lương Thư* 梁書 (Sách sử đời Lương) chép: «Phạm Chẩn tự là Tử Chân 子眞, người ở Vũ Âm 舞陰, thuộc Nam Hương 南鄉. [...] Ông uyên bác kinh sử, nhất là tinh thông tam lễ. [...] Thoạt đầu, vào đời Tề, Phạm Chẩn phục vụ cho Tử Lương 子良 (vua của Cánh Lăng 竟陵). Tử Lương rất sùng tín Phật giáo, nhưng Phạm Chẩn thì một mực cho rằng không có Phật.»[109]

Phạm Chẩn viết: «Hình là chất của thần, thần là dụng của hình. [...] Thần đối với chất, giống như sự bén nhọn đối với con dao. Hình đối với dụng, giống như con dao đối với sự bén nhọn. Cái danh "bén nhọn"

---

huận giả, nghiệm chi dĩ thực, hoá chi truyền ư tân, do thần chi truyền ư hình. Hoá chi truyền dị tân, do thần chi truyền dị hình. Tiền tân phi hậu tân, tắc tri chỉ cùng chi thuật diệu. Tiền hình phi hậu hình, tắc ngộ tình sổ chi cảm thâm. Hoặc giả kiến hình hủ ư nhất sinh, tiện dĩ vi thần tình câu táng. Do đố hoá cùng ư nhất mộc, vị chung kỳ đồ tận nhĩ. Thử khúc tòng dưỡng sinh chi đàm, phi viễn tầm kỳ loại giả dã.» 夫神者何耶?極精而爲靈者也.極精則非卦象之所圖,故聖人以妙物而爲言,雖有上智,猶不能定其體狀,窮其幽致.而談者以常識生疑,多同自亂.爲其誣也,亦已深矣.[...] 莊子發玄音於大宗,曰:"大塊勞我以生,息我以死."又以生爲人羈,死爲反眞.此所謂知生爲大患,以無生爲反本者也.文子稱黃帝之言曰:"形有靡而神不化.以不化乘化,其變無窮."莊子亦云:"特犯人之形而猶喜之.若人之形者,萬化而未始有極."此所謂知生不盡於一化,方逐物而不反者也.二子之論,雖未究其實,亦嘗傍宗而有聞焉.論者不尋方生方死之說,而惑聚散於一化;不思神道有妙物之靈,而謂精粗同盡;不亦悲乎?火木之喻,原自聖典.失其法統,故幽興莫尋.[...] 請爲論者,驗之以實,火之傳於薪,猶神之傳於形.火之傳異薪,猶神之傳異形.前薪非後薪,則知指窮之術妙.前形非後形,則悟情數之感深.惑者見形朽於一生,便以爲神形俱喪.猶睹火窮於一木,謂終期都盡耳.此曲從養生之談,非遠尋其類者也.

[108] **Derk Bodde chú: *Thần Diệt Luận* được chép trong *Hoằng Minh Tập* và trong *Lương Thư* (chương 48: truyện Phạm Chẩn). Về lai lịch Phạm Chẩn và bài dịch *Thần Diệt Luận*, xin đọc: Stefan Balázs, *Der Philosoph Fan Dschen und sein Traktat gegen den Buddhismus (Triết gia Phạm Chẩn và bài luận chống Phật giáo của ông)*, in trong *Sinica*, vol.7 (1932), trang 220-234. *Lương Thư* không ghi năm sinh và năm mất của Phạm Chẩn. Balázs chép là: khoảng 450 đến khoảng 515.**

[109] ***Lương Thư* 梁書 (quyển 48): «Phạm Chẩn tự Tử Chân, Nam Hương Vũ Âm nhân dã. [...] Bác thông kinh sử, vưu tinh tam lễ. [...] Sơ Chẩn tại Tề thế, thường thị Cánh Lăng vương Tử Lương. Tử Lương tinh tín Thích giáo, nhi Chẩn thịnh xưng vô Phật.»** 范縝字子眞,南鄉舞陰人也.[...] 博通經史,尤精三禮.[...] 初縝在齊世,嘗侍竟陵王子良.子良精信釋教,而縝盛稱無佛.– **Derk Bodde chú: Tử Lương là con thứ hai của Tề Vũ Đế 齊武帝 (tức Tiêu Trách 蕭賾, tại vị 483-494), nổi tiếng về việc sùng tín Phật giáo và quy tụ các học giả. Cánh Lăng nay ở tây bắc huyện Thiên Môn 天門.**

không phải là con dao. Cái danh "con dao" không phải là sự bén nhọn. Nhưng hễ bỏ sự bén nhọn thì không có con dao; bỏ con dao thì không có sự bén nhọn. Ta chưa hề nghe nói con dao mất mà sự bén nhọn còn. Vậy lẽ nào chấp nhận rằng hình thể mất mà thần còn hay sao?»[110]



Phạm Chẩn

Phạm Chẩn còn tự nêu ra câu hỏi: Con người có hình thể, cây gỗ cũng có hình thể. Nhưng hình thể con người thì có tri giác, còn hình thể cây gỗ thì không có. Đó chẳng phải là vì ngoài hình thể con người còn có thần sao?

Rồi ông tự giải đáp: «Chất của con người là chất có tri giác. Chất của cây gỗ là chất không có tri giác. Chất của con người không phải là chất của cây gỗ. Chất của cây gỗ không phải là chất của con người. Tại sao cái chất giống như chất của cây gỗ mà lại có sự tri giác khác với cây gỗ?»[111]

Nói cách khác, chất của con người vốn có tri giác; chất của cây gỗ vốn không có tri giác. Cho nên con người có tri giác, còn cây gỗ không có tri giác.

Phạm Chẩn tự nêu ra câu hỏi nữa: Con người chết thì hình hài trở nên vô tri. Có thể thấy rằng hình hài của con người vốn có chất vô tri, giống như cái chất của cây gỗ. Cho nên con người có cái chất giống chất của cạy gỗ mà sự tri giác thì khác với cây gỗ. Đó chẳng phải là vì ngoài hình thể con người còn có thần sao?

Rồi ông tự giải đáp: «Kẻ chết có chất giống như gây gỗ, nhưng không có sự tri giác khác với cây gỗ. Kẻ sống có sự tri giác khác với cây gỗ, nhưng không có chất giống như gây gỗ. [...] Hình hài người sống không phải là hình hài người chết; hình hài người chết không phải là

---

[110] **Phạm Chẩn, *Thần Diệt Luận:* «Hình giả thần chi chất, thần giả hình chi dụng. [...] Thần chi ư chất, do lợi chi ư đao. Hình chi ư dụng, do đao chi ư lợi. Lợi chi danh phi đao dã. Đao chi danh phi lợi dã. Nhiên nhi xả lợi vô đao, xả đao vô lợi. Vị văn đao một nhi lợi tồn, khởi dung hình vong nhi thần tại dã.»** 形者神之質,神者形之用.[...] 神之於質,猶利之於刀.形之於用,猶刀之於利.利之名非刀也.刀之名非利也.然而捨利無刀,捨刀無利.未聞刀没而利存,豈容形亡而神在也.

[111] **Phạm Chẩn, *Thần Diệt Luận:* «Nhân chi chất, chất hữu tri dã. Mộc chi chất, chất vô tri dã. Nhân chi chất, phi mộc chất dã. Mộc chi chất, phi nhân chất dã. An tại hữu như mộc chi chất, nhi phục hữu dị mộc chi tri?»** 人之質,質有知也.木之質,質無知也.人之質,非木質也.木之質,非人質也.安在有如木之質,而復有異木之知?

hình hài người sống, vì cái này biến ra cái kia. Tại sao hình hài người sống lại có hình hài người chết?»[112]

Hình hài người chết giống như cây gỗ, nên vô tri giác. Hình hài người sống khác với cây gỗ, nên có tri giác. Hình hài người chết là hình hài người chết, do bởi cái chết mà nó hoàn toàn khác với hình hài người sống. Không thể thấy hình hài người chết giống như cây gỗ mà nói rằng hình hài người sống cũng giống như cây gỗ.

Phạm Chẩn tự nêu ra câu hỏi nữa: Nếu hình hài người chết không phải là hình hài người sống, vậy thì cái xác chết ấy từ đâu ra? Ông tự đáp rằng cái xác ấy là do hình hài người sống biến ra. Vậy, chỉ có thể nói rằng hình hài người chết là do hình hài người sống biến ra, chứ không thể nói rằng hình hài người chết là hình hài người sống.

Phạm Chẩn lại cho rằng: «Hình thể tức là thần.» (Hình tức thần 形即神). Cho nên các bộ phận thân thể đều là các bộ phận của thần. Do đó chúng có cảm giác đau ngứa. Thậm chí sự suy tư đúng sai cũng do *tâm khí* 心器 (công cụ của tâm) làm chủ. Cái *tâm khí* này tức là *tâm của ngũ tạng* (ngũ tạng chi tâm 五藏之心).

Phạm Chẩn trình bày động cơ khiến ông chủ trương *Thần Diệt Luận* rằng: «Phù đồ (tức Phật) làm hại chính trị, tang môn (tức sa môn) làm hại phong tục.[113] [...] Ảnh hưởng của Phật giáo không ngừng, tệ nạn của

[112] **Phạm Chẩn, *Thần Diệt Luận:* «Tử giả hữu như mộc chi chất, nhi vô dị mộc chi tri. Sinh giả hữu dị mộc chi tri, nhi vô như mộc chi chất. [...] Sinh hình chi phi tử hình, tử hình chi phi sinh hình, khu dĩ cách hĩ. An hữu sinh nhân chi hình hài, nhi hữu tử chi cốt hài tai?»** 死者有如木之質，而無異木之知. 生者有異木之知，而無如木之質. [...] 生形之非死形，死形之非生形，區已革矣. 安有生人之形骸，而有死之骨骸哉?

[113] **LAM chú: Chữ *Buddha* (Phật) được phiên âm sang Hán văn bằng nhiều chữ như: Phù Đồ 浮圖 hoặc 浮屠, Phật Đà 佛陀, Phù Đà 浮陀, Phù Đầu 浮頭, Bột Đà 勃陀 hoặc 浮駄, Bộ Đa 部多, Bộ Đà 部陀, Vô Đà 毋陀 hoặc 毋駄, Một Đà 沒駄 hoặc 沒陀, Phật Đà 佛陀, Bộ Tha 步他, Phục Đậu 复豆, Phật Đồ 佛圖, Phật 佛, Bộ Đà 步陀, Vật Tha 物他, v.v... Xin xem bài *«Phù Đồ dữ Phật»* 浮屠與佛 trong quyển tiểu luận *Trung Ấn Văn Hóa Quan Hệ Sử Luận Tùng* 中印文化關係史論叢 của Quí Tiện Lâm 季羨林 (Bắc Kinh, 1957, tr.9). Các từ điển Việt-Anh hay dịch nhầm Phù đồ là stupa. Chữ Sanskrit stūpa nghĩa là cái tháp.- Thuật ngữ *tang môn* 桑門 hay *sa môn* 沙門 đều là phiên âm từ tiếng Phạn: Śramaṇa. Ngữ căn Śram có nghĩa là nỗ lực. Śramaṇa còn phiên âm là *bà môn* 婆門, *sa môn na* 沙門那, *xá la ma nã* 舍羅摩拿, *thất ma ná nã* 室摩那拿. Thuật ngữ này chỉ bậc xuất gia tu đạo. *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập* 翻譯名義集 viết: «Sa môn hoặc vân tang môn, thử ngôn công lao, ngôn tu đạo hữu đa lao dã. A Hàm Kinh: "Xả ly ân ái, xuất gia tu đạo, nhiếp ngự chư căn, bất nhiễm ngoại dục, từ tâm nhất thiết, vô sở thương hại, ngộ lạc bất hân, phùng khổ bất thích, năng nhẫn như địa, cố danh sa môn." Hoặc dĩ sa môn phiên cần tức, vị cần hành chúng thiện, chỉ tức chư ác dã.»** 沙門或云桑門，此言功勞，言修

nó vô biên. Nên biết sự tạo sinh là sự phú bẩm từ tự nhiên, mà vô vàn hình thể của tự nhiên đều tự chúng biến hoá; bỗng dưng có, bỗng nhiên không; cái đến không chế ngự được, cái đi không đuổi theo được. Hễ cười trên lẽ trời, mỗi thứ sẽ yên với bản tính của mình. Tiểu nhân nên cam lòng với ruộng vườn của mình, quân tử nên an tâm với sự trong trắng điềm đạm của mình. Canh tác để có lương thực, lương thực không thể tận cùng. Nuôi tằm để có y phục, y phục không thể hết. Kẻ dưới có dư để cung phụng bề trên. Bề trên lấy vô vi đối đãi kẻ dưới. Dùng đạo này thì có thể bảo toàn cuộc sống, có thể nuôi dưỡng cha mẹ; có thể vì mình, có thể vì người; có thể cai trị đất nước, có thể giúp vua nên nghiệp bá.»[114]

Phật giáo cho rằng sinh tử là việc lớn và luân hồi sinh tử là khổ, cho nên mới dạy người ta tu hành, thoát khỏi sinh tử. Nếu biết vốn không có luân hồi, nếu biết sinh tử là tự nhiên, vậy thì «tiểu nhân nên cam lòng với ruộng vườn của mình, quân tử nên an tâm với sự trong trắng điềm đạm của mình». Như thế, cái mà Phật giáo xem là vấn đề sẽ không thành vấn đề gì cả.

Lương Thư chép: «Khi bài luận này xuất hiện, tại triều đình cũng như trong dân dã ai cũng xôn xao chấn động. Tử Lương bèn triệu tập sư

道有多勞也. 阿含經：捨離恩愛，出家修道，攝御諸根，不染外欲，慈心一切，無所傷害，遇樂不欣，逢苦不戚，能忍如地，故名沙門. 或以沙門翻勤息，謂勤行眾善，止息諸惡也 (*Sa môn hoặc gọi là tang môn, ý nghĩa là lao nhọc vất vả, là tu đạo lắm nhọc nhằn. A Hàm Kinh nói: Xả bỏ ân ái, lìa nhà tu đạo, chế ngự mọi căn duyên, không nhiễm lòng ham muốn bên ngoài, lòng từ ái trải khắp thử, chẳng làm tổn hại cho ai, gặp điều vui không mừng, gặp sự khổ không buồn, có thể chịu đựng như đất. Thế gọi là sa môn. Hoặc cũng phiên dịch sa môn là* cần tức, *ý nói chuyên cần làm mọi điều thiện và dừng bỏ mọi điều ác*). Xem *Từ Hải*, mục từ *sa môn* và *tang môn*; *Trung Anh Phật Học Từ Điển* 中英佛學辭典, Đài Bắc 1962, tr.242; *Nhật Anh Phật Giáo Từ Điển* 日英佛教辭典, Đại Đông xuất bản xã, Tôkyô 1965, tr.271.

[114] Phạm Chẩn, *Thần Diệt Luận:* «Phù đồ hại chính, tang môn đố tục. [...] Kỳ lưu mạc dĩ, kỳ bệnh vô ngân. Nhược trí đào chân bẩm ư tự nhiên, sâm la quân ư độc hoá, hốt yên tự hữu, hoảng nhĩ nhi vô; lai giả bất ngự, khứ giả bất truy; thừa phù thiên lý, các an kỳ tính. Tiểu nhân cam kỳ lũng mẫu, quân tử an kỳ điềm tố. Canh nhi thực, thực bất khả cùng dã. Tàm nhi y, y bất khả tận dã. Hạ hữu dư dĩ phụng kỳ thượng, thượng vô vi dĩ đãi kỳ hạ. Khả dĩ toàn sinh, khả dĩ dưỡng thân. Khả dĩ vị kỷ, khả dĩ vị nhân. Khả dĩ khuông quốc, khả dĩ bá quân, dụng thử đạo dã.» 浮屠害政, 桑門蠹俗. [...] 其流莫已, 其病無垠. 若知陶甄稟於自然, 森羅均於獨化, 忽焉自有, 恍爾而無; 來者不御, 去者不追; 乘夫天理, 各安其性. 小人甘其隴畝, 君子安其恬素. 耕而食, 食不可窮也. 蠶而衣, 衣不可盡也. 下有餘以奉其上, 上無爲以待其下. 可以全生, 可以養親. 可以爲己, 可以爲人. 可以匡國, 可以霸君, 用此道也.

tăng chất vấn Phạm Chẩn, nhưng không thể khuất phục nổi ông ta.»[115] *Hoằng Minh Tập* quyển 9 chép các bài do Tiêu Sâm 蕭琛(478-529) và Tào Tư Văn 曹思文 viết để phản bác *Thần Diệt Luận*; nơi quyển 10 chép sắc của hoàng đế Đại Lương (Lương Vũ Đế 梁武帝, tức Tiêu Diễn 蕭衍, tại vị 502-549) phản bác Phạm Chẩn. Quyển 10 cũng chép lá thư của pháp sư Pháp Vân 法雲(467-529) trụ trì chùa Trang Nghiêm 莊嚴 gởi cho các quan trong triều và lá thư phúc đáp ký tên tập thể 63 vị quan; tất cả đều ủng hộ Lương Vũ Đế phản bác *Thần Diệt Luận*. *Hoằng Minh Tập* quyển 22 chép thuyết Thần Bất Diệt của học giả Thẩm Ước 沈約(441-513) chống lại *Thần Diệt Luận* của Phạm Chẩn. Chúng ta có thể thấy sự quan tâm của người thời ấy đối với vấn đề này.[116]

---

[115] ***Lương Thư*** **(Phạm Chẩn Truyện): «Thử luận xuất, triều dã tuyên hoa, Tử Lương tập tăng nạn chí, nhi bất năng khuất.»** 此論出，朝野諠譁，子良集僧難之，而不能屈.– **LAM chú: Lý Chấn Cương** 李振綱 **(*Trung Quốc Phật Giáo Sử Thoại*, sđd., tr.167) viết: «Năm 504, Lương Vũ Đế tuyên bố Phật giáo là quốc giáo. Ba năm sau (507), Phạm Chẩn công bố *Thần Diệt Luận*. Lương Vũ Đế giận tá hoả, triệu tập chuyên gia, viết bài phản bác.»**

[116] **Derk Bodde chú: Xin xem các bài viết: Kenneth Ch'en, *Anti-Buddhist Propaganda during the Nan-ch'ao (Sự tuyên truyền chống Phật giáo suốt thời Nam Triều)*, in trong *Harvard Journal of Asiatic Studies*, vol.15 (1952), trang 166-192; Walter Liebenthal, *The Immortality of the Soul in Chinese Thought (Sự bất tử của linh hồn trong tư tưởng Trung Quốc)*, in trong *Monumenta Nipponica*, vol.8 (Tokyo, 1952), trang 327-396; Arthur F. Wright, *Fu I and the Rejection of Buddhism (Phó Nghị [?] và việc bài xích Phật giáo)*, in trong *Journal of the History of Ideas*, vol.12 (1951), trang 33-47.**

CHƯƠNG 8

PHẬT HỌC ĐỜI TUỲ VÀ ĐỜI ĐƯỜNG (1)

1. Thuyết "Nhị Đế" của Cát Tạng

Giữa đời Tuỳ (590-617) và đời Đường (618-906) có cao tăng Cát Tạng 吉藏 (549-623). *Tục Cao Tăng Truyện* của Đạo Tuyên (596-667) chép: «Thích Cát Tạng, họ là An, vốn là người An Tức (Parthia). Tổ tiên lánh kẻ thù nên di cư đến Nam Hải, nhân đó cư ngụ ở vùng giữa Giao Chỉ và Quảng Tây; về sau dọn đến Kim Lăng (nay là Nam Kinh) và sinh ra Tạng. [...] Khi nghe pháp sư Đạo Lãng ở chùa Hưng Hoàng giảng đạo, Tạng liền hiểu ngay, như thể có sự thông hiểu tự nhiên. Đến năm 7 tuổi, Tạng xuất gia nơi Đạo Lãng. Cát Tạng hấp thụ và bước tới đạo huyền, ngày càng đạt tới sự thâm sâu mới. Tất cả những gì Cát Tạng hỏi han bàn luận cho thấy ông đạt được sự tinh yếu của chúng rất diệu kỳ.»[1]

---

[1] *Tục Cao Tăng Truyện* (quyển 11): «Thích Cát Tạng, tục tính An, bản An Tức nhân dã. Tổ thế tị cừu di cư Nam Hải, nhân toại gia ư Giao Quảng chi gian, hậu thiên Kim Lăng nhi sinh Tạng yên. [...] Thính Hưng Hoàng tự Đạo Lãng pháp sư giảng, tuỳ văn lĩnh giải, ngộ nhược thiên chân. Niên chí thất tuế, đầu Lãng xuất gia. Thái thiệp huyền du, nhật tân u trí. Phàm sở tư bẩm, diệu đạt chỉ quy.» 釋吉藏，俗姓安，本安息人也。祖世避仇移居南海，因遂家於交廣之間，後遷金陵而生藏焉。[...] 聽興皇寺道朗法師講，隨聞領解，悟若天眞。年至七歲，投朗出家。採涉玄猷，日新幽致。凡所諮稟，妙達指歸。 – LAM chú: Thích Cát Tạng 釋吉藏 trước khi xuất gia họ là An 安, tên là Thế 貴. Tổ tiên là người An Tức (Parthia), Hồ 胡 tộc; do lánh kẻ thù nên di cư đến Nam Hải, nhân đó cư ngụ ở vùng giữa Giao Chỉ và Quảng Tây; về sau dọn đến Kim Lăng (nay là Nam Kinh) và sinh ra Tạng. Cho nên sử có khi chép là Hồ Cát Tạng hoặc An Cát Tạng. Tên Cát Tạng là do cha của ông nhờ danh tăng Chân Đế 眞諦 (Paramārtha, 499-569) đặt cho. Chân Đế là sư Ấn Độ, đến Trung Quốc năm 546, theo lời mời của Lương Vũ Đế. Sau đó, cha Cát Tạng xuất gia, pháp danh là Đạo Lượng 道諒. Khoảng 4 tuổi, Cát Tạng theo cha đến nghe sư Pháp Lãng 法朗 (tức Đạo Lãng 道朗) ở chùa Hưng Hoàng 興皇 giảng Tam Luận. Khoảng năm 7 tuổi (có sách chép là 13 tuổi), Tạng xuất gia nơi Pháp Lãng. Năm 19 tuổi, Cát Tạng bắt đầu giảng về Tam Luận, và năm 21 tuổi thụ cụ túc giới. Ông cực kỳ nổi tiếng. Năm 581, Pháp Lãng viên tịch, Cát Tạng đến chùa Gia Tường ở Cối Kê (nay là Thiệu Hưng, Chiết Giang), chú sớ và giảng Tam Luận, nổi tiếng và được đời gọi là «Gia Tường đại sư». Năm 606, Tuỳ Dạng Đế lập bốn đạo trường ở Dương Châu 揚州 (Gi●●g Tô), sắc lệnh Cát Tạng phụ trách đạo trường Huệ Nhật 慧日; thời gian này Cát Tạng viết xong *Tam Luận Huyền Nghĩa* 三論玄義, sáng lập Tam Luận Tông. Sau đó Cát Tạng đến chùa Nhật Nghiêm 日嚴 ở Trường An. Năm 618, Đường Cao Tổ mời 10 đại đức, trong đó có Cát Tạng, để thống lĩnh tăng

Tục Cao Tăng Truyện nói Cát Tạng từng trụ trì chùa Gia Tường 嘉祥 ở Cối Kê, nên được gọi là «đại sư Gia Tường». Ông chú sớ ba bộ luận: *Trung Luận* 中論, *Bách Luận* 百論, và *Thập Nhị Môn Luận* 十二門論.[2] Đối với Tam Luận Tông, ông có cống hiến rất lớn. Tuy nhiên, nội dung Tam Luận rất phức tạp và ít có tính chất triết học, nên ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu thuyết Nhị Đế của Cát Tạng thôi.

Cát Tạng nói: «Sư Duệ viết lời tựa cho *Trung Luận* rằng: "*Bách Luận* trị bên ngoài để ngăn điều tà; văn bản này (tức *Trung Luận*) trừ khử bên trong để dẹp trở ngại; *Đại Trí Thích Luận* (tức *Đại Trí Độ Luận*)[3] thì uyên bác, *Thập Nhị Môn Luận* thì tinh tế đạt tới sâu xa. [...] Ai thông bốn luận này, thì sẽ hiểu được Phật pháp." Sư Duệ nói: Bốn luận này tuy nhan đề và nội dung bất đồng, nhưng tôn chỉ chung đều là giảng *nhị đế* 二諦 (hai chân lý), hiển lộ *bất nhị chi đạo* 不二之道 (đạo không hai đối cực). Nếu hiểu được hai chân lý ấy, thì tất nhiên hiểu được bốn luận. Nếu không hiểu được *nhị đế*, thì tất nhiên không hiểu được bốn luận. Vì nguyên do ấy, ta cần hiểu *nhị đế*. Nếu hiểu được *nhị đế*, thì chẳng những hiểu được bốn luận, mà còn hiểu được các kinh Phật nữa. Tại sao tôi biết như thế? Vì bốn luận nói: Chư Phật đều y theo *nhị đế* để thuyết pháp.»[4]

---

chúng. Tháng 5 năm 623, Cát Tạng viên tịch, thọ 75 tuổi. Tam Luận Tông sau đó truyền sang Triều Tiên (Triều Tiên gọi là Samnon chong). Năm 625, một đệ tử người Triều Tiên của Cát Tạng tên là Huệ Quán 慧灌 (Ekwan) truyền Tam Luận Tông sang Nhật Bản (Nhật gọi là Sanronshū). (Xem: *Phật Quang Đại Từ Điển*, tr.2242; Lý Chấn Cương, *Trung Quốc Phật Giáo Sử Thoại*, tr.189-191; Vương Hữu Tạm, *Trung Quốc Tôn Giáo Sử*, quyển 1, tr.521-522; *Trung Quốc Phật Giáo*, do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, quyển 2, tr.102-104).

[2] LAM chú: *Trung Luận* 中論 (Mādhyamika Śāstra), *Bách Luận* 百論 (Śata Śāstra), và *Thập Nhị Môn Luận* 十二門論 (Dvādaśanikāya Śāstra) là ba bộ luận căn bản của Tam Luận Tông. *Trung Luận* và *Thập Nhị Môn Luận* do Long Thụ 龍樹 (Nāgārjuna) viết; còn *Bách Luận* do đệ tử của Long Thụ là Đề Bà 提婆 (Aryadeva) viết. Cưu Ma La Thập đã dịch cả ba sang Hán văn trong các năm: 404 (*Bách Luận*), 408 (*Thập Nhị Môn Luận*), 409 (*Trung Luận*).

[3] LAM chú: Tứ luận là tam luận (nói trên) và *Đại Trí Độ Luận* (Mahāprajñā-pāramitā Śāstra).

[4] Cát Tạng, *Nhị Đế Chương* 二諦章: «Duệ sư Trung Luận tự vân: "Bách Luận trị ngoại dĩ nhàn tà, tư văn khư nội dĩ lưu trệ. Đại Trí Thích Luận chi uyên bác, Thập Nhị Môn quán chi tinh nghệ. [...] Nhược thông thử tứ luận, tắc Phật pháp khả minh dã." Sư vân: Thử tứ luận tuy phục danh bộ bất đồng, thống kỳ đại quy, tịnh vi thân hồ nhị đế, hiển bất nhị chi đạo. Nhược liễu ư nhị đế, tứ luận tắc hoán nhiên khả lĩnh. Nhược ư nhị đế bất liễu, tứ luận tắc tiện bất minh. Vi thị nhân duyên, tu thức nhị đế dã. Nhược giải nhị đế, phi dẫn tứ luận khả minh, diệc chúng kinh giai liễu. Hà dĩ tri nhiên? Cố luận vân: Chư Phật giai y nhị đế thuyết pháp.» 叡師中論序云："百論治外以閑邪，斯文祛內以流滯．大智釋論之淵博，十二門觀之精詣．[...] 若通此四論，則佛法可明也." 師云：此四論雖復名部不同，統其大歸，並爲申乎二諦，顯不二之道．若了於二諦，四論則煥然可領．若於二諦不了，四論則使不明．爲是因緣，須識二諦也．若解二諦，非但四論可明，亦衆經皆了．何以知然？故論云：諸佛皆依二諦說法．

Nhị đế là hai chân lý: *thế đế* 世諦 (chân lý thế tục) và *chân đế* 眞諦 (chân lý tuyệt đối). Theo Cát Tạng, *nhị đế* có ba loại (ba tầng hoặc ba tiết):[5] «Các chùa truyền nhau lời của tổ Pháp Lãng ở chùa Hưng Hoàng nói rằng nhị đế có ba loại. Loại thứ nhất nói rằng: *hữu* là thế đế, *vô* là chân đế. Loại thứ hai nói rằng: hễ nói *hữu* hay *vô* thì đều là thế đế. Hễ nói *phi hữu, phi vô, bất nhị* thì đều là chân đế. [...] Loại thứ ba nói rằng: nhị đế có hai cực đoan *hữu* và *vô*, phủ định *hữu* và *vô* là tránh hai cực đoan. Nói có hai cực đoan hay nói không có hai cực đoan thì đều là thế đế; nói không có hai cực đoan hay phủ định không có hai cực đoan đều là chân đế. Bởi nhị đế có ba loại này, nên khi thuyết pháp ta phải dựa vào nhị đế. Hễ nói ra điều gì, thì ta không đi ra khỏi ba loại này.»[6]

Sở dĩ cần nói đến ba loại của nhị đế, bởi vì theo Cát Tạng: «Ba loại này của nhị đế đều có ý nghĩa dứt bỏ dần [tư duy thông thường], giống như cái khung nhấc lên từ mặt đất. Tại sao? Kẻ phàm phu cho rằng mọi pháp quả thực là *hữu* (tồn tại), chứ không họ biết rằng chúng không có nguyên do để tồn tại. Cho nên chư Phật giảng rằng mọi pháp rốt cuộc là không, và chúng không có nguyên do để tồn tại. Nói mọi pháp tồn tại, tức là nói theo ý nghĩa mà hạng phàm phu hiểu. Đó là chân lý thế tục (tục đế, phàm đế). Theo sự hiểu biết chân thực của bậc hiền thánh, mọi pháp vốn là không. Đó là chân lý tuyệt đối (chân đế, thánh đế). Nó khiến chúng sinh từ cõi tục bước vào cõi chân, bỏ phàm mà lấy thánh. Vì lý do đó, ở đây giảng rõ ý nghĩa của loại đầu tiên của nhị đế. Kế đến là loại thứ hai, giảng rằng [sự khẳng định] *hữu* (tồn tại) hoặc *vô* (không tồn

---

[5] **LAM chú: Cát Tạng dùng ba từ «chủng» 種 (loại), «trùng» 重 (tầng bậc), «tiết» 節 (tiết, đoạn). Tôi dịch thống nhất là *loại*.**

[6] **Cát Tạng, *Nhị Đế Chương*: «Sơn môn tương thừa, Hưng Hoàng tổ thuật, thuyết tam chủng nhị đế. Đệ nhất minh thuyết hữu vi thế đế, vô vi chân đế. Đệ nhị minh thuyết hữu thuyết vô, nhị tịnh thế đế. Thuyết phi hữu, phi vô, bất nhị, vi chân đế. [...] Đệ tam tiết nhị đế nghĩa. Thử nhị đế giả, hữu vô nhị, phi hữu vô bất nhị, thuyết nhị thuyết bất nhị vi thế đế, thuyết phi nhị phi bất nhị vi chân đế. Dĩ nhị đế hữu thử tam chủng, thị cố thuyết pháp tất y nhị đế. Phàm sở phát ngôn, bất xuất thử tam chủng dã.» 山門相承，興皇祖述，說三種二諦．第一明說有爲世諦，無爲眞諦．第二明說有說無，二並世諦．說非有，非無，不二，爲眞諦．[...] 第三節二諦義．此二諦者，有無二，非有無不二，說二說不二爲世諦，說非二非不二爲眞諦．以二諦有此三種，是故說法必依二諦．凡所發言，不出此三種也.- Derk Bodde tóm tắt: *Ba loại* (ba tầng hay ba tiết) *của thế đế*: 1- Khẳng định *hữu*. 2- Khẳng định *hữu* hoặc khẳng định *vô*. 3- Hoặc khẳng định cả *hữu* lẫn *vô* hoặc phủ định cả *hữu* lẫn *vô*. *Ba loại* (ba tầng hay ba tiết) *của chân đế*: 1- Khẳng định *vô*. 2- Phủ định cả *hữu* và *vô*. 3- Không khẳng định cả *hữu* lẫn *vô*, cũng không phủ định cả *hữu* lẫn *vô*. Như vậy, theo một cách thức tương đồng kỳ lạ với thuyết biện chứng của Hegel, tầng cao nhất của chân lý chỉ đạt được qua một loạt phủ định của phủ định cho đến khi chẳng còn gì để mà khẳng định hay phủ định.**

tại) là chân lý thế tục, còn sự phủ nhận cả *hữu* và *vô* là chân lý tuyệt đối. *Hữu* và *vô* là hai cực đoan; *hữu* là một cực đoan, *vô* là một cực đoan. Cho đến *thường* và *vô thường*, *sinh tử* và *niết bàn*, cũng đều là hai cực đoan. Hễ xem có hai cực đoan *chân* và *tục, sinh tử* và *niết bàn,* thì đó là chân lý thế tục. Hễ xem không có chân, không có tục, không có sinh tử, không có niết bàn, không có hai cực đoan, thì đó là trung đạo, là chân lý tuyệt đối (đệ nhất nghĩa đế). Kế đến là loại thứ ba, giảng rằng [sự khẳng định] hai cực đoan hoặc sự phủ nhận chúng đều là chân lý thế tục. Không khẳng định cả hai cực đoan và cũng không phủ nhận chúng thì đó là chân lý tuyệt đối. Trên đây có nói "hễ xem có hai cực đoan *chân* và *tục, sinh tử* và *niết bàn,* thì đó là chân lý thế tục; hễ xem không có chân, không có tục, không có sinh tử, không có niết bàn, không có hai cực đoan, đó là trung đạo, là chân lý tuyệt đối". Đó cũng là hai cực đoan. Tại sao? [Khẳng định] hai cực đoan tức là thiên lệch; phủ nhận hai cực đoan tức là ở giữa. Thiên lệch là một cực đoan; ở giữa là một cực đoan. Thiên lệch và ở giữa rốt cuộc cũng trở lại là hai cực đoan. Bởi còn hai cực đoan, nên gọi là chân lý thế tục. Không thiên lệch và không ở giữa, đó là trung đạo, là chân lý tuyệt đối. Chư Phật thuyết pháp chữa trị bệnh của chúng sinh không hề vượt ra khỏi ý này, do đó các ngài giảng nhị đế theo ba loại.»[7]

[7] **Cát Tạng, *Nhị Đế Chương*: «Thử tam chủng nhị đế, tịnh thị tiệm xả nghĩa, như tòng địa giá nhi khởi. Hà giả? Phàm phu chi nhân, vị chư pháp thực lục thị hữu, bất tri vô sở hữu. Thị cố chư Phật vi thuyết chư pháp tất cánh không vô sở hữu. Ngôn chư pháp hữu giả, phàm phu vị hữu. Thử thị tục đế, thử thị phàm đế. Hiển thánh chân tri chư pháp tính không, thử thị chân đế, thử thị thánh đế. Lệnh kỳ tòng tục nhập chân, xả phàm thủ thánh. Vi thị nghĩa cố, minh sơ tiết nhị đế nghĩa dã. Thứ đệ nhị trùng minh hữu vô vi thế đế, bất nhị vi chân đế giả, minh hữu vô thị nhị biên, hữu thị nhất biên, vô thị nhất biên. Nãi chí thường, vô thường, sinh tử, niết bàn, tịnh thị nhị biên, dĩ chân, tục, sinh tử, niết bàn thị nhị biên cố, sở dĩ vi thế đế; phi chân, phi tục, phi sinh tử, phi niết bàn, bất nhị trung đạo, vi đệ nhất nghĩa đế dã. Thứ đệ tam trùng, nhị dữ bất nhị vi thế đế, phi nhị phi bất nhị vi đệ nhất nghĩa đế giả. Tiền minh chân, tục, sinh tử, niết bàn, nhị biên thị thiên, cố vi thế đế; phi chân, phi tục, phi sinh tử, phi niết bàn, bất nhị trung đạo vi đệ nhất nghĩa. Thử diệc thị nhị biên, hà giả? Nhị thị thiên, bất nhị thị trung. Thiên thị nhất biên, trung thị nhất biên. Thiên chi dữ trung, hoàn thị nhị biên, nhị biên cố danh thế đế; phi thiên phi trung, nãi thị trung đạo đệ nhất nghĩa đế dã. Nhiên chư Phật thuyết pháp, trị chúng sinh bệnh, bất xuất thử ý, thị cố minh thử tam chủng nhị đế dã.»** 此三種二諦，並是漸捨義，如從地架而起．何者？凡夫之人，謂諸法實錄是有，不知無所有．是故諸佛爲說諸法畢竟空無所有．言諸法有者，凡夫謂有．此是俗諦，此是凡諦．賢聖眞知諸法性空，此是眞諦，此是聖諦．令其從俗入眞，捨凡取聖．爲是義故，明初節二諦義也．次第二重明有無爲世諦，不二爲眞諦者，明有無是二邊，有是一邊，無是一邊．乃至常，無常，生死，涅槃，並是二邊，以眞，俗，生死，涅槃是二邊故，所以爲世諦；非眞，非俗，非生死，非涅槃，不二中道，爲第一義諦也．次第三重，二與不二爲世諦，非二非不二爲第一義諦者．前明眞，俗，生死，涅槃，二邊是偏，故爲世諦；非眞，非俗，非生死，非涅槃，不二中道爲第一義．此

Có người hỏi Cát Tạng: «Nói đến hữu và vô là để diễn tả không có hữu và vô. Khi hiểu được rằng không có hữu và vô, vậy có vất bỏ [các lời nói về] hữu và vô hay không?» Nói cách khác, sở dĩ nói nhị đế là để mọi người hiểu rằng không có hai cực đoan; một khi hiểu rằng không có hai cực đoan, vậy thì có vất bỏ nhị đế hay không?

Cát Tạng đáp: «Sư giải thích rằng: vừa vất bỏ vừa không vất bỏ. Nói vất bỏ, tức là cái gì liên quan với tình thì phải vất bỏ. Tại sao? Cái tình trạng *hữu* mà ngươi thấy đều là cái mà ngươi cảm giác sai lầm [ngỡ nó là thật]. Giống như cái bình hay cái áo, đều là cái mà chúng sinh cảm giác sai lầm, vọng tưởng là thấy *hữu*, [...] do đó phải vất bỏ nó đi. Vì thế phải dùng *không* để vất bỏ *hữu*. Nhưng nếu ta chấp trước vào *không*, thì cũng phải vất bỏ *không*. Tại sao? Bởi vì vốn có *hữu* nên mới có *không*. Đã không còn *hữu*, sao lại có *không*? [...] Cái *không* và *hữu* này đều là gọi theo tình cảm, cho nên đều phải vất bỏ. [...] Tại sao? Bởi vì cái gì nhận thấy bằng tình cảm đều là hư vọng, nên phải vất bỏ nó. Hơn nữa, không những vất bỏ hư vọng, mà cũng không có cái thực. Bởi có hư, nên có thực. Đã không có hư, thì không có thực; nó hiển lộ chính đạo thanh tịnh. Nó cũng gọi là *pháp thân* (dharmakāya), cũng gọi là chính đạo, cũng gọi là thực tướng. Tuy nhiên, nó vượt trên cái bấy lâu nay được xem như vậy. Tại sao? Bấy lâu nay người ta cho rằng phải vất bỏ những phiền não do chấp vào tướng và vất bỏ quả báo sáu nẻo luân hồi do chấp vào tình. Vất bỏ sáu nẻo luân hồi sinh tử thì đắc như lai niết bàn. Nay hiểu rằng có sinh tử thì có niết bàn, hễ không có sinh tử thì không có niết bàn. Không sinh tử, không niết bàn. Sinh tử và niết bàn đều là hư vọng. Không sinh tử, không niết bàn, thì gọi là thực tướng. Đó là lấy cái hư vọng để phân biệt cái thực; nếu không có hư vọng thì không có cái thực. [...] Tại sao đều phải vất bỏ cả loại một cho đến loại ba của nhị đế? Lý do là gì? Phải vất bỏ chúng vì chúng đều thuộc về tình cảm.»[8]

亦是二邊，何者？二是偏，不二是中．偏是一邊，中是一邊．偏之與中，還是二邊，二邊故名世諦；非偏非中，乃是中道第一義諦也．然諸佛說法，治衆生病，不出此意，是故明此三種二諦也.

[8] Cát Tạng, *Nhị Đế Chương*: «Sư giải vân: cụ hữu phế bất phế nghĩa. Sở ngôn phế giả, tức vị tình biên, tức tu phế chi. Hà giả? Minh như sở kiến hữu giả, tịnh điên đảo sở cảm, như bình y đẳng, giai thị chúng sinh điên đảo sở cảm, vọng tưởng kiến hữu, [...] thị cố tu phế dã. Thử tắc dụng không phế hữu. Nhược cánh trứ không, diệc phục tu phế. Hà giả? Bản do hữu cố hữu không. Ký vô hữu, hà đắc hữu không? [...] Thử chỉ không hữu, giai thị tình vị, cố giai tu phế. [...] Hà dĩ cố? Vị tình sở kiến, giai thị hư vọng, cố phế chi dã. Hựu phi đãn phế vọng, diệc vô hữu thực. Bản hữu hư, cố hữu thực. Ký vô hư, tức vô thực, hiển thanh tịnh chính đạo. Thử diệc danh pháp thân, diệc danh chính đạo, diệc danh thực tướng dã. Nhiên thử dĩ bạt tòng lai dã. Hà giả? Tòng lai vân, thủ tướng phiền não, cảm lục đạo quả báo, thử tu phế. Phế lục đạo sinh tử, đắc như lai niết bàn. Kim minh hữu sinh tử khả hữu niết bàn, ký vô sinh tử, tức vô niết bàn. Vô sinh tử, vô niết bàn. Sinh

Ở phương diện này thì vất bỏ ba loại của nhị đế, nhưng ở phương diện khác thì không vất bỏ chúng. Cát Tạng nói: «Do có phương tiện mà ba loại của nhị đế không bị vất bỏ, tức là không huỷ hoại giả danh để nhằm thuyết minh thực tướng của mọi pháp. [Phật] trong cảnh giới giác ngộ và bất động mà kiến lập mọi pháp.[9] [...] Bởi giả danh cũng giống như thực tướng, lẽ nào lại vất bỏ nó? [...] Khi [ta đạt tới cảnh giới mà] hữu trở nên không, và không trở nên hữu, hai mà không phải hai, không phải hai mà là hai, thì dù ngang hay dọc cũng không có trở ngại gì. Cho nên sư Tăng Triệu nói: "Nếu ta muốn khẳng định là chúng tồn tại, thì sự tồn tại ấy chẳng phải là sự tồn tại tuyệt đối (chân sinh). Nếu ta muốn khẳng định là chúng không tồn tại, thì các hiện tượng của sự vật đã có hình." Lại nói: "Thí dụ như người ảo hoá [do phép thuật biến ra], chẳng phải không có người ảo hoá, nhưng người ảo hoá này chẳng phải là người

---

tử niết bàn, giai thị hư vọng. Phi sinh tử, phi niết bàn, nãi danh thực tướng. Nhất vãng đối hư biện thực, nhược vô bỉ hư, tức vô hữu thực dã. [...] Hà dĩn sơ tiết nhị đế tu phế, nãi chí độ tam chủng giai tu phế. Hà dĩ cố? Thử giai vị tình, cố tu phế chi dã.» 師解云：具有廢不廢義。所言廢者，約謂情邊，即須廢之。何者？明汝所見有者，並顛倒所感，如瓶衣等，皆是顛倒衆生所感，妄想見有，[...] 是故須廢也。此則用空廢有。若更著空，亦復須廢。何者？本由有故有空。既無有，何得有空？[...] 此之空有，皆是情謂，故皆須廢。[...] 何以故？謂情所見，皆是虛妄，故廢之也。又非但廢妄，亦無有實。本有虛，故有實。既無虛，即無實，顯清淨正道。此亦名法身，亦名正道，亦名實相也。然此已拔從來也。何者？從來云，取相煩惱，感六道果報，此須廢。廢六道生死，得如來涅槃。今明有生死可有涅槃，既無生死，即無涅槃。無生死，無涅槃。生死涅槃，皆是虛妄。非生死，非涅槃，乃名實相。一往對虛辨實，若無彼虛，即無有實也。[...] 何但初節二諦須廢，乃至第三種皆須廢。何以故？此皆謂情，故須廢之也。– **LAM chú:** ***Pháp thân:*** **Theo Phật giáo Đại Thừa, Phật có ba thân (*tam thân* 三身, trikāya): (1) *pháp thân* 法身 (dharma-kāya) đồng nhất với thực tại tuyệt đối (ultimate reality); pháp thân là chân thân 眞身 của Phật, lấy chính pháp 正法 làm thể; (2) *báo thân* 報身 (sambhoga-kāya) là thân khi công đức tu phúc và huệ của chư Phật đã viên mãn, tức là thân khi Phật quả đã hoàn thành; và (3) *hoá thân* 化身 hay *ứng thân* 應身 (nirmāna-kāya) là thân được ứng hoá để giảng dạy chúng sinh con đường giải thoát. Do trí huệ mà Phật đạt được pháp thân; do công đức bố tát phổ độ chúng sinh mà Phật đạt được báo thân. Không chỉ chư Phật có được ba thân, mà mọi chúng sinh rồi cũng có ba thân bởi vì mọi chúng sinh đều có Phật tính, đều là những «Phật sẽ thành» (potential Buddhas). Tam thân của Phật bất khả phân, nghĩa là cùng tồn tại (co-existent).– *Lục đạo luân hồi* = sáu nẻo tái sinh: (1) địa ngục 地獄 (naraka), (2) ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói: preta), (3) súc sinh 畜生 (tiryagyoni), (4) a tu la 阿修羅 (ác thần: asura), (5) nhân 人 (người: manuṣya), (6) thiên 天 (trời: deva).**

[9] **LAM chú: Câu «Bất động đẳng giác, kiến lập chư pháp» 不動等覺，建立諸法 trong *Phóng Quang Kinh*. Xin xem lại chú thích 63 của chương 7.**

chân thực." [...] Mọi pháp cũng đúng như vậy nên ta không vất bỏ chúng.»[10]

Khi trích dẫn Tăng Triệu như vậy, Cát Tạng cho chúng ta thấy sự tương đồng giữa thuyết của ông và thuyết bất chân không của Tăng Triệu. Chẳng qua Cát Tạng chú trọng ba loại (ba tầng hay ba tiết) của nhị đế cần phải vất bỏ mà thôi. Đó chính là thuyết *không tông* (śūnyatā) của Đại Thừa. Hình thượng học (tức siêu hình học) của tông này tuy khác với hình thượng học của Đạo gia, nhưng ý tưởng «thực tướng nhất thiết giai phi» 實相一切皆非 (mọi thực tướng đều không có) mà tông này nói, nếu xét ở bề mặt, thì khá tương đồng với «Đạo thường vô danh» 道常無名 (Đạo luôn không tên) của *Lão Tử* (chương 32) và «bất tri vô ngôn» 不知無言 (không biết và không nói) của *Trang Tử* (Thiên Đạo).[11] Cho nên đó cũng là điều mà một số nhà Phật học Trung Quốc vui mừng.

2. Thành Duy Thức Luận của Huyền Tăng

Cho đến đời Đường, Huyền Tăng 玄奘 (bấy lâu bị đọc sai là Huyền Trang)[12] lại có sự trình bày một cách hệ thống đối với Phật học. Huyền Tăng vốn họ Trần, người quê ở Câu Thị 緱氏, sinh cuối đời Tuỳ, xuất gia năm 13 tuổi. Năm Trinh Quán 貞觀 thứ 3 (tức năm 629 CN) đời Đường Thái Tông, ông bấy giờ 26 tuổi, bắt đầu đi Ấn Độ cầu Phật pháp. Đến năm Trinh Quán 19 (tức năm 645 CN), ông trở về Trường An. Ông mất năm Lân Đức 麟德 nguyên niên (tức năm 664 CN) đời Đường Cao Tông. Ngoài sự nghiệp phiên dịch kinh Phật, trọn đời Huyền Tăng giới thiệu tư tưởng của Thế Thân 世親 (Vasubandhu, thế kỷ IV hoặc V) và Hộ Pháp 護法 (Dharmapāla, thế kỷ V hoặc VI) cho Phật học Trung

---

[10] **Cát Tạng, *Nhị Đế Chương*: «Hữu phương tiện tam bất phế giả, tức bất hoại giả danh, thuyết chư pháp thực tướng. Bất động đẳng giác, kiến lập chư pháp. [...] Duy giả danh tức thực tướng, khởi tu phế chi? [...] Tư tức không hữu, hữu không, nhị bất nhị, bất nhị nhị, hoành thụ vô ngại. Cố Triệu sư vân: "Dục ngôn kỳ hữu, hữu phi chân sinh, dục ngôn kỳ vô, sự tượng kỳ hình." Hựu vân: "Thí như ảo hoá nhân. Phi vô ảo hoá nhân, ảo hoá nhân phi chân nhân dã." [...] Chư pháp diệc nhĩ, cố bất phế dã.»** 有方便三不廢者，即不壞假名，說諸法實相．不動等覺，建立諸法．[...] 唯假名即實相，豈須廢之？[...] 斯即空有，有空，二不二，不二二，橫豎無礙．故肇師云："欲言其有，有非眞生，欲言其無，事像既形．"又云："譬如幻化人．非無幻化人，幻化人非眞人也．" [...] 諸法亦爾，故不廢也.

[11] **LAM chú: *Trang Tử* (Thiên Đạo) và *Lão Tử* (chương 56): «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.»** 知者不言，言者不知 **(Kẻ biết thì không nói, kẻ nói thì không biết).**

[12] **LAM chú: Xưa nay 玄奘 bị phiên âm sai có hệ thống là «Huyền Trang». *Khang Hi* phiên 奘 là: *tổ lãng thiết* 祖朗切, *tài lãng thiết* 才朗切, *tại đãng thiết* 在黨切, *tài lãng thiết âm tàng* 才浪切音葬; *Từ Hải* phiên là: *tự lãng thiết dưỡng vận* 字朗切養韻. Vậy phải đọc 奘 là *tăng*, và phải đọc 玄奘 là Huyền Tăng.**

Quốc.[13] Sau khi từ Ấn Độ trở về, toàn bộ tinh lực của ông tập trung vào việc phiên dịch kinh Phật. Có thể nói ông là người giới thiệu Phật học trung thực nhất, cho nên trong tông phái mà ông đề xướng (tức Pháp Tướng Tông) có rất ít khuynh hướng tư tưởng của người Trung Quốc, nhưng giáo nghĩa thì có rất nhiều tính chất triết học. Sau đây, theo *Thành Duy Thức Luận* 成唯識論 (Vijñaptimātratā-siddhi) của ông viết, tôi lược thuật ý nghĩa Duy Thức để so sánh với Phật học theo khuynh hướng tư tưởng của người Trung Quốc.

---

[13] **LAM chú: Huyền Tăng năm mất là 664 nhưng năm sinh thì có nhiều thuyết: Đa số dựa theo H.A.Giles cho là 600; Phùng Hữu Lan nói năm 629 Huyền Tăng đi Ấn Độ cầu pháp, bấy giờ 26 tuổi, tức là ông sinh năm 603; Derk Bodde chép là 596; *Phật Quang Đại Từ Điển* nói khoảng 602; Trung Quốc Phật Giáo Hiệp Hội cho là 600.**

Huyền Tăng 玄奘 người huyện Câu Thị 緱氏, thuộc Lạc Châu 洛州 (nay là huyện Yển Sư 偃師, tỉnh Hà Nam); trước khi xuất gia họ là Trần 陳, tên là Huy 褘. Tổ tiên ông mấy đời làm quan. Cha ông là Trần Huệ 陳惠 từng làm quan lệnh ở Giang Lăng, đến năm Đại Nghiệp (tức 605) đời Tuỳ thì từ quan về ở ẩn. Người anh thứ hai của Trần Huy tên là Trần Tố 陳素 đã xuất gia, pháp danh Trường Tiệp 長捷, ở chùa Tịnh Độ 淨土 tại Lạc Dương. Bấy giờ cảnh nhà sa sút, ông đến chùa ở với anh và tu học. Đến năm 612, nhân dịp Lạc Dương tổ chức thi tuyển tăng, ông xin xuất gia. Lúc đầu quan giám khảo là Trịnh Thiện Quả 鄭善果 không nhận vì ông còn nhỏ quá, nhưng sau thấy ông đối đáp xuất chúng bèn đặc cách tuyển ông làm sa di, vẫn ở chùa Tịnh Độ. Năm 618, do loạn lạc, ông và anh là Trần Tố (tức pháp sư Trường Tiệp) cùng với pháp sư Đạo Cơ 道基 đến Trường An, và năm 622 ông thụ cụ túc giới.

Huyền Tăng nghe nhiều sư thuyết giảng, thấy lời lẽ bất nhất, bèn muốn sang Ấn Độ (bấy giờ gọi là Thiên Trúc) cầu Phật pháp; nhưng mấy lần xin đi mà triều đình không thuận. Khoảng năm 627 (hoặc 629) miền bắc xảy ra nạn đói lớn, triều đình cho phép dân chúng đi tứ xứ tự kiếm ăn. Nhân dịp này Huyền Tăng lẻn trốn đi Ấn Độ. Ông độc hành gian khổ qua Cam Túc, Đôn Hoàng, Thổ Phồn (tại đây vua Thổ Phồn viết thư giới thiệu ông với các quốc vương khác), Tashkent, Samarkand, Bactria, Hindu Kush, Gandhara. Ông đã băng qua sa mạc và các rặng núi Trung Á. Năm 631, ông đến Kashmir; rồi đến đại học Phật giáo danh tiếng Na Lan Đà 那蘭陀 (Nālandā), Ấn Độ, năm 633.

Sau khi tu học và viếng thăm nhiều nơi của Ấn Độ, ông trở về nước, đến Trường An năm 645. Ông mang về 657 bộ kinh Phật bằng tiếng Phạn và nhiều tranh tượng thờ. Đường Thái Tông (Lý Thế Dân, tại vị 600-649) hết sức trọng vọng và cung phụng ông, ban cho ông hiệu «Tam Tạng pháp sư» 三藏法師, và mời ông trụ trì chùa Hoằng Phúc 弘福 để dịch kinh. Năm 646-648, ông hoàn thành tác phẩm *Đại Đường Tây Vực Ký* 大唐西域記, ghi chép cuộc tây du của mình qua 138 (?) xứ ở Trung Á và Ấn Độ. Đến nay tác phẩm này vẫn còn rất giá trị, cung cấp thông tin về phong tục, địa lý, khảo cổ, v.v... của các nước thuộc Trung Á thế kỷ VII. (Tác phẩm này đã được Thomas Watters dịch sang tiếng Anh: *On Yuan Chwang's Travels in India, 629-645*, 2 quyển, London, 1904-1905).

Năm 653, Đường Cao Tông (Lý Trị, tại vị 650-683) thỉnh ông trụ trì chùa Từ Ân 慈恩. Năm 657, Cao Tông biến cung Ngọc Hoa 玉華 thành chùa và thỉnh ông về. Ông phiên dịch nhiều kinh điển cơ bản của Du Già Hạnh Phái 瑜伽行派 (Yogācāra, tức Pháp Tướng Tông) sang Hán văn, như: Prajñāpāramitā-sūtra (*Bát Nhã Ba La Mật Kinh* 般若波羅蜜經, 600 quyển), Yogācāra-bhūmi-śāstra (*Du Già Sư Địa Luận* 瑜伽師地論, viết tắt là *Du Già*

a. Duy Thức dạy cùng lìa **không** *và* **hữu** *(song ly không hữu)*

Theo lý thuyết của tông phái này,[14] mọi chúng sinh đều có hai thứ: *ngã chấp* 我執 và *pháp chấp* 法執. *Ngã chấp* nghĩa là tin rằng *ngã* (ātman= cái tôi) là có thật (thực hữu). *Pháp chấp* nghĩa là tin rằng *pháp* (dharma = mọi sự vật) là có thật (thực hữu). Mục đích của Duy Thức dạy là nhằm phá bỏ hai thứ chấp ấy để hiển thị hai cái không: *ngã không* 我空 và *pháp không* 法空 (ngã và pháp đều là không). *Thành Duy Thức Luận* cho rằng cái gọi là ngã và pháp chỉ là giả lập, chúng không có tính chân thực. Mọi hiện tướng của ngã và pháp đều biến hoá theo *thức* 識 (vijñāna) mà giả lập. *Thức* gọi là *liễu biệt* 了別 (nhận biết, phân biệt), tức là cái mà triết học Tây phương gọi là *tâm* (tương đối với *vật*). Thức có thể biến hoá, nên ngã và pháp là do thức biến hoá. Thức có thể biến hoá này có tám loại (bát thức 八識: asta-vijñānāni), mà Thế Thân phân ra làm ba nhóm: *dị thục thức* 異熟識 (vipāka-vijñāna), *tư lượng thức* 思量識 (mayanā-vijñāna), và *liễu biệt cảnh thức* 了別境識 (vijñapti-vijñāna). *Dị thục thức* là thức thứ tám (*a-lại-da thức* 阿賴耶識); *tư lượng thức* là thức thứ bảy (*mạt-na thức* 末那識), và *liễu biệt cảnh thức*

Luận), Abhidharmakośa-bhāsya (*A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận* 阿毘達磨俱舍論, dịch khoảng năm 651-654; trước đó, Chân Đế 眞諦 [Paramārtha] đã dịch khoảng năm 563-567) của Vasubandhu (Thế Thân 世親); Mahāyāna-saṃparigraha-śāstra (*Nhiếp Đại Thừa Luận* 攝大乘論) của Asanga (Vô Trước 無著), Triṃśikā-vijñaptimātratā-siddhi (*Duy Thức Tam Thập Luận* 唯識三十論) và Viṃśatikā-vijñaptimātratā-siddhi (*Duy Thức Nhị Thập Luận* 唯識二十論) của Vasubandhu, v.v... Ngoài ra, ông còn viết Vijñaptimātratā-siddhi (*Thành Duy Thức Luận* 成唯識論) tổng luận và phê bình các tác phẩm của 10 vị Du Già sư nổi tiếng. Ông còn dịch *Lão Tử Đạo Đức Kinh* và *Đại Thừa Khởi Tín Luận* 大乘起信論 (của Mã Minh 馬鳴) sang tiếng Phạn. Trong số các đệ tử của ông, nổi tiếng nhất là Khuy Cơ 窺基 (632-682). Ngày 5 tháng 2, Lân Đức nguyên niên (tức năm 664), Huyền Tăng viên tịch. Sau khi ông viên tịch, Cao Tông hết sức thương tiếc, cho bãi triều ba ngày, ban thuỵ hiệu cho ông là «Đại Biến Giác» 大遍覺, cho xây tháp ở Phàn Xuyên 樊川. Năm 875, khi Hoàng Sào nổi loạn, linh cốt được đưa về Nam Kinh. Năm 1851, khi loạn Thái Bình Thiên Quốc xảy ra, tháp bị xiêu lạc, không ai biết. Trong chiến tranh Trung-Nhật (1937-1945), người Nhật vào Nam Kinh, làm đường sá, khi đào đường tình cờ phát hiện được linh cốt của Huyền Tăng, bèn đưa về Nhật. Về sau Nhật chỉ trả lại một phần xương đầu. Năm 1961, phần linh cốt này được thờ phụng tại chùa Huyền Tăng, huyện Nam Đầu 南投, Đài Loan. – Tham khảo: *Phật Quang Đại Từ Điển* (tr.2024-2028); *Trung Quốc Phật Giáo Sử Thoại* (tr.204-217); *Trung Quốc Phật Giáo* (của Trung Quốc Phật Giáo Hiệp Hội, quyển 2, tr.121-127); *The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion* (Shambhala, Boston, 1994, tr.140-141); *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms (Trung Anh Phật Học Từ Điển)* của Soothill và Hodous (bản điện tử); *Combined Digital Dictionaries of Buddhism and East Asean Literary Terms (Từ Điển Điện Tử Kết Hợp Phật Học Và Văn Học Đông Á)* của Charles Muller.

[14] LAM chú: Tức là Pháp Tướng Tông 法相宗 (= Hữu Tông 有宗, Tướng Tông 相宗, Duy Thức Tông 唯識宗, Từ Ân Tông 慈恩宗). Xin xem lại chú thích 10 của chương 7 trên đây.

là sáu thức đầu (*nhãn thức* 眼識, *nhĩ thức* 耳識, *tỵ thức* 鼻識, *thiệt thức* 舌識, *thân thức* 身識, *ý thức* 意識).[15]


玄奘法師

Huyền Tăng Pháp Sư

Nếu biết ngã và pháp chỉ là dựa theo thức mà chuyển biến và giả lập, chứ chúng không có tính chân thực, vậy thì chúng ta đạt được *ngã không* và *pháp không*. Tuy nhiên, cái thức mà ngã và pháp dựa vào lại là thực hữu, cho nên ta không thể nói tất cả đều là không. Khuy Cơ 窺基 (632-682) nói: «Do đó mà biết thể tính của nội thức chẳng phải là vô; thể tính của ngã và pháp ở ngoài tâm chẳng phải là hữu. Chúng ta cần loại trừ sự *tăng chấp*, bởi nó cho rằng cảnh ở ngoài tâm là có thật. Chúng ta cũng cần loại trừ tà kiến (tức là sự *giảm chấp*): bởi chấp không nên gạt bỏ thức, xem nó là vô, tức là giảm tất cả thành không. Cùng lìa bỏ không và hữu là thuyết Duy Thức dạy. Hễ chấp các pháp ở ngoài tâm thì sẽ luân hồi sinh tử. Hễ giác ngộ chỉ có một tâm thì sinh tử vĩnh viễn bị vất bỏ.»[16]

---

[15] **LAM chú: Bát thức là tám loại của thức. Năm thức đầu (*ngũ thức* 五識) ứng với năm giác quan (*nhãn thức* 眼識, *nhĩ thức* 耳識, *tỵ thức* 鼻識, *thiệt thức* 舌識, *thân thức* 身識); thức thứ sáu là *ý thức* 意識; thức thứ bảy là *mạt-na thức* 末那識; thức thứ tám là *a-lại-da thức* 阿賴耶識. Bảy thức đầu khởi lên từ thức thứ tám, nên bảy thức đầu gọi là *chuyển thức* 轉識; còn thức thứ tám gọi là *bản thức* 本識 (*tàng thức* 藏識 hay *chủng tử thức* 種子識).**

[16] **Khuy Cơ, *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký* 成唯識論述記: «Do thử nội thức thể tính phi vô; tâm ngoại ngã pháp thể tính phi hữu. Tiện già ngoại kế ly tâm chi cảnh thực hữu tăng chấp; cập già tà kiến ác thủ không giả, bát thức diệc vô, tổn giảm không chấp. Tức ly không hữu, thuyết Duy Thức giáo. Hữu tâm ngoại pháp, luân hồi sinh tử. Giác tri nhất tâm, sinh tử vĩnh khí.»** 由此內識體性非無;心外我法體性非有.便遮外計離心之境實有增執;及遮邪見惡取空者,撥識亦無,損減空執.即離空有,說唯識教.有心外法,輪迴生死.覺知一心,生死永棄.

Nói rằng có sự tồn tại của ngoại cảnh ở ngoài tâm, tức là *tăng chấp* 增執, tức là tăng thêm cho chân tướng của sự thực. Nói rằng thức cũng không tồn tại, tức là *giảm chấp* 減執, tức là giảm đi chân tướng của sự thực. *Thành Duy Thức Luận* cho rằng cảnh thì vô mà thức thì hữu; cho nên Khuy Cơ nói «cùng lìa bỏ không và hữu là thuyết Duy Thức dạy». Tuy nhiên đó mới là bước thứ nhất của thuyết Duy Thức. Nói cho cùng thì thức cũng dựa theo cái khác mà khởi. Điều này sẽ được nói rõ ở phần «Tam tính, tam vô tính, chân như» dưới đây.

b. Bốn phần của Thức

Thành Duy Thức Luận nói: «Khi thức hữu lậu (*hữu lậu thức* 有漏識 = thức phiền não) sinh ra, nó tự thể hiện thành hai tướng là *sở duyên* 所緣 (cái được gây ra = đối tượng) và *năng duyên* 能緣 (cái gây ra = chủ thể). Hai tướng ấy ứng với pháp, ta nên biết như thế. Tướng như sở duyên thì gọi là *tướng phần* 相分 (phần được nhận thức). Tướng như năng duyên thì gọi là *kiến phần* 見分 (phần nhận thức). [...] Cái tự thể mà tướng phần và kiến phần dựa vào được gọi là sự, tức là *tự chứng phần* 自證分 (phần tự làm chứng). Nếu không có phần thứ ba này, ta không thể tự nhớ được sự vật do tâm và hoạt động của tâm tạo ra. [...] Nếu phân biệt kỹ, [...] [ta thấy còn có] phần thứ tư là *chứng tự chứng phần* 證自證分 (phần làm chứng cho tự chứng). Nếu không có phần thứ tư này, ai làm chứng cho phần thứ ba?»[17]

Chữ *lậu* là cách gọi khác của *phiền não* (kleśa). Thức mang lấy

---

[17] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhiên hữu lậu thức tự thể sinh thời, giai tự sở duyên năng duyên tướng hiện. Bỉ tướng ứng pháp, ưng tri diệc nhĩ. Tự sở duyên tướng, thuyết danh tướng phần. Tự năng duyên tướng, thuyết danh kiến phần. [...] Tướng kiến sở y tự thể danh sự, tức tự chứng phần. Thử nhược vô giả, ưng bất tự ức tâm tâm sở pháp. [...] Nhược tế phân biệt, [...] phục hữu đệ tứ chứng tự chứng phần. Thử nhược vô giả, thuỳ chứng đệ tam?»** 然有漏識自體生時，皆似所緣能緣相現．彼相應法，應知亦爾．似所緣相，說名相分．似能緣相，說名見分．[...] 相見所依自體名事，即自證分．此若無者，應不自憶心心所法．[...] 若細分別，[...] 復有第四證自證分．此若無者，誰證第三?- **LAM chú: *Lậu* 漏 (āsrava) nguyên nghĩa là «rò rỉ, tiết lậu», ám chỉ sự rò rỉ không ngừng từ *lục căn* 六根 (nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý), tức là hoạt động dựa trên vô minh do đó sinh ra luân hồi, phiền não, tạp nhiễm. *Lậu* hay *hữu lậu* được xem như đồng nghĩa với *phiền não* 煩惱 (kleśa); *lậu tận* 漏盡 (āsrava-kṣaya) hay *vô lậu* 無漏 (anāsrava) tức là *niết bàn* 涅槃 (nirvāṇa); *phiền não* 煩惱 (kleśa) có sáu loại cơ bản: *tham* 貪 (tham ái: raga), *sân* 瞋 (giận dữ: pratigha), *si* 癡 (ngu si: moha), *mạn* 慢 (kiêu căng: māna); *nghi* 疑 (nghi ngờ: vicikitsā), *ác kiến* 惡見 (quan điểm sai lầm: dṛṣṭi).- *Sở duyên* 所緣 (ālambana) = cái được gây ra; *năng duyên* 能緣 (sālambana) = cái gây ra.- *Tướng phần* (lakṣaṇa-bhāga) là các hiện tượng của tâm (mental phenomena), là cảnh do tâm biến hiện, là đối tượng được nhận thức; *kiến phần* (darśana-bhāga) là chức năng phân biệt các hiện tượng ấy, là chủ thể nhận thức tướng phần; *tự chứng phần* (svasaṃvtti-bhāga) là chức năng chứng tri kiến phần; *chứng tự chứng phần* (svasaṃvtti-saṃvtti-bhāga) là chức năng chứng tri tự chứng phần. Mỗi một thức trong bát thức đều được phân làm bốn phần.**

phiền não gọi là *lậu thức*, hay *hữu lậu thức*. Thức tức là phân biệt, cho nên khi tự thể của thức hữu lậu sinh ra, thì nó phân biệt cái được phân biệt; như vậy ắt phải có *cái phân biệt* (năng liễu biệt) và *cái được phân biệt* (sở liễu biệt). *Cái phân biệt* tức là *cái gây ra* (năng duyên); *cái được phân biệt* là đối tượng của cái gây ra, tức là *cái được gây ra* (sở duyên). Bởi có *cái gây ra*, nên có *cái được gây ra*. *Cái được gây ra* cũng là cái do thức biến hoá ra. Cái tự thể của thức mà *tướng phần* và *kiến phần* dựa vào, đối với sự tri thức của chính mình, gọi là *tự chứng phần*. Tự chứng phần là sự tự giác của thức, mà sự tự giác của sự tự giác này tức là phần thứ tư: *chứng tự chứng phần*.

Thức có thể biến ra ngã tướng và pháp tướng. *Thành Duy Thức Luận* nói: «*Biến* 變 có nghĩa là thức chuyển thành hai phần.» Hai phần này tức là tướng phần và kiến phần. Lại nói: «Nương theo hai phần đó mà lập ra ngã và pháp.» Sự thiết lập này là giả lập. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Cái ngã tướng và pháp tướng này tuy ở bên trong thức, nhưng do phân biệt [sai lầm] mà giống như hiện ra ở ngoại cảnh. Cho nên các loài hữu tình từ lúc chưa có khởi thuỷ đến nay đã theo đó mà tin rằng ngã và pháp đều là thật. Giống như kẻ nằm mộng, do sức mạnh của giấc mộng, mà tâm hiện ra vô số ngoại cảnh; hắn theo đó mà tin rằng chúng là ngoại cảnh thật. Cái mà kẻ ngu cho là thực ngã và thực pháp thì đều không có thật. Chúng chỉ tuỳ theo vọng tình mà thiết lập, cho nên nói chúng là giả tạo. Cái ngã và pháp được biến hoá trong thức tuy có nhưng chẳng có tính chất của thực ngã và thực pháp. Tuy nhiên, chúng như thể hiện ra, cho nên nói chúng là giả. Bởi ngoại cảnh tuỳ theo vọng tình mà thiết lập, cho nên chúng không phải là hữu (tồn tại) như thức. Thức bên trong tất theo nhân duyên mà sinh, cho nên nó không phải là vô (không tồn tại) như ngoại cảnh.»[18]

---

[18] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thử ngã pháp tướng tuy tại nội thức, nhi do phân biệt tự ngoại cảnh hiện. Chư hữu tình loại, vô thuỷ thời lai, duyên thử chấp vi thực ngã thực pháp. Như hoạn mộng giả hoạn mộng lực cố, tâm tự chủng chủng ngoại cảnh tương hiện, duyên thử chấp vi thực hữu ngoại cảnh. Ngu phu sở kế thực ngã thực pháp đô vô sở hữu, đãn tuỳ vọng tình nhi thi thiết cố, thuyết chi vi giả. Nội thức sở biến tự ngã tự pháp, tuy hữu nhi phi thực ngã pháp tính. Nhiên tự bỉ hiện, cố thuyết vi giả. Ngoại cảnh tuỳ tình nhi thi thiết cố, phi hữu như thức. Nội thức tất y nhân duyên sinh cố, phi vô như cảnh.»** 此我法相雖在內識，而由分別似外境現．諸有情類．無始時來，緣此執爲實我實法．如患夢者患夢力故，心似種種外境相現，緣此執爲實有外境．愚夫所計實我實法都無所有，但隨妄情而施設故，說之爲假．內識所變似我似法，雖有而非實我法性．然似彼現，故說爲假．外境隨情而施設故，非有如識．內識必依因緣生故，非無如境．

Ngoại cảnh không phải là hữu (tồn tại) như thức; thức bên trong không phải là vô (không tồn tại) như ngoại cảnh. Lìa bỏ hai cực đoan là phù hợp với trung đạo. Tuy nhiên đây chỉ là bước giảng giải đầu tiên của Duy Thức Luận.

c. Đệ nhất năng biến (a-lại-da *thức*)

Đệ nhất năng biến (thức có thể biến thứ nhất) là *a-lại-da* thức. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Cái thức có thể biến đầu tiên thì Đại Thừa và Tiểu Thừa đều gọi là *a-lại-da* 阿賴耶. Thức này có các nghĩa là: *cái tàng chứa* (năng tàng 能藏), *cái được tàng chứa* (sở tàng 所藏), và *tàng chứa* (chấp tàng 執藏). Nói cách khác, nó và các yếu tố tạp nhiễm nương nhau mà tạo thành. Chúng sinh hữu tình cho rằng nó là *nội ngã* (bản ngã bên trong) của mình. [...] Thức này có thể dẫn dắt đến các cõi tái sinh, do kết quả chín muồi của thiện nghiệp và ác nghiệp, cho nên nó cũng gọi là *dị thục* (chín muồi khác nhau). [...] Thức này có thể nắm chặt các hạt giống của chư pháp, không để chúng mất đi, cho nên nó cũng gọi là *nhất thiết chủng* (mọi hạt giống).»[19]

Thức thứ tám (*a-lại-da thức*) nghĩa là *tàng thức* 藏識, bởi vì nó gồm có *cái tàng chứa* (năng tàng 能藏) và *cái được tàng chứa* (sở tàng 所藏). Nó còn gọi là *dị thục thức* 異熟識 bởi vì các quả mà nó sinh ra thì chín muồi ở các thời điểm khác nhau và thứ loại khác nhau. Nó còn gọi là *chủng tử thức* 種子識 bởi vì nó chứa những hạt giống của các pháp, tức là những hạt giống của mọi sự vật thế gian và xuất thế gian.

Thành Duy Thức Luận cho rằng các hạt giống của các pháp chứa trong tàng thức đều là bản tính tự có, chứ chẳng phải do *huân tập* 熏習 (vāsanā: xông tẩm) mà sinh ra, nhưng sức huân tập khiến chúng tăng trưởng. Nói cách khác, các hạt giống này tự có sẵn trong tàng thức chứ không phải do bảy thức kia huân tập thì mới bắt đầu có. Tuy nhiên, theo *Thành Duy Thức Luận*, cũng có thuyết cho rằng: «Các hạt giống này đều do huân tập mà sinh ra. Cả cái được huân tập và cái huân tập đều có từ thuở vô thuỷ (thuở chưa có khởi đầu). Cho nên các hạt giống này thành tựu từ vô thuỷ.

---

[19] ***Thành Duy Thức Luận*: «Sơ năng biến thức, đại tiểu thừa giáo, danh a-lại-da. Thử thức cụ hữu năng tàng, sở tàng, chấp tàng nghĩa cố, vị dữ tạp nhiễm hỗ vi duyên cố, hữu tình chấp vi tự nội ngã cố. [...] Thử thị năng dẫn chư giới thú sinh thiện bất thiện nghiệp dị thục quả cố, thuyết danh dị thục. [...] Thử năng chấp trì chư pháp chủng tử lệnh bất thất cố, danh nhất thiết chủng.»** 初能變識，大小乘教，名阿賴耶. 此識具有能藏所藏執藏義故，謂與雜染互爲緣故，有情執爲自內我故. [...] 此是能引諸界趣生善不善業異熟果故，說名異熟. [...] 此能執持諸法種子令不失故，名一切種.

Các hạt giống này vốn là tên khác của *tập khí* 習氣. Tập khí ắt do huân tập mà có, giống như hương thơm của cây gai là do hoa của nó xông lên.»[20]

Cây gai vốn không có hương thơm, nhờ hoa của nó xông lên mà thơm. Cả cái được huân tập và cái huân tập đều có từ vô thuỷ. Cho nên các hạt giống này thành tựu từ vô thuỷ. Lại có một thuyết nữa, cho rằng có hai loại hạt giống. Một loại là vốn có sẵn (bản hữu 本有), một loại là mới bắt đầu có (thuỷ khởi 始起). Thuyết này nhằm điều hoà hai thuyết trên.

Chủng tử (hạt giống) cũng có thể phân làm hai loại: *hữu lậu chủng tử* 有漏種子 (tức là nguyên nhân của mọi pháp thế gian) và *vô lậu chủng tử* 無漏種子 (tức là nguyên nhân của mọi pháp xuất thế gian). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Do đấy chúng ta phải tin rằng các loài hữu tình (tức chúng sinh), từ thuở vô thuỷ đến nay, vốn có *vô lậu chủng*; nó không do huân tập mà sinh; pháp do đó thành tựu. Về sau, chúng sinh tiến triển tốt hơn, sự huân lập khiến cho chủng tử tăng trưởng. *Vô lậu pháp* 無漏法 (pháp xuất thế gian) khởi lên là do nguyên nhân đó. Khi vô lậu pháp khởi lên, nó lại huân tập tạo thành những vô lậu chủng mới. Còn về chủng tử của *hữu lậu pháp* 有漏法 (pháp thế gian), chúng ta phải biết rằng chúng cũng giống như vậy.»[21]

Ý trên đây nói rằng chủng tử của các pháp trong tàng thức là do bảy thức kia huân tập mà tạo thành và tăng trưởng. Tàng thức là cái được huân tập (sở huân 所熏), bảy thức kia là cái huân tập (năng huân 能熏). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Như vậy thức huân tập và thức được huân tập cùng sinh cùng diệt; đó là ý nghĩa của huân tập. Trong thức được huân tập (tức tàng thức), chủng tử được làm cho sinh trưởng giống như cây gai được [hoa của nó] xông cho thơm; nên gọi là huân tập. Ngay khi các chủng tử được sinh ra, các thức huân tập (tức bảy thức đầu) có thể làm nguyên nhân để huân tập và làm chín muồi chủng tử. Ba cách ấy

---

[20] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chủng tử giai huân cố sinh, Sở huân năng huân, câu vô thuỷ hữu cố, chư chủng tử vô thuỷ thành tựu. Chủng tử ký thị tập khí dị danh, tập khí tất do huân tập nhi hữu, như ma hương khí, hoa huân cố sinh.»** 種子皆熏故生. 所熏能熏, 俱無始有故, 諸種子無始成就. 種子既是習氣異名, 習氣必由熏習而有, 如麻香氣, 華熏故生.

[21] ***Thành Duy Thức Luận*: «Do thử ưng tín hữu chư hữu tình, vô thuỷ thời lai, hữu vô lậu chủng, bất do huân tập, pháp nhĩ thành tựu. Hậu thắng tiến vị, huân lệnh tăng trưởng. Vô lậu pháp khởi, dĩ thử vi nhân. Vô lậu khởi thời, phục huân thành chủng. Hữu lậu pháp chủng, loại thử ưng tri.»** 由此應信有諸有情, 無始時來, 有無漏種, 不由熏習, 法爾成就. 後勝進位, 熏令增長. 無漏法起, 以此爲因. 無漏起時, 復熏成種. 有漏法種, 類此應知.

(tức là: chủng tử khởi sinh; các thức huân tập; chủng tử được làm cho tăng trưởng) luân chuyển, cùng lúc làm nhân và quả cho nhau. Giống như bấc đèn sinh ra ngọn lửa, rồi ngọn lửa làm lụn bấc đèn; cũng giống như các bó cỏ lau, dựng sát nhau, nương nhau mà đứng. Nhân và quả cùng lúc; nguyên lý ấy vững chắc không lay chuyển vậy.»[22]

Như vậy cái huân tập và cái được huân tập làm nhân và quả lẫn nhau. Chủng tử hữu lậu dấy khởi pháp hữu lậu; rồi pháp hữu lậu lại huân tập chủng tử hữu lậu. Chủng tử vô lậu dấy khởi pháp vô lậu; rồi pháp vô lậu lại huân tập chủng tử vô lậu. Cái trước (tức hữu lậu) khiến cho con người sinh tử luân hồi; cái sau (tức vô lậu) khiến con người vĩnh viễn thoát khỏi sinh tử. Nhưng không phải ai cũng có chủng tử vô lậu, cho nên người ta có sự khác nhau về bản tính của chủng tử: có người hoàn toàn không có chủng tử vô lậu, có người chỉ có chủng tử nhị thừa,[23] có người có chủng tử vô lậu của Phật. Như vậy theo Duy Thức Tông, không phải ai cũng có Phật tính, không phải ai cũng có thể thành Phật.

Ngoại cảnh mà chúng ta nhìn thấy, thí dụ như sông, núi, đất đai, v.v... đều do chủng tử trong tàng thức biến hoá ra. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Cái được gọi là xứ ngụ ý rằng dị thục thức do sức làm chín muồi của chủng tử cộng tướng [trong dị thục thức] nên biến hiện ra những thứ có vẻ vật chất của tướng thế gian, tức là các yếu tố lớn bên ngoài (tứ đại: đất, nước, lửa, gió) và vật chất do tứ đại tạo ra. Tuy mỗi cá thể hữu tình có sự biến hoá riêng của nó, nhưng các tướng hiện ra của chúng thì tương tự, xứ sở của chúng không khác nhau, giống như ánh sáng của nhiều ngọn đèn hợp lại, tạo ra một ánh sáng có vẻ như duy nhất.»[24]

---

[22] ***Thành Duy Thức Luận*: «Như thị năng huân dữ sở huân thức, câu sinh câu diệt, huân tập nghĩa thành. Lệnh sở huân trung chủng sinh trưởng, như huân cữ đẳng, cố danh huân tập. Năng huân thức đẳng, tòng chủng sinh thời, tức năng vi nhân, phục huân thành chủng. Tam pháp triển chuyển, nhân quả đồng thời. Như chủ sinh diệm, diệm sinh tiêu chủ, diệc như lô thúc, cánh hỗ tương y. Nhân quả câu thời, lý bất khuynh động.»** 如是能熏與所熏識俱生俱滅，熏習義成．令所熏中種生長，如熏苣藤，故名熏習．能熏識等，從種生時，即能爲因，復熏成種．三法展轉，因果同時．如炷生燄，燄生燋炷，亦如蘆束，更互相依．因果俱時，理不傾動．

[23] **LAM chú: *Nhị thừa* 二乘 (dviyāna) là Thanh Văn Thừa (śrāvaka-yāna) và Duyên Giác Thừa (pratyekabuddha-yāna). Thanh Văn 聲聞 là bậc nghe hiểu tứ diệu đế và giác ngộ. Duyên Giác 緣覺 còn gọi là Độc Giác 獨覺 tức là bậc tự mình chứng ngộ.**

[24] ***Thành Duy Thức Luận*: «Sở ngôn xứ giả, vị dị thục thức do cộng tướng chủng thành thục lực cố, biến tự sắc đẳng khí thế gian tướng, tức ngoại đại chủng cập tạo sắc. Tuy chư hữu tình sở biến các biệt, nhi tướng tương tự, xứ sở vô dị, như chúng đăng minh, các biến tự nhất.»** 所言處者，謂異熟識由共相種成熟力故，變似色等器世間相，即外大種及造色．雖諸有情所變閻別，而相相似，處所無異，如衆燈明，閻遍似一．

Trên đây nói rằng cái chủng tử cộng tướng trong tàng thức biến ra sông, núi, đất đai, v.v... Sông, núi, đất đai, v.v... trong hiện tại chẳng phải là cái được dị thục thức duy nhất biến ra. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Dị thục thức của ai biến ra các tướng ấy? [...] Dị thục thức của những kẻ đang sống và những kẻ sắp tái sinh biến ra cõi ấy. [...] Các nghiệp (karma) của họ giống nhau thì cùng biến giống nhau.»[25] Sông, núi, đất đai, v.v... trong hiện tại là các thứ được biến ra bởi các chủng tử cộng tướng, mà các chủng tử này được chứa trong các dị thục thức giống nhau của mọi chúng sinh đang sống hoặc sẽ tái sinh trong cõi có sông, núi, đất đai, v.v... ấy. Dị thục thức của mỗi cá thể chúng sinh hữu tình biến ra sông, núi, đất đai, v.v... của chính mình. Nhưng vì chúng là những cái được biến ra từ các chủng tử cộng tướng, cho nên các tướng hiện ra thì tương tự, giống như ánh sáng của nhiều ngọn đèn hợp lại, tạo ra một ánh sáng có vẻ như duy nhất.

Thành Duy Thức Luận nói: «Có ngũ căn 五根 (tức năm quan năng: thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác) và thân 身 của chúng (tức năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) ngụ ý rằng dị thục thức do sức làm chín muồi của chủng tử bất cộng tướng (tức là chủng tử riêng biệt trong dị thục thức) nên biến hiện ra những thứ có vẻ là ngũ căn và chỗ cho các ngũ căn nương vào (tức năm giác quan), tức là các yếu tố lớn bên trong và vật chất do chúng tạo ra. Dị thục thức do sức làm chín muồi của chủng tử cộng tướng nên cũng biến hiện ra chỗ cho các ngũ căn nương vào ở thân của người khác. Nếu không như vậy thì ta không thể nhận biết năm giác quan người khác. Nhưng ở điểm này cũng có người cho rằng cả ngũ căn lẫn năm giác quan ở thân của người khác đều được thức của ta biến ra. *Biện Trung Biên* 辯中邊 (Madhyānta-vibhāga)[26] nói rằng *a-lại-da* thức hiện ra những tướng có vẻ như ngũ căn của chính ta và ngũ căn của người khác. Nhưng rồi có thuyết lại nói rằng *a-lại-da* thức chỉ biến ra những tướng có vẻ như chỗ cho ngũ căn dựa vào (tức là những tướng có vẻ như năm giác quan), còn ngũ căn của người khác thì không hữu dụng cho ta (nên thức của chúng ta không hiện ra chúng). Kỳ thực, theo *Biện Trung Biên,* những thứ hiện ra giống như ngũ căn của chúng ta và của người khác là do thức của chúng ta và thức của người

---

[25] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thuỳ dị thục thức, biến vi thử tướng? [...] Hiện cư cập đương sinh giả, bỉ dị thục thức, biến vi thử giới. [...] Chư nghiệp đồng giả, giai cộng biến cố.»** 誰異熟識，變爲此相？[...] 現居及當生者，彼異熟識，變爲此界．[...] 諸業同者，皆共變故．

[26] **Derk Bodde chú: *Biện Trung Biên* 辯中邊 (Madhyānta-vibhāga = Phân biệt chính giữa và hai cực đoan) do Huyền Tăng viết, dựa trên một tác phẩm của Thế Thân (Vasubandhu), được chép trong *Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh*, No.1600, vol.31, tr.464-477.**

khác, mỗi bên tự biến hoá khác nhau. Cho nên, khi một kẻ tái sinh vào một cõi mới hoặc nhập vào niết bàn, thì thi hài của hắn bỏ lại vẫn tiếp tục hiện trước mắt chúng ta.»[27]

Thành Duy Thức Luận Thuật Ký của Khuy Cơ nói: «Thân là cái tên chung; trong thân có căn; nên gọi là có thân của căn.»[28] Căn tức là ngũ căn (năm quan năng: nhãn căn, nhĩ căn, tỵ căn, thiệt căn, thân căn). Có thân của ngũ căn, vậy thì ngũ căn và chỗ mà ngũ căn nương vào (tức năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) đều là những thứ do chủng tử bất cộng tướng trong dị thục thức biến ra. Nếu không như thế, chúng ta làm sao nhận biết được năm giác quan của người khác? Tuy nhiên, ở điểm này cũng có thuyết cho rằng ngũ căn của người khác cũng là do thức của chúng ta biến ra, chẳng hạn *Biện Trung Biên* đã nói như thế. Rồi cũng có một thuyết khác, cho rằng chỉ có năm giác quan (cho ngũ căn dựa vào) của người khác là do thức của chúng ta biến ra, bởi vì ngũ căn của người khác chỉ hữu dụng cho họ chứ không hữu dụng cho chúng ta. Theo *Biện Trung Biên* đã nói, thức của chúng ta và thức của người khác, mỗi bên tự biến hoá khác nhau.

Ở đây, một vấn đề khác nảy sinh: Làm sao chúng ta biết được năm giác quan (cho ngũ căn dựa vào) của người khác là do thức của chúng ta biến ra? Có thể đáp rằng: Khi một kẻ tái sinh vào một cõi mới hoặc nhập vào niết bàn, thì thi hài của hắn (bao gồm năm giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) sẽ không tồn tại nữa, nếu quả thực nó do thức của hắn biến ra. Tuy nhiên, cái thi hài mà hắn bỏ lại thì sờ sờ trước mắt chúng ta, cho nên chúng ta biết rằng nó do thức của chúng ta biến ra.

Theo thuyết này mà suy, ngũ căn và năm giác quan của một cá nhân là do các chủng tử bất cộng tướng trong dị thục thức của chính hắn

[27] ***Thành Duy Thức Luận*: «Hữu căn thân giả, vị dị thục thức bất cộng tướng chủng thành thục lực cố, biến tự sắc căn cập căn y xứ, tức nội đại chủng cập sở tạo sắc. Hữu cộng tướng chủng thành thục lực cố, ư tha thân xứ diệc biến tự bỉ. Bất nhĩ, ưng vô thụ dụng tha nghĩa. Thử trung hữu nghĩa, diệc biến tự căn. Biện Trung Biên thuyết, tự tự tha thân ngũ căn hiện cố. Hữu nghĩa duy năng biến tự y xứ, tha căn ư kỷ phi sở dụng cố. Tự tự tha thân ngũ căn hiện giả, thuyết tự tha thức các tự biến nghĩa. Cố sinh tha địa, hoặc bạn niết bàn, bỉ dư thi hài, do kiến tương tục.»** 有根身者，謂異熟識不共相種成熟力故，變似色根及根依處，即內大種及所造色。有共相種成熟力故，於他身處亦變似彼。不爾，應無受用他義。此中有義，亦變似根。辯中邊說，似自他身五根現故。有義唯能變似依處，他根於己非所用故。似自他身五根現者，說自他識各自變義。故生他地，或般涅槃，彼餘尸骸，猶見相續。

[28] **Khuy Cơ, *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Thân giả tổng danh, thân trung hữu căn, danh hữu căn thân.»** 身者總名，身中有根，名有根身。

biến ra. Đồng thời, ngũ căn và năm giác quan của một cá nhân mà chúng ta thấy được (hoặc với ngũ căn của hắn) là do các chủng tử cộng tướng của chúng ta biến ra. Cái được biến ra do các chủng tử bất cộng tướng trong thức của cá nhân đó và cái được biến ra do các chủng tử cộng tướng trong thức của chúng ta có hành vi và cử động nhất trí hay không thì đó là một vấn đề lớn mà *Thành Duy Thức Luận* chưa hề bàn đến.

Thành Duy Thức Luận nói về *a-lại-da* thức rằng: «*A-lại-da* thức thì gián đoạn hay thường? Nó không gián đoạn cũng không thường bởi vì nó hằng và chuyển. Hằng, nghĩa là thức này có từ thuở vô thuỷ đến nay, chỉ có một loại liên tục, không gián đoạn. Nó là căn bản để thiết lập các nẻo luân hồi; bản tính của nó là giữ chặt các chủng tử, không để chúng mất đi. Chuyển, nghĩa là thức này có từ thuở vô thuỷ đến nay, niệm niệm sinh diệt, trước và sau đổi khác. Nhân diệt thì quả sinh, nên thức này chẳng phải luôn là một. Thức này có thể làm chuyển thức để huân tập và tạo thành các chủng tử trong nó. Nói hằng là hàm ý nó ngăn cản sự gián đoạn; nói chuyển là hàm ý nó không thường. Nhân và quả tiếp nối nhau giống như giòng nước chảy xiết. Như nước của giòng chảy xiết ấy vốn không gián đoạn và không thường; khi nó liên tục chảy mãi, có cái bị trôi dạt, có cái bị chìm đắm. *A-lại-da* thức cũng giống như vậy, từ thuở vô thuỷ đến nay, sinh và diệt cứ nối tiếp nhau, nên nó không gián đoạn và không thường, khiến cho chúng sinh hữu tình bị trôi dạt hoặc chìm đắm, chẳng thoát được vòng luân hồi sinh tử. Như giòng nước chảy xiết, dù gió đánh nổi sóng, nước vẫn trôi chảy không gián đoạn. Thức này cũng vậy, dù gặp các duyên khơi dậy bảy thức kia, nhưng nó vẫn liên tục mãi. Như giòng nước chảy xiết, các thứ như cá mú trong giòng và cỏ rác trên mặt nước vẫn trôi theo không ngừng. Thức này cũng vậy, nó vẫn chuyển mãi cùng với các chủng tử được huân tập bên trong nó và các pháp tiếp xúc bên ngoài. Thí dụ trên cho thấy rằng *a-lại-da* thức đã có nhân và quả từ thuở vô thuỷ cho đến nay, nên thức này không gián đoạn và không thường. Điều đó nghĩa là tính chất của thức này từ thuở vô thuỷ đến nay, từ sát na này đến sát na khác, quả sinh thì nhân diệt. Quả sinh nên không gián đoạn, nhân diệt nên không thường. Không gián đoạn và không thường, đó là nguyên lý duyên khởi. Do đó nói rằng thức này hằng chuyển như giòng nước chảy.»[29]

[29] *Thành Duy Thức Luận:* «A-lại-da thức vi đoạn vi thường? Phi đoạn phi thường, dĩ hằng chuyển cố. Hằng, vị thử thức vô thuỷ thời lai, nhất loại tương tục, thường vô gián đoạn. Thị giới thú sinh thì thiết bản cố, tính kiên trì chủng lệnh bất thất cố. Chuyển, vị thử thức vô thuỷ thời lai, niệm niệm sinh diệt, tiền hậu biến dị. Nhân diệt quả sinh, phi thường nhất cố. Khả vi chuyển thức, huân thành chủng cố. Hằng ngôn già đoạn, chuyển biểu phi thường. Do như bộc lưu, nhân quả pháp nhĩ. Như bộc lưu thuỷ, phi đoạn phi thường. Tương tục trường thời, hữu sở phiêu nịch. Thử thức diệc nhĩ, tòng vô thuỷ lai, sinh diệt tương tục, phi thường phi đoạn. Phiêu

Thức này hằng chuyển như giòng nước chảy, nên chúng sinh hữu tình trôi dạt và chìm đắm trong nó, khiến cho luân hồi sinh tử mãi.

d. Đệ nhị năng biến* (mạt-na *thức) và đệ tam năng biến (tiền lục thức)

Đệ nhị năng biến (thức có thể biến thứ hai) là *mạt-na* thức 末那識. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Kế sau thức năng biến đầu tiên (dị thục thức), cần phải nói về thức tư lượng năng biến. Thức này Phật giáo còn gọi là *mạt-na*. Thức này luôn thẩm xét và lo nghĩ (tư lượng); nó trội hơn bảy thức kia.»[30]

Thức thứ bảy (*mạt-na* thức, ý thức) luôn thẩm xét và lo nghĩ đến bản ngã (chấp ngã tướng), cho nên nó tương ứng với bốn loại phiền não căn bản. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Thức này tự nhiên duyên mãi với tàng thức; nó tương ứng với bốn loại phiền não 煩惱 căn bản. Bốn loại ấy là gì? Bốn loại ấy tên là: *ngã si* 我癡, *ngã kiến* 我見, *ngã mạn* 我慢, *ngã ái* 我愛. Ngã si là vô minh, tức là ngu si về ngã tướng và u mê về lý vô ngã, nên gọi là ngã si. Ngã kiến là chấp vào ngã, đối với cái không phải là ngã mà cứ vọng tưởng là ngã, nên gọi là ngã kiến. Ngã mạn là kiêu ngạo, cậy vào cái được chấp là ngã, khiến tâm nâng cao lên, nên gọi là ngã mạn. Ngã ái là tham về ngã, đối với cái được chấp là ngã thì sinh ra mê đắm bấu víu, nên gọi là ngã ái. [...] Bốn loại phiền não này

---

nịch hữu tình, lệnh bất xuất ly. Hựu như bộc lưu, tuy phong đẳng kích khởi chư ba lãng, nhi lưu bất đoạn. Thử thức diệc nhĩ, tuy ngộ chúng duyên khởi nhãn thức đẳng, nhi hằng tương tục. Hựu như bộc lưu, phiêu thuỷ hạ thượng, ngư thảo đẳng vật, tuỳ lưu bất xả. Thử thức diệc nhĩ, dữ nội tập khí ngoại xúc đẳng pháp, hằng tương tuỳ chuyển. Như thị pháp dụ, ý hiển thử thức vô thuỷ nhân quả, phi đoạn thường nghĩa. Vị thử thức tính vô thuỷ thời lai, sát na sát na, quả sinh nhân diệt. Quả sinh cố phi đoạn, nhân diệt cố phi thường. Phi đoạn phi thường, thị duyên khởi lý. Cố thuyết thử thức, hằng chuyển như lưu.» 阿賴耶識爲斷爲常?非斷非常,以恆轉故.恆,謂此識無始時來,一類相續,常無間斷.是界趣生施設本故,性堅持種令不失故.轉,謂此識無始時來,念念生滅,前後變異.因滅果生,非常一故.可爲轉識,熏成種故.恆言遮斷,轉表非常.猶如暴流,因果法爾.如暴流水,非斷非常.相續長時,有所漂溺.此識亦爾,從無始來,生滅相續,非常非斷.漂溺有情,令不出離.又如暴流,雖風等擊起諸波浪,而流不斷.此識亦爾,雖悟衆緣起眼識等,而恆相續.又如暴流,漂水下上,魚草等物,隨流不捨.此識亦爾,與內習氣外觸等法,恆相隨轉.如是法喻,意顯此識無始因果,非斷常義.謂此識性無始時來,刹那刹那,果生因滅.果生故非斷,因滅故非常.非斷非常,是緣起理.故說此識,恆順如流.

[30] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thứ sơ dị thục năng biến thức hậu, ưng biện tư lượng năng biến thức tướng. Thị thức thánh giáo biệt danh *mạt-na*. Hằng thẩm tư lượng, thắng dư thức cố.»** 次初異熟能變識後,應辯思量能變識相.是識聖教別名末那.恆審思量,勝餘識故.

thường khởi lên, khuấy đục nội tâm (tức tàng thức), khiến cho bảy chuyển thức ở ngoài luôn tạo ra tạp nhiễm. Chúng sinh hữu tình do đó mà sinh tử luân hồi, không thể thoát khỏi vòng luân hồi, cho nên gọi là phiền não.»[31]

Đệ tam năng biến (thức có thể biến thứ ba) là tiền lục thức 前六識, tức là sáu thức đầu: nhãn thức 眼識, nhĩ thức 耳識, tỵ thức 鼻識, thiệt thức 舌識, thân thức 身識, ý thức 意識. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Sau thức tư lượng năng biến, cần phải nói về thức năng biến phân biệt cảnh (liễu cảnh). Thức này có sáu loại khác nhau, tuỳ theo lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và các cảnh mà lục căn nhận thức. Sáu thức này gọi tên từ nhãn thức cho đến ý thức.»[32]

Thế Thân (Vasubandhu) có bài tụng về sáu thức này: «Dựa vào thức căn bản (tức *a-lại-da* thức), năm thức tuỳ duyên mà hiện ra, hoặc cùng hiện hoặc không cùng hiện, giống như sóng dựa vào nước. Thức thứ sáu (ý thức hay *mạt-na* thức) thường hiện khởi, ngoại trừ năm trường hợp là không hiện khởi: sinh ở tầng trời vô tưởng; nhập định vô tưởng; nhập định diệt tận; ngủ say (không chiêm bao); chết giấc (bất tỉnh).»[33]

---

[31] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thử ý nhậm vận hằng duyên tàng thức, dữ tứ căn bản phiền não tương ưng. Kỳ tứ giả hà? Vị ngã si, ngã kiến, tịnh ngã mạn, ngã ái, thị danh tứ chủng. Ngã si giả, vị vô minh, ngu ư ngã tướng, mê vô ngã lý, cố danh ngã si. Ngã kiến giả, vị ngã chấp, ư phi ngã pháp, vọng kế vi ngã, cố danh ngã kiến. Ngã mạn giả, vị cứ ngạo, thị sở chấp ngã, lệnh tâm cao cử, cố danh ngã mạn. Ngã ái giả, vị ngã tham, ư sở chấp ngã, thâm sinh đam trước, cố danh ngã ái. [...] Thử tứ thường khởi, nhiễu trọc nội tâm, lệnh ngoại chuyển thức, hằng thành tạp nhiễm. Hữu tình do thử sinh tử luân hồi, bất năng xuất ly, cố danh phiền não.»** 此意任運恆緣藏識，與四根本煩惱相應．其四者何？謂我癡，我見，並我慢，我愛，是名四種．我癡者，謂無明，愚於我相，迷無我理，故名我癡．我見者，謂我執，於非我法，妄計爲我，故名我見．我慢者，謂倨傲，恃所執我，令心高舉，故名我慢．我愛者，謂我貪，於所執我，深生耽著，故名我愛．[...] 此四常起，擾濁內心，令外轉識，恆成雜染．有情由此生死輪迴，不能出離，故名煩惱．

[32] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thứ trung tư lượng năng biến thức hậu, ưng biện liễu cảnh năng biến thức tướng. Thử thức sai biệt tổng hữu lục chủng, tuỳ lục căn cảnh chủng loại dị cố. Vị danh nhãn thức nãi chí ý thức.»** 次中思量能變識後，應辯了境能變識相．此識差別總有六種，隨六根境種類異故．謂名眼識乃至意識．

[33] **«Y chỉ căn bản thức, ngũ thức tuỳ duyên hiện, hoặc câu hoặc bất câu, như đào ba y thuỷ, ý thức thường hiện khởi, trừ sinh vô tưởng thiên, cập vô tâm nhị định, thuỵ miên dữ muộn tuyệt.»** 依止根本識，五識隨緣現，或俱或不俱，如濤波依水，意識常現起，除生無想天，及無心二定，睡眠與悶絕．– **LAM chú: Tầng trời vô tưởng (vô tưởng thiên 無想天, vô tưởng xứ 無想處: Asaṃjñika) là tầng thứ 13 trong 18 tầng trời thiền định của cõi sắc giới 色界 (rūpadhātu). Trong 18 tầng ấy, ba tầng đầu thuộc sơ thiền: 1. Phạm chúng thiên 梵衆天 (Brahma-pārisadhya), 2. Phạm phụ thiên 梵輔天 (Brahma-purohita), 3. Đại phạm thiên 大梵天 (Mahābrahman); ba tầng kế thuộc nhị thiền: 4. Thiểu quang thiên 少光天 (Parītta-ābha), 5. Vô lượng quang thiên 無量光天 (Apramāṇa-ābha), 6. Cực**

Thành Duy Thức Luận nói: «Thức căn bản là *a-đà-na* thức (ādāna) hay *a-lại-da* thức, bởi vì nó là căn bản sinh ra các thức tạp nhiễm hay thanh tịnh. Các thức nương vào nó là sáu chuyển thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức); chúng lấy thức căn bản này làm thân chung để nương vào. Ngũ thức là năm chuyển thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức), chủng loại tương tự, nên chúng được gọi chung với nhau. "Tuỳ duyên mà hiện" có nghĩa là sự hiển hiện không thường xảy ra. "Duyên" nghĩa là các nguyên nhân tạo ra ý, ngũ căn, và ngoại cảnh. Nó có nghĩa là năm thức đầu, bên trong thì dựa vào thức căn bản (tức tàng thức), bên ngoài thì tuỳ duyên mà tạo ra ý, ngũ căn, và ngoại cảnh. Mọi thứ hoà hợp thì chúng mới hiển hiện. Vì lý do đó, năm thức này hoặc cùng khởi hoặc không cùng khởi, bởi vì các duyên bên ngoài hợp lại, có mau có chậm. Giống như sóng nước lớn sóng nước nhỏ tuỳ duyên mà có nhiều hay ít. Các thí dụ như vậy được nói rộng trong kinh. Hành tướng của năm chuyển thức thì thô và động, và các duyên mà chúng nương vào thì có khi không đầy đủ, cho nên thời gian chúng hoạt động thì ít, thời gian chúng không hoạt động thì nhiều. Thức thứ sáu tuy cũng thô và động, nhưng các duyên mà nó nương vào lúc nào cũng đầy đủ. Thức này có lúc không hoạt động bởi các duyên trái ngược. Thức thứ bảy và thức thứ tám, hành tướng nhỏ nhặt, còn các duyên mà chúng nương vào thì lúc nào cũng hiện hữu, cho nên không có cản trở gì về duyên khiến cho chúng không hoạt động.»[34]

---

quang tịnh thiên 極光淨天(Ābhās-vara); ba tầng kế thuộc tam thiền: 7. Thiểu tịnh thiên 少淨天(Parītta-śubha), 8. Vô lượng tịnh thiên 無量淨天(Apramāṇa-śubha), 9. Biến tịnh thiên 遍淨天(Śubha-kṛitsna); và chín tầng cuối thuộc tứ thiền: 10. Vô vân thiên 無雲天(Anabhraka), 11. Phúc sinh thiên 福生天(Puṇya-prasava), 12. Quảng quả thiên 廣果天(Bṛihat-phala), 13. Vô tưởng thiên 無想天(Asaṃjñika), 14. Vô phiền thiên 無煩天(Abṛiha), 15. Vô nhiệt thiên 無熱天(Atapa), 16. Thiện kiến thiên 善見天(Sudarśana), 17. Thiện hiện thiên 善現天(Sudṛiśa), 18. Sắc cứu cánh thiên 色究竟天(Akaniṣṭha).– *Vô tâm nhị định* 無心二定 là vô tưởng định 無想定(asaṃjñā-samāpatti: loại thiền định dẫn tới tái sinh vào tầng trời vô tưởng thuộc nhóm thứ tư của cõi sắc giới) và diệt tận định 滅盡定(nirodha-samāpatti: loại thiền định dẫn tới tái sinh vào tầng trời cao nhất nhờ đã tận diệt mạt-na thức).

[34] *Thành Duy Thức Luận*: «Căn bản thức giả, a-đà-na thức, nhiễm tịnh chư thức sinh căn bản cố. Y chỉ giả, vị tiền lục chuyển thức, dĩ căn bản thức vi cộng thân y. Ngũ thức giả, vị tiền ngũ chuyển thức, chủng loại tương tự, cố tổng thuyết chi. Tuỳ duyên hiện ngôn, hiển phi thường khởi. Duyên vị tác ý, căn, cảnh đẳng duyên, vị ngũ thức thân, nội y bản thức, ngoại tuỳ tác ý, ngũ căn, cảnh, đẳng chúng hoà hợp, phương đắc hiện tiền. Do thử hoặc câu hoặc bất câu khởi, ngoại duyên hợp giả, hữu đốn tiệm cố. Như thuỷ đào ba, tuỳ duyên đa thiểu. Thử đẳng pháp dụ, quảng thuyết như kinh. Do ngũ chuyển thức hành tướng thô động, sở tạ chúng duyên, thời đa bất cụ, cố khởi thời thiểu, bất khởi thời đa. Đệ lục ý thức tuy diệc thô động, nhi sở tạ duyên vô thời bất cụ. Do vi duyên cố, hữu thời bất khởi. Đệ thất bát thức, hành tướng vi tế, sở tạ chúng duyên, nhất thiết thời hữu, cố vô duyên ngại, lệnh tổng bất hành.» 根本識者，阿陀那識，染淨諸識生根本故．依止者，謂前六轉識，以根本識爲共

A-đà-na 阿陀那(ādāna) có nghĩa là «nắm giữ» (chấp trì 執持); *a-đà-na* thức là một tên gọi khác của *a-lại-da* thức. Thức thứ bảy (*mạt-na* thức) và thức thứ tám (*a-lại-da* thức) lúc nào cũng hoạt động. Năm thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức) phải có các duyên hoà hợp thì mới hoạt động. Thức thứ sáu (ý thức) thường hiện khởi. Chỉ có những ai sinh ở tầng trời vô tưởng; nhập định vô tưởng; nhập định diệt tận; ngủ say (không chiêm bao); hoặc chết giấc (bất tỉnh) thì ý thức của họ mới không hoạt động.

Mặc dù tám thức nói trên đều được gọi chung là *thức* 識, nhưng đối với sáu thức đầu, *thức* có nghĩa là «phân biệt» (liễu biệt 了別). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Cái tụ tập và sinh ra gọi là *tâm* 心; cái lo nghĩ gọi là ý 意; cái phân biệt gọi là *thức* 識; đó là ba nghĩa tách biệt. Mặc dù ba nghĩa này áp dụng cho cả tám thức, nhưng tuỳ theo sự vượt trội của thức mà gọi tên. Thức thứ tám (tàng thức) gọi là *tâm*, bởi vì nó tụ tập các chủng tử của mọi pháp và sinh ra mọi pháp. Thức thứ bảy (*mạt-na* thức) gọi là *ý*, bởi vì nó duyên theo tàng thức, luôn xem xét và lo nghĩ, cho rằng tàng thức là bản ngã. Sáu thức còn lại gọi là *thức*, bởi vì đối với sáu cảnh (hay sáu trần: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) chúng luôn phân biệt cho dù sáu cảnh thô sơ, chuyển động, gián đoạn. Như bài tụng *Nhập Lăng Già Kinh* nói: "Tàng chứa gọi là tâm; lo nghĩ gọi là ý; phân biệt các cảnh tướng gọi là thức."»[35]

Ba ý nghĩa «tâm, ý, thức» tuy áp dụng chung cho tám thức, nhưng nếu nói đến chỗ đặc biệt vượt trội của mỗi thức, thì thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, và sáu thức còn lại gọi chung là thức.

親依.五識者,謂前五轉識,種類相似,故總說之.隨緣現言,顯非常起.緣謂作意,根,境等緣,謂五識身,內依本識,外隨作意,五根,境,等衆和合,方得現前.由此或俱或不俱起,外緣合者,有頓漸故.如水溝波,隨緣多少.此等法喻,廣說如經.由五轉識行相麤動,所藉衆緣,時多不具,故起時少,不起時多.第六意識雖亦麤動,而所藉緣無時不具.由違緣故,有時不起.第七八識,行相微細,所藉衆緣,一切時有,故無緣礙,令總不行.

35 ***Thành Duy Thức Luận*: «Tập khởi danh tâm, tư lượng danh ý, liễu biệt danh thức, thị tam biệt nghĩa. Như thị tam nghĩa, tuy thông bát thức, nhi tuỳ thắng hiển. Đệ bát danh tâm, tập chư pháp chủng, khởi chư pháp cố. Đệ thất danh ý, duyên tàng thức đẳng, hằng thẩm tư lượng vi ngã đẳng cố. Dư lục danh thức, tư lục biệt cảnh, thô động gián đoạn, liễu biệt chuyển cố. Như Nhập Lăng Già già tha trung thuyết: "Tàng thức thuyết danh tâm; tư lượng tính danh ý; năng liễu chư cảnh tướng, thị thuyết danh vi thức."»** 集起名心,思量名意,了別名識,是三別義.如是三義,雖通八識,而隨勝顯.第八名心,集諸法種,起諸法故.第七名意,緣藏識等,恆審思量爲我等故.餘六名識,於六別境,麤動間斷,了別轉故.如入楞伽伽他中說:"藏識說名心;思量性名意;能了諸境相,是說名爲識." – LAM chú: Lankāvatāra-sūtra (***Lăng Già Kinh***) được

Ngã và pháp đều do ba thức năng biến nói trên biến ra. Ba thức năng biến này biến ra cái giống như ngã (tự ngã 似我) và cái giống như pháp (tự pháp 似法); ngoài ra, thức năng biến thứ hai (tức *mạt-na* thức) và thức năng biến thứ ba (tức tiền lục thức) còn chấp cái giống như ngã và cái giống như pháp ấy là thực tướng 實相. Chấp cái giống như ngã là thực tướng tức là ngã chấp 我執(ātma-grāha); chấp cái giống như pháp là thực tướng tức là pháp chấp 法執(dharma-grāha). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Nói chung, có hai thứ ngã chấp: Một thứ là *câu sinh* 俱生 (cùng sinh với ta), một thứ là do phân biệt. (1) Ngã chấp câu sinh có từ thuở vô thuỷ tới nay, do lực ảnh hưởng bên trong làm nguyên nhân huân tập hư vọng, mãi mãi cùng theo bản thân. Nó chẳng nương vào tà giáo và sự phân biệt sai lầm, tự nhiên mà chuyển, nên gọi là câu sinh. Ngã chấp câu sinh lại chia thành hai loại nhỏ: [a] Một loại luôn liên tục, thuộc thức thứ bảy và duyên với thức thứ tám; những tướng khởi từ tâm bị nó chấp là thực ngã 實我. [b] Một loại thì gián đoạn, thuộc thức thứ sáu và duyên với các tướng của *ngũ thủ uẩn* 五取蘊(pañca-upādāna, tức năm uẩn: pañca-skandha) do thức biến ra, hoặc chung hoặc riêng; những tướng khởi từ tâm bị nó chấp là thực ngã. Hai loại ngã chấp này tinh tế và khó đoạn diệt. Về sau, trên đường tu hành, chúng ta luôn luôn tu tập chuyên quán tướng về *không* thì mới đoạn diệt nó được. (2) Ngã chấp do phân biệt cũng do lực ảnh hưởng của các duyên tiện tại ở ngoài. Nó phải nương vào tà giáo và sự phân biệt sai lầm, rồi sau mới khởi lên, cho nên gọi là phân biệt. Nó chỉ có ở trong thức thứ sáu (tức là ý thức).»[36]

Bodhiruci (Bồ Đề Lưu Chi 菩提流支) dịch ra Hán văn là *Nhập Lăng Già Kinh* 入楞伽經(năm 513). *Già tha* 伽他 hay *già đà* 伽陀 (phiên âm của gāthā) nghĩa là bài *tụng* 頌 hay *kệ tụng* 偈頌, tức là những bài thể văn vần, trái ngược với thể văn xuôi (gọi là trường hành 長行: cūmika) trong kinh và luận. Gāthā là một 12 chủng loại (gọi là thập nhị bộ kinh 十二部經): 1. sūtra (kinh 經, khế kinh 契經), 2. geya (ứng tụng 應頌, trùng tụng 重頌), 3. gāthā (tụng 頌), 4. nidāna (nhân duyên 因緣), 5. itivṛttaka (bản sự 本事), 6. jātaka (bản sinh 本生), 7. abdhuta-dharma (vị tằng hữu 未曾有), 8. avadāna (thí dụ 譬喻), 9. upadeśa (luận nghĩa 論義), 10. udāna (tự thuyết 自說), 11. vaipulya (phương quảng 方廣), 12. vyākaraṇa (thụ ký 授記).

[36] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhiên chư ngã chấp, lược hữu nhị chủng: Nhất giả câu sinh, nhị giả phân biệt. Câu sinh ngã chấp, vô thuỷ thời lai, hư vọng huân tập, nội nhân lực cố, hằng dữ thân câu. Bất dãi tà giáo cập tà phân biệt, nhậm vận nhi chuyển, cố danh câu sinh. Thử phục nhị chủng: Nhất thường tương tục, tại đệ thất thức, duyên đệ bát thức, khởi tự tâm tướng, chấp vi thực ngã. Nhị hữu gián đoạn, tại đệ lục thức, duyên thức sở biến ngũ thủ uẩn tướng, hoặc tổng hoặc biệt, khởi tự tâm tướng, chấp vi thực ngã. Thử nhị ngã chấp, tế cố nan đoạn. Hậu tu đạo trung, sác sác tu tập, thắng sinh không quán, phương năng trừ diệt. Phân biệt ngã chấp, diệc do hiện tại ngoại duyên lực cố, phi dữ thân câu. Yêu dãi tà giáo cập tà phân biệt, nhiên hậu phương khởi, cố danh phân biệt. Duy tại đệ lục ý thức trung hữu.» 然諸我執，略有二種：一者俱生，二者分別。俱生我執，無始時來，虛妄熏習，內因力**

Thành Duy Thức Luận lại nói: «Nói chung, có hai thứ pháp chấp: Một thứ là *câu sinh* (cùng sinh với ta), một thứ là do phân biệt. (1) Pháp chấp câu sinh có từ thuở vô thuỷ tới nay, do lực ảnh hưởng bên trong làm nguyên nhân huân tập hư vọng, mãi mãi cùng tồn tại với bản thân. Nó chẳng nương vào tà giáo và sự phân biệt sai lầm, tự nhiên mà chuyển, nên gọi là câu sinh. Pháp chấp câu sinh lại chia thành hai loại nhỏ: [a] Một loại luôn liên tục, thuộc thức thứ bảy và duyên với thức thứ tám; những tướng khởi từ tâm bị nó chấp là thực ngã. [b] Một loại thì gián đoạn, thuộc thức thứ sáu và duyên với các tướng của *uẩn-xứ-giới* 蘊處界 (tức 5 uẩn, 12 xứ, 18 cõi) do thức biến ra, hoặc chung hoặc riêng; những tướng khởi từ tâm bị nó chấp là thực pháp 實法. Hai loại pháp chấp này tinh tế và khó đoạn diệt. Về sau, trong mười tầng bậc (*thập địa* 十地: daśabhūmi) tu hành, chúng ta luôn luôn tu tập chuyên quán tưởng pháp là *không* thì mới đoạn diệt nó được. (2) Pháp chấp do phân biệt cũng do lực ảnh hưởng của các duyên tiện tại ở ngoài. Nó phải nương vào tà giáo và sự phân biệt sai lầm, rồi sau mới khởi lên, cho nên gọi là phân biệt. Nó chỉ có ở trong thức thứ sáu (tức là ý thức).»[37]

Thức thứ bảy chấp các tướng từ tâm do thức thứ tám khởi lên, xem chúng là thực ngã và thực pháp. Tương tự, thức thứ sáu chấp các tướng của ngũ uẩn do thức biến ra (tức là căn thân, v.v...), xem chúng là thực

---

故，恆與身俱．不待邪教及邪分別，任運而轉，故名俱生．此復二種：一常相續，在第七識，緣第八識，起自心相，執爲實我．二有間斷，在第六識，緣識所變五取蘊相，或總或別，起自心相，執爲實我．此二我執，細故難斷．後修道中，數數修習，勝生空觀，方能除滅．分別我執，亦由現在外緣力故，非與身俱．要待邪教及邪分別，然後方起，故名分別．唯在第六意識中有．

[37] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhiên chư pháp chấp, lược hữu nhị chủng: Nhất giả câu sinh, nhị giả phân biệt. Câu sinh pháp chấp, vô thuỷ thời lai, hư vọng huân tập, nội nhân lực cố, hằng dữ thân câu. Bất đãi tà giáo cập tà phân biệt, nhậm vận nhi chuyển, cố danh câu sinh. Thử phục nhị chủng: Nhất thường tương tục, tại đệ thất thức, duyên đệ bát thức, khởi tự tâm tướng, chấp vi thực pháp. Nhị hữu gián đoạn, tại đệ lục thức, duyên thức sở biến uẩn xứ giới tướng, hoặc tổng hoặc biệt, khởi tự tâm tướng, chấp vi thực pháp. Thử nhị pháp chấp, tế cố nan đoạn. Hậu thập địa trung, sác sác tu tập, thắng pháp không quán, phương năng trừ diệt. Phân biệt pháp chấp, diệc do hiện tại ngoại duyên lực cố, phi dữ thân câu. Yêu đãi tà giáo cập tà phân biệt, nhiên hậu phương khởi, cố danh phân biệt. Duy tại đệ lục ý thức trung hữu.»** 然諸法執，略有二種：一者俱生，二者分別．俱生法執，無始時來，虛妄熏習，內因力故，恆與身俱．不待邪教及邪分別，任運而轉，故名俱生．此復二種：一常相續，在第七識，緣第八識，起自心相，執爲實法．二有間斷，在第六識，緣識所變蘊處界相，或總或別，起自心相，執爲實法．此二法執，細故難斷．後十地中，數數修習，勝法空觀，方能除滅．分別法執，亦由現在外緣力故，非與身俱．要待邪教及邪分別，然後方起，故名分別．唯在第六意識中有．

ngã; và chấp các tướng của uẩn-xứ-giới do thức biến ra (tức sông, núi, đất đai, v.v...), xem chúng là thực pháp. Thức thứ sáu và thức thứ bảy quả thực làm khởi lên chấp ngã và chấp pháp vậy.

Tám thức này, chúng ta không thể khẳng định là tách biệt (tức là *định dị* 定異), cũng không thể khẳng định là cùng chung một thể (tức là *định nhất* 定一). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Ta không thể nói tự tính của tám thức là *định nhất* (cùng chung một thể), bởi vì hoạt động của chúng, các duyên mà chúng nương vào, và đặc tính của chúng thì khác nhau; cũng bởi vì có khi một thức bị đoạn diệt mà các thức còn lại không bị đoạn diệt; và cũng bởi vì tính chất huân tập của chúng khác nhau (thức thứ tám bị bảy thức đầu huân tập). Nhưng chúng ta cũng không thể nói rằng chúng *định dị* (khác nhau) bởi vì kinh nói tám thức như sóng nước, không có gì sai biệt. Nếu chúng khác nhau thì chúng đâu thể là nhân và quả của nhau. Giống như các trò ảo thuật, ta không thể xác định tính chất cố định của chúng. Như trước đây đã nói, các thức có các tướng sai biệt; đó là theo chân lý thế tục, không phải là chân lý tuyệt đối. Trong chân lý tuyệt đối, tâm không thể được nói tới dứt khoát. Như một bài tụng nói: "Tám thức (tâm, ý, thức), xét theo tục đế thì phân biệt, xét theo chân đế thì không phân biệt, bởi vì các tướng và các thứ được biến thành tướng vốn không tồn tại."»[38]

e. Nhất thiết duy thức (mọi thứ chỉ là thức)

Để phá bỏ hai cái chấp này, chúng ta cần phải biết rằng ngã và pháp vốn không có thực. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Cái đã nói trên đây là ba thức năng biến cùng với các tâm sở của chúng. Bởi vì chúng đều có thể biến thành cái có vẻ như kiến phần và tướng phần, nên gọi là "chuyển biến". Kiến phần được biến ra được gọi là cái phân biệt, bởi vì nó có thể nhận biết; tướng phần được biến ra được gọi là cái được phân biệt, bởi vì nó có thể được nhận biết. Do nguyên lý đúng đắn này, thực ngã và thực pháp đều xa rời cái do thức biến ra, tức là cái được xác định là không tồn

[38] ***Thành Duy Thức Luận*: «Bát thức tự tính, bất khả ngôn định nhất. Hành tướng sở y duyên, tướng ưng dị cố. Hựu nhất diệt thời, dư bất diệt cố. Năng sở huân đẳng, tướng các dị cố. Diệc phi định dị. Kinh thuyết bát thức như thuỷ ba đẳng, vô sai biệt cố. Định dị ưng phi nhân quả tính cố. Như ảo sự đẳng, vô định tính cố. Như tiền sở thuyết, thức sai biệt tướng, y lý thế tục, phi chân thắng nghĩa. Chân thắng nghĩa trung, tâm ngôn tuyệt cố. Như già tha thuyết: "Tâm ý thức bát chủng, tục cố tướng hữu biệt, chân cố tướng vô biệt, tướng sở tướng vô cố."»** 八識自性，不可言定一。行相所依緣，相應異故。又一滅時，餘不滅故。能所熏等，相各異故。亦非定異。經說八識如水波等，無差別故。定異應非因果性故。如幻事等，無定性故。如前所說，識差別相，依理世俗，非眞勝義。眞勝義中，心言絕故。如伽他說：“心意識八種，俗故相有別，眞故相無別，相所相無故。” – **LAM chú: *Tâm, ý, thức* = thức thứ 8 là *tâm* (tập khởi), thức thứ bảy là *ý* (tư lượng), sáu thức đầu là *thức* (phân biệt).**

tại. Xa rời cái nhận và cái được nhận thì không có cái gì cả. Xa rời hai tướng ấy thì không có vật thật gì cả. Do đó, mọi thứ hữu vi và vô vi, như thực và như giả, đều không xa rời thức. Nói "duy" nghĩa là ngoài thức thì không có vật thật, nhưng không có nghĩa là các thứ như tâm sở và pháp xa rời thức. Nói "chuyển biến" nghĩa là thức bên trong biến chuyển, hiện thành các tướng ngoại cảnh giống như ngã và pháp. Sự chuyển biến này gọi là phân biệt. Do bởi tự tính của nó, nó phân biệt sai lầm (xem cái giả là thật), tức là tâm và tâm sở thuộc ba cõi (dục giới, sắc giới, vô sắc giới). Các cảnh bị nó chấp này được gọi là cái được phân biệt, bao gồm ngã tính và pháp tính bị chấp là chân thực. Do đó, sự phân biệt này biến ra cái giống như ngoại cảnh, bao gồm ngã tướng và pháp tướng giả dối. Nhưng ngã tính và pháp tính được phân biệt là thực đều không tồn tại. Giáo lý được viện dẫn trên đây nhằm đả phá sự phân biệt ấy. Do đó tất cả mọi thứ đều do thức mà ra. Nhưng sự phân biệt sai lầm cũng có thể chấp nhận như một sự thực đã thành lập. "Duy" không gạt bỏ các pháp không lìa thức, cho nên ngay cả chân không v.v... cũng là hữu. Do đó chúng ta tránh được cực đoan là tăng hoặc giảm đối với thức. Ý nghĩa của Duy Thức được thành lập, và chúng ta khế hợp với trung đạo.»[39]

Cái gọi là «Duy Thức» nghĩa là ngoài thức ra thì không có vật gì cả. «Nói "duy" nghĩa là ngoài thức thì không có vật thật.» Vật thật ở ngoài thức đều là vô. Nhưng các pháp không lìa thức lại là hữu. Bằng cách duy trì hai quan điểm này, thuyết Duy Thức tránh được cực đoan là tăng hoặc giảm đối với thức và chúng ta khế hợp với trung đạo.

Người không thông đạt ý nghĩa của Duy Thức, đối với lập luận này, có thể có vô số nghi nan. *Thành Duy Thức Luận* đều giải đáp hết các nghi nan ấy. Trong những giải đáp ấy, có một số mang tính chất triết học, tôi thuật lại từng phần sau đây.

Có người ngoài giáo hỏi: «Nếu cái giống như ngoại cảnh khởi lên từ nội thức (thức bên trong), thì tại sao các thứ hữu tình hoặc vô tình mà ta thấy trong thế gian như địa điểm, thời gian, thân thể, công dụng, khi

[39] *Thành Duy Thức Luận*: «Tiền sở thuyết tam năng biến thức cập bỉ tâm sở, giai năng biến tự kiến tướng nhị phần, lập chuyển biến danh. Sở biến kiến phần, thuyết danh phân biệt, năng thủ tướng cố; sở biến tướng phần, danh sở phân biệt, kiến sở thủ cố. Do thử chính lý, bỉ thực ngã pháp, ly thức sở biến, giai định phi hữu. Ly năng sở thủ, vô biệt vật cố. Phi hữu thực vật, ly nhị tướng cố. Thị cố nhất thiết hữu vi vô vi, nhược thực nhược giả, giai bất ly thức. Duy ngôn vi già ly thức thực vật, phi bất ly thức tâm sở pháp đẳng. Hoặc chuyển biến giả, vị chư nội thức, chuyển tự ngã pháp ngoại cảnh tướng hiện. Thử năng chuyển biến, tức danh phân biệt. Hư vọng phân biệt, vi tự tính cố, vị tức tam giới tâm cập tâm sở. Thử sở chấp cảnh, danh sở phân biệt. Tức sở vọng chấp thực ngã pháp tính, do thử phân biệt, biến tự ngoại cảnh, giả ngã pháp tướng. Bỉ sở phân biệt thực ngã pháp tính, quyết định giai vô. Tiền dẫn giáo lý, dĩ quảng phá cố. Thị cố nhất

thì xác định khi thì bất định?»[40]

Đáp: «Các cảnh trong mộng có thể được dùng để giải thích nghi hoặc này.»[41]

Thành Duy Thức Luận Thuật Ký của Khuy Cơ nói: «Người ngoài đạo phản bác rằng: Nếu chỉ có nội thức mà không có cảnh ngoài tâm, thì tại sao các thứ vô tình mà ta thấy trong thế gian như địa điểm và thời gian đều được xác định; còn các thân thể hữu tình mà ta thấy trong thế gian cho đến công dụng vô tình của chúng đều không xác định? Đại ý của lời ấy là ba thứ như địa điểm, thời gian, và công dụng đều là vô tình, còn thân thể là hữu tình. Ở đây ta nên dựa theo lý trong *Nhị Thập Luận* mà

---

thiết giai duy hữu thức. Hư vọng phân biệt, hữu cực thành cố. Duy ký bất già bất ly thức pháp, cố chân không đẳng diệc thị hữu tính. Do thị viễn ly tăng giảm nhị biên, Duy Thức nghĩa thành, khế hội trung đạo.» 前所說三能變識及彼心所，皆能變似見相二分，立轉變名。所變見分，說名分別，見所取故。由此正理，彼實我法，離識所變，皆定非有。離能所取，無別物故。非有實物，離二相故。是故一切有爲無爲，若實若假，皆不離識。唯言爲遮離識實物，非不離識心所法等。或轉變者，謂諸內識，轉似我法外境相現。此能轉變，即名分別。虛妄分別，爲自性故，謂即三界心及心所。此所執境，名所分別。即所妄執實我法性。由此分別，變似外境，假我法相。彼所分別實我法性，決定皆無。前引教理，已廣破故。是故一切皆有唯識。虛妄分別，有極成故。唯既不遮不離識法，故眞空等亦是有性。由是遠離增減二邊，唯識義成，契會中道。– **LAM chú:** ***Tâm sở*** 心所 **(caitta) – nói tắt của** ***tâm sở hữu pháp*** 心所有法 **– là các chức năng và các hiện tượng tư tưởng của tâm, gồm 51 pháp, phân ra thành sáu nhóm:** ❶ ***Biến hành*** 遍行, **có 5 thứ: tác ý** 作意, **xúc** 觸, **thụ** 受, **tưởng** 想, **tư** 思; ❷ ***Biệt cảnh*** 別境, **có 5: dục** 欲, **thắng giải** 勝解, **niệm** 念, **định** 定, **huệ** 慧; ❸ ***Thiện*** 善, **có 11 thứ:** ***tín*** 信 **(tin),** ***tinh tấn*** 精進 **(siêng năng),** ***tàm*** 慚 **(xấu hổ),** ***quý*** 愧 **(biết nhục),** ***vô tham*** 無貪 **(không tham),** ***vô sân*** 無瞋 **(không giận),** ***vô si*** 無癡 **(không ngu si),** ***khinh an*** 輕安 **(yên ổn nhẹ nhàng),** ***bất phóng dật*** 不放逸 **(không buông thả),** ***hành xả*** 行捨 **(hành động nhưng không chấp),** ***bất hại*** 不害 **(không gây hại);** ❹ ***Phiền não*** 煩惱, **có 6 thứ:** ***tham ái*** 貪愛, ***sân*** 瞋 **(giận),** ***si*** 癡 **(ngu si),** ***mạn*** 慢 **(kiêu căng),** ***nghi*** 疑 **(ngờ vực),** ***ác kiến*** 惡見 **(quan điểm sai lầm);** ❺ ***Tuỳ phiền não*** 隨煩惱, **có 20 thứ:** ***phẫn*** 忿 **(căm giận),** ***hận*** 恨 **(oán hận),** ***não*** 惱 **(bực tức),** ***phú*** 覆 **(che đậy),** ***cuống*** 誑 **(lừa dối),** ***siểm*** 諂 **(nịnh bợ),** ***kiêu*** 憍 **(phách lối),** ***hại*** 害 **(gây hại),** ***tật*** 嫉 **(ghen tị),** ***khan*** 慳 **(keo kiệt),** ***vô tàm*** 無慚 **(không xấu hổ),** ***vô quý*** 無愧 **(không biết nhục),** ***bất tín*** 不信 **(không tin),** ***giải đãi*** 懈怠 **(lười biếng),** ***phóng dật*** 放逸 **(buông thả),** ***trầm*** 沈 **(trầm uất),** ***trạo cử*** 掉擧 **(lêu lổng),** ***thất niệm*** 失念 **(quên),** ***bất chính tri*** 不正知 **(không biết đúng),** ***tán loạn*** 散亂; ❻ ***Bất định*** 不定 **(không xác định thiện hay ác), có 4 thứ:** ***miên*** 眠 **(ngủ),** ***hối*** 悔 **(ăn năn),** ***tầm*** 尋 **(tìm kiếm),** ***tý*** 伺 **(dò xét).– Xem: Trần Nghĩa Hiếu** 陳義孝, ***Phật Học Thường Kiến Từ Vị*** 佛學常見辭彙, **Đài Trung, 1995, tr.94.**

[40] ***Thành Duy Thức Luận*****: «Nhược duy nội thức tự ngoại cảnh khởi, ninh kiến thế gian tình phi tình vật, xứ, thời, thân, dụng, định bất định chuyển?»** 若唯內識似外境起，寧見世間情非情物，處，時，身，用，定不定轉？

[41] ***Thành Duy Thức Luận*****: «Như mộng cảnh đẳng, ứng thích thử nghi.»** 如夢境等，應釋此疑.

nói, bốn việc ấy đều được giải thích trong đó.»[42]

Nhị Thập Luận tức là *Duy Thức Nhị Thập Luận*, trong đó có 20 bài tụng, cũng là tác phẩm của Thế Thân 世親 (Vasubandhu). Hộ Pháp 護法 (Dharmapāla) đã viết bài luận giải thích 20 bài tụng này. Trong *Thành Duy Thức Luận*, các lời vấn đáp này rất ngắn gọn, nhưng trong *Duy Thức Nhị Thập Luận* thì chúng rất rõ ràng. Trong *Thành Duy Thức Luận*, người ngoài giáo nói nếu chỉ có thức thôi và chẳng có cảnh ở ngoài tâm, thì sẽ có bốn loại khó khăn không dễ giải thích. Về bốn loại khó khăn ấy, *Duy Thức Nhị Thập Luận* nói: «Tại sao thức này chỉ sinh ở một nơi chứ không ở khắp nơi? Tại sao nơi ấy thức này chỉ khởi ở một lúc chứ không ở mọi lúc? Khi có nhiều thức liên tục ở cùng một chỗ và một lúc, tại sao không quyết định theo một thức cụ thể nào đó mà sinh ra? Giống như kẻ mắt loà nhìn thấy ruồi bay và tóc, còn đối với kẻ mắt tốt thì không có thức ấy sinh ra. Còn nữa, ở kẻ mắt loà, tại sao và tóc được nhìn thấy thì không có tác dụng của tóc? Tại sao những thứ ăn, uống, dao, gậy, thuốc độc, y phục, v.v... được thấy trong mộng lại không có tác dụng ăn, uống, v.v...? Tại sao các thứ như thành phố do Tầm Hương (Gandharva) biến hoá ra thì không có tác dụng của một thành phố? Các vật như tóc, v.v... chẳng phải là vô dụng. Nếu mộng và tỉnh đều y như nhau và không có ngoại cảnh thực, mà chỉ có nội thức sinh ra cái giống như ngoại cảnh, vậy thì các thứ sau không thể được thành lập: (1) định xứ, (2) định thời, (3) bất định tương tục, và (4) vật có tác dụng.»[43]

---

[42] *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Ngoại nhân nan từ: Nhược duy nội thức vô tâm ngoại cảnh, như hà hiện kiến, thế gian phi tình vật, xứ, thời, nhị sự quyết định; thế gian hữu tình thân, cập phi tình dụng, nhị sự bất quyết định chuyển. Thử trung ngôn tổng ý hiển, xứ, thời, dụng, tam thị phi tình, thân thị hữu tình. Thử y nhị thập luận cứ lý nhi ngôn, tứ sự giai thông.» 外人難辭：若唯內識無心外境，如何現見，世間非情物，處，時，二事決定；世間有情身，及非情用，二事不決定轉．此中言總意顯，處，時，用三是非情，身是有情．此依二十論據理而言，四事皆通．

[43] *Duy Thức Nhị Thập Luận*: «Hà nhân thử thức hữu xứ đắc sinh, phi nhất thiết xứ? Hà cố thử xứ hữu thời thức khởi, phi nhất thiết thời? Đồng nhất xứ thời, hữu đa tương tục, hà bất quyết định tuỳ nhất thức sinh? Như huyễn ế nhân kiến phát dãng đẳng, phi vô huyễn ế hữu thử thức sinh. Phục hữu hà nhân, chư huyễn ế giả, sở kiến phát đẳng, vô phát đẳng dụng; mộng trung sở đắc ẩm thực đao trượng độc dược y đẳng, vô ẩm đẳng dụng; Tầm Hương thành đẳng, vô thành đẳng dụng? Dư phát đẳng vật, kỳ dụng phi vô. Nhược thực đồng vô sắc đẳng ngoại cảnh, duy hữu nội thức, tự ngoại cảnh sinh, định xứ, định thời, bất định tương tục, hữu tác dụng vật, giai bất ưng thành.» 何因此識有處得生，非一切處？何故此處有時識起，非一切時？同一處時，有多相續，何不決定隨一識生？如眩翳人見髮蠅等，非無眩翳有此識生．復有何因，諸眩翳者，所見髮等，無髮等用；夢中所得飲食刀杖毒藥衣等，無飲等用；尋香城等，無城等用？餘髮等物，其用非無．若實同無色等外境，唯有內識，自外境生，定處，定時，不定相續，有作用物，皆不應成．- LAM chú: Tầm Hương

Vấn nạn thứ nhất nói: Kiến thức phổ thông của chúng ta cho rằng bên ngoài tâm có cảnh. Như thấy một ngọn núi, thì núi ấy chính là một thực hữu lìa thức. Cho nên chỉ khi nào đi tới nơi có núi ấy thì ta mới thấy nó. Không phải ở mọi nơi ta cũng thấy được nó. Đó gọi là nơi chốn được xác định. Nếu như nói ngọn núi là do thức hiện ra, vậy thì tại sao thức của chúng ta chỉ hiện núi ấy ở một nơi, chứ không ở khắp nơi?

Vấn nạn thứ hai nói: Kiến thức phổ thông của chúng ta cho rằng một ngọn núi nào đó chính là một thực hữu lìa thức. Cho nên chỉ khi nào đi tới nơi có núi ấy thì ta mới thấy nó. Đó gọi là thời gian được xác định. Nếu như nói ngọn núi là do thức hiện ra, vậy thì tại sao thức của chúng ta chỉ hiện núi ấy ở một lúc, chứ không ở mọi lúc? Tại sao «nơi ấy thức này chỉ khởi ở một lúc chứ không ở mọi lúc?»

Vấn nạn thứ ba nói: Giả sử có một kẻ[44] mắt loà nhìn thấy ruồi giả và tóc giả, v.v... Các thứ hư giả này không phải là các cảnh thực ở ngoài thức. Cho nên chỉ có kẻ mắt loà mới thấy chúng, còn kẻ mắt tốt không thấy chúng. Đó gọi là «quyết định theo một thức cụ thể nào đó mà sinh ra». Nếu ngoại cảnh theo cách gọi phổ thông của chúng ta cũng chẳng phải là thực cảnh ở ngoài thức, thì tại sao có người thấy chúng, có người không thấy chúng, giống như các thứ ruồi và tóc hư vọng mà kẻ mắt loà nhìn thấy?

Vấn nạn thứ tư nói: Các thứ ruồi và tóc hư vọng mà kẻ mắt loà nhìn thấy thì không có tác dụng của chúng. Các vật được thấy trong mộng cũng không có tác dụng của chúng. Thành phố của Tầm Hương là thành phố do ảo thuật hiện ra, cũng không có tác dụng của nó. Tuy nhiên, các thứ như thành phố, tóc, ruồi, v.v... bình thường mà tất cả mọi người đều nhìn thấy thì đều có tác dụng thực sự, bởi vì chúng là các vật thực ở ngoài tâm. Giả sử chúng không phải là các vật thực ở ngoài tâm, vậy thì phải chăng chúng không có tác dụng thật, giống như các thứ như thành

---

(Gandharva) là một trong tám thực thể siêu nhiên (bát bộ 八部, bát bộ chúng 八部衆, thiên long bát bộ 天龍八部, hay long thần bát bộ 龍神八部) được đề cập trong kinh *Pháp Hoa*: 1. Deva (Thiên 天: thiên thần), 2. Nāga (Long 龍: vua rồng), 3. Yaksa (Dạ Xoa 夜叉: hồn người chết bay trong đêm), 4. Gandharva (Càn Thát Bà 乾闥婆, Tầm Hương 尋香: nhạc sư nửa người nửa thần), 5. Asura (A Tu La 阿修羅: bán thần), 6. Garuḍa (Già Lâu La 迦樓羅: chim cánh vàng ăn thịt rồng), 7. Kinnara (Khẩn Na La 緊那羅: nhạc sư trên trời, mình người đầu ngựa), 8. Mahoraga (Ma Hầu La Già 摩喉羅迦: thần rắn). Thoạt đầu chúng hung ác, nhưng sau khi được Phật độ thì chúng trở thành hộ pháp.

44 Phùng Hữu Lan chú: Nguyên văn là *thân* 身, tức là *tương tục* 相續 (liên tiếp nhau). Khuy Cơ, *Duy Thức Luận Thuật Ký*, giảng: «Ngôn *tương tục* giả, hữu tình dị danh. Tiền uẩn thuỷ tận, hậu uẩn tức sinh; cố ngôn tương tục.» 言相續者, 有情異名. 前蘊始盡, 後蘊即生; 故言相續 (*Tương tục* là một tên gọi khác của chúng sinh hữu tình. Ngũ uẩn trước bắt đầu tận thì ngũ uẩn sau liền sinh; cho nên nói là *tương tục*).

phố của Tầm Hương cho đến các thứ ruồi, tóc, v.v... hư giả mà kẻ mắt loà nhìn thấy? Tóm lại, «nếu mộng và tỉnh đều y như nhau và không có ngoại cảnh thực, mà chỉ có nội thức sinh ra cái giống như ngoại cảnh, vậy thì các thứ sau không thể được thành lập: (1) định xứ, (2) định thời, (3) nhiều thức liên tục bất định (bất định tương tục), và (4) vật có tác dụng.»

Duy Thức Nhị Thập Luận trả lời bốn vấn nạn trên: «Trong mộng tuy không có cảnh thực, nhưng ta thấy có làng xóm, vườn tược, nam nữ, v.v... ở một nơi nào trong đó chứ không phải ở khắp nơi. Tức là ở nơi đó ta thấy có làng xóm, vườn tược, nam nữ, v.v... ở một thời điểm cụ thể chứ không phải ở mọi lúc. Do đó, tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng sự xác định thời gian và địa điểm không thể không thành lập. Từ ngữ "như quỷ" nói ở đoạn văn trước ám chỉ ngạ quỷ (quỷ đói). Còn con sông [được nói ở đó] thì đầy máu mủ, nên gọi là sông máu mủ, giống như "bình bơ", bên trong đầy bơ. Cũng như trường hợp của bọn ngạ quỷ, bởi nghiệp giống nhau mà sự chín muồi [của quả] khác nhau, nên chúng cùng tụ tập, đều nhìn thấy sông máu mủ, chứ không phải trong đó chỉ quyết định có một ngạ quỷ nhìn thấy mà thôi. Từ ngữ "vân vân" nói ở đoạn văn trước ám chỉ những thứ khác mà ngạ quỷ nhìn thấy (như phẩn cứt, v.v...), cho đến những sinh vật hữu tình tay cầm dao kiếm và gậy gộc xua đuổi ngạ quỷ, không cho chúng ăn. Do đó, tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng ở đây giải thích ý nghĩa của sự bất định của nhiều thức liên tục. Hơn nữa, cảnh [nam nữ làm tình] trong mộng tuy không thực, nhưng nó có tác dụng tổn thất tinh huyết [của nam và nữ]. Do đó, tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng ở đây giải thích ý nghĩa của tác dụng hư vọng. Như vậy, ở đây còn dựa trên vô số thí dụ cho thấy rõ ý nghĩa của bốn việc như sự xác định của nơi chốn, thời gian, v.v... được lập thành.»[45]

[45] *Duy Thức Nhị Thập Luận:* «Như mộng trung tuy vô thực cảnh, nhi hoặc hữu xứ kiến hữu thôn viên nam nữ đẳng vật, phi nhất thiết xứ. Tức ư thị xứ hoặc thời, kiến hữu bỉ thôn viên đẳng, phi nhất thiết thời. Do thử tuy vô ly thức thực cảnh, nhi xứ thời định phi bất đắc thành. Thuyết như quỷ ngôn, hiển như ngạ quỷ. Hà trung nùng mãn, cố danh nùng hà. Như thuyết tô bình, kỳ trung tô mãn. Vị như ngạ quỷ, đồng nghiệp dị thục, đa thân cộng tập, giai kiến nùng hà, phi ư thử trung định duy nhất kiến. Đẳng ngôn hiển thị hoặc kiến phẩn đẳng, cập kiến hữu tình chấp trì đao trượng, già hãn thủ vệ, bất lệnh đắc thực. Do thử tuy vô ly thức thực cảnh, nhi đa tương tục bất định nghĩa thành. Hựu như mộng trung cảnh tuy vô thực, nhi hữu tổn thất tinh huyết đẳng dụng. Do thử tuy vô ly thức thực cảnh, nhi hữu hư vọng tác dụng nghĩa thành. Như thị thả y biệt biệt thí dụ, hiển xứ định đẳng, tứ nghĩa đắc thành.» 如夢中雖無實境，而或有處見有村園男女等物，非一切處．即於是處或時，見有彼村園等，非一切時．由此雖無離識實境，而處時定非不得成．說如鬼言，顯如餓鬼．河中膿滿，故名膿河．如說酥瓶，其中酥滿．謂如餓鬼，同業異熟，多身共集，皆見膿河，非於此中定唯一見．等言顯

Trong giấc mộng tuy không có cảnh thực ở ngoài tâm, nhưng ta thấy làng xóm, vườn tược, v.v... ở một nơi nào trong đó và ở một thời điểm cụ thể nào đó, chứ chẳng phải thấy làng xóm, vườn tược, v.v... ở khắp mọi nơi và ở khắp mọi lúc. Ta có thể thấy rằng «tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng sự xác định thời gian và địa điểm không thể không thành lập». Lại như bọn quỷ đói (ngạ quỷ), bởi vì nghiệp của chúng giống nhau, nên đều thấy con sông là sông máu mủ không thể uống được. Không phải chỉ có một quỷ đói nhìn thấy, còn bọn quỷ còn lại thì không nhìn thấy. Ta có thể thấy rằng «tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng ở đây giải thích ý nghĩa của sự bất định của nhiều thức liên tục». Lại nữa, «thí dụ trong mộng thấy có hai người làm tình với nhau, tuy cảnh ấy không phải là thực, nhưng trong đó có tác dụng nam tổn tinh và nữ tổn huyết, v.v...»[46] Ta có thể thấy rằng «tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng ở đây giải thích ý nghĩa của tác dụng hư vọng». Tóm lại, tuy chúng không phải là cảnh thực lìa thức, nhưng ở đây giải thích rõ ý nghĩa của bốn việc như: (1) sự xác định của nơi chốn, (2) sự xác định của thời gian, (3) sự bất định của nhiều thức liên tục, và (4) vật có tác dụng.

Người ngoài giáo lại hỏi: «Nếu các *sắc xứ* 色處 (tức các hình thức khác nhau của *sắc* 色 [vật chất] do ngũ quan nhận biết) cũng lấy thức làm thể, vậy thì tại sao khi thức hiển hiện các tướng giống như sắc thì nó liên tục biến chuyển theo cùng một loại, kiên cố, và trú ngụ?»[47]

Đáp: «Bởi vì [các thức] do ảnh hưởng huân tập, và cũng bởi vì [các thức] làm chỗ dựa cho pháp tạp nhiễm và pháp thanh tịnh. Nếu không có [ảnh hưởng ấy] thì sẽ không có điên đảo, sẽ không có tạp nhiễm, cũng sẽ không có pháp thanh tịnh. Do đó các thức cũng hiển hiện tương tự như sắc.»[48]

示或見糞等，及見有情執持刀杖，遮捍守衛，不令得實．由此雖無離識實境，而多相續不定義成．又如夢中境雖無實，而有損失精血等．由此雖無離識實境，而有虛望，而有虛妄作用義成．如是且依別別譬喻，顯處定等，四義得成.

[46] **Khuy Cơ, *Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Thí như mộng trung mộng lưỡng giao hội, cảnh tuy vô thực, nhi nam hữu tổn tinh, nữ hữu tổn huyết đẳng dụng.»** 譬如夢中夢兩交會，境雖無實，而男有損精，女有損血用.

[47] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhược chư sắc xứ, diệc thức vi thể, hà duyên nãi tự sắc tướng hiển hiện, nhất loại kiên trú, tương tục nhi chuyển?»** 若諸色處，亦識爲體，何緣乃似色相顯現，一類堅住，相續而轉？

[48] ***Thành Duy Thức Luận*: «Danh ngôn huân tập thế lực khởi cố, dữ nhiễm tịnh pháp vi y xứ cố. Vị thử nhược vô, ứng vô điên đảo, tiện vô tạp nhiễm, diệc vô tịnh pháp. Thị cố chư thức, diệc tự sắc hiện.»** 名言熏習勢力起故，與染淨法爲依處故．謂此若無，應無顛倒，便無雜染，亦無淨法．是故諸識，亦似色現．

Ở đây đại ý hỏi rằng: Nếu các *sắc xứ* 色處 (tức cái gọi là thế giới khách quan) cũng lấy thức làm thể, vậy thì tại sao các thức có thể theo cùng một loại, kiên cố và trú ngụ (nhất loại, kiên trú 一類堅住)?

Khuy Cơ nói: «*Nhất loại* 一類 (cùng một loại) có nghĩa là tương tự. Trước và sau chỉ có một loại, không biến đổi, cũng không gián đoạn, nên gọi là *kiên trú* 堅住. Ngài Thiên Thân 天親 (tức Thế Thân 世親 : Vasubandhu) nói: "Bởi nó trú ngụ trong nhiều thời điểm, nên ở đây gọi là liên tục mà chuyển." Nhất loại kiên trú tức là liên tục mà chuyển.»[49]

Khuy Cơ giải thích lời giải đáp ấy rằng: «Ở đây ý nói rằng trong mỗi cá nhân kể từ thuở vô thuỷ đến nay đã có sự huân tập về các tên gọi và các khái niệm. Do ảnh hưởng huân tập ấy, các sắc ấy khởi lên, liên tục mà chuyển. [...] Do ban đầu chúng ta mê chấp các cảnh của sắc ấy, nên sinh mọi điên đảo. Nếu chúng ta xem các sắc là *vô* (không tồn tại), thì sẽ không sinh điên đảo. Điên đảo, tức là các thức duyên với cảnh và sắc này mà khởi vọng chấp, nên gọi là điên đảo. Nếu không có điên đảo do các thức này sinh, thì không có tạp nhiễm. Tạp nhiễm tức là cái sinh ra từ nghiệp phiền não; tức là bản thể của điên đảo được sinh ra từ nghiệp phiền não. Nếu không có các thứ ấy, thì sẽ không có tạp nhiễm của hai chướng. Nếu không có tạp nhiễm của hai chướng, thì vô lậu và thanh tịnh cũng không có; bởi không có cái bị đoạn diệt, làm sao có cái thanh tịnh?»[50]

---

[49] ***Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Nhất loại giả, thị tương tự nghĩa. Tiền hậu nhất loại, vô hữu biến dị, diệc vô gián đoạn, cố danh kiên trú. Thiên Thân vân: "Đa thời trú cố, tức thử thuyết danh tương tục nhi chuyển." Nhất loại kiên trú, tức tương tục nhi chuyển.»** 一類者，是相似義．前後一類，無有變異，亦無間斷，故名堅住．天親云："多時住故，即此說名相續而轉." 一類堅住，即相續而轉．

[50] ***Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Vị do vô thuỷ danh ngôn huân tập, trú tại thân trung. Do bỉ thế lực, thử sắc đẳng khởi, tương tục nhi chuyển. [...] Do nguyên mê chấp sắc đẳng cảnh, cố sinh điên đảo đẳng. Sắc đẳng nhược vô, ưng vô điên đảo. Điên đảo, tức chư thức đẳng duyên thử cảnh sắc, nhi khởi vọng chấp, danh vi điên đảo. Thử thức đẳng điên đảo vô cố, tiện vô tạp nhiễm. Tạp nhiễm tức thị phiền não nghiệp sinh, hoặc điên đảo thể tức thị phiền não nghiệp sinh. Thử đẳng vô cố, tiện vô nhị chướng tạp nhiễm. Nhị chướng tạp nhiễm vô cố, vô lậu tịnh diệc vô, vô sở đoạn cố, hà hữu thanh tịnh?»** 謂由無始名言熏習，住在身中．由彼勢力，此色等起，相續而轉．[...] 由元迷執色等境，故生顛倒等．色等若無，應無顛倒．顛倒，即諸識等緣此境色，而起妄執，名爲顛倒．此識等顛倒無故，便無雜染．雜染即是煩惱業生，或顛倒體即是煩惱業生．此等無故，便無二障雜染．二障雜染無故，無漏淨亦無，無所斷故，何有清淨？– LAM chú: *Nhị chướng* 二障 (hai chướng ngại) theo Duy Thức Luận là ***phân biệt chướng*** 分別障 (chướng ngại do phân biệt) và ***câu sinh chướng*** 俱生障 (chướng ngại cùng sinh với tâm): (1) Các chướng ngại do phiền não và tri thức (tức ***phiền não chướng*** 煩惱障 và ***sở tri chướng*** 所知障) khởi lên từ tư tưởng phân biệt. Sự phân biệt này là chức năng của thức thứ sáu (ý thức). Chúng khởi lên từ: ***tà sư*** (người thầy sai lầm), ***tà giáo*** (lý thuyết sai lầm),

Người ngoài giáo lại hỏi: «Ngoại cảnh có các thứ như sắc (vật chất), v.v... được phân biệt và nhận thức rõ ràng [qua các giác quan]. Chúng được nhận thức rõ ràng như vậy, lẽ nào ta gạt bỏ hết và xem là không có gì cả?»[51]

Đáp: «Ngay khi chúng được nhận thức rõ ràng, thì chúng không được xem là ngoại cảnh. Chỉ sau khi có sự phân biệt thì [thức thứ sáu] mới sinh ra một cách sai lầm ý tưởng về bên ngoài. Cho nên cảnh được nhận thức tự nó trở thành *tướng phần* 相分 (phần được nhận thức), bởi vì cái được biến từ thức cũng có thể nói là *hữu* (tồn tại). Nhưng vì ý thức (thức thứ sáu) chấp nó là các vật chất có thực ở bên ngoài và vọng chấp nó là *hữu* (tồn tại), nên ta có thể nói nó là *vô* (không tồn tại). Hơn nữa các sắc và ngoại cảnh không phải là sắc mà tương tự sắc, không phải bên ngoài mà tương tự bên ngoài; giống như cái được thấy trong giấc mộng, chúng ta không thể chấp nó là sắc có thực ở bên ngoài.»[52]

Ở đây đại ý hỏi rằng các ngoại cảnh và các sắc được nhận biết rõ ràng, lẽ nào ta lại xem chúng là không tồn tại? Lời đáp đại ý nói rằng cái được nhận biết rõ ràng chỉ là kinh nghiệm thuần tuý, nên không được xem là ở ngoài. Chỉ sau khi có sự phân biệt của ý thức (thức thứ sáu) thì nó mới được xem là ở ngoài. Cái được nhận thức là *tướng phần* của thức, cũng có thể nói là *hữu* (tồn tại); nhưng nó chỉ là do ý thức chấp là sắc có thực bên ngoài, nên có thể nói là *vô* (không tồn tại).

---

và *tà kiến* (tư tưởng sai lầm). (2) Đối với ngã chấp, chúng ta chấp vào ngã do tư tưởng; cho dù ta cố ý trấn áp thứ tư tưởng này thì ngã chấp vẫn tự nhiên sinh, nên gọi là «câu sinh» (cùng sinh với tâm). Sự khởi sinh này xảy ra trong thức thứ sáu (ý thức) và thức thứ bảy (*mạt-na* thức). Những chủng tử do chướng ngại này sinh ra thì khác biệt với chủng tử do phân biệt chướng sinh ra, bởi vì khi chúng ta giác ngộ về thập nhị nhân duyên thì phân biệt chướng sẽ tận diệt; nhưng câu sinh chướng thì do huân tập, cho dù ta hiểu được Đạo thì câu sinh chướng cũng vẫn khởi lên. Thường xuyên quán tưởng thập nhị nhân duyên thì mới đoạn diệt được câu sinh chướng. Xem: Charles Muller, *Combined Digital Dictionaries of Buddhism and East Asian Literary Terms (Từ Điển Điện Tử Kết Hợp Phật Học Và Văn Học Đông Á)*, mục từ *«nhị chướng»*. Trong bản dịch tiếng Anh, Derk Bodde chú nhị chướng là phiền não chướng và sở tri chướng.

51 ***Thành Duy Thức Luận*: «Sắc đẳng ngoại cảnh, phân minh hiện chứng. Hiện lượng sở đắc, ninh bất vi vô?»** 色等外境，分明現證．現量所得，寧撥爲無？

52 ***Thành Duy Thức Luận*: «Hiện lượng chứng thời, bất chấp vi ngoại. Hậu ý phân biệt, vọng sinh ngoại tưởng. Cố hiện lượng cảnh, thị tự tướng phần, thức sở biến cố, diệc thuyết vi hữu. Ý thức sở chấp ngoại thực sắc đẳng, vọng kế hữu cố, thuyết bỉ vi vô. Hựu sắc đẳng cảnh, phi sắc tự sắc, phi ngoại tự ngoại, như mộng sở duyên, bất khả chấp vi thị thực ngoại sắc.»** 現量證時，不執爲外．後意分別，妄生外想．故現量境，是自相分，識所變故，亦說非有．意識所執外實色等，妄計有故，說彼爲無．又色等境，非色似色，非外似外，如夢所緣，不可執爲是實外色．

Người ngoài giáo lại hỏi: «[Ông nói rằng] sắc (vật chất) được nhìn thấy trong lúc tỉnh đều giống như cảnh trong giấc mộng, thì không lìa thức. Nhưng khi thức tỉnh sau cơn mộng, chúng ta biết rằng nó chỉ do tâm tạo. Vậy thì tại sao khi ta thức tỉnh, ở trong chính sắc cảnh (thế giới vật chất), chúng ta không biết sắc cảnh chỉ là thức?»[53]

Đáp: «Khi ta còn mộng mà chưa thức tỉnh, thì ta không thể tự biết. Phải đến khi thức tỉnh rồi, ta mới có thể truy cứu sự thức tỉnh. Cảnh sắc khi ta thức tỉnh, ta phải biết nó cũng như vậy. Khi chưa thức tỉnh thật sự thì ta không thể tự biết. Đến khi thức tỉnh rồi, ta cũng có thể truy cứu sự thức tỉnh. Còn như chưa thức tỉnh thật sự thì ta mãi mãi vẫn ở trong mộng. Chính vì [chúng sinh] chưa hiểu rằng thế giới vật chất chỉ là do thức biến ra, nên Phật mới giảng về đêm dài của luân hồi sinh tử.»[54]

Trang Tử (Tề Vật Luận) cũng nói: «Chừng nào họ *thức tỉnh lớn* (giác ngộ lớn) thì họ mới biết mình đã trải qua một giấc mộng lớn.» (Thả hữu đại giác, nhi hậu giác thử đại mộng dã. 且有大覺，而後覺此大夢也).

Người ngoài giáo lại hỏi: «Vật chất bên ngoài nếu quả thực là vô, thì nó không phải là cảnh của nội thức. Nhưng tâm của người khác quả thực là hữu, lẽ nào nó chẳng phải là cảnh trong thức của chính ta?»[55]

Đáp: «Ai nói rằng tâm của người khác là cảnh trong thức của chính ta? Chúng ta chỉ có thể nói rằng cái tâm ấy không phải là «thân sở duyên» (cái được trực tiếp duyên vào); có nghĩa là khi cái thức [đối với tâm của người khác] sinh ra, nó không có tác dụng thật sự. Trường hợp này không giống như tay trực tiếp chộp lấy ngoại vật, cũng không giống như ánh nắng chiếu trực tiếp vào ngoại cảnh. [Đối với tâm của người khác] thức giống như chiếc gương soi, trong đó cái tương tự ngoại cảnh hiện ra. Nó có thể gọi là «hiểu» được tâm người khác, nhưng đó không

---

53 *Thành Duy Thức Luận*: «Nhược giác thời sắc, giai như mộng cảnh, bất ly thức giả. Như tòng mộng giác, tri bỉ duy tâm. Hà cố giác thời, ư tự sắc cảnh, bất tri Duy Thức?» 若覺時色，皆如夢境，不離識者，如從夢覺，知彼唯心，何故覺時，於自色境，不知唯識?

54 *Thành Duy Thức Luận*: «Như mộng vị giác, bất năng tự tri. Yêu chí giác thời, phương năng truy giác. Giác thời cảnh sắc, ưng tri diệc nhĩ. Vị chân giác vị, bất năng tự tri. Chí chân giác thời, diệc năng truy giác. Vị đắc chân giác, hằng xử mộng trung, cố Phật thuyết vi sinh tử trường dạ. Do tư vị liễu sắc cảnh Duy Thức.» 如夢未覺，不能自知．要至覺時，方能追覺．覺時境色，應知亦爾．未眞覺位，不能自知．至眞覺時，亦能追覺．未得眞覺，恆處夢中，故佛說爲生死長夜．由斯未了色境唯識．

55 *Thành Duy Thức Luận*: «Ngoại sắc thực vô, khả phi nội thức cảnh. Tha tâm thực hữu, ninh phi tự sở duyên?» 外色實無，可非內識境．他心實有，寧非自所緣？

phải là cái hiểu trực tiếp. Cái được hiểu trực tiếp chỉ là cái tự nó biến thành. Cho nên kinh nói rằng không có pháp tối thiểu có thể *nhận lấy* (*thủ* 取 = nhận thức) các pháp khác. Chỉ khi thức sinh, thì thức hiện ra cái tương tự vật đó; và thức được gọi là *nhận lấy* (thủ) vật đó. Bằng cách này, thức duyên với tâm người khác (tức là biến tâm người khác thành đối tượng của thức) như nó cũng làm thế đối với các thứ như sắc, v.v...»[56]

Ở đây người ngoài giáo cho rằng ngoại sắc (vật chất bên ngoài) quả thực là vô, nhưng tâm của người khác lại là thực hữu. Tâm của người khác cũng chẳng phải là cái do thức của ta biến ra. Thức của ta chỉ duyên với cái tâm của người khác; tức là thức của ta có thể xem tâm của người khác là đối tượng để nhận biết. Vậy thì thức của ta quả thực cũng có thể duyên với đối tượng ở bên ngoài bản thân ta.

Lời đáp ở đây đại ý rằng tâm của người khác quả thực có thể xem là đối tượng của thức của ta; tức là thức của ta có thể xem tâm của người khác là «sở duyên» (cái được duyên vào), nhưng tâm của người khác không phải là «thân sở duyên» (cái được trực tiếp duyên vào). Khi thức của ta duyên với tâm của người khác, phương cách của nó không giống như tay chộp lấy ngoại vật hay ánh nắng chiếu thẳng vào ngoại cảnh. Thức của ta giống như chiếc gương soi, tâm của người khác giống như ảnh trong gương đó. Trong trường hợp này, có thể nói rằng thức «hiểu» (hay nhận biết) được tâm của người khác, nhưng thức không thực hiện trực tiếp việc đó. Khuy Cơ nói: «*Giải Thâm Mật Kinh* nói: *vô hữu thiểu pháp* (không có pháp tối thiểu) nghĩa là không có pháp thật tối thiểu (tức là *thức* 識) có thể nhận lấy các pháp kia. *Các pháp kia* tức là các pháp thật ở ngoài tâm. Không phải tự cái tâm thật này có thể nhận lấy cái tâm thật khác; chẳng qua khi thức sinh thì tâm tự hiện ra cái tương tự tâm người khác, và nó được gọi là "nhận lấy tâm người khác". [...] Cũng đúng như thế khi thức duyên với các sắc làm tướng phần của thức của người khác; trường hợp này tương tự các sắc do các thức khác của thân ta

[56] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thuỳ thuyết tha tâm phi tự thức cảnh? Đãn bất thuyết bỉ thị thân sở duyên. Vị thức sinh thời vô thực tác dụng, phi như thủ đẳng thân chấp ngoại vật, nhật đẳng thư quang thân chiếu ngoại cảnh; đãn như kính đẳng tự ngoại cảnh hiện, danh liễu tha tâm, phi thân năng liễu. Thân sở liễu giả, vị tự sở biến. Cố khế kinh ngôn: Vô hữu thiểu pháp, năng thủ dư pháp. Đãn thức sinh thời, tự bỉ tướng hiện, danh thủ bỉ vật. Như duyên tha tâm, sắc đẳng diệc nhĩ.»** 誰說他心非自識境?但不說彼是親所緣.謂識生時無實作用,非如手等親執外物,日等舒光親照外境;但如鏡等似外境現,名了他心,非親能了.親所了者,謂自所變.故契經言:無有少法,能取餘法.但識生時,似彼識現,名取彼物.如緣他心,色等亦爾.– **LAM chú: *Khế kinh* tức là *kinh* (sūtra), xem giải thích về *thập nhị bộ kinh* 十二部經 ở chú thích 35 của chương này.**

biến ra.»[57] Do đó, chẳng phải chỉ có tâm người khác không thể làm cái sở duyên trực tiếp của thức của ta, mà tướng phần của tâm người khác cũng vậy. Một thức nào đó của bản thân ta chỉ có thể xem cái tướng phần của chính nó là cái sở duyên trực tiếp của nó. Tức là, các thức kia và sắc do chúng biến ra cũng không thể là cái sở duyên trực tiếp của cái thức ấy.

Người ngoài giáo lại hỏi: «Đã có cảnh khác biệt [với thức của ta], tại sao nói là chỉ có thức mà thôi?»[58]

Đáp: «Kỳ lạ thay sự cố chấp này, chỉ nhằm gây nghi ngờ! Lẽ nào thuyết Duy Thức chỉ nói đến một thức mà thôi? [...] Giả sử có một thức duy nhất, làm sao có sự phân biệt giữa các kẻ phàm và bậc thánh, giữa bậc tôn quý và kẻ ti tiện, giữa nhân và quả của mười phương? Ai vì ai mà thuyết pháp? Pháp gì mà cầu?»[59]

Ở đây người ngoài giáo chất vấn rằng nếu các thức khác ở ngoài thức của ta và chúng chẳng phải do thức của ta biến ra, thì ngoài thức của ta có các cảnh khác biệt. Đã có cảnh khác biệt [với thức của ta], tại sao nói là chỉ có thức mà thôi?

Lời đáp đại ý rằng thuyết Duy Thức không phải nói đến một thức

---

[57] ***Thành Duy Thức Luận Thuật Ký*: «Giải thâm mật ngôn, vô hữu thiểu pháp, vô thiểu thực pháp, năng thủ dư pháp. Dư giả, tâm ngoại thực pháp dã. Phí tự thực tâm năng thủ tha thực tâm, đãn thức sinh thời tâm tự bỉ tha tâm tướng hiện, danh thủ tha tâm dã. [...] Duyên tha tướng phần sắc, tự thân biệt thức sở biến sắc đẳng diệc nhĩ.»** 解深蜜言，無有少法，無少實法，能取餘法。餘者，心外實法也。非自實心能取他實心，但識生時心似彼他心相現，名取他心也。[...] 緣他相分色，自身別識所變色等亦爾。– **LAM chú: *Giải Thâm Mật Kinh*** 解深密經 **(*Saṃdhinirmocana*-sūtra) là kinh của Yogācāra (Du Già Hạnh Phái) bàn về A-lại-da thức, duy thức, chỉ quán, tam tính, ngũ vị, Phật thân, v.v... Có các bản dịch Hán văn trọn bộ của: Bodhiruci *(Thâm Mật Giải Thoát Kinh* 深密解脫經**), Huyền Tăng *(Giải Thâm Mật Kinh* 解深密經**), Paramārtha *(Phật Thuyết Giải Tiết Kinh* 佛說解節經**), và bản dịch một phần của Gunabhadra (*Tương Tục Giải Thoát Địa Ba La Mật Liễu Nghĩa Kinh* 相續解脫地波羅密了義經**). Nguyên tác bằng Sanskrit hiện không còn, bản dịch tiếng Anh hiện nay của John Powers (1994) là dựa theo bản dịch bằng tiếng Tây Tạng; bản dịch tiếng Pháp của Lamotte dựa theo bản dịch của Huyền Tăng và bản dịch bằng tiếng Tây Tạng. Xem: *Combined Digital Dictionaries of Buddhism and East Asean Literary Terms (Từ Điển Điện Tử Kết Hợp Phật Học Và Văn Học Đông Á)* của Charles Muller, mục từ *«Giải Thâm Mật Kinh»*.

[58] ***Thành Duy Thức Luận*: «Ký hữu dị cảnh, hà danh Duy Thức?»** 既有異境，何名唯識？

[59] ***Thành Duy Thức Luận*: «Kỳ tai cố chấp, xúc xứ sinh nghi! Khởi Duy Thức giáo, đãn thuyết nhất thức? [...] Nhược duy nhất thức, ninh hữu thập phương phàm thánh tôn ti nhân quả đẳng biệt. Thuỳ vị thuỳ thuyết? Hà pháp hà cầu?»** 奇哉固執，觸處生疑！豈唯識教，但說一識？[...] 若唯一識，寧有十方凡聖尊卑因果等別。誰爲誰說？何法何求？

duy nhất. Ngoài thức của ta còn có thức của người khác. Nếu chỉ có một thức duy nhất thì làm sao có sự phân biệt giữa phàm và thánh, giữa tôn quý và ti tiện. Không có thánh, thì ai là người thuyết pháp? Không có phàm, thì pháp vì ai mà thuyết?

Người ngoài giáo lại hỏi: «Nếu chỉ có thức, thì các duyên bên ngoài đều không có. Do đâu mà sinh ra vô số phân biệt?»[60]

Đáp: «Tụng nói: "Do thức chứa mọi chủng tử (tức tàng thức) mà có các thứ biến ra như thế và như thế. Bởi lực xoay vần này mà vô số phân biệt sinh ra." Luận nói: Bài tụng này ý nói tuy các duyên bên ngoài không có, nhưng do mọi chủng tử trong thức căn bản (tức tàng thức hay *a-lại-da* thức) chuyển biến sai biệt và do lực xoay vần của tám loại thức hiện hành mà vô số phân biệt sinh ra. Tại sao phải mượn duyên bên ngoài mới khởi sinh phân biệt? Các pháp thanh tịnh khởi lên cũng nên được hiểu như thế. Chúng được tạo ra do sự hiện hành của các chủng tử thanh tịnh trong tàng thức.»[61]

A-lại-da thức có chủng tử tạp nhiễm và chủng tử thanh tịnh. Chủng tử của pháp tạp nhiễm tự sinh pháp tạp nhiễm; chủng tử của pháp thanh tịnh tự sinh pháp thanh tịnh. *A-lại-da* thức có thể sinh ra mọi pháp, rồi mọi pháp lại huân tập *a-lại-da* thức. Cho nên *Thành Duy Thức Luận* nói: «*Nhiếp Đại Thừa* nói: A-lại-da thức và các pháp tạp nhiễm làm nhân và quả lẫn nhau. Giống như bấc đèn và ngọn lửa xoay vần làm lụi bấc. Cũng như các bó cỏ lau dựng cạnh nhau, nương nhau mà đứng. Chỉ theo hai cái này (tức tàng thức và pháp tạp nhiễm) mà nhân quả được thành lập; không cần đến các nhân quả khác.»[62] Pháp tạp nhiễm như vậy thì pháp thanh tịnh cũng thế. Chủng tử thanh tịnh có thể khởi lên pháp thanh tịnh hiện hành; rồi pháp

---

[60] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhược duy hữu thức, đô vô ngoại duyên. Do hà nhi sinh chủng chủng phân biệt?»** 若有唯識，都無外緣。由何而生種種分別？

[61] ***Thành Duy Thức Luận*: «Tụng viết: "Do nhất thiết chủng thức, như thị như thị biến. Dĩ triển chuyển lực cố, bỉ bỉ phân biệt sinh." Luận viết: Thử tụng ý thuyết tuy vô ngoại duyên, do bản thức trung hữu nhất thiết chủng chuyển biến sai biệt, cập dĩ hiện hành bát chủng thức đẳng triển chuyển lực cố, bỉ bỉ phân biệt nhi diệc đắc sinh, hà giả ngoại duyên, phương khởi phân biệt? Chư tịnh pháp khởi, ưng tri diệc nhiên, tịnh chủng hiện hành vi duyên sinh cố.»** 頌曰：“由一切種識，如是如是變。展轉力故，彼彼分別生。” 論曰：此頌意說雖無外緣，由本識中有一切種轉變差別，及以現行八種識等展轉力故，彼彼分別而亦得生，何假外緣，方起分別？諸淨法起，應知亦然，淨種現行爲緣生故。

[62] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhiếp Đại Thừa thuyết: A-lại-da thức dữ tạp nhiễm pháp, hỗ vi nhân duyên. Như chủ dữ diệm, triển chuyển sinh thiêu. Hựu như thúc lô, hỗ tương y trụ. Duy y thử nhị kiến lập nhân duyên. Sở dư nhân duyên, bất khả đắc cố.»** 攝大乘說：阿賴耶識與雜染法，互爲因緣。如炷生燄，展轉生燒。又如束蘆，互相依住。唯依此二建立因緣。所餘因緣，不可得故。

thanh tịnh hiện hành trở lại làm nguyên nhân của chủng tử thanh tịnh. Cho nên trong tàng thức vốn có nhân và quả và có thể sinh ra tất cả mọi thứ. Vậy thì cần chi đến các duyên bên ngoài? Tức là sự sinh tử của chúng sinh hữu tình nối tiếp nhau, «cũng là do nhân và quả bên trong thức, chứ không nương cậy vào các duyên bên ngoài. Do đó chỉ có thức mà thôi».

f. Tam tính, tam vô tính, chân như

Tam tính 三性 (ba tính chất của sự tồn tại) là: (1) *Biến kế sở chấp tính* 遍計所執性 (tính chất của sự tồn tại do vọng chấp khắp nơi), (2) *Y tha khởi tính* 依他起性 (tính chất của sự tồn tại dựa theo cái khác mà khởi), (3) *Viên thành thực tính* 圓成實性 (tính chất của thực hữu được thành tựu viên mãn).

Thành Duy Thức Luận nói: «Ba loại tự tính này đều không xa lìa tâm và các pháp của tâm (*tâm sở* 心所: caitta). Nghĩa là: (1) Các biến hiện do tâm và tâm sở được sinh ra do nhiều duyên, giống như trò ảo thuật, vốn không có mà tựa như có, nên lừa gạt được kẻ ngu. Tất cả điều này được gọi là "tính chất của sự tồn tại dựa theo cái khác mà khởi" (*y tha khởi tính* 依他起性: paratantra-svabhāva). (2) Kẻ ngu do đó chấp bừa vào ngã và pháp là có hoặc không, là đồng nhất hoặc khác biệt, là cùng nhau hoặc không cùng nhau, v.v... Nhưng giống như hoa đốm trên không (ý nói không có thực), tính [ở trong] và tướng [ở ngoài] đều không tồn tại. Tất cả điều này được gọi là "tính chất của sự tồn tại do vọng chấp khắp nơi" (biến kế sở chấp tính 遍計所執性: parikalpitah-svabhāva). (3) Mọi cái dựa theo cái khác mà khởi và bị vọng chấp là ngã và pháp; chúng quả thực đều là không. Cái chân tính 眞性 của các thức được hiển lộ là "không" này được gọi là "tính chất của thực hữu được thành tựu viên mãn" (viên thành thực tính 圓成實性: parinispanna-svabhāva). Cho nên ba tính chất này không xa lìa tâm.»[63]

Vậy, (1) mọi pháp đều là «các biến hiện hư vọng từ tâm và tâm sở,

---

[63] ***Thành Duy Thức Luận*: «Tam chủng tự tính, giai bất viễn ly tâm tâm sở pháp. Vị tâm tâm sở cập sở biến hiện, chúng duyên sinh cố, như ảo sự đẳng, phi hữu tự hữu, cuống hoặc ngu phu, nhất thiết giai danh y tha khởi tính. Ngu phu ư thử hoành chấp ngã pháp, hữu vô nhất dị, câu bất câu đẳng, như không hoa đẳng, tính tướng đô vô, nhất thiết giai danh biến kế sở chấp. Y tha khởi thượng, bỉ sở vọng chấp ngã pháp câu không, thử không sở hiển thức đẳng chân tính, danh viên thành thực. Thị cố thử tam bất ly tâm đẳng.»** 三種自性，皆不遠離心心所法．謂心心所及所變現，衆緣生故，如幻事等，非有自有，誑惑愚夫，一切皆名依他起性．愚夫於此橫執我法，有無一異，俱不俱等，如空華等，性相都無，一切皆名遍計所執．依他起上，彼所妄執我法俱空，此空所顯識等眞性，名圓成實．是故此三不離心等．

do các duyên dẫn dắt. Chúng giống như trò ảo thuật, ngọn lửa ảo, cảnh trong mộng, ảnh trong gương soi, ánh sáng phản chiếu, tiếng dội trong hang, ánh trăng mặt nước, những cái do biến hoá mà thành, không có thực mà tựa như có».[64] Các pháp loại này đều thuộc «y tha khởi tính» (tính chất dựa theo cái khác mà khởi). (2) Tuy nhiên, bởi vì chúng ta không biết các pháp này vốn do các duyên dẫn dắt, vốn là các biến hiện hư vọng, cho nên chúng ta vọng chấp chúng là thực ngã và thực pháp. Sự chấp ngã và chấp pháp này đều thuộc «biến kế sở chấp tính» (tính chất do vọng chấp khắp nơi). (3) Nhưng nếu chúng ta biết các pháp này vốn do các duyên dẫn dắt, vốn là các biến hiện hư vọng, vậy thì ngã và pháp đều là không. Chân tính của các thức và thực tướng của các pháp hiển hiện bởi hai cái không này (tức ngã là không và pháp là không) đều thuộc «viên thành thực tính» (tính chất của thực hữu được thành tựu viên mãn).

Tương ứng với *tam tính* 三性 (ba tính chất của sự tồn tại) là *tam vô tính* 三無性 (ba tính chất của sự không tồn tại): (1) *Tướng vô tính* 相無性 (tính chất không tồn tại của tướng), (2) *Sinh vô tính* 生無性 (tính chất không tồn tại của sự tạo sinh), (3) *Thắng nghĩa vô tính* 勝義無性 .

Thành Duy Thức Luận nói: «(1) Dựa theo tính chất đầu tiên là "biến kế sở chấp tính" mà lập "tướng vô tính" (tính chất không tồn tại của tướng), bởi vì bản thể và hiện tướng rốt cuộc không tồn tại, giống như hoa đốm trên không. (2) Dựa theo tính chất thứ hai là "y tha khởi tính" mà lập "sinh vô tính" (tính chất không tồn tại của sự tạo sinh), bởi vì mọi sự giống như trò ảo thuật, mượn các duyên mà sinh ra, do vọng chấp nên chúng không có tính tự nhiên. Tuy ta nói tính chất *vô* (không tồn tại)

---

[64] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chúng duyên sở dẫn, tự tâm tâm sở, hư vọng biến hiện, do như ảo (huyễn) sự, dương diệm, mộng cảnh, kính tượng, quang ảnh, cốc hưởng, thuỷ nguyệt, biến hoá sở thành, phi hữu tự hữu.»** 衆緣所引，自心心所，虛妄幻事，陽燄，夢境，鏡像，光影，谷響，水月，變化所成，非有似有。– **LAM chú: Chữ *ảo* nên đọc là *huyễn*.**

[65] ***Thành Duy Thức Luận*: «Y thử sơ biến kế sở chấp, lập tướng vô tính; do thử thể tướng tất cánh phi hữu, như không hoa cố. Y thử y tha, lập sinh vô tính; thử như ảo sự, thác chúng duyên sinh, vô như vọng chấp, tự nhiên tính cố; giả thuyết vô tính, phi tính toàn vô. Y hậu viên thành thực, lập thắng nghĩa vô tính; vị tức thắng nghĩa, do viễn ly tiền biến kế sở chấp ngã pháp tính cố, giả thuyết vô tính, phi tính toàn vô.»** 依此初遍計所執，立相無性；由此體相畢竟非有，如空華故。依次依他，立生無性；此如幻事，託衆緣生，無如妄執，自然性故；假說無性，非性全無。依後圓成實性立勝義無性；謂即勝義，由遠離前遍計所執我法性故，假說無性，非性全無.

của chúng nhưng chúng không hoàn toàn là *vô*. (3) Dựa theo tính chất sau chót là "viên thành thực tính" mà lập "thắng nghĩa vô tính" (tính chất không tồn tại là chân lý tối cao); nói thắng nghĩa (chân lý tối cao) bởi vì nó xa lìa tính chất biến kế sở chấp về ngã và pháp. Tuy ta nói tính chất *vô* (không tồn tại) của chúng nhưng chúng không hoàn toàn là *vô*.»[65]

Trong ba tính này của *vô* (không tồn tại), tính đầu thật sự là *chân vô* 眞無, còn hai tính sau chúng ta chỉ giả thuyết là tính chất *vô*. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Hai tính sau tuy thể chẳng phải là *vô*, nhưng có kẻ ngu làm gia tăng tự tính trong nó, vọng chấp ngã và pháp là thực hữu; đó tức là biến kế sở chấp. Cho nên để trừ bỏ cái chấp này, Phật thế tôn từ *hữu* mà đề cập *vô*, giảng tổng quát về tính chất *vô*.»[66]

Cho nên *tam vô tính* không thực sự trình bày chân lý tuyệt đối. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Trong các kinh nói đến tính *vô*, nhưng nó chẳng phải là chân lý tuyệt đối; các bậc trí huệ không nên nương vào nó.»[67]

Tâm 心(citta) và tâm sở 心所 (caitta) cũng thuộc y tha khởi tính. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Các thể của tâm và tâm sở được các duyên sinh ra cùng với tướng phần và kiến phần, [chủng tử] hữu lậu và [chủng tử] vô lậu, tất cả chúng đều dựa theo cái khác mà khởi. Chúng dựa theo các duyên khác mà khởi lên vậy.»[68]

Chỉ có thể như thế, nên *Thành Duy Thức Luận* nói: «Các tâm và tâm sở dựa theo cái khác mà khởi, nên cũng giống trò ảo thuật, chúng không phải là sự tồn tại chân thực. Để trừ bỏ vọng chấp rằng các cảnh ngoài tâm và tâm sở là thực hữu, nên [Phật] mới nói chỉ có thức là thực. Nhưng nếu chấp chỉ có thức là thực thì đó cũng giống như chấp vào ngoại cảnh, cũng tức là pháp chấp.»[69]

---

[66] ***Thành Duy Thức Luận*: «Hậu nhị tính tuy thể phi vô, nhi hữu ngu phu ư bỉ tăng ích vọng chấp thực hữu ngã pháp tự tính, thử tức danh vi biến kế sở chấp. Vi trừ thử chấp, cố Phật thế tôn ư hữu cập vô, tổng thuyết vô tính.»** 後二性雖體非無，而有愚夫於彼增益妄執實有我法自性，此即名爲遍計所執．爲除此執，故佛世尊於有及無，總說無性．

[67] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chư khế kinh trung thuyết vô tính ngôn, phi cực liễu nghĩa, chư hữu trí giả bất ưng y chỉ.»** 諸契經中說無性言，非極了義，諸有智者不應依之．

[68] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chúng duyên sở sinh tâm tâm sở thể, cập tướng kiến phần, hữu lậu vô lậu, giai y tha khởi. Y tha chúng duyên, nhi đắc khởi cố.»** 衆緣所生心心所體，及相見分，有漏無漏，皆依他起．依他衆緣，而得起故．

[69] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chư tâm tâm sở, y tha khởi cố, diệc như ảo sự, phi chân thực hữu. Vi khiển vọng chấp, tâm tâm sở ngoại thực hữu cảnh cố, thuyết duy hữu thức. Nhược chấp Duy Thức chân thực hữu giả, như chấp ngoại cảnh, diệc thị pháp chấp.»** 諸心心所，依他起故，亦如幻事，非眞實有．爲遣妄執，心心所外實有境故，說唯有識．若執唯識眞實有者，如執外境，亦是法執．

Tâm và mọi pháp đều dựa theo cái khác mà khởi. Đó là trạng huống thực của tâm và mọi pháp hay tính chất thực của tâm và mọi pháp, hay là thực tính của mọi pháp. Không hiểu được thực tính này của mọi pháp mà chấp rằng mọi pháp đều là thực hữu, đó chính là biến kế sở chấp. Còn như hiểu được thực tính này của mọi pháp, tức là nhập vào «viên thành thực» 圓成實 (thực hữu được thành tựu viên mãn).

Cái thực tính của mọi pháp được gọi là *chân như* 眞如 (bhūta-tathatā). *Thành Duy Thức Luận* nói: «*Chân* 眞 nghĩa là "chân thực", ý nói nó chẳng phải hư vọng; *như* 如 nghĩa là "như thường", ý nói nó chẳng biến đổi. Nói nó là chân thực, bởi ở mọi vị trí [hay hoàn cảnh] nó cứ vẫn thường hằng như bản tính của nó. Cho nên nó được gọi là *chân như*, nghĩa là tĩnh lặng thâm sâu và không hư vọng. Từ "cũng" (*diệc* 亦) [ở đoạn văn trước] có nghĩa là nó cũng còn có nhiều tên gọi khác, thí dụ như: *pháp giới* 法界 (dharma-dhātu), *thực tế* 實際 (bhūta-koṭi), v.v...»[70]

Thành Duy Thức Luận lại nói: «Hễ chân như được hiển hiện do tính không của vô ngã, thì hữu và vô đều không có. Lối đi của tâm và lời nói (tâm ngôn lộ) dứt tuyệt. Chân như không đồng nhất mà cũng không khác với mọi pháp. Nó là chân lý của pháp, nên gọi là pháp tính. [...] Bởi bác bỏ ý kiến xem nó là vô, nên nói nó là hữu. Bởi bác bỏ ý kiến xem nó là hữu, nên nói nó là không. Bởi không thể nói nó hư ảo, nên nói nó là thực. Bởi lý của nó không hư vọng và điên đảo, nên gọi nó là chân như. Chúng ta khác với các tông phái khác. Theo họ, có một pháp thường tồn và chân

---

[70] ***Thành Duy Thức Luận*: «Chân vị chân thực, hiển phi hư vọng; như vị như thường, biểu vô biến dị. Vị thử chân thực, tư nhất thiết vị, thường như kỳ tính, cố viết chân như. Tức thị trạm nhiên bất hư vọng nghĩa. Diệc ngôn hiển thử phục hữu đa danh, vị danh pháp giới, cập thực tế đẳng.»** 眞謂眞實，顯非虛妄；如謂如常，表無變易．謂此眞實，於一切位，常如其性，故曰眞如．即是湛然不虛妄義．亦言顯此復有多名，謂名法界，及實際等.– **LAM chú: Các tên gọi khác của *chân như* 眞如 (tathatā) là: *bất biến dị tính* 不變異性, *bất hư vọng tính* 不虛妄性, *bất tư nghị giới* 不思議界, *bình đẳng tính* 平等性 (samatā), *chân không* 眞空, *chân đế* 眞諦 (paramārtha-satya), *hư không giới* 虛空界, *ly sinh tính* 離生性, *nhất như* 一如, *nhất thực* 一實, *nhất tướng* 一相 (eka-lakṣaṇa), *như lai tạng* 如來藏 (tathāgatagarbha), *niết bàn* 涅槃 (nirvāna), *pháp chứng* 法證, *pháp giới* 法界 (dharma-dhātu), *pháp định* 法定, *pháp thân* 法身 (dharma-kāya), *pháp tính* 法性 (dharmatā), *pháp trú* 法住, *pháp vị* 法位 (dharma-niyāmatā), *thực đế* 實諦, *thực tế* 實際 (bhūtatathatā), *thực tính* 實性, *tự tính thanh tịnh tâm* 自性清淨心, *vô ngã tính* 無我性 (anātman), *vô tướng* 無相 (alakṣaṇa), *vô vi* 無爲 (asaṃskṛta). Trong số các tên gọi này, *chân như*, *pháp tính*, và *thực tế* được dùng nhiều nhất trong *Bát Nhã Ba La Mật Kinh* (Prajñāpāramitā sūtra). Xem: Soothill & Hodous (*A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*) và Charles Muller (*Combined Digital Dictionaries of Buddhism and East Asean Literary Terms*) mục từ *«chân như»* 眞如 và các mục từ liên quan.**

thực xa rời sắc, tâm, v.v... mà họ gọi là chân như.»[71]

Thành Duy Thức Luận lại nói: «Bảy loại chân như là: (1) *Lưu chuyển chân như* (chân như của luân hồi), nghĩa là thực tính của các hữu vi lưu chuyển. (2) *Thực tướng chân như* (chân như của thực tướng), nghĩa là thực tính được hiển thị trong hai *vô ngã* (tức *nhân vô ngã* 人無我 và *pháp vô ngã* 法無我). (3) *Duy thức chân như* (chân như của duy thức), nghĩa là thực tính của các pháp thanh tịnh và các pháp tạp nhiễm thuộc về duy thức. (4) *An lập chân như* (chân như của sự an lập hay bất biến), nghĩa là thực tính của *khổ* 苦 (duḥkha). (5) *Tà hành chân như* (chân như của thực hành tà vạy), nghĩa là thực tính của *tập* 集 (samudaya). (6) *Thanh tịnh chân như* (chân như của thanh tịnh), nghĩa là thực tính của *diệt* 滅 (nirodha). (7) *Chính hành chân như* (chân như của thực hành chân chính), nghĩa là thực tính của *đạo* 道 (mārga).»[72]

Chân như tức là thực tính của mọi pháp, cho nên thực tính hữu vi lưu chuyển, v.v... cho đến thực tính thanh tịnh đều là chân như.

g. Chuyển thức thành trí

Trên đây đã nói rằng: Không hiểu được thực tính của mọi pháp, mà chấp rằng mọi pháp đều là thực hữu, đó chính là biến kế sở chấp. Còn như hiểu được thực tính của mọi pháp, tức là nhập vào «viên thành thực» 圓成實 (thực hữu được thành tựu viên mãn).

Cái hiểu biết này không phải là cái hiểu biết thông thường, bởi vì về phương diện tri thức, tuy chúng ta có thể biết mọi pháp chỉ là thức, nhưng trên thực tế thì ta lại chấp mọi pháp là thực hữu. Bởi ngã chấp và

---

[71] ***Thành Duy Thức Luận*: «Không vô ngã sở hiển chân như, hữu vô câu phi, tâm ngôn lộ tuyệt, dữ nhất thiết pháp, phi nhất dị đẳng. Thị pháp chân lý, cố danh pháp tính. [...] Già bát vi vô, cố thuyết vi hữu. Già chấp vi hữu, cố thuyết vi không. Vật vị hư ảo, cố thuyết vi thực. Lý phi vọng đảo, cố danh chân như. Bất đồng dư tông, ly sắc tâm đẳng, hữu thực thường pháp, danh viết chân như.»** 空無我所顯眞如，有無俱非，心言路絕，與一切法，非一異等，是法眞理，故名法性。[...] 遮撥爲無，故說爲有。遮執爲有，故說爲空。勿謂虛幻，故說爲實。理非妄倒，故名眞如。不同餘宗，離色心等，有實常法，名曰眞如。

[72] ***Thành Duy Thức Luận*: «Thất chân như giả: Nhất lưu chuyển chân như, vị hữu vi pháp lưu chuyển thực tính. Nhị thực tướng chân như, vị nhị vô ngã sở hiển thực tính. Tam Duy Thức chân như, vị nhiễm tịnh pháp Duy Thức thực tính. Tứ an lập chân như, vị khổ thực tính. Ngũ tà hành chân như, vị tập thực tính. Lục thanh tịnh chân như, vị diệt thực tính. Thất chính hành chân như, vị đạo thực tính.»** 七眞如者：一流轉眞如，謂有爲法流轉實性。二實相眞如，謂二無我所顯實性。三唯識眞如，謂染淨法唯識實性。四安立眞如，謂苦實性。五邪行眞如，謂集實性。六清淨眞如，謂滅實性。七正行眞如，謂道實性。

pháp chấp đã thâm căn cố đế trong tâm chúng ta, cho nên chúng ta phải dùng phương pháp tu hành thì mới có thể «ngộ nhập Duy Thức». Theo phương pháp tu hành gì thì mới có thể giác ngộ và nhập vào Duy Thức? Phương pháp tu hành này có năm giai đoạn. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Năm giai đoạn của "ngộ nhập Duy Thức" là gì? (1) *Tư lương* 資糧 (saṃbhāra), nghĩa là tu theo Đại Thừa để giải thoát. (2) *Gia hành* 加行 (prayoga), nghĩa là tu theo Đại Thừa để quyết định và tuyển chọn. (3) *Thông đạt* 通達 (prativedha), nghĩa là giai đoạn thấy đạo của chư bồ tát. (4) *Tu tập* 修習 (bhāvanā), nghĩa là giai đoạn tu đạo của chư bồ tát. (5) *Cứu cánh* 究竟 (niṣṭhā), nghĩa là trú ngụ trong vô thượng chính đẳng bồ đề. Phương pháp tu dần dần để ngộ nhập Duy Thức nghĩa là gì? Nghĩa là chư bồ tát ở giai đoạn *tư lương* có thể tin và hiểu sâu tướng và tính của thức; ở giai đoạn *gia hành* có thể dần dần trừ bỏ *sở thủ* (cái được nhận lấy = đối tượng, pháp) và *năng thủ* (cái nhận lấy = chủ thể, ngã), làm phát triển quan điểm chân chính; ở giai đoạn *thông đạt* thì hiểu thấu thực tại; ở giai đoạn *tu tập* thì luôn luôn tu tập theo cái lý được thấy, lại còn đoạn trừ các chướng ngại khác [đối với sự giác ngộ]; ở giai đoạn *cứu cánh* thì thoát khỏi chướng ngại mà nhập vào *viên minh* 圓明 (sự sáng tròn đầy của giác ngộ), trong tương lai cùng tận có thể hoá độ chúng sinh hữu tình, khiến họ cũng giác ngộ nhập vào tướng và tính của Duy Thức.»[73]

[73] ***Thành Duy Thức Luận*: «Hà vị ngộ nhập Duy Thức ngũ vị? Nhất tư lương vị, vị tu đại thừa thuận giải thoát phần. Nhị gia hành vị, vị tu đại thừa thuận quyết trạch phần. Tam thông đạt vị, vị chư bồ tát sở trú kiến đạo. Tứ tu tập vị, vị chư bồ tát sở trú tu đạo. Ngũ cứu cánh vị, vị trú vô thượng chính đẳng bồ đề. Vân hà tiệm thứ ngộ nhập Duy Thức? Vị chư bồ tát ư thức tướng tính tư lương vị trung, năng thâm tín giải. Tại gia hành vị, năng tiệm phục trừ sở thủ năng thủ, dẫn phát chân kiến. Tại thông đạt vị, như thực thông đạt. Tu tập vị trung, như sở kiến lý, sác sác tu tập, phục đoạn dư chướng. Chí cứu cánh vị, xuất chướng viên minh, năng tận vị lai hoá hữu tình loại, phục lệnh ngộ nhập Duy Thức tướng tính.»** 何謂悟入唯識五位?一資糧位,謂修大乘順解脫分.二加行位,謂修大乘順決擇分.三通達位,謂諸菩薩所住見道.四修習位,謂諸菩薩所住修道.五究竟位,謂住無上正等菩提.云何漸次悟入唯識?謂諸菩薩於識相性資糧位中,能深信解.在加行位,能漸伏除所取能取,引發眞見.在通達位,如實通達.修習位中,如所見理,數數修習,伏斷餘障.至究竟位,出障圓明,能盡未來化有情類,復令悟入唯識相性.– **LAM chú: Giai đoạn (bhūmi) được dịch ra chữ Hán là *địa* 地 hay *vị* 位. Năm giai đoạn (*ngũ vị* 五位, pañca-bhūmi) của Duy Thức dịch sát nghĩa là: (1) *Tư lương vị* 資糧 (saṃbhāra-bhūmi) là giai đoạn chuẩn bị, thu thập «tư liệu» (tức là công đức và trí tuệ) để tu hành. (2) *Gia hành vị* 加行位 (prayoga-bhūmi) cũng là giai đoạn chuẩn bị như giai đoạn tư lương nhưng trực tiếp hơn, tức là chuẩn bị để khai mở trí tuệ vô lậu (vô lậu trí 無漏智) để kiến đạo 見道 (thấy đạo). (3) *Thông đạt vị* 通達位 (prativedha-bhūmi) là giai đoạn kiến đạo của chư bồ tát vì vô lậu trí được khai mở. (4) *Tu tập vị* 修習位 (bhāvanā-bhūmi) là giai đoạn tu tập liên tục theo lý duy thức, đồng thời đào sâu kinh nghiệm về trí vô phân biệt và đoạn diệt phiền não. (5) *Cứu cánh vị* 究竟位 (niṣṭhā-bhūmi) là giai đoạn đại giác đại ngộ, thành Phật quả, trú ngụ trong vô**

Ở «tư lương vị» 資糧位 (giai đoạn 1), người tu hành có thể tin chắc và hiểu sâu ý nghĩa Duy Thức, tuy nhiên lại không diệt trừ được *năng thủ* (cái nhận lấy = chủ thể, ngã) và *sở thủ* (cái được nhận lấy = đối tượng, pháp). *Thành Duy Thức Luận* nói: «Sự huân tập từ hai cái *thủ* (năng thủ và sở thủ) ấy gọi là *tuỳ* 隨 (anu) và *miên* 眠 (śaya), gọi như vậy vì nó bám theo chúng sinh hữu tình và ẩn nấp trong tàng thức, hoặc bám theo mà gia tăng lầm lỗi, nên gọi là *tuỳ miên*. Nó chính là chủng tử của hai chướng: sở tri chướng (jñeya-āvaraṇa) và phiền não chướng (kleśa-āvaraṇa). Phiền não chướng tức là chấp vào cái ngã mà biến kế sở chấp cho là thực. Xem bản thân có thực, đó là quan niệm hàng đầu. 128 phiền não căn bản cùng với các tuỳ phiền não, tất cả chúng đều khuấy rối thân tâm của chúng sinh hữu tình, gây cản trở đối với niết bàn; nên gọi là phiền não chướng. Sở tri chướng tức là chấp vào cái pháp mà biến kế sở chấp cho là thực. Xem bản thân có thực, đó là quan niệm hàng đầu. Các thứ như tà kiến, nghi ngờ, vô minh, tham ái, giận dữ, ngạo mạn, v.v... che đậy chân tính của các cảnh được biết, làm cản trở bồ đề; nên gọi là sở tri chướng.»[74]

Bởi vì có năng thủ (ngã) và sở thủ (pháp) nên sinh ra phiền não chướng và sở tri chướng. Có năng thủ và chấp nó là thực ngã nên sinh ra phiền não chướng; có sở thủ và chấp nó là thực pháp nên sinh ra sở tri chướng.

---

thượng chính đẳng bồ đề 無上正等菩提 (anuttarā-samyak-saṃbodhi); ở giai đoạn này bậc bồ tát có thể hoá độ chúng sinh trong tương lai.

[74] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhị thủ tập khí, danh bỉ tuỳ miên, tuỳ trục hữu tình, miên phục tàng thức, hoặc tuỳ tăng quá, cố danh tuỳ miên. Tức thị sở tri phiền não chướng chủng. Phiền não chướng giả, vị chấp biến kế sở chấp thực ngã, Tát già da kiến nhi vi thượng thủ. Bách nhị thập bát căn bản phiền não, cập bỉ đẳng lưu chư tuỳ phiền não, thử giai phiền não hữu tình thân tâm, năng chướng niết bàn, danh phiền não chướng. Sở tri chướng giả, vị chấp biến kế sở chấp thực pháp, tát già da kiến nhi vi thượng thủ. Kiến nghi vô minh ái khuể mạn đẳng, phúc sở tri cảnh vô điên đảo tính, năng chướng bồ đề, danh sở tri chướng.» 二取習氣，名彼隨眠，隨逐有情，眠伏藏識，或隨增過，故名隨眠．即是所知煩惱障種．煩惱障者，謂執遍計所執實我，薩迦耶見而爲上首．百二十八根本煩惱，及彼等流諸隨煩惱，此皆煩惱有情身心，能障涅槃，名煩惱障．所知障者，謂執遍計所執實法，薩迦耶見而爲上首．見疑無明愛恚慢等，覆所知境無顛倒性，能障菩提，名所知障．– LAM chú: *Tát-già-da kiến* 薩迦耶見 (satkāya-dṛṣṭi) cũng gọi là *hữu thân kiến* 有身見 hay *thân kiến* 身見: quan điểm này liên quan với mạt-na thức, xem bản thân ta là có thực; nó cũng bao gồm chấp ngã và chấp pháp. Về *phiền não* và *tuỳ phiền não*, xin xem lại chú thích 39 của chương này. Có nhiều cách phân loại phiền não, từ 2, 3, 4, 6, 10, 20, v.v... cho đến 108, 128, thậm chí 84000 phiền não. Theo Soothill & Hodous, 128 phiền não căn bản này liên quan với *kiến* 見 (quan điểm) và *tư* 思 (tư tưởng). Còn 6 phiền não căn bản thì liên quan với lục căn.**

Ở «gia hành vị» 加行位 (giai đoạn 2), người tu hành cần tìm hiểu bốn loại pháp: *danh* 名, *nghĩa* 義, *tự tính* 自性, *sai biệt* 差別. Người ấy sẽ hiểu rằng tất cả vạn hữu chỉ là giả; kỳ thực chúng là vô; hiểu rằng tất cả chỉ là do tâm biến ra, giả lập là hữu. Như thế người ấy hiểu rằng cái sở thủ vốn không tồn tại; và tiến thêm chút nữa, sẽ hiểu rằng: «Vốn đã không có cảnh chân thực tách lìa *năng thủ thức* (cái thức nhận cảnh đó), lẽ nào có thức chân thực tách lìa *sở thủ cảnh* (cảnh được nhận)? Bởi vì *sở thủ* (đối tượng) và *năng thủ* (chủ thể) cùng bấu víu nhau mà thành lập.»[75] Như vậy, ở chỗ này người ấy sẽ phát lộ *như thực trí* 如實智 (trí huệ chân thực tối cao) và thành lập được đệ nhất pháp của thế gian nhờ đã triệt tiêu sở thủ và năng thủ. Như thực trí 如實智 là trí huệ nhìn thấy thực tính của chư pháp; đệ nhất pháp của thế gian (gian đệ nhất pháp 間第一法) là chân lý thứ nhất, xác nhận sở thủ và năng thủ đều là không.

Thành Duy Thức Luận nói: «[Trong giai đoạn gia hành, tư tưởng của người tu] vẫn còn chấp vào tướng [hữu và vô], nên chưa thể chứng được thực tại. Do đó mới nói bồ tát – suốt bốn trường hợp [quán xét *danh, nghĩa, tự tính, sai biệt*] của giai đoạn này – trước mắt vẫn còn chút ít để quán xét tính chất chân thực tối cao của Duy Thức. Đó là vì hai tướng không và hữu chưa được diệt trừ, nên cái tâm quán xét của người ấy vẫn còn bám vào hai tướng ấy, và người ấy không thực sự an trú trong chân lý của Duy Thức. Hễ hai tướng ấy diệt được rồi, thì người ấy mới thực sự an trú trong chân lý của Duy Thức.»[76]

Đệ nhất pháp của thế gian vẫn chỉ là chân lý của thế gian. Ở giai đoạn này, người tu hành trước mắt vẫn còn hai tướng không và hữu để quán xét về chân lý của Duy Thức. Nói theo thuật ngữ triết học hiện đại, tức là giai đoạn này vẫn còn có sự phân biệt giữa chủ quan và khách quan. Đối với chân lý của Duy Thức, người ấy mới «biết» mà thôi, chứ chưa «an trú» trong đó.

Bậc tu hành khi đạt tới «thông đạt vị» 通達位 (giai đoạn 3) thì:

---

[75] ***Thành Duy Thức Luận*: «Ký vô thực cảnh, ly năng thủ thức, ninh hữu thực thức, ly sở thủ cảnh, sở thủ năng thủ, tương đãi lập cố.»** 既無實境，離能取識，寧有實識離所取境，所取能取，相待立故.

[76] ***Thành Duy Thức Luận*: «Giai đái tướng cố, vị năng chứng thực. Cố thuyết bồ tát thử tứ vị trung, do ư hiện tiền an lập thiểu vật, vị thị Duy Thức chân thắng nghĩa tính. Dĩ bỉ không hữu nhị tướng vị trừ, đái tướng quán tâm hữu sở đắc cố, phi thực an trú chân Duy Thức lý. Bỉ tướng diệt dĩ, phương thực an trú.»** 皆帶相故，未能證實. 故說菩薩此四位中，猶於現前安立少物，謂是唯識眞勝義性. 以彼空有二相未除，帶相觀心有所得故，非實安住眞唯識理. 彼相滅已，方實安住.

«Lúc này bồ tát có trí huệ vô phân biệt, không có cái sở đắc ở ngoại cảnh, và không nhận lấy các loại tướng *hí luận* 戲論 (prapañca). Lúc này gọi là thực sự an trú trong chân lý tối cao của Duy Thức, tức là chứng được chân như. Trí huệ và chân như của người ấy bình đẳng với nhau, bởi vì đều xa lìa hai tướng năng thủ và sở thủ. Hai tướng năng thủ và sở thủ bị phân biệt, bởi vì còn hiển hiện sự hí luận do tâm sở đắc.»[77]

Lúc này người tu hành thực sự an trú trong chân lý tối cao của Duy Thức và chứng được chân như. Con đường tu hành rốt cuộc đã đến đích; chỉ cần trau giồi mài giũa thêm mà thôi.

Bậc tu hành khi đạt tới «tu tập vị» 修習位 (giai đoạn 4) thì: «Từ khi thấy đạo (kiến đạo) rồi, bồ tát phải thường xuyên tu tập trí huệ vô phân biệt để đoạn tuyệt các chướng ngại còn lại và chứng đắc "chuyển y" 轉依 (āśraya-parāvṛtti = chuyển phiền não thành niết bàn). Trí huệ vô phân biệt xa rời sở thủ và năng thủ, nên nói là "vô đắc" 無得 (không đạt được gì cả) và "bất tư nghị" 不思議 (không thể suy nghĩ và luận bàn). Hoặc vì xa lìa hí luận, nên nói là "vô đắc"; diệu dụng khó lường, nên gọi là "bất tư nghị". [...] "Y" 依 [trong "chuyển y"] nghĩa là *sở y* (cái được dựa vào), bởi vì nó là cái để cho các pháp tạp nhiễm và pháp thanh tịnh dựa vào mà khởi lên. "Nhiễm" 染 nghĩa là cái bị vọng chấp là thực. "Tịnh" 淨 nghĩa là cái thực tính được thành tựu chân thực. "Chuyển" 轉 [trong "chuyển y"] nghĩa là *chuyển xả* (xả bỏ pháp tạp nhiễm) và *chuyển đắc* (được pháp thanh tịnh) trong sự phân biệt hai pháp [nhiễm và tịnh]. Do luôn luôn tu tập trí huệ vô phân biệt, ta đoạn diệt được hai chướng thô và nặng nề trong bản thức (tức *a-lại-da* thức), nên có thể chuyển xả *biến kế sở chấp tính* ở trên *y tha khởi tính*; và có thể chuyển đắc *viên thành thực tính* ở trong *y tha khởi tính*. Do chuyển phiền não nên ta đắc đại niết bàn; do chuyển sở tri chướng nên ta chứng *vô thượng giác* (sự giác ngộ tối cao). Lý do thành lập thuyết Duy Thức là để chúng sinh hữu tình chứng đắc hai kết quả chuyển y ấy. Hoặc [có thể nói rằng] cái được dựa vào tức là chân như của Duy Thức, bởi vì nó là cái được dựa vào cho cả sinh tử lẫn niết

---

[77] ***Thành Duy Thức Luận*: «Nhược thời bồ tát ư sở duyên cảnh, vô phân biệt trí đô vô sở đắc, bất thủ chủng chủng hí luận tướng cố. Nhĩ thời nãi danh thực trú Duy Thức chân thắng nghĩa tính, tức chứng chân như. Trí dữ chân như, bình đẳng bình đẳng, câu ly năng thủ sở thủ tướng cố. Năng sở thủ tướng, câu thị phân biệt, hữu sở đắc tâm hí luận hiện cố.»** 若時菩薩於所緣境，無分別智都無所得，不取種種戲論相故。爾時乃名實住唯識眞勝義性，即證眞如。智與眞如，平等平等，俱離能取所取相故。能所取相，俱是分別，有所得心戲論現故。**– LAM chú: *Hí luận* 戲論 (prapañca): (1) Lời giả dối cố ý, che lấp sự thật, dẫn tới vô minh và phiền não. (2) Ngụy biện; lập luận vô nghĩa và vô dụng. (Xem mục từ này trong hai từ điển điện tử đã dẫn của: Charles Muller; Soothill & Hodous).**

bàn. Kẻ ngu bị điên đảo do mê muội về cái chân như này, cho nên từ thuở vô thuỷ đến nay họ phải chịu đau khổ của luân hồi sinh tử. Bậc thánh xa lìa điên đảo, bởi giác ngộ cái chân như này, nên đạt được niết bàn và sự an lạc tối hậu.»[78]

Bậc tu hành khi đạt tới «cứu cánh vị» (giai đoạn 5) thì: «Nên biết rằng sự chuyển y đạt được ở giai đoạn tu tập trước đây tức là sự thể hiện của giai đoạn cứu cánh. Nó nghĩa là hai kết quả chuyển y [của giai đoạn] trước đây, tức là đạt tới cõi vô lậu (vô lậu giới 無漏界) như là mục đích tối hậu. Các lậu (tức phiền não: kleśa) vĩnh viễn hết sạch; không còn phiền não nào theo đó mà tăng. Tính ấy thanh tịnh, tròn đầy và sáng, nên gọi là "vô lậu" 無漏. "Cõi" (*giới* 界) ngụ ý tàng chứa, bởi vì trong đó hàm chứa đại công đức vô biên và hiếm hoi. Hoặc nó có nghĩa là nguyên nhân, bởi vì nó có thể sinh những lợi lạc ở thế gian và xuất thế gian của *ngũ thừa* 五乘.»[79]

---

[78] ***Thành Duy Thức Luận*: «Bồ tát tòng tiền kiến đạo khởi dĩ, vi đoạn dư chướng, chứng đắc chuyển y, phục sác tu tập vô phân biệt trí. Thử trí viễn ly sở thủ năng thủ, cố thuyết vô đắc. Cập bất tư nghị, hoặc ly hí luận, thuyết vi vô đắc; diệu dụng nan trắc, danh bất tư nghị. [...] Y vị sở y, tức y tha khởi, dữ nhiễm tịnh pháp, vi sở y cố. Nhiễm vị hư vọng biến kế sở chấp; tịnh vị chân thực viên thành thực tính. Chuyển vị nhị phân chuyển xả chuyển đắc. Do sác tu tập vô phân biệt trí, đoạn bản thức trung nhị chướng thô trọng, cố năng chuyển xả y tha khởi thượng biến kế sở chấp, cập năng chuyển đắc y tha khởi trung viên thành thực tính. Do chuyển phiền não, đắc đại niết bàn; chuyển sở tri chướng, chứng vô thượng giác. Thành lập Duy Thức, ý vi hữu tình chứng đắc như tư nhị chuyển y quả. Hoặc y tức thị Duy Thức chân như, sinh tử niết bàn chi sở y cố. Ngu phu điên đảo mê thử chân như, cố vô thuỷ lai, thụ sinh tử khổ. Thánh giả ly đảo, ngộ thử chân như, tiện đắc niết bàn tất cứu an lạc.»** 菩薩從前見道起已，爲斷餘障，證得轉依，復數修習無分別智。此智遠離所取能取，故說無得。及不思議，或離戲論，說爲無得；妙用難測，名不思議。[...] 依謂所依，即依他起，與染淨法，爲所依故。染謂虛妄遍計所執；淨謂眞實圓成實性。轉謂二分轉捨轉得。由數修習無分別智，斷本識中二障麤重，故能轉捨依他起上遍計所執，及能轉得依他起中圓成實性。由轉煩惱，得大涅槃；轉所知障，證無上覺。成立唯識，意爲有情證得如斯二轉依果。或依即是唯識眞如，生死涅槃之所依故。愚夫顚倒迷此眞如，故無始來，受生死苦。聖者離倒，悟此眞如，便得涅槃畢究安樂。

[79] ***Thành Duy Thức Luận*: «Tiền tu tập vị sở đắc chuyển y, ưng tri tức thị cứu cánh vị tướng. Thử vị thử tiền nhị chuyển y quả, tức thị cứu cánh vô lậu giới nhiếp. Chư lậu vĩnh tận, phi lậu tuỳ tăng. Tính tịnh viên minh, cố danh vô lậu. Giới thị tàng nghĩa, thử trung hàm dung vô biên hi hữu đại công đức cố hoặc thị nhân nghĩa, năng sinh ngũ thừa thế xuất thế gian lợi lạc sự cố.»** 前修習位所得轉依，應知即是究竟位相。此謂此前二轉依果，即是究竟無漏界攝。諸漏永盡，非漏隨增。性淨圓明，故名無漏。界是藏義，此中含容無邊希有大功德故或是因義，能生五乘世出世間利樂事故。— LAM chú: ***Ngũ thừa* 五乘 là: (1) *Nhân thừa* 人乘**: do tuân giữ ngũ giới cấm mà tái sinh làm người; **(2) *Thiên thừa* 天乘**: do tạo 10 việc thiện mà tái sinh vào cõi trời; **(3) *Thanh văn thừa* 聲聞乘**: do nghe giảng tứ diệu đế mà chứng quả A la hán 阿羅漢 hay Thanh văn

Lúc này tám thức đã chuyển thành trí; bấy giờ thức trở thành thức vô lậu. Thức vô lậu cũng là loại năng biến; các loại thân Phật và cõi Phật đều do nó biến ra. *Thành Duy Thức Luận* nói: «Các thân và các cõi này được biến hiện do thức vô lậu, cũng giống như [các pháp] thanh tịnh hoặc ô uế được biến hiện do các thức năng biến thông thường. Cùng với các thức năng biến, các thân Phật và cõi Phật thì thuần thiện và vô lậu. Bởi được sinh ra do các nhân duyên thuần thiện và vô lậu, nên chúng là kết quả tích tập của đạo đế 道諦(mārga-satya), chứ không phải của khổ đế 苦諦(duḥkha-satya).»[80]

Trong thức vốn có hai loại chủng tử hữu lậu và vô lậu, tức nhiễm pháp và tịnh pháp. Thân Phật và cõi Phật tức là y theo chủng tử vô lậu mà thành một thế giới khác.

3. Kim Sư Tử Luận của Pháp Tạng

Từ những gì đã nói trên đây, ta có thể thấy rằng thuyết Duy Thức mà Huyền Tãng trình bày tỏ ra không tương hợp với khuynh hướng tư tưởng của người Trung Quốc. Thuyết Duy Thức xem ngoại giới là sự biến hiện từ thức của chúng ta; mà thức của chúng ta cũng là cái dựa theo cái khác mà khởi. Giống như thuyết của David Hume trong triết học Tây phương, nó là Duy tâm luận chủ quan và cực đoan, hoàn toàn trái ngược với tri thức thông thường. Thuyết bất chân không của Tăng Triệu (đã trình bày ở chương 7) cũng xem các pháp giống như «ảo hoá nhân» (người do trò ảo thuật biến ra), nhưng nói vậy là để chứng minh rằng «ảo hoá nhân không thực sự là không tồn tại». Còn theo thuyết Duy Thức mà Huyền Tãng trình bày thì «ảo hoá nhân không phải là người thực.» Ý tưởng chủ yếu của hai nhà khác nhau, nên những điểm mà họ chú trọng cũng tất nhiên khác nhau.

Người tu hành sau khi thành Phật rồi, tuy Huyền Tãng không phủ nhận các hoạt động tiếp theo [tại thế gian] của người ấy, nhưng đối với điểm này ông chưa đề cập nhiều, bởi vì nó không phải là điều ông chú trọng. Huyền Tãng còn cho rằng chỉ một số người là có chủng tử vô lậu

---

(śrāvaka); (4) *Duyên giác thừa* 緣覺乘: do nghe giảng 12 nhân duyên mà chứng quả Bích chi phật 辟支佛(pratyekabuddha) tức Độc giác phật 獨覺佛hay Duyên giác; (7) *Bồ tát thừa* 菩薩乘: do tu lục độ ba la mật 六度波羅蜜(= bố thí 布施, trì giới 持戒, nhẫn nhục 忍辱, tinh tấn 精進, thiền định 禪定, trí huệ 智慧) mà chứng quả phật và bồ tát.

[80] *Thành Duy Thức Luận*: «Thử chư thân thổ, nhược tịnh nhược uế, vô lậu thức thượng sở biến hiện giả, đồng năng biến thức, câu thiện vô lậu. Thuần thiện vô lậu nhân duyên sở sinh, thị đạo đế nhiếp, phi khổ tập cố.» 此諸身土,若淨若穢,無漏識上所變現者,同能變識,俱善無漏.純善無漏因緣所生,是道諦攝,非苦集故.

mà thôi, tức là không phải ai ai cũng có Phật tính, không phải ai ai cũng có thể thành Phật. Có thể nói rằng: Thức cũng dựa theo cái khác mà khởi, chủng tử trong đó cũng phải dựa theo cái khác mà khởi, nên không phải hễ được tạo thành rồi thì nó trở nên bất biến (nghĩa là những ai chưa có Phật tính thì sau này cũng sẽ có). Tuy nhiên, theo Huyền Tăng, khả năng thành Phật của chúng sinh ít nhất cũng bất đồng. Ngoài ra, người tu hành còn phải trải qua nhiều giai đoạn nhất định rồi mới đạt được kết quả cuối cùng. Như vậy Huyền Tăng chủ trương tiệm tu chứ không phải đốn ngộ.

Thời bấy giờ, trong số những người bất đồng quan điểm với Huyền Tăng, nổi bật nhất là Pháp Tạng 法藏(643-712). Pháp Tạng tự là Hiền Thủ 賢首, trước khi xuất gia có họ là Khang 康, vốn là người Khang Cư 康居(Sogdiana). Kể từ đời ông nội của ông di cư đến Trung Quốc, thì gia đình ông đã Hán hoá. Pháp Tạng sinh tại Trường An, năm Trinh Quán 17 (tức 643 CN) đời Đường Thái Tông (tức Lý Thế Dân, tại vị 627-648). Sau khi xuất gia, Pháp Tạng tham gia việc dịch kinh Phật với Huyền Tăng. Tuy nhiên, về sau do bất đồng quan điểm với Huyền Tăng nên ông từ bỏ việc dịch kinh. Sau đó, ông phát huy thuyết của hoà thượng Đỗ Thuận 杜順 (557-640) và Trí Nghiễm 智儼(602-668) rồi thành lập Hoa Nghiêm Tông.[81]

---

[81] **LAM chú: Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, 1986, tr.252-253) nói rằng sử sách không chép rõ sự bất đồng giữa Pháp Tạng và Huyền Tăng là gì, chỉ có thể suy luận đó là sự bất đồng giữa chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan. Trong bộ *Tân Biên* này, Phùng Hữu Lan vẫn cho rằng do sự bất đồng đó mà «hậu tự lập tông phái, xưng vi Hoa Nghiêm Tông» 後自立宗派稱爲華嚴宗(sau tự lập ra tông phái gọi là Hoa Nghiêm Tông). Kỳ thực, Pháp Tạng không phải là người sáng lập Hoa Nghiêm Tông. Tông này có sơ tổ là Đỗ Thuận 杜順(557-640), nhị tổ là Trí Nghiễm 智儼(602-668, thường bị phiên âm sai là Trí Nghiêm), tam tổ là Pháp Tạng, tứ tổ là Trừng Quán 澄觀(737-838), ngũ tổ là Tông Mật 宗密(780-841). Ngoài ra phải kể đến cư sĩ Lý Thông Huyền 李通玄(635-730), nổi tiếng là người có công phát huy giáo lý Hoa Nghiêm.**

Trí Nghiễm là thầy của Pháp Tạng và Nghĩa Tương 義湘(625-702, người Triều Tiên, âm Triều Tiên đọc là Ŭisang). Nghĩa Tương sang Trung Quốc học Trí Nghiễm, là sư huynh của Pháp Tạng. Về sau, Nghĩa Tương trở về Triều Tiên lập Hoa Nghiêm Tông, nên được xem là sơ tổ Hoa Nghiêm Tông của Triều Tiên. Trí Nghiễm năm 12 tuổi làm đệ tử của Đỗ Thuận tại chùa Chí Tướng 至相trên ngọn Chung Nam Sơn 終南山; 20 tuổi thụ cụ túc giới. Trí Nghiễm trứ tác nhiều, chuyên về Hoa Nghiêm như: *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sưu Huyền Phân Tề Thông Trí Phương Quỹ* 大方廣佛華嚴經搜玄分齊通智方軌(10 quyển), *Hoa Nghiêm Kinh Nội Chương Môn Đẳng Tạp Khổng Mục* 華嚴經內章門等雜孔目(10 quyển), *Hoa Nghiêm Ngũ Thập Yếu Vấn Đáp* 華嚴五十要問答 (2 quyển), v.v...

Pháp Tạng năm 17 tuổi vào núi Thái Bạch 太白cầu pháp; sau nghe nói Trí Nghiễm trụ trì chùa Vân Hoa 雲華giảng kinh *Hoa Nghiêm* bèn đến học mấy năm, rất xuất sắc, được Trí Nghiễm (602-668) xem như đệ tử. Sau khi Trí Nghiễm viên tịch, Pháp Tạng mới chính thức xuất gia ở chùa

Cao Tăng Truyện (của Tán Ninh 贊寧 đời Tống) chép rằng: «Pháp Tạng giảng *Tân Hoa Nghiêm Kinh* cho Vũ Tắc Thiên.[82] Khi ông giảng đến các thuyết thập huyền của Thiện Đế võng (cái lưới của thần Indra),[83] Hải ấn tam muội, Lục tướng hoà hợp, Phổ nhãn cảnh giới (tức là các chương toát yếu ý nghĩa tổng quát và riêng biệt của Hoa Nghiêm), thì nữ hoàng đế mơ mơ hồ hồ không hiểu. Pháp Tạng bèn chỉ vào đôi sư tử vàng trước cửa điện làm ví dụ; để giảng nghĩa nhanh chóng và dễ hiểu, [ông viết một chương] gọi là *Kim Sư Tử*, liệt kê tướng chung và riêng của mười nguyên tắc (thập môn), nữ hoàng đế bèn hiểu ngay.»[84]



Pháp Tạng

Nay tôi phần lớn cũng lấy *Kim Sư Tử Chương* 金獅子章 của Pháp

Thái Nguyên 太原 năm 670. Sau đó Pháp Tạng chuyên giảng kinh *Hoa Nghiêm* ở các chùa, đồng thời tham gia dịch kinh với Huyền Tăng. Pháp Tạng rất nổi tiếng, được Vũ Tắc Thiên Hoàng Đế phong là Hiền Thủ quốc sư 賢首國師. (Hiền Thủ là tên của một bồ tát trong kinh *Hoa Nghiêm*). Pháp Tạng viết nhiều, thí dụ như *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký* 華嚴探玄記, *Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương* 華嚴五教章, *Khởi Tín Luận Nghĩa Ký* 起信論義記, v.v... Cao đệ của Pháp Tạng là Văn Siêu 文超 và Huệ Uyển 慧苑.

82 LAM chú: Vũ Hậu 武后 (tức Vũ Tắc Thiên 武則天, 625-705) lên ngôi, lập triều đại Vũ Chu 武周 (684-705), tự xưng là Tắc Thiên Đại Thánh Hoàng Đế 則天大聖皇帝. Như vậy sự kiện Pháp Tạng giảng kinh *Tân Hoa Nghiêm* cho Vũ Tắc Thiên xảy ra sau năm 684 (Derk Bodde khẳng định là năm 704).

83 LAM chú: Thần Indra (Thiên Đế 天帝, Trung Quốc phiên âm là Nhân Đà La 因陀羅) là vị thần của bầu trời, của chiến tranh, là vị thần tối cao trong kinh Veda. Thần có thể tạo ra các hiện tượng thời tiết như mưa gió bão sấm chớp, v.v... Thần được mô tả trong kinh Veda là có thân hình bằng vàng, đôi tay rất dài. Vũ khí của thần là dụng cụ tạo ra sét (gọi là vajra). Xem: *The Encyclopedia of Eastern Philosophy and Religion*, Shambala, Boston, 1994, tr.154.

84 *Tống Cao Tăng Truyện:* «Tạng vị Tắc Thiên giảng *Tân Hoa Nghiêm Kinh*, chí Thiên Đế võng nghĩa thập trọng huyền môn, Hải ấn tam muội môn, Lục tướng hoà hợp môn, Phổ nhãn cảnh giới môn, thử chư nghĩa chương giai thị Hoa Nghiêm tổng biệt nghĩa võng, đế ư thử mang nhiên vị quyết. Tạng nãi chỉ trấn điện kim sư tử vi dụ, nhân soạn nghĩa môn, kính tiệp dị giải, hiệu Kim Sư Tử chương, liệt thập môn tổng biệt chi tướng, đế toại khai ngộ kỳ chỉ.» 藏爲則天講新華嚴經，至天帝網義十重玄門，海印三昧門，六相和合義門，普眼境界門，此諸義章皆是華嚴總別義網，帝於此茫然未決.藏乃指鎮殿金獅子爲喻，因撰義門徑捷易解，號金獅子章，列十門總別之相，帝遂開悟其旨.

Tạng làm cương lĩnh để thuật lại triết học trong Hoa Nghiêm Tông mà Pháp Tạng là nhân vật đại biểu.

a. Minh duyên khởi 明緣起

Kim Sư Tử Chương liệt kê mười nguyên tắc (*thập môn* 十門): «1- Minh duyên khởi (hiểu cái khởi lên do duyên), 2- Biện sắc không (phân biệt tính không của vật chất), 3- Ước tam tính (tóm lược ba tính chất), 4- Hiển vô tướng (hiển lộ vô tướng), 5- Thuyết vô sinh (giảng vô sinh), 6- Luận ngũ giáo (bàn về năm giáo), 7- Lặc thập huyền (nắm vững mười huyền bí), 8- Quát lục tướng (bao quát sáu tướng), 9- Thành bồ đề (thành tựu bồ đề), 10- Nhập niết bàn (vào niết bàn).»[85]

Về *Minh duyên khởi* 明緣起 (hiểu cái khởi lên do duyên), Pháp Tạng nói: «Ở đây nói rằng vàng [của sư tử] không có tự tính; chính vì tài khéo của người thợ mà có tướng của sư tử khởi lên. Nó khởi lên là do duyên, nên gọi là duyên khởi.»[86]

Ở đây Pháp Tạng lấy vàng làm thí dụ cho bản thể, và lấy sư tử làm thí dụ cho hiện tượng. Pháp Tạng gọi thế giới của bản thể là «lý pháp giới» 理法界 (cõi của nguyên lý), và gọi thế giới của hiện tượng là «sự pháp giới» 事法界 (cõi của sự vật). Bản thể tức là «tự tính thanh tịnh viên minh thể» 自性清淨圓明體 (thể sáng trọn vẹn và tự tính thanh tịnh).

Pháp Tạng nói: «Nó tức là thể của pháp tính trong Như lai tạng 如來藏 (Tathāgata-garbha); tự xưa đến nay, tính này tự nó đầy đủ, ở trong chỗ ô nhiễm mà không dơ bẩn, dù tu luyện cũng không thanh tịnh hơn. Cho nên gọi là "tự tính thanh tịnh" 自性清淨. Thể của tính chiếu soi khắp nơi, không chỗ tối tăm nào mà nó không soi sáng. Cho nên gọi là "viên minh" 圓明.»[87]

---

[85] *Kim Sư Tử Chương:* «Sơ minh duyên khởi, nhị biện sắc không, tam ước tam tính, tứ hiển vô tướng, ngũ thuyết vô sinh, lục luận ngũ giáo, thất lặc thập huyền, bát quát lục tướng, cửu thành bồ đề, thập nhập niết bàn.» 初明緣起，二辨色空，三約三性，四顯無相，五說無生，六論五教，七勒十玄，八括六相，九成菩提，十入涅槃.

[86] *Kim Sư Tử Chương:* «Vị kim vô tự tính, tuỳ công xảo tượng duyên, toại hữu sư tử tướng khởi. Khởi đãn thị duyên, cố danh duyên khởi.» 謂金無自性，隨工巧匠緣，遂有獅子相起.起但是緣，故名緣起.

[87] Pháp Tạng, *Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán:* «Tức thị Như lai tạng trung pháp tính chi thể, tòng bản dĩ lai, tính tự mãn túc. Xử nhiễm bất cấu, tu trị bất tịnh, cố vân tự tính thanh tịnh; tính thể biến chiếu, vô u bất chúc, cố viết viên minh.» 即是如來藏中法性之體，從本已來，性自滿足.處染不垢，修治不淨，故云自性清淨；性體遍照，無幽不燭，故曰圓明.

Bản thể như nước, hiện tượng như sóng. Sóng trong nước tức là mọi sự vật trong thế giới của hiện tượng. Sư tử vàng được tạo thành; vàng là nhân, sự chế tạo của thợ là duyên. Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều do nhân và duyên hợp lại thì mới có thể sinh khởi; do đó gọi là duyên khởi.

b. Biện sắc không 辨色空

Về *Biện sắc không* (phân biệt tính không của vật chất), Pháp Tạng nói: «Ở đây nói rằng tướng của sư tử là hư ảo, chỉ có vàng là thật. Sư tử không phải là hữu, thể của vàng chẳng phải là vô, nên gọi là tính *không* của *sắc* (vật chất). Ngoài ra, *không* chẳng có tự tướng, nó phải giới hạn ở *sắc* để hiển minh. Nó không bị cản trở bởi cái hữu hư ảo, nên gọi là *sắc* và *không*.»[88]

Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là hư ảo, nên gọi là «sắc không» (tính không của vật chất). Cái *không* (śūnyatā) này chẳng phải là chân không tuyệt đối hoặc không có sự tồn tại của sự vật. Pháp Tạng nói: «Ở đây nói vật chất không có tự tính, tức là *không*; nhưng ảo tướng của nó như sờ sờ trước mắt, tức là *hữu*. Tốt hơn nên nói rằng vật chất hư ảo không có thể, nên nó chẳng khác với *không*; cái *chân không* thì đầy đủ tính chất, và xuyên qua cái bề ngoài của *hữu*. Quán xét *sắc* tức là *không*, thì thành bậc đại trí và không cư trú trong luân hồi sinh tử; quán xét *không* tức là *sắc*, thì thành bậc đại bi (rất thương xót chúng sinh) nhưng không an trú trong niết bàn (vì còn cứu vớt chúng sinh). Xem *sắc* và *không* như nhau, bi và trí không khác, thì mới là chân thực. *Thực Tính Luận* nói: "Bồ tát trước khi đắc Đạo thì có ba nghi ngờ đối với chân không và diệu hữu: (1) nghi ngờ rằng *không* có nghĩa là diệt *sắc*, nên nhận lấy cái *không* bị đoạn diệt; (2) nghi ngờ rằng *không* khác với *sắc*, nên nhận lấy cái *không* ở ngoài *sắc*; (3) nghi ngờ rằng *không* là một vật, nên nhận lấy cái *không* là *hữu*." Nay tôi giải thích điều ấy: *sắc* là *ảo sắc* (vật chất hư ảo), nên nó không cản trở *không*; *không* là *chân không* (cái không vốn là chân thật), nên nó không cản trở *sắc*. Nếu bị cản trở bởi *sắc*, thì nó là cái *không* bị đoạn diệt; nếu bị cản trở bởi *không*, thì nó là

---

[88] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Vị sư tử tướng hư, duy thị chân kim. Sư tử bất hữu, kim thể bất vô, cố danh sắc không. Hựu phục không vô tự tướng, ước sắc dĩ minh. Bất ngại ảo hữu, danh vi sắc không.»** 謂獅子相虛，唯是眞金．獅子不有，金體不無，故名色空．又復空無自相，約色以明．不礙幻有，名爲色空．

thực sắc (vật chất chân thật).»[89]

Cái được gọi là *"không"* chẳng phải là cái *"không"* bị đoạn diệt của mọi sự vật; cũng chẳng phải là cái *không* ở ngoài *sắc*; cũng chẳng phải là một vật. Bởi vì nếu như vậy, *không* sẽ là *hữu*. *Kim Sư Tử Chương* cho rằng cái mà chúng ta gọi là *hữu* thì hư ảo, nhân đó mà nói tính *không* của vật chất. Cho nên Pháp Tạng nói: «*Không* chẳng có tự tướng, nó phải giới hạn ở *sắc* để hiển minh.»

c. Ước tam tính 約三性

Về *Ước tam tính* (tóm lược ba tính chất), Pháp Tạng nói: «Dựa theo cảm giác mà ta xem sư tử là thực hữu, đó gọi là tính chất *biến kế* 遍計 (tính chất tưởng tượng khắp nơi). Xem sư tử đường như là thực hữu, đó gọi là tính chất *y tha* 依他 (tính chất của sự tồn tại dựa theo cái khác). Tính chất của vàng không hư hoại, đó gọi là tính chất *viên thành* 圓成 (tính chất của thực hữu được thành tựu viên mãn).»[90]

Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều do nhân và duyên hợp lại thì mới có thể sinh khởi. Tuy nhiên, chúng chỉ là ảo tướng, có vẻ như thực hữu nhưng vốn không có tự tính; cho nên nói là *y tha* (dựa vào cái khác) mà *Thành Duy Thức Luận* gọi là tính chất *y tha khởi* 依他起. Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều có vẻ như thực hữu, nhưng tình cảm thế tục lại vọng chấp chúng là thực hữu; cho nên nói là *biến kế* (tưởng tượng khắp nơi) mà *Thành Duy Thức Luận* gọi là tính chất *biến kế sở chấp* 遍計所執 (tính chất của sự tồn tại do vọng chấp khắp nơi). Cho đến bản

[89] **Pháp Tạng, *Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán:* «Vị trần vô tự tính, tức không đã; ảo tướng uyển nhiên, tức hữu dã. Lương do ảo sắc vô thể, tất bất dị không; chân không cụ đức, triệt ư hữu biểu. Quán sắc tức không, thành đại trí nhi bất trú sinh tử; quán không tức sắc, thành đại bi nhi bất trú niết bàn. Dĩ sắc không vô nhị, bi trí bất thù, phương vi chân thực dã. Thực Tính Luận vân: "Đạo tiền bồ tát, ư thử chân không diệu hữu, do hữu tam nghi; nhất giả, nghi không diệt sắc, thủ đoạn diệt không; nhị giả, nghi không dị sắc, thủ sắc ngoại không; tam giả, nghi không thị vật, thủ không vi hữu." Kim thử thích vân: sắc thị ảo sắc, tất bất ngại không; không thị chân không, tất bất ngại sắc. Nhược ngại ư sắc, tức thị đoạn không; nhược ngại ư không, tức thị thực sắc.»** 謂塵無自性，即空也；幻相宛然，即有也．良由幻色無體，必不異空；眞空具德，徹於有表．觀色即空，成大智而不住生死；觀空即色，成大悲而不住涅槃．以色空無二，悲智不殊，方爲眞實也．實性論云："道前菩薩，於此眞空妙有，猶有三疑；一者，疑空滅色，取斷滅空；二者，疑空異色，取色外空；三者，疑空是物，取空爲有．" 今此釋云：色是幻色，必不礙空；空是眞空，必不礙色．若礙於色，即是斷空；若礙於空，即是實色．

[90] ***Kim Sư Tử Chương:* «Sư tử tình hữu, danh vi biến kế. Sư tử tự hữu, danh viết y tha. Kim tính bất hoại, cố hiệu viên thành.»** 獅子情有，名爲遍計．獅子似有，名曰依他．金性不壞，故號圓成．

thể của chân tâm thì thường hằng bất biến, tức là *viên thành thực tính.* Nhưng tính chất này khác với *viên thành thực tính* theo *Thành Duy Thức Luận*, bởi vì *Thành Duy Thức Luận* cho rằng: không chỉ mọi pháp đều khởi lên dựa theo cái khác, mà thức cũng khởi lên dựa theo cái khác nữa. Theo *Thành Duy Thức Luận*, tính chất của thực tại mà mọi pháp và mọi thức dựa vào thì gọi là *viên thành thực tính;* còn thuyết của Pháp Tạng thì xem bản thể thường hằng bất biến của chân tâm là *viên thành thực tính.*

d. Hiển vô tướng 顯無相

Về *Hiển vô tướng* (hiển lộ vô tướng), Pháp Tạng nói: «Ở đây nói rằng vàng gom lấy trọn con sư tử; ở ngoài vàng thì ta không thể có được tướng của sư tử; cho nên gọi là vô tướng.»[91]

Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn 華嚴義海百門 của Pháp Tạng nói: «Quán xét vô tướng giống như [quán xét] tướng của hạt vật chất nhỏ nhất, [thấy rằng] nó biến khởi từ tâm. Tướng ấy giả lập chứ không có thực; ta có nắm lấy cũng không được. Như vậy ta biết tướng của vật chất là hư vô; nó được sinh ra từ tâm và hoàn toàn không có tự tính. Cho nên gọi là vô tướng.»[92]

Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng vốn là ảo hữu (sự tồn tại hư ảo) do chân tâm biến hiện ra. Như vậy hữu không phải là thực hữu. Cho nên gọi là vô tướng.

e. Thuyết vô sinh 說無生

Về *Thuyết vô sinh* (giảng vô sinh), Pháp Tạng nói: «Ở đây nói rằng khi ta xem sư tử [như là vật được] sinh ra, thì đó chỉ là vàng được sinh ra; ngoài vàng ra thì không có vật gì hết. Sư tử tuy có sinh và diệt, nhưng bản thể của vàng thì không tăng không giảm. Cho nên gọi là vô sinh.»[93]

---

[91] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Vị dĩ kim thu sư tử tận, kim ngoại cánh vô sư tử tướng khả đắc, cố danh vô tướng.»** 謂以金收獅子盡，金外更無獅子相可得，故名無相.

[92] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Quán vô tướng giả, như nhất tiểu trần viên tiểu chi tướng, thị tự tâm biến khởi. Giả lập vô thực, kim thủ bất đắc. Tắc tri trần tướng hư vô, tòng tâm sở sinh, liễu vô tự tính, danh vi vô tướng.»** 觀無相者，如一小塵圓小之相，是自心變起.假立無實，今取不得.則知塵相虛無，從心所生，了無自性，名爲無相.

[93] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Vị chính kiến sư tử sinh thời, đản thị kim sinh, kim ngoại cánh vô nhất vật. Sư tử tuy hữu sinh diệt, kim thể bản vô tăng giảm, cố viết vô sinh.»** 謂正見獅子生時，但是金生，金外更無一物.獅子雖有生滅，金本體無增減，故曰無生.

Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn của Pháp Tạng nói: «Ý nghĩa của vô sinh nghĩa là: vật chất là duyên của tâm, tâm là nhân của vật chất. Nhân và duyên hoà hợp, thì ảo tướng mới sinh. Do theo duyên mà sinh, nên chúng không có tự tính. Tại sao? Vật chất không tự duyên vào chính nó, nên nó phải dựa vào tâm; tâm không thể khởi từ tâm, nên cũng phải dựa vào duyên. Bởi dựa vào nhau, nên sự sinh ra từ duyên thì vô định. Cái được sinh ra từ duyên thì vô định, nên gọi là vô sinh. Ta không thể nói đến vô sinh mà bỏ qua sự sinh ra từ duyên.»[94]

«Vật chất là sự hiện ra của tâm. Bởi hiện ra từ tâm nên vật chất là duyên của tâm. Duyên hiện ra rồi thì các pháp của tâm (tâm pháp 心法) mới khởi.»[95] Tâm phải có cảnh đối ứng (tức là ngoại cảnh) thì mới có các pháp của tâm khởi lên. Các pháp của tâm (tâm pháp) thông thường gọi là các hiện tượng tâm lý. Do đó vật chất là duyên của tâm (tâm duyên 心緣); mà vật chất là sự hiện ra của tâm, cho nên tâm là nhân của vật chất. Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều dựa vào sự hoà hợp của nhân và duyên thì mới có thể sinh ra. Vì có sự dựa vào này nên sự sinh ra của chúng thì vô định. Do đó gọi là vô sinh. Điểm này hơi khác với ý của *Kim Sư Tử Chương* nói, bởi vì *Kim Sư Tử Chương* nói rằng mọi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là ảo hữu (sự tồn tại hư ảo). Lấy tính hư ảo mà nói, nên hữu là phi hữu, do đó sinh là vô sinh.

f. Luận ngũ giáo 論五教

Về *Luận ngũ giáo* (bàn về năm giáo), Pháp Tạng nói: «(1) Sư tử tuy sinh ra do nhân và duyên, và tuy nó trải qua sinh diệt từ niệm này đến niệm khác, nhưng quả thực ta không nắm được tướng của sư tử; đó là giáo lý của kẻ thanh văn (śrāvaka) ngu muội. (2) Mọi vật sinh ra từ duyên đều không có tự tính; xét đến cùng chúng chỉ là không; đó là giáo lý đầu tiên của Đại Thừa. (3) Tuy xét đến cùng chúng chỉ là không, nhưng điều đó không cản trở sự hiển hiện rõ ràng của ảo hữu. Hai tướng

---

[94] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Đạt vô sinh giả, vị trần thị tâm duyên, tâm vi trần nhân. Nhân duyên hoà hợp, ảo tướng phương sinh. Do tòng duyên sinh, tất vô tự tính. Hà dĩ cố? Kim trần bất tự duyên, tất đãi ư tâm; tâm bất tự tâm, diệc đãi ư duyên. Do tương đãi cố, tắc vô định thuộc duyên sinh. Dĩ vô định thuộc duyên sinh, tắc danh vô sinh. Phi khử duyên sinh, thuyết vô sinh dã.»** 達遠生者，謂塵是心緣，心爲塵因．因緣和合，幻相方生．由從緣生，必無自性．何以故？今塵不自緣，必待於心；心不自心，亦待於緣．由相待故，則無定屬緣生．以無定屬緣生，則名無生．非去緣生，說無生也．

[95] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Trần thị tự tâm hiện. Do tự tâm hiện, tức dữ tự tâm vi duyên. Do duyên hiện tiền, tâm pháp phương khởi.»** 塵是自心現．由自心現，即與自心爲緣．由緣現前，心法方起．

duyên sinh (sinh ra từ duyên) và *giả hữu* (sự tồn tại giả lập) cùng có; đó là giáo lý cuối của Đại Thừa. (4) Hai tướng [không và hữu] tranh đoạt nhau và cả hai cùng mất; sự giả dối của cảm giác không còn; cả hai không còn ảnh hưởng; [khái niệm] không và hữu đều bị vất bỏ; con đường của ngôn ngữ dứt tuyệt; tâm bám vào chỗ không bám; đó là giáo lý đốn ngộ (đốn giáo) của Đại Thừa. (5) Các pháp của cảm giác hiển lộ bản thể chân thật, trộn lẫn thành một khối. Các tác dụng lớn khởi lên; khởi lên ắt toàn chân. Muôn hiện tượng dù đa dạng, nhưng hài hoà chứ không tạp loạn. Tất cả mọi thứ tức là một, bởi vì chúng đều vô tính; một tức là tất cả mọi thứ, bởi vì nhân và quả theo nhau liên tục. Năng lực và tác dụng thu gom lấy nhau, co duỗi tự tại; đó gọi là giáo lý tròn đầy (viên giáo) của Nhất Thừa.»[96]

Đó gọi là *phán giáo* 判教 (phân loại các giáo lý). Phán giáo của Hoa Nghiêm Tông nhằm mục đích sắp xếp chỉnh tề các tông phái khác nhau của Phật giáo, để cho mỗi tông phái có vị trí đúng đắn trong toàn bộ hệ thống và để cho nghĩa lý được giảng của mỗi tông phái đều thể hiện một phương diện của toàn bộ chân lý.

Giáo lý mà Pháp Tạng gọi là «ngu pháp thanh văn giáo» 愚法聲聞教 tức là «tiểu thừa pháp» 小乘法 (Phật giáo Tiểu Thừa). *Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán* nói: «Không chấp vào tướng thể của vật chất, đó là pháp Tiểu Thừa; [nhận thấy] bản tính của vật chất là vô sinh vô diệt, và nương vào cái khác mà dường như hiện hữu, đó là pháp Đại

---

[96] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Nhất, sư tử tuy thị nhân duyên chi pháp, niệm niệm sinh diệt, thực vô sư tử tướng khả đắc, danh ngu pháp thanh văn giáo. Nhị, tức thử duyên sinh chi pháp, các vô tự tính, triệt để duy không, danh đại thừa thuỷ giáo. Tam, tuy phục triệt để duy không, bất ngại ảo hữu uyển nhiên. Duyên sinh giả hữu, nhị tướng song tồn, danh đại thừa chung giáo. Tứ, tức thử nhị tướng, hỗ đoạt lưỡng vong, tình nguỵ bất tồn, câu vô hữu lực, không hữu song mẫn, danh ngôn lộ tuyệt, thẻ tâm vô ký, danh đại thừa đốn giáo. Ngũ, tức thử tình tận thể lộ chi pháp, hỗn thành nhất khối, phồn hưng đại dụng, khởi tất toàn chân; vạn tượng phân nhiên, tham nhi bất tạp. Nhất thiết tức nhất, giai đồng vô tính; nhất tức nhất thiết, nhân quả lịch nhiên. Lực dụng tương thu, quyền thư tự tại, danh nhất thừa viên giáo.»** 一, 獅子雖是因緣之法, 念念生滅, 實無獅子相可得, 名愚法聲聞教. 二, 即此緣生之法, 各無自性, 徹底唯空, 名大乘始教. 三, 雖復徹底唯空, 不礙幻有宛然. 緣生假有, 二相雙存, 名大乘終教. 四, 即此二相, 互奪兩亡, 情偈不存, 俱無有力, 空有雙泯, 名言路絕, 萋心無寄, 名大乘頓教. 五, 即此情盡體露之法, 混成一塊, 繁興大用, 起必全眞; 萬象紛然, 參而不雜. 一切即一, 皆同無性; 一即一切, 因果歷然力用相收, 卷舒自在, 名一乘圓教.

Thừa.»[97]

Theo thuyết Tam Tính đã nói trên, pháp Tiểu Thừa cho rằng tất cả sự vật như ta bình thường vẫn thấy vốn có tính chất biến kế sở chấp. Do đó ở đây nói rằng bởi con sư tử sinh và diệt từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác, nên chúng ta chớ chấp sư tử là thực hữu. Pháp Đại Thừa cho rằng sự vật có tính chất nương theo cái khác mà khởi. Bởi con sư tử sinh và diệt từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác, tức là nó vốn không có tự tính, xét đến cùng nó chỉ là không.

Tuy nhiên, đấy mới là khởi đầu của pháp Đại Thừa. Bước kế tiếp là phải khiến cho người ta hiểu rằng tuy sư tử chỉ là ảo hữu (sự tồn tại hư ảo) nhưng điều đó không cản trở sự hiển hiện rõ ràng của ảo hữu. Hai tướng *duyên sinh* (sinh ra từ duyên) và *giả hữu* (sự tồn tại giả lập) cùng có. Tuy giảng về *không* nhưng không phế bỏ *hữu*; đó là giáo lý cuối của Đại Thừa.

Nhưng nếu chỉ chuyên xe m ảo hữu của sư tử là ảo, tức là *không* tranh đoạt *hữu*; nếu chỉ chuyên xem ảo hữu của sư tử là hữu, tức là *hữu* tranh đoạt *không*. Như vậy, «hai tướng *không* và *hữu* tranh đoạt nhau và cả hai cùng mất». Mục đích ở đây là khiến cho người ta không còn biết hữu là hữu hay hữu và không nữa. Tức là «con đường của ngôn ngữ dứt tuyệt; tâm bám vào chỗ không bám». Đó là giáo lý đốn ngộ (đốn giáo) của Đại Thừa.

Tuy nhiên, ở giai đoạn này, người ta cần biết cái thể của chân tâm này bao la vạn tượng (tức là vô vàn biểu hiện của thế giới hiện tượng đều thuộc về cái thể của chân tâm. Cho nên *Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn* nói: «*Dụng* 用 (tác dụng) của tâm như các lớp sóng hiện tượng lừng lên và nước sôi sùng sục trong chảo; là sự vận hành của bản thể chân chính trọn vẹn. *Thể* 體 (bản thể) của tâm như gương sạch và nước lắng trong, tuỳ theo duyên nhưng vắng lặng. [Cái *dụng* của tâm] như ánh sáng tung toả của mặt trời; nó chẳng cố ý riêng vào chỗ nào, mà soi sáng mười phương. [Cái *thể* của tâm] như hình thể ngay ngắn của chiếc gương soi; nó bất động nhưng hiện ra muôn vàn hiện tượng.»[98] Nói cách khác,

---

[97] **Pháp Tạng, *Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán:* «Do trần tướng thể vô biến kế, tức thị tiểu thừa pháp dã; do trần tính vô sinh vô diệt, y tha tự hữu, tức thị đại thừa pháp dã.»** 由塵相體無遍計，即是小乘法也；由塵性無生無滅，依他似有，即是大乘法也

[98] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Dụng tắc ba đằng đỉnh phí, toàn chân thể dĩ vận hành; thể tức kính tịnh thuỷ trừng, cử tuỳ duyên nhi hội tịch. Nhược hi quang chi lưu thái, vô tâm nhi lãng thập phương; như minh kính chi đoan hình, bất động nhi trình vạn tượng.»** 用則波騰鼎沸，全眞體以運行；體即鏡淨水澄，舉隨緣而會寂．若曦光之流采，無心而朗十方；如明鏡之端形，不動而呈萬像．

mỗi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là toàn thể của chân tâm.

Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn nói: «Hơn nữa, khi ta nhìn núi và thấy nó cao rộng, đó là tự tâm hiện ra độ lớn ấy, chứ chẳng phải có cái lớn nào ở ngoài tâm. Hoặc khi nhìn hạt bụi và thấy nó nhỏ, đó là tự tâm hiện ra độ nhỏ ấy, chứ chẳng phải có cái nhỏ nào ở ngoài tâm. Cho nên khi ta nhìn hạt bụi, thì nó là sự hiển hiện của cùng cái tâm xem núi là cao rộng vậy.»[99]

Ở đây giải thích ý nghĩa của «khởi lên ắt toàn chân», «tất cả mọi thứ tức là một», và «một tức là tất cả mọi thứ». Nói «một tức là tất cả mọi thứ» nghĩa là một có sức hấp thu tất cả; nói «tất cả mọi thứ tức là một» nghĩa là tất cả có sức hấp thu một.

Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn nói: «Ở đây giải thích ý nghĩa của "co và duỗi" (*quyển thư* 卷舒). Nó nói rằng tuy một hạt vật chất vô tính, nhưng nó thể hiện khắp mười phương; đó là duỗi. Mười phương tuy vô thể, nhưng chúng tuỳ duyên mà hiện trong một hạt vật chất; đó là co. Kinh nói: "Lấy đất Phật làm đầy mười phương, mười phương nhập vào một cũng không có dư thừa." Khi co lại, thì tất cả sự vật hiện trong một hạt vật chất; khi duỗi ra, thì một hạt vật chất hiện ra khắp mọi nơi. Duỗi ra mà thường co lại, bởi vì một hạt vật chất gồm thâu tất cả sự vật; co lại mà thường duỗi ra, bởi vì tất cả sự vật gồm thâu một hạt vật chất. Đó gọi là co duỗi tự tại vậy.»[100] Khiến cho mọi người hiểu được ý nghĩa này là mục đích của giáo lý Nhất Thừa.

---

[99] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Thả như kiến sơn cao quảng chi thời, thị tự tâm hiện tác đại, phi biệt hữu đại; kim kiến trần viên tiểu chi thời, diệc thị tự tâm hiện tác tiểu, phi biệt hữu tiểu. Kim do kiến trần, toàn dĩ kiến sơn cao quảng chi tâm nhi hiện trần dã.»** 且如見山高廣之時，是自心現作大，非別有大；今見塵圓小之時，亦是自心現作小，非別有小．今由見塵，全以見山高廣之心而現塵也．

[100] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Minh quyển thư giả, vị trần vô tính, cử thể toàn biến thập phương, thị thư; thập phương vô thể, tuỳ duyên toàn hiện trần trung, thị quyển. Kinh vân: "Dĩ Phật thổ mãn thập phương, thập phương nhập nhất diệc vô dư." Kim quyển, tắc nhất thiết sự tư nhất trần trung hiện; nhược thư, tắc nhất trần biến nhất thiết xứ. Tức thư thường quyển, nhất trần nhiếp nhất thiết cố; tức quyển thường thư, nhất thiết nhiếp nhất trần cố, thị vi quyển thư tự tại dã.»** 明卷舒者，謂塵無性，舉體全遍十方，是舒；十方無體，隨緣全現塵中，是卷．經云："以佛土滿十方，十方入一亦無餘．" 今卷，則一切事於一塵中現；若舒，則一塵遍一切處．即舒常卷，一塵攝一切故；即卷常舒，一切攝一塵故，是爲卷舒自在也．

g. Lặc thập huyền 勒十玄

Về *Lặc thập huyền* (nắm vững mười huyền bí), Pháp Tạng nói: «(1) Vàng và sư tử được thành lập cùng lúc, đầy đủ trọn vẹn. Đó gọi là thuyết *cùng lúc đầy đủ tương ứng* (đồng thời cụ túc tương ứng). (2) Nếu hai mắt sư tử được lấy đi để gom trọn sư tử thì tất cả thuần là mắt; nếu hai tai sư tử được lấy đi để gom trọn sư tử thì tất cả thuần là tai. Nếu tất cả các căn được lấy đi cùng lúc thì tất cả đều là tạp, tất cả đều là thuần; và chúng là chỗ *chứa tròn đầy* (viên mãn tạng). Đó gọi là thuyết về *các tính chất thuần và tạp của các chỗ chứa* (chư tạng thuần tạp cụ đức). (3) Vàng và sư tử thích ứng nhau mà thành lập, một và nhiều không trở ngại. Trong đó lý và sự mỗi cái khác nhau, hoặc một hoặc nhiều, mỗi cái trú ngụ ở vị trí của mình. Đó gọi là thuyết về *sự bất đồng nhưng thích ứng nhau của một và nhiều* (nhất đa tương dung bất đồng). (4) Các căn của sư tử cho đến từng sợi lông đều là lấy vàng để gom lấy sư tử. Mỗi cái của chúng đều ở khắp mắt sư tử, mắt tức là tai, tai tức là mũi, mũi tức là lưỡi, lưỡi tức là thân. Chúng được thành lập một cách tự do tự tại, không có chướng ngại gì. Đó gọi là thuyết về *sự tự tại giữa các pháp* (chư pháp tương tức tự tại). (5) Nếu nhìn sư tử mà chỉ thấy sư tử chứ không thấy vàng, tức là sư tử hiển lộ còn vàng ẩn đi; nếu nhìn mà chỉ thấy vàng chứ không thấy sư tử, tức là vàng hiển lộ còn sư tử ẩn đi. Nếu nhìn thấy cả vàng và sư tử cùng một lúc, thì cả hai cùng ẩn đi và cùng hiển lộ. Ẩn đi thì bí mật; hiển lộ thì phơi bày. Đó gọi là thuyết về *sự cùng thành lập của ẩn và hiển bí mật* (bí mật ẩn hiển câu thành). (6) Vàng và sư tử, hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc một hoặc nhiều, định thuần định tạp, có lực không lực, tức là cái này tức là cái kia, chủ và tớ soi sáng nhau, lý và sự cùng hiện, đều thích ứng nhau, không làm trở ngại sự an lập, cái vi tế tựu thành. Đó gọi là thuyết về *sự an lập thích hợp tế vi* (vi tế tương dung an lập). (7) Mọi cái như mắt, tai, chân, lông của sư tử đều có sư tử vàng; sư tử ở mọi sợi lông, đồng thời sư tử nhập vào một sợi lông. Trong mọi sợi lông đều có vô số sư tử; ngoài ra mỗi sợi lông mang vô số sư tử, trở lại nhập vào một sợi lông. Như thế có sự trùng trùng vô tận, giống như các hạt trân châu trong cái lưới của thần Indra (Thiên Đế = Nhân-Đà-La). Đó gọi là thuyết về *cảnh giới của cái lưới của thần Indra* (Nhân-Đà-La võng cảnh giới). (8) Nói sư tử là để biểu thị ý nghĩa vô minh (avidyā); nói đến bản thể vàng là để hiện rõ chân tính. Luận chung về lý và sự cũng như A-lại-da thức, để chúng sinh có hiểu biết đúng. Đó gọi là thuyết *mượn sự vật hiện tượng để hiển lộ chân lý* (thác sự hiển pháp sinh giải). (9) Sư tử là pháp hữu vi, nó sinh và diệt từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác. Mỗi một sát na phân làm ba cõi quá khứ, hiện tại, vị lai. Mỗi

cõi trong ba cõi này cũng có quá khứ, hiện tại, vị lai nữa; tổng cộng có ba lần ba là chín đơn vị, lập thành chín đời, tức là gộp lại thành một đoạn pháp môn. Tuy có chín đời và mỗi đời cách biệt nhau, nhưng chúng do nhau mà thành lập, dung thông vô ngại, cùng là một niệm, Đó gọi là thuyết về *sự thành lập khác biệt của các pháp cách nhau trong 10 đời* (danh thập thế cách pháp dị thành). (10) Vàng và sư tử, hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc một hoặc nhiều, mỗi cái không có tự tính, mà do sự hồi chuyển của tâm. Dù nói lý hoặc nói sự, cả hai cùng được thành lập. Đó gọi là thuyết về *sự thành lập tốt đẹp theo sự hồi chuyển của tâm mà thôi* (duy tâm hồi chuyển thiện thành).»[101]



Thần Indra (Thiên Đế)

Sau đây chúng ta xét kỹ mười thuyết trên:

(1) Mỗi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là toàn thể của chân tâm; do đó sư tử cũng là sự thể hiện của chân tâm. Cho nên «vàng và sư tử được thành lập cùng lúc, đầy đủ trọn vẹn. Đó gọi là thuyết *cùng lúc đầy đủ tương ứng* (đồng thời cụ túc tương ứng)».

(2) «Một tức là tất cả mọi thứ, tất cả mọi thứ tức là một». «Lý không cản trở sự, cái thuần luôn tạp; sự luôn gồm trọn lý, cái tạp luôn thuần. Bởi lý và sự đều tự tại nên cái thuần và cái tạp không cản trở

[101] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Nhất, kim dữ sư tử, đồng thời thành lập, viên mãn cụ túc, danh đồng thời cụ túc tương ứng môn. Nhị, nhược sư tử nhãn thu sư tử tận, tắc nhất thiết thuần thị nhãn; nhược nhĩ thu sư tử tận, tắc nhất thiết thuần thị nhĩ. Chư căn đồng thời tương thu, tắc nhất nhất giai tạp, nhất nhất giai thuần, vi viên mãn tạng, danh chư tạng thuần tạp cụ đức môn. Tam, kim dữ sư tử, tương dung thành lập, nhất đa vô ngại; ư trung lý sự các các bất đồng, hoặc nhất hoặc đa, các trú tự vị, danh nhất đa tương dung bất đồng môn. Tứ, sư tử chư căn, nhất nhất mao đầu, giai dĩ kim thu sư tử tận. Nhất nhất biến sư tử nhãn, nhãn tức nhĩ, nhĩ tức tỵ, tỵ tức thiệt, thiệt tức thân. Tự tại thành lập, vô chướng vô ngại, danh chư pháp tương tức tự tại môn. Ngũ, nhược khán sư tử, duy sư tử vô kim, tức sư tử hiển kim ẩn. Nhược khán kim, duy kim vô sư tử, tức kim hiển sư tử ẩn. Nhược lưỡng xứ khán, câu ẩn câu hiển. Ẩn tắc bí mật, hiển tắc hiển trứ, danh bí mật ẩn hiển câu thành môn. Lục, kim dữ sư tử, hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc nhất hoặc đa, định thuần định tạp, hữu lực vô lực, tức thử tức bỉ, chủ bạn giao huy, lý sự tề hiện, giai tất tương dung, bất ngại an lập, vi tế thành biện, danh vi tế tương dung an lập môn. Thất, sư tử nhãn nhĩ chi tiết, nhất nhất mao xứ, các hữu kim sư tử; nhất nhất mao xứ sư tử, đồng thời đốn nhập nhất mao**

nhau.»[102] Mỗi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là toàn thể của chân tâm; tức là mỗi một sự đều là toàn lý. Như vậy, bởi vì mắt sư tử là một điểm của toàn thể chân tâm nên có thể nói mắt sư tử là tất cả, do đó mắt sư tử là tạp. Cũng có thể nói tất cả là m ắt sư tử, do đó mắt sư tử là thuần. Như vậy «tất cả đều là tạp, tất cả đều là thuần; và chúng là chỗ *chứa tròn đầy* (viên mãn tạng). Đó gọi là thuyết về *các tính chất thuần và tạp của các chỗ chứa* (chư tạng thuần tạp cụ đức).»

(3) Chân tâm là *một* (nhất —), hiện tượng là *nhiều* (đa 多). Từ một phương diện mà nói, mỗi một hiện tượng đều là cái do toàn thể chân tâm hiển hiện, nên *một* tức là *nhiều*, *nhiều* tức là *một*. Cho nên *Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn* nói: «*Một* toàn là *nhiều*, mới gọi là *một;*

---

trung. Nhất nhất mao trung, giai hữu vô biên sư tử; hựu phục nhất nhất mao, đái thử vô biên sư tử, hoàn nhập nhất mao trung. Như thị trùng trùng vô tận, vưu thiên đế võng châu, danh nhân đà la võng cảnh giới môn. Bát, thuyết thử sư tử, dĩ biểu vô minh; ngữ kỳ kim thể, cụ chương chân tính; lý sự hợp luận, huống a-lại-da, lệnh sinh chính giải, danh thác sự hiển pháp sinh giải môn. Cửu, sư tử thị hữu vi chi pháp, niệm niệm sinh diệt. Sát na chi gian, phân vi tam tế, vị quá khứ hiện tại vị lai. Thử tam tế các hữu quá hiện vị lai; tổng hữu tam tam chi vị, dĩ lập cửu thế, tức thúc vi nhất đoạn pháp môn. Tuy tắc cửu thế, các các hữu cách, tương do thành lập, dung thông vô ngại, đồng vi nhất niệm, danh thập thế cách pháp dị thành môn. Thập, kim dữ sư tử, hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc nhất hoặc đa, các vô tự tính, do tâm hồi chuyển. Thuyết lý thuyết sự, hữu thành hữu lập, danh duy tâm hồi chuyển thiện thành môn.» 一,金與獅子,同時成立,圓滿具足,名同時具足相應門.二,若獅子眼收獅子盡,則一切純是眼;若耳收獅子盡,則一切純是耳.諸根同時相收,悉皆具足,則一一皆雜,一一皆純,爲圓滿藏,名諸藏純雜具德門.三,金與獅子,相容成立,一多無礙;於中理事各各不同,或一或多,各住自位,名一多相容不同門.四,獅子諸根,一一毛頭,皆以金收獅子盡.一一遍獅子眼,眼即耳,耳即鼻,鼻即舌,舌即身.自在成立,無障無礙,名諸法相即自在門.五,若看獅子,唯獅子無金,即獅子顯金隱.若看金,唯金無獅子,即金顯獅子隱.若兩處看,俱隱俱顯.隱則秘密,顯則顯著,名秘密隱顯俱成門.六,金與獅子,或隱或顯,或一或多,定純定雜,有力無力,即此即彼,主伴交輝,理事齊現,皆悉相容,不礙安立,微細成辨,名微細相容安立門.獅子眼耳支節,一一毛處,各有金獅子;一一毛處獅子,同時頓入一毛中.一一毛中,皆有無邊獅子;又復一一毛,帶此無邊獅子,還入一毛中.如是重重無盡尤天帝網珠,名因陀羅網境界門.八,說此獅子,以表無明;語其金體,具障眞性;理事合論,況阿賴耶,令生正解,名托事顯法生解門.九,獅子是有爲之法,念念生滅.刹那之間,分爲三際,謂過去現在未來.此三際各有過現未來;總有三三之位,以立九世,即束爲一段法門.雖則九世,各各有隔,相由成立,容通無礙,同爲一念,名十世隔法異成門.十,金與獅子,或隱或顯,或一或多,各無自性,由心回轉.說理說事,有成有立,名唯心回轉善成門.

[102] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Lý bất ngại sự, thuần hằng tạp dã; sự hằng toàn lý, tạp hằng thuần dã. Do lý sự tự tại, thuần tạp vô ngại dã.»** 理不礙事,純恆雜也;事恆全理,雜恆純也.由理事自在,純雜無礙也.

nhiều toàn là *một*, mới gọi là *nhiều*. Ở ngoài *nhiều* không có cái *một* khác. Từ đó chúng ta hiểu rõ rằng trong *nhiều* có *một;* ở ngoài *một* không có cái *nhiều* khác. Từ đó chúng ta hiểu rõ rằng trong *một* có *nhiều*. Không là *nhiều*, nhưng nó có thể là *một* trong *nhiều*; không là *một*, nhưng nó có thể là *nhiều* trong *một*.»[103]

Từ một phương diện khác mà nói, hiện tượng tự nó là hiện tượng. Vàng là *lý*, sư tử là *sự*. Vàng là *một*, sư tử là *nhiều*. Mỗi cái trú ngụ ở địa vị của nó. Một và nhiều tuy thích ứng và không cản trở nhau nhưng chúng tự có sự bất đồng. «Đó gọi là thuyết về *sự bất đồng nhưng thích ứng nhau của một và nhiều* (nhất đa tương dung bất đồng).»

(4) Từ một phương diện mà nói, mỗi một hiện tượng đều là cái do toàn thể chân tâm hiển hiện, nghĩa là «một tức là tất cả mọi thứ, tất cả mọi thứ tức là một». «Mắt tức là tai, tai tức là mũi, mũi tức là lưỡi.» Từ một phương diện khác mà nói, mỗi sự vật chỉ là một sự vật. Tai chỉ là tai, mũi chỉ là mũi. «Chúng được thành lập một cách tự do tự tại, không có chướng ngại gì. Đó gọi là thuyết về *sự tự tại giữa các pháp* (chư pháp tương tức tự tại).» Thuyết này và thuyết thứ ba trên đây cùng chú ý rằng mỗi hiện tượng đều có *tự tướng* 自相. Tuy nhiên thuyết thứ ba trên đây chú ý sự khác biệt giữa chân tâm và hiện tượng, còn thuyết này chú ý sự khác biệt giữa các hiện tượng.

(5) Nếu chúng ta chú ý mọi sự vật trong thế giới hiện tượng, thì sự vật hiển lộ còn bản thể ẩn đi. Nếu chúng ta chú ý bản thể, thì bản thể hiển lộ còn sự vật ẩn đi. «Đó gọi là thuyết về *sự cùng thành lập của ẩn và hiển bí mật* (bí mật ẩn hiển câu thành).»

(6) Bản thể và sự vật, hoặc một hoặc nhiều, hoặc thuần hoặc tạp, hoặc có lực hoặc không lực, hoặc là cái này hoặc là cái kia, hoặc là chủ và hoặc là tớ. Về chủ và tớ, *Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán* nói: «Điều này nghĩa là xem mình là chủ và xem kẻ khác là tớ; hoặc xem một pháp là chủ và xem mọi pháp khác là tớ; hoặc xem một thân là chủ và xem mọi thân khác là tớ.»[104] Nếu chúng ta chú ý sư tử, thì sư tử là chủ, còn

[103] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Nhất toàn thị đa, phương danh vi nhất; hựu đa toàn thị nhất, phương danh vi đa. Đa ngoại vô biệt nhất, minh tri thị đa trung nhất; nhất ngoại vô biệt đa, minh tri thị nhất trung đa. Lương dĩ phi đa, nhiên năng vi nhất đa; phi nhất, nhiên năng vi đa nhất.»** — 全是多，方名爲一；又多全是一，方名爲多．多外無別一，明知是多中一；一外無別多，明知是一中多．良以非多，然能爲一多；非一，然能爲多一．

[104] ***Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán*: «Vị dĩ tự vi chủ, vọng tha vi bạn; hoặc dĩ nhất pháp vi chủ, nhất thiết pháp vi bạn; hoặc dĩ nhất thân vi chủ, nhất thiết thân vi bạn.»** 謂以自爲主，望他爲伴；或以一法爲主一切法爲伴；或以一身爲主，一切身爲伴．

mọi thứ khác là tớ. Tuy có sự bất đồng như thế, nhưng chúng không cản trở nhau. «Đó gọi là thuyết về *sự an lập thích hợp tế vi* (vi tế tương dung an lập).»

(7) Mỗi sự vật trong thế giới hiện tượng đều là cái do toàn thể của chân tâm hiển hiện. Chân tâm bao trùm tất cả mọi sự vật. Cho nên mỗi sự vật trong thế giới hiện tượng cũng bao trùm tất cả mọi sự vật. Ở đây không chỉ mỗi sự vật bao trùm tất cả mọi sự vật, mà tất cả mọi sự vật được bao trùm trong mỗi sự vật cũng còn bao trùm tất cả mọi sự vật nữa. Mỗi cái trong tất cả mọi sự vật được bao trùm trong mỗi sự vật đó còn bao trùm tất cả mọi sự vật nữa. Đó gọi là «trong mọi sợi lông đều có vô số sư tử; ngoài ra mỗi sợi lông mang vô số sư tử, trở lại nhập vào một sợi lông.»

Tống Cao Tăng Truyện chép về Pháp Tạng rằng: «Vì môn sinh không hiểu nên Pháp Tạng dùng một thí dụ khéo léo: ông lấy 10 tấm gương soi đặt đối diện từng đôi ở tám hướng và bên trên bên dưới; hai tấm đối diện cách nhau ngoài một trượng. Rồi ông đặt một pho tượng Phật ở trung tâm và soi sáng nó bằng một ngọn đuốc. [Vô số] hình ảnh của pho tượng phản chiếu qua lại trong các tấm gương. Qua đó môn sinh hiểu được thuyết về *vượt qua đất và biển* (tức cõi hữu hạn) *để nhập vào cõi vô tận* (sát hải thiệp nhập vô tận chi nghĩa).»[105]

Bằng cách ấy, mỗi tấm gương không chỉ phản chiếu hình ảnh của các tấm gương kia, mà còn phản chiếu tất cả hình ảnh được phản chiếu trong mỗi tấm gương kia nữa. Nó giống như cái lưới của thần Indra được đề cập trong *Kim Sư Tử Chương*. Cái lưới này là lưới ngọc, bởi vì ở mỗi mắt lưới có cài một viên ngọc trân châu. Mỗi viên ngọc không chỉ phản chiếu hình ảnh của các viên ngọc kia, mà còn phản chiếu vô số hình ảnh được phản chiếu trong mỗi viên ngọc kia nữa. Như vậy hình ảnh trùng trùng vô tận. «Đó gọi là thuyết về *cảnh giới của cái lưới của thần Indra* (Nhân-Đà-La võng cảnh giới).»

(8) Nói đến sư tử là để thí dụ về hiện tượng, tức là thí dụ về sự sinh và diệt của chân tâm. Nói đến vàng là để thí dụ về bản thể, tức là thí dụ về chân như của chân tâm. Chân tâm hễ chưa được giác ngộ thì động và

---

[105] ***Tống Cao Tăng Truyện*: «Hựu vị học bất liễu giả thiết xảo tiện, thủ giám thập diện, bát phương an bài, thượng hạ các nhất. Tương khử nhất trượng dư, diện diện tương đối, trung an Phật tượng. Nhiên nhất cự đi chiếu chi, hỗ ảnh giao quang, học giả nhân hiểu sát hải thiệp nhập vô tận chi nghĩa.»** 又爲學不了者設巧便，取鑑十面．八方安排，上下各一．相去一丈餘，面面相對，中安佛像．燃一炬以照之，互影交光，學者因曉剎海涉入無盡之義．

có sinh diệt. Chưa được giác ngộ tức là vô minh (avidyā). Hai phương diện [sự và lý] nói trên, mỗi cái chỉ thể hiện một mặt của chân tâm. Nếu hợp hai phương diện này lại mà nói, tức là sinh diệt hoà hợp với không sinh diệt, thì đó là *a-lại-da* thức. Nói thí dụ để hiển lộ chân lý, nên trên đây nói: «Đó gọi là thuyết *mượn sự vật hiện tượng để hiển lộ chân lý* (thác sự hiển pháp sinh giải).»

(9) Một niệm là cái được hiển hiện do toàn thể chân tâm. Chín đời cũng là cái được hiển hiện do toàn thể chân tâm. Cho nên một niệm cũng là chín đời; chín đời cũng là một niệm. *Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn* nói: «Dung hợp một *niệm* 念 (kṣaṇa = *sát na* 刹那) với một *kiếp* 劫 (kalpa),[106] [...] bởi một *niệm* là vô thể, nên nó thông với *đại kiếp*; *đại kiếp* là vô thể, nên nó là một *niệm*. Do *niệm* và *kiếp* vô thể, nên sự lâu dài và ngắn ngủi dung hợp nhau, cho đến các cõi xa gần, Phật và chúng sinh, tất cả mọi sự vật trong ba đời (quá khứ, hiện tại, tương lai) đều hiển hiện trong một niệm. Tại sao thế? Tất cả mọi sự vật của thế giới hiện tượng đều dựa vào tâm mà hiện ra, giữa các niệm vốn không có chướng ngại thì các pháp cũng tuỳ theo mà dung hợp nhau. Do đó trong một niệm chúng ta thấy sự hiển hiện của tất cả mọi sự vật trong ba đời (quá khứ, hiện tại, tương lai). Kinh nói: "Một niệm tức là trăm ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp tức là một niệm."»[107] Ở đây là ý mà *Kim Sư Tử Chương* nói. Chín đời (ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai; mỗi đời lại có ba đời quá khứ, hiện tại, tương lai) chỉ là một niệm. Tuy nhiên sự phân biệt trong mỗi niệm cũng không cản trở việc có chín đời. «Đó gọi là thuyết về *sự thành lập khác biệt của các pháp cách nhau trong 10 đời* (danh thập thế cách pháp dị thành).»

(10) Tóm lại, tất cả mọi sự vật đều là sự hiển hiện của chân tâm,

---

[106] **Derk Bodde chú: *Niệm* 念 (kṣaṇa= *sát na* 刹那) là khoảng thời gian cực ngắn. Theo định nghĩa, 60 niệm bằng một tiếng tróc của ngón tay giữa và ngón tay cái. Một *kiếp* 劫 (kalpa) là một khoảng thời gian rất dài; theo định nghĩa, một *tiểu kiếp* 小劫 bằng 16.800.000 năm (16 triệu 8 trăm năm), một *kiếp* 劫 bằng 336 triệu năm, và một *đại kiếp* 大劫 bằng 1.334.000.000 năm (một tỉ 334 triệu năm).**

[107] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Dung niệm kiếp giả, [...] do nhất niệm vô thể, tức thông đại kiếp; đại kiếp vô thể, tức cai nhất niệm. Do niệm kiếp vô thể, trường đoản chi tương tự dung, nãi chí viễn cận thế giới, Phật cập chúng sinh, tam thế nhất thiết sự vật, mạc bất giai ư nhất niệm trung hiện. Hà dĩ cố? Nhất thiết sự pháp, y tâm nhi hiện, niệm kỳ vô ngại, pháp diệc tuỳ dung. Thị cố nhất niệm tức kiến tam thế nhất thiết sự vật hiển nhiên. Kinh vân: "Hoặc nhất niệm tức bách thiên kiếp, bách thiên kiếp tức nhất niệm."» 融念劫者, [...] 由一念無體, 即通大劫; 大劫無體, 即該一念. 由念劫無體, 長短之相自融, 乃至遠近世界. 佛及衆生, 三世一切事物, 莫不皆於一念中現. 何以故? 一切事法, 依心而現, 念旣無礙, 法亦隨融. 是故一念即見三世一切事物顯然. 經云: "或一念即百千劫, 百千劫即一念."**

mỗi sự vật đều không có tự tính, mà do sự hồi chuyển của tâm. «Đó gọi là thuyết về *sự thành lập tốt đẹp theo sự hồi chuyển của tâm mà thôi* (duy tâm hồi chuyển thiện thành).»

h. Quát lục tướng 括六相

Về *Quát lục tướng* (bao quát sáu tướng), Pháp Tạng nói: «Toàn thể con sư tử là *tổng tướng* 總相(tướng chung). Ngũ căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỵ căn, thiệt căn, thân căn) của sư tử khác biệt với toàn thể con sư tử nên ngũ căn là *biệt tướng* 別相 (tướng riêng). Nhưng ngũ căn và sư tử cùng chung một duyên mà khởi lên vậy chúng là *đồng tướng* 同相(tướng đồng thời). Nhưng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của sư tử không lạm dụng chức năng của nhau, nên chúng là *dị tướng* 異相(tướng khác nhau); các căn hợp lại tạo thành sư tử, nên chúng là *thành tướng* 成相(tướng thành tựu); nhưng mỗi căn chiếm vị trí riêng, nên chúng là *hoại tướng* 壞相 (tướng hư hoại).»[108] Lấy một sự vật trong thế giới hiện tượng mà nói, thì toàn thể sự vật là *tổng tướng*, các bộ phận của sự vật là *biệt tướng*. Toàn thể sự vật và các bộ phận của nó khởi lên từ một duyên, nên chúng là *đồng tướng*. Các bộ phận thì riêng biệt nên chúng là *dị tướng*. Các bộ phận hợp lại thành một sự vật; nghĩa là sự vật thành, nên nó là *thành tướng*. Các bộ phận nếu không hợp lại thành một sự vật, mà chỉ là các bộ phận thôi; nghĩa là sự vật hoại, nên nó là *hoại tướng*.

i. Thành bồ đề 成菩提

Về *Thành bồ đề* (thành tựu bồ đề), Pháp Tạng nói: «Bồ đề (bodhi) ở đây là nói đạo và giác ngộ. Nghĩa là khi chúng ta nhìn thấy con sư tử, chúng ta nên hiểu rằng tất cả mọi pháp hữu vi (tức mọi sự vật trong thế giới hiện tượng) từ xưa đến nay vốn là tịch diệt (thậm chí khi chúng chưa hư hoại). Lìa bỏ cả *thủ* (chấp lấy) và *xả* (xả bỏ) tức là chúng ta ở trên con đường đi vào biển toàn trí (*tát-bà-nhược* 薩婆若: sarvajña), cho nên gọi là *đạo* 道(con đường). Hiểu rằng từ thuở vô thuỷ đến nay, những điên đảo đã có, vốn không có thực, cho nên gọi là *giác* 覺(giác ngộ). Cuối cùng có đủ mọi thứ trí huệ, nên gọi là *thành tựu bồ đề* (thành bồ

---

[108] *Kim Sư Tử Chương:* «Sư tử thị tổng tướng, ngũ căn sai biệt thị biệt tướng; cộng tòng nhất duyên khởi thị đồng tướng, nhãn, nhĩ đẳng bất tương lạm thị dị tướng; chư căn hợp hội hữu sư tử thị thành tướng, chư căn các trú tự vị thị hoại tướng.» 獅子是總相,五根差別是別相;共從一緣起是同相,眼,耳等不相濫是異相;諸根合會有獅子是成相,諸根各住自位是壞相.

đề).»[109]

Tát-bà-nhược 薩婆若 (sarvajña) có nghĩa là mọi trí huệ (*nhất thiết trí* 一切智 hay *Phật trí* 佛智). Nếu biết mọi sự vật trong thế giới hiện tượng do chấp mà có thực, chứ chúng vốn là không. Đó gọi là «từ xưa đến nay vốn là tịch diệt, thậm chí khi chúng chưa hư hoại».

Cũng như vừa thức tỉnh sau một giấc mộng lớn, chúng ta biết rằng tất cả mọi hiện tượng trong giấc mộng vốn không có thực. *Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn* nói: «Hiểu được sự hư ảo của giấc mộng, có nghĩa là các hình tướng vật chất sinh khởi, bởi tâm chúng ta mê muội nên xem chúng là thực hữu, rồi chúng ta quán xét thấy chúng đều là hư giả, giống như người ảo (do ảo thuật biến ra). Cũng giống như giấc mộng đêm, sau khi tỉnh dậy, ta thấy tất cả đều là không. Nay hiểu được sự hư vô, nên đối với danh chúng ta không thể đắc, đối với tướng chúng ta không thể đắc, đối với tất cả mọi thứ chúng ta không thể đắc. Đó gọi là giác ngộ trần gian và hiểu trong hư không chẳng có thực hữu.»[110]

Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn lại nói: «Mê có nghĩa là thấy các tướng vật chất có chỗ khởi điểm mà theo đó có sinh và diệt, đó là mê. Nay hiểu các tướng vật chất là vô thể, đó là ngộ. Mê vốn không từ đâu mà đến; ngộ cũng không có chỗ đi đến. Tại sao thế? Bởi vì cái mà vọng tâm mà là hữu vốn là vô thể. Như khi ta nhìn sợi dây tưởng con rắn; con rắn ấy vốn không từ đâu mà đến, cũng không có chỗ đi. Tại sao thế? Bởi vì con rắn là do vọng tâm xem là có thực, nhưng nó vốn vô thể. Nếu xem nó có chỗ đi chỗ đến, đó là mê; hiểu rằng nó không có chỗ đi và chỗ đến, đó là ngộ. Nhưng ngộ và mê nương vào nhau mà đứng yên. Chẳng phải lúc đầu có tâm thanh tịnh rồi sau có vô minh. Chúng chẳng phải là hai vật tách rời, nên ta không thể hiểu chúng là hai. Hiểu được vọng và vô vọng, tức là tâm thanh tịnh. Nên biết rằng chẳng phải lúc đầu có tâm thanh tịnh rồi sau có

[109] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Bồ đề, thử vân đạo dã, giác dã. Vị kiến sư tử chi thời, tức kiến nhất thiết hữu vi chi pháp, cánh bất đãi hoại, bản lai tịch diệt. Ly chư thủ xả, tức ư thử lộ, lưu nhập tát bà nhược hải, cố danh vi đạo. Tức liễu vô thuỷ đĩ lai, sở hữu điên đảo, nguyên vô hữu thực, danh chi vi giác. Cứu cánh cụ nhất thiết chủng trí, danh thành bồ đề.»** 菩提，此云道也，覺也．謂見獅子之時，即見一切有爲之法，更不待壞，本來寂滅．離諸取舍，即於此路，流入薩婆若海，金名爲道．即了無始以來，所有顛倒，元無有實，名之爲覺．究竟具一切種智，名成菩提．

[110] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Liễu mộng ảo giả, vị trần tướng sinh khởi, mê tâm vi hữu, quán sát tức hư, do như ảo nhân. Diệc như dạ mộng, giác đĩ giai vô. Kim liễu hư vô, danh bất khả đắc, tướng bất khả đắc, nhất thiết đô bất khả đắc, thị vị trần giác ngộ không vô sở hữu.»** 了夢幻者，謂塵相生起，迷心爲有，觀察即虛，猶如幻人．亦如夜夢，覺以皆無．今了虛無，名不可得，相不可得，一切都不可得，是謂塵覺悟空無所有．

vô minh.»[111]

Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán nói: «Như người mê muội, nói đông là tây. Sau khi giác ngộ, [cái bị xem là] tây tức là đông, nên không còn hướng đông nào khác để có thể vào. Chúng sinh bởi mê muội nên nói rằng có thể bỏ vọng để vào chân. Sau khi giác ngộ, vọng tức là chân, nên không còn cái chân thực nào khác để có thể vào.»[112]

Trong giấc mộng, ta chấp những hiện tượng trong mộng là thực. Đó là mê, là điên đảo. Sau khi thức tỉnh, ta biết rằng những hiện tượng trong mộng không phải là thực. Cái mê và điên đảo cũng không có thực. Biết như vậy tức là vào chân (*nhập chân* 入眞) và không còn cái chân thực nào khác để có thể vào. Đạt đến cảnh giới này, tức là thành tựu bồ đề (bodhi). Ở cảnh giới này, chúng ta có tâm thanh tịnh (*tịnh tâm* 淨心) và mới hiểu rằng tất cả những gì trước khi giác ngộ đều là vô minh. Cho nên Pháp Tạng nói: «Chẳng phải lúc đầu có tâm thanh tịnh rồi sau có vô minh.» Theo đó mà nói, sự tu hành của chúng ta có mục đích là đạt tới một cảnh giới mới. Nhưng cảnh giới mới ấy chẳng qua là cảnh giới cũ, chỉ có sự khác biệt là chưa giác ngộ và giác ngộ.

j. Nhập niết bàn 入涅槃

Về *Nhập niết bàn* (vào niết bàn), Pháp Tạng nói: «Khi ta nhìn sư tử và vàng, thấy hai tướng ấy cùng dứt tận, phiền não không còn sinh. Đẹp và xấu trước mắt, tâm yên như biển. Vọng tưởng đều hết, không còn các bức bách. Thoát khỏi sự ràng buộc và chướng ngại, vĩnh viễn dứt bỏ

---

[111] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Mê giả, vị trần tướng hữu sở tòng lai, nhi phục sinh diệt, thị mê. Kim liễu trần tướng vô thể, thị ngộ. Mê bản vô tòng lai, ngộ diệc vô sở khứ. Hà dĩ cố? Dĩ vọng tâm vi hữu, bản vô thể cố. Như thằng thượng xà, bản vô tòng lai, diệc vô sở khứ. Hà dĩ cố? Xà thị vọng tâm hoành kế vi hữu, bản vô thể cố. Nhược kế hữu lai xứ khứ xứ, hoàn thị mê; liễu vô lai khứ, thị ngộ. Nhiên ngộ chi dữ mê, tương đãi an lập. Phi thị tiên hữu tịnh tâm, hậu hữu vô minh. Thử phi lưỡng vật, bất khả lưỡng giải. Đãn liễu vọng vô vọng, tức vi tịnh tâm, chung vô tiên tịnh tâm nhi hậu vô minh, tri chi.»** 迷者，謂塵相有所從來，而復生滅，是迷．今了塵相無體是悟．迷本無從來，悟亦無所去．何以故？以妄心爲有，本無體故．如繩上蛇，本無從來，亦無所去．何以故？蛇是妄心橫計爲有，本無體故．若計有來處去處，還是迷；了無來去，是悟．然悟之與迷，相待安立．非是先有淨心，後有無明．此非兩物，不可兩解．但了妄無妄，即爲淨心，終無先淨心而後無明，知之．

[112] ***Hoa Nghiêm Hoàn Nguyên Quán*: «Như nhân mê cố, vị đông vi tây. Nãi kỳ ngộ dĩ, tây tức thị đông, cánh vô biệt đông nhi khả nhập dã. Chúng sinh mê cố, vị vọng khả xả, vị chân khả nhập. Nãi chí ngộ dĩ, vọng tức thị chân, cánh vô biệt chân nhi khả nhập dã.»** 如人迷故，謂東爲西．乃既悟已，西即是東，更無別東而可入也．衆生迷故，謂妄可捨，謂眞可入．乃至悟已，妄即是眞，更無別眞而可入也．

nguồn gốc của đau khổ. Đó gọi là nhập vào niết bàn.»[113]

Tu hành mà đạt tới cảnh giới tối cao này thì ta không còn biết đến thế giới hiện tượng, cũng không còn biết đến thế giới bản thể. Bởi vì hễ còn biết đến thế giới hiện tượng tức là còn có cái biết (*năng tri*) và cái được biết (*sở tri*), tức là chủ quan và khách quan. Bản thể là cái biết, tức là có sự phân biệt của vọng tâm. Nên Pháp Tạng nói: «Khi ta nhìn sư tử và vàng, thấy hai tướng ấy cùng dứt tận.» Đó là cảnh giới tối cao của việc tu hành. Tuy nhiên khi đạt tới cảnh giới này ta cũng không thể thường trú trong niết bàn. *Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn* nói: «Chứng được cõi Phật nghĩa là thấy vật chất là không, thấy vô ngã và vô tướng. [...] Nhưng khi chứng nhập cõi này, chúng ta không thể một mực trú ngụ trong tịch diệt (tức niết bàn), bởi vì nó trái với lời dạy của tất cả chư Phật. Ta phải giảng dạy điều lợi ích và vui vẻ, [do đó] phải học phương tiện và trí huệ của Phật. Chính ở cõi này chúng ta nên nghĩ đến tất cả những điều ấy.»[114]

Chư Phật ngoài *đại trí* 大智 (mahāmati) còn có *đại bi* 大悲 (mahākarunā); nghĩa là thành đại trí thì không trú ngụ trong vòng sinh tử, thành đại bi thì không trú ngụ trong niết bàn.[115]

k. Duy tâm luận chủ quan và Duy tâm luận khách quan

Hoa Nghiêm Pháp Giới Huyền Kính của Trừng Quán 澄觀[116] (tứ

---

[113] ***Kim Sư Tử Chương:*** **«Kiến sư tử dữ kim, nhị tướng câu tận, phiền não bất sinh. Hảo sửu hiện tiền, tâm an như hải, vọng tưởng đô tận, vô chư bức bách. Xuất triền ly chướng, vĩnh xả khổ nguyên, danh nhập niết bàn.»** 見獅子與金，二相俱盡，煩惱不生，好丑現前心安如海，妄想都盡，無諸逼迫，出纏離障，永舍苦源，名入涅槃.

[114] ***Hoa Nghiêm Nghĩa Hải Bách Môn*: «Chứng Phật địa giả, vị trần không vô ngã vô tướng thị dã. [...] Nhiên chứng nhập thử địa, bất khả nhất hướng trú ư tịch diệt. Nhất thiết chư Phật, pháp bất ưng nhĩ. Đương thị giáo lợi hỉ, học Phật phương tiện, học Phật trí huệ. Cụ như thử địa nghĩa xứ tư chí.»** 證佛地者，謂塵空無我無相是也。[...] 然證入此地，不可一向住於寂滅，一切諸佛，法不應爾。當示教利喜，學佛方便，學佛智慧，具如此地義處思之.

[115] **LAM chú: Ý nói chư Phật không an trú trong cõi niết bàn để *độc thiện kỳ thân* 獨善其身 (riêng tốt phần mình); do lòng thương xót chúng sinh (*đại bi*), nên chư Phật còn phải trở vào cõi trần để hoá độ chúng sinh thoát vòng luân hồi sinh tử nữa.**

[116] **Derk Bodde chú: Trừng Quán 澄觀 là tổ thứ 4 của Hoa Nghiêm Tông, tức Thanh Lương đại sư 清涼大師 (hay Thanh Lương Trừng Quán 清涼澄觀). Họ của ông là Hạ Hầu 夏侯, quê ở Sơn Âm 山陰 thuộc châu Việt 越. Theo *Tống Cao Tăng Truyện*, ông viên tịch khoảng năm 806-820, thọ ngoài 70 tuổi. Tuy nhiên theo nhiều nguồn khác, năm sinh và năm mất của ông có thể là: 719-838, 736-837, 738-839. Xem: Trần Viên 陳垣 (1879-?), *Thích Thị Nghi Niên Lục* 釋氏疑年錄, Pelping, 1939. Trần Viên cho rằng năm sinh và năm mất của Trừng Quán là 738-839. – LAM chú: *Trung Quốc Phật Giáo* (do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn, quyển**

tổ của Hoa Nghiêm Tông) nói rằng Hoa Nghiêm có bốn pháp giới (dharmadhātu): (1) Sự pháp giới, (2) Lý pháp giới, (3) Lý sự vô ngại pháp giới, (4) Sự sự vô ngại pháp giới. Xem những gì trình bày ở trên thì có thể biết bốn pháp giới này. Cũng xem những gì trình bày ở trên thì có thể biết Pháp Tạng lập thuyết về một chân tâm thường hằng bất biến, là căn bản của tất cả mọi hiện tượng. Thuyết của Pháp Tạng là một thứ *Duy tâm luận khách quan* (objective idealism). So với *Duy tâm luận chủ quan* (subjective idealism) thì *Duy tâm luận khách quan* gần với *Thực tại luận* (realism) hơn. Bởi vì trong *Duy tâm luận khách quan,* cái thế giới khách quan có thể lìa khỏi chủ quan mà tồn tại. Hơn nữa, trong thế giới khách quan, mỗi sự vật đều là sự thể hiện của toàn thể chân tâm. Điều đó khiến cho cái mà nó xem là chân thực thậm chí có vẻ như quá chân thực so với mức độ chân thực theo cảm giác thông thường. Như trên đây đã trình bày, cái gọi là «viên thành thực tính» mà Huyền Tăng và Pháp Tạng nói có ý nghĩa khác nhau. Từ điểm này mà xét, có thể thấy cái *không* mà Pháp Tạng nói khác với cái *không* mà Huyền Tăng nói. Hơn nữa, theo Pháp Tạng, *sự* (tức hiện tượng) cũng là cái đương nhiên phải có. Đó cũng là khuynh hướng tư tưởng của người Trung Quốc vậy.

2, tr.224-226) cho rằng năm sinh và năm mất của Trừng Quán là 737-838 (hoặc 738-839). Trừng Quán họ là Hạ Hầu 夏侯, quê ở Sơn Âm 山陰 (nay là Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang). Ông sinh năm Khai Nguyên thứ 25 (tức năm 737) đời Đường Cao Tông; xuất gia năm 11 tuổi tại chùa Bảo Lâm 寶林. Năm 757, ông thụ cụ túc giới ở chùa Diệu Thiện 妙善. Ông rất hiếu học, đi khắp các chùa học giáo nghĩa của các tông phái (như Luật, Thiền, Tam Luận, Thiên Thai, Hoa Nghiêm) đồng thời cũng nghiên cứu các môn học vấn ngoài Phật giáo nữa. Năm 787, ông soạn *Hoa Nghiêm Kinh Sớ* 華嚴經疏 (tức là bản *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Sớ* 大方廣佛華嚴經疏 đang lưu hành hiện nay, 20 quyển). Ông rất nổi tiếng, nên năm 796 triều đình thỉnh về Trường An giúp các sa môn Ấn Độ phiên dịch kinh Phật. Bấy giờ nước Ô Đồ 烏荼 (nam Ấn Độ) gởi tặng triều đình bộ *Hoa Nghiêm Kinh* tiếng Sanskrit, triều đình giao ông thẩm định và phiên dịch. Năm 798, ông dịch xong thành 40 quyển, cũng ghi nhan đề là *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, nhưng đời gọi là *Tứ Thập Hoa Nghiêm* 四十華嚴 (bộ Hoa Nghiêm 40 quyển) để phân biệt. Ông giảng kinh *Hoa Nghiêm* cho Đường Đức Tông 德宗 (tức Lý Quát 李适, tại vị 780-805) nên có danh hiệu là Thanh Lương Quốc Sư 清涼國師. Các triều vua Thuận Tông 順宗 (805-806), Hiến Tông 憲宗 (806-820), Mục Tông 穆宗 (821-824), Kính Tông 敬宗 (825-826) cũng hết sức kính trọng ông. Năm Khai Thành 開成 thứ 3 (tức 838) đời Đường Văn Tông 文宗, Trừng Quán viên tịch, thọ 102 tuổi. Trừng Quán có tứ đại đệ tử (gọi là *tứ triết* 四哲) là: Tông Mật 宗密, Tăng Duệ 僧睿, Pháp Bảo 法寶 (cũng gọi là Pháp Ấn 法印), và Tịch Quang 寂光. Tông Mật (780-841) là người duy trì tông chỉ của bản môn nên được xem là ngũ tổ của Hoa Nghiêm Tông.

CHƯƠNG 9

PHẬT HỌC ĐỜI TUỲ VÀ ĐỜI ĐƯỜNG (2)

1. Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn của Thiên Thai Tông

Giữa đời Trần (557-587) và đời Tuỳ (590-617) có một bậc cao tăng kiệt xuất tên là Trí Nghĩ 智顗(538-597, bấy lâu nay bị đọc sai là Trí Khải)[1] thuộc Thiên Thai Tông 天台宗, và đời thường gọi ông là Trí Giả Đại Sư 智者大師. Trí Nghĩ trụ trì trên núi Thiên Thai (ở huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang), nên tông phái này được gọi là Thiên Thai Tông. Tông phái này lấy kinh *Pháp Hoa* làm kinh chủ yếu của bản môn, cho nên cũng còn gọi là Pháp Hoa Tông 法華宗. Đệ nhất tổ là Huệ Văn 慧文(550-577), đệ nhị tổ là Huệ Tư 慧思(515-577), đệ tam tổ là Trí Nghĩ.[2] Trí Nghĩ phát triển Thiên Thai Tông rất sâu rộng,

---

[1] LAM chú: Chữ 顗 bấy lâu nay vẫn bị phiên âm sai là «khải». Từ điển *Từ Hải* (tr.1480) phiên: *nghi khởi thiết âm nghĩ vĩ vận* 疑豈切音蟻尾韻 vậy đọc là *nghĩ*. Ý nghĩa: Cẩn trang mạo 謹莊貌(dung mạo trang nghiêm). Tự điển *Khang Hi* phiên: *ngư khởi thiết* 魚豈切, *ngữ khởi thiết âm nghĩ* 語豈切音蟻, vậy cũng đọc là *nghĩ*. *Hán Việt Tân Từ Điển* của Nguyễn Quốc Hùng (Khai Trí xuất bản, Saigon, 1975) phiên âm đúng là «nghĩ», hầu hết các từ điển khác đều phiên âm sai là «khải». Các sách và từ điển Phật học bằng tiếng Việt đều phiên âm 智顗 sai là «Trí Khải». Từ điển *Từ Bá* (Đại Học Bắc Kinh) giảng: «顗/yǐ/ = 安靜. 莊重恭謹的樣子. 多用于人名.» (an tĩnh, dáng vẻ kính cẩn trang trọng; phần lớn dùng cho tên người). Derk Bodde phiên âm 智顗 sai là *Chih-k'ai*; lẽ ra phải là *Chih-i* (theo hệ Wade-Giles) hay *Zhìyǐ* (theo hệ Pinyin).

[2] LAM chú: Về hệ thống tư tưởng, sự truyền thừa là: 1. Long Thụ 龍樹(Nāgārjuna), 2. Huệ Văn 慧文, 3. Huệ Tư 慧思, 4. Trí Nghĩ 智顗, 5. Quán Đỉnh 灌頂, 6. Trí Uy 智威, 7. Huệ Uy 慧威, 8. Huyền Lãng 玄朗, 9. Trạm Nhiên 湛然, 10. Đạo Thuý 道邃. Nhưng năm 576, Trí Nghĩ lên núi Thiên Thai lập Thiên Thai Tông, do đó Trí Nghĩ hiện nay thực sự được xem là đệ nhất tổ của Thiên Thai Tông.

Một sư Nhật Bản là Tối Trừng 最澄(Saichō, 767-822), năm 804 theo lệnh của Thiên Hoàng đến núi Thiên Thai học Đạo Thuý; năm 805 trở về Nhật Bản, và năm 806 chính thức lập Thiên Thai Tông (Tendaishū) của Nhật trên núi Hiei (Tỉ Duệ sơn 比叡山). Năm 866, ông được Thiên Hoàng ban thuỵ hiệu là Truyền Giáo Đại Sư 傳教大師(Dengyō daishi). Đó là lần đầu tiên danh hiệu Đại Sư được sử dụng tại Nhật cho các cao tăng.

Một sư Cao Cú Ly (Koryŏ) tên là Nghĩa Thiên 義天(Ŭich'ŏn, 1055-1101) sau nhiều năm du học tại Trung Quốc đã trở về nước năm 1086, lập Thiên Thai Tông (Ch'ont'aejong) của Triều Tiên. (Xem các mục từ liên quan trong: Từ điển điện tử Phật Học của Charles Muller và *Trung-Anh Phật Học Từ Điển* của Soothill & Hodous).



Trí Nghĩ (538-597)

trứ thuật cũng rất nhiều,[3] nhưng phần lớn là về phương pháp tu hành, ít có tính chất triết học. Tác phẩm đáng chú ý của tông phái này là *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* 大乘止觀法門, tương truyền do Huệ Tư viết. Tuy nhiên, trong đó có trích dẫn *Đại Thừa Khởi Tín Luận*[4] vốn là tác phẩm chưa phổ biến vào thời của Huệ Tư; hơn nữa trong đó có nhiều ảnh hưởng của Duy Thức Tông và Hoa Nghiêm Tông; do đó, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* có thể được người của Thiên Thai Tông viết sau khi Duy Thức Tông và Hoa Nghiêm Tông đã phát triển hưng thịnh.[5] Nay chúng ta tìm hiểu tác phẩm này để thấy Phật học của Thiên Thai Tông đời Đường.

a. Chân như và như lai tạng

Theo Thiên Thai Tông, toàn thể vũ trụ chỉ là một tâm. Cái tâm này được gọi là *chân như* 眞如(bhūtatathatā) hay *như lai tạng* 如來藏 (tathāgata-garbha). *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* giảng về *chân như* rằng: «Tất cả mọi pháp dựa vào tâm mà tồn tại, lấy tâm làm bản thể. Nhìn ở mọi pháp thì ta thấy chúng đều là hư vọng; tuy tồn tại nhưng chẳng phải thực sự tồn tại. Đối với các pháp hư vọng ấy, ta thấy tâm là chân. Hơn nữa, các pháp chẳng phải thực sự tồn tại, chỉ do nhân duyên hư vọng mà có hai tướng sinh và diệt. Tuy nhiên, khi các pháp hư vọng ấy sinh thì tâm không sinh; khi các pháp hư vọng ấy diệt thì tâm không diệt. Không sinh nên không tăng; không diệt nên không giảm. Tâm không sinh và không diệt, không tăng và không giảm, nên tâm được gọi là *chân*. Chư Phật ba đời (quá khứ, hiện tại, và tương lai) với tất cả chúng sinh cùng lấy cái tâm duy nhất và trong sạch này làm bản thể. Các pháp

---

[3] **LAM chú: Hơn 30 năm hoằng pháp, Trí Nghĩ thuyết giảng rất nhiều, mà ít tự tay viết ra. Đệ tử là Quán Đỉnh luôn tuỳ tùng và ghi chép lại các lời giảng của thầy, rồi chỉnh lý mà thành sách. Xem: *Trung Quốc Phật Giáo* (do Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc biên soạn), tập 2, tr.97.**

[4] **LAM chú: *Đại Thừa Khởi Tín Luận* 大乘起信論(Mahāyāna-śraddhotpāda-śāstra) tương truyền do Mã Minh 馬鳴 (Aśvaghoṣa) viết, được Chân Đế 眞諦(Paramārtha) dịch năm 553 và Thực Xoa Nan Đà 實叉難陀(Śikṣānanda) dịch năm 695-700. Hiện nay chỉ còn bản dịch chữ Hán mà thôi, nên nó thường được xem là tác phẩm thuần tuý của Trung Quốc. Thậm chí các học giả hiện đại còn nghi ngờ tính chất chân thật của bản dịch này, và cho rằng đây là sáng tác của người Trung Quốc.**

[5] **Phùng Hữu Lan chú: Đây là thuyết của Trần Dần Khắc 陳寅恪.**

phàm và thánh tự có các tướng sai biệt, nhưng cái chân tâm này thì không có tướng sai biệt, nên nó được gọi là *như*. Hơn nữa, chân như nghĩa là các pháp chân thực như thế, chỉ là một tâm duy nhất, nên cái tâm duy nhất này được gọi là *chân như*. Nếu ngoài tâm có pháp, thì pháp ấy không chân thực, cũng không như thế, tức là nó khác biệt và sai lầm. Do đó, *Khởi Tín Luận* nói: "Tất cả mọi pháp từ xưa tới nay xa lìa các tướng như: lời nói, chữ nghĩa, tâm duyên (theo tâm mà sinh). Rốt cuộc, các pháp ấy bình đẳng, không biến đổi, không thể phá hủy; chúng chỉ là một tâm duy nhất, nên được gọi là chân như." Do ý nghĩa ấy nên tâm còn được gọi là chân như.»[6]

Về *như lai tạng*, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* giảng: «Thể của như lai tạng có đủ các tính của tất cả chúng sinh. Các tính ấy sai biệt và bất đồng, tức là sự sai biệt của cái không sai biệt. Tuy nhiên, trong các tính ấy của mỗi chúng sinh, xưa nay lại có đủ tính chất vô lượng vô biên. Cái gọi là sáu nẻo luân hồi sinh tử (thiên, nhân, a tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục) và bốn loại sinh (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hoá sinh) cho đến khổ hay sướng, đẹp hay xấu, thọ hay yểu, hình thể lớn hay nhỏ, ngu si hay trí huệ, v.v... đều là mọi pháp ô nhiễm của thế gian. Cho đến nhân và quả của ba thừa (thanh văn, duyên giác, bồ tát), v.v... đều là tất cả pháp trong sạch xuất thế gian. Tính chất của các pháp sai biệt không cùng tận như vậy đều ở trong bản tính của mỗi chúng sinh; nó có đầy đủ không

---

[6] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Nhất thiết chư pháp, y thử tâm hữu, dĩ tâm vi thể. Vọng ư chư pháp, pháp tất hư vọng, hữu tức phi hữu. Đối thử hư nguỵ pháp cố, mục chi vi chân. Hựu phục chư pháp tuy thực phi hữu, đãn dĩ hư vọng nhân duyên, nhi hữu sinh diệt chi tướng. Nhiên bỉ hư pháp sinh thời, thử tâm bất sinh; chư pháp diệt thời, thử tâm bất diệt. Bất sinh, cố bất tăng; bất diệt, cố bất giảm. Dĩ bất sinh bất diệt, bất tăng bất giảm, cố danh chi vi chân. Tam thế chư Phật, cập dĩ chúng sinh, đồng dĩ thử nhất tịnh tâm vi thể. Phàm thánh chư pháp, tự hữu sai biệt dị tướng; nhi thử chân tâm, vô dị vô tướng, cố danh chi vi như. Hựu chân như giả, dĩ nhất thiết pháp, chân thực như thị, duy thị nhất tâm; cố danh thử nhất tâm, dĩ vi chân như. Nhược tâm ngoại hữu pháp giả, tức phi chân thực; diệc bất như thị, tức vi nguỵ dị tướng dã. Thị cố Khởi Tín Luận ngôn: "Nhất thiết chư pháp tòng bản dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng. Tất cánh bình đẳng vô hữu biến dị, bất khả phá hoại. Duy thị nhất tâm, cố danh chân như." Dĩ thử nghĩa cố, tự tính thanh tịnh tâm, phục danh chân như dã.»** 一切諸法，依此心有，以心爲體．妄於諸法，法悉虛妄，有即非有．對此虛僞法故，目之爲眞．又復諸法雖實非有，但以虛妄因緣，而有生滅之相．然彼虛法生時，此心不生；諸法滅時，此心不滅．不生故不增；不滅故不減．以不生不滅，不增不減，故名之爲眞．三世諸佛，及以衆生，同以此一淨心爲體．凡聖諸法，自有差別異相；而此眞心，無異無相，故名之爲如．又眞如者，以一切法，眞實如是，唯是一心，以爲眞如．若心外有法者，即非眞實；亦不如是，即爲僞異相也．是故起信論言：“一切諸法從本已來，離言說相，離名字相，離心緣相．畢竟平等無有變異，不可破壞．唯是一心，故名眞如．” 以此義故，自性清淨心，復名眞如也．

thiếu chút gì. Do ý nghĩa này, từ xưa tới nay như lai tạng cùng lúc có đủ hai tính ô nhiễm và trong sạch. Bởi có đủ tính ô nhiễm nên như lai tạng hiển hiện tất cả sự ô nhiễm của chúng sinh; do đó tạng này được gọi là pháp thân còn ở trong chướng ngại, cũng gọi là phật tính. Bởi có đủ tính trong sạch, nên như lai tạng hiển hiện tất cả đức trong sạch của chư Phật; do đó tạng này được gọi là pháp thân ra khỏi chướng ngại, cũng gọi là pháp thân tính tịnh, cũng gọi là niết bàn tính tịnh.»[7]

Bản thể của tâm này có đủ tác dụng của hai tính ô nhiễm và trong sạch, cho nên có thể sinh ra các pháp thế gian và các pháp xuất thế gian. Nói cách khác, nó tàng chứa trong nó tính chất của mọi pháp; nên nó được gọi là *tạng* 藏 (tàng chứa).

«Bởi có đủ tính ô nhiễm nên như lai tạng hiển hiện tất cả sự ô nhiễm của chúng sinh.» Ở đây chúng ta nên chú ý sự khác biệt giữa *tính* 性 và *sự* 事. Theo thuật ngữ Phật học, *tính* tức là *thể* 體 (bản thể); có *thể* thì có *dụng* 用 (tác dụng). Các tướng dựa theo *dụng* mà hiện ra thì gọi là *sự*. Theo thuật ngữ triết học hiện nay, *sự* tức là sự vật cụ thể, có tính hiện thực. Còn *tính* tức là tiềm năng của sự vật cụ thể. Tính hiện ra sự, tức là tiềm năng hiện ra hiện thực. Theo đó mà nói, trong bản tâm của chúng ta không những có tiềm năng của tất cả sự vật được xem là tốt mà còn có tiềm năng của tất cả sự vật được xem là xấu. Cho nên đoạn văn trên nói: «Từ xưa tới nay như lai tạng cùng lúc có đủ hai tính ô nhiễm và trong sạch.» Bởi bản tâm vốn có đủ hai tính ô nhiễm và trong sạch, nên nó có thể có mọi sự ô nhiễm và trong sạch. Cái nhị nguyên luận về nhân tính này chính là kiến giải đặc biệt của Thiên Thai Tông (sẽ được nói rõ ở mục

---

[7] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Như lai tạng thể, cụ túc nhất thiết chúng sinh chi tính. Các các sai biệt bất đồng, tức thị vô sai biệt chi sai biệt dã. Nhiên thử nhất nhất chúng sinh tính trung, tòng bản dĩ lai phục cụ vô lượng vô biên chi tính. Sở vị lục đạo tứ sinh, khổ lạc hảo xú, thọ mệnh hình lượng, ngu si trí huệ đẳng, nhất thiết thế gian nhiễm pháp; cập tam thừa nhân quả đẳng, nhất thiết xuất thế tịnh pháp. Như thị đẳng vô lượng sai biệt pháp tính, nhất nhất chúng sinh tính trung, tất cụ bất thiếu dã. Dĩ thị nghĩa cố, như lai chi tạng, tòng bản dĩ lai, câu thời cụ hữu nhiễm tịnh nhị tính. Dĩ cụ nhiễm tính cố, năng hiện nhất thiết chúng sinh đẳng nhiễm sự; cố dĩ thử tạng vi tại chướng bản trú pháp thân, diệc danh Phật tính. Phục cụ tịnh tính cố, năng hiện nhất thiết chư Phật đẳng tịnh đức; cố dĩ thử tạng vi xuất chướng pháp thân, diệc danh tính tịnh pháp thân, diệc danh tính tịnh niết bàn dã.»** 如來藏體，具足一切衆生之性。各各差別不同，即是無差別之差別也。然此一一衆生性中，從本已來復具無量無邊之性。所謂六道四生，苦樂好醜，壽命形量，愚癡智慧等，一切世間染法；及三乘因果等，一切出世淨法。如是等無量差別法性，一一衆生性中，悉具不少也。以是義故如來之藏，從本已來，俱時具有染淨二性。以具染性故，能現一切衆生等染事；故以此藏爲在障本住法身，亦名佛性。復具淨性故，能現一切諸佛等淨德；故以此藏爲出障法身，亦名性淨涅槃也

"Giác và bất giác" sau đây).

Cái tâm này «bao hàm hai tính ô nhiễm và trong sạch cùng với hai sự ô nhiễm và trong sạch». Cái được tàng chứa thì nhiều, nhưng chúng không gây chướng ngại cho nhau. Một mặt, cái tâm này có thể gọi là không và vô sai biệt. Mặt khác, cái tâm này cũng có thể gọi là bất không và có sai biệt. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Thể của tạng là bình đẳng, thực sự không sai biệt, tức là như lai tạng không. Bởi thể của tạng này lại có cái dụng không thể nghĩ bàn, nên nó có đủ tính chất của các pháp và có sai biệt, tức là như lai tạng bất không. Đây là sự sai biệt của cái không sai biệt. Ý nghĩa này là gì? Ý nói nó không phải như viên bùn có đủ các hạt bụi nhỏ. Tại sao? Viên bùn là giả, hạt bụi nhỏ là thật, nên mỗi hạt bụi nhỏ có tính chất riêng; chỉ vì hòa hợp mà thành viên bùn, nên viên bùn có đủ hết các hạt bụi nhỏ riêng biệt ấy. Như lai tạng thì không như vậy. Tại sao? Bởi vì như lai tạng là pháp chân thực, nó viên dung không hai. Do đó, toàn thể như lai tạng là tính chất của một lỗ chân lông của một chúng sinh; toàn thể như lai tạng là tính chất của tất cả lỗ chân lông của một chúng sinh. Giống như tính chất của lỗ chân lông, tính chất của mỗi pháp của tất cả pháp thế gian khác cũng như vậy. Giống như tính chất của pháp thế gian của một chúng sinh, tính chất của mỗi pháp thế gian của tất cả chúng sinh cũng như vậy, và tính chất mỗi pháp xuất thế của tất cả chư Phật, cũng như vậy. Đó là toàn thể như lai tạng.»[8]

Như lai tạng bao hàm tính chất của tất cả các pháp không giống

---

[8] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Tạng thể bình đẳng, thực vô sai biệt, tức thị không như lai tạng; nhiên thử tạng thể, phục hữu bất khả tư nghị dụng cố, cụ túc nhất thiết pháp tính, hữu kỳ sai biệt, tức thị bất không như lai tạng; thử cái vô sai biệt chi sai biệt dã. Thử nghĩa vân hà? Vị phi như nê đoàn cụ chúng vi trần dã. Hà dĩ cố? Nê đoàn thị giả, vi trần thị thực. Cố nhất nhất vi trần, các hữu biệt chất. Đãn dĩ hoà hợp thành nhất đoàn nê, thử nê đoàn tức cụ đa trần chi biệt. Như lai chi tạng, tức bất như thị. Hà dĩ cố? Dĩ như lai tạng thị chân thực pháp, viên dung vô nhị cố. Thị cố như lai chi tạng, toàn thể thị nhất chúng sinh nhất mao khổng tính, toàn thể thị nhất chúng sinh nhất thiết mao khổng tính. Như mao khổng tính, kỳ dư nhất thiết sở hữu thế gian nhất nhất pháp tính, diệc phục như thị. Như nhất chúng sinh thế gian pháp tính, nhất thiết chúng sinh sở hữu thế gian nhất nhất pháp tính, nhất thiết chư Phật sở hữu xuất thế gian nhất nhất pháp tính, diệc phục như thị. Thị như lai tạng toàn thể dã.»** 藏體平等，實無差別，即是空如來藏；然此藏體，復有不可思議用故，具足一切法性，有其差別，即是不空如來藏；此蓋無差別之差別也．此義云何？謂非如泥團具衆微塵也．何以故？泥團是假，微塵是實．故一一微塵，各有別質．但以和合成一團泥，此泥團即具多塵之別．如來之藏，即不如是．何以故？以如來藏是眞實法，圓融無二故．是故如來之藏，全體是一衆生一毛孔性，全體是一衆生一切毛孔性．如毛孔性，其餘一切所有世間一一法性，亦復如是．如一衆生世間法性，一切衆生所有世間一一法性，一切諸佛所有出世間一一法性，亦復如是．是如來藏全體也．

như một bó cỏ bao hàm tất cả những cọng cỏ trong bó cỏ. Bởi vì tính chất của một pháp tức là toàn thể như lai tạng. Quan hệ giữa như lai tạng đối với các tính ô nhiễm và các tính trong sạch được bao hàm trong tạng không phải là quan hệ giữa một toàn thể và các bộ phận của toàn thể ấy, bởi vì mỗi bộ phận [của như lai tạng] là cả một toàn thể. Cho nên trong như lai tạng tuy có đủ mọi tính chất nhưng không có sự phân biệt của nhiều tính chất. Do đó, đoạn văn trên nói: «Thể của tạng là bình đẳng, thực sự không sai biệt, tức là như lai tạng không.» Mặt khác, như lai tạng có đủ mọi tính chất, tức là nó có thể hiện tất cả sự vật. Từ mặt này mà nói, trong như lai tạng cũng có sự sai biệt, tức là như lai tạng bất không.

b. Tam tính

Trong chân tâm bao hàm tính chất ô nhiễm. Do tính chất ô nhiễm này mà hiển hiện sự vật ô nhiễm. Sự vật ô nhiễm tức là các sự vật cụ thể trong thế giới hiện tượng. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Tính chất ô nhiễm này vốn bị các nghiệp ô nhiễm huân tập, nên biến thành chỗ trú ẩn của vô minh và các chủng tử của tất cả các pháp ô nhiễm. Dựa theo các chủng tử này mà hiện ra các loại quả báo. Vô minh và nghiệp quả đó, tức là sự vật ô nhiễm. Tuy nhiên, chỗ trú ẩn của vô minh cùng với các quả báo do các chủng tử đó, tuy hiện ra các tướng khác nhau được gọi là sự (sự vật hiện tượng), nhưng chúng đều lấy tâm duy nhất làm thể, và không ở ngoài tâm. Do ý nghĩa đó, nên tâm ấy lại được gọi là bất không. Thí dụ như các hình ảnh hiện trong tấm gương sáng, chúng không có bản thể riêng. Chỉ là một tấm gương, nó không cản trở sự phân biệt và bất đồng của muôn vàn hình ảnh. Trạng thái bất đồng ấy đều hiển hiện trong gương, nên nó được gọi là tấm gương bất không.»[9]

Tất cả hình ảnh hiện ra trong tấm gương bất không này tức là thế giới hiện tượng.

---

[9] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Tức bỉ nhiễm tính, vi nhiễm nghiệp huân cố, thành vô minh trú địa, cập nhất thiết nhiễm pháp chủng tử. Y thử chủng tử, hiện chủng chủng quả báo. Thử vô minh cập dữ nghiệp quả, tức thị nhiễm sự dã. Nhiên thử vô minh trú địa, cập dĩ chủng tử quả báo đẳng, tuy hữu tướng biệt hiển hiện, thuyết chi vi sự, nhi tất nhất tâm vi thể, tất bất tại tâm ngoại. Dĩ thị nghĩa cố, phục dĩ thử tâm vi bất không dã. Thí như minh kính sở hiện sắc tượng, vô biệt hữu thể, duy thị nhất kính, nhi phục bất phương vạn tượng khu phân bất đồng. Bất đồng chi trạng, giai tại kính trung hiển hiện, cố danh bất không kính dã.» 即彼染性，爲染業熏故，成無明住地，及一切染法種子．依此種子，現種種果報．此無明及與業果，即是染事也．然此無明住地，及以種子果報等，雖有相別顯現，說之爲事，而悉一心爲體，悉不在心外．以是義故，復以此心不空也．譬如明鏡所現色像，無別有體，唯是一鏡，而復不妨萬像區分不同．不同之狀，皆在鏡中顯現，故名不空鏡也．

Muốn hiểu rõ cách thức mà nghiệp ô nhiễm sinh ra, trước tiên chúng ta cần hiểu về cái gọi là *tam tính* 三性. Tam tính tức là: *chân thực tính* 眞實性, *y tha tính* 依他性, và *phân biệt tính* 分別性. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Tam tính nghĩa là: (1) Chân như lìa chướng ngại cùng với đức trong sạch của Phật đều gọi là *chân thực tính* (tính chân thực); (2) Chân tính trong chướng ngại cùng hòa hợp với ô nhiễm, gọi là a-lại-da thức. Thức này có *y tha tính* (tính chất nương theo cái khác mà khởi lên); (3) Sự phân biệt do vọng tưởng của sáu thức đầu và thức thứ bảy (mạt na thức) thì gọi là *phân biệt tính* (tính phân biệt).»[10]

Trên đây nói chung về tam tính. A-lại-da thức cũng gọi là *bản thức* (thức căn bản).[11] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Bản thức, a-lại-da thức, hòa hợp thức, chủng tử thức, quả báo thức, v.v..., toàn là một thể mà khác tên. [...] Ý nghĩa giống và khác của chân như với a-lại-da. [...] Chân tâm là thể, bản thức là tướng, các thức khác (thức thứ sáu, thức thứ bảy, v.v...) là dụng. Giống như nước là thể, sự trôi chảy là tướng, sóng là dụng. Suy ra thì biết. Cho nên *Khởi Tín Luận* nói: "Bất sinh diệt với sinh diệt hoà hợp thì gọi là a-lại-da thức." [12] Tức là bản thức. Vì làm căn bản cho sinh tử nên gọi là bản, cho nên *Khởi Tín Luận* nói: "Xét về phương diện chủng tử, thì bản thức là a-lại-da thức, bởi vì nó làm chủng tử căn bản cho tất cả các pháp." [13] Tức là ý nghĩa ấy. Ngoài ra có kinh nói rằng: "Cái tâm này tự bản tính của nó là thanh tịnh." Lại nói: "Cái tâm ấy bị phiền não làm ô nhiễm." [14] Ở đây ta nên hiểu rõ rằng: tuy thể của chân

---

10 ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Tam tính giả, vị xuất chướng chân như cập Phật tịnh đức, tất danh chân thực tính. Tại chướng chi chân dữ nhiễm hoà hợp danh a-lê-da thức; thử thức thị y tha tính. Lục thức thất thức vọng tưởng phân biệt, tất danh phân biệt tính.»** 三性者，謂出障眞如及佛淨德，悉名眞實性．在障之眞與染和合名阿梨耶識；此即是依他性．六識七識妄想分別，悉名分別性．

11 **LAM chú: Ālaya được phiên âm là *a-lại-da* 阿賴耶, *a-lợi-da* 阿利耶, *a-lê-da* 阿梨耶, *a-la-da* 阿羅耶. A-lại-da thức (ālaya-vijñāna) cũng gọi là *bản thức* 本識; bảy thức còn lại được gọi là *chuyển thức* 轉識.**

12 **LAM chú: Câu trích dẫn này khác nguyên văn của *Đại Thừa Khởi Tín Luận*. Nguyên văn là: «Bất sinh diệt dữ sinh diệt hoà hợp phi nhất phi dị, danh a-lại-da thức.»** 不生滅與生滅和合非一非異，名阿賴耶識 **(Không sinh diệt hoà hợp với sinh diệt, chẳng đồng nhất cũng chẳng khác biệt; [thức này] gọi là a-lại-da thức).**

13 **Derk Bodde chú: Tôi không tìm thấy câu trích dẫn này trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*.– LAM chú: Đúng vậy, câu «Dĩ chủng tử thời a-lê-da thức, dữ nhất thiết pháp tác căn bản chủng tử cố»** 以種子時阿梨耶識，與一切法作根本種子故 **không hề có trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*. Thuật ngữ «chủng tử» 種子 xuất hiện ba lần trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*, nhưng nằm trong ngữ cảnh khác hẳn.**

14 **Derk Bodde chú: Tuy được nói là nằm ở trong một quyển kinh nào đó, nhưng câu trích dẫn «Tự tính thanh tịnh tâm»** 自性清淨心 **lại xuất hiện nhiều lần trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*, tức là *luận* chứ không phải *kinh*. Câu trích dẫn «Bỉ tâm vi phiền não sở nhiễm»** 彼心

tâm có đủ tính trong sạch nhưng lại cũng có đủ tính ô nhiễm, nên chân tâm bị phiền não làm ô nhiễm. Do đó mà suy luận thì chúng ta biết rõ rằng: xét về thể mà nói riêng một tính trong sạch, thì nó được gọi là tịnh tâm (tâm trong sạch); xét về tướng hoà hợp với sự ô nhiễm, thì nó được gọi là bản thức.»[15]

«Tuy thể của chân tâm có đủ tính trong sạch nhưng lại cũng có đủ tính ô nhiễm», cho nên nếu phân biệt rõ tam tính thì «tính chân thực có hai loại: một loại là tâm sạch có dơ (hữu cấu tịnh tâm) được xem là tính chân thực; loại kia là tâm sạch không dơ (vô cấu tịnh tâm) được xem là tính chân thực. Cái gọi là tâm sạch có dơ (hữu cấu tịnh tâm) tức là thể thực của chúng sinh, là bản tính của sự nhiễm.» «Cái gọi là tâm sạch không dơ (vô cấu tịnh tâm) tức là thể tính của chư Phật, là bản thực của đức sạch.»[16]

Như vậy, cái chân tâm vốn duy nhất này, xét về phương diện có đủ

為煩惱所染 thì tôi không xác định được nằm ở quyển kinh nào.– LAM chú: Trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận*, thuật ngữ «tự tính» 自性 xuất hiện chín lần; nhưng «Tự tính thanh tịnh tâm» 自性清淨心 chỉ xuất hiện một lần trong ngữ cảnh sau: «Tự tính thanh tịnh tâm nhân vô minh phong động khởi thức ba lãng.» 自性清淨心因無明風動起識波浪 (Cái tâm này tự bản tính của nó là thanh tịnh, do bởi gió vô minh nổi lên mà dậy sóng của thức).

[15] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Bản thức, a-lê-da thức, hoà hợp thức, chủng tử thức, quả báo thức đẳng, giai thị nhất thể dị danh. [...] Chân như dữ a-lê-da đồng dị chi nghĩa. [...] Vị chân tâm thị thể, bản thức thị tướng, lục thất đẳng thức thị dụng. Như tự thuỷ vi thể, lưu vi tướng, ba vi dụng. Loại thử khả tri. Thị cố luận vân: "Bất sinh bất diệt dữ sinh diệt hoà hợp, thuyết danh a-lê-da thức." Tức bản thức dã. Dĩ dữ sinh tử tác bản, cố danh vi bản. Thị cố luận vân: "Dĩ chủng tử thời a-lê-da thức, dữ nhất thiết pháp tác căn bản chủng tử cố." Tức kỳ nghĩa dã. Hựu phục kinh vân: "Tự tính thanh tịnh tâm." Phục ngôn: "Bỉ tâm vi phiền não sở nhiễm." Thử minh chân tâm, tuy phục thể cụ tịnh tính, nhi phục thể cụ nhiễm tính cố, nhi vi phiền não sở nhiễm. Dĩ thử luận chi, minh tri tựu thể, thiên cứ nhất tính, thuyết vi tịnh tâm; tựu tướng dị dữ nhiễm sự hoà hợp, thuyết vi bản thức.» 本識,阿梨耶識,和合識,種子識,果報識等,皆是一體異名.[...] 眞如與阿梨耶同異之義.[...] 謂眞心是體,本識是相六七等識是用.如似水爲體,流爲相,波爲用.類此可知.是故論云:"不生不滅與生滅和合,說名阿梨耶識."即本識也.以與生死作本,故名爲本.是故論云:"以種子時阿梨耶識,與一切法作根本種子故."即其義也.又復經云:"自性清淨心."復言:"彼心爲煩惱所染."此明眞心,雖復體具淨性,而復體具染性故,而爲煩惱所染.以此論之,明知就體偏據一性,說爲淨心;就相異與染事和合,說爲本識.

[16] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Phục hữu lưỡng chủng: nhất giả hữu cấu tịnh tâm dĩ vi chân thực tính; nhị giả vô cấu tịnh tâm dĩ vi chân thực tính. Sở ngôn hữu cấu tịnh tâm giả, tức thị chúng sinh chi thể thực, sự nhiễm chi bản tính. [...] Sở ngôn vô cấu tịnh tâm giả, tức thị chư Phật chi thể tính, tịnh đức chi bản thực.» 復有兩種:一者有垢淨心以爲眞實性;二者無垢淨心以爲眞實性.所言有垢淨心者,即是衆生之體實,事染之本性.[...] 所言無垢淨心者,即是諸佛之體性,淨德之本實.

tính chất thanh tịnh, tức là tâm sạch không dơ (vô cấu tịnh tâm); xét về phương diện có đủ tính chất ô nhiễm, tức là tâm sạch có dơ (hữu cấu tịnh tâm). Chân tâm vốn không sinh không diệt; nhưng hễ ta chưa giác ngộ thì nó động và hiển hiện các trạng thái hư vọng. Động tức là có sinh diệt. Xét về phương diện không sinh không diệt của chân tâm hoà hợp với sinh diệt, thì chân tâm được gọi là a-lại-da thức. Ở đây tức là tính y tha (nương theo cái khác mà khởi). Tính y tha và tính phân biệt cũng được phân làm thanh tịnh và nhiễm đục. Tính y tha thanh tịnh và tính phân biệt thanh tịnh sau đây sẽ được nói rõ. Còn về tính y tha nhiễm đục và tính phân biệt nhiễm đục, thì thế giới hiện tượng khởi lên từ chúng. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Trong tính y tha nhiễm đục và trong các pháp có trạng thái hư vọng có các pháp tựa như sắc, tựa như thức, tựa như trần, v.v... Tại sao gọi là "tựa như"? Vì chúng đều hiển hiện do một tâm dựa vào sự huân tập. Những hiển hiện này của tâm tựa như pháp chứ không có thật, nên gọi là "tựa như ". Khi cái tựa như thức này trong một niệm khởi hiện, thì nó cùng khởi với cái tựa như trần. Cho nên khi nó khởi lên, chúng ta không biết rằng cái tựa như trần, cái tựa như sắc, v.v... đều là do tâm tạo; tướng của chúng là hư vọng chứ không thật. Bởi vọng chấp, nên cảnh theo tâm mà chuyển, đều thành sự việc thật. Lúc này chúng là những sự việc mà phàm phu thấy. Khi bị vọng chấp như vậy, chúng dần dần huận tập tâm, trở lại thành tính chất y tha. Rồi vọng chấp trở lại mà thành ra tính chất phân biệt. Như vậy các hư vọng sinh ra nhau từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác. Hỏi: "Tính phân biệt với tính y tha chỉ sinh ra nhau, hay rốt cục có khác biệt gì nữa?" Đáp: "Pháp của tính y tha là tâm tính dựa vào huân tập mà khởi lên. Chúng chỉ là tướng của tâm, thể của nó hư chứ không thực. Về pháp của tính phân biệt, do vô minh nên chúng ta không biết rằng pháp của tính y tha là hư, nên vọng chấp cho nó là sự việc thật. Do đó, tuy không có bản thể khác sinh ra nhau, nhưng hư và thực có sự khác biệt, nên gọi là pháp của tính phân biệt.»[17]

[17] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Nhiễm trọc y tha tính trung, hư trạng pháp nội, hữu ư tự sắc tự thức tự trần đẳng pháp. Hà cố giai danh vi tự? Dĩ giai nhất tâm y huân sở hiện cố, dãn thị tâm tướng, tự pháp phi thực, cố danh vi tự. Do thử tự thức nhất niệm khởi hiện chi thời, tức dữ tự trần câu khởi. Cố đương khởi chi thời, tức bất tri tự trần tự sắc đẳng, thị tâm sở tác, hư tướng vô thực. Dĩ bất tri cố, tức vọng phân biệt, chấp hư vi thực. Dĩ vọng chấp cố, cảnh tòng tâm chuyển, giai thành thực sự, tức thị kim thời phàm phu sở kiến chi sự. Như thử chấp thời, tức niệm niệm huân tâm, hoàn thành y tha tính; ư thượng hoàn chấp, phục thành phân biệt tính. Như thị niệm niệm hư vọng, hỗ tương sinh dã. Vấn viết: "Phân biệt chi tính dữ y tha tính, ký diệt hỗ tương sinh, cánh hữu hà biệt?" Đáp viết: "Y tha tính pháp giả, tâm tính y huân cố khởi, dãn thị tâm tướng, thể hư vô thực. Phân biệt tính pháp giả, dĩ vô minh cố, bất tri y tha chi pháp**

Cái tựa như thức chính là sáu thức đầu và thức thứ bảy. Chân như khi chưa giác ngộ thì động, nên có các trạng thái hư vọng. Trong các trạng thái hư vọng này có cái tựa như thức. Cái tựa như thức này không biết những trạng thái hư vọng ấy là do tâm tạo, nên nó vọng chấp chúng là thực. Các trạng thái hư vọng này xưa nay tức là các pháp của tính y tha nhiễm đục. Còn Các trạng thái hư vọng bị vọng chấp là cảnh thực tức là các pháp của tính phân biệt nhiễm đục. Các trạng thái hư vọng bị vọng chấp của tính phân biệt nhiễm đục được xem là cảnh thực. Cảnh thực này tức là thế giới hiện tượng. Tính phân biệt nhiễm đục được nói trên đây tức là tính biến kế sở chấp theo Duy Thức Tông. Còn tính chân thực được nói trên đây của Thiên Thai Tông khác với tính viên thành thực theo Duy Thức Tông, nhưng tương đồng với tính viên thành thực theo Hoa Nghiêm Tông.

Bản thân thế giới hiện tượng là tính y tha, nhưng xét tới căn bản của nó, thì nó là cái được hiện ra bởi tính chân thực của tâm sạch có dơ (hữu cấu tịnh tâm). *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Chân tâm có thể làm bản thể cho tất cả sự vật phàm và thánh. Thể của tâm có đủ tính chất của tất cả các pháp. Sự tạo lập mọi sự vật thế gian và mọi sự vật xuất thế gian đều do tính của tâm mà có đạo lý ấy. Nếu không có đạo lý ấy, thì sự tạo lập ấy rốt cuộc sẽ không thành.»[18]

Nói chung, tất cả mọi cái hiện hữu đều là do tính chân thực hiện ra; cho nên nói ngoài tâm không có pháp.

c. Thức cộng tướng và thức bất cộng tướng

Nếu tất cả các pháp đều do tâm hiện ra, tại sao trong thế giới hiện tượng

---

thị hư, tức vọng chấp dĩ vi thực sự. Thị cố tuy vô dị thể tương sinh, nhi hư thực hữu thù, cố ngôn phân biệt tính pháp dã."» 染濁依他性中，虛狀法內，有於似色似識似塵等法。何故皆名爲似？以皆一心依熏所現故，但是心相，似法非實，故名爲似。由此似識一念起現之時，即與似塵俱起。故當起之時，即不知似塵似色等，是心所作，虛相無實。以不知故，即妄分別，執虛爲實。以妄執故，境從心轉，皆成實事，即是今時凡夫所見之事。如此執時，即念念熏心，還成依他性；於上還執，復成分別性。如是念念虛妄，互相生也。問曰："分別之性與依他性，既迭互相生，竟有何別？"答曰："依他性法者，心性依熏故起，但是心相，體虛無實。分別性法者，以無明故，不知依他之法是虛，即妄執以爲實事。是故雖無異體相生，而虛實有殊，故言分別性法也。"

[18] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Chân tâm năng dữ nhất thiết phàm thánh vi thể, tâm thể cụ nhất thiết pháp tính. Như tức thời thế gian xuất thế gian sự đắc thành lập giả, giai do tâm tính hữu thử đạo lý dã. Nhược vô đạo lý giả, chung bất khả thành.»** 眞心能與一切凡聖爲體，心體具一切法性。如即時世間出世間事得成立者，皆由心性有此道理也。若無道理者，終不可成。

chúng sinh khác nhau về cái mà họ nhận thức (*sở kiến* 所見) và cái mà họ hưởng thụ (*sở thụ dụng* 所受用)? Về vấn đề này, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Hỏi: "Tất cả [chúng sinh] phàm hay thánh nếu đã có cái tâm duy nhất làm bản thể, thì tại sao cái mà họ nhận thức khi thì giống nhau, khi thì khác nhau? Và tại sao cái mà họ thụ hưởng khi thì giống nhau, khi thì khác nhau?" Đáp: "Khi nói tất cả [chúng sinh] phàm hay thánh có cái tâm duy nhất làm bản thể, thì cái tâm ấy được luận bàn theo *thể* và *tướng* (lakṣaṇa). [Cái tâm ấy] có hai loại: Một loại là chân như hay cái tâm bình đẳng. Đó là *thể*. [...] Một loại là a-lại-da thức, tức là *tướng*. [...] Do đó trong tâm có sự kết hợp của hai thứ riêng biệt: Một thứ là thức cộng tướng, một thứ là thức bất cộng tướng. Tại sao có hai thức ấy? Bởi vì trong bản thể của chân như có đủ tính chất của thức cộng tướng và tính chất của thức bất cộng tướng. Tất cả [chúng sinh] phàm hay thánh tạo nghiệp như nhau, rồi huân tập tính chất cộng tướng, nên thành thức cộng tướng. Mỗi chúng sinh phàm hay thánh tạo nghiệp khác nhau, rồi huân tập tính chất bất cộng tướng, nên thành thức bất cộng tướng. [...] Tuy nhiên cái cõi mà mọi chúng sinh cùng thụ hưởng chỉ là tướng của tâm nên gọi là thức cộng tướng. [...] Cái gọi là bất cộng tướng ý nói mỗi chúng sinh phàm hay thánh tự bản thân có quả báo riêng. Mỗi chúng sinh phàm hay thánh có nghiệp khác nhau, rồi nghiệp ấy huân tập chân tâm. Tính bất cộng tướng của chân tâm dựa theo sự huân tập mà hiển hiện quả báo riêng; mỗi kẻ mỗi khác; tự mình và kẻ khác tách biệt nhau. Những quả báo bất đồng này chỉ là tướng của tâm, nên gọi là thức bất cộng tướng.»[19]

---

[19] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Vấn viết: "Nhất thiết phàm thánh, kỷ duy nhất tâm vi thể, hà vi hữu tướng kiến giả, hữu bất tướng kiến giả; hữu đồng thụ dụng giả, hữu bất đồng thụ dụng giả?" Đáp viết: "Sở ngôn nhất thiết phàm thánh duy dĩ nhất tâm vi thể giả, thử tâm tựu thể tướng luận chi. Hữu kỳ nhị chủng: Nhất giả chân như bình đẳng tâm, thử thị thể dã. [...] Nhị giả a-lê-da thức tức thị tướng dã. [...] Tựu trung tức hợp hữu nhị sự biệt, nhất giả cộng tướng thức, nhị giả bất cộng tướng thức. Hà cố hữu da? Dĩ chân như thể trung, cụ thử cộng tướng thức tính, bất cộng tướng thức tính cố. Nhất thiết phàm thánh, tạo đồng nghiệp huân thử cộng tướng tính cố, tức thành cộng tướng thức dã. Nhược nhất nhất phàm thánh, các các biệt tạo biệt nghiệp, huân thử bất cộng tướng tính cố, tức thành bất cộng tướng thức dã. [...] Nhiên thử đồng dụng chi thể, duy thị tâm tướng, cố ngôn cộng tướng thức. [...] Sở ngôn bất cộng tướng giả, vị nhất nhất phàm thánh, nội thân biệt báo thị dã. Dĩ nhất nhất phàm thánh, tạo nghiệp bất đồng, huân ư chân tâm. Chân tâm bất cộng chi tính, y huân sở khởi, hiển hiện biệt báo, các các bất đồng, tự tha lưỡng biệt dã. Nhiên thử bất đồng chi báo, duy thị tâm tướng, cố ngôn bất cộng tướng thức."» 問曰："一切凡聖，既唯一心爲體，何爲有相見者，有不相見者；有同受用者，有不同受用者？" 答曰："所言一切凡聖唯以一心爲體者，此心就體相論之，有其二種：一者眞如平等心，此是體也. [...] 二者曰梨耶識即是相也. [...] 就中即合有二事別，一者共相識，二者不共相識. 何故有耶？以眞如體中，具此共相識性，不共相識故

Những sự vật (như núi non, sông nước, đất đai, v.v...) hiển hiện bởi nghiệp giống nhau của chúng sinh. Bởi vì chúng là cái hiển hiện bởi nghiệp giống nhau, nên mọi chúng sinh đều có thể nhìn thấy chúng và hưởng thụ chúng. Những hiển hiện bởi nghiệp riêng của chúng sinh (như căn, thân, v.v... của mỗi cá nhân) thì chỉ có tự mỗi người dùng được thôi, còn người khác thì không thể dùng được. Hành vi của một loại có thể dẫn dắt tính chất cùng loại của nó, khiến cho sự vật hiện ra. Cho nên hành vi của một loại càng nhiều thì tính chất cùng loại được dẫn dắt càng nhiều. Cho nên «mỗi chúng sinh phàm hay thánh tạo nghiệp khác nhau», và quả báo họ nhận lãnh cũng khác nhau.

d. Vạn pháp hỗ nhiếp

Mọi sự vật trong thế giới hiện tượng tuy khác biệt nhau nhưng đều có sự *viên dung hỗ nhiếp* (bao gồm hài hoà lẫn nhau). *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Hơn nữa, nếu chúng ta đề cập thậm chí một lỗ chân lông thôi, thì nó cũng bao gồm hết tất cả mọi sự thế gian và tất cả mọi sự xuất thế gian. Đề cập một lỗ chân lông mà nó bao gồm hết tất cả mọi sự. Như vậy, nếu đề cập tất cả mọi cái tồn tại trong thế gian và xuất thế gian, thì mỗi sự cũng đều như vậy, tức là bao gồm hết tất cả mọi sự thế gian và tất cả mọi sự xuất thế gian. Tại sao vậy? Bởi vì tất cả mọi sự thế gian và tất cả mọi sự xuất thế gian lấy các tính chất của thế gian và xuất thế gian làm thể. Do đó, các tính chất của thế gian và xuất thế gian bao gồm hài hoà lẫn nhau; sự việc thế gian và xuất thế gian cũng bao gồm hài hoà lẫn nhau, không trở ngại gì cả.»[20]

Sự lấy tính làm thể. Mỗi tính đều là toàn thể của như lai tạng, nên mỗi sự cũng là cái hiển hiện bởi toàn thể của như lai tạng. *Đại Thừa Chỉ*

一切凡聖，造同業熏此共相性故，即成共相識也．若一一凡聖，各各別造別業，熏此不共相性故，即成不共相識也．[...] 然此同用之土，唯是心相，故言共相識．[...] 所言不共相者，謂一一凡聖，內身別報是也．以一一凡聖，造業不同，熏於眞心．眞心不共之性，依熏所起，顯現別報，各各不同，自他兩別也．然此不同之報，唯是心相，故言不共相識."

[20] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Hựu phục như cử nhất mao khổng sự, tức nhiếp nhất thiết thế xuất thế sự. Như cử nhất mao khổng sự, tức nhiếp nhất thiết sự. Cử kỳ dư thế gian xuất thế gian trung nhất thiết sở hữu, tuỳ nhất nhất sự, diệc phục như thị, tức nhiếp nhất thiết thế xuất thế sự. Hà dĩ cố? Vị dĩ nhất thiết thế gian xuất thế gian sự, tức dĩ bỉ thế gian xuất thế gian tính vi thể cố. Thị cố thế gian xuất thế gian tính, thể dung tướng nhiếp cố, thế gian xuất thế gian sự, diệc tức viên dung tướng nhiếp vô ngại dã.»** 又復如舉一毛孔事，即攝一切世出世事．如舉一毛孔事，即攝一切事．舉其餘世間出世間中一切所有，隨一一事，亦復如是，即攝一切世出世事．何以故？謂以一切世間出世間事，即以彼世間出世間性爲體故．是故世間出世間性，體融相攝故，世間出世間事，亦即圓融相攝無礙也．

Quán Pháp Môn đã nêu ra thí dụ để giảng rõ nguyên lý *hỗ dung vô ngại* (bao gồm lẫn nhau, không trở ngại) của các tính này và của các sự này: «Sa môn nói: "Ông hãy nhắm mắt lại, rồi hình dung ra một lỗ chân lông nhỏ trên thân ông. Có thấy không?" Người ngoại đạo hình dung ra một lỗ chân lông nhỏ, rồi nói: "Tôi đã thấy." Sa môn nói: "Ông hãy nhắm mắt lại, rồi hình dung ra một cái thành lớn, rộng vài chục dặm [vuông]. Có thấy không?" Người ngoại đạo hình dung ra một cái thành lớn, rồi nói: "Tôi đã thấy." Sa môn hỏi: "Sợi lông với cái thành, lớn nhỏ có khác nhau không?" Người ấy đáp: "Khác." Sa môn hỏi: "Sợi lông với cái thành ấy chỉ do tâm tạo ra, phải không?" Người ấy đáp: "Đúng là do tâm tạo ra." Sa môn hỏi: "Tâm của ông có nhỏ có lớn không?" Người ấy đáp: "Tâm không hình tướng, làm sao thấy nó lớn hay nhỏ?" Sa môn hỏi: "Khi ông hình dung lỗ chân lông ấy, có phải đó là tâm bị giảm nhỏ mà tạo ra, hay là toàn bộ tâm tạo ra?" Người ấy đáp: "Tâm không hình tướng, làm sao bị giảm nhỏ mà tạo ra? Do đó tôi hoàn toàn dùng một niệm mà hình dung ra lỗ chân lông ấy" Sa môn hỏi: "Khi ông hình dung cái thành ấy, có phải ông dùng tâm của chính mình mà tạo ra, hay là dùng với tâm của người khác?" Người ấy đáp: "Tôi chỉ dùng tâm của chính mình chứ không dùng với tâm của người khác." Sa môn hỏi: "Vậy thì toàn thể một tâm ấy hình dung ra một lỗ chân lông nhỏ, rồi cũng toàn thể nó hình dung ra một cái thành lớn. Tâm vốn là duy nhất, không lớn không nhỏ. Lỗ chân lông và cái thành ấy đều do ông dùng một tâm làm bản thể. Từ đó mà ta biết rằng lỗ chân lông với cái thành ấy về bản thể thì nhất quán và bình đẳng." Do ý nghĩa này, lấy cái nhỏ mà gom lấy cái lớn, thì mọi cái lớn đều là nhỏ; lấy cái lớn mà gom lấy cái nhỏ, thì mọi cái nhỏ đều là lớn. Bởi mọi cái nhỏ đều là lớn, nên cái lớn có thể nhập vào cái nhỏ, nhưng cái lớn không bị giảm nhỏ. Bởi mọi cái lớn đều là nhỏ, nên cái nhỏ có thể chứa cái lớn, nhưng cái nhỏ bị không tăng thêm. Cái nhỏ không bị tăng thêm, nên tính chất cũ của hạt cải không đổi. Cái lớn không bị giảm nhỏ, nên hình dáng lớn của núi Tu Di vẫn y nguyên. Đó là ý nghĩa duyên khởi. Nếu đem ý nghĩa tâm thể bình đẳng mà xét ý nghĩa duyên khởi, thì các tướng lớn và nhỏ vốn chẳng có thực, chẳng sinh và chẳng diệt, chỉ là do chân tâm duy nhất thôi.»[21]

[21] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Sa môn viết: "Nhữ đương bế mục, ức tưởng thân thượng nhất tiểu mao khổng, tức năng kiến bất?" Ngoại nhân ức tưởng nhất tiểu mao khổng dĩ, báo viết: "Ngã dĩ liễu liễu kiến dã." Sa môn viết: "Nhữ đương bế mục, ức tưởng tác nhất đại thành, quảng số thập lý, tức năng kiến bất?" Ngoại nhân tưởng tác thành dĩ, báo viết: "Ngã ư tâm trung liễu liễu kiến dã." Sa môn viết: "Mao khổng dữ thành, đại tiểu dị bất?" Ngoại nhân viết: "Dị." Sa môn viết: "Hướng giả mao khổng dữ thành, đãn thị tâm tác bất?" Ngoại nhân viết: "Thị tâm tác." Sa môn viết: "Nhữ tâm hữu tiểu đại da?" Ngoại nhân viết: "Tâm vô hình**

Núi Tu Di có thể dung chứa hạt cải, nhưng tính chất cũ của hạt cải không đổi và hình dáng lớn của núi Tu Di vẫn y nguyên. Đó là nói về phương diện không gian. Còn về phương diện thời gian, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Sa môn hỏi: "Tôi lại hỏi ông. Ông từng nằm mộng chứ?" Người ngoại đạo đáp: "Tôi từng nằm mộng." Sa môn hỏi: "Ông có bao giờ nằm mộng thấy sự việc xảy ra trong năm hay mười năm mà ông đã trải không?" Người ấy đáp: "Quả thực tôi từng nằm mộng thấy nhiều năm hay mấy tháng mấy tuần; cũng có ngày có đêm y như lúc thức." Sa môn hỏi: "Khi ông tỉnh dậy, ông có biết đã ngủ bao lâu không?" Người ấy đáp: "Khi tỉnh dậy, hỏi người khác, thì họ cho biết tôi đã ngủ lâu bằng thời gian một bữa ăn." Sa môn nói: "Kỳ lạ thực. Trong khoảng thời gian một bữa ăn mà lại thấy sự việc suốt bao nhiêu năm." Vì ý nghĩa này, căn cứ lúc tỉnh để luận lúc mộng, thì khoảng thời gian lâu dài trong giấc mộng là không thực; cũng căn cứ lúc mộng để luận lúc tỉnh,

---

tướng, yên khả kiến hữu đại tiểu?" Sa môn viết: "Nhữ tưởng tác mao khổng thời, vi giảm tiểu hứa tâm tác, vi toàn dụng nhất tâm tác da?" Ngoại nhân viết: "Tâm vô hình đoạn, yên khả giảm tiểu hứa dụng chi? Thị cố ngã toàn dụng nhất niệm tưởng tác mao khổng dã." Sa môn viết: "Nhữ tưởng tác đại thành thời, vi chỉ dụng tự gia nhất tâm tác, vi cánh biệt đắc tha nhân tâm thần cộng tác da?" Ngoại nhân viết: "Duy dụng tự tâm tác thành, cánh vô tha nhân tâm dã." Sa môn viết: "Nhiên tắc nhất tâm toàn thể, duy tác nhất tiểu mao khổng, phục toàn thể năng tác đại thành. Tâm ký thị nhất, vô đại tiểu cố. Mao khổng dữ thành, câu toàn dụng nhất tâm vi thể. Đương tri mao khổng dữ thành, thể dung bình đẳng dã." Dĩ thị nghĩa cố, cử tiểu thu đại, vô đại nhi phi tiểu; cử đại nhiếp tiểu, vô tiểu nhi phi đại. Vô tiểu nhi phi đại, cố đại nhập tiểu nhi đại bất giảm; vô đại nhi phi tiểu, cố tiểu dung đại nhi tiểu bất tăng. Thị dĩ tiểu vô dị tăng, cố giới tử cựu chất bất cải; đại vô dị giảm cố Tu Di đại tướng như cố. Thử tức cứ duyên khởi chi nghĩa dã. Nhược dĩ tâm thể bình đẳng chi nghĩa vọng bỉ, tức đại tiểu chi tướng bản lai phi hữu, bất sinh bất diệt, duy nhất chân tâm dã.» 沙門曰: "汝當閉目，憶想身上一小毛孔，即能見不?" 外人憶想一小毛孔已，報曰: "我已了了見也." 沙門曰: "汝當閉目，憶想作一大城，廣數十里，即能見不?" 外人想作城已，報曰: "我於心中了了見也." 沙門曰: "毛孔與城，大小異不?" 外人曰: "異." 沙門曰: "向者毛與城，但是心作不?" 外人曰: "是心作." 沙門曰: "汝心有小大耶?" 外人曰: "心無形相，焉可見有大小?" 沙門曰: "汝想作毛孔時，爲減小許心作，爲全用一心作耶?" 外人曰: "心無形段，焉大減小許用之? 是故我全用一念想作毛孔也." 沙門曰: "汝想作大城時，爲只用自家一心作，爲更別得他人心神共作耶?" 外人曰: "唯用自心作城，更無他人心也." 沙門曰: "然則一心全體，唯作一小毛孔，復全體能作大城. 心既是一，無大小故. 毛孔與城，俱全用一心爲體. 當知毛孔與城，體融平等也." 以是義故，舉小收大，無大而非小；舉大攝小，無小而非大. 無小而非大，故大入小而大不減，無大而非小，故小容大而小不增. 是以小無異增，故芥子舊質不改；大無異減故須彌大相如故. 此即據緣起之義也. 若以心體平等之義望彼，即大小之相本來非有，不生不滅，唯一眞心也.

thì khoảng thời gian ngắn ngủi lúc thức tỉnh cũng giả dối. Nếu luận lúc tỉnh và lúc mộng theo thường tình, tức là lâu dài hay ngắn ngủi, cái nào cũng thực cả; chúng không dung chứa nhau. Nếu luận lúc tỉnh và lúc mộng theo lý lẽ, tức là lâu dài và ngắn ngủi dung chứa nhau; lâu dài là ngắn ngủi; ngắn ngủi là lâu dài, mà điều ấy vẫn không làm hại sự khác biệt giữa lâu dài và ngắn ngủi. Nếu lấy một tâm mà xét chúng, thì lâu dài và ngắn ngủi đều là không, xưa nay chỉ có một tâm bình đẳng mà thôi. Bởi tâm thể bình đẳng, không có lâu dài hay ngắn ngủi, cho nên cái tướng lâu dài hay ngắn ngủi được duyên khởi từ tâm tính không phải là lâu dài hay ngắn ngủi chân thực. Cho nên chúng có thể dung chứa nhau. Nếu thời gian lâu dài tự có bản thể lâu dài và thời gian ngắn ngủi tự có bản thể ngắn ngủi, chứ không phải chúng do tâm tánh duyên khởi, thì không thể có sự dung chứa giữa lâu dài và ngắn ngủi. Hơn nữa, tuy cùng do một tâm làm bản thể, nhưng nếu thời gian lâu dài do trọn cả tâm tạo ra và thời gian ngắn ngủi do tâm bị giảm bớt tạo ra, thì không thể có sự dung chứa giữa lâu dài và ngắn ngủi. Chính vì toàn thể tâm tạo ra thời gian ngắn ngủi và cũng tạo ra thời gian lâu dài, nên lâu dài và ngắn ngủi có thể dung chứa nhau. Do đó, thánh nhân căn cứ ý nghĩa bình đẳng thì không thấy cái tướng lâu dài và ngắn ngủi của ba đời (quá khứ, hiện tại, tương lai); nhưng căn cứ ý nghĩa duyên khởi thì biết thời gian lâu dài và ngắn ngủi dung chứa nhau về bản thể.»[22]

---

[22] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Sa môn viết: "Ngã kim hựu vấn nhữ. Nhữ thường mộng bất?" Ngoại nhân viết: "Ngã thường hữu mộng." Sa môn viết: "Nhữ tằng mộng kiến kinh lịch thập niên ngũ tuế thời tiết dĩ bất?" Ngoại nhân viết: "Ngã thực tằng kiến lịch thiệp đa niên, hoặc kinh tuần nguyệt thời tiết. Diệc hữu trú dạ, dữ giác vô dị." Sa môn viết: "Nhữ nhược giác dĩ, tự tri thuỵ kinh kỷ thời?" Ngoại nhân viết: "Ngã ký giác dĩ, tá vấn tha nhân, ngôn ngã thuỵ thuỷ kinh thực khoảnh." Sa môn viết: "Kỳ tai! Ư nhất thực chi khoảnh, nhi kiến đa niên chi sự." Dĩ thị nghĩa cố, cử giác luận mộng, mộng lý trường thời, tiện tắc bất thực; cử mộng luận giác, giác thời thực khoảnh, diệc tắc vi hư. Nhược giác mộng cử tình luận, tức trường đoản các luận, các vị vi thực, nhất hướng bất dung. Nhược giác mộng cử lý luận, tức trường đoản tương nhiếp; trường thời thị đoản, đoản thời thị trường, nhi bất phương trường đoản tương biệt. Nhược dĩ nhất tâm vọng bỉ, tắc trường đoản câu vô, bản lai bình đẳng nhất tâm dã. Chính dĩ tâm thể bình đẳng, phi trường phi đoản; cố tâm tính sở khởi trường đoản chi tướng, tức vô trường đoản chi thực. Cố đắc tương nhiếp. Nhược thử trường thời tự hữu trường thể, đoản thời tự hữu đoản thể, phi thị nhất tâm khởi tác giả, tức bất đắc trường đoản tương nhiếp. Hựu tuy đồng nhất tâm vi thể, nhược trường thời tắc toàn dụng nhất tâm nhi tác, đoản thời tức giảm thiểu hứa tâm tác giả, diệc bất đắc trường đoản tương nhiếp. Chính dĩ nhất tâm toàn thể phục tác đoản thời, toàn thể phục tác trường thời, cố đắc tương nhiếp dã. Thị cố thánh nhân y bình đẳng nghĩa cố, tức bất kiến tam thế thời tiết trường đoản chi tướng; y duyên khởi nghĩa cố, tức tri đoản thời trường thời thể dung tương nhiếp.» 沙門曰："我今又問汝．汝常夢不？" 外人曰："我常有夢．" 沙門曰："汝曾夢見經歷十年五歲時節以不？" 外人曰："我實曾見歷涉多年，或經旬月時節．亦有晝夜，與覺

Xét về không gian thì lớn và nhỏ có thể dung chứa nhau; xét về thời gian thì lâu dài và ngắn ngủi có thể dung chứa nhau. Những tính chất và sự việc khác cũng đều như thế. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Do đó kinh nói: "Trong mỗi hạt bụi hiện ra mọi cõi Phật ở mười phương." Lại nói: "Mọi kiếp trong ba đời, khi ta hiểu ra, chỉ là một niệm." Ý nói sự việc trên. Kinh lại nói: "Quá khứ là vị lai; vị lai là hiện tại." Đó là nói ba đời dung chứa nhau. Tất cả các pháp đối đãi khác (như sạch và dơ, tốt và xấu, cao và thấp, đây và đó, sáng và tối, đồng nhất và khác biệt, động và tĩnh, có và không, v.v...) và các pháp không đối đãi nhau, tất cả đều dung chứa nhau, bởi vì các tướng không thực, chúng khởi lên phải dựa vào tâm. Tâm thể đã viên dung thì tướng cũng vô ngại. »[23]

Mỗi hiện tượng đều do toàn thể chân tâm hiện ra. Lý thuyết này khác với lý thuyết của ngoại đạo vì ngoại đạo cho rằng chân tâm phổ biến khắp mọi nơi. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Hỏi: "[...] như vậy tâm phổ biến khắp nơi; nó có khác gì với *thần ngã* (ātman) phổ biến nơi theo sự vọng chấp của ngoại đạo?" Đáp: "Ngoại đạo vọng chấp rằng ngoài tâm có pháp: lớn nhỏ, xa gần, ba đời, sáu nẻo. Tất cả là thực hữu. Nhưng họ cho rằng *thần ngã* thì vi diệu, rộng lớn, nên phổ biến khắp nơi. Từ đó thấy rằng đối với ngoại đạo các tướng của sự thực khác với thần

---

無異." 沙門曰: "汝若覺已, 自知睡經幾時?" 外人曰: "我既覺已, 借問他人, 言我睡始經食頃." 沙門曰: "奇哉! 於一食之頃, 而見多年之事." 以是義故, 據覺論夢, 夢裏長時, 便則月實; 據夢論覺, 覺時食頃, 亦則爲虛. 若覺夢據情論, 即長短各論, 各謂爲實, 一向不融. 若覺夢據理論, 即長短相攝; 長時是短, 短時是長, 而不妨長短相別. 若以一心望彼, 則長短俱無, 本來平等一心也. 正以心體平等, 非長非短; 故心性所起長短之相, 即無長短之實. 故得相攝. 若此長時自有長體, 短時自有短體, 非是一心起作者, 即不得長短相攝. 又雖同一心爲體, 若長時則全用一心而作, 短時即減少許心作者, 亦不得長短相攝. 正以一心全體復作短時, 全體復作長時, 故得相攝也. 是故聖人依平等義故, 即不見三世時節長短之相; 依緣起義故, 即知短時長時體融相攝.

[23] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Thị cố kinh vân: "Nhất nhất trần trung, hiển hiện thập phương nhất thiết Phật thổ." Hựu vân: "Tam thế nhất thiết kiếp, giải chi tức nhất niệm." Tức kỳ sự dã. Hựu phục kinh ngôn: "Quá khứ thị vị lai. Vị lai thị hiện tại." Thử thị tam thế dĩ tương nhiếp. Kỳ dư tịnh uế hảo xú cao hạ bỉ thử, minh ám nhất dị, tĩnh loạn hữu vô đẳng, nhất thiết đối pháp cập bất đối pháp, tất đắc tương nhiếp giả, cái do tướng vô tự thực, khởi tất y tâm, tâm thể ký dung, tướng diệc vô ngại dã.»** 是故經云: "一一塵中, 顯現十方一切佛土." 又云: "三世一切劫, 解之即一念." 即其事也. 又復經言: "過去是未來, 未來是現在." 此是三世以相攝. 其餘淨穢好醜高下彼此, 明暗一異, 靜亂有無等, 一切對法及不對法, 悉得相攝者, 蓋由相無自實, 起必依心, 心體既融, 相亦無礙也.

ngã; thần ngã khác với các tướng của sự thực. Giả sử mọi sự được xem là ngã và ngã đồng nhất với mọi sự, vậy thì họ đã chấp sự là thực, và cái này với cái kia không thể dung chứa nhau. Phật pháp không như vậy. Chúng ta biết rằng tất cả các pháp đều do tâm tạo, nhưng do tâm tính duyên khởi nên có sự sai biệt của các tướng. Tuy có sự sai biệt của các tướng, nhưng chỉ có một tâm làm bản thể. Lấy thể làm dụng, nên nói thực tế chẳng nơi nào mà không đến. Gọi là 'đến' [khắp nơi], vì tâm phổ biến trong đó, chứ nó không có nghĩa là ngoài tâm có các sự thực."»[24]

Ngoài tâm không có các pháp chân thực. Cho nên mọi hiện tượng đều do tâm hiện ra; nhưng ta không thể nói rằng tâm phổ biến khắp nơi. Thuyết này của Thiên Thai Tông khác với thuyết *phiếm thần luận* (pantheism) theo quan niệm thông thường.

e. Chỉ quán

Từ những điều đã nói trên đây, quan niệm thông thường của chúng ta đối với vũ trụ và đời người đều là mê vọng. Do đó mà chúng ta luân hồi sinh tử và nhận lấy mọi phiền não. Nếu muốn phá tan mê vọng và thoát khỏi luân hồi sinh tử, thì ta phải công phu tu hành, để cho bản tính thanh tịnh trong bản tâm chúng ta hiển hiện. Công phu tu hành ấy có hai phép: *chỉ* 止 và *quán* 觀. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Cái gọi là "chỉ" nghĩa là biết rằng tất cả các pháp từ xưa đến nay vốn chẳng có thực; chúng không sinh không diệt; chỉ do nhân duyên hư vọng nên chúng vốn chẳng có mà lại có. Các pháp ấy tuy có nhưng vốn chẳng có, chỉ là do một tâm tạo ra; bản thể của chúng không phân biệt. Quán xét như thế, có thể khiến vọng niệm không lưu chuyển nên gọi là "chỉ". Cái gọi là

---

[24] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Vấn viết: "[...] thử tắc chân tâm biến nhất thiết xứ, dữ bỉ ngoại đạo sở kế thần ngã biến nhất thiết xứ, nghĩa hữu hà dị da." Đáp viết: "Ngoại đạo sở kế, tâm ngoại hữu pháp. Đại tiểu viễn cận, tam thế lục đạo, lịch nhiên thị thực. Đãn dĩ thần ngã vi diệu quảng đại, cố biến nhất thiết xứ, do như hư không. Thử tức kiến hữu thực sự chi tướng dị thần ngã, thần ngã chi tướng dị thực sự dã. Thiết sử tức sự kế ngã, ngã dữ sự nhất. Đãn bỉ chấp sự vi thực, bỉ thử bất dung. Phật pháp chi nội, tức bất như thị. Trí nhất thiết pháp, tất thị tâm tác. Đãn dĩ tâm tính duyên khởi, bất vô tướng biệt. Tuy phục tướng biệt, kỳ duy nhất tâm vi thể. Dĩ thể vi dụng, cố ngôn thực tế vô xứ bất chí. Phi vị tâm ngoại hữu kỳ thực sự, tâm biến tại trung, danh vi chí dã."»** 問曰: "[...] 此則眞心遍一切處, 與彼外道所計神我遍一切處, 義有何異耶." 答曰: "外道所計, 心外有法. 大小遠近, 三世六道, 歷然是實. 但以神我微妙廣大, 故遍一切處, 猶如虛空. 此即見有實事之相異神我, 神我之相異實事也. 設使即事計我, 我與事一. 但彼執事爲實, 彼此不融. 佛法之內, 即不如是. 知一切法, 悉是心作. 但以心性緣起, 不無相別. 雖復相別, 其唯一心爲體. 以體爲用, 故言實際無處不至. 非謂心外有其實事, 心遍在中, 名爲至也."

"quán" nghĩa là tuy biết các pháp vốn không sinh và không diệt, chỉ do tâm tính duyên khởi, nên có tác dụng hư vọng ở thế gian; giống như ảo mộng, vốn chẳng có mà lại có, cho nên gọi là "quán".»[25]

Lại nói: «Ta nên biết bằng phép quán ta có thể thành lập [thuyết về] ba tính và do duyên khởi mà thành có. Bằng phép chỉ ta có thể diệt trừ ba tính và vào được ba vô tính. Vào ba vô tính nghĩa là: (1) Trừ phân biệt tính và vào vô tướng tính; (2) trừ y tha tính và vào vô sinh tính; (3) trừ chân thật tính và vào vô tính tính. [...] Ví như chiếc khăn tay [mà nhà ảo thuật biến thành con thỏ]. (1) Bản lai không có con thỏ. Các pháp của chân thật tính cũng như thế; chỉ một tịnh tâm, tự tính rời các tướng. (2) Thêm lực ảo thuật vào, chiếc khăn tay hiện ra giống như con thỏ. Các pháp của y tha tính cũng như thế; mê vọng huân tập chân tính, nên hiện ra các tướng của sáu nẻo. (3) Kẻ nhỏ dại không biết, nói con thỏ là thực. Các pháp của phân biệt tính cũng như thế; ý thức mê vọng chấp cái hư giả làm cái thực. Do đó kinh nói: "Tất cả các pháp đều hư ảo." Đó là ví dụ với phép quán trong ba tính vậy. [Về tam vô tính:] (1) Giả sử ta biết con thỏ đó dựa vào chiếc khăn mà tựa như có, nó chỉ là hư giả chứ không thực, thì cái trí của vô tướng tính cũng như thế. Ta có thể biết được các pháp dựa vào tâm mà tựa như có, chúng chỉ là hư trạng, không có tính chất của thực tướng. (2) Giả sử ta biết tướng của con thỏ hư giả chỉ là chiếc khăn tay và con thỏ trên chiếc khăn tay tuy có mà chẳng có, bản lai không sinh, thì cái trí của vô sinh tính cũng như thế. Ta có thể biết hư tướng chỉ là chân tâm, là các tướng do tâm hiện ra, có mà chẳng có, tự tính không sinh. (3) Giả sử ta biết chiếc khăn tay vốn có và ta không xem sự "không có con thỏ" là chiếc khăn tay, thì cái trí của vô tính tính cũng như thế. Ta có thể biết được tịnh tâm, bản tính tự có, không xem "cái không của hai tính" làm chân thực tính. Đó là ví dụ với phép chỉ của tam

[25] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Sở ngôn chỉ giả, vị tri nhất thiết chư pháp, tòng bản dĩ lai, tính tự phi hữu, bất sinh bất diệt. Đãn dĩ hư vọng nhân duyên cố, phi hữu nhi hữu. Nhiên bỉ hữu pháp, hữu tức phi hữu. Duy thị nhất tâm, thể vô phân biệt. Tác thị quán giả, năng lệnh vọng niệm bất lưu, cố danh vi chỉ. Sở ngôn quán giả, tuy tri bản bất sinh, kim bất diệt, nhi dĩ tâm tính duyên khởi, bất vô hư vọng thế dụng, do như ảo (huyễn) mộng phi hữu nhi hữu, cố danh vi quán.»** 所言止者,謂知一切諸法,從本已來,性自非有,不生不滅.但以虛妄因緣故,非有而有.然彼有法,有即非有.唯是一心,體無分別.作是觀者,能令妄念不流,故名爲止.所言觀者,雖知本不生,今不滅,而以心性緣起,不無虛妄世用,猶如幻夢非有而有,故名爲觀.- **LAM chú: Nói gọn, *chỉ* thuộc về *định* 定; *quán* thuộc về *huệ* 慧; nghĩa là *định huệ song tu* 定慧雙修. Chỉ tức là ngưng dứt các vọng niệm; quán tức là quán xét mọi pháp và thấy chúng đều là hư vọng.**

vô tính.»[26]

Cái gọi là «trừ chân thực tính» không có nghĩa là xem việc không có y tha tính và phân biệt tính là chân như tính. Cho nên *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Chỉ trừ bỏ các thứ bị vọng chấp là "chân" ra khỏi [quan niệm của chúng ta về] chân tính. Nó không có nghĩa là diệt trừ thể của chân như.»[27] Khi chúng ta đạt tới cảnh giới này, thì «các niệm của chúng ta tự dứt, và điều đó gọi là chứng được chân như. Nó không phải là chứng được cái gì khác ngoài tâm, mà nó giống như dừng lặng các sóng nước để nhập vào [bản thể của] nước.»[28]

Trong cảnh giới này, chúng ta an trú ở niết bàn. Tuy nhiên, để làm

---

[26] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Đương tri quán môn, tức năng thành lập tam tính, duyên khởi vi hữu; chỉ môn, tức năng trừ diệt tam tính, đắc nhập tam vô tính. Nhập tam vô tính giả, vị trừ phân biệt tính, nhập vô tướng tính; trừ y tha tính nhập vô sinh tính; trừ chân thực tính, nhập vô tính tính. [...] Thí như thủ cân, bản lai vô thố. Chân thực tính pháp, diệc phục như thị; duy nhất tịnh tâm, tự tính ly tướng dã. Gia dĩ ảo (huyễn) lực, cân tự thố hiện. Y tha tính pháp, diệc phục như thị; vọng huân chân tính, hiện lục đạo tướng dã. Ngu tiểu vô tri, vị thố vi thực. Phân biệt tính pháp, diệc phục như thị; ý thức mê vọng, chấp hư vi thực. Thị cố kinh ngôn: "Nhất thiết pháp như ảo (huyễn)." Thử dụ tam tính quán môn dã. Nhược tri thử thố y cân tự hữu, duy hư vô thực. Vô tướng tính trí, diệc phục như thị; năng tri chư pháp, y tâm tự hữu, duy thị hư trạng, vô thực tướng tính dã. Nhược tri hư thố chi tướng, duy thị thủ cân; cân thượng chi thố, hữu tức phi hữu, bản lai bất sinh. Vô sinh tính trí, diệc phục như thị; năng tri hư tướng, duy thị chân tâm, tâm sở hiện tướng, hữu tức phi hữu, tự tính vô sinh dã. Nhược tri thủ cân, bản lai thị hữu, bất tương vô thố, dĩ vi thủ cân. Vô tính tính trí, diệc phục như thị; năng tri tịnh tâm, bản tính tự hữu, bất dĩ nhị tính chi vô, vi chân thực tính. Thử tức dụ tam vô tính chỉ môn dã.» 當知觀門, 即能成立三性, 緣起爲有; 止門, 即能除滅三性, 得入三無性. 入三無性者, 謂除分別性, 入無相性; 除依他性入無生性; 除眞實性, 入無性性. [...] 譬如手巾, 本來無兔. 眞實性法, 亦復如是; 唯一淨心, 自性離相也. 加以幻力, 巾似兔現. 依他性法, 亦復如是; 妄熏眞性, 現六道相也. 愚小無知, 謂兔爲實. 分別性法, 亦復如是; 意識迷妄, 執虛爲實. 是故經言: "一切法如幻." 此喻三性觀門也. 若知此兔依巾似有, 唯虛無實. 無相性智, 亦復如是; 能知諸法, 依心似有, 唯是虛狀, 無實相性也. 若知虛兔之相, 唯是手巾; 巾上之兔, 有即非有, 本來不生. 無生性智, 亦復如是; 能知虛相, 唯是眞心, 心所現相, 有即非有, 自性無生也. 若知手巾, 本來是有, 不將無兔, 以爲手巾. 無性性智, 亦復如是; 能知淨心, 本性自有, 不以二性之無, 爲眞實性. 此即喻三無性止門也.

[27] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Đãn trừ thử đẳng ư chân tính thượng hoành chấp chi chân, phi vị trừ diệt chân như chi thể dã.» 但除此等於眞性上橫執之眞, 非謂除滅眞如之體也.

[28] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Niệm tức tự tức, danh chứng chân như. Diệc vô dị pháp lai chứng, đãn như tức ba nhập thuỷ.» 念即自息, 名證眞如. 亦無異法來證, 但如息波入水.

lợi cho tha nhân (tức chúng sinh), chư Phật cũng có thể trở lại thế giới hiện tượng, nhập trở lại vào cõi luân hồi sinh tử để hoá độ chúng sinh. Nhập niết bàn là tác dụng của phép chỉ; trở lại cõi luân hồi sinh tử để hoá độ chúng sinh là tác dụng của phép quán. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Tác dụng của chỉ quán là: (1) Hễ phép chỉ tựu thành thì chúng ta thể chứng được tâm thanh tịnh; bằng chân lý, chúng ta trở nên viên dung với tính bất nhị, nên chúng ta cùng với chúng sinh đồng có cái thân một tướng. Trong đó, tam bảo (Phật, pháp, tăng) hoà lẫn thành một, hai thể [của chân lý] chẳng còn phân hai. Ngưng đọng sâu lắng thay! Êm đềm, trong sáng, vắng lặng ở bên trong thay! Tác dụng mà không có tướng tác dụng; hoạt động mà không có tướng hoạt động! Các pháp bản lai bình đẳng; bản tính của tâm cũng thế. Như vậy, đó là cái thể của pháp tính thâm sâu. (2) Hễ phép quán tựu thành thì tâm thanh tịnh thể hiện tác dụng không chướng ngại trong thế giới hiện tượng, và tự nhiên sinh ra tiềm năng của các pháp ô nhiễm cũng như thanh tịnh. [...] Lại nữa, hễ phép chỉ tựu thành thì tâm trở nên bình đẳng, và chúng ta không ở trong vòng sinh tử; nhưng phép quán tựu thành thì tính chất của nó tác dụng duyên khởi, chúng ta không nhập niết bàn. Lại nữa, hễ phép chỉ tựu thành thì chúng ta an trú ở đại niết bàn; nhưng phép quán tựu thành thì chúng ta ở trong vòng sinh tử. Lại nữa, hễ phép chỉ tựu thành thì chúng ta không bị thế tục làm ô nhiễm; hễ phép quán tựu thành thì chúng ta không bị vắng lặng làm ngưng trệ. Lại nữa, hễ phép chỉ tựu thành thì chúng ta hoạt dụng nhưng thường vắng lặng; hễ phép quán tựu thành thì chúng ta vắng lặng nhưng thường hoạt dụng.»[29]

Điều đó tức là: «Chỉ trừ bệnh chứ không trừ pháp; bệnh là ở chấp tình, chứ không ở tác dụng lớn.» Và cũng là: «Chúng ta biết các pháp tuy có mà không thực có, nhưng chúng ta cũng biết rằng điều đó không cản

[29] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Chỉ quán tác dụng giả, vị chỉ hành thành cố, thể chứng tịnh tâm. Lý dung vô nhị chi tính, dữ chư chúng sinh viên đồng nhất tướng chi thân. Tam bảo ư thị hỗn nhi vô tam, nhị thể tự tư mãng nhiên bất nhị. Phạ hề ngưng trạm uyên đình điểm nhiên trừng minh nội tịch. Dụng vô dụng tướng, động vô động tướng. Cái dĩ nhất thiết pháp, bản lai bình đẳng cố, tâm tính pháp nhĩ cố, thử tắc thậm thâm pháp tính chi thể dã. Vị quán hành thành cố, tịnh tâm thể hiện, pháp giới vô ngại chi dụng, tự nhiên sinh xuất nhất thiết nhiễm tịnh chi năng. [...] Hựu chỉ hành thành cố, kỳ tâm bình đẳng, bất trú sinh tử; quán hành thành cố, đức dụng duyên khởi, bất nhập niết bàn. Hựu chỉ hành thành cố, trú đại niết bàn; quán hành thành cố, xử ư sinh tử. Hựu chỉ hành thành cố, bất vi thế nhiễm; quán hành thành cố, bất vi tịch trệ. Hựu chỉ hành thành cố, tức dụng nhi thường tịch; quán hành thành cố, tức tịch nhi thường dụng.» 止觀作用者，謂止行成故，體證淨心。理融無二之性，與諸衆生圓同一相之身。三寶於是混而無三，二體自斯幷然不二。怕兮凝湛淵渟恬然澄明內寂。用無用相，動無動相。蓋以一切法，本來平等故，心性法爾故，此則甚深法性之體也。謂觀行成故，淨心體現，法界無

trở sự tồn tại của cái không thực có.»[30]

f. Tính ô nhiễm của chư Phật

Do đó, «tất cả chư Phật, thậm chí khi tạo tác niết bàn y theo huân tập của tâm, thì tâm thể của mỗi vị Phật cũng không tránh khỏi tác dụng của tính ô nhiễm.»[31]

Trên đây có trích dẫn rằng: «Lại nữa, hễ phép chỉ tựu thành thì chúng ta an trú ở đại niết bàn; nhưng phép quán tựu thành thì chúng ta ở trong vòng sinh tử.» «Ở trong vòng sinh tử» tức là «tác dụng của tính ô nhiễm». Do đó, chư Phật cũng có tính ô nhiễm, đồng với chúng sinh. Chúng sinh cũng có tính thanh tịnh, đồng với chư Phật, đó gọi là Phật tính. Sau khi chư Phật tu thành chính quả, tính ô nhiễm ấy vẫn còn. Bởi vì tính ấy không thể biến đổi, cho nên kết quả tu hành chỉ có thể khiến cho tính ô nhiễm không hiện ra thành sự, chứ về căn bản thì không diệt trừ được nó. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Hỏi: "Như lai tạng gồm đủ cả hai tính ô nhiễm và thanh tịnh. Các tính này do tập quán mà thành, hay chúng vốn có như thế?" Đáp: "Đó là tính không thay đổi của thể và dụng, chứ không phải do tập quán mà thành. Cho nên mới nói Phật tính là đại vương. Nó không phải là cái được tạo tác. Sao nó có thể do tập quán mà thành? Phật tính tức là tính thanh tịnh. Đã không thể tạo tác, nên tính ô nhiễm có cùng thể với tính thanh tịnh. Tính ô nhiễm tuy thuộc thế giới vật chất, nhưng nó không thể do tập quán mà thành."»[32]

礙之用，自然生出一切染淨之能。[...] 又止行成故，其心平等，不盡生死；觀行成故，德用緣起，不入涅槃。又止行成故，盡大涅槃；觀行成故，處於生死。又止行成故，不爲世染；觀行成故，不爲寂滯。又止行成故，即用而常寂；觀行成故，即寂而常用。

30 ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Đãn trừ kỳ bệnh nhi bất trừ pháp. Bệnh tại chấp tình, bất tại đại dụng.»** 但除其病而不除法。病在執情，不在大用。– **«Tuy tri chư pháp hữu tức phi hữu, nhi phục tức tri bất phương phi hữu nhi hữu.»** 雖知諸法有即非有，而復即知不妨非有而有。

31 ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Nhất nhất chư Phật, tâm thể y huân, tác niết bàn thời, nhi bất phương thể hữu nhiễm tính chi dụng.»** ——諸佛，心體依熏，作涅槃時，而不妨體有染性之用。

32 ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Vấn viết: "Như lai chi tạng, thể cụ nhiễm tịnh nhị tính giả, vi thị tập dĩ thành tính, vi thị bất cải chi tính da?" Đáp viết: "Thử thị thể dụng bất cải chi tính, phi tập thành chi tính dã. Cố vân: Phật tính đại vương, phi tạo tác pháp, yên khả tập thành dã. Phật tính tức thị tịnh tính, ký bất khả tạo tác, cố nhiễm tính dữ bỉ đồng thể, thị pháp giới pháp nhĩ, diệc bất khả tập thành."»** 問曰："如來之藏，體具染淨二性者，爲是習以成性，爲是不改之性耶？" 答曰："此是體用不改之性，非習成之性也。故云：佛性大王，非造作法，焉可習成也。佛性即是淨性，既不可造作，故染性與彼同體，是法界法爾，亦不可習成。"

Hai tính ô nhiễm và thanh tịnh đều là tính vốn thế, không bị biến đổi; nên chúng chẳng phải do tập quán mà thành. Do đó chúng sinh tuy dựa theo tính ô nhiễm mà hiện ra sự ô nhiễm, nhưng tính thanh tịnh hoàn toàn không hư hoại; chư Phật tuy dựa theo tính thanh tịnh mà hiện ra sự thanh tịnh, nhưng tính ô nhiễm cũng hoàn toàn không hư hoại. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Tâm thể mỗi một chúng sinh và tâm thể mỗi một chư Phật vốn đủ hai tính ô nhiễm và thanh tịnh; không có tướng khác nhau. Chỉ có một vị bình đẳng, xưa nay không hề hư hoại. Hễ nghiệp ô nhiễm huân tập tính ô nhiễm, thì tướng sinh tử hiện ra; hễ nghiệp thanh tịnh huân tập tính thanh tịnh thì tác dụng niết bàn hiện ra. [...] Do ý nghĩa đó, mỗi một chúng sinh và mỗi một chư Phật đều đủ hết hai tính ô nhiễm và thanh tịnh. Thế giới vật chất vốn như thế, chưa từng không có. Chỉ dựa vào lực huân tập mà khởi tác dụng thì trước sau không cùng lúc. Cho nên, khi sự huân tập ô nhiễm ngưng nghỉ thì gọi là chuyển phàm. Khi nghiệp thanh tịnh khởi, thì gọi là thành thánh. Tuy nhiên hai tính ô nhiễm và thanh tịnh của tâm thể quả thực không có thành hay hoại. Do đó kinh nói: "Trong pháp thanh tịnh, không thấy một pháp tăng thêm." Tức là vốn có đủ tính thanh tịnh, không phải nó bắt đầu có. "Trong pháp phiền não, không thấy một pháp giảm đi." Tức là vốn có đủ tính ô nhiễm; nó không thể bị tiêu diệt.»[33]

Do đó, chúng sinh và chư Phật, trên phương diện bản tính, hoàn toàn không sai biệt. Nhưng sự khác biệt ở chỗ: chúng sinh lấy nghiệp ô nhiễm huân tập tính ô nhiễm, nên có các sự ô nhiễm như luân hồi sinh tử, v.v... Còn chư Phật lấy nghiệp thanh tịnh huân tập tính thanh tịnh, nên có các sự thanh tịnh như niết bàn, v.v... Chúng sinh tuy ở trong sự ô nhiễm,

---

[33] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Nhất nhất chúng sinh tâm thể, nhất nhất chư Phật tâm thể, bản cụ nhị tính, nhi vô sai biệt chi tướng. Nhất vị bình đẳng, cổ kim bất hoại. Đãn dĩ nhiễm nghiệp huân nhiễm tính cố, tức sinh tử chi tướng hiển hĩ. Tịnh nghiệp huân tịnh tính cố, tức niết bàn chi dụng hiện hĩ. [...] Dĩ thị nghĩa cố, nhất nhất chúng sinh, nhất nhất chư Phật, tất cụ nhiễm tịnh nhị tính. Pháp giới pháp nhĩ vị tằng bất hữu. Đãn y huân lực khởi dụng, tiên hậu bất câu. Thị dĩ nhiễm huân tức, cố xưng viết chuyển phàm. Tịnh nghiệp khởi, cố thuyết vi thành thánh. Nhiên kỳ tâm thể nhị tính, thực vô thành hoại. [...] Thị dĩ kinh ngôn: "Thanh tịnh pháp trung, bất kiến nhất pháp tăng." Tức thị bản cụ tính tịnh, phi thuỷ hữu dã. "Phiền não pháp trung, bất kiến nhất pháp giảm." Tức thị bản cụ tính nhiễm, bất khả diệt dã.» ——衆生心體，一一諸佛心體，本具二性，而無差別之相，一味平等，古今不壞。但以染業熏染性故，即生死之相顯矣。淨業熏淨性故，即涅槃之用現矣。[...] 以是義故，一一衆生，一一諸佛，悉具染淨二性。法界法爾未曾不有。但依熏力起用，先後不俱。是以染熏息，故稱曰轉凡。淨業起，故說爲成聖。然其心體二性，實無成壞。[...] 是以經言："清淨法中，不見一法增。" 即是本具性淨，非始有也。"煩惱法中，不見一法滅。" 即是本具性染，不可滅也。

nhưng tính thanh tịnh hoàn toàn không hư hoại; cho nên tuỳ thời mà chúng sinh có thể khởi lên nghiệp thanh tịnh để huân tập tính thanh tịnh. Chư Phật tuy ở trong sự thanh tịnh, nhưng tính ô nhiễm hoàn toàn không hư hoại; cho nên tuỳ thời mà chư Phật có thể nhập vào cõi luân hồi sinh tử để khởi lên tác dụng ô nhiễm.

g. Giác ngộ và không giác ngộ

Nếu như hai tính ô nhiễm và thanh tịnh là hai tính vốn có trong như lai tạng, thì tại sao tính thanh tịnh lại có giá trị hơn tính ô nhiễm? Nói cách khác, tại sao chúng sinh phải tu hành để thành Phật? *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* dùng thuyết «nghiệp ô nhiễm trái với tâm» và «nghiệp thanh tịnh thuận với tâm» để giải đáp: «Nghiệp ô nhiễm tuy nương vào tâm tính mà khởi lên, nhưng nó thường trái với tâm. Nghiệp thanh tịnh cũng nương vào tâm tính mà khởi lên, nhưng nó thường thuận với tâm. [...] Pháp ô nhiễm vô minh quả thực theo tính ô nhiễm của tâm thể mà khởi lên. Bởi vì nó tối tăm, nên không biết rằng tự mình và các cảnh giới đều do tâm khởi lên, cũng không biết rằng tâm thanh tịnh có đủ hai tính ô nhiễm và thanh tịnh, và giữa chúng không có tướng khác nhau, mà chỉ có một vị bình đẳng. Do không biết đạo lý như thế nên gọi là trái. Pháp thanh tịnh trí tuệ quả thực theo tâm thể mà khởi lên. Bởi vì nó sáng suốt, nên biết rằng tự mình và các pháp đều đo tâm tạo ra; lại còn biết rằng tâm thể đầy đủ hai tính ô nhiễm và thanh tịnh, và giữa chúng không có tính khác nhau, mà chỉ có một vị bình đẳng. Do biết được đạo lý như thế nên gọi là thuận.»[34]

Do đấy mà biết rằng sở dĩ tính ô nhiễm của chúng sinh tạo ra nghiệp ô nhiễm là vì chúng sinh không giác ngộ. Không giác ngộ tức là vô minh. Tính thanh tịnh của chúng sinh tạo ra nghiệp thanh tịnh, khiến cho chúng

---

[34] *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:* «Nhiễm nghiệp tuy y tâm tính nhi khởi, nhi thường vi tâm. Tịnh nghiệp diệc y tâm tính nhi khởi, nhi thường thuận tâm dã. [...] Vô minh nhiễm pháp, thực tòng tâm thể nhiễm tính nhi khởi. Đãn dĩ thể ám cố, bất tri tự kỷ cập chư cảnh giới, tòng tâm nhi khởi. Diệc bất tri tịnh tâm cụ túc nhiễm tịnh nhị tính nhi vô dị tướng, nhất vị bình đẳng. Dĩ bất tri như thử đạo lý, cố danh chi vi vi. Trí huệ tịnh pháp, thực tòng tâm thể nhi khởi. Dĩ minh lợi cố, năng tri kỷ cập chư pháp, giai tòng tâm tác. Phục tri tâm thể cụ túc nhiễm tịnh nhị tính, nhi vô dị tính, nhất vị bình đẳng. Dĩ như thử xứng lý nhi tri, cố danh chi vi thuận.» 染業雖依心性而起,而常違心.淨業亦依心性而起,而常順心也. [...] 無明染法,實從心體染性而起.但以體闇故,不知自己及諸境界,從心而起.亦不知淨心具足染淨二性而無異相,一味平等.以不知如此道理,故名之爲違.智慧淨法,實從心體而起.以明利故,能知己及諸法,皆從心作.復知心體具足染淨二性,而無異性,一味平等.以如此稱理而知,故名之爲順.

sinh giác ngộ. Giác ngộ tức là trí huệ. Bởi lý do này, tính thanh tịnh có giá trị hơn tính ô nhiễm, và chúng sinh phải tu hành để thành Phật. Sự sai biệt giữa chư Phật và chúng sinh là: giác ngộ và không giác ngộ. Do đấy cũng biết rằng chư Phật tuy cũng nương vào tính ô nhiễm của mình mà khởi lên tác dụng ô nhiễm và nhập vào cõi sinh tử, nhưng hành vi như thế là ở trong sự giác ngộ. Tức là, tuy ở trong sự ô nhiễm nhưng vẫn biết rằng chính mình và các pháp đều do tâm tạo ra. Còn chúng sinh ở trong sự ô nhiễm nhưng không giác ngộ, nên gọi là ở trong mộng, thực là đáng thương xót.

Sự ô nhiễm được khởi lên của chư Phật tức là pháp của tính y tha ở trong thanh tịnh, mà tác dụng của nó là để giáo hoá, tức là pháp của tính phân biệt ở trong thanh tịnh. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói: «Hỏi: "Tác dụng ô nhiễm của tính dơ bẩn, do sự huân tập ô nhiễm diệt trừ, nên không khởi ra sinh tử. Phải chăng sau khi thành Phật thì tính ô nhiễm ấy hoàn toàn vô dụng?" Đáp: "Tính ô nhiễm ấy tuy bị pháp vô lậu huân tập nên không khởi ra sinh tử, nhưng từ khi phát tâm, bởi lực đại bi và đại nguyện huân tập, nên vẫn còn là công cụ để hóa độ chúng sinh. Do sự huân tập ấy mà tác dụng trái ngược cũng được hiển hiện; tức là sự hiện cùng với sấu nẻo, cho thấy có tam độc (tham, sân, si), tạm nhận những khổ báo, ứng theo chết và mất, v.v... Đó là pháp của tính phân biệt ở trong thanh tịnh. [...]." Hỏi: "Đã nói là pháp của tính y tha, sao lại gọi là tính phân biệt?" Đáp: "Cái đức ấy dựa theo đại bi và đại nguyện huân tập mà khởi, nên gọi là pháp của tính y tha. Nhưng cái đức ấy đối với duyên mà thi hành giáo hóa, nên gọi là pháp của tính phân biệt.»[35]

Các pháp của tính y tha và các pháp của tính phân biệt đều ở trong sự giác ngộ, nên gọi là ở trong thanh tịnh. Tâm thanh tịnh và giác ngộ của chư Phật tức là sự tự giác của tâm thanh tịnh. *Đại Thừa Chỉ Quán*

---

[35] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Vấn viết: "Tính nhiễm chi dụng, do nhiễm huân diệt cố, bất khởi sinh tử. Tuy nhiên thành Phật chi hậu, thử tính khởi toàn vô dụng?" Đáp viết: "Thử tính tuy vi vô lậu sở huân, cố bất khởi sinh tử. Đãn do phát tâm dĩ lại, bi nguyện chi lực huân tập cố, phục vi khả hoá chi cơ. Vi duyên huân thị vi chi dụng, diệc đắc hiển hiện. Sở vị hiện đồng lục đạo, thị hữu tam độc, quyền thụ khổ báo, ứng tòng tử diệt đẳng. Tức thị thanh tịnh phân biệt tính pháp. [...]." Vấn viết: "Ký ngôn y tha tính pháp, vân hà danh vi phân biệt tính?" Đáp viết: "Thử đức y ư bi nguyện sở huân khởi cố, tức thị y tha tính pháp. Nhược tương thử đức đối duyên thi hoá, tức danh phân biệt tính pháp dã."»** 問曰："性染之用，由染熏滅故，不起生死．雖然成佛之後，此性豈全無用？" 答曰："此性雖爲無漏所熏，故不起生死．但由發心已來，悲願之力熏習故，復爲可化之機．爲緣熏示違之用，亦得顯現．所謂現同六道，是有三毒，權受苦報，應從死滅等．即是清淨分別性法．[...]" 問曰："既言依他性法，云何名爲分別性？" 答曰："此德依於悲願所熏起故，即是依他性法．若將此德對緣施化，即名分別性法也．"

Pháp Môn nói: «Hỏi: "Trí tuệ Phật là giác ngộ tịnh tâm nên gọi là Phật? hay là tịnh tâm tự giác nên gọi là Phật?" Đáp: "Có đủ hai nghĩa: Một là giác ngộ tịnh tâm, hai là tịnh tâm tự giác. Tuy nói hai nghĩa nhưng về thể thì không có gì khác."»[36]

Ở phương diện này, Phật học với triết học của Hegel có sự tương đồng.[37]

h. So sánh Thiên Thai Tông với Duy Thức Tông và Hoa Nghiêm Tông

Từ những gì nói trên đây, ta thấy rằng giáo nghĩa của Thiên Thai Tông trình bày trong tác phẩm *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* quả thực đã chịu ảnh hưởng của Duy Thức Tông và Hoa Nghiêm Tông rất nhiều. Thiên Thai Tông nói trong như lai tạng có đủ tính chất của các pháp ô nhiễm và các pháp thanh tịnh; còn Duy Thức Tông nói trong *a-lại-da* thức có đủ mọi chủng tử. Duy Thức Tông nói thức cũng dựa theo cái khác mà khởi, nên các chủng tử trong nó cũng có thể nói là dựa theo cái khác mà khởi; còn *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói tính chất của các pháp ô nhiễm và các pháp thanh tịnh đều không thể sửa đổi, tức là tính chất của mọi điều ác ở thế gian cũng không thể sửa đổi. Giống như Hoa Nghiêm Tông nói, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* cho rằng chân tâm thường hằng bất biến chính là bản thể của mọi hiện tượng. Theo thí dụ đã dẫn trên đây, chân tâm là chiếc khăn tay, còn mọi sự vật là con thỏ. «Chiếc khăn tay vốn có và ta không xem sự "không có con thỏ" là chiếc khăn tay.» Duy Thức Tông không nói gì đến chân tâm thường hằng bất biến, nhưng lại «xem sự "không có con thỏ" là chiếc khăn tay». Hoa Nghiêm Tông xem mỗi sự vật đều là sự hiển hiện của toàn thể chân tâm. *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* cũng nói như thế; hơn nữa, còn nói rằng mỗi một sự vật sở dĩ như thế là vì trong như lai tạng đã có đủ tính chất của nó. Trong như lai tạng đã có đủ tính chất của các pháp, mà tính chất của các pháp đều là toàn thể như lai tạng; nó thường hằng như thế, và không thể sửa đổi. Do đó, theo Hoa Nghiêm Tông, mỗi một sự vật chính là thực tại. Về vấn đề *không* và *hữu*, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* có thể nói là cực lực thiên về khái niệm *hữu*.

Về vấn đề hoạt động trong cảnh giới tối cao, *Đại Thừa Chỉ Quán*

---

[36] ***Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn:*** **«Vấn viết: "Trí huệ Phật giả, vi năng giác tịnh tâm, cố danh vi Phật? Vi tịnh tâm tự giác, cố danh vi Phật?" Đáp viết: "Cụ hữu nhị nghĩa: Nhất giả giác ư tịnh tâm, nhị giả tịnh tâm tự giác, tuy ngôn nhị nghĩa, thể vô biệt dã."»** 問曰："智慧佛者，爲能覺淨心，故名爲佛？爲淨心自覺，故名爲佛？" 答曰："具有二義：一者覺於淨心，二者淨心自覺，雖言二義，體無別也."

[37] **Phùng Hữu Lan chú: Xin đọc *Nhân Sinh Triết Học* (chương 11) của tôi.**

Pháp Môn cũng có kiến giải rất minh bạch và chính xác. Chư Phật và chúng sinh cùng có đủ tính ô nhiễm, cho nên chư Phật cũng có thể có các sự ô nhiễm giống như chúng sinh. Sự khác biệt chỉ ở chỗ: giác ngộ và không giác ngộ. Cho nên, đối với vấn đề này, *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* nói cụ thể rằng: «[Khi giác ngộ rồi thì] vắng lặng mà vẫn luôn soi chiếu; soi chiếu mà vẫn luôn vắng lặng.»

i. Thuyết «Vô tình hữu tính» của Trạm Nhiên

Thuyết «Vô tình hữu tính» 無情有性(các sự vật vô tình cũng có Phật tính) của Trạm Nhiên được suy ra từ thuyết «mỗi một sự vật đều là sự hiển hiện của toàn thể chân tâm». Trạm Nhiên 湛然(711-782) là tổ thứ chín của Thiên Thai Tông, người đời gọi ông là Kinh Khê đại sư 荊溪大師. Theo *Tống Cao Tăng Truyện,* ông có họ thế tục là Thích 戚, quê ở Thường Châu 常州(nay là huyện Vũ Tiến 武進, ở đông nam của Nam Kinh). Trạm Nhiên viết *Kim Cương Ty* 金剛錍 và lập thuyết «Vô tình hữu tính». «Vô tình» ý nói các vật như cây cỏ, gỗ đá, gạch ngói, v.v... «Hữu tính» ý nói các vật vô tình ấy cũng có Phật tính. Trạm Nhiên nói: «Cho nên chúng ta có thể biết rằng tâm duy nhất của một hạt bụi tức là tâm tính của mọi chúng sinh và chư Phật. [...] Vạn pháp là chân như, bởi chúng bất biến. Chân như là vạn pháp, bởi nó tuỳ duyên. [...] Cho nên khi nói đến vạn pháp, sao lại ly cách hạt bụi nhỏ nhặt? Thể của chân như, sao lại chỉ có ở ta mà chẳng có ở người? Có nước nào không có sóng? Có sóng nào không ướt át? Cái ướt át ấy không phân biệt trong đục, nhưng sóng tự phân trong đục. Tuy có trong có đục, nhưng đối với chúng chỉ có một bản tính không khác biệt. Mặc cho nghiệp tạo ra quả báo chính hay quả báo phụ, theo chân lý thì rốt cuộc chẳng có chút khác biệt gì. Nếu chúng ta cứ để cái tuỳ theo duyên bất biến, mà lại nói những vật vô tình không có bản tính bất biến, lẽ nào chúng ta không tự mâu thuẫn với mình?»[38]

---

[38] ***Kim Cương Ty:*** **«Cố tri nhất trần nhất tâm, tức nhất thiết sinh Phật chi tâm tính. [...] Vạn pháp thị chân như, do bất biến cố. Chân như thị vạn pháp, do tuỳ duyên cố. [...] Cố vạn pháp chi xứng, ninh cách ư tiêm trần. Chân như chi thể, hà chuyên ư bỉ ngã. Thị tắc vô hữu vô ba chi thuỷ, vị hữu vô thấp chi ba. Tại thấp cự gian ư hỗn trừng, vi ba tự phân ư thanh trọc. Tuy hữu thanh hữu trọc, nhi nhất tính vô thù. Túng tạo chính tạo y, y lý chung vô dị triệt. Nhược hứa tuỳ duyên bất biến, phục vân vô tình hữu vô, khởi phi tự ngữ tương vi da?»** 故知一塵一心，即一切生佛之心性. [...] 萬法是眞如，由不變故. 眞如是萬法，由隨緣故. [...] 故萬法之稱，寧隔於纖塵. 眞如之體，何專於彼我. 是則無有無波之水，未有無溼之波. 在溼詎間於混澄，爲波自分於清濁. 雖有清濁，而一性無殊. 縱造正造依，依理終無異轍. 若許隨緣不變，復云無情有無，豈非自語相違耶?

Duy Thức Tông xem sự vật ở thế giới bên ngoài đều là sự hiển hiện của thức của chúng ta, nên xem tự bản thân những gì mà chúng ta thụ dụng đều không tồn tại, hoặc không có giá trị tồn tại. Quả báo chính ở đây ám chỉ các cơ quan trong thân của chúng ta. Quả báo phụ ở đây ám chỉ những ngoại vật như sông núi, đất đai, v.v... Tất cả chỉ vì sự thụ dụng của chúng ta mà tồn tại. Nếu theo Thiên Thai Tông và Hoa Nghiêm Tông, thì tất cả mọi sự vật chỉ là sự hiển hiện của chân tâm. Mỗi một sự vật là sự hiển hiện của toàn thể chân tâm. Như thế, mỗi một sự vật là sóng trong nước, tuy trong đục khác nhau, nhưng tính chất ướt át của chúng chỉ là một. Cho nên Trạm Nhiên nói: «Tuy có trong có đục, nhưng đối với chúng chỉ có một bản tính không khác biệt. Mặc cho nghiệp tạo ra quả báo chính hay quả báo phụ, theo chân lý thì rốt cuộc chẳng có chút khác biệt gì.» Chân như tuy tuỳ duyên mà hiển hiện từng sự vật, nhưng trong mỗi một sự vật đều có cái thường hằng bất biến. Trạm Nhiên nói: «Thể của chân như, sao lại chỉ có ở ta mà chẳng có ở người?» Như thế, mỗi một sự vật không những có sự tồn tại của tự thân nó, mà còn có Phật tính. Cho nên Trạm Nhiên nói: «Nếu chúng ta cứ để cái tuỳ theo duyên bất biến, mà lại nói những vật vô tình không có bản tính bất biến, lẽ nào chúng ta không tự mâu thuẫn với mình?»



Trạm Nhiên

Theo đó, sự phân biệt vô tình và hữu tình theo quan niệm thông thường quả thực đã không tồn tại. Trạm Nhiên nói: «Người giác ngộ thì biết từ đầu tới đuôi chân lý không hai, ngoài tâm không có cảnh. Ai là hữu tình? Ai là vô tình? Trong hội Pháp Hoa, tất cả mọi sự vật đều không ngăn cách. Cây cỏ và đất đai, có gì khác biệt giữa *tứ vi* 四微 (bốn yếu tố nhỏ nhặt của sự vật)? Cất bước hay đi trên đường dài, chúng sinh đều tới *bảo chử* 寶渚 (ratnadvipa: tức niết bàn). Búng ngón tay hay chấp tay lại đều hàm chứa nhân duyên thành Phật. Dù theo nhất thừa hay tam thừa, điều ấy không trái với chí hướng ban đầu của Phật giáo. Lẽ nào cho đến

hôm nay mà còn nói rằng những sự vật vô tình là không có Phật tính?»[39]

Mỗi một sự vật đều có Phật tính. Thuyết của Trạm Nhiên tự có tiền đề của nó, như đã trình bày ở trên, cố nhiên thuyết này không phải suy diễn từ thuyết của Đạo Sinh cho rằng ngay cả kẻ nhất xiển đề cũng có Phật tính. Tuy nhiên từ toàn bộ lịch sử triết học mà xét, có thể nói rằng tư tưởng của các nhà Phật học Trung Quốc, ở phương diện này, đến Trạm Nhiên thì có sự phát triển tột bậc.

2. Thiền Tông [40]

Trong tất cả các tông phái của Phật giáo Trung Quốc, tông phái mang tính cách đặc thù nhất của Trung Quốc có lẽ là Thiền Tông. Thiền 禪 (Nhật phát âm là Zen) là nói tắt của Thiền Na 禪那, phiên âm từ Phạn ngữ dhyāna.

Theo lịch sử truyền thừa của tông phái này, Thiền được tâm truyền từ Phật Thích Ca xuống một loạt các tổ của Thiền Ấn Độ, truyền đến Bồ Đề Đạt Ma 菩提達磨 (tổ thứ 28)[41] thì Thiền du nhập vào Trung Quốc. Tâm truyền nghĩa là «lấy tâm truyền tâm, không lập thành văn tự» (tương truyền đây là lời sơ tổ Đạt Ma dạy nhị tổ Huệ Khả). Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc nhằm đời vua Lương Vũ Đế 梁武帝 (tức Tiêu Diễn 蕭衍, tại vị 502-549), khai sáng Thiền Tông Trung Quốc. Đạt Ma là sơ tổ, nhị tổ là Huệ Khả 慧可 (487-593), tam tổ là Tăng Xán 僧璨 (mất 606), tứ tổ là Đạo Tín 道信 (580-636), ngũ tổ là Hoằng Nhẫn 弘忍 (602-675). Đến đây, Thiền Tông chia làm hai nhánh Nam Tông (của Huệ Năng 慧能, 638-713) và Bắc Tông (của Thần Tú 神秀, khoảng 600-706). Tín đồ

---

[39] *Kim Cương Ty:* «Viên nhân thuỷ mạt tri lý bất nhị, tâm ngoại vô cảnh, thuỳ tình vô tình? Pháp Hoa hội trung, nhất thiết bất cách; thảo mộc dữ địa, tứ vi hà thù? Cử túc tu đồ, giai thú bảo chử; đàn chỉ hợp chưởng, hàm thành Phật nhân. Dữ nhất hữa tam, vô quai tiên chí. Khởi chí kim nhật, vẫn vô tình vô?» 圓人始末知理不二，心外無境，誰情無情?法華會中，一切不隔；草木與地，四微何殊?舉足修途，皆趣寶渚；彈指合掌，咸成佛因.與一許三，無乖先志.豈至今日，云無情無?»

[40] **LAM chú: Từ đây đến cuối chương, Phùng Hữu Lan và Derk Bodde đã sửa đổi cho phù hợp chương 8 của quyển *Tân Nguyên Đạo*, tương ứng các trang 157-174 trong bản dịch tiếng Anh của E.R. Hughes (*The Spirit of Chinese Philosophy: Tinh Thần của Triết Học Trung Quốc*). Tôi tham khảo cả hai bản này để dịch. Tôi dùng bản *Tân Nguyên Đạo* in trong *Phùng Hữu Lan Quyển*, tập thượng, Hà Bắc Giáo Dục xuất bản xã, 1996. Chương *Thiền Tông* ứng với các trang 778-789.**

[41] **LAM chú: 28 tổ Thiền Ấn Độ (*Tây thiên nhị thập bát tổ* 西天二十八祖: saiten-nijūhasso) là: 1. Ma-ha-ca-diệp (diếp) 摩訶迦葉 (Mahākā-śyapa), 2. A-nan 阿難 (Ānanda), 3. Thương-na-hoà-tu 商那和修 (Śāṇakavāsa), 4. Ưu-bà-cấp-đa 優婆笈多 (Upagupta), 5. Đề-đa-ca 提多迦 (Dhṛṭaka), 6. Di-già-ca 彌遮迦 (Mikkaka), 7. Bà-tu-mật 婆須蜜 (Vasumitra), 8. Phật-đà-nan-đề 佛陀難提 (Buddhanandi), 9. Phục-đà-mật-đa 伏馱密**



Bồ Đề Đạt Ma

mỗi tông đều xem Huệ Năng và Thần Tú là lục tổ. Ngoài hai tông Nam Bắc, còn có nhiều chi phái nhỏ khác.

Đặc điểm của thiền Nam Tông là đốn ngộ. Theo *Tống Cao Tăng Truyện*, Huệ Năng họ là Lư 盧, quê ở Tân Hưng 新興, thuộc Nam Hải 南海. Huệ năng sinh tại Kỳ Châu 蘄州, năm Trinh Quán 12 (tức 638 CN) dưới triều vua Đường Thái Tông (tức Lý Thế Dân, tại vị 627-649). Ông học Hoằng Nhẫn, sau đó trở về phương nam giảng học ở Thiều Châu 韶州 (nay ở phía bắc tỉnh Quảng Đông); viên tịch năm Tiên Thiên thứ 2 (tức 713 CN) dưới triều vua Đường Huyền Tông (tức Lý Long Cơ, tại vị 712-762).



慧能

Huệ Năng

Đệ tử Huệ Năng là Thần Hội 神會 (686-760), họ là Cao 高, quê ở Tương Dương 襄陽; đến Lĩnh Nam 領南 học Huệ Năng, sau đó đem cái học này tiến lên phương bắc để tấn công Bắc Tông, gây chấn động thời bấy giờ. Kết quả là Nam Tông trở thành chính thống của Thiền Tông Trung Quốc.

Đấy là thông tin về khởi đầu của lịch sử Thiền Tông Trung Quốc. Còn hệ thống truyền thừa của Thiền Ấn Độ cho đến Đạt Ma thì không đáng tin cậy. Điều chắc chắn có thể nói là vào thời Nam Bắc Triều, Trung Quốc đã tự

多 (**Buddha-mitra**), **10. Hiếp-tôn-giả** 脅尊者 (**Pārśvika**), **11. Phú-na-da-xá** 富那耶舍 (**Puṇyayaśas**), **12. Mã-minh-đại-sĩ** 馬鳴大士 (**Aśvaghoṣa = Mã Minh**), **13. Ca-bì-ma-la** 迦毗摩羅 (**Kapimala**), **14. Long Thụ** 龍樹 (**Nāgārjuna**), **15. Ca-na-đề-bà** 迦那提婆 (**Kāṇadeva**), **16. La-hầu-la-đa** 羅候羅多 (**Rāhulata**), **17. Tăng-già-nan-đề** 僧迦難提 (**Sanghanandi**), **18. Già-da-xá-đa** 迦耶舍多 (**Gayāśata**), **19. Cưu-ma-la-đa** 鳩摩羅多 (**Kumārata**), **20. Đồ-dạ-đa** 闍夜多 (**Yajata**), **21. Bà-tu-bàn-đầu** 婆修盤頭 (**Vasubandhu = Thế Thân** 世親), **22. Ma-nã-la** 摩拿羅 (**Manorhita**), **23. Hạc-lặc-na** 鶴勒那 (**Haklena**), **24. Sư-tử-tôn-giả** 獅子尊者 (**Āryasimha**), **25. Bà-xá-tư-đa** 婆舍斯多 (**Basiasita**), **26. Bất-như-mật-đa** 不如密多 (**Puṇyamitra**), **27. Bát-nhã-đa-la** 般若多羅 (**Prajñātāra**), **28. Bồ-đề-đạt-ma** 菩提達磨 (**Bodhidharma**). Xem: ***Trung Anh Phật Học Từ Điển*** 中英佛學辭典, **Đài Bắc, 1962, tr.22; và *Nhật Anh Phật Giáo Từ Điển*** 日英佛教辭典 (**mục từ saiten-nijūhasso**), **Tōkyō, 1965, tr.247.**

có thuyết đốn ngộ thành Phật. Cho đến đời Đường thì thuyết đốn ngộ cực thịnh. Trong khoảng thời gian ấy (tức là trước khi phân chia Nam Bắc nhị tông), Thiền Tông cũng không được truyền thừa thẳng thừng một mạch như lịch sử Thiền Tông đã chép.

a. Cơ sở trí tuệ của Thiền Tông

Nguồn gốc của Thiền Tông có thể truy ngược về Đạo Sinh 道生 (355-434). Đạo Sinh cùng Tăng Triệu 僧肇 là đệ tử của Cưu Ma La Thập, và cũng nổi tiếng như Tăng Triệu. Đạo Sinh có các thuyết «thiện bất thụ báo» 善不受報, «đốn ngộ thành Phật» 頓悟成佛, «biện Phật tính» 辯佛性. Các thuyết này chính là cơ sở lý luận của Thiền Tông đời Đường.

Trong cộng đồng Phật giáo của Đạo Sinh có một cư sĩ nổi tiếng là Lưu Trình Chi 劉程之 (354-410, thường được gọi là Lưu Di Dân 劉遺民)[42] đã viết thư cho Tăng Triệu, nói rằng: «Tâm của thánh nhân mịt mờ lặng lẽ; thánh nhân đạt tới cực điểm của chân lý và đồng nhất với vô.» Và rằng: «Tuy ở trong hữu danh, nhưng thánh nhân xa nó và đồng nhất với vô danh.»[43] *Biện Tông Luận* 辯宗論 của Tạ Linh Vận cũng nói: «Người ta phải đồng nhất với vô và soi chiếu khắp nơi, vì chân lý quy về một cực.» (Thể vô giám chu, lý quy nhất cực 體無鑒周, 理歸一極). Vô ở đây tức là vô tướng, vô tướng tức là thực tướng của các pháp. Tri thức đối với thực tướng của các pháp, gọi là bát nhã 般若 (prajñā: trí huệ). Tuy nhiên, thực tướng của các pháp không thể là đối tượng của tri thức. Cho nên bát nhã là tri thức mà không phải tri thức. Nói cách khác, có được tri thức bát nhã về thực tướng của các pháp tức là thực sự đồng một thể với thực tướng của các pháp. Cho nên Lưu Trình Chi và Tạ Linh Vận đã nói như trên. Thánh nhân khi đồng thể với vô, thì phổ chiếu các pháp. Cảnh giới đồng thể với vô tức là niết bàn. Niết bàn và bát nhã là hai phương diện của một sự vật. Niết bàn là cảnh giới của người đạt được bát nhã. Bát nhã là trí huệ của người đạt được niết bàn. Đạt được niết bàn thì đạt được bát nhã.

Bởi vì đồng thể với vô, hễ đồng thể là đồng thể liền; cho nên niết bàn và bát nhã hễ đạt được là đạt được liền. Người tu hành không phải hôm nay đồng thể với vô một phần, rồi ngày mai đồng thể với vô một phần nữa. Vô không thể có từng phần. Người tu hành hễ đồng thể với vô

---

[42] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 43, chương 7 (quyển 2).**

[43] ***Triệu Luận:*** **«Phù thánh tâm minh tịch, lý cực đồng vô.»** 夫聖心冥寂, 理極同無. **«Tuy xử hữu danh chi trung, nhi viễn dữ vô danh đồng.»** 雖處有名之中, 而遠與無名同.

tức là đồng thể trọn vẹn. Cũng vậy, niết bàn và bát nhã hễ đạt được là đạt được trọn vẹn; hễ không đạt là không đạt gì hết. Hễ đồng thể với vô tức là đạt được niết bàn và bát nhã. Ở đây nói «đốn ngộ thành Phật»; đốn ngộ tức là đạt được bát nhã, thành Phật tức là đạt được niết bàn. *Biện Tông Luận* nói: «Có đạo sĩ nêu thuyết mới, xem sự soi chiếu vắng lặng [của niết bàn] là vi diệu, không chấp nhận tầng bậc.» Lại nói: «Nói về tầng bậc [của niết bàn] chỉ để dạy cho kẻ ngu. Giác ngộ ngay một lần mới là lý luận đúng chân lý.»[44] «Đạo sĩ nêu thuyết mới» ở đây ám chỉ Đạo Sinh.

Cái gọi là «vô» 無rốt cuộc chính là gì? Về vấn đề này, có hai thuyết. (1) Một thuyết cho rằng: Vô chẳng là cái gì hết; nó là sự trống không tuyệt đối. Không có tất cả vạn hữu, và chính cái không ấy cũng không có luôn. Vô chính là vô tướng; vô tướng nên không thể nói nó là cái gì. Tâm của thánh nhân đồng thể với vô. Cho nên nói tâm của thánh nhân giống như hư không. (2) Một thuyết khác cho rằng: Vô chính là tâm có thể sinh ra các pháp. Các pháp đều là do tâm tạo. Tâm sinh thì vô vàn các pháp sinh. Tâm diệt thì tất cả các pháp diệt. Sự sinh và diệt của pháp chính là sự sinh và diệt của tâm. Thực tướng của các pháp chính là bản tâm của chúng sinh, hoặc có thể nói là bản tính, hay Phật tính. Thấy được thực tướng của các pháp chính là «minh tâm kiến tính» 明心見性. Trong *Niết Bàn Kinh Tập Giải*, Đạo Sinh gọi đó là «phản mê quy cực, quy cực đắc bản» 反迷歸極歸極得本(quay lưng lại mê là trở về tối cao, trở về tối cao là đạt được gốc).

Tăng Triệu theo thuyết thứ nhất. Còn thuyết Phật tính của Đạo Sinh gần với thuyết thứ hai. Về sau, trong Thiền Tông cũng có hai thuyết. Có một phái theo thuyết thứ nhất, cho rằng «phi tâm phi Phật» 非心非佛(không tâm, không Phật). Có một phái theo thuyết thứ hai, cho rằng «tức tâm tức Phật» 即心即心(tức là tâm, tức là Phật). Theo cách nói thông thường của chúng ta, thuyết thứ hai kém hơn thuyết thứ nhất, bởi vì thuyết thứ nhất hoàn toàn vượt trên mọi hình tướng.

Môn đồ của Thiền Tông dù theo thuyết thứ nhất hay thuyết thứ hai, thì cũng đều chủ trương năm điểm sau đây: (1) *Đệ nhất nghĩa bất khả thuyết* 第一義不可說(chân lý tuyệt đối không thể diễn đạt được). (2) *Đạo bất khả tu* 道不可修(Đạo không thể tu). (3) *Cứu cánh vô đắc* 究

[44] ***Quảng Hoằng Minh Tập*** **(quyển 18,** ***Biện Tông Luận*****): «Hữu tân luận đạo sĩ, dĩ vi tịch giám vi diệu, bất dung giai cấp.» 有新論道士，以爲寂鑒微妙，不容階級. «Giai cấp giáo ngu chi đàm, nhất ngộ đắc ý chi luận hĩ.» 階級教愚之談，一悟得意之論矣.- LAM chú: Xin xem lại chú thích 75 và 76 của chương 7 (quyển 2).**

竟無得(rốt cuộc không đạt được cái gì cả). (4) *Phật pháp vô đa tử* 佛法無多子(Phật pháp không có gì nhiều). (5) *Đảm thuỷ khảm sài, vô phi diệu đạo* 擔水砍柴無非妙道 (gánh nước và bổ củi, chẳng gì mà không là đạo huyền diệu).

b. Đệ nhất nghĩa bất khả thuyết 第一義不可說 *(chân lý tuyệt đối không thể diễn đạt được)*

Chân lý tuyệt đối không thể diễn đạt được bởi vì cái được dự tính diễn đạt thì thực sự «vượt ra ngoài cõi miền của *duyên* và *tâm*» (Lời của Tăng Triệu đã nói với Lưu Di Dân: «Phan duyên chi ngoại, tuyệt tâm chi vực» 攀緣之外,絕心之域).

Theo lịch sử Thiền Tông, tương truyền Thần Tú viết bài kệ:

Thân như bồ đề thụ	身如菩提樹
Tâm như minh kính đài	心如明鏡臺
Thời thời cần phất thức	時時勤拂拭
Mạc sử nhiễm trần ai.[45]	莫使染塵埃

(Thân như cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn siêng năng lau quét
Chớ để vướng bụi trần.)

Để phản đối bài kệ ấy, Huệ Năng viết:

Bồ đề bản vô thụ	菩提本無樹
Minh kính diệc phi đài	明鏡亦非臺
Bản lai vô nhất vật	本來無一物
Hà xứ nhạ trần ai?	何處惹塵埃

(Bồ đề chẳng phải cây
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào vướng trần ai?)

---

[45] **LAM chú: Có bản chép khác:**

Thân *thị* bồ đề thụ,	身是菩提樹
Tâm như minh kính đài,	心如明鏡臺
Thời thời cần phất thức,	時時勤拂拭
***Vật* sử *nhạ* trần ai.**	勿使惹塵埃

Hai câu đầu trong bài kệ của Thần Tú là một toan tính nói về chân lý tuyệt đối. Có cái được nói, tức là biến vô tướng thành hữu tướng. Hai câu sau ý nói: muốn đạt được chân lý tuyệt đối ấy, cần phải dùng công phu tu hành.

Hai câu đầu trong bài kệ của Huệ Năng ý nói: người ta không thể diễn tả được chân lý tuyệt đối. Hai câu sau ý nói: người ta không thể tu hành để đạt được chân lý tuyệt đối ấy. *Không thể tu hành* không có nghĩa là *không tu hành*, mà có nghĩa là *xem không tu hành là tu hành*.

Hầu hết người của Thiền Tông đều xem việc không nói về chân lý tuyệt đối là phương pháp biểu hiện chân lý tuyệt đối. Phương pháp ấy là «bất đạo chi đạo» 不道之道 (nói mà không nói). Họ xem không tu hành là tu hành. Phương pháp ấy là «vô tu chi tu» 無修之修 (tu mà chẳng tu). Có một giai thoại về đại đệ tử của Huệ Năng là Hoài Nhượng 懷讓 (677-744) rằng: «Mã Tổ Đạo Nhất 馬祖道一 (709-788) tu ở Truyền Pháp Viện trên núi Nam Nhạc, một mình ở trong một cái am, chỉ luyện ngồi thiền. Hễ ai ghé thăm, ông đều chẳng màng. [...] Ngày nọ, Hoài Nhượng lấy viên gạch mài trước cửa am của Mã Tổ, Mã Tổ cũng không quan tâm. Một hồi lâu, Mã Tổ bèn hỏi: "Ông làm gì thế?" Hoài Nhượng đáp: "Mài gạch để thành gương soi." Mã Tổ hỏi: "Mài gạch lẽ nào thành gương soi cho được?" Hoài Nhượng đáp: "Nếu không thể mài gạch để thành gương soi, lẽ nào toạ thiền có thể thành Phật?"»[46]

Nói toạ thiền không thể thành Phật, tức là nói: Đạo không thể tu (Đạo bất khả tu 道不可修). *Ngữ Lục* của Mã Tổ chép: «Có người hỏi: "Như thế nào là tu đạo?" Mã Tổ đáp: "Đạo không thuộc về những thứ có thể tu luyện. Nếu nói tu mà đắc, thì đắc rồi lại trở thành hư mất, giống như trường hợp của bậc thanh văn (śrāvakas). Nếu nói không tu, tức là

---

[46] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục* 古尊宿語錄, quyển 1: «Mã Tổ cư Nam Nhạc Truyền Pháp Viện, độc xử nhất am, duy tập toạ thiền, phàm hữu lai phỏng giả đô bất cố. [...] (Sư) nhất nhật tương chuyên ư am tiền ma, Mã Tổ diệc bất cố. Thời ký cửu, nãi vấn viết: "Tác thập ma?" Sư vân: "Ma tác kính." Mã Tổ vân: "Ma chuyên khởi năng thành kính?" Sư vân: "Ma chuyên ký bất thành kính, toạ thiền khởi năng thành Phật?"» 馬祖居南嶽傳法院, 獨處一庵, 惟習坐禪, 凡有來訪者都不顧[...] (師) 一日將磚於庵前磨, 馬祖亦不顧. 時既久, 乃問曰: "作什么?" 師云: "磨作鏡." 馬祖云: "磨磚豈能成鏡?" 師云: "磨磚既不成鏡, 坐禪豈能成佛?".– LAM chú: Mã Tổ Đạo Nhất (709-788, có thuyết cho là 707-786) là đệ tử của Nam Nhạc Hoài Nhượng. Mã Tổ lập phái Thiền ở Giang Tây, nên ông còn được gọi là Giang Tây Đạo Nhất 江西道一. Nhiều đệ tử của Mã Tổ là người Triều Tiên. Hoài Nhượng 懷讓 (677-744) xuất gia năm 15 tuổi, là đệ tử của Huệ Năng. Năm 714, Hoài Nhượng đến tu núi Nam Nhạc. Suốt 30 năm ở đây, ông rất nổi tiếng và phái thiền của ông được gọi là Thiền Nam Nhạc. Trong các đại đệ tử của ông, nổi bật là Mã Tổ Đạo Nhất và Thanh Nguyên Hành Tư 青原行思.

đồng bọn với kẻ phàm phu."»[47] Phương pháp đắc đạo là không tu nhưng không phải là không tu. Tức là tu mà không tu (vô tu chi tu 無修之修).

Tu mà có tu, tức là một hành vi có dụng tâm, một hành vi cố ý. Đó chính là hữu vi. Hữu vi tức là pháp sinh và diệt, là có sinh và có diệt. Cho nên tu thành rồi trở lại là hư mất. Hoàng Bá 黃檗 (tức Hi Vận 希運) nói: «Giả sử hằng hà vô số kiếp, người ta thực hành lục độ vạn hạnh và đắc Phật bồ đề, thì đó cũng chẳng phải là mục đích cuối cùng. Tại sao vậy? Bởi vì nó thuộc về sự tạo tác của nhân duyên. Hễ nhân duyên hết, thì trở lại vô thường. [...] Mọi hạnh hết thì trở lại vô thường, thế lực nào cũng có kỳ hạn cùng tận, giống như mũi tên bắn đi, hết đà thì rơi xuống. Tất cả đều trở về sinh tử luân hồi. Tu hành như vậy là không hiểu ý chỉ của Phật, uổng công chịu cay đắng, lẽ nào chẳng phải là lỗi lớn sao?»[48]

Có tâm tu hành tức là pháp hữu vi. Cái đạt được cũng là một pháp trong vạn pháp, chứ chẳng phải là vượt trên vạn pháp. Người vượt trên vạn pháp thì Thiền Tông gọi là «người không làm bạn với vạn pháp».

---

[47] ***Mã Tổ Ngữ Lục***: «Vấn: "Như hà thị tu đạo?" Sư vân: "Đạo bất thuộc tu. Nhược ngôn tu đắc, tu thành hoàn hoại, như đồng thanh văn. Nhược ngôn bất tu, tức đồng phàm phu."» 問: "如何是修道?" 師云: "道不屬修. 若言修得, 修成還壞, 如同聲聞. 若言不修, 即同凡夫."

[48] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*** 古尊宿語錄, quyển 3: «Thiết sử hằng sa kiếp số, hành lục độ vạn hạnh, đắc Phật bồ đề, diệc phi cứu cánh. Hà dĩ cố? Vi thuộc nhân duyên tạo tác cố. Nhân duyên nhược tận, hoàn quy vô thường. [...] Chư hạnh tận quy vô thường, thế lực giai hữu tận kỳ, do như tiễn xạ tư không, lực tận hoàn truỵ, đô quy sinh tử luân hồi. Như tư tu hành, bất giải Phật ý, hư thụ tân khổ, khởi phi đại thác?» 設使恆沙劫數, 行六度萬行, 得佛菩提, 亦非究竟. 何以故?爲屬因緣造作故. 因緣若盡, 還歸無常. [...] 諸行盡歸無常, 勢力皆又有盡期, 猶如箭射於空, 力盡還墜, 都歸生死輪回. 如斯修行, 不解佛意, 虛受辛苦, 豈非大錯? – LAM chú: **Hoàng Bá Hi Vận** 黃檗希運(? - 850) người Phúc Kiến, là đệ tử của Bách Trượng Hoài Hải 百丈懷海(720-814), là thầy của Lâm Tế Nghĩa Huyền 臨濟義玄(? - 867). Khi viên tịch, ông được Đường Tuyên Tông phong là Đoạn Tế Thiền Sư 斷際禪師. Giảng huấn của Hoàng Bá được tướng quốc Bùi Hưu 裴休(797-870) chép lại trong tập ***Hoàng Bá Sơn Đoạn Tế Thiền Sư Truyền Tâm Pháp Yếu*** 黃檗山斷際禪師傳心法要. ***Truyền Tâm Pháp Yếu*** có hai phần: Chung Lăng Lục 鍾陵錄 và Uyển Lăng Lục 宛陵錄. Đoạn văn được Phùng Hữu Lan trích dẫn trên đây cũng xuất hiện trong ***Truyền Tâm Pháp Yếu***, phần Uyển Lăng Lục.– ***Lục độ*** 六度 = Lục ba la mật 六波羅蜜 (pāramitā): sáu phép tu để «độ» 度 (vượt qua), từ bờ luân hồi sinh tử vượt đến bờ niết bàn an lạc, để thành bồ tát: 1- ***Bố thí*** 布施 (dāna) để vượt qua thói keo kiệt tham lam; 2- ***Trì giới*** 持戒 (śīla) để vượt qua thói huỷ diệt và vi phạm; 3- ***Nhẫn nhục*** 忍辱 (kṣānti) để vượt qua thói sân giận; 4- ***Tinh tấn*** 精進 (vīrya) để vượt qua thói lười biếng; 5- ***Thiền định*** 禪定 (dhyāna) để vượt qua tâm tán loạn; 6- ***Trí huệ*** (prajñā) để vượt qua sự ngu si. Nói hẹp là ***lục độ***, nói rộng là ***vạn hạnh*** 萬行, vì lục độ bao quát tất cả pháp tu hành để thành bồ tát.

sạch nước sông Tây Giang thì tôi bảo ông biết.»[49]

«Không làm bạn với vạn pháp» là điều không thể nói ra. Hễ nói ra thì cái ấy trở thành một pháp trong vạn pháp, tức là làm bạn với vạn pháp. Câu trả lời của Mã Tổ nghĩa là tôi không thể nói ông biết. Nói câu đó tức là có cái được nói nhưng không nói gì cả. Đó gọi là «nói mà không nói». Muốn nói «không làm bạn với vạn pháp» thì phải «nói mà không nói»; muốn đạt được tình trạng «không làm bạn với vạn pháp» thì phải «tu mà không tu».

c. Đạo bất khả tu 道不可修 *(Đạo không thể tu)*

Sự tu hành theo kiểu «tu mà có tu» cũng là một thứ hành. Có hành tức là cái mà Phật pháp gọi là tạo nhân trong sinh tử luân hồi. Hễ tạo nhân thì phải chịu quả báo. Hoàng Bá nói: «Nếu chưa thể hội được vô tâm và chấp trước vào tướng, thì đều thuộc ma nghiệp. Thậm chí tạo Phật sự [để được sinh vào] tịnh độ, cũng đều là tạo nghiệp; nó gọi là Phật chướng. Vì nó cản trở tâm ông, nên ông bị nhân quả ràng buộc, không được tự do đi hay ở. Cho nên các pháp bồ đề vốn không phải thực có. Lời dạy của như lai đều là để hoá độ thế nhân. Giống như lấy chiếc lá vàng úa làm tiền vàng để tạm dỗ cho trẻ nít nín khóc. Cho nên quả thực chẳng có pháp gì gọi là a-nậu-bồ-đề (anubodhi: sự giác ngộ tuyệt đối). Như nay đã lĩnh hội ý đó, ông cần chi phải chạy đây đó tìm cầu? Chỉ nên tuỳ duyên mà tiêu trừ nghiệp cũ, chớ tạo thêm tai ương mới.»[50] Không tạo nghiệp mới tức là không tu. Nhưng cái không tu này chính là tu. Do đó cái tu này chính là tu mà không tu.

Không tạo nghiệp mới, không có nghĩa là chẳng làm việc gì cả, mà có nghĩa là làm với sự vô tâm. Mã Tổ nói: «Tự tính xưa nay vốn có đủ.

---

[49] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 1: «Bất dữ vạn pháp vi lữ giả thị thập ma nhân? Đãi nhữ nhất khẩu hấp tận Tây Giang thuỷ, tức hướng nhữ đạo.»** 不與萬法爲侶者是什么人?待汝一口吸盡西江水,即向汝道.

[50] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 3: «Nhược vị hội vô tâm, trước tướng giai thuộc ma nghiệp. Nãi chí tác tịnh thổ phật sự, tịnh giai thành nghiệp, nãi danh phật chướng, chướng nhữ tâm cố, bị nhân quả quản thúc, khứ trú vô tự do phận. Sở dĩ bồ đề đẳng pháp, bản bất thị hữu, như lai sở thuyết, giai thị hoá nhân, do như hoàng diệp vi kim tiền, quyền chỉ tiểu nhi đề. Cố thực vô hữu pháp, danh a nậu bồ đề. Như kim ký hội thử ý, hà dụng khu khu? Đãn tuỳ duyên tiêu cựu nghiệp, mạc cánh tạo tân ương.»** 若未會無心,著相皆屬魔業.乃至作淨土佛事,並皆成業,乃名佛障,障汝心故,被因果管束,去住無自由分.所以菩提等法,本不是有,如來所說,皆是化人,猶如黃葉爲金錢,權止小兒啼.故實無有法,名阿耨菩提.如今既會此意,何用軀軀?但隨緣消舊業,莫更造新殃.– LAM chú: Đoạn trích dẫn này cũng xuất hiện trong ***Truyền Tâm Pháp Yếu*, phần Uyển Lăng Lục.**

Cái mà người tu hành cần làm chính là không chấp trước vào việc thiện hay ác. Giữ lấy thiện, xả bỏ ác, quán xét vạn pháp là không, và nhập định, tất cả việc ấy thuộc về tạo tác. Bôn ba tìm cầu bên ngoài thì còn tệ hơn nữa. Càng làm thì càng xa chính đạo. [...] Kinh nói: "Chỉ lấy mọi pháp hợp thành thân này. Thân khởi chỉ là pháp khởi, thân diệt chỉ là pháp diệt. Khi pháp khởi, chớ nói rằng ta khởi, khi pháp diệt chớ nói rằng ta diệt. Niệm trước, niệm sau, niệm giữa, niệm niệm không dựa vào nhau, niệm niệm tịch diệt, đó gọi là *hải ấn tam muội* 海印三昧."»[51]

«Không chấp trước vào việc thiện hay ác» (ư thiện ác sự thượng bất trệ 於善惡事上不滯) tức là vô tâm. «Bất trệ» 不滯 là «bất trước» 不著 (không chấp trước), cũng là «vô trú» 無住 (không dừng ở), cũng chính là «vô tình hệ» 無情繫 (không ràng buộc với tình). *Ngữ Lục* của Bách Trượng Hoài Hải chép: «Có người hỏi: "Tại sao hữu tình thì không có Phật tính, còn vô tình thì có Phật tính?" Sư đáp: "Từ người đến Phật, là chấp trước vào thánh tình; từ người đến địa ngục, là chấp trước vào phàm tình. Như nay có tâm nhiễm ái ở hai cảnh phàm và thánh, thì gọi là hữu tình không có Phật tính. Như nay ở hai cảnh phàm và thánh cho đến mọi pháp hữu và vô, đều không có tâm giữ lấy hay xả bỏ, cũng không có cái hiểu biết về giữ lấy hay xả bỏ, thì đó gọi là vô tình có Phật tính. Chỉ khi không ràng buộc vào thứ tình ấy, thì gọi là vô tình. Cái vô tình ấy không giống như cái vô tình của gỗ, đá, không khí, hoa vàng, hay trúc biếc. [...] Nếu đặt chân trên nấc thang của Phật, thì vô tình có Phật tính. Còn như chưa đặt chân trên nấc thang của Phật, thì hữu tình không có Phật tính."»[52]

Vô tâm cũng tức là vô niệm. *Pháp Bảo Đàn Kinh* nói: «Pháp môn của ta, từ sơ tổ đến nay, trước tiên lập vô niệm làm tông, vô tướng làm

---

[51] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục***, quyển 1: «Tự tính bản lai cụ túc, đãn ư thiện ác sự thượng bất trệ, hoán tác tu đạo nhân. Thủ thiện, xả ác, quán không, nhập định, tức thuộc tạo tác. Cánh nhược hướng ngoại trì cầu, chuyển sơ chuyển vận. [...] Kinh vân: "Đãn dĩ chúng pháp hợp thành thử thân. Khởi thời duy pháp khởi; diệt thời duy pháp diệt. Thử pháp khởi thời, bất ngôn ngã khởi; diệt thời, bất ngôn ngã diệt. Tiền niệm, hậu niệm, trung niệm, niệm niệm bất tương đãi, niệm niệm tịch diệt, hoán tác hải ấn tam muội.» 自性本來具足，但於善惡事上不滯，喚作修道人。取善舍惡，觀空入定，即屬造作。更若向外馳求，轉疏轉遠。[...] 經云："但以衆法合成此身。起時唯法起；滅時唯法滅。此法起時，不言我起；滅時，不言我滅。前念後念中念，念念不相待，念念寂滅，喚作海印三昧." – LAM chú: ***Hải ấn tam muội*** 海印三昧 (sāgara mudrā samādhi), cũng gọi là ***đại hải ấn*** 大海印. Soothill &Hodous giảng: «Giống như bề mặt đại dương phản chiếu vạn vật, tức là ***chánh định*** 正定 (samādhi= tam muội) của bồ tát phản chiếu cho ngài thấy mọi chân lý.» (As the face of the sea reflects all forms, so the samādhi of a bodhisattva reflects to him all truths).

thể, vô trú làm căn bản. Vô tướng là ở với tướng mà lìa tướng. Vô niệm là ở trong niệm mà không niệm. Vô trú nghĩa là [...] trong mỗi một niệm không nghĩ đến cảnh trước. [...] Trong tất cả các pháp, mỗi một niệm không trú, tức là không bị ràng buộc; đó là lấy vô trú làm căn bản.»[53]

Cái gọi là vô niệm ở đây chẳng phải là không nghĩ đến mọi sự vật, cũng chẳng phải là dứt bỏ mọi tư tưởng. Nếu không nghĩ đến mọi sự vật (bách vật bất tư 百物不思), thì đó là «pháp phược» 法縛(bị sự vật ràng buộc). Đệ tử Huệ Năng là Thần Hội nói: «Thanh văn tu không và trú không, thì bị không ràng buộc. Tu định và trú định thì bị định ràng buộc. Tu tĩnh và trú tĩnh thì bị tĩnh ràng buộc. Tu tịch và trú tịch thì bị tịch ràng buộc.»[54]

Không nghĩ đến mọi sự vật (bách vật bất tư 百物不思) cũng cùng một loại với «tu không và trú không». Theo *Đàn Kinh*, vô niệm tức là ở trong mọi cảnh mà tâm không nhiễm (ư chư cảnh thượng tâm bất nhiễm 於諸境上心不染), là thường lìa mọi cảnh (thường ly chư cảnh 常離諸境). «Ở trong mọi cảnh mà tâm không nhiễm» tức là «trong tất cả các pháp, mỗi một niệm không trú». Đó chính là vô trú, cũng là «ở với tướng

---

[52] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 1: «Vấn: "Như hà thị hữu tình vô Phật tính, vô tình hữu Phật tính?" Sư vân: "Chúng nhân chí Phật, thị thánh tình chấp; tòng nhân chí địa ngục, thị phàm tình chấp. Chỉ như kim đãn ư phàm thánh nhị cảnh, hữu nhiễm ái tâm, thị danh hữu tình vô Phật tính. Chỉ như kim đãn ư phàm thánh nhị cảnh cập nhất thiết hữu vô chư pháp, đô vô thủ xả tâm, diệc vô thủ xả tri giải, thị danh vô tình hữu Phật tính. Chỉ thị vô kỳ tình hệ, cố danh vô tình. Bất đồng mộc thạch thái hư, hoàng hoa thuý trúc chi vô tình. [...] Nhược đạp Phật giai thê, vô tình hữu Phật tính. Nhược vị đạp Phật giai thê, hữu tình vô Phật tính."» 問: "如何是有情無佛性, 無情有佛性?" 師云: "衆人至佛, 是聖情執; 從人至地獄, 是凡情執. 只如今但於凡聖二境, 有染愛心, 是名有情無佛性. 只如今但於凡聖二境及一切有無諸法, 都無取舍心, 亦無取舍知解, 是名無情有佛性. 只是無情繫, 故名無情. 不同木石太虛, 黃華翠竹之無情. [...] 若踏佛階梯, 無情有佛性. 若未踏佛階梯, 有情無佛性."

[53] *Đàn Kinh:* «Ngã thử pháp môn, tòng thượng đĩ lai, tiên lập vô niệm vi tông, vô tướng vi thể, vô trú vi bản. Vô tướng giả, ư tướng nhi ly tướng. Vô niệm giả, ư niệm nhi vô niệm. Vô trú giả, [...] niệm niệm chi trung, bất tư tiền cảnh. [...] Ư chư pháp thượng niệm niệm bất trú, tức vô phược dã; thử thị đĩ vô trú vi bản.» 我此法門, 從上以來, 先立無念爲宗, 無相爲體, 無住爲本. 無相者, 於相而離相. 無念者, 於念而無念. 無住者[...] 念念之　, 不思前境. [...] 於諸法上念　不住, 即無縛也; 此是以無住爲本.– LAM chú: Chữ *vô trú* 無住 cũng có thể đọc là *vô trụ*. Tuỳ ngữ cảnh, *trú (trụ)* 住 nghĩa là ở lại, cư trú, bám lấy, chấp vào nó, v.v...

[54] *Thần Hội Di Tập Ngữ Lục:* «Thanh văn tu không, trú không, bị không phược. Tu định trú định, bị định phược. Tu tĩnh trú tĩnh, bị tĩnh phược. Tu tịch trú tịch, bị tịch phược.» 聲聞修空住空, 被空縛. 修定住定, 被定縛. 修靜住靜, 被靜縛. 修寂住寂, 被寂縛.

mà lìa tướng» hay vô tướng. Cho nên *Đàn Kinh* nói «vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trú làm căn bản» thực tế chỉ là vô niệm. *Đàn Kinh* nói: «Niệm trước chấp trước vào cảnh tức là phiền não, niệm sau lìa cảnh tức là bồ đề.» (Tiền niệm trước cảnh tức phiền não, hậu niệm ly cảnh tức bồ đề 前念著境即煩惱, 後念離境即菩提). Đó cũng là ý nghĩa của «thiện bất thụ báo» và «đốn ngộ thành Phật».

Lâm Tế Nghĩa Huyền nói: «Nay người tu học chẳng đạt được kết quả. Lỗi ở chỗ nào? Lỗi ở chỗ họ chẳng tự tin. Nếu ông không tự tin, thì sẽ hoang mang và thuận theo sự chuyển biến của mọi cảnh, bị muôn cảnh khác hoán chuyển trở lại, chẳng được tự do. Nhưng nếu ông ngừng ngay cái tâm vọng cầu đây đó, thì ông chẳng khác biệt với các tổ và chư Phật. Ông muốn biết ai là tổ và Phật không? Đó chính là ông đang ở trước mặt tôi, nghe tôi giảng pháp đấy.»[55] Lại nói «Đạo trôi chảy, [các ông] không cần gắng công đối với Phật pháp. Chỉ cần làm những việc bình thường mà không gắng công: đại tiện, tiểu tiện, mặc quần áo, ăn cơm, mệt mỏi thì nằm nghỉ. Kẻ ngu thì cười chê ta, kẻ trí thì hiểu ta.»[56] Người học đạo phải tự tin mình sẽ thành Phật, hãy buông bỏ tất cả. Ngoài những sinh hoạt bình thường mỗi ngày, không cần phải đặc biệt gắng công tu hành. Chỉ cần trong những việc sinh hoạt hằng ngày, chúng ta đối với tướng mà vô tướng, niệm mà vô niệm. Đó chính là gắng công mà không gắng công, cũng chính là tu mà chẳng tu.

Lâm Tế Nghĩa Huyền lại nói: «Có lúc người bị đoạt mất mà cảnh không bị đoạt; có lúc cảnh bị đoạt mất mà người không bị đoạt; có lúc người và cảnh cùng bị đoạt mất; có lúc người và cảnh đều không bị đoạt mất.»[57] Người là chủ thể nhận biết, cảnh là đối tượng được nhận biết. *Đàn Kinh* chép chuyện Huệ Minh (697-780) cầu pháp ở Lục Tổ Huệ Năng. Huệ Năng nói: «Tạm thời ông hãy tập trung tư tưởng, chớ nghĩ

---

[55] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục***, quyển 4: «Như kim học giả bất đắc, bệnh tại thậm xứ? Bệnh tại bất tự tín xứ. Nễ nhược tự tín bất cập, tiện mang mang địa tuần nhất thiết cảnh chuyển, bị tha vạn cảnh hồi hoán, bất đắc tự do. Nễ nhược yết đắc niệm niệm trì cầu tâm, tiện dữ tổ Phật bất biệt. Nễ dục thức đắc tổ Phật ma? Chỉ nễ diện tiền thính pháp đích thị.» 如今學者不得, 病在甚處?病在不自信處. 你若自信不及, 便茫茫地徇一切境轉, 被它萬境回換, 不得自由. 你若歇得念念馳求心, 便與祖佛不別. 你欲拭得祖佛么?只你面前聽法的是.

[56] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục***, quyển 4: «Đạo lưu Phật pháp vô dụng công xử. Chỉ thị bình thường vô sự a thì tống niệu, trước y ngật phạn, khốn lai tức ngoạ. Ngu nhân tiếu ngã, trí nãi tri yên.» 道流佛法無用功處. 只是平常無事屙屎送尿, 著衣吃飯, 困來即臥. 愚人笑我, 智乃知焉.

đến thiện hay ác.» Sau khi Huệ Minh nói đã chuẩn bị rồi, Huệ Năng nói: «Không nghĩ đến thiện, không nghĩ đến ác. Hãy nhớ lại bản lai diện mục của ông trước khi cha mẹ sinh ra.» Nghe mấy lời này, Huệ Minh đột nhiên lặng thinh (*mặc khế* 默契), rồi lễ bái Huệ Năng và nói: «Giống như người uống nước, tự biết lạnh hay nóng.»[58] Khi cha mẹ thượng toạ Huệ Minh chưa sinh ra ông, thì không có thượng toạ Huệ Minh. Không có chủ thể là thượng toạ Huệ Minh và cũng không có cảnh đối với chủ thể này. Nay Lục Tổ bảo Huệ Minh trở lại diện mục lúc cha mẹ ông chưa sinh ra ông, tức là khiến cho chủ thể và cảnh (tức người và cảnh) cùng bị đoạt mất. Đồng thể với vô thì gọi là «mặc khế» 默契. Khế là khế hợp, ý nói khế hợp làm một với vô, chứ không phải chỉ biết có cái vô.

Đột nhiên mặc khế, tức là đốn ngộ. *Thần Hội Ngữ Lục* gọi đó là «nhất niệm tương ứng, tiện thành chính giác» 一念相應便成正覺 (một niệm ứng với [chân lý] thì thành giác ngộ chân chính). Ngộ khác với cái gọi là tri thức thông thường. Tri thức thông thường thì có sự đối lập giữa *năng tri* 能知 (tức chủ thể nhận thức) và *sở tri* 所知 (tức đối tượng của nhận

---

[57] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 4: «Hữu thời đoạt nhân bất đoạt cảnh, hữu thời đoạt cảnh bất đoạt nhân, hữu thời nhân cảnh câu đoạt, hữu thời nhân cảnh câu bất đoạt.» 有時奪人不奪境, 有時奪境不奪人, 有時人境俱奪, 有時人境不俱奪.

[58] LAM chú: Chỗ này không rõ Phùng Hữu Lan chép từ bản *Đàn Kinh* nào, vì nó khác với bản thông hành (gọi là «bản Đức Dị», do sư Đức Dị 德異 đời Nguyên khắc in năm 1290, tức năm Chí Nguyên 至元 thứ 27 đời Nguyên Thế Tổ 元世祖). Trần Huệ Minh vốn là một tướng quân hàng tứ phẩm, sau đi tu ở chùa Hoàng Mai. Sau khi Ngũ tổ truyền y bát cho Huệ Năng thì ngài bảo Huệ Năng trốn đi về phương Nam. Các đệ tử khác nghe tin, đuổi theo Huệ Năng để cướp lại y bát, trong số đó có Huệ Minh. Sau hai tháng, Huệ Minh bắt kịp Huệ Năng trên núi Đại Dữu 大庾. Huệ Năng vất y bát trên tảng đá rồi núp trong bụi rậm. *Đàn Kinh* (bản Đức Dị) chép: «Huệ Minh chí, đề bất động, nãi hoán vân: "Hành giả! Hành giả! Ngã vị pháp lai, bất vị y lai." Huệ Năng toại xuất, toạ bàn thạch thượng. Huệ Minh tác lễ vân: "Vọng hành giả vị ngã thuyết pháp." Huệ Năng viết: "Nhữ ký vị pháp nhi lai, khả bính tức chư duyên, vật sinh nhất niệm, ngô vị nhữ thuyết." Minh lương cửu, Huệ Năng viết: "Bất tư thiện, bất tư ác, chính dữ ma thời, ná cá thị Minh thượng toạ bản lai diện mục?" Huệ Minh ngôn hạ đại ngộ. Phục vấn vân: "Thượng lai mật ngữ mật ý ngoại, hoàn cánh hữu mật ý phủ?" Huệ Năng vân: "Dữ nhữ thuyết giả, tức phi mật dã. Nhữ nhược phản chiếu, mật tại nhữ biên." Minh viết: "Huệ Minh tuy tại Hoàng Mai, thực vị tỉnh tự kỷ diện mục, kim mông chỉ thị, như nhân ẩm thuỷ, lãnh noãn tự tri."» 慧明至, 提不動, 乃喚云: "行者! 行者! 我爲法來, 不爲衣來." 慧能遂出, 坐盤石上. 慧明作禮云: "望行者爲我說法." 慧能曰: "汝旣爲法而來, 可屏息諸緣, 勿生一念, 吾爲汝說." 明良久, 慧能曰: "不思善, 不思惡, 正與么時, 那個是明上座本來面目?" 慧明言下大悟. 復問云: "上來密語密意外, 還更有密意否?" 慧能云: "與汝說者, 即非密也. 汝若返照, 密在汝邊." 明曰: "慧明雖在黃梅, 實未省自己面目, 今蒙指示, 如人飮水, 冷暖自知." (Huệ Minh đến, lấy y bát nhưng không nhấc lên được, bèn la lớn: "Hành giả! Hành giả! Tôi vì pháp mà tới, không phải vì y bát đâu." Huệ Năng bèn ra khỏi lùm cây, ngồi trên tảng đá. Huệ Minh làm lễ và nói:

thức). Ngộ không có sự đối lập ấy. Bởi nó không có đối tượng nên gọi là vô tri. Nhưng ngộ cũng chẳng phải là cái gọi là vô tri thông thường. Ngộ không phải là hữu tri mà cũng không phải là vô tri. Ngộ là tri mà vô tri (biết mà không biết).

Ngữ Lục của Triệu Châu Tòng Thẩm 趙州從諗(778-897) chép: «Sư (tức Triệu Châu) hỏi Nam Tuyền Phổ Nguyện: "Thế nào là đạo?" Tuyền đáp: "Tâm bình thường là đạo." Sư hỏi: "Có thể nhắm vào nó chăng?" Tuyền đáp: "Hễ mô tả nó ra tức là trái ngược với nó." Sư hỏi: "Không mô tả nó thì sao biết nó là đạo?" Tuyền đáp: "Đạo không thuộc về biết hay không biết. Biết là *vọng giác* (ý thức một cách sai lầm), không biết là *vô ký* (không ký ức). Nếu thật sự đạt được cái đạo không thể hoài nghi ấy, thì sẽ giống như sự trống không rộng mở; lẽ nào có thể cưỡng ép nó giữa đúng với sai ư?"»[59]

Thư Châu Phật Nhãn 舒州佛眼Thiền sư (tức Thanh Viễn 清遠, 1067-1120) nói: «Thầy của ta (tức Pháp Diễn 法演) năm 35 tuổi mới xuống tóc đi tu. Rồi ở tại Thành Đô, nghe giảng trăm pháp Duy Thức. Nhân đó, thầy ta nghe nói: Khi Bồ tát nhập và thấy đạo, thì trí và chân lý hoà lẫn, cảnh và thần hợp nhất, không còn phân biệt kẻ chứng ngộ và cái được chứng ngộ. Có kẻ ngoại đạo chất vấn rằng: Nếu không còn phân biệt kẻ chứng ngộ và cái được chứng ngộ, làm sao biết là chứng

---

"Xin hành giả vì tôi mà thuyết pháp." Huệ Năng nói: "Ông vì pháp mà tới, hãy dừng hết mọi duyên, chớ sinh một niệm gì, tôi vì ông mà thuyết." Một hồi lâu, Huệ Năng nói: "Chớ nghĩ tới thiện, chớ nghĩ tới ác; chính ngay lúc ấy, cái gì là mặt thật xưa nay của thượng toạ Huệ Minh?" Nghe mấy lời ấy, Huệ Minh đại ngộ. Rồi lại hỏi: "Từ sơ tổ tới giờ, ngoài mật ngữ và mật ý, còn có mật ý nào nữa không?" Huệ Năng nói: "Lời tôi nói với ông, chẳng phải là bí mật. Nếu ông soi chiếu ngược vào chính mình, thì bí mật ở bên cạnh ông." Minh nói: "Huệ Minh tuy tại chùa Hoàng Mai, thực tình chưa từng thức tỉnh về bộ mặt xưa nay của mình. Nay nhờ ơn chỉ dạy của hành giả, tôi giống như người uống nước, tự biết lạnh hay nóng.") Bản của Phùng Hữu Lan dùng có hai chữ *mặc khế* 默契, nhưng bản Đức Dị không hề có.

[59] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 13: «Sư vấn Nam Tuyền: "Như hà thị đạo?" Tuyền vân: "Bình thường tâm thị đạo." Sư vân: "Hoàn khả thú hướng bất?" Tuyền vân: "Nghĩ tức quai." Sư vân: "Bất nghĩ tranh tri thị đạo?" Tuyền vân: "Đạo bất thuộc tri bất tri. Tri thị vọng giác, bất tri thị vô ký. Nhược chân đạt bất nghi chi đạo, do như thái hư khuếch nhiên, khởi khả cưỡng thị phi dã?"» 師問南泉："如何是道？"泉云："平常心是道."師云："還可趣向不？"泉云："擬即乖."師云："不擬爭知是道？"泉云："道不屬知不知 知是妄覺，不知是無記. 若眞達不疑之道，猶如太虛廓然，豈可強是非也？" – LAM chú: **Charles Muller giảng *vô ký* là: (1) không trả lời, thường dùng chỉ sự im lặng của Phật trước những chất vấn về vấn đề siêu hình; (2) phi thiện phi ác; (3) không có ký ức.**

ngộ? Bấy giờ chẳng ai trả lời được. Giảng sư không còn dọng chuông gióng trống [giảng bài] mà trở về vất áo cà sa. Về sau, có Đường Tam Tạng (tức Huyền Tãng) đến nơi ấy, cứu lấy lý thuyết ấy và nói rằng: "Khi trí hoà lẫn với chân lý, cảnh hợp nhất với thần, giống như người uống nước, lạnh nóng riêng mình biết." Sau đó thầy ta tự suy gẫm, vấn đề lạnh nóng thì có thể hiểu được, nhưng cái cần phải biết ở chính mình là gì? Thầy ta hết sức hoài nghi, nên hỏi giảng sư rằng thầy ta không biết lý lẽ tự tri là gì. Giảng sư không thể trả lời. Sau đó thầy ta đến núi Phù Độ (ở An Huy) gặp sư Viên Giám, thấy sư thăng đường nhập thất. Những gì Viên Giám nói đều liên quan đến tâm sự của thầy ta. Thầy ta bèn ở đó một năm, được dạy khán công án "Như Lai có mật ngữ, Ca Diếp chẳng cất giấu". Ngày nọ sư Viên Giám nói với thầy ta: "Ông sao chẳng đến sớm, ta nay đã già rồi, thôi hãy đến tham kiến Đoan hoà thượng ở chùa Bạch Vân đi." Thấy ta bèn đến chùa Bạch Vân. Một ngày nọ khi đi vào giảng đường, liền đại ngộ công án "Như Lai có mật ngữ, Ca Diếp chẳng cất giấu". Thầy ta thốt lên: "Chính thế, chính thế." Trí hoà lẫn với chân lý, cảnh hợp nhất với thần, như người uống nước, lạnh nóng tự mình biết, lời ấy thật là đúng thay. Nhân dịp ấy thầy ta viết bài ca tụng rằng: "*Mảnh ruộng hoang trước núi. Chấp tay ta hỏi thầy. Mấy lần bán, mua lại? Thương tùng trúc, gió trong.*" Đoan hoà thượng liếc đọc bài ấy và gật đầu.»[60]

Chân lý là đối tượng của trí, cảnh là đối tượng của thần. Trí và thần là chủ thể, chân lý và cảnh là đối tượng. «Trí hoà lẫn với chân lý,

---

[60] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 32: «Tiên sư tam thập ngũ, phương lạc phát. Tiện tại Thành Đô, thính tập Duy Thức bách pháp. Nhân văn thuyết: Bồ tát nhập kiến đạo thời, trí dữ lý minh, cảnh dữ thần hội, bất phân năng chứng sở chứng. Ngoại đạo tựu nan, bất phân năng sở chứng, khước dĩ hà vi chứng? Thời vô năng đối giả, bất minh chung cổ, phản phi cà sa. Hậu lai Đường Tam Tạng chí bỉ, cứu thử nghĩa vấn: "Trí dữ lý minh, cảnh dữ thần hội, như nhân ẩm thuỷ, lãnh noãn tự tri." Toại tự tư duy, lãnh noãn tắc khả hĩ, tác ma sinh thị tự tri để sự? Vô bất thâm nghi. Nhân vấn sư, bất tri tự tri chi lý như hà. Giảng sư bất năng đối. Hậu lai Phù Độ sơn kiến Viên Giám, khán tha thăng đường nhập thất, sở thuyết giả tận giai thuyết trước tâm hạ sự. Toại trú nhất niên, lệnh khán "Như Lai hữu mật ngữ, Ca Diếp bất phúc tàng" chi ngữ. Nhất nhật vấn: "Tử hà bất tảo lai, ngô niên lão hĩ, khả vãng tham Bạch Vân Đoan hoà thượng." Tiên sư đáo Bạch Vân, nhất nhật thượng pháp đường, tiện đại ngộ "Như Lai hữu mật ngữ, Ca Diếp bất phúc tàng", quả nhiên, quả nhiên. Trí dữ lý minh, cảnh dữ thần hội, như nhân ẩm thuỷ, lãnh noãn tự tri, thành tại thị ngôn dĩ. Nãi hữu đầu cơ tụng vân: "Sơn tiền nhất phiến nhàn điền địa, xoa thủ đinh ninh vấn tổ ông. Kỷ độ mại lai hoàn tự mãi, vi lân tùng trúc dẫn thanh phong." Đoan hoà thượng thử liễu điểm đầu.» 先師三十五，方落髮，便在成都，聽習唯識百法．因聞說：菩薩入見道時，智與理冥，境與神會，不分能證所證．外道就難，不分能所證，卻以何爲證?時無能對者，不鳴鐘鼓，返披袈裟．後來唐三藏

cảnh hợp nhất với thần» tức là chủ thể và đối tượng hoà lẫn, bất phân. Bất phân mà lại tự biết là bất phân, nên nói «như người uống nước, lạnh nóng tự mình biết». Nam Tuyền nói: «Đạo không thuộc về biết hay không biết.» Cái biết theo sự hiểu biết thông thường thì có sự phân biệt giữa *năng tri* (chủ thể nhận biết) và *sở tri* (đối tượng được nhận biết). Cái biết đạo không thể có sự phân biệt như thế. Nên nói «biết là vọng giác». Đạo không thuộc về hiểu biết. Tuy nhiên sự bất phân giữa chủ thể và đối tượng trong sự giác ngộ cũng không phải không có tự giác. Nếu nó là không tự giác thì nó có khác gì một trạng thái hỗn độn, một sự vô tri của người nguyên thuỷ, nên nói «không biết là vô ký». Đạo không thuộc về vô tri.

Người của Thiền Tông thường mô tả trạng thái giác ngộ như «đáy thùng rơi mất». «Đáy thùng rơi mất» tức là các vật có trong thùng đều rơi mất. Người đắc đạo ở trạng thái giác ngộ thì trong một lúc tất cả mọi vấn đề mà hắn vướng mắc đều được giải quyết hết. Sự giải quyết ấy không có nghĩa là sự giải quyết tích cực, mà có nghĩa là trong trạng thái giác ngộ, hắn hiểu hết các vấn đề ấy, và tất cả vấn đề xưa nay của hắn không còn là vấn đề nữa. Cho nên cái đạo được đắc sau khi giác ngộ chính là cái đạo không thể hoài nghi (bất nghi chi đạo).

至彼，救此義云："知與理冥，境與神會，如人飲水，冷暖自知." 遂自思惟，冷暖則可矣，作么生是自知底事?無不深疑. 因問師，不知自知之理如何. 講師不能對. 後來浮渡山見圓鑒，看他升堂入室，所說者盡皆說著心下事. 遂住一年，令看"如來有密語，迦葉不覆藏" 之語. 一日云："子何不早來，吾年老矣，可往參白雲端和尚." 先師到白雲，一日上法堂，便大悟"如來有密語，迦葉不覆藏"，果然果然. 智與理冥，境與神會，如人飲水，冷暖自知，誠哉是言已. 乃有投機頌云："山前一片閑田地，叉手叮嚀問祖翁. 幾度賣來還自買，爲憐松竹引青風." 端和尚覷了點頭.

d. Cứu cánh vô đắc 究竟無得
(rốt cuộc không đạt được cái gì cả)

Như trên vừa nói, cái đạt được qua sự giác ngộ không phải là một thứ tri thức tích cực. Thực sự cũng không có cái gì đạt được cả. Thư Châu (Thanh Viễn) nói: «Như nay hiểu được nó, thì cái mà trước đây chẳng hiểu vốn ở đâu? Cho nên nói: cái mà trước đây mê tức là cái mà bây giờ ngộ; cái mà bây giờ ngộ, tức là cái mà trước đây mê.»[61] Người của Thiền Tông thường nói: «Núi là núi, sông là sông.» Khi anh mê thì núi là núi, sông là sông. Khi anh ngộ, núi vẫn là núi, sông vẫn là sông. «Mảnh ruộng hoang trước núi. Mấy lần bán, mua lại?» Mảnh ruộng ấy xưa nay chỉ là một mảnh ruộng, cũng là cái mà anh có từ ban đầu. Nếu ngoài nó ra mà còn tìm mảnh ruộng khác, đó gọi là «cưỡi lừa mà còn tìm lừa». Sau khi tìm được lừa rồi, ta thấy nó là con lừa mà ta đang cưỡi, nhưng ta thấy nó hoàn toàn mới. Đó gọi là «cưỡi lừa nhưng không chịu bước xuống». Thư Châu (Thanh Viễn) nói: «Có hai loại bệnh: Một là cưỡi lừa mà còn đi tìm lừa; hai là cưỡi lừa nhưng không chịu bước xuống. Các ông nói rằng cưỡi lừa mà còn đi tìm lừa đó là ngu xuẩn, đáng trừng phạt, là bệnh nặng. Nhưng tôi bảo các ông chớ tìm lừa làm gì. Kẻ linh lợi phải hiểu ý tôi. Trừ bỏ chứng bệnh đi tìm lừa thì cuồng tâm sẽ dứt. Nhưng đã tìm thấy lừa rồi mà chẳng chịu bước xuống, thì đó lại là chứng bệnh nan y. Tôi bảo các ông chớ cưỡi lừa nữa. Các ông tức là lừa, tất cả sông núi đất đai cũng chính là lừa. Tại sao các ông cưỡi lừa? Nếu còn cưỡi lừa thì không trừ được bệnh này. Nếu không cưỡi lừa, thì thập phương thế giới trở nên rộng mở. Hai chứng bệnh ấy cùng lúc dứt tuyệt, chẳng gì còn lại việc gì trong tâm các ông. Gọi là đạo nhân, các ông còn cần việc gì nữa?»[62]

Trước khi ngộ, chẳng có đạo nào có thể tu; sau khi ngộ rồi chẳng có

---

[61] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 32: «Như kim minh đắc liễu, hướng tiền minh bất đắc để, tại thập ma xứ? Sở dĩ đạo, hướng tiền mê để, tiện thị tức kim ngộ để. Tức kim ngộ để, tiện thị hướng tiền mê để.»** 如今明得了，向前明不得底，在什么處？所以道，向前迷底，便是即今悟底．即今悟底，便是向前迷低．

[62] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 32: «Chỉ hữu nhị chủng bệnh, nhất thị kỵ lư mịch lư, nhất thị kỵ lư bất khẳng hạ. Nễ đạo kỵ khước lư liễu, cánh mịch lư, khả sát, thị đại bệnh. Sơn tăng hướng nễ đạo, bất yếu mịch. Linh lợi nhân đương hạ thức đắc. Trừ khước mịch lư bệnh, cuồng tâm toại tức. Kỵ thức đắc lư liễu, kỵ liễu bất khẳng hạ, thử nhất bệnh tối nan y. Sơn tăng hướng nễ đạo, bất yếu kỵ. Nễ tiện thị lư, tận sơn hà đại địa thị cá lư, nễ tác ma sinh kỵ. Nễ nhược kỵ, quản thủ bệnh bất khứ. Nhược bất kỵ, thập phương thế giới khuếch lạc địa. Thử nhị bệnh nhất thời khứ. Tâm hạ vô nhất sự. Danh vi đạo nhân, phục hữu thập ma sự?»** 只有二種病，一是騎驢覓驢，一是騎驢不肯下．你道騎卻驢了，更覓驢，可殺，是大病．山僧向你道，不要覓．靈利人當下識得．除卻覓驢病，狂心遂息．既識得驢了，騎了不肯下，此一病最難醫．山僧向你道，不要騎．你便是驢，盡山河大地是個驢，你作么生騎．你若騎

Phật nào có thể thành. *Ngữ Lục* của Hoàng Bá chép: «Có người hỏi: "Nay giác ngộ rồi, Phật tại nơi nào?" Sư đáp: "Nói hay im lặng, động hay tĩnh, mọi thanh sắc: tất cả đều là Phật sự. Tìm Phật nơi nào? Không thể có đầu lại gắn thêm đầu, có miệng lại gắn thêm miệng."»[63]

Không những chẳng có Phật có thể thành, mà còn không có ngộ có thể đắc. Mã Tổ nói: «Đối với mê thì nói ngộ. Nếu vốn không mê, thì ngộ cũng không lập.»[64] Đó gọi là đắc cái không đắc, rốt cuộc không đắc được gì.

Cho nên đời sống của thánh nhân không khác với đời sống của người thường. Người của Thiền Tông thường nói: «Mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện.» Người bình thường làm những việc bình thường ấy, thánh nhân cũng làm những việc bình thường ấy. Theo *Tục Truyền Đăng Lục,* năm 1171, thiền sư Linh Ẩn Huệ Viễn 靈隱慧遠(1103-1176) đàm đạo với Tống Hiếu Tông (tại vị 1163-1189) rằng: «Ngày xưa, Tỉnh thiền sư ở huyện Diệp có một đệ tử trú tại thiền viện Thập Phương Thuỷ ở Hán Châu, từng làm kệ thị chúng rằng: "Trong ao vuông có con rắn mũi ba ba. Một vật buồn cười khi ta nghĩ đến nó. Ai mà kéo được đầu rắn lên?" Vua nói: "Còn có một câu nữa." Sư nói: "Chỉ có ba câu thôi." Vua hỏi: "Sao chỉ có ba câu thôi?" Sư đáp: "Ý còn đợi người khác viết nốt." Về sau, trưởng lão Nguyên Tĩnh ở chùa Đại Tuỳ đọc xong ba câu ấy, bèn sáng tác tiếp: "Trong ao vuông có con rắn mũi ba ba."»[65] Lôi đầu con rắn lên khỏi mặt ao rồi, thì nó vẫn là con rắn mũi ba ba trong ao vuông. Đó gọi là rốt

---

,管取病不去.若不騎,十方世界廓落大地.此二病一時去.心下無一事.名爲道人,復有什么事?

[63] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 3: «Vấn: "Kim chính ngộ thời, Phật tại hà xứ?" Sư vân: "Ngữ mặc động tĩnh, nhất thiết thanh sắc, tận thị Phật sự, hà xứ mịch Phật? Bất khả cánh đầu thượng an đầu, chuỷ thượng an chuỷ."»** 問: "今正悟時,佛在何處?" 師云: "語默動靜,一切聲色,盡是佛事,何處覓佛?不可更頭上安頭,嘴上安嘴."

[64] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 1: «Đối mê thuyết ngộ. Bản ký vô mê, ngộ diệc bất lập.»** 對迷說悟.本既無迷,悟亦不立.

[65] ***Tục Truyền Đăng Lục*, quyển 28: «Tích thời Diệp huyện Tỉnh thiền sư hữu nhất pháp tự, trú Hán Châu Thập Phương Thuỷ thiền viện, tằng tác kệ thị chúng viết: "Phương thuỷ đàm trung miết tỵ xà, nghĩ tâm tương hướng tiện da du. Hà nhân bạt đắc xà đầu xuất?" Thượng viết: "Cánh hữu nhất cú." Sư viết: "Chỉ hữu tam cú." Thượng viết: "Như hà chỉ hữu tam cú?" Sư đối: "Ý hữu sở đãi." Hậu Đại Tuỳ Nguyên Tĩnh trưởng lão cử tiền tam cú liễu, nãi trứ ngữ vân: "Phương thuỷ đàm trung miết tỵ xà."»** 昔時葉縣省禪師有一法嗣,住漢州什邡水禪院,曾作偈示衆曰: "方水潭中鱉鼻蛇,擬心相向便揶揄.何人拔得蛇頭出?" 上曰: "更有一句." 師曰: "只有三句." 上曰: "如何只有三句?" 師對: "意有所待." 後大隋元靖長老舉前三句了,乃著語云: "方水潭中鱉鼻蛇."

cuộc không đạt được gì.

e. Phật pháp vô đa tử 佛法無多子
(Phật pháp không có gì nhiều)

Ý tứ chủ yếu của Thiền Tông thực là rõ ràng và đơn giản sau khi bức màn nghịch lý bị xuyên phá. Thư Châu (Thanh Viễn) nói: «Thầy ta từng nói rằng: Tham thiền được gọi là phép vàng-phân. Chưa hiểu thì nó tựa như vàng, hiểu rồi thì nó tựa như phân.»[66] Sau khi bức màn nghịch lý bị xuyên phá, ý tứ chủ yếu của Thiền Tông cũng không có chút gì bí mật. Cho nên người của Thiền Tông thường nói: «Như Lai có mật ngữ, Ca Diếp chẳng cất giấu.» Vân Cư 雲居 (Đạo Ưng 道膺, ?-901) giảng rằng: «Nếu ông không hiểu thì Như Lai có mật ngữ; nếu ông hiểu rồi thì Ca Diếp chẳng cất giấu.»[67] Mật ngữ sở dĩ bí mật bởi vì mọi người không hiểu. Phật Quả 佛果 (?-1135) nói: «Cái mà Ca Diếp chẳng cất giấu là mật ngữ của Như Lai. Cái không cất giấu tức là bí mật; cái bí mật tức là không cất giấu.»[68] Cái bí mật mà không cất giấu tức gọi là bí mật công khai.

Vũ trụ luận và tâm lý học, v.v... trong Phật pháp đều có thể nói là «hí luận chi phẩn» 戲論之糞 (cục phân hí luận) như lời của Bách Trượng 百丈, cũng có thể nói là «nhàn gia cụ» 閑家具 (vật dụng vô ích trong nhà) như lời của Dược Sơn Duy Nghiễm 藥山惟儼. Cục phân hí luận thì phải tống khứ ra ngoài, vật dụng vô ích thì phải vất bỏ. Một khi chúng đã bị quét sạch rồi, thì tất cả những gì còn lại của Phật pháp chỉ là một vài bí mật công khai. Cho nên Lâm Tế nói rằng khi ông ở bên cạnh Hoàng Bá, ba lần hỏi về đại ý của Phật pháp thì ba lần đều bị đánh. Về sau khi ở bên cạnh sư Đại Ngu, thì Lâm Tế bỗng đại ngộ, bèn nói: «Nguyên lai Phật pháp của Hoàng Bá chẳng có gì nhiều.» Chẳng phải Phật pháp của Hoàng Bá chẳng có gì nhiều, mà kỳ thực Phật pháp vốn chẳng có gì nhiều.

---

[66] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 32: «Tiên sư chỉ đạo, tham thiền hoán tác kim thỉ pháp. Vị hội nhất tự kim, hội liễu nhất tự thỉ.» 先師只道，參禪喚作金屎法．未會一似金，會了一似屎.

[67] *Truyền Đăng Lục*, quyển 17: «Nhữ nhược bất hội, Thế Tôn mật ngữ; nhữ nhược hội, Ca Diếp bất phúc tàng.» 汝若不會，世尊密語．汝若會迦葉不覆藏.

[68] *Phật Quả Thiền Sư Ngữ Lục*: «Ca Diếp bất phúc tàng nãi Như Lai chân mật ngữ dã. Đương bất phúc tàng tức mật, đương mật tức bất phúc tàng.» 迦葉不覆藏乃如來眞密語也．當不覆藏即密，當密即不覆藏.

f. Đảm thuỷ khảm sài, vô phi diệu đạo 擔水砍柴無非妙道
(gánh nước và bổ củi, tất cả đều là đạo huyền diệu)

Từ mê mà ngộ, thì gọi là từ phàm nhập thánh. Sau khi nhập thánh rồi, sinh hoạt của thánh nhân cũng chẳng khác gì sinh hoạt của người bình thường. «Bình thường tâm thị đạo» 平常心是道(tâm bình thường là đạo), tâm thánh nhân cũng chính là tâm bình thường. Đó gọi là từ thánh vào phàm. Từ thánh vào phàm, thì gọi là truỵ. Truỵ cũng có thể gọi là *truỵ lạc* (rơi rụng) mà cũng có thể nói là *siêu thánh*. Siêu thánh 超聖 chính là «bách xích can đầu cánh tiến nhất bộ» 百尺竿頭更進一步(đầu cây gậy trăm thước lại thêm một bước nữa). Nam Tuyền nói: «Sau khi hiểu được phía bên đó, thì hãy trở lại sống phía bên này.»[69] «Hiểu được phía bên đó» tức là từ phàm vào thánh; «trở lại sống phía bên này» tức là từ thánh vào phàm.

Bởi vì thánh nhân làm những việc như người bình thường làm, tức là từ thánh vào phàm, cho nên những việc mà thánh nhân làm tuy giống như việc của người bình thường làm nhưng kỳ thực là chẳng giống. Bách Trượng Hoài Hải nói: «Cái trước khi chứng ngộ thì gọi là tham sân, sau khi chứng ngộ thì gọi là Phật huệ. Cho nên nói: "Người ấy chẳng khác gì lúc trước, chỉ khác ở hành vi cư xử lúc trước."»[70]

Hoàng Bá nói: «Chỉ cần đừng có mọi tâm, thì gọi là vô lậu trí. Mỗi ngày, đi, ở, ngồi, nằm, mọi lời nói, chỉ cần đừng chấp trước vào pháp hữu vi. Như vậy dù nói gì và nhìn gì thì cũng đồng với bậc vô lậu.»[71] Bàng cư sĩ có bài kệ rằng: «Thần thông cùng diệu dụng, đều ở gánh nước và bổ củi.» (Thần thông tịnh diệu dụng, đảm thuỷ cập khảm sài 神通並妙用,擔水及砍柴). Cũng là gánh nước và bổ củi, nhưng nếu người bình thường làm thì nó chỉ là gánh nước và bổ củi; nhưng nếu thánh nhân làm thì nó là thần thông diệu dụng.

Bởi có sự bất đồng ấy, cho nên tuy thánh nhân làm cái việc như người bình thường làm, nhưng ngài không chịu quả báo luân hồi sinh tử. Hoàng Bá nói: «Có người hỏi: "Cắt cỏ chặt cây, đào đất khai khẩn, có

---

[69] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 12: «Trực hướng ná biên hội liễu, khước lai giá lý hành lý.» 直向那邊會了,卻來這里行履.

[70] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 1: «Vị ngộ vị giải thời danh tham sân, ngộ liễu hoán tác Phật huệ. Cố vân: "Bất dị cựu thời nhân, chỉ dị cựu thời hành lý xứ."» 未悟未解時名參嗔,悟了喚作佛慧.故云："不異舊時人,只異舊時行履之處."

[71] *Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 2: «Đãn vô nhất thiết tâm, tức danh vô lậu trí. Mỗi nhật hành trú toạ ngọa, nhất thiết ngôn ngữ, đãn mạc trước hữu vi pháp, xuất ngôn thuấn mục, tận đồng vô lậu.» 但無一切心,即名無漏智.每日行住坐臥,一切言語,但莫著有爲法,出言瞬目,盡同無漏.

tội hay không?" Sư đáp: "Không thể định luận là có tội, cũng không thể định luận là vô tội. Có tội và vô tội, sự việc ở người làm. Nếu tham nhiễm mọi pháp hữu vi, cái tâm giữ lấy và buông bỏ còn tồn tại, và không vượt qua ba câu (hữu; vô; phi hữu phi vô) thì người ấy bị định luận là có tội. Nếu người đó vượt ra ngoài ba câu, tâm như hư không, cũng chẳng nghĩ đến hư không, thì người này được định luận là vô tội. [...] Theo sự truyền thừa của Thiền Tông, nếu tâm như hư không, không lưu lại ở một vật gì, cũng không có tướng hư không, thì tội bám vào chỗ nào?"»[72]

Tuy làm những việc giống như người bình thường làm nhưng thánh nhân không ngưng trệ và không luỵ vào các việc ấy. Hoàng Bá nói: «Suốt ngày ăn cơm nhưng chưa từng cắn một hạt cơm. Suốt ngày đi nhưng chưa từng dẫm lên một mảnh đất. Cùng lúc ấy, vô nhân và vô ngã như nhau. Suốt ngày không rời mọi sự và không bị các cảnh mê hoặc, như thế mới gọi là người tự tại.»[73] Vân Môn 雲門 (864-949) cũng nói: «Suốt ngày nói chuyện, chưa từng có lời nào treo vào môi và răng, chưa từng nói một chữ. Suốt ngày, mặc áo và ăn cơm, chưa từng chạm vào một hạt cơm, chưa từng treo vào một sợi tơ.»[74]

Động Sơn Ngữ Lục chép: «Động Sơn Lương Giới 洞山良价 (807-869) cùng với sư bá tên là Mật qua sông. Động Sơn hỏi: "Việc qua sông

---

[72] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 1: «Vấn: "Trảm thảo phạt mộc, quật địa khẩn thổ, vi hữu tội tướng phủ?" Sư vân: "Bất đắc định ngôn hữu tội, diệc bất đắc định ngôn vô tội. Hữu tội vô tội, sự tại đương nhân. Nhược tham nhiễm nhất thiết hữu vi vô đẳng pháp, hữu thủ xả tâm tại, thấu tam cú bất quá, thử nhân định ngôn hữu tội. Nhược thấu tam cú ngoại, tâm như hư không, diệc mạc tác hư không tưởng, thử nhân định ngôn vô tội. [...] Thiền Tông hạ tương thừa, tâm như hư không, bất đình lưu nhất vật, diệc vô hư không tưởng, tội hà xứ an trước?"» 問: "斬草伐木, 掘地壞土, 爲有罪相否?" 師云: "不得定言有罪, 亦不得定言無罪. 有罪無罪, 事在當人. 若貪染一切有爲無等法, 有取舍心在, 透三句不過, 此人定言有罪. 若透三句外, 心如虛空, 亦莫作虛空想, 此人定言無罪. [...] 禪宗下相承, 心如虛空, 不停留一物, 亦無虛空相, 罪何處安著?"**

[73] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 3: «Đãn chung nhật ngật phạn, vị tằng giảo trước nhất lạp mễ. Chung nhật hành, vị tằng đạp trước nhất phiến địa. Dữ ma thời, vô nhân vô ngã tương đẳng. Chung nhật bất ly nhất thiết sự, bất bị chư cảnh hoặc, phương danh tự tại nhân.» 但終日吃飯, 未曾咬著一粒米. 終日行, 未曾踏著一片地. 與么時, 無人無我相等. 終日不離一切事, 不被諸境惑, 方名自在人.**

[74] ***Cổ Tôn Túc Ngữ Lục*, quyển 16: «Chung nhật thuyết sự, vị thường quải trước thần xỉ, vị tằng đạo trước nhất tự. Chung nhật trước y ngật phạn, vị tằng xúc trước nhất lạp mễ, quải trước nhất lũ ti.» 終日說事, 未嘗挂著唇齒, 未曾道著一字. 終日著衣吃飯, 未曾觸著一粒米, 挂著一縷絲.**

tạo ra cái gì?" Sư bá đáp: "Không ướt chân." Động Sơn hỏi: "Lão đại ơi, ông nói ra lời đó rồi nhé." Sư bá hỏi: "Ngươi nói thế nào?" Động Sơn đáp: "Chân không ướt."»[75] Qua sông mà chân không ướt ý nói làm một sự việc gì nhưng không ngưng trệ ở nó, không luỵ vì nó. Thánh nhân chính là một hạng người tự tại mà Thiền Tông gọi đó là người tự do.

Đó chính là sự thành tựu của «tu mà không tu». Khi tu thì phải niệm niệm không chấp trước vào tướng, ở nơi tướng mà vô tướng. Khi thành tựu thì cũng phải niệm niệm không chấp trước vào tướng, ở nơi tướng mà vô tướng. Nhưng khi tu như thế là có cố gắng; còn khi thành tựu như thế thì không có cố gắng mà tự có thể như thế. Ở đây không có nghĩa là bởi vì người tu hành nuôi thành một tập quán nên không cần phải cố gắng mà tự có thể được như thế. Nhưng ở đây có nghĩa là bởi vì người tu hành khi thành tựu thì đốn ngộ đồng nhất với vô, cho nên không cần phải cố gắng mà tự có thể được như thế.

Cảnh giới của thánh nhân là cảnh giới được gọi là «người và cảnh cùng bị đoạt mất». Ở cảnh giới như thế, núi vẫn là núi, sông vẫn là sông, nhưng người thì khác với người hôm trước, vì đã từ phàm vào thánh. Bách Trượng đã nói: «Người ấy chẳng khác gì lúc trước, chỉ khác ở hành vi cư xử lúc trước.» Nói nghiêm cách thì phải nói rằng: «Người ấy chỉ khác lúc trước, nhưng không khác ở hành vi cư xử lúc trước.» Người từ thánh vào phàm, cho nên tuy có người có cảnh mà dường như không người không cảnh. Người và cảnh cùng bị đoạt mất là công phu từ phàm vào thánh. Người và cảnh không cùng bị đoạt mất là công phu từ thánh vào phàm.

Ở các chương trước chúng ta thấy các Huyền học gia cũng như các Phật học gia cho rằng thánh nhân cũng ứng với thế sự như người bình thường, nhưng thánh nhân không luỵ thế sự. Tăng Triệu nói thánh nhân ở trong cõi động và dụng nhưng dừng ở cảnh vô vi. Có nghĩa là «ở trong cõi động và dụng» không cản trở «dừng ở cảnh vô vi». Nhưng nếu nói thế tức là hai hành động của thánh nhân tách rời nhau, chứ không phải là một. Nói theo Thiền Tông thì đối với thánh nhân ứng với thế sự tức là diệu đạo. «Cõi động và dụng» cũng chính là «cảnh vô vi». Tức là chỉ có một hành động.

---

[75] ***Động Sơn Ngữ Lục*: «Sư dữ Mật sư bá quá thuỷ thứ, nãi vấn viết: "Quá thuỷ sự tác ma sinh?" Bá viết: "Bất thấp cước." Sư viết: "Lão lão đại đại, tác giá cá thoại." Bá viết: "Nhĩ tác ma sinh đạo?" Sư viết: "Cước bất thấp."»** 師與密師伯過水次，乃問曰："過水事作么生？"伯曰："不濕腳."師曰："老老大大，作這個話."伯曰："爾作么生道？"師曰："腳不濕."

Thiền Tông tiến thêm một bước, đã thống nhất sự đối lập giữa cao minh và trung dung. Nhưng nếu gánh nước bổ củi chính là diệu đạo thì tại sao người tu đạo phải xuất gia? Tại sao thờ cha thờ vua chẳng phải là diệu đạo? Ở đây cần có thêm một lời chuyển tiếp nữa. Đó là sứ mệnh của Đạo học đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1643).

CHƯƠNG 10

SƠ KHỞI CỦA ĐẠO HỌC VÀ THÀNH PHẦN «PHẬT-ĐẠO» TRONG ĐẠO HỌC

Phật Học đời Đường hưng thịnh, nhưng Đạo học gia 道學家 đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1643) – gần đây được gọi là học thuyết của Tân Nho gia (Neo-Confucianism) – cũng bắt đầu manh nha ở thời này. Giữa đời Tùy và đời Đường, có một Nho gia tên là Vương Thông 王通 (584-617). Theo *Văn Trung Tử Thế Gia* 文中子世家 của Đỗ Yêm 杜淹 (mất năm 628), Vương Thông sinh năm Khai Hoàng 開皇 thứ 4 (tức 584 CN) đời Tuỳ Văn Đế 隋文帝 (tức Dương Kiên 楊堅, tại vị 581-604), và mất năm Đại Nghiệp 大業 thứ 13 (tức 617 CN) đời Tuỳ Dạng Đế 隋煬帝 (tức Dương Quảng 楊廣, tại vị 605-617); đệ tử của ông có hơn nghìn người. Trong số các đệ tử ấy có những công thần sáng lập đời Đường, như: Phòng Huyền Linh 房玄齡, Nguỵ Trưng 魏徵, Ôn Đại Nhã 溫大雅, Trần Thúc Đạt 陳叔達. «Họ từng ngồi đối diện với thầy Vương Thông, lắng nghe giảng đạo giúp vua.» Khi Vương Thông mất, «vài trăm đệ tử họp lại, nói: "Thầy chúng ta là bậc chí nhân, từ Trọng Ni đến nay chưa có ai như thế. [...] Thầy nối tiếp *Thi*, *Thư*, chỉnh đốn *Lễ*, *Nhạc*, tu sửa *Nguyên Kinh*,[1] xưng tán đạo Dịch. Tôn chỉ lớn của thánh nhân và mọi việc có thể làm trong thiên hạ, Thầy đã hoàn tất. Trọng Ni

[1] **Derk Bodde chú: *Nguyên Kinh* 元經 là một quyển sử biên niên, ghi chép từ năm 290 CN đến năm 589 CN (tức là năm Trung Quốc thống nhất dưới đời Tuỳ). *Nguyên Kinh* được viết mô phỏng theo *Xuân Thu*, mặc dù tác phẩm này được xem là của Vương Thông viết, nhưng bản *Nguyên Kinh* lưu hành hiện nay dường như là sách giả của Nguyễn Dật 阮逸 (thế kỷ XI). – LAM chú: Theo từ điển *Từ Hải* (mục từ Nguyên Kinh), *Nguyên Kinh* có 10 quyển, bản cũ đề là do Vương Thông đời Tuỳ soạn; đến đời Đường, Tiết Thu 薛收 viết tiếp, cùng truyền bá ở đời. Đến đời Tống, Nguyễn Dật 阮逸 chú thích. Sách này mô phỏng *Xuân Thu* của Khổng Tử. Bản của Vương Thông chép những sự kiện từ Thái Hi 太熙 nguyên niên (tức năm 290 CN) đời Tấn Huệ Đế 晉惠帝 đến năm Khai Hoàng 開皇 thứ 9 (tức năm 590 CN) đời Tuỳ Văn Đế 隋文帝. Bản của Tiết Thu viết tiếp từ năm Khai Hoàng thứ 10 đến Vũ Đức 武德 nguyên niên (tức năm 618 CN) đời Đường Cao Tổ 唐高祖 (tức Lý Uyên 李淵, tại vị 618-626). *Đường Chí* không ghi chép về *Nguyên Kinh*. Đến đời Tống có bản *Nguyên Kinh* của *Vương Dật*. *Độc Thư Chí* của Triều Công Vũ 晁公武 và *Thư Lục Giải Đề* của Trần Chấn Tôn 陳振孫 đều nghi ngờ đây là sách giả do Nguyễn Dật làm.**

mất rồi, chẳng phải nền văn hoá ấy chỉ còn ở Thầy sao?[2] *Kinh Dịch* nói: 'Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã.' 黃裳元吉, 文在中也(Váy màu vàng, cực kỳ tốt đẹp; văn nhã ở trung vị).[3] Vậy thì chúng ta hãy đặt tên thuỵ cho Thầy là Văn Trung Tử 文中子 nhé.»[4]


韓愈
Hàn Dũ

Tuy Đỗ Yêm chép như thế, nhưng *Đường Thư* là sách do người đầu đời Đường soạn, lại không chép về Vương Thông. Trong *Cựu Đường Thư* (ở truyện của Vương Chất 王質, Vương Tích 王績, Vương Bột 王勃) và trong *Tân Đường Thư* (ở truyện Vương Tích 王績) thì chỉ phụ ghi Vương Thông là một đại nho cuối đời Tuỳ mà thôi. Theo đó thì Vương Thông là một học giả trong số các Nho gia khá nổi tiếng cuối đời Tuỳ. Còn những gì Đỗ Yêm phô trương về Vương Thông phần lớn dựa theo lời lẽ hư cấu của đệ tử Vương Thông, nên không đủ tin cậy.[5] Tác phẩm *Văn Trung Tử Trung Thuyết* còn truyền đến nay cũng chưa chắc

---

[2] **LAM chú: Ở đây đệ tử Vương Thông xem ông kế tục Khổng Tử gìn giữ nền văn hoá nhà Chu. Khổng Tử cho rằng ông có sứ mệnh phát huy «tư văn» 斯文 (nền văn hoá đó) của nhà Chu, cho nên khi bị vây khốn ở đất Khuông nước Vệ, ông nói: "Trời chưa muốn làm mất nền văn hoá đó, người đất Khuông làm gì được ta!" (*Luận Ngữ* - Tử Hãn: "Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà?" 天之未喪斯文也, 匡人其如予何?).**

[3] **LAM chú: Tiểu Tượng Truyện Hào lục ngũ quẻ Khôn: «Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã.» 黃裳元吉, 文在中也 (Quần màu vàng, cực kỳ tốt đẹp; văn nhã ở trung vị). Trung vị tức là hào giữa của thượng quái quẻ Khôn (là hào 5 của toàn quẻ). Chu Hi giảng rằng: "Vàng là màu trung chính, váy là trang phục ở dưới. Hào lục ngũ là âm ở ngôi tôn quý, cái đức trung thuận đầy ở trong mà hiện ra ngoài, cho nên tượng nó như thế; xem bói thì nó là điềm lành của bậc đại thiện." (Hoàng, trung sắc. Thường, hạ sức. Lục ngũ dĩ âm cư tôn. Trung thuận chi đức, sung chư nội nhi hiện ư ngoại. Cố kỳ tượng như thử, nhi kỳ chiêm vi đại thiện chi cát dã. 黃, 中色. 裳, 下飾. 六五以陰居尊. 中順者德, 充諸內而見(現)於外. 故其象如此, 而其占爲大善之吉也).**

[4] **LAM chú: Theo Bàng Phác 庞朴 (*Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.99), Vương Thông tự là Trọng Yêm 仲淹; sau khi ông mất, đệ tử ông đặt cho tên thuỵ là Văn Trung Tử. Ông quê ở Long Môn 龍門, quận Hà Đông 河東 (nay là huyện Vạn Vinh 萬榮, tỉnh Sơn Tây 山西).**

[5] **Phùng Hữu Lan chú: Có người nói: *Văn Trung Tử Bi* 文中子碑 của Bì Nhật Hưu 皮日休 (mất khoảng năm 881) chép rằng các cao đệ của Vương Thông có Tiết Thu 薛收, Lý Tịnh 李靖, Ngụy Trưng 魏徵, Lý Tích 李勣, Đỗ Như Hối 杜如晦, Phòng Huyền Linh 房玄齡; tức là dựa theo lời nói của người đời Đường, chưa chắc họ là hậu nhân của Vương Thông. Theo lời tựa của *Văn Trung Tử Bi*, Bì Nhật Hưu sống sau Vương Thông 250 năm, thì lời của Bì Nhật Hưu không phải là không có khả năng sai lầm.**

là của Vương Thông viết.[6]

Điều đáng chú ý là, trong khi Phật học hưng thịnh (đầu thế kỷ VII) mà có người vẫn tôn sùng Vương Thông như là người kế nghiệp của Khổng Tử. Trực tiếp tôn sùng Vương Thông, tức là gián tiếp tôn sùng Khổng Tử. Do đó ta có thể thấy sự khởi đầu của phong trào phục hưng Nho học.

1. Hàn Dũ

Hàn Dũ 韓愈(768-824) quả thực có thể xem là người tiên phong của Đạo học gia đời Tống và đời Minh. *Tân Đường Thư* chép: «Hàn Dũ tự là Thoái Chi 退之, người quê ở Nam Dương 南陽, thuộc Đặng Châu 鄧州. [...] Ông mất năm Trường Khánh 長慶 thứ tư (tức năm 824 CN, đời Đường Mục Tông 唐穆宗, tức Lý Hằng 李恆, tại vị 821-824), hưởng thọ 57 tuổi. [...] Từ đời Tấn đến đời Tuỳ, Lão giáo và Phật giáo thịnh hành, thánh đạo (tức Nho giáo) vẫn liên tục như một dải. Chư Nho ỷ lại chính nghĩa của thiên hạ, ủng hộ những sự quái lạ và thần bí. Hàn Dũ một mình than thở, viện dẫn thánh nhân để dẹp sự mê lầm của mọi người trong bốn biển. Mặc dù bị bọn ngu xuẩn đàm tiếu xỏ xiên và bị vấp váp, nhưng ông vẫn phấn đấu. Thoạt đầu chẳng ai tin ông, sau khi mất thì ông cực kỳ nổi tiếng trên đời. Ngày xưa, cách Khổng Tử mới 200 năm, Mạnh Kha chống Dương Chu và Mặc Tử. Còn Hàn Dũ cách Khổng Tử hơn ngàn năm, thì bài bác Lão và Phật. Dẹp hỗn loạn để phục hồi chính đạo, công của ông ngang với Mạnh Tử, mà nỗ lực của ông thì gấp bội Mạnh Tử; vượt qua không ít cả Tuân Huống và Dương Hùng. Từ khi Hàn Dũ mất rồi, lời lẽ của ông lưu hành rộng khắp. Các học giả ngưỡng mộ ông như Thái Sơn và Bắc Đẩu.»[7]

---

[6] **LAM chú: Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, tr.99) viết: «Từ đầu đời Bắc Tống đến nay, luôn có người hoài nghi tính chân thực của nhân vật Vương Thông và trứ tác để đời *Văn Trung Tử Trung Thuyết* 文中子中說 của ông. Theo thành quả nghiên cứu hiện nay mà xét, khá nhiều học giả cho rằng, quả thực có nhân vật Vương Thông và tác phẩm *Văn Trung Tử Trung Thuyết* không phải là sách giả. Tư tưởng cơ bản trong đó là của Vương Thông, nhưng cũng pha tạp nhiều thành phần không thực. Xin đọc: *Vương Thông Luận* 王通論 của Doãn Hiệp Lý 尹協理 và Ngụy Minh 魏明, Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xuất bản xã, 1984.»**

[7] ***Tân Đường Thư*: «Hàn Dũ tự Thoái Chi, Đặng Châu, Nam Dương nhân. [...] Trường Khánh tứ niên tốt, niên ngũ thập thất. [...] Tự Tấn ngật Tuỳ, Lão Phật hiển hành, thánh đạo bất đoạn như đái. Chư Nho ỷ thiên hạ chính nghĩa, trợ vi quái thần. Dũ độc vị nhiên dẫn thánh, tranh tử hải chi hoặc, tuy mông sán tiếu, cấp nhi phục phấn. Thuỷ nhược vị chi tín, tốt đại hiển ư thời. Tích Mạnh Kha cự Dương Mặc, khứ Khổng Tử tài nhị bách niên. Dũ bài nhị gia, nãi khứ thiên dư tuế. Bát loạn phản chính, công dữ tể nhi lực bội chi. Sở dĩ quá Hoằng Hùng vi bất thiểu hĩ. Tự Dũ một, kỳ ngôn đại hành. Học giả ngưỡng chi, như Thái Sơn Bắc Đẩu vân.» 韓愈字退之**

Nguyên Đạo, một trong các bài luận thuyết nổi tiếng nhất của ông, chép rằng: «Bác ái gọi là nhân. Hành động mà đúng thì gọi là nghĩa. Noi theo đó mà đi thì gọi là đạo. Tự đầy đủ ở mình mà không dựa vào bên ngoài thì gọi là đức. Nhân và nghĩa là danh từ cố định, còn đạo và đức là hư vị. Cho nên đạo có quân tử và tiểu nhân, còn đức có dữ có lành. [...] *Lễ Ký [*thiên *Đại Học]* nói: "Người xưa muốn làm sáng thêm đức sáng của mọi người thì phải *trị quốc* [làm cho nước bình yên] trước. Muốn trị quốc thì phải *tề gia* [chỉnh đốn gia đạo] trước. Muốn tề gia thì phải *tu thân* [sửa mình] trước. Muốn tu thân thì phải *chính tâm* [làm cho tâm đúng đắn] trước. Muốn chính tâm thì phải *thành ý* [làm cho ý chí trở nên thành thực] trước." Vậy thì cái mà xưa gọi là chính tâm và thành ý là nhắm vào *hữu vi* vậy. Nay [Lão giáo và Phật giáo] muốn trị tâm, nhưng lại để tâm ra ngoài thiên hạ và quốc gia, làm tuyệt diệt qui luật tự nhiên. Con chẳng xem cha là cha; bầy tôi chẳng xem vua là vua. [...] Ngày nay [Phật giáo] nêu ra phép tắc của bọn man di, và đề cao nó trên cả giáo hoá của tiên vương, vậy thì họ sao chẳng thành man di cho được? Thế nào là giáo hoá của tiên vương? Bác ái gọi là nhân. Hành động mà đúng thì gọi là nghĩa. Noi theo

---

, 鄧州南陽人. [...] 長慶四年卒, 年五十七. [...] 自晉訖隋, 老佛顯行, 聖道不斷如帶, 諸儒倚天下正義, 助爲怪神, 愈獨喟然引聖, 爭四海之惑, 雖蒙訕笑, 跲而復奮, 始若未之信, 卒大顯於時. 昔孟軻距楊墨, 去孔子才二百年, 愈排二家, 乃去千餘歲, 撥亂反正, 功與齊而力倍之. 所以過況雄爲不少矣. 自愈没, 其言大行, 學者仰之, 如泰山北斗云.– **LAM chú: Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, tr.285) nói Hà Dương 河陽 thuộc Hà Nam 河南 nay là huyện Đặng 鄧 tỉnh Hà Nam; còn Bàng Phác (sđd., tr.105) viết rằng: Hàn Dũ quê ở Hà Dương 河陽 thuộc Hà Nam 河南 (nay là phía tây của huyện Mạnh 孟 tỉnh Hà Nam). Mấy đời tổ tiên từng sống ở Xương Lê 昌黎 (nay là huyện Nghĩa 義, tỉnh Liêu Ninh 遼寧), do đó ông còn xưng là Hàn Xương Lê. Ông xuất thân trong gia đình quan lại bình thường; mới ba tuổi thì mồ côi cha mẹ, nên sống với anh là Hàn Hội 韓會. Rồi anh ông cũng qua đời, ông được chị dâu (họ Trịnh 鄭) nuôi dưỡng nên người. Hoàn cảnh cô độc và gia đình thuộc nòi văn chương học vấn khiến Hàn Dũ sớm khắc khổ phấn đấu và hiếu học, phát triển tinh thần. Ông viết trong *Hàn Xương Lê Tập* rằng: «Bản tính ta vốn thích văn học. Do hoàn cảnh khốn ách buồn sầu, chẳng tỏ cùng ai, ta bèn miệt mài nghiên cứu kinh, truyện, sử ký, và học thuyết của bách gia.» Hàn Dũ tôn sùng cổ học và Nho học. Năm Trinh Nguyên 貞元 thứ 8 (tức 792 CN) đời Đường Đức Tông 唐德宗, ông đỗ tiến sĩ, rồi nhậm chức Giám sát ngự sử. Nhân vụ khuyên vua khoan nới sức dân, chớ cưỡng bức lao động họ, mà ông bị biếm làm chức lệnh ở Dương Sơn 陽山 (nay là tây bắc tỉnh Quảng Đông). Rồi ông được triệu về kinh, giữ chức Quốc tử bác sĩ và Hình bộ thị lang. Năm Nguyên Hoà 14 (tức năm 817) ông dâng tờ biểu, ngăn cản Đường Hiến Tông nghinh đón "phật cốt" (xương phật) từ một ngôi chùa ở Phượng Tường về cung. Hiến Tông thịnh nộ muốn giết chết ông, nhưng nhờ các quan can thiệp, nên ông chỉ bị biếm làm thứ sử ở Triều Châu 潮州, rồi bị điều sang làm thứ sử ở Viên Châu 袁州. Về sau, ông được triệu về kinh, lần lượt giữ các chức như Quốc tử tế tửu, Binh bộ thị lang, Lại bộ thị lang, v.v... Khi mất, ông được phong thuỵ là Văn 文, nên đời gọi ông là Hàn Văn Công 韓文公.

đó mà đi thì gọi là đạo. Tự đầy đủ ở mình mà không dựa vào bên ngoài thì gọi là đức. Về văn thì có: *Thi, Thư, Dịch, Xuân Thu*; về phép tắc thì có: *Lễ, Nhạc*, hình luật, và chính trị. [...] Đạo ấy là đạo gì? Đáp: Cái mà chúng ta gọi là đạo chẳng phải là cái đạo mà Lão Tử hay Phật gọi. Nghiêu lấy cái đạo ấy truyền cho Thuấn; Thuấn truyền cho Vũ; Vũ truyền cho Thang; Thang truyền cho Văn Vương, Vũ Vương, và Chu Công; Văn Vương, Vũ Vương, và Chu Công truyền cho Khổng Tử; Khổng Tử truyền cho Mạnh Kha; Mạnh Kha chết rồi thì đạo ấy không còn được truyền nữa. Tuân Tử và Dương Hùng tuyển chọn đạo ấy không tinh tế, lời lẽ nghị luận lại không rõ ràng.»[8]

---

[8] **Hàn Dũ, *Nguyên Đạo*: «Bác ái chi vị nhân. Hành nhi nghi chi chi vị nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị đạo. *Túc hồ kỷ vô đãi* (1) ư ngoại chi vị đức. Nhân dữ nghĩa vi định danh, đạo dữ đức vi *hư vị*.(2) Cố đạo hữu quân tử tiểu nhân, nhi đức hữu hung hữu cát. [...] Truyện viết: "Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý." Nhiên tắc cổ chi sở vị chính tâm nhi thành ý giả, tương dĩ *hữu vi* (3) dã. Kim dã dục trị kỳ tâm, nhi ngoại thiên hạ quốc gia, diệt kỳ *thiên thường*.(4) Tử yên nhi bất phụ kỳ phụ, thần yên nhi bất quân kỳ quân. [...] Kim dã cử di địch chi pháp. Nhi gia chi tiên vương chi giáo chi thượng. Kỷ hà kỳ bất tư nhi vi di dã. Phù *sở vị* tiên vương chi giáo giả, hà dã? Bác ái chi vị nhân. Hành nhi nghi chi chi vị nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị đạo. Túc hồ kỷ vô đãi ư ngoại chi vị đức. Kỳ văn, Thi Thư Dịch Xuân Thu; kỳ pháp, Lễ Nhạc hình chính. [...] Tư đạo dã, hà đạo dã? Viết: Tư ngô sở vị đạo dã. Phi hướng *sở vị* Lão dữ Phật chi đạo dã. Nghiêu dĩ thị truyền chi Thuấn, Thuấn dĩ thị truyền chi Vũ, Vũ dĩ thị truyền chi Thang, Thang dĩ thị truyền chi Văn Vũ Chu Công, Văn Vũ Chu Công truyền chi Khổng Tử, Khổng Tử truyền chi Mạnh Kha; Kha chi tử, bất đắc kỳ truyền yên. Tuân dữ *Dương* (5) dã, trạch yên nhi bất tinh, ngữ yên nhi bất tường.(6)»** 博愛之謂仁. 行而宜之之謂義. 由是而之焉之謂道. 足乎己無無待於外之謂德. 仁與義爲定名, 道與德爲虛位. 故道有君子小人, 而德有凶有吉. [...] 傳曰: "古之欲明明德於天下　, 先治其國; 欲治其國者, 先齊其家; 欲齊其家者, 先修其身; 欲修其身者, 先正其心; 欲正其心者, 先誠其意." 然則古之所謂正心而誠意者, 將以有爲也. 今也欲治其心, 而外天下國家, 滅其天常. 子焉而不父其父, 臣焉而不君其君. [...] 今也舉夷狄之法, 而加之先王之教之上. 幾何其不胥而爲夷也. 夫所謂先王之教者, 何也? 博愛之謂仁. 行而宜之之謂義. 由是而之焉之謂道. 足乎己無無待於外之謂德. 其文, 詩書易春秋; 其法, 禮樂刑正. [...] 斯道也, 何道也? 曰: 斯吾所謂道也. 非向所謂老與佛之道也. 堯以是傳之舜, 舜以是傳之禹, 禹以是傳之湯, 湯以是傳之文武周公, 文武周公傳之孔子, 孔子傳之孟軻; 軻之死, 不得其傳焉. 荀與揚也, 擇焉而不精, 語焉而不詳.– **LAM chú: (1) Phùng Hữu Lan chép «túc hồ *dĩ* vô đãi» 足乎已無待, bản *Cổ Văn Quan Chỉ* (có chú âm phù hiệu) chép là «túc hồ *kỷ* vô đãi» 足乎己無待. Derk Bodde đọc đúng là *kỷ* (*oneself*) nên dịch: «Sufficiency in *oneself* without dependence upon externals is called the Power.» (Có đủ ở mình, không lệ thuộc bên ngoài, thì gọi là Đức). *Sources of Chinese Tradition* (Columbia University Press, 1960, vol. I, p.376, của Wm Theodore de Bary, Wing-tsit Chan, Burton Watson) cũng đọc là *kỷ* và dịch là: «..., and its inner power [te] is that it is self-sufficient.» (..., và Đức là cái tự đầy đủ). (2) *Hư vị* = *hư không đích bản vị* 虛空的本位(bản vị không có thật), Derk Bodde dịch: «Tao and Te hold indefinite positions.» (Đạo và Đức giữ vị trí bất định). *Sources of Chinese Tradition* dịch: «... the Way and its inner power are speculative concepts.» (Đạo và Đức là các khái niệm do suy đoán). Trọn câu «Nhân dữ nghĩa vi định danh, đạo dữ đức**

Hàn Dũ chỉ là bậc có tài văn chương thôi, chứ không phải là triết gia uyên thâm. Bài luận trên vốn không có nhiều tư tưởng triết học sâu sắc, tuy nhiên nó có mấy điểm đáng cho ta chú ý:

❶ Hàn Dũ cực kỳ tôn sùng Mạnh Tử, xem Mạnh Tử là người được chân truyền từ Khổng Tử. Hàn Dũ đề xướng điều đó và nó thành kiến giải truyền thống từ đời Tống và Minh về sau. Giữa đời Chu và đời Tần, hai phái Nho gia là Mạnh học và Tuân học cùng nổi bật. Đến đời Tây Hán, Tuân học thịnh hơn Mạnh học. Chỉ có Dương Hùng (53 TCN - 18 CN) là vẫn tôn sùng Mạnh Tử; sau đó chẳng có ai bắt chước Dương Hùng; mãi đến đời Đường mới có Hàn Dũ cũng nhiệt thành tôn sùng Mạnh Tử như vậy. Từ khi Hàn Dũ đề xướng Mạnh học, thuyết ấy lưu hành rất rộng. Sách *Mạnh Tử* bèn trở thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ; bởi vì Mạnh Tử vốn có khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí, ông nói về *tâm* và *tính*, nói rằng «vạn vật đều có đủ trong ta, trở về bản thân tìm thấy sự thành thực, còn cái vui nào bằng», và nói đến các phương pháp tu dưỡng như *dưỡng tâm* và *quả dục*. Tất cả những điều ấy được xem là có thể giải đáp tương đối những vấn đề được thảo luận trong Phật học mà người đương thời xem là các vấn đề thú vị. Do đó, trong điển tịch của Nho gia, muốn tìm sách có liên quan đến các vấn đề mà người đương thời quan tâm thì người ta chọn sách *Mạnh Tử*.

Hàn Dũ tuy chống Phật giáo, nhưng kiến thức về Phật học của ông chỉ tàm tạm thôi. Cho nên trong bức thư gởi cho quan thượng thư họ Mạnh, Hàn Dũ viết: «Hồi tôi ở Triều Châu, có một lão tăng hiệu là Đại Điên, khá thông minh, biết đạo lý. [...] Ông ta quả thực có thể vượt ngoài hình hài, lấy lý để tự thắng mình. Ông ta không để cho sự vật bên ngoài

---

vi hư vị» Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, sđd., quyển hạ, tr.81) dịch khác hẳn: «Ta xưa nay gọi là đạo đức, là hợp nhân với nghĩa mà nói vậy.» (3) Từ *hữu vi* ở đây là đối lập với *vô vi*. (4) *Thiên thường* = Derk Bodde dịch là «the natural constant [ties of mankind] (những ràng buộc thường hằng và tự nhiên của nhân loại); Trần Trọng Kim dịch là «đạo Trời»; *Sources of Chinese Tradition* dịch là «the natural law» (quy luật tự nhiên). (5) Dương 揚 (bộ *thủ* 扌) ở đây là Dương Hùng 揚雄, tự Tử Vân 子雲, viết *Pháp Ngôn* 法言 và *Thái Huyền* 太玄; không phải là họ 楊 Dương (bộ *mộc* 木) của Dương Chu 楊朱. (Xem: *Cổ Văn Quan Chỉ* 古文觀止, chú âm phù hiệu của Lâm Diệp 林葉 và Hà Xuân Anh 何春英, Chính Ngôn xuất bản xã, Đài Bắc, 1970, tr.321-327). (6) *Sources of Chinese Tradition* dịch: «Hsün Tzu and Yang Hsiung understood elements of it, but their understanding lacked depth; they spoke of it but incompletely.» (Tuân Tử và Dương Hùng hiểu những yếu tố của nó, nhưng sự hiểu biết của họ không sâu; họ nói về nó không đầy đủ).

xâm loạn tâm ông. Khi tôi trò chuyện với ông ta, tuy ông ta không thể giải đáp tường tận, nhưng kỳ thực trong tâm ông ta không có sự trở ngại [gì đối với sự giác ngộ cả].»[9] Trong *Tống Cao Nhàn Thượng Nhân Tự* (bài tựa gởi cho thượng nhân Cao Nhàn), Hàn Dũ viết: «Nay sư Cao Nhàn là Phật gia, đã xem tử sinh như một và trừ bỏ các ràng buộc bên ngoài vào thân. Như thế tâm của sư ắt lặng lẽ không có gì tác động được; sư ắt lãnh đạm đối với cuộc đời, chẳng còn ham muốn gì.»[10] Như vậy, đối với các vấn đề mà người đương thời quan tâm, Hàn Dũ cũng không phải không có hứng thú.

❷ Hàn Dũ đặc biệt trích dẫn *Đại Học* trong bài luận *Nguyên Đạo* trên đây. *Đại Học* vốn là một thiên của *Lễ Ký*, lại thuộc về Tuân học hơn là Mạnh học. Từ đời Hán đến đời Đường, không có ai đặc biệt chú trọng nó. Hàn Dũ thấy các thuyết «minh minh đức», «chính tâm», «thành ý» trong *Đại Học* có liên quan đến các vấn đề mà người đương thời quan tâm, cho nên ông đặc biệt nêu ra. Hơn nữa ông còn nói rằng: «Cái mà xưa gọi là chính tâm và thành ý là nhắm vào *hữu vi* vậy; nay [Lão giáo và Phật giáo] muốn trị tâm, nhưng lại để tâm ra ngoài thiên hạ và quốc gia.» Qua đó, ông cho rằng Nho và Phật-Lão tuy cùng «trị tâm» nhưng dụng ý của họ khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau. Từ đó cho đến đời Tống và đời Minh, sách *Đại Học* cũng được xem là điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ.

❸ Hàn Dũ nêu ra chữ «Đạo» cũng là lý thuyết về *đạo thống* 道統 (tức là cái đạo chính thống truyền từ các thánh nhân đời xưa xuống tới Mạnh Tử). Mạnh Tử đã nói sơ lược về đạo thống.[11] Nhưng qua sự đề xướng của Hàn Dũ, các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều chấp nhận nó, và Đạo học bèn trở thành danh từ mới mẻ của Tân Nho học đời Tống và đời Minh.

Từ ba điểm trên mà xét, Hàn Dũ có thể xem là người tiên phong cho Đạo học gia đời Tống và đời Minh vậy.

---

[9] **Hàn Dũ, *Mạnh Thượng Thư Thư* 孟尚書書: «Triều Châu thời, hữu nhất lão tăng, hiệu Đại Điên. Phả thông minh thức đạo lý. [...] Thực năng ngoại hình hài dĩ lý tự thắng. Bất vi sự vật xâm loạn. Dữ chi ngữ, tuy bất tận giải, yêu tự hưng trung vô trệ ngại.»** 潮州時,有一老僧,號大顛.頗聰明識道理.[...] 實能外形骸以理自勝.不爲事物侵亂.與之語,雖不盡解,要自胸中無滯礙.

[10] **Hàn Dũ, *Tống Cao Nhàn Thượng Nhân Tự* 送高閑上人序: «Kim Nhàn sư phù đồ thị, nhất tử sinh, giải ngoại giao. Thị kỳ vi tâm tất bạc nhiên vô sở khởi; kỳ ư thế tất đạm nhiên vô sở thị.»** 今閑師浮屠氏,一死生,解外膠.是其爲人必泊然無所起;其於世必淡然無所嗜.

[11] **Xin xem lại quyển 1 (chương 6, tiết 1 và 2).**

Hàn Dũ còn viết bài *Nguyên Tính* 原性, cho rằng: «Tính có ba phẩm (tức ba hạng): thượng, trung, hạ. Thượng phẩm thì chỉ có thiện mà thôi; trung phẩm thì có thể được dẫn dắt lên thượng phẩm hoặc bị đẩy xuống hạ phẩm; còn hạ phẩm thì chỉ có ác mà thôi.» (Tính chi phẩm hữu thượng trung hạ tam: thượng yên giả thiện yên nhi dĩ hĩ; trung yên giả khả đạo nhi thượng hạ dã; hạ yên giả ác yên nhi dĩ hĩ.» 性之品有上中下三:上焉者善焉而已矣;中焉者可導而上下也;下焉者惡焉而已矣).

Trong bài luận này, Hàn Dũ còn phân biệt *tính* với *tình*: «Tính cùng sinh khi ta chào đời. Tình sinh ra do ta tiếp xúc với ngoại vật.» (Tính dã giả, dữ sinh câu sinh dã. Tình dã giả, tiếp ư vật nhi sinh dã. 性之品有上中下三:上焉者善焉而已矣;中焉者可導而上下也;下焉者惡焉而已矣). Tính có ba phẩm thì tình cũng có ba phẩm. Đối với bảy tình (hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục = mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham), bậc thượng phẩm hễ bị động tâm thì lấy đạo Trung Dung mà xử nó; ở bậc trung phẩm thì bảy tình ấy hoặc là thái quá, hoặc là không có, nhưng phải cầu cho hợp với đạo Trung Dung; còn bậc hạ phẩm thì trong bảy tình ấy vừa có cái không có vừa có cái thái quá, và cứ theo cái tình ấy mà hành động.

2. Lý Ngao

Cùng thời với Hàn Dũ có Lý Ngao 李翺 (mất khoảng năm 844).[12] Tương truyền Lý Ngao là đệ tử của Hàn Dũ, cho nên *Tân Đường Thư* chép: «Lý Ngao tự là Tập Chi, thoạt đầu theo Hàn Dũ ở Xương Lê học văn chương, văn từ rất hồn hậu, được phổ biến rộng đương thời. Cho nên sau khi mất được tên thuỵ là Văn.»[13] Theo đó Lý là học trò của Hàn, nhưng trong *Lý Ngao Tập* có bài *Đáp Hàn Thị Lang Thư* (thư phúc đáp Hàn thị lang) và *Tế Sử Bộ Hàn Thị Lang Văn* (văn tế sử bộ Hàn thị lang) thì Lý Ngao gọi Hàn Dũ là «huynh» 兄 (anh). Quan hệ giữa Hàn Dũ và

---

[12] **LAM chú: Từ Hải phiên chữ 翺 là *nga lao thiết âm ngao hào vận* 莪劳切音敖豪韻; Khang Hi phiên là *ngũ lao thiết* 五劳切 và *ngưu đao thiết âm ngao* 牛刀切音遨. Như vậy 翺 đọc là *ngao;* âm Bắc Kinh hiện là [áo], dùng trong từ 翱翔[áoxiáng] = bay lượn (hover, soar). *Hoài Nam Tử* có câu «Ngao tường tứ hải chi ngoại» 翱翔四海之外 (bay lượn ngoài bốn biển) và chú: «Dực nhất thượng nhất hạ viết ngao, bất dao viết tường.» 翼一上一下曰翱, 不搖曰翔 (cánh chim một trên một dưới thì gọi là *ngao*; cánh không dao động thì gọi là *tường*). Một số từ điển phiên âm sai 翺 là *cao*. Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (*Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, quyển thượng) và Nguyễn Đăng Thục (*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, quyển 5) khi viết về nhân vật này đều phiên âm sai là Lý Cao. Học giả An Chi (*Chuyện Đông Chuyện Tây*, Nxb Trẻ, 2005, tập 2, tr.285 và tập 3, tr.352) khẳng định tên nhân vật này phải đọc là Lý Ngao.**

[13] *Tân Đường Thư* (Lý Ngao Truyện): «Lý Ngao, tự Tập Chi, thuỷ tòng Xương Lê Hàn Dũ vi văn chương, từ trí hồn hậu, kiến suy đương thời. Cố hữu tư diệc thuỵ viết Văn.» 李翺, 字習之, 始從昌黎韓愈爲文章, 辭致渾厚, 見推當時. 故有司亦謚曰文.

Lý Ngao cơ hồ như thầy trò mà xem nhau như bạn bè.

Học thuyết của Lý Ngao chủ yếu ở trong tác phẩm *Phục Tính Thư* 復性書. Tác phẩm này có ba thiên. Thiên đầu tổng luận về tính, tình, và thánh nhân. Thiên giữa luận về phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân. Thiên cuối luận rằng con người phải nỗ lực tu dưỡng để thành thánh nhân. Trong thiên đầu, Lý Ngao viết: «Cái khiến con người thành thánh nhân là bản tính. Cái khiến bản tính con người thành mê muội là tình cảm. Mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn; bảy cái đó là do tình tạo ra. Tình đã hôn ám thì tính chìm đắm. Đó chẳng phải là lỗi của tính; bảy tình tuần hoàn qua lại, cho nên tính không thể sung túc. Nước đục thì dòng chảy không trong. Lửa có khói thì ánh sáng không rực rỡ. Đó chẳng phải là nước có lỗi về trong trẻo, lửa có lỗi về rực rỡ. Cát không cuộn lên thì dòng chảy trong veo, Khói không mù mịt thì ánh sáng rực rỡ. Tình không phát tác thì tính sung túc. [...] Tình kích động không ngừng thì ta không thể phục hồi bản tính của mình và không thể toả ra ánh sáng vô hạn của trời đất.»[14]

Tuy Lý Ngao và Hàn Dũ cùng sử dụng hai danh từ *tính* và *tình*, nhưng theo ý nghĩa mà Lý Ngao dùng, ta thấy rõ chúng hàm chứa yếu tố Phật học. Tính mà Lý Ngao nói, chính là cái mà Phật học gọi là *bản tâm* 本心; tình mà Lý Ngao nói, chính là cái mà Phật học gọi là *vô minh* 無明 và *phiền não* 煩惱. Chúng sinh và Phật đều có bản tâm tịnh minh viên giác. Nhưng bản tâm của chúng sinh thì bị vô minh và phiền não che lấp, nên nó không thể phát lộ được; giống như dòng nước do cát mà đục, nhưng nước vẫn là nước. Tuy nhiên vô minh và phiền não không đứng ở vị trí đối đãi với bản tâm tịnh minh viên giác, bởi vì vô minh và phiền não phải dựa vào bản tâm tịnh minh viên giác mà phát khởi. Lý Ngao cũng nói giống như vậy: «Tính và tình không thể không có nhau. Tuy

---

[14] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư* 復性書: «Nhân chi sở dĩ vi thánh nhân giả, tính dã. Nhân chi sở dĩ hoặc kỳ tính giả, tình dã. Hỉ nộ ai cụ ái ố dục thất giả, giai tình chi sở vi dã. Tình ký hôn, tính tư nịch hĩ. Phi tính chi quá dã, thất giả tuần hoàn nhi giao lai, cố tính bất năng sung dã. Thuỷ chi hồn dã, kỳ lưu bất thanh. Hoả chi yên dã, kỳ quang bất minh. Phi thuỷ hoả thanh minh chi quá. Sa bất hồn, lưu tư thanh hĩ. Yên bất uất, quang tư minh hĩ. Tình bất tác, tính tư sung hĩ. [...] Tình chi động phất tức, tắc phất năng phục kỳ tính nhi chúc thiên địa vi bất cực chi minh.»** 人之所以爲聖人者,性也.人之所以惑其性者,情也.喜怒哀懼愛惡欲七者,皆情之所爲也.情既昏,性斯溺矣.非性之過也,七者循環而交來,故性不能充也.水之渾也,其流不清.火之煙也,其光不明.非水火清明之過.沙不渾,流斯清矣.煙不鬱,光斯明矣.情不作,性斯充矣.[...] 情之動弗息,則弗能復其性而燭天地爲不極　明.

nhiên, không có tính thì tình không có chỗ phát sinh. Tức là tình do tính mà sinh ra. Tình chẳng phải tự thân nó là tình; do bởi tính mà có tình. Tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng.»[15]

Về câu «Tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng», Lý Ngao giảng: «Thánh nhân là người giác ngộ trước mọi người. Giác ngộ thì sáng; không giác ngộ thì mê hoặc; mê hoặc thì tối tăm. Sáng và tối tăm được gọi là khác nhau. Kỳ thực, tính vốn không có sáng và tối, tức là giống nhau và khác nhau, hai cái đó lìa tính. Sáng tồn tại là để đối lập với tối tăm; hễ tối tăm đã dứt tuyệt, thì sáng cũng không tồn tại.»[16]

«Sáng tồn tại là để đối lập với tối tăm» do đó «tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng». Trên đây Lý Ngao đã nói: «Tình không phát tác thì tính sung túc.» Thánh nhân là người theo phương hướng ấy mà tu dưỡng, tức là đã *phục tính* (phục hồi bản tính). Tuy nhiên cái gọi là «tình không phát tác» cũng không phải là sự vô tình như gỗ đá. Lý Ngao nói: «Thánh nhân há vô tình sao? Thánh nhân tịch nhiên bất động, không đi mà đến, không nói mà thần, không chiếu mà sáng. Ngài hoạt động cùng với trời đất, biến hoá hợp với Âm Dương, tuy ngài có tình mà chưa hề có tình vậy.»[17]

Đàn Kinh của Lục Tổ nói: «Vô tướng là ở nơi tướng mà rời tướng; vô niệm là ở nơi niệm mà không niệm.» (Vô tướng giả, ư tướng nhi ly tướng; vô niệm giả, ư niệm nhi vô niệm. 無相者, 於相而離相; 無念者, 於念而無念). Tương tự, cái mà Lý Ngao gọi là vô tình cũng là ở nơi tình mà vô tình. Thánh nhân tuy có hoạt động biến hoá, nhưng bản tâm của ngài luôn tịch nhiên bất động. Đó gọi là «lặng lẽ mà thường chiếu;

---

[15] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Tính dữ tình bất tương vô dã. Tuy nhiên, vô tính tắc tình vô sở sinh hĩ. Thị tình do tính nhi sinh. Tình bất tự tình, nhân tính nhi tình. Tính bất tự tính, do tình sở minh.»** 性與情不相無也. 雖然, 無性則情無所生矣. 是情由性而生. 情不自情, 因性而情. 性不自性, 由情所明.

[16] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Thánh nhân giả, nhân chi tiên giác giả dã. Giác tắc minh, phủ tắc hoặc, hoặc tắc hôn. Minh dữ hôn vị chi bất đồng. Minh dữ hôn tính bản vô hữu, tắc đồng dữ bất đồng, nhị giả ly hĩ. Phù minh giả sở dĩ đối hôn, hôn ký diệt, tắc minh diệc bất lập hĩ.»** 聖人者, 人之先覺者也. 覺則明, 否則惑, 惑則昏. 明與昏謂之不同. 明與昏性本無有, 則同與不同, 二者離矣. 夫明者所以對昏, 昏既滅, 則明亦不立矣.

[17] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Thánh nhân giả, khởi kỳ vô tình dã? Thánh nhân giả, tịch nhiên bất động, bất vãng nhi đáo, bất ngôn nhi thần, bất diệu nhi quang. Chế tác tham hồ thiên địa, biến hoá hợp hồ Âm Dương, tuy hữu tình dã, vị thường hữu tình dã.»** 聖人者豈其無情也? 聖人者, 寂然不動, 不往而到, 不言而神, 不耀而光. 制作參乎天地, 變化合乎陰陽, 雖有情也, 未嘗有情也.

chiếu mà thường lặng lẽ» (tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch 寂而常照，照而常寂).

Thứ trạng thái tâm lý ấy của thánh nhân được gọi là «thành» 誠. Lý Ngao nói: «Cho nên *thành* là bản tính của thánh nhân. Ngài yên lặng bất động, quảng đại, thanh minh. Ngài chiếu sáng trời đất; cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ. Khi hành động, ngừng nghỉ, nói năng, yên lặng, ngài luôn tỏ ra tột bậc. Về việc phục hồi bản tính, người hiền đeo đuổi không thôi. Chỉ có đeo đuổi mãi thì mới trở về nguồn gốc của mình. *Dịch Truyện* nói: "*Thánh nhân hoà hợp đức của mình với trời đất, hoà hợp sự sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hoà hợp trật tự của mình với bốn mùa, hoà hợp sự may rủi của mình với quỷ thần. Thánh nhân hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần!*" [18] Tất cả điều ấy chẳng phải đạt được từ bên ngoài. Ta có được nó là nhờ phát triển tối đa bản tính của mình mà thôi. Tử Tư nói: "*Chỉ có chí thành thì người ta mới phát triển được tối đa bản tính của mình. Hễ phát triển được tối đa bản tính của mình thì mới phát triển được tối đa bản tính của người khác. Hễ phát triển được tối đa bản tính của người khác thì mới phát triển được tối đa bản tính của mọi vật. Hễ phát triển được tối đa bản tính của mọi vật thì mới có thể tán trợ việc hoá dục của trời đất. Hễ tán trợ được việc hoá dục của trời đất thì ta mới cùng đứng ngang hàng với trời đất. [Về phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân:] Bước kế tiếp là phát triển tối đa những thiện đoan của mình. Hễ phát triển tối đa những*

[18] **LAM chú: Câu này trong Văn Ngôn quẻ Càn, nhưng nguyên văn chép là «đại nhân» chứ không phải «thánh nhân». *Tiên thiên* và *hậu thiên* ở đây Richard Wilhelm giảng là «hành động trước trời» và «theo sau trời»: «Khi ông hành động trước trời, trời không chống lại ông. Khi ông theo sau trời, ông tự thích ứng với thiên thời.» (When he acts in advance of heaven, heaven does not contradict him. When he follows heaven, he adapts himself to the time of heaven). James Legge dịch là «đi trước trời» và «theo sau trời» như sau: «Đại nhân là người về phẩm đức thì hoà với trời đất; về sự sáng thì hoà với mặt trời mặt trăng; về phương thức trật tự thì hoà với bốn mùa; về cát hung thì hoà với những hoạt động như quỷ [của Thần]. Đại nhân có thể đi trước trời và trời sẽ không hành động đối nghịch với ông; có thể theo sau trời nhưng sẽ hành động theo thiên thời. Nếu trời không đối nghịch không đối nghịch với ông, thì sá gì người, sá gì hoạt động như quỷ [của Thần].» (The great man is he who is in harmony, in his attributes, with heaven and earth; in his brightness, with the sun and moon; in his orderly procedure, with the four seasons; and in his relation to what is fortunate and what is calamitous, in harmony with the spirit-like operations [of Providence]. He may precede Heaven, and Heaven will not act in opposition to him; he may follow Heaven, but will act only as Heaven at the time would do. If Heaven will not act in opposition to him, how much less will men! how much less will the spirit-like operation [of Providence]!)**

thiện đoan của mình thì ta sẽ đạt được chí thành. Hễ ta đạt được chí thành thì nó sẽ nhuận sắc đến thân thể; rồi nó phát quang huy ra ngoài; rồi nó hiển hiện sáng rỡ [ở ngôn từ, cử chỉ, việc làm]. Hễ sự sáng rỡ phát lộ ra ngoài thì nó tác động mọi người. Hễ tác động họ thì thay đổi họ. Hễ thay đổi họ thì mới chuyển hoá họ. Chỉ có [thánh nhân là] bậc chí thành trong thiên hạ mới chuyển hoá được mọi người."[19] Thánh nhân biết bản tính con người đều là thiện; con người hễ không ngừng noi theo nó [mà tu dưỡng] thì sẽ thành thánh nhân. Cho nên thánh nhân đặt ra lễ để tiết chế con người, sáng tác âm nhạc để hài hoà họ. An ổn trong âm nhạc hài hoà, đó là cái gốc của âm nhạc. Hành động mà đúng lễ, đó là cái gốc của lễ. Cho nên [thánh nhân] ngồi trên xe thì lắng nghe tiếng chuông gắn trên xe; khi đi bộ thì lắng nghe tiếng ngọc đeo trên mình; không có lý do chính đáng thì không bỏ đàn cầm và đàn sắt. Khi nhìn, nghe, nói, đi, ngài đều hành động theo lễ. Qua đó, ngài dạy người ta quên ham muốn mà quay về đạo của tính và mệnh. Đạo là chí thành. Chí thành không ngừng thì trống rỗng; trống rỗng không ngừng thì sáng; sáng không ngừng thì chiếu soi trời đất mà chẳng sót chỗ nào. Nó chẳng gì khác hơn là cái đạo phát triển tối đa tính và mệnh vậy. Than ôi, con người ai cũng có thể đạt được điều đó. Chẳng ai cấm chỉ họ thế mà họ không làm; họ chẳng phải là mê lầm sao? Ngày xưa, thánh nhân lấy đạo ấy truyền cho Nhan Hồi. [...] Tử Tư là cháu Trọng Ni, đắc đạo của ông nội mình, bèn thuật lại đạo ấy qua 47 thiên của *Trung Dung*, rồi truyền nó cho Mạnh Tử.

---

[19] **LAM chú: Lý Ngao trích dẫn *Trung Dung* chương 22 bàn về «cùng lý tận tính» (*Duy thiên hạ chí thành, vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ.*) và chương 23 bàn về «phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân» (*Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành; thành tắc hình; hình tắc trứ; trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến, biến tắc hoá; duy thiên hạ chí thành vi năng hoá.*) – *Trí khúc* là phát triển tối đa những đức tính mình được bẩm thụ nhiều hơn, xong rồi dần dà phát triển các thiện đoan khác để cuối cùng tiến tới hoàn thiện. Quảng Bình Du Thị nói: «Hoàn thiện đến mức phát lộ ra bên ngoài thì trong ngoài sẽ thông suốt, cơ thể sẽ được màu thanh cao, trong sáng. Vì thế, phát lộ sẽ trong sáng; trong sáng rồi sẽ động chúng; cho nên sáng sẽ động. Động rồi sẽ thay đổi được phong tục, cho nên động sẽ biến. Biến rồi sẽ thay đổi được ô trọc thành thanh cao, bạo tàn thành hiền lương. Nhưng *biến* là đổi mà hãy còn dấu vết, còn *hóa* thì đổi mà không còn dấu vết cũ nữa.» (Quảng Bình Du Thị viết: Thành chí ư trứ tắc nội ngoại oa triệt, thanh minh tại cung. Cố trứ tắc minh. Minh tắc hữu động chúng. Cố minh tắc động, động tắc hữu dịch tục. Cố động tắc biến. Biến tắc cách ô dĩ vi thanh, cách bạo dĩ vi lương, nhiên do hữu tích dã. Hóa tắc kỳ tích mẫn hĩ. 廣平游氏曰：誠至於著則內外澈徹,清明在躬.故著則明.明則有動衆.故明則動.動則易俗.故動則變,變則革汙爲清,革暴以爲良,然猶有跡也.化則其跡泯矣) [*Trung Dung hoặc vấn*, tr.117]. Nguyên tắc «*Thành ư trung, hình ư ngoại*» 誠於中形於外 (bên trong đã chí thành thì nó hiển hiện ra ngoài) cũng được nói trong *Đại Học* (chương 6).**

Mạnh Tử nói: "*Khi ta 40 tuổi, ta không còn động tâm nữa.*" [20] Đệ tử đạt đạo của Mạnh Tử là Công Tôn Sửu và Vạn Chương mới truyền lại đạo ấy. Gặp lúc đời Tần đốt sách (năm 213 TCN), sách *Trung Dung* chỉ còn sót lại một thiên không bị đốt; cho nên đạo ấy bị phế và khiếm khuyết. [...] Hỡi ôi! Sách tính mệnh tuy còn mà học giả chẳng ai hiểu, cho nên họ đều lao vào cái học của Trang Tử, Liệt Tử, Lão Tử, và Thích Ca. Kẻ không hiểu biết thì nói rằng học trò của Khổng Tử không đủ khả năng thâm cứu đến tận cùng cái đạo tính mệnh. Những kẻ tin họ đều cho là đúng. Có người hỏi tôi về đạo ấy, tôi bèn lấy chỗ hiểu biết của mình mà truyền cho; rồi viết ở sách này, để khai mở nguồn gốc của thành và minh. Như thế cái đạo từng bị bỏ khuyết và không được phát dương mới có thể truyền lại cho đời.»[21]

---

[20] **LAM chú: *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Công Tôn Sửu vấn viết: "Phu tử gia Tề chi khanh tướng, đắc hành đạo yên, tuy do thử bá vương bất dị hĩ. Như thử, tắc động tâm phủ hồ?" Mạnh Tử viết: "Phủ. Ngã tứ thập bất động tâm."» 公孫丑問曰："夫子加齊之卿相，得行道焉，雖由此霸王不異矣。如此，則動心否乎？"孟子曰："否。我四十不動心。" (Công Tôn Sửu hỏi: "Thí dụ Thầy được làm khanh tướng nước Tề và được thi hành đạo của mình. Nhờ đó, vua Tề sẽ trở thành bá hay vương, việc đó chẳng lạ. Như vậy, Thầy có động tâm không?" Mạnh Tử đáp: "Không. Khi ta 40 tuổi, ta không còn động tâm nữa.")**

[21] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Thị cố thành giả, thánh nhân tính chi dã. Tịch nhiên bất động, quảng đại thanh minh, chiếu hồ thiên địa, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, hành chỉ ngữ mặc, vô bất xử ư cực dã. Phục kỳ tính giả, hiền nhân tuần chi nhi bất dĩ giả dã. Bất dĩ tắc năng quy kỳ nguyên hĩ. *Dịch* viết: "Phù thánh nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, nhật nguyệt hợp kỳ minh, tứ thời hợp kỳ tự, quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên bất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỷ thần hồ?" Thử phi tự ngoại đắc giả dã, năng tận kỳ tính nhi dĩ hĩ. Tử Tư viết: "Duy thiên hạ chí thành, vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ. Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành; thành tắc hình; hình tắc trứ; trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến, biến tắc hoá; duy thiên hạ chí thành vi năng hoá." Thánh nhân tri nhân chi tính giai thiện, khả dĩ tuần chi bất tức nhi chí ư thánh dã. Cố chế lễ dĩ tiết chi, tác nhạc dĩ hoà chi. An ư hoà nhạc, nhạc chi bản dã. Động nhi trúng lễ, lễ chi bản dã. Cố tại xa tắc văn loan hoà chi thanh, hành bộ tắc văn bội ngọc chi âm, vô cố bất phế cầm sắt. Thị thính ngôn hành, tuần lễ nhi động. Sở dĩ giáo nhân vong thị dục nhi quy tính mệnh chi đạo dã. Đạo giả, chí thành dã. Thành nhi bất tức tắc hư; hư nhi bất tức tắc minh; minh nhi bất tức tắc chiếu thiên địa nhi vô dĩ. Phi tha dã, thử tận tính mệnh chi đạo dã. Ai tai, nhân giai khả dĩ cập hồ thử, mạc chi chỉ nhi bất vi dã, bất diệc hoặc tà? Tích giả thánh nhân dĩ chi truyền vu Nhan Tử. [...] Tử Tư, Trọng Ni chi tôn, đắc kỳ tổ chi đạo, thuật Trung Dung tứ thập thất thiên, dĩ truyền ư Mạnh Kha. Kha viết: "Ngã tứ thập bất động tâm." Kha chi môn nhân đạt giả, Công Tôn Sửu, Vạn Chương chi đồ, cái truyền chi hĩ. Tao Tần diệt thư, Trung Dung chi bất phần giả nhất thiên tồn yên, ư thị thử đạo phế khuyết. [...] Ô hô! Tính mệnh chi thư tuy tồn, học giả mạc năng minh, thị cố giai nhập ư Trang Liệt Lão Thích. Bất tri giả vị phu tử chi đồ, bất túc dĩ cùng tính mệnh chi đạo. Tín chi giả giai thị dã. Hữu vấn ư ngã,**

Người có thể đạt tới cảnh giới «thành» tức là có thể «hoà hợp đức của mình với trời đất», có thể «tán trợ được việc hoá dục của trời đất», tức là bản thân hợp nhất với vũ trụ. Trong đoạn văn trên có mấy điểm đáng chú ý:

❶ *Trung Dung* vốn là một thiên của *Lễ Ký*. Ở đây Lý Ngao đặc biệt đề cập nó. Từ đây về sau, *Trung Dung* trở thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ. Ở đây Lý Ngao cũng đặc biệt trích dẫn Hệ Từ Truyện của *Chu Dịch,* từ đây về sau nó cũng thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ.

❷ Trong cái học ban đầu của Nho gia, công dụng của lễ nhạc vốn là để tiết chế tình cảm và dục vọng của con người khi phát ra được trung hoà; còn ở đây, Lý Ngao nói là để «dạy người ta quên ham muốn mà quay về đạo của tính và mệnh». Trong cái học ban đầu của Nho gia, lễ nhạc có ý nghĩa luân lý; nhưng theo Lý Ngao, lễ nhạc có ý nghĩa tôn giáo hoặc thần bí. Tức là ban đầu lễ nhạc nhằm nuôi dưỡng nhân cách thành đạo đức hoàn toàn; nhưng theo Lý Ngao, lễ nhạc là một phương pháp để cho con người đạt được cái gọi là «thành».

---

ngã dĩ ngô chi sở tri nhi truyền yên. Toại thư ư thư, dĩ khai thành minh chi nguyên, nhi khuyết tuyệt phế khí bất dương chi đạo, cơ khả dĩ truyền ư thời.» 是故誠者，聖人性之也。寂然不動，廣大清明，照乎天地，感而遂通天下之故，行止語默，無不處於極也。復其性者，賢人循之而不已者也。不已則能歸其源矣。易曰："夫聖人者，與天地合其德，日月合其明，四時合其序，鬼神合其吉凶。先天而天不爲，後天而奉天時。天且弗爲，而況於人乎？況於鬼神乎？"此非自外得者也，能盡其性而已矣。子思曰："唯天下至誠，爲能盡其性。能盡其性，則能盡人之性。能盡人之性，則能盡物之性。能盡物之性，則可以贊天地之化育。可以贊天地之化育，則可以與天地參矣。其次致曲，曲能有誠；誠則形；形則著；著則明；明則動；動則變；變則化；唯天下至誠爲能化。"聖人知人之性皆善，可以循之不息而至於聖也。故制禮以節之，作樂以和之。安於和樂，樂之本也。動而中禮，禮之本也。故在車則聞鸞和之聲，行步則聞佩玉之音，無故不廢琴瑟。視聽言行，循禮而動。所以教人忘嗜欲而歸性命之道也。道者，至誠也。誠而不息則虛；虛而不息則明；明而不息則照天地而無遺。非他也，此盡性命之道也。哀哉，人皆可以及乎此，莫之止而不爲也，不亦惑邪？昔者聖人皆以之傳于顏子。[...] 子思，仲尼之孫，得其祖之道，述中庸四十七篇，以傳於孟軻。軻曰："我四十不動心。"軻之門人達者，公孫丑、萬章之徒，蓋傳之矣。遭秦滅書，中庸之不焚者一篇存焉，於是此道廢缺。[...] 嗚呼！性命之書雖存，學者莫能明，是故皆入於莊列老釋。不知者謂夫子之徒，不足以窮性命之道。信之者皆是也。有問於我，我以吾之所知而傳焉。遂書於書，以開誠明之源，而缺絕廢棄不揚之道，幾可以傳於時。

❸ Trên đây, Lý Ngao nói: «Sách tính mệnh tuy còn mà học giả chẳng ai hiểu, cho nên họ đều lao vào cái học của Trang Tử, Liệt Tử, Lão Tử, và Thích Ca. Kẻ không hiểu biết thì nói rằng học trò của Khổng Tử không đủ khả năng thâm cứu đến tận cùng cái đạo tính mệnh.» Lời này nói chung có thể đại biểu cho động cơ giảng học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Các Đạo học gia này đều cho rằng họ có thể dùng chính điển tịch của Nho gia để giải đáp các vấn đề mà người đương thời quan tâm. Theo quan điểm của Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh, thánh nhân không chỉ là con người luân lý, mà còn là con người tôn giáo hoặc thần bí. Theo Mạnh Tử, thánh nhân là người đạt tới đỉnh cao của nhân luân (nhân luân chi chí chi nhân 人倫之至之人); theo Lý Ngao, thánh nhân không chỉ phát triển tột cùng nhân luân mà còn thi hành lễ nhạc để đạt tới cảnh giới tu dưỡng tối cao, tức là cảnh giới hợp nhất với vũ trụ. Người đương thời vốn quan tâm vấn đề làm sao để thành Phật, nên Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh cũng quan tâm giải đáp vấn đề này; họ muốn mọi người dùng phương pháp của Nho gia để trở thành một thứ Phật theo kiểu của Nho gia.

Lý Ngao còn luận về phương pháp tu dưỡng thành thánh nhân: «Có người hỏi tôi: "Con người u tối đã lâu, muốn phục hồi bản tính, ắt phải từ từ. Xin hỏi có phương pháp gì không?" Tôi đáp: Đừng lo âu, đừng suy nghĩ, thì tình không phát sinh. Tình đã không phát sinh, thì đó là *chính tư* 正思 (tư tưởng chân chính). *Chính tư* nghĩa là không lo âu và không suy nghĩ. *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?" [22] [Văn Ngôn quẻ

[22] **LAM chú: Câu *«thiên hạ hà tư hà lự»* ở trong Hệ Từ Hạ, giải thích hào cửu tứ quẻ Hàm: «Dịch viết: *"Đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư."* Tử viết: *"Thiên hạ hà tư hà lự?* Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. *Thiên hạ hà tư hà lự?"»* 易曰：憧憧往來，朋從爾思。子曰：天下何思何慮。天下同歸而殊塗，一致而百慮。天下何思何慮 (Kinh Dịch nói: *«Băn khoăn lo lắng; qua lại không yên. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh.»* Khổng Tử nói: «Thiên hạ nghĩ gì, lo gì? Tuy đường lối khác nhau, nhưng tất cả đều quy về một mối. Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?») – Chu Hi phiên thiết 憧憧 là *«xương dung phản, hựu âm đồng»* 昌容反又音同; như vậy đọc là *xung xung* hoặc *đồng đồng*. Vương Túc giảng: *«Đồng đồng* 憧憧 = dáng đi lại tấp nập không ngừng» (vãng lai bất tuyệt mạo 往來不絕貌). *Thuyết Văn* giảng: «Đồng là ý chưa định» (Đồng, ý bất định dã 憧，意不定也). Ngu Phiên giảng: «Đồng là trầm tư suy nghĩ.» (Đồng, hoài tư lự dã 憧，懷思慮也). *Bằng* 朋 = bạn bè. *Nhĩ* 爾 = mi, người. *Tư* 思 = tư tưởng. *Thù* 殊 = khác biệt. *Đồ* 塗 (涂, 途) = đường đi. *Trí* 致 = *chí* 至 (đến, tới).– Richard Wilhelm dịch: «In den Wandlungen heißt es: "Wenn man aufgeregt hin und her denkt, so folgen nur die Freunde, auf die man bewußte Gedanken richtet." Der Meister sprach: Was bedarf die Natur des Denkens und Sorgens? In der Natur kehrt alles zum gemeinsamen Ursprung und verteilt sich auf die verschiedenen Pfade; durch eine Wirkung wird die Frucht von hundert Gedanken verwirklicht. Was bedarf die Natur des Denkens, was des Sorgens?» (Kinh Dịch nói: *«Nếu một người băn khoăn tư lự, thì chỉ có bạn bè của hắn mới theo hắn; tức là những người mà hắn đã hướng tư tưởng hữu thức của hắn đến họ.»* Khổng Tử nói: «Bản chất**

Càn] nói: "Phòng ngừa những điều tà vạy mà bảo tồn sự thành thực." [23] *Kinh Thi* nói: "Tư tưởng chớ tà vạy." Hỏi: "Chỉ vậy mà thôi ư?" Đáp: Chưa hết; sự trai giới tâm của mình giống như chưa xa lìa sự yên tĩnh. Có tĩnh ắt có động; có động ắt có tĩnh. Động và tĩnh không dừng, đó là tình.

---

của suy tư và lo lắng cần gì? Về bản chất, vạn vật quay về nguồn gốc chung và phân ra trên những con đường khác nhau. Thông qua một hoạt động, kết quả của trăm ý tưởng trở thành hiện thực. Bản chất của suy tư cần gì? Bản chất của lo lắng cần gì?»). James Legge dịch: «It is said in the Yi, "Full of anxious thoughts you go and come; only friends will follow you and think with you." The Master said: "In all the processes taking place under heaven, what is there of thinking? what is there of anxious scheming? They all come to the same successful issue, though by different paths; there is one result, though there might be a hundred anxious schemes. What is there of thinking? what is there of anxious scheming?"» (Kinh Dịch nói: "*Băn khoăn lo lắng; đi tới đi lui. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh.*" Khổng Tử nói: "Trong tất cả các quy trình diễn ra dưới bầu trời, Có suy nghĩ gì? Có lo toan gì? Tất cả chúng tuy đường lối khác nhau nhưng đều có kết quả thành công như nhau. Dù trăm mối lo toan nhưng chỉ có một kết quả. Có suy nghĩ gì? Có lo toan gì?")

[23] LAM chú: Câu «*nhàn tà tồn kỳ thành*» ở trong Văn Ngôn quẻ Càn: «Cửu nhị viết "*Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân*" hà vị dã? Tử viết: "Long, đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín, dung hành chi cẩn, *nhàn tà tồn kỳ thành*, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hoá. Dịch viết hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, quân đức dã."» 九二曰：見龍在田利見大人何謂也?子曰：龍，德而正中者也。庸言之信，庸行之謹，閑邪存其誠，善世而不伐，德博而化。易曰見龍在田利見大人，君德也(Hào cửu nhị nói *Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*, tại sao thế? Khổng Tử nói: «Rồng [hiện], là có đức hạnh và chính trung. Lời nói chính trung thì thành thực đáng tin. Hành động chính trung thì cẩn thận. Phòng ngừa những điều tà vạy mà bảo tồn sự thành thực. Giúp đời trở nên tốt đẹp mà không khoe khoang. Đức hạnh rộng khắp cảm hoá mọi người. Kinh Dịch nói *Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*, đó là đức hạnh của bậc cai trị vậy.») – *Dung* 庸 = *thường* 常 (tức là chính trung, không nghiêng lệch). *Dung ngôn* và *dung hành* là lời nói và hành động trung chính. *Chi* 之 = *thị* 是 (thì, là). *Nhàn* 閑 = *phòng* 防 (phòng bị). *Nhàn tà* 閑邪 = phòng ngừa lời nói và hành động bất chính.– *Thiện thế* 善世 = giúp đời trở nên tốt đẹp. *Phạt* 伐 = khoe khoang. *Hoá* 化 = cảm hoá, giáo hoá. *Quân đức* 君德 = đức hạnh của bậc cai trị.– James Legge dịch: «What is the meaning of the words under the second NINE, '*The dragon shows himself and is in the field; – it will be advantageous to see the great man*?' The Master said: 'There he is, with the dragon's powers, and occupying exactly the central place. He is sincere [even] in his ordinary words, and earnest in his ordinary conduct. Guarding against depravity, he preserves his sincerity. His goodness is recognised in the world, but he does not boast of it. His virtue is extensively displayed, and transformation ensues. The language of the Yi, "*The dragon shows himself and is in the field; – it will be advantageous to see the great man.*" refers to a ruler's virtue.'» (Ý nghĩa hào cửu nhị «*Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*» là gì? Khổng Tử nói: «Đấy là anh ta với sức mạnh của rồng, đang ở vị trí chính giữa. Anh ta chân thành thậm chí trong lời lẽ bình thường, và nhiệt tâm trong hành động thường ngày. Phòng ngừa chống lại sự hủ bại, anh ta gìn giữ sự chân thành. Sự tốt lành của anh ta được đời biết đến, nhưng anh ta không khoe khoang. Đức hạnh của anh ta được hiển lộ hết mức và sự chuyển hoá phát sinh theo. Kinh Dịch nói «*Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*» là ám chỉ đức hạnh của bậc cai trị).

Dịch (Hệ Từ Hạ) nói: "Cát hung hối lận phát sinh từ hành động." [24] Như vậy làm sao mà phục hồi bản tính? Hỏi: Vậy phải làm sao? Đáp: Đang lúc yên tĩnh, biết tâm không tư duy, đó là trai giới. Biết vốn không có tư duy, thì động và tĩnh đều lìa; lặng yên bất động là chí thành vậy. *Trung Dung* (chương 21) nói: "Thành thì sẽ sáng." *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Cái động trong thiên hạ là đức trinh chính y như một." [25] Hỏi: "Khi không tư lự, sự vật từ bên ngoài xảy đến, tình cảm từ trong đáp ứng, như thế làm sao dừng nó được? Có thể lấy tình cảm để dừng tình cảm không?" Đáp: Tình cảm là sự tà vạy của bản tính. Biết nó là tà, thì tà vốn không có; hễ tâm vắng lặng bất động, thì ý nghĩ tà vạy tự dứt. Chỉ có bản tính chiếu sáng, thì tà làm sao sinh ra? Nếu lấy tình để ngăn chận tình, thì tình càng lớn. Lấy tình ngăn chận tình, biết bao giờ xong? *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Nhan Hồi có lẽ như thế chăng? Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta

---

[24] **LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Hạ là: «Cát hung hối lận giả, sinh hồ động giả dã.» 吉凶悔吝者,生乎動者也 (Cát hung hối lận phát sinh từ hành động).– Cao Hanh dịch: «Cát hung hối lận đều phát xuất từ hành động của con người.» (Cát hung hối lận giai xuất vu nhân chi hành động 吉凶悔吝皆出于人之行動).– Cao Hanh chú: *«Hối* 悔 = bất hạnh nhỏ; *lận* 吝 = khó khăn.» (Hối, tiểu bất hạnh dã; lận, nan dã 悔,小不幸也;吝,難也).– Richard Wilhelm hiểu *hối lận* là «hối hận và xấu hổ» (Reue und Beschämung) nên dịch: «Heil und Unheil, Reue und Beschämung entstehen durch die Bewegung.» (Cát và hung, hối tiếc và xấu hổ, phát sinh qua sự chuyển động đó). James Legge hiểu *hối lận* là «hối hận và hối tiếc» (repentance and regret) nên dịch: «Good fortune and ill, occasion for repentance or regret, all arise from these movements.» (May rủi, hối hận hay hối tiếc, tất cả đều phát sinh từ các chuyển động này).**

[25] **LAM chú: Hệ Từ Hạ: «Thiên địa chi đạo, trinh quan giả dã; nhật nguyệt chi đạo, trinh minh giả dã; *thiên hạ chi động, trinh phù nhất giả dã.*» 天地之道,貞觀者也;日月之道,貞明者也;天下之動,貞夫一也 (Đạo của trời đất là sự thị hiện đức trinh chính. Đạo của mặt trời mặt trăng là sự sáng của đức trinh chính. Cái động trong thiên hạ là đức trinh chính y như một).– Chu Hi chú: *quan* 觀 = *thị* 示 (nêu ra cho thấy; bảo cho biết). *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa giải: «*Trinh quan* 貞觀 = *dĩ trung chính chi đạo thị nhân* 以中正之道示人 (lấy đạo trung chính nêu cho người thấy); *trinh minh* 貞明 = *vị dĩ trung chính chi đức minh chiếu thiên hạ* 謂以中正之德明照天下 (ý nói lấy đức trung chính mà soi sáng thiên hạ).» Cao Hanh chú: *Trinh phù nhất* 貞夫一 = *chính vu nhất* 正于一 (đúng y như một).– Richard Wilhelm dịch: «Der SINN von Himmel und Erde wird durch Beharrlichkeit sichtbar. Der SINN von Sonne und Mond wird durch Beharrlichkeit hell. Alle Bewegungen unter dem Himmel werden durch Beharrlichkeit einheitlich.» (Đạo của trời đất trở nên hữu hình bởi sự kiên trì. Đạo của mặt trời và mặt trăng trở nên sáng rỡ bởi sự kiên trì. Mọi chuyển động trong thiên hạ trở nên đồng nhất bởi sự kiên trì). James Legge dịch: «By the same rule, heaven and earth, in their course, continually give forth their lessons; the sun and moon continually emit their light; all the movements under the sky are constantly subject to this one and the same rule.» (Cùng một quy luật, trời và đất, trong đạo của mình, liên tục cho các bài học; mặt trời và mặt trăng phát ra ánh sáng của chúng; mọi chuyển động trong thiên hạ luôn tuỳ thuộc vào cái một này và theo cùng một quy luật).**

không hề quên ý thức nó. Hễ biết rồi, thì không hề tái phạm." [Hào sơ cửu quẻ Phục] nói: "Không đi xa [trên đường tà] mà trở về [đường chính]. Sẽ không hối hận lớn. Đại cát." [26] Hỏi: "Vốn không có tư tưởng; động và tĩnh đều lìa. Như vậy khi âm thanh đến tai, ta không nghe ư? Hình dáng của vật [trước mắt], ta không thấy ư?" Đáp: Không thấy không nghe thì chẳng là người. Thấy và nghe mồn một mà tâm không khởi lên cái thấy và cái nghe, điều ấy cũng có thể lắm. Không gì không biết, không gì không làm; cái tâm ấy vắng lặng soi sáng trời đất; đó là sự sáng của thành. *Đại Học* nói: "Sự hiểu biết tột cùng do ở khảo sát sự vật." [27] *Dịch* (Hệ Từ Thượng) nói: "Kinh Dịch không nghĩ, không làm. [Sách Dịch] im lìm bất động, nhưng nếu ta hỏi đến nó, nó sẽ trả lời thông suốt mọi việc trong thiên hạ. Nếu Kinh Dịch không phải là cái vô cùng thần diệu trong

---

[26] **LAM chú: Câu này trong Hệ Từ Hạ, giải thích hào sơ cửu quẻ Phục: «Tử viết: "Nhan thị chi tử, kỳ đãi thử cơ hồ? Hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã. Dịch viết: "*Bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát.*"» 子曰:顏氏之子,其殆庶幾乎.有不善未嘗不知.知之未嘗復行也.易曰:不遠復,無祗悔,元吉 (Khổng Tử nói: «Nhan Hồi có lẽ như thế chăng? Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta không hề quên ý thức nó. Hễ biết rồi, thì không hề tái phạm. Kinh Dịch nói: *Không đi xa [trên đường tà] mà trở về [đường chính]. Sẽ không hối hận lớn. Đại cát.*») – *Nhan Thị chi tử* 顏氏之子 = Nhan Hồi 顏回 (Legge hiểu là «đứa con trai của gia đình họ Nhan» (the son of the Yen family).– Cao Hanh chú: *Đãi* 殆 = đại khái 大概.– *Thứ cơ* 庶幾 = cận 近 (gần như).– *Vị thường* 未嘗 = chưa từng, không hề. Cao Hanh giải: *Bất viễn phục* 不遠復 = đi chưa xa đã quay trở lại (hành vị viễn nhi phản dã 行未遠而返也); *kỳ* 祗 = đại 大 (lớn); *vô kỳ hối* 无祗悔 = *vô đại hối* 无祗悔 (không có hối hận lớn).– Wilhelm hiểu *bất viễn phục, vô kỳ hối* 不遠復,無祗悔 là «đi chưa xa mà trở lại; không cần phải hối hận» (*Wiederkehr aus geringer Entfernung. Es bedarf keiner Reue.*= return from a short distance. No need for remorse) nên dịch: «Der Meister sprach: Yen Hui, der wird es wohl erreichen. Wenn er eine Unvollkommenheit hat, so kommt es nie vor, daß er sie nicht erkennt. Wenn er sie erkannt hat, kommt es nie vor, daß er sie zum zweitenmal begeht. In den Wandlungen heißt es: «*Wiederkehr aus geringer Entfernung. Es bedarf keiner Reue. Großes Heil!*» (Khổng Tử nói: "Nhan Hồi là người có lẽ đạt tới điều ấy. Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta không bao giờ quên nhận biết điều đó. Hễ biết rồi, thì không bao giờ tái phạm." Kinh Dịch nói: "*Đi chưa xa mà trở lại. Không cần phải hối hận. Đại cát.*"). James Legge dịch: «The Master said: I may venture to say that the son of the Yen family had nearly attained the standard of perfection. If anything that he did was not good, he was sure to become conscious of that; and when he knew it, he did not do the thing again. As is said in the Yi, "*The first line shows its subject returning from an error that has not led him far away. There is no occasion for repentance. There will be great good.*"» (Khổng Tử nói: "Ta dám nói đứa con trai của gia đình họ Nhan gần như đạt tới chuẩn mực hoàn hảo. Nếu bất cứ cái gì anh ta đã làm mà không tốt, thì anh ta ắt ý thức về nó; và khi biết rồi, thì anh ta không tái phạm. Như Kinh Dịch nói: *Hào sơ cửu [quẻ Phục] cho thấy chủ thể của hào này từ sai lầm mà quay đầu lại, chứ không tiến xa. Sẽ không có cớ để hối hận; đại cát.*")**

[27] **LAM chú: Derk Bodde (theo James Legge) dịch: «The extension of knowledge lies in the investigation of things.» (Sự mở mang kiến thức nằm ở sự khảo sát sự vật).**

thiên hạ, thì ai có thể làm được như vậy?" [28] Hỏi: "Xin hỏi ý nghĩa câu *'Trí tri tại cách vật'* (Sự hiểu biết tột cùng do ở khảo sát sự vật)?" Đáp: *Vật* là vạn vật. *Cách* là đến, tới. Khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó, nhưng không chấp trước ở vật, đó sự hiểu biết tột cùng vậy. Đó là tột bậc của hiểu biết. Hiểu biết tột cùng nên ý thành thực; ý thành thực nên tâm được chỉnh đốn; tâm được chỉnh đốn nên bản thân được sửa đổi; bản thân được sửa đổi nên gia đình được tề chỉnh; gia đình được tề chỉnh mà nước được quản lý; nước được quản lý mà thiên hạ thái bình. Bằng cách này, con người đứng ngang với trời đất. *Dịch* (Hệ Từ Thượng) nói: "Đức của thánh nhân tương đồng với trời đất, cho nên ngài không mâu thuẫn với trời đất. Trí tuệ của ngài bao quát vạn vật và đạo của ngài giúp thiên hạ thành tựu, nên ngài không lỗi lầm. Ngài hành động chính trực mà không bị đời cuốn trôi. Ngài vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên ngài không lo buồn. Ngài an phận và làm dầy dặn lòng nhân, nên bác ái. Kinh Dịch bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên Kinh Dịch thần diệu vô cùng và không có hình thể cố định. Một Âm và

---

[28] **LAM chú: Câu này trong Hệ Từ Thượng: «Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố. Phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử.»** 易無思也，無爲也，寂然不動，感而遂通天下之故。非天下之至神，其孰能與於此([Quyển sách] Kinh Dịch không nghĩ, không làm. [Sách nằm] im lìm bất động, nhưng nếu ta hỏi đến nó, nó sẽ trả lời thông suốt mọi việc trong thiên hạ. Nếu Kinh Dịch không phải là cái vô cùng thần diệu trong thiên hạ, thì ai có thể làm được như vậy?) **Richard Wilhelm dịch: «Die Wandlungen haben kein Bewußtsein, keine Handlung, stille sind sie und bewegen sich nicht. Werden sie aber angeregt, so durchdringen sie alle Verhältnisse unter dem Himmel. Wenn sie nicht das Allergöttlichste auf Erde wären, wie könnten sie so etwas?» (Dịch không có ý thức, không có hành động. Nó tĩnh và bất động. Nhưng nếu nó được tác động, nó xuyên suốt mọi sự cố dưới bầu trời. Nếu Dịch không phải là cái thần diệu nhất trên đời, thì sao nó làm được như thế?). James Legge dịch: «In all these operations forming the Yi, there is no thought and no action. It is still and without movement; but, when acted on, it penetrates forthwith to all phenomena and events under the sky. If it were not the most spirit-like thing under the sky, how could it be found doing this?» (Trong tất cả các thao tác tạo ra Dịch, không có tư tưởng và không có hành động. Nó tĩnh lặng và bất động, nhưng khi được tác động nó xuyên suốt mọi hiện tượng và sự cố trong thiên hạ. Nếu nó không phải là cái vô cùng thần diệu trong thiên hạ, làm sao mà nó được thấy là như vậy?).**

một Dương gọi là Đạo." [29]

[29] LAM chú: Hệ Từ Thượng: «Dĩ thiên địa tương tự cố bất vi. Trí chu hồ vạn vật, nhi Đạo tế thiên hạ, cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu. Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân, cố năng ái. Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri. Cố thần vô phương nhi Dịch vô thể. Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.» 與天地相似,故不違.知周乎萬物,而道濟天下,故不過.旁行而不流.樂天知命,故不憂.安土敦乎仁,故能愛.範圍天地之化而不過,曲成萬物而不遺,通乎晝夜之道而知.故神无方而易无體.一陰一陽之謂道(Đức của thánh nhân tương đồng với trời đất, cho nên ngài không mâu thuẫn với trời đất. Trí tuệ của ngài bao quát vạn vật và đạo của ngài giúp thiên hạ thành tựu, nên ngài không lỗi lầm. Ngài hành động chính trực mà không bị đời cuốn trôi. Ngài vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên ngài không lo buồn. Ngài an phận và làm dầy dặn lòng nhân, nên bác ái. *Kinh Dịch* bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên *Kinh Dịch* thần diệu vô cùng và không có hình thể cố định. Một Âm và một Dương gọi là Đạo).– *Trí* 知 = *trí* 智. *Tế* 濟 = hoàn thành; giúp cho thành tựu. *Tế thiên hạ* 濟天下 cũng có thể hiểu như *tế thế* 濟世 (giúp đời). Theo Cao Hanh, *bàng* 旁 và *phương* 方 ngày xưa dùng thông với nhau và *phương* là *chính trực* 正直. *An thổ* 安土 = *ở* yên nơi chốn của mình. *Đôn* 敦 = *hậu* 厚 (dầy dặn). *Phạm vi* 範圍 (động từ) = *bao quát* 包括. *Quá* 過 = vượt quá. *Khúc* 曲 = *câu* 俱 (đều, cùng). *Thành* 成 = *thịnh* 盛. *Di* 遺 = *lậu* 漏 (rò rỉ, lọt). *Vô phương* 無方 = *vô định phương* 無定方 (không có phương hướng cố định). *Vô thể* 無體 = *vô định thể* 無定體 (không có hình thể cố định).– Richard Wilhelm xem chủ thể của những hành động ở đây là người ta nói chung, chứ không phải chỉ là thánh nhân, nên dịch: «Indem der Mensch dadurch dem Himmel und der Erde ähnlich wird, kommt er nicht in Widerspruch mit ihnen. Seine Weisheit umfaßt alle Dinge, und sein SINN ordnet die ganze Welt. Darum macht er keinen Fehler. Er wirkt allenthalben, aber er läßt sich nirgends hinreißen. Er freut sich des Himmels und kennt das Schicksal. Darum ist er frei von Sorgen. Er ist zufrieden mit seiner Lage und ist echt in seiner Gütigkeit. Darum vermag er Liebe zu üben. In ihm sind die Formen und Bereiche aller Gestaltungen des Himmels und der Erde, so daß nichts ihm entgeht. In ihm sind alle Dinge ringsum vollendet, so daß ihrer keines fehlt. Darum kann man durch ihn den SINN von Tag und Nacht durchdringen, so daß man ihn versteht. Darum ist der Geist an keinen Ort gebunden und das Buch der Wandlungen an keine Gestalt. Was einmal das Dunkle und einmal das Lichte hervortreten läßt, das ist der SINN.» (Bằng cách ấy con người trở nên tương tự với trời đất, nên không mâu thuẫn với trời đất. Sự minh triết của con người bao quát vạn vật, và đạo của con người giúp cho thiên hạ trật tự, do đó con người không lỗi lầm. Con người hoạt động khắp nơi, nhưng không để cho mình bị cuốn xô đi. Con người vui vẻ với Trời và hiểu số mệnh của mình, nên không âu lo. Con người an phận và chân thật trong lòng nhân ái, do đó có thể yêu thương [muôn loài]. Trong nó [tức *Kinh Dịch*] có những hình thể và các lĩnh vực của tất cả những biến hoá của trời đất mà không có gì thoát khỏi nó. Trong nó, vạn vật được thành tựu mà không sót thứ gì. Cho nên thông qua nó người ta có thể xâm nhập đạo của ngày đêm mà hiểu nó. Do đó thần không ràng buộc với nơi chốn và *Kinh Dịch* không ràng buộc với hình thể. Cái để cho hiện ra lúc thì tối [Âm] lúc thì sáng [Dương], chính là Đạo). James Legge dịch: «There is a similarity between him and heaven and earth, and hence there is no contrariety in him to them. His knowledge embraces all things, and his course is intended to be helpful to all under the sky; and hence he falls into no error. He acts according to the exigency of circumstances without being carried away by their current; he rejoices in Heaven and knows its ordinations;

Đó là điều tôi muốn nói.»[30] Phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân, bước đầu tiên là «biết tâm vốn không có tư duy» (tri tâm vô tư 知心無思). Đạt được cảnh giới ấy, thì tâm yên tĩnh. Cái tĩnh này thì đối nghịch với động. Không tĩnh tức là động. Bước thứ hai là biết «vốn không có tư duy» (bản vô hữu tư 本無有思), thế thì «động tĩnh cùng lìa, vắng lặng bất động» (động tĩnh song ly, tịch nhiên bất động 動靜雙離寂然不動). Cái vắng lặng bất động này không phải là cái tĩnh đối nghịch với động, mà là «động tĩnh cùng lìa», tức là vượt trên cả cái tĩnh tuyệt đối của động và tĩnh. Cho nên thánh nhân tuy «cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ» nhưng

---

and hence he has no anxieties. He rests in his own present position, and cherishes the spirit of generous benevolence; and hence he can love without reserve. Through the Yi, he comprehends as in a mould or enclosure the transformations of heaven and earth without any error; by an ever-varying adaptation he completes the nature of all things without exception; he penetrates to a knowledge of the course of day and night and all other connected phenomena; it is thus that his operation is spirit-like, unconditioned by place, while the changes which he produces are not restricted to any form. The successive movement of the inactive and active operations constitutes what is called the course of things.» (Có sự tương tự giữa thánh nhân và trời đất, do đó không có gì mâu thuẫn giữa ngài với trời đất. Trí tuệ của ngài bao trùm vạn vật và đạo của ngài trợ giúp vạn vật trong thiên hạ, do đó ngài không vướng lỗi lầm. Ngài hành động tuỳ theo sự khẩn cấp của hoàn cảnh nhưng không bị hoàn cảnh cuốn trôi. Ngài vui với Trời và biết thiên mệnh, cho nên không âu lo. Ngài ở yên trong vị trí hiện tại của mình và nuôi nấng tinh thần nhân ái, do đó có thể yêu thương [muôn loài] hết mình. Thông qua Dịch, như thể trong một phạm vi, ngài thông hiểu sự chuyển hoá của trời đất không chút lỗi lầm. Bằng sự ứng biến, ngài hoàn thành bản chất của vạn vật mà không chừa ngoại lệ. Ngài hiểu đạo của ngày đêm và các hiện tượng liên quan; chính vì thế mà hoạt động của ngài như thần, không bị địa phương qui định, trong khi đó những thay đổi mà ngài tạo ra thì không bị hạn chế ở bất cứ hình thể gì. Chuyển động liên tiếp của các hoạt động tích cực và không tích cực tạo thành cái gọi là đạo [= đường đi] của vạn vật).

30 Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Hoặc vấn viết: Nhân chi hồn dã cửu hĩ, tương phục kỳ tính giả, tất hữu tiệm dã. Cảm vấn kỳ phương? Viết: Phất lự phất tư, tịnh tắc bất sinh. Tịnh ký bất sinh, nãi vi chính tư. Chính tư giả, vô lự vô tư dã. *Dịch* viết: "Thiên hạ hà tư hà lự." Hựu viết: "Nhân tà tồn kỳ thành." *Thi* viết: "Tư vô tà." Viết: Dĩ hĩ hồ? Viết: Vị dã; thử trai giới kỳ tâm giả dã, do vị ly ư tĩnh yên. Hữu tĩnh tất hữu động; hữu động tất hữu tĩnh. Động tĩnh bất tức, thị nãi tình dã. *Dịch* viết: "Cát hung hối lận sinh ư động giả dã." Yên năng phục kỳ tính tà? Viết: Như chi hà? Viết: Phương tĩnh chi thời, tri tâm vô tư giả, thị trai giới dã. Tri bản vô hữu tư, động tĩnh giai ly, tịch nhiên bất động giả, thị chí thành dã. *Trung Dung* (ch.21) viết: "Thành tắc minh hĩ." *Dịch* viết: "Thiên hạ chi động, trinh phù nhất giả dã." Vấn viết: Bất lự bất tư chi thời, vật cách ư ngoại, tình ứng ư nội, như chi hà nhi khả chỉ dã. Dĩ tình chỉ tình, kỳ khả hồ? Viết: Tình giả, tính chi tà dã. Tri kỳ vi tà, tà bản vô hữu; tâm tịch bất động, tà tư tự tức. Duy tính minh chiếu, tà hà sở sinh? Như dĩ tình chỉ tình, thị nãi đại tình dã. Tình hỗ tương chỉ, kỳ hữu dĩ hồ? *Dịch* viết: "Nhan thị chi tử, hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã." *Dịch* viết: "Bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát." Vấn viết: Bản vô hữu tư, động tĩnh giai ly. Nhiên tắc thanh chi lai dã, kỳ bất văn hồ? Vật chi hình dã, kỳ bất kiến hồ? Viết: Bất đổ bất

bản thể của tâm ngài thì «vắng lặng bất động». Đó tức là «thấy và nghe mồn một mà tâm không khởi lên cái thấy và cái nghe», «khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó, nhưng không chấp trước ở vật». «Vắng lặng bất động», «không khởi lên cái thấy và cái nghe», «không đáp ứng sự vật»; đó gọi là «thành» (thành thực). «Cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ», «thấy và nghe mồn một», «khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó»; đó gọi là «minh» (sáng). «Minh thì sẽ thành, thành thì sẽ minh.» Lý Ngao nói «biết tâm không có tư duy» (tri tâm vô tư) mà không nói «khiến tâm

---

văn, thị phi nhân dã. Thị thính chiêu chiêu, nhi bất khởi ư kiến văn giả, tư khả hĩ. Vô bất tri dã, vô phất vi dã, kỳ tâm tịch nhiên, quang chiếu thiên địa, thị thành chi minh dã. *Đại Học* viết: "Trí tri tại cách vật." *Dịch* viết: "Dịch vô tư dã, vô vi dã. Tịch nhiên bất động; cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử?" Viết: "Cảm vấn trí tri tại cách vật" hà vị dã? Viết: Vật giả, vạn vật dã. Cách giả, lai dã, chí dã. Vật chí chi thời, kỳ tâm chiêu chiêu nhiên minh biện yên, bất trước ư vật giả, thị trí tri dã. Thị tri chi chí dã. Tri chí cố ý thành, ý thành cố tâm chính, tâm chính cố thân tu, thân tu nhi gia tề, gia tề nhi quốc lý, quốc lý nhi thiên hạ bình. Thử sở dĩ năng tham thiên địa giả dã. *Dịch* viết: "Dĩ thiên địa tương tự cố bất vi. Tri chu hồ vạn vật, nhi Đạo tế thiên hạ, cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu. Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân, cố năng ái. Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri. Cố thần vô phương nhi Dịch vô thể. Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Thử chi vị dã.» 或問曰：人之昏也久矣，將復其性者，必有漸也．敢問其方?曰：弗慮弗思，情則不生．情既不生，乃爲正思．正思者，無慮無思也．易曰："天下何思何慮．"又曰："閑邪存其誠．"詩曰："思無邪．"曰：已矣乎?曰：未也；此齋戒其心者也，猶未離於靜焉．有靜必有動；有動必有靜．動靜不息，是乃情也．易曰："吉凶悔吝者，生乎動者也．"焉能復其性邪?曰：如之何?曰：方靜之時，知心無思者，是齋戒也．知本無有思，動靜皆離，寂然不動者，是至誠也．中庸曰："誠則明矣．"易曰："天下之動，貞夫一也．"問曰：不慮不思之時，物格於外，情應於內，如之何而可止也．以情止情，其可乎?曰：情者，性之邪也．知其爲邪，邪本無有；心寂不動，邪思自息．惟性明照，邪何所生?如以情止情，是乃大情也．情互相止，其有已乎?易曰："顏氏之子，其殆庶幾乎．有不善未嘗不知．知之未嘗復行也．"易曰："不遠復，無祗悔，元吉．"問曰：本無有思，動靜皆離．然則聲之來也，其不聞乎?物之形也，其不見乎?曰：不睹不聞，是非人也．視聽昭昭，而不起於見聞者，斯可矣．無不知也，無弗爲也，其心寂然，光照天地，是誠之明也．大學曰："致知在格物．"易曰："易無思也，無爲也，寂然不動，感而遂通天下之故．非天下之至神，其孰能與於此?"曰："敢問致知在格物"何謂也?曰：物者，萬物也．格者，來也，至也．物至之時，其心昭昭然明辨焉，不著於物者，是致知也．是知之至也．知至故意誠，意誠故心正，心正故身修，身修而家齊，家齊而國理，國理而天下平．此所以能參天地者也．易曰："與天地相似，故不違．知周乎萬物，而道濟天下，故不過．旁行而不流．樂天知命，故不憂．安土敦乎仁，故能愛．範圍天地之化而不過，曲成萬物而不遺，通乎晝夜之道而知．故神无方而易无體．一陰一陽之謂道．"此之謂也．

không có tư duy» (sử tâm vô tư), bởi vì «khiến tâm không có tư duy» tức là «lấy tình để ngăn chận tình». «Lấy tình để ngăn chận tình» thì tình cảm ngăn chận lẫn nhau, không thể tận cùng. Tình là tà vạy, là sai lầm. Biết nó là tà vạy, là sai lầm, thì tự ta không có tình, chứ không phải đợi ngăn chận rồi mới không có tình. Tông Mật 宗密 nói: «Chân tâm không có niệm; khi niệm khởi thì ý thức nó; ý thức nó thì không có niệm. Pháp môn tu hành huyền diệu là ở chỗ đó.» (Chân tâm vô niệm, niệm khởi tắc giác, giác chi tắc vô. Tu hành diệu môn, tức tại thử dã 眞心無念, 念起則覺, 覺之則無. 修行妙門, 即在此也). Điều Lý Ngao nói cũng chính là ý đó. Sau cùng, thuyết «cách vật trí tri» của *Đại Học*, các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều giải thích. Lý Ngao có thể nói là người nêu ra sự tranh biện này từ đây về sau.

3. Đạo học và Phật học

Các tiết trên đây cho thấy cơ sở của Đạo học đời Tống và đời Minh đã do Hàn Dũ và Lý Ngao đời Đường xác định, mà cống hiến của Lý Ngao thì lớn hơn Hàn Dũ khá nhiều. Học thuyết của Lý Ngao chịu ảnh hưởng Phật học thấy rõ. Lý Ngao xem tình cảm là có hại, khiến cho bản tính hôn ám và động. Cho nên người phục hồi bản tính tức là hồi phục cái vốn tĩnh và vốn sáng của bản tính. Cái tĩnh ấy chẳng phải là cái tĩnh đối nghịch với cái động, mà là cái tĩnh tuyệt đối. Nó là cái mà *Trung Dung* gọi là «thành». Hễ có thể thành thì sẽ tự có thể sáng, hễ có thể sáng thì sẽ tự có thể thành; nên *Trung Dung* nói: «Thành thì sẽ minh; minh thì sẽ thành.» Ý tưởng của Lý Ngao trên đây cơ hồ chịu ảnh hưởng pháp môn chỉ quán của Thiên Thai tông. Lương Túc 梁肅 (753-793) viết *Chỉ Quán Thống Lệ* 止觀統例 rằng: «Chỉ quán là gì? Là dẫn dắt lý của vô vàn biến hoá trở về thực tế. Thực tế là gì? Là gốc của tính. Vật sở dĩ không thể trở về [gốc của tính] bởi vì hôn ám và động khiến nó như thế. Cái soi chiếu hôn ám gọi là sáng; cái ngăn chận động gọi là tĩnh. Sáng và tĩnh là thể của chỉ quán. Ở nguyên nhân thì gọi là chỉ quán; ở kết quả thì gọi là trí và định.»[31]

«Minh» (sáng) là thể của «quán»; «tĩnh» là thể của «chỉ» (ngăn chận). Ở đây lấy *minh* và *tĩnh* đối với *hôn ám* và *động*; nó phù hợp với

[31] **Lương Túc, *Chỉ Quán Thống Lệ*: «Phù chỉ quán hà vị dã? Đạo vạn hoá chi lý nhi phục ư thực tế giả dã. Thực tế giả, hà dã? Tính chi bản dã. Vật chi sở dĩ bất năng phục giả, hôn dữ động sử chi nhiên dã. Chiếu hôn giả, vị chi minh; trú động giả, vị chi tĩnh. Minh dữ tĩnh, chỉ quán chi thể dã. Tại nhân vị chi chỉ quán; tại quả vị chi trí định.»** 夫止觀何謂也?導萬化之理而復於實際者也. 實際者, 何也?性之本也. 物之所以不能復者, 昏與動使之然也. 照昏者, 謂之明; 駐動者, 謂之靜. 明與靜, 止觀之體也. 在因謂之止觀; 在果謂之智定.

đại ý trong *Phục Tính Thư* của Lý Ngao. Tuy nhiên Lý Ngao lại lấy ý này để thuyết minh *Dịch Truyện, Đại Học*, và *Trung Dung*. Chỉ quán mà Lương Túc giảng bắt nguồn từ Trạm Nhiên 湛然 của Thiên Thai tông. Lý Ngao đã được Lương Túc xem là tri kỷ. *Phục Tính Thư* của Lý Ngao cơ hồ là lời Lương Túc được phát huy thêm và được lấy để thuyết minh *Dịch Truyện, Đại Học*, và *Trung Dung*. Do đó, một thuyết vốn của Phật gia lại biến thành thuyết của Nho gia.

Tuy nhiên, thuyết của Lý Ngao quả thực cũng có thể xem là thuyết của Nho gia, bởi vì những điều như tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ không lìa lập trường của Nho gia. Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều muốn biến con người thành ông Phật theo kiểu Nho gia, mà ông Phật này phải tu luyện thành trong việc thực hành nhân luân hằng ngày. Như vậy Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh tuy mượn Phật đưa vào Nho mà kỳ thực là bài Phật.

Cho đến đời Bắc Tống (960-1126), các đệ tử Phật gia cũng giảng giải *Trung Dung*. Thí dụ như sư Trí Viên 智圓 (976-1022) lấy tên hiệu là Trung Dung Tử và viết *Trung Dung Tử Truyện*; sư Khế Tung 契嵩 (1007-1072) viết *Trung Dung Giải*. Loại sách này đã thành sách được hai nhà Nho và Phật cùng giảng tụng chung với nhau.

4. Tư tưởng của một bộ phận trong Đạo giáo

Cho đến đời Bắc Tống, thứ Tân Nho học dung hợp Nho và Phật này lại có thêm tư tưởng của một bộ phận trong Đạo giáo. Nó là một thành phần mới mẻ của Tân Nho học. Trong đời Tây Hán, lời lẽ của Âm Dương gia trộn lẫn vào Nho gia. Thứ sản phẩm hỗn hợp này tức là học thuyết của bọn Kinh học gia kim văn như Đổng Trọng Thư. Đến khi Kinh học gia cổ văn và Huyền học gia nổi lên thì lời lẽ của Âm Dương gia nhất thời bị áp đảo. Nhưng đồng thời, Âm Dương gia lại lấy một bộ phận kinh điển của Nho gia đưa vào học thuyết của Đạo gia mà thành cái gọi là Đạo giáo. Huyền học gia cũng suy diễn học thuyết của Đạo gia, nhưng họ chẳng những rẽ nẻo khác với Đạo giáo mà còn đi ngược lại nó nữa.

Lời lẽ của Âm Dương gia có thể hỗn hợp với học thuyết của Đạo gia, tưởng như chuyện kỳ lạ. Nhưng sách Lão Tử lời lẽ quá ẩn áo cô đọng, có thể giải thích nhiều cách. Trong đó có nhiều câu như «thiện nhiếp sinh giả, lục hành bất tị huỷ hổ» (kẻ giỏi dưỡng sinh đi trên bộ không tránh tê giác và cọp), «tử nhi bất vong giả thọ» (kẻ chết mà không mất là thọ), «thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo» (gốc sâu rễ chắc, đạo nhìn lâu sống lâu), v.v... Những câu này có thể phụ giảng thêm

cho thuật trường sinh bất tử của Đạo giáo. Những kẻ tu luyện trường sinh bất tử lấy vũ trụ quan của Âm Dương gia thêm vào nhân sinh quan hi vọng trường sinh, hợp với các giải thích của Âm Dương gia về các sự vật trong vũ trụ, để tạo thành lý luận cho phương pháp cầu trường sinh, và hình thành cái gọi là Đạo giáo. Kể từ cuối đời Đông Hán, Đạo giáo hưng thịnh. Trong các đời Nam Bắc Triều, Tuỳ, Đường, Đạo giáo và Phật giáo đứng ở địa vị đối đẳng, có lúc gây thịnh suy cho nhau.

Trong Đạo giáo có sử dụng một số kinh điển Nho gia, chẳng hạn như *Chu Dịch*, bởi vì nó vốn là sách bói. Bói toán là một chủng loại thuật số, và *Chu Dịch* cũng là kinh điển của Âm Dương gia. Trong kinh điển Đạo giáo có nhiều sách liên quan đến Dịch, như *Chu Dịch Tham Đồng Khế* 周易參同契 mà Đạo giáo gọi là «đan kinh chi vương» 丹經之王 (vua của các sách luyện đan), nên đặc biệt nổi tiếng. *Tham Đồng Khế* tương truyền là của Nguỵ Bá Dương 魏伯陽 sáng tác. Tương truyền Nguỵ Bá Dương sống cuối đời Đông Hán. Tuy nhiên *Tuỳ Thư Kinh Tịch Chí* không ghi chép về sách này. Cho nên muốn biết nó có phải là tác phẩm cuối đời Đông Hán hay không thì còn phải đợi khảo chứng. *Tham Đồng Khế* có dùng thuyết Nạp Giáp 納甲 trong Dịch học của Ngu Phiên 虞翻 để thuyết minh tình trạng Âm Dương tiêu tức trong vũ trụ.

Dịch Hệ Từ nói: «Các tượng treo trên trời, không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng.» (Huyền tượng trứ minh, mạc đại hồ nhật nguyệt 懸象著明, 莫大乎日月).[32] Ngu Phiên chú: «Ý nói mặt trời mặt trăng

[32] **LAM chú: Câu *«huyền tượng trứ minh mạc đại hồ nhật nguyệt»* trong Hệ Từ Thượng: «Thị cố pháp tượng mạc đại hồ thiên địa; biến thông mạc đại hồ tứ thời; *huyền tượng trứ minh mạc đại hồ nhật nguyệt*; sùng cao mạc đại hồ phú quý; bị vật trí dụng, lập thành khí dĩ vi thiên hạ lợi, mạc đại hồ thánh nhân; thám trách sách ẩn, câu thâm trí viễn, dĩ định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vĩ vĩ giả, mạc đại hồ thi quy.» 是故法象莫大乎天地；變通莫大乎四時；懸象著明莫大乎日月；崇高莫大乎富貴；備物致用，立成器以爲天下利莫大乎聖人；探賾索隱，鉤深致遠，以定天下之吉凶，成天下之亹亹者，莫大乎蓍龜 (Cho nên làm hình tượng cho các thứ khác bắt chước, không có gì lớn hơn trời đất. Biến thông, không có gì hơn bốn mùa. *Các tượng treo trên trời, không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng.* Được tôn sùng vì địa vị cao, không ai hơn kẻ phú quý. Chuẩn bị vật để dùng và phát minh ra công cụ làm lợi cho thiên hạ, không ai vĩ đại hơn các thánh nhân. Xem xét cái phức tạp, tìm tòi cái bí ẩn, thu lấy điều thâm sâu, suy ra điều xa xôi; qua đó xác định việc cát hung trong thiên hạ và tựu thành những nỗ lực lớn trong thiên hạ, không gì bằng phép bói cỏ thi và phép bói rùa). Richard Wilhelm dịch: «Darum: Es gibt keine größeren Urbilder als Himmel und Erde. Es gibt nichts Beweglicheres und Zusammenhängenderes als die vier Jahreszeiten. Es gibt unter den am Himmel hängenden Bildern keine leuchtenderen als Sonne und Mond. Es gibt in Beziehung auf Verehrung und hohe Stellung keinen größeren als den, der Reichtum und Vornehmheit besitzt. In Beziehung auf die Vorbereitung von Dingen zum Gebrauch, auf Herstellung von Geräten, die für die ganze Welt von Nutzen sind,**

treo trên trời thành tượng của bát quái. Chiều mồng 3, tượng Chấn xuất ở Canh. Ngày mồng 8, tượng Đoài hiện ở Đinh. Ngày 15, tượng Càn đầy ở Giáp. Ngày 16, tượng Tốn lui về Tân. Ngày 23, tượng Cấn tiêu ở Bính. Ngày 30, tượng Khôn diệt ở Ất. Đêm cuối tháng và ngày đầu tháng, tượng Khảm lưu thông ở Mậu. Giữa ngày là Ly, tượng Ly tựu ở Kỷ. Mậu Kỷ ở vị trí của thổ, ở đây tượng hiện ở trung tâm. Mặt trời và mặt trăng đẩy nhau, nên ánh sáng sinh ra.»[33]

---

gibt es niemand Größeres als die Heiligen und Weisen. Um die wirren Mannigfaltigkeiten zu begreifen und das Geheime zu erforschen, um das Tiefe zu erreichen und in die Ferne zu wirken und so Heil und Unheil auf Erden festzusetzen und alle Anstrengungen auf Erden zu vollenden, gibt es nichts Größeres als das Orakel.» (Cho nên: Không có nguyên tượng nào lớn hơn trời đất. Không có gì biến thông hơn bốn mùa. *Trong các tượng treo trên trời không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng.* Về sự tôn sùng và địa vị cao, không ai trội hơn kẻ phú quý. Về việc chuẩn bị vật để dùng và phát minh ra công cụ hữu ích cho thiên hạ, không ai vĩ đại hơn các thánh nhân. Để hiểu mọi tạp loạn và tìm tòi sự bí mật nhằm đạt tới cái sâu và tác động tới nơi xa, và qua đó xác định sự cát hung ở đời và thành tựu mọi nỗ lực trên đời, không gì tốt hơn bốc phệ). James Legge dịch: «Therefore of all things that furnish models and visible figures there are none greater than heaven and earth; of things that change and extend an influence on others there are none greater than the four seasons; of things suspended in the sky with their figures displayed clear and bright, there are none greater than the sun and moon; of the honoured and exalted there are none greater than he who is the rich and noble one; in preparing things for practical use, and inventing and making instruments for the benefit of all under the sky, there are none greater than the sages; to explore what is complex, search out what is hidden, to hook up what lies deep, and reach to what is distant, thereby determining the issues for good or ill of all events under the sky, and making all men under heaven full of strenuous endeavours, there are no agencies greater than those of the stalks and the tortoise-shell.» (Cho nên trong các thứ cung cấp khuôn mẫu và hình tượng, không gì lớn bằng trời và đất. Trong các thứ biến đổi và mở rộng ảnh hưởng lên thứ khác, không gì lớn bằng bốn mùa. *Trong các vật được treo trên trời với hình tượng của chúng hiển lộ sáng rỡ, không gì lớn bằng mặt trời và mặt trăng.* Trong những người được tôn sùng, không ai bằng người giàu và quý. Chuẩn bị vật để dùng và phát minh thành dụng cụ ích lợi cho thiên hạ, không ai bằng thánh nhân. Xem xét cái phức tạp, tìm tòi cái bí ẩn, câu lên cái dưới sâu, vươn tới cái ở xa, qua đó xác định việc cát hung của thiên hạ và giúp cho mọi người trong thiên hạ tận lực phấn đấu, không gì bằng [phép bói] cỏ thi và [phép bói] rùa).

33 Lý Đỉnh Tộ, *Chu Dịch Tập Giải*, trích dẫn Ngu Phiên: «Vị nhật nguyệt huyền thiên, thành bát quái tượng. Tam nhật mộ Chấn tượng xuất canh. Bát nhật Đoài tượng kiến đinh. Thập ngũ nhật Càn tượng doanh giáp. Thập lục nhật đán Tốn tượng thoái tân. Nhị thập tam nhật Cấn tượng tiêu bính. Tam thập nhật Khôn tượng diệt ất. Hối tịch sóc đán, Khảm tượng lưu mậu. Nhật trung tắc ly, Ly tượng tựu kỷ. Mậu kỷ thổ vị, tượng kiến ư trung. Nhật nguyệt tương thôi, nhi minh sinh yên.» 謂日月懸天，成八卦象。三日暮震象出庚，八日兌象見丁。十五日乾象盈甲。十六日旦巽象退辛。二十三日艮象消丙。三十日坤象滅乙。晦夕朔旦，坎象流戊。日中則離，離象就己。戊己土位，象見於中。日月相推，而明生焉。

Trên đây nói sáu quẻ Chấn, Đoài, Càn Tốn, Cấn, Khôn biểu thị sự tiêu trưởng của Âm Dương trong một tháng. Lấy 10 thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) để biểu thị địa vị mặt trời và mặt trăng trong một tháng. Đó gọi là Nạp Giáp. *Tham Đồng Khế* nói: «Các phù hiệu của trời có tiến thoái, co duỗi ứng với bốn mùa. Cho nên Dịch thống lĩnh tâm của trời. Quẻ Phục hiện các mầm mống ban đầu.[34] Trưởng nam (tức Chấn) nối tiếp thể của cha (tức Càn), bởi vì mẹ (tức Khôn) lập nền cho điểm. Tiêu tức ứng với 12 luật, thăng giáng căn cứ trục của Bắc Đẩu. Ngày mồng 3, [trăng] phát ánh sáng, Chấn nhận Canh ở hướng tây. Ngày mồng 8, Đoài nhận Đinh, trăng thượng huyền ngang như sợi dây. Ngày 15, thể của Càn tựu thành, trăng tròn ở Giáp ở hướng đông. Thiềm thừ và thố phách, khí mặt trời và mặt trăng cùng sáng. Thiềm thừ nhìn quái tiết, thố phách nhả ánh sáng sống động. Đường 7 và 8 đã hết (tức qua rằm), trăng co gãy xuống thấp dần. Ngày 16 chuyển sang chu kỳ mới, Tốn ở Tân hiện bình minh. Cấn ngang thẳng với Bính ở hướng nam, trăng hạ huyền ngày 23. Khôn và Ất ngày 30, mất bạn (tức ánh sáng) ở đông bắc. Khi sự phân chia một tháng đã xong, tháng kế tiếp bắt đầu, nối tiếp thể [của Càn] phục sinh rồng (tức Dương). Nhâm và Quý phối với Giáp và Ất, Càn Khôn bao quát đầu cuối. Số 7 và 8 là 15; số 9 và 6 cũng là 15. Bốn số hợp thành 30, khí Dương hoàn thành đủ và ẩn tàng.»[35]

---

[34] **LAM chú: Thoán Truyện của quẻ Phục 復 nói: «Trở về, phải chăng nó cho thấy lòng của trời đất?» (Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ? 復, 其見天地之心乎).**

[35] ***Tham Đồng Khế*: «Thiên phù hữu tiến thoái, truất thân dĩ ứng thời. Cố Dịch thống thiên tâm, Phục quái kiến thuỷ manh. Trưởng tử kế phụ thể, nhân mẫu lập triệu cơ. Tiêu tức ứng Chung luật, thăng giáng cứ Đẩu xu; tam nhật xuất vi sảng, Chấn thụ canh tây phương. Bát nhật Đoài thụ đinh, thượng huyền bình như thằng. Thập ngũ Càn thể tựu, thịnh mãn giáp đông phương. Thiềm thừ dữ thố phách, nhật nguyệt khí song minh. Thiềm thừ thị quái tiết, thố phách thổ sinh quang. Thất bát đạo dĩ ngật, khuất chiết đê hạ giáng. Thập lục chuyển thụ thống, Tốn tân kiến bình minh. Cấn trực ư bính nam, hạ huyền nhị thập tam. Khôn ất tam thập nhật, đông bắc táng kỳ bằng. Tiết tận tương thiền dữ, kế thể phục sinh long. Nhâm quý phối giáp ất, Càn Khôn quát thuỷ chung. Thất bát số thập ngũ; cửu lục diệc tương ứng. Tứ giả hợp tam thập, Dương khí sách diệt tàng.» 天符有進退, 詘伸以應時. 故易統天心, 復卦建始萌. 長子繼父體, 因母立兆基. 消息應鍾律, 升降據斗樞; 三日出爲爽, 震受庚西方. 八日兌受丁, 上弦平如繩. 十五乾體就, 盛滿甲東方. 蟾蜍與兔魄, 日月氣雙明. 蟾蜍視卦節, 兔魄吐生光. 七八道已訖, 屈折低下降. 十六轉受統, 巽辛見平明. 艮直於丙南, 下弦二十三. 坤乙三十日, 東北喪其朋. 節盡相禪與, 繼體復生龍. 壬癸配甲乙, 乾坤括始終. 七八數十五; 九六亦相應. 四者合三十, 陽氣索滅藏.– **LAM chú: *Quảng Nhã* giảng: «*Truất, khuất dã.*» 詘, 屈也 (*Truất* là *khuất* = bẻ cong, co lại).**

Mồng 3 mỗi tháng, trăng bắt đầu sáng. Lúc này trăng chỉ nhận ánh sáng của một Dương, tức là tượng của Chấn ☳, bóng tối ở Canh, hướng tây. Ngày mồng 8, trăng thượng huyền nhận ánh sáng của hai Dương, tức là tượng của Đoài ☱, bóng tối ở Đinh, hướng nam. Ngày mồng 15, trăng rằm hoàn toàn nhận ánh sáng của mặt trời, tức là tượng của Càn ☰, bóng tối ở Giáp, hướng đông. Ngày 16, trăng bắt đầu nhận một Âm ở dưới mà thành phách, tức là tượng của Tốn ☴, lặn vào sáng sớm ở Tân, hướng Tây. Ngày 23, trăng hạ huyền phục sinh một Âm ở giữa, tức là tượng của Cấn ☶, lặn vào sáng sớm ở Bính, hướng nam. Đến ngày 30, trăng hoàn toàn biến thành ba Âm, tức là tượng của Khôn ☷, nằm ở đông bắc. Đến tháng kế tiếp, quẻ Chấn phục sinh.[36]

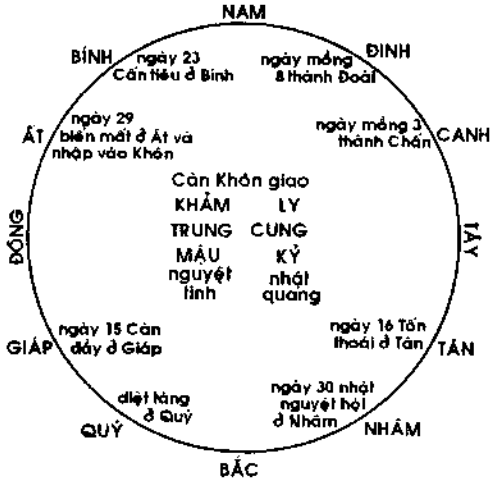
Hai quẻ Khảm và Ly không được đề cập trên đây, *Tham Đồng Khế* giải thích: «Khảm và Mậu là tinh của mặt trăng, Ly và Kỷ là ánh sáng của mặt trời. Mặt trời và mặt trăng là Dịch, cứng mềm tương ứng. Thổ hoạt động mạnh suốt bốn mùa, bao quát đầu cuối. Xanh, đỏ, đen, trắng, mỗi thứ ở một phương. Chúng đều được phú bẩm công lao của Mậu và Kỷ ở trung cung.»[37]

Khảm Ly phối hợp Mậu Kỷ ở tại trung ương. Ly là ánh sáng mặt trời, vốn cư ở trung ương. Khảm là tinh của mặt trăng, vào đêm cuối tháng và sáng mồng một của tháng kế, mặt trăng cũng «trôi chảy» vào vị trí này. Lấy bát quái phối hợp với 10 thiên can, thì còn dư Nhâm và Quý không có chỗ phối hợp; nên lấy Càn Khôn phối hợp với chúng. Đó gọi là «Nhâm Quý phối Giáp Ất, Càn Khôn quát chung thuỷ». Toàn bộ các phối hợp ấy có thể tóm tắt bằng hình đồ sau đây của Huệ Đống 惠棟 (1697-1758) trong *Dịch Hán Học* 易漢學 của ông:

---

[36] Phùng Hữu Lan chú: Đoạn này tôi giải thích theo Chu Hi (1130-1200) trong *Chu Dịch Tham Đồng Khế Khảo Dị*.[36] Phùng Hữu Lan chú: Đoạn này tôi giải thích theo Chu Hi (1130-1200) trong *Chu Dịch Tham Đồng Khế Khảo Dị*.

[37] *Tham Đồng Khế*: «Khảm Mậu nguyệt tinh, Ly Kỷ nhật quang. Nhật nguyệt vi Dịch, cương nhu tương đương. Thổ vượng tứ quý, la lạc thuỷ chung. Thanh xích hắc bạch, các cư nhất phương. Giai bẩm trung cung, Mậu Kỷ chi công.» 坎戊月精, 離己日光. 日月爲易, 剛柔相當. 土旺四季, 羅絡始終. 青赤黑白, 各居一方. 皆稟中宮, 戊己之功.– Derk Bodde chú: Ở đây ngũ hành được đưa vào hệ thống: *Xanh* = đông, mộc; *đỏ* = nam, hoả; *đen* = bắc, thuỷ; *trắng* = tây, kim. Thổ ở trung cung, hoạt động không thiên vị suốt bốn mùa. Xin xem lại quyển 1 (chương 7, tiết 7).– LAM chú: Câu *«nhật nguyệt vi Dịch»* có thể hiểu: mặt trời là Dương và mặt trăng là Âm. Âm và Dương là Dịch lý. Cũng có thể hiểu: chữ Dịch 易 ở dạng chữ triện, gồm trên là chữ nhật (mặt trời = Dương) và dưới là chữ nguyệt (mặt trăng = Âm), cũng tượng trưng cho Dịch lý.



Tình trạng Âm Dương tiêu tức trong vũ trụ là như thế, cho nên chúng ta nếu muốn được trường sinh thì nhân lúc Dương trưởng Âm tiêu hãy «trộm lấy bộ máy của trời đất» để luyện tinh-khí-thần trong thân thể chúng ta, tức là luyện đan. Trong Đạo giáo, cái gọi là «đan» có nội đan và ngoại đan khác nhau. Ngoại đan là tìm kiếm thuốc men ở ngoài thân ta, luyện cho nó thành hoàn đan, rồi uống vào sẽ trường sinh. Tần Thuỷ Hoàng và Hán Vũ Đế tìm kiếm thuốc tiên, tức là loại đan này. Nội đan tức là luyện tinh-khí-thần trong thân thể chúng ta. Thân thể chúng ta là một tiểu vũ trụ, trong đó cũng có Âm Dương và bát quái. Đạo trường sinh vốn quay trở ngược vào bản thân mà tìm là đủ, chứ không phải tìm kiếm ở bên ngoài.

5. Tinh thần khoa học trong Đạo giáo

Trong Đạo giáo còn có một phái chuyên về phù lục, lấy phù lục để xua đuổi quỷ thần, khử bệnh để sống lâu. Điểm đáng chú ý trong tư tưởng Đạo giáo là một số người trong Đạo giáo cho rằng hành vi của họ nhằm chiến thắng thiên nhiên. Có sinh thì có tử, đó là tiến trình tự nhiên. Nay muốn trường sinh bất tử, tức là đi ngược với tự nhiên. Lấy phù lục để xua đuổi quỷ thần, tức là muốn chiến thắng thiên nhiên.

Cát Hồng nói: «Có thể nhào nặn được tạo hoá, không gì linh thiêng như con người. Cho nên kẻ đạt được mức độ nông cạn của tạo hoá thì có thể sai khiến vạn vật; còn kẻ đạt được mức độ thâm sâu của tạo hoá thì

có thể trường sinh bất tử.»[38]

Du Diễm nói: «Con người trong cõi trời đất, chẳng qua là một vật. [Nhưng người linh thiêng hơn vạn vật] cho nên gọi đặc biệt là người, lẽ nào người không cùng đứng ngang hàng với trời đất được sao? Nếu trộm lấy bộ máy của trời đất để tu luyện kim dịch đại đan, thì sẽ cùng trường thọ với trời đất, tức là thành chân nhân.»[39]

Du Diễm trích dẫn *Thuý Hư Thiên* 翠虛篇 rằng: «Mỗi khi trời đất giao hợp nhau thì hãy đoạt lấy bộ máy Âm Dương tạo hoá.» (Mỗi đương thiên địa giao hợp thời, đoạt thủ Âm Dương tạo hoá cơ. 每當天地交合時, 奪取陰陽造化機).

«Trộm lấy bộ máy của trời đất», «đoạt lấy bộ máy Âm Dương tạo hoá», «sai khiến vạn vật» để cho ta sử dụng, để đạt được mục đích của ta. Sự chú trọng vào quyền lực ở đây cũng có thể gọi là có tinh thần khoa học. Khoa học nói chung có hai phương diện: một mặt chú trọng tính chính xác; một mặt chú trọng quyền lực. Bởi có sự hiểu biết chính xác đối với sự vật nên chúng ta mới có quyền lực thống trị chúng. Đạo giáo muốn thống trị thiên nhiên, nhưng đối với thiên nhiên lại không có sự hiểu biết chính xác (tuy họ tự nhận là có sự hiểu biết chính xác) cho nên sự giải thích của họ đối với các sự vật trong vũ trụ không tránh khỏi thần bí; phương pháp họ dùng để thống trị sự vật không tránh khỏi ma thuật. Tuy nhiên ma thuật cũng là tiền thân của khoa học. Thuật luyện đan (alchemy) cũng là tiền thân của hoá học (chemistry). Trong thuật luyện ngoại đan của Đạo giáo, cái được gọi là thuật hoàng bạch chính là thuật luyện đan (alchemy) của Trung Quốc. George Santayana cho rằng sự khác biệt giữa khoa học và thần thoại không phải ở giá trị tương đối, cũng không ở sự nghiên cứu của khoa học cần đến thiên tài lớn lao. Sự khác biệt giữa khoa học và thần thoại ở chỗ: thần thoại quy kết về quan niệm không thể thực nghiệm, còn khoa học quy kết về quy luật hoặc khái niệm. Quy luật hoặc khái niệm có thể thực nghiệm trong kinh nghiệm của chúng ta.[40] Vương Sung cho rằng tri thức của chúng ta phải thực

---

38 **Cát Hồng 葛洪, *Bão Phác Tử* (Đối Tục): «Phù đào dã tạo hoá, mạc linh ư nhân. Cố đạt kỳ thiển giả, tắc năng dịch sử vạn vật. Đắc kỳ thâm giả, tắc năng trường sinh cửu thị.» 夫陶冶造化, 莫靈於人. 故達其淺者, 則能役使萬物. 得其深者, 則能長生久視.**

39 **Du Diễm 俞琰, *Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy*: «Cái nhân tại thiên địa gian, bất quá thiên địa gian nhất vật nhĩ. Cố đặc vị chi nhân, khởi năng dữ thiên địa tịnh tai? Nhược phù thiết thiên địa chi cơ, dĩ tu thành kim dịch đại đan, tắc dữ thiên địa tương vi thuỷ chung, nãi vị chi chân nhân.» 蓋人在天地間, 月過天地間一物耳. 故特謂之人, 豈能與天地並哉?若夫竊天地之機, 以修成金液大丹, 則與天地相爲始終, 乃謂之眞人.**

40 **George Santayana, *Reason in science (Lý trí trong khoa học)*, New York, 1936, vol. 5, tr.8-9.**

nghiệm được trong kinh nghiệm của chúng ta thì nó mới là tri thức chân thực. Bởi thế chúng ta xem Vương Sung là người có tinh thần khoa học. Học thuyết của Vương Sung đối nghịch với học thuyết của Âm Dương gia, nhưng chúng ta không ngại xem họ đều có tinh thần khoa học, bởi vì một bên chú trọng sự chân xác; một bên chú trọng quyền lực.

Từ những điều được thuật ở trên, ta thấy đến đầu đời Bắc Tống (tức là khoảng năm 1000), các môn phái tư tưởng đã đạt tới trình độ phát triển đáng kể. Sự hỗn hợp tư tưởng của các phái đã khá thành công. Chỉ có điều là người ta phải đợi các thiên tài vĩ đại xuất hiện để tổ chức thành một hệ thống chỉnh tề. Giống như sân khấu đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ còn thiếu diễn viên chính lên sân khấu mà thôi.

*

PHỤ ĐÍNH

LAM chú: Hàn Dũ chỉ là một văn nhân có tài chứ không phải là triết gia uyên thâm. Về Nho học ông cũng chỉ chú trọng hình nhi hạ chứ không chú trọng hình nhi thượng. Tuy ông chống lại Đạo giáo và Phật giáo nhưng quan điểm ông thực thô thiển. Ông chống Phật giáo không chỉ vì – do trình độ Phật học nông cạn – ông thấy nó mê tín và trái với đạo đức Nho giáo, mà còn vì đó là một tôn giáo ngoại lai. Tinh thần bài ngoại và chống Phật giáo thể hiện trong bài biểu ông viết năm Nguyên Hoà 14 (tức năm 817) ngăn cản Đường Hiến Tông nghinh đón «Phật cốt» (xương Phật, nghe nói là xương ngón tay) từ một ngôi chùa ở Phượng Tường về cung. Bài dưới đây tôi dịch theo bản chữ Hán do Charles Muller đưa lên Internet.

LUẬN PHẬT CỐT BIỂU 論佛骨表

(Bài biểu luận về xương Phật)

1. Thần mỗ ngôn. Phục dĩ Phật giả di địch chi nhất pháp nhĩ. Tự Hậu Hán thời, lưu nhập Trung Quốc, thượng cổ vị thường hữu dã. Tích giả Hoàng Đế tại vị bách niên, niên bách nhất thập tuế. Thiếu Hạo tại vị bát thập niên, niên bách tuế. Chuyên Húc tại vị thất thập cửu niên, niên cửu thập bát tuế. Đế Khốc tại vị thất thập niên, niên bách ngũ tuế. Đế Nghiêu tại vị cửu thập bát niên, niên bách nhất thập bát tuế. Đế Thuấn cập Vũ, niên giai bách tuế. Thử thời thiên hạ thái bình, bách tính an lạc thọ khảo, nhiên nhi Trung Quốc vị hữu Phật dã. Kỳ hậu Ân Thang diệc niên bách tuế. Thang tôn Thái Mậu tại vị thất thập ngũ niên. Vũ Đinh tại vị ngũ thập cửu niên. Thư sử bất ngôn kỳ niên thọ sở cực, suy kỳ niên số. Cái diệc câu bất giảm bách tuế. Chu Văn Vương niên cửu thập thất tuế. Vũ Vương niên cửu thập tam tuế. Mục Vương tại vị bách niên. Thử thời Phật pháp diệc vị nhập Trung Quốc. Phi nhân sự Phật nhi trí nhiên dã.

臣某言. 伏以佛者夷狄之一法耳. 自後漢時, 流入中國, 上古未嘗有也. 昔者黃帝在位百年, 年百一十歲. 少昊在位八十年, 年百歲. 顓頊在位七十九年, 年九十八歲. 帝嚳在位七十年, 年百五歲. 帝堯在位九十八年, 年百一十八歲. 帝舜及禹, 年皆百歲. 此時天下太平, 百姓安樂壽考, 然而中國未有佛也. 其後殷湯亦年百歲. 湯

孫太戊在位七十五年. 武丁在位五十九年. 書史不言其年壽所極, 推其年數. 蓋亦俱不減百歲. 周文王年九十七歲. 武王年九十三歲. 穆王在位百年. 此時佛法亦未入中國. 非因事佛而致然也.

(Thần xin tâu bệ hạ rằng Phật giáo chẳng qua là một tục thờ cúng của người man di. Từ thời Hậu Hán, nó du nhập vào Trung Quốc, chứ thời thượng cổ thì chưa từng có nó. Hồi xưa, Hoàng Đế làm vua 100 năm, thọ 110 tuổi. Thiếu Hạo làm vua 80 năm, thọ 100 tuổi. Chuyên Húc làm vua 79 năm, thọ 98 tuổi. Đế Khốc làm vua 70 năm, thọ 105 tuổi. Đế Nghiêu làm vua 98 năm, thọ 118 tuổi. Đế Thuấn và Vũ, đều thọ 100 tuổi. Thời ấy thiên hạ thái bình, trăm họ yên vui, sống lâu, và tại Trung Quốc chưa từng có Phật. Sau đó vua Thang của đời Ân cũng thọ 100 năm. Cháu của vua Thang là Thái Mậu làm vua 75 năm. Vũ Đinh làm vua 59 năm. Sử sách không nói tuổi thọ tối đa là bao nhiêu, chỉ suy ra tuổi thọ của họ thôi. Họ cũng đều không dưới 100 tuổi. Chu Văn Vương thọ 97 tuổi. Vũ Vương thọ 93 tuổi. Mục Vương làm vua 100 năm. Thời ấy Phật pháp cũng chưa vào Trung Quốc. Nào phải [các vua] do thờ Phật mà được thọ như thế đâu.)

2. Hán Minh Đế thời thuỷ hữu Phật pháp. Minh Đế tại vị tài thập bát niên nhĩ. Kỳ hậu loạn vong tương kế, vận tộ bất trường. Tống Tề Lương Trần Nguyên Ngụy dĩ hạ, sự Phật tiệm cẩn, niên đại vưu xúc. Duy Lương Vũ Đế tại vị tứ thập bát niên, tiền hậu tam độ, xả thân thỉ Phật. Tông miếu chỉ tế, bất dụng sinh lao. Trú nhật nhất thực, chỉ ư thái quả. Kỳ hậu cánh vi Hầu Cảnh sở bức, ngạ tử đài thành, quốc diệc tầm diệt. Sự Phật cầu phúc, nãi cánh đắc hoạ. Do thử quan chi, Phật bất túc sự diệc khả tri hĩ.

漢明帝時始有佛法. 明帝在位纔十八年耳. 其後亂亡相繼, 運祚不長. 宋齊梁陳元魏已下, 事佛漸謹, 年代尤促. 惟梁武帝在位四十八年, 前後三度, 捨身施佛. 宗廟之祭, 不用牲牢. 晝日一食, 止於菜果. 其後竟爲侯景所逼, 餓死臺城, 國亦尋滅. 事佛求福, 乃更得禍. 由此觀之, 佛不足事亦可知矣.

(Thời Hán Minh Đế, Phật pháp mới xuất hiện tại Trung Quốc. Minh Đế làm vua mới có 78 năm. Sau đó loạn lạc liên miên, vận nước không bền. Từ các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Nguyên Ngụy, [các vua] dần dần thờ Phật cẩn trọng, vậy mà mỗi đời vua càng ngắn đi. Chỉ có Lương Vũ Đế làm vua lâu được 48 năm thôi; vậy mà Vũ Đế trước sau ba lần xả thân đi tu theo Phật, không dùng súc vật để cúng tế tông miếu. Vua ăn mỗi ngày một bữa, chỉ có rau quả. Về sau, Vũ Đế bị giặc Hầu Cảnh bức ép phải chết đói. Đời Lương cũng bị diệt. Thờ Phật cầu phúc,

vậy mà gặp hoạ. Do đấy mà xem, rõ ràng là Phật không đáng để phụng thờ vậy.)

3. Cao Tổ thuỷ thụ Tuỳ thiện, tắc nghị trừ chi. Đương thời quần thần tài thức bất viễn. Bất năng thâm tri tiên vương chi đạo. Cổ kim chi nghi, suy xiển thánh minh dĩ cứu tư tệ. Kỳ sự trục chỉ, thần thường hận yên. Phục duy duệ thánh văn vũ hoàng đế bệ hạ. Thần thánh anh vũ. Sổ thiên bách niên dĩ lai. Vị hữu luân tỉ. Tức vị chi sơ, tức bất hứa độ nhân vi tăng ni đạo sĩ. Hựu bất hứa sáng lập tự quán. Thần thường dĩ vi Cao Tổ chi chí, tất hành ư bệ hạ chi thủ. Kim túng vị năng tức hành, khởi khả thứ chi chuyển lịnh thịnh dã.

高祖始受隋禪, 則議除之. 當時群臣才識不遠. 不能深知先王之道. 古今之宜, 推闡聖明以救斯弊. 其事逐止, 臣常恨焉. 伏惟睿聖文武皇帝陛下. 神聖英武. 數千百年以來. 未有倫比. 即位之初, 即不許度人爲僧尼道士. 又不許創立寺觀. 臣常以爲高祖之志, 必行於陛下之手. 今縱未能即行, 豈可恣之轉令盛也.

(Khi Đường Cao Tổ bắt đầu nối tiếp đời Tuỳ, ngài bèn nghị luận cách bài trừ Phật pháp. Nhưng bấy giờ quần thần tài năng và hiểu biết nông cạn, không thể hiểu sâu đạo của tiên vương, cũng không hiểu sự thích nghi của xưa và nay, nên họ không thể áp dụng ý muốn của vua để sửa chữa cái tệ nạn đó. Sự việc bèn chựng lại và thần luôn hận về việc ấy. Thần trộm nghĩ rằng bệ hạ vốn là hoàng đế thánh minh văn vũ song toàn, mấy ngàn mấy trăm năm nay chưa có một ai sánh bằng. Khi bệ hạ bắt đầu lên ngôi, bệ hạ không cho phép tục nhân trở thành tăng ni đạo sĩ, cũng không cho phép lập chùa chiền và đạo quán. Thần thường cho rằng tâm chí của Cao Tổ rồi được thi hành nơi tay bệ hạ. Nhưng giờ đây bệ hạ đã không thi hành ngay, lại còn bỏ các lệnh cấm và quay lại khuyến khích họ nữa.)

4. Kim văn bệ hạ lịnh quần tăng nghinh Phật cốt ư Phượng Tường, ngự lâu dĩ quan, dư nhập đại nội. Hựu lịnh chư tự đệ nghinh cung dưỡng. Thần tuy chí ngu, tất tri bệ hạ bất hoặc ư Phật, tác thử sùng phụng, dĩ kỳ phúc tường dã. Trực dĩ niên phong nhân lạc, tuẫn nhân chi tâm, vi kinh đô sĩ thứ thiết quỷ dị chi quan, hí ngoạn chi cụ nhĩ. An hữu thánh minh nhược thử nhi khẳng tín thử đẳng sự tai.

今聞陛下令群僧迎佛骨於鳳翔, 御樓以觀, 舁入大內. 又令諸寺遞迎供養. 臣雖至愚, 必知陛下不惑於佛, 作此崇奉, 以祈福祥也. 直以年豐人樂, 徇人之心, 爲京都士庶設詭異之觀, 戲翫之具耳. 安有聖明若此而肯信此等事哉.

(Nay thần nghe bệ hạ ra lệnh chư tăng nghinh đón xương Phật ở Phượng Tường; bệ hạ ngự ở lầu cao quan sát họ đưa xương vào đại nội. Rồi bệ hạ ra lệnh các chùa luân phiên nghinh đón và cung dưỡng. Thần tuy rất ngu, nhưng cũng biết bệ hạ không bị Phật mê hoặc. Bệ hạ sùng phụng như thế là để cầu xin phúc lành mà thôi. Nhưng năm nay mùa màng đã phong nhiêu, nhân dân đã an lạc; bệ hạ thuận theo lòng của nhiều người, vì kẻ sĩ và thứ dân ở kinh đô mà bày thiết trò quỷ dị vốn khác chi món đồ chơi giải trí. Sao thánh minh như bệ hạ mà lại tin vào những việc như thế?)

5. Nhiên bách tính ngu minh, dị hoặc nan hiểu, cẩu kiến bệ hạ như thử, tương vị chân tâm sự Phật. Giai vân thiên tử đại thánh, do nhất tâm kính tín. Bách tính hà nhân, khởi hợp cánh tích thân mệnh. Phần đỉnh thiêu chỉ, bách thập vi quần, giải y tán tiền, tự triêu chí mộ, chuyển tương phỏng hiệu, duy khủng hậu thời, lão thiếu bôn ba, khí kỳ nghiệp thứ. Nhược bất tức gia cấm át, cánh lịch chư tự, tất hữu đoạn tý luyến thân đĩ vi cung dưỡng giả. Thương phong bại tục, truyền tiếu tứ phương, phi tế sự dã.

然百姓愚冥, 易惑難曉, 苟見陛下如此, 將謂眞心事佛. 皆云天子大聖, 猶一心敬信. 百姓何人, 豈合更惜身命. 焚頂燒指, 百十爲群, 解衣散錢, 自朝至暮, 轉相倣效, 惟恐後時, 老少奔波, 棄其業次. 若不即加禁遏, 更歷諸寺, 必有斷臂臠身以爲供養者. 傷風敗俗, 傳笑四方, 非細事也.

(Tuy nhiên, trăm họ ngu muội, dễ bị mê hoặc mà khó thông hiểu. Nếu họ thấy bệ hạ như thế, họ sẽ nói bệ hạ thực lòng thờ Phật. Họ sẽ đều nói "Thiên tử là đại thánh nhân, mà còn một lòng tôn kính và tin Phật. Vậy trăm họ là người gì, lẽ nào lại tiếc thân mạng?" Họ sẽ đốt đỉnh đầu và thiêu ngón tay; hằng chục hằng trăm người sẽ cởi bỏ y phục thường ngày [để mặc cà sa] và phát tán tiền bạc; từ sáng đến tối họ bắt chước nhau, chỉ sợ chậm trễ. Già trẻ bôn ba, vất bỏ nghề nghiệp để đi theo Phật. Nếu không cấm chỉ họ ngay tức thời, thì họ sẽ đi khắp các chùa, và ắt có kẻ chặt tay lóc thịt để cúng dường Phật. Việc ấy làm hại phong tục, làm trò cười cho bốn phương; nó chẳng phải là việc nhỏ vậy.)

6. Phù Phật bản di địch chi nhân, dữ Trung Quốc ngôn ngữ bất thông, y phục thù chế, khẩu bất ngôn tiên vương chi pháp ngôn, thân bất phục tiên vương chi pháp phục. Bất tri quân thần chi nghĩa, phụ tử chi tình. Giả như kỳ thân chí kim thượng tại, phụng kỳ quốc mệnh, lai triều kinh sư, bệ hạ dung nhi tiếp chi. Bất quá Tuyên Chính nhất kiến, lễ tân

nhất thiết, tứ y nhất tập, vệ nhi xuất chi ư cảnh, bất lịnh hoặc chúng dã.

夫佛本夷狄之人，與中國言語不通，衣服殊製，口不言先王之法言，身不服先王之法服. 不知君臣之義，父子之情. 假如其身至今尚在，奉其國命，來朝京師，陛下容而接之. 不過宣政一見，禮賓一設，賜衣一襲，衛而出之於境，不令惑衆也.

(Phật vốn là người man di, không hiểu ngôn ngữ Trung Quốc, y phục may đặc thù, miệng không nói pháp ngôn của tiên vương, thân không mặc pháp phục của tiên vương. Phật không biết nghĩa vua tôi và cái tình cha con. Giả sử Phật còn sống đến ngày nay, phụng mệnh lệnh của nước họ, đến triều đình của ta ở kinh sư. Bệ hạ khoan dung mà tiếp họ, nhưng chỉ tiếp một lần ở cung Tuyên Chính, bày tiệc một lần ở cung lễ tân, ban cho một bộ y phục, rồi hộ vệ cho ra khỏi nước, cấm họ làm mê hoặc dân chúng.)

7. Huống kỳ thân tử dĩ cửu, khô hủ chi cốt, hung uế chi dư, khởi nghi lịnh nhập cung cấm. Khổng Tử viết, kính quỷ thần nhi viễn chi. Cổ chi chư hầu, hành điếu ư kỳ quốc, thượng lịnh vu chúc tiên dĩ đào liệt, phất trừ bất tường, nhiên hậu tiến điếu. Kim vô cố thủ hủ uế chi vật, thân lâm quan chi, vu chúc bất tiên. Đào liệt bất dụng, quần thần bất ngôn kỳ phi, ngự sử bất cử kỳ thất, thần thực sỉ chi. Khất dĩ thử cốt phó chi hữu tư, đầu chư thuỷ hoả, vĩnh tuyệt căn bản, đoạn thiên hạ chi nghi, tuyệt hậu đại chi hoặc, sử thiên hạ chi nhân tri đại thánh nhân chi sở tác vi, xuất ư tầm thường vạn vạn dã. Khởi bất thịnh tai. Khởi bất khoái tai.

況其身死已久，枯朽之骨，凶穢之餘，豈宜令入宮禁. 孔子曰，敬鬼神而遠之. 古之諸侯，行弔於其國，尚令巫祝先以桃茢，祓除不祥，然後進弔. 今無故取朽穢之物，親臨觀之，巫祝不先. 桃茢不用，群臣不言其非. 御史不舉其失，臣食恥之. 乞以此骨付之有司投諸水火，永絕根本，斷天下之疑絕後代之惑，使天下之人知大聖人之所作爲，出於尋常萬萬也. 豈不盛哉. 豈不快哉.

(Huống hồ thân Phật chết đã lâu; thứ xương khô nát, hôi thối dư thừa, lẽ nào để cho đưa vào cung cấm? Khổng Tử nói kính quỷ thần nhưng nên ở xa họ. Chư hầu ngày xưa, khi đi phúng điếu ở các nước họ, thì trước tiên ra lệnh các đồng cốt lấy cành đào để trừ khử việc chẳng lành, rồi sau mới đi phúng điếu. Nay vô cớ mà [bệ hạ] lấy vật thối nát về, đích thân đến xem, không cho đồng cốt đi trước, không dùng cành đào trừ tà. Quần thần không nói điều sai trái này. Ngự sử không nêu ra lỗi lầm này. Thần cảm thấy thực là sỉ nhục. Xin bệ hạ hãy giao xương cho quan hữu trách ném vào nước vào lửa, để dứt tuyệt vĩnh viễn gốc gác của nó, để cắt đứt mối ngờ của thiên hạ, để dứt tuyệt mê hoặc cho đời sau, khiến cho người trong thiên hạ biết được việc làm của bậc đại thánh

nhân vượt trên vạn vạn kẻ tầm thường như thế nào. Như vậy lẽ nào [nước] không hưng thịnh? Lẽ nào [dân chúng] không vui?

8. Phật như hữu linh, năng tác hoạ tuý, phàm hữu ương cữu, nghi gia thần thân, thượng thiên giám lâm, thần bất oán hối. Vô nhậm cảm kích khẩn khổn chi chí, cẩn phụng biểu dĩ văn. Thần mỗ thành hoàng thành khủng.

佛如有靈, 能作禍祟, 凡有殃咎, 宜加臣身, 上天鑒臨, 臣不怨悔. 無任感激墾悃之至, 謹奉表以聞. 臣某誠惶誠恐.

(Nếu Phật có linh thiêng mà gieo tai hoạ được, thì cứ gieo tai hoạ riêng cho thần. Có trời cao chứng giám, thần chẳng oán than hối hận gì. Với lòng cảm kích và thành tâm, thần kính cẩn dâng lên biểu này xin bệ hạ nghe. Thần rất mực cung kính và sợ sệt.)

*

CHƯƠNG 11

CHU LIÊM KHÊ VÀ THIỆU KHANG TIẾT

1. Chu Liêm Khê

Trong các Đạo học gia đời Tống (960-1279), Chu Liêm Khê 周濂溪(1017-1073) và Thiệu Khang Tiết 邵康節(1011-1077) đặc biệt nổi tiếng về việc đưa tư tưởng Đạo giáo vào Đạo học.

Tống Sử chép: «Chu Đôn Di 周敦頤, tự là Mậu Thúc 茂叔, người ở Doanh Đạo 營道, thuộc Đạo Châu 道州(nay là huyện Đạo 道, thuộc Hồ Nam 湖南). Tên ban đầu là Đôn Thực 敦實, nhưng để tránh tên huý cũ của vua Anh Tông[1] nên đổi là Di. Nhờ người chú tên Trịnh Hướng 鄭向, là học sĩ ở Long Đồ Các 龍圖閣[2] nên Chu Đôn Di làm chức chủ bạ ở huyện Phân Ninh 分寧(nay là huyện Tu Thuỷ 修水, Giang Tây).[3] [...] Do bệnh tật, ông

---

1 LAM chú: Tống Anh Tông tại vị 1064-1067, tên là Triệu Thự 趙曙(xem: *Trung Quốc Lịch Sử Kỷ Niên Biểu*, Thượng Hải Từ Thư xuất bản xã, 1980, tr.112). Vậy, như *Tống Sử* đã chép, Di là một tên huý cũ của vua. Việc Chu Đôn Thực đổi thành Chu Đôn Di tính từ năm 1064.

2 LAM chú: Long Đồ Các được thành lập vào những năm Đại Trung Tường Phù 大中祥符 (1008-1016) dưới đời vua Tống Chân Tông 眞宗(tại vị 998-1022), để cho vua đọc sách, ngự chế văn tập, cũng như lưu trữ thư tịch và vật quý của triều đình. Ở đây có chức quan gọi là học sĩ. Khi Bao Chửng 包拯nắm quản lý Long Đồ Các, ông bãi bỏ chức học sĩ ở đây, nên tục gọi nơi này là Bao Long Đồ 包龍圖. (Xem: *Từ Hải*, mục từ Long Đồ Các). Theo Charles O. Hucker, Long Đồ Các không rõ là song hành hay trực thuộc Bí Khố 秘庫(văn khố triều đình) thuộc Trọng Văn Viện 重文院. Năm 1082, Long Đồ Các sáp nhập vào Bí Thư Tỉnh 秘書省(thư viện triều đình). (Xem: Charles O. Hucker, *A Dictionary of Official Titles in Imperial China [Từ điển quan chức Trung Quốc]*, Đài Bắc, 1995, tr.325). Do tiến cử của chú, Chu Đôn Di được làm chức chủ bạ ở Phân Ninh, nhưng bản thân ông cũng có thực tài và liêm khiết, không nề hà nhiệm vụ gian khổ, nên được giữ nhiều chức quan: Tư lý tham quân 司理參軍 ở Nam An Quân 南安軍, làm quan lệnh ở Quế Dương 桂陽, Phán quan ở Quảng Đông 廣東. Năm Gia Định 嘉定 13 (tức 1220) đời Tống Ninh Tông 寧宗(tức Triệu Khoách 趙擴, tại vị 1195-1224) Chu Đôn Di được vua ban thuỵ hiệu là Nguyên Công 元公. Đến năm Thuần Hựu 淳祐nguyên niên (tức 1241) đời vua Tống Lý Tông 理宗(tức Triệu Quân 趙昀, tại vị 1225-1264) ông được gia phong là Nhữ Nam Bá 汝南伯và được đưa vào thờ phụng trong Khổng Miếu. (Xem: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Học*, Đông Phương xuất bản trung tâm, 1997, tập 1, tr.124).

3 Derk Bodde chú: Sự kiện này xảy ra năm 1040. Xem: Werner Eichhorn, *Chou Tun-i, ein chinesisches Gelehrtenleben aus dem 11. Jahrhundert (Chu Đôn Di, cuộc đời một văn nhân Trung Quốc thế kỷ 11)*, in trong: *Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes*, vol.21, no.5 (Leipzig,

xin về an trí ở Nam Khang Quân 南康軍,[4] nhân đó làm nhà bên chân núi Liên Hoa trong rặng Lư Sơn. Phía trước nhà có giòng suối chảy vào sông Bồn, nên ông dựa theo nơi cư ngụ ở Doanh Đạo mà lấy tên là Liêm Khê. [...] Khi mất, thọ 57 tuổi.[5] Hoàng Đình Kiên[6] khen: "Nhân phẩm Đôn Di rất cao, lòng thênh thang như gió trong trăng tỏ. [...] Ông viết Thái Cực Đồ để làm rõ gốc gác của thiên lý và nghiên cứu đầu đuôi của vạn vật."»[7]



Chu Đôn Di (Chu Liêm Khê)

a. Thái Cực Đồ Thuyết

Đóng góp quan trọng nhất của Chu Liêm Khê cho Đạo học là Thái Cực Đồ 太極圖 và *Thái Cực Đồ Thuyết* 太極圖說.

Thái Cực Đồ Thuyết của Chu Liêm Khê nguyên văn như sau:

無極而太極. 太極動而生陽;動極而靜,靜而生陰. 靜極復動. 一動一靜,互爲其根. 分陰分陽,兩儀立焉. 陽變陰合,而生水火木金土,五氣順布,四時行焉. 五行一陰陽也,陰陽一太極也,太極本

1936), trang 17-36.– LAM chú: Chức *chủ bạ* không rõ ràng. Theo Charles O. Hucker (sđd., tr.182) đại khái chức *chủ bạ* phụ trách công văn thư từ đi và đến trong các cơ quan từ đời Hán đến đời Thanh, chẳng hạn như trong Thái Thường Ty 太常司 đời Đường, Ngự Sử Đài 御史臺 đời Tống, Tư Thiên Giám 司天監 đời Liêu, Hồng Lô Ty 鴻臚司 đời Minh.

4 Derk Bodde chú: Nam Khang Quân nay là huyện Tinh Tử 星子, phía bắc Giang Tây, cách Lư Sơn vài dặm. Theo Werner Eichhorn, Đôn Di về an trí nơi đây không bao lâu thì qua đời (1073).

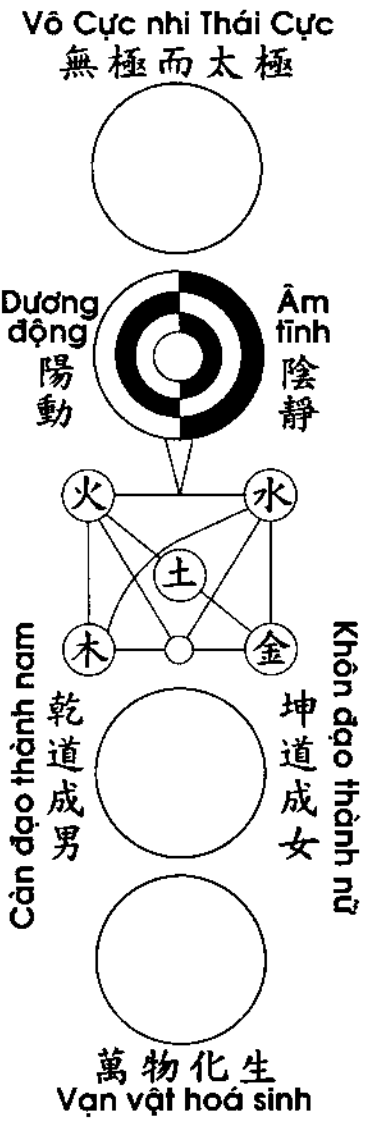
5 LAM chú: Chu Đôn Di sinh năm Thiên Hi 天禧 nguyên niên (tức 1017) đời vua Tống Chân Tông 眞宗 (tức Triệu Hằng 趙恒, tại vị 998-1022); mất năm Hi Ninh 熙寧 thứ 6 (tức 1073) đời vua Tống Thần Tông 神宗 (tức Triệu Húc 趙頊, tại vị 1068-1085).

6 LAM chú: Hoàng Đình Kiên 黃庭堅 (1045-1105) tự là Lỗ Trực 魯直, hiệu là Sơn Cốc đạo nhân 山谷道人; quê ở Phân Ninh 分寧 thuộc Hồng Châu 洪州; đỗ Tiến sĩ, làm chức Lại bộ viên ngoại lang 吏部員外郎. Văn chương ông lỗi lạc, Tô Thức rất khen ngợi. Ông còn là đại thư pháp gia, giỏi về các thư thể: hành, thảo, và khải; là một trong tứ đại thư pháp gia đời Tống: Tô, Hoàng, Mễ, Thái (Tô Thức 蘇軾, Hoàng Đình Kiên 黃庭堅, Mễ Phất 米芾, Thái Kinh 蔡京).

7 *Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Chu Đôn Di, tự Mậu Thúc. Đạo Châu, Doanh Đạo nhân. Nguyên danh Đôn Thực, tị Anh Tông cựu huý cải yên. Dĩ cữu Long Đồ Các học sĩ Trịnh Hướng, nhậm vi Phân Ninh chủ bạ. [...] Dĩ tật cầu tri Nam Khang Quân. Nhân gia Lư Sơn Liên Hoa Phong hạ. Tiền hữu khê hợp tư Bồn giang, thủ Doanh Đạo sở cư Liêm Khê dĩ danh chi. [...] Tốt niên ngũ thập thất. Hoàng Đình Kiên xưng kỳ nhân phẩm thậm cao, hung hoài sái lạc, như quang

無極也. 五行之生也, 闔一其性. 無極之眞, 二五之精, 妙合而凝. 乾道成男, 坤道成女. 二氣交感, 化生萬物. 萬物生生而變化無窮焉. 惟人也, 得其秀而最靈. 形既生矣, 神發知矣. 五性感動而善惡分, 萬事出矣. 聖人定之以中正仁義, 而主靜, 立人極焉. 故聖人與天地合其德, 日月合其明, 五時合其序, 鬼神合其吉凶. 君子修之吉, 小人悖之凶. 故曰: 立天之道, 曰陰與陽. 立地之道, 曰柔與剛. 立人之道, 曰仁與義. 又曰: 原始反終, 故知死生之說. 大哉易也, 斯其至矣!

Phiên âm: Vô Cực nhi Thái Cực. Thái Cực động nhi sinh Dương; động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh Âm. Tĩnh cực phục động. Nhất động nhất tĩnh, hỗ vi kỳ căn. Phân Âm phân Dương, lưỡng nghi lập yên. Dương biến Âm hợp, nhi sinh thuỷ hoả mộc kim thổ, ngũ khí thuận bố, tứ thời hành yên. Ngũ hành nhất Âm Dương dã, Âm Dương nhất Thái Cực dã, Thái Cực bản Vô Cực dã. Ngũ hành chi sinh dã, các nhất kỳ tính. Vô Cực chi chân, nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhi ngưng. Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ. Nhị khí giao cảm, hoá sinh vạn vật. Vạn vật sinh sinh nhi biến hoá vô cùng yên. Duy nhân dã, đắc kỳ tú nhi tối linh. Hình ký sinh hĩ, thần phát tri hĩ. Ngũ tính cảm động nhi thiện ác phân, vạn sự xuất hĩ. Thánh nhân định chi dĩ trung chính nhân nghĩa, nhi chủ tĩnh, lập nhân cực yên. Cố thánh nhân

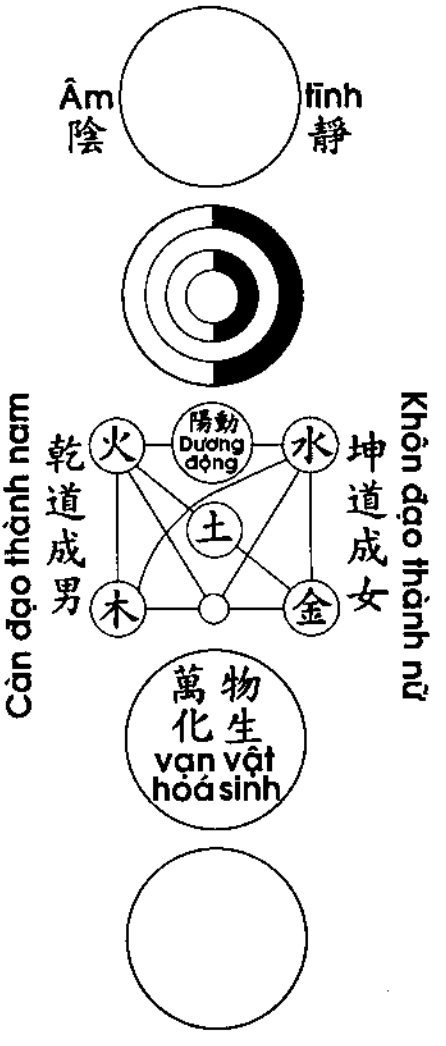


Thái Cực Đồ

---

phong tễ nguyệt. [...] Trứ Thái Cực Đồ, minh thiên lý chi căn nguyên, cứu vạn vật chi chung thuỷ.» 周敦頤, 字茂叔. 道州營道人. 元名敦實, 避英宗舊諱改焉. 以舅龍圖閣學士鄭向, 任爲分寧主簿. [...] 以疾求知南康軍. 因家廬山蓮花峰下. 前有溪合於湓江, 取營道所居濂溪以名之. [...] 卒年五十七. 黃庭堅稱其人品甚高, 胸懷灑落, 如光風霽月. [...] 著太極圖, 明天理之根原, 究萬物之終始.– Derk Bodde chú: Về cuộc đời của Chu Đôn Di, xin đọc nghiên cứu tỉ mỉ của Werner Eichhorn: ***Chou Tun-i, ein chinesisches Gelehrtenleben aus dem 11. Jahrhundert (Chu Đôn Di, cuộc đời một văn nhân Trung Quốc thế kỷ 11)***, in trong: ***Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes,*** vol.21, no.5 (Leipzig, 1936), trang 17-36. Hoặc cũng có thể đọc thông tin ngắn gọn trong J. Percy Bruce, ***Chu Hsi and his Masters***

dữ thiên địa hợp kỳ đức, nhật nguyệt hợp kỳ minh, tứ thời hợp kỳ tự, quỷ thần hợp kỳ cát hung. Quân tử tu chi cát, tiểu nhân bội chi hung. Cố viết: Lập thiên chi đạo, viết Âm dữ Dương. Lập địa chi đạo, viết nhu dữ cương. Lập nhân chi đạo, viết nhân dữ nghĩa. Hựu viết: Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết. Đại tai Dịch dã, tư kỳ chí hĩ!



Thái Cực Tiên Thiên Đồ

Dịch nghĩa: Vô Cực cũng là Thái Cực. Thái Cực động thì sinh ra Dương; động tới cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh ra Âm. Tĩnh tới cực điểm thì trở lại động. Một động một tĩnh, làm căn bản cho nhau. Phân ra Âm và Dương, thì lưỡng nghi thành lập. Dương biến Âm hợp, thì sinh ra: thuỷ (nước), hoả (lửa), mộc (gỗ), kim (kim loại), thổ (đất). Ngũ khí (năm khí của ngũ hành) thuận hoà phân bố tạo ra sự vận hành của tứ thời (bốn mùa). Ngũ hành hợp nhất là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực. Thái Cực có gốc là Vô Cực. Ngũ hành được sinh ra, mỗi hành có một tính. Cái chân của Vô Cực và cái tinh của Âm Dương ngũ hành, diệu hợp thì ngưng tụ. Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ. Hai khí Âm Dương giao cảm, hoá sinh vạn vật. Vạn vật sinh sôi biến hoá vô cùng. Chỉ riêng con

(Chu Hi và các bậc thầy của ông), London, 1923, tr.18-30. Từ các bài viết này, chúng ta biết rằng Chu Đôn Di xuất thân từ một gia đình nổi danh về học vấn. Cha ông là một vị quan thành công, qua đời khi ông còn thơ ấu. Bản thân Đôn Di cũng giữ nhiều chức quan (chẳng hạn như huyện lệnh), chủ yếu ở Giang Tây và Quảng Đông. Mặc dù các chức quan ấy chẳng quan trọng gì, nhưng ông cực kỳ nổi tiếng về sự chân thành và tài cán. Ảnh hưởng vĩ đại của nhân cách ông chính là sự giản dị, trung thực, nhiệt tình, và tình yêu thiên nhiên mãnh liệt. Thật vậy, tương truyền trước cửa sổ nhà ông cỏ mọc um tùm, có người hỏi sao ông không cắt đi, ông đáp rằng chúng với ông cùng một thứ.

người có được sự ưu tú, nên tối linh. Hình thể con người đã sinh ra rồi thì thần trí phát ra mà có ý thức. Ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động mà phân biệt thiện và ác, và vạn sự xuất hiện. Thánh nhân tự xác định mình theo: *trung, chính, nhân, nghĩa*, và chủ về tĩnh,[8] lập thành chuẩn mực tối cao của con người. Cho nên thánh nhân hợp nhất đức của mình với trời đất, hợp nhất vẻ sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hợp nhất thứ tự của mình với bốn mùa, hợp nhất cát hung của mình với quỷ thần. Quân tử tu dưỡng theo đạo thánh nhân nên được cát, tiểu nhân làm trái đạo thánh nhân nên gặp hung. Cho nên nói: "[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương; đạo đất thì có nhu và cương; đạo người thì có nhân và nghĩa."[9] Lại nói: "Suy cứu cặn kẽ từ khởi đầu đến kết

[8] Chu Liêm Khê tự ghi chú: «Thánh nhân chi đạo nhân nghĩa trung chính nhi dĩ hĩ.» 聖人之道仁義中正而已矣(Đạo của thánh nhân chỉ có nhân, nghĩa, trung, chính mà thôi.) Và ghi chú về «nhi chủ tĩnh» 而主靜(chủ về tĩnh) rằng: «Vô dục cố tĩnh.» 無欲故靜 (Vô dục nên tĩnh.)

[9] LAM chú: Câu *«Lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa»* nằm trong Thuyết Quái: «Tích giả thánh nhân chi tác Dịch dã, tương dĩ thuận tính mệnh chi lý. Thị dĩ *lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa*. Kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố Dịch lục hoạch nhi thành quái. Phân Âm phân Dương, diệt dụng nhu cương, cố Dịch lục vị nhi thành chương.» 昔者聖人之作易也,將以順性命之理.是以立天之道曰陰與陽,立地之道曰柔與剛,立人之道曰仁與義.兼三才而兩之,故易六畫而成卦.分陰分陽,迭用柔剛,故易六位而成章. (Ngày xưa khi thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, các ngài thuận theo quy luật biến hoá của tính và mệnh của sự vật. Cho nên, *các ngài xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa.* Các ngài gộp tam tài (thiên-địa-nhân) [thành quẻ đơn] và gấp đôi lên [thành quẻ kép], cho nên sáu vạch Kinh Dịch lập thành quẻ kép. Sáu vạch được phân làm hào Âm và hào Dương, được dùng lần lượt thành hào nhu và hào cương. Do đó sáu vị trí trong quẻ Dịch lập thành hình quẻ). Ngu Phiên chú *thánh nhân* ở đây là Bào Hi (Phục Hi). Ở quẻ đơn (có ba vạch) thì hào dưới là địa, hào giữa là nhân, hào trên là thiên; tức là mỗi quẻ của Bát Quái đều gồm chứa tam tài. Ở quẻ kép (có sáu vạch) thì hai hào dưới là địa, hai hào giữa là nhân, hai hào trên là thiên; tức là mỗi quẻ của 64 quẻ Dịch đều gồm chứa tam tài. Sáu vạch phân thành hào Âm (nhu; hào lục) và hào Dương (cương; hào cửu). *Lục vị* là vị trí sáu hào trong mỗi quẻ kép, tính từ dưới lên: *sơ, nhị, tam, ngũ, thượng*. Cách sắp xếp này là do quan niệm «khí của Dịch sinh từ dưới» (Dịch khí tòng hạ sinh 易氣從下生); nó giải thích quy luật biến hoá của sự vật là từ thấp lên cao. Lý Đỉnh Tộ chú *chương* 章 là *văn lý* 文理, tức thiên văn và địa lý; Cao Hanh hiểu là *văn chương*; Wilhelm và Legge hiểu *chương* 章 là hình dáng của quẻ Dịch. Richard Wilhelm dịch: «Ngày xưa các thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, các ngài muốn tuân theo trật tự của các quy luật bên trong và của số mệnh. *Do đó các ngài xác định đạo trời và gọi đạo ấy là Âm và Dương, các ngài xác định đạo đất và gọi đạo ấy là mềm yếu (nhu) và cứng chắc (cương), các ngài xác định đạo người và gọi đạo ấy là nhân ái và nghĩa.* Ba sức mạnh cơ bản này, các ngài gộp lại và gấp đôi. Do đó trong Kinh Dịch, mỗi quẻ luôn luôn có sáu hào. Các vị trí được phân thành Âm và Dương, mà các hào nhu và cương luân phiên chiếm các vị trí này. Do đó, Kinh Dịch có lục vị tạo thành hình dáng sáu hào của quẻ.» (Die heiligen Weisen vor alters machten das Buch der Wandlungen also: Sie wollten den Ordnungen des inneren Gesetzes und des Schicksals nachgehen. Darum stellten

thúc của vạn vật, cho nên biết giải thích về sống chết." [10] Lớn thay đạo Dịch, trong đó có đầy đủ ý nghĩa vậy!

---

sie den SINN des Himmels fest und nannten ihn: das Dunkle und das Lichte. Sie stellten den SINN der Erde fest und nannten ihn: das Weiche und das Feste. Sie stellten den SINN des Menschen fest und nannten ihn: die Liebe und die Gerechtigkeit. Diese drei Grundkräfte nahmen sie zusammen und verdoppelten sie. Darum bilden im Buch der Wandlungen immer sechs Linien ein Zeichen. Die Plätze werden eingeteilt in dunkle und lichte, darauf stehen abwechselnd weiche und feste. Darum hat das Buch der Wandlungen sechs Plätze, die die Linienfiguren bilden). – James Legge dịch: «Ngày xưa khi thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, thì các hình quẻ được thiết kế cho thuận với những nguyên lý nằm ngầm trong bản chất của con người và sự vật và thuận với các mệnh lệnh mà trời định cho chúng. Với quan niệm này, *các ngài trình bày trong các hình quẻ về đạo trời, gọi các hào là Âm và Dương; về đạo đất, gọi các hào là mềm yếu và cứng mạnh; về đạo người, dưới các tên gọi nhân và nghĩa.* Mỗi đơn quái (quẻ ba hào) bao gồm tam tài; và khi được chồng lên thì hình quẻ đầy đủ có sáu hào. Có sự phân biệt về các vị trí, và chúng được ấn định thành hào Âm và hào Dương. Các hào này luân phiên được chiếm giữ bởi dạng cương hoặc dạng nhu. Do đó hình dáng của mỗi quẻ kép được thành tựu.» (Anciently, when the sages made the Yi, it was with the design that its figures should be in conformity with the principles underlying the natures of men and things, and the ordinances for them appointed by Heaven. With this view they exhibited in them the way of heaven, calling the lines yin and yang; the way of earth, calling them the weak or soft and the strong or hard; and the way of men, under the names of benevolence and righteousness. Each trigram embraced those three Powers; and, being repeated, its full form consisted of six lines. A distinction was made of the places assigned to the yin and yang lines, which were variously occupied, now by the strong and now by the weak forms, and thus the figure of each hexagram was completed).

[10] LAM chú: Câu *«Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết»* ở trong Hệ Từ Thượng: «Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa lý, thị cố tri u minh chi cố. *Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết.* Tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng.» 仰以觀於天文，俯以察於地理，是故知幽明之故．原始反終，故知死生之說．精氣爲物，游魂爲變．是故知鬼神之情狀．(Thánh nhân ngước lên quan sát các hiện tượng trên trời, cúi xuống quan sát các hình thể dưới đất, cho nên biết nguyên do của sáng và tối. *Các ngài suy cứu cặn kẽ từ khởi đầu đến kết thúc của vạn vật, cho nên biết giải thích về sống chết.* Tinh khí là vật [thần], du hồn thì biến hoá [quỷ], cho nên các ngài biết tình trạng của quỷ và thần). – Wilhelm dịch: «Trong khi ngước lên quan sát tìm hiểu với sự giúp đỡ của các dấu hiệu trên trời và cúi xuống xem xét các đường vạch trên mặt đất thì người ta biết tình trạng của tối và sáng. Trong khi trở về các khởi đầu [của sự vật] và lần theo sự vật cho đến tận cùng thì người ta hiểu các thuyết giảng về sống và chết. Sự kết hợp giữa tinh và lực làm vật hoạt động. Sự xuất ra của hồn [khỏi vật] tạo ra sự biến hoá. Qua đó, người ta biết tình trạng của hồn xuất ra và hồn trở về.» (Indem man emporblickend mit seiner Hilfe die Zeichen am Himmel verständnisvoll betrachtet und niederblickend die Linienzüge der Erde untersucht, erkennt man die Verhältnisse des Dunkeln und Hellen. Indem man an die Anfänge zurückgeht und die Dinge bis zu Ende verfolgt, erkennt man die Lehren von Geburt und Tod. Die Vereinigung von Samen und Kraft wirkt die Dinge; das Entweichen der Seele bewirkt die Veränderung: daraus erkennt man die Zustände der ausgehenden und rückkehrenden

Geister). Wilhelm xem chủ thể của những hành động trên là người ta nói chung, chứ không phải chỉ là thánh nhân. Cách dịch lạ kỳ của Wilhelm chịu ảnh hưởng sâu đậm của Đạo giáo. Ông giảng: «Kinh Dịch dựa trên hai nguyên lý cơ bản: Âm (tối) và Dương (sáng). Các quẻ được hình thành từ các yếu tố này. Những hào riêng lẻ thì hoặc là tĩnh, hoặc là động. Khi các hào tĩnh (tức là hào được thể hiện bằng số 7 [cương = Thiếu Dương] và số 8 [nhu = Thiếu Âm]), thì chúng tạo thành quẻ nhất định. Khi các hào động (tức là khi hào được thể hiện bằng số 9 [cương = Lão Dương] và số 6 [nhu = Lão Âm]), thì chúng phân rã quẻ trở lại và biến thành một quẻ khác. Những quy trình này khai mở nhãn quan vào những bí mật của sự sống. Khi ta vận dụng hai nguyên lý này vào các thiên tượng (mặt trời = Dương, mặt trăng = Âm) và vào những vạch trên đất (tứ phương), thì ta biết những tình trạng tối sáng (Âm Dương), tức là những quy luật tàng ẩn trong sự luân chuyển của bốn mùa, mà sự luân chuyển này tạo điều kiện cho sự tiến thoái của sinh lực thực vật. Bằng cách này, nhờ quan sát những khởi đầu và chung cuộc của sự sống ta biết rằng sự sinh ra và sự chết đi chẳng qua là sự tuần hoàn mà thôi. Sinh ra là tiến vào thế giới hữu hình. Chết đi là thoái lui vào cõi vô hình. Cả sinh lẫn tử không ám chỉ một khởi đầu tuyệt đối hay một kết thúc tuyệt đối, giống như trường hợp năm đến rồi đi, năm đi rồi đến. Với con người thì có gì khác hơn đâu. Giống như những hào tĩnh lập nên quẻ, và khi chúng động thì tạo ra biến đổi, cái nhục thể của ta được tạo thành do dòng tinh nam xuất ra kết hợp với khí nữ. Cái nhục thể này lâu bền một cách tương đối chừng nào mà hai sinh lực cấu thành ấy tĩnh tại trong sự quân bình. Khi chúng động, sự phân rã sẽ xảy ra. Linh hồn xuất ra (phần thanh cao thăng lên, phần trọng trọc chui xuống đất); thể xác rữa nát. Tương tự, những sinh lực tâm linh (tạo ra và phân rã sinh thể hữu hình) hoặc thuộc nguyên lý Dương hoặc thuộc nguyên lý Âm. Dương thần (Thần) xuất ra; nó là phần tác động, có thể nhập vào một thể xác mới. Âm thần (quỷ) quay trở về nhà; nó là phần thoái lui, có phận sự tiêu hoá những gì mà sự sống gặt hái được. Trong khái niệm về Dương thần và Âm thần không hề ngụ ý thiện và ác, mà nó chỉ phân biệt hạ tầng trương giãn và hạ tầng co rút của sinh lực. Đó là hai tình trạng biến đổi (như thuỷ triều lên xuống) trong biển đời bao la.» (Das Buch der Wandlungen beruht auf den beiden Grundprinzipien des Lichten und des Dunkeln. Die Zeichen sind aufgebaut aus diesen Elementen. Die einzelnen Linien sind entweder ruhig oder in Bewegung. Indem sie ruhig sind (das sind die Linien, die durch die Zahl 7 = fest und 8 = weich dargestellt werden), bauen sie die bestimmten Zeichen auf. Indem sie sich bewegen (das ist der Fall, wenn die Linien durch die Zahl 9 = fest und 6 = weich dargestellt werden), lösen sie das Zeichen wieder auf und verwandeln es in ein anderes. Diese Vorgänge sind es nun, die den Blick eröffnen in die Geheimnisse des Lebens. Wenn man diese Prinzipien anwendet auf die Zeichen am Himmel (Sonne = Licht, Mond = dunkel) und die Linienzüge auf Erden (Himmelsrichtungen), so erkennt man die Verhältnisse des Dunkeln und Hellen, d. h. die Gesetze, die dem Lauf der Jahreszeiten und ihrem Wechsel zugrunde liegen, der das Hervortreten und Zurückgehen der vegetativen Lebenskraft bedingt. Auf diese Weise erkennt man durch Beobachtung der Anfänge und Endpunkte des Lebens, daß Geburt und Tod nichts anderes ist als ebenderselbe Kreislauf. Geburt ist das Hervortreten in die Welt der Sichtbarkeit, Tod ist das Zurückkehren in die Gebiete des Unsichtbaren. Beide bedingen ebensowenig einen absoluten Anfang oder ein absolutes Ende, wie das bei den Erscheinungen des Jahres in ihrem Wechsel der Fall ist. Nicht anders verhält es sich mit den Menschen. Wie die konstanten Linien die Zeichen aufbauen und, wenn sie in Bewegung kommen, eine Veränderung bewirken, so wird das körperliche Dasein aufgebaut durch die Vereinigung «ausgehender» Lebensströme des (männlichen) Samens und der (weiblichen) Kraft. Dieses körperliche Dasein ist verhältnismäßig konstant, solange die aufbauenden Kräfte im Ruhezustand des

Hệ Từ Thượng nói: «Cho nên Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái. Bát Quái định cát hung, cát hung sinh ra sự nghiệp lớn.»[1] Mấy câu đầu của Thái Cực Đồ thuyết sử dụng thuyết «Thái Cực sinh lưỡng nghi». Nhưng sau đó

Gleichgewichts sich befinden. Geraten sie in Bewegung, so entsteht der Abbau. Das Seelische entweicht – das höhere Seelische steigt aufwärts, das niedrige Seelische sinkt zur Erde –; der Leib löst sich auf. Die geistigen Kräfte, die Aufbau und Abbau des sichtbaren Daseins bewirken, sind ebenfalls entweder dem lichten oder dem dunkeln Prinzip angehörig. Die lichten Geister (Schen) gehen aus, das sind die wirkenden, die auch neue Verkörperungen eingehen können; die dunkeln Geister (Gui) kehren heim, das sind die sich zurückziehenden, die den Ertrag des Lebens erst verarbeiten. Es liegt in dieser Auffassung von rückkehrenden und ausgehenden Geistern keineswegs der Gedanke von guten und bösen Wesen, sondern nur der Unterschied des sich ausstreckenden und sich zusammenziehenden Substrats der Lebenskraft. Es sind Wechselzustände im großen Meer des Lebens).– James Legge dịch: «Thánh nhân, căn cứ theo Kinh Dịch, ngước lên quan sát các hiện tượng sáng rỡ trên trời, cúi xuống xem xét các sắp đặt nhất định dưới đất, do đó ngài biết những nguyên do của tối (hay của vật tối) và của sáng (hay của vật sáng). Ngài truy cứu đến khởi đầu của chúng và lần theo tới kết cục của chúng, do đó ngài biết những gì có thể nói về sống và chết. Ngài biết cách thức mà sự kết hợp của tinh và khí tạo ra sự vật, và biết sự biến mất hay sự xuất ra của hồn làm biến đổi cấu tạo của sự vật, do đó ngài biết tính chất của quỷ và thần.» (The sage, in accordance with the Yi, looking up, contemplates the brilliant phenomena of the heaven, and, looking down, examines the definite arrangements of the earth; thus he knows the causes of darkness or, what is obscure and light or, what is bright. He traces things to their beginning, and follows them to their end; thus he knows what can be said about death and life. He perceives how the union of essence and breath form things, and the disappearance or wandering away of the soul produces the change of their constitution; thus he knows the characteristics of the anima and animus).

[1] Hệ Từ Thượng: «Thị cố Dịch hữu Thái Cực. Thị sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh bát quái. Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp.» 是故易有太極.是生兩儀.兩儀生四象.四象生八卦.八卦定吉凶.吉凶生大業.– LAM chú: Richard Wilhelm dịch: «Cho nên, trong Dịch có Thái Cực (sơ nguyên lớn). Thái Cực sinh lưỡng nghi (hai sức mạnh cơ bản). Lưỡng nghi sinh tứ tượng (bốn hình tượng). Tứ tượng sinh bát quái (tám quẻ). Bát Quái xác định cát và hung. Cát hung tạo ra lĩnh vực hoạt động lớn.» (Darum gibt es in den Wandlungen den großen Uranfang. Dieser erzeugt die zwei Grundkräfte. Die zwei Grundkräfte erzeugen die vier Bilder. Die vier Bilder erzeugen die acht Zeichen. Die acht Zeichen bestimmten Heil und Unheil. Heil und Unheil erzeugen das große Wirkungsfeld).– James Legge dịch: «Cho nên, trong hệ thống của Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh bát quái. Bát Quái nhằm xác định mặt tốt và mặt xấu của mọi sự việc, và từ sự xác định này mà sự thực hiện thành công của sự nghiệp lớn của cuộc đời được tạo ra.» (Therefore in the system of the Yi there is the Grand Terminus, which produced the two elementary Forms. Those two Forms produced the Four emblematic Symbols, which again produced the eight Trigrams. The eight trigrams served to determine the good and evil issues of events, and from this determination was produced the successful prosecution of the great business of life).

Chu Liêm Khê đề cập ngũ hành, chứ không phải Bát Quái. Tuy cuối bài ông khen ngợi Kinh Dịch, nhưng kỳ thực Thái Cực Đồ không hoàn toàn căn cứ trên Kinh Dịch.

Vì lý do đó, nguồn gốc của Thái Cực Đồ đáng cho chúng ta nghiên cứu. *Thượng Phương Đại Đỗng Chân Nguyên Diệu Kinh Phẩm Đồ* 上方大洞眞元妙經品圖 trong *Đạo Tạng* có nhiều hình đồ, trong đó có Thái Cực Tiên Thiên Đồ (xem hình trên đây).

Hình đồ này khá giống Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê. Tuy ta không biết tác giả của quyển kinh này là ai, nhưng trong đó có lời tựa của Đường Minh Hoàng 唐明皇(còn gọi là Đường Vũ Hoàng 唐武皇, tức Huyền Tông 玄宗hay Lý Long Cơ 李隆基, tại vị 712-755), cho nên nó xuất hiện trước đời Tống. Có lẽ nó là nguồn cảm hứng cho Chu Liêm Khê viết ra Thái Cực Đồ chăng?

Tống Sử (Nho Lâm Truyện) có chép truyện của Chu Chấn 朱震 (1072-1138) rằng: «Cái học về kinh điển của Chu Chấn rất thâm hậu. Ông viết trong *Hán Thượng Dịch Giải* rằng: Trần Đoàn 陳摶(871-989) lấy Tiên Thiên Đồ 先天圖truyền cho Chủng Phóng 種放(?-1014); Chủng Phóng truyền cho Mục Tu 穆修(979-1032); Mục Tu truyền cho Lý Chi Tài 李之才(?-1045); Chi Tài truyền cho Thiệu Ung 邵雍 (1011-1077). [Chu Chấn còn nói rằng] Chủng Phóng lấy Hà Đồ và Lạc Thư truyền cho Lý Khái 李溉(?-?); Khái truyền cho Hứa Kiên 許堅(khoảng 976-984); Hứa Kiên truyền cho Phạm Ngạc Xương 范諤昌(?-?); Ngạc Xương truyền cho Lưu Mục. Mục Tu lấy Thái Cực Đồ truyền cho Chu Đôn Di.»[12]

Nói như thế, cái học về Tượng Số thời ấy bắt nguồn từ Trần Đoàn. Theo *Tống Sử*, Trần Đoàn là một thần tiên sống, rất nổi tiếng đầu đời

---

[12] ***Tống Sử* (Nho Lâm Truyện): «Chấn kinh học thâm thuần, hữu Hán Thượng Dịch Giải vân: Trần Đoàn dĩ Tiên Thiên Đồ truyền Chủng Phóng; Phóng truyền Mục Tu; Mục Tu truyền Lý Chi Tài; Chi Tài truyền Thiệu Ung. Phóng dĩ Hà Đồ Lạc Thư truyền Lý Khái; Khái truyền Hứa Kiên; Hứa Kiên truyền Phạm Ngạc Xương; Ngạc Xương truyền Lưu Mục. Mục Tu dĩ Thái Cực truyền Chu Đôn Di.»** 震經學深醇, 有漢上易解云:陳摶以先天圖傳種放;放傳穆修;穆修傳李之才;之才傳邵雍. 放以河圖洛書傳李溉;溉傳許堅;許堅傳范諤昌;諤昌傳劉牧. 穆修以太極傳周敦頤.

Tống.[13] Học giả đời Thanh là Mao Kỳ Linh 毛奇齡(1623-1716) đã viết trong quyển *Thái Cực Đồ Thuyết Di Nghĩa* 太極圖說遺義 của ông rằng: Các hình đồ vốn có trong *Tham Đồng Khế* 參同契 đã bị đa số học giả bỏ đi sau khi Chu Hi (1130-1200) chú giải nó. Bản *Tham Đồng Khế* của Bành Hiểu 彭曉 chú giải có hai hình đồ: Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ 水火匡廓圖 và Tam Ngũ Chí Tinh Đồ 三五至精圖.[14] Hình tròn thứ hai trong Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê chính là Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ[15] của *Tham Đồng Khế*. Hình thứ ba (có ngũ hành) trong Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê chính là Tam Ngũ Chí Tinh Đồ của *Tham Đồng Khế*.

Hai học giả Hoàng Tông Viêm 黃宗炎(1616-1686) và Chu Di Tôn 朱彝尊(1629-1709) đều cho rằng Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê vốn gọi là Vô Cực Đồ. Hai ông cho rằng Trần Đoàn cư ngụ ở Hoa Sơn, khắc Vô Cực Đồ lên vách đá. Hình đồ ấy bố trí từ dưới lên trên như sau:

(1) Hình tròn rỗng dưới chót gọi là «Huyền tẫn chi môn» 玄牝之門;

(2) Hình tròn rỗng kế tiếp gọi là «Luyện tinh hoá khí, luyện khí hoá thần» 鍊精化氣鍊氣化神;

---

[13] **LAM chú: Trần Đoàn 陳摶(871-989) sống cuối thời Ngũ Đại và đầu đời Tống, tự là Đỗ Nam 圖南, hiệu là Phù Dao Tử 扶搖子, quê ở Chân Nguyên 眞源 thuộc Bạc Châu 亳州 (nay là Lộc Ấp 鹿邑, tỉnh Hà Nam 河南). Thuở nhỏ đã đọc qua các kinh điển Nho giáo, đặc biệt ham thích sách dạy phương dược (thuốc trường sinh) của Đạo giáo, và có tâm chí dẹp loạn cứu đời. Những năm Trường Hưng 長興(930-933) đời vua Minh Tông 明宗(tức Lý Tự Nguyên 李嗣源, tại vị 926-933) của Hậu Đường, ông thi rớt Tiến sĩ, bèn chán đời ẩn cư trong núi Vũ Đang 武當, rồi qua ở núi Hoa Sơn, kết bạn với Lã Động Tân 呂洞賓 và Lý Kỳ 李琪. Theo *Tư Trị Thông Giám* (Hậu Chu Ký), năm 956, tức năm Hiển Đức thứ 3 đời vua Thế Tông 世宗(tức Sài Vinh 柴榮, tại vị 954-959) của Hậu Chu, vua ham thích thuốc trường sinh (tức ngoại đan), nghe danh của Trần Đoàn bèn vời vào cung hỏi về thuật luyện đan, và phong cho Trần Đoàn làm Gián nghị đại phu, nhưng Trần Đoàn từ tạ. Vua ban cho Trần Đoàn hiệu Bạch Vân 白雲 tiên sinh. Những năm Thái Bình Hưng Quốc 太平興國(976-984) đời vua Thái Tông của Bắc Tống, Trần Đoàn tuân chiếu chỉ vào kinh đô, ông khuyên vua chiêu hiền đãi sĩ, khoan nới sức dân, trừ khử nịnh thần, ban thưởng tam quân. Vua ban ông hiệu Hi Di 希夷 tiên sinh. Trần Đoàn học thức uyên bác, trứ tác nhiều. Vô Cực Đồ của ông được Chu Đôn Di sửa đổi thành Thái Cực Đồ. Tiên Thiên Đồ của ông được Thiệu Ung kế thừa. Ông có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của Lý Học đời Tống. Trứ tác của ông đều mất cả, chỉ còn sót *Âm Chân Quân Hoàn Đan Ca Chú* 陰眞君還丹歌注 được chép vào *Đạo Tạng*. Đạo giáo tôn xưng ông là Trần Đoàn Lão Tổ 陳摶老祖. Xem: Trương Chí Triết, *Đạo Giáo Văn Hoá Từ Điển*, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr.207.**

[14] **Phùng Hữu Lan chú: Trong *Đạo Tạng*, bản *Tham Đồng Khế* do Bành Hiểu chú giải cũng không có hình đồ nào cả.– Derk Bodde chú: Bành Hiểu sống thời Ngũ Đại (907-959).**

[15] **LAM chú: Trong Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ, nửa hình tròn bên trái tượng trưng quẻ Ly, nửa hình tròn bên phải tượng trưng quẻ Khảm. Vòng cung đen là hào Âm, vòng cung trắng là hào Dương.**

(3) Hình chính giữa có ngũ hành liên lạc với nhau (bên trái là mộc và hoả, bên phải là thuỷ và kim, chính giữa là thổ) gọi là «Ngũ khí triều nguyên» 五氣朝元;

(4) Hình tròn có phân đen trắng (tức Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ) gọi là «thủ Khảm điền Ly» 取坎填離;

(5) Hình tròn rỗng trên cùng gọi là «Luyện thần phản hư, phục quy Vô Cực» 鍊神返虛復歸無極.[16]

Hoàng Tông Viêm nói: «Khi Chu Liêm Khê có được hình đồ này, bèn đảo ngược thứ tự và đổi tên hình đồ [là Thái Cực Đồ], phụ đề Đại Dịch, xem là bí truyền của Nho gia. Bởi vì khẩu quyết của phương sĩ nghịch chuyển thì thành Đan, cho nên nó mô tả chuyển động từ dưới lên trên. Còn chủ ý của Chu Liêm Khê là thuận chuyển sinh con người, cho nên mô tả sự chuyển động từ trên xuống dưới.»[17] Lời lẽ của Hoàng Tông Viêm và Chu Di Tôn chưa rõ thực hư thế nào, nhưng chắc chắn là Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê có quan hệ mật thiết với Đạo giáo.

Chu Liêm Khê vay mượn hình Thái Cực Đồ mà các đạo sĩ dùng để tu luyện rồi đưa vào đó giải thích mới và ý nghĩa mới. Sự giải thích này (tức *Thái Cực Đồ Thuyết*) là một trong các trứ tác có hệ thống của Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Khi giảng về sự phát sinh ra vũ trụ, đa số Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều dùng thuyết này để suy diễn. Sau đây tôi luận chung về *Thái Cực Đồ Thuyết* và *Thông Thư* của Chu Liêm Khê. *Thông Thư* 通書 (còn gọi là *Dịch Thông* 易通) cũng là một trứ tác của ông giảng về Dịch.

b. Thái Cực Đồ Thuyết và Thông Thư

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thái Cực động thì sinh ra Dương; động tới cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh ra Âm. Tĩnh tới cực điểm thì trở lại động. Một động một tĩnh, làm căn bản cho nhau. Phân ra Âm và Dương, thì lưỡng nghi thành lập.» Một động một tĩnh của Thái Cực có thể cùng lúc mà có. *Thông Thư* viết: «Động mà không tĩnh, tĩnh mà không động,

---

[16] Phùng Hữu Lan chú: Hoàng Tông Viêm 黃宗炎, *Thái Cực Đồ Biện* 太極圖辯 (được trích dẫn trong *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案) và Chu Di Tôn 朱彝尊, *Thái Cực Đồ Thụ Thụ Khảo* 太極圖授受考 (in trong *Bộc Thư Đình Tập* 曝書亭集, quyển 58).

[17] Hoàng Tông Viêm, *Thái Cực Đồ Biện*: «Chu Tử đắc thử đồ, nhi điên đảo kỳ tự, cánh dị kỳ danh, phụ ư Đại Dịch, dĩ vi Nho giả chi bí truyền. Cái phương sĩ chi quyết, tại nghịch nhi thành Đan, cố tòng hạ nhi thượng. Chu Tử chi ý, dĩ thuận nhi sinh nhân, cố tòng thượng nhi hạ.» 周子得此圖, 而顛倒其序, 更易其名, 附於大易, 以爲儒者之秘傳. 蓋方士之訣, 在逆成丹, 故從下而上. 周子之意, 以順而生人, 故從上而下.

đó là vật. Động mà không động, tĩnh mà không tĩnh, đó là thần. Động mà không động, tĩnh mà không tĩnh, chẳng phải là không động và không tĩnh. Vật không thông nhau, thần là cái linh diệu nhất của vạn vật.»[18]

Một sự vật đặc thù, khi động thì chỉ có động chứ không có tĩnh, khi tĩnh thì chỉ có tĩnh chứ không có động. Một sự vật đặc thù khi nhất định là thế này thì nó không thể là thế kia, khi nó nhất định là thế kia thì nó không thể là thế này. Do đó mới nói «vật không thông nhau». Thái Cực động mà không động, tức là trong cái động cũng có cái tĩnh; tĩnh mà không tĩnh, tức là trong cái tĩnh cũng có cái động. Cho nên trong phần Âm của nó có Dương, trong phần Dương của nó có Âm. Do đó mới nói «thần là cái linh diệu nhất của vạn vật».

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Dương biến Âm hợp, thì sinh ra: thuỷ (nước), hoả (lửa), mộc (gỗ), kim (kim loại), thổ (đất). Ngũ khí (năm khí của ngũ hành) thuận hoà phân bố tạo ra sự vận hành của tứ thời (bốn mùa). Ngũ hành hợp nhất là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực. Thái Cực có gốc là Vô Cực.» Ở đây giảng rõ Thái Cực sinh Âm Dương và ngũ hành, nhưng Thái Cực kỳ thực lại nằm trong Âm Dương và ngũ hành. *Thông Thư* nói: «Hai khí Âm Dương và ngũ hành hoá sinh vạn vật. Ngũ hành khác nhau, Âm Dương là thực. Cả hai vốn là Một. Vạn là Một; Một phân làm vạn. Vạn và Một đều đúng đắn; cái lớn và cái nhỏ đều được quyết định.»[19]

Thái Cực Đồ Thuyết gọi ngũ hành là ngũ khí, gọi Âm Dương là nhị khí. Tức là Chu Liêm Khê xem Âm Dương và ngũ hành đều là *Khí*. Trong *Thông Thư* gọi Một là *Lý*, cũng tức là Thái Cực. Thái Cực là Lý, Âm Dương và ngũ hành là Khí. Hai khái niệm Lý 理 và Khí 氣 chiếm địa vị rất quan trọng trong Đạo học đời Tống và đời Minh. Hai khái niệm Lý và Khí do Chu Liêm Khê nêu ra đầu tiên, nhưng ý nghĩa của chúng phải đợi đến Chu Hi (1130-1200) mới được thuyết minh tường tận. Theo *Thông Thư*, vạn vật đều do Một phân ra. Do đó Thái Cực tức là ở trong vạn vật, nên *Thông Thư* mới nói «vạn là Một; Một phân làm vạn».

---

[18] ***Thông Thư*: «Động nhi vô tĩnh, tĩnh nhi vô động, vật dã. Động nhi vô động, tĩnh nhi vô tĩnh, thần dã. Động nhi vô động, tĩnh nhi vô tĩnh, phi bất động bất tĩnh dã. Vật tắc bất thông; thần diệu vạn vật.»** 動而無靜，靜而無動，物也．動而無動，靜而無靜，神也．動而無動，靜而無靜，非不動不靜也．物則不通；神妙萬物．– **LAM chú: Câu chót tôi dịch theo Derk Bodde: «For whereas things do not interpenetrate one another, spirit is the most mysterious of all things.»**

[19] ***Thông Thư*: «Nhị khí ngũ hành, hoá sinh vạn vật. Ngũ thù nhị thực, nhị bản tắc nhất. Thị vạn vi nhất, nhất thực vạn phân. Vạn nhất các chính, tiểu đại hữu định.»** 二氣五行，化生萬物．五殊二實，二本則一．是萬爲一，一實萬分．萬一閤正，小大有定．

Thái Cực Đồ Thuyết nói hai khí Âm Dương giao cảm, hoá sinh vạn vật. Những sự vật đặc thù như thế đều có cái được quyết định cho nên chúng không thông với nhau. Cho nên *Thông Thư* nói: «Vạn và Một đều đúng đắn; cái lớn và cái nhỏ đều được quyết định.» *Thái Cực Đồ Thuyết* nói: «Chỉ riêng con người có được sự ưu tú, nên tối linh. Hình thể con người đã sinh ra rồi thì thần trí phát ra mà có ý thức. Ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động mà phân biệt thiện và ác, và vạn sự xuất hiện.» Ở đây xem con người linh hơn vạn vật, được phú bẩm Lý của Thái Cực và có đủ các tính của ngũ hành. Lý của Thái Cực thì thuần tuý chí thiện Cho nên bản tính con người vốn là thiện. Tính bản nhiên của nhân tính gọi là *thành* 誠(chân thành). *Thông Thư* nói: «Thành là gốc của thánh nhân. "*Lớn thay sự khởi đầu của Càn, vạn vật bắt đầu từ nó*," đó là nguồn của thành. "*Càn đạo biến hoá, mỗi thứ tự chính đốn tính và mệnh của mình, sự chân thành được lập nên, thuần tuý chí thiện vậy.*" Cho nên nói: "*Một Âm và một Dương gọi là Đạo; cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính.*" Nguyên và hanh là sự thông suốt của thành; lợi và trinh là sự trở về gốc của thành. Lớn thay đạo Dịch, đó là nguồn của tính và mệnh vậy.»[20]

Một Âm và một Dương gọi là Đạo; Đạo tức là một tên gọi khác của Thái Cực.

Về nguồn gốc của cái ác, *Thông Thư* nói: «Thành vô vi, cơ thiện ác.» 誠無爲幾善惡(Chân thành nằm trong trạng thái vô vi, hơi lay động thì tạo ra thiện và ác). Chữ «cơ» 幾 ở đây nghĩa là lay động rất nhỏ nhặt. Cho nên *Thông Thư* giảng: «Động nhi vị hình, hữu vô chi gian giả, cơ dã.» 動而未形, 有無之間者, 幾也(Động mà chưa có hình, cái nằm giữa hữu và vô gọi là cơ). Nhân tính vốn thiện, nhưng khi nó phát động ra để thi hành sự việc thì chưa chắc nó hợp với trung dung. Nếu nó phát ra mà không hợp với trung dung, thì cái không hợp với trung dung ấy gọi là ác.

---

[20] ***Thông Thư* nói: «Thành giả, thánh nhân chi bản. "Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thuỷ," [a] thành chi nguyên dã. "Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh, thành tư lập yên, thuần tuý chí thiện giả dã." [b] Cố viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo; kế chi giả thiện dã; thành chi giả tính dã." [c] Nguyên hanh thành chi thông; lợi trinh thành chi phục. Đại tai Dịch dã, tính mệnh chi nguyên hồ.»** 誠者, 聖人之本. "大哉乾元, 萬物資始," 誠之源也. "乾道變化, 各正性命, 誠斯立焉, 純粹至善者也." 故曰: "一陰一陽之謂道; 繼之者善也; 誠之者性也." 元亨誠之通; 利貞誠之復. 大哉易也, 性命之源乎.– **LAM chú: (a) Câu *«Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thuỷ»* là Thoán Truyện quẻ Càn. (b) Chỉ có *«Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh»* là trong Thoán Truyện quẻ Càn. Còn *«Thành tư lập yên, thuần tuý chí thiện giả dã»* tôi không thấy xuất hiện trong Chu Dịch và Tử Thư. (c) Câu *«Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo; kế chi giả thiện dã; thành chi giả tính dã»* này trong Hệ Từ Thượng.**

Thông Thư nói: «Trong tính có cương nhu, tạo ra thiện ác. Chỉ cần trung dung mà thôi. [Bởi con người] không thấu đạt, [nên ta] nói: Thiện phát xuất từ cương là nghĩa, thẳng thắn, quyết đoán, nghiêm nghị, kiên định. Ác [phát xuất từ cương] là hung hãn, hẹp hòi, mạnh bạo. Thiện phát xuất từ nhu là thuận tòng, từ tốn. Ác [phát xuất từ nhu] là nhu nhược, không quyết đoán, tà nịnh. Chỉ có trung là hài hoà và tiết độ, là sự đạt đạo của thiên hạ, là sự việc của thánh nhân. Cho nên thánh nhân chủ trương giáo lý này, khiến cho con người tự thay đổi cái ác của mình, tự đạt tới sự trung dung của mình và dừng lại ở đó.»[21]

Dương thì cương, Âm thì nhu. Con người được phú bẩm hai khí Âm Dương, nên bản tính cũng có cương và nhu. Cương và nhu mất chính đáng cho đến ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động và không hợp với trung dung, như vậy đều là ác. Cho nên ác là cái tiêu cực, thiện là cái tích cực. Chu Liêm Khê nói: Bởi hơi bị lay động giữa thiện và ác, nên quân tử phải thận trọng khi hành động.

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thánh nhân tự xác định mình theo: *trung, chính, nhân, nghĩa*, và chủ về tĩnh, lập thành chuẩn mực tối cao của con người.» *Thông Thư* nói: «Đạo của thánh nhân chỉ là *nhân, nghĩa, trung, chính* mà thôi.» (Thánh nhân chi đạo, nhân nghĩa trung chính nhi dĩ hĩ 聖人之道, 仁義中正而已矣).

Như vậy, chuẩn mực tối cao của con người tức là *trung, chính, nhân, nghĩa. Thông Thư* nói: «Trời lấy Dương để sinh ra vạn vật, lấy Âm để tựu thành vạn vật. Vật được sinh, đó là nhân ái; được tựu thành, đó là nghĩa. Cho nên thánh nhân ở trên cao, lấy nhân ái để dưỡng dục vạn vật, lấy nghĩa để chỉnh đốn vạn dân.»[22]

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương; đạo đất thì có nhu và cương; đạo người thì có nhân và nghĩa.» Tổng hợp lại mà xét, chúng ta phải lấy trung chính để uốn nắn bản thân,

[21] ***Thông Thư:*** **«Tính giả cương nhu thiện ác, trung nhi dĩ hĩ. Bất đạt, viết: Cương thiện vi nghĩa, vi trực, vi đoán, vi nghiêm nghị, vi cán cố. Ác vi mãnh, vi ải, vi cường lương. Nhu thiện vi thuận, vi tốn. Ác vi nhu nhược, vi vô đoán, vi tà nịnh. Duy trung dã giả, hoà dã, trúng tiết dã, thiên hạ chi đạt đạo dã, thánh nhân chi sự dã. Cố thánh nhân chủ giáo, tỷ nhân tự dị kỳ ác, tự chí kỳ trung nhi chỉ hĩ.»** 性者剛柔善惡, 中而已矣. 不達, 曰: 剛善爲義, 爲直, 爲斷, 爲嚴毅, 爲幹固. 惡爲猛, 爲隘, 爲強梁. 柔善爲順, 爲巽. 惡爲懦弱, 爲無斷, 爲邪佞. 惟中也者, 和也, 中節也, 天下之達道也, 聖人之事也. 故聖人主教, 俾人自易其惡, 自至其中而止矣.

[22] ***Thông Thư:*** **«Thiên dĩ Dương sinh vạn vật, dĩ Âm thành vạn vật. Vật sinh, nhân dã; thành, nghĩa dã. Cố thánh nhân tại thượng, dĩ nhân dục vạn vật, dĩ nghĩa chính vạn dân.»** 天以陽生萬物, 以陰成萬物. 物生, 仁也; 成, 義也. 故聖人在上, 以仁育萬物, 以義正萬民.

lấy nhân nghĩa để trị người; và phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân chính là tĩnh 靜. Theo chú thích của Chu Liêm Khê, «vô dục cho nên tĩnh» (vô dục cố tĩnh 無欲故靜). *Thông Thư* nói: «Hỏi: "Người ta có thể học làm thánh không?" Đáp: "Có thể." Hỏi: "Có nguyên tắc quan trọng gì chăng?" Ta trả lời là có, người ấy hỏi đó là gì, ta đáp: "Điều quan trọng là duy nhất. Cái duy nhất ấy chính là vô dục. Cái vô dục ấy lúc tĩnh thì hư không, lúc động thì ngay thẳng. Tĩnh và hư không thì sáng suốt, sáng suốt thì thông hiểu; động và ngay thẳng thì công bình, công bình thì phổ quát. Hễ sáng suốt, thông hiểu, công bình, phổ quát, thì thứ dân thành thánh nhân vậy!»[23]

Vô dục thì tĩnh hư và động trực. *Mạnh Tử* nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó], chẳng phải vì họ quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân.»[24] Các Đạo học gia đời Tống và đời Minh thường trích dẫn câu văn này. Lòng trắc ẩn khiến người ta muốn cứu đứa bé, đó là *trực khởi* 直起. Từ lòng trắc ẩn dẫn tới hành vi cứu ngay đứa bé, đó là *trực động* 直動. *Trực khởi* và *trực động*, chẳng màng lợi hại đối với bản thân, chỉ cần cứu được đứa bé, đó là công bình. Cho nên Chu Liêm Khê nói «động và ngay thẳng thì công bình». Tuy nhiên, nếu «vì quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân» mà ta chạy đến cứu đứa bé, thì đó là *dục* 欲. Ý niệm ấy khởi lên không phải là *trực khởi*; hành vi cứu đứa bé không phải là *trực động*. Ý niệm và hành vi ấy có sự cân nhắc lợi hại đối với bản thân, nên gọi là tư dục. Ý niệm vô dục khởi lên đó là thánh hiền, còn ý niệm có tư dục khởi lên đó là cầm thú. Nếu trong tâm ta vô dục và tĩnh lặng thì tâm ta giống như gương sáng. Vô sự thì tĩnh hư, hữu sự thì động trực. *Thông Thư* nói: «Vắng lặng bất động tức là thành. Cảm động mà thông suốt tức là thần.» (Tịch nhiên bất động giả, thành dã. Cảm nhi toại thông giả, thần dã. 寂然不動者, 誠也. 感而遂通者, 神也). «Vắng lặng bất động» tức là tĩnh hư; «cảm động mà thông suốt» tức là động trực. Đó là điều mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh về sau thường thuyết

---

[23] ***Thông Thư:*** **«Thánh khả học hồ? Viết: Khả. Viết: Hữu yếu hồ? Viết hữu, thỉnh vấn yên. Viết: Nhất vi yếu, nhất giả vô dục dã. Vô dục tắc tĩnh hư động trực. Tĩnh hư tắc minh, minh tắc thông, động trực tắc công, công tắc phổ. Minh thông công phổ, thứ hĩ hồ!»** 聖可學乎?曰:可. 曰:有要乎?曰有, 請問焉. 曰:一爲要, 一者無欲也. 無欲則靜虛動直. 靜虛則明, 明則通, 動直則公, 公則溥. 明通公溥, 庶矣乎!

[24] ***Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu (thượng): «Kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập vu tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phi sở dĩ nạp giao vu nhụ tử chi phụ mẫu dã; phi sở dĩ yêu dự vu hương đảng bằng hữu dã; phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã.»** 今人乍見孺子將入于井, 皆有怵惕惻隱之心. 非所以內交于孺子之父母也; 非所以要譽于鄉黨朋友也; 非惡其聲而然也.

giảng. Tuy nhiên Chu Liêm Khê chỉ đề cập *dục* như vậy; còn địa vị của *nhân dục* ở phương diện siêu hình và luân lý thì ông chưa từng nói rõ.

«Sáng suốt thì thông hiểu» (minh tắc thông), khi chúng ta vô dục và tĩnh lặng thì tâm chúng ta như gương sáng. Vắng lặng mà thường chiếu. Hễ sáng thì có thể như thế, không sáng thì không thể như thế. Về «công bình thì phổ quát» (công tắc phổ), *Thông Thư* nói: «Đạo của thánh nhân chỉ là chí công mà thôi. Có kẻ hỏi: "Vì sao nói thế?" Đáp: "Bởi trời đất chỉ là chí công mà thôi."» (Thánh nhân chi đạo, chí công nhi dĩ hĩ. Hoặc viết: Hà vị dã? Viết: Thiên địa chí công nhi dĩ hĩ. 聖人之道, 至公而已矣. 或曰:何謂也?曰:天地至公而已矣).

Trời đất chí công nên che chở tất cả, đó gọi là *phổ* 溥 (phổ quát, khắp nơi). Bởi công bình, nên như thế. Nếu không công bình thì có sự che chở riêng tư cho mỗi loài. Đạo của thánh nhân chỉ là chí công mà thôi. Cho nên, hễ sáng suốt, thông hiểu, công bình, và phổ quát, thì thứ dân trở thành thánh nhân vậy.

Muốn đạt tới cảnh giới «vô dục và tĩnh lặng» thì chúng ta cũng phải trải qua một giai đoạn đáng kể. *Thông Thư* chép: «Hồng Phạm nói: "Suy nghĩ phải thấu triệt. [...] Thấu triệt sẽ thánh thiện." Không suy nghĩ là căn bản. Suy nghĩ thông suốt là ứng dụng. Hơi lay động ở chỗ kia, thì chân thành động ở chỗ này. Không suy nghĩ mà chẳng gì không thông suốt, đó là thánh nhân. Nếu không suy nghĩ, thánh nhân không thể thông suốt cái tế vi. Nếu không thấu triệt, thánh nhân không thể thông suốt khắp nơi. Do đó, thông suốt khắp nơi phát sinh từ thông suốt cái tế vi; ứng dụng cái tế vi phát sinh từ suy nghĩ. Cho nên suy nghĩ là căn bản của công việc của thánh nhân và là sự lay động dẫn đến cát hung vậy.»[25]

Vô tư (không suy nghĩ) tức là vắng lặng bất động. Suy nghĩ thông suốt tức là cảm động mà thông suốt. Muốn đạt tới cảnh giới «không suy nghĩ mà chẳng gì không thông suốt» (vô tư nhi vô bất thông) thì trước tiên phải có công phu suy nghĩ. Nhưng cái công phu suy nghĩ ấy phải như thế

---

[25] ***Thông Thư:*** **«Hồng Phạm viết: "Tư viết duệ. [...] Duệ tác thánh." Vô tư, bản dã. Tư thông, dụng dã. Cư động tư bỉ, thành động tư thử, vô tư nhi vô bất thông vi thánh nhân. Bất tư tắc bất năng thông vi; bất duệ tắc bất năng vô bất thông. Thị tắc vô bất thông sinh tư thông vi; dụng vi sinh tư tư. Cố tư giả, thánh công chi bản, nhi cát hung chi cơ dã.»** 洪範曰: "斯曰睿. [...] 睿作聖." 無思, 本也. 思通, 用也. 幾動於彼, 誠動於此, 無思而無不通爲聖人. 不思則不能通微; 不睿則不能無不通. 是則無不通生於通微; 用微生於思. 故思者, 聖功之本, 而吉凶之幾也.– **LAM chú: Nguyên văn trong Hồng Phạm là: «Ngũ sự: Nhất viết mạo, nhị viết ngôn, tam viết thị, tứ viết thính, ngũ viết tư. Mạo viết cung, ngôn viết tòng, thị viết minh, thính viết thông, tư viết duệ. Cung tác túc, tòng tác nghệ, minh tác triết, thông tác mưu, duệ tác thánh.»** 五事: 一曰貌, 二曰言, 三曰視, 四曰聽, 五曰思. 貌曰恭, 言曰從

nào thì Chu Liêm Khê chưa hề nói rõ. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng công phu ấy có lẽ là thường xuyên chú ý đến trạng thái trong tâm chúng ta, giống như *Mạnh Tử* nói «tất hữu sự yên» 必有事焉(luôn canh cánh bên lòng).[26]

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thánh nhân hợp nhất đức của mình với trời đất, hợp nhất vẻ sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hợp nhất thứ tự của mình với bốn mùa, hợp nhất cát hung của mình với quỷ thần.» *Thông Thư* nói: «Thánh nhân chỉ có chân thành mà thôi. Chân thành là gốc của ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), là nguồn của trăm hạnh.» (Thánh thành nhi dĩ hĩ. Thành ngũ thường chi bản, bách hạnh chi nguyên dã. 聖誠而已矣. 誠五常之本, 百行之源也).

Thành 誠(chân thành) là tính bản nhiên của nhân tính. Thánh nhân sở dĩ là thánh bởi vì đã trở về với tính bản nhiên của nhân tính. Điều mà Lý Ngao nói, các Đạo học gia kể từ Chu Liêm Khê về sau đã nhất trí chủ trương.

2. Thiệu Khang Tiết

Ở chương 3 (tiết 2) và chương 10 (tiết 4) trên đây, chúng ta thấy rằng các vĩ thư đời Hán đã phát triển những lý thuyết về Dịch. Những thuyết này đã nhập vào Đạo giáo và được truyền thụ không dứt. Đến đời Bắc Tống, những lý thuyết về Dịch cũng được đưa vào Đạo học, và gọi là cái học tượng số 象數. Trong lời tựa của *Dịch Số Câu Ẩn Đồ* 易數鉤

. 視曰明. 聽曰聰. 思曰睿. 恭作肅. 從作乂. 明作哲. 聰作謀. 睿作聖. (Năm việc: 1- Dung mạo, 2- Nói năng, 3- Nhìn, 4- Nghe, 5- Suy nghĩ. Dung mạo phải kính cẩn, nói năng phải theo lý lẽ, nhìn phải sáng suốt, nghe phải tinh tế, suy nghĩ phải thấu triệt. Kính cẩn sẽ nghiêm túc, theo lý sẽ trật tự, sáng suốt sẽ khôn ngoan, tinh tế sẽ mưu lược, thấu triệt sẽ thánh thiện).

[26] LAM chú: Câu «*Tất hữu sự yên*» 必有事焉 trích trong *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng), Mạnh Tử nói về việc nuôi dưỡng khí hạo nhiên. Ta cần tích luỹ việc nghĩa thì khí hạo nhiên mới sinh ra. Nguyên văn: «Tất hữu sự yên vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã.» 必有事焉勿正. 心勿忘. 勿助長也. Chu Hi giảng *chính* 正 là *dự kỳ* 預期(mong ngóng), ý nói việc nuôi dưỡng khí hạo nhiên chúng ta ắt luôn chú tâm đến, nhưng chớ mong ngóng hiệu quả, chớ quên nó, chớ thúc ép cho nó mau lớn. Cố Viêm Vũ bác bỏ giải thích này. Chẳng qua văn bản bị chép sai. Hai chữ *chính tâm* 正心 tức là chữ *vong* 忘 bị chép sai. Câu này lẽ ra phải là: «Tất hữu sự yên vật vong, vật vong, vật trợ trưởng dã.» 必有事焉勿忘. 勿忘. 勿助長也. (Trong tâm ắt có sự [nuôi dưỡng khí hạo nhiên], chớ quên, chớ quên, chớ thúc ép cho nó mau lớn). Xem: *Tứ Thư Độc Bản*, Tam Dân Thư Cục, Đài Loan, 1993, tr.367. James R. Ware (*The Sayings of Mencius*, New York, 1960, tr.65) dịch đúng ý của Cố Viêm Vũ: «Let it be constantly in your heart-and-mind, and do not engage in efforts to help it grow.» (Cứ để nó luôn trong lòng, chớ ép nó phát triển). Ở đây, Phùng Hữu Lan trích câu này là muốn nhấn mạnh ý nghĩa «luôn canh cánh bên lòng», chứ ông không quan tâm vấn đề nuôi dưỡng khí hạo nhiên.

隱圖. Lưu Mục 劉牧 viết: «Dịch là gọi sự giao hoà giữa hai khí Âm và Dương. [...] Quẻ là do thánh nhân thiết lập sau khi quan sát các tượng. Tượng là cái tương ứng bên trên hình thể vật chất. Truy về nguồn gốc, ta thấy hình do tượng sinh ra, tượng do các số thiết lập. Nếu bỏ các số thì ta sẽ không thấy được gốc gác mà tứ tượng từ đó sinh ra.»[27]



Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết)

«Hình do tượng sinh ra, tượng do các số thiết lập.» Mọi vật trong thiên hạ đều là *hình* 形. Có *số* 數 rồi sau mới có *tượng* 象, có *tượng* rồi sau mới có *hình*. Vậy số là cái căn bản nhất. Như trên đã nói, các lý thuyết về Dịch trong vĩ thư đời Hán tuy cũng có khuynh hướng này, nhưng mãi đến đời Tống thì khuynh hướng này mới có sự biểu thị minh bạch.

Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê tức là *tượng học* 象學. Chu Liêm Khê có *tượng học* nhưng không có *số học* 數學. Chính Thiệu Khang Tiết 邵康節 mới có cả tượng học lẫn số học. *Tống Sử* (Đạo Học Truyện) chép: «Thiệu Ung 邵雍 tự là Nghiêu Phu 堯夫, tổ tiên quê quán ở Phạm Dương 范陽 (nay là phía nam của Bắc Kinh). Cha tên là Cổ 古, di cư đến Hành Chương 衡漳, rồi di cư đến Cộng Thành 共城 (nay là huyện Huy 輝 thuộc Hà Nam). Ung năm 30 tuổi đến Hà Nam; [cha mẹ qua đời], ông an táng cha mẹ bên bờ sông Y 伊, rồi trở thành dân Hà Nam.[28] [...] Lý Chi Tài 李之才 quê ở Bắc Hải, làm quan lệnh ở Cộng Thành; nghe tiếng Thiệu Ung hiếu học, nên có lần đến nhà tranh của Ung, hỏi: "Ông cũng nghe đến cái học về vật lý và tính mệnh ư?" Ung đáp: "Xin hân hạnh thụ giáo ngài." Ung bèn trở thành học trò của Chi Tài, học được Hà Đồ, Lạc Thư, bát quái của Mật Hi (tức Phục Hi), 64 quẻ, và các hình đồ, biểu tượng. Sự truyền dạy của Chi Tài có manh mối xa xôi. Nhưng Ung nghiên cứu sâu những điều kỳ lạ bí ẩn, ngộ được sự thần kỳ, hiểu sâu điều ẩn áo. Học vấn của ông uyên bác, đa phần là những điều ông tự đạt được. [...]

---

[27] ***Dịch Số Câu Ẩn Đồ:*** **«Phù Dịch giả, Âm Dương khí giao chi vị dã. [...] Quái giả, thánh nhân thiết chi, quan ư tượng dã. Tượng giả, hình thượng chi ứng. Nguyên kỳ bản tắc hình do tượng sinh, tượng do số thiết. Xả kỳ số tắc vô đĩ kiến tứ tượng sở do chi tông hĩ.»** 夫易者, 陰陽氣交之謂也. [...] 卦者, 聖人設之, 觀於象也. 象者, 形上之應. 原其本則形由象生, 象由數設. 捨其數則無以見四象所由之宗矣.

[28] **Derk Bodde chú: Không phải là tỉnh Hà Nam hiện nay, mà là thủ phủ của nó, tức nay là Lạc Dương. Sông Y từ phía nam chảy vào sông Hoàng Hà.**

Ông mất năm Hi Ninh thứ 10 (tức 1077) đời vua Thần Tông, thọ 67 tuổi. Vào những năm Nguyên Hựu (1086-1093) đời vua Triết Tông, ông được vua ban thuỵ hiệu là Khang Tiết 康節.»[29]

Cái học tượng số của Thiệu Ung do Lý Chi tài truyền dạy. Trình Minh Đạo viết bài minh trên mộ chí của Thiệu Ung cũng nói như thế. Lý Chi Tài thụ giáo Trần Đoàn, cho nên *Tống Sử* nói «sự truyền dạy của Chi Tài có manh mối xa xôi».

Hệ Từ Truyện nói: «Cho nên Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái. Bát Quái định cát hung, cát hung sinh ra sự nghiệp lớn.»[30] Vũ trụ luận của Thiệu Ung đại khái cũng suy diễn từ đó, nhưng ông dùng hình đồ và biểu tượng để thuyết minh. Ông nói: «Hình đồ tuy không có chữ viết, nhưng ta có thể nói suốt ngày mà không rời xa nó. Bởi vì nguyên lý của trời đất và vạn vật đều nằm cả trong đó.»[31] Đáng tiếc, các hình đồ của ông không còn lưu giữ được trong tác phẩm quan trọng của ông là *Hoàng Cực Kinh Thế* 皇極經世. Các hình đồ trong *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案phần lớn là rút từ *Dịch Học Khải Mông* 易學啓蒙của Chu Hi. Trong các hình đồ này, hình đồ về thứ tự của Bát Quái (trong đó Âm Dương được xem là lưỡng nghi; Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm được xem là tứ tượng) thì khác với thuyết minh của Thiệu Ung trong thiên Quan Vật 觀物của *Hoàng Cực Kinh Thế*. Sau đây, chúng ta sẽ lấy các hình đồ trong *Kinh Thế Chỉ Yếu* 經世指要 của Thái Trầm 蔡沈(1167-1230) và trong *Tống Nguyên Học Án* rồi phối hợp với thuyết minh trong thiên

---

[29] ***Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Thiệu Ung, tự Nghiêu Phu, kỳ tiên Phạm Dương nhân. Phụ Cổ, tỷ Hành Chương, hựu tỷ Cộng Thành. Ung niên tam thập du Hà Nam, táng kỳ thân Y thuỷ thượng, toại vi Hà Nam nhân. [...] Bắc Hải Lý Chi Tài, nhiếp Cộng Thành lệnh, văn Ung hiếu học, thường tạo kỳ lư, vị viết: "Tử diệc văn vật lý tính mệnh chi học hồ?" Ung viết: "Hạnh thụ giáo." Nãi sự Chi Tài, thụ Hà Đồ Lạc Thư Mật Hi bát quái, lục thập tứ quái đồ tượng. Chi Tài chỉ truyền, viễn hữu đoan tự. Nhi Ung thám trách sách ẩn, diệu ngộ thần kỳ, động triệt uẩn áo, uông dương hạo bác, đa kỳ sở tự đắc giả. [...] Hi Ninh thập niên tốt, niên lục thập thất. Nguyên Hựu trung, tứ thuỵ Khang Tiết.»** 邵雍, 字堯夫, 其先范陽人. 父古, 徙衡漳, 又徙共城. 雍年三十游河南, 葬其親伊水上, 遂爲河南人. [...] 北海李之才, 攝共城令, 聞雍好學, 常造其廬, 謂曰: "子亦聞物理性命之學乎?" 雍曰: "幸受教." 乃事之才, 受河圖洛書宓羲八卦, 六十四卦圖象. 之才之傳, 遠有端緒. 而雍探賾索隱, 妙悟神奇, 洞徹蘊奧, 汪洋浩博, 多其所自得者. [...] 熙寧十年卒, 年六十七. 元祐中, 賜謚康節.

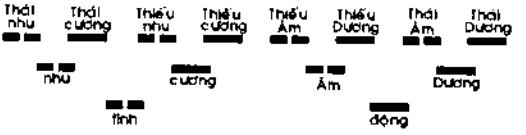
[30] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 11 của chương này.**

[31] **Quan Vật Thiên 觀物篇: «Đồ tuy vô văn, ngô chung nhật ngôn nhi vị thường ly hồ thị. Cái thiên địa vạn vật chi lý, tận tại kỳ trung hĩ.»** 圖雖無文, 吾終日言而未嘗離乎是. 蓋天地萬物之理, 盡在其中矣.

Quan Vật của *Hoàng Cực Kinh Thế* để khảo sát triết học của Thiệu Ung.

a. Thái Cực và Bát Quái

Kinh Thế Chỉ Yếu của Thái Trầm có hình đồ sau đây:



Hình đồ này có ba tầng, khi xem tầng giữa thì ta phải liên hệ với tầng dưới cùng. Thí dụ, hào Dương — (ở tầng giữa) hợp với hào động — (ở tầng dưới) thành ⚌, đó là tượng của Dương; hào Âm ⚋ (ở tầng giữa) hợp với hào động — (ở tầng dưới) thành ䷒, đó là tượng của Âm. Khi xem tầng trên cùng thì ta phải liên hệ với hai tầng dưới. Thí dụ, hào Thái Dương — (ở tầng trên cùng) hợp với hào Dương — (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Càn ☰, đó là tượng của Thái Dương; hào Thái Âm ⚋ (ở tầng trên cùng) hợp với hào Dương — (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Đoài ☱, đó là tượng của Thái Âm; hào Thiếu Dương — (ở tầng trên cùng) hợp với hào Âm ⚋ (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Ly ☲, đó là tượng của Thiếu Dương. Như vậy, thứ tự của Bát Quái là: 1- Càn, 2- Đoài, 3- Ly, 4- Chấn, 5- Tốn, 6- Khảm, 7- Cấn, 8- Khôn.

Thiệu Ung viết: «Trời sinh ra từ động; đất sinh ra từ tĩnh. Một động một tĩnh giao nhau, thì đạo của trời đất hoàn thành. Động khởi lên thì Dương sinh ra, động tới cùng tột thì Âm sinh ra. Một Âm một Dương giao nhau, thì cái dụng của trời hoàn thành. Tĩnh khởi lên thì nhu sinh ra, tĩnh tới cùng tột thì cương sinh ra. Một cương một nhu giao nhau, thì cái dụng của đất hoàn thành. Cái lớn của động gọi là Thái Dương; cái nhỏ của động gọi là Thiếu Dương; cái lớn của tĩnh gọi là Thái Âm; cái nhỏ của tĩnh gọi là Thiếu Âm. Thái Dương là mặt trời, Thái Âm là mặt trăng, Thiếu Dương là các sao, Thiếu Âm là [cũng] là các sao; mặt trời, mặt trăng, và các sao giao nhau, thì thể của trời hoàn thành. Thái nhu là nước, thái cương là lửa, thiếu nhu là đất; thiếu cương là đá; nước, lửa, đất, đá giao nhau, thì thể của đất hoàn thành.»[32]

[32] *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): «Thiên sinh ư động giả dã; địa sinh ư tĩnh giả dã. Nhất động nhất tĩnh giao, nhi thiên địa chi đạo tận chi hĩ. Động chi thuỷ tắc Dương sinh yên, động chi cực tắc Âm sinh yên. Nhất Âm nhất Dương giao, nhi thiên chi dụng tận chi hĩ. Tĩnh chi thuỷ tắc nhu sinh yên, tĩnh chi cực tắc cương sinh yên. Nhất cương nhất nhu giao, nhi địa chi dụng tận chi hĩ. Động chi đại giả vị chi Thái Dương; động chi tiểu giả vị chi Thiếu Dương; tĩnh chi đại giả vị chi Thái Âm; tĩnh chi tiểu giả vị chi Thiếu Âm. Thái Dương vi nhật, Thái Âm vi

Thái cương, thái nhu, thiếu cương sinh ra như thế nào thì Thiệu Ung chưa hề nói rõ. Theo logic của Thiệu Ung mà suy luận, thì tượng của động, cương, Dương đều là — ; tượng của tĩnh, nhu, Âm đều là ▬▬. Phối hợp tầng giữa và tầng dưới cùng mà xem, ta thấy ở phương diện động thì trong động có tĩnh. Do đó, ở tầng trên cùng ở phương diện động thì có Thái Âm (tức cái lớn của tĩnh) và Thiếu Âm (tức cái nhỏ của tĩnh). Cùng một nguyên lý ấy, ở phương diện tĩnh thì trong tĩnh có động. Ở phương diện này cũng có thể nói: cái lớn của động gọi là thái cương; cái nhỏ của động gọi là thiếu cương; cái lớn của tĩnh gọi là thái nhu; cái nhỏ của tĩnh gọi là thiếu nhu.

Trong thiên Quan Vật của *Hoàng Cực Kinh Thế*, Thiệu Ung cũng nói đến Thái Cực rằng: «Đạo là Thái Cực.» (Đạo vi Thái Cực 道爲太極). Lại nói: «Tâm là Thái Cực.» (Tâm vi Thái Cực 心爲太極).

Ông còn nói rằng: «Thái Cực phân ra rồi thì lưỡng nghi thành lập. Dương đi xuống giao với Âm, Âm đi lên giao với Dương, sinh ra tứ tượng. Dương giao với Âm, Âm giao với Dương, thì sinh ra tứ tượng của trời. Cương giao với nhu, nhu giao với cương, thì sinh tứ tượng của đất. Từ đó, Bát Quái lập thành. Bát Quái tác động qua lại, rồi sau đó sinh ra vạn vật. Cho nên, một phân làm hai, hai phân làm bốn, bốn phân làm tám, tám phân làm 16, 16 phân làm 32, 32 phân làm 64. Cho nên [Thuyết Quái] nói: "[Sáu vạch được] phân làm hào Âm và hào Dương, được dùng lần lượt thành hào nhu và hào cương. Do đó sáu vị trí trong quẻ Dịch lập thành hình quẻ." Mười phân làm trăm, trăm phân làm nghìn, nghìn phân làm vạn. Giống như gốc cây có thân cây, thân cây có cành, cành có lá. Càng lớn thì càng ít, càng vi tế thì càng phức tạp. Hợp chúng lại thì thành một, mở rộng chúng ra thì thành vạn. Cho nên quẻ Càn để phân chúng, quẻ Khôn để hợp chúng, quẻ Chấn để tăng trưởng chúng, quẻ Tốn để giảm thiểu chúng. Tăng trưởng thì

---

nguyệt, Thiếu Dương vi tinh, Thiếu Âm vi thần; nhật nguyệt tinh thần giao, nhi thiên chi thể tận chi hĩ. Thái nhu vi thuỷ, thái cương vi hoả, thiếu nhu vi thổ, thiếu cương vi thạch; thuỷ hoả thổ thạch giao, nhi địa chi thể tận hĩ.» 天生於動者也；地生於靜者也. 一動一靜交，而天地之道盡之矣. 動之始則陽生焉，動之極則陰生焉. 一陰一陽交，而天之用盡之矣. 靜之始則柔生焉，靜之極則剛生焉. 一剛一柔交，而地之用盡之矣. 動之大者謂之太陽；動之小者謂之少陽；靜之大者謂之太陰；靜之小者謂之少陰. 太陽爲日，太陰爲月，少陽爲星，少陰爲辰；日月星辰交，而天之體盡之矣. 太柔爲水，太剛爲火，少柔爲土，少剛爲石；水火土石交，而地之體盡矣.

phân chia, phân chia thì giảm thiểu, giảm thiểu thì hợp lại.»[33]

Thiệu Ung lại nói: «Thái Cực là Một và bất động. Thái Cực sinh ra hai; hai là thần. [...] Thần sinh ra số, số sinh ra tượng, tượng sinh ra vật dụng (*khí* 器).»[34]

Thiệu Ung lại nói: «Thái Cực bất động, đó là tính. Nó phát ra thì có thần; có thần thì có số; có số thì có tượng; có tượng thì có vật dụng (*khí* 器). Sự biến hoá của vật dụng thì quay trở về thần.»[35]

Thái Cực bất động, đó là tính. Nó phát ra thì có động tĩnh, và là thần. Sự phát ra của nó đại biểu là lưỡng nghi (Âm Dương), tứ tượng, cho đến Bát Quái, tức là tượng. Các số 1, 2, 4, 8, v.v... tức là số. Trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đất, đá, v.v... đều là *khí* 器(vật dụng).

Thiệu Ung nói: «Thần không có phương hướng cố định và Dịch không có hình thể cố định. Nếu thần ngưng trệ ở một phương, thì thần không thể biến hoá; như thế đâu phải là thần. Nếu Dịch có hình thể cố định thì Dịch không thể biến và thông; như thế đâu phải là Dịch. Dịch tuy có hình thể, nhưng cái hình thể ấy là tượng. Giả lập các tượng để

---

[33] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Thái Cực ký phân, lưỡng nghi lập hĩ. Dương há giao ư Âm, Âm thướng giao ư Dương, tứ tượng sinh hĩ. Dương giao ư Âm, Âm giao ư Dương, nhi sinh thiên chi tứ tượng. Cương giao ư nhu, nhu giao ư cương, nhi sinh địa chi tứ tượng. Ư thị Bát Quái thà nh hĩ. Bát Quái tương thác, nhiên hậu vạn vật sinh yên. Thị cố, nhất phân vi nhị, nhị phân vi tứ, tứ phân vi bát, bát phân vi thập lục, thập lục phân vi tam thập nhị, tam thập nhị phân vi lục thập tứ. Cố viết: Phân Âm phân Dương, diệt dụng nhu cương, Dịch lục vị nhi thành chương dã. Thập phân vi bách, bách phân vi thiên, thiên phân vi vạn. Do căn chi hữu cán, cán chi hữu chi, chi chi hữu diệp. Dũ đại tắc dũ thiểu, dũ tế tắc dũ phồn. Hợp chi tư vi nhất, diễn chi tư vi vạn. Thị cố Càn dĩ phân chi, Khôn dĩ hấp chi, Chấn dĩ trưởng chi, Tốn dĩ tiêu chi. Trưởng tắc phân, phân tắc tiêu, tiêu tắc hấp dã.»** 太極既分, 兩儀立矣. 陽下交於陰, 陰上交於陽, 四象生矣. 陽交於陰, 陰交於陽, 而生天之四象. 剛交於柔, 柔交於剛, 而生地之四象. 於是八卦成矣. 八卦相錯, 然後萬物生焉. 是故, 一分爲二, 二分爲四, 四分爲八, 八分爲十六, 十六分爲三十二, 三十二分爲六十四. 故曰: 分陰分陽, 迭用柔剛, 易六位而成章也. 十分爲百, 百分爲千, 千分爲萬. 猶根之有幹, 幹之有枝, 枝之有葉. 愈大則愈少, 愈細則愈繁. 合之斯爲一, 衍之斯爲萬. 是故乾以分之, 坤以翕之, 震以長之, 巽以消之. 長則分, 分則消, 消則翕也.

[34] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Thái Cực, nhất dã, bất động, sinh nhị, nhị tắc thần dã. [...] Thần sinh số, số sinh tượng, tượng sinh khí.»** 太極, 一也, 不動, 生二, 二則神也. [...] 神生數, 數生象, 象生器.

[35] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Thái Cực bất động, tính dã. Phát tắc thần, thần tắc số, số tắc tượng, tượng tắc khí. Khí chi biến phục quy ư thần dã.»** 太極不動, 性也. 發則神, 神則數, 數則象, 象則器. 器之變復歸於神也.

thấy hình thể, nhưng Dịch vốn không có hình thể cố định.»[36]

Chữ *khí* 器 có nghĩa là một sự vật đặc thù, tức là *vật* 物. Sự bất đồng giữa khí vật và thần là: khí vật có tính cách quyết định, thí dụ vật này là vật này rồi thì nó không thể là vật kia. Nó tức là một hình thể cố định,

[36] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** (Quan Vật Thiên): ***«Thần vô phương nhi Dịch vô thể.***(a) **Trệ ư nhất phương, tắc bất năng biến hoá, phi thần dã. Hữu định thể tắc bất năng *biến thông*,**(b) **phi Dịch dã. Dịch tuy hữu thể, thể giả tượng dã. Giả tượng dĩ kiến thể, nhi bản vô thể dã.»** 神無方而易無體. 滯於一方, 則不能變化, 非神也. 有定體則不能變通, 非易也. 易雖有體, 體者象也. 假象以見體, 而本無體也.– **LAM chú: (a) Câu *«Thần vô phương nhi Dịch vô thể»* ở trong Hệ Từ Thượng: «Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri, cố *thần vô phương nhi Dịch vô thể*.»** 範圍天地之化而不過, 曲成萬物而不遺, 通乎晝夜之道而知, 故神無方而易無體. **(Kinh Dịch bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên *thần không có phương hướng cố định và Dịch không có hình thể cố định*). Cao Hanh chú: *Phạm vi* 範圍 (động từ) = *bao quát* 包括.– *Quá* 過 = vượt quá.– *Khúc* 曲 = *câu* 俱 (đều, cùng).– *Thành* 成 = *thịnh* 盛.– *Di* 遺 = *lậu* 漏 (rò rỉ, lọt).– *Trí* 知 = *trí* 智.– Tiêu Tuấn nói: «Đạo ngày và đêm tức là đạo Dương và Âm.» (Trú dạ chi đạo tức nhất Âm nhất Dương chi đạo dã 晝夜之道即一陰一陽之道也).– *Vô phương* 無方 = *vô định phương* 無定方 (không có phương hướng cố định).– *Vô thể* 無體 = *vô định thể* 無定體 (không có hình thể cố định).– Richard Wilhelm dịch: «Trong nó [tức Kinh Dịch] có những hình thể và các lĩnh vực của tất cả những biến hoá của trời đất mà không có gì thoát khỏi nó. Trong nó, vạn vật được thành tựu mà không sót thứ gì. Cho nên thông qua nó người ta có thể xâm nhập đạo của ngày đêm mà hiểu nó. Do đó *thần không ràng buộc với nơi chốn và Kinh Dịch không ràng buộc với hình thể*.» (In ihm sind die Formen und Bereiche aller Gestaltungen des Himmels und der Erde, so daß nichts ihm entgeht. In ihm sind alle Dinge ringsum vollendet, so daß ihrer keines fehlt. Darum kann man durch ihn den SINN von Tag und Nacht durchdringen, so daß man ihn versteht. Darum ist der Geist an keinen Ort gebunden und das Buch der Wandlungen an keine Gestalt). – James Legge dịch: «Thông qua Dịch, như thể trong một phạm vi, ngài (tức thánh nhân) thông hiểu sự chuyển hoá của trời đất không chút lỗi lầm. Bằng sự ứng biến, ngài hoàn thành bản chất của vạn vật mà không chừa ngoại lệ. Ngài hiểu đạo của ngày đêm và các hiện tượng liên quan; chính vì thế mà *hoạt động của ngài như thần, không bị địa phương qui định, trong khi đó những thay đổi mà ngài tạo ra thì không bị hạn chế ở bất cứ hình thể gì*.» (Through the Yi, he comprehends as in a mould or enclosure the transformations of heaven and earth without any error; by an ever-varying adaptation he completes the nature of all things without exception; he penetrates to a knowledge of the course of day and night and all other connected phenomena; it is thus that his operation is spirit-like, unconditioned by place, while the changes which he produces are not restricted to any form). (b) «Biến thông» là tính chất của Dịch. Hệ Từ Hạ nói: «Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.»** 易窮則變, 變則通, 通則久 **(Dịch cùng thì biến, biến rồi thì thông, thông rồi thì lâu bền). Richard Wilhelm dịch: «Wenn eine Wandlung am Ende angelangt war, so veränderten sie. Durch Veränderung erreichten sie Zusammenhang. Durch Zusammenhang erreichten sie Dauer.» (Khi một biến dịch đến chỗ tận cùng thì họ [tức thánh nhân] sẽ biến đổi. Qua sự biến đổi, họ đạt được sự liên tục. Qua sự liên tục, họ đạt được sự lâu dài).– James Legge dịch: «When a series of changes has run all its course, another change ensues. When it obtains free course, it will continue long.» (Khi một loạt biến đổi đã hết thì một biến đổi khác tiếp nối. Khi nó thông suốt thì nó tiếp tục lâu dài).**

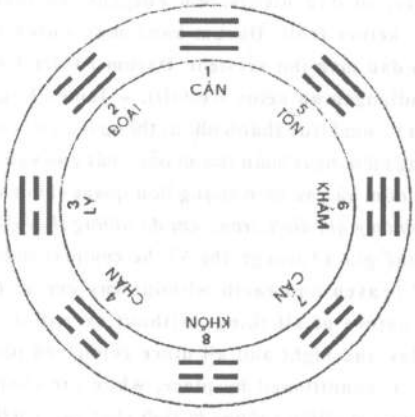
ngưng trệ ở một phương. Do đó Dịch chỉ nói đến tượng. Giả lập tượng để thấy thể. Bởi vì tượng là công thức, mà sự vật đặc thù thì noi theo công thức đó để sinh trưởng và tiến hành. Những hình đồ của Thiệu Ung đều nhằm biểu thị các tượng, tức là các công thức để sự vật sinh trưởng và tiến hành.

b. Tiên thiên đồ và những hình đồ khác

Thiệu Ung nói: «Một phân làm hai, hai phân làm bốn, bốn phân làm tám, tám phân làm 16, 16 phân làm 32, 32 phân làm 64.» Các tượng do các số 1 đến 8 sinh ra đã được biểu thị trong hình đồ trước. Còn các tượng do các số từ 8 đến 64 sinh ra chính là 64 quẻ Dịch. Nếu 64 quẻ được sắp xếp theo thứ tự nằm ngang như sau đây, thì hình đồ này gọi là Hoành Đồ 橫圖.



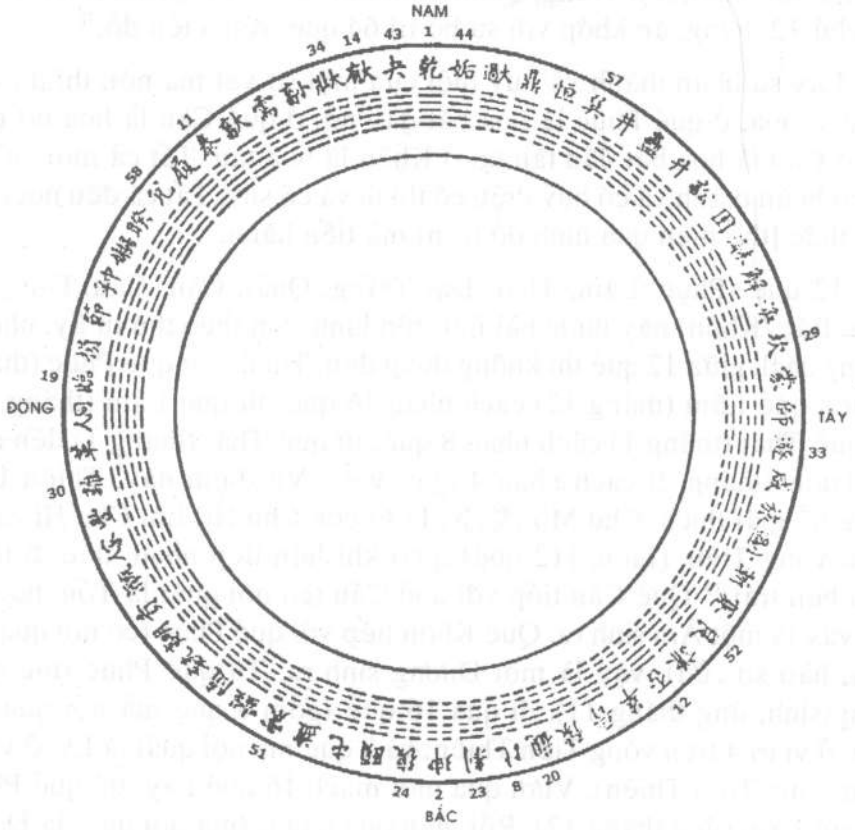
Bát Quái nếu sắp xếp theo các vị trí trên hình tròn sau đây, thì hình đồ này được gọi là Tiên Thiên Đồ 先天圖.



Thiệu Ung còn gọi hình đồ này là Tiên Thiên Bát Quái của Phục Hi, để phân biệt với hình đồ Bát Quái trong Thuyết Quái mà ông gọi là Hậu Thiên Bát Quái của Văn Vương.

Nếu 64 quẻ được sắp xếp theo thứ tự trên hình tròn sau đây, thì hình đồ này được gọi là Viên Đồ 圓圖.

Viên Đồ tức là hình đồ Tiên Thiên Bát Quái của Phục Hi mở rộng ra.[37] Nó tượng trưng công thức cho mọi sự vật sinh trưởng và tiến hành. Thí dụ, nói về sự biến hoá của bốn mùa trong năm. Trên hình tròn, quẻ Phục (tháng 11) ở phía dưới (tức là ở hướng bắc, theo quy ước cách vẽ



bản đồ của Trung Quốc). Hào sơ Dương của quẻ Phục là «nhất Dương sinh» ứng với nửa đêm Đông Chí. Dương phát triển dần lên; trên hình tròn Tiên Thiên này, nó tiến triển theo chiều kim đồng hồ, và ta có 6 quẻ: Phục ䷗ (tháng 11), Lâm ䷒ (tháng 12), Thái ䷊ (tháng 1), Đại Tráng ䷡ (tháng 2), Quải ䷪ (tháng 3), Càn ䷀ (tháng 4). Ở Càn thì Dương cực thịnh, lúc này là mùa hè, và Âm cũng bắt đầu sinh ra (gọi là «nhất Âm sinh»), tượng trưng bằng quẻ Cấu ䷫ (tháng 5) trên hình đồ. Lúc này ứng

[37] **LAM chú: Cái lõi của Viên Đồ chính là hình đồ Tiên Thiên Bát Quái. Ta thấy hình đồ có 8 phần, mỗi phần có 8 quẻ kép với nội quái giống nhau. Thí dụ 8 quẻ kép từ Càn đến Đoài đều có nội quái là Càn; 8 quẻ kép từ Đoài tới Ly đều có nội quái là Đoài, v.v...**

với Hạ Chí. Âm phát triển dần lên; trên hình tròn Tiên Thiên này, nó tiến triển theo chiều kim đồng hồ, và ta có 6 quẻ: Cấu ䷫ (tháng 5), Độn ䷠ (tháng 6), Bĩ ䷋ (tháng 7), Quan ䷓ (tháng 8), Bác ䷖ (tháng 9), Khôn ䷁ (tháng 10). Ở Khôn thì Âm cực thịnh, lúc này là mùa đông, và Dương cũng bắt đầu tái sinh. Đấy là thuyết Quái Khí của người đời Hán. 12 quẻ (Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn) làm chủ 12 tháng, ăn khớp với sự bố trí 64 quẻ trên Viên đồ.[38]

Lấy sự hoàn thành và huỷ diệt của một sự vật mà nói, thí dụ như một đoá hoa, ở quẻ Phục là hoa bắt đầu nở, ở quẻ Càn là hoa nở trọn vẹn, ở Cấu là hoa bắt đầu tàn tạ, ở Khôn là hoa tàn. Tất cả mọi sự vật đều có hoàn thành và có huỷ diệt, có thịnh và có suy. Tất cả đều noi theo công thức [thể hiện qua hình đồ trên] mà tiến hành.

12 quẻ (Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn) này được bài liệt trên hình tròn theo thứ tự ấy, nhưng khoảng cách giữa 12 quẻ thì không đồng đều. Thí dụ, từ quẻ Phục (tháng 11) đến quẻ Lâm (tháng 12) cách nhau 16 quẻ; từ quẻ Lâm (tháng 12) đến quẻ Thái (tháng 1) cách nhau 8 quẻ; từ quẻ Thái (tháng 1) đến quẻ Đại Tráng (tháng 2) cách nhau 4 quẻ, v.v... Về điểm này, Thiệu Ung không hề giải thích. Chu Mô 周謨(đệ tử của Chu Hi) hỏi Chu Hi rằng: «Trên vòng Tiên Thiên, [12 quẻ] quái khí liên tiếp nhau, đều đi theo chiều bên trái.[39] Quẻ Càn tiếp với quẻ Cấu (có nội quái là Tốn, hào sơ lục), vậy là một Âm sinh ra. Quẻ Khôn tiếp với quẻ Phục (có nội quái là Chấn, hào sơ cửu), vậy là một Dương sinh ra. Từ quẻ Phục (tức một Dương sinh, ứng tháng 11), đi qua 16 quẻ (gồm 8 quẻ mà nội quái là Chấn, ở vị trí 4 trên vòng Tiên Thiên; và 8 quẻ mà nội quái là Ly, ở vị trí 3 trên vòng Tiên Thiên). Vượt qua một mạch 16 quẻ này, thì quẻ Phục gặp quẻ Lâm (ứng tháng 12). Rồi vượt qua 8 quẻ (mà nội quái là Đoài, ở vị trí 2 trên vòng Tiên Thiên) thì ta có quẻ Thái (ứng tháng 1). Rồi cách 4 quẻ, ta được quẻ Đại Tráng (ứng tháng 2). Rồi cách một quẻ là Đại Hữu, ta được quẻ Quải (ứng tháng 3). Quẻ Quải tiếp với quẻ Càn, quẻ Càn tiếp với quẻ Cấu. Từ quẻ Cấu một Âm sinh ra (ứng tháng 5).

---

[38] **LAM chú: Tính từ tháng 11 trở đi, các quẻ thiên tử trong 12 tháng là: Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. 12 quẻ này làm chủ 12 tháng, nên gọi là quẻ thiên tử, cũng còn được gọi là *tích quái* 辟卦 (*tích* cũng có nghĩa là vua). Nếu lấy 12 quẻ này phân phối cho 12 tháng, thì quẻ Phục ở tháng 11, quẻ Càn ở tháng 4, quẻ Cấu ở tháng 5, quẻ Khôn ở tháng 10. Hiển nhiên ta thấy chúng tượng trưng sự thịnh suy của Âm Dương trong 12 tháng. Vì thế 12 quẻ này được lấy làm quẻ chủ (tích quái), tượng trưng cho Âm Dương tiêu trưởng trong một năm. Xin xem lại tiết 5 của chương 3 (quyển 2).**

[39] **LAM chú: Tức chiều của kim đồng hồ.**

Vượt qua 16 quẻ (gồm 8 quẻ mà nội quái là Tốn, ở vị trí 5 trên vòng Tiên Thiên; và 8 quẻ mà nội quái là Khảm, ở vị trí 6 trên vòng Tiên Thiên), thì ta được quẻ Độn (ứng tháng 6). Rồi vượt qua 8 quẻ (mà nội quái là Cấn, ở vị trí 7 trên vòng Tiên Thiên) thì ta có quẻ Bĩ (ứng tháng 7). Rồi cách 4 quẻ, ta được quẻ Quan (ứng tháng 8). Rồi cách một quẻ là Tỷ, ta được quẻ Bác (ứng tháng 9). Quẻ Bác tiếp với quẻ Khôn (tháng 10), quẻ Khôn tiếp với quẻ Phục (tháng 11). Đi hết vòng thì trở lại từ đầu, tuần hoàn mãi mà chẳng có đầu mối. 12 quẻ quái khí chuyển theo chiều bên trái, là 12 quẻ ứng với 12 tháng của một năm, đều có được trật tự ấy. Tuy nhiên kể từ lúc Âm hay Dương mới sinh, phải trải qua 16 quẻ thì mới được một tháng; rồi phải trải qua 8 quẻ thì mới được một tháng nữa. Cho đến chỗ cực điểm của Âm và Dương, chỉ trải qua 4 quẻ là được một tháng; rồi trải qua một quẻ, thì ba quẻ một mạch liên liếp nhau. Lúc ban đầu thì nó thưa ra như thế, lúc cuối thì nó sát lại nhau như thế. Sự dãn ra và co lại của Âm Dương phải chăng là lý lẽ đương nhiên?»[40]

Chu Hi đáp: «Khi xem kỹ cách thức mà các quẻ quái khí rải thưa ra và gom sát lại [trên hình đồ] Tiên Thiên, ta cũng từng suy nghĩ như vậy, nhưng ta chưa biết giải thích thế nào. Khi Âm hay Dương mới sinh ra, thì khí [Âm hay Dương] đặc và chậm, tuy nhiên lẽ ra không nên có sự rải

---

[40] **Hồ Phương Bình** 胡方平, ***Dịch Học Khải Mông Thông Thích*** 易學啓蒙通釋, quyển thượng: **«Tiên Thiên quái khí tương tiếp, giai thị tả tuyền. Cái Càn tiếp đĩ Tốn sơ Cấu quái, tiện thị nhất Âm sinh. Khôn tiếp đĩ Chấn sơ Phục quái, tiện thị nhất Dương sinh. Tự Phục quái nhất Dương sinh thập nhất nguyệt, tận Chấn tứ, Ly tam, nhất thập lục quái, nhiên Phục đắc Lâm quái thập nhị nguyệt. Hựu tận Đoài nhị, phàm bát quái, nhiên hậu đắc Thái quái chính nguyệt. Hựu cách tứ quái, đắc Đại Tráng nhị nguyệt. Hựu cách Đại Hữu nhất quái, đắc Quải tam nguyệt. Quải tiếp Càn, Càn tiếp Cấu. Tự Cấu quái nhất Âm sinh ngũ nguyệt, tận Tốn ngũ Khảm lục nhất thập lục quái, nhiên hậu đắc Độn quái lục nguyệt. Hựu tận Cấn thất, phàm bát quái, nhiên hậu đắc Bĩ quái thất nguyệt. Hựu cách tứ quái, đắc Quan bát nguyệt. Hựu cách Tỷ nhất quái, đắc Bác cửu nguyệt. Bác tiếp Khôn thập nguyệt, Khôn tiếp Phục. Chu nhi phục thuỷ, tuần hoàn vô đoan. Quái khí tả tuyền, nhi nhất tuế thập nhị nguyệt chi quái, giai đắc kỳ tự. Dãn Âm Dương sơ sinh, các lịch thập lục quái nhi hậu nhất nguyệt. Hựu lịch bát quái, tái đắc nhất nguyệt. Chí Âm Dương tương cực xứ, chỉ lịch tứ quái vi nhất nguyệt. Hựu lịch nhất quái, toại nhất tính tam quái tương tiếp. Kỳ sơ như thử nhi sơ, kỳ mạt như thử chi mật. Thử Âm Dương doanh súc đương nhiên chi lý dư?»** 先天卦氣相接，皆是左旋。蓋乾接以巽初姤卦，便是一陰生。坤接以震初復卦，便是一陽生。自復卦一陽生十一月，盡震四，離三，一十六卦，然復得臨卦十二月，又盡兌二，凡八卦，然後得泰卦正月。又隔四卦，得大壯二月。又隔大有一卦，得夬三月。夬接乾，乾接姤。自姤卦一陰生五月，盡巽五坎六，一十六卦，然後得遯卦六月。又盡艮七，凡八卦，然後得否卦七月。又隔四卦，得觀八月。又隔比一卦，得剝九月。剝接坤十月，坤接復。週而復始，循環無端。卦氣左旋，而一歲十二月之卦，皆得其序。但陰陽初生，各歷十六卦而後一月。又歷八卦，再得一月。至陰陽將極處，只歷四卦爲一月。又歷一卦，遂一併三卦相接。其初如此之疏，其末如此之密，此陰陽盈縮當然之理歟?

thưa ra như vậy và sau đó không nên có sự gom sát lại như vậy [trên hình đồ]. Đại khái vị trí trên hình đồ này đều xuất phát một cách tự nhiên,[41] không nên nói rằng điều đó không thể giải thích được. Cần phải suy nghĩ thêm.»[42]

Về điểm này tuy Hồ Phương Bình có cố gắng giải thích, nhưng cũng gượng gạo.

c. Sự phát sinh của các sự vật đặc thù

Trên đây đã đề cập sự phát sinh của mặt trời, mặt trăng, các sao, nước, lửa, gỗ, đất, đá. Đó là cơ sở tạo thành cõi trời đất cụ thể. Từ cơ sở này, vạn vật phát sinh. Thiệu Ung nói: «Mặt trời tạo ra nóng; mặt trăng tạo ra lạnh; các sao tạo ra ngày và đêm. Nóng, lạnh, ngày, đêm giao nhau mà sự biến đổi của trời hoàn thành. Nước tạo ra mưa; lửa tạo ra gió; đất tạo ra sương móc; đá tạo ra sấm. Mưa, gió, sấm, sương móc giao nhau mà sự biến hoá của đất hoàn thành. Nóng biến đổi tính của vật; lạnh biến đổi tình của vật; ngày biến đổi hình của vật; đêm biến đổi thể của vật; tính, tình, hình, thể giao nhau mà tình cảm của động vật và thực vật hoàn thành. Sự chuyển hoá của mưa tạo ra loài biết chạy; sự chuyển hoá của gió tạo ra loài biết bay; sự chuyển hoá của sương móc tạo ra cây cỏ; sự chuyển hoá của sấm tạo ra cây cối; loài biết chạy, loài biết bay, cây cỏ, cây cối giao nhau mà sự đáp ứng của động vật và thực vật hoàn thành.»[43]

Sinh vật phân ra làm hai loài: động vật và thực vật; động vật phân ra hai loài: biết chạy và biết bay; thực vật phân ra làm hai loài: cây cỏ và cây cối (cây lấy gỗ). Mỗi một sự vật lại có tính, tình, hình, thể riêng.

---

41 Derk Bodde chú: Ý Chu Hi nói rằng các khoảng cách giữa các quẻ, tuy khó giải thích, nhưng các quẻ cách nhau theo thứ tự giảm dần là: 16, 8, 4, 2, 1 quẻ.

42 Hồ Phương Bình 胡方平, *Dịch Học Khải Mông Thông Thích* 易學啓蒙通釋, quyển thượng: «Sở khán Tiên Thiên quái khí doanh súc cực tử tế, mỗ diệc thường như thử lý hội lai, nhi vị đắc kỳ thuyết. Âm Dương sơ sinh, kỳ khí trung cố hoãn, nhiên hất ưng như thử chi sơ, kỳ hậu hựu khước như thử chi mật. Đại để thử đồ vị trí, giai xuất hồ tự nhiên, bất ưng vô thuyết. Đương cánh tư chi.» 所看先天卦氣盈縮極仔細, 某亦嘗如此理會來, 而未得其說. 陰陽初生, 其氣中固緩, 然不應如此之疏, 其後又卻如此之密. 大抵此圖位置, 皆出乎自然, 不應無說. 當更思之.

43 *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): «Nhật vi thử; nguyệt vi hàn; tinh vi trú; thần vi dạ. Thử, hàn, trú, dạ giao nhi thiên chi biến tận chi hĩ. Thuỷ vi vũ; hoả vi phong; thổ vi lộ; thạch vi lôi. Vũ, phong, lôi, lộ giao nhi địa chi hoá tận chi hĩ. Thử biến vật chi tính; hàn biến vật chi tình; trú biến vật chi hình; dạ biến vật chi thể; tính, tình, hình, thể giao nhi động thực chi cảm tận chi hĩ. Vũ hoá vật chi tẩu; phong hoá vật chi phi; lộ hoá vật chi thảo; lôi hoá vật chi mộc; tẩu, phi, thảo, mộc giao nhi động thực chi ứng tận chi hĩ.» 日爲暑; 月爲寒; 星爲晝; 辰爲夜. 暑, 寒, 晝, 夜交而天之變盡之矣. 水爲雨; 火爲風; 土爲露; 石爲雷. 雨, 風, 雷露交而地

Chúng tương ứng với sự biến đổi và chuyển hoá của trời đất.

d. Người và thánh nhân

Trong động vật, con người là tối linh. Trong con người, bậc hoàn thiện là thánh nhân. Thiệu Ung nói: «Người cũng là vật, thánh nhân cũng là người. [...] Người là hạng cao tột trong loài vật; thánh nhân là bậc cao tột trong loài người. [...] Tại sao? Ý nói thánh nhân có thể lấy một tâm xét vạn tâm, lấy một thân xét vạn thân, lấy một vật xét vạn vật, lấy một đời xét vạn đời. Lại nói thánh nhân có thể lấy tâm mình thay cho ý Trời, lấy miệng mình thay cho lời của Trời, lấy tay mình thay cho thợ của Trời, lấy thân mình thay cho sự việc của Trời. Lại nói thánh nhân có thể: trên thì biết thiên thời, dưới thì hiểu địa lý, giữa thì thấu triệt tình trạng sự vật, và soi chiếu thông suốt sự việc của con người. Lại nói thánh nhân có thể bao quát khắp trời đất, ra vào cõi tạo hoá, tới lui giữa xưa nay, thấu đạt trong ngoài của người và vật.»[44]

Sở dĩ thánh nhân được như vậy là vì ngài «lấy vật xem xét vật» (dĩ vật quan vật 以物觀物). Thiệu Ung nói: «Cái gọi là xem xét vật, không phải là lấy mắt để xem xét nó; không lấy mắt xem xét nó, mà lấy tâm xem xét nó; không lấy tâm xem xét nó, mà lấy lý xem xét nó. Vật trong thiên hạ, chẳng gì mà không có nguyên lý, chẳng gì mà không có tính, chẳng gì mà không có mệnh. Cái gọi là nguyên lý, ta phải xem xét đến cùng thì sau mới biết. Cái gọi là tính, ta phải xem xét đến cùng thì sau mới biết. Cái gọi là mệnh, ta phải đạt đến cùng thì sau mới biết. Ba cái biết này là cái biết chân chính của thiên hạ, thậm chí thánh nhân cũng không vượt ra ngoài chúng. Ai vượt ra ngoài chúng thì không thể gọi là thánh nhân. [...] Thánh nhân sở dĩ có thể tổng hợp tình huống của vạn vật, là vì thánh nhân có thể xem xét ngược lại. Cái gọi là xem xét ngược

之化盡之矣. 暑變物之性；寒變物之情；晝變物之形；夜變物之體；性，情，形，體交而動植之感盡之矣. 雨化物之走；風化物之飛；露化物之草；雷化物之木；走，飛，草，木交而動植之應盡之矣.

44 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Nhân diệc vật dã, thánh nhân diệc nhân dã. [...] Nhân dã giả, vật chi chí giả dã; thánh dã giả, nhân chi chí giả dã. [...] Hà tai? Vị kỳ năng dĩ nhất tâm quan vạn tâm, nhất thân quan vạn thân, nhất vật quan vạn vật, nhất thế quan vạn thế giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ tâm đại Thiên ý, khẩu đại Thiên ngôn, thủ đại Thiên công, thân đại Thiên sự giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ thượng thức thiên thời, hạ tận địa lý, trung tận vật tình, thông chiếu nhân sự giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ di luân thiên địa, xuất nhập tạo hoá, tiến thoái cổ kim, biểu lý nhân vật giả yên.»** 人亦物也，聖人亦人也. [...] 人也者，物之至者也；聖也者，人之至者也. [...] 何哉？謂其能以一心觀萬心，一身觀萬身，一物觀萬物，一世觀萬世者焉. 又謂其能以心代天意，口代天言，手代天工，身代天事者焉. 又謂其能以上識天時，下盡地理，中盡物情，通照人事者焉. 又謂其能以彌綸天地，出入造化，進退古今，表裏人物者焉.

lại tức là không lấy bản ngã để xem xét vật. Không lấy bản ngã xem xét vật, mà lất vật xem xét vật. Nếu đã có thể lấy vật xem xét vật, thì trong đó làm gì có bản ngã? Thức là ta cũng là người, người cũng là ta, ta và người đều là vật. Như vậy thánh nhân có thể lấy mắt của thiên hạ làm mắt của mình, thì mắt ấy chẳng nơi nào mà không thấy; lấy tai thiên hạ làm tai của mình, thì tai ấy chẳng điều gì mà không nghe; lấy miệng thiên hạ làm miệng của mình, thì miệng ấy chẳng điều gì mà không nói được; lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình, thì cái tâm ấy chẳng việc gì mà không mưu tính nổi. Sự xem xét thiên hạ ở cái thấy ấy, chẳng phải rộng ư? Sự nghe thấy thiên hạ ở cái nghe ấy, chẳng phải xa ư? Lời nói về thiên hạ ở sự bàn luận ấy, chẳng phải là cao ư? Sự mưu tính cho thiên hạ ở niềm vui ấy, chẳng phải là lớn ư? Cái thấy của thánh nhân rất rộng, cái nghe rất xa, sự bàn luận rất cao, niềm vui rất lớn. Có thể làm được các việc rất rộng, rất xa, rất cao, rất lớn, mà bên trong tâm không có một điều chi, lẽ nào không phải là bậc chí thần, chí thánh hay sao?»[45]

Thánh nhân lấy vô ngã mà đảm nhiệm sự việc, cho nên không làm mà việc gì cũng được làm (vô vi nhi vô bất vi 無爲而無不爲). Đó là chủ trương của Đạo gia, mà Thiệu Ung cũng ủng hộ. Lấy vô ngã mà đảm nhiệm sự việc, đó cũng là phương pháp tu dưỡng của cá nhân. Thiệu Ung

---

[45] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Phù sở dĩ vị chi quan vật giả, phi dĩ mục quan chi dã, phi quan chi dĩ mục, nhi quan chi dĩ tâm dã. Phi quan chi dĩ tâm, nhi quan chi dĩ lý dã. Thiên hạ chi vật, mạc bất hữu lý yên, mạc bất hữu tính yên, mạc bất hữu mệnh yên. Sở dĩ vị chi lý giả, cùng chi nhi hậu khả tri dã. Sở dĩ vị chi tính giả, tận chi nhi hậu khả tri dã. Sở dĩ vị chi mệnh giả, chí chi nhi hậu khả tri dã. Thử tam tri giả, thiên hạ chi chân tri dã, tuy thánh nhân vô dĩ quá chi dã. Nhi quá chi giả, phi sở dĩ vị chi thánh nhân dã. [...] Thánh nhân chi sở dĩ năng nhất vạn vật chi tình giả, vị kỳ thánh nhân chi năng phản quan dã. Sở dĩ vị chi phản quan giả, bất dĩ ngã quan vật dã. Bất dĩ ngã quan vật giả, dĩ vật quan vật chi vị dã. Kỳ năng dĩ vật quan vật, hựu an hữu ngã ư kỳ gian tai? Thị chi ngã diệc nhân dã, nhân diệc ngã dã, ngã dữ nhân giai vật dã. Thử sở dĩ năng dụng thiên hạ chi mục vi kỷ chi mục, kỳ mục vô sở bất quan hĩ. Dụng thiên hạ chi nhĩ vi kỷ chi nhĩ, kỳ nhĩ vô sở bất thính hĩ. Dụng thiên hạ chi khẩu vi kỷ chi khẩu, kỳ khẩu vô sở bất ngôn hĩ. Dụng thiên hạ chi tâm vi kỷ chi tâm, kỳ tâm vô sở bất mưu hĩ. Phù thiên hạ chi quan, kỳ ư kiến dã, bất diệc quảng hồ? Thiên hạ chi thính, kỳ ư văn dã, bất diệc viễn hồ? Thiên hạ chi ngôn, kỳ ư luận dã, bất diệc cao hồ? Thiên hạ chi mưu, kỳ ư lạc dã, bất diệc đại hồ? Phù kỳ kiến chí quảng, kỳ văn chí viễn, kỳ luận chí cao, kỳ lạc chí đại. Năng vi chí quảng, chí viễn, chí cao, chí đại chi sự, nhi trung vô nhất vi yên, khởi bất vị chí thần chí thánh giả hồ?»** 夫所以謂之觀物者，非以目觀之也，非觀之以目，而觀之以心，非觀之以心，而觀之以理也。天下之物，莫不有理焉，莫不有性焉，莫不有命焉。所以謂之理者，窮之而後可知也。所以謂之性者，盡之而後可知也。所以謂之命者，至之而後可知也。此三知者，天下之眞知也，雖聖人無以過之也。而過之者，非所以謂之聖人也。[...] 聖人之所以能一萬物之情者，謂其聖人之能反觀也。所以謂之反觀者，不以我觀物也。不以我觀物者，以物觀物之謂也。既能以物觀物，又安有我於其間哉？是之我亦人也，人亦我也

nói: «Lấy vật mà xem xét vật, đó là theo tính; lấy bản ngã mà xem xét vật, đó là theo tình. Tính thì công bằng và rõ ràng; tình thì thiên lệch và tối tăm.»[46]

Thiệu Ung lại nói: «Theo bản ngã mà xem xét tức là theo tình, theo tình thì bị che lấp, bị che lấp thì tối tăm. Theo vật mà xem xét tức là theo tính, theo tính thì có thần, có thần thì sáng rỡ.»[47]

Thiệu Ung lại nói: «Hễ tâm duy nhất và bất phân, thì có thể ứng phó với muôn vàn biến chuyển. Do đó mà quân tử hư tâm và bất động tâm vậy.»[48]

Thiệu Ung lại nói: «Lấy vật làm vui vật, lấy vật thương xót vật, đó là sự thể hiện trung dung vậy.»[49]

Thiệu Ung lại nói: «Khi học dưỡng tâm, điều đáng lo là không theo đường thẳng và không khử bỏ dục vọng. Hễ theo đường thẳng và chí thành, thì chỗ nào cũng thông. Đạo của trời đất chỉ có ngay thẳng mà thôi. Nên lấy ngay thẳng mà cầu đạo. Nếu dùng mưu trí toan tính và đi theo đường quanh co để cầu đạo, thì đó là che lấp trời đất và theo dục vọng, chẳng phải là nan khăn ư?»[50]

Lấy vật mà xem xét vật, có nghĩa là thấy cái đáng vui thì vui, thấy cái đáng buồn thì buồn. Bản tính phải thể hiện thẳng thắn nhưng tâm phải hư không và bất động. Về điểm này, Thiệu Ung đồng quan điểm với Chu Liêm

---

，我與人皆物也．此所以能用天下之目爲己之目，其目無所不觀矣．用天下之耳爲己之耳，其耳無所不聽矣．用天下之口爲己之口，其口無所不言矣．用天下之心爲己之心，其心無所不謀矣．夫天下之觀，其於見也，不亦廣乎？天下之聽，其於聞也，不亦遠乎？天下之言，其於論也，不亦高乎？天下之謀，其於樂也，不亦大乎？夫其見至廣，其聞至遠，其論至高，其樂至大．能爲至廣，至遠，至高，至大之事，而中無一爲焉，豈不謂至神至聖者乎？

[46] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật quan vật, tính dã; dĩ ngã quan vật, tình dã. Tính công nhi minh; tình thiên nhi ám.»** 以物觀物，性也；以我觀物，情也．性公而明；情偏而暗．

[47] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Nhậm ngã tắc tình, tình tắc tế, tế tắc hôn hĩ. Nhân vật tắc tính, tính tắc thần, thần tắc minh hĩ.»** 任我則情，情則蔽，蔽則昏矣．因物則性，性則神，神則明矣．

[48] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Tâm nhất nhi bất phân, tắc khả dĩ ứng vạn biến, thử quân tử sở dĩ hư tâm nhi bất động dã.»** 心一而不分，則可以應萬變，此君子所以虛心而不動也．

[49] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật hỉ vật, dĩ vật bi vật, thử phát nhi trung tiết dã.»** 以物喜物，以物悲物，此發而中節也．

[50] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Vi học dưỡng tâm, hoạn tại bất do trực đạo, khử lợi dục. Do trực đạo, nhậm chí thành, tắc vô sở bất thông. Thiên địa chi đạo, trực**

Khê, vì Liêm Khê nói «vô dục thì tĩnh hư, động trực».

Loài người có thánh nhân mà cũng có người thiện và người ác. Đó cũng là điều tất nhiên, Thiệu Ung nói: «Trời và người đối với nhau cũng giống như bên ngoài và bên trong. Trời có Âm và Dương; người có tà và chính. Nguyên do của tà và chính có quan hệ với sở thích của vua. Vua hiếu đức thì dân áp dụng sự chân chính; vua thích nịnh thì dân áp dụng thói gian tà. Nguyên do của tà và chính từ đó mà đến vậy. Dù vua thánh minh ở trên cao, cũng có thể có tiểu nhân, nhưng bọn chúng dở trò tiểu nhân cũng khó. Dù vua ngu hèn ở trên cao, cũng có thể có quân tử, nhưng người quân tử tỏ ra quân tử cũng khó. Tự thời xưa, khi vua thánh minh có nhiều, chưa có đời nào như đời Đường của vua Nghiêu, quân tử làm sao mà chẳng có nhiều? Thời ấy đâu phải là không có tiểu nhân, nhưng muốn dở trò tiểu nhân cũng khó, cho nên có nhiều quân tử vậy. Vì thế thời ấy tuy có bốn kẻ ác, nhưng chúng chẳng phóng túng làm ác. Tự thời xưa, khi vua ngu hèn có nhiều, chưa có đời nào như đời Thương của vua Trụ, tiểu nhân làm sao mà chẳng có nhiều? Thời ấy đâu phải là không có quân tử, nhưng tỏ ra quân tử cũng khó, cho nên có nhiều tiểu nhân vậy. Vì thế tuy thời ấy có ba người nhân đức, nhưng họ không thể toại nguyện làm thiện.»[51]

Kẻ ác có đầy trên đời, nhưng khi có vua anh minh cai trị thì ngài gạt bỏ bọn tiểu nhân khỏi những chức vụ quan trọng để triệt tiêu ảnh hưởng của chúng.

---

nhi dĩ, đương dĩ trực cầu chi. Nhược dụng trí số, do kính nhi cầu chi, thị khuất thiên địa nhi tuẫn nhân dục dã, bất diệc nan hồ?» 爲學養心，患在不由直道，去利欲．由直道，任至誠，則無所不通．天地之道，直而已，當以直求之．若用智數，由逕而求之，是屈天地而循人欲也，不亦難乎？

[51] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Nội Thiên): «Thiên dữ nhân tương vi biểu lý. Thiên hữu Âm Dương; nhân hữu tà chính. Tà chính chi do, hệ hồ thượng chi sở hiếu dã. Thượng hiếu đức tắc dân dụng chính; thượng hiếu nịnh tắc dân dụng tà. Tà chính chi do hữu tự lai hĩ. Tuy thánh quân tại thượng, bất năng vô tiểu nhân, thị nan kỳ vi tiểu nhân. Tuy dung quân tại thượng, bất năng vô quân tử, thị nan kỳ vi quân tử. Tự cổ thánh quân chi thịnh, vị hữu như Đường Nghiêu chi thế, quân tử hà kỳ đa da? Thời phi vô tiểu nhân dã, thị nan kỳ vi tiểu nhân, cố quân tử đa dã. Sở dĩ tuy hữu tứ hung, bất năng tứ kỳ ác. Tự cổ dung quân chi thịnh, vị hữu như Thương Trụ chi thế, tiểu nhân hà kỳ đa da? Thời phi vô quân tử dã, thị nan kỳ vi quân tử, cố tiểu nhân đa dã. Sở dĩ tuy hữu tam nhân, bất năng toại kỳ thiện.»** 天與人相爲表裏．天有陰陽；人有邪正．邪正之由，繫乎上之所好也．上好德則民用正；上好佞則民用邪．邪正之由有自來矣．雖聖君在上，不能無小人，是難其爲小人．雖庸君在上，不能無君子，是難其爲君子．自古聖君之盛，未有如唐堯之世，君子何其多耶？時非無小人也，是難其爲小人，故君子多也．所以雖有四凶，不能肆其惡．自古庸君之盛，未有如商

e. Niên biểu thế giới

Thiệu Ung nói: «Số của Dịch có tận cùng, trời đất có khởi đầu và kết thúc. Có kẻ hỏi: "Trời đất cũng có khởi đầu và kết thúc ư?" Đáp: "Đã có giảm đi và tăng trưởng, lẽ nào chẳng có khởi đầu và kết thúc? Trời đất tuy lớn, nhưng cũng là hình và khí, tức là hai vật."»[52]

Sự sinh trưởng và tiến hành của sự vật cụ thể đều noi theo công thức được thể hiện qua Viên Đồ 64 quẻ. Trời đất cũng là vật chất, nên sự sinh trưởng và tiến hành của trời đất cũng phải noi theo công thức đó. Hơn phân nửa quyển *Hoàng Cực Kinh Thế* là dựa theo công thức ấy mà tạo ra một niên biểu cho thế giới cụ thể. Trong niên biểu này, để tính toán thời gian, Thiệu Ung dùng các thuật ngữ: *nguyên* 元, *hội* 會, *vận* 運, *thế* 世.

Thiệu Ung nói: «Mặt trời đi qua *nguyên* của trời, mặt trăng đi qua *hội* của trời, các sao (tinh) đi qua *vận* của trời, các sao (thần) đi qua *thế* của trời.» (Nhật *Kinh Thiên* chi nguyên, nguyệt *Kinh Thiên* chi hội, tinh *Kinh Thiên* chi vận, thần *Kinh Thiên* chi thế. 日經天之元, 月經天之會, 星經天之運, 辰經天之世). Như vậy Thiệu Ung tính toán *nguyên* 元, *hội* 會, *vận* 運, *thế* 世theo các thiên thể.

1 *nguyên* = 12 *hội*;
1 *hội* = 30 *vận*;
1 *vận* = 12 *thế*.

紂之世, 小人何其多耶?時非無君子也, 是難其爲君子, 故小人多也. 所以雖有三仁, 不能遂其善.– LAM chú: Đời vua Nghiêu có bốn kẻ ác (*tứ hung* 四凶) là: Hỗn Đôn 渾敦 (tức Hoan Đâu 驩兜), Cùng Kỳ 窮奇 (tức Cộng Công 共工), Đào Ngột 檮杌 (tức Cổn 鯀), Thao Thiết 饕餮 (tức Tam Miêu 三苗). Theo kinh Thư (Thuấn điển), bốn kẻ này bị vua Thuấn trừng phạt: Lưu đày Hoan Đâu ở Sùng Sơn 崇山, lưu đày Cộng Công ở U Châu 幽州, trục xuất Tam Miêu khỏi đất Tam Nguy 三危, và giết Cổn. Đời Ân (Thương), vua Trụ 紂 hoang dâm tàn ác, nhưng đời này có ba người nhân đức (*tam nhân* 三仁) là: Tỉ Can 比干, Cơ Tử 箕子, và Vi Tử 微子. Tỉ Can là chú của vua Trụ, vì can gián Trụ mà bị moi tim. Cơ Tử là hiền thần, cũng can gián vua Trụ, bị vua bắt làm nô lệ, tuy không bị giết nhưng sợ bị hại nên giả điên cuồng. Vi Tử là anh vua Trụ, can gián Trụ không được nên bỏ nước mà đi. *Luận Ngữ* (Vi Tử) chép: «Vi Tử khứ chi, Cơ Tử vi chi nô, Tỉ Can gián nhi tử. Khổng Tử viết: "Ân hữu tam nhân yên."» 微子去之, 箕子爲之奴, 比干諫而死. 孔子曰: 殷有三仁焉 (Vi Tử bỏ nước mà đi, Cơ Tử bị làm nô lệ, Tỉ Can vì can gián hôn quân mà chết. Khổng Tử nói: Đời Ân [Thương] có ba người nhân đức vậy).

52 *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Ngoại Thiên): «Dịch chi số cùng, thiên địa thuỷ chung. Hoặc viết: Thiên địa diệc hữu thuỷ chung hồ? Viết: Ký hữu tiêu trưởng, khởi vô chung thuỷ? Thiên địa tuy đại, thị diệc hình khí, nãi nhị vật dã.» 易之數窮, 天地始終. 或曰: 天地亦有始終乎?曰: 既有消長, 豈無終始?天地雖大, 是亦形氣, 乃二物也.

Sở dĩ như thế, vì con của Thiệu Ung là Thiệu Bá Ôn 邵伯溫(1057-1134) nói trong *Tính Lý Đại Toàn* rằng: «Trong cuộc tiến hoá lớn, một *nguyên* giống như một năm.» (Nhất nguyên tại đại hoá chi trung, do nhất niên dã. 一元在大化中, 猶一年也). Một *nguyên* có 12 *hội* giống như 1 năm có 12 tháng; một *hội* có 30 *vận* giống như một tháng có 30 ngày;

nguyên (nhất)	*hội (nguyệt)*	*vận (tinh)*	*thế (thần)*	*năm*	*quẻ*	*sự kiện*
Nguyên thứ nhất (Giáp) 甲	Tý	1-30	1-360	1-10800	Phục ䷗	
	Sửu	31-60	361-720	10801-21600	Lâm ䷒	
	Dần	61-90	721-1080	21601-32400	Thái ䷊	Vận Kỷ 己 76: Khai vật 開物 (khai sinh vạn vật)
	Mão	91-120	1081-1440	32401-43200	Đại Tráng ䷡	
	Thìn	121-150	1441-1800	43201-54000	Quải ䷪	
	Tỵ	151-180	1801-2160	54001-64800	Càn ䷀	Vận Quý 癸 180; thần 2157: Đường Nghiêu 唐堯 cai trị
	Ngọ	181-210	2161-2520	64801-75600	Cấu ䷫	Các triều đại: Hạ, Ân, Chu, Tần, Lưỡng Hán, Lưỡng Tấn, Tam Quốc, Nam Bắc Triều, Tuỳ, Đường, Ngũ Đại, Tống
	Mùi	211-240	2521-2280	75601-86400	Độn ䷠	
	Thân	241-270	2281-3240	86401-97200	Bĩ ䷋	
	Dậu	271-300	3241-3600	97201-108000	Quan ䷓	
	Tuất	301-330	3601-3960	108001-118800	Bác ䷖	Vận Mậu 戊 315: Bế vật 閉物 (chấm dứt vạn vật)
	Hợi	331-360	3961-4320	118801-129600	Khôn ䷁	

Sự tiêu trưởng của một *nguyên* (theo Thiệu Bá Ôn)

một *vận* có 12 *thế* giống như một ngày có 12 giờ.[53] Thiệu Ung lấy khởi đầu và kết thúc của trời đất làm một *nguyên*; lấy 30 năm là một *thế*. Như vậy suy ra: 1 *nguyên* = 12 *hội* = 360 *vận* = 4.320 *thế* = 129.600 năm.

Phối hợp các đơn vị thời gian này với Viên Đồ 64 quẻ thì ta thấy trời đất bắt đầu ở quẻ Phục và kết thúc ở quẻ Khôn. Trong *Hoàng Cực Kinh Thế* có một bảng biểu (về sự tiêu trưởng của một *nguyên*) rất phức tạp, ở đây tôi thay bằng bảng biểu đơn giản hơn của Thiệu Bá Ôn trong *Tính Lý Đại Toàn*. (xem hình).

Chu Hi nói: «Trong *Hoàng Cực Xinh Thế*, Thiệu Ung nói: "Trời khai mở ở hội Tý; đất đóng lại ở hội Sửu; người sinh ra ở hội Dần."» (Thiệu Tử *Hoàng Cực Kinh Thế* thuyết: "Thiên khai ư Tý; địa tịch ư Sửu; nhân sinh ư Dần." 邵子皇極經世說 天開於子, 地闢於丑, 人生於寅). Tính toán về *nguyên*, Thiệu Ung dung thập can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý). Tính toán về *hội*, ông dùng 12 địa chi (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Trong bảng biểu trên đây, tôi lấy thí dụ một *nguyên* là *nguyên* Giáp.

Hội thứ nhất là Tý. *Hội* này có 30 *vận*, tức là 360 *thế* (bởi vì 1 *vận* = 12 *thế*), tức là 10.800 năm (bởi vì 1 *thế* = 30 năm). Thời này, một Dương bắt đầu sinh, biểu thị bằng hào sơ cửu quẻ Phục ䷗. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 11 (tháng Tý); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì nó ứng với giờ Tý. «Thiên khai ư Tý» 天開於子 (trời khai mở ở hội Tý) tức là ở *hội* này.

Hội thứ hai là Sửu. *Hội* này cũng có 30 *vận*, hợp với hội Tý là 60 *vận*; cũng có 360 *thế*, hợp với hội Tý là 720 *thế*; cũng có 10.800 năm, hợp với hội Tý là 21.600 năm. Thời này, thêm một Dương sinh ra, biểu thị bằng hào cửu nhị quẻ Lâm ䷒. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 12 (tháng Sửu); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì nó ứng với giờ Sửu. «Địa tịch ư Sửu» 地闢於丑 (đất đóng lại ở hội Sửu) tức là ở *hội* này.

Hội thứ ba là Dần. *Hội* này cũng có 30 *vận*, hợp với hai hội trên là 90 *vận*; cũng có 360 *thế*, hợp với hai hội trên là 1080 *thế*; cũng có 10.800 năm, hợp với hai hội trên là 32.400 năm. Thời này, thêm một Dương sinh ra, biểu thị bằng hào cửu tam quẻ Thái ䷊. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 1 (tháng Dần); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì

[53] **LAM chú: 12 giờ âm lịch tương ứng giờ dương lịch: tý (23-01 giờ), sửu (01-03 giờ), dần (03-05 giờ), mão (05-07 giờ), thìn (07-09 giờ), tỵ (09-11 giờ), ngọ (11-13 giờ), mùi (13-15 giờ), thân (15-17 giờ), dậu (17-19 giờ), tuất (19-21 giờ), hợi (21-23 giờ).**

nó ứng với giờ Dần. Ở *vận* 16 (tức là *vận* Kỷ) của *hội* này, hợp với 60 *vận* của hai *hội* trên tức là *vận* thứ 76, thì «khai vật» 開物 (vạn vật sinh ra), trong đó cũng có con người, do đó Thiệu Ung nói «Nhân sinh ư Dần» 人生於寅 (con người sinh ra ở *hội* Dần) tức là ở *hội* này.

Cứ thế suy ra, đến *hội* thứ sáu, tức *hội* Tỵ, thì Dương cực thịnh, biểu thị bằng sáu hào Dương của quẻ Càn ䷀. Nền văn minh của nhân loại đến đây cũng cực thịnh. Đời Đường Nghiêu ở hội này, vua Nghiêu thi hành nền chính trị của thánh vương.

Đến *hội* thứ bảy, tức *hội* Ngọ, sau khi Dương cực thịnh thì Âm bắt đầu sinh ra, biểu thị bằng hào sơ lục quẻ Cấu ䷫. Tính ra, năm Hi Ninh nguyên niên (tức 1068 CN) đời Tống Thần Tông rơi vào thế thứ 2 của vận thứ 10 của hội này.

Tương tự như thế, đến *hội* thứ 11 tức *hội* Tuất, Âm dần thịnh lên, biểu thị bằng năm hào Âm của quẻ Bác ䷖. Ở *vận* thứ 15 của *hội* này (hợp với các *vận* ở trên, tức là *vận* thứ 315) thì «bế vật» 閉物 (chấm dứt vạn vật; vạn vật đều dứt tuyệt).

Đến *hội* thứ 12 tức *hội* Hợi, Âm cực thịnh, biểu thị bằng quẻ Khôn ䷁. Lúc này, tuổi thọ của trời đất chấm dứt. Một chu kỳ mới của trời đất lại khai mở. Trong đó người và vạn vật được sinh trưởng trở lại và rồi hoại diệt trở lại. Điều đó Dịch gọi là «Cùng tắc biến, biến tắc thông». Cứ thế mà tuần hoàn đến vô cùng.

Ở đây nói rằng thế giới này có thể hoại diệt, rồi sau đó một thế giới mới kế tiếp phát sinh. Cái ý tưởng này chưa từng xuất hiện trong tư tưởng Trung Quốc trước đó. Kể từ Tông Mật 宗密 lấy Câu Xá Luận 俱舍論 mà giảng về sự *thành* 成, *trụ* 住, *hoại* 壞, *không* 空 của thế giới, thì sau đó lý thuyết về phát sinh vũ trụ của các Đạo học gia mới hấp thu ảnh hưởng này. Thiệu Ung cũng chịu ảnh hưởng của Phật học, rồi lấy Âm Dương tiêu trưởng của 64 quẻ Dịch mà thuyết minh về niên biểu thế giới vậy.

f. Triết học về chính trị

Thế giới hiện nay tuy còn xa mới tới ngày mà trời đất huỷ diệt, nhưng nó cũng đã trải qua thời đại vàng son nhất. Thế giới hiện nay giống như một đoá hoa đã nở trọn vẹn, tuy nhuỵ và cánh hoa vẫn còn rực rỡ mà điểm tàn tạ đã vừa chớm. Cho nên, theo Thiệu Ung, thế giới hiện nay không giống như thời vàng son đã qua. Lấy chính trị mà nói thì nay chẳng bằng xưa. Thiệu Ung phân chia chính trị làm bốn loại, mà người cai trị

là: *hoàng* 皇, *đế* 帝, *vương* 王, *bá* 霸.

Thiệu Ung nói: «Dùng vô vi là hoàng. Dùng ân tín là đế. Dùng công chính là vương. Dùng trí lực là bá. Từ bá trở xuống là di địch (mọi rợ). Từ di địch trở xuống là cầm thú.»[54]

Thiệu Ung lại nói: «Khổng Tử khen ngợi sách *Chu Dịch* có từ Phục Hi và Hiên Viên (tức Hoàng Đế); ngài viết lời tựa cho *Kinh Thư* có từ Nghiêu và Thuấn; ngài san định *Kinh Thi* có từ Văn Vương và Vũ Vương; ngài tu sửa *Kinh Xuân Thu* có từ Hoàn Công và Văn Công. [Ngài khen Dịch] có từ Phục Hi và Hiên Viên (Hoàng Đế), vì ngài xem *tam hoàng* (Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế) là tổ. [Ngài viết lời tựa cho *Kinh Thư*] có từ Nghiêu và Thuấn, vì ngài xem *ngũ đế* (Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn) là tông. [Ngài san định *Kinh Thi*] có từ Văn Vương và Vũ Vương, vì ngài xem *tam vương* (Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương) là con. [Ngài tu sửa *Kinh Xuân Thu*] có từ Hoàn Công và Văn Công, vì ngài xem *ngũ bá* (Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương) là cháu.»[55]

Thiệu Ung lại nói: «Tam hoàng ứng với mùa xuân, ngũ đế ứng với mùa hạ, tam vương ứng với mùa thu, ngũ bá ứng với mùa đông, bảy nước (thời Chiến Quốc) ứng với cái tàn dư lạnh lẽo của mùa đông. Hán vương tài không đủ [so với bậc vương thời xưa], Tấn bá tài có dư [so với bậc bá thời xưa]. Các vua thời Tam quốc là bậc anh hùng trong hàng bá. Các vua của 16 nước là hạng tầm thường trong hàng bá. Các vua của đời Ngũ Đại phía nam là hạng vay mượn xe của hàng bá. Các vua của đời Ngũ Đại phía bắc là hạng ở đậu trong hàng bá. Các vua đời Tuỳ là con các vua đời Tấn. Các vua đời Đường là em các vua đời Hán. Các hạng bá của các quận cuối đời Tuỳ chỉ là lớp sóng thừa của sông Dương Tử và sông Hán. Các hạng bá của các trấn cuối đời Đường chỉ là ánh sáng thừa của mặt trời và mặt trăng.

---

[54] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên): «Dụng vô vi tắc hoàng dã. Dụng ân tín tắc đế dã. Dụng công chính tắc vương dã. Dụng trí lực tắc bá dã. Bá dĩ hạ tắc di địch. Di địch nhi hạ thị cầm thú dã.»** 用無爲則皇也. 用恩信則帝也. 用公正則王也. 用智力則霸也. 霸以下則夷狄. 夷狄而下是禽獸也.

[55] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Nội Thiên): «Khổng Tử tán dịch, tự Hi Hiên nhi hạ, tự Thư tự Nghiêu Thuấn nhi hạ, san Thi tự Văn Vũ nhi hạ, tu Xuân Thu tự Hoàn Văn nhi hạ. Tự Hi Hiên nhi hạ, tổ *tam hoàng* dã. Tự Nghiêu Thuấn nhi hạ, tông *ngũ đế* dã. Tự Văn Vũ nhi hạ, tử *tam vương* dã. Tự Hoàn Văn nhi hạ, tôn *ngũ bá* dã.»** 孔子贊易, 自犧軒而下, 序書自堯舜而下, 刪詩自文武而下, 修春秋自桓文而下. 自犧軒而下, 祖三皇也. 自堯舜而下, 宗五帝也. 自文武而下, 子三王也. 自桓文而下, 孫五霸也.– **LAM chú: Mỗi thuật ngữ *tam hoàng, ngũ đế, tam vương, ngũ bá* đều có nhiều thuyết, ở đây tôi chọn các thuyết phổ thông, căn cứ vào từ điển *Từ Hải*.**

Các hạng bá của đời Hậu Ngũ Đại chỉ là những ngôi sao trước lúc trời mọc. Từ Đế Nghiêu đến nay, trên dưới hơn ba ngàn năm, trước sau hơn trăm đời, sách vở truyền lại có thể ghi chép rõ. Trong bốn biển, giữa Cửu Châu, trong đó [quốc gia] hoặc hợp hoặc tan, hoặc thịnh trị hoặc loạn lạc, hoặc hùng cường hoặc suy yếu, hoặc lãnh đạo hoặc phục tùng. Nhưng chưa hề có vua nào có thể thống nhất phong tục hơn một đời.»[56]

Từ đời Hán tới nay, nền vương trị tuy tối cao mà lại không hoàn bị. Như vậy, theo Thiệu Ung, thời đại hoàng kim của thế giới đã qua rồi.

*

[56] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** (Quan Vật Nội Thiên): «Tam hoàng xuân dã, ngũ đế hạ dã, tam vương thu dã, ngũ bá đông dã, thất quốc đông chi dư liệt dã. Hán vương nhi bất túc, Tấn bá nhi hữu dư. Tam quốc bá chi hùng giả dã. Thập lục quốc bá chi tùng giả dã. Nam Ngũ Đại bá chi tá thặng dã. Bắc Ngũ Đại bá chi truyền xá dã. Tuỳ, Tấn chi tử dã. Đường, Hán chi đệ dã. Tuỳ quý chư quận chi bá, Giang Hán chi dư ba dã. Đường quý chư trấn chi bá, nhật nguyệt chi dư quang dã. Hậu Ngũ Đại chi bá, nhật vị xuất chi tinh dã. Tự Đế Nghiêu chí ư kim, thượng hạ tam thiên dư niên, tiền hậu bách hữu dư thế, thư truyền khả minh kỷ giả, tứ hải chi nội, Cửu Châu chi gian, kỳ gian hoặc hợp hoặc ly, hoặc trị hoặc huỷ, hoặc cường hoặc lụy, hoặc xướng hoặc tuỳ, vị thuỷ hữu kiêm thế nhi năng nhất kỳ phong tục giả.» 三皇春也，五帝夏也，三王秋也，五霸冬也，七國冬之餘烈也．漢王而不足，晉霸而有餘．三國霸之雄者也．十六國霸之叢者也．南五代霸之借乘也．北五代霸之傳舍也．隋晉之子也．唐漢之弟也．隋季諸郡之霸，日月之餘光也．後五代之霸，日未出之星也．自帝堯至於今，上下三千餘年，前後百有餘世，書傳可明紀者，四海之內，九州之間，其間或合或離，或治或隳，或強或羸，或唱或隨，未始有兼世而能一其風俗者．

CHƯƠNG 12

TRƯƠNG HOÀNH CỪ VÀ NHỊ TRÌNH

1. Trương Hoành Cừ

Sống cùng thời và hơi trễ hơn Chu Liêm Khê 周濂溪(1017-1073) và Thiệu Khang Tiết 邵康節(1011-1077) một chút, có các nhà Đạo học nổi tiếng là Trương Hoành Cừ 張橫渠(1020-1077) tức Trương Tái 張載 và Nhị Trình, tức anh em Trình Minh Đạo 程明道(1032-1085) và Trình Y Xuyên 程伊川(1033-1108).

Tống Sử (Đạo Học Truyện) chép: «Trương Tái 張載 tự là Tử Hậu 子厚, người Trường An 長安, thuở nhỏ thích bàn luận việc binh. [...] Năm 21 tuổi, ông mang thư giới thiệu đến yết kiến Phạm Trọng Yêm 范仲淹(989-1052). Vừa gặp lần đầu, Trọng Yêm biết Tái là người tài có tư chất cao viễn, bèn nhắc nhở Tái: "Nhà Nho tự có danh phận và lễ giáo, đủ làm vui; cần chi đến việc binh?" Nhân đấy Trọng Yêm khuyên Tái đọc *Trung Dung*. Tái đọc sách ấy, cho là chưa đủ, bèn tìm hiểu Phật và Lão. Nhiều năm thâm cứu Phật và Lão, nhưng ông thấy không có sở đắc gì cả, bèn quay về học lục kinh (tức *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*). [...] Ông cùng Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên bàn luận về tinh yếu của Đạo học, rồi trở nên tự tin, nói: "Đạo Nho của ta tự đủ, cần gì tìm cầu bàng môn tả đạo?" Từ đó ông vất bỏ các môn học khác, mà chuyên theo Nho học. [...] Trương Tái chuyên cổ học và gắng công rèn luyện, trở thành bậc thầy của nhân sĩ ở Quan Trung 關中(vùng hạ lưu sông Vị ở Thiểm Tây); người đời gọi ông là "Hoành Cừ 橫渠 tiên sinh" (ông thầy ở trấn Hoành Cừ, huyện Mi).»[1]

[1] ***Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Trương Tái, tự Tử Hậu, Trường An nhân, thiếu hỉ đàm binh. [...] Niên nhị thập nhất, dĩ thư yết Phạm Trọng Yêm, nhất kiến tri kỳ viễn khí. Nãi cảnh chi viết: "Nho giả tự hữu danh giáo khả lạc, hà sự ư binh?" Nhân khuyến độc Trung Dung. Tái độc kỳ thư, do dĩ vi vị túc. Hựu phỏng chư Thích, Lão, luỵ niên cứu cực kỳ thuyết, tri vô sở đắc, phản nhi cầu chi lục kinh. [...] Dữ Nhị Trình ngữ Đạo học chi yếu, hoán nhiên tự tín, viết: "Ngô đạo tự túc, hà sự bàng cầu?" Ư thị tận khí dị học, thuần như dã. [...] Tái cổ học lực hành, vi Quan Trung sĩ nhân tông sư, thế xưng vi Hoành Cừ tiên sinh.»** 張載字子厚，長安人，少喜談兵。[...] 年二十一，以書謁范仲淹，一見知其遠器，乃警之曰："儒者自有名教可樂，何事兵？"因勸讀中庸。載讀其書，猶以爲未足，又訪諸釋老，累年究極其說，知無所得，反而求之六經，

Theo Lã Đại Lâm 呂大臨(?-1090), chúng ta biết rằng Trương Tái mất năm Hi Ninh thứ 10 đời Tống Thần Tông (tức năm 1077). Ông trứ tác: *Chính Mông* 正蒙, Kinh học *Lý Quật* 經學理窟, và *Dịch Thuyết* 易說. Trong đó, *Chính Mông* là tác phẩm quan trọng nhất. Về hành trạng của Trương Tái, Lã Đại Lâm viết: «Mùa thu năm Hi Ninh thứ 9 (tức 1076), Hoành Cừ tiên sinh nằm ngủ thấy một giấc mộng kỳ lạ, bèn vội vàng viết thư cho đệ tử nói về việc ấy. Sau đó, ông tập hợp những lời đã giảng, viết thành sách gọi là *Chính Mông*. Đưa sách cho các đệ tử xem, ông nói: "Sách này là sở đắc của ta sau bao năm suy tư rốt ráo; lời lẽ của nó đương nhiên phù hợp với thánh nhân thuở trước."»[2] Như vậy, *Chính Mông* là sự kết tinh tư tưởng cả một đời của Trương Hoành Cừ.

a. Khí

Cái học của Hoành Cừ cũng bắt nguồn từ Dịch. Hệ Từ Thượng nói: «Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi.» 易有太極是生兩儀(Dịch có

[...] 與二程語道學之要, 渙然自信, 曰: "吾道自足, 何事旁求?" 於是盡棄異學, 淳如也. [...] 載古學力行, 爲關中士人宗師, 世稱爲橫渠先生.– **LAM chú: Theo Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, Đông Phương xuất bản trung tâm, 1997, tập I, tr.126) nguyên quán của Trương Tái là Đại Lương 大梁(nay là Khai Phong 開封, tỉnh Hà Nam 河南). Cha ông là Trương Địch 張迪, làm tri châu ở Phù Châu 涪州, qua đời tại nhiệm sở. Anh em ông còn bé, không thể trở về cố hương, nên trú ngụ ở trấn Hoành Cừ 橫渠, huyện Mi 郿 thuộc Phượng Tường 鳳翔 (nay là huyện Mi 眉, tỉnh Thiểm Tây 陝西). Về sau, ông nổi danh và luôn giảng dạy ở Hoành Cừ, nên người đời mới gọi ông là Hoành Cừ tiên sinh. Trương Tái đỗ tiến sĩ vào những năm Gia Hựu 嘉祐 (1056-1063) đời vua Tống Nhân Tông 宋仁宗, và giữ nhiều chức quan như Tư Pháp Tham Quân ở Kỳ Châu 祁州, huyện lệnh của huyện Vân Nham 雲岩 thuộc Đan Châu 丹州, Phán quan ở Vị Châu 渭州, rồi làm việc trong Sùng Văn Viện 崇文院 và Thái Thường Lễ Viện 太常禮院. Năm 21 tuổi, Trương Tái cầu kiến Phạm Trọng Yêm, bấy giờ Trọng Yêm làm Kinh Lược An Phủ Phó Sứ tại Thiểm Tây.– Derk Bodde chú: Cuối đời, Trương Tái chuyên giảng học tại trấn Hoành Cừ. Về cuộc đời chi tiết của Trương Tái, có thể xem J. Percy Bruce, *Chu Hsi and his Masters (Chu Hi và các bậc thầy của ông)*, London, 1923, trang 50-55, nhất là bài của Werner Eichhorn: *Die Westinschrift der Chang Tsai (Bài Tây Minh của Trương Tái)*, in trong: *Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes*, vol.22, no.7 (Leipzig, 1937), trang 1-9. Từ các bài viết này, chúng ta biết rằng Trương Tái dành phần lớn cuộc đời của ông để dạy học, tuy rằng ông có đảm nhiệm một vài chức quan, và ông thôi làm quan sau khi đụng độ với nhà cải cách Vương An Thạch (1021-1086). Ông là chú của Trình Hạo và Trình Di; bước ngoặt lớn trong đời ông là khi ông gặp họ năm 1056, và quan điểm của họ đã thay đổi ông. Ông sống nghèo, khi ông mất các đệ tử phải gom góp tiền bạc để mua áo quan cho ông.**

[2] ***Y Lạc Uyên Nguyên Lục*** 伊洛淵源錄, **quyển 6: «Hi Ninh cửu niên thu, tiên sinh cảm dị mộng, hốt dĩ thư chúc môn nhân, nãi tập sở lập ngôn, vị chi Chính Mông. Xuất thị môn nhân viết: "Thử thư dư lịch niên trí tư chi sở đắc, kỳ ngôn đãi dữ tiền thánh hợp."» 熙寧九年秋, 先生感異夢, 忽以書屬門人, 乃集所立言, 謂之正蒙. 出示門人曰: "此書予歷年致思所得, 其言殆與前聖合." – Derk Bodde chú: *Y Lạc Uyên Nguyên Lục* được viết xong năm 1173 dưới sự chỉ đạo của Chu Hi. Đây là một nguồn tham khảo chính yếu về Đạo học trước thời Chu Hi.**

Thái Cực; Thái Cực sinh ra lưỡng nghi [là Âm và Dương]).[3] Hoành Cừ cũng nói: «Hai (tức lưỡng nghi) mà không thành lập thì Một (tức Thái Cực) không thể thấy. Một không thể thấy thì cái dụng của Hai (tức lưỡng nghi) dừng lại. Hai thể [của Thái Cực] thì hư và thực, động và tĩnh, tụ và tán, trong và đục; xét cho cùng chỉ là Một (tức Thái Cực) mà thôi.»[4]

Cái Một này tức là Thái Cực. Hoành Cừ nói tiếp: «Có Hai thì ắt có Một. Cái Một ấy là Thái Cực. [...] Một vật có hai thể; nó chẳng phải là Thái Cực ư?»[5]

Cái Một này Hoành Cừ cũng gọi là Thái Hoà 太和. Ông nói: «Thái Hoà cũng là [danh từ để gọi] Đạo. Bên trong nó hàm chứa tính chất tương tác giữa chìm và nổi, lên và xuống, động và tĩnh. Nó là khởi đầu của các lực phóng phát, mà các lực này tác động nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi. [...] Cái không giống như "dã mã" 野馬 (hơi nước bốc lên) và sự giao hoà của Âm Dương, thì không đủ gọi là Thái Hoà. Ai luận về Đạo, hễ biết được điều này thì mới đáng gọi là biết Đạo; ai học Dịch, hễ hiểu được chỗ này thì mới đáng gọi là hiểu Dịch.»[6]

Hai chữ «dã mã» 野馬 trên đây, lấy trong *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Hơi nước bốc lên, bụi bặm [bay trong ánh nắng], các sinh vật lấy hơi thở thổi vào nhau.» (Dã mã dã, trần ai dã, sinh vật chi dĩ tức tương xuy

---

[3] **LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Thượng là: «Thị cố Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái.» 是故易有太極, 是生兩儀. 兩儀生四象. 四象生八卦 (Cho nên, Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái).– Richard Wilhelm dịch: «Cho nên, trong Dịch có Thái Cực (=khởi đầu lớn). Thái Cực sinh lưỡng nghi (=hai sức mạnh cơ bản). Lưỡng nghi sinh tứ tượng (=bốn hình tượng). Tứ tượng sinh Bát Quái (tám quẻ).» (Darum gibt es in den Wandlungen den großen Uranfang. Dieser erzeugt die zwei Grundkräfte. Die zwei Grundkräfte erzeugen die vier Bilder. Die vier Bilder erzeugen die acht Zeichen).– James Legge dịch: «Cho nên, trong hệ thống của Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái.» (Therefore in the system of the Yi there is the Grand Terminus, which produced the two elementary Forms. Those two Forms produced the Four emblematic Symbols, which again produced the eight Trigrams).**

[4] ***Chính Mông*: «Lưỡng bất lập tắc nhất bất khả kiến, nhất bất khả kiến tắc lưỡng chi dụng tức. Lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu nhất nhi dĩ.» 兩不立則一不可見, 一不可見則兩之用息. 兩體者, 虛實也, 動靜也, 聚散也, 清濁也, 其究一而已.**

[5] ***Chính Mông*: «Hữu lưỡng tắc hữu nhất, thị Thái Cực dã. [...] Nhất vật nhi lưỡng thể, kỳ Thái Cực chi vị dư?» 有兩則有一, 是太極也. [...] 一物而兩體, 其太極之謂歟?**

[6] ***Chính Mông*: «Thái Hoà sở vị Đạo, trung hàm phù trầm thăng giáng động tĩnh tương cảm chi tính, thị sinh nhân ôn tương đãng thắng phụ khuất thân chi thuỷ. [...] Bất như dã mã, nhân ôn, bất túc vị chi Thái Hoà. Ngữ Đạo giả tri thử vị chi tri Đạo; học Dịch giả kiến thử, vị chi kiến Dịch.» 太和所謂道, 中涵浮沉升降動靜相感之性, 是生絪縕相盪勝負屈伸之始. [...] 不如野馬, 絪縕, 不足謂之太和. 語道者知此謂之知道; 學易者見此謂之見**

dã 野馬也, 塵埃也, 生物之以息相吹也). Tư Mã Bưu (mất năm 306 CN) chú: «Dã mã xuân nhật trạch trung du khí dã.» 野馬春日澤中遊氣也 (Dã mã là hơi nước của ao đầm vào mùa xuân bốc lên). Cái mà gọi là Thái Hư tức là toàn thể khí. Khi khí ấy còn phân tán chưa tích tụ lại, thì khí ấy gọi là Thái Hư. Vì thế Hoành Cừ nói: «Thái Hư thì vô hình, là bản thể của khí.» (Thái Hư vô hình, khí chi bản thể 太虛無形, 氣之本體). Lại nói: «Sự tụ và tán của khí đối với Thái Hư, giống như sự đóng băng và băng tan đối với nước. Hễ ta biết Thái Hư tức là khí, thì không phải là không có gì hết.»[7]

Cái Thái Hư mà chúng ta thấy tưởng như trống không chẳng có vật gì, chẳng qua đó là khí tán mà chưa tụ. Kỳ thực chẳng có cái gọi là vô. Cho nên Hoành Cừ nói: «Hễ ta biết Thái Hư tức là khí, thì không phải là không có gì hết.»

Cái tính chất «tương tác giữa chìm và nổi, lên và xuống, động và tĩnh» ở trong khí, nếu nói đơn giản, chỉ là hai tính Âm Dương. Trong một khí thì có hai tính này. Hoành Cừ nói: «Một vật mà có hai thể, đó là khí. Khi là một vật, thì khí có thần; khi ở hai thể, thì khí có sức chuyển hoá.»[8]

Một khí có hai tính chất Âm Dương, nên Hoành Cừ nói «một vật mà có hai thể». Khi khí là một, thì nó trong trẻo và thông suốt, không thể hình dung ra được nên gọi là có thần. Bởi vì trong một khí có hai tính chất Âm Dương, nên Hoành Cừ nói «nó là khởi đầu của các lực phóng phát, mà các lực này tác động nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi». Sự tương tác này tức

---

易.– LAM chú: Hai chữ *nhân ôn* 絪縕 là lấy từ Hệ Từ Hạ: « Thiên địa *nhân ôn*, vạn vật hoá thuần. Nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh.» 天地絪縕, 萬物化醇. 男女構精, 萬物化生 (Trời đất giao hoà, vạn vật biến hoá đồng đều. Nam nữ giao hợp, vạn vật hóa sinh). Cao Hanh nói *nhân ôn* 絪縕 vốn là giả tá của 氤氳 (hai khí Âm Dương giao hoà).– *Thuần* 醇 là *thuần* 純 (thuần tuý), là *quân* 均 (đồng đều).– *Vạn vật hoá thuần* 萬物化醇 = sự biến hoá của vạn vật đồng đều. Richard Wilhelm dịch: «Khổng Tử nói: Trời đất giao tiếp, vạn vật biến hoá và có được hình dạng. Nam nữ hỗn hợp tinh, vạn vật biến hoá và được sinh ra.» (Der Meister sprach: Himmel und Erde kommen in Berührung, und alle Dinge gestalten sich und gewinnen Form. Das Männliche und Weibliche mischt seinen Samen, und alle Wesen gestalten sich und werden geboren).– James Legge dịch: «Có sự giao hoà của ảnh hưởng Âm Dương của trời đất; và sự biến hoá đa dạng thì tiến triển phong phú. Có sự truyền tinh giữa nam nữ; và sự biến hoá trong các sinh thể thì tiến triển.» (There is an intermingling of the genial influences of heaven and earth, and transformation in its various forms abundantly proceeds. There is an intercommunication of seed between male and female, and transformation in its living types proceeds).

7 *Chính Mông*: «Khí chi tụ tán ư Thái Hư, do băng ngưng thích ư thuỷ. Tri Thái Hư tức khí tắc vô vô.» 氣之聚散於太虛, 猶冰凝釋於水. 知太虛即氣則無無.

8 *Chính Mông*: «Nhất vật lưỡng thể, khí dã. Nhất cố thần, lưỡng cố hoá.» 一物兩體, 氣也. 一故神, 兩故化.

là sự biểu hiện của hai tính chất Âm Dương, sinh ra vạn vật. Cho nên Hoành Cừ nói «khi khí ở hai thể, thì nó có sức chuyển hoá».

Hoành Cừ lại nói: «Khí tràn ngập [vũ trụ, gọi là] Thái Hư. Nó đi lên đi xuống và bay lan rộng ra, chưa từng dừng lại. [Tình trạng ấy] Dịch gọi là "hai khí Âm Dương giao hoà", Trang Tử gọi là "các sinh vật lấy hơi thở thổi vào nhau" và "hơi nước bốc lên"! Đó là cơ quan của hư thực và động tĩnh, là khởi đầu của Âm Dương và cương nhu. Dương trong trẻo thì nổi lên, Âm nặng đục thì chìm xuống. Âm Dương tác động nhau và tụ tán, tạo thành mưa gió, tuyết sương. Dù vạn vật thay đổi hình, dù sông núi tan ra hay kết tụ, dù cặn bã biến ra tro, thì tất cả đều theo nguyên lý ấy.»[9]

Trong khí có hai tính Âm Dương tương tác nhau, cho nên khí không thể dừng lại ở trạng thái Thái Hư, mà «nó đi lên đi xuống và bay lan rộng ra, chưa từng dừng lại». Khí có hai tính Âm Dương tương tác nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi: Âm và Dương hoặc hơn hoặc kém, hoặc co hoặc duỗi. Khí tụ lại thì vật thành tựu, khí tán ra thì vật huỷ diệt. Hoành Cừ nói: «Hễ khí tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* (ly minh đắc thi 離明得施) trở nên hữu hình; hễ khí không tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* trở nên vô hình. Khi nó tụ lại, sao không nói là có [hình thể] tạm thời? Khi nó tán ra, sao nói không có gì cả? Cho nên khi thánh nhân ngước lên xem trời và cúi xuống xem đất, thì chỉ nói đến "nguyên do của tối và sáng", chứ không nói đến "nguyên do của có và không".»[10]

Trong *«ly minh đắc thi»* 離明得施 của đoạn văn trích trên đây, *«ly»* là mắt, *«ly minh đắc thi»* là: cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta. Khí tụ thì nó thành cái mà mắt ta thấy được, tức là hữu hình. Khí tán thì nó không thành cái mà mắt ta thấy được, tức là vô hình. Khí tụ thành vạn vật, vậy vạn vật là hiện tượng của khí tụ. Bởi khí tụ và tán bất định nên Hoành Cừ nói là «khách hình» 客形 (hình thể tạm thời):

---

[9] ***Chính Mông*: «Khí dưỡng nhiên Thái Hư, thăng giáng phi dương, vị thường chỉ tức, Dịch sở vị nhân ôn, Trang Sinh sở vị sinh vật dĩ tức tương xuy, dã mã giả dư! Thử hư thực, động tĩnh chi cơ, Âm Dương, cương nhu chi thuỷ. Phù nhi thường giả Dương chi thanh, giáng nhi há giả Âm chi trọc, kỳ cảm ngộ tụ tán, vi phong vũ, vi tuyết sương. Vạn phẩm chi lưu hình, sơn xuyên chi dung kết, tao phách ổi tẫn, vô phi giáo dã.»** 氣坱然太虛、升降飛揚、未嘗止息，易所謂絪縕，莊生所謂生物以息相吹、野馬者歟！此虛實，動靜之機、陰陽剛柔之始，浮而上者陽之清，降而下者陰之濁，其感遇聚散，爲風雨，爲雪霜，萬品之流形，山川之融結，糟粕煨燼，無非教也.

[10] ***Chính Mông*: «Khí tụ tắc ly minh đắc thi nhi hữu hình; khí bất tụ tắc ly minh bất đắc thi nhi vô hình. Phương kỳ tụ dã, an đắc bất vị chi *khách* (*)? Phương kỳ tán dã, an đắc cự vị chi vô? Cố thánh nhân ngưỡng quan phủ sát, đãn vấn "tri u minh chi cố", bất vấn "tri hữu vô chi cố".»** 氣聚則離明得施而有形；氣不聚則離明不得施而無形．方其聚也，安得不謂之客

«Thái Hư thì vô hình, nó là bản thể của khí. Khí lúc tụ lúc tán, biến hoá thành những hình thể tạm thời vậy.» (Thái Hư vô hình, khí chi bản thể, kỳ tụ kỳ tán, biến hoá chi khách hình nhĩ 太虛無形, 氣之本體, 其聚其散, 變化之客形爾).

b. Qui luật cho sự vật trong vũ trụ tuân theo

Khí tụ thì thành vạn vật; sự sinh ra vạn vật cũng theo một qui luật nhất định. Hoành Cừ nói: «[Vạn vật] sinh ra có trước có sau. Đó là *Thiên tự* (thứ tự của Trời). Nhỏ hay lớn, cao hay thấp; vạn vật cùng theo nhau và tạo hình cho nhau. Đó là *Thiên trật* (trật tự của Trời). Trời sinh vạn vật cũng có thứ tự, vạn vật đã thành hình rồi thì cũng có trật tự.»[11]

Hoành Cừ lại nói: «Khí của trời đất, tuy có tụ có tán, có công có thủ trăm đường, nhưng cái nguyên lý của nó thì xuôi thuận và không sai lầm.»[12]

Sự tụ tán và công thủ của khí tuy có trăm đường trăm nẻo khác nhau, nhưng chúng đều tuân theo một qui luật nhất định. Cho nên sự tạo sinh vạn vật có một thứ tự nhất định. Một vật khi được tạo thành rồi, thì nó là một kết cấu nhất định hay một tổ chức nhất định. Cái gọi là «thiên trật» 天秩 hay «thiên tự» 天序 ở đây tức là Lý 理. Sự tụ tán và công thủ của khí đều xuôi thuận theo Lý và không sai lầm. Theo thuyết này, ngoài Khí ra còn có Lý. Nếu lấy thuật ngữ của triết học Hi Lạp mà nói, thì *vật* là *chất* 質 (matter) và *Lý* là *thức* 式 (form). *Chất* nhập vào *thức*, tạo thành một vật cụ thể. Nhưng ở điểm này, Hoành Cừ chỉ nói sơ lược, chỉ mới nêu ra được manh mối. Phải đợi tới Chu Hi mới có sự trình bày đầy đủ.

c. Một số hiện tượng phổ biến trong vũ trụ

Sự tụ tán và công thủ của khí tuy có trăm đường trăm nẻo khác nhau, nhưng chúng đều tuân theo một qui luật nhất định. Cho nên trong vũ trụ có một số hiện tượng phổ biến. Hoành Cừ nói: «Khi khí ở trạng

---

?方其散也, 安得遽謂之無?故聖人仰觀俯察, 但云"知幽明之故", 不云"知有無之故".– LAM chú: (*) Chữ *khách* 客 này lẽ ra là *hữu* 有 thì mới phù hợp ý *«tri hữu vô chi cố» ở* sau. Nhưng Phùng Hữu Lan giữ nguyên, và hiểu *khách* là tạm thời (temporary). Tôi dịch theo ý của ông.

[11] *Chính Mông*: «Sinh hữu tiên hậu, sở dĩ vi thiên tự. Tiểu đại cao hạ, tương tịnh nhi tương hình yên, thị vị thiên trật. Thiên chi sinh vật dã hữu tự, vật chi ký hình dã hữu trật.» 生有先後, 所以爲天序. 小大高下, 相並而相形焉, 是謂天秩. 天之生物也有序, 物之旣形也有秩.– LAM chú: *Trật* 秩 và *tự* 序 đồng nghĩa, từ điển giảng là «thứ tự, trật tự».

[12] *Chính Mông*: «Thiên địa chi khí, tuy tụ tán, công thủ bách đồ, nhiên kỳ vi lý dã thuận nhi bất vọng.» 天地之氣, 雖聚散攻取百塗, 然其爲理也順而不妄.

thái hư vô ban đầu, thì nó lặng lẽ và vô hình. Khi nó cảm động và sinh sản, thì nó tụ lại và có hình tượng. Có hình tượng thì có cái đối ứng. Đối ứng ắt có hành động tương phản. Có tương phản thì có thù địch. Thù địch thì sẽ hoà và sẽ hết. Cho nên tình cảm yêu ghét cùng phát xuất từ Thái Hư, mà rốt cuộc thuộc về vật dục. Chợt sinh ra, chợt tựu thành; giữa chúng không có một khoảng hở nào. Thật là như thần vậy.»[13]

Âm Dương giao cảm, rồi chúng đi lên đi xuống và bay lan rộng ra. Khí tụ lại thì thành hình tượng và thành vật. Hễ có một vật thì ắt có một vật tương phản với nó, đứng ở vị trí đối địch với nó. Nhưng vật tương phản cũng có thể tương thành. Khi khí tán thì vật tương phản và đối địch sẽ cùng trở về Thái Hư đó gọi là hoà rồi sẽ hết (hoà nhi giải 和而解). Vật tương phản và đối địch thì sẽ có tình cảm thù ghét; vật tương hoà và tương thành thì có tình cảm yêu mến. Đó gọi là vật dục 物欲. Tuy nhiên các tình yêu ghét ấy (tức vật dục) đều phát xuất từ Thái Hư, rốt cuộc cũng trở về Thái Hư. Đó là một thứ hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

Hoành Cừ nói: «Vật không có cái lý cô lập. Bất kể thứ gì nếu không tỏ rõ là đồng hay dị, co hay duỗi, đầu hay cuối, thì tuy gọi là vật mà chẳng phải là vật. Để đạt được thành tựu thì vật phải có đầu và cuối. Nếu vật không có sự tương cảm giữa đồng và dị, có và không, thì vật không thể đạt được thành tựu. Không thể đạt được thành tựu, thì tuy gọi là vật mà chẳng phải là vật. Cho nên nói rằng do sự tương cảm giữa co và duỗi mà lợi ích sinh ra.»[14]

Hễ có một vật thì ắt có một vật tương phản với nó. Nếu có một vật lẻ loi, cô lập, thì vật ấy không thể thành một vật. Một sự vật sở dĩ gọi là một vật, một phần là vì nó có quan hệ tương phản với một vật khác trong vũ trụ. Cái quan hệ ấy cấu thành một phần của vật ấy. Vật không hề cô lập. Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

Hoành Cừ lại nói: «Trong những vật được tạo thành, chẳng có một

---

[13] ***Chính Mông*: «Khí bản chi hư, tắc trạm bản vô hình. Cảm nhi sinh, tắc tụ nhi hữu tượng. Hữu tượng tư hữu đối, đối tất phản kỳ vi. Hữu phản tư hữu cừu, cừu tất hoà nhi giải. Cố ái ố chi tình, đồng xuất ư Thái Hư, nhi tốt quy ư vật dục. Thúc nhi sinh, hốt nhi thành, bất dung hữu hào phát chi gian, kỳ thần hĩ phù.»** 氣本之虛，則湛本無形。感而生，則聚而有象。有象斯有對，對必反其爲。有反斯有仇，仇必和而解。故愛惡之情，同出於太虛，而卒歸於物欲。倏而生，忽而成，不容有毫髮之間，其神矣夫。

[14] ***Chính Mông*: «Vật vô cô lập chi lý. Phi đồng dị khuất thân chung thuỷ dĩ phát minh chi, tắc tuy vật phi vật dã. Đắc hữu thuỷ tốt nãi thành, phi đồng dị hữu vô tương cảm, tắc bất kiến kỳ thành. Bất kiến kỳ thành, tắc tuy vật phi vật, cố viết khuất thân tương cảm nhi lợi sinh yên.»** 物無孤立之理。非同異屈伸終始以發明之，則雖物非物也。得有始卒乃成，非同異有無相感，則不見其成。不見其成，則雖物非物，故曰屈伸相感而利生焉。

vật nào giống nhau hoàn toàn. Từ đó có thể biết rằng vạn vật tuy nhiều, kỳ thực không một vật nào mà chẳng có Âm và Dương. Từ đó có thể biết rằng sự biến hoá của trời đất chỉ có hai đầu mối Âm Dương ấy mà thôi.»[15]

«Trong những vật được tạo thành, chẳng có một vật nào giống nhau hoàn toàn.» Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ. Hoành Cừ lại nói: «Khí bay đi hỗn loạn, hợp lại thành chất; sinh ra vô vàn khác biệt của người và vật; sự tuần hoàn không ngớt của hai đầu mối Âm Dương lập nên đại nghĩa của trời đất.»[16] Khí vốn hàm chứa hai tính Âm Dương, cho nên hễ chúng tụ thì thành vật; không vật nào mà không có Âm Dương. Tuy nhiên, Hoành Cừ chưa hề nói rõ tại sao «chẳng có một vật nào giống nhau hoàn toàn».

Hoành Cừ nói: «Thái Hư không thể không có khí. Khí không thể không tụ mà tạo thành vạn vật. Vạn vật không thể không tán mà trở về Thái Hư. Tuần hoàn xuất nhập, đều là bất đắc dĩ mà như thế.»[17]

Khí tán ra rồi thì sẽ tụ; tụ lại rồi thì sẽ tán. Khí tụ thì thành vật; tán ra thì vật huỷ diệt. Tuần hoàn như thế mãi không thôi. Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

d. Trương Hoành Cừ giảng thiên văn và địa lý

Chính Mông cũng giảng rõ về thiên văn và địa lý cũng như các phương diện của sự vật trong vũ trụ. Hoành Cừ nói: «Trái đất là khí Âm thuần, ngưng tụ ở giữa [vũ trụ]; bầu trời là khí Dương trôi nổi, vận chuyển xoay tròn ở phía ngoài. Đó là thể thông thường của bầu trời và trái đất. Tự bản thân các ngôi sao cố định (hằng tinh) thì bất động, nhưng chúng hoàn toàn gắn liền với bầu trời, nên chúng vận chuyển xoay tròn không ngừng với khí Dương trôi nổi. Mặt trời, mặt trăng, và năm hành tinh (kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ) chuyển động ngược với sự chuyển động của

---

[15] ***Chính Mông*: «Tạo hoá sở thành, vô nhất vật tương tiếu giả. Dĩ thị tri vạn vật tuy đa, kỳ thực vô nhất vật vô Âm Dương giả. Dĩ thị tri thiên địa biến hoá, nhị đoan nhi dĩ.»** 造化所成，無一物相肖者．以是知萬物雖多，其實無一物無陰陽者．以是知天地變化，二端而已．

[16] ***Chính Mông*: «Du khí phân nhiễu, hợp nhi thành chất giả, sinh nhân vật chi vạn thù; kỳ Âm Dương lưỡng đoan tuần hoàn bất dĩ giả, lập thiên địa chi đại nghĩa.»** 游氣紛擾，合而成質者，生人物之萬殊；其陰陽兩端循環不已者，立天地之大義．

[17] ***Chính Mông*: «Thái Hư bất năng vô khí. Khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật. Vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư, tuần thị xuất nhập, thị giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã.»** 虛不能無氣．氣不能不聚而爲萬物．萬物不能不散而爲太虛，循是出入，是皆不得已而然也．

bầu trời, mà bầu trời thì bao lấy trái đất.»[18]

Hoành Cừ lại nói: «Trái đất có lên và xuống, ngày có dài và ngắn. Trái đất tuy là vật ngưng tụ không tán, nhưng hai khí Âm Dương lên xuống trong nó, theo nhau mãi không thôi. Khi Dương ngày càng lên cao và đất ngày càng xuống thấp, thì Dương vơi; khi Dương ngày càng xuống và đất ngày càng tiến lên cao, thì Dương đầy. Đó là khí hậu lạnh nóng của một năm. Cho đến sự đầy vơi [của Dương] và sự lên xuống [của trái đất] tạo ra ngày và đêm, điều này có thể kiểm chứng qua sự lên xuống của thuỷ triều. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác biệt nhỏ lớn; điều đó liên quan với ngày *sóc* (tức mồng một) và ngày *vọng* (tức 15 âm lịch hay ngày rằm) do mặt trời và mặt trăng tạo ra, mà nó vốn là sự tương cảm giữa tinh (tức Âm và Dương) của mặt trời và mặt trăng.»[19]

Ở đây chúng ta thấy sự luận bàn thiên văn và địa lý của Hoành Cừ rằng: Sở dĩ một năm có cái nóng là vì Dương (tức mặt trời) đi xuống, còn trái đất thì đi lên. Mặt của trái đất có nhiều khí Dương, nên nóng. Một năm có cái lạnh là vì Dương (tức mặt trời) đi lên, còn trái đất thì đi xuống. Mặt của trái đất có ít khí Dương, nên lạnh. Một năm có sự lên xuống như thế. Một ngày cũng có sự lên xuống như thế, tạo ra thuỷ triều. Trái đất đi lên thì thuỷ triều xuống; trái đất đi xuống thì thuỷ triều lên.

Hoành Cừ lại nói: «Âm tính ngưng tụ; Dương tính phát tán. Âm tụ lại thì Dương ắt tán nó ra, để cho thế của Âm Dương sẽ quân bình. Khi Dương tán ra bị Âm giữ lấy, thì chúng bám nhau tạo ra mưa xuống. Khi Âm bị Dương tóm lấy, thì chúng bồng bềnh thành mây bay lên. Cho nên mây tản mác ra Thái Hư, mà Âm bị gió thổi, nên nó thu liễm, tụ lại mà chưa tán ra. Hễ Âm khí ngưng tụ, thì Dương ở bên trong không xuất ra được, bèn cố kích động mà tạo ra sấm sét. Dương ở bên ngoài không

---

[18] ***Chính Mông*: «Địa thuần Âm, ngưng tụ ư trung; thiên phù Dương, vận tuyền ư ngoại; thử thiên địa chi thường thể dã. Hằng tinh bất động, thuần hệ hồ thiên, dữ phù Dương vận tuyền nhi bất cùng giả dã. Nhật nguyệt ngũ tinh, nghịch thiên nhi hành, tịnh bao hồ địa giả dã.»** 地純陰，凝聚於中；天浮陽，運旋於外；此天地之常體也. 恆星不動，純繫乎天，與浮陽運旋而不窮者也. 日月五星逆天而行，并包乎天地者也.

[19] ***Chính Mông*: «Địa hữu thăng giáng, nhật hữu tu đoản. Địa tuy ngưng tụ bất tán chi vật, nhiên nhị khí thăng giáng kỳ gian, tương tòng nhi bất dĩ dã. Dương nhật thường, địa nhật giáng nhi hạ giả, hư dã; Dương nhật giáng, địa nhật tiến nhi thường giả, doanh dã; thử nhất tuế hàn thử chi hậu dã. Chí ư nhất trú dạ chi doanh hư, thăng giáng, tắc dĩ hải thuỷ triều tịch nghiệm chi vi tín; nhiên gian hữu tiểu đại chi sai, tắc hệ nhật nguyệt sóc vọng, kỳ tinh tương cảm.»** 地有升降，日有修短. 地雖凝聚不散之物，然二氣升降其間，相從而不已也. 陽日上，地日降而下者，虛也；陽日降，地日進而上者，盈也；此一歲寒暑之候也. 至於一晝夜之盈虛，升降，則以海水潮汐驗之爲信；然間有小大之差，則繫日月朔望，其精相感.

nhập vào trong được, bèn xoay chuyển vòng vòng không ngớt tạo ra gió. Sự tụ lại của Âm có xa và gần, có hư và thực, cho nên sấm gió có nhỏ và lớn, có mạnh bạo và hoà hoãn. Hễ hoà mà tán, thì tạo thành sương, tuyết, mưa, móc. Hễ không hoà mà tán, thì tạo thành khí dữ, gió thổi bụi mù. Âm thường tán ra và hoà hoãn, nhận lấy Dương và giao cảm với Dương, thì mưa gió điều hoà, lạnh nóng đúng mùa.»[20]

Hoành Cừ cũng có một vài khái niệm về vật lý học: «Âm thanh là do hình và khí áp đảo nhau mà thành. Hai khí tương tác, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng dội hay tiếng sấm. Hai hình tương tác, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng dùi trống đập vào mặt trống. Hình áp đảo khí, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng quạt lông phần phật hay tiếng tên bay vèo vèo. Khí áp đảo hình, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng nói con người hay tiếng tiêu tiếng sáo. Đó đều là khả năng tốt lành của mọi vật. Con người đã quen với chúng nên không chú ý xem xét chúng.»[21]

Hoành Cừ cũng có một vài khái niệm về sinh vật học: «Động vật có gốc từ trời, chúng do khí hô hấp mà dần dần tụ và tán. Thực vật có gốc từ đất, chúng do Âm Dương lên xuống mà dần dần tụ và tán. Khi vật mới sinh ra, khí nhập vào nó và dừng trong nó. Khi sự sống của vật đã tràn đầy, thì khí ngày càng trở ra và tản đi. Khi khí nhập vào vật thì gọi là thần 神, bởi vì khí duỗi ra. Khi khí trở ra thì gọi là quỷ 鬼, bởi vì khí quay về nguồn

---

[20] ***Chính Mông*: «Âm tính ngưng tụ; Dương tính phát tán. Âm tụ chi, Dương tất tán chi, kỳ thế quân. Tán Dương vi Âm luỵ, tắc tương trì vi vũ nhi giáng; Âm vi Dương đắc, tắc phiêu dương vi vân nhi thăng. Cố vân vật ban bố Thái Hư giả, Âm vi phong khu, liễm tụ nhi vị tán giả đã. Phàm Âm khí ngưng tụ, Dương tại nội giả bất đắc xuất, tắc phấn kích nhi vi lôi đình; Dương tại ngoại giả bất đắc nhập, tắc chu tuyền bất xả nhi vi phong. Kỳ tụ hữu viễn cận hư thực, cố lôi phong hữu tiểu đại bạo hoãn. Hoà nhi tán, tắc vi sương tuyết vũ lộ; bất hoà nhi tán, tắc vi lệ khí ế mai. Âm thường tán hoãn, thụ giao ư Dương, tắc phong vũ điều, hàn thử chính.»** 陰性凝聚；陽性發散. 陰聚之，陽必散之，其勢均. 散陽爲陰累，則相持爲雨而降；陰爲陽得，則飄揚爲雲而升. 故雲物班布太虛者，陰爲風驅，斂聚而未散者也. 凡陰氣凝聚，陽在內者不得出，則奮擊而爲雷霆；陽在外者不得入，則周旋不舍而爲風. 其聚有遠近虛實，故雷風有小大暴緩，和而散，則爲霜雪雨露；不和而散，則爲戾氣噎霾. 陰常散緩，受交於陽，則風雨調，寒暑正.

[21] ***Chính Mông*: «Thanh giả hình khí tương *yết*** [1] **nhi thành. Lưỡng khí giả, cốc hưởng lôi thanh chi loại. Lưỡng hình giả, phù cổ khấu kích chi loại. Hình yết khí, vũ phiến *xao*** [2] **thỉ chi loại. Khí yết hình nhân thanh sinh hoàng chi loại. Thị giai vật cảm chi lương năng, nhân giai tập chi nhi bất sát giả nhĩ.»** 聲者形氣相軋而成. 兩氣者，谷響雷聲之類. 兩形者，桴鼓叩擊之類. 形軋氣，羽扇敲矢之類. 氣軋形人聲笙簧之類. 是皆物感之良能，人皆習之而不察者爾.– **LAM chú: (1) *Từ Hải* phiên thiết chữ 軋 là «ất kiết thiết, âm yết» 乙戛切音 腷, như vậy đọc là *yết*, nhưng thông thường chữ này vẫn bị đọc nhầm là *loát* thí dụ như từ *khuynh loát* 傾軋 (lẽ ra đọc là *khuynh yết*), mà từ điển *Mathews* giảng: to subvert another from envy or jealousy (lật đổ, phá hoại ai do ganh tị hoặc ghen tuông). (2) Chữ *xao* 敲 nên viết là *hao* 嚆. *Hao thỉ* 嚆矢 là tiếng tên bay vèo vèo, nghĩa bóng là dấu hiệu (hay điềm) báo trước.**

gốc.»[22]

Hoành Cừ lại nói: «Loài có hơi thở thì bắt nguồn từ trời; loài không có hơi thở thì bắt nguồn từ đất. Loài bắt nguồn từ trời thì không bị hạn chế ở tác dụng; loài bắt nguồn từ đất thì bị hạn chế ở nơi chốn. Đó là sự phân biệt giữa động vật và thực vật.»[23]

e. Lý thuyết về Tính

Hoành Cừ nói: «Người có hơi thở. Hơi thở là sự thể hiện của cứng và mềm chà xát nhau, của Càn và Khôn đóng mở. Khi ta thức tỉnh, thì *hình* 形 khai mở và *chí* 志 giao tiếp với bên ngoài; khi ta nằm mộng, thì *hình* 形 đóng lại và *khí* 氣 chuyên hoạt động ở bên trong. Cho nên khi thức tỉnh thì ta biết được cái mới mẻ đối với tai và mắt; khi ta nằm mộng thì ta bám theo những cái cũ ở trong cái tâm đã bị tập nhiễm lâu ngày.»[24]

Hoành Cừ lại nói: «Do Thái Hư mà có tên gọi là Trời (*Thiên* 天). Do sự biến hoá của khí mà có tên gọi là *Đạo* 道. Hợp Thái Hư với khí, thì có tên gọi là *tính* 性. Hợp tính với tri giác, thì có tên gọi là *tâm* 心.»[25]

Hoành Cừ lại nói: «Có hình rồi sau mới có cái tính của khí chất. Lấy điều thiện để quay về nó thì bản tính của trời đất còn giữ được. Cho nên cái

---

[22] ***Chính Mông*: «Động vật bản chư thiên, dĩ hô hấp vi tụ tán chi tiệm. Thực vật bản chư địa, dĩ Âm Dương thăng giáng vi tụ tán chi tiệm. Vật chi sơ sinh, khí dĩ chí nhi tư tức; vật sinh ký doanh, khí nhật phản nhi du tán. Chí chi vị thần, dĩ kỳ thân dã; phản chi vi quỷ, dĩ kỳ quy dã.»** 動物本諸天, 以呼吸爲聚散之漸. 植物本諸地, 以陰陽升降爲聚散之漸. 物之初生, 氣已至而滋息; 物生既盈, 氣日反而游散. 至之謂神, 以其伸也; 反之爲鬼, 以其歸也.

[23] ***Chính Mông*: «Hữu tức giả căn ư thiên, bất tức giả căn ư địa. Căn ư thiên giả bất trệ ư dụng, căn ư địa giả trệ ư phương. Thử động thực chi phân dã.»** 有息者根於天, 不息者根於地. 根於天者不滯於用, 根於地者滯於方. 暑動植之分也.

[24] ***Chính Mông*: «Nhân chi hữu tức, cái cương nhu tương ma, Càn Khôn hạp tịch chi tượng dã. Ngụ hình khai nhi chí giao chư ngoại dã; mộng hình bế nhi khí chuyên hồ nội dã. Ngụ sở dĩ tri tân ư nhĩ mục, mộng sở dĩ duyên cựu ư tập tâm.»** 人之有息, 蓋剛柔相摩, 乾坤闔闢之象也. 寤形開而志交諸外也; 夢形閉而氣專乎內也. 寤所以知新於耳目, 夢所以緣舊於習心.

[25] ***Chính Mông*: «Do Thái Hư, hữu thiên chi danh. Do khí hoá, hữu đạo chi danh. Hợp hư dữ khí, hữu tính chi danh. Hợp tính dữ tri giác, hữu tâm chi danh.»** 由太虛, 有天之名. 由氣化有道之名. 合虛與氣, 有性之名. 合性與知覺, 有心之名.

tính của khí chất là cái mà bậc quân tử không nhận là bản tính của mình.»[26]

Chu Hi bình đoạn văn trên rằng: «Thuyết về khí chất phát khởi từ Trương Tái và Nhị Trình, rất có công đối với cửa thánh, có sự hoàn bị cho kẻ hậu học. Trước Trương Tái và Nhị Trình chưa từng có ai nói đến khí chất. Cho nên khi thuyết này thành lập, thì thuyết của các triết gia khác bị vất bỏ.» (Khí chất chi thuyết, khởi ư Trương Trình, cực hữu công ư thánh môn, hữu bị ư hậu học. Tiền thử vị tằng hữu nhân thuyết đáo. Cố Trương Trình chi thuyết lập, tắc chư tử chi thuyết mẫn hĩ. 氣質之說起於張程, 極有功於聖門, 有被於後學. 前此未曾有人說到. 故張程之說立, 則諸子之說泯矣).

Vũ trụ luận của Chu Hi có khái niệm Lý và Khí. Cho nên trong tâm lý học và luân lý học của Chu Hi có hai loại tính: tính của trời đất (thiên địa chi tính) và tính của khí chất (khí chất chi tính). Vì thế Chu Hi nói: «Bàn về tính của trời đất tức là chuyên nói đến Lý; bàn về tính của khí chất tức là nói đến sự hỗn tạp giữa Lý và Khí.» (Luận thiên địa chi tính tắc chuyên chỉ Lý nhi ngôn; luận khí chất chi tính tắc dĩ Lý dữ Khí tạp nhi ngôn chi. 論天地之性則專指理而言;論氣質之性則以理與氣雜而言之).

Đối với Lý, Hoành Cừ chưa từng nói nhiều, mà chỉ nói: «Hợp Thái Hư với khí, thì có tên gọi là *tính*.» Ông còn nói rằng: «Thái Hư thì vô hình, nó là bản thể của khí.» Như vậy cái gọi là «hợp Thái Hư với khí» lẽ nào chẳng phải là «hợp khí với khí» hay sao? Hoành Cừ nói: «Cái bản tính thuộc về Trời thì thông suốt với Đạo. Sự hôn ám hay sáng sủa của khí không đủ để dứt tận bản tính ấy.»[27]

Hoành Cừ đã nói rằng: «Do Thái Hư mà có tên gọi là Trời (*Thiên* 天).» Như vậy Trời tức là Thái Hư. Thái Hư vốn là bản thể của khí, thế thì tại sao có thể nói bên ngoài khí lại có trời? Vũ trụ luận này của Hoành Cừ chính là nhất nguyên luận (monism) vậy. Tuy nhiên khi nói về tính, Hoành Cừ lại sơ ý chuyển sang nhị nguyên luận (dualism). Do đó, tuy thuyết về *tính của khí chất* của ông được các Đạo học gia về sau chấp nhận và sử dụng; nhưng do điểm đã nêu trên, trong hệ thống triết học của Hoành Cừ thuyết này khó có thể dung hoà với các phương diện khác của hệ thống.

---

[26] ***Chính Mông*: «Hình nhi hậu hữu khí chất chi tính, thiện phản chi tắc thiên địa chi tính tồn yên. Cố khí chất chi tính, quân tử hữu phất tính giả yên.»** 形而後有氣質之性, 善反之則天地之性存焉. 故氣質之性, 君子有弗性者焉.

[27] ***Chính Mông*: «Thiên sở tính giả thông cực ư Đạo, khí chi hôn minh bất túc dĩ tận chi.»** 天所性者通極於道, 氣之昏明, 不足以盡之.

Tuy nhiên, lấy một bộ phận khác trong hệ thống mà bàn luận, thì Hoành Cừ có thể duy trì thuyết này, vì nó không xung đột với các phương diện khác của hệ thống. Ông nói: «Hễ có hình trạng, đều là hữu thể. Hễ là hữu thể, đều là tượng. Hễ là tượng, đều là khí. Tính của khí vốn hư và thần, vậy thì thần và tính đều là cái cố hữu của khí.»[28]

Theo trên, khí cũng có tính của nó. Khí tụ thì thành người. Người cũng có được một phần của cái tính ấy. Hoành Cừ nói: «Thiên tính 天性 ở người giống y như tính của nước ở băng; đóng băng hay tan ra tuy khác nhau, nhưng chỉ có một vật.»[29]

Thiên tính tức là tính của khí. Hoành Cừ nói: «Lương năng 良能 (khả năng tốt lành) của Trời, về cơ bản, cũng là lương năng của chúng ta; nhưng chúng ta đã đánh mất nó.»[30]

Hoành Cừ lại nói: «Lặng lẽ và duy nhất là cái gốc của khí; công và thủ là cái dục của khí. Miệng và bụng đối với ẩm thực, mũi và lưỡi đối với mùi vị, đều là cái tính công và thủ. Người hiểu đức thì chỉ cần đủ no tấm thân mà thôi; chẳng để ham muốn và sở thích làm luỵ tâm của mình; chẳng lấy cái nhỏ làm hại cái lớn và chưa từng đánh mất cái gốc của mình vậy.»[31]

Khí tụ thì thành một cá nhân cụ thể. Khi người ấy xem tự thân mình là bản ngã, còn ngoài ra chẳng phải là bản ngã. Như thế, hắn tách ly khỏi toàn thể của khí hoặc Trời, và chuyên bám lấy cái nhu cầu cá nhân. Hoành Cừ gọi đó là sự công và thủ của tính, cũng là tính của khí chất. Nếu Hoành Cừ xem sự công và thủ của tính là cái tính của khí chất, thì có lẽ điều ấy không xung đột với các phương diện khác trong hệ thống triết học của ông. Tuy nhiên, Hoành Cừ không hề giải thích vì sao khi khí tụ lại thành vật thì vật không có cái tính của khí giống như ở người.

---

[28] ***Chính Mông*: «Phàm khả trạng, giai hữu dã. Phàm hữu, giai tượng dã. Phàm tượng, giai khí dã. Khí chi tính bản hư nhi thần, tắc thần dữ tính nãi khí sở cố hữu.»** 凡可狀, 皆有也. 凡有, 皆象也. 凡象, 皆氣也. 氣之性本虛而神, 則神與性乃氣所固有.

[29] ***Chính Mông*: «Thiên tính tại nhân, chính do thuỷ tính chi tại băng, ngưng thích tuy dị, vi vật nhất dã»** 天性在人, 正猶水性之在冰, 凝釋雖異, 爲物一也.

[30] ***Chính Mông*: «Thiên lương năng bản ngô lương năng, cố vi hữu ngã sở táng nhĩ.»** 天良能本吾良能, 故爲有我所喪耳.

[31] ***Chính Mông*: «Trạm nhất khí chi bản; công thủ khí chi dục. Khẩu phúc ư ẩm thực, tỵ thiệt ư xú vị, giai công thủ chi tính dã. Tri đức giả thuộc yếm nhi dĩ, bất dĩ thị dục luỵ kỳ tâm, bất dĩ tiểu hại đại, vị táng bản yên nhĩ.»** 湛一氣之本; 攻取氣之欲. 口腹於飲食, 鼻舌於臭味, 皆攻取之性也. 知德者厭厭而已, 不以嗜欲累其心, 不以小害大, 未喪本焉耳.

f. Thiên nhân hợp nhất

Vấn đề tính của khí chất mà Hoành Cừ nêu ra vẫn còn là vấn đề tranh luận. Tuy nhiên trong luân lý học hay trong phương pháp tu dưỡng, ông rất chú trọng việc loại bỏ ranh giới giữa ngã và phi ngã, để cho cá thể và vũ trụ hợp nhất. Hoành Cừ nói: «Mở rộng tâm mình thì xem vật trong thiên hạ là một thể với mình. Nếu chưa là một thể với vật, thì tâm mình có cái ở bên ngoài. Tâm của người đời chỉ hạn hẹp ở kiến văn (tức cái mắt thấy tai nghe). Còn thánh nhân thấu triệt bản tính, không để cho kiến văn gông cùm tâm mình. Thánh nhân nhìn thiên hạ, thấy vật nào cũng là mình. Mạnh Tử nói tận tâm thì biết bản tính và biết Trời, là thế đó. Trời lớn nên chẳng có gì ở bên ngoài Trời, cho nên hễ có cái tâm bên ngoài vạn vật, thì tâm đó không đủ để hợp với thiên tâm. Cái hiểu biết do kiến văn là do giao tiếp với vật mà biết. Nó không phải là sự hiểu biết do đức tính. Sự hiểu biết do đức tính không bắt nguồn từ kiến văn.»[32]

Xem cái ngã của cá thể là ngã, ngoài ra là phi ngã, tức là lấy kiến văn mà gông cùm tâm mình. Thánh nhân phá vỡ cái gông cùm ấy, nên xem vật trong thiên hạ với mình là một thể, tức là phá vỡ ranh giới giữa ngã và phi ngã, cũng tức là xem vũ trụ là đại ngã. Trời rộng lớn, bao trùm cả thảy, không có thứ gì nằm bên ngoài Trời. Nếu ta tu dưỡng đạt được cảnh giới ấy tức là ta hợp nhất với Trời.

Hoành Cừ nói: «Tính là nguồn duy nhất của vạn vật, và chẳng phải là cái sở hữu riêng tư của ta. Chỉ có bậc đại nhân mới có thể thấu triệt được đạo ấy. Cho nên các ngài hễ tạo lập thì cùng tạo lập với tất cả, hễ biết thì biết tất cả, hễ yêu thì yêu khắp tất cả, hễ thành tựu thì không thành tựu cho riêng mình. Kẻ nào tự che lấp mình, thì không biết thuận với nguyên lý của ta, và rốt cuộc sẽ không làm được gì.»[33]

---

[32] ***Chính Mông*: «Đại kỳ tâm tắc năng thể thiên hạ chi vật. Vật hữu vị thể, tắc tâm vi hữu ngoại. Thế nhân chi tâm, chỉ ư văn kiến chi hiệp. Thánh nhân tận tính, bất dĩ kiến văn cốc kỳ tâm. Kỳ thị thiên hạ, vô nhất vật phi ngã. Mạnh Tử vị tận tâm tắc tri tính tri thiên dĩ thử. Thiên đại vô ngoại, cố hữu ngoại chi tâm, bất túc dĩ hợp thiên tâm. Kiến văn chi tri, nãi vật giao nhi tri, phi đức tính sở tri. Đức tính sở tri, bất mạnh ư kiến văn.»** 大其心則能體天下之物，物有未體，則心爲有外．世人之心，止於聞見之狹．聖人盡性，不以見聞梏其心．其視天下無一物非我．孟子謂盡心則知性知天以此．天大無外，故有外之心，不足以合天心．見聞之知，乃物交知，非德性所知．德性所知，不萌於見聞．

[33] ***Chính Mông*: «Tính giả, vạn vật chi nhất nguyên, phi hữu ngã chi đắc tư dã. Duy đại nhân vi năng tận kỳ đạo. Thị cố lập tất câu lập, tri tất chu tri, ái tất kiêm ái, thành bất độc thành. Bỉ tự tế tắc nhi bất tri thuận ngô lý giả, tắc diệc mạt như chi hà hĩ.»** 性者，萬物之一源，非有我之得私也．惟大人爲能盡其道．是故立必俱立，知必周知，愛必兼愛，成不獨成．彼自蔽則而不知順吾理者，則亦末如之何矣．

Đó chính là lấy công phu «sự nghiệp yêu thương» 愛之事業(*work of love*, từ của Schopenhauer dùng) để phá nát sự che lấp của bản ngã, ngõ hầu đạt tới cảnh giới hợp nhất với vạn vật. Quả thực, Trương Hoành Cừ đã phát triển khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí trong triết học của Mạnh Tử rồi vậy.

Về phương diện tri thức mà nói, sau khi đạt tới cảnh giới này, cái tri thức của con người mới thực là *chân tri* 眞知, không phải là cái tri thức bị hạn hẹp ở kiến văn, không phải là cái tri thức do giao tiếp ngoại vật mà có. Hoành Cừ nói: «Cái biết do chân thành và minh triết là cái biết lương thiện và đạo đức của Trời, chẳng phải là cái biết nhỏ nhặt do kiến văn.»[34]

Về *thành minh* 誠明 (chân thành và minh triết), Hoành Cừ nói: «Tác dụng khác nhau giữa Trời và người không đủ gọi là chân thành. Hiểu biết khác nhau giữa Trời với người không đủ gọi là minh triết. Cái gọi là chân thành và minh triết là giữa tính và thiên đạo không có sự sai biệt lớn nhỏ nào.»[35]

Do đấy mà xét, *thành* (chân thành) tức là cảnh giới Trời với người hợp nhất; *minh* (minh triết) tức là tri thức ta có được khi đạt tới cảnh giới đó. Nó là chân tri, chứ không phải là thứ tri thức nhỏ nhặt do kiến văn mà có.

Trong *Chính Mông* có một đoạn văn mà về sau hậu Nho gọi là *Tây Minh* 西銘: «Càn (trời) là cha, Khôn (đất) là mẹ; tấm thân nhỏ nhoi của ta tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa. Cho nên cái khí lấp đầy trời đất là thân thể của ta. Cái thống lĩnh trời đất là bản tính của ta. Người dân là đồng bào của ta. Vạn vật là bè bạn của ta. Nhà vua là con cả của cha mẹ ta (tức trời đất). Quan đại thần là người quản lý việc nhà của con cả. Hãy tôn trọng bậc trưởng thượng, vì họ là bậc trưởng thượng [của trời đất] đáng cho mình tôn trọng; hãy thương xót trẻ mồ côi yếu đuối, vì chúng là trẻ thơ ấu [của trời đất] đáng cho mình thương. Thánh nhân hợp nhất với đức [của trời đất]; hiền nhân là bậc ưu tú [của trời đất]. Trong thiên hạ những kẻ già yếu, tàn tật, không anh em, già không con, già không vợ, già không chồng, đều là anh em của ta; họ chật vật khốn khổ mà không biết than thở cùng ai. [Kẻ khá giả] tuỳ thời mà bảo bọc những kẻ đáng thương ấy, đó là thể hiện lòng tôn kính [cha trời mẹ đất]; [kẻ khốn đốn] vui với mệnh trời, không lo buồn tủi phận, đó là thể hiện lòng

---

[34] ***Chính Mông*: «Thành minh sở tri, nãi thiên đức lương tri, phi văn kiến tiểu tri nhi dĩ.»** 誠明所知，乃天德良知，非聞見小知而已.

[35] ***Chính Mông*: «Thiên nhân dị dụng, bất túc dĩ ngôn thành. Thiên nhân dị tri, bất túc dĩ tận minh. Sở vị thành minh giả, tính dữ thiên đạo, bất kiến hồ tiểu đại chi biệt dã.»** 天人異用，不足以言誠. 天人異知，不足以盡明. 所謂誠明者，性與天道，不見乎小大之別也

chí hiếu với [cha trời mẹ đất]. Làm trái lệnh cha mẹ là phẩm hạnh của đứa con ngỗ nghịch. Kẻ làm hại điều nhân gọi là tặc. Kẻ gây ác là hạng bất tài. Ai giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu mới là giống hệt cha trời mẹ đất. Ai hiểu được sự biến hoá của sự vật tức là nối được sự nghiệp của cha trời; ai nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, là nối được chí lớn của cha trời. Cẩn thận khi ở một mình, dù ở chỗ khuất vắng mà không làm điều hổ thẹn với lương tâm, đó là một hiếu tử không làm nhục cha trời. Luôn gìn giữ tâm và nuôi dưỡng tính, đó là hiếu tử không biếng lười của cha trời. Ghét rượu [vì rượu làm loạn tâm tính], đó là sự quan tâm ông Vũ đến công lao dưỡng dục của cha trời mẹ đất. Nuôi dưỡng anh tài là ban ân đức cho đồng loại [thể hiện đạo hiếu] của Dĩnh Khảo Thúc [đối với cha trời mẹ đất]. Tận tâm chí hiếu để cha mẹ vui lòng, đó là công của vua Thuấn. Không chạy trốn [số mệnh] mà chỉ đợi bị giết, đó là Thân Sinh cung kính [thiên mệnh] vậy. Giữ gìn toàn vẹn thân thể do cha mẹ sinh ra cho đến lúc chết, đó là Tăng Sâm. Một mực vâng lời cha, đó là Bá Kỳ. [Cha trời mẹ đất cho ta] phú quý hạnh phúc, là làm dầy dặn cuộc sống của ta; cho ta nghèo hèn lo buồn, tức là cho ngọc quý để ta mài giũa vậy. Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.»[36]

Bài *Tây Minh* nói rõ thái độ của Hoành Cừ đối với vũ trụ và vạn vật trong vũ trụ. Thể của chúng ta tức là thể của vũ trụ; tính của chúng ta tức là tính của vũ trụ. Chúng ta phải xem vũ trụ là cha mẹ, cũng phải phụng sự vũ trụ như phụng sự cha mẹ, phải xem mọi người trong thiên hạ đều là anh em của mình, phải xem vạn vật trong thiên hạ đều là đồng

---

[36] ***Chính Mông*: «Càn xưng phụ, Khôn xưng mẫu; dư tư miểu yên, nãi hỗn nhiên trung xử.[1] Cố *thiên địa chi tắc*,[2] ngô kỳ thể; thiên địa chi soái, ngô kỳ tính; dân ngô *đồng bào*;[3] vật ngô *dữ*[4] dã. Đại quân giả, ngô phụ mẫu *tông tử*;[5] kỳ đại thần, tông tử chi gia tướng dã. Tôn cao niên sở dĩ trưởng kỳ trưởng, từ cô nhược sở dĩ ấu kỳ ấu, thánh kỳ hợp đức, hiền kỳ tú dã. Phàm thiên hạ *bì lung*[6] tàn tật, *quỳnh độc quan quả*,[7] giai ngô huynh đệ chi *điên liên nhi vô cáo*[8] giả dã. Ư thời bảo chi, tử chi *dực*[9] dã, lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã. *Vi viết bội đức*,[10] *hại nhân viết tặc*,[11] *tế*[12] ác giả bất tài, *kỳ tiễn hình, duy tiếu giả dã*.[13] Trí hoá tắc *thiện thuật* kỳ sự, cùng thần tắc *thiện kế* kỳ chí.[14] Bất *quý ốc lậu* vi vô *thiểm*, tồn tâm dưỡng tính vi *phi giải*.[15] *Ố chỉ tửu, Sùng Bá* tử chi *cố dưỡng*;[16] dục anh tài, Dĩnh Phong Nhân chi tích loại.[17] Bất thỉ lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã.[18] Vô *sở đào* nhi đãi phanh, Thân Sinh kỳ cung dã.[19] Thể kỳ thụ nhi quy toàn giả, Sâm hồ;[20] dũng tư lòng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã.[21] Phú quý phúc trạch, tương hậu ngô chi sinh dã; *bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ ư thành dã*.[22] Tồn ngô thuận sự, một ngô ninh dã.» 乾稱父, 坤稱母; 予茲藐焉, 乃混然中處. 故天地之塞, 吾其體; 天地之帥吾其性, 民吾同胞; 物吾與也. 大君者, 吾父母宗子; 其大臣, 宗子之家相也. 尊高年所以長其長, 慈孤弱所以幼其幼, 聖其合德, 賢其秀也. 凡天下疲癃殘疾, 惸獨鰥寡, 皆吾兄弟之顛連而無告者也. 於時保之, 子之翼也, 樂且不憂, 純乎孝者也. 違曰悖德, 害仁曰賊, 濟惡者不才, 其踐形, 惟肖者也. 知化則善述其事, 窮神則善繼其志. 不愧屋漏爲無忝, 存心養性爲匪懈. 惡旨酒, 崇伯子之顧**

養；育英才，穎封人之錫類. 不弛勞而底豫，舜其功也. 無所逃而待烹，申生其恭也. 體其受而歸全者，參乎；勇於從而順令者，伯奇也. 富貴福澤，將厚吾之生也；貧賤憂戚，庸玉女於成也. 存吾順事，沒吾寧也.- LAM chú: Bài này vốn là đoạn văn đầu của thiên Càn Xưng 乾稱 trong *Chính Mông*. Trương Tái chép đoạn đầu thiên này vào vách tường phía tây nơi thư phòng (ông đặt tên là *Đính Ngoan* 訂頑); rồi chép đoạn cuối thiên này vào vách tường phía đông (ông đặt tên là *Biếm Ngu* 砭愚). Trình Di thấy thế, đổi *Đính Ngoan* thành *Tây Minh*, và đổi *Biếm Ngu* thành *Đông Minh*. Về sau, Chu Hi tách bài *Tây Minh* này ra thành một bài độc lập và chú giải nó. Bài *Tây Minh* của Trương Tái và *Thái Cực Đồ Thuyết* của Chu Liêm Khê là hai áng văn bất hủ của Tống Nho. Vì lẽ đó, tôi chú giải kỹ các từ ngữ như sau: (1) *«Càn vi phụ, [...] nãi hỗn nhiên trung xử»* tóm tắt toàn nội dung của bài này. Ý tưởng «Càn là cha, Khôn là mẹ» phát xuất từ *Thuyết Quái*. Chu Hi chú: «Con người phú bẩm khí từ trời, được ban hình thể từ đất. Cái thân thể nhỏ bé của ta đứng trong đó, chính là đạo làm con vậy.» (Nhân bẩm khí ư thiên, phú hình ư địa, dĩ miểu nhiên chi thân nhi vị hồ trung, tử đạo dã. 人稟氣於天，賦形於地，以藐然之身而位乎中，子道也). *Hỗn nhiên trung xử* = ý nói tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa trời đất. (2) *Thiên địa chi tắc* = cái lấp đầy trời đất, tức là khí. Khí tụ thì sinh người và vật. *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng) nói đó là khí hạo nhiên, lấp đầy trời đất: «Kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng nhi vô hại, tắc tắc ư thiên địa chi gian.» 其爲氣也，至大至剛，以直養而無害，則塞於天地之間 (Đó là khí; khí ấy rất lớn rất cứng, nuôi dưỡng khí thì vô hại, nên khí ấy lấp đầy trời đất). (3) *Đồng bào* 同胞 = cùng một ruột của mẹ sinh ra. Thí dụ anh em ruột gọi là *bào huynh, bào đệ*. Anh em cùng cha khác mẹ thì gọi là anh em *dị bào*. Câu *«dân ngô đồng bào»* ý nói dân là anh em của ta, cùng một mẹ sinh ra. Cũng từ ý này mà người lãnh đạo quốc gia gọi dân chúng là đồng bào, và dân chúng thường xem nhau là *tứ hải giai huynh đệ* (người trong bốn biển đều là anh em). (4) *Dữ* 與 = bạn bè (*đảng dữ* 黨與, *đồng bạn* 同伴). (5) *Tông tử* 宗子 = con trai cả (đích trưởng tử 嫡長子) có quyền thừa kế. (6) *Bì lung* 疲癃 = già yếu nhiều bệnh (*lão suy đa bệnh* 老衰多病). (7) *Quỳnh* 惸 = người trơ trọi không anh em; *độc* 獨 = già không con; *quan* 鰥 = già không vợ; *quả* 寡 = già không chồng. *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương, hạ) chép: «Lão nhi vô thê viết quan, lão nhi vô phu viết quả, lão nhi vô tử viết độc, ấu nhi vô phụ viết cô. Thử tứ giả, thiên hạ chi cùng dân nhi vô cáo giả.» 老而無妻曰鰥，老而無夫曰寡，老而無子曰獨，幼而無父曰孤. 此四者，天下之窮民而無告也 (Già không vợ gọi là *quan*, già không chồng gọi là *quả*, già không con gọi là *độc*, nhỏ không cha gọi là *cô*. Bốn hạng này là những dân cùng khổ trong thiên hạ, có khổ cũng không biết kể lể với ai). (8) *Điên liên nhi vô cáo* 顚連而無告 = chật vật khốn khổ không biết kể lể than thở với ai. (9) *Dực* 翼 = cung kính. Chu Hi chú: «Uý thiên dĩ tự bảo giả, do kỳ kính thân chi chí dã; lạc thiên nhi bất ưu giả, do kỳ ái thân chi chí dã.» 畏天以自保者猶其敬親之至也；樂天而不憂者猶其愛親之至也 (Sợ trời mà tự bảo vệ mình, giống như mình tôn kính cha mẹ rất mực; vui với mệnh trời mà chẳng lo buồn, giống như mình yêu cha mẹ rất mực vậy). (10) *Vi* 違 = làm trái [lệnh cha mẹ]; *bội* 悖 = ngỗ nghịch. *Vi viết bội đức* 違曰悖德 = làm trái lệnh cha mẹ là phẩm hạnh của đứa con ngỗ nghịch. (11) *Hại nhân viết tặc* = kẻ hại điều nhân thì gọi là tặc. *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương, hạ): «Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn.» 賊仁者謂之賊，賊義者謂之殘 (Kẻ làm hại điều nhân thì gọi là tặc; kẻ làm hại điều nghĩa thì gọi là tàn). (12) *Tế* 濟 = tạo thành (*thành* 成). *Tế ác giả bất tài* = kẻ gây ác là hạng bất tài. (13) *Tiễn hình* 踐形 = giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu. *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Hình sắc, thiên tính dã. Duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiễn hình.» 形色，天性也. 惟聖人然後可以踐形 (Hình sắc của con người là thiên tính. Chỉ có thánh nhân mới có thể giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu). Ý nói phàm phu bị vật dục che lấp nên không còn giữ nguyên hình sắc thuở sơ sinh. *Tiếu* 肖 = giống hệt (ở đây là giống hệt cha mẹ). *Kỳ tiễn hình, duy tiếu giả dã* = ai giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu mới là giống hệt cha trời mẹ đất. (14) *Cùng thần* và *tri hoá* lấy từ Hệ Từ Hạ: «Cùng thần tri hoá, đức chi thịnh dã.» 窮神知化，德之盛也 (Hễ

loại với mình, cũng phải đối đãi với vạn vật như đối đãi với đồng loại của mình.

Về sau, một đệ tử của Trình Tử chê rằng chủ trương của Hoành Cừ trong bài *Tây Minh* không khác gì thuyết kiêm ái của Mặc Tử. Trình Tử phản bác rằng chủ trương trong *Tây Minh* là: «Lý tuy chỉ có một, nhưng phân ra thì khác biệt; cho nên chủ trương của Hoành Cừ khác với thuyết kiêm ái của Mặc Tử.» (Lý nhất phân thù, cố dữ Mặc Tử kiêm ái chi thuyết bất đồng 理一分殊, 故與墨子兼愛之說不同).

Chu Hi nói thêm rằng: «Khi xem Càn là cha, Khôn là mẹ, và điều này áp dụng cho tất cả các loài có sự sống, thì đó là ý của câu "Lý là một". Nhưng trong loài người và loài động vật có huyết mạch, mỗi thứ xem cha

---

nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, ta hiểu được sự biến hoá của chúng; đó là thịnh đức). *Thiện thuật* và *thiện kế* lấy từ *Trung Dung*: «Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã.» 夫孝者, 善繼人之志, 善述人之事者也(Hiếu thảo là nối được chí lớn của cha, tiếp tục được sự nghiệp hãy còn dang dở của cha). *Tri hoá tắc thiện thuật kỳ sự, cùng thần tắc thiện kế kỳ chí* = hiểu được sự biến hoá của sự vật tức là nối nghiệp cha trời, nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, là nối được chí lớn của cha trời. (15) *Quý* 愧 = hổ thẹn. *Ốc lậu* 屋漏 = chỗ khuất vắng trong nhà. *Thiểm* 忝 = nhục nhã. *Phỉ giải* 匪懈 = không biếng lười. *Bất quý ốc lậu vi vô thiểm, tồn tâm dưỡng tính vi phỉ giải* = cẩn thận ở một mình, dù ở chỗ khuất vắng mà không làm điều hổ thẹn với lương tâm, đó là một hiếu tử không làm nhục cha trời. (16) *Ố chỉ tửu* 惡旨酒 = ghét rượu (vì rượu làm loạn tâm tính). Sùng Bá 崇伯 = bá tước của nước Sùng, tức là ông Cổn 鯀; *Sùng Bá tử* = người con của bá tước nước Sùng, tức là ông Vũ 禹. *Mạnh Tử* (Ly Lâu, hạ) chép: «Vũ ố chỉ tửu nhi hiếu thiện ngôn.» 禹惡旨酒而好善言(Ông Vũ ghét rượu, chỉ thích lời nói tốt lành). *Cố dưỡng* 顧養 = quan tâm đến sự dưỡng dục [của cha mẹ]. *Ố chỉ tửu, Sùng Bá tử chi cố dưỡng* = ghét rượu [vì rượu làm loạn tâm tính], đó là sự quan tâm của ông Vũ đến công dưỡng dục của cha mẹ. (17) *Dĩnh Phong Nhân* 潁封人 = Dĩnh Khảo Thúc 潁考叔(?-712 TCN), người nước Trịnh thời Xuân Thu, làm chức phong nhân 封人(quan quản lý đất đai) ở Dĩnh Cốc 潁谷(nay là huyện Đăng Phong 登封, tỉnh Hà Nam 河南). *Tích loại* 錫類 = ban ân đức cho đồng loại. *Tả Truyện* (Ẩn Công nguyên niên): «Dĩnh Khảo Thúc thuần hiếu dã, ái kỳ mẫu thi cập Trang Công.» 潁考叔純孝也, 愛其母施及莊公(Dĩnh Khảo Thúc là người chí hiếu, lòng yêu mẹ của ông cảm hoá được Trang Công). Dĩnh Khảo Thúc làm chức quan phong nhân, đến ra mắt vua Trịnh Trang Công. Vua ban thức ăn, Khảo Thúc không ăn tại chỗ, nói rằng sẽ đưa lộc vua về dâng mẹ ăn. Trịnh Trang Công xúc động than: «Nhĩ hữu mẫu di, ê ngã độc vô.» 爾有母遺, 繄我獨無(Người còn mẹ để dâng lễ vật, riêng ta không mẹ). Mẹ của Trang Công là Khang thị 姜氏, thương Thúc Đoạn 叔段(là em của Trang Công) hơn Trang Công, bởi vì lúc sinh Trang Công bà sinh ngược, rất đau đớn, nên ghét bỏ Trang Công. Khang Thị âm mưu lật đổ Trang Công để đưa Thúc Đoạn lên ngôi. Trang Công phá được âm mưu này, oán hận mẹ, bèn lưu đày mẹ đến Thành Dĩnh 城潁(nay là huyện Lâm Dĩnh 臨潁, tỉnh Hà Nam), và thề độc: «Bất cập hoàng tuyền, vô tương kiến dã.» 不及黃泉無相見也(Chừng nào đến suối vàng thì mới gặp nhau = Đến chết mới gặp nhau). Cũng nhân chuyện này mà Khảo Thúc đến cảm hoá Trang Công. Nghe vua than thở, Khảo Thúc vờ hỏi lý do. Vua nói rất hối hận vì đã thề độc và đày mẹ. Khảo Thúc bày kế, đào một địa đạo, coi như là suối vàng, để hai mẹ con nhận nhau, hoá giải lời thề. *Dục anh tài, Dĩnh Phong Nhân chi tích loại* = nuôi dưỡng anh tài là ban ân đức cho đồng loại, [thể hiện đạo hiếu] của Dĩnh Khảo Thúc [đối với cha trời mẹ đất]. (18) *Bất thi lao* 不弛勞 = cố

mẹ mình là cha mẹ mình, xem con mình là con mình, vậy thì chẳng phải là Lý phân ra khác biệt ư? Do đó, tuy xem thiên hạ như một nhà, tuy xem Trung Quốc như một người, nhưng chúng ta không rơi vào sự sai lầm của kiêm ái. Khác nhau vô vàn nhưng xuyên suốt là một, vậy thì tuy tình cảm thân sơ khác nhau, tuy đẳng cấp sang hèn khác nhau, nhưng chúng ta không bị gông cùm bởi lòng ích kỷ riêng tư. Đó là đại ý của bài *Tây Minh* vậy. Xem xét nó chúng ta suy ra rằng tình yêu sâu dày đối với cha mẹ được mở rộng lên thành lòng chí công vô ngã và do bởi sự chân thành phụng sự cha mẹ mà hiểu rõ đạo phụng sự Trời. Không có gì mà không phù hợp cái gọi là "phân ra thì khác biệt nhưng rốt cuộc chỉ là một lý" vậy.»[37]

Lập luận trên đây dựa trên sự khác biệt giữa tình yêu vô đẳng cấp (của Mặc Tử) và tình yêu theo đẳng cấp. Tuy nhiên, lập luận của Hoành Cừ chính là theo khuynh hướng chủ nghĩa thần bí của Mạnh Tử mà suy

---

hết sức, toàn tâm toàn lực. ***Để dự*** 底豫= rất vui vẻ (***trí lạc*** 致樂). ***Mạnh Tử*** (Ly Lâu, thượng): «**Thuấn tận sự thân chi đạo nhi Cổ Tẩu để dự nhi thiên hạ hoá.**» 舜盡事親之道而瞽瞍底豫而天下化(Vua Thuấn chí hiếu, cha ông là Cổ Tẩu vui lòng; việc ấy cảm hoá được thiên hạ). ***Bất thì lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã*** = Tận tâm chí hiếu để cha mẹ vui lòng, đó là công của vua Thuấn. (19) ***Đãi phanh*** 待烹= chờ bị giết. Tấn Hiến Công 晉獻公nghe lời dèm pha, muốn giết thế tử là Thân Sinh 申生. Thân Sinh không chạy trốn, cung kính lạy vua và tự treo cổ chết. Vua cho tên thụy là Cung 恭. ***Vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sinh kỳ cung dã*** = không chạy trốn mà chỉ đợi bị giết, đó là Thân Sinh cung kính mệnh cha vậy. (20) ***Thể kỳ thụ*** = thân thể nhận lĩnh từ cha mẹ. ***Quy toàn*** = giữ gìn toàn vẹn cho đến lúc chết. ***Sâm*** = Tăng Sâm 曾參. ***Lễ Ký*** (Tế Nghĩa) chép: «**Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi quy chi, khả vị hiếu hĩ; bất khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn.**» 父母全而生之, 子全而歸之, 可謂孝矣; 不虧其體, 不辱其親, 可謂全(Cha mẹ sinh con lành lặn, con trở về lành lặn, đó là hiếu vậy. Không làm thương tổn thân thể, không làm nhục cha mẹ, đó cũng gọi là toàn vẹn). ***Thể kỳ thụ nhi quy toàn giả, Sâm hồ*** = giữ gìn toàn vẹn thân thể do cha mẹ sinh ra cho đến lúc chết, đó là Tăng Sâm. (21) Bá Kỳ 伯奇 là người đời Chu, con của Cát Phủ 吉甫, bị cha đuổi đi. Cát Phủ là cha hiền, dạy con nghiêm khắc. Bá Kỳ là con hiếu, vâng lệnh cha không dám cãi. ***Dũng ư tòng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã*** = một mực vâng lời cha, đó là Bá Kỳ. (22) ***Dung ngọc nhữ*** 庸玉女(汝)= cho người ngọc quý. ***Bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ ư thành dã*** = nghèo hèn lo buồn là ngọc quý trời cho người để mài giũa. Ý nói khi con người sống trong nghịch cảnh thì đó là dịp rèn luyện tu dưỡng để đạt được thành tựu tối cao.

37 **Chu Hi, *Tây Minh Chú:* «Cái dĩ Càn vi phụ, dĩ Khôn vi mẫu, hữu sinh chi loại, vô vật bất nhiên, sở vị lý nhất dã. Nhi nhân vật chi sinh, huyết mạch chi thuộc, các thân kỳ thân, các tử kỳ tử, tắc kỳ phân diệc an đắc nhi bất thù tai? Tắc tuy thiên hạ nhất gia, Trung Quốc nhất nhân, nhi bất lưu kiêm ái chi tệ. Vạn thù nhi nhất quán, tắc tuy thân sơ dị tình, quý tiện dị đẳng, nhi bất cốc ư vị ngã chi tư. Thử Tây Minh chi đại chỉ dã. Quan kỳ suy thân thân chi hậu, dĩ đại vô ngã chi công, nhân sự thân chi thành, dĩ minh sự thiên chi đạo. Cái vô thích nhi phi sở vị phân thù nhi suy lý nhất dã.»** 蓋以乾爲父, 以坤爲母, 有生之類, 無物不然, 所謂理一也. 而人物之生, 血脈之屬, 各親其親, 各子其子, 則其分亦安得而不殊哉? 則雖天下一家, 中國一人, 而不流兼愛之弊. 萬殊而一貫, 則雖親疏異情, 貴賤異等, 而不牿於爲我之私. 此西銘之大指也. 觀其推親親之厚, 以大無我之公, 因事親之誠, 以明事天之道. 蓋無適而非所謂分殊而推理一也.

rộng ra. Nó hoàn toàn khác với thuyết kiêm ái của Mặc Tử vốn dựa trên chủ nghĩa công lợi, chứ nó không chỉ có điểm khác biệt như Chu Hi đã nêu ra mà thôi.

g. Phê bình Phật giáo và Đạo giáo

Cuối bài *Tây Minh* nói: «Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.» Câu này thể hiện thái độ của Đạo học gia đối với sự sống và sự chết. Nó khác với quan điểm của Phật giáo và Đạo giáo. Hoành Cừ nói: «Thái Hư không thể không có khí; khí không thể không tụ mà tạo thành vạn vật; vạn vật không thể không tán mà trở lại thành Thái Hư. Tuần hoàn xuất nhập như vậy là một chu kỳ không tránh được. Do đó thánh nhân là bậc thấu triệt cái đạo trong chu kỳ ấy, thể hội nó mà không luỵ vì nó, và tồn thần đến mức tối cao. Kẻ [theo Phật giáo] nói về tịch diệt (tức niết bàn), cho rằng một đi không trở lại. Kẻ [theo Đạo giáo] truy cầu trường sinh và chấp hữu, [cho rằng] vật không biến hoá. Hai hạng này tuy có sự cách biệt quan điểm, nhưng họ giống nhau ở chỗ lời nói mất đạo lý. [...] Khí tụ cũng là thể của ta, khí tán cũng là thể của ta. Ai biết được chết không phải là mất đi thì ta có thể nói về bản tính với họ.»[38]

Hoành Cừ lại nói: «Hễ thấu triệt bản tính rồi thì biết khi sống chẳng có gì được và khi chết chẳng có gì mất.»[39]

Phật giáo mong cầu không tái sinh, tức là «nói về tịch diệt (tức niết bàn), cho rằng một đi không trở lại». Đạo giáo mong cầu sống lâu, tức là «truy cầu trường sinh và chấp hữu, cho rằng vật không biến hoá». Bởi khí tụ hay tán cũng đều là thể của ta, nếu biết «khi sống chẳng có gì được» thì cần chi phải cầu không tái sinh? và nếu biết «khi chết chẳng có gì mất» thì cần chi phải cầu trường sinh? Chúng ta không cầu niết bàn hay trường sinh; chỉ cần sống ngày nào thì làm tròn bổn phận của ngày

---

[38] ***Chính Mông*: «Thái Hư bất năng vô khí; khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật; vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư. Tuần thị xuất nhập, thị giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã. Nhiên tắc thánh nhân tận đạo kỳ gian, kiêm thể nhi bất luỵ giả, tồn thần kỳ chí hĩ. Bỉ ngữ tịch diệt giả, vãng nhi bất phản; tuẫn sinh chấp hữu giả, vật nhi bất hoá; nhị giả tuy hữu gian hĩ; dĩ ngôn hồ thất đạo tắc quân yên. [...] Tụ diệc ngô thể, tán diệc ngô thể; tri tử chi bất vong giả, khả dữ ngôn tính hĩ.»** 太虛不能無氣；氣不能不聚而爲萬物；萬物不能不散而爲太虛. 循是出入，是皆不得已而然也. 然則聖人盡道其間，兼體而不累者，存神其至矣. 彼語寂滅者，往而不反；徇生執有者，物而不化；二者雖有間矣；以言乎失道則均焉. [...] 聚亦吾體，散亦吾體；知死之不亡者，可與言性矣.

[39] ***Chính Mông*: «Tận tính nhiên hậu tri sinh vô sở đắc; tắc tử vô sở táng.»** 盡性然後知生無所得；則死無所喪.

ấy, chừng nào chết thì trở về Thái Hư. Đó gọi là: «Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.» Đó là thái độ của Nho gia đối với vấn đề sống chết mà Đạo học gia cũng ủng hộ. Cho nên tuy Đạo học gia chịu ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo mà lại bài xích họ, và cứ khăng khăng tự gọi mình là Nho gia.

2. Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên

Tuy Liêm Khê, Thiệu Ung, Hoành Cừ đều là những Đạo học gia có ảnh hưởng mạnh, nhưng sự thành lập chính xác Đạo học đời Tống và đời Minh phải kể từ anh em Trình Minh Đạo 程明道(tức Trình Hạo 程顥, 1032-1085) và Trình Y Xuyên 程伊川(tức Trình Di 程頤, 1033-1108).

Tống Sử (Đạo Học Truyện) chép: «Khi [Chu Đôn Di] làm chức duyện ở Nam An, thì Trình Hướng (1006-1090) làm chức thông phán quân sự. Hướng thấy Đôn Di là người có khí mạo phi thường. Khi nói chuyện với Đôn Di, Hướng biết Di là người do học mà biết đạo, bèn kết bạn với Di, rồi bảo hai con là Trình Hạo và Trình Di đến học Đôn Di. Đôn Di thường bảo hai anh em họ hãy tìm xem niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi ở đâu và các ngài vui về điều gì. Cái học của anh em họ Trình bắt nguồn từ đó vậy.»[40]

Về Trình Hạo, *Tống Sử* chép: «Trình Hạo, tự là Bá Thuần. Gia đình vốn ở Trung Sơn, sau di cư đến Khai Phong, rồi đến Hà Nam. [...] Tư chất của Hạo vượt quá người khác, nuôi dưỡng sung mãn đạo lý, hoà khí thể hiện ở diện mạo lẫn sau lưng.[41] [...] Khoảng mười lăm mười sáu tuổi, ông cùng với em là Trình Di, nghe tiếng Chu Đôn Di ở Nhữ Nam luận về sự học, bèn chán thói học tập khoa cử, rồi nhiệt tâm lập chí cầu đạo. Hơn mười năm trôi dạt ở các môn phái, ra vào nơi học thuyết của Lão Tử và

---

[40] ***Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «[Chu Đôn Di] duyện Nam An thời, Trình Hướng thông phán quân sự, thị kỳ khí mạo phi thường nhân. Dữ ngữ, tri kỳ vi học tri đạo. Nhân dữ vi hữu, sử nhị tử Hạo Di vãng thụ nghiệp yên. Đôn Di mỗi lệnh tầm Khổng Nhan lạc xứ, sở lạc hà sự. Nhị Trình chi học nguyên lưu hồ thử hĩ.» [周敦頤] 掾南安時, 程珦通判軍事, 視其氣貌非常人. 與語, 知其爲學知道. 因與爲友, 使 [二]顥頤往受業焉. 敦頤每令尋孔顏樂處, 所樂何事. 二程之學源流乎此矣.– LAM chú: Chữ 顥 thường bị đọc nhầm là «hiệu» (thí dụ: Thôi Hiệu 崔顥, tác giả bài *Hoàng Hạc Lâu*). Từ điển *Từ Hải* phiên thiết 顥 là «hà lão thiết, âm hạo, hạo vận» 何老切音皓皓韻, vậy chính âm là «hạo». *Từ Hải* nói chữ 顥 cũng viết là 皓 hay 暠, *Thuyết Văn* giảng là *bạch mạo* 白貌(mặt trắng).– Niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi chính là *an bần lạc đạo* 安貧樂道, thể hiện qua hai câu sau trong *Luận Ngữ*: (1) Thuật Nhi: «Tử viết: Phạn sơ thực ẩm thuỷ, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân.» 子曰:飯疏食飲水, 曲肱而枕之, 樂亦在其中矣. 不義而富且貴, 於我如浮雲 (Khổng Tử nói: Ăn cơm xoàng, uống nước lã, co cánh tay gối đầu. Trong cảnh đó cũng có niềm vui. Làm điều bất nghĩa mà giàu sang, thì cái**

Thích Ca, hai ông bèn quay về tìm ở lục kinh (tức *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*) rồi sau mới đắc đạo. [...] Khi Trình Hạo mất, các sĩ đại phu dù có quen biết ông hay không, ai ai cũng đau xót. Văn Ngạn Bác (1006-1097) gom lấy dư luận bấy giờ mà ghi trên bia mộ của ông là "Minh Đạo tiên sinh" (bậc thầy hiểu đạo).»[42]

Về Trình Di, *Tống Sử* chép: «Trình Di, tự là Chính Thúc. [...] Ông đọc khắp các sách. Cái học của ông vốn ở chân thành. Ông lấy *Đại Học, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung* làm tôn chỉ, rồi thấu đạt ở lục kinh. Hành động, cử chỉ, nói năng, im lặng, ông một mực bắt chước thánh nhân. Chưa đạt tới thánh nhân thì cố gắng không thôi. Do đó ông bình chú *Kinh Dịch* và *Xuân Thu Truyện* để truyền lại cho đời. [...] Người đời

---

giàu sang ấy ta xem như mây nổi). (2) Ung Dã: «Tử viết: Hiền tai, Hồi dã. Nhất đan thực, nhất biều ẩm, tại lậu hạng, nhân bất khạm kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai, Hồi dã.» 子曰：賢哉，回也。一簞食，一瓢飲，在陋巷，人不堪其憂，回也不改其樂。賢哉回也 (Khổng Tử nói: Nhan Hồi hiền vậy thay! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở trong ngõ hẻm tồi tàn, kẻ khác không kham nổi cảnh khổ đó, mà Hồi thì chẳng đổi niềm vui. Hồi hiền vậy thay!).

41 Derk Bodde chú: Ý này lấy từ *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Quân tử sở tính, nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm. Kỳ sinh sắc dã, tuý nhiên *kiển* (=hiện) ư diện, ang ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ.» 君子所性，仁義禮智根於心。其生色也，睟然見(現)於面，盎於背，施於四體，四體不言而喻 (Bản tính của người quân tử có nhân, nghĩa, lễ, trí. [Các đức ấy] gốc ở tâm, khi phát ra thì hiện rõ ở sắc diện, chiếu ở lưng, thể hiện ở tứ chi. Quân tử không cần nói ra, tứ chi đã hiện các đức ấy rồi).

42 *Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Trình Hạo, tự Bá Thuần, thế cư Trung Sơn, hậu tòng Khai Phong tỷ Hà Nam. [...] Hạo tư tính quá nhân, sung dưỡng hữu đạo, hoà tuỳ chi khí, ang ư diện bối. [...] Tự thập ngũ lục thời, dữ đệ Di văn Nhữ Nam Đôn Di luận học, toại yếm khoa cử chi tập, khái nhiên hữu cầu đạo chi chí. Phiếm lạm ư chư gia, xuất nhập ư Lão Thích giả kỷ thập niên, phản cầu chư lục kinh nhi hậu đắc chi. [...] Hạo chi tử, sĩ đại phu thức dữ bất thức, mạc bất ai thương yên. Văn Ngạn Bác thái chúng luận dể kỳ mộ viết: Minh Đạo tiên sinh.» 程顥，字伯淳，世居中山，後從開封徙河南。[...] 顥資性過人，充養有道，和粹之氣，盎於面背。[...] 自十五六時，與弟頤聞汝南周敦頤論學，遂厭科舉之習，慨然有求道之志，泛濫於諸家，出入於老釋者幾十年，返求諸六經而後得之。[...] 顥之死，士大夫識與不識，莫不哀傷焉。文彥博呆衆論題其墓曰：明道先生.– LAM chú: Có lẽ *Tống Sử* chép theo lời của Trình Di viết về anh: «Tiên sinh vi học, tự thập ngũ lục thời, văn Nhữ Nam Chu Mậu Thúc luận đạo, toại yếm khoa cử chi nghiệp, khái nhiên hữu cầu đạo chi chí, vị tri kỳ yếu, phiếm lạm ư chư gia, xuất nhập Lão Thích giả kỷ thập niên, phản cầu lục kinh nhi hậu đắc chi.» 先生爲學，自十五六時，聞汝南周茂叔論道，遂厭科舉之業，慨然有求道之志，未知其要，泛濫於諸家，出入老釋者幾十年，返求六經而後得之 (Thầy [tức Minh Đạo] học đạo, khoảng mười lăm mười sáu tuổi, nghe tiếng Chu Mậu Thúc [tức Chu Đôn Di] ở Nhữ Nam luận về đạo, bèn chán nghiệp khoa cử, rồi nhiệt tâm lập chí cầu đạo, nhưng chưa biết sự tinh yếu. Hơn mười năm trôi dạt ở các môn phái, ra vào nơi học thuyết của Lão Tử và Thích Ca, thầy bèn quay về tìm ở lục kinh rồi sau mới đắc đạo). Xem: *Minh Đạo Tiên Sinh Hành Trạng* 明道先生行狀 chép trong *Hà Nam Trình Thị Văn Tập* 河南程氏文集 (quyển 11). Tuy nói chán nghiệp khoa cử, kỳ thực Trình Hạo năm 25 tuổi đỗ tiến sĩ và bắt đầu làm một

gọi ông là "Y Xuyên tiên sinh".»[43]

Anh em họ Trình cùng học một thầy là Chu Liêm Khê, cùng là bạn của Thiệu Ung, và cùng gọi Hoành Cừ là chú. Học thuyết của anh em ông được đa số người xưa xem là cái học riêng của một nhà. Cho nên những lời của hai ông chép trong *Nhị Trình Di Thư* 二程遺書 đều không phân biệt là của riêng ông nào. Tuy nhiên, ngày nay, người ta dần thấy rõ cái học của hai ông không phải là thống nhất, mà nó có thể tách ra làm hai phái dựa theo sự phân chia hai phái của Đạo học đời Tống và đời Minh là phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學) và phái Lục Vương 陸王 (tức phái Tâm học 心學).

Trình Y Xuyên (Trình Di) mở đường cho phái Trình Chu (tức phái Lý học) và Trình Minh Đạo (Trình Hạo) mở đường cho phái Lục Vương (tức phái Tâm học). Phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學) theo chủ trương của Trình Di và Chu Hi (1130-1200). Phái Lục Vương 陸王 (tức phái Tâm học 心學) theo chủ trương của Lục Cửu Uyên 陸九淵 (1139-1193) và Vương Thủ Nhân 王守仁 (1472-1528), mà tiên phong là

---

chức quan ở địa phương. Những năm Hi Ninh (1068-1077) đời Tống Thần Tông, Trình Hạo được tiến cử làm chức Thái tử trung duẫn 太子中允, quyền Giám sát ngự sử 權監察御史. Bấy giờ Vương An Thạch bắt đầu áp dụng biến pháp. Trình Hạo bất đồng quan điểm với Vương, bèn thượng sớ phê bình biến pháp, nhưng vua thuyên chuyển Trình Hạo đi trấn nhậm nhiều nơi xa xôi (làm thiêm thư, phán quan quận Trấn Ninh, tri huyện Phù Câu). Thần Tông mất, Triết Tông kế vị, dùng Tư Mã Quang (của Cựu đảng) chấp chính, Trình Hạo được triệu về kinh đô, làm chức Tông chính thừa, nhưng chẳng bao lâu thì mất. Xem: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Giáo*, tập 2, tr.131.

[43] *Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Trình Di, tự Chính Thúc. [...] Di ư thư vô sở bất độc. Kỳ học bản ư thành; dĩ Đại Học, Ngữ, Mạnh, Trung Dung vi tiêu chỉ, nhi đạt ư lục kinh. Động chỉ ngữ mặc, nhất dĩ thánh nhân vi sư, kỳ bất chí hồ thánh nhân bất chỉ dã. Ư thị trứ Dịch, Xuân Thu truyện, dĩ truyền ư thế. [...] Thế xưng vi Y Xuyên tiên sinh.» 程頤, 字正叔. [...] 頤於書無所不讀, 其學本於誠; 以大學, 語, 孟, 中庸爲標旨, 而達於六經. 動止語默, 一以聖人爲師, 其不至乎聖人不止也. 於是著易, 春秋傳, 以傳於世. [...] 世稱伊川先生.– LAM chú: Năm 27 tuổi, Trình Di thi đình, nhưng thi hỏng. Các quan đại thần nhiều lần tiến cử, nhưng ông chán, không ra làm quan, chỉ thu nạp đệ tử và dạy học tại Lạc Dương. Sau khi anh là Trình Hạo mất, do phe cánh của Tư Mã Quang tiến cử, ông giữ chức hiệu thư lang trong Bí thư tỉnh, làm huấn đạo cho vua Triết Tông. Sau đó vì chống Thục đảng của Tô Thức, ông bị biếm đi trấn nhậm nơi xa, trở về Lạc Dương, quản lý Quốc tử giám ở Tây Kinh. Những năm Thiệu Thánh (1094-1097), Tân đảng đắc thế, bãi truất Cựu đảng, Trình Di bị thải hồi điền viên. Khi Tống Huy Tông lên ngôi bèn phục chức quan cho ông, nhưng không lâu sau đó ông bị truất, đệ tử của ông bị giải tán. Khi ông mất, nhiều đệ tử sợ liên luỵ không đến dự tang lễ. Đến năm Thuần Hựu nguyên niên (1241) đời vua Tống Lý Tông, ông được vua phong là Y Dương Bá, anh ông được phong là Hà Nam Bá, cùng được thờ phụng ở miếu Khổng Tử. Xem: Bàng Phác, sđd., tập 2, tr.133.

Trình Hạo.

Mặc dù chủ trương anh em ông khác nhau, nhưng hai ông cùng đề cập chung các vấn đề. Sau đây, tôi tách bạch thuyết của hai ông theo từng vấn đề để so sánh.

a. Thiên lý

Trong Đạo học, hai khái niệm Lý và Khí rất quan trọng (xin xem lại tiết 2 của chương 11 ngay trên đây). Trong Đạo học gia, người xác lập khái niệm Khí trong Đạo học là Trương Hoành Cừ; còn khái niệm Lý thì chính Chu Liêm Khê đã đề xuất trong *Thông Thư* (chương: Lý, Tính, Mệnh) của ông. Thiệu Ung cũng đề cập khái niệm Lý của sự vật trong của *Hoàng Cực Kinh Thế* (thiên Quan Vật). Hoành Cừ cũng nói trong *Chính Mông* rằng: «Khí của trời đất, tuy có tụ có tán, có công có thủ trăm đường, nhưng cái nguyên lý của nó thì xuôi thuận và không sai lầm.»[44] Tuy các nhà ấy đã đề cập Lý, nhưng người xác lập địa vị của Lý trong Đạo học chính là anh em họ Trình. Anh em họ Trình tuy đề cập Lý và thiên lý, nhưng họ chưa hề nói rõ ý nghĩa của chúng. Trong ngữ lục của họ, tức *Nhị Trình Di Thư*, có mấy điều liên quan đến Lý như sau:

– «Về thiên lý, cái đạo lý này thật là vô cùng. Nó không tồn tại vì vua hiền là Nghiêu; nó chẳng mất đi vì vua ác là Kiệt. Con người có được nó, thì hành động lớn lao không làm nó tăng thêm, sự cư trú khốn cùng không khiến nó giảm đi. Vậy sao có thể nói nó là còn, mất, tăng, giảm? Nó vốn không hề có khiếm khuyết; trăm lý lẽ đều hoàn bị.»[45]

– «Nếu ta không thể tự xem xét bản thân mình, thì thiên lý giảm đi. Về thiên lý, trăm lý đều có đủ [trong ta]. Nó vốn không hề có khiếm khuyết. Cho nên quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành.»[46]

---

[44] *Chính Mông*: «Thiên địa chi khí, tuy tụ tán, công thủ bách đồ, nhiên kỳ vi lý dã thuận nhi bất vọng.» 天地之氣，雖聚散攻取百塗，然其爲理也順而不妄.

[45] *Nhị Trình Di Thư*: «Thiên lý vân giả, giá nhất cá đạo lý, cánh hữu thậm cùng dĩ. Bất vi Nghiêu tồn, bất vi Kiệt vong. Nhân đắc chi giả, cố đại hành bất gia, cùng cư bất tổn. Giá thượng đầu cánh chẩm sinh thuyết đắc tổn vong gia giảm. Thị đà nguyên vô thiếu khiếm, bách lý câu bị.» 天理云者，這一個道理，更有甚窮已. 不爲堯存，不爲桀亡. 人得之者，故大行不加，窮居不損. 這上頭更怎生說得存亡加減. 是佗元無少欠，百理俱備.

[46] *Nhị Trình Di Thư*: «Bất năng phản cung, thiên lý giảm hĩ. Thiên lý vân giả, bách lý câu bị, nguyên vô thiếu khiếm, cố *phản thân nhi thành*.» 一能反躬，天理滅矣. 天理云者，百理俱備，元無少欠，故反身而誠.– LAM chú: Câu «*Phản thân nhi thành*» lấy trong *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. *Phản thân nhi thành*, lạc mạc đại yên.» 萬物皆備於我矣. 反身而誠樂莫大焉([Cái Lý của] vạn vật đều có đủ trong tâm ta. Nếu ta quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành; như vậy còn niềm vui nào hơn).

– «Vạn vật đều có đủ trong ta. Điều ấy không chỉ áp dụng cho người, mà còn áp dụng cho vật nữa. Tất cả đều từ Lý ấy mà ra. Chỉ có vật là không thể suy diễn nó ra, còn con người thì có thể. Tuy có thể suy diễn được nó, nhưng chẳng có khi nào nó tăng thêm một phân. Tuy không thể suy diễn được nó, nhưng chẳng có khi nào nó giảm đi một phân. Trăm lý đều tồn tại khắp nơi. Nào phải khi vua Nghiêu trọn đạo làm vua, thì [cái lý của] đạo làm vua tăng thêm nhiều. Nào phải khi vua Thuấn trọn đạo làm con, thì [cái lý của] đạo làm con tăng thêm nhiều. Các lý xưa nay đều vốn như thế.»[47]

– «Lý trong thiên hạ chỉ là một Lý mà thôi. Cho nên dù trải rộng khắp bốn biển thì Lý cũng có một chuẩn mực. Dù chất vấn nó trước trời đất hay khảo sát nó ở tam vương (Đại Vũ, Thành Thang, Vũ Vương) thì nó vẫn là cái Lý không thay đổi.»[48]

– «Cái nghĩa lý ấy, *người nhân thấy nó thì gọi là nhân, người trí thấy nó thì gọi là trí, người bình thường ngày ngày dùng nó mà không biết, cho nên đạo người quân tử thì hiếm người biết.* Cái ấy không ít đi cũng không dư thừa ra; vấn đề chỉ là người ta nhìn nó mà không thấy.»[49]

– «*Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt.* Đó là thiên lý. Nó đầy đủ mà không khiếm khuyết. Chẳng phải vì vua Nghiêu hiền mà nó

---

[47] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Vạn vật giai bị ư ngã. Bất độc nhân nhĩ, vật giai nhiên, đô tự giá lý xuất khứ. Chỉ thị vật bất năng suy, nhân tắc năng suy chi. Tuy năng suy chi, kỷ thời thiêm đắc nhất phân. Bất năng suy chi, kỷ thời giảm đắc nhất phân. Bách lý câu tại bình phô phóng trước. Kỷ thời đạo Nghiêu tận quân đạo, thiêm đắc ta quân đạo đa. Thuấn tận tử đạo, thiêm đắc ta tử đạo đa. Nguyên lai y cựu.»** 萬物皆備於我. 不獨人爾, 物皆然, 都自這裏出去. 只是物不能推, 人則能推之. 雖能推之, 幾時添得一分. 不能推之, 幾時減得一分. 百理俱在平鋪放著. 幾時道堯盡君道, 添得些君道多. 舜盡子道, 添得些子道多. 元來依舊.

[48] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Lý tại thiên hạ chỉ thị nhất cá lý, cố suy chí tứ hải nhi chuẩn. Tu thị chất chư thiên địa, khảo chư tam vương bất dịch chi lý.»** 理在天下只是一個理, 故推至四海而準. 須是質諸天地, 考諸三王不易之理.

[49] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Giá cá nghĩa lý, *nhân giả hựu khán tố nhân liễu dã, trí giả hựu khán tố trí liễu dã, bách tính hựu nhật dụng nhi bất tri, thử sở dĩ quân tử chi Đạo tiển hĩ.*** **Thử cá diệc bất thiểu diệc bất thặng, chỉ thị nhân khán tha bất kiến.»** 這個義理, 仁者又看做仁了也, 知者又看做知了也, 百姓又日用而不知, 此所以君子之道鮮矣. 此個亦不少亦不剩, 只是人看他不見.– **LAM chú: Ý này lấy từ Hệ Từ Thượng: «Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí. Bách tính nhật dụng nhi bất tri, cố quân tử chi đạo tiển hĩ.»** 仁者見之謂之仁, 知者見之謂之知. 百姓日用而不知. 故君子之道鮮矣 **(Người nhân thấy Đạo thì cho là nhân. Người trí thấy Đạo thì cho là trí. Người bình thường ngày ngày vận dụng Đạo mà không biết. Cho nên đạo người quân tử thì hiếm người biết).** ***Trí giả*** 知者 = ***trí giả*** 智者. **Chữ** 鮮 **có hai âm: 1.** ***tiển*** **= ít, hiếm (thí dụ:** ***Phú nhi bất kiêu giả tiển*** 富而不驕者鮮 **= kẻ giàu mà không kiêu căng thì hiếm); 2.** ***tiên*** **= tươi (nghĩa gốc là** ***sinh ngư*** 生魚 **= cá tươi).**

còn, chẳng phải vì vua Kiệt ác mà nó mất. Cha với con, vua với bầy tôi; các lý thường hằng ấy không đổi. Chúng có thể được tác động thế nào? Bởi vì bất động, nên nói chúng lặng lẽ. Tuy bất động, nhưng chúng có thể được tác động để thông suốt. Cái tác động ấy chẳng phải từ bên ngoài.»[50]

Các lời dẫn trên đây, trong *Nhị Trình Di Thư* ghi là «nhị tiên sinh ngữ» 二先生語(lời của hai thầy), nhưng không rõ là ai trong hai người. Còn ghi chú rõ là lời của Trình Y Xuyên nói thì có mấy câu sau đây:

– «*Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt*. Đó là nói đến các sự việc trong cõi người ta. Nếu luận về Đạo thì muôn ngàn Lý đều đầy đủ [ở chúng], nên người ta không thể nói là chúng bị tác động hay không bị tác động.»[51]

Richard Wilhelm dịch: «Người nhân phát hiện ra nó (Đạo) nên gọi nó là nhân. Người trí phát hiện ra nó nên gọi nó là trí. Dân chúng sử dụng nó hằng ngày mà chẳng biết gì về nó; bởi vì ñaïo cuûa ngöôøi quaân töûthì hieám » (Der Gütige entdeckt ihn und nennt ihn gütig. Der Weise entdeckt ihn und nennt ihn weise. Das Volk gebraucht ihn Tag für Tag und weiß nichts von ihm; denn der SINN des Edlen ist selten). James Legge dịch: «Người nhân thấy nó và gọi nó là nhân. Người trí thấy nó và gọi nó là trí. Thường dân tuy hằng ngày hành xử theo nó nhưng không biết nó. Do đó Đạo của sự vật mà người quân tử thấy thì ít người nhìn thấy.» (The benevolent see it and call it benevolence. The wise see it and call it wisdom. The common people, acting daily according to it, yet have no knowledge of it. Thus it is that the course of things, as seen by the superior man, is seen by few).

[50] *Nhị Trình Di Thư*: «*Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông* giả, thiên lý cụ bị, nguyên vô thiểu khiếm. Bất vi Nghiêu tồn, bất vi Kiệt vong. Phụ tử quân thần, thường lý bất dịch, hà hội động lai. Nhân bất động, cố ngôn tịch nhiên. Tuy bất động, cảm tiện thông, cảm phi tự ngoại dã.» 寂然不動, 感而遂通者, 天理具備, 元無少欠. 不爲堯存, 不爲桀亡. 父子君臣, 常理不易, 何會動來. 因不動, 故言寂然. 雖不動感便通, 感非自外也.– LAM chú: Ở đây Nhị Trình nói về Thiên lý bằng cách mượn chữ trong Hệ Từ Thượng nói về Dịch: «*Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông* thiên hạ chi cố.» 寂然不動, 感而遂通天下之故. Richard Wilhelm dịch: «Chúng tĩnh và bất động. Nhưng nếu chúng được tác động, chúng xuyên suốt mọi sự cố trong thiên hạ.» (Stille sind sie und bewegen sich nicht. Werden sie aber angeregt, so durchdringen sie alle Verhältnisse unter dem Himmel). *Chúng* ở đây tức là *các biến dịch* (die Wandlungen). James Legge dịch: «Nó tĩnh lặng và bất động, nhưng khi được tác động nó xuyên suốt mọi hiện tượng và sự cố trong thiên hạ.» (It is still and without movement; but, when acted on, it penetrates forthwith to all phenomena and events under the sky). *Nó* ở đây tức là *Dịch*. Tuy nhiên, khác với Wilhelm và Legge, Cao Hanh cho rằng ngữ cảnh này nói về bói dịch. *Cảm* 感 tức là người bói có lòng thành khẩn. Cao Hanh chú: «Người dùng *Kinh Dịch* để bói, lấy lòng thành mà cảm đến nó, thì *Kinh Dịch* có thể [trả lời] thông suốt sự việc trong thiên hạ.» (Nhân dụng Dịch Kinh chiêm sự, dĩ thành cảm chi, tắc Dịch Kinh năng thông thiên hạ chi sự 人用易經占事, 以誠感之, 則易經能通天下之事).

[51] *Nhị Trình Di Thư*: «*Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông*. Thử dĩ ngôn nhân phần thượng sự. Nhược luận đạo tắc vạn lý giai cụ, cánh bất thuyết cảm dữ vị cảm.» 寂然不動, 感而遂通. 此言人分上事. 若論道則萬理皆具, 更不說感與未感.

– «Đối với mọi vật trong thiên hạ, chúng ta đều có thể lấy Lý mà soi xét chúng. Có vật thì có nguyên tắc. Mỗi một vật phải có cái Lý của nó.»[52]

«[Lý thì] hư vô lặng lẽ, không có hình tích gì, nhưng muôn ngàn hiện tượng trong vũ trụ đều có đủ trong Lý. Chưa ứng thì nó không đến trước, ứng rồi thì nó không đến sau. Giống như cái cây cao trăm thước, từ gốc đến cành và lá đều nhất quán, không thể nói rằng phần cây ở trên mặt đất là vô hình vô ảnh; và không thể nói rằng chúng đợi người ta sắp xếp thứ tự để cho đúng đường lối. Nếu có một đường lối như thế, thì chỉ có một đường lối duy nhất mà thôi.»[53]

– «Hễ có vật thì ắt có nguyên tắc. Làm cha thì phải hiền từ, làm con thì phải hiếu, làm vua thì phải nhân ái, làm bầy tôi thì phải tôn kính vua. Không có sự vật nào mà không có vị trí riêng của nó. Được vị trí ấy thì an bình, mất vị trí ấy thì loạn. Thánh nhân vì thế có thể khiến cho vạn vật được yên ổn xuôi thuận, chứ không tạo tác nguyên tắc cho vật. Ngài chỉ để cho mỗi thứ ở đúng vị trí của nó mà thôi.»[54]

Từ các trích dẫn trên đây, ta thấy:

Điểm thứ nhất: Cái gọi là Lý thì tồn tại mãi mãi, không tăng cũng không giảm. Người ta dù biết hay không biết nó, dù nói nó tồn tại hay không tồn tại, thì điều ấy chẳng quan hệ gì. Chẳng phải vì vua Nghiêu hiền đức thi hành đúng đạo làm vua mà cái Lý của đạo làm vua tăng thêm; tức là nếu không có vua Nghiêu thì cái Lý của đạo làm vua vẫn thế, không bị giảm đi chút xíu nào, chẳng qua là «người ta nhìn nó mà không thấy». Cho nên trên đây nói: «Trăm lý đều tồn tại khắp nơi.»

Điểm thứ hai: Lý vốn bất biến. Cho nên trên đây nói: «Lý trong thiên hạ chỉ là một Lý mà thôi. Cho nên dù trải rộng khắp bốn biển thì

---

52 ***Nhị Trình Di Thư*:** «Thiên hạ vật giai khả dĩ lý chiếu, hữu vật tất hữu tắc, nhất vật tu hữu nhất lý.» 天下物皆可以理照,有一物必有則,一物須有一理.

53 ***Nhị Trình Di Thư*:** «Xung mạc vô trầm, vạn tượng sâm nhiên dĩ cụ. Vị ứng bất thị tiên, dĩ ứng bất thị hậu. Như bách xích chi mộc, tự căn bản chí chi diệp, giai thị nhất quán, bất khả đạo thổ diện nhất đoạn sự vô hình vô triệu, khước đãi nhân thi an bài, dẫn nhập lai giáo nhập đồ triệt. Ký thị đồ triệt, khước chỉ thị nhất cá đồ triệt.» XX冲漠無朕,萬象森然已具.未應不是先,已應不是後.如百尺之木,自根本至枝葉,皆是一貫,不可道土面一段事無形無兆,卻待人施安排,引入來教入塗轍.既是塗轍,卻只是一個塗轍.

54 ***Nhị Trình Di Thư*:** «Phù hữu vật tất hữu tắc. Phụ chỉ ư từ, tử chỉ ư hiếu, quân chỉ ư nhân, thần chỉ ư kính. Vạn vật thứ sự, mạc bất các hữu kỳ sở. Đắc kỳ sở tắc an, thất kỳ sở tắc bội. Thánh nhân sở dĩ năng sử vạn vật thuận trị, phi năng vi vật tác tắc dã, duy chỉ chi các ư kỳ sở nhi dĩ.» 夫有物必有則.父止於慈,子止於孝,君止於仁,臣止於敬.萬物庶事,莫不各有其所.得其所則安,失其所則悖.聖人所以能使萬物順治,非能爲物作則也,惟止之各於其所而已.

Lý cũng có một chuẩn mực.» Vua Nghiêu trọn đạo làm vua thì Lý ấy cũng chỉ có một; vua Thuấn trọn đạo làm con thì Lý ấy cũng có một. Cho nên «trải rộng khắp bốn biển thì Lý cũng có một chuẩn mực».

Điểm thứ ba: Trăm lý đều có đầy đủ trong tâm chúng ta, nên trên đây nói: «Về thiên lý, trăm lý đều có đủ [trong ta]. Nó vốn không hề có khiếm khuyết. Cho nên quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành.» Cái gọi là «vạn vật đều có đủ trong ta» (vạn vật giai bị ư ngã) có nghĩa là cái Lý của vạn vật đều có đủ trong ta. Không riêng con người chỉ có «cái Lý của vạn vật», mà chính vật cũng có như vậy. Tuy nhiên, người ta có thể ứng dụng Lý ấy mà vật thì không thể ứng dụng Lý ấy.

Điểm thứ tư: Lý ấy thì không tăng, không giảm, không biến, không động. Nên trên đây nói nó «lặng lẽ bất động». Tâm của con người có đủ các lý để ứng với vạn sự, nên trên đây nói: «Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt.» (Tịch mịch bất động, cảm nhi toại thông). Tuy nhiên, câu nói ấy chỉ liên quan đến sự việc trong cõi người ta. Về phương diện vũ trụ mà nói, thời gian trước khi các Lý được thể hiện cụ thể thì không xảy ra trước, thời gian sau các Lý được thể hiện cụ thể rồi thì không xảy ra sau. Từ một Lý đến sự thể hiện cụ thể của nó giống như cái cây cao trăm thước, từ gốc đến cành và lá đều nhất quán, không thể nói rằng phần cây ở trên mặt đất là vô hình vô ảnh; và không thể nói rằng chúng đợi người ta sắp xếp thứ tự để cho đúng đường lối. Sở dĩ như vậy là vì Lý hoàn toàn độc lập với các tạo tác của con người, nên gọi là Thiên lý.

Điểm cuối: Dường như các Lý của sự vật thể hiện cái mà sự vật phải ra như thế. Thánh nhân không tạo ra các Lý này, mà ngài cứ để cho mỗi vật ở đúng vị trí của nó, tức là khiến cho mọi vật trở thành cái mà nó phải thành.

Kiến giải của Trình Di đối với Lý là như thế, bởi vì các trích dẫn trên đây nêu rõ là của ông nói, và chúng đều có thể giải thích được. Còn như kiến giải của Trình Hạo đối với Lý có phải như thế hay không thì chúng ta không thể đoán định được, bởi vì các trích dẫn còn lại trên đây không nêu rõ là của ai trong anh em họ Trình.

Nếu chuyên lấy những lời được ghi rõ là của Trình Hạo nói trong *Nhị Trình Di Thư* mà xét, thế thì kiến giải của Trình Hạo về Lý khác với kiến giải của Trình Di. Chẳng hạn như Trình Hạo nói:

– «Cái Lý của trời đất và vạn vật là: chẳng có một thứ nào độc lập, mỗi thứ phải có cái đối lập. Chúng đều tự nhiên như thế, chứ chẳng có sự an bài nào cả. Mỗi đêm tôi nghĩ đến điều này, [lòng vui đến nỗi] "chân

tay tự nhiên múa máy mà chẳng biết".»[55]

– «Kinh Thi nói: "Trời sinh các dân; có vật thì có nguyên tắc." [...] Vạn vật đều có cái Lý của chúng. Thuận theo thì dễ, nghịch lại thì khó. Nếu mỗi thứ cứ tuân theo cái Lý của mình, thì đâu cần phải lao nhọc sức lực của mình?»[56]

– «Trời sinh ra vạn vật, có dài có ngắn, có lớn có nhỏ. Quân tử được cái lớn trong đó, sao chúng ta lại ép cái nhỏ cũng phải trở thành cái lớn? Lẽ trời (Thiên lý) là thế, lẽ nào chúng ta làm trái lại ư?»[57]

– «Người ta thuần hoá bò và mắc ngựa vào xe, làm như thế là dựa theo bản tính của chúng. Sao họ không mắc bò vào xe và thuần hoá ngựa? Vì cái Lý của chúng không thể như thế.»[58]

Theo các trích dẫn trên, cái mà Trình Hạo gọi là Lý dường như ám chỉ một thứ xu thế tự nhiên, tức là xu thế tự nhiên của vật. Cái Lý của trời đất và vạn vật tức là xu thế tự nhiên của trời đất và vạn vật. Cao đệ của anh em họ Trình là Tạ Lương Tá 謝良佐(1050-1103) nói: «Trong cái gọi là *cách vật cùng lý* (khảo sát sự vật và thấu triệt Lý của chúng), chúng ta phải nhận thấy rằng thiên lý là cái đầu tiên cần đạt được. Cái gọi là thiên lý chính là đạo lý tự nhiên, không có mảy may nhân tạo nào.

---

55 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thiên địa vạn vật chi lý, vô độc tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên, phi hữu an bài dã. Mỗi trung dạ dĩ tư, *bất tri thủ chi vũ chi, túc chi đạo chi dã*.»** 天地萬物之理，無獨必有對，皆自然而然，非有安排也．每中夜以思，不知手之舞之，足之蹈之也．– **LAM chú: Câu cuối *«bất tri thủ chi vũ chi, túc chi đạo chi dã»* lấy ý từ *Mạnh Tử* (Ly Lâu, thượng): «Nhân chi thực, sự thân thị dã. Nghĩa chi thực, tòng huynh thị dã. Trí chi thực, tri tư nhị giả phất khử thị dã. Lễ chi thực, tiết văn tư nhị giả thị dã. Nhạc chi thực, lạc tư nhị giả, lạc tắc sinh hĩ; sinh tắc ô khả dĩ dã; ô khả dĩ, tắc bất tri túc chi đạo chi, thủ chi vũ chi.»** 仁之實，事親是也．義之實，從兄是也．智之實，知斯二者弗去是也．禮之實，節文斯二者是也．樂之實，樂斯二者．樂則生矣；生則惡可已也；惡可已，則不知足之蹈之，手之舞之 **(Cái đích thực của nhân là thờ cha mẹ. Cái đích thực của nghĩa là thuận kính anh. Cái đích thực của trí là biết hai điều [hiếu và đễ] ấy mà chẳng bỏ qua. Cái đích thực của lễ là tiết chế và tô điểm hai điều ấy. Cái đích thực của nhạc là vui ở hai điều ấy. Hễ mình vui thì hai điều ấy phát sinh thêm. Phát sinh thêm thì sao dứt được? Không dứt được nên [mình vui] chân bước tay múa may mà mình chẳng biết).**

56 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thi viết: "Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc." [...] Vạn vật giai hữu lý. Thuận chi tắc dị, nghịch chi tắc nan. Các tuần kỳ lý, hà lao ư kỷ lực tai?»** 詩曰："天生蒸民，有物有則." [...] 萬物皆有理．順之則易，逆之則難．各循其理，何勞於己力哉?

57 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Phù thiên chi sinh vật dã, hữu trường hữu đoản, hữu đại hữu tiểu. Quân tử đắc kỳ đại hĩ, an khả sử tiểu giả diệc đại hồ? Thiên lý như thử, khởi khả nghịch tai?»** 夫天之生物也，有長有短，有大有小．君子得其大矣，安可使小者亦大乎?天理如此，豈可逆哉?

58 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Phục ngưu thừa mã, giai nhân kỳ tính nhi vi chi. Hồ bất thừa ngưu phục mã hồ? Lý chi sở bất khả.»** 服牛乘馬，皆因其性爲之．胡不乘牛服馬乎?理之所不可．–

Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó]. Vừa chợt thấy đứa bé sắp rơi xuống giếng mà lòng bỗng sợ hãi, đó gọi là *thiên lý* vậy. Nếu vì muốn làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì do quen biết cha mẹ nó, hay vì sợ mang tiếng bất nhân, mà đến cứu nó, thì đó là *nhân dục* vậy. [...] Làm việc gì với dụng ý riêng, cố ý tạo tác công việc, đó gọi là nhân dục thúc đẩy. [...] Cái gọi là Thiên (Trời), chỉ là Lý mà thôi. Nó chỉ là các hành vi tự nhiên như nhìn, nghe, cử động. Tất cả hành vi tự nhiên ấy đều thuộc về Trời. "*Trời ban mệnh cho người có đức, nên có năm loại phẩm phục và năm huy hiệu phân biệt; trời phạt kẻ có tội, nên có năm hình phạt và năm loại lao dịch.*" Trong các thứ ấy chẳng có gì là do người làm cả. Người học đạo cần hiểu rằng thiên lý tức là đạo lý tự nhiên, hễ dời đổi thì không được. [...] Thầy Minh Đạo từng nói: "Cái học của ta tuy có chỗ nhận lĩnh từ người khác, nhưng hai chữ *thiên lý* thì tự ta đưa ra."»[59]

Theo trên, cái gọi là thiên lý tức là một thứ xu thế tự nhiên. Cuối đoạn trên dẫn lời Trình Hạo, có thể nhận thấy rằng lời của Tạ Lương Tá dựa trên ý của Trình Hạo. Câu «Làm việc gì với dụng ý riêng, cố ý tạo tác công việc, đó gọi là nhân dục thúc đẩy» cũng nhất trí với tinh thần của *Định Tính Thư* 定性書 của Trình Hạo (sẽ luận sau đây, mục ***g***).

Nhị Trình Di Thư chép: «Vạn vật chỉ là một thiên lý, tại sao ta lại

---

LAM chú: ***Phục ngưu thừa mã*** lấy từ Hệ Từ Hạ: «Phục ngưu thừa mã, dẫn trọng trí viễn, dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Tuỳ.» 服牛乘馬, 引重致遠, 以利天下, 蓋取諸隨 (Đánh xe trâu, xe ngựa; chở các thứ nặng nề đến nơi xa xôi đem lợi cho thiên hạ. Ý này lấy từ tượng của quẻ Tuỳ). Cao Hanh chú: «***Phục*** và ***thừa*** đều là ngồi xe.» (Phục thừa giai giá dã 服乘皆駕也). Nhưng theo ngữ cảnh của câu trích từ *Nhị Trình Di Thư* trên đây, có lẽ hiểu như Richard Wilhelm lại đúng hơn: «***Họ thuần hoá bò và mắc ngựa vào xe.*** Do đó vật nặng có thể được kéo đi và người ta có thể đi đến nơi xa để làm lợi cho thiên hạ. Có lẽ họ lấy ý này từ quẻ Tuỳ.» (Sie zähmten das Rind und spannten das Pferd ein. So konnten schwere Lasten gezogen und ferne Gegenden erreicht werden, um der Welt zu nützen. Das entnahmen sie wohl dem Zeichen: die Nachfolge).

[59] *Thượng Thái Ngữ Lục* 上蔡語錄: «Sở vị cách vật cùng lý, tu thị nhận đắc thiên lý thuỷ đắc. Sở vị thiên lý giả, tự nhiên để đạo lý, vô hào phát dỗ soạn. Kim nhân sự kiến nhụ tử tương nhập ư tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phương sự kiến thời, kỳ tâm truật dịch, tức sở vị thiên lý dã. Yêu dự ư hương đảng bằng hữu, nội (nạp) giao ư nhụ tử phụ mẫu, ố kỳ thanh nhi nhiên, tức nhân dục nhĩ. [...] Nhậm tư dụng ý, dỗ soạn dụng sự, sở vị nhân dục tử hĩ. [...] Sở vị thiên giả, lý nhi dĩ. Chỉ như thị thính động tác, nhất thiết thị thiên. ***Thiên mệnh hữu đức, tiện ngũ phục ngũ chương; thiên thảo hữu tội, tiện ngũ hình ngũ dụng.*** Hồn bất thị dỗ soạn tố tác lai. Học giả chỉ tu minh thiên lý thị tự nhiên đích đạo lý, dị dịch bất đắc. [...] Minh Đạo thường viết: "Ngô học tuy hữu sở thụ, thiên lý nhị tự, khước thị tự gia niệm xuất lai."» 所謂格物窮理, 須是認得天理始得. 所謂天理者, 自然底道理, 無毫髮杜撰. 今人乍見孺子將入於井, 皆有怵惕惻隱之心. 方乍見時, 其心怵惕, 急所謂天理也. 要譽於鄉黨朋友

can dự vào? Thậm chí như nói: "*Trời phạt kẻ có tội, nên có năm hình phạt và năm loại lao dịch; trời ban mệnh cho người có đức, nên có năm loại phẩm phục và năm huy hiệu phân biệt.*" Đó chỉ là thiên lý tự nhiên mà phải như thế. Hễ con người can dự vào, thì sự can dự ấy là chính tư ý. Có thiện, có ác. Theo Lý, thiện gây ra sự vui mừng, nên có năm loại phẩm phục tự có thứ bậc [đánh giá mức độ thiện], để làm vinh hiển [người có đức]. Theo Lý, ác gây ra sự tức giận, nên [kẻ có tội] bị dứt tuyệt ở Lý, do đó mà có năm hình phạt và năm loại lao dịch. Nhưng tại sao người ta để tâm mừng giận ở giữa chúng?»[60]

Không rõ lời trên là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng đại ý của nó tương đồng với ý kiến của Tạ Lương Tá, và cũng nhất trí với tinh thần của *Định Tính Thư* 定性書, cho nên có lẽ nó là lời của Trình Hạo.

Ít nhất có một điểm có thể xác định (về anh em họ Trình). Trong *Nhị Trình Di Thư*, những điều bàn về Thiên lý hay Lý gán cho Trình Hạo nói thì không cho rằng Lý lìa vật và tồn tại độc lập; còn những lời gán cho Trình Di nói thì lại chú trọng điểm ấy. Cái mà Trình Di gọi là Lý thì đại khái giống như cái mà triết học Hi Lạp gọi là *khái niệm* hay *hình thức*. Về sau, phái Lý học trong Đạo học đều chủ trương như thế. Chủ trương của

---

,內交於孺子之父母,惡其聲而然,即人欲耳.[...] 任私用意,杜撰用事,所謂人欲肆矣.[...] 所謂天者,理而已.只如視聽動作,一切是天.天命有德,便五服五章;天討有罪,便五刑五用.渾不是杜撰做作來.學者只須明天理是自然的道理,移易不得.[...] 明道嘗曰:"吾學雖有所受,天理二字,卻是自家拈出來."- LAM chú: Câu «*Thiên mệnh hữu đức, tiện ngũ phục ngũ chương; thiên thảo hữu tội, tiện ngũ hình ngũ dụng.*» 天命有德,便五服五章;天討有罪,便五刑五用 ở trong *Thư Kinh* (Ngu Thư - Cao Dao Mô). *Ngũ hình* 五刑 có nhiều thuyết khác nhau. Thông thường *ngũ hình* là: 1- *Mặc* 墨 (thích chữ vào trán), 2- *Tỵ* 劓 (cắt mũi), 3- *Phí* 刖 (cắt gân gót chân), 4- *Cung* 宮 (thiến), 5- *Đại tích* 大辟 (tử hình). Nhưng *Hán Thư* (Hình Pháp Chí) quy định là: 1-*Kình* 黥 (thích chữ vào trán), 2- *Tỵ* 劓 (cắt mũi), 3- *Trảm tả hữu chỉ* 斬左右趾 (chặt hai bàn chân), 4- *Kiêu thủ* 梟首 (chặt đầu bêu giữa chợ), 5- *Trư cốt nhục* 菹骨肉 (băm xương thịt). Còn *Tuỳ Thư* (Hình Pháp Chí) quy định là: 1-*Tử* 死 (tử hình), 2- *Lưu* 流 (lưu đày), 3- *Đồ* 徒 (giam cầm và lao động khổ sai), 4- *Trượng* 杖 (đánh bằng gậy), 5- *Si* 笞 (đánh bằng roi). (Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1653).

60 *Nhị Trình Di Thư:* «Vạn vật chỉ thị nhất cá thiên lý, kỷ hà dự yên? Chí như ngôn: "*Thiên thảo hữu tội, ngũ hình ngũ dụng tai; thiên mệnh hữu đức, ngũ phục ngũ chương tai.*" Thử đô chỉ thị thiên lý tự nhiên đương như thử, nhân kỷ thời dự; dự tắc tiện thị tư ý. Hữu thiện hữu ác, thiện tắc lý đương hỉ, như ngũ phục tự hữu nhất cá thứ độ, dĩ chương hiển chi. Ác tắc lý đương nộ, bỉ tự tuyệt ư lý, cố ngũ hình ngũ dụng, hạt thường dung tâm hỉ nộ ư kỳ gian tai?» 萬物只是一個天理,己何與焉?至如言:"天討有罪,五刑五用哉;天命有德,五服五章哉."此都只是天理自然當如此,人幾時與;與則便是私意.有善有惡,善則理當喜,如五服自有一個次第,以章顯之.惡則理當怒,彼自絕於理,故五刑五用,曷嘗容心喜怒於其間哉?

phái này dường như chịu ảnh hưởng của cái gọi là Tượng số học. Trong triết học Hi Lạp, Plato chịu ảnh hưởng của học phái Pythagore, lập nên thuyết về *khái niệm*. Bởi vì số có tính chất trừu tượng, lìa sự vật cụ thể, và tồn tại độc lập. Plato bị điều ấy ám ảnh, nên xem khái niệm cũng có tính chất độc lập ấy. Ngoài thế giới cụ thể, còn có một thế giới của khái niệm, lìa không gian và thời gian mà tồn tại mãi mãi. Phái Lý học trong Đạo học cũng chịu ảnh hưởng của cái gọi là Tượng số học, mà phân biệt Khí với Lý. Khí là *chất* 質 (matter) và Lý là *thức* 式 (form), như trên đây đã nói. *Chất* thì ở trong không gian và thời gian, làm *nguyên chất* 原質 (chất liệu nguyên sơ) cho sự vật cụ thể, và nó có thể *biến, hoá, thành, huỷ* được. *Thức* thì không ở trong không gian và thời gian, không biến hoá mà tồn tại mãi mãi. Nói theo thuật ngữ của Đạo học gia, thì Khí cùng tất cả sự vật cụ thể là Hình Nhi Hạ 形而下, Lý là Hình Nhi Thượng 形而上.

Cái mà Trình Hạo gọi là Lý và Thiên lý, tức là xu thế tự nhiên của sự vật cụ thể, nó không lìa sự vật mà có. Về sau, phái Tâm học trong Đạo học cũng không cho rằng Lý lìa sự vật mà có. Do đó, trên đây tôi đã nói rằng Trình Minh Đạo (Trình Hạo) là người mở đường cho phái Tâm học còn Trình Y Xuyên (Trình Di) là người mở đường cho phái Lý học. Hai anh em họ Trình đã khai mở hai học phái lớn trong tư tưởng của một thời đại, có thể nói đó là một sự kiện rất hiếm có vậy.

b. Phê bình Phật giáo

Hễ hiểu Thiên lý rồi, chúng ta cần phải thuận theo nó mà hành động. Nhị Trình cho rằng người ta chớ như người theo Phật, vì họ không thuận theo Thiên lý, tức là họ có sự tạo tác theo ý riêng tư. Trình Hạo nói: «Thánh nhân [của đạo Nho] rất công tâm, thấu triệt Lý của trời đất và vạn vật, nên để cho mỗi vật làm phận sự của nó. Còn nhà Phật thì làm tất cả theo lòng riêng của bản thân. Họ làm sao tương đồng với thánh nhân? Thánh nhân noi theo Lý, cho nên cái mà ngài làm thì bình thường, thẳng thắn, và dễ làm. Tạo tác ra điều dị đoan, dù lớn hay nhỏ, cũng đều phí sức, chẳng được tự nhiên. Cho nên họ thật cách xa thánh nhân vậy.»[61]

---

[61] *Nhị Trình Di Thư*: «Thánh nhân trí công tâm, tận thiên địa vạn vật chi lý, các đương kỳ phận. Phật thị tổng vi nhất kỷ chi tư, thị an đắc đồng hồ? Thánh nhân tuần lý, cố bình trực nhi dị hành. Dị đoan tạo tác, đại tiểu đại phí lực, phi tự nhiên dã, cố thất chi viễn.» 聖人致公心，盡天地萬物之理，各當其分. 佛氏總爲一己之私，是安得同乎？聖人循理，故平直而易行. 異端造作，大小大費力，非自然也，故失之遠.

Trình Di cũng nói tương tự: «Đối với cái học của nhà Phật, thực sự ta không thể nói là họ không biết gì, vì họ quá cao thâm. Tuy nhiên, xét cho cùng, họ rơi vào một quy mô tự tư tự lợi. Tại sao lại nói thế? Giữa cõi trời đất, hễ có sinh thì có tử, hễ có vui thì có buồn. Hễ đạo Phật ở đâu thì nơi đó chúng ta phải tìm kiếm một chỗ phi lý. Khi họ nói thoát sinh tử, diệt phiền não, thì rốt cuộc cũng là tự tư tự lợi.»[62]

Lại nói: «Nhà Phật muốn vất bỏ thế sự, chẳng màng đến chúng. Việc ấy có hợp với hữu chăng? Có hợp với vô chăng? Nếu hợp với hữu, thế sự bị vất bỏ thế nào? Nếu hợp với vô, thì tự nhiên thế sự sẽ là vô, vậy có cái gì để vất bỏ? Những kẻ ẩn tu [Phật giáo], mong tìm yên tĩnh, bèn bước sâu vào chốn núi rừng. Đó là vì họ không hiểu được Lý.»[63]

Nhà Phật không hiểu được Lý, vậy giáo lý của họ cũng không hợp với Lý.

c. Hình nhi thượng và hình nhi hạ

Anh em họ Trình có kiến giải khác nhau về Lý. Điều ấy thấy rõ trong kiến giải của họ về *hình nhi thượng* và *hình nhi hạ*. Trình Hạo không cho rằng Lý lìa vật mà tồn tại, nên ông không chú trọng lắm sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ. Trình Hạo nói: «Hệ Từ nói: "Cái ở trên hình gọi là Đạo; cái ở dưới hình gọi là khí vật." Lại nói: "[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa." Lại nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Âm Dương cũng là hình nhi hạ, nhưng chúng được gọi là Đạo. Lời này cho thấy sự phân biệt rất rõ giữa cái trên hình và cái

---

[62] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thích thị chi học, hựu bất khả đạo tha bất tri, diệc tẫn cực hồ cao thâm. Nhiên yếu chi tốt quy hồ tự tư tự lợi chi quy mô. Hà dĩ ngôn chi? Thiên địa chi gian, hữu sinh tiện hữu tử, hữu lạc tiện hữu ai. Thích thị sở tại, tiện tu mịch nhất cá tiêm gian đả ngoa xử. Ngôn miễn sinh tử, tể phiền não, tốt quy hồ tự tư.»** 釋氏之學，又不可道他不知，亦儘極乎高深．然要之卒歸乎自私自利之規模．何以言之？天地之間，有生便有死，有樂便有哀．釋氏所在，便須覓一個纖姦打訛處．言免生死，齊煩惱，卒歸乎自私．

[63] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thích thị yếu bính sự bất vấn. Giá sự thị hợp hữu da? Hợp vô da? Nhược thị hợp hữu, hựu an khả bính? Nhược thị hợp vô, tự nhiên vô liễu, cánh bính thập ma? Bỉ phương ngoại giả, cẩu thả vụ tĩnh, nãi viễn tích sơn lâm chi gian, cái phi lý minh giả dã.»** 釋氏要屏事不問．這事是合有耶？合無耶？若是合有，又安可屏？若是合無，自然無了，更屏什么？彼方外者，苟且務靜，乃遠迹山林之間，蓋非理明者也．

dưới hình. Âm Dương vốn là Đạo. Người ta cần im lặng mà biết nó.»[64]

Nhị Trình Di Thư nói: «Hoạt động của trời cao chẳng có âm thanh và mùi hơi; bản thể của nó gọi là Dịch; Lý của nó gọi là Đạo; tác dụng của nó gọi là Thần; mệnh của nó đối với người gọi là Tính; noi theo tính gọi là Đạo, tu Đạo gọi là Giáo. Trong đó, Mạnh Tử lại còn phát huy ra [khái niệm về] khí hạo nhiên. Có thể gọi là triệt để rồi vậy. Cho nên nói Thần như ở trên nó, như ở bên trái và bên phải nó. Việc dù lớn hay nhỏ, nhưng chỉ nói: "Chân thành không thể bị đè nén là thế đấy". Thấu triệt trên và dưới chẳng qua là như thế. Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là

---

[64] *Nhị Trình Di Thư*: «Hệ Từ viết: "*Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí.*" Hựu viết: "*Lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.*" Hựu viết: "*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.*" Âm Dương diệc hình nhi hạ giả dã, nhi viết Đạo giả, duy thử ngữ tiệt đắc thượng hạ tối phân minh. Nguyên lai chỉ thử thị Đạo, yếu tại nhân mặc nhi thức chi dã.» 繫辭曰：是故形而上者謂之道、形而下者謂之器. 又曰：立天之道曰陰與陽, 立地之道曰柔與剛, 立人之道曰仁與義. 又曰：一陰一陽之謂道. 陰陽亦形而下者也, 而曰道者, 惟此語截得上下最分明. 元來只此是道, 要在人默識之也.–LAM chú: (1) Hệ Từ Thượng: «*Thị cố hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí.*» 是故形而上者謂之道、形而下者謂之器 (Cho nên cái ở trên hình gọi là Đạo. Cái ở dưới hình gọi là khí vật). Chữ *khí* 器 ở đây là *vật* 物. Cao Hanh chú: «Hình nhi thượng như: tư tưởng, học thuật, lý luận, phương pháp, chế độ, v.v... Hình nhi hạ như: thiên địa, động vật, thực vật, khí giới, v.v... Ở đây nói mọi thứ trong trời đất được phân làm hai loại: *Đạo* 道 và *khí* 器.» Khổng Dĩnh Đạt chú: «Đạo là tên gọi cái không hình thể; hình là tên gọi cái có vật chất. Nói chung, cái có sinh ra từ cái không; hình được lập từ Đạo. Cho nên Đạo có trước, hình có sau; Đạo ở trên hình, hình ở dưới Đạo. Cho nên từ bên ngoài hình trở lên gọi là Đạo; từ bên trong hình trở xuống gọi là khí vật.» (Đạo giả, thị vô thể chi danh; hình thị hữu chất chi xưng. Phàm hữu tòng vô nhi sinh, hình do Đạo nhi lập, thị tiên Đạo nhi hậu hình, thị Đạo tại hình chi thượng, hình tại Đạo chi hạ. Cố tự hình ngoại dĩ thượng giả vị chi Đạo dã; tự hình nội nhi hạ giả vị chi khí dã 道者, 是無體之名; 形是有質之稱. 凡有從無而生, 形由道而立. 是先道而後形, 是道在形之上, 形在道之下. 故自形外已上者謂之道也; 自形內而下者謂之器也). Richard Wilhelm dịch: «Do đó: Cái bên trên hình thể gọi là Đạo. Cái ở trong hình thể gọi là đồ vật.» (Darum: Was oberhalb der Form ist, heißt der SINN, was innerhalb der Form ist, heißt das Ding). James Legge dịch: «Do đó, tồn tại cái đi trước hình thể vật chất mà ta gọi là một phương pháp lý tưởng; tồn tại cái đi sau hình thể vật chất mà ta gọi là một vật nhất định.» (Hence that which is antecedent to the material form exists, we say, as an ideal method, and that which is subsequent to the material form exists, we say, as a definite thing). (2) Thuyết Quái: «Thị dĩ *lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.*» 是以立天之道曰陰與陽、立地之道曰柔與剛、立人之道曰仁與義 (Cho nên, các ngài xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa). Richard Wilhelm dịch: «Do đó các ngài lập đạo trời và gọi nó là Âm Dương. Các ngài lập đạo đất và gọi nó là cái mềm và cái cứng. Các ngài lập đạo người và gọi nó là nhân và nghĩa.» (Darum stellten sie den SINN des Himmels fest und nannten ihn: das Dunkle und das Lichte. Sie stellten den SINN der Erde fest und nannten ihn: das Weiche und

khí vật. Hễ ta cho rằng Đạo đang tồn tại, thì điều đó không can hệ với hiện tại và tương lai, với ta và người khác.»[65]

Tuy lời trên không được ghi rõ là do Trình Hạo hay Trình Di nói, nhưng có lẽ là do Trình Hạo nói, bởi vì đại ý của nó tương đồng với đại ý của câu trích dẫn ngay bên trên. Âm và Dương là hai khí có sự thịnh, suy, tiêu, trưởng; cho nên cũng là hình nhi hạ. Tuy nhiên, Trình Hạo nói Âm Dương vốn là Đạo. Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là khí vật. Do đó phái Tâm học về sau không phân biệt hình nhi thượng và hình

---

das Feste. Sie stellten den SINN des Menschen fest und nannten ihn: die Liebe und die Gerechtigkeit). James Legge dịch: «Trong chúng, các ngài bày ra đạo trời, gọi các hào là Âm và Dương; và đạo đất, gọi các hào là nhu và cương; và đạo người, dưới các danh là nhân và nghĩa.» (They exhibited in them the way of heaven, calling the lines yin and yang; the way of earth, calling them the weak or soft and the strong or hard; and the way of men, under the names of benevolence and righteousness). (3) Hệ Từ Thượng: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." --陰一陽之謂道(Một Âm và một Dương gọi là Đạo). Richard Wilhelm dịch: «Cái để cho hiện ra lúc thì tối (Âm) lúc thì sáng (Dương), chính là Đạo.» (Was einmal das Dunkle und einmal das Lichte hervortreten läßt, das ist der SINN). James Legge dịch: «Chuyển động liên tiếp của các hoạt động tích cực và không tích cực tạo thành cái gọi là đường đi của vạn vật.» (The successive movement of the inactive and active operations constitutes what is called the course of things).

[65] *Nhị Trình Di Thư*: «Cái thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, kỳ thể tắc vị chi Dịch, kỳ Lý tắc vị chi Đạo, kỳ dụng tắc vị chi thần, kỳ mệnh ư nhân tắc vị chi tính, suất tính tắc vị chi Đạo, tu Đạo tắc vị chi giáo. Mạnh Tử tại kỳ trung, hựu phát huy xuất hạo nhiên chi khí, khả vị tận hĩ. Cố thuyết thần như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu. Đại tiểu nghi sự nhi chỉ viết "thành chi bất khả yểm như thử phù". Triệt thượng triệt hạ bất quá như thử. Hình nhi thượng vi Đạo, hình nhi hạ vi khí; tu trước như thử thuyết. Khí diệc Đạo. Đạo diệc khí; đãn đắc Đạo tại, bất hộ kim dữ hậu, kỷ dữ nhân.» 蓋上天之載，無聲無臭，其體則謂之易，其理則謂之道，其用則謂之神，其命於人則謂之性，率性則謂之道，修道則謂之教。孟子在其中，又發揮出浩然之氣，可謂盡矣。故說神如在其上，如在其左右。大小疑事而只曰"誠之不可揜如此夫"。徹上徹下不過如此。形而上爲道，形而下爲器；須著如此說。器亦道，道亦器，但得道在，不繫今與後，己與人.– LAM chú: Câu «*Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú*» vốn từ *Thi Kinh*, được *Trung Dung* trích dẫn ở chương 33, James Legge dịch: «Việc làm của trời cao chẳng có âm thanh và mùi hơi.» (The doings of the supreme Heaven have neither sound nor smell). Câu «*Kỳ mệnh ư nhân tắc vị chi tính, suất tính tắc vị chi Đạo, tu Đạo tắc vị chi giáo*» bắt nguồn từ *Trung Dung* (chương 1): «Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.» 天命之謂性，率性之謂道，修道之謂教 (Mệnh trời gọi là tính; noi theo tính gọi là Đạo; tu sửa theo Đạo gọi là giáo). James Legge dịch: «Cái mà trời phú cho ta thì gọi là bản tính; sự noi theo bản tính thì gọi là con đường bổn phận; sự tu sửa của con đường này thì gọi là giáo huấn.» (What Heaven has conferred is called the nature; an accordance with this nature is called the path of duty; the regulation of this path is called instruction). Câu «*Thành chi bất khả yểm như thử phù*» trong *Trung Dung* (chương 16), James Legge dịch: «Sự bộc lộ của chân thành không thể bị đè nén là thế đấy!» (Such is the impossibility of repressing the outgoings of sincerity!).

nhi hạ; điều ấy khác xa phái Lý học.

Trình Di rất chú trọng sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ. Ông nói: «Một Âm một Dương gọi là Đạo. Đạo không phải là Âm và Dương, sở dĩ một Âm một Dương [tương tác] nên gọi là Đạo.»[66]

Lại nói: «Lìa bỏ Âm Dương thì không có Đạo; bởi vì Âm Dương là Đạo. Âm Dương là khí. Khí thuộc hình nhi hạ, Đạo thuộc hình nhi thượng. Hình nhi thượng thì bí mật.»[67]

Hình nhi thượng và hình nhi hạ vốn là hai từ ngữ trong Hệ Từ Thượng. Theo ý nghĩa mà Lý học gia gán cho chúng thì hình nhi hạ là khí vật, tức là sự vật cụ thể trong thời gian và không gian; còn hình nhi thượng là Đạo, tức là cái Lý trừu tượng, tồn tại mãi mãi, vượt trên cả thời gian và không gian. Hình nhi thượng được thấy ở hình nhi hạ. Không có khí vật của hình nhi hạ thì ta không thấy cái Đạo của hình nhi thượng. Cho nên Trình Di nói: «Lìa bỏ Âm Dương thì không có Đạo.» Nhưng Đạo là sự tương tác giữa một Âm và một Dương. Sự tương tác ấy không phải là Âm Dương, cho nên Trình Di nói: «Đạo không phải là Âm và Dương.» Ở đây chú trọng sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ. Phái Lý học đều như thế cả. Ý nghĩa mà các Lý học gia gán cho hình nhi thượng và hình nhi hạ thì đến Chu Hi mới trở nên hoàn bị.

Nhị Trình Di Thư nói: «Ngày nay các anh phải tự hiểu rõ Lý, như thế sẽ không phạm lỗi lầm. Phải phân biệt rõ hình nhi thượng với hình nhi hạ vậy.»[68]

Không rõ câu này là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng có lẽ nó do Trình Di nói.

d. Khí

Trình Hạo ít nói về Khí nhưng Trình Di thì nói nhiều. Theo Trình Di, vật bắt đầu có là do Khí hoá ra. Ông nói: «Vẫn thạch (đá từ không gian rơi xuống trái đất) không có sự truyền giống, mà nó từ Khí truyền xuống; kỳ

---

[66] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo. Đạo phi Âm Dương dã, sở dĩ nhất Âm nhất Dương giả Đạo dã.»** 一陰一陽之謂道. 道非陰陽也. 所以一陰一陽者道也.

[67] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Ly liễu Âm Dương tiện vô Đạo; sở dĩ Âm Dương giả thị Đạo dã. Âm Dương, khí dã. Khí thị hình nhi hạ giả, Đạo thị hình nhi thượng giả; hình nhi thượng giả, tắc thị mật dã.»** 離了陰陽便無道; 所以陰陽者是道也. 陰陽, 氣也. 氣是形而下者, 道是形而上者; 形而上者, 則是密也.

[68] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Kim nhật tu thị tự gia ngôn hạ chiếu đắc lý phân minh, tắc bất tẩu tác, hình nhi thượng hình nhi hạ giả, diệc tu cánh phân minh tu đắc.»** 今日須是自家言下照得理分明, 則不走作, 形而上形而下者, 亦須更分明須得.

d. Khí

Trình Hạo ít nói về Khí nhưng Trình Di thì nói nhiều. Theo Trình Di, vật bắt đầu có là do Khí hoá ra. Ông nói: «Vẫn thạch (đá từ không gian rơi xuống trái đất) không có sự truyền giống, mà nó từ Khí truyền xuống; kỳ lân cũng không có sự truyền giống, mà nó cũng do Khí hoá ra. Người dân lúc sơ sinh cũng như thế. Thậm chí khi bờ biển lộ ra bãi cát, thì có trăm loài cầm thú và thảo mộc, không truyền giống mà sinh ra. [...] Nhưng từ khi có nhân loại rồi, thì không có người do Khí hoá ra nữa.»[69]

Sự hình thành hay huỷ diệt của một vật cụ thể là do Khí tụ hay tán. Trình Di chưa hề nói rõ, nhưng có lẽ ông cũng mượn ý này của Trương Tái. Nhưng điểm khác biệt của hai ông là: Trình Di cho rằng hễ Khí mà tán thì nó trở về không; hễ Khí tụ lại thì nó tạo ra sự sống mới.

Trình Di nói: «Nếu nói rằng cái Khí đã trở về lại sẽ trở thành cái Khí dãn ra, và nói rằng sự dãn ra này ắt phải dựa vào cái Khí cũ, vậy thì lý thuyết này không phù hợp với sự biến hoá của trời đất. Sự biến hoá của trời đất là sự sinh sôi tự nhiên mãi mãi. Cần chi mà phải dựa vào các hình thể đã chết, dựa vào cái Khí đã trở về, để tạo sinh và biến hoá vạn vật? Lấy thí dụ gần là ngay bản thân chúng ta. Sự đóng mở qua lại của Khí có thể thấy ở hơi thở ra vào lỗ mũi. Việc gì mà phải hít vào cái hơi mà ta mới thở ra? Khí thì sinh ra tự nhiên vậy. Cái không khí mà con người hít thở sinh ra từ khí chân nguyên. Khí của trời cũng tự nhiên sinh sôi mãi mãi.»[70]

Trình Di lại nói: «Khi vật phân tán, thì Khí của nó dứt tận, và không quay trở về cái Lý bản nguyên. Trời đất như cái hoả lò lớn, mà sinh vật bị nấu chảy hết sạch trong đó. Huống hồ cái Khí đã tán rồi, lẽ nào lại khôi phục lại? Trời đất tạo hoá vạn vật, dùng lại cái Khí đã phân

---

[69] *Nhị Trình Di Thư*: **«Vẫn thạch vô chủng, chủng ư Khí, lân diệc vô chủng, diệc Khí hoá. Quyết sơ sinh dân diệc như thị. Chí như hải tân lộ xuất sa than, tiện hữu bách chủng cầm thú thảo mộc, vô chủng nhi sinh. [...] Nhược dĩ hữu nhân loại, tắc tất vô Khí hoá chi nhân.»** 隕石無種，種於氣，麟亦無種，亦氣化。厥初生民亦如是。至如海濱露出沙灘，便有百種禽獸草木，無種而生。[...] 若已有人類，則必無氣化之人。

[70] *Nhị Trình Di Thư*: **«Nhược vị ký phản chi Khí, phục tương vi phương thân chi Khí, tất tư ư thử, tắc thù dữ thiên địa chi hoá bất tương tự. Thiên địa chi hoá, tự nhiên sinh sinh bất cùng, cánh hà phục tư ư ký tễ chi hình, ký phản chi Khí, dĩ vi tạo hoá. Cận thủ chư thân, kỳ khai hạp vãng lai kiến chi tỵ tức. Nhiên bất tất tu giả hấp phục nhập dĩ vi hô. Khí tắc tự nhiên sinh. Nhân Khí chi sinh, sinh ư chân nguyên. Thiên chi Khí diệc tự nhiên sinh sinh bất cùng.»** 若謂既返之氣，復將爲方伸之氣，必資於此，則殊與天地之化不相似。天地之化，自然生生不窮，更何復資於既斃之形，既返之氣，以爲造化。近取諸身，其開闔往來見之鼻息。然不必須假吸復入以爲呼。氣則自然生。人氣之生，生於眞元。天之氣亦自然生生不窮。

Cái gọi là *chân nguyên* 眞元 cũng là Khí. Trình Di nói: «Khí chân nguyên là cái do Khí sinh ra. Nó không lộn lạo với *ngoại khí* 外氣 (khí bên ngoài), mà nó chỉ lấy *ngoại khí* để hàm dưỡng thôi. [...] Con người sống trong Khí của trời đất không khác gì cá sống trong nước.»[72]

Con người sống trong Khí của trời đất. Cái không khí mà họ hít thở chính là *ngoại khí* (khí bên ngoài). Cái không khí mà con người hít thở sinh ra từ khí chân nguyên, chứ nó không phải là khí chân nguyên. Nhưng tính chất của khí chân nguyên như thế nào thì Trình Di không nói rõ.

e. Tính

Trình Hạo nói rất ít về *Tính* 性. Ông nói: «Sự tự nhiên của trời thì gọi là thiên đạo (đạo trời). Cái mà trời phó thác cho vạn vật thì gọi là thiên mệnh (mệnh trời).»[73]

Lại nói: «Một Âm [tương tác với] một Dương thì gọi là Đạo. Đó là Đạo tự nhiên. Sự kế tiếp [giữa Âm Dương] là thiện. Đạo xuất hiện thì hữu dụng. *Nguyên* (khởi đầu lớn) là cái đứng đầu mọi điều thiện. Cái tạo thành [vạn vật] là tính. Mỗi thứ loại trong vạn vật cần làm đúng cái tính đã ấn định cho mình.»[74]

Ở đây Trình Hạo muốn nói tính là cái mà con người nhận được từ Đạo, tức là cái từ Đạo xuất ra, cũng có thể nói là cái mà trời phú bẩm

---

[72] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Chân nguyên chi Khí, Khí chi sở do sinh. Bất dữ ngoại Khí tương tạp, đãn dĩ ngoại Khí hàm dưỡng nhi dĩ. [...] Nhân cư thiên địa Khí trung dữ ngư tại thuỷ vô dị.»** 眞元之氣, 氣之所由生. 不與外氣相雜, 但以外氣涵養而已. [...] 人居天地氣中與魚在水無異.

[73] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Ngôn thiên chi tự nhiên giả, vị chi thiên đạo. Ngôn thiên chi phó dữ vạn vật giả, vị chi thiên mệnh.»** 言天之自然者, 謂之天道. 言天之付與萬物者, 謂之天命.

[74] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, tự nhiên chi Đạo dã. Kế chi giả thiện dã. Xuất Đạo tắc hữu dụng, nguyên giả thiện chi trưởng dã. Thành chi giả khước chỉ thị tính, các chính tính mệnh giả dã.»** 一陰一陽之謂道, 自然之道也. 繼之者善也. 出道則有用, 元者善之長也. 成之者卻只是性, 各正性命者也.– **LAM chú: (1) Ở đây Trình Hạo mượn ý Hệ Từ Thượng: «Kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã.»** 繼之者善也, 成之者性也 **(Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính).** ***Tính*** 性, **theo** ***Trung Dung*****, là** ***Thiên mệnh*** 天命: **«Thiên mệnh chi vị tính.»** 天命之謂性 **(Thiên mệnh gọi là tính). Tức vạn vật được tạo thành là do Thiên mệnh (= tính); do đó Hệ Từ Thượng cũng nói thánh nhân** ***«lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu»*** 樂天知命故不憂 **(vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên không lo buồn).** ***Trung Dung*** **lại nói: «Suất tính chi vị Đạo.»** 率性之謂道 **(Thuận theo tính gọi là Đạo). (*Suất* 率 =** ***tuần*** 循 **= thuận theo). Đạo là Âm Dương tương tác (Âm kế tiếp Dương, Dương kế tiếp Âm). Cái này kế tiếp cái kia, chính là Đạo, là thuận theo Thiên mệnh, cho nên gọi là** ***thiện*** 善 **(tốt lành). Richard Wilhelm dịch: «Cái kế tục thì tốt. Cái hoàn thành là bản tính.» (Als Fortsetzender ist er gut. Als Vollender ist er das Wesen). James Legge dịch: «Cái kế tiếp như là kết quả sự chuyển động của chúng là điều thiện; cái thể hiện trong sự thành tựu của nó**

cho. Xét từ quan điểm "*tính là cái trời phú bẩm cho người*", thì ta gọi nó là mệnh. Xét từ quan điểm "*mệnh là cái mà người nhận được từ trời để được sinh tồn*", thì ta gọi nó là tính.

Nhị Trình Di Thư cũng nói rằng: «Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính. Tính tức là khí, khí tức là tính, là cái lúc sinh ra vốn thế. Con người được phú bẩm khí, theo lý thì có thiện có ác. Nhưng điều này không có nghĩa là trong tính vốn có hai vật đối lập [thiện và ác] sinh ra. Có người từ nhỏ đã thiện, có người từ nhỏ đã ác, đó là sự tự nhiên của việc phú bẩm khí. Thiện cố nhiên là tính, nhưng ác cũng không thể không gọi là tính. Bởi vì "cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính". Chúng ta không thể nói gì về cái trước khi "con người sinh ra thì tĩnh". Khi ta nói về tính thì cái tính ấy không phải là cái tính ban đầu. Cái tính mà người ta nói chỉ là "sự kế tiếp nó là thiện" (kế chi giả thiện dã), Mạnh Tử nói bản tính con người là thiện, là như thế. Nói rằng "sự kế tiếp nó là thiện" giống như nói rằng nước chảy xuống chỗ thấp. Đều là nước cả, nhưng có

---

là bản tính của con người và sự vật.» (That which ensues as the result of their movement is goodness; that which shows it in its completeness is the natures of men and things). (2) Câu «*Nguyên giả thiện chi trưởng dã*» lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn: «Nguyên giả thiện chi trưởng dã, hanh giả gia chi hội dã, lợi giả nghĩa chi hoà dã, trinh giả sự chi cán dã.» 元者善之長也, 亨者嘉之會也, 義之和也, 貞者事之干也 (Nguyên là cái đứng đầu mọi điều thiện. Hanh là sự tập hợp mọi vẻ đẹp. Lợi là cái hoà theo điều nghĩa. Trinh là cốt cán của mọi việc). James Legge dịch: «Cái gọi là *nguyên* [ở Càn] (cái vĩ đại và tạo sinh) ở người là đức tính chính yếu và đầu tiên của điều thiện. Cái gọi là *hanh* (xuyên thấu) là sự tập hợp những điều tốt đẹp. Cái gọi là *lợi* là sự hài hoà của mọi cái đúng. Và cái gọi là *trinh* (đúng và vững chắc) là khả năng hành động.» (What is called [under Khien] 'the great and originating' is [in man] the first and chief quality of goodness; what is called 'the penetrating' is the assemblage of excellences; what is called 'the advantageous' is the harmony of all that is right; and what is called 'the correct and firm' is the faculty of action). (3) Câu «*Các chính tính mệnh*» lấy từ Thoán Truyện quẻ Càn: «Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hoà, nãi lợi trinh.» 乾道變化, 各正性命, 保合太和, 乃利貞. Richard Wilhelm dịch: «Đạo Trời biến hoá và định hình vạn vật, để cho mỗi vật có được cái bản tính đúng đắn đã ấn định cho nó, rồi nó [tức đạo trời] gìn giữ chúng phù hợp với thái hoà. Như thế nó tự cho thấy thuận lợi thông qua kiên trinh.» (Der Lauf des Schöpferischen verändert und gestaltet die Wesen, bis jedes seine rechte, ihm bestimmte Natur erlangt, dann bewahrt er sie in Überstimmung mit dem großen Gleichmaß. So zeigt er sich fördernd durch Beharrlichkeit). James Legge dịch: «Phương pháp của Càn là biến đổi và chuyển hoá, để cho mọi thứ có được bản tính đúng đắn của nó mà ý trời đã định; rồi các điều kiện của sự hài hoà lớn được bảo tồn trong sự hợp nhất. Kết quả là cái thuận lợi, đúng đắn, vững chắc.» (The method of Khien is to change and transform, so that everything obtains its correct nature as appointed by the mind of Heaven; and thereafter the conditions of great harmony are preserved in union. The result is what is advantageous, and correct and firm).

khi nước chảy thẳng ra biển mà không ngưng trệ, và như thế nó chẳng phiền tới sức người làm gì; cũng có khi nước chảy chưa xa thì đã bị đục dần; cũng có khi nước chảy thật xa thì mới bị đục. Nước có khi đục nhiều, có khi đục ít. Trong đục tuy bất đồng, nhưng không thể xem nước đục không phải là nước. Như thế, con người không thể không tốn thêm công sức làm trong trẻo nó. Cho nên dùng sức mạnh gấp thì nước mau trong, dùng sức chậm chạp thì nước chậm trong. Khi nước trở nên trong trẻo rồi, thì nó đâu khác gì với thứ nước thuở ban sơ. Cũng đừng lấy nước trong hoán đổi với nước đục, cũng đừng loại bỏ nước đục đi và xếp nó vào một xó nào đó.»[75]

---

[75] *Nhị Trình Di Thư*: «Sinh chi vị tính, tính tức khí, khí tức tính, sinh chi vị dã. Nhân sinh khí bẩm, lý hữu thiện ác, nhiên bất thị tính trung nguyên hữu thử lưỡng vật tương đối nhi sinh dã. Hữu tự ấu nhi thiện, hữu tự ấu nhi ác, thị khí bẩm tự nhiên dã. Thiện cố tính dã, nhiên ác diệc bất khả bất vị chi tính dã. Cái sinh chi vị tính, nhân sinh nhi tĩnh dĩ thượng bất dung thuyết, tài thuyết tính thời, tiện dĩ bất thị tính dã. Phàm nhân thuyết tính, chỉ thị thuyết "kế chi giả thiện dã", Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện, thị dã. Phù sở vị kế chi giả thiện dã, do thuỷ lưu nhi tựu hạ dã. Giai thuỷ dã, hữu lưu nhi chí hải, chung vô sở ô, thử hà phiền nhân lực chi vi dã. Hữu lưu nhi vị viễn, cố dĩ tiệm trọc; hữu xuất nhi thậm viễn, phương hữu sở trọc; hữu trọc chi đa giả, hữu trọc chi thiểu giả; thanh trọc tuy bất đồng, nhiên bất khả dĩ trọc giả bất vi thuỷ dã. Như thử, tắc nhân bất khả dĩ bất gia trừng trị chi công. Cố dụng lực mẫn dũng tắc tật thanh, dụng lực đãi hoãn tắc trì thanh. Cập kỳ thanh dã, tắc khước chỉ thị nguyên sơ thuỷ dã. Diệc bất thị tương thanh lai hoán khước trọc, diệc bất thị thủ xuất trọc lai, trí tại nhất ngung dã.» 生之謂，性息氣，氣息性，生之謂也．人生氣稟，理有善惡，然不是性中元有此兩物相對而生也．有自幼而善，有自幼而惡，是氣稟自然也．善固性也，然惡亦不可不謂之性也．蓋生之謂性，人生而靜以上不容說，才說性時，便已不是性也．凡人說性，只是說繼之者善也，孟子言人性善，是也．夫所謂繼之者善也，猶水流而就下也．皆水也，有流而不遊，終無所污，此何煩人力之爲也．有流而未遠，故以漸濁；有出而甚遠，方有所濁；有濁之多者，有濁之少者；清濁雖不同，然不可以濁者不爲水也．如此，則人不可以不加澄治之功．故用力敏勇則疾清，用力怠緩則遲清．及其清也，則卻只是元初水也．亦不是將清來換卻濁，亦不是取出濁來，置在一隅也.- LAM chú: Câu «Sinh chi vị tính» lấy từ *Mạnh Tử*, (Cáo Tử, thượng): «Cáo Tử viết: "Sinh chi vị tính." Mạnh Tử viết: "Sinh chi vị tính dã, do bạch chi vị bạch dư? Viết: "Nhiên." "Bạch vũ chi bạch dã, do bạch tuyết chi bạch; bạch tuyết chi bạch, do bạch ngọc chi bạch dư? Viết: "Nhiên." "Nhiên tắc khuyển chi tính, do ngưu chi tính; ngưu chi tính, do nhân chi tính dư?"» 告子曰："生之謂性．"孟子曰："生之謂性也，猶白之謂白歟？"曰："然．""白羽之白也，猶白雪之白；白雪之白猶白玉之白歟？"曰："然．""然則犬之性，猶牛之性；牛之性，猶人之性歟？" (Cáo Tử nói: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính." Mạnh Tử hỏi: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính, vậy cái gì trắng đều gọi là trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy màu trắng của lông vũ trắng giống như màu trắng của tuyết trắng, màu trắng của tuyết trắng giống như màu trắng của ngọc trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy cái tính của chó giống như cái tính của trâu, cái tính của trâu giống như cái tính của người sao?").

Đoạn trên đây trong *Nhị Trình Di Thư* không thấy ghi chú là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng trong *Chu Tử Văn Tập* 朱子文集 (quyển 67) cũng có đoạn này, ghi là thuyết của Trình Hạo luận về tính. Đại ý của đoạn văn trên là: con người là một vật cụ thể, sự sống của con người dựa vào khí. Cái khí ấy là khí được phú bẩm. Ngoài ra, con người còn nhận được từ Đạo cái gọi là tính. Sau khi chúng ta sinh ra, cái tính này lộn lạo với cái khí được phú bẩm. Khi một vật cụ thể được tạo thành rồi thì chúng ta mới có thể nói đến tính của nó. Cho nên, xét về bản thể thì nhân tính vốn chí thiện; nhưng khi con người sinh ra thì dựa vào khí. Do đó khi nói đến nhân tính tức là ta nói đến cái tính đã được khí bẩm. Cho nên trên đây họ Trình nói: «Tính tức là khí, khí tức là tính.»

Lễ Ký (Nhạc Ký) chép: «Con người khi ra đời thì tĩnh, đó là tính trời. Cảm ở ngoại vật mà động, đó là lòng dục của tính.»[76] Hệ Từ Thượng nói: «Một Âm [tương tác với] một Dương thì gọi là Đạo. Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính.»[77] Hễ nói đến tính thiện, tức là nói đến cái tính trước khi tạo thành vạn vật. Cho nên họ Trình nói: «Chúng ta không thể nói gì về cái trước khi "con người sinh ra thì tĩnh". Khi ta nói về tính thì cái tính ấy không phải là cái tính ban đầu. Cái tính mà người ta nói chỉ là "sự kế tiếp nó là thiện".» Con người được phú bẩm khí, theo lý thì có thiện có ác, giống như nước có trong có đục. Cho nên con người cần tốn thêm công sức làm trong trẻo nó, để cho tính trở về trạng thái của nó trước khi con người sinh ra.

Trình Di nói: «Nó ở trời thì gọi là mệnh, ở nghĩa thì gọi là lý, ở người thì gọi là tính, làm chủ ở thân thể thì gọi là tâm. Tâm vốn thiện; do tư lự mà phát ra thì tâm có khi thiện, có khi không thiện. Nếu phát ra rồi thì có thể gọi là tình, không thể gọi là tâm.»[78]

---

[76] ***Lễ Ký* (Nhạc Ký): «Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tính dã. Cảm ư vật nhi động, tính chi dục dã.»** 人生而靜，天之性也．感於物而動，性之欲也．

[77] **Hệ Từ Thượng: «Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo. Kế chi giả thiện dã. Thành chi giả tính dã.»** 一陰一陽之謂道，自然之道也．繼之者善也．繼之者善也，成之者性也．

[78] ***Nhị Trình Di Thư*: «Tại thiên vi mệnh, tại nghĩa vi lý, tại nhân vi tính, chủ ư thân vi tâm. Tâm bản thiện; phát ư tư lự, tắc hữu thiện hữu bất thiện. Nhược ký phát tắc khả vị chi tình, bất khả vị chi tâm.»** 在天爲命，在義爲理，在人爲性，主於身爲心．心本善；發於思慮，則有善有不善．若既發則可謂之情，不可謂之心．

Trình Di lại nói: «Mạnh Tử rất đúng khi nói nhân tính vốn thiện. Tuân Tử và Dương Hùng chẳng biết về tính. Mạnh Tử sở dĩ nổi trội hẳn chư Nho là vì đã làm rõ được tính. Tính luôn thiện; cái không thiện là *tài* 才. Tính tức là lý. Cái lý này duy nhất, từ Nghiêu và Thuấn cho đến kẻ bình dân đi trên đường. Tài phú bẩm từ khí; khí có trong có đục, kẻ được phú bẩm tài từ khí trong thì hiền, được phú bẩm từ khí đục thì ngu.»[79]

Trình Di lại nói: «Tính xuất phát từ trời; tài xuất phát từ khí. Khí trong thì tài trong, khí đục thì tài đục. [...] Thí dụ đối với cây gỗ, cong hay thẳng là tính. Cái có thể làm bánh xe hay càng xe, có thể làm rường hay cột, có thể làm đà tròn hay đà vuông (để lợp ngói), chính là tài. Tài thì có thiện và không thiện; còn tính thì luôn thiện»[80]

Tính là cái mà con người nhận được từ lý. Lý thì luôn thiện. Tuy nhiên một cá nhân cụ thể đã thành một con người cụ thể rồi thì ắt phải dựa vào khí. Khí thì có trong có đục, nên có hạng người hiền và có hạng người ngu. Về phương diện bẩm thụ khí này của con người, Trình Di gọi là *tài* 才. *Tài* ý nghĩa là *tài liệu* 材料. Khi nó phát ra rồi thì gọi là tình 情. Lòng nhân là tính. Trắc ẩn thì thuộc về ái, tức là tình, không phải là tính. Căn cứ lòng trắc ẩn của một người, mà ta biết người đó có lòng nhân. Bởi vì tính không thể nhìn thấy; có thể nhìn thấy nó là khi nó phát ra, tức là tình. Về sau, Chu Hi càng phát huy thêm điểm này.

---

[79] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện thị dã. Tuy Tuân Dương diệc bất tri tính dã. Mạnh Tử sở dĩ độc xuất chư Nho giả, dĩ năng minh tính dã, tính vô bất thiện; nhi hữu bất thiện giả, tài dã. Tính tức thị lý, lý tắc tự Nghiêu Thuấn chí ư đồ nhân nhất dã. Tài bẩm ư khí; khí hữu thanh trọc, bẩm kỳ thanh giả vi hiền, bẩm kỳ trọc giả vi ngu.»** 孟子言人性善是也. 雖荀揚亦不知性也. 孟子所以獨出諸儒者, 以能明性也, 性無不善; 而有不善者, 才也. 性即是理, 理則自堯舜至於塗人一也. 才稟於氣; 氣有清濁, 稟其清者爲賢, 稟其濁者爲愚. ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện thị dã. Tuy Tuân Dương diệc bất tri tính dã. Mạnh Tử sở dĩ độc xuất chư Nho giả, dĩ năng minh tính dã, tính vô bất thiện; nhi hữu bất thiện giả, tài dã. Tính tức thị lý, lý tắc tự Nghiêu Thuấn chí ư đồ nhân nhất dã. Tài bẩm ư khí; khí hữu thanh trọc, bẩm kỳ thanh giả vi hiền, bẩm kỳ trọc giả vi ngu.»** 孟子言人性善是也. 雖荀揚亦不知性也. 孟子所以獨出諸儒者, 以能明性也, 性無不善; 而有不善者, 才也. 性即是理, 理則自堯舜至於塗人一也. 才稟於氣; 氣有清濁, 稟其清者爲賢, 稟其濁者爲愚.

[80] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Tính xuất ư thiên; tài xuất ư khí. Khí thanh tắc tài thanh, khí trọc tắc tài trọc. [...] Thí do mộc yên, khúc trực giả, tính dã. Khả dĩ vi luân viên, khả dĩ vi lương đống, khả dĩ vi viên giác giả, tài dã. Tài tắc hữu thiện dữ bất thiện; tính tắc vô bất thiện.»** 性出於天; 才出於氣. 氣清則才清, 氣濁則才濁. [...] 譬猶木焉, 曲直者, 性也. 可以爲輪轅, 可以爲梁棟, 可以爲榱桷者, 才也. 才則有善有不善; 性則無不善.

f. Sự tiêu trưởng của Âm Dương và thiện ác

Trình Hạo chưa hề nói nhiều về sự bẩm thụ khí. Tuy nhiên, về căn nguyên của ác thì ông nói: «Thiện và ác trong thiên hạ đều là thiên lý. Kẻ gọi là ác chẳng phải vốn ác; chỉ vì hoặc là thái quá hoặc là bất cập mà ra như thế, như loại người mà Dương Chu và Mặc Địch nói.»[81]

Anh em họ Trình đều xem cái ác cũng là cái ắt có trong thế giới. Trình Hạo nói: «Sự vật có thiện có ác, đều là thiên lý. Trong thiên lý, vật phải có đẹp có xấu. Đặc tính của vật là chúng không bằng nhau. Cái mà chúng ta cần xem xét, tức là chúng ta không thể tự nhập vào ác, trở thành một vật.»[82]

Trình Hạo lại nói: «Vạn vật chẳng cái nào mà không có đối lập; một Âm một Dương, một thiện một ác; Dương trưởng thì Âm tiêu, thiện tăng thì ác giảm. Cái lý ấy suy rộng ra bao xa? Người ta cần biết điều ấy.»[83]

Trình Di nói: «[Vạn vật] trong trời đất đều có sự đối lập, có Âm ắt có Dương, có thiện ắt có ác. Khí quân tử và khí tiểu nhân thường quân bình (tức là khí quân tử chiếm 5 phần, khí tiểu nhân chiếm 5 phần), không thể hoàn toàn sinh ra quân tử cả. Nếu khí quân tử chiếm 6 phần thì đời yên trị, khí tiểu nhân chiếm 6 phần thì đời loạn; nếu khí quân tử chiếm 7 phần thì đời thịnh trị, khí tiểu nhân chiếm 7 phần thì đời đại loạn. [...] Thậm chí vào đời Nghiêu và Thuấn, nhưng trong gia đình họ lại có khí dữ ngược ngạo, nên sinh [con hư hỏng là] Đan Chu và Thương Quân. Tại triều đình thì có bốn kẻ ác, lâu ngày không trừ khử được.»[84]

---

[81] *Nhị Trình Di Thư:* «Thiên hạ thiện ác giai thiên lý. Vị chi ác giả phi bản ác; đãn hoặc quá hoặc bất cập tiện như thử, như Dương Mặc chi loại.» 天下善惡皆天理.謂之惡者非本惡;但或過或不及便如此,如楊墨之類.

[82] *Nhị Trình Di Thư:* «Sự hữu thiện hữu ác, giai thiên lý dã. Thiên lý trung, vật tu hữu mỹ ác. Cái vật chi bất tề, vật chi tình dã. Đãn đương sát chi, bất khả tự nhập ư ác, lưu ư nhất vật.» 事有善有惡,皆天理也.天理中,物須有美惡.蓋物之不齊,物之情也.但當察之,不可自入於惡,流於一物.

[83] *Nhị Trình Di Thư:* «Vạn vật mạc bất hữu đối; nhất Âm nhất Dương, nhất thiện nhất ác; Dương trưởng tắc Âm tiêu, thiện tăng tắc ác giảm. Tư lý dã, suy chi kỳ viễn hồ? Nhân chỉ yếu tri thử nhĩ.» 萬物莫不有對;一陰一陽,一善一惡;陽長則陰消,善增則惡減.斯理也,推之其遠乎?人只要知此耳.

[84] *Nhị Trình Di Thư:* «Thiên địa chi gian giai hữu đối, hữu Âm tắc hữu Dương, hữu thiện tắc hữu ác. Quân tử tiểu nhân chi khí thường đình, bất khả đô sinh quân tử. Đãn lục phân quân tử tắc trị, lục phân tiểu nhân tắc loạn. Thất phân quân tử tắc đại trị, thất phân tiểu nhân tắc đại loạn. [...] Tuy Nghiêu Thuấn chi thế, nhiên cư kỳ gia, quai lệ chi khí, diệc sinh Chu Quân. Tại triều tắc hữu tứ hung, cửu nhi bất khử.» 天地之間皆有對,有陰則有陽,有善則有惡.君子小人之氣常停,不可都生君子.但六分君子則治,六分小人則亂

Một sự vật cụ thể có thành thì có hoại. Sự biến đổi ấy là do lý. *Nhị Trình Di Thư* nói: «Thuyết về sự thịnh suy của *lý* có liên quan gì với thuyết về *kiếp* (kalpas) của nhà Phật? [...] Nhà Phật nói về kiếp là thành, trụ, hoại, không. Họ nói về thành và hoại thì ta có thể chấp nhận được, còn về trụ và không thì ta không thể chấp nhận được. Thí dụ một đứa trẻ vừa mới sinh ra đời, thì nó mỗi ngày một lớn. Như vậy không thể có tình trạng trụ lại. Về cơ bản, chỉ có cái lý giảm, tăng, đầy, vơi; ngoài ra chẳng có gì khác.»[85]

Trình Di nói: «Xét về lịch đại, đời Nghiêu Thuấn và ba đời Hạ, Thương, Chu là thịnh, còn các đời sau là suy. Xét về một đời [như đời Chu], các vua Văn, Vũ, Thành, Khang là thịnh; các vua U, Lệ, Bình, Hoàn là suy. Xét về một ông vua [như Đường Huyền Tông, tại vị 712-755], các năm Khai Nguyên (713-741) là thịnh, các năm Thiên Bảo (742-755) là suy. Xét về một năm, mùa xuân và hạ là thịnh, mùa thu và đông là suy. Xét về

七分君子則大治，七分小人則大亂. [...] 雖堯舜之世，然居其家，乖戾之氣，亦生朱均. 在朝則有四凶，久而不去.– LAM chú: (1) Từ điển *Từ Bá* giảng: *đình* 停 là *bình quân* 平均, như nói *đình phân* 停分 = *quân phân* 均分 (chia đều mỗi bên một nửa: *các cử nhất bán* 各據一半). Trong ngữ cảnh này, *thường đình* tức là khí quân tử chiếm 5 phần, khí tiểu nhân chiếm 5 phần; nếu chiếm 6 phần thì trị hoặc loạn, nếu chiếm 7 phần thì đại trị hoặc đại loạn. (2) Con của vua Nghiêu tên là Chu 朱, được phong cho đất Đan Uyên 丹淵, nên gọi là Đan Chu 丹朱. Chu là đứa con hư hỏng, nên vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn. Con của vua Thuấn tên là Quân 均, được phong cho đất Thương 商, nên gọi là Thương Quân 商均. Quân là đứa con hư hỏng, nên vua Thuấn truyền ngôi cho ông Vũ 禹. Chế độ nhường ngôi này gọi là *thiện nhượng* 禪讓 (truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền cho con: *truyền hiền bất truyền tử* 傳賢不傳子). Chính vua Nghiêu khai sáng chế độ truyền ngôi này. Theo *Kinh Thư - Nghiêu Điển*, vua Nghiêu gả hai ái nữ là Nga Hoàng 娥皇 và Nữ Anh 女英 cho ông Thuấn 舜 rồi thiện nhượng cho ông Thuấn. Vua Thuấn đặt quốc hiệu là Ngu 虞, định đô ở Bồ Bản 蒲阪 (tức nơi mà nay là Vĩnh Tế 永濟 ở Sơn Tây 山西). Ông Ngu trị thuỷ thành công nên vua Thuấn thiện nhượng cho ông Ngu. Vua Ngu đặt quốc hiệu là Hạ 夏. Đời nhà Hạ (2183-1752 TCN) định đô lần lượt ở Thang Địch 湯翟 (nay là huyện Ngu 禹 ở Hà Nam 河南), An Ấp 安邑 (nay là An Ấp 安邑 ở Sơn Tây 山西), Dương Thành 陽城 (nay là Đăng Phong 登封 ở Hà Nam 河南). Sau khi vua Ngu chết, dân chúng cảm ân đức của vua nên lập con của vua là Khải 啓 nối ngôi. Chế độ *thiện nhượng* bị bỏ và chế độ *quân chủ thế tập* 君主世襲 (nối đời làm vua) bắt đầu từ đấy. (3) Bốn kẻ ác (*tứ hung* 四凶) đời vua Nghiêu là: Hỗn Đôn 渾敦 (tức Hoan Đâu 驩兜), Cùng Kỳ 窮奇 (tức Cộng Công 共工), Đào Ngột 檮杌 (tức Cổn 鯀), Thao Thiết 饕餮 (tức Tam Miêu 三苗). (Xin xem thêm giải thích *tứ hung* và *tam nhân ở* chú thích 51 của chương 11 ngay trước đây).

[85] *Nhị Trình Di Thư*: «Lý chi thịnh suy chi thuyết, dữ Thích thị sơ kiếp chi ngôn như hà? [...] Bỉ kỳ ngôn thành trụ hoại không. Viết: thành hoại tắc khả, trụ dữ không tắc phi dã. Như tiểu nhi ký sinh, diệc nhật nhật trưởng hành, nguyên bất hội trụ, đà bản lý chỉ thị nhất cá tiêu trưởng doanh khuy nhĩ, cánh một biệt sự.» 理之盛衰之說，與釋氏初劫之言如何? [...] 彼其言成住壞空. 曰：成壞則可，住與空則非也. 如小兒既生，亦日日長行，元不曾住. 佗本理只是一個消長盈虧耳，更沒別事.

một tháng, thượng tuần là thịnh, hạ tuần là suy. Xét về một ngày, giờ Dần và giờ Mão là thịnh, giờ Tuất và giờ Hợi là suy. Một đời người cũng có thịnh suy như vậy. Như trong 100 năm của đời người, 50 năm đầu là thịnh, 50 năm sau là suy. Nhưng có khi suy rồi thịnh trở lại, có khi suy rồi không thịnh trở lại. [...] Nếu luận về cuộc tiến hoá lớn của trời đất mà nói tổng quát, thì phải có cái lý [sau khi thịnh thì] ngày càng suy.»[86]

Thuyết trên đây tương đồng với thuyết của Thiệu Khang Tiết (xin xem lại tiết 2 của chương 11 ngay trên đây). Có lẽ anh em họ Trình đã thuật lại thuyết của Thiệu Khang Tiết.

g. Trình Minh Đạo nói về phương pháp tu dưỡng

Trình Hạo cho rằng con người cùng một thể với thiên địa vạn vật, nhưng phần lớn chúng ta chấp cái cá thể này là ngã, nên cái ngã ấy tách lìa thế giới. Mục đích tu dưỡng của chúng ta là phá vỡ cái ngăn cách giữa ngã và thế giới để trở về cảnh giới thiên địa vạn vật cùng một thể.

Trình Hạo nói: «Đức lớn của trời đất là ban cho sự sống. Trời đất giao hoà, vạn vật biến hoá đồng đều. Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính. Ý nghĩa về sự sống của vạn vật đáng cho ta xem xét nhất. *Nguyên* (khởi đầu lớn) là cái đứng đầu mọi điều thiện. Nó được gọi là nhân ái. Lòng nhân ái ấy với trời đất là một vật, nhưng tại sao con người lại đặc biệt xem nó là nhỏ bé?»[87]

---

[86] *Nhị Trình Di Thư:* «Thả dĩ lịch đại ngôn chi, nhị đế tam vương vi thịnh, hậu thế vi suy. Nhất đại ngôn chi, Văn, Vũ, Thành, Khang vi thịnh; U, Lệ, Bình, Hoàn vi suy. Dĩ nhất quân ngôn chi, Khai Nguyên vi thịnh, Thiên Bảo vi suy. Dĩ nhất tuế tắc xuân hạ vi thịnh, thu đông vi suy. Dĩ nhất nguyệt tắc thượng tuần vi thịnh, hạ tuần vi suy. Dĩ nhất nhật tắc Dần Mão vi thịnh, Tuất Hợi vi suy. Nhất thời diệc nhiên. Như nhân sinh bách niên, ngũ thập dĩ tiền vi thịnh, ngũ thập dĩ hậu vi suy. Nhiên hữu suy nhi phục thịnh giả, hữu suy nhi bất phục phản giả. [...] Nhược luận thiên địa đại vận, cử kỳ đại thể nhi ngôn, tắc hữu nhật suy tước chi lý.» 且以歷代言之，二帝三王爲盛，後世爲衰．一代言之，文武成康爲盛，幽厲平桓爲衰．以一君言之，開元爲盛，天寶爲衰．以一歲則春夏爲盛，秋冬爲衰．以一月則上旬爲盛，下旬爲衰．以一日則寅卯爲盛，戌亥爲衰．一時亦然．如人生百年，五十以前爲盛，五十以後爲衰．然有衰而復盛者，有衰而不復反者．[...] 若論天地大運，舉其大體而言，則有日衰削之理．

[87] *Nhị Trình Di Thư:* «Thiên địa chi đại đức viết sinh. Thiên địa nhân ôn, vạn vật hoá thuần. Sinh chi vị tính. Vạn vật chi sinh ý tối khả quan, thử nguyên giả thiện chi trưởng dã, tư sở vị nhân dã. Nhân dữ thiên địa nhất vật dã, nhi nhân đặc tự tiểu chi, hà tai?» 天地之大德曰生．天地絪縕，萬物化醇．生之謂性．萬物之生意最可觀，此元者善之長也，斯所謂仁也．仁與天地一物也，而人特自小之，何哉？ – LAM chú: Hai câu «Thiên địa chi đại đức viết sinh» và «Thiên địa nhân ôn, vạn vật hoá thuần» đều lấy từ Hệ Từ Hạ. Câu «Nguyên giả thiện chi trưởng dã» lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn. Câu «Sinh chi vị tính» lấy từ *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng).

Trình Hạo lại nói: «Sách y học nói chân tay tê liệt là bất nhân; đó là câu nói rất hay về tình trạng ấy. Người có lòng nhân thì xem thiên địa vạn vật là một thể, chẳng cái gì không là ta. Nhận thức được chúng là ta, nơi nào mà ta chẳng đến? Nếu không nhận thức chúng ở nơi ta, tự chúng với ta chẳng liên quan. Giống như chân tay tê liệt, khí không thông, chúng đều không thuộc về ta. Cho nên bố thí rộng khắp và giúp đỡ dân chúng, đó là công dụng của thánh nhân.»[88]

Vũ trụ là một giòng chảy lớn của sự sống và là lòng nhân ái vĩ đại. Người có đức nhân thì có thể hợp nhất thành một thể với thiên địa và vạn vật. Về phương pháp đạt tới cảnh giới ấy, Trình Hạo nói: «Người tu học trước tiên phải hiểu đức *nhân* 仁(nhân ái). Người nhân thì hồn nhiên cùng một thể với vạn vật. Nghĩa, lễ, trí, tín đều là nhân. Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi. Không cần phải phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng. Nếu tâm lười nhác, thì phải có phòng bị; nếu tâm không lười nhác, thì phòng bị làm gì? Nếu chưa có được lý, thì cần phải tìm kiếm tới cùng. Nuôi dưỡng nó lâu ngày thì tự sáng tỏ, cần chi tìm kiếm tới cùng? Đạo này không đối lập với vạn vật; ngay đến chữ "lớn" cũng không đủ nói rõ được nó. Cái dụng của trời đất đều là cái dụng của ta. Mạnh Tử nói [cái lý của] vạn vật đều có đủ trong tâm ta; ta cần quay về xem xét bản thân để đạt được sự chân thành; đó là niềm vui lớn. Nếu quay về xem xét bản thân mà chưa đạt được sự chân thành, thì điều đó giống như có hai vật đối nhau. Như thế, nếu đem ngã hợp với phi ngã, rốt cuộc sẽ không hợp được, thế thì làm sao vui được? Ý tứ của bài Đính Ngoan (tức Tây Minh) nói đầy đủ về cái thể này. Lấy ý niệm đó mà nuôi dưỡng nó, rốt cuộc đâu còn việc gì cần làm nữa. Nếu phải có việc cần làm, thì chớ dừng lại, lòng chớ quên, chớ giúp sức cho nó mau lớn, chớ bao giờ gắng dùng một lực dù thật nhỏ bé. Đó là phép nuôi dưỡng nó vậy. Hễ nuôi dưỡng được thì sẽ có được, bởi vì cái lương tri và lương năng chưa bị chôn mất. Chính vì ta chưa trừ bỏ cái tâm quen thói cũ, nên phải nuôi dưỡng và luyện tập cái tâm ấy, lâu ngày sẽ bỏ được thói quen cũ. Cái lý này thật giản dị, chỉ lo chúng ta không giữ được nó mà thôi. Đã có thể hợp nhất thành một thể

---

[88] *Nhị Trình Di Thư:* «Y thư ngôn thủ túc nuy tý vi bất nhân; thử ngôn tối thiện danh trạng. Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể, mạc phi kỷ dã. Nhận đắc vi kỷ, hà sở bất chí? Nhược bất hữu chư kỷ, tự bất dữ kỷ tương can. Như thủ túc bất nhân, khí dĩ bất quán, giai bất thuộc kỷ. Cố bác thi tế chúng, nãi thánh nhân chi công dụng.» 醫書言手足痿痺爲不仁;此言最善名狀.仁者以天地萬物爲一體,莫非己也.認得爲己,何所不至?若不有諸己,自不與己相干.如手足不仁,氣以不貫,皆不屬己.故博施濟衆,乃聖人之功用.

với vạn vật mà vui, thì cũng không lo không thể giữ được nó.»[89]

Trình Hạo lại nói: «Người tu học không cần tìm kiếm đâu xa. Hãy nhận lấy nó ở gần ngay thân mình. Chỉ cần hiểu rõ thiên lý và kính cẩn mà thôi. Đó là chỗ giản dị. [...] Cho nên có đạo có lý, trời và người là một, không có phân biệt. Khí hạo nhiên cũng là khí của chúng ta. Nuôi dưỡng khí ấy thì vô hại, nên khí ấy lấp đầy trời đất. Cái Một ấy bị tư tâm che lấp, thì ta sẽ tự mãn và không khiêm hư, chỉ biết được cái nhỏ nhoi của mình. "*Tư tưởng không tà vạy; luôn kính cẩn*" (Tư vô tà, vô bất kính). Chỉ với hai câu này [trong Kinh Thi], chúng ta cứ noi theo đó mà thi hành, thì làm sao có sai lầm. Sai lầm đều do bất kính và bất chính mà ra.»[90]

---

[89] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Học giả tu tiên thức nhân, nhân giả hồn nhiên dữ vật đồng thể, nghĩa lễ trí tín giai nhân dã. Thức đắc thử lý, dĩ thành kính tồn chi nhi dĩ; bất tu phòng kiểm, bất tu cùng sách. Nhược tâm giải, tắc hữu phòng; tâm cẩu bất giải, hà phòng chi hữu? Lý hữu vị đắc, cố tu cùng sách; tồn cửu tự minh, an dãi cùng sách? Thử đạo dữ vật vô đối, đại bất túc dĩ minh chi. Thiên địa chi dụng, giai ngã chi dụng. Mạnh Tử ngôn vạn vật giai bị ư ngã, tu phản thân nhi thành, nãi vi đại lạc. Nhược phản thân vị thành, tắc do thị nhị vật hữu đối, dĩ kỷ hợp bỉ, chung vị hữu chí, hựu an đắc lạc? Đính Ngoan ý tử nãi bị ngôn thử thể, dĩ thử ý tồn chi, cánh hữu hà sự. Tất hữu sự yên, nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng, vị thường trí tiêm hào chi lực, thử kỳ tồn chi chi đạo. Nhược tồn đắc tiện hợp hữu đắc, cái lương tri lương năng, nguyên bất táng thất, dĩ tích nhật tập tâm vị trừ, khước tu tồn tập thử tâm, cửu tắc khả đoạt cựu tập. Thử lý chí ước, duy hoạn bất năng thủ. Kỷ năng thể chi nhi lạc, diệc bất hoạn bất năng thủ dã.»** 學者須先識仁，仁者渾然與物同體，義禮智信皆仁也．識得此理，以誠敬存之而已；不須防檢，不須窮索．若心懈，則有防；心苟不懈，何防之有？理有未得，故須窮索；存久自明，安待窮索？此道與物無對，大不足以明之．天地之用，皆我之用．孟子言萬物皆備於我，須反身而誠，乃爲大樂．若反身未誠，則猶是二物有對，以己合彼，終未有之，又安得樂？訂頑意思乃備言此體，以此意存之，更有何事．必有事焉，而勿正，心勿忘，勿助長，未嘗致纖毫之力，此其存之之道．若存得便合有得，蓋良知良能，元不喪失，以昔日習心未除，卻須存習此心，久則可奪舊習．此理至約，惟患不能守．既能體之而樂，亦不患不能守也．– **LAM chú: Xin xem lại chú thích 26 của chương 11 ngay trên đây về câu «Tất hữu sự yên vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã»** 必有事焉勿正，心勿忘，勿助長也．

[90] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Học giả bất tất viễn cầu, cận thủ chư thân, chỉ minh thiên lý, kính nhi dĩ hĩ, tiện thị ước xứ. [...] Cố hữu đạo hữu lý, thiên nhân nhất dã, cánh bất phân biệt. Hạo nhiên chi khí, nãi ngô khí dã. Dưỡng nhi bất hại, tắc tắc hồ thiên địa. *Nhất vi tư tâm sở tế, tắc khảm nhiên nhi nỗi, tri kỳ tiểu dã*. Tư vô tà, vô bất kính, chỉ thử nhị cú, tuần nhi hành chi, an đắc hữu sai. Hữu sai giả giai do bất kính bất chính dã.»** 學者不必遠求，近取諸身，只明天理，敬而已矣，便是約處．[...] 故有道有理，天人一也，更不分別．浩然之氣，乃吾氣也．養而不害，則塞乎天地．一爲私心所蔽，則欿然而餒，知其小也．思無邪，無不敬，只此二句，循而行之，安得有差．有差者皆由不敬不正也．– **Câu *«Nhất vi tư tâm sở tế, tắc khảm nhiên nhi nỗi, tri kỳ tiểu dã»* dường như sót chữ *bất* 不 trước *khảm nhiên nhi nỗi;* bởi vì *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, trang 864 và 1108) giảng: *Khảm nhiên* = bất tự mãn 不自滿; *nỗi* = tâm hư 心虛. Tôi theo mạch văn mà dịch. Derk Bodde bỏ qua câu này.**

Chúng ta cần biết rằng thiên địa vạn vật với chúng ta vốn là một thể. Sau khi biết được cái lý ấy rồi, thì hãy ghi nhớ mãi không quên, bất cứ làm việc gì thì cũng lấy cái tâm ấy mà làm. Đó gọi là lấy thành và kính mà nuôi dưỡng nó. Nói như Mạnh Tử là «phải có việc cần làm». Lâu ngày chầy tháng thì sẽ đạt tới cảnh giới hợp nhất thành một thể với vạn vật. Ngoài việc ấy ra thì không cần phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng. Nếu phòng bị kiểm tra và tìm kiếm tới cùng, thì đó là «trợ trưởng» (giúp sức cho nó mau lớn).

Nhị Trình Di Thư nói: «Người tu học cần kính cẩn giữ gìn cái tâm ấy, không thể gấp rút. Phải vun bồi sâu dày và bơi lặn trong đó, thì sau mới có thể tự đắc đạo. Nếu gấp rút mong cầu nó, thì đó chỉ là tư tâm vị kỷ, rốt cuộc không đủ để đạt đạo.»[91]

Hễ gấp rút mong cầu hiệu quả tức khắc, thì đó chỉ là tư tâm; ta cần trừ bỏ nó. Phải có việc canh cánh bên lòng, nhưng đừng giúp sức cho nó mau lớn. Ngoài điều ấy ra, chớ dùng một lực dù cỏn con để giúp nó. Lâu ngày sẽ đạt được cảnh giới đồng nhất thể với thiên địa vạn vật. Phương pháp này thực là giản dị. Mặc dù trong *Nhị Trình Di Thư* không nêu rõ câu trích trên là của Trình Hạo, nhưng Trình Hạo cũng có thể nói lời như thế.

Nếu chúng ta có thể thuận theo sự tự nhiên của thiên lý, đừng xen lẫn tư ý vào đó, thì tâm chúng ta có thể hư không như đài gương sáng. Một vật đến trước gương thì hình dung và trạng thái của vật sẽ được phản chiếu thành ảnh trong gương, vật nào ra vật đó. Gương không từ chối phản chiếu sự vật, nhưng bản thân gương thì bất động.

Có lần Trình Hạo phúc đáp thư của Trương Hoành Cừ rằng: «Cháu nhận được thư chú, nói rằng chú định tính nhưng chưa thể khiến nó bất động, bởi còn luỵ ở ngoại vật. Chú là bậc hiền, suy tư về vấn đề này đã chín. Chú còn mong đợi gì lời nói của đứa cháu nhỏ này? Nhưng cháu cũng từng suy tư về vấn đề ấy, xin phép trình bày chú xem. Cái gọi là *định* 定, thì động cũng định, tĩnh cũng định, nó không nghinh đón cái gì, và cũng không có ngoài hay trong. Nếu xem ngoại vật là bên ngoài, rồi tự dẫn dắt mình theo nó, thế là ta xem tính của ta có trong và ngoài. Nếu xem tính của ta là cái tuỳ theo ngoại vật, vậy đang lúc nó ở ngoài thì cái gì ở bên trong? Đó là có ý muốn dứt tuyệt sự lôi cuốn từ bên ngoài, chứ không biết rằng tính không có trong hay ngoài. Nếu đã xem trong và ngoài là hai căn

[91] *Nhị Trình Di Thư:* «Học giả tu kính thủ thử tâm, bất khả cấp bách. Đương tài bồi thâm hậu, hàm vịnh ư kỳ gian, nhiên hậu khả dĩ tự đắc. Dã cấp bách cầu chi, chỉ thị tư kỷ, chung bất túc dĩ đạt đạo.» 學者須敬守此心，不可急迫．當栽培深厚，涵泳於其間，然後可以自得．但急迫求之，只是私己，終不足以達道．

bản, thì còn nói thế nào là định nữa? Đạo thường của trời đất là lấy tâm trời đất phổ cập vạn vật mà không có tư tâm. Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng. Cho nên cái học của người quân tử chẳng gì bằng rộng mở mà rất công bằng. Hễ vật đến thì thuận ứng. Kinh Dịch nói: "Trinh cát hối vong, đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư." 貞吉悔亡,憧憧往來,朋從爾思(Kiên trì thì tốt, hối tiếc biến mất; băn khoăn lo lắng; qua lại không yên. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh).[92] Nếu cứ khư khư trừ bỏ sự lôi cuốn từ bên ngoài, thì sẽ thấy hễ diệt bên đông nó sẽ sinh bên tây. Chẳng những không có ngày giờ để diệt trừ hết, mà cái đầu mối của nó thì vô cùng, không thể diệt trừ cho hết. Tình cảm con người, ai cũng có sự che lấp, nên không thể thích ứng với Đạo. Phần lớn lỗi lầm là ở lòng riêng tư và sự dụng trí. Có lòng riêng tư thì không thể lấy hữu vi để đáp ứng ngoại vật; có sự dụng trí thì không thể xem giác ngộ là tự nhiên. Nay lấy lòng ghét ngoại vật để cầu sự soi sáng vào chỗ không có vật, thì khác gì xoay lưng vào gương mà mong nó soi sáng vậy. Kinh Dịch nói: "Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân." 艮其背不獲其身,行其庭,不見其人(Giữ yên cái lưng để thân thể không cảm giác. Đi vào sân và không thấy người của mình).[93] Mạnh Tử cũng nói: "Cái đáng ghét ở kẻ trí

---

[92] **LAM chú: Đây là hào cửu tứ quẻ Hàm.– Chu Hi phiên thiết 憧憧 là *«xương dung phản, hựu âm đồng»* 昌容反又音同; như vậy đọc là *xung xung* hoặc *đồng đồng*. Bản *Bạch Thư Hệ Từ* chép là *đồng đồng* 童童. Vương Túc giảng: *«Đồng đồng* 憧憧= dáng đi lại tấp nập không ngừng» (vãng lai bất tuyệt mạo 往來不絕貌). *Thuyết Văn* giảng: «Đồng là ý chưa định» (Đồng, ý bất định dã 憧,意不定也). Ngu Phiên giảng: «Đồng là trầm tư suy nghĩ.» (Đồng, hoài tư lự dã 憧,懷思慮也). *Bằng* 朋= bạn bè. *Nhĩ* 爾= mi, người. *Tư* 思= tư tưởng. Richard Wilhelm dịch: «Kiên trì mang lại may mắn. Hối hận biến mất. Nếu một người băn khoăn tư lự, thì chỉ có bạn bè của hắn mới theo hắn; tức là những người mà hắn đã hướng tư tưởng hữu thức của hắn đến họ.» (Beharrlichkeit bringt Heil. Die Reue schwindet. Wenn man aufgeregt hin und her denkt, so folgen nur die Freunde, auf die man bewußte Gedanken richtet).**

[93] **LAM chú: Richard Wilhelm dịch: «Hắn giữ yên cái lưng để cho không còn cảm giác thân thể nữa. Hắn đi vào sân và không thấy người của mình.» (Stillehalten seines Rückens, so daß er seinen Leib nicht mehr empfindet. Er geht in seinen Hof und sieht nicht seine Menschen). *Tinh Mệnh Khuê Chỉ* của Doãn Chân Nhân chép: «Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân; Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm thoái tàng ư mật.» 艮其背不獲其身;聖人以此洗心退藏於密. Câu trước là quái từ quẻ Cấn; câu sau trong tiết 11-2 của Hệ Từ Thượng. Đạo gia đời Đường và đời Tống gọi là đây là công phu Mộc Dục 沐浴(tắm rửa), thời nay gọi là phép Cấn Bối 艮背. Tất cả đều do đạo lý này: Tâm thuộc *hoả* mà ẩn tàng trong *thuỷ* của lưng (Đốc Mạch); đó là ý nghĩa của *tẩy* (rửa). Tâm ở phía trước mà ẩn tàng nơi sau lưng; đó là nghĩa của *thoái* (lui). Do đó đạo gia phải hàng phục Tâm, câu thúc nó rất cẩn thận. Vậy tạm thời đem Tâm hoả từ phương Nam mà tàng trữ ở Bối thuỷ phương Bắc. Thuỷ hoả hỗ tương giao dưỡng, tự nhiên niệm lự không sinh. Bạch Ngọc Thiềm nói «Tẩy Tâm địch lự vi mộc dục» 洗心滌慮爲沐浴(Mộc dục là Tẩy Tâm, là rửa sạch niệm lự) là như thế.**

là sự xuyên tạc của họ." Xem bên ngoài là sai, bên trong là đúng, thì chi bằng quên cả trong và ngoài. Quên cả trong và ngoài thì trong sáng vô sự. Vô sự thì định, định thì sáng, sáng thì còn có sự ứng vật nào làm luỵ ta nữa? Thánh nhân vui mừng, vì thấy vật đáng vui mừng. Thánh nhân giận, vì thấy vật đáng giận. Cái mừng và giận của thánh nhân không ràng buộc ở tâm mà ràng buộc ở vật. Như thế lẽ nào thánh nhân không ứng vật sao? Vậy thì sao lại xem việc đi theo cái bên ngoài là sai, mà tìm cái bên trong xem là phải? Nay lấy sự mừng giận của lòng riêng tư và sự dụng trí mà so với sự mừng giận chính đáng của thánh nhân thì thấy nó khác nhau thế nào? Tình cảm của con người dễ bộc phát mà khó khống chế, nhất là sự giận dữ. Nếu đang giận mà có thể quên ngay cái giận để xem rõ lẽ phải trái, thì cũng có thể thấy rằng sự lôi cuốn từ bên ngoài không đáng ghét, mà đối với Đạo thì cũng có thể nghĩ thấu hơn phân nửa vậy.»[94]

---

[94] *Minh Đạo Văn Tập:* «Thừa giáo dụ dĩ định tính vị năng bất động, do luỵ ư ngoại vật. Thử hiền giả lự chi thục hĩ. Thượng hà sĩ tiểu tử chi ngôn. Nhiên thường tư chi hĩ, cảm cống kỳ thuyết ư tả hữu. Sở vị định giả, động diệc định, tĩnh diệc định, vô tương nghình, vô nội ngoại. Cẩu dĩ ngoại vật vi ngoại, khiên kỷ nhi tòng chi, thị dĩ kỷ tính vi hữu nội ngoại dã. Thả dĩ kỷ tính vi tuỳ vật ư ngoại, tắc đương kỳ tại ngoại thời, hà giả vi tại nội? Thị hữu ý ư tuyệt ngoại dụ, nhi bất trí tính chi vô nội ngoại dã. Kỳ dĩ nội ngoại vi nhị bản, tắc hựu ô khả cự ngữ định tại? Phù thiên địa chi thường, dĩ kỳ tâm phổ vạn vật nhi vô tâm. Thánh nhân chi thường, dĩ kỳ tình thuận vạn vật nhi vô tình. Cố quân tử chi học, mạc nhược khuếch nhiên nhi đại công, vật lai nhi thuận ứng. Dịch viết: "Trinh cát hối vong, đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư." Cẩu qui qui ư ngoại dụ chi trừ, tương kiến diệt ư đông nhi sinh ư tây dã. Phi duy nhất chi bất túc, cố kỳ đoan vô cùng, bất khả đắc nhi trừ dã. Nhân chi tình các hữu sở tế, cố bất năng thích Đạo. Đại suất hoạn tại tự tư nhi dụng trí. Tự tư tắc bất năng dĩ hữu vi vi ứng tích; dụng trí tắc bất năng dĩ minh giác vi tự nhiên. Kim dĩ ô ngoại vật chi tâm nhi cầu chiếu vô vật chi địa, thị phản giám nhi sách chiếu dã. Dịch viết: "Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân." Mạnh thị diệc viết: "Sở ô ư trí giả, vi kỳ tạc dã." Dữ kỳ phi ngoại nhi thị nội, bất nhược nội ngoại chi lưỡng vong dã. Lưỡng vong tắc trừng nhiên vô sự hĩ. Vô sự tắc định, định tắc minh, minh tắc thường hà ứng vật chi vi luỵ tai? Thánh nhân chi hĩ, dĩ vật chi đương hĩ. Thánh nhân chi nộ, dĩ vật chi đương nộ. Thị thánh nhân chi hỉ nộ, bất hệ ư tâm nhi hệ ư vật dã. Thị tắc thánh nhân khởi bất ứng ư vật tai? Ô đắc dĩ tòng ngoại giả vi phi, nhi cánh cầu tại nội giả vi thị dã. Kim dĩ tự tư dụng trí chi hỉ nộ, nhi thị thánh nhân hỉ nộ chi chính, vi hà như tai? Phù nhân chi tình, đị phát nhi nan chế giả, duy nộ vi thậm. Năng ư nộ thời, cự vong kỳ nộ, nhi quan lý chi thị phi, diệc khả kiến ngoại dụ chi bất túc ố, nhi ư Đạo diệc tư quá bán hĩ.» 承教諭以定性未能不動，牽累於外物，此賢者慮之熟矣。尚何俟小子之言。然嘗思之矣，敢貢其說於左右。所謂定者，動亦定，靜亦定，無將迎，無內外。苟以外物爲外，牽己而從之，是以己性爲有內外也。且以己性爲隨物於外，則當其在外時，何者爲在內？是有意於絕外誘，不知性之無內外也。既以內外爲二本，則又烏可遽語定哉？夫天地之常，以其心普萬物而無心。聖人之常，以其情順萬物而無情。故君子之學，莫若廓然而大公，物來而順應。易曰："貞吉悔亡，憧憧往來，朋從爾思。"苟規規於外誘之除，將見滅於東而生於西也。非惟日之不足，顧其端無窮，不可得而除也。人之情各有所蔽，故不能通道。大率患在自私而用智。自私

Khổng Tử từng khen Nhan Hồi là «bất thiên nộ»[95] 不遷怒 (không giận lây). Trình Di luận về lời ấy rằng: «Chúng ta phải hiểu vì sao Nhan Hồi không giận lây. Giống như vua Thuấn diệt bốn kẻ ác, thì cái giận của ngài nhắm vào bọn chúng, nhưng vua Thuấn sao lại can dự vào? Bởi vì bốn kẻ ấy có cái đáng giận nên ngài giận. Cái tâm của thánh nhân vốn chẳng có sân giận. Thí dụ như gương sáng: vật đẹp đặt trước gương thì ảnh phản chiếu đẹp; vật xấu đặt trước gương thì ảnh phản chiếu xấu. Chứ gương chẳng có lòng ưa ghét. Người đời thì giận chuyện trong nhà nhưng sắc giận còn mang ra ngoài chợ. [...] Còn thánh nhân thì do ở sự vật mà giận chứ trong lòng chưa hề có sân giận. [...] Quân tử thì sai khiến vật, tiểu nhân thì bị vật sai khiến. Nay giả sử có người thấy sự việc đáng mừng hay đáng giận thì tự để mình đồng nhất phần nào với sự mừng hay giận ấy. Đó cũng là tự làm nhọc mình. Tâm của thánh nhân thì như nước tĩnh lặng.»[96]

Trang Tử nói: «Bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi: không từ chối cũng không nghinh đón ngoại vật soi vào, đáp ứng với ngoại vật nhưng không tàng chứa hình ảnh của chúng, cho nên thắng mọi vật và

則不能以有爲爲應跡；用智則不能以明覺爲自然．今以惡外物之心而求照無物之地，是反鑑而索照也．易曰："艮其背不獲其身，行其庭，不見其人．"孟氏亦曰："所惡於智者，爲其鑿也．"與其非外而是內，不若內外之兩忘也．兩忘則澄然無事矣．無事則定，定則明，明則尚何應物之累哉？聖人之喜，以物之當喜．聖人之怒，以物之當怒．是聖人之喜怒，不繫於心而繫於物也．是則聖人豈不應於物哉？烏得以從外者爲非，而更求在內者爲是也．今以自私用智之喜怒，而視聖人喜怒之正，爲何如哉？夫人之情，易發而難制者，惟怒爲甚．能於怒時，遽忘其怒，而觀理之是非，亦可見外誘之不足惡，而於道亦思過半矣．

[95] **LAM chú:** ***Luận Ngữ*** **(Ung Dã): «Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá.» 顏回者好學，不遷怒，不二過 (Nhan Hồi hiếu học, không giận lây kẻ khác, không tái phạm lỗi lầm).**

[96] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Tu thị lý hội đắc nhân hà bất thiên nộ. Như Thuấn chi tru tứ hung, nộ tại tứ hung, Thuấn hà dữ yên. Cái nhân thị nhân hữu khả nộ chi sự nhi nộ chi, thánh nhân chi tâm, bản vô nộ dã. Thí như minh kính, hảo vật lai thời, tiện kiến thị hảo; ố vật lai thời, tiện kiến thị ố; kính hà thường hữu hảo ố dã. Thế chi nhân cố hữu nộ ư thất nhi sắc ư thị. [...] Nhược thánh nhân nhân vật nhi vị thường hữu nộ. [...] Quân tử dịch vật, tiểu nhân dịch ư vật. Kim nhân kiến hữu khả hỉ khả nộ chi sự, tự gia trước nhất phân bồi phụng tha, thử diệc lao hĩ. Thánh nhân tâm như chỉ thuỷ.»** 須是理會得因何不遷怒．如舜之誅四凶，怒在四凶，舜何與焉．蓋因是人有可怒之事而怒之，聖人之心，本無怒也．譬如明鏡，好物來時，便見是好；惡物來時，便見是惡；鏡何嘗有好惡也．世之人固有怒於室而色於市．[...] 若聖人因物而未嘗有怒．[...] 君子役物，小人役於物．今人見有可喜可怒之事，自家著一分陪奉他，此亦勞矣．聖人心如止水．

không làm ai thương tổn.»[97] Đạo học gia cũng nói sự dụng tâm của chúng ta cũng nên như thế. Nhưng điểm khác biệt là: tâm của Đạo học gia (neo-confucianist) ứng vật mà không bao lấy tình cảm bên trong; còn phương pháp Đạo gia (taoist) ứng phó tình cảm là lấy lý mà chuyển hoá tình cảm (xin xem lại quyển I, tiết 6 của chương 10).

Kẻ có thể lấy lý chuyển hoá tình, tự bản thân không có tình cảm. Còn Đạo học gia chủ trương tình cảm cũng có thể có, nhưng khi chúng ta có tình cảm thì đừng xem tình cảm ấy là tự ngã. Khi thấy chuyện đáng mừng hay đáng giận thì thánh nhân cũng có tình cảm mừng giận, nhưng chẳng phải thánh nhân vốn có mừng giận mà là chính sự việc ấy đáng mừng hay đáng giận nên thuận ứng. Khi sự việc ấy qua đi thì sự mừng giận cũng mất. Vì thế Nhan Hồi không giận lây. Người bình thường có chuyện đáng giận thì giận, nhưng khi chuyện ấy qua rồi mà lòng vẫn còn giận. Đó gọi là giận lây. Trên đây, Trình Hạo nói: «Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng.» Ý này cũng giống như Thiệu Ung nói: «Lấy vật làm vui vật, lấy vật thương xót vật, đó là sự thể hiện trung dung vậy.»[98] Phương pháp như thế là do không có lòng riêng tư, không có dụng trí. Không có lòng riêng tư, tức là «rộng mở mà rất công bằng»; không có dụng trí, tức là «vật đến thì thuận ứng». Nếu được như thế thì tâm của chúng ta tịch nhiên thường chiếu (vắng lặng và luôn soi sáng).

Có thể tu dưỡng đến cảnh giới tối cao hợp thành một thể với thiên địa vạn vật, thì tính của chúng ta được phát triển rất lớn. Đó gọi là *tận tính* 盡性. Trình Hạo nói: «Cùng lý, tận tính, cho đến thiên mệnh. Ba việc này đạt được cùng lúc, chứ chúng vốn không có thứ tự. Không thể xem cùng lý là vấn đề chỉ để biết. Nếu quả thực đã cùng được lý, thì tính và mệnh cũng được giải quyết xong.»[99]

Về câu chót trên đây, Trình Hạo nói: «Người tu học trước tiên phải hiểu đức *nhân* 仁 (nhân ái).» và: «Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi.» Nuôi dưỡng nó mãi, thì sẽ

---

[97] *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.» 至人之用心若鏡，不將不迎，應而不藏，故能勝物而不傷。

[98] *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật hỉ vật, dĩ vật bi vật, thử phát nhi trung tiết dã.» 以物喜物，以物悲物，此發而中節也。

[99] *Nhị Trình Di Thư*: «Cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh. Tam sự nhất thời tịnh liễu, nguyên vô thứ tự. Bất khả tương cùng lý tác tri chi sự. Nhược thực cùng đắc lý, tắc tính mệnh diệc khả liễu.» 窮理盡性以至於命，三事一時並了，元無次序，不可將窮理作知之事，若實窮得理，則性命亦可了。

đạt tới cảnh giới hợp thành một thể với thiên địa vạn vật, tức là cùng lý và cũng là tận tính và chí mệnh. Cho nên ông nói: «Không thể xem cùng lý là vấn đề chỉ để biết. Nếu quả thực đã cùng được lý, thì tính và mệnh cũng được giải quyết xong.»

h. Trình Y Xuyên nói về phương pháp tu dưỡng

Phương pháp tu dưỡng của Trình Di chú trọng cùng lý, nhưng lời ông giảng về cùng lý thì gần với vấn đề chỉ để biết. Trình Di nói: «Sự hàm dưỡng tinh thần là ở kính cẩn; sự tiến bộ của học vấn là ở trí tri.»[100]

Về công hiệu của sự kính cẩn, Trình Di nói: «Kính cẩn để làm ngay thẳng bên trong. Làm chủ bên trong thì sẽ đạt được *hư* 虛 (hư không) và tự nhiên tâm sẽ tĩnh lặng. Như vậy, làm sao đạt được *hư*? Ắt phải luôn có việc canh cánh bên lòng, cần phải lấy kính cẩn để làm việc ấy. Đạo này cực kỳ đơn giản, cực kỳ dễ dàng, lại bớt công sức. Dù nói điều ấy, ta gần với lời luận bàn của người thường, nhưng nắm giữ nó lâu dài thì sẽ có sự khác biệt.»[101]

Trình Di lại nói: «Lã Dữ Thúc từng hỏi ta cách tránh cho tâm bị nhiễu loạn, ta đáp sở dĩ tâm nhiễu loạn vì nó vô chủ. Nếu lấy kính cẩn làm chủ nó, thì tự nhiên hết nhiễu loạn, ví như lấy một bình đầy nước ném vào nước. Bên trong bình đã đầy, dù nước sông hồ cũng không thể vào được.»[102]

Hễ kính thì trong tâm sẽ hư không. Tóm lại, kính tức là công phu mà Mạnh Tử nói là «luôn có việc canh cánh bên lòng». Liêm Khê chủ về tĩnh, anh em họ Trình chủ về kính. Kính và tĩnh khác nhau. Trình Di nói: «Hễ kính thì tự hư tĩnh, nhưng không thể gọi hư tĩnh là kính.»[103]

---

[100] *Nhị Trình Di Thư*: «Hàm dưỡng tu dụng kính; tiến học tắc tại trí tri.» 涵養須用敬，進學則在致知.

[101] *Nhị Trình Di Thư*: «Kính dĩ trực nội, hữu chủ ư nội tắc hư, tự nhiên vô phi tịch chi tâm, như thị tắc an đắc bất hư. Tất hữu sự yên, tu bả kính lai tố kiện sự trứ. Thử đạo tối thị giản, tối thị dị, hựu tỉnh công phu, vi thử ngữ duy cận tự thường nhân sở luận, nhiên trì chi cửu tất biệt.» 敬以直內，有主於內則虛，自然無非僻之心，如是則安得不虛．必有事焉，須把敬來做件事著．此道最是簡，最是易，又省功夫，爲此語惟近似常人所論，然持之久必別．

[102] *Nhị Trình Di Thư*: «Lã Dữ Thúc thường vấn vi tư lự phân nhiễu, mỗ đáp dĩ đãn vi tâm vô chủ. Nhược chủ ư kính, tắc tự nhiên bất phân nhiễu, thí như dĩ nhất hồ thuỷ, đầu ư thuỷ trung, hồ trung ký thực, tuy giang hồ chi thuỷ, bất năng nhập hĩ.» 呂與叔嘗問爲思慮紛擾，某答以但爲心無主．若主於敬，則自然不紛擾，譬如以一壺水，投於水中，壺中旣實，雖江湖之水，不能入矣．

[103] *Nhị Trình Di Thư*: «Kính tắc tự hư tĩnh, bất khả bả hư tĩnh hoán tố kính.» 敬則自虛靜，不可把虛靜喚做敬．

Trình Di lại nói: «Nói đến *tĩnh* thì rơi vào thuyết của nhà Phật. Nên ta dùng chữ *kính* chứ không dùng chữ *tĩnh*. Khi nói đến chữ *tĩnh* thì kết quả là *vong* (quên). Mạnh Tử viết: "Nếu phải có việc cần làm, thì chớ dừng lại, lòng chớ quên, chớ giúp sức cho nó mau lớn." Nếu phải có việc cần làm, thì tâm không quên. Ta không dừng lại và không giúp sức cho nó mau lớn.»[104]

Trong *Định Tính Thư*, Trình Hạo cũng nói đến *định* chứ không nói đến *tĩnh*, bởi vì tĩnh thì đối đãi với động, còn định thì tóm lấy cả động và tĩnh.

Một phương diện khác trong phương pháp tu dưỡng của Trình Di tập trung vào hai thuật ngữ *trí tri* 致知 và *cách vật* 格物 của sách *Đại Học*. Ông nói: «Có người hỏi cách tu dưỡng trước hết là gì? Đáp: Trước hết chẳng gì ngoài chính tâm và thành ý. Thành ý là ở tại trí tri. Trí tri là ở tại cách vật. Cách có nghĩa là đến, như chữ *cách* trong câu "tổ khảo lai cách" (tổ tiên đến) [trong Kinh Thư]. Một vật có một lý, mà ta phải xét tới cùng cái lý của nó. Cùng lý cũng có nhiều đường, hoặc đọc sách giảng rõ nghĩa lý, hoặc luận nhân vật cổ kim, phân biệt cái đúng cái sai của họ; hoặc ứng vật và tiếp vật mà ở chỗ đúng đắn của nó; mấy việc ấy đều là cùng lý. Có người hỏi cách vật phải khảo sát từng vật, hay là chỉ khảo sát một vật mà muôn lý đều biết. Đáp: Làm sao mong hiểu thông tất cả trong một lúc. Ngay cả Nhan Hồi còn không dám nói chỉ khảo sát một vật, mà rồi thông mọi lý. Cần phải hôm nay khảo sát một việc, ngày mai khảo sát một việc nữa. Luyện tập lâu ngày thì tự nhiên có chỗ thông suốt hết thảy vậy.»[105]

[104] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Tài thuyết tĩnh tiện nhập ư Thích thị chi thuyết dã. Bất dụng tĩnh tự, chỉ dụng kính tự. Tài thuyết trước tĩnh tự tiện thị vong dã. Mạnh Tử viết: "Tất hữu sự yên, nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã." Tất hữu sự yên tiện thị tâm vật vong, vật chính, tiện thị vật trợ trưởng.»** 纔說靜便入於釋氏之說也.不用靜字,只用敬字.纔說著靜字便是忘也.孟子曰："必有事焉,而勿正,心勿忘,勿助長也." 必有事焉便是心勿忘,勿正,便是勿助長.

[105] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Hoặc vấn tiến tu chi thuật hà tiên. Viết: Mạc tiên ư chính tâm thành ý. Thành ý tại trí tri. Trí tri tại cách vật. Cách, chí dã, như tổ khảo lai cách chi cách. Phàm nhất vật thượng hữu nhất lý, tu thị cùng trí kỳ lý. Cùng lý diệc đa đoan, hoặc độc thư giảng minh nghĩa lý, hoặc luận cổ kim nhân vật, biệt kỳ thị phi; hoặc ứng vật tiếp vật nhi xử kỳ đáng; giai cùng lý dã. Hoặc vấn cách vật tu vật vật cách chi, hoàn chỉ cách nhất vật nhi vạn lý giai trí. Viết: Chẩm sinh tiện hội cai thông. Nhược chỉ cách nhất vật, tiện thông chúng lý, duy Nhan Tử diệc bất cảm như thử đạo. Tu thị kim nhật cách nhất kiện, minh nhật hựu cách nhất kiện. Tích tập kỷ cửu, nhiên hậu thoát nhiên tự hữu quán thông xứ.»** 或問進修之術何先.曰:莫先於正心誠意.誠意在致知,致知在格物.格,至也,如祖考來格之格.凡一物上有一理,須是窮致其理.窮理亦多端,或觀書講明義理,或論古今人物,別其是非;或應物接物而處其當:皆窮理也.或問格物須物物格之,還只格一物而萬理皆知.曰:怎生便會該通.若只格一物,便通眾理,惟顏子亦不敢如此道.須是今日格一件,明日又格一件.積習既久,然後脫然自有貫通處.

Công phu cách vật là khiến ta hiểu đúng cái lý của sự vật. Có hiểu đúng thì mới hành động được. Trình Di nói: «Hiểu đúng về lý là nhận thức đúng về cái đúng và cái sai. Hễ có được sự hiểu đúng về lý thì tự nhiên có sự phân biệt ở tâm. Cái tai nghe miệng nói không thể hiện đúng sự nhận thức đúng của tâm. Nếu thể hiện đúng, thì nó không chịu yên ở chỗ không yên. [...] Đạp nước và lửa, thì ai cũng tránh, đó là sự nhận thức đúng. Người ta khi gần gũi điều bất thiện thì phải có cái tâm như khi mò vào nước sôi, thế thì tự nhiên phân biệt. Ngày xưa có kẻ từng bị thương vì cọp vồ. Khi người ta nói đến cọp, đứa trẻ nhỏ cũng sợ, nhưng cái sợ ấy sao bằng cái sợ của kẻ từng bị cọp vồ, thần sắc của hắn khiếp sợ; sợ hãi thật sự. Đó là một thí dụ về sự nhận thức đúng.»[106]

Công phu cách vật là để chúng ta thấy được cái lý chân thực của sự vật. Trình Di nói: «Có cái cần biết thì biết, biết xong thì xong. Cần phải xem cái biết là gốc. Khi biết sâu thì hành động sẽ đạt. Không biết đúng thì không thể thi hành. Biết mà không thể thi hành thì đó là cái biết nông cạn. Đói mà không ăn thức dơ bẩn, không đạp lên nước lửa, đó là biết vậy. Người ta làm điều bất thiện, chỉ vì không biết đó thôi.»[107] Đó là thuyết tri hành hợp nhất của Trình Di.

Cách vật lâu ngày thì sẽ có chỗ quán thông. Bởi vì trong tâm chúng ta có đủ các lý. Cho nên hễ cùng lý của vật thì cũng là cùng lý trong tâm chúng ta. Trình Di nói: «Có người hỏi: khi quan sát ngoại vật với bản thân ta, ta có nên thấy ngoại vật rồi và quay về tìm ở bản thân không? Đáp: Không cần nói như thế, vật và ngã cùng một lý, hễ hiểu cái kia thì

---

[106] *Nhị Trình Di Thư*: «Thực lý giả, thực kiến đắc thị, thực kiến phi. Phàm thực lý đắc chi ư tâm tự biệt. Nhược nhĩ văn khẩu đạo giả, tâm thực bất kiến. Nhược kiến đắc, tất bất khẳng an ư sở bất an. [...] Đạo thuỷ hoả tắc nhân giai tị chi, thị thực kiến đắc. Tu hữu cận bất thiện như thám thang chi tâm, tắc tự nhiên biệt. Tích nhược kinh thương ư hổ giả, tha nhân ngữ hổ, tắc tuy tam xích đồng tử, giai tri hổ chi khả uý, chung bất tự tằng kinh thương giả, thần sắc nhiếp cụ, chí thành uý chi, thị thực kiến đắc dã.» 實理者，實見得是，實見非．凡實理得之於心自別．若耳聞口道者，心實不見．若見得，必不肯安於所不安．[...] 蹈水火則人皆避之，是實見得．須有近不善如探湯之心，則自然別．昔若經傷於虎者，他人語虎，則雖三尺童子，皆知虎之可畏，終不自曾經傷者，神色懾懼，至誠畏之，是實見得也．

[107] *Nhị Trình Di Thư*: «Tri chí tắc đương chí chi, tri chung tắc đương toại chung chi. Tu dĩ tri vi bản. Tri chi thâm tắc hành chi tất chí. Vô hữu tri nhi bất năng hành giả. Tri nhi bất năng hành, chỉ thị tri đắc thiển. Cơ nhi bất thực ô tuế, nhân nhi bất đạo thuỷ hoả, chỉ thị tri. Nhân vi bất thiện, chỉ vi bất tri.» 知至則當至之，知終則當遂終知．須以知爲本．知之深則行之必至．無有知而不能行者．知而不能行，只是知得淺．飢而不食烏喙，人而不蹈水火，只是知．人爲不善，只爲不知．

biết cái này. Đó là đạo hợp nhất ngoài với trong vậy.»[108]

Chỉ có thế thôi, cho nên hễ cùng được lý, thì tuyệt đỉnh công phu ấy cũng có thể khiến ta bỗng nhiên giác ngộ toàn thể tâm ta. Cái tâm ấy là tâm của trời đất. Trình Di nói: «Tâm của một người là tâm của trời đất; lý của một vật là lý của vạn vật. Sự vận chuyển của một ngày là sự vận chuyển của một năm.»[109]

Trình Di lại nói: «Cùng lý, tận tính, chí mệnh, chỉ là một việc. Hễ cùng lý thì tận tính; hễ tận tính thì chí mệnh.»[110]

Ở đây anh em họ Trình nói cùng vấn đề cùng lý nhưng hàm nghĩa thì khác.

Từ các đoạn trích dẫn trên, chúng ta có thể thấy rằng về phương pháp tu dưỡng thì anh em họ Trình cũng là người tiên phong của hai phái Tâm học và Lý học về sau. Sự hàm dưỡng phải dùng kính cẩn, Trình Hạo cũng nói vậy, nhưng ông cho rằng trước tiên phải hiểu lý rồi sau mới thành và kính mà nuôi dưỡng nó. Ở đây Trình Hạo khái quát cái mà phái Tâm học về sau gọi là «tiên lập hồ kỳ đại giả» 先立乎其大者(trước hết phải xác lập cái trọng đại của nó). Trình Di một mặt thì dùng kính cẩn mà hàm dưỡng, không để cái tâm sái quấy sinh ra; một mặt thì cách vật dần dần, hôm nay rồi ngày mai, để mong đạt được chỗ quán thông. Lý thuyết này về sau được Chu Hi phát huy, mà chương sau đây sẽ nói rõ.

---

[108] *Nhị Trình Di Thư:* «Vấn quan vật sát kỷ, hoàn nhân kiến vật phản cầu chư thân phủ. Viết: Bất tất như thử thuyết, vật ngã nhất lý, tài minh bỉ, tức hiểu thử, hợp nội ngoại chi đạo đã.» 問觀物察己，還因見物反求諸身否.曰：不必如此說，物我一理，纔明彼，即曉此，合內外之道也.

[109] *Nhị Trình Di Thư:* «Nhất nhân chi tâm tức thiên địa chi tâm. Nhất vật chi lý tức vạn vật chi lý. Nhất nhật chi vận tức nhất tuế chi vận.» 一人之心即天地之心，一物之理即萬物之理.一日之運即一歲之運.

[110] *Nhị Trình Di Thư:* «Cùng lý tận tính chí mệnh, chỉ thị nhất sự. Tài cùng lý tiện tận tính; tài tận tính tiện chí mệnh.» 窮理盡性至命，只是一事.纔窮理便盡性；纔盡性便至命.

CHƯƠNG 13

CHU HI

Trong số các Đạo học gia, Chu Hi (1130-1200) là người tổng hợp các học thuyết của Chu Đôn Di, Thiệu Ung, Trương Tái, Nhị Trình, và lập thành phái Lý học. *Tống Sử* (Đạo Học Truyện) chép: «Chu Hi 朱熹, tự là Nguyên Hối 元晦 hay Trọng Hối 仲晦, người quê ở Vụ Nguyên 婺源, thuộc Huy Châu 徽州 (nay thuộc Giang Tây). [...] Chu Hi học khắp ở kinh truyện, lại còn quảng giao với các nhân sĩ học thức bấy giờ. Lý Đồng 李侗 (1088-1158) ở Diên Bình đã già, từng học La Tòng Ngạn 羅從彥 (1072-1135). Chu Hi [làm chủ bạ ở] Đồng An, sau bỏ về. [Lý Đồng ẩn cư] không xa vài trăm dặm, Chu Hi bèn đến học Lý Đồng. [...] Hoàng Cán 黃榦 (là đệ tử của Chu Hi) nói: "Nền chính thống của Đạo đợi người rồi mới truyền. Từ đời Chu đến nay, nhận nhiệm vụ truyền Đạo không quá vài người, mà kẻ có thể khiến cho Đạo rực rỡ chỉ có một hai người thôi. Từ Khổng Tử về sau, có Tăng Tử và Tử Tư kế thừa được sự vi diệu của Đạo, cho đến Mạnh Tử mới bắt đầu nổi bật. Từ Mạnh Tử về sau, có Chu Đôn Di, anh em họ Trình, Trương Tái nối được giòng đã đứt của Đạo, cho đến Chu Hi mới bắt đầu nổi bật."»[1]

Theo *Tống Sử*, Chu Hi mất năm Khánh Nguyên 慶元 thứ 6 đời Tống Ninh Tông 宋寧宗 (tức Triệu Khoách 趙擴, tại vị 1195-1224), thọ 71 tuổi. Ông mất 100 năm sau khi Trình Di mất. Ông học Lý Đồng; Đồng học La Tòng Ngạn; Ngạn học Dương Thời 楊時 (1053-1135); Thời học anh

---

[1] ***Tống Sử*** **(Đạo Học Truyện): «Chu Hi, tự Nguyên Hối, nhất tự Trọng Hối, Huy Châu, Vụ Nguyên nhân. [...] Hi chi học, kỷ bác cầu chi kinh truyện, phục biến giao đương thời hữu thức chi sĩ. Diên Bình Lý Đồng lão hĩ, thường học ư La Tòng Ngạn; Hi quy tự Đồng An, bất viễn sổ bách lý, đồ bộ vãng tòng chi. [...] Hoàng Cán viết: "Đạo chi chính thống, đãi nhân nhi hậu truyền. Tự Chu dĩ lai, nhậm truyền Đạo chi trách giả, bất quá sổ nhân. Nhi kỳ năng sử tư Đạo chương chương giảo trứ giả, nhất nhị nhân nhi chỉ nhĩ. Do Khổng Tử nhi hậu, Tăng Tử, Tử Tư kế kỳ vi, chí Mạnh Tử nhi thuỷ trứ. Do Mạnh Tử nhi hậu, Chu Trình Trương Tử kế kỳ tuyệt, chí Hi nhi thuỷ trứ."»** 朱熹，字元晦，一字仲晦，徽州，婺源人．[...] 熹之學，既博求之經傳，復遍交當時有識之士．延平李侗老矣，嘗學於羅從彥；熹歸自同安，不遠數百里，徒步往從之．[...] 黃榦曰："道之正統，待人而後傳．自周以來，任傳道之責者，不過數人．而其能使斯道章章較著者，一二人而止耳．由孔子而後，曾子子思繼其微，至孟子而始著．由孟子而後，周程張子繼其絕，至熹而始著．"

em họ Trình. Do đó Chu Hi tự nhận cái học của ông nối tiếp sự truyền thừa của anh em họ Trình. Trong lời tựa của *Đại Học Chương Cú*, Chu Hi viết: «Ở Hà Nam xuất hiện hai phu tử họ Trình, tiếp nối được chân truyền của Mạnh Tử. [...] Hi này không mẫn tiệp, nhưng cũng hân hạnh hưởng được sự giáo dục của hai ngài do các vị khác truyền lại.»[2]

1. Lý và Thái Cực

Hình nhi thượng học của Chu Hi lấy *Thái Cực Đồ Thuyết* của Chu Liêm Khê làm cốt cán, rồi dung hợp với số học của Thiệu Ung, thuyết về Khí của Trương Tái, hình nhi thượng và hình nhi hạ cũng như thuyết về Lý và Khí của anh em họ Trình. Cho nên cái học của Chu Hi có thể nói là tập đại thành các Đạo học gia về trước. Về sự phân biệt Đạo 道 thuộc hình nhi thượng và Khí 器 (khí vật) thuộc hình nhi hạ, Chu Hi nói: «Có vật và có hình tượng, tức là Khí 器 (khí vật); cái tạo ra Lý của Khí tức là Đạo.»[3]



Chu Hi

Cái gọi là Đạo 道 ở đây ám chỉ một nguyên lý hay khái niệm trừu tượng; còn Khí 器 ám chỉ một sự vật cụ thể. Chu Hi nói: «Cái thuộc hình nhi thượng và không có hình ảnh là cái Lý này. Cái thuộc hình nhi hạ và có tình trạng là cái Khí (khí vật) này.»[4]

Chu Hi lại nói: «Vô Cực là Thái Cực. [Lời ấy của Chu Đôn Di] không có nghĩa là có một vật (tức Thái Cực) rực rỡ ở trong đó. Nó chỉ có nghĩa rằng ngay thuở ban sơ đều không có một vật, mà chỉ có cái Lý ấy thôi. [...] Vì Lý có nhiều, nên vật cũng có nhiều.»[5]

Nếu nói theo thuật ngữ triết học hiện đại, cái gọi là hình nhi thượng

---

[2] *Đại Học Chương Cú Tự:* «Hà Nam Trình thị lưỡng phu tử xuất, nhi hữu dĩ tiếp hồ Mạnh thị chi truyền. [...] Tuy dĩ Hi chi bất mẫn, diệc hạnh tư thục nhi dữ hữu văn yên.» 河南程氏兩夫子出，而有以接乎孟氏之傳。[...] 雖以熹之不敏，亦幸私淑而與有聞焉.

[3] **Dữ Lục Tử Tĩnh Thư 與陸子靜書:** «Phàm hữu vật hữu tượng giả, tức khí dã; sở dĩ vi thị khí chi lý giả, tắc Đạo dã.» 凡有物有象者，即器也；所以爲是器之理者，則道也.

[4] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Hình nhi thượng giả, vô hình vô ảnh thị thử lý. Hình nhi hạ giả, hữu tình hữu trạng thị thử khí.» 形而上者無形無影是此理。形而下者有情有狀是此器.

[5] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Vô Cực nhi Thái Cực, bất thị thuyết hữu cá vật sự, quang huy huy địa tại ná lý. Chỉ thị thuyết đương sơ giai vô nhất vật, chỉ hữu thử lý nhi dĩ. [...] Duy kỳ lý hữu hứa đa, cố vật hữu hứa đa.» 無極而太極，不是說有個物事，光輝輝地在那裏。只是說當初皆無一物，只有此理而已。[...] 惟其理有許多，故物有許多.

là cái *tiềm tồn* 潛存 (subsist: tồn tại mà tiềm ẩn) vượt trên không gian và thời gian; cái gọi là hình nhi hạ là cái *tồn tại* 存在 (exist) trong không gian và thời gian. Cái vượt trên không gian và thời gian thì không thể thấy được hình tượng, cho nên cái gọi là Thái Cực không có nghĩa là có một sự vật rực rỡ ở trong đó. Chu Hi nói: «Vô Cực là Thái Cực. [Lời ấy] chỉ có nghĩa là vô hình nhưng có Lý.» (Vô Cực nhi Thái Cực, chỉ thị thuyết vô hình nhi hữu lý 無極而太極，只是說無形而有理).

«Vì Lý có nhiều, nên vật cũng có nhiều.» Không có Lý ấy thì sẽ không thể có vật ấy. Chu Hi nói: «Khi một vật được tạo ra, thì trong nó có một Lý nào đó. Đối với vạn vật được tạo ra trong vũ trụ, trong mỗi vật cũng đều có một Lý nào đó.»[6]

Không những vạn vật trong trời đất mỗi thứ đều có Lý, mà chính con người cũng vậy. *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Vật khô héo cũng có tính, nói vậy là sao?" Đáp: "Đó là chúng vốn có một Lý như thế. Cho nên nói: Trong trời đất không có vật nào là ở ngoài tính.[7] Nhân lúc bước trên bậc thềm, thầy nói: Gạch của bậc thềm này có cái Lý của gạch. Nhân lúc ngồi ghế, thầy nói: Ghế trúc này có cái Lý của ghế trúc."»[8]

Ngữ Lục chép: «Hỏi: "Lý là cái mà người và vật cùng nhận được từ trời. Như vật vô tình cũng có Lý hay chăng?" Đáp: "Cố nhiên là có Lý, giống như thuyền chỉ có thể đi trên nước, xe chỉ có thể chạy trên bộ."»[9]

Vật trong trời đất, bất kể là thiên nhiên hay nhân tạo, đều có cái Lý khiến cho nó phải như thế. Cái Lý ấy đã có trước khi vật được tạo ra. Chu Hi nói: «Xét về phương diện Lý, tuy chưa có vật nhưng đã có Lý của vật rồi. Tuy nhiên cũng chỉ có cái Lý ấy, ngay cả khi chưa thực có cái vật ấy.»[10]

---

[6] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Tố xuất ná sự, tiện thị giá lý hữu ná Lý. Phàm thiên địa sinh xuất ná vật, tiện đô thị ná lý hữu ná Lý.» 做出那事，便是這裏有那理. 凡天地生出那物，便都是那裏有那理.

[7] Derk Bodde chú: Ở đây rõ ràng Tính được xem như Lý.

[8] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Khô cảo chi vật diệc hữu tính, thị như hà?" Viết: "Thị tha hợp hạ hữu thử lý. Cố vân: thiên hạ vô tính ngoại chi vật. Nhân hành giai, vân: Giai chuyên tiện hữu chuyên chi lý. Nhân toạ, vân: Trúc ỷ tiện hữu trúc ỷ chi lý."» 問："枯槁之物亦有性，是如何？" 曰："是他合下有此理. 故云：天下無性外之物. 因行階，云：階磚便有磚之理. 因坐，云：竹椅便有竹椅之理."

[9] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Lý thị nhân vật đồng đắc ư thiên giả. Như vật chi vô tình giả, diệc hữu lý phủ?" Viết: "Cố thị hữu lý, như chu chỉ khả hành chi ư thuỷ, xa chỉ khả hành chi ư lục."» 問："理是人物同得於天者. 如物之無情者，亦有理否？" 曰："固是有理，如舟只可行之於水，車只可行之於陸."

[10] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Lưu Thúc Văn Thư): «Nhược tại Lý thượng khán, tắc tuy vị hữu vật nhi dĩ hữu vật chi Lý. Nhiên diệc đãn hữu kỳ Lý nhi dĩ, vị thường thực hữu thị vật dã.» 若在理上看，則雖未有物而已有物之理. 然亦但有其理而已，未嘗實有是物也.

Như lúc chưa có thuyền và xe, thì đã có cái Lý của thuyền và xe hay khái niệm về thuyền và xe rồi. Nhưng bấy giờ chỉ có khái niệm chứ chưa có vật thực. Nên Chu Hi nói: «Tuy nhiên cũng chỉ có cái Lý ấy, ngay cả khi chưa thực có cái vật ấy.» Cái gọi là phát minh ra thuyền và xe chẳng qua là phát hiện ra cái Lý của thuyền và xe, rồi dựa theo Lý ấy mà tạo ra thuyền và xe trong thực tế. Cho nên hễ có vật, bất kể là thiên nhiên hay nhân tạo, thì cái Lý của nó đều đã có trong thế giới của Lý thuộc hình nhi thượng. Do đó, thế giới của Lý thuộc hình nhi thượng quả thực vốn là một thế giới cực kỳ hoàn toàn. *Ngữ Lục* chép: «Người họ Từ hỏi: "Khi trời đất chưa phân, thì bên dưới đã có nhiều vật chưa?" Đáp: "Chỉ có cái Lý cho vạn vật. Trời đất sinh ra vạn vật muôn ngàn năm, xưa nay không có nhiều hơn vật."»[11]

Ý nói có nhiều vật tiềm ẩn trong vũ trụ; tuy vật chưa xuất hiện nhưng cái Lý của nó đã có rồi. Hễ có một Lý thì có vật tương ứng với nó, hễ không có một Lý nào đó thì vật tương ứng với nó sẽ không có.

Cái Lý của một sự vật là cái hình thức rất hoàn toàn của sự vật ấy, cũng là tiêu chuẩn tối cao của nó. Đó là ý nghĩa của chữ Cực 極. *Ngữ Lục* chép: «Tất cả sự vật đều có một Cực, đó là cái tột cùng của đạo lý. Tưởng Nguyên Tiến nói: "Như lòng nhân ái của vua, sự tôn kính của bầy tôi đối với vua, đó là Cực." Chu Tử đáp: "Đó là cái Cực của một sự hay một vật. Còn cái Lý của cả thảy thiên địa vạn vật chính là Thái Cực. Thái Cực vốn không có cái danh này, chỉ là [chúng ta] gọi để biểu thị nó thôi."»[12]

Thái Cực chính là sự tổng hoà của các Lý của vạn vật trong trời đất, và cũng là tiêu chuẩn tối cao của vạn vật và trời đất. Chu Hi nói: «Thái Cực chỉ là cái đạo lý chí thiện hết sức tốt đẹp. [...] Cái mà Chu Đôn Di gọi là Thái Cực là để biểu thị sự vô cùng tốt lành của người và vật trong trời đất.»[13]

---

[11] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Từ vấn: "Thiên địa vị phán thời, hạ diện hứa đa đô dĩ hữu phủ?" Viết: "Chỉ thị đô hữu thử lý, thiên địa sinh vật thiên vạn niên, cổ kim chỉ bất ly hứa đa vật."»** 徐問：“天地未判時，下面許多都已有否？”曰：“只是都有此理，天地生物千萬年，古今只不離許多物。”

[12] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Sự sự vật vật giai hữu cá Cực, thị đạo lý chi cực chí. Tưởng Nguyên Tiến viết: "Như quân chi nhân, thần chi kính, tiện thị Cực." Tiên sinh viết: "Thử thị nhất sự nhất vật chi Cực. Tổng thiên địa vạn vật chi Lý, tiện thị Thái Cực. Thái Cực bản vô thử danh, chỉ thị cá biểu đức."»** 事事物物皆有個極，是道理之極至。蔣元進曰：“如君之仁，臣之敬，便是極。”先生曰：“此是一事一物之極。總天地萬物之理，便是太極。太極本無此名，只是個表德。”

[13] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực chỉ thị cá cực hảo chí thiện đích đạo lý. [...] Chu Tử sở vị Thái Cực, thị thiên địa nhân vật vạn thiện chí hảo đích biểu đức.»** 太極只是個極好至善的道理。[...] 周子所謂太極，是天地人物萬善至好的表德。

Nói thế, tức Thái Cực là tiêu chuẩn tối cao của vạn vật trong trời đất, tức là cái mà Plato gọi là «the Idea of the Good» (khái niệm thiện hảo) còn Aristotle gọi là «God» (thượng đế).

Thái Cực chính là sự tổng hoà của các Lý của vạn vật trong trời đất, cho nên mọi Lý đều có đủ trong Thái Cực. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Thái Cực có đủ các Lý của ngũ hành và Âm Dương, chứ không phải là một vật rỗng không. Khi nói Thái Cực giống như không, thì điều ấy tương tự nhà Phật nói về Tính. Chu Tử lại nói: Nhà Phật chỉ thấy cái vỏ bên ngoài, chứ không thấy được các Lý ở bên trong sự vật. Họ xem quan hệ giữa vua và bề tôi cũng như quan hệ giữa cha và con đều là hư ảo và sai lầm.»[14]

Chu Hi lại nói: «Có người tên là Lý Bá Văn, đã từng học Phật, tự cho mình có chút sở đắc, biện luận nhiều năm, chẳng chịu thua ai chút nào. Gần đây hắn đến thăm tôi, lại giở lý thuyết cũ của hắn ra nói. Chu Hi tôi nhân đó mới hỏi hắn câu "thiên mệnh gọi là tính". Câu ấy phải chăng có ý nói tính là không và trong nó chẳng có một pháp nào hết? Hay là nói muôn vạn Lý đều có đủ trong nó? Nếu là không, thì Phật thắng; còn nếu có thực, thì Nho đúng. Vấn đề này cũng có thể quyết định mà không đợi lời lẽ của hai bên.»[15]

Chu Hi lại nói: «Thái Cực, là Đạo thuộc hình nhi thượng. Âm Dương là Khí thuộc hình nhi hạ. Do đó, từ phương diện hiển hiện mà xem nó, thì tuy động tĩnh không đồng thời, Âm Dương không đồng vị, nhưng Thái Cực thì chỗ nào cũng có. Từ phương diện tế vi mà xem nó, thì tuy Thái Cực trống không, thâm sâu, vi tế, không hiển lộ, nhưng các Lý của động

---

[14] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực thị ngũ hành Âm Dương chi lý giai hữu, bất thị không đích vật sự. Nhược thị không thời, như Thích thị thuyết tính tương tự. Hựu viết: Thích thị chỉ kiến đắc cá bì xác, lý diện hứa đa đạo lý, tha khước bất kiến. Tha giai dĩ quân thần phụ tử vi ảo vọng.»** 太極是五行陰陽之理皆有，不是空的物事．若是空時，如釋氏說性相似．又曰：釋氏只見皮殼，裏面許多道理，他卻不見．他皆以君臣父子爲幻妄．

[15] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trương Kính Phu Thư): «Thử hữu Lý Bá Văn giả, cựu thường học Phật, tự dĩ học hữu sở kiến, biện luận luỹ niên, bất khẳng thiểu khuất. Cận thường lai phỏng, phục lý tiền ngữ. Hi nhân vấn thiên mệnh chi vị tính, thử cú vị không vô nhất pháp da? Vị vạn lý tất cụ da? Nhược không, tắc Phù Đồ thắng; quả thực, tắc Nho giả thị. Thử diệc bất đãi lưỡng ngôn nhi quyết hĩ.»** 此有李伯聞者，舊嘗學佛，自以學有所見，辯論累年，不肯少屈．近嘗來訪，復理前語．熹因問天命之謂性，此句謂空無一法耶？謂萬理畢具耶？若空，則浮屠勝；果實，則儒者是．此亦不待兩言而決矣．

tĩnh và Âm Dương đều có đủ trong Thái Cực.»[16]

«Từ phương diện hiển hiện mà xem nó» tức là tại sự vật cụ thể mà xem nó. «Từ phương diện tế vi mà xem nó» tức là từ phương diện bản thể của Thái Cực mà xem nó. Thái Cực không có hình tượng, mà trong nó có đủ vạn Lý, nên Chu Hi nói: «Tuy Thái Cực trống không, thâm sâu, vi tế, không hiển lộ, nhưng các Lý của động tĩnh và Âm Dương đều có đủ trong Thái Cực.» Ở đây, Chu Hi nêu ra sự bất đồng giữa Đạo học và Phật học, mà tiết 7 sau đây sẽ nói kỹ hơn.

Thái Cực tồn tại vĩnh viễn. Chu Hi nói: «Sau khi có Lý này, mới có Khí 氣 này. Đã có Khí này, sau đó Lý này mới có chỗ an nghỉ. Lớn như trời đất, nhỏ như con dế con kiến, tất cả sinh vật đều đúng như thế. [...] Nếu ta muốn dùng một chữ để gọi Lý, thì không thể lấy chữ *hữu* hay *vô* mà luận, bởi vì khi trời đất chưa có thì Lý vốn đã như thế rồi.»[17]

Trước tiên đã có Lý, rồi sau mới sinh ra các vật cụ thể (lớn thì như trời đất, nhỏ thì như con dế con kiến). Lý không thể lấy chữ *hữu* hay *vô* mà luận, bởi vì Lý tồn tại vĩnh viễn. Thái Cực là toàn thể của Lý, và vì lẽ đó mà Thái Cực vượt trên cả không gian và thời gian. Chu Hi nói: «Thái Cực không có nơi chốn nhất định, không có hình thể, và không có địa điểm để dừng lại.»[18]

Thái Cực cũng không có động và tĩnh. Chu Hi nói: «Hỏi: "Thái Cực Đồ nói: [...] Thái Cực động thì sinh Dương, động cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh Âm. Thái Cực là Lý; Lý làm sao mà động và tĩnh? Hữu hình thì có động và tĩnh; Thái Cực thì vô hình, e rằng ta không thể lấy động và tĩnh mà nói tới nó. Nam Hiên nói: 'Thái Cực không thể không động và

---

[16] ***Thái Cực Đồ Thuyết Chú:*** **«Thái Cực, hình nhi thượng chi Đạo dã. Âm Dương, hình nhi hạ chi Khí dã. Thị dĩ tự kỳ trứ giả nhi quan chi, tắc động tĩnh bất đồng thời, Âm Dương bất đồng vị, nhi Thái Cực vô bất tại yên. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tắc xung mục vô trẫm, nhi động tĩnh Âm Dương chi Lý, dĩ tất cụ ư kỳ trung hĩ.»** 太極，形而上之道也．陰陽，形而下之器也．是以自其著之而觀之，則動靜不同時，陰陽不同位，而太極無不在焉．自其微者而觀之，則沖穆無朕，而動靜陰陽之理，已悉具於其中矣．– **LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: *Xung* 沖 dùng thông với *chung* 盅 nghĩa là *không hư* 空虛 (trống rỗng); *mục* 穆 là *thâm viễn u vi* 深遠幽微 (thâm sâu, xa xôi, u tối, nhỏ nhặt); *trẫm* 朕 là *trẫm triệu* 朕兆 (điềm báo trước).**

[17] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Dương Chí Nhân Thư): «Hữu thử Lý hậu, phương hữu thử Khí. Ký hữu thử Khí, nhiên hậu thử Lý hữu an đốn xứ. Đại nhi thiên địa, tế nhi lâu nghĩ, kỳ sinh giai thị như thử. [...] Yếu chi Lý chi nhất tự, bất khả dĩ hữu vô luận, vị hữu thiên địa chi thời, tiện dĩ như thử liễu dã.»** 有此理後，方有此氣．既有此氣，然後此理有安頓處．大而天地，細而螻蟻，其生皆是如此．[...] 要之理之一字，不可以有無論，未有天地之時，便已如此了也．

[18] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực vô phương sở, vô hình thể, vô địa vị khả đốn phóng.»** 太極無方所，無形體，無地位可頓放．

tĩnh'. Tôi chưa hiểu ý của ông ta." Đáp: "Bởi vì có các Lý của động và tĩnh, nên Khí có động và tĩnh. Nếu không có các Lý của động và tĩnh, thì Khí tự nó có động và tĩnh hay sao?"»[19]

Ngữ Lục chép: «Bởi có cái Lý của động, nên có thể động mà sinh Dương; bởi có cái Lý của tĩnh, nên có thể tĩnh mà sinh Âm. Đã động, thì Lý lại ở trong động; đã tĩnh, thì Lý lại ở trong tĩnh. Hỏi: "Động tĩnh là Khí. Vậy phải chăng cái Lý ấy làm chủ của Khí nên Khí có thể hoạt động như thế?" Đáp: "Đúng vậy."»[20]

«Động tĩnh là Khí.» Trong Thái Cực có cái Lý của động và cái Lý của tĩnh, cho nên Khí có cái gốc là Lý để có những biểu hiện động và tĩnh. Cái động tức là Dương, cái tĩnh tức là Âm. Âm Dương cũng thuộc hình nhi hạ. Chu Hi nói: «Hễ nói đến Khí 氣 tức là nói đến sự vật cụ thể; nó gọi là hình nhi hạ.» (Ký viết Khí tiện thị hữu cá vật sự; thử vị hình nhi hạ giả 既曰氣便有個物事;此謂形而下者). Các Lý của động tĩnh thuộc hình nhi thượng thì không động cũng không tĩnh, cho nên trên đây nói «không thể lấy động và tĩnh mà nói về chúng».

Mỗi một sự vật không những có đủ cái Lý để nó trở thành như thế, mà trong nó còn có đủ toàn thể Thái Cực. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Hỏi: "Chương Lý-Tính-Mệnh [trong *Thông Thư* của Chu Đôn Di] chú thích rằng: 'Từ gốc của nó đến ngọn, thực chất là một Lý nhưng vạn vật phân nó ra để làm thể. Cho nên vạn vật mỗi thứ đều có một Thái Cực.' Như thế thì Thái Cực có sự phân cắt ra hay sao?" Đáp: "Cơ bản là chỉ có một Thái Cực thôi, nhưng vạn vật mỗi thứ đều có sự bẩm thụ, rồi tự mỗi thứ có đầy đủ một Thái Cực. Giống như trăng trên trời chỉ có một mà thôi, nhưng nó soi sáng khắp sông hồ, tuỳ theo nơi mà hiện, nhưng không thể

---

[19] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trịnh Tử Thượng Thư): «Vấn: "Thái Cực Đồ viết: [...] Thái Cực động nhi sinh Dương, động cực nhi tĩnh; tĩnh nhi sinh Âm. Thái Cực Lý dã, Lý như hà động tĩnh? Hữu hình tắc hữu động tĩnh; Thái Cực vô hình, khủng bất khả dĩ động tĩnh ngôn. Nam Hiên vân: Thái Cực bất năng vô động tĩnh, vi đạt kỳ ý." Viết: "Lý hữu động tĩnh, cố Khí hữu động tĩnh. Nhược Lý vô động tĩnh, tắc Khí hà tự nhi hữu động tĩnh hồ?"»** 問：“太極圖曰：[...] 太極動而生陽，動極而靜；靜而生陰。太極理也，理如何動靜？有形則有動靜；太極無形，恐不可以動靜言。南軒云：太極不能無動靜，未達其意。” 曰：“理有動靜，故氣有動靜。若理無動靜，則氣何自而有動靜乎？”

[20] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Hữu giả động chi Lý, tiện năng động nhi sinh Dương; hữu giả tĩnh chi Lý, tiện năng tĩnh nhi sinh Âm. Ký động, tắc Lý hựu tại động chi trung; ký tĩnh, tắc Lý hựu tại tĩnh chi trung. Viết: Động tĩnh thị Khí dã, hữu thử Lý vi Khí chi chủ, Khí tiện năng như thử phủ? Viết: Thị dã.»** 有這動之理，便能動而生陽；有這靜之理，便能靜而生陰。既動，則理又在動之中；既靜，則理又在靜之中。曰：動靜是氣也，有此理爲氣之主，氣便能如此否？曰：是也。

nói mặt trăng đã bị phân cắt."»[21]

Do đó, trong tất cả sự vật, ngoài cái Lý khiến cho mỗi thứ trở nên như thế, còn có một Thái Cực, tức là toàn thể các Lý. Cái Thái Cực trong một vật không phải là một phần được cắt ra từ Thái Cực, mà nó chính là Thái Cực, giống như mặt trăng soi chiếu y nhau trên vạn con sông, nhưng chỉ có một mặt trăng mà thôi. Đó là cái mà Hoa Nghiêm Tông gọi là «cảnh giới cái lưới của thần Indra». Nó cũng tương tự thuyết của Thiên Thai Tông cho rằng mỗi sự vật đều là toàn thể Như Lai tạng, mà trong đó có đầy đủ tính của mọi pháp (nhất nhất pháp tính). Ở điểm này, Chu Hi chịu ảnh hưởng của Hoa Nghiêm Tông và Thiên Thai Tông. Tuy nhiên, cái cảnh giới mà Hoa Nghiêm Tông gọi là «cái lưới của thần Indra» chính là trong một sự vật cụ thể hàm chứa tất cả sự vật cụ thể. Còn cái mà Thiên Thai Tông gọi là «nhất nhất pháp tính» tức là tiềm năng của mỗi sự vật. Chu Hi nói mỗi một sự vật cụ thể đều có một Thái Cực, tức là cái Lý của mọi sự vật. Cái Lý của mọi sự vật này không hề là mọi sự vật, cũng không phải là tiềm năng của mọi sự vật. Cái Lý của một loại sự vật vì sao mà đồng thời có thể xuất hiện ở trong mọi cá thể thuộc loại sự vật ấy? Điểm này Chu Hi chưa hề nói rõ. Chúng ta có thể suy ra từ ẩn dụ «nguyệt ấn vạn xuyên» 月印萬川 (trăng in bóng trên vạn con sông) của Chu Hi.

2. Khí

Trong thế giới của hình nhi thượng chỉ có Lý. Còn sự cấu thành sự vật trong thế giới cụ thể của hình nhi hạ thì phải dựa vào Khí 氣. Lý là cái mà triết học Hi Lạp gọi là *form* (hình thức), còn Khí là cái mà triết học Hi Lạp gọi là *matter* (tài liệu hay chất liệu).

Chu Hi nói: «Giữa trời đất có Lý 理 và có Khí 氣. Lý là Đạo thuộc hình nhi thượng, là gốc sinh ra vạn vật. Khí 氣 là Khí 器 (khí vật, vật chất) thuộc hình nhi hạ, là công cụ sinh ra vạn vật. Do đó khi được sinh ra, người và vật phải bẩm thụ cái Lý này, rồi sau mới có tính; phải bẩm

[21] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Lý Tính Mệnh chương chú vân: 'Tự kỳ bản nhi chi mạt, tắc nhất Lý chi thực, nhi vạn vật phân chi dĩ vi thể, cố vạn vật các hữu nhất Thái Cực.' Như thử, tắc thị Thái Cực hữu phân liệt hồ?" Viết: "Bản chỉ thị nhất Thái Cực, nhi vạn vật các hữu bẩm thụ, hựu tự các toàn cụ nhất Thái Cực nhĩ. Như nguyệt tại thiên, chỉ nhất nhi dĩ; cập tán tại giang hồ, tắc tuỳ xứ nhi kiến (hiện), bất khả vị nguyệt dĩ phân dã."» 問："理性命章註云：'自其本而之末，則一理之實，而萬物分之以爲體，故萬物各有一太極.' 如此，則是太極有分裂乎？" 曰："本只是一太極，而萬物各有稟受，又自各全具一太極爾.如月在天，只一而已；及散在江湖，則隨處而見(現)，不可謂月已分也."

thụ cái Khí 氣 này, rồi sau mới có hình.»[22]

Chu Hi lại nói: «Có lẽ Khí này tuỳ thuộc vào Lý mà hoạt động. Khi Khí này ngưng tụ, thì Lý cũng ở tại đó. Khí có thể ngưng kết và tạo tác, nhưng Lý thì không tình ý, không toan tính, không tạo tác. Chỗ nào Khí này ngưng tụ thì Lý ở trong đó. Hơn nữa, trong trời đất có người, vật, cây cỏ, cầm thú, sự sinh ra chúng đều thông qua truyền giống. Không có sự truyền chủng thì không có sự vật nào sinh ra được. Điều này đều do Khí. Còn Lý chỉ là một thế giới bao la và trong sạch, không có hình tích, nên không thể tạo tác. Khí 氣 thì có thể tác dụng dần dần và ngưng tụ sinh ra vật. Chỉ khi có Khí này, thì Lý ở trong đó.»[23]

Thế giới của Lý là thế giới bao la, trong sạch, và không có hình tích. Ở trong đó, Lý không tình ý, không toan tính, không tạo tác. Do đó Lý vượt trên không gian và thời gian mà tồn tại vĩnh cửu. Còn cái thế giới cụ thể thì do Khí 氣 tạo tác, mà sự tạo tác này phải dựa vào Lý. Thí dụ con người lấy vật liệu như gạch, đá, gỗ, ngói, v.v... để xây dựng một ngôi nhà. Các vật liệu xây dựng ấy chính là Khí 器 thuộc hình nhi hạ, là công cụ để kiến trúc ngôi nhà. Còn hình thức của ngôi nhà chính là Lý thuộc hình nhi thượng, là gốc để kiến trúc ngôi nhà. Khi ngôi nhà hoàn tất, thì Lý (tức là hình thức của ngôi nhà) cũng ở tại ngôi nhà đó.

Nói theo lô-gic thì Lý có một thế giới riêng; nói theo thực tế thì Lý nằm trong sự vật cụ thể. Chu Hi nói: «"Lý được phát hiện trong Khí 氣 như thế nào?" Đáp: "Thí dụ như Âm Dương và ngũ hành tương tác nhau nhưng không mất trật tự, đấy là do Lý. Nếu Khí không kết tụ, thì Lý

---

[22] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Hoàng Đạo Phu Thư): «Thiên địa chi gian hữu Lý hữu Khí. Lý dã giả, hình nhi thượng chi Đạo dã, sinh vật chi bản dã. Khí dã giả, hình nhi hạ chi Khí dã, sinh vật chi cụ dã. Thị dĩ nhân vật chi sinh, tất bẩm thử Lý, nhiên hậu hữu tính, tất bẩm thử Khí, nhiên hậu hữu hình.» 天地之間有理有氣.理也者,形而上之道也,生物之本也.氣也者,形而下之器也,生物之具也.是以人物之生,必稟此理,然後有性,必稟此氣,然後有形.

[23] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Nghi thử Khí thị y bàng giá Lý hành. Cập thử Khí chi tụ, tắc Lý diệc tại yên. Cái Khí tắc năng ngưng kết tạo tác, Lý khước vô tình ý, vô kế độ, vô tạo tác. Chỉ thử Khí ngưng tụ xứ, Lý tiện tại kỳ trung. Thả như thiên địa gian nhân vật thảo mộc cầm thú, kỳ sinh dã, mạc bất hữu chủng, định bất hội vô chủng tử bạch địa sinh xuất nhất cá vật sự. Giá cá đô thị Khí, nhược Lý tắc chỉ thị cá tịnh khiết không khoát đích thế giới, vô hình tích, tha khước bất hội tạo tác. Khí tắc năng uẩn nhưỡng ngưng tụ sinh vật dã. Đãn hữu thử Khí, tắc Lý tiện tại kỳ trung.» 疑此氣依傍這理行.及此氣之聚,則理亦在焉.蓋氣則能凝結造作,理卻無情意,無計度,無造作.只此氣凝聚處,理便在其中.且如天地間人物草木禽獸,其生也,莫不有種,定不會無種子白地生出一個物事.這個都是氣,若理則只是個淨潔空闊的世界,無形跡,他卻不會造作.氣則能醞釀凝聚生物也.但有此氣,則理便在其中.

cũng không có chỗ để dựa vào."»[24]

Chu Hi lại nói: «Lý tiếp xúc Âm Dương, giống như người cưỡi ngựa vậy.»[25]

Khí 氣 không kết tụ, thì Lý không có chỗ dựa vào; tức là Lý không thể biểu hiện như một vật cụ thể. Trong sự vật cụ thể có trật tự, thì đó chính là chỗ phát hiện Lý ở trong Khí 氣.

Về sự có trước sau của Lý và Khí, Chu Hi nói: «Khi chưa có sự vật ấy thì đã có trước cái Lý của nó. Thí dụ như khi chưa có vua ấy và bầy tôi ấy, thì đã có trước cái Lý giữa vua và bầy tôi. Chưa có cha ấy và con ấy, thì đã có trước cái Lý của cha và con. Không thể nào không có trước Lý, mà phải đợi có vua ấy bầy tôi ấy, cha ấy con ấy, rồi cái Lý của họ mới nhập vào bên trong mối quan hệ đó.»[26]

Chu Hi lại nói: «Thái Cực chỉ là cái Lý của trời đất và vạn vật. Về trời đất mà nói, thì trong trời đất vốn có Thái Cực; về vạn vật mà nói, trong mỗi loài mỗi thứ đều vốn có Thái Cực. Khi chưa có trời đất thì đã có trước cái Lý ấy rồi.»[27]

Chu Hi lại nói: «Khi chưa có trời đất thì đã có trước cái Lý ấy rồi. Có Lý ấy rồi mới có trời đất; nếu không có Lý ấy, thì không có trời đất, không có người, không có vật, đều không có gì cả. Có Lý ấy rồi, thì có Khí 氣 lưu hành, sinh ra vạn vật.»[28]

---

[24] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«"Lý tại Khí trung phát hiện xứ như hà?" Viết: "Như Âm Dương ngũ hành thác tổng bất thất điều tự, tiện thị Lý. Nhược Khí bất kết tụ thời, Lý diệc vô sở phụ trứ."»** "理在氣中發現處如何?" 曰："如陰陽五行錯綜不失條緒，便是理．若氣不結聚時，理亦無所附著．"

[25] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Lý đáp tại Âm Dương thượng, như nhân khoá mã tương tự.»** 理搭在陰陽上，如人跨馬相似．

[26] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vị hữu giá sự, tiên hữu giá Lý. Như vị hữu quân thần, dĩ tiên hữu quân thần chi Lý; vị hữu phụ tử, dĩ tiên hữu phụ tử chi Lý. Bất thành nguyên vô thử lý, trực đãi hữu quân thần phụ tử, khước tuyền tương đạo lý nhập tại lý điện.»** 未有這事，先有這理．如未有君臣，已先有君臣之理；未有父子，已先有父子之理．不成元無此理，直待有君臣父子，卻旋將道理入在裏面．

[27] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi Lý. Tại thiên địa ngôn, tắc thiên địa trung hữu Thái Cực; tại vạn vật ngôn, tắc vạn vật trung các hữu Thái Cực. Vị hữu thiên địa chi tiên, tất cánh thị tiên hữu thử Lý.»** 太極只是天地萬物之理．在天地言，則天地中有太極；在萬物言，則萬物中各有太極．未有天地之先，畢竟是先有此理．

[28] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vị hữu thiên địa chi tiên, tất cánh dã chỉ thị Lý. Hữu thử Lý, tiện hữu thử thiên địa; nhược vô thử Lý, tiện diệc vô thiên địa, vô nhân vô vật, đô vô cai tái liễu! Hữu Lý, tiện hữu Khí lưu hành, phát dục vạn vật.»** 未有天地之先，畢竟也只是理．有此理，便有此天地；若無此理，便亦無天地，無人無物，都無該載了．有理便有氣流行，發育萬物．

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Hỏi: "Lý có trước hay là Khí 氣có trước?" Đáp: "Lý chưa từng xa lìa Khí. Nhưng Lý thuộc hình nhi thượng, còn Khí thuộc hình nhi hạ. Từ phương diện hình nhi thượng và hình nhi hạ mà nói, lẽ nào chẳng có trước và sau?"»[29]

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Có người hỏi: "Phải có Lý trước, rồi sau có Khí, tại sao?" Đáp: "Điều này vốn không thể nói trước hay sau. Tuy nhiên, muốn suy luận từ đâu nó tới, thì phải nói Lý có trước."»[30]

Theo hệ thống của Chu Hi mà nói, một Lý ắt phải có trước một sự vật cá thể tương ứng nào đó. Bởi vì nếu không có cái Lý này thì sẽ không có sự vật cụ thể ấy. Tuy nhiên, về vấn đề giữa Lý và cái Khí 氣phổ thông, cái nào có trước, thì chúng ta có thể xét theo hai phương diện: (1) Theo sự thực, hễ có Lý tức có Khí 氣; đó gọi là «động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ» 動靜無端,陰陽無始(động tĩnh không có đầu mối, Âm Dương không có khởi đầu). (2) Theo lô-gic, thì ta «phải nói Lý có trước»; bởi vì Lý vượt trên không gian và thời gian mà bất biến, còn Khí 氣ở trong không gian và thời gian mà biến hoá.

Toàn thể Lý là Thái Cực. Chu Liêm Khê nói trong *Thái Cực Đồ Thuyết* rằng «Vô Cực nhi Thái Cực» (Vô Cực cũng là Thái Cực). Chu Hi nói: «Chu Đôn Di sở dĩ gọi nó là Vô Cực, chính vì nó không có nơi chốn cố định, không có hình trạng. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó có trước sự vật hữu hình, nhưng nó chưa từng ngưng lại sau khi sự vật hữu hình đã tồn tại. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó ở ngoài Âm Dương, nhưng nó chưa từng không hoạt động trong Âm Dương. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó quán thông tất cả, nơi nào cũng có nó, nhưng khởi đầu thì không có âm thanh, mùi, ảnh, tiếng dội, để có thể nói về nó.»[31]

---

[29] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vấn: "Tiên hữu Lý, ức tiên hữu Khí?" Viết: "Lý vị thường ly hồ Khí. Nhiên Lý hình nhi thượng giả, Khí hình nhi hạ giả. Tự hình nhi thượng hạ ngôn, khởi vô tiên hậu."»** 問："先有理，抑先有氣?" 曰："理未嘗離乎氣.然理形而上者，氣形而下者.自形而上下言豈無先後."

[30] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Hoặc vấn: "Tất hữu thị Lý, nhiên hậu hữu thị Khí, như hà?" Viết: "Thử bản vô tiên hậu chi khả ngôn. Nhiên tất dục suy kỳ sở tòng lai, tắc tu thuyết tiên hữu thị Lý."»** 或問："必有是理，然後有是氣，如何?" 曰："此本無先後之可言.然必欲推其所從來，則須說先有是理."

[31] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Lục Tử Tĩnh Thư): «Chu Tử sở dĩ vị chi Vô Cực, chính dĩ kỳ vô phương sở, vô hình trạng, dĩ vi tại vô vật chi tiền, nhi vị thường bất lập ư hữu vật chi hậu. Dĩ vi tại Âm Dương chi ngoại, nhi vị thường bất hành hồ Âm Dương chi trung. Dĩ vi thông quán toàn thể, vô hồ bất tải, tắc hựu sơ vô thanh xú ảnh hưởng chi khả ngôn dã.»** 周子所以謂之無極，正以其無方所，無形狀，以爲在無物之前，而未嘗不立於有物之後.以爲在陰陽之外，而未嘗不行乎陰陽之中.以爲通貫全體，無乎不載，則又初無聲臭影響之可言也.

Lời nói trên luôn được Đạo học gia nói để hình dung cái gọi là Đạo. Tuy nhiên theo những gì đã trình bày trên đây thì ta thấy Chu Hi đã bổ sung nhiều vào nội dung đó.[32]

3. Sự sinh thành của trời đất và vạn vật

Trong Thái Cực có cái Lý của động và cái Lý của tĩnh. Khí 氣 nhân các Lý này mà có sự động và tĩnh trong thực tế. Cái động của Khí lưu hành và tạo ra khí Dương, cái tĩnh của Khí ngưng tụ và tạo ra khí Âm. Chu Hi dựa theo *Thái Cực Đồ Thuyết* của Liêm Khê mà nói rằng: «Một động một tĩnh, tương tác làm gốc của nhau, động rồi tĩnh, tĩnh rồi động, mở đóng qua lại, không ngưng nghỉ. Phân ra Âm và Dương, lập thành lưỡng nghi. Lưỡng nghi là trời đất, ý nghĩa của nó khác với ý nghĩa của lưỡng nghi trong quẻ Dịch. [...] [Khi trời đất ở trạng thái] hỗn độn chưa phân, hai khí Âm Dương hỗn hợp và u ám. Khi [trời đất đã] phân ra rồi, ở chính giữa nó phóng ra sự sáng rỡ rộng khắp, và lưỡng nghi bắt đầu thành lập. Thiệu Khang Tiết xem 129.600 năm là một nguyên 元. Vậy thì một chu kỳ 129.600 năm trước là một sự mở ra và đóng lại lớn (nhất cá đại tịch hạp). Trở về trước nữa cũng như thế. Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu. [Trong quy trình bất tận này] cái nhỏ là hình ảnh của cái lớn, như chỉ có thể thấy qua [sự luân phiên của] ngày và đêm. [...] Sự biến đổi của Dương và sự hợp lại của Âm sinh ra thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. Khí Âm Dương là chất liệu sinh ra ngũ hành; trong các vật được sinh ra trong trời đất, thì ngũ hành sinh ra đầu tiên. Đất tức là thổ, thổ thì bao hàm nhiều loại kim và mộc. Giữa cõi trời đất, có việc gì mà không có ngũ hành? Ngũ hành và Âm Dương, bảy thứ này hỗn hợp, thì sinh ra tài liệu cho vạn vật. Ngũ hành phân bố xuôi thuận, bốn mùa vận hành. Kim, mộc, thuỷ, hoả phân ra thuộc xuân, hạ, thu, đông. Thổ thì làm hưng vượng bốn mùa.»[33]

---

[32] **Phùng Hữu Lan chú: Chu Liêm Khê nói: «Thái Cực động nhi sinh Dương, động cực nhi tĩnh; tĩnh nhi sinh Âm.» 太極動而生陽，動極而靜，靜而生陰 (Thái Cực động thì sinh Dương, động cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh Âm). Câu nói này không phù hợp với hệ thống của Chu Hi. Trong hệ thống của Chu Hi, chúng ta chỉ có thể nói rằng Thái Cực có cái Lý của động, do đó Khí động thì thành khí Dương; Thái Cực có cái Lý của tĩnh, do đó Khí tĩnh thì thành khí Âm. Theo hệ thống của Chu Hi mà nói, thì Thái Cực của Liêm Khê cũng thuộc hình nhi hạ. Cho nên câu «Vô Cực nhi Thái Cực» của Liêm Khê quả thực gần với thuyết của Lão Tử (chương 40): «Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.» 天地萬物生於有，有生於無 (Trời đất và vạn vật sinh ra từ hữu, hữu sinh ra từ vô). Lục Tượng Sơn 陸象山 (tức Lục Cửu Uyên 陸九淵, 1139-1193) đã sớm chỉ ra điểm này. Chu Hi tuy dùng thuyết của Liêm Khê, nhưng sự giải thích của ông khác với nguyên ý của Liêm Khê.**

[33] ***Chu Tử Ngữ Loại:* «Nhất động nhất tĩnh, hỗ vi kỳ căn, động nhi tĩnh, tĩnh nhi động, tịch hạp vãng lai, cánh vô hưu tức. Phân Âm phân Dương, lưỡng nghi lập yên. Lưỡng nghi thị thiên địa, dữ hoạch**

Chu Hi xem Âm Dương là Khí 氣, ngũ hành là Chất 質; nên nói: «Âm Dương là Khí, ngũ hành là Chất. Bởi có cái Chất này, nên mới khiến cho sự vật xuất hiện.»[34]

Chu Hi lại nói: «Cái trong trẻo của Khí là Khí, còn cái vẩn đục của nó là Chất.»[35]

Khí 氣 là tài liệu sinh ra sự vật. Trong sự sống của một vật cụ thể, Khí là tài liệu, Lý là hình thức. Danh từ «tài liệu» này, Plato và Aristotle gọi là *matter* (vật chất, vật liệu). Cái gọi là Chất tức là tài liệu có thể thấy được. Chu Hi nói: «Khi trời đất mới khai mở, chỉ có khí Âm và khí Dương. Mỗi khí này vận hành, chà xát tới lui. Chà xát gấp rút thì nó thúc đẩy ra nhiều cặn bã. Chất cặn bã này ở bên trong, không chỗ thoát ra ngoài, bèn kết lại thành đất ở trung ương. Phần trong trẻo của Khí thì làm trời, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, nhưng chỉ ở bên ngoài, và luôn vận chuyển xoay vòng. Đất chỉ ở trung ương và bất động, chứ không ở phía dưới.»[36]

---

quái lưỡng nghi ý tứ hựu biệt. [...] Hồn luân vị phán, Âm Dương chi khí, hỗn hợp u ám. Cập kỳ ký phân, trung gian phóng đắc khoan khoát quang lãng, nhi lưỡng nghi thuỷ lập. Khang Tiết dĩ sthập nhị vạn cửu thiên lục bách niên vi nhất nguyên, tắc thị thập nhị vạn cửu thiên lục bách niên chi tiền, hựu thị nhất cá đại tịch hạp. Cánh dĩ thượng diệc phục như thử. Trực thị động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ. Tiểu giả đại chi ảnh, chỉ trú dạ tiện khả kiến. [...] Dương biến Âm hợp nhi sinh thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. Âm Dương khí dã, sinh thử ngũ hành chi chất, thiên địa sinh vật, ngũ hành độc tiên. Địa tức thị thổ, thổ tiện bao hàm hữa đa kim mộc chi loại. Thiên địa chi gian, hà sự nhi phi ngũ hành? Ngũ hành Âm Dương, thất giả cổn hợp, tiện thị sinh vật đích tài liệu. Ngũ hành thuận bố, tứ thời hành yên. Kim mộc thuỷ hoả phân thuộc xuân hạ thu đông, thổ tắc ký vượng tứ quý.» 一動一靜，互爲其根，動而靜，靜而動，闢闔往來，更無休息．分陰分陽，兩儀立焉．兩儀是天地，與畫卦兩儀意思又別．[...] 渾淪未判，陰陽之氣，混合幽暗．及其既分，中間放得寬闊光朗，而兩儀始立．康節以十二萬九千六百年爲一元，則是十二萬九千六百年之前，又是一個大闢闔．更以上亦復如此．直是動靜無端，陰陽無始．小者大之影，只晝夜便可見．[...] 陽變陰合而生水，火，木，金，土．陰陽氣也，生此五行之質，天地生物，五行獨先．地即是土，土便包含許多金木之類．天地之間，何事而非五行？五行陰陽，七者滾合，便是生物的材料．五行順布，四時行焉．金木水火分屬春夏秋冬，土則寄旺四季．

34 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Âm Dương thị khí, ngũ hành thị chất. Hữu giá chất, sở dĩ tố đắc vật sự xuất lai.» 陰陽是氣，五行是質．有這質，所以做得物事出來．

35 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Khí chi thanh giả vi Khí, trọc giả vi Chất.» 氣之清者爲氣，濁者爲質.

36 *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Thiên địa sơ khai chỉ thị Âm Dương chi khí. Giá nhất cá khí vận hành, ma lai ma khứ, ma đắc cấp liễu, tiện tạt hữa đa tra chỉ; lý diện vô xứ xuất, tiện kết thành cá địa tại trung ương. Khí chi thanh giả tiện vi thiên, vi nhật nguyệt, vi tinh thần, chỉ tại ngoại, thường chu hoàn vận chuyển. Địa tiện chỉ tại trung ương bất động, bất thị tại hạ.»** 天地初開只是陰陽之氣．這一個氣運行，磨來磨去，磨得急了，便拶許多渣滓；裏面無處出，便結成個地在中央．氣之清者便爲天，爲日月，爲星辰，只在外，常周環運轉．地便只在中央月動，月是在下．

Cái gọi là đất tức là cặn bã. Khi cặn bã bị thúc ép ra, lúc đầu thì tinh tế sau đó thì thô kệch. Chu Hi nói: «Đại khái, trong sự sinh ra vạn vật trong vũ trụ thì cái trong và nhẹ sinh trước, cái nặng và đục sinh sau. "*Trước tiên, ở trời, nước sinh ra; rồi thứ nhì, ở trên đất, lửa sinh ra.*" Trong ngũ hành thì hai vật ấy (tức thuỷ và hoả) là trong trẻo nhất và nhẹ nhàng nhất; kim và mộc thì nặng hơn thuỷ và hoả, còn thổ thì lại nặng hơn kim và mộc.»[37]

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Lúc khởi đầu, trời đất còn hỗn độn chưa phân ra. Tôi nghĩ rằng chỉ có hai thứ nước và lửa. Cặn cáu của nước lắng thành đất. Nay lên trên cao mà quan sát, chúng ta thấy các rặng núi có tình trạng chập chùng giống như sóng nước. Đó là do nước trôi dạt mà như thế. Có điều chúng ta không biết cái cặn cáu ấy ngưng kết hồi nào, chỉ biết lúc đầu thì nó rất mềm, về sau thì nó rất cứng. Có người hỏi: "Thầy có nghĩ rằng nó tương tự cách thức thuỷ triều đẩy cát lên?" Đáp: "Đúng vậy. Cái rất nặng đục của nước thì thành đất. Cái rất trong trẻo của lửa thì thành các thứ như gió, sấm, chớp, mặt trời, các ngôi sao."»[38]

Ở đây Chu Hi nói trong ngũ hành thì thuỷ và hoả sinh ra trước, kế đó là kim và mộc, sau cùng là thổ. Có thổ thì tạo thành trái đất, cấu thành thế giới cụ thể. Cái thế giới cụ thể này cũng là một Khí 器 (khí vật), tức cũng là một vật cụ thể. Mà vật cụ thể thì có thành có huỷ, nên thế giới cụ thể này cũng có tạo thành và có huỷ diệt. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Trước khi có Thái Cực, phải có một thế giới; giống y như đêm tối của hôm qua và ban ngày của hôm nay vậy. [Sự tương tác giữa] Âm Dương cũng là một sự đóng lại và mở ra lớn. Có người lại hỏi: "Nay chúng ta suy luận tình trạng trước khi có Thái Cực là như thế, từ nay về sau cũng lại có trường hợp như thế không?" Đáp: "Cố nhiên. Trình Tử nói: 'Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu.'

---

37 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Đại để thiên địa sinh vật, tiên hữu khinh thanh dĩ cập trọng trọc. "Thiên nhất sinh thuỷ, địa nhị sinh hoả", nhị vật tại ngũ hành trung tối khinh thanh; kim mộc phục trọng ư thuỷ hoả, thổ hựu trọng ư kim mộc.» 大抵天地生物，先有輕清以及重濁. "天一生水，地二生火"，二物在五行中最輕清；金木復重於水火，土又重於金木.

38 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thiên địa thuỷ sơ, hỗn độn vị phân thời, tưởng chỉ hữu thuỷ hoả nhị giả. Thuỷ chi tra chi tiện thành địa. Kim đăng cao nhi vọng, quần sơn giai vi ba lãng chi trạng, tiện thị thuỷ phiếm như thử. Chỉ bất tri nhân thậm ma thời ngưng liễu, sơ gian cực nhuyễn, hậu lai phương ngưng đắc ngạnh. Vấn: "Tưởng đắc như triều thuỷ dũng khởi sa tương tự?" Viết: "Nhiên. Thuỷ chi cực trọc tiện thành địa, hoả chi cực thanh tiện thành phong đình lôi điện nhật tinh chi thuộc."» 天地始初，混沌未分時，想只有水火二者．水之渣滓便成地．今登高而望，群山皆爲波浪之狀，便是水泛如此．只不知因甚麼時凝了，初間極軟，後來方凝得硬．問："想得如潮水湧起沙相似？"曰："然．水之極濁便成地，火之極清便成風霆雷電日星之屬．"

Lời này thấy rất rõ ràng."»[39]

Chu Tử Ngữ Loại còn chép: «Hỏi: "Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu, [nghĩa là sao?]" Đáp: "Có nghĩa là chúng ta không thể nói rằng [sự tương tác giữa Âm Dương] có khởi đầu. Bởi vì trước "cái khởi đầu" đó thì đã có một cái gì đó rồi. Chính trong cách thức đó mà toàn thể vũ trụ một khi đã được tạo ra rồi thì sau đó bị huỷ diệt; rồi lại được tái tạo trở lại. Cái [quy trình] đó làm sao mà cùng tận cho được?"»[40]

Câu nói lạ lùng «trước khi có Thái Cực» ở đây ý nói «trước khi có thế giới cụ thể». Trước khi thế giới cụ thể này được tạo thành thì đã có một thế giới cụ thể khác rồi. Sau khi cái thế giới cụ thể này đã hoại rồi thì sẽ có một thế giới cụ thể mới. Tuần hoàn như vậy mãi không thôi.[41]

Trong thế giới cụ thể này, sự sinh ra của mỗi loài sinh vật đều bắt đầu bằng *khí hoá* 氣化 rồi sau đó là *hình sinh* 形生.

Chu Hi nói về *khí hoá* 氣化 rằng: «Thuở ban đầu của vũ trụ, nhân loại được tạo ra như thế nào? Tự Khí ấy chưng kết thành hai cá nhân. [...] Mỗi cá nhân ấy giống như con rận trên thân người hiện nay, nó tự nhiên

---

[39] ***Chu Tử Ngữ Loại*: «Thái Cực chi tiền, tu hữu thế giới lai, chính như tạc nhật chi dạ, kim nhật chi trú nhĩ. Âm Dương diệc nhất đại hạp tịch đã. Hựu vấn: "Kim suy Thái Cực dĩ tiền như thử, hậu lai hựu tu như thử." Viết: "Cố nhiên. Trình Tử vân: 'Động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ.' Thử ngữ kiến đắc phân minh."»** 太極之前，須有世界來，正如昨日之夜，今日之晝耳。陰陽亦一大闔闢也。又問："今推太極以前如此，後來又須如此？"曰："固然。程子云：'動靜無端，陰陽無始。'此語見得分明。"

[40] ***Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ". Viết: "Giá bất khả thuyết đạo hữu cá thuỷ. Tha ná hữu thuỷ chi tiền, tất cánh thị cá thậm ma. Tha tự thị tố nhất phiên thiên địa liễu, hoại liễu hậu, hựu nhẫm địa tố khởi lai, ná cá hữu thậm cùng tận."»** 問："動靜無端，陰陽無始。"曰："這不可說道有個始。他那有始之前，畢竟是個甚麼。他自是做一番天地了，壞了後，又恁地做起來，那個有甚窮盡。"

[41] **Phùng Hữu Lan chú: Trong *Chu Tử Ngữ Loại* chép một câu khác với ý kiến trên đây: «Hỏi: "Từ khai thiên lập địa đến nay chưa đầy một ngàn năm, chẳng biết trước đó vũ trụ thế nào?" Đáp: "Trước đó vũ trụ cũng rõ ràng sáng sủa như thế này." Lại hỏi: "Trời đất có thể hoại diệt không?" Đáp: "Không thể hoại diệt. Nhưng rồi sẽ đến lúc nhân loại trở nên hết sức vô đạo, bấy giờ đồng loạt bị rơi vào tình trạng hỗn độn, người và vật đều bị tận diệt, để tái tạo một thế giới mới."» (Vấn: "Tự khai tịch dĩ lai, chí kim vị vạn niên, bất tri dĩ tiền như hà?" Viết: "Dĩ tiền diệc tu như thử nhất phiên minh bạch lai." Hựu vấn: "Thiên địa hội hoại phủ?" Viết: "Bất hội hoại. Chỉ thị tương tương nhân vô đạo cực liễu, tiện nhất tề đả hợp, hỗn độn nhất phiên, nhân vật đô tận, hựu trùng tân khởi.")** 問："自開闢以來，至今未萬年，不知以前如何？"曰："以前亦須如此一番明白來。"又問："天地會壞否？"曰："不會壞，只是相將人無道極了，便一齊打合，混沌一番，人物都盡，又重新起。") Ở đây nói trời đất không bị hoại diệt mà chỉ có người và vật bị tiêu diệt thôi. Ý này khác với các ý đã nêu trên.

mà biến hoá ra.»[42]

Chu Hi nói về *hình sinh* 形生 rằng: «Khí hoá là một cá nhân ban đầu không có sự truyền giống, mà tự sinh ra. Hình sinh tức là sau khi có một cá nhân ấy rồi, thì các cá nhân [truyền giống với nhau] sinh ra hoài không dứt.»[43]

Nguồn gốc nhân loại là như thế, mà nguồn gốc các chủng loại sinh vật khác thì cũng như thế.

4. Tính của người và tính của vật

Chu Hi nói: «Con người sở dĩ sinh ra, là do Lý hợp với Khí mà thôi. Thiên Lý thì mênh mang không cùng. Tuy nhiên, nếu không có Khí ấy, dù có Lý thì Lý ấy cũng không có chỗ bám vào. Cho nên hai khí Âm Dương giao cảm, ngưng kết sinh tụ, rồi sau Lý ấy có chỗ nương vào. Con người có ngôn ngữ, động tác, suy nghĩ, mưu tính, đều do Khí cả, còn Lý thì nằm ở trong Khí.»[44]

Lý hợp với Khí thì thành cá nhân cụ thể. Trong Khí có Lý, đó là tính 性. Không chỉ con người có tính mà sự vật cũng có tính nữa. Trạm Nhiên (711-782) của Thiên Thai Tông gọi là «vô tình hữu tính» 無情有性 (ngay cả sự vật vô tình cũng có tính).[45] Về điểm này có lẽ Chu Hi chịu ảnh hưởng của Trạm Nhiên, ông nói: «Trong thiên hạ chẳng có vật nào mà không có tính. Hễ có vật ấy, thì có tính ấy; hễ không có vật ấy, thì không có tính ấy.»[46]

Tính của một vật tức là Lý của vật đó. *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Tại sao

---

[42] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thiên địa chi sơ, như hà thảo cá nhân chủng. Tự thị khí chưng kết thành lưỡng cá nhân. [...] Ná cá cá nhân tiện như nhi kim nhân thân thượng sắt, thị tự nhiên biến hoá xuất lai.»** 天地之初，如何討個人種。自是氣蒸結成兩個人。[...] 那個個人便如而今人身上蝨，是自然變化出來.

[43] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Khí hoá thị đương sơ nhất cá nhân vô chủng, hậu tự sinh xuất lai để. Hình sinh khước thị hữu thử nhất cá nhân, hậu nãi sinh sinh bất cùng để.»** 氣化是當初一個人無種，後自生出來底。形生卻是有此一個人，後乃生生不窮底.

[44] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Nhân chi sở dĩ sinh, Lý dữ Khí hợp nhi dĩ. Thiên Lý cố hạo hạo bất cùng, nhiên phi thị Khí, tắc tuy hữu thị Lý nhi vô sở thấu bạc. Cố tất nhị Khí giao cảm, ngưng kết sinh tụ, nhiên hậu thị Lý hữu sở phụ trứ. Phàm nhân chi năng ngôn ngữ động tác, tư lự doanh vi, giai Khí dã, nhi Lý tồn yên.»** 人之所以生，理與氣合而已。天理固浩浩不窮，然非是氣，則雖有是理而無所湊泊。故必二氣交感，凝結生聚，然後是理有所附著。凡人之能言語動作，思慮營爲，皆氣也，而理存焉.

[45] **Xin xem lại Chương 9 (tiết 1, mục 9) của quyển 2.**

[46] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thiên hạ vô vô tính chi vật. Cái hữu thử vật, tắc hữu thử tính; vô thử vật, tắc vô thử tính.»** 天下無無性之物。蓋有此物，則有此性；無此物，則無此性.

vật khô héo cũng có tính?" Đáp: "Là vì ngay từ đầu chúng đã có Lý."»[47]

Ngữ Lục cũng chép: «Hỏi: "Tôi từng thấy thầy trả lời thư của Dư Phương Thúc rằng vật khô héo cũng có Lý. Tôi không biết tại sao vật khô héo, ngói, đá sỏi cũng có Lý?" Đáp: "Thí dụ các vị thuốc như đại hoàng và phụ tử cũng là thứ khô héo. Nhưng đại hoàng không thể là phụ tử, phụ tử không thể là đại hoàng."»[48]

Trên đây đã nói rằng một vật có một Thái Cực. Trong mỗi một vật đều có toàn thể Thái Cực. Trong một vật, cái Lý khiến vật đó phải ra vật đó có thể biểu hiện; nhưng toàn thể Thái Cực thì không thể biểu hiện được bởi vì cái Khí 氣 mà vật ấy bẩm thụ đã che lấp Thái Cực.

Ngữ Lục chép: «Hỏi: "Người và vật đều bẩm thụ Lý của trời đất mà có tính, đều bẩm thụ Khí 氣 của trời đất mà có hình. [...] Ở vật mà nói, tôi không biết cái Lý mà vật bẩm thụ là bất toàn, hay là do sự che lấp tối tăm của khí bẩm nên vật mới ra như thế?" Đáp: "Đơn giản là cái Khí mà vật bẩm thụ bị hạn chế, nên cái Lý tương ứng của nó cũng bị hạn chế. Thí dụ như chó và ngựa, hình và khí của chúng như thế, nên chúng chỉ có thể được như thế." Lại hỏi: "Mỗi vật đều có đủ một Thái Cực, tức là Lý ấy không bất toàn?" Đáp: "Nói nó là hoàn toàn cũng được; nói nó là thiên lệch cũng được. Lấy Lý mà nói, thì nó không bất toàn; lấy Khí mà nói, thì nó không thể không thiên lệch."»[49]

Chu Hi nói: «Từ một Khí mà nói, thì người và vật đều nhận lĩnh Khí ấy mà sinh ra; từ phương diện tinh và thô mà nói, thì người được cái

---

[47] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vấn: "Khô cảo chi vật diệc hữu tính thị như hà?" Viết: "Thị tha hợp hạ hữu thử Lý."»** 問：“枯槁之物亦有性是如何？”曰：“是他合下有此理。”

[48] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vấn: "Tằng kiến đáp Dư Phương Thúc thư, dĩ vi khô cảo hữu Lý. Bất tri khô cảo ngoã lịch, như hà hữu Lý?" Viết: "Thả như đại hoàng, phụ tử, diệc thị khô cảo. Nhiên đại hoàng bất khả vi phụ tử, phụ tử bất khả vi đại hoàng."»** 問：“曾見答余方叔書，以爲枯槁有理。不知枯槁瓦礫，如何有理？”曰：“且如大黃，附子，亦是枯槁，然大黃不可爲附子，附子不可爲大黃。”

[49] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vấn: "Nhân vật giai bẩm thiên địa chi Lý dĩ vi tính, giai thụ thiên địa chi Khí dĩ vi hình. [...] Nhược tại vật ngôn chi, bất tri thị sở bẩm chi Lý tiện hữu bất toàn da, diệc thị duyên Khí bẩm chi hôn tế cố như thử da?" Viết: "Duy kỳ sở thụ chi Khí chỉ hữu hứa đa, cố kỳ Lý diệc chỉ hữu hứa đa. Như khuyển mã, tha giá hình Khí như thử, cố chỉ hội đắc như thử sự." Hựu vấn: "Vật vật cụ nhất Thái Cực, tắc thị Lý vô bất toàn dã." Viết: "Vị chi toàn diệc khả, vị chi thiên diệc khả. Dĩ Lý ngôn chi, tắc vô bất toàn; dĩ Khí ngôn chi, tắc bất năng vô thiên."»** 問：“人物皆稟天地之理以爲性，皆受天地之氣以爲形。[...] 若在物言之，不知是所稟之理便有不全耶？亦是緣氣稟之昏蔽故如此耶？”曰：“惟其所受之氣只有許多，故其理亦只有許多。如犬馬，他這形氣如此，故只會得如此事。”又問：“物物具一太極，則是理無不全也。”曰：“謂之全亦可，謂之偏亦可。以理言之，則無不全；以氣言之，則不能無偏。”

ngay ngắn và thông suốt của Khí ấy, vật có được cái thiên lệch và bị bế tắc của Khí ấy. Chỉ có người đạt được cái ngay ngắn của Khí ấy, nên Lý ấy thông suốt và không bị bế tắc; vật có được cái thiên lệch của Khí ấy, nên Lý ấy bế tắc và không tri giác. [...] Loài có tri giác trong vạn vật chẳng qua là có được một con đường thông suốt, thí dụ như con quạ biết hiếu, con rái cá biết cúng tế; còn con chó chỉ biết giữ nhà, trâu bò chỉ biết cày ruộng mà thôi.»[50]

Cái Khí mà vật nhận lĩnh vốn chẳng bất toàn, nhưng sự bẩm thụ Khí bị thiên lệch và bế tắc, cho nên Lý không thể hoàn toàn hiển hiện, mà có vẻ thiên lệch. «Như ở chó và ngựa, hình và khí của chúng như thế, nên chúng chỉ có thể được như thế.» Tức là cái Lý khiến chúng thành chó và ngựa có được sự biểu hiện. Khi Chu Hi nói «cái Khí mà vật bẩm thụ bị hạn chế, nên cái Lý tương ứng của nó cũng bị hạn chế», thì dựa theo hệ thống của ông chúng ta hiểu ông muốn nói rằng Lý cũng chỉ có thể biểu hiện theo sự hạn chế của Khí mà thôi.

Về nguyên nhân của cái ác trong thế giới cụ thể này, *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Lý chẳng phải bất thiện, nhưng tại sao Khí có sai biệt giữa trong và đục?" Đáp: "Bởi vì nếu chỉ nói đến Khí, thì tự nó có lạnh có nóng, có thơm có thối."»[51]

Ngữ Lục cũng chép: «Hai khí Âm Dương và ngũ hành thoạt đầu chưa từng bất chính. Chỉ vì chúng lộn lạo tới lui mà trở nên bất chính.»[52]

Lý thì hoàn toàn và chí thiện, nhưng khi thực hiện ở Khí thì nó bị

---

[50] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Tự nhất khí nhi ngôn chi, tắc nhân vật giai thụ thị Khí nhi sinh; tự tinh thô nhi ngôn, tắc nhân đắc kỳ Khí chi chính thả thông giả, vật đắc kỳ Khí chi thiên thả tắc giả. Duy nhân đắc kỳ chính, cố thị Lý thông nhi vô sở tắc; vật đắc kỳ thiên, cố thị Lý tắc nhi vô sở tri. [...] Vật chi gian hữu tri giả, bất quá chỉ thông đắc nhất lộ, như ô chi tri hiếu, thát chi tri tế, khuyển đãn năng thủ ngự, ngưu đãn năng canh nhi dĩ.» 自一氣而言之，則人物皆受是氣而生；自精粗而言，則人得其氣之正且通者，物得其氣之偏且塞者。惟人得其正，故是理通而無所塞；物得其偏，故是理塞而無所知。[...] 物之間有知者，不過只通得一路，如烏之知孝，獺之知祭，犬但能守禦，牛但能耕而已。– LAM chú: Người Trung Quốc cho rằng con quạ biết đem mồi nuôi cha mẹ nó. Rái cá biết cúng tế thần, điều này được chép trong *Lễ Ký* (Nguyệt Lệnh): «Đông phong giải đống, trập trùng thuỳ chấn, ngư thượng băng, thát tế ngư, hồng nhạn lai.» 東風解凍，蟄蟲始振，魚上冰，獺祭魚，鴻雁來 (Gió đông làm tan băng, loài trùng ngủ đông bắt đầu cựa mình, cá nhảy lên mặt băng, rái cá bắt cá tế thần, vịt trời bay về).

[51] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Lý vô bất thiện, tắc Khí hồ hữu thanh trọc chi thù?" Viết: "Tài thuyết trứ Khí, tiện tự hữu hàn hữu nhiệt, hữu hương hữu xú."» 問："理無不善，則氣胡有清濁之殊？"曰："才說著氣，便自有寒有熱，有香有臭。"

[52] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Nhị khí ngũ hành, thuỷ hà thường bất chính. Chỉ cổn lai cổn khứ, tiện hữu bất chính.» 二氣五行，始何嘗不正。只滾來滾去，便有不正。

Khí làm vướng bận, cho nên nó không thể hoàn toàn. Thí dụ như khái niệm «tròn» thì vốn là tròn trịa hoàn toàn nhưng khi thực hiện ở vật chất để tạo thành một vật cụ thể hình tròn thì sự tròn trịa của nó không thể là một sự tròn trịa tuyệt đối. Sự không hoàn toàn của thế giới thực tế đều do Khí làm cho vướng bận.

Khí 氣 là như thế, cho nên con người có kẻ bẩm thụ phần trong trẻo của Khí, có kẻ bẩm thụ phần vẩn đục của Khí. Chu Hi nói: «Về sự bẩm thụ của con người mà nói, thì có sự khác biệt giữa u tối và sáng láng, trong trẻo và vẩn đục.»[53]

Người được phú bẩm phần trong trẻo sáng láng của Khí thì thành bậc thánh nhân, kẻ được phú bẩm phần u tối và vẩn đục của Khí thì thành hạng ngu xuẩn. Lý thuyết ấy của Chu Hi có thể giải quyết hoàn toàn vấn đề «tính thiện và tính ác» vốn được Nho gia tranh luận kể từ Mạnh Tử và Tuân Tử đến nay.

Ngữ Lục chép: «Hoàng Đạo Phu hỏi: "Ai bắt đầu đưa ra thuyết về khí chất?" Đáp: "Thuyết về khí chất phát khởi từ Trương Tái và Nhị Trình, rất quan trọng đối với cửa thánh, và có sự bồi bổ cho kẻ hậu học. Đọc thuyết ấy khiến người ta hết sức cảm kích Trương Tái và Nhị Trình, vì trước đó chưa ai từng nói như thế. Thí dụ như Hàn Dũ (tức Thoái Chi), trong bài *Nguyên Tính* đã nói đến tam phẩm (ba tầng bậc của tính). Nói vậy cũng đúng, nhưng chưa hề nói rõ ràng cái đó là tính khí chất. Tính ở chỗ nào mà có ba tầng bậc vậy? Mạnh Tử nói tính thiện, nhưng chỉ nói được gốc gác của nó, chứ chưa hề nói đến tính khí chất. Như thế cũng chưa phân biệt rõ ràng. Các triết gia khác thì nói tính ác hoặc nói trong tính có lẫn lộn thiện và ác. Giá mà thuyết của Trương Tái và Nhị Trình sớm xuất hiện, thì mấy thứ lý thuyết ấy chẳng cần phải tranh nhau làm gì. Cho nên khi thuyết của Trương Tái và Nhị Trình thành lập rồi, thì thuyết của các triết gia khác bị vất bỏ. Nhân đây nêu ra lời của Trương Hoành Cừ: 'Có hình rồi sau mới có cái tính của khí chất. Lấy điều thiện để quay về nó thì bản tính của trời đất còn giữ được. Cho nên cái tính của khí chất là cái mà bậc quân tử không nhận là bản tính của mình.' Lại nêu ra lời của Trình Minh Đạo rằng: 'Luận về tính mà không luận về Khí, thế là không đủ; luận về Khí mà không luận về tính, thế là không rõ. Hai việc ấy đều không đúng.' Hơn nữa, nếu như nói rằng nhân 仁, nghĩa 義, lễ 禮, trí 智 là tính, thế thì tại sao trên đời lại có kẻ chẳng ra cái thứ gì? Đó chỉ là do sự khí bẩm mà như thế. Nếu ta không luận về Khí ấy, thì đạo lý ấy sẽ không trọn

[53] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Tựu nhân chi sở bẩm nhi ngôn, hựu hữu hôn minh thanh trọc chi dị.» 就人所稟之言，又有昏明清濁之異.

vẹn, cho nên thiếu sót. Nhưng nếu chỉ luận về khí bẩm, thì có người thiện, có người ác; trong khi đó không luận về chỗ khởi nguyên chỉ có đạo lý ấy; thì như vậy lại không rõ ràng. kể từ Khổng Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử hiểu được đạo lý ấy rồi, về sau [mãi đến Trương Tái và Nhị Trình] chẳng có ai nói đến đạo lý ấy nữa." Khiêm Chi hỏi: "Khí của trời đất đang lúc nhá nhem sáng tối, thì Lý của trời đất cũng có theo đó mà nhá nhem sáng tối không?" Viết: "Lý không thay đổi, chỉ có Khí mới thay đổi như thế."»[54]

Ở đây tuy Chu Hi nói là thuật lại thuyết của Trương Tái và Nhị Trình, nhưng tính của khí chất mà Chu Hi giảng lại căn cứ trên hệ thống triết học của Chu Hi, và hoàn chỉnh hơn thuyết của Trương Tái và Nhị Trình.

Trên đây, Chu Hi nói: «Con người có ngôn ngữ, động tác, suy nghĩ, mưu tính, đều do Khí cả.» *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Chỗ linh diệu [của con người] là tâm, hay là tính?" Đáp: "Chỗ linh diệu [của con người] chỉ là

---

[54] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Đạo Phu vấn: "Khí chất chi thuyết, thuỷ ư hà nhân?" Viết: "Thử khởi ư Trương Trình. Mỗ dĩ vi cực hữu thiết ư thánh môn, hữu bổ ư hậu học. Độc chi sử nhân thâm hữu cảm ư Trương Trình, tiền thử vị tằng hữu nhân thuyết đáo thử. Như Hàn Thoái Chi Nguyên Tính trung thuyết tam phẩm, thuyết đắc dã thị, đãn bất tằng phân minh thuyết thị khí chất chi tính nhĩ. Tính ná lý hữu tam phẩm lai? Mạnh Tử thuyết tính thiện, đãn thuyết đắc bản nguyên xứ, hạ diện khước bất tằng thuyết đắc khí chất chi tính, sở dĩ diệc phí phân sơ. Chư tử thuyết tính ác dữ thiện ác hỗn. Sử Trương Trình chi thuyết tảo xuất, tắc giá hứa đa thuyết thoại, tự bất dụng phân tranh. Cố Trương Trình chi thuyết lập, tắc chư tử chi thuyết mẫn hĩ. Nhân cử Hoành Cừ: 'Hình nhi hậu hữu khí chất chi tính. Thiện phản chi, tắc thiên địa chi tính tồn yên. Cố khí chất chi tính, quân tử hữu phất tính giả yên.' Hựu cử Minh Đạo vân: 'Luận tính bất luận Khí, bất bị; luận Khí bất luận tính, bất minh. Nhị chi tắc bất thị.' Thả như chỉ thuyết cá nhân, nghĩa, lễ, trí thị tính, thế gian khước hữu sinh xuất lai tiện vô trạng để thị như hà? Chỉ thị khí bẩm như thử. Nhược bất luận ná Khí, giá đạo lý tiện bất chu tạp, sở dĩ bất bị. Nhược chỉ luận khí bẩm, giá cá thiện, giá cá ác, khước bất luận ná nhất nguyên xứ chỉ thị giá cá đạo lý, hựu khước bất minh. Thử tự Khổng Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử lý hội đắc hậu, dã vô nhân thuyết giá đạo lý." Khiêm Chi vấn: "Thiên địa chi Khí, đương kỳ hôn minh bác tạp chi thời, tắc kỳ Lý diệc tuỳ nhi hôn minh bác tạp phủ?" Viết: "Lý khước chỉ nhẫm địa, chỉ thị Khí tự như thử."» 道夫問："氣質之說，始於何人？" 曰："此起於張程。某以爲極有功於聖門，有補於後學。讀之使人深有感於張程，前此未曾有人說到此。如韓退之原性中說三品，說得也是，但不曾分明說是氣質之性耳。性那裏有三品來？孟子說性善，但說得本原處，下面卻不曾說得氣質之性，所以亦費分疏。諸子說性惡與善惡混，使張程之說早出，則這許多說話，自不用紛爭。故張程之說立，則諸子之說泯矣。因舉橫渠：'形而後有氣質之性，善反之，則天地之性存焉。故氣質之性，君子有弗性者焉。'又舉明道云：'論性不論氣，不備；論氣不論性，不明。二之則不是。'且如只說個仁，義，禮，智是性，世間卻有生出來便無仁底是如何？只是氣稟如此。若不論那氣，這道理便不周匝，所以不備。若只論氣稟，這個善，這個惡，卻不論 ，原處只是這個道理，又卻不明。此自孔子，曾子，子思，孟子理會得後，都無人說這道理。" 謙之問："天地之氣，當其昏明駁雜之時，則其理亦隨而昏明駁雜否？" 曰："理卻只恁地，只是氣自如此。"

tâm, không phải là tính. Tính chỉ là Lý."»[55]

Ngữ Lục cũng chép: «Hỏi: "Tri giác là cái linh diệu của tâm cho nên như thế, hay là tri giác do Khí tạo ra?" Đáp: "Không chỉ riêng do Khí, bởi vì trước khi có [Khí thì có] cái Lý của tri giác rồi. Nhưng Lý này không tạo ra tri giác. Khi Khí tụ lại thành hình, thì Lý và Khí hợp lại, nên mới tạo ra tri giác. Thí dụ như ánh sáng của cây đuốc này, nhân có dầu mỡ nên mới có nhiều ánh sáng."»[56]

Tất cả mọi sự vật đều có cái Lý riêng của nó. Cho nên tri giác cũng có cái Lý của tri giác. Nhưng Lý này cũng chỉ là Lý mà thôi. Phải đến khi Lý và Khí hợp lại, thì bấy giờ tri giác mới là một khả năng cụ thể. Mọi sự vật cụ thể đều sinh ra do tài liệu hợp với hình thức. Lý phải hợp với Khí thì mới có thể biểu hiện. Giống như ánh sáng cây đuốc phải nhờ vào dầu mỡ. Mọi tri giác và tư lự của chúng ta bởi đã nằm trong thế giới cụ thể này, cho nên chúng là sự vật sinh ra sau khi Lý và Khí hợp lại. Cái tri giác và tư lự của chúng ta tức là chỗ linh diệu của chúng ta. Chu Hi nói: «Chỗ linh diệu [của con người] chỉ là tâm, không phải là tính. Tính chỉ là Lý.» Bởi vì tâm có thể có hoạt động cụ thể, còn Lý thì không thể như thế.

Về mối quan hệ giữa tâm 心, tính 性, tình 情, Chu Hi nói: «Về tính, tình, tâm, chỉ có Mạnh Tử là giảng tốt nhất. Nhân ái là tính, lòng trắc ẩn là tình. Tình phải phát ra từ tâm. Tâm thống nhất tính và tình. Tính chỉ là cái để hợp [với tình] như thế; nó chỉ là Lý, chứ không phải là một vật. Nếu nó là một vật, thì ắt đã có thiện, cũng phải có ác. Tuy nhiên, tính không phải là vật mà chỉ là Lý, cho nên nó toàn thiện.»[57]

Tính không phải là một sự vật cụ thể, nên nó toàn thiện. Tình là sự

---

[55] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Linh xứ thị tâm, ức thị tính?" Viết: "Linh xứ chỉ thị tâm, bất thị tính. Tính chỉ thị Lý."» 問："靈處是心，抑是性？"曰："靈處只是心，不是性．性只是理．"

[56] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Tri giác thị tâm chi linh cố như thử, ức Khí chi vi da?" Viết: "Bất chuyên thị Khí, thị tiên hữu tri giác chi Lý. Lý vị tri giác, Khí tụ thành hình, Lý dữ Khí hợp, tiện năng tri giác. Thí như giá chúc hoả, thị nhân đắc giá chỉ cao, tiện hữu hứa đa quang diễm."» 問："知覺是心之靈固如此，抑氣之爲耶？"曰："不專是氣，是先有知覺之理．理未知覺，氣聚成形，理與氣合，便能知覺．譬如這燭火，是因得這脂膏，便有許多光燄．"

[57] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Tính, tình, tâm, duy Mạnh Tử thuyết đắc hảo. Nhân thị tính, trắc ẩn thị tình, tu tòng tâm thượng phát xuất lai. *Tâm thống tính tình giả dã*. Tính chỉ thị hợp như thử để, chỉ thị Lý, phi hữu cá vật sự. Nhược thị hữu để vật sự, tắc ký hữu thiện, diệc tất hữu ác. Duy kỳ vô thử vật, chỉ thị Lý, cố vô bất thiện.» 性，情，心惟孟子說得好．仁是性，惻隱是情，須從心上發出來．心統性情者也．性只是合如此底，只是理，非有個物事．若是有底物事，則既有善，亦必有惡．惟其無此物，只是理，故無不善．

vật thuộc thế giới cụ thể, nên nó phải phát ra từ tâm. Tính là Lý ở trong Khí, cho nên cũng có thể nói là ở trong tâm. Vì thế Chu Hi nói tâm thống nhất tính và tình.

Về tâm 心, tính 性, tình 情, và tài 才, Chu Hi nói: «Tính là Lý của tâm. Tình là cái động của tâm. Tài 才 là cái mà qua nó tình có thể bày tỏ theo một cách nào đó. Tình và tài hết sức gần gũi nhau. Nhưng khi nào gặp ngoại vật thì tình mới phát ra, và đường lối của nó thì khúc khuỷu [tuỳ theo vật]. Tài là cái mà qua nó tình có thể bày tỏ theo cách đó. Dù ngàn đầu vạn mối, tình đều phát ra từ tâm.»[58]

Chu Hi lại nói: «Tài là sức mạnh của tâm. Nó có khí lực để hoạt động. Tâm là cái làm chủ và quản lý. Điểm này là cái to tát của tâm. Tâm giống như nước. Tính giống như Lý của nước. Tính đứng yên như sự yên tĩnh của nước; tình thi hành như sự xao động của nước. Lòng dục là cái làm cho nước chảy đến mức tràn bờ. Tài là khí lực của nước, có thể khiến nước chảy. Nhưng giòng nước chảy có nhanh có chậm, là do sự bất đồng của tài. Trình Y Xuyên nói: "Tính thì phú bẩm ở trời, tài thì phú bẩm ở Khí." Đúng như thế. Chỉ có tính là nhất định; còn tình với tâm với tài đều hợp theo Khí.»[59]

Cái Lý mà con người được phú bẩm thì như nhau, nên Chu Hi nói «chỉ có tính là nhất định». Còn Khí 氣 thì trong trẻo và vẩn đục khác nhau; cho nên ở phương diện này, nhân loại có các hạng người khác nhau. «Lòng dục là cái làm cho nước chảy đến mức tràn bờ». Đạo học gia xem lòng dục đối đãi với Lý, hay xem nhân dục đối đãi với thiên lý. Sau đây tôi sẽ nói rõ.

---

[58] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tính giả, tâm chi Lý; tình giả, tâm chi động. Tài tiện thị ná tình chi hội nhẫm địa giả. Tình dữ tài tuyệt tương cận. Đãn tình thị ngộ vật nhi phát, lộ mạch khúc chiết nhẫm địa khứ dể; tài thị ná hội như thử đích. Yếu chi, thiên đầu vạn tự, giai thị tòng tâm thượng lai.»** 性者，心之理；情者，心之動。才便是那情之會恁地者。情與才絕相近。但情是遇物而發，路脈曲折恁地去底；才是那會如此的。要之，千頭萬緒，皆是從心上來。

[59] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tài thị tâm chi lực, thị hữu khí lực khứ tố dể. Tâm thị quản nhiếp chủ tể giả, thử tâm chi sở dĩ vi đại dã. Tâm thí thuỷ dã; tính, thuỷ chi Lý dã. Tính sở dĩ lập hồ thuỷ chi tĩnh, tình sở dĩ hành hồ thuỷ chi động, dục tắc thuỷ chi lưu nhi chí ư lạm dã. Tài giả, thuỷ chi khí lực, sở dĩ năng lưu giả. Nhiên kỳ lưu hữu cấp hữu hoãn, tắc thị tài chi bất đồng. Y Xuyên vị "tính bẩm ư thiên, tài bẩm ư Khí", thị dã. Chỉ hữu tính thị nhất định, tình dữ tâm dữ tài, tiện hợp trứ Khí liễu.»** 才是心之力，是有氣力做底。心是管攝主宰者，此心之所以爲大也。心譬水也；性，水之理也。性所以立乎水之靜，情所以行乎水之動，欲則水之流而至於濫也。才者，水之氣力，所以能流者。然其流有急有緩，則是才之不同。伊川謂性稟於天，才稟於氣，是也。只有性是一定。情與心與才，便合著氣了。

5. Đạo đức và phương pháp tu dưỡng

Trong các Lý khách quan có nguyên lý đạo đức. Tính của chúng ta tức là tổng hợp của các Lý khách quan, nên trong đó cũng có nguyên lý đạo đức, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí. Chu Hi nói: «Nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là tính vậy. Tính không có hình ảnh nên không thể chạm được; trong nó chỉ có Lý. Chỉ có tình là thấy được, đó là: lòng trắc ẩn, sự hổ thẹn , lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường), và phân biệt thị phi.»[60]

Chu Hi lại nói: «Tâm sở dĩ có thể làm được nhiều là vì nó có đủ các đạo lý. Lại nói: Làm sao chúng ta có thể thấy bốn đức (nhân, nghĩa, lễ, trí)? Thấy ai có lòng trắc ẩn thì biết người đó có lòng nhân; thấy ai hổ thẹn thì biết người đó có nghĩa.»[61]

Lý thuộc hình nhi thượng, là thứ trừu tượng, không có hình dáng và dấu vết để cho ta truy tìm. Tuy nhiên, bởi vì chúng ta có những thứ tình cảm như trắc ẩn, hổ thẹn, từ nhượng, phân biệt thị phi, cho nên có thể suy ra rằng trong tính của chúng ta có cái Lý của trắc ẩn (tức là nhân), cái Lý của hổ thẹn (tức là nghĩa), cái Lý của từ nhượng (tức là lễ), và cái Lý của phân biệt thị phi (tức là trí). Bởi vì mỗi sự vật đều có cái Lý của nó. Nếu không có cái Lý đó thì nó không thể tồn tại.

Trong tính của chúng ta chẳng những có nhân, nghĩa, lễ, trí, mà còn

---

[60] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Nhân nghĩa lễ trí, tính dã. Tính vô hình ảnh khả dĩ mô sách, chỉ thị hữu giá Lý nhĩ. Duy tình nãi khả đắc nhi kiến, trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi, thị dã.»** 仁，義，禮，智，性也．性無形影可以摸索，只是有這理耳．惟情乃可得而見，惻隱，羞惡，辭讓，是非，是也．

[61] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tâm chi sở dĩ hội tố hứa đa, cái cụ đắc hứa đa đạo lý. Hựu viết: Hà dĩ kiến đắc hữu thử tứ giả? Nhân kỳ trắc ẩn, trí kỳ hữu nhân; nhân kỳ tu ố, trí kỳ hữu nghĩa.»** 心之所以會做許多，蓋具得許多道理．又曰：何以見得有此四者？因其惻隱，知其有仁；因其羞惡，知其有義．– **LAM chú: Ở đây Chu Hi giảng theo *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng): «Do đó mà xét, hễ không có lòng trắc ẩn thì chẳng là người; không có lòng hổ thẹn thì chẳng là người; không có lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường) thì chẳng là người; không có lòng phân biệt đúng sai thì chẳng là người. Lòng trắc ẩn là đầu mối của nhân; lòng hổ thẹn là đầu mối của nghĩa; lòng từ nhượng là đầu mối của lễ; lòng biết đúng sai là đầu mối của trí. Người ta có bốn đầu mối ấy, cũng như có tứ chi. Đã có bốn đầu mối ấy mà bảo rằng không thể làm được [nhân, nghĩa, lễ, trí], tức là tự hại mình vậy.» (Do thị quan chi, vô trắc ẩn chi tâm, phi nhân dã; vô tu ố chi tâm, phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị phi chi tâm, trí chi đoan dã. Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỳ hữu tứ thể dã. Hữu thị tứ đoan nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã.** 猶是觀之：無惻隱之心，非人也；無羞惡之心，非人也；無辭讓之心，非人也；無是非之心，非人也．惻隱之心仁之端也；羞惡之心義之端也；辭讓之心禮之端也；是非之心智之端也．人之有是四端也，猶其有四體也有是四端而自謂不能者自賊者也）.

có toàn thể Thái Cực. Nhưng do sự che lấp của khí bẩm mà Thái Cực không thể hiển lộ hoàn toàn được. Thánh nhân là bậc có thể trừ khử sự che lấp của khí bẩm, nên toàn thể Thái Cực bên trong ngài hiển lộ ra hoàn toàn. Chu Hi nói: «Có cái Lý ấy rồi sau có cái Khí ấy; có cái Khí ấy tức là đã có cái Lý ấy. Nhưng ai bẩm thụ phần trong trẻo của Khí thì thành thánh nhân và hiền nhân, giống như ngọc báu ở trong nước trong trẻo mát lạnh vậy; còn ai bẩm thụ phần vẩn đục của Khí thì thành kẻ ngu xuẩn và kẻ hư hỏng, giống như ngọc nằm trong nước đục vậy. Cái gọi là "làm sáng đức sáng" chính là lấy ngọc báu ra khỏi nước đục và làm cho nó sạch sẽ. Các vật khác cũng có cái Lý đó, và lại cũng giống như ngọc báu rơi vào chỗ nước dơ bẩn đục ngầu vậy.»[62]

Chu Hi lại nói: «Khổng Tử gọi là "khắc kỷ phục lễ" 克己復禮 (kiềm chế bản thân, tuân theo lễ),[63] *Trung Dung* gọi là "trí trung hoà; tôn đức tính; đạo vấn học" 致中和,尊德性,道問學(hãy đạt tới trung và hoà; tôn trọng đức tính [mà trời phú cho]; luôn hỏi han học tập),[64] *Đại Học*

---

[62] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Hữu thị Lý nhi hậu hữu thị Khí, hữu thị Khí tắc tất hữu thị Lý. Đản bẩm Khí chi thanh giả, vi thánh vi hiền, như bảo châu tại thanh lãnh thuỷ trung; bẩm Khí chi trọc giả, vi ngu vi bất tiếu, như châu tại trọc thuỷ trung. Sở vị minh minh đức giả, thị tựu trọc thuỷ trung khai thức thử châu dã. Vật diệc hữu thị Lý, hựu như bảo châu lạc tại chí ô trọc xứ.»** 有是理而後有是氣,有是氣則必有是理.但稟氣之清者,爲聖爲賢,如寶珠在清冷水中;稟氣之濁者,爲愚爲不肖,如珠在濁水中.所謂明明德者,是就濁水中揩拭此珠也.物亦有是理,又如寶珠落在至汙濁處.– **LAM chú: Ba chữ *«minh minh đức»*** 明明德 **(làm sáng cái đức sáng: to illustriate illustrious virtue) lấy từ đầu sách *Đại Học*.**

[63] **LAM chú: *Luận Ngữ*** **(Nhan Uyên): «Nhan Uyên vấn "nhân", Tử viết: "Khắc kỷ phục lễ, vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên. Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai?"»** 顏淵問仁,子曰:克己復禮,爲仁.一日克己復禮,天下歸仁焉.爲仁由己,而由人乎哉? **(Nhan Uyên hỏi về nhân, Khổng Tử nói: *Khắc kỷ phục lễ* [kiềm chế bản thân, tuân theo lễ] là nhân. Một ngày *khắc kỷ phục lễ*, thiên hạ trở về nhân. Làm điều nhân là do mình, chứ do người sao?)**

[64] **LAM chú: *Trung Dung*** **(chương 1): «Hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát vị chi *trung*, phát nhi giai trúng tiết vị chi *hòa*. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. *Trí trung hòa*, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.»** 喜,怒,哀,樂之未發,謂之中發而皆中節,謂之和.中也者,天下之大本也.和也者,天下之達道也.致中和,天地位焉,萬物育焉 **(Mừng, giận, buồn, vui sướng; các tình cảm đó chưa phát ra thì gọi là trung; phát ra mà có tiết độ thì gọi là hoà. Trung là gốc lớn của thiên hạ, hoà là đạo mà thiên hạ phải đạt tới. Hãy đạt tới trung và hoà, thì trời đất ổn định và vạn vật được nuôi dưỡng). *Trung Dung*** **(chương 27): «Cố quân tử *tôn đức tính* nhi *đạo vấn học*; trí quảng đại nhi tận tinh vi; cực cao minh nhi đạo Trung Dung; ôn cố nhi tri tân; đôn hậu dĩ sùng lễ.»** 故君子尊德性,而道問學,致廣大而盡精微,極高明而道中庸,溫故而知新,敦厚以崇禮.是故居上不驕,爲下不倍.國有道,其言足以興;國無道,其默足以容 **(Cho nên quân tử tôn trọng đức tính [mà trời phú cho] và luôn hỏi han học tập, thi hành nó thật rộng lớn và nghiên cứu cho tinh vi, làm cho đức tính mình cao minh và đạt mức trung dung; ôn lại việc cũ và biết việc mới; đôn hậu để trọng lễ).**

gọi là "minh minh đức" 明明德(làm sáng đức sáng),[65] *Thư Kinh* gọi là "nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung" 人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中(Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung).[66] Thánh hiền dù thốt ra ngàn lời vạn tiếng, tóm lại cũng chỉ là dạy con người biết "minh thiên lý, diệt nhân dục" 明天理滅人欲 (làm sáng lẽ trời và diệt lòng dục của người). [...] Tính của người vốn sáng, nhưng nó như ngọc quý chìm trong nước đục, chẳng thấy sáng nữa. Nếu dẹp bỏ nước đục thì ngọc lại sáng như xưa. Nếu mỗi người tự thấy rằng chính lòng nhân dục che lấp nhân tính, thì họ sẽ giác ngộ. Chính ở điểm này mà con người phải gấp tập trung nỗ lực, một mặt *cách vật* (khảo sát sự vật). Hôm nay khảo sát một vật, ngày mai khảo sát một vật, giống như đem quân tấn công, đánh bạt một thành trì đang cố thủ, nhân dục tự nhiên tiêu mất. Sở dĩ Nhị Trình nói chữ "kính" 敬(kính cẩn) chỉ vì tự trong mỗi chúng ta có một vật sáng láng. Lấy chữ "kính" ấy để chống lại quân địch, và luôn giữ chữ "kính" ấy trong tâm, thì nhân dục tự nhiên hết. Khổng Tử nói: "Làm điều nhân là do mình, chứ không do người!" Điểm quan trọng chính là ở trong đó.»[67]

---

[65] **LAM chú:** ***Đại Học*: «Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân (tân) dân, tại chỉ ư chí thiện.»** 大學之道,在明明德,在親(新)民,在止於至善 **(Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện).**

[66] **LAM chú: Theo *Thư Kinh* (Thuấn điển), Vua Thuấn truyền đạo thống cho ông Vũ rằng: «Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi; duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.» Câu «doãn chấp quyết trung» 允執厥中 (thành thực giữ lấy mức trung dung của nó) vốn do vua Nghiêu truyền cho vua Thuấn, nay được lấy ra truyền lại cho vua Vũ.–** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **(Thương Vụ ấn thư quán, Bắc Kinh 2000, trang 850 và 1971) giảng: *Quyết* 厥[jué]= của nó, của chúng nó (*kỳ* 其, *tha đích* 他的, *tha môn đích* 他們的); *doãn* 允[yǔn]= *thành tín* 誠信.**

[67] ***Chu Tử Ngữ Loại:* «Khổng Tử sở vị "khắc kỷ phục lễ", Trung Dung sở vị "trí trung hoà, tôn đức tính, đạo vấn học", Đại Học sở vị "minh minh đức", Thư viết "nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung". Thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ, chỉ thị giáo nhân minh thiên lý, diệt nhân dục. [...] Nhân tính bản minh, như bảo châu trầm hỗn thuỷ trung, minh bất khả kiến; khử liễu hỗn thuỷ, tắc bảo châu y cựu tự minh. Tự gia nhược đắc tri thị nhân dục tế liễu, tiện thị minh xứ. Chỉ thị giá thượng tiện khẩn trước lực chủ định, nhất diện cách vật. Kim nhật cách nhất vật, minh nhật cách nhất vật, chính như du bình công vi bạt thủ, nhân dục tự tiêu thước khứ. Sở dĩ Trình tiên sinh thuyết "kính" tự, chỉ thị vị ngã tự hữu nhất cá minh để vật sự tại giá lý. Bả cá "kính" tự để địch, thường thường tồn cá kính tại giá lý, tắc nhân dục tự nhiên lai bất đắc. Phu Tử viết: "Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai!" Khẩn yếu xứ chính tại giá lý.»** 孔子所謂"克己復禮", 中庸所謂"致中和,尊德性,道問學", 大學所謂"明明德", 書曰"人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中". 聖賢千言萬語,只是教人明天理,滅人欲. [...] 人性本明,如寶珠沉溷水中,明不可見;去了溷水,則寶珠依舊自明.自家若得知是人欲蔽了,便是明處.只是這上便緊著力主定,一面格物,今日格一物,明日格一物,正如游兵攻圍拔守,人欲自銷鑠去.所以程先生說"敬"字,只是謂我自有一個明底物事在

Con người có được Lý rồi sau mới có tính; có được Khí 氣 rồi sau mới có hình. Tính là Thiên Lý, tức là Đạo tâm 道心. Bởi vì con người có cái hình do khí bẩm mà dấy khởi tình cảm. Lòng nhân dục 人欲 tuôn chảy như nước tràn bờ. Nó là nhân tâm 人心. Nhân dục cũng gọi là tư dục 私欲. Gọi là nhân dục bởi vì lòng dục đó phát xuất từ những tình cảm tuôn chảy tràn bờ mà ai ai cũng có. Gọi là tư dục bởi vì lòng dục đó phát xuất từ những tình cảm tuôn chảy tràn bờ của từng cá nhân cụ thể. Thiên Lý bị nhân dục che lấp, giống như ngọc quý nằm trong nước đục. Tuy nhiên nhân dục không thể hoàn toàn che lấp Thiên Lý. Hễ biết Thiên Lý bị nhân dục che lấp, tức là Thiên Lý chưa từng bị nhân dục che lấp. Con người phải gấp rút tập trung nỗ lực để đạt tới sự nhận biết ấy. Công phu này có hai mặt mà Trình Di gọi là *kính* 敬 và *trí tri* 致知.

Kính nghĩa là trong ta tự có một vật sáng láng, và ta hãy luôn ghi nhớ chớ quên; còn về *trí tri*, Chu Hi nói: «Cái gọi là "trí tri tại cách vật" nghĩa là muốn đạt tới cùng sự hiểu biết của ta, thì ta phải xét tới cùng cái Lý của sự vật. Sự linh diệu của nhân tâm chẳng gì mà nó không biết; còn sự vật trong thiên hạ chẳng gì mà không có Lý. Nếu ta chưa đạt tới tận cùng cái Lý của sự vật thì sự hiểu biết của ta chưa hoàn chỉnh. Do đó, ngay đầu sách *Đại Học* đã dạy rằng: đối với mọi vật trong thiên hạ, người đi học phải lấy những Lý mà mình đã biết để xét tới cùng các sự vật khác, nhằm đạt tới chỗ tối cao của hiểu biết. Miệt mài lâu ngày như thế, rồi một ngày bỗng nhiên ta thông suốt tất cả, hiểu hết các phương diện tinh thô trong ngoài của sự vật, và toàn thể sự vận dụng lớn của tâm ta trở nên sáng rỡ.»[68]

Theo Chu Hi, *cách* là tới, *vật* là sự vật; xét tới cùng các Lý của sự vật thì sẽ đạt tới chỗ tối cao của nó. Thuyết cách vật của Chu Hi về sau bị phái Lục Vương (tức Lục Cửu Uyên và Vương Thủ Nhân) công kích dữ dội. Phái Lục Vương cho rằng công phu cách vật này chi li quá. Tuy

---

這裏.把個"敬"字底敵,常常存個敬在這裏,則人欲自然來不得.夫子曰:"爲仁由己,而由人乎哉!"緊要處正在這裏.

[68] ***Đại Học Chương Cú:*** **«Sở vị trí tri tại cách vật giả, ngôn dục trí ngô chi tri, tại tức vật nhi cùng kỳ Lý dã. Cái nhân tâm chi linh, mạc bất hữu tri, nhi thiên hạ chi vật, mạc bất hữu Lý. Duy ư Lý hữu vị cùng, cố kỳ tri hữu bất tận dã. Thị dĩ Đại Học thuỷ giáo, tất sử học giả tức phàm thiên hạ chi vật, mạc bất nhân kỳ dĩ tri chi Lý nhi ích cùng chi, dĩ cầu chí hồ kỳ cực. Chí ư dụng lực chi cửu, nhi nhất đán hoát nhiên quán thông yên, tắc chúng vật chi biểu Lý tinh thô vô bất đáo, nhi ngô tâm chi toàn thể đại dụng vô bất minh hĩ.»** 所謂致知在格物者,言欲致吾之知,在即物而窮其理也.蓋人心之靈,莫不有知,而天下之物,莫不有理.惟於理有未窮,故其知有不盡也.是以,大學始教,必使學者即凡天下之物,莫不因其已知之理而益窮之,以求至乎其極.至於用力之久,而一旦豁然貫通焉,則衆物之表裏精粗無不到,而吾心之全體大用無不明矣.

nhiên, theo toàn thể hệ thống triết học của Chu Hi mà xét, phương pháp tu dưỡng bằng cách vật lại rất hoà hợp với toàn thể hệ thống triết học của ông. Bởi vì Chu Hi cho rằng mỗi sự vật trong thiên hạ đều có cái Lý của nó, mà cái tính trong tâm chúng ta tức là toàn thể những Lý của sự vật trong thiên hạ. Xét tới cùng các Lý của sự vật trong thiên hạ tức là thấu triệt được cái Lý trong tính của chúng ta. Hôm nay xét tới cùng một Lý trong tính, ngày mai xét tới cùng một Lý nữa trong tính. Và cứ thế ắt có một ngày sẽ hoát nhiên đại ngộ. Tới lúc đó sẽ thấy được Lý của vạn vật đều ở trong tâm chúng ta. «Trong trời đất không có vật nào là ở ngoài tính» (thiên hạ vô tính ngoại chi vật 天下無性外之物). Đạt tới cảnh giới này, thì ta «hiểu hết các phương diện tinh thô trong ngoài của sự vật, và toàn thể sự vận dụng lớn của tâm ta trở nên sáng rỡ». Áp dụng phương pháp tu dưỡng này quả thực có đạt được mục đích ấy không thì là một vấn đề khác, tuy nhiên theo hệ thống triết học của Chu Hi mà nói, thì ông có thể duy trì nó.

Cách vật theo Chu Hi là một phương pháp tu dưỡng, mà mục đích của nó là nhằm hiểu được sự vận dụng lớn của toàn thể tâm ta. Đạo học gia của phái Lục Vương khi phê bình thuyết của Chu Hi cũng nhắm vào phương pháp tu dưỡng mà phê bình. Nếu xem phương pháp cách vật là tinh thần khoa học của Chu Hi chuyên tìm cầu tri thức mà thôi, tức là hiểu lầm Chu Hi.

6. Triết học về chính trị

Mỗi sự vật trong thiên hạ đều có cái Lý của nó, nên các tổ chức quốc gia và xã hội cũng phải có cái Lý của chúng. Theo Lý ấy mà cai trị thì quốc gia thịnh trị; không theo Lý ấy thì quốc gia loạn. Cái Lý ấy gọi là đạo *trị quốc bình thiên hạ* 治國平天下. Cái đạo ấy cũng có sự khách quan vĩnh viễn. Chu Hi nói: «Trong vòng 1500 năm, [...] Cái Đạo mà Nghiêu, Thuấn, Tam Vương, Chu Công, Khổng Tử truyền lại chưa từng được thực hành một ngày nào trên đời. Nếu luận về sự thường tồn của Đạo, thì Đạo hoàn toàn vượt ra ngoài sự can thiệp của con người. Nó chỉ là cái ấy, tức là một vật mà từ ngàn xưa đến nay luôn tồn tại và bất diệt. Tuy 1500 năm qua nó bị con người phá hoại, nhưng cuối cùng họ cũng không thể nào tiêu diệt được nó.»[69]

---

[69] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Thiên ngũ bách niên chi gian, [...] Nghiêu, Thuấn, Tam Vương, Chu Công, Khổng Tử sở truyền chi đạo, vị thường nhất nhật đắc hành ư thiên địa chi gian dã. Nhược luận Đạo chi thường tồn, khước hựu sơ phi nhân sở năng dự. Chỉ thị thử cá, tự thị cổng cổ cổng kim thường tại bất diệt chi vật. Tuy thiên ngũ bách niên bị nhân tác hoại, chung điển diệt tha bất đắc nhĩ.»** 千五百年之間, [...] 堯舜三王周

Chu Hi lại nói: «Đạo chưa từng ngưng nghỉ, nhưng con người tự ngưng, không theo Đạo. Cho nên mới nói rằng chẳng phải Đạo mất đi, mà chính vì [hai vua ác cuối đời Tây Chu là] Lệ Vương 厲王(tức Cơ Hồ 姬胡, tại vị 878-842 TCN) và U Vương 幽王(tức Cơ Cung Niết 姬宮涅, tại vị 781-771 TCN) không theo nó thôi.»[70]

Đạo trị quốc bình thiên hạ luôn tồn tại từ xưa đến nay, nhưng nó được thực hành hay không là do con người. Nếu con người không theo đạo ấy, thì nó cũng vậy thôi. Đâu phải vì con người không thực hành nó mà nó mất đi. Thực tế, con người có những thành tựu về phương diện quốc gia và xã hội tức là họ cũng đã phần nào theo đạo ấy, nhưng vì họ không hiểu biết nó, nên họ chưa hoàn hoàn thực hành được nó. Chu Hi nói: «Tôi thường trộm nghĩ từ xưa đến nay chỉ có một Lý [của sự cai trị] thôi. Ai thuận theo nó thì thành công, ai nghịch với nó thì thất bại. Cho nên không phải chỉ có thánh hiền ngày xưa mới riêng có khả năng ấy, mà những kẻ gọi là anh hùng hào kiệt đời sau cũng chưa từng có ai bỏ cái Lý ấy mà lập được thành tựu. Các bậc thánh hiền đời xưa, từ căn bản, đã có công phu tinh ròng chuyên nhất nên có thể nắm giữ mức trung dung của sự vật, [việc làm] từ đầu tới cuối, chẳng gì mà không tốt. Những kẻ gọi là anh hùng hào kiệt đời sau chưa từng có công phu ấy, mà chỉ ngụp lặn trong cõi lợi dục. Những kẻ có tài năng trong bọn họ có thể tình cờ mà phù hợp với Lý ấy, nên có ít nhiều thành tựu tuỳ theo mức độ của mỗi người, nhưng dù đúng hay không, họ không thể tốt đẹp trọn vẹn, mà chỉ được một phần thôi. Trong thư của tiên sinh nói "ba đời (Hạ, Thương, Chu) thì làm điều tận thiện, còn đời Hán và đời Đường thì làm điều bất thiện", chính là ý nghĩa ấy. Tuy nhiên tiên sinh chỉ nói về tận thiện và bất thiện, chứ không nói tại sao họ tận thiện và bất thiện. Tuy nhiên, sự nghiệp của thánh nhân, dù lìa bỏ hay ở lại cõi lợi dục, nếu đem ra so sánh thì thấy có sự phẳng phất tương tự, khiến cho người ta nói rằng cách thức của thánh nhân chẳng qua cũng như vậy. Cái gọi là "sai một ly đi một dặm" chính ở chỗ đó.»[71]

公孔子所傳之道,未嘗一日得行於天地之間也.若論道之常存,卻又初非人所能預.只是此個,自是亙古亙今常在不滅之物.雖千五百年被人作壞,終殄滅他不得耳.

[70] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Cái Đạo vị thường tức, nhi nhân tự tức chi. Sở vị phi Đạo vong dã, U, Lệ bất do dã, chính vị thử nhĩ.» 蓋道未嘗息,而人自息之.所謂非道亡也,幽,厲不由也,正謂此耳.

[71] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Thường thiết dĩ vi cấng cổ cấng kim, chỉ thị nhất Lý, thuận chi giả thành, nghịch chi giả bại. Cố phi cổ chi thánh hiền sở năng độc nhiên nhi hậu thế chi sở vị anh hùng hào kiệt giả, diệc vị hữu năng xả thử Lý nhi đắc hữu sở kiến lập thành tựu giả dã. Dãn cổ chi thánh hiền, tòng bản căn thượng tiện hữu duy tinh duy nhất công

Để xây dựng một ngôi nhà, chúng ta cần biết cái nguyên lý kiến trúc thì ngôi nhà mới thành tựu. Dù người ta từ xưa đến nay không biết hoặc không dùng nguyên lý ấy, thì nguyên lý ấy vẫn tồn tại. Một nhà xây dựng chuyên nghiệp thì hiểu sâu nguyên lý ấy, một mực tuân theo nó mà tiến hành, tức là nguyên lý ấy được thực hiện, và ngôi nhà do ông ta xây dựng ắt hẳn sẽ kiên cố và lâu bền. Một người tay ngang cất nhà, không theo nguyên lý kiến trúc, nhưng ngôi nhà cũng hoàn thành. Hắn cất nhà vô tình mà phù hợp nguyên lý kiến trúc, nhưng vì hắn không nghiên cứu nguyên lý kiến trúc, nên ngôi nhà ấy không hoàn toàn phù hợp với nguyên lý ấy, và mức độ hoàn mỹ của ngôi nhà bị hạn chế. Việc trị nước của ông vua thánh hiền (tức chuyên gia xây dựng quốc gia) so với việc trị nước của ông vua anh hùng hào kiệt (tức thợ tay ngang xây dựng quốc gia) cũng có sự bất đồng giống như vậy. Việc trị nước của ông vua anh hùng hào kiệt dù có thành công rất lớn, cũng chỉ là sự yên bình nhỏ mà thôi. Nền chính trị của ông vua thánh hiền là *vương chính* 王政(chính trị theo vương đạo), còn nền chính trị của ông vua anh hùng hào kiệt là *bá chính* 霸政(chính trị theo bá đạo).

«Các bậc thánh hiền đời xưa, từ căn bản, đã có công phu tinh ròng chuyên nhất nên có thể nắm giữ mức trung dung của sự vật, [việc làm] từ đầu tới cuối, chẳng gì mà không tốt.» Bậc cai trị phải có sự tu dưỡng thì sau mới thành ông vua thánh hiền, thực hiện nền chính trị theo vương đạo. Chu Hi nói: «Cái gọi là "*Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung*" chính là tôn chỉ bí mật mà các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ truyền cho nhau. Con người từ lúc chào đời đã bị gông cùm bởi thói riêng tư của hình thể, nên

---

phu, sở dĩ năng chấp kỳ trung, triệt đầu triệt vĩ, vô bất tận thiện. Hậu lai sở vị anh hùng, tắc vị thường hữu thử công phu, đãn tại lợi dục trường trung, đầu xuất đầu một. Kỳ tư mỹ giả, nãi năng hữu sở ám hợp, nhi tuỳ kỳ phân số chi đa thiểu dĩ hữu sở lập; nhiên kỳ hoặc trúng hoặc phủ, bất năng tận thiện, tắc nhất nhi dĩ. Lai dụ sở vị tam đại tố đắc tận, Hán, Đường tố đắc bất thiện giả, chính vị thử dã. Nhiên đãn luận kỳ tận dữ bất tận, nhi bất luận kỳ sở dĩ tận dữ bất tận. Khước tương thánh nhân sự nghiệp, khứ tựu lợi dục trường trung, tỉ tịnh giảo lượng, kiến hữu phảng phất tương tự, sử vị thánh nhân dạng tử, bất quá như thử. Tắc sở vị hào li chi sai, thiên lý chi mậu giả, kỳ tại thử hĩ.» 常竊以爲亙古亙今,只是一理,順之者成,逆之者敗.故非古之聖賢所能獨然而後世之所謂英雄豪傑者,亦未有能舍此理而得所有見立成就者也.但古之聖賢,從本根上便有惟精惟一工夫,所以能執其中,徹頭徹尾,無不盡善.後來所謂英雄,則未嘗有此工夫,但在利欲場中,頭出頭沒.其資美者,乃能有所暗合,而隨其分數之多少以有所立;然其或中或否,不能盡善,則一而已.來論所謂三代做得盡,漢,唐做得不善者,正謂此也.然但論其盡與不盡,而不論其所以盡與不盡,卻將聖人事業,去就利欲場中,比並較量,見有彷彿相似,便謂聖人樣子,不過如此.則所謂毫釐之差,千里之謬者,其在此矣.

không thể không có nhân tâm (lòng người). Nhưng cái tâm này có được cái chân chính của trời đất, nên con người không thể không có đạo tâm (lòng Trời). Trong sinh hoạt hằng ngày, hai tâm này song hành, luân phiên hơn thua với nhau, mà những chuyện đúng sai và được mất của một cá nhân cho đến sự trị loạn và an nguy của thiên hạ, chẳng gì mà không liên can đến sự hơn thua của hai tâm đó. Cho nên muốn chọn lấy cái tinh ròng, thì đừng để nhân tâm lẫn với đạo tâm; muốn giữ lấy cái chuyên nhất, thì đừng để thiên lý trôi vào nhân dục. Như vậy hành động của ta, không việc gì mà không đạt được mức trung dung của nó, và trong thiên hạ cũng như quốc gia, ta ở nơi nào cũng đúng.»[72]

Ông vua triết gia trong lý tưởng của Plato, trước tiên phải có sự tu dưỡng rất thâm hậu, thì mới có thể vượt trên thế giới hiện tượng để tiến vào thế giới khái niệm và thấy ngay các khái niệm tốt đẹp. Phải đạt được trình độ ấy thì mới có thể gọi là người chủ của nhân loại. Chu Hi cũng có ý ấy. Trong tính của chúng ta vạn Lý đều có đủ. Nếu ta có thể khử bỏ sự câu thúc của khí bẩm thì vạn Lý trong tính sẽ hiển lộ. Như vậy, «hành động của ta, không việc gì mà không đạt được mức trung dung của nó»; tức là việc gì cũng hợp lý, cho nên «trong thiên hạ cũng như quốc gia, ta ở nơi nào cũng đúng». Hạng vua anh hùng hào kiệt vốn chẳng có sự tu dưỡng ấy, nên trong việc làm lộ ra sự riêng tư của nhân dục. Do đó trong sự cai trị dù có tình cờ hợp với thiên lý, nhưng sự không hợp với thiên lý cũng có nhiều; và chỉ có thể có sự yên bình nhỏ mà thôi.

Trên đây trích dẫn thư của Chu Hi phúc đáp Trần Đồng Phủ 陳同甫 tức Trần Lượng 陳亮. Trần Lượng cho rằng nền vương chính của ba đời Hạ, Thương, Chu về cơ bản không khác với nền bá chính của đời Hán và đời Đường, có điều ba đời ấy làm được sự tận thiện còn đời Hán và

---

[72] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Sở vị "nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung" giả, Nghiêu, Thuấn, Vũ tương truyền chi mật chỉ dã. Phù nhân tự hữu sinh nhi cốc ư hình thể chi tư, tắc cố bất năng vô nhân tâm hĩ. Nhiên nhi tâm hữu đắc ư thiên địa chi chính, tắc hựu bất năng vô đạo tâm hĩ. Nhật dụng chi gian, nhị giả tịnh hành, diệt vi thắng phụ, nhi nhất thân chi thị phi đắc thất, thiên hạ chi trị loạn an nguy, mạc bất hệ yên. Thị dĩ dục kỳ trạch chi tinh, nhi bất sử nhân tâm đắc dĩ tạp hồ đạo tâm; dục kỳ thủ chi nhất, nhi bất sử thiên lý đắc dĩ lưu ư nhân dục. Tắc phàm kỳ sở hành, vô nhất sự chi bất đắc kỳ trung, nhi ư thiên hạ quốc gia vô sở xử nhi bất đáng.»** 所謂"人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中"者,堯舜禹相傳之密旨也.夫人自有生而梏於形體之私,則固不能無人心矣.然而心有得於天地之正,則又不能無道心矣.日用之間,二者並行,迭爲勝負,而一身之是非得失,天下之治亂安危,莫不係焉.是以欲其擇之精,而不使人心得以雜乎道心;欲其守之一,而不使天理得以流於人欲.則凡其所行,無一事之不得其中,而於天下國家無所處而不當.

đời Đường thì không. Đó là Trần Lượng ủng hộ thuyết của học phái Vĩnh Khang 永康 bấy giờ (một học phái của các Đạo học gia lấy địa danh Vĩnh Khang làm tên). Chu Hi cho rằng chúng ta không nên luận về tận thiện và bất thiện, mà nên luận về nguyên do sinh ra tận thiện và bất thiện, tức là nền chính trị theo vương đạo và nền chính trị theo bá đạo.

7. Phê bình Phật giáo

Ở tiết 1 trên đây, chúng ta thấy Chu Hi phân biệt quan điểm của Phật và Nho về tính. Phật gia xem tính là không, còn Nho gia xem tính là có thực. Khi phê bình Phật giáo, Chu Hi phần lớn căn cứ vào điểm ấy.

Ngữ Lục chép: «Khiêm Chi hỏi: "Nay ai cũng nói thuyết của Phật là Vô, thuyết của Lão là Không, Không với Vô khác nhau thế nào?" Đáp: "Không là danh từ kiêm cả Hữu và Vô. Đạo gia nói phân nửa là Hữu, phân nửa là Vô. Việc đã qua đều là Vô, việc trước mắt mới là Hữu; cho nên gọi là Không. Còn thuyết của Phật gia đều là Vô. Việc đã qua đều là Vô, việc trước mắt cũng là Vô. Có tức là Không, Không tức là Có. Lớn như vạn sự vạn vật, nhỏ như trăm lóng xương và cửu khiếu, tất cả đều trở về Vô. Suốt ngày ăn cơm mà vẫn nói chưa từng cắn một hạt cơm; suốt ngày mặc quần áo mà vẫn nói chưa từng mắc lên thân mình một sợi tơ."»[73]

Nhà Phật xem vạn vật là hư ảo: «Có tức là Không» (sắc tức thị không 色即是空). Tức là cái mà Hoa Nghiêm Tông giảng là *lý sự viên dung vô ngại* 理事圓融無礙 (xin xem lại tiết 3 [Kim Sư Tử Luận của Pháp Tạng] của chương 8 trên đây). Tuy nhiên cái gọi là «sự» ở đây cũng ám chỉ sự vật cụ thể. Sự vật cụ thể thì sinh diệt, vô thường. Nếu nói "có sự vật", thì có thể nói rằng: *Chân như bất không* 眞如不空. Nếu nói "sự vật

---

[73] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Khiêm Chi vấn: "Kim giai dĩ Phật chi thuyết vi vô, Lão chi thuyết vi không, không dữ vô bất đồng như hà?" Viết: "Không thị kiêm hữu vô chi danh. Đạo gia thuyết bán tiệt hữu, bán tiệt vô. Dĩ tiền đô thị vô, như kim nhãn hạ khước thị hữu. Cố vị chi không. Nhược Phật gia chi thuyết, đô thị vô. Dĩ tiền đã thị vô, như kim nhãn hạ đã thị vô. Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Đại nhi vạn sự vạn vật, tế nhi bách hài cửu khiếu, nhất tề đô quy ư vô. Chung nhật ngật phạn, khước đạo bất tằng giáo trước nhất lạp mễ; chung nhật trước y, khước đạo bất tằng quải trứ nhất điều ti."» 謙之問："今皆以佛之說爲無，老之說爲空，空與無不同如何？" 曰："空是兼有無之名．道家說半截有，半截無．已前都是無，如今眼下卻是有．故謂之空．若佛家之說，都是無．已前也是無，如今眼下也是無．色即是空，空即是色．大而萬事萬物，細而百骸九竅，一齊都歸於無．終日吃飯，卻道不曾咬著一粒米；終日著衣，卻道不曾掛著一條絲." – LAM chú: Câu «*Chung nhật ngật phạn, khước đạo bất tằng giáo trước nhất lạp mễ; chung nhật trước y, khước đạo bất tằng quải trứ nhất điều ti.*» đại ý giống lời Hoàng Bá và Vân Môn nói. Xin xem lại chú thích 73 và 74 của chương 9 trên đây.**

là vô thường", thì *bất không* lại là *không*. Tuy nhiên, nếu nói "trong Thái Cực có đủ các Lý", thì các Lý ấy vượt trên thời gian và không gian mà tồn tại mãi. Tuy các sự vật cụ thể trong thực tế ứng với các Lý ấy có *sinh, diệt, biến, hoá,* nhưng các Lý ấy thì không có *sinh, diệt, biến, hoá*. Nếu vậy, Thái Cực quả thực là *bất không*. Chu Hi khi phê bình nhà Phật, đã chú ý điểm này, cho rằng tính của chúng ta chính là toàn thể Thái Cực mà trong đó đều có đủ các Lý. Do đó, bất kể thế nào, thế giới của Lý không thể là Không, và tính của chúng ta không thể là Không.

Chu Hi nói: «Nhà Phật nói về Không. Điều ấy không phải là không đúng, nhưng bên trong cái Không đó phải bắt đầu có đạo lý. Nếu chỉ nói chúng ta là Không, mà không biết rằng [bên trong cái Không ấy] có đạo lý chân thực, thì nói như vậy để làm gì? Thí dụ như một vực nước trong, nước trong mát tới đáy. Thoạt đầu nhìn vào, ngỡ là không có nước, nên người ta nói vực này chỉ là không. Chưa dúng tay xuống để dò xem là lạnh hay ấm, thì người ta đâu biết trong vực có nước. Kiến giải của nhà Phật cũng đúng như thế. Người học ngày nay quý trọng cách vật trí tri thì phải thấy rõ được điều đó.»[74]

Thế giới của các Lý là «thế giới khoảng khoát trong mát, không hình thể, không nơi chốn»; nhưng ta không thể nhân đó mà xem nó là Không, xem nó là Vô. Cho nên nhà Phật nói về Không, tuy cũng có căn cứ, nhưng Lý vốn là Hữu, thì không thể nói rằng tất cả đều là Không. Chu Hi nói: «Nhà Phật kia thấy tâm là Không và không có Lý; nhà Nho ta thấy tâm tuy Không nhưng vạn Lý đều hàm chứa đủ trong đó.»[75]

Chu Hi lại nói: «Nhà Nho xem Lý là không sinh không diệt, nhà Phật xem *thần thức* 神識 là không sinh không diệt.»[76]

---

[74] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thích thị thuyết không, bất thị tiện bất thị, đãn không lý diện tu hữu đạo lý thuỷ đắc. Nhược chỉ thuyết đạo ngã thị cá không, nhi bất tri hữu cá thực để đạo lý, khước tố thậm dụng đắc? Thí như nhất uyên thanh thuỷ, thanh linh triệt để, khán lai nhất như vô thuỷ tương tự. Tha tiện đạo thử uyên chỉ thị không để, bất tằng tương thủ khứ thám thị lãnh thị ôn, bất tri đạo hữu thuỷ tại lý diện. Phật thị chi kiến chính như thử. Kim học giả quý ư cách vật, trí tri, tiện yếu kiến đắc đáo để.» 釋氏說空,不是便不是,但空裏面須有道理始得.若只說道我是個空,而不知有個實底道理,卻做甚用得?譬如一淵清水,清泠徹底,看來一如無水相似.他便道此淵只是空底,不曾將手去探是冷是溫,不知道有水在裏面.佛是之見正如此.今學者貴於格物,致知,便要見得到底.

[75] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Bỉ kiến đắc tâm không nhi vô Lý, thử kiến đắc tâm tuy không nhi vạn Lý hàm bị dã.» 彼見得心空而無理,此見得心雖空而萬理咸備也.

[76] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Nho giả dĩ Lý vi bất sinh bất diệt, Thích thị dĩ thần thức vi bất sinh bất diệt.» 儒者以理爲不生不滅;釋氏以神識爲不生不滅.

Tính của chúng ta tức là toàn thể Thái Cực, trong đó hàm chứa đủ các Lý. Các Lý này không sinh không diệt, cho nên kẻ dù không thừa nhận Lý cũng không thể không dựa theo Lý mà hành xử. Chu Hi nói: «Thiên hạ chỉ là đạo lý ấy, mà rốt cuộc chúng ta không chạy khỏi nó. Như Phật và Lão tuy tiêu diệt nhân luân, nhưng tự họ cũng chạy không khỏi Lý. Như họ phủ nhận mối quan hệ cha con, nhưng vẫn bái sư xem như cha (sư phụ), sư xem đệ tử như con; kẻ lớn là sư huynh, người nhỏ là sư đệ. Họ chỉ bảo hộ cái quan hệ giả dối; còn thánh hiền [của đạo Nho] thì giữ được mối quan hệ chân thực.»[77]

Tổ chức xã hội ắt phải noi theo Lý ấy. Nhà Phật tuy muốn lìa xã hội, nhưng tự bản thân đoàn thể Phật giáo lại là một xã hội, tức là họ không thể không noi theo Lý ấy mà tổ chức nó. Đúng như Chu Hi nói: «Thiên hạ chỉ là đạo lý ấy, mà rốt cuộc chúng ta không chạy khỏi nó.» Chu Hi cho rằng nhà Phật không thấy được tính ấy, họ chỉ xem thần thức là không sinh không diệt. Cho nên nhà Phật quả thực đã lầm tâm là tính.

Ngữ Lục chép: «Từ Tử Dung có luận về "vật khô héo có tính hay không có tính". Thầy (Chu Hi) nói: "Tính chỉ là Lý; có vật ấy thì có Lý ấy. Chỗ sai lầm của Tử Dung là nhận tâm làm tính, giống như nhà Phật đã nhận như vậy. Nhà Phật chỉ chà xát cái tâm ấy cho cực tinh tế, giống như một vật được bóc một lớp vỏ rồi lại bóc thêm một lớp vỏ nữa, cho tới lúc không còn bóc được gì nữa. Do đó họ chà xát tâm cho tới tinh tế và sáng láng, rồi nhận nó là tính. Họ không biết cái đó chính thánh nhân [của đạo Nho] gọi là tâm. Cho nên Thượng Thái (1050-1103, đệ tử của Nhị Trình) nói: 'Cái mà nhà Phật gọi là tính thì thánh nhân gọi là tâm; cái mà nhà Phật gọi là tâm, thì thánh nhân gọi là ý.' Tâm chỉ là cái Lý ấy, nhưng nhà Phật ngay từ đầu không hề biết được cái Lý ấy, nên đã nhận sự vận động của tri giác là tính. Như đối với nhìn, nghe, nói, dung mạo, thánh nhân hễ nhìn thì có Lý của nhìn, nghe thì có Lý của nghe, nói thì có Lý của nói, động thì có Lý của động, suy nghĩ thì có Lý của suy nghĩ; giống như Cơ Tử gọi là '*minh* 明 (sáng), *thông* 聰 (tỏ), *tòng* 從 (theo), *cung* 恭 (cung kính), *duệ* 睿 (sáng suốt)' vậy. Nhà Phật chỉ nhận cái có thể nhìn, nghe, nói, suy nghĩ, vận động là tính. Nhìn thì sáng hay không cũng được; nghe thì tỏ hay không cũng được; nói thì theo lý hay

[77] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thiên hạ chỉ thị giá đạo lý, chung thị tẩu bất đắc. Như Phật Lão tuy thị diệt nhân luân, nhiên tự thị đào bất đắc. Như vô phụ tử, khước bái kỳ sư, dĩ kỳ đệ tử vi tử; trưởng giả vi sư huynh, thiếu giả vi sư đệ. Đãn thị chỉ hộ đắc cá giả đích, thánh hiền tiện thị tồn đắc cá chân đích.» 天下只是這道理，終是走不得。如佛老雖是滅人倫，然自是逃不得。如無父子，卻拜其師，以其弟子爲子；長者爲師兄，少者爲師弟。但是只護得個假的，聖賢便是存得個眞的.

không cũng được; suy nghĩ thì sáng suốt hay không cũng được; các điều ấy họ đều không bận tâm. Dù ngang hay dọc, họ đều nhận nó là tính. Họ sợ nhất là người ta nói đến chữ Lý, mà bọn họ đang bận tâm trừ bỏ. Đó chính là thuyết "sinh chi vị tính" 生之謂性 (Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính)[78] của Cáo Tử vậy."»[79]

Vật khô héo, tuy vô tri giác, nhưng đã có vật thì phải có Lý của nó. Cái Lý này tức là tính của vật. Tri giác thuộc tâm, nếu vì vật ấy vô tri giác mà nói nó không có tính, tức là ngộ nhận tâm là tính. Sự vận động của tri giác đều là hoạt động của tâm. Nhà Phật xem sự vận động của tri giác là tính; kỳ thực nó là tâm. Tâm cũng có sự tồn tại thực tế cũng thuộc hình nhi hạ, còn Lý thì tồn tại tiềm ẩn mãi mãi và thuộc hình nhi thượng. Do đó triết học của Chu Hi chẳng phải là cái Duy tâm luận (Idealism) theo cách nói phổ thông, mà gần với Tân thực tại luận (Neo-realism) hiện đại. Đáng tiếc trong triết học Trung Quốc, lô-gíc học chưa phát triển; và về phương diện này, Chu Hi cũng ít chú ý. Do đó cái mà Chu Hi gọi là Lý vốn là một khái niệm hoàn toàn theo lô-gíc nhưng ông đã trộn lẫn tính chất đạo đức vào nó. Thí dụ như cái Lý của nhìn, nếu

[78] **LAM chú: Xin xem chú thích 75 của chương 12 ngay trên đây.**

[79] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Từ Tử Dung hữu "khô cảo hữu tính vô tính" chi luận. Tiên sinh viết: "Tính chỉ thị Lý, hữu thị vật tự hữu thị Lý. Tử Dung thác xứ thị nhận tâm vi tính, chính dữ Phật thị tương tự. Chỉ thị Phật thị ma sát đắc giá tâm cực tinh tế, như nhất khối vật sự, bác liễu nhất trùng bì, hựu bác nhất trùng bì, chỉ bác đáo cực tận vô khả bác xứ, sở dĩ ma lộng đắc giá tâm tinh quang, tha tiện nhận tố tính. Thù bất tri thử chính thánh nhân chỉ sở vị tâm. Cố Thượng Thái vân: 'Phật thị sở vị tính, chính thánh nhân sở vị tâm; Phật thị sở vị tâm, chính thánh nhân sở vị ý.' Tâm chỉ thị cai đắc giá Lý. Phật thị nguyên bất tàng thức đắc giá Lý, nhất tiết tiện nhận tri giác vận động tố tính. Như thị thính ngôn mạo, thánh nhân tắc thị hữu thị chi Lý, thính hữu thính chi Lý, ngôn hữu ngôn chi Lý, động hữu động chi Lý, tư hữu tư chi Lý, như Cơ Tử sở vị 'minh, thông, tòng, cung, duệ' thị dã. Phật thị tắc chỉ nhận ná năng thị, năng thính, năng ngôn, năng tư, năng động để tiện thị tính. Thị minh dã đắc, bất minh dã đắc; thính thông dã đắc, bất thông dã đắc; ngôn tòng dã đắc, bất tòng dã đắc; tư duệ dã đắc, bất duệ dã đắc; tha đô bất quản. Hoành lai thụ lai, tha đô nhận tố tính. Tha tối phạ nhân thuyết giá Lý tự, đô yếu trừ điệu liễu, thử chính Cáo Tử sinh chi vị tính chi thuyết dã."»** 徐子融有"枯槁有性無性"之論,先生曰: "性只是理,有是物斯有是理.子融錯處是認心爲性,正與佛氏相似.只是佛氏磨擦得這心極精細,如一塊物事,剝了一重皮,又剝一重皮,至剝到極盡無可剝處,所以磨弄得這心精光,它便認做性.殊不知此正聖人之所謂心.故上蔡云: '佛氏所謂性,正聖人所謂心;佛氏所謂心,正聖人所謂意.'心只是該得這理.佛氏元不曾識得這理,一節便認知覺運動做性.如視聽言貌,聖人則視有視之理,聽有聽之理,言有言之理,動有動之理,思有思之理,如箕子所謂'明,聰,從,恭,睿'是也.佛氏則只認那能視,能聽,能言,能思,能動底便是性.視明也得,不明也得;聽聰也得,不聰也得;言從也得,不從也得;思睿也得,不睿也得;它都不管.橫來豎來,它都認做性.它最怕人說這理字,都要除掉了,此正告子生之謂性之說也."

quan niệm nó chỉ là cái hình thức của nhìn, thì nó là khái niệm lô-gíc; nếu quan niệm nhìn thì phải sáng, thì nó là khái niệm đạo đức. Chu Hi trộn lẫn hai phương diện ấy, vì ông cho rằng cái Lý của một vật là cái khiến nó như thế và *phải* như thế. Sở dĩ như vậy là vì Chu Hi quan tâm đạo đức nhiều hơn lô-gíc. Plato cũng có khuynh hướng ấy, nhưng không chú trọng nhiều như Chu Hi. Nói chung, triết học Trung Quốc chú trọng nhiều về phương diện đạo đức.

CHƯƠNG 14

LỤC TƯỢNG SƠN, VƯƠNG DƯƠNG MINH VÀ TÂM HỌC ĐỜI MINH

1. Lục Tượng Sơn

Chu Hi là nhân vật lớn nhất trong phái Lý học 理學 của Đạo học. Đồng thời với Chu Hi có Lục Cửu Uyên 陸九淵 hay Lục Tượng Sơn 陸象山 (1139-1193) sáng lập phái Tâm học 心學 của Đạo học, đối lập với phái Lý học.



Lục Tượng Sơn

Dương Giản 楊簡 (1140-1225) là đệ tử của Tượng Sơn, chép hành trạng của thầy như sau: «Tiên sinh họ Lục, huý là Cửu Uyên, tự là Tử Tĩnh. [...] Ông tài năng khác thường, thẳng thắn, nghiêm túc, khiêm tốn. [...] Thuở nhỏ, nghe người ta đọc lời của Y Xuyên, ông cảm thấy như xốn xang đau xót. Cũng có lần ông hỏi người ta rằng: "Lời Y Xuyên sao không giống lời Khổng Mạnh?" Lần đầu đọc *Luận Ngữ*, ông ngờ rằng lời của Hữu Tử chi li [không đúng ý Khổng Tử]. [...] Ngày khác, khi đọc sách xưa, ông đọc đến hai chữ *vũ trụ*, thấy giải thích là: "Bốn phương và trên dưới gọi là *vũ* (tức không gian), từ xưa tới nay gọi là *trụ* (tức thời gian)." Ông chợt tỉnh ngộ, nói: "Sự việc trong vũ trụ là sự việc trong chức phận của mình; sự việc trong chức phận của mình là sự việc trong vũ trụ." Ông từng nói: "*Vũ trụ tức là tâm ta; tâm ta tức là vũ trụ*.[1] Nếu Đông Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu Tây Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu Nam Hải và Bắc Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy

[1] **Phùng Hữu Lan chú: Câu này không có trong *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng* của Dương Giản, ở đây căn cứ vào *Niên Phổ* mà ghi thêm. Xem: *Tượng Sơn Toàn Tập*, quyển 36, tr.5.**

cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu ngàn năm trước có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu ngàn năm sau có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy."»[2]

Theo *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng*, quê ông ở Kim Khê 金谿 thuộc Phủ Châu 撫州(nay là huyện Kim Khê 金溪, tỉnh Giang Tây 江西), sinh năm Thiệu Hưng 紹興 thứ 9 (tức năm 1139) đời Tống Cao Tông (tức Triệu Cấu 趙構, tại vị 1127-1162), mất năm Thiệu Hi 紹熙 thứ 3 (tức năm 1192) đời Tống Quang Tông (tức Triệu Đôn 趙惇, tại vị 1190-1194).[3]

---

[2] **Dương Giản, *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng:* «Tiên sinh tính Lục, huý Cửu Uyên, tự Tử Tĩnh. [...] Sinh hữu dị bẩm, đoan trọng bất phạt. [...] Thảo giác thời văn nhân tụng Y Xuyên ngữ, tự giác nhược thương ngã giả. Diệc thường vị nhân viết: "Y Xuyên chi ngôn, hề vi dữ Khổng Tử Mạnh Tử bất loại?" Sơ độc Luận Ngữ, tức nghi Hữu Tử chi ngôn chi li. [...] Tha nhật độc cổ thư chí vũ trụ nhị tự, giải giả viết: "Tứ phương thượng hạ viết vũ, vãng cổ lai kim viết trụ." Hốt đại tỉnh viết: "Vũ trụ nội sự, nãi kỷ phận nội sự, kỷ phận nội sự nãi vũ trụ nội sự." Hựu thường viết: "Vũ trụ tiện thị ngô tâm, ngô tâm tiện thị vũ trụ. Đông Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; Tây Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; Nam Hải Bắc Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; thiên bách thế chi thượng hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; thiên bách thế chi hạ hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã."»** 先生姓陸，諱九淵，字子靜. [...] 生有異稟，端重不伐. [...] 卅角時聞人誦伊川語，自覺若傷我者. 亦嘗謂人曰："伊川之言，奚爲與孔子孟子不類?" 初讀論語，即疑有子之言支離. [...] 他日讀古書至宇宙二字，解者曰："四方上下曰宇，往來古今曰宙." 忽大省曰："宇宙內事乃己分內事，己分內事乃宇宙內事." 又嘗曰："宇宙便是吾心，吾心便是宇宙. 東海有聖人出焉，此心同也，此理同也；西海有聖人出焉，此心同也，此理同也；南海北海有聖人出焉，此心同也，此理同也；千百世之上有聖人出焉，此心同也，此理同也；千百世之下有聖人出焉，此心同也，此理同也."

[3] **LAM chú: Kim Khê 金谿 thuộc Phủ Châu 撫州, theo Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, tập 2, tr.150) là Kim Khê 金溪, tỉnh Giang Tây 江西, nhưng theo Derk Bodde là huyện Lâm Xuyên 臨川, tỉnh Giang Tây 江西. Năm mất của Tượng Sơn, Bàng Phác và Derk Bodde đều ghi là 1193 (Phùng Hữu Lan theo Dương Giản, chép là 1192). Theo Bàng Phác, Lục Cửu Uyên hiệu là Tồn Trai 存齋, từng dạy học ở núi Tượng (Tượng Sơn 象山) thuộc Quý Khê 貴溪 (nay là huyện Quý Khê, Giang Tây), tự xưng là Tượng Sơn cư sĩ, học trò gọi ông là Tượng Sơn tiên sinh. Lục Cửu Uyên đỗ tiến sĩ năm 1172 (năm Càn Đạo thứ 8, đời Tống Hiếu Tông), rồi làm các chức: chủ bạ 主簿 ở huyện Tĩnh An 靖安; Quốc tử chính 國子正; từ lộc 祠祿 ở Sùng Đạo Quán 崇道觀 thuộc Đài Châu 台州; cai trị quận Kinh Môn 荊門. Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, quyển hạ, Saigon, 1971, tr.167-168) nói sau khi làm chức Quốc tử chính, ông về dạy học ở Tượng Sơn, đến đời Tống Quang Tông ông được cử đi trấn nhậm quận Kinh Môn, được non ba năm thì mất, thọ 54 tuổi, thuỵ là Văn An 文安. Lục Cửu Uyên cùng với anh là Lục Cửu Linh 陸九齡 (tự là Phục Trai 復齋) nổi tiếng là học giả uyên thâm. Derk Bodde dựa theo Siu-chi Huang (*Lu Hsiang-shan, a twelfth century Chinese idealist philosopher [Lục Tượng Sơn, triết gia phái Tâm học của Trung Quốc thế kỷ 12]*, New Haven, 1944) chép rằng Lục Cửu Uyên là em út trong 6 anh em.**

«Thuở nhỏ, nghe người ta đọc lời của Y Xuyên, ông cảm thấy như xốn xang đau xót.» Tuy vậy, cái học của Tượng Sơn khác cái học của Y Xuyên (Trình Di) mà rất gần với cái học của Minh Đạo (Trình Hạo).

Trình Hạo viết trong thiên Thức Nhân 識仁 (biết điều nhân) rằng: «Người tu học trước tiên phải hiểu *nhân* 仁 (nhân ái). Người nhân thì hồn nhiên cùng một thể với vạn vật. Nghĩa, lễ, trí, tín đều là nhân. Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi.»[4] Thuyết của Tượng Sơn cũng giống như thế, ông nói: «Gần đây có kẻ phê bình ta rằng: "Trừ câu nói "Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm" (*Tiên lập hồ kỳ đại giả* 先立乎其大者) [của Mạnh Tử mà ông ta nhai lại], ông ta chẳng có gì hay ho." Nghe thế, ta đáp: "Đúng vậy."»[5]

Câu «*Tiên lập hồ kỳ đại giả*» 先立乎其大者 ý nói trước tiên phải biết rằng Đạo là tâm ta, tâm ta tức là Đạo. Ngoài Đạo không có sự vật, ngoài sự vật không có Đạo. Thuyết này giống như Trình Hạo nói rằng người tu học trước tiên phải ý thức điều nhân. Tượng Sơn nói: «Vạn vật đầy rẫy trong chỗ một tấc vuông (tức tâm). Đầy tâm mà phát ra, lấp đầy cả vũ trụ; chẳng gì không là Lý ấy.»[6]

Tượng Sơn lại nói: «Mạnh Tử nói: "Hễ tận tâm thì biết bản tính. Biết bản tính thì biết được Trời." Tâm chỉ là một tâm mà thôi. Nó là tâm của ta, tâm của bạn ta, tâm của thánh hiền trăm năm hay ngàn năm trước. Nếu trăm năm hay ngàn năm sau lại có một thánh hiền nữa ra đời, thì cái tâm của ngài cũng chỉ như thế. Bản thể của tâm rất lớn. Nếu ta có thể phát triển cùng tận tâm ta, thì ta đồng nhất với Trời. Việc học chỉ là

---

[4] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 89 của chương 12 ngay trên đây.**

[5] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Cận hữu nghị ngô giả vân: "Trừ liễu tiên lập hồ kỳ đại giả nhất cú, toàn vô kỹ lưỡng." Ngô văn chi viết: "Thành nhiên."»** 近有議吾者云: "除了先立乎其大者一句, 全無伎倆." 吾聞之曰: "誠然." **– LAM chú: Câu *«Tiên lập hồ kỳ đại giả»* lấy trong *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng): «Thử thiên chi sở dữ ngã giả, *tiên lập hồ kỳ đại giả*, tắc kỳ tiểu giả phất năng đoạt dã. Thử vi đại nhân nhi dĩ hĩ.»** 此天之所與我者, 先立乎其大者, 則其小者弗能奪也. 此爲大人而已矣 **(Tâm là cái mà Trời phú bẩm cho ta. Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm, thì điều nhỏ nhặt sẽ không chiếm đoạt lấy tâm của mình. Đó mới là đại nhân).**

[6] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Vạn vật sâm nhiên ư phương thốn chi gian, mãn tâm nhi phát, sung tắc vũ trụ, vô phi thị Lý.»** 萬物森然於方寸之間, 滿心而發, 充塞宇宙, 無非是理.

để hiểu được điều ấy thôi.»[7]

Tượng Sơn lại nói: «Lý ấy lấp đầy vũ trụ; đó gọi là ngoài Đạo

không có sự vật, ngoài sự vật không có Đạo. Nếu bỏ nó mà ta có toan tính, xu hướng, quy mô, hình tích, sự nghiệp, thành tựu, thì chúng không liên can với Đạo, mà chúng là dị đoan và lợi dục. Đó gọi là chìm đắm; đó gọi là [nằm trong] hang cũ. Thuyết ấy tức là tà thuyết, kiến giải ấy tức là tà kiến.»[8]

Tượng Sơn nói: «Đạo đầy khắp thiên hạ, không có chỗ trống nhỏ nhặt [nào mà nó không tới]. Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) và muôn điều thiện đều do Trời phú bẩm, chẳng nhọc lòng con người phải vất vả điểm tô. Chỉ vì con người tự sai lầm mà xa cách các đức tính ấy thôi.»[9]

Tâm của chúng ta vốn là toàn thể vũ trụ, nhưng con người thường bị che lấp. Tượng Sơn nói: «Đạo lấp đầy vũ trụ, chẳng ẩn trốn nơi nào. Ở trên trời gọi là Âm Dương, ở dưới đất gọi là mềm cứng, ở người gọi là nhân nghĩa. Cho nên nhân nghĩa là bản tâm của con người. [...] Kẻ ngu và kẻ hư hỏng thì bất cập, nên bị vật dục che lấp mà đánh mất bản tâm của mình. Kẻ hiền và kẻ trí thì thái quá, nên bị các ý kiến che lấp mà

---

[7] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Mạnh Tử vân: "Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ." Tâm chỉ thị nhất cá tâm, mỗ chỉ tâm, ngô hữu chỉ tâm, thượng nhi thiên bách tải thánh hiền chỉ tâm, hạ nhi thiên bách tuế phục hữu nhất thánh hiền, kỳ tâm diệc chỉ như thử. Tâm chỉ thể thậm đại, nhược năng tận ngã chỉ tâm, tiện dữ thiên đồng. Vi học chỉ thị lý hội thử.» 孟子云："盡其心者，知其性也。知其性，則知天矣。" 心只是一個心，某之心，吾友之心，上而千百載聖賢之心，下而千百歲復有一聖賢，其心亦只如此。心之體甚大，若能盡我之心，便與天同。爲學只是理會此。» – LAM chú: *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã. Yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã.» 盡其心者，知其性也。知其性，則知天矣。存其心，養其性，所以事天也。天壽不貳，修身以俟之，所以立命也 (Hễ tận tâm thì biết bản tính. Biết bản tính thì biết được Trời. Tồn tâm dưỡng tính là phụng sự Trời. Chết yểu hay sống lâu cũng như nhau. Tu thân để chờ đợi ra sao thì ra. Như vậy là lập mệnh).

[8] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thử Lý tắc vũ trụ, sở vị Đạo ngoại vô sự, sự ngoại vô Đạo. Xả thử nhi biệt hữu thương lượng, biệt hữu xu hướng, biệt hữu quy mô, biệt hữu hình tích, biệt hữu hành nghiệp, biệt hữu sự công, tắc dữ Đạo vô tương can, tắc thị dị đoan, tắc thị lợi dục. Vị chi hãm nịch, vị chi cựu khoả. Thuyết tức thị tà thuyết, kiến tức thị tà kiến.» 此理塞宇宙，所謂道外無事，事外無道。舍此而別有商量，別有趨向，別有規模，別有形跡，別有行業，別有事功，則與道無相干，則是異端，則是利欲。謂之陷溺，謂之舊窠。說即是邪說，見即是邪見.

[9] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Đạo biến mãn thiên hạ, vô ta tiểu không khuyết, tứ đoan vạn thiện, giai thiên chi sở dữ, bất lao nhân trang điểm, đãn thị nhân tự hữu bệnh, dữ tha tương cách liễu.» 道遍滿天下，無些小空闕，四端萬善，皆天之所予，不勞人妝點，但是人自有病，與他相隔了.

đánh mất bản tâm của mình.»[10]

Ở đây Tượng Sơn nói vũ trụ chưa hề ly cách với con người, nhưng con người tự ly cách với vũ trụ. Việc học của chúng ta chính là nhằm khử bỏ sự che lấp ấy để trở về bản thể của mình. Tượng Sơn nói: «Lý này trong vũ trụ tại sao lại có chướng ngại? Chính các anh tự nhấn chìm Lý ấy và tự che lấp mình; trong hầm hố tối tăm nào biết cái cao xa. Các anh phải cương quyết phá nát cái hầm hố ấy, phải xem xét mà xé rách tấm lưới trùm lấp mình.»[11]

Chỉ có việc đó mới gọi là học; ngoài nó ra, chẳng phải là học. Tượng Sơn nói: «Trong *Luận Ngữ* có nhiều câu mơ hồ chẳng đầu đuôi gì cả, đại loại như "Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi" (Biết đến nó mà lòng nhân không đủ để giữ nó), chúng ta không biết "nó" ở đây là gì. Hay là "Học nhi thời tập chi" (Học thì luôn luyện tập nó), chúng ta không biết "nó" ở đây là gì. Trừ phi người học có bản lĩnh, chứ chỗ này đọc không dễ. Nếu người học có bản lĩnh, thì ắt biết "cái cần đạt tới" là cái này (tức tâm), "cái mà lòng nhân dùng để giữ lấy" là cái này (tức tâm), "cái cần luôn luyện tập" là cái này (tức tâm). Hễ nói là nói về nó, hễ vui là vui về nó. Nó [dễ dàng] như nước đặt trên cao [chảy xuống]. Học mà biết được gốc, thì sáu kinh đều là chú thích về tâm ta.»[12]

---

[10] *Tượng Sơn Toàn Tập:* **«Đạo tắc vũ trụ, phi hữu sở ẩn độn. Tại thiên viết Âm Dương, tại địa viết nhu cương, tại nhân viết nhân nghĩa. Cố nhân nghĩa giả, nhân chi bản tâm dã. [...] Ngu bất tiếu giả, bất cập yên, tắc tế ư vật dục nhi thất kỳ bản tâm. Hiền giả trí giả quá chi, tắc tế ư ý kiến nhi thất kỳ bản tâm.»** 道塞宇宙，非有所隱遁．在天曰陰陽，在地曰柔剛，在人曰仁義．故仁義者，人之本心也．[...] 愚不肖者，不及焉，則蔽於物欲而失其本心．賢者知(智)者過之，則蔽於意見而失其本心．– **LAM chú: Câu «Tại thiên viết Âm Dương, tại địa viết nhu cương, tại nhân viết nhân nghĩa» phỏng theo Thuyết Quái: «Thị dĩ lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.»** 是以立天之道曰陰與陽，立地之道曰柔與剛，立人之道曰仁與義 **(Cho nên, [thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa). Xin xem lại phần phụ chú ở chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.**

[11] *Tượng Sơn Toàn Tập:* **«Thử Lý tại vũ trụ gian, hà thường hữu sở ngại. Thị nễ tự trầm Lý, tự mông tế. Âm âm địa tại cá hãm tỉnh trung, cánh bất tri sở vị cao viễn để. Yêu quyết liệt phá hãm tỉnh, khuy trắc phá la võng.»** 此理在宇宙間，何嘗有所礙．是你自沈理，自蒙蔽．陰陰地在個陷阱中，更不知所謂高遠底．要決裂破陷阱，窺測破羅網．

[12] *Tượng Sơn Toàn Tập:* **«Luận Ngữ trung đa hữu vô đầu bính để thuyết thoại, như "Tri cập chi nhân bất năng thủ chi" chi loại, bất tri sở cập thủ giả hà sự. Như "Học nhi thời tập chi" bất tri thời tập giả hà sự. Phi học hữu bản lĩnh, vị dị độc dã. Cẩu học hữu bản lĩnh, tắc tri chi sở cập giả cập thử dã, nhân chi sở đĩ thủ giả thủ thử dã, thời tập giả tập thử dã, thuyết giả thuyết thử, lạc giả lạc thử, như cao ốc chi thượng kiến linh thuỷ hĩ. Học cẩu tri bản, lục kinh giai ngã chú cước.»** 論語中多有無頭柄底說話，如"知及之仁不能守之" 之類，不知所及守

Tượng Sơn lại nói: «Cách vật là khảo sát cái này (tức tâm). Phục Hi ngước lên trông thiên tượng, cúi xuống xem phép tắc trên mặt đất, thì trước tiên cũng đã tận lực ở cái ấy (tức tâm). Nếu không phải vậy, thì cái gọi là cách vật [không nhắm vào gốc mà] chỉ nhắm vào ngọn thôi.»[13]

«Học thì luôn luyện tập nó.» Trước tiên ta phải biết cái cần luyện tập là gì. Nói theo Mạnh Tử tức là: «Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm.» Đó là trước tiên phải biết gốc (tri bản 知本). Biết gốc rồi thì gắng sức luôn luôn luyện tập nó, giữ gìn nó, vui với nó. Tất cả công phu này dễ dàng như nước đặt trên cao chảy xuống.

Hễ biết cái tâm này rồi thì phải thuận theo tự nhiên, tâm này sẽ tự ứng vật không cùng. Tượng Sơn nói: «Tập trung tinh thần và tự làm chủ tể. Vạn vật đều có đủ trong ta, như thế còn thiếu sót gì? Lúc phải trắc ẩn thì tự nhiên trắc ẩn; lúc phải hổ thẹn thì tự nhiên hổ thẹn; lúc phải khoan dung mềm mỏng thì tự nhiên khoan dung mềm mỏng; lúc phải mạnh mẽ cương nghị thì tự nhiên mạnh mẽ cương nghị.»[14]

Tượng Sơn nói: «*Kinh Thi* nói về Văn Vương là "Chẳng biết chẳng hay, cứ theo phép Trời". Bài hát ở ngả tư đường cho Nghiêu nghe, cũng

---

者何事.如"學而時習之" 不知時習者何事.非學有本領,未易讀也.苟學有本領,則知之所及者及此也,仁之所守者守此也,時習者習此也,說者說此,樂者樂此,如高屋之上建瓴水矣.學苟知本,六經皆我註腳.– **LAM chú: Câu «Học nhi thời tập chi» lấy ngay đầu sách *Luận Ngữ*. Câu «Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi» lấy từ *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công): «Tử viết: Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi; tuy đắc chi, tất thất chi. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, bất trang dĩ lị chi; tắc dân bất kính. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ khấp chi, động chi bất dĩ lễ; vị thiện dã.»** 子曰: 知及之,仁不能守之;雖得之,必失之.知及之,仁能守之,不莊以蒞之;則民不敬.知及之,仁能守之,莊以涖之,動之不以禮,未善也 **(Biết đến nó mà lòng nhân không đủ để giữ nó; dù có được nó thì cũng mất. Biết đến nó và lòng nhân đủ để giữ nó, nhưng không trang nghiêm đến với nó thì dân không tôn kính. Biết đến nó, lòng nhân đủ để giữ nó, và trang nghiêm đến với nó, nhưng không lấy lễ để hành động thì chưa phải là tốt). Các nhà chú giải hiểu chữ "nó" ở đây là đạo trị nước, tuy nhiên ở đây Lục Cửu Uyên giải thích nó là tâm. Có nhà hiểu *tri* 知 là *trí* 智, tức là tài trí; *lị* 蒞 là *lị lâm* 蒞臨 (đến ai, tới ai).**

[13] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Cách vật giả cách thử giả dã. Phục Hi ngưỡng tượng phủ pháp, diệc tiên ư thử tận lực yên nhĩ. Bất nhiên, sở vị cách vật, mạt nhi dĩ hĩ.»** 格物者格此者也.伏羲仰象俯法,亦先於此盡力焉耳.不然,所謂格物,末而已矣.

[14] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thu thập tinh thần, tự tác chủ tể, vạn vật giai bị ư ngã, hữu hà khiếm khuyết? Đương trắc ẩn thời, tự nhiên trắc ẩn; đương tu ố thời, tự nhiên tu ố; đương khoan dụ ôn nhu thời, tự nhiên khoan dụ ôn nhu; đương phát cường cương nghị thời, tự nhiên phát cường cương nghị.»** 收拾精神,自作主宰,萬物皆備於我,有何欠闕?當惻隱時,自然惻隱;當羞惡時,自然羞惡;當寬裕溫柔時,自然寬裕溫柔;當發強剛毅,自然發強剛毅.

chẳng qua là như thế.[15] *Luận Ngữ* nói về Thuấn và Vũ rằng: "Cao cả thay! Thuấn và Vũ có thiên hạ mà như không can dự nó."[16] Con người nếu biết cái lỗi can dự thiên hạ và không có cái bệnh do tri thức, thì tâm ấy sẽ sáng rỡ, Lý ấy sẽ thoáng đãng, mỗi vật sẽ ứng phó với nhau, "quy tụ về cực điểm tốt đẹp" (như Kinh Thư nói). "Hễ quân tử đi qua chỗ nào thì nơi đó được chuyển hoá; hễ ở lại chỗ nào thì ảnh hưởng của ngài như thần, cùng trôi chảy lên xuống với trời đất. Lẽ nào nói đó là điều bổ ích

---

[15] **LAM chú: Bài hát ở ngả tư đường là một giai thoại chép trong *Liệt Tử* (chương Trọng Ni): «Nghiêu trị thiên hạ ngũ thập niên, bất tri thiên hạ trị dư, bất trị dư? Bất tri ức triệu chi nguyện đái kỷ dư, bất nguyện đái kỷ dư? Cố vấn tả hữu, tả hữu bất tri. Vấn ngoại triều, ngoại triều bất tri. Vấn tại dã, tại dã bất tri. Nghiêu nãi vi phục du ư khang cù, văn nhi đồng dao viết: "Lập ngã chúng dân, mạc phi nhữ cực. Bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc." Nghiêu hỉ vấn viết: "Thuỳ giáo nhữ vi thử ngôn?" Đồng nhi viết: "Ngã văn chi đại phu." Vấn đại phu, đại phu viết: "Cổ thi dã." Nghiêu hoàn cung, triệu Thuấn, nhân thiện dĩ thiên hạ. Thuấn bất từ nhi thụ chi.» 堯治天下五十年，不知天下治歟，不治歟？不知億兆之願戴己歟？故問左右，左右不知。問外朝，外朝不知。問在野，在野不知。堯乃微服游於康衢，聞兒童謠曰："立我蒸民，莫匪爾極。不識不知，順帝之則。"堯喜問曰："誰教爾爲此言？"童兒曰："我聞之大夫。"問大夫，大夫曰："古詩也。"堯還宮召舜，因禪以天下。舜不辭而受之 (Nghiêu cai trị thiên hạ được 50 năm, không biết thiên hạ có yên bình hay không, không biết hàng triệu dân chúng có muốn tôn ông làm vua hay không. Bèn hỏi cận thần hai bên, họ không biết. Hỏi những quan viên bên ngoài, họ cũng không biết. Hỏi những bậc hiền tài không ra làm quan, họ cũng không biết. Nghiêu bèn giả dạng thường dân, đến ngả tư đường, nghe trẻ con hát: "Lấy gạo thóc nuôi dân, tất cả theo luật của ngài; Chẳng biết chẳng hay, cứ theo phép Trời." Nghiêu vui mừng hỏi: "Ai dạy cháu hát thế?" Trẻ con đáp: "Cháu nghe một quan đại phu hát." Nghiêu hỏi đại phu ấy, ông ta đáp: "Đó là thơ xưa." Nghiêu trở về cung, triệu ông Thuấn đến, nhân đó truyền thiên hạ cho ông. Thuấn không từ chối, bèn nhận lấy). *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (sđd., tr.236) chú: *Ngoại triều* 外朝 = chỉ chung các quan viên ngoài cận thần (phiếm chỉ cận thần ngoại đích quan viên 泛指近臣外的官員); *tại dã* 在野 = ám chỉ kẻ sĩ có tài nhưng không làm quan (chỉ một hữu tố quan đích hữu tài chi sĩ 指没有做官的有才之士); *khang cù* 康衢 = đường lớn thông bốn phương tám hướng, tức ngả tư đường (tứ thông bát đạt đích đại lộ 四通八達的大路); *lập* 立 = tức là *lạp* 粒 (hạt [gạo]), chỉ gạo hay ngũ cốc, ở đây dùng như động từ (lập thông lạp, chỉ mễ cốc, giả lý dụng tác động từ 立通粒，指米谷，這里用作動詞); *chúng dân* 蒸民 = dân chúng, *chưng* là nhiều (bách tính; chưng chúng dã 百姓，蒸衆也). Derk Bodde hiểu Khang Cù là địa danh nên giữ nguyên: «The song to Yao at K'ang-ch'u",...» (Bài hát cho Nghiêu nghe tại Khang Cù,...). A.C. Graham (*The Book of Lieh-tzŭ*, Columbia, 1990, tr.90) dịch: «Then Yao wandered in disguise on the highroads.» (Rồi Nghiêu vi hành trên đường cái).**

[16] **LAM chú: Nguyên văn là *Luận Ngữ* (Thái Bá): «Tử viết: Nguy nguy hồ, Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dự yên.» 子曰：巍巍乎，舜禹之有天下也，而不與焉 (Cao cả thay! Vua Thuấn và vua Vũ có thiên hạ mà như không can dự nó). *Bất dự* ở đây là không liên quan, không tham dự. Dương Bá Tuấn (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, 1998, tr.83) giảng là không xem thiên hạ là tư hữu. James Legge dịch: «How majestic was the manner in which Shun and Yu held possession of the empire, as if it were nothing to them!»Vời vợi thay cách thức mà Thuấn và Vũ có thiên hạ: dường như thiên hạ chẳng là gì đối với họ!)**

nhỏ cho đời hay sao?"[17] »[18]

Trên đây Tượng Sơn giải thích lời phê bình về ông của những người mà ông cho rằng: «Kẻ hiền và kẻ trí thì thái quá, nên bị các ý kiến [của học thuyết của họ] che lấp mà đánh mất bản tâm của mình.»[19] Ở đây quan điểm của Tượng Sơn giống với ý của Trình Hạo trong Định Tính Thư, trong đó Trình Hạo cho rằng nếu chẳng có *tự tư* 自私 và *dụng trí* 用智 thì tâm chúng ta ắt sẽ «rộng mở mà rất công bằng, hễ vật đến thì thuận ứng».[20] Trong lời Tượng Sơn nói trên đây, «cái lỗi can dự thiên hạ» tức là *tự tư* và «cái bệnh do tri thức» tức là *dụng trí*. «Tâm ấy sẽ sáng rỡ, Lý ấy sẽ thoáng đãng, mỗi vật sẽ ứng phó với nhau» nghĩa là như thấy vật đáng vui thì tự nhiên vui, thấy vật đáng giận thì tự nhiên giận; tức là «rộng mở mà rất công bằng, hễ vật đến thì thuận ứng».

Cái bệnh của nhà Phật chính là không thể «đại công» 大公 (rất công bằng). Trong thư gởi Vương Thuận Bá 王順伯, Tượng Sơn viết: «Tôi từng lấy hai chữ nghĩa và lợi mà phân biệt Nho với Phật. Nói công và tư, kỳ thực là nghĩa và lợi. Nhà Nho xem con người sinh ra trong cõi trời đất linh hơn vạn vật, quý hơn vạn vật, cùng đứng ngang với trời đất làm tam cực (tam tài). Trời có thiên đạo, đất có địa đạo, người có nhân đạo. Người mà không trọn vẹn nhân đạo thì không đủ tư cách đứng ngang với trời đất. Người có ngũ quan, mỗi cái có chức năng riêng. Do đó mà

---

[17] **LAM chú: Câu này trong *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Bá giả chi dân, hoan ngu như dã. Vương giả chi dân, hạo hạo như dã. Sát chi nhi bất oán, lợi chi nhi bất dụng. Dân nhật thiên thiện nhi bất tri vi chi giả. *Phù quân tử sở quá giả hoá, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết tiểu bổ chi tai.*» 霸者之民，驩虞如也，王者之民，皞皞如也。殺之而不怨，利之而不庸，民日遷善而不知爲之者。夫君子所過者化，所存者神，上下與天地同流，豈曰小補之哉 (Dân của vua theo bá đạo thì vui vẻ nồng nhiệt. Dân của vua theo vương đạo thì vui vẻ điềm đạm. Vua theo vương đạo dù giết người có tội thì dân cũng không oán, dù làm lợi cho dân thì dân cũng không xem đó là ân huệ của vua. Dân ngày càng hướng thiện mà không biết ai khiến cho họ như thế. *Hễ quân tử đi qua chỗ nào thì nơi đó được chuyển hoá; hễ ở lại chỗ nào thì ảnh hưởng của ngài như thần, cùng trôi chảy lên xuống với trời đất. Lẽ nào nói đó là điều bổ ích nhỏ [cho đời] sao?*)**

[18] ***Tượng Sơn Toàn Tập*: «Thi xưng Văn Vương "Bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc". Khang Cù chi ca Nghiêu, diệc bất quá như thử. Luận Ngữ chi xưng Thuấn Vũ viết: "Nguy nguy hồ hữu thiên hạ nhi bất dự yên." Nhân năng tri dự yên chi quá, vô thức tri chi bệnh, tắc thử tâm quýnh nhiên, thử Lý thản nhiên, vật các phó vật, "hội kỳ hữu cực, quy kỳ hữu cực" hĩ. "Sở quá giả hoá, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết tiểu bổ chi tai."» 詩稱文王"不識不知，順帝之則". 康衢之歌堯，亦不過如此。論語之稱舜禹曰："巍巍乎有天下而不與焉." 人能知與焉之過，無識之知病，則此心炯然，此理坦然，物各付物，"會其有極，歸其有極" 矣. "所過者化，所存者神，上下與天地同流，豈曰小補之哉."**

[19] **LAM chú: Xin xem chú thích 10 của chương này.**

[20] **LAM chú: Xin xem chú thích 92 của chương 12 ngay trên đây.**

họ có đúng sai, được mất; do đó mà có giảng dạy và học tập. Sự giảng dạy của đạo Nho thành lập từ khái niệm đó, nên nói là nghĩa và công. Nhà Phật xem con người sinh ra trong cõi trời đất có sinh tử, luân hồi, phiền não; cho rằng đời quá đau khổ, nên mong tránh né nó. [...] Cho nên họ nói: việc sinh tử là lớn. [...] Sự giảng dạy của đạo Phật thành lập từ khái niệm đó, nên nói là lợi và tư. Chỉ vì nghĩa và công nên nhập thế; chỉ vì lợi và tư nên xuất thế. Nhà Nho dù đạt tới không âm thanh, không mùi hương, không nơi chốn, không bản thể, thì họ chủ ở nhập thế. Nhà Phật chỉ mong vượt qua biển khổ để tới cõi tương lai nên họ chủ ở xuất thế.»[21]

Tượng Sơn lấy nhập thế và xuất thế để phân biệt Nho với Phật. Nhập thế là thuận theo sự tự nhiên của tâm ta, còn xuất thế là kết quả của tự tư và dụng trí.

Về cái gọi là phương pháp tu dưỡng, giữa Tượng Sơn và Chu Hi có sự bất đồng. *Ngữ Lục* của Tượng Sơn chép: «Nhân nói đến ý kiến của Định Phu (đệ tử của Tượng Sơn) cho rằng thói quen cũ không dễ trừ bỏ, nhưng nếu một thói trừ được thì trăm thói cũng trừ xong. Tôi (tức đệ tử chép *Ngữ Lục*) nói phương pháp đối với sự vật của Hối Am (tức Chu Hi) không thể dùng để trừ bỏ việc ấy được. Thầy (tức Tượng Sơn) nói: "Không thể so sánh cái này (tức lời Định Phu) với cái kia (tức phương pháp của Chu Hi). [Phương pháp của Chu Hi] là thêm vào."»[22]

---

[21] *Tượng Sơn Toàn Tập* (Dữ Vương Thuận Bá Thư): «Mỗ thường dĩ nghĩa lợi nhị tự phán Nho Thích. Hựu viết công tư, kỳ thực tức nghĩa lợi dã. Nho giả dĩ nhân sinh thiên địa chi gian, linh ư vạn vật, quý ư vạn vật, dữ thiên địa tịnh nhi vi tam cực. Thiên hữu thiên đạo, địa hữu địa đạo, nhân hữu nhân đạo. Nhân nhi bất tận nhân đạo, bất túc dữ thiên địa tịnh. Nhân hữu ngũ quan, quan hữu kỳ sự. Ư thị hữu thị phi đắc thất, ư thị hữu giáo hữu học. Kỳ giáo chi sở tòng lập giả như thử, cố viết nghĩa viết công. Thích thị dĩ nhân sinh thiên địa chi gian, hữu sinh tử, hữu luân hồi, hữu phiền não, dĩ vi thậm khổ, nhi cầu sở dĩ miễn chi. [...] Cố kỳ ngôn viết: sinh tử sự đại. [...] Kỳ giáo chi sở tòng lập như thử, cố viết lợi viết tư. Duy nghĩa duy công cố kinh thế; duy lợi duy tư cố xuất thế. Nho giả tuy chí ư vô thanh vô xú, vô phương vô thể, giai chủ ư kinh thế. Thích thị duy tận vị lai tế phổ độ chi, giai chủ ư xuất thế.» 某嘗以義利二字判儒釋.又曰公私,其實即義利也.儒者以人生天地之間,靈於萬物,貴於萬物,與天地並而爲三極.天有天道,地有地道,人有人道.人而不盡人道,不足與天地並.人有五官,官有其事.於是有是非得失,於是有教有學.其教之所從立者如此,故曰義曰公.釋氏以人生天地之間,有生死,有輪迴,有煩惱,以爲甚苦,而求所以免之.[...] 故其言曰:生死事大.[...] 其教之所從立如此,故曰利曰私.惟義惟公故經世;惟利惟私故出世.儒者雖至於無聲無臭,無方無體,皆主於經世.釋氏惟盡未來際普度之,皆主於出世.

[22] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Nhân thuyết Định Phu cựu tập vị dị tiêu, nhược nhất xứ tiêu liễu, bách xứ tận khả tiêu. Dư vị Hối Am chư sự vi tha tiêu bất đắc. Tiên sinh viết: "Bất khả tương thử tương tỉ, tha thị thiêm."» 因說定夫舊習未易消,若一處消了,百處盡可消.予謂晦庵諸事爲他消不得.先生曰:"不可將此相比,他是添."

Tượng Sơn nói: «Lời thánh nhân vốn minh bạch. Thí dụ nói: "Phận con em, hễ ở nhà thì *hiếu* (hiếu kính cha mẹ), hễ ra khỏi nhà thì *để* (tôn kính huynh trưởng)." Lời ấy nói rõ ràng là các anh ở nhà thì hiếu, ra khỏi nhà thì đễ. Cần chi đến chú giải? Người đi học mệt mỏi tinh thần ở chỗ này, chỉ là làm nặng gánh cho mình thôi. Nhưng hễ ai đến ta học, ta chỉ làm nhẹ gánh cho họ. Nó chỉ là cách vật.»[23]

Lão Tử (chương 48) nói: «Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn.» 爲學日益,爲道日損(Theo học ngày một thêm, theo Đạo ngày một bớt). Dường như Tượng Sơn lấy ý đó để phân biệt cái học của mình với cái học của Chu Hi. Cho nên năm 1175 ở chùa Nga Hồ 鵝湖, Tượng Sơn và Chu Hi tranh luận nhau. Tượng Sơn đọc câu thơ:

«Dị giản công phu chung cửu đại,

Chi li sự nghiệp cánh phù trầm.»

易簡工夫終久大,支離事業更浮沈

(Công phu giản dị rồi lâu dài to lớn,

Sự nghiệp chi li rốt cuộc lại nổi chìm.)

«Chi li» ám chỉ học thuyết của Chu Hi; «giản dị» ám chỉ học thuyết của Tượng Sơn.

2. Dương Từ Hồ

Kiến giải chủ yếu của Tượng Sơn được thuyết minh khá rõ ràng kỹ lưỡng là nhờ một cao đệ của ông: Dương Từ Hồ 楊慈湖, tức Dương Giản 楊簡(1140-1226). Đệ tử của Dương Giản là Tiền Thời 錢時, viết trong *Từ Hồ Tiên Sinh Hành Trạng* (hành trạng của thầy Dương Từ Hồ) rằng: «Thầy tên huý là Giản, tự là Kính Trọng, họ Dương. [...] Năm Càn Đạo thứ 5 (tức 1169), thầy làm chủ bạ ở Phú Dương. [...] Khi Văn An Công (tức Lục Tượng Sơn) mới đến Phú Dương (năm 1172), [...] có đêm nọ cùng tụ tập trên Song Minh Các, Văn An Công mấy lần đề cập hai

[23] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «**Thánh nhân chi ngôn tự minh bạch, thả như đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, thị phân minh thuyết dữ nễ nhập tiện hiếu, xuất tiện để, hà tu đắc truyện chú. Học giả bì tinh thần ư thử, thị dĩ đảm tử việt trọng. Đáo mỗ giá lý, chỉ thị dữ tha giảm đảm, chỉ thử tiện thị cách vật.**» 聖人之言自明白,且如弟子入則孝出則悌,是分明說與你入便孝出便悌,何須得傳註.學者疲精神於此,是以擔子越重.到某這里,只是與他減擔,只此便是格物.– LAM chú: *Luận Ngữ* (Học Nhi): «**Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.**» 弟子入則孝,出則悌,謹而信,汎愛衆,而親仁.行有餘力,則以學文(**Phận con em, hễ ở nhà thì hiếu kính cha mẹ, hễ ra khỏi nhà thì tôn kính huynh trưởng, cẩn thận lời nói và phải thành tín, yêu khắp mọi người, gần gũi bậc nhân đức. Ngoài những việc ấy, nếu còn dư sức thì hãy học văn chương**).

chữ bản tâm. Nhân đó thầy Dương thong thả hỏi: "Bản tâm là gì?" Có buổi sáng nọ, thầy Dương xử một vụ kiện về quạt. Bấy giờ Văn An Công mới lớn tiếng trả lời rằng: "Trong vụ kiện này ắt phải có kẻ đúng người sai. Nếu thấy được ai đúng ai sai, tức là quyết định anh A đúng, anh B sai. Cái đó không phải bản tâm thì là gì?" Thầy Dương nghe thế, tâm bỗng nhiên trong sáng; hỏi ngay: "Chỉ vậy thôi ư?" Văn An Công ngồi thẳng lên và trịnh trọng nói lớn: "Chứ còn gì nữa!" Thầy Dương thấy Văn An Công không nói gì nữa, bèn vái chào rồi về. Thầy Dương ngồi chắp tay cung kính đến sáng hôm sau, rồi hướng mặt về phía bắc và vái lạy; suốt đời thờ Văn An Công làm thầy, và thường nói biết ơn thầy Lục, nhất là về câu trả lời thứ hai. [Giả sử thầy Lục có] nói thêm gì nữa sau câu ấy, thì chỉ là chi li phức tạp thôi.»[24]

Theo *Từ Hồ Tiên Sinh Hành Trạng*, Dương Giản quê ở Từ Khê 慈溪 (nay thuộc tỉnh Chiết Giang); mất năm Bảo Khánh 寶慶 thứ hai (tức 1226) đời Tống Lý Tông, thọ 86 tuổi. Dương Giản viết *Tượng Sơn Hành Trạng*, trong đó có chép việc ông ở Phú Dương ngộ được bản tâm: «Có một tối, Giản nêu câu hỏi về bản tâm, thầy Lục bèn nêu sự đúng sai trong vụ kiện về quạt hồi ban ngày mà đáp. Giản chợt tỉnh tâm này vốn trong sáng, chợt tỉnh tâm này không đầu đuôi gốc ngọn, chợt tỉnh tâm này chẳng nơi nào mà không thông suốt.»[25]

---

[24] *Từ Hồ Di Thư:* «Tiên sinh huý Giản, tự Kính Trọng, tính Dương thị. [...] Càn Đạo ngũ niên chủ Phú Dương bạ. [...] Văn An Công tân đệ quy lai Phú Dương. [...] Dạ tập Song Minh Các thượng, sổ đề bản tâm nhị tự. Nhân tòng dung vấn viết: "Hà vi bản tâm?" Thích bình đán thường thính phiến tụng. Công tức dương thanh đáp viết: "Thả bỉ tụng phiến giả tất hữu nhất thị nhất phi. Nhược kiến đắc thục thị thục phi, tức quyết định vị mỗ giáp thị, mỗ ất phi hĩ. Phi bản tâm nhi hà?" Tiên sinh văn chi, hốt giác thử tâm trừng nhiên. Cức vấn viết: "Chỉ như tư da?" Công tủng nhiên đoan lệ, phục dương thanh viết: "Cánh hà hữu dã." Tiên sinh bất hạ tha ngữ, tức ấp nhi quy. Củng đạt đán, chất minh chính bắc diện nhi bái, chung thân sư sự yên. Mỗi vị mỗ cảm Lục tiên sinh, vưu thị tái đáp nhất ngữ. Cánh vân vân tiện chi li.» 先生諱簡，字敬仲，姓楊氏．[...] 乾道五年主富陽簿．[...] 文安公新第歸來富陽．[...] 夜集雙明閣上，數提本心二字．因從容問曰："何爲本心？" 適平旦嘗聽扇訟．公即揚聲答曰："且訟扇者必有一是一非．若見得孰是孰非，即決定某甲是，某乙非矣．非本心而何？" 先生聞之，忽覺此心澄然．亟問曰："止如斯耶？" 公竦然端厲，復揚聲曰："更何有也．" 先生不暇他語，即揖而歸．拱達旦，質明正北面而拜，終身師事焉．每謂某感陸先生，尤是再答一語．更云云便支離．

[25] *Từ Hồ Di Thư:* «Nhất tịch Giản phát bản tâm chi vấn tiên cử thị nhật phiến tụng thị phi dĩ đáp, Giản hốt tỉnh thử tâm chi thanh minh, hốt tỉnh thử tâm chi vô thuỷ mạt, hốt tỉnh thử tâm chi vô sở bất thông.» 一夕簡發本心之問先舉是日扇訟是非以答，簡忽省此心之清明，忽省此心之無始末，忽省此心之無所不通．

Cái học của Dương Giản khởi đầu từ điểm đó. Trong bài luận *Kỷ Dịch* 己易, ông viết: «Dịch là bản thân ta, chẳng phải là cái gì khác. Xem Dịch là sách chứ không xem Dịch là bản thân ta, thì không thể được. Xem Dịch là sự biến hoá của trời đất chứ không xem Dịch là sự biến hoá của bản thân ta, thì không thể được. Trời đất là trời đất của ta; biến hoá là biến hoá của ta; chẳng phải là vật gì khác. Thói tự tư cắt rời [ta khỏi trời đất] và làm nhỏ đi bản thân ta. [...] Cái tạo ra ta đâu phải chỉ là khí huyết, hình thể, dung mạo. Bản tính của ta trong trẻo sáng rỡ chứ không phải là một vật; bản tính của ta sáng láng không biên giới, nên không thể lường được. Trời là tượng trong bản tính của ta, đất là hình trong bản tính của ta. Cho nên [Hệ Từ Thượng] nói: "Trên trời các hiện tượng thành lập, dưới đất các hình thể thành lập." [26] Tất cả chúng đều được ta tạo ra. Chúng dung hợp nhau, không có trong hay ngoài; quán thông không sai biệt; quan sát một hào của quẻ Dịch thì ta thấy ý nghĩa của nó trở nên sáng trưng. [...] Có thể biết được chân tâm trắc ẩn khi bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó], thì cái tuyệt diệu của việc không so đo tính toán ấy ai ai cũng tự có. Tính chất thuần thành trong sáng ấy ai ai cũng tự có. Cái bản thể rộng lớn vô hạn ấy ai ai cũng tự có. Cái tâm này thường thấy trong việc ăn uống hàng ngày, thường thấy trong lúc vội vã hoang mang khốn khó, nhưng người ta không tự giác về nó. [...] Tâm này chỉ có một, chẳng có hai; chưa từng bị đứt đoạn rồi nối lại; chưa hề không như thế mà nay lại như thế; chưa hề từng như thế mà nay không như thế. Ngày đêm cũng chỉ có một tâm ấy; xưa nay cũng chỉ có một tâm ấy. Lúc ta trai tráng, tâm ấy không mạnh hơn; lúc ta lão suy, tâm ấy không yếu đi. [...] Tuân theo sự vận động của bản tâm của ta, ta có thể bay, có thể lặn, có thể nghi ngờ, có thể cảnh giác.[27] [...] Ra làm quan, hay bỏ quan, hay nhậm chức lâu, hay nhậm chức mau, một mực hợp với lẽ phải.[28] Dù xoay tròn hay đi khúc khuỷu, mỗi việc gì ta cũng theo khả năng của nó. Như thế ta không phải vất vả mà việc vẫn tựu thành. Trong tâm ta tự có chính nghĩa cho mười, trăm, ngàn, vạn những điều sai biệt. Ba trăm lễ nghi và ba ngàn uy nghi [29] chẳng phải là vật ở ngoài tâm ta. Cho nên nói: "Các

[26] **LAM chú: Xin xem chú thích 42 của chương 3 trên đây.**

[27] **LAM chú: Các chữ *phi* (bay), *tiềm* (lặn), *nghi* (nghi ngờ), *dịch* (cảnh giác) đều ở trong quẻ Càn.**

[28] **LAM chú: Bốn chữ *sĩ, chỉ, cửu, tốc* lấy từ *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng): «Khả dĩ sĩ tắc sĩ, khả dĩ chỉ tắc chỉ, khả dĩ cửu tắc cửu, khả dĩ tốc tắc tốc, Khổng Tử dã.» 可以仕則仕，可以止則止，可以久則久，可以速則速 (Lúc nên làm quan thì làm quan, lúc nên bỏ quan thì bỏ quan, lúc cần nhậm chức lâu thì lâu, lúc cần nhậm chức mau thì mau. Đó là Khổng Tử vậy).**

[29] **LAM chú: *Trung Dung* (chương 27): «Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên. Đãi kỳ nhân nhi hậu hành.» 禮儀三百威儀三千，待其人而後行 ([Đạo của thánh nhân] bao quát 300 lễ nghi và 3000 uy nghi. Đợi đúng người rồi mới thi hành).**

đức [nhân và trí] của tính là đạo hợp nhất trong với ngoài, cho nên ta thi hành chúng hợp thời thì hành động sẽ đúng đắn."[30] Ý nói về sự đúng đắn tự nhiên của nó, chứ không phải sự đúng đắn mà ta mong cầu.»[31]

Vạn vật trong vũ trụ đều là vật trong tâm ta, đều là một thể với ta. Mạnh Tử nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó].» Qua đó, có thể thấy đứa bé với ta là một thể. Nếu ở chỗ này mà ta có thể ý thức được bản tâm, thì ta có thể biết mọi hành vi của ta cần dựa vào sự tự nhiên của bản tâm để làm

---

[30] **LAM chú:** ***Trung Dung*** **(chương 25): «Tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thố chi nghi dã.»** 性之德也，合外內之道也，故時措之宜也**(Các đức [nhân và trí] của tính là đạo hợp nhất trong với ngoài, cho nên ta thi hành chúng hợp thời thì hành động sẽ đúng đắn).**

[31] ***Từ Hồ Di Thư:*** **«Dịch giả, kỷ dã; phi hữu tha dã. Dĩ Dịch vi thư, bất dĩ Dịch vi kỷ, bất khả dã. Dĩ Dịch vi thiên địa chi biến hoá, bất dĩ Dịch vi kỷ chi biến hoá, bất khả dã. Thiên địa, ngã chi thiên địa; biến hoá, ngã chi biến hoá; phi tha vật dã. Tư giả liệt chi, tư giả tự tiểu dã. [...] Phù sở dĩ vi ngã giả, vô viết huyết khí hình mạo nhi kỷ dã. Ngô tính trừng nhiên thanh minh nhi phi vật; ngô tính đồng nhiên vô tế nhi phi lượng. Thiên giả ngô tính trung chi tượng; địa giả ngô tính trung chi hình. Cố viết: "Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình." Giai ngã chi sở vi dã. Hỗn dung vô nội ngoại; quán thông vô dị thù; quan nhất hoạch kỳ chỉ chiêu chiêu hĩ. [...] Năng thức trắc ẩn chi chân tâm ư nhụ tử tương nhập tỉnh chi thời, tắc hà tư hà lự chi diệu, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Thuần thành đồng bạch chi chất, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Quảng đại vô cương chi thể, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Thử tâm thường kiến ư nhật dụng ẩm thực chi gian, tạo thứ điên bái chi gian, nhi nhân bất tự tỉnh dã. [...] Thị tâm bản nhất dã, vô nhị dã, vô thường đoạn nhi phục tục dã, vô hưởng dã bất như thị nhi kim như thị dã, vô hưởng dã như thị nhi kim bất như thị dã. Trú dạ nhất dã, cổ kim nhất dã, thiếu tráng bất cường, nhi suy lão bất nhược dã. [...] Tuần ngô bản tâm dĩ vãng, tắc năng phi năng tiềm, năng nghi năng dịch. [...] Sĩ chỉ cứu tốc, nhất hợp kỳ nghi. Chu tuyền khúc chiết, các đương kỳ khả. Phi cần lao nhi vi chi dã. Ngô tâm trung tự hữu như thị thập bách thiên vạn tán thù chi chính nghĩa dã. Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên, phi ngô tâm ngoại vật dã. Cố viết: "Tính chi đức dã, hợp nội ngoại chi đạo dã, cố thời thố chi nghi dã." Ngôn hồ kỳ tự nghi dã, phi cầu hồ nghi giả dã.»** 易者，己也；非有他也．以易爲書，不以易爲己，不可也．以易爲天地之變化，不以易爲己之變化，不可也．天地，我之天地；變化，我之變化；非他物也．私者裂之，私者自小也．[...] 夫所以爲我者，毋曰血氣形貌之己也．吾性澄然清明而非物；吾性洞然無際而非量．天者吾性中之象；地者吾性中之形．故曰："在天成象，在地成形，"皆我之所爲也．混融無內外；貫通無異殊；觀一畫其旨昭昭矣．[...] 能識惻隱之眞心於孺子將入井之時，則何思何慮之妙，人人之所自有也．純誠洞白之質，人人之所自有也．廣大無疆之體，人人之所自有也．此心常見於日用飲食之間，造次顚沛之間，而人不自省也．[...] 是人本一也，無二也，無嘗斷而復續也，無嚮也不如是而今如是也，無嚮也如是而今不如是也．晝夜一也，古今一也，少壯不強，而衰老不弱也．[...] 循吾本心以往，則能飛能潛，能疑能惕．[...] 仕止久速，一合其宜．周旋曲折，各當其可．非勤勞而爲之也．吾心中自有如是千百千萬散殊之正義也．禮儀三百，威儀三千，非吾心外物也．故曰："性之德也，合內外之道也，故時措之宜也．"言乎其自宜也，非求乎宜者也．

được điều đúng đắn. Trình Hạo nói phần lớn lỗi lầm của con người là bởi sự tự tư và dụng trí. Nếu ta không tự tư và dụng trí thì cái tâm sáng láng sẽ tự hiển lộ được tác dụng của nó.

Dương Giản cũng chú trọng điểm ấy. Trong bài *Tuyệt Tứ Ký* 絕四記, ông nói: «Tâm người tự sáng; tâm người tự linh. *Ý* khởi thì *ngã* lập, *tất* và *cố* thì gây trở ngại, bắt đầu chôn mất cái sáng và linh của mình. Khổng Tử hằng ngày cùng đệ tử thong dong vấn đáp. Ngài tận tâm nhắc nhở, để cấm tuyệt căn bệnh của người học; đại khái có bốn điều: *ý* 意 (theo ý riêng), *tất* 必 (khẳng định tuyệt đối), *cố* 固 (cố chấp), *ngã* 我 (chấp ngã).[32] Nếu đệ tử nào có một trong bốn điều đó, thì thánh nhân (tức Khổng Tử) ắt sẽ cấm tuyệt nó. (Chữ *vô* 毋 có nghĩa là cấm tuyệt). Ngài biết rằng người ta đều có bản tính rất sáng, rất linh, rộng lớn, thánh trí. Con người không cần phải tìm kiếm bên ngoài, không cần phải đạt được cái gì ở bên ngoài, mà tự thân họ đã có căn bản và thần minh. Do sinh ý nên che lấp nó. Do có *tất* nên che lấp nó. Do có *cố* nên che lấp nó. Do có *ngã* nên che lấp nó. Đầu mối của sự u tối che lấp này là ở đấy. Cho nên ngài tuỳ theo chứng bệnh phát ra của mỗi đệ tử mà cấm tuyệt; ngài nói: "Đừng như thế, đừng như thế!" Thánh nhân không thể lấy Đạo tặng cho người, mà chỉ có thể trừ khử sự che lấp của con người thôi. Giống như bầu trời ban đầu thì trong sáng, nhưng khi có nhiều mây mù thì bầu trời bị che lấp mà tối đi. Xua tan những áng mây mù, thì bầu trời trong sáng trở lại. [...] Ý là gì? [Tâm] chớm khởi lên đều gọi là ý; chớm dừng lại cũng gọi là ý. Tình trạng của ý nhiều không kể xiết, gây ra lợi, hại, đúng, sai, tiến, thoái. [...] Các loại như thế, dù tận lực hết ngày, hết năm, dù nói ngang nói dọc, dù nói rộng nói gọn, ta cũng không thể nói cho hết. Nhưng tâm khác với ý ra sao? Hai cái này lúc đầu chưa khác nhau, nhưng do sự che lấp mà khác nhau. Tâm có một, ý có hai; tâm thẳng thắn, ý chi li; tâm thì thông suốt, ý thì bị cản trở. Tâm thẳng thắn có tác dụng thẳng thắn. Nó không ý thức và không biết. Biến hoá vân vi, lẽ nào chi li. Cảm thông vô cùng, chẳng nghĩ chẳng làm. Mạnh Tử chủ trương "minh tâm" 明心 (làm sáng lòng), Khổng Tử chủ trương "vô ý" 毋意 (không theo ý riêng mà phán đoán). Không theo ý riêng mà phán đoán thì tâm này sẽ sáng. [...] Tất là gì? Tất là sự khẳng định tuyệt đối do ý sinh ra. Tất phải như thế này, tất phải không như thế kia. Tất muốn như thế này, tất không muốn như thế kia. Đại Đạo không có nơi chốn nhất định, làm sao có thể chỉ định nó? Cho rằng Đạo ở đây, tức là nó không ở đó ư? Cho rằng Đạo

[32] **LAM chú:** ***Luận Ngữ*** **(Tử Hãn): «Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.»** 子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我 **(Phu tử có bốn điều: 1- không theo ý riêng mà phán đoán, 2- không khẳng định tuyệt đối, 3- không cố chấp, 4- không chấp ngã).**

ở đó, tức là nó không ở đây ư? "Phải đáng tin, phải hiệu quả" [33] như thế là không đúng. Đoan chắc phải thế, là tự chia lìa và tự mất. Cố là gì? Cố cũng là sự cố chấp do ý. Bám vào cố chấp mà không thông, nguyên tắc ấy là ngõ cụt. Bám vào cố chấp mà không biến hoá, nguyên tắc ấy là hạ sách. Khổng Tử từng nói: "Ta thì khác với họ. Chẳng có gì là có thể; cũng chẳng có gì là không thể." Lại nói: "Ta có hiểu biết rộng ư? Không." [34] "Có thể" và "không thể" ngài còn chưa từng có, huống hồ cố chấp. Sự hiểu biết ngài còn chưa từng có, huống hồ cố chấp. Ngã là gì? Ngã cũng là ngã do ý. Ý sinh nên ngã lập, ý không sinh thì ngã cũng không lập. Từ thơ ấu, khi bú sữa thì nói sữa *của tôi*; lớn lên khi ăn thì nói thức ăn *của tôi*; mặc quần áo thì nói quần áo *của tôi*; đi thì nói *tôi* đi; ngồi thì nói *tôi* ngồi; đọc sách thì nói *tôi* đọc sách; làm quan thì nói *tôi* làm quan; nổi tiếng thì nói *tôi* nổi tiếng; hành nghề thì nói *tôi* hành nghề. Cái chuồng [giam ngã, tức cái *tôi* ấy] kiên cố như sắt nhưng thua kém một cục đất, một làn khí, hay sự rỗng không. Họ chẳng biết rằng khi ý niệm chưa phát tác là có một tình trạng thâm sâu vắng lặng, chưa từng lập cái gì, vậy cái gì là ngã (cái gì là tôi)?»[35]

---

[33] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Tử Lộ): «Ngôn tất tín, hành tất quả.» 言必信,行必果 (Nói phải đáng tin, hành động phải hiệu quả).– *Mạnh Tử* (Ly Lâu, hạ): «Đại nhân giả, ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại.» 大人者,言不必信,行不必果,惟義所在 (Bậc đại nhân khi nói không nhất thiết cho rằng lời nói đáng tin, khi hành động không không nhất thiết cho rằng hành động hiệu quả, chỉ tuỳ hoàn cảnh mà nói và làm cho hợp nghĩa thôi).**

[34] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Vi Tử): «Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả.» 我則異於是,無可無不可. Dương Bá Tuấn (sđd., tr.197) dịch: «Ngã tựu hoà tha môn giá ta nhân bất đồng, một hữu thập ma khả dĩ, đã một hữu thập ma bất khả dĩ.» 我就和他們這些人不同,沒有什麼可以,也沒有什麼不可以 (Ta thì khác với họ. Chẳng có gì là có thể; cũng chẳng có gì là không thể).– *Luận Ngữ* (Tử Hãn): «Ngô hữu tri hồ tai? Vô tri dã.» 吾有知乎哉?無知也. Dương Bá Tuấn (sđd., tr.89) dịch: «Ngã hữu tri thức ma? Một hữu lý.» 我有知識嗎?沒有哩 (Ta có tri thức ư? Không có).**

[35] ***Từ Hồ Di Thư*: «Nhân tâm tự minh; nhân tâm tự linh. Ý khởi, ngã lập, tất cố ngại tắc, thuỷ táng kỳ minh, thuỷ thất kỳ linh. Khổng Tử nhật dữ môn đệ tử đồ tòng dung vấn đáp, kỳ truân truân cáo giới, chỉ tuyệt học giả chi bệnh, đại lược hữu tứ: viết ý, viết tất, viết cố, viết ngã. Môn đệ tử hữu nhất ư thử, thánh nhân tất chỉ tuyệt chi. Vô giả, chỉ tuyệt chi từ. Tri phù nhân giai hữu chí minh chí linh quảng đại thánh trí chi tính, bất giả ngoại cầu, bất do ngoại đắc, tự bản, tự căn; tự thần, tự minh. Vi sinh ý yên, cố tế chi. Hữu tất yên, cố tế chi. Hữu cố yên, cố tế chi. Hữu ngã yên, cố tế chi. Hôn tế chi đoan, tận do ư thử. Cố mỗi mỗi tuỳ kỳ bệnh chi sở hình, nhi chỉ tuyệt chi, viết: vô như thử, vô như thử. Thánh nhân bất năng dĩ Đạo dữ nhân, năng khử nhân chi tế nhĩ. Như thái hư vị thuỷ bất thanh minh, hữu vân khí yên, cố tế chi. Khử kỳ vân khí, tắc thanh minh hĩ. [...] Hà vị ý? Vi khởi yên giai vị chí ý, vi chỉ yên giai vị chi ý. Ý chi vi trạng, bất khả thắng cùng. Hữu lợi, hữu hại, hữu thị, hữu phi, hữu tiến, hữu thoái. [...] Nhược thử chi loại, tuy cùng nhật chi lực, cùng niên chi lực, tung thuyết hoành thuyết, quảng thuyết bị thuyết, bất khả đắc nhi tận. Nhiên tắc tâm dữ ý hề biện? Thị nhị giả vị thuỷ bất nhất, tế giả tự bất nhất. Nhất tắc vi tâm, nhị tắc vi ý. Trực tắc vi tâm, chi tắc vi ý. Thông tắc vi tâm, trở tắc vi ý. Trực**

«Tâm thẳng thắn, ý chi li», giống như Mạnh Tử nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót mà đến cứu nó, chẳng phải vì họ quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân.» Khi chợt thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, phản ứng đầu tiên của chúng ta đối với tình huống này là có lòng sợ hãi và thương xót. Do cái tâm ấy mà chạy đến cứu nó. Từ lúc động lòng sợ hãi và thương xót cho đến hành vi cứu nó, đều là sự thẳng thắn của tâm. Nếu ngay lúc ấy bỗng dấy lên chút ý niệm do quen biết cha mẹ nó, hay muốn làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay sợ mang tiếng bất nhân mà chạy đến cứu nó, hoặc vì hiềm thù với cha mẹ

---

tâm trực dụng, bất thức bất tri. Biến hoá vân vi, khởi chi khởi li. Cảm thông vô cùng, phi tư phi vi. Mạnh Tử minh tâm, Khổng Tử vô ý. Ý vô tắc thử tâm minh hĩ. [...] Hà vị tất? Tất diệc ý chi tất. Tất như thử, tất bất như bỉ. Tất dục như bỉ, tất bất dục như thử. Đại Đạo vô phương, hề khả chỉ định. Dĩ vi Đạo tại thử, tắc bất tại bỉ hồ. Dĩ vi Đạo tại bỉ, tắc bất tại thử hồ. Tất tín tất quả, vô nãi bất khả. Đoán đoán tất tất, tự ly tự thất. Hà vị cố? Cố diệc ý chi cố. Cố thủ nhi bất thông, kỳ đạo tất cùng. Cố thủ nhi bất hoá, kỳ đạo diệc hạ. Khổng Tử thường viết: "Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả." Hựu viết: "Ngô hữu tri hồ tai, vô tri dã." Khả bất khả thượng vô, nhi huống ư cố hồ? Thượng vô sở tri, nhi huống ư cố hồ? Hà vị ngã? Ngã diệc ý chi ngã. Ý sinh cố ngã lập, ý bất sinh ngã diệc bất lập. Tự ấu nhi nhũ viết ngã nhũ; trưởng nhi thực viết ngã thực. Ý viết ngã ý. Hành ngã hành, toạ ngã toạ, độc thư ngã độc thư, sĩ hoạn ngã sĩ hoạn, danh thanh ngã danh thanh, hành nghệ ngã hành nghệ. Lao kiên như thiết, bất diệc như khối, bất diệc như khí, bất diệc như hư. Bất tri phương ý niệm vị tác thời, động yên tịch yên, vô thượng bất lập, hà giả vi ngã.» 人心自明;人心自靈.意起,我立,必固窒塞,始喪其明,始失其靈.孔子日與門弟子徒從容問答,其諄諄告戒,止絕學者之病,大略有四:曰意,曰必,曰固,曰我.門弟子有一於此,聖人必止絕之.毋主止絕之辭.知夫人皆有至明至靈廣大聖智之性,不假外求,不由外得,自本自根;自神,自明.爲生意焉,故蔽之.有必焉,故蔽之.有固焉,故蔽之.有我焉,故蔽之.昏蔽之端,盡由於此.故每每隨其病之所形,而止絕之,曰:毋如此,毋如此.聖人不能以道與人,能去人之蔽爾.如太虛未始不清明,有霾氣焉,故蔽之.去其霾氣,則清明矣.[...] 何謂意?微起焉皆謂之意.意之爲狀,不可勝窮.有利,有害,有是,有非,有進,有退.[...] 若此之類,雖窮日之力,窮年之力,縱說橫說,廣說備說,不可得而盡.然則心與意奚辨?是二者未始不一,蔽者自不一.一則爲心,二則爲意.直則爲心,支則爲意.通則爲心,阻則爲意.直心直用,不識不知.變化云爲,豈支豈離.感通無窮,匪思匪爲.孟子明心,孔子毋意.意毋則此心明矣.[...] 何謂必?必亦意之必.必如此,必不如彼.必欲如彼必不欲如此.大道無方,奚可指定.以爲道在此,則不在彼乎.以爲道在彼,則不在此乎.必信必果,無乃不可.斷斷必必,自離自失.何謂固?固亦意之固.固守而不通,其道必窮.固守而不化,其道亦下.孔子嘗曰:"我則異於是,無可無不可."又曰:"吾有知乎哉,無知也."可不可尚無,而況於固乎?何謂我?我亦意之我.意生故我立,意不生我亦不立.自幼而乳曰我乳;長而食曰我食.衣曰我衣.行我行,坐我坐,讀書我讀書,仕宦我仕宦,名聲我名聲,行藝我行藝.牢堅如鐵,不亦如塊,不亦如氣,不亦如虛.不知方意念未作時,洞焉寂焉,無尚不立,何者爲我.

nó nên chẳng chạy đến cứu nó. Trải qua ý niệm đó, tức là sự quanh co của ý. Theo tâm mà chạy ngay đến cứu nó, tức là «cảm thông vô cùng» và không có *ngã, tất, cố*. Chu Đôn Di nói: «Vô dục thì tĩnh hư và động trực.»[36] Trình Hạo nói: «Có lòng riêng tư thì không thể lấy hữu vi để đáp ứng ngoại vật; có sự dụng trí thì không thể xem giác ngộ là tự nhiên.»[37] Đoạn văn dài trên đây của Dương Giản cũng phát huy ý nghĩa ấy.

3. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Lục Tượng Sơn

Người ta hay so sánh Chu Hi và Tượng Sơn rằng: Chu Hi trọng «nói về học vấn», Tượng Sơn trọng «tôn đức tính». Nhận xét đó ngay thời của hai ông cũng đã có rồi. Tuy nhiên, triết học của Chu Hi có mục đích tối hậu là làm rõ cái dụng lớn của tâm chúng ta. Đó là mục đích chung của các Đạo học gia. Cho nên ta có thể nói Tượng Sơn không hoàn toàn chú trọng «nói về học vấn», nhưng không thể nói Chu Hi không chú trọng «tôn đức tính». Hơn nữa, điểm này cũng chỉ là căn cứ trên phương pháp tu dưỡng của họ mà nói. Cho nên xét cho cùng, sự khác biệt giữa hai ông chỉ là sự khác biệt về phương pháp tu dưỡng.

Ở cuối chương 13, chúng ta thấy rằng triết học của Chu Hi chẳng phải là cái Duy tâm luận (Idealism) theo cách nói phổ thông, mà gần với Tân thực tại luận (Neo-realism) hiện đại. Nếu ta chú ý điểm này, thì ta có thể thấy sự khác biệt giữa hai ông không chỉ là sự khác biệt về phương pháp tu dưỡng. Về căn bản, triết học của hai ông quả có sự khác biệt. Chỗ khác biệt ấy ngay trong triết học của Nhị Trình cũng đã có rồi. Học thuyết của phái Trình Di đến Chu Hi thì phát triển hoàn toàn. Còn học thuyết của phái Trình Hạo đến Tượng Sơn và Dương Giản thì phát triển hoàn toàn. Có thể nói gọn về sự khác biệt này: học thuyết của phái Chu Hi là Lý học; học thuyết của phái Tượng Sơn là Tâm học. Trong lời tựa của *Tượng Sơn Toàn Tập* Vương Dương Minh viết: «Cái học của thánh nhân là Tâm học.» (Thánh nhân chi học, Tâm học dã 聖人之學,心學也). Cái danh từ Tâm học này có thể biểu thị triết học của phái Tượng Sơn, và là điểm khác biệt với triết học của phái Chu Hi vậy.

Chu Hi nói Tính là Lý. Tượng Sơn nói Tâm là Lý. Chỉ khác nhau một chữ nhưng kỳ thực nó điểm khác biệt quan trọng giữa hai hệ thống triết học của hai ông. Chu Hi xem Tâm là một vật cụ thể đo Lý hợp với

---

[36] **LAM chú: Xin xem chú thích 23 chương 11 ngay trên đây.**

[37] **LAM chú: Xin xem chú thích 94 chương 12 ngay trên đây.**

Khí mà sinh ra. Như vậy Tâm thuộc về thế giới hoàn toàn khác biệt với thế giới trừu tượng của Lý, tức là Tính. Trong Tâm tuy có Lý, nhưng Tâm không phải là Lý. Cho nên trong hệ thống triết học của Chu Hi, quả thực chỉ có thể nói Tính là Lý; không thể nói Tâm là Lý. Tượng Sơn nói Tâm là Lý, và phản đối Chu Hi phân biệt Tâm và Tính.

Ngữ Lục của Tượng Sơn chép: «Bá Mẫn hỏi: "Làm sao phân biệt: Tính, tài, tâm, tình?" Thầy (Tượng Sơn) đáp: "Ông bạn hỏi lời này, chỉ nhắm vào cành lá [chứ không nhắm vào căn cội]. Tuy nhiên, nó không phải là lỗi của ông bạn, mà do sự che lấp của đời. Người học ngày nay, đọc sách chỉ giải thích chữ nghĩa, không biết tìm lấy tư tưởng cốt lõi của nó. Tình, tính, tâm, tài, bốn cái này chỉ là một loại, nhưng khác nhau là ở từ ngữ. [...] Nếu muốn nói về chúng, ở trời thì nó gọi là tính, ở người thì gọi là tâm. Ở đây tôi tuỳ theo ông bạn mà nói, kỳ thực không nhất thiết phải như thế."»[38]

Chu Hi phân biệt Tâm và Tính không phải «chỉ giải thích chữ nghĩa», bởi vì theo quan điểm của ông, thực tại vốn có sự phân biệt tương đương như vậy. Theo quan điểm của Tượng Sơn, thực tại không có sự phân biệt tương đương như vậy. Thực tại mà Chu Hi thấy gồm có hai thế giới: Một thế giới thì nằm trong thời gian và không gian; một thế giới thì không nằm trong thời gian và không gian. Cái thực tại mà Tượng Sơn thấy chỉ có một thế giới nằm trong trong thời gian và không gian mà thôi. Chỉ có một thế giới, và thế giới này hợp với Tâm thành một thể. Cho nên Tượng Sơn nói: «Vũ trụ là tâm ta, tâm ta là vũ trụ.» Do đó danh từ Tâm học có thể chuyên chỉ Đạo học của phái Tượng Sơn.

Ở đây có một vấn đề này sinh. Cái Tâm mà Tượng Sơn gọi phải chăng cũng là cái Tâm mà Chu Hi gọi? Chừng nào vấn đề này chưa thể giải quyết xong, thì thuyết "Tâm là Lý" của Tượng Sơn chưa chắc đã khác với thuyết "Tính là Lý" của Chu Hi. Xét cho kỹ, Tâm mà Tượng Sơn gọi chính là cái Tâm mà Chu Hi gọi. Tượng Sơn nói: «Người đâu phải gỗ đá, sao nói là không có Tâm? Tâm tôn quý và lớn nhất đối với ngũ quan. Hồng

---

[38] ***Tượng Sơn Toàn Tập:*** **«Bá Mẫn vân: "Tính tài tâm tình, như hà phân biệt?" Tiên sinh vân: "Như ngô hữu thử ngôn, hựu thị chi diệp. Tuy nhiên, thử phi ngô hữu chi quá, cái cử thế chi tế. Kim chi học giả, độc thư chỉ thị giải tự, cánh bất cầu huyết mạch. Thả hữu tình tính tâm tài, đô chỉ thị nhất ban vật sự, ngôn ngẫu bất đồng nhĩ. [...] Nhược tất dục thuyết thời, tắc tại thiên giả vi tính, tại nhân giả vi tâm. Thử cái tuỳ ngô hữu nhi ngôn, kỳ thực bất tất như thử."»** 伯敏云："性才心情，如何分別?" 先生云："如吾友此言，又是枝葉。雖然，此非吾友之過，蓋舉世之蔽。今之學者，讀書只是解字，更不求血脈。且有情性心才，都只是一般物事，言偶不同耳。[...] 若必欲說時，則在天者爲性，在人者爲心。此蓋隨吾友而言，其實不必如此。"

Phạm chép: "Suy nghĩ phải thấu triệt. [...] Thấu triệt sẽ thánh thiện."[39] Mạnh Tử nói: "Tâm để suy nghĩ. Nghĩ sâu thì hiểu được [nghĩa lý sự vật], nếu không nghĩ sâu thì không hiểu được nó."[40] [...] Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) tức là Tâm này; cái mà Trời cho ta tức là Tâm này. Ai ai cũng có cái Tâm này; Tâm có đủ các Lý; Tâm tức là Lý vậy.»[41]

Chu Hi cho rằng trong thiên hạ chẳng có vật nào mà không có Tính. Một vật được thành hình thì trong nó có cái Lý của nó. Cái Lý ấy tức là Tính. Cho nên gỗ đá cũng có Tính, nhưng gỗ đá không biết được điều ấy. Do đó, tuy không thể nói gỗ đá không có Tính, nhưng có thể nói gỗ đá không có Tâm. Tượng Sơn nói: «Người đâu phải gỗ đá, sao nói là không có Tâm?» Tức là gỗ đá không có Tâm. Về điểm này, Tượng Sơn đồng ý với Chu Hi.

Theo Tượng Sơn, Tâm là cái có thể suy tư lo nghĩ. Chu Hi nói: «Chỗ linh diệu của con người chỉ là Tâm, không phải là Tính.»[42] Chu Hi lại nói: «Nhân ái là tính, lòng trắc ẩn là tình. Tình phải phát ra từ tâm. Tâm thống nhất tính và tình.»[43]

Chu Hi xem lòng nhân là Lý của ái. Tình trắc ẩn là sự biểu hiện cụ thể của Lý của ái, là hình nhi hạ, và phải phát ra từ Tâm. Tượng Sơn nói

---

[39] **LAM chú: Xin xem chú thích 25 của chương 11 trên đây.**

[40] **LAM chú: Câu này trong *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng): «Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế ư vật, vật giao vật, tắc dẫn chi nhi đĩ hĩ. *Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã.* Thử thiên chi sở dữ ngã giả, tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả phất năng đoạt dã. Thử vi đại nhân nhi dĩ hĩ.» 耳目之官不思而蔽於物，物交物，則引之而已矣。心之官則思，思則得之，不思則不得也。此天之所與我者，先立乎其大者，則其小者弗能奪也。此爲大人而已矣(Tai và mắt chẳng suy nghĩ, lại bị ngoại vật che lấp. Ngoại vật [như âm thanh và sắc tướng] tiếp xúc tai và mắt ta thì ta bị lôi kéo đi. Tâm để suy nghĩ. *Nghĩ sâu thì hiểu được [nghĩa lý sự vật], nếu không nghĩ sâu thì không hiểu được nó.* Tâm là cái mà Trời phú bẩm cho ta. Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm, thì điều nhỏ nhặt sẽ không chiếm đoạt lấy tâm của mình. Đó mới là đại nhân).**

[41] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Nhân phi mộc thạch, an đắc vô tâm? Tâm tư ngũ quan tối tôn đại. Hồng Phạm viết: "Tư viết duệ, duệ tác thánh." Mạnh Tử viết: "Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã." [...] Tứ đoan giả, tức thử Tâm dã; thiên chi sở dĩ dữ ngã giả, tức thử Tâm dã. Nhân giai hữu thị Tâm, Tâm giai cụ thị Lý; Tâm tức Lý dã.» 人非木石，安得無心？心於五官最尊大。洪範曰："思曰睿，睿作聖。"孟子曰："心之官則思，思則得之，不思則不得也。" [...] 四端者，即此心也；天之所以與我者，即此心也。人皆有是心，心皆具是理；心即理也。**

[42] **LAM chú: Xin xem chú thích 55 chương 13 ngay trên đây.**

[43] ***Chu Tử Ngữ Loại:* «Nhân thị tính, trắc ẩn thị tình, tu tòng tâm thượng phát xuất lai. Tâm thống tính tình giả dã.» 仁是性，惻隱是情，須從心上發出來。心統性情者也。– LAM chú: Xin xem chú thích 57 chương 13 ngay trên đây.**

tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) là Tâm. Do đó cái Tâm mà Tượng Sơn nói chính là cái Tâm mà Chu Hi nói. Trong bài *Tuyệt Tứ Ký* trên đây, Dương Giản nói: «Nhân Tâm tự minh, nhân Tâm tự linh.» Cái Tâm được nói ở đây cũng chính là cái Tâm mà Chu Hi nói. Do đó, về Tâm mà nói thì phái Tượng Sơn và phái Chu Hi hiểu như nhau; tuy nhiên về Lý mà nói thì hai phái hiểu khác nhau.

Điểm ấy chính là sự bất đồng căn bản giữa triết học của Chu Hi và triết học của Tượng Sơn. Nó có thể chứng minh từ một phương diện khác. Tượng Sơn nói Tâm và Tính chỉ là một loại, ở trời thì gọi là Tính, ở người thì gọi là Tâm. Điểm quan trọng ở đây là, theo quan điểm của Tượng Sơn, Trời và người thuộc cùng một thế giới. Do đó, Tượng Sơn không muốn phân biệt cái gọi là Thiên Lý và nhân dục như Chu Hi đã làm. Tượng Sơn nói: «Thiên Lý nhân dục chi ngôn, diệc tự bất thị chí luận. Nhược thiên thị Lý, nhân thị dục, tắc thị thiên nhân bất đồng hĩ. [...] Thư Kinh nói: "Nhân Tâm điên đảo, Đạo Tâm huyền vi." Người giải thích phần lớn cho rằng Nhân Tâm là nhân dục, Đạo Tâm là Thiên Lý. Thuyết ấy không đúng. Tâm chỉ có một. Người ta sao lại có hai Tâm?»[44]

Ở đây Tượng Sơn xem thuyết «Trời và người khác nhau» là sai. Tuy nhiên theo hệ thống của Chu Hi, quả thực Trời và người có thể xem là khác nhau.

Thái Cực Đồ Thuyết của Chu Đôn Di nói «Vô Cực nhi Thái Cực». Chu Hi xem câu này ngụ ý rằng Thái Cực vô hình nhưng có Lý. Tượng Sơn và anh là Thoa Sơn 梭山 cho rằng Hệ Từ chỉ nói đến Thái Cực chứ không nói đến Vô Cực. *Thái Cực Đồ Thuyết* nói khác *Thông Thư* của Chu Đôn Di, do đó hai ông nghi ngờ *Thái Cực Đồ Thuyết* không phải của Chu Đôn Di. Nếu không phải vậy, thì nó do Chu Đôn Di viết khi cái học của ông chưa thành. Nếu cũng không phải vậy, thì nó lẫn văn của người khác mà người đời sau không phân biệt được. Hai ông cứ tranh luận mãi, tạo nên một cuộc đại tranh luận thời bấy giờ.

---

[44] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thiên Lý nhân dục chi ngôn, diệc tự bất thị chí luận. Nhược thiên thị Lý, nhân thị dục, tắc thị thiên nhân bất đồng hĩ. [...] Thư vân: "Nhân Tâm duy nguy, Đạo Tâm duy vi." Giải giả đa chỉ Nhân Tâm vi nhân dục, Đạo Tâm vi Thiên Lý. Thử thuyết phi thị, Tâm nhất dã. Nhân an hữu nhị Tâm?» 天理人欲之言，亦自不是至論．若天是理，人是欲，則是天人不同矣．[...] 書云："人心惟危，道心惟微．" 解者多指人心爲人欲，道人爲天理．此說非是，心一也．人安有二心？ - LAM chú: *Thư Kinh:* «Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.» 人心惟危，道心惟微，惟精惟一，允執厥中 (Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung). Xin xem chú thích 66 của chương 13 trên đây.

Nếu theo như trên mà xét, trong triết học của Tượng Sơn chỉ có một thế giới nằm trong thời gian và không gian. Do đó, từ căn bản ông không thể thừa nhận cái gọi là «vô hình nhưng có Lý» (vô hình nhi hữu Lý 無形而有理), chứ không phải ông có ý tranh luận suông với Chu Hi.

Còn một điểm nữa cần phải giải thích. Tượng Sơn nói: «Nói theo hình nhi thượng, nó gọi là Đạo 道; nói theo hình nhi hạ, nó gọi là Khí 器. Trời đất cũng là Khí, nhưng để tạo ra và nuôi dưỡng sinh vật thì buộc phải có Lý.»[45]

Nếu chỉ ở điều trên mà xét, triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi không có khác biệt cơ bản. Nhưng có một điểm khác biệt mà Tượng Sơn nêu ra trong thư ông gởi Chu Hi biện luận về *Thái Cực Đồ Thuyết:* «Chu Dịch Đại Truyện nói: "Cái ở trên hình (hình nhi thượng) gọi là Đạo." Lại nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Âm Dương đã thuộc hình nhi thượng, huống hồ Thái Cực?»[46]

Tượng Sơn xem Âm Dương thuộc hình nhi thượng, tức là nó có ý nghĩa khác với ý nghĩa của hình nhi thượng mà Chu Hi đã dùng. Anh em họ Trình cũng từng dẫn câu này trong Hệ Từ mà giải thích nó. Trình Hạo nói: «Âm Dương cũng là hình nhi hạ, nhưng chúng được gọi là Đạo. Lời này cho thấy sự phân biệt rất rõ giữa cái trên hình và cái dưới hình. Âm Dương vốn là Đạo. Người ta cần im lặng mà biết nó.»[47] Trình Di nói: «Một Âm một Dương gọi là Đạo. Đạo không phải là Âm và Dương, sở dĩ một Âm một Dương [tương tác] nên gọi là Đạo.»[48] Sự khác biệt giữa hai thuyết này của anh em họ Trình cũng chính là sự bất đồng giữa Tượng Sơn và Chu Hi.

Nếu xem Âm Dương thuộc hình nhi thượng, tức là xem cái thuộc hình nhi thượng cũng có hoạt động cụ thể trong thời gian và không gian, thì cái thuộc hình nhi thượng cố nhiên sẽ ở cùng một thế giới với cái thuộc hình nhi hạ.

Trong triết học của Tượng Sơn tuy chỉ có một thế giới, nhưng ông

---

[45] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Tự hình nhi thượng giả ngôn chi vị chi Đạo; tự hình nhi hạ giả ngôn chi vị chi Khí. Thiên địa diệc thị Khí, kỳ sinh phúc hình tải tất hữu Lý.» 自形而上者言之謂之道,自形而下者言之謂之器,天地亦是器,其生覆形載必有理.

[46] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Dịch chi Đại Truyện viết: "Hình nhi thượng giả vị chi Đạo." Hựu viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Âm Dương dĩ thị hình nhi thượng giả, huống Thái Cực hồ?» 易之大傳曰: "形而上者謂之道." 又曰: "一陰一陽之謂道." 陰陽已是形而上者,況太極乎? – LAM chú: Xin xem chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.

[47] LAM chú: Xin xem chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.

[48] LAM chú: Xin xem chú thích 66 của chương 12 ngay trên đây.

vẫn dùng các từ ngữ cũ là hình nhi thượng và hình nhi hạ. Về sau, Dương Giản vất bỏ sự phân biệt hình nhi thượng với hình nhi hạ: «Hệ Từ còn nói: "Cái ở trên hình gọi là Đạo; cái ở dưới hình gọi là khí vật." Tách rời Đạo với khí vật, phải chăng là nói khí vật ở ngoài Đạo? Ngay cả [những] tác giả của Hệ Từ còn sai lầm như thế, thì mong gì các học giả đời sau?»[49]

Cái gọi là hình nhi thượng và hình nhi hạ tất phải theo giải thích của Chu Hi thì mới có ý nghĩa rõ ràng được. Theo hệ thống của Chu Hi, khí vật và Đạo không tồn tại trong một thế giới. Điểm này phái Tượng Sơn không thừa nhận.[50] Dương Giản cho rằng nói như vậy là xem cái gọi là hình nhi thượng và hình nhi hạ trong Hệ Từ không phải là lời của Khổng Tử.

Sự bất đồng căn bản trong triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi được Chu Hi nói đại khái. Thí dụ khi phê bình Phật giáo, Chu Hi cho rằng thuyết «Tâm là Tính» của Phật giáo chính là thuyết «sinh chi vị Tính» 生之謂性 (cái mà lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính) của Cáo Tử.[51] Bởi vì theo hệ thống của Chu Hi, Tâm thuộc hình nhi hạ, khi có sự vật cụ thể rồi thì mới bắt đầu có Tâm. Phật giáo xem «Tâm là Tính»; Tượng Sơn cũng xem «Tâm là Tính», tức cũng là thuyết của Cáo Tử. Cho nên *Chu Tử Ngữ Loại* chép rằng: Khi Lục Tượng Sơn mất, Chu Hi dẫn đệ tử đến viếng tang. Hồi lâu, Chu Hi nói: «Đáng tiếc, một Cáo Tử đã qua đời!» (Khả tích tử liễu Cáo Tử 可惜死了告子).

Kẻ hậu học của phái Chu Hi cũng xem Tượng Sơn là một Cáo Tử. Chẳng hạn đệ tử Chu Hi là Trần Bắc Khê 陳北溪(1153-1217, tên là Thuần 淳, tự là An Khanh 安卿) nói: «Nhà Phật xem tác dụng của Tâm là Tính, [...] chẳng qua họ chỉ nhận biết được Khí, mà không nói gì về Lý. [...] Đời nay có hạng người ham thêu dệt, thích nói cao siêu về Tính và Mệnh. Đại khái họ hoàn toàn dùng ý nghĩa mà nhà Phật xem tác dụng của Tâm là Tính, nhưng trang sức bằng lời lẽ của thánh nhân (đạo

---

[49] *Từ Hồ Di Thư*: «Hựu viết: "Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí." Liệt Đạo dữ khí, vị khí tại Đạo chi ngoại da? Tự tác Hệ Từ giả, kỳ tế do nhược thị, thượng hà vọng hậu thế chi học giả hồ?» 又曰: "形而上者謂之道，形而下者謂之器." 裂道與器，謂器在道之外耶?自作繁辭者，其蔽猶若是，尚何望後世之學者乎?

[50] LAM chú: *Nhị Trình Di Thư* chép ý kiến tương tự (mà Phùng Hữu Lan ngờ là của Trình Hạo): «Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là khí vật. Hễ ta cho rằng Đạo đang tồn tại, thì điều đó không can hệ với hiện tại và tương lai, với ta và người khác.» Xin xem chú thích 65 của chương 12 ngay trên đây.

[51] LAM chú: Xin xem chú thích 79 của chương 13 ngay trên đây.

Nho). [...] Kỳ thực, đó chỉ là thuyết "sinh chi vị Tính" của Cáo Tử.»[52]

Ở điểm này mà xét thì giữa Chu Hi và Tượng Sơn, Tượng Sơn gần với Phật hơn.

Như vậy, triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi có bất đồng căn bản, tạo thành hai phái đối lập nhau trong Đạo học, không phải là không có duyên cớ. Tuy nhiên đối với cái gọi là Tâm học, Tượng Sơn và Dương Giản chỉ là người mở đường. Đợi đến Vương Dương Minh (1473-1529) thì nó mới phát triển hoàn toàn. Cho nên nhân vật đối kháng với Chu Hi không phải là Tượng Sơn hay Dương Giản, mà là Vương Dương Minh của 250 năm sau.

4. Lý học từ Chu Hi về sau

Trong vòng 250 năm, cái học của Chu Hi rất có ảnh hưởng, bởi vì hệ thống triết học của ông quả thực rất tinh mật và vĩ đại. Mang tiếng đối lập với cái học của Chu Hi nhưng cái học của phái Tượng Sơn về phương diện tu dưỡng tuy có phương pháp khá giản dị và thẳng thắn, nhưng họ giải thích quá sơ lược về các phương diện của vũ trụ. Hệ thống triết học của phái Tượng Sơn quả thực không lớn bằng hệ thống triết học của Chu Hi.

Cho nên kể từ cuối đời Tống, cái học của Chu Hi có ảnh hưởng ngày càng lớn. Điều này có thể thấy trong *Tống Sử*. Ngoài chương Nho Lâm Truyện còn có thêm chương Đạo Học Truyện, mà trong đó Chu Hi được xem là người tiếp nối được cái học bí truyền của thánh hiền kể từ Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử, và Mạnh Tử. Đạo Học Truyện chủ yếu chép về Chu Hi, còn Tượng Sơn và Dương Giản thì được chép vào Nho Lâm Truyện.

Cho đến nửa sau đời Minh, cái học của Chu Hi vẫn tiếp tục thịnh hành. *Minh Sử* (Nho Lâm Truyện) chép: «*Tống Sử* phân Đạo học và Nho lâm làm hai, để làm rõ nguồn gốc của Y Lạc 伊洛 là tiếp nối Chu Tử 洙

---

[52] ***Bắc Khê Toàn Tập:*** **«Phật thị bả tác dụng nhận thị Tính, [...] bất quá chỉ nhận đắc Khí, nhi bất thuyết trước ná Lý nhĩ. [...] Kim thế hữu nhất chủng đỗ soạn đẳng nhân, ái cao đàm Tính Mệnh. Đại để toàn dụng Phù Đồ tác dụng thị Tính chi ý, nhi vãn dĩ thánh nhân chi ngôn. [...] Kỳ thực bất quá Cáo Tử sinh chi vị Tính chi thuyết.»** 佛氏把作用認是性, [...] 不過只認得氣, 而不說著那理耳. [...] 今世有一種杜撰等人, 愛高談性命. 大抵全用浮屠作用是性之意, 而文以聖人之言. [...] 其實不過告子生之謂性之說.

泗.[53] Manh mối của Nho tông đúng như thế. [...] Thoạt đầu, các Nho gia đầu đời Minh đều thuộc các chi phái của đệ tử Chu Hi, cho nên sự truyền thừa này có khuôn phép quy củ kể từ Chu Hi. Bấy giờ, Tào Đoan 曹端 (1376-1434) và Hồ Cư Nhân 胡居仁 (1434-1484) dốc lòng bền bĩ, cẩn thận chuẩn mực, gìn giữ sự chính truyền của tiên Nho, không dám sửa đổi. Học thuật phân chia kể từ Trần Hiến Chương 陳獻章 (1428-1500) và Vương Thủ Nhân 王守仁 (1473-1529, tức Vương Dương Minh). Học phái của Hiến Chương được gọi là cái học Giang Môn 江門.[54] Phái này lưu hành đơn độc, sự truyền thừa không xa. Học phái của Thủ Nhân được gọi là cái học Diêu Giang 姚江.[55] Phái của Thủ Nhân lập riêng tông chỉ, trái ngược rõ rệt với cái học của Chu Hi. Môn đồ khắp thiên hạ, lưu truyền hơn trăm năm; học thuyết lưu hành rất mạnh, nhưng tệ hại cũng lắm.»[56]

---

[53] **LAM chú: Sông Y 伊 ở phía tây tỉnh Hà Nam 河南 (quê hương của anh em họ Trình) bắt nguồn từ Phục Sơn 伏山 chảy vào sông Lạc 洛. Sông Chu 洙 bắt nguồn từ đông bắc huyện Tân Thái 新泰 tỉnh Sơn Đông 山東 (quê hương của Khổng Tử), quẹo sang hướng tây nam nhập vào sông Tứ 泗. Y Lạc ám chỉ cái học của anh em họ Trình. Chu Tứ ám chỉ cái học của Khổng Tử.**

[54] **LAM chú: Giang Môn 江門 là thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông, quê hương của Trần Hiến Chương. Ở đây lấy địa danh để chỉ học phái của Hiến Chương. Kỳ thực Hiến Chương sinh tại làng Bạch Sa 白沙 thuộc huyện Tân Hội 新會, tỉnh Quảng Đông. Nên Hiến Chương còn được gọi là Bạch Sa tiên sinh hay Trần Bạch Sa.**

[55] **LAM chú: Vương Dương Minh (Vương Thủ Nhân) sinh ở Dư Diêu 餘姚 thuộc tỉnh Chiết Giang 浙江. Diêu Giang 姚江 được dùng đặt tên cho phái của Vương Thủ Nhân. Derk Bodde giải thích rằng Diêu Giang là tên con sông ở Chiết Giang, chảy vào thành phố Dư Diêu (quê hương của Thủ Nhân).**

[56] ***Minh Sử* (Nho Lâm Truyện): «Tống Sử phán Đạo học Nho lâm vi nhị, dĩ minh Y Lạc uyên nguyên, thượng thừa Chu Tử. Nho tông thống tự, mạc chính ư thị. [...] Nguyên phù Minh sơ chư Nho, giai Chu Tử môn nhân chi chi lưu dư duệ, sư thừa hữu tự, củ hoạch trật nhiên. Tào Đoan Hồ Cư Nhân đốc tiễn lý, cẩn thằng mặc, thủ Nho tiên chi chính truyền, vô cảm cải thác. Học thuật chi phân, tắc tự Trần Hiến Chương, Vương Thủ Nhân thuỷ. Tông Hiến Chương giả, viết Giang Môn chi học. Cô hành độc nghệ, kỳ truyền bất viễn. Tông Thủ Nhân giả, viết Diêu Giang chi học. Biệt lập tông chỉ, hiển dữ Chu Tử bối trì. Môn đồ biến thiên hạ, lưu truyền du bách niên. Kỳ giáo đại hành, kỳ tệ tư thậm.»** 宋史判道學儒林爲二,以明伊洛淵源,上承洙泗.儒宗統緒,莫正於是.[...] 原夫明初諸儒,皆朱子門人之支流餘裔,師承有自,矩矱秩然.曹端胡居仁篤踐履,謹繩墨,守儒先之正傳,無敢改錯.學術之分,則自陳獻章,王守仁始.宗獻章者,曰江門之學.孤行獨詣,其傳不遠.宗守仁者,曰姚江之學.別立宗旨,顯與朱子背馳.門徒遍天下,流傳逾百年.其教大行,其弊滋甚.

5. Trần Bạch Sa và Trạm Cam Tuyền

Trần Hiến Chương 陳獻章(1428-1500) sinh tại làng Bạch Sa 白沙 thuộc huyện Tân Hội 新會, tỉnh Quảng Đông. Người đời gọi ông là Bạch Sa tiên sinh. Ông từng theo học Ngô Dữ Bật 吳與弼(1391-1469). Ngô Dữ Bật hiệu là Khang Trai 康齋, thuộc học phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學, theo chủ trương của Trình Di và Chu Hi). Tuy nhiên sở đắc của Hiến Chương không phải từ Ngô Dữ Bật, vì ông tự thuật rằng: «Tôi tài chẳng bằng ai. Năm 27 tuổi, bắt đầu phấn chí, theo học Ngô Sính Quân (tức Ngô Dữ Bật). [...] Tuy nhiên tôi chưa biết chỗ vào (tức học chưa thấy kết quả), bèn quay về quê là Bạch Sa, đóng cửa và không ra khỏi nhà, chuyên cầu phương pháp dùng nỗ lực của mình. [...] Do đó tôi bỏ cái học phức tạp [của Ngô Dữ Bật], mà cầu cái học đơn giản của tôi, tức là tĩnh toạ. Lâu ngày, tôi thấy được bản thể của tâm tôi, hiện ra một cách bí ẩn như là một vật cụ thể. Trong việc giao tiếp hàng ngày, tôi có thể làm theo bất cứ cái gì mình muốn, mà lại như con ngựa gắn hàm thiếc. [...] Do đó tôi dứt hết mọi nghi hoặc, tự tin nói: "Công phu trở thành thánh nhân phải chăng là ở chỗ này?" Ai đến học tôi, tôi dạy ngay cho phép tĩnh toạ.»[57]

Bạch Sa trải qua tu học là như thế. Thoạt đầu ông theo cái học của Chu Hi, mà sau thì sở đắc lại theo cái học của Lục Tượng Sơn. Ông viết: «Lý này hoạt động rất lớn, không nội ngoại, không chung thuỷ, chỗ nào cũng tới, lúc nào cũng vận hành. Hiểu được điều ấy thì thiên địa do ta lập, vạn biến hoá do ta xuất, và vũ trụ ở trong ta. Có được nguồn sức mạnh ấy trong tay, ta còn cần chi nữa? Từ xưa tới nay, bốn phương và trên dưới, mọi sự đồng loạt xuyên suốt ở mấu chốt ấy, đồng loạt thu thập ở đấy. Tuỳ lúc tuỳ nơi, không có gì mà Lý ấy không lấp đầy. Tất cả đều

---

[57] ***Bạch Sa Tử Toàn Tập:*** **«Bộc tài bất đãi nhân, niên nhị thập thất, thuỷ phát phẫn tòng Ngô Sính Quân học. [...] Nhiên vị tri nhập xứ. Tỷ quy Bạch Sa, đổ môn bất xuất, chuyên cầu sở dĩ dụng lực chi phương. [...] Ư thị xả bỉ chi phồn, cầu ngô chi ước, duy tại tĩnh toạ. Cửu chi nhiên hậu kiến ngô thử tâm chi thể, ẩn nhiên trình lộ, thường nhược hữu vật. Nhật dụng gian chủng chủng ứng thù, tuỳ ngô sở dục, như mã chi ngự hàm lặc dã. [...] Ư thị hoán nhiên tự tín viết: "Tác thánh chi công, kỳ tại tư hồ." Hữu học ư bộc giả, triếp giáo chi tĩnh toạ.»** 僕才不逮人，年二十七，始發憤從吳聘君學。[...] 然未知入處。比歸白沙，杜門不出，專求所以用力之方。[...] 於是舍彼之繁，求吾之約，惟在靜坐。久之然後見吾此心之體，隱然呈露，常若有物。日用間種種應酬，隨吾所欲，如馬之御銜勒也。[...] 於是渙然自信曰："作聖之功，其在茲乎。"有學於僕者，輒教之靜坐。

có gốc gác của chúng, sao còn vất vả chân tay [tìm kiếm gì nữa]?»[58]

Đó cũng là ý của Trình Hạo: «Hễ hiểu được Lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi. Không cần phải phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng.»[59] Cũng là ý «Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm» (*Tiên lập hồ kỳ đại giả* 先立乎其大者) mà Tượng Sơn lập lại theo Mạnh Tử.

Ở đây tuy Bạch Sa cũng nói đến Lý, nhưng cái Lý này có ý nghĩa mà Tượng Sơn nói, chứ không phải ý nghĩa mà Chu Hi nói. Theo Bạch Sa, Lý này chỗ nào cũng tới, lúc nào cũng vận hành; tuỳ lúc tuỳ nơi, không có gì mà Lý ấy không lấp đầy. Theo Chu Hi, Lý thuộc hình nhi thượng, không thể vận hành như một vật cụ thể, cũng không thể lấp đầy vật gì. Nhưng đối với Bạch Sa, Lý này là bản thể của tâm, hiện ra một cách bí ẩn như một vật cụ thể. Khái niệm này sẽ thấy rõ qua giải thích của Trạm Cam Tuyền.

Trạm Cam Tuyền tức là Trạm Nhược Thuỷ 湛若水 (1466-1560), hiệu là Cam Tuyền 甘泉, người ở Tăng Thành 增城, tỉnh Quảng Đông 廣東. Ông là đệ tử của Bạch Sa, viết *Tâm Tính Đồ Thuyết* 心性圖說.

Cam Tuyền nói: «Tâm bao lấy tất cả nên ở ngoài vạn vật và trời đất, nhưng Tâm xuyên suốt trong vạn vật và trời đất. Trong và ngoài chẳng phải là hai; trời đất không có trong hay ngoài, tâm cũng không có trong hay ngoài. [Nói trong hay ngoài] chỉ là miễn cưỡng thôi. Cho nên ai nói chỉ có bên trong là bản tâm, còn bên ngoài là trời đất và vạn vật, tức là làm cho cái Tâm này trở nên nhỏ bé lắm vậy.»[60] Tâm mà Cam

---

[58] ***Bạch Sa Tử Toàn Tập:*** **«Thử Lý can thiệp chí đại, vô nội ngoại, vô chung thuỷ, vô nhất xứ bất đáo, vô nhất tức bất vận. Hội thử tắc thiên địa ngã lập, vạn hoá ngã xuất, nhi vũ trụ tại ngã hĩ. Đắc thử bá bính nhập thủ, cánh hữu hà sự. Vãng cổ lai kim, tứ phương thượng hạ, đô nhất tề xuyên nữu, nhất tề thu thập. Tuỳ thời tuỳ xứ, vô bất thị giá cá sung tắc. Sắc sắc tín tha bản lai, hà dụng nhĩ cước lao thủ nhương.»** 此理干涉至大，無內外，無終始，無一處不到，無一息不運．會此則天地我立，萬化我出，而宇宙在我矣．得此霸柄入手，更有何事．往古來今，四方上下，都一齊穿紐，一齊收拾．隨時隨處，無不是這個充塞．色色信他本來，何用爾腳勞手攘.

[59] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thức đắc thử lý, dĩ thành kính tồn chi nhi dĩ; bất tu phòng kiểm, bất tu cùng sách.»** 識得此理，以誠敬存之而已；不須防檢，不須窮索.– **LAM chú: Xin xem lại chú thích 89 của chương 12 ngay trên đây.**

[60] ***Cam Tuyền Tiên Sinh Văn Tập:*** **«Tâm dã giả, bao hồ thiên địa vạn vật chi ngoại, nhi quán phù thiên địa vạn vật chi giả dã. Trung ngoại phi nhị dã; thiên địa vô nội ngoại, tâm diệc vô nội ngoại, cực ngôn chi nhi dĩ. Cố vị nội vi bản tâm, nhi ngoại thiên địa vạn vật, dĩ vi tâm giả, tiểu chi vi tâm dã thậm hĩ.»** 心也者，包乎天地萬物之外，而貫夫天地萬物之牧一也．中外非二也；天地無內外，心亦無內外，極言之而已．故謂內爲本心，而外天地萬物，以爲心者，小之爲心也甚矣.

Tuyền nói trên đây tức là cái mà Bạch Sa gọi là Lý.

Bạch Sa mất năm 1500, bấy giờ Vương Dương Minh hơn 20 tuổi. Cam Tuyền mất năm 1560, lúc sinh thời đã đôi lần tranh luận với Vương Dương Minh. Cái học của Vương Dương Minh tuy có sở đắc riêng, nhưng cũng chịu ảnh hưởng của Bạch Sa và Cam Tuyền. Hoàng Lê Châu 黃梨洲(tức Hoàng Tông Hi, 1610-1695) viết về Bạch Sa rằng: «Trong số nhà Nho đời Minh có nhiều người không đánh mất chính tông. "Công làm thánh hiền" bắt đầu được giảng rõ nhờ Bạch Sa tiên sinh, đến Văn Thành 文成(tức Vương Dương Minh) thì [thuyết ấy] bắt đầu lớn mạnh.»[61]

Lý học trong Đạo học có Chu Hi là người tập đại thành. Tâm học trong Đạo học có Vương Dương Minh là người tập đại thành. Bởi hai ông sống hai đời khác nhau, đại biểu cho tiếng nói của hai thời đại, nên chúng ta có thể nói rằng hai đời Tống và Nguyên là thời đại cực thịnh của Lý học, còn đời Minh là thời đại cực thịnh của Tâm học.

6. Vương Dương Minh

Vương Dương Minh 王陽明(1472-1529) tên là Thủ Nhân 守仁, tự là Bá An 伯安, người ở Dư Diêu 餘姚, tỉnh Chiết Giang. Năm 18 tuổi, ông đi qua Quảng Tín 廣信(nay là Thượng Nhiêu 上饒ở Giang Tây), viếng thăm danh sĩ Lũ Lượng 婁諒. Lũ Lượng giảng ông nghe cái học «cách vật». Vương Dương Minh rất thích, cho rằng có thể học để thành thánh nhân. Về sau, đọc sách của Chu Hi, ông thấy nói mọi vật có trong và ngoài, có tinh và thô, dù ngọn cây cọng cỏ cũng đều có cái Lý tối cao. Như vậy tre trúc là một vật, nên cũng có thể «cách vật» được để biết Lý của nó. Trầm tư mãi trước bụi trúc suốt mấy ngày mà ông chẳng đạt được gì, lại còn đổ bệnh.



Vương Dương Minh

Năm 27 tuổi, ông tiếc rằng công phu «cách vật» dạo ấy vì dục tốc nên bất đạt. Nhân đó ông tuần tự mà nghĩ ngợi, nhưng rốt cuộc càng thấy Lý của vật và bản tâm ông như là bị tách làm hai. Ông nghĩ ngợi lâu

[61] **Hoàng Lê Châu, *Minh Nho Học Án* (Bạch Sa Truyện): «Hữu Minh Nho giả, bất thất kỳ củ hoạch giả, diệc hữu chi. Nhi tác thánh chi công, chí tiên sinh nhi thuỷ minh, chí Văn Thành nhi thuỷ đại.»** 有明儒者,不失其矩矱者,亦有之.而作聖之功,至先生而始明,至文成而始大.

ngày, sinh trầm uất, bệnh cũ tái phát. Nhưng khi nghe nói thuyết dưỡng sinh của một đạo sĩ, ông lại rất thích.

Năm 37 tuổi, do can gián vua Vũ Tông tin dùng bọn hoạn quan, ông bị đày làm dịch thừa coi trạm Long Trường 龍場 ở Quý Châu 貴州. Một đêm, ông chợt đại ngộ ý nghĩa của cách vật trí tri, bất giác nhảy lên kêu gào, bọn tuỳ tùng đều kinh ngạc. Ông bắt đầu biết đạo của thánh nhân đủ cả trong bản tính con người, nếu đi tìm Lý ở sự vật, ắt là sai lầm.

Năm 43 tuổi, ông bắt đầu chuyên lấy mục đích đạt tới lương tri mà dạy học trò. Năm Gia Tĩnh thứ 7 (tức 1528) đời Minh Thế Tông, ông mất, thọ 57 tuổi.[62]

a. Đại Học Vấn

Ý tứ chủ yếu trong sự giảng học hiện rõ trong thiên *Đại Học Vấn* 大學問 của ông. Đệ tử của ông là Tiền Đức Hồng 錢德洪 (1496-1574) viết: «*Đại Học Vấn* là giáo điển của sư môn. Người mới vào học, được học nó trước tiên. [...] Các đệ tử có xin thầy chép lại thành sách. Thầy nói: "Cái đó các anh phải truyền miệng dạy nhau. Nếu chép ra thành sách, người đời sẽ xem nó là một áng văn chương, xem qua một lần rồi thôi, thế thì vô ích lắm." Tháng 8 năm Đinh Hợi (1527) nhằm năm Gia Tĩnh thứ 6, thầy khởi binh đi chinh phục thổ dân ở Tư Ân và Điền Châu (thuộc Quảng Tây). Lúc thầy sắp lên đường, các đệ tử lại xin phép chép nó thành sách, thầy đồng ý.»[63]

Năm Đinh Hợi Gia Tĩnh tức là một năm trước khi Vương Dương Minh qua đời. *Đại Học Vấn* quả thực có thể gọi là kiến giải sau cùng của Vương Dương Minh.

Đại Học Vấn chép: «Hỏi (1): "Ngày xưa Nho gia xem Đại Học là cái học của đại nhân. Xin hỏi tại sao cái học của đại nhân lại ở chỗ làm

---

[62] **LAM chú: Những thăng trầm trên con đường công danh, sự nghiệp quân sự và chính trị của Vương Dương Minh được viết kỹ trong *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim (quyển 2, Saigon 1971, trang 221-237).**

[63] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*: «Đại Học Vấn giả, sư môn chi giáo điển dã. Học giả sơ cập môn, tất tiên dĩ thử ý thụ. [...] Môn nhân hữu thỉnh lục thành thư giả, viết: "Thử tu chư quân khẩu khẩu tương truyền, nhược bút chi ư thư, sử nhân tác nhất văn tự khán qua, vô ích hĩ." Gia Tĩnh Đinh Hợi bát nguyệt, sư khởi chinh Tư Điền, tương phát, môn nhân phục thỉnh, sư hứa chi.»** 大學問者,師門之教典也.學者初及門,必先以此意授. [...] 門人有請錄成書者,曰:"此須諸君口口相傳,若筆之於書,使人作一文字看過,無益矣." 嘉靖丁亥八月,師起征思田,將發,門人復請,師許之.

sáng đức sáng?"[64] Vương Dương Minh đáp: "Đại nhân là bậc đã hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Đại nhân xem thiên hạ như một nhà, xem Trung Quốc như một người. Nếu trong đó ai ngăn cách hình hài và phân chia tôi và anh, đó là tiểu nhân. Đại nhân có thể hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Không phải là ngài có ý muốn như thế, mà là cái lòng nhân của tâm ngài vốn hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Lẽ nào chỉ có đại nhân? Tâm của tiểu nhân cũng đúng như thế, nhưng chỉ có hắn tự làm tâm của mình nhỏ bé đi mà thôi. Do đó khi thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, người ta ắt có lòng sợ hãi và thương xót. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với đứa bé. Đứa bé đồng loại với người ta. Khi thấy chim và thú run rẩy kêu la thảm thiết, người ta ắt có lòng bất nhẫn. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với chim và thú. Chim và thú cùng loại với loài có tri giác. Khi thấy cây cỏ bị đốn gẫy, người ta ắt có lòng thương xót. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với cây cỏ. Khi thấy ngói và đá bị huỷ hoại, nhi người ta ắt có lòng tiếc. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với ngói và đá. Cái lòng nhân hợp nhất một thể với vạn vật ấy, ngay cả bụng dạ tiểu nhân cũng có nữa. Lòng nhân ấy là tính do Trời ban cho, sáng láng tự nhiên, không bị tối tăm. Cho nên gọi là làm sáng cái đức sáng của mình. [...] Do đó, nếu không bị tư dục che lấp, thì dù bụng dạ tiểu nhân nhưng lòng nhân hợp nhất một thể với vạn vật ấy có khác gì lòng của đại nhân. Hễ bị tư dục che lấp, thì dù bụng dạ đại nhân nhưng thói phân cách hẹp hòi có khác gì lòng của tiểu nhân. Cho nên hễ ai học để thành đại nhân thì phải trừ khử sự che lấp của tư dục, để làm sáng cái đức sáng của mình, và trở về tình trạng ban sơ hợp thành một thể với trời đất và vạn vật mà thôi. Người ta không thể tăng thêm gì ở ngoài bản thể này." Hỏi (2): "Như

---

[64] **LAM chú: Đại nhân ở đây đồng nghĩa với thánh nhân. Cương lĩnh của sách *Đại Học* là: «Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện.»** 大學之道，在明明德，在親民，在止於至善 **(Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, [gần gũi / đổi mới] dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện). Cương lĩnh Đại Học là ba điểm: 1- Minh minh đức, 2- Thân dân, 3- Chỉ ư chí thiện. Về thân dân, Chu Hi chép lời của Nhị Trình, bảo «*thân* đương tác *tân*»** 親當作新 **(*thân* phải đọc là *tân*). *Tân* có nghĩa là: «Tân giả, cách kỳ cựu chi vị dã, ngôn kỷ tự minh kỳ minh đức hựu đương suy dĩ khử kỳ cựu nhiễm chi ô dã.»** 新者，革其舊之謂也，言既自明其明德又當推以去其舊染之污也 **(Tân là thay đổi cái cũ; ý nói khi đã làm sáng đức sáng của mình rồi thì phải mở rộng đến người khác, khiến họ cũng bỏ được sự dơ bẩn mà họ tiêm nhiễm từ lâu). Theo đó, James Legge dịch *thân (tân) dân* là «to renovate the people» (đổi mới dân chúng). Vương Dương Minh hiểu khác: *thân* là thân cận, gần gũi; có vậy ta mới đồng nhất thể với họ. Phan Bội Châu cũng hiểu *thân* là «thương yêu, tiếp cận mật thiết, ôm ấp đùm bọc», ông viết: «Các bản truyện chú đời xưa, từ Tống Nho sấp xuống, nhiều người đổi chữ *thân* thành chữ *tân*, lấy *minh đức* với *tân dân* làm hai việc; nhưng theo các nhà Hán học gần đây, và lại tìm cho đến các bản cổ chú đời Hán mà nghiền cho ra nghĩa kinh văn thì chữ *thân* đúng hơn.» (*Khổng Học Đăng*, Nxb Khai Trí, Saigon, 1973, tr.247).**

vậy, tại sao [muốn làm đại nhân] phải thân dân?" Đáp: "Làm sáng đức sáng là thiết lập cái thể đồng nhất với trời đất và vạn vật. Thân dân là đạt tới cái dụng của cái thể đồng nhất với trời đất và vạn vật đó. Cho nên làm sáng đức sáng là ắt phải ở thân dân, mà thân dân là để làm sáng đức sáng. [...] Vua và bầy tôi, chồng vợ, bạn bè, thậm chí sông núi, quỷ thần, chim thú, cây cỏ, ta đều phải thân thiết, để đạt tới lòng nhân đồng nhất thể của ta. Được thế thì trong cái đức sáng của ta không có gì mà không sáng, và ta quả thực có thể hợp thành một thể với trời đất và vạn vật. [...] Đó gọi là tận tính." Hỏi (3): "Vậy, làm thế nào để dừng ở sự chí thiện?" Đáp: "Chí thiện là chuẩn tắc tối cao của việc làm sáng dức sáng và thân dân. Bản tính Trời phú cho ta thì thuần tuý chí thiện, sáng rỡ mà không tối tăm. Cái chí thiện này hiển hiện, là bản thể của minh đức, tức là cái gọi là lương tri. Khi cái chí thiện này hiển hiện, thì đúng là đúng mà sai là sai. Đối với sự việc nặng nhẹ, dầy mỏng, nó tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động không ngừng, nhưng cái gì cũng tự có mức trung dung thiên nhiên. Nó làm chuẩn mực tối cao cho người và vật, mà trong đó không có cái gì được thêm vào hay bớt đi. Nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi tức là tư ý và tiểu trí, chứ không phải là chí thiện. [...] Ngày xưa có người cũng muốn làm sáng đức sáng, nhưng họ không biết dừng ở chí thiện, đã vậy còn đẩy tư tâm của mình lên quá cao; cho nên họ sai lầm ở sự vắng lặng hư không [của tham thiền và luyện nội đan], mà chẳng làm gì cho gia đình, quốc gia, xã hội. Họ là môn đồ của hai nhà [Phật và Lão] vậy. Lại có kẻ muốn thân dân, nhưng không biết dừng ở chí thiện. Đã vậy còn nhấn chìm tư tâm vào chuyện vụn vặn tầm thường; cho nên họ sai lầm ở quyền mưu và trí thuật, mà không có lòng chân thành nhân ái và trắc ẩn. Họ là bọn hám danh lợi, môn đồ của ngũ bá (Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương). Đó đều là sai lầm do không biết dừng ở chí thiện vậy.»[65]

---

[65] *Đại Học Vấn:* «"Đại Học giả, tích Nho dĩ vi đại nhân chi học hĩ. Cảm vấn đại nhân chi học, hà dĩ tại ư minh minh đức hồ?" Dương Minh Tử viết: "Đại nhân giả, dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể giả dã. Kỳ thị thiên hạ do nhất gia, Trung Quốc do nhất nhân yên. Nhược phù gian hình hài nhi phân nhĩ ngã giả, tiểu nhân hĩ. Đại nhân chi năng dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể dã, phi ý chi dã, kỳ tâm chi nhân bản nhược thị kỳ dữ thiên địa vạn vật nhi vi nhất dã. Khởi duy đại nhân, tuy tiểu nhân chi tâm, diệc mạc bất nhiên. Bỉ cố tự tiểu chi nhĩ. Thị cố kiến nhụ tử chi nhập tỉnh, nhi tất hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm yên. Thị kỳ nhân chi dữ nhụ tử nhi vi nhất thể dã. Nhụ tử do đồng loại giả dã, kiến điểu thú chi ai minh hộc tốc, nhi tất hữu bất nhẫn chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ điểu thú nhi vi nhất thể dã. Điểu thú do hữu tri giác giả dã, kiến thảo mộc chi tồi chiết, nhi tất hữu mẫn tuất chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ thảo mộc nhi vi nhất thể dã. Kiến ngoã thạch chi huỷ hoại, nhi tất hữu cố tích chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ ngoã thạch nhi vi nhất thể dã. Thị kỳ nhất thể chi nhân dã, tuy tiểu nhân chi tâm, diệc tất hữu chi. Thị nãi căn ư thiên mệnh chi tính, nhi tự nhiên linh chiêu bất muội giả dã. Thị cố vị chi minh đức. [...] Thị cố cẩu vô tư dục chi tế, tắc tuy tiểu nhân chi tâm, nhi kỳ nhất thể chi nhân do đại nhân dã. Nhất hữu tư dục chi tế, tắc tuy đại nhân

chi tâm, nhi kỳ phân cách ải lậu, do tiểu nhân hĩ. Cố phù vi đại nhân chi học giả, diệc duy khử kỳ tư dục chi tế, dĩ tự minh kỳ minh đức, phục kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi bản nhiên nhi dĩ nhĩ; phi năng ư bản thể chi ngoại nhi hữu sở tăng ích chi dã." Viết: "Nhiên tắc hà dĩ tại thân dân hồ?" Viết: "Minh minh đức giả, lập kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi thể dã. Thân dân giả, đạt kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi dụng dã. Cố minh minh đức tất tại ư thân dân, nhi thân dân nãi sở dĩ minh kỳ minh đức dã. [...] Quân thần dã, phu phụ dã, bằng hữu dã, dĩ chí ư sơn xuyên quỷ thần điểu thú thảo mộc dã, mạc bất thực hữu dĩ thân chi, dĩ đạt ngô nhất thể chi nhân, nhiên hậu ngô chi minh đức thuỷ vô bất minh, nhi chân năng dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể hĩ. [...] Thị chi vị tận tính." Viết: "Nhiên tắc hựu ô tại kỳ vi chỉ chí thiện hồ?" Viết: "Chí thiện giả, minh đức, thân dân chi cực tắc dã. Thiên mệnh chi tính, tuỳ nhiên chí thiện, kỳ linh chiêu bất muội giả, thử kỳ chí thiện chi phát hiện, thị nãi minh đức chi bản thể, nhi tức sở vị lương tri dã. Chí thiện chi phát hiện, thị nhi thị yên, phi nhi phi yên, khinh trọng hậu bạc, tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động bất cư, nhi diệc mạc bất tự hữu thiên nhiên chi trung; thị nãi dân di vật tắc chi cực, nhi bất dung thiếu hữu nghĩ nghị tăng tổn ư kỳ gian dã. Thiếu hữu nghĩ nghị tăng tổn ư kỳ gian, tắc thị tư ý tiểu trí, nhi phi chí thiện chi vị hĩ. [...] Cái tích chi nhân cố hữu dục minh kỳ minh đức giả hĩ; nhiên duy bất tri chỉ ư chí thiện, nhi vụ kỳ tư tâm ư quá cao; thị dĩ thất chi hư vông không tịch, nhi vô hữu hồ gia quốc thiên hạ chi thi, tắc nhị thị chi lưu thị hĩ. Cố hữu dục thân kỳ dân giả hĩ; nhiên duy bất tri chỉ ư chí thiện, nhi nịch kỳ tư tâm ư ti toả, thị dĩ thất chi quyền mưu trí thuật, nhi vô hữu hồ nhân ái trắc đát chi thành, tắc ngũ bá công lợi chi đồ thị hĩ. Thị giai bất tri chỉ ư chí thiện chi quá dã.»

"大學者，昔儒以爲大人之學矣．敢問大人之學，何以在於明明德乎？" 陽明子曰："大人者，以天地萬物爲一體者也．其視天下猶一家，中國猶一人焉．若夫間形骸而分爾我者，小人矣．大人之能以天地萬物爲一體也，非意之也，其心之仁本若是其與天地萬物爲一也．豈惟大人，雖小人之心，亦莫不然．彼顧自小之耳．是故見孺子之入井，而必有怵惕惻隱之心焉．是其仁之與孺子而爲一體也．孺子猶同類者也，見鳥獸之哀鳴觳觫，而必有不忍之心焉，是其人之與鳥獸而爲一體也．鳥獸猶有知覺者也，見草木之摧折，而必有憫恤之心焉，是其仁之與草木而爲一體也．見瓦石之毀壞，而必有顧惜之心焉，是其仁之與瓦石而爲一體也．是其一體之仁也，雖小人之心，亦必有之．是乃根於天命之性，而自然靈昭不昧者也．是故謂之明德．[...] 是故苟無私欲之蔽，則雖小人之心，而其一體一仁猶大人也．一有私欲之蔽，則雖大人之心，而其分隔隘陋，猶小人矣．故夫爲大人之學者，亦惟去其私欲之蔽，以自明其明德，復其天地萬物一體之本然而已耳；非能於本體之外而有所增益之也．" 曰："然則何以在親民乎？" 曰："明明德者，立其天地萬物一體之體也．親民者，達其天地萬物一體之用也．故明明德必在於親民，而親民乃所以明其明德也．[...] 君臣也，夫婦也，朋友也，以至於山川鬼神鳥獸草木也，莫不實有以親之，以達吾一體之仁，然後吾之明德始無不明，而眞能以天地萬物爲一體矣．[...] 是之謂盡性．" 曰："然則又烏在其爲止至善乎？" 曰："至善者，明德，親民之極則也．天命之性，粹然至善，其靈昭不昧者，此其至善之發現，是乃明德之本體，而即所謂良知也．至善之發現，是而是焉，非而非焉，輕重厚薄，隨感隨應，變動不居，而亦莫不自有天然之中；是乃民彝物則之極，而不容少有擬議增損於其間也．少有擬議增損於其間，則是私意小智，而非至善之謂矣．[...] 蓋昔之人固有欲明其明德者矣；然惟不知止於至善，而騖其私心於過高；是以失之虛罔空寂，而無有乎家國天下之施，則二氏之流是矣．固有欲親其民者矣；然惟不知止於至善，而溺其私心於卑瑣，是以失之權謀智術，而無有乎仁愛惻怛之誠，則五

Trên đây nói cũng giống như ý của Trình Hạo trong thiên Thức Nhân, nhưng Vương Dương Minh nói rõ ràng và chính xác hơn. Tượng Sơn nói vũ trụ chưa hề ly cách với con người, nhưng con người tự ly cách với vũ trụ. Người không ly cách với vũ trụ tức là đại nhân, còn kẻ tự ly cách với vũ trụ tức là tiểu nhân. Tuy nhiên cái bụng dạ tiểu nhân cũng có bản tâm chứa lòng nhân ái đồng nhất với trời đất và vạn vật. Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) với các tình cảm như trắc ẩn, hổ thẹn, từ nhượng, và phân biệt thị phi mà Mạnh Tử nói tức là sự hiển hiện của bản tâm ấy, cũng tức là lương tri. Nếu phát triển nó và thực hành nó, tức là «trí lương tri» 致良知(phát triển tối đa lương tri). Vương Dương Minh nói: «Nhân tâm là vực trời (thiên uyên), cái gì cũng có đủ trong nó. Thoạt đầu nhân tâm chỉ là trời duy nhất, rồi nó bị tư dục gây chướng ngại, nên bản thể của trời bị mất. [...] Nếu nay chúng ta tập trung tư tưởng vào việc phát triển tối đa lương tri, thì các chướng ngại che lấp ấy đồng loạt bị trừ khử hết, rồi bản thể hồi phục, và nhân tâm trở lại là thiên uyên.»[66]

Bản thể của minh đức là lương tri; cho nên làm sáng đức sáng và thân dân tức là trí lương tri 致良知, cũng tức là trí tri 致知. Vương Dương Minh nói: «Tuy nhiên muốn trí lương tri lẽ nào có nghĩa là mờ mờ mịt mịt tự treo vào cõi vô thực hư không [như Phật và Lão]? Cần phải chấp nhận thực tại của sự vật. Do đó trí tri do ở cách vật. Vật ở đây là sự vật.» Ông cho rằng hoạt động của tâm là ý; đối tượng của ý là sự vật. Thí dụ: ý hướng vào hiếu kính cha mẹ, thì hiếu kính cha mẹ là một sự vật. Ý hướng vào yêu người và quý vật thì lòng người và quý vật là một sự vật. Ông còn nói *cách* 格 có nghĩa là *chính* 正(sửa cho đúng);[67] tức là cái gì không đúng thì sửa lại cho nó trở về đúng. Sửa cho đúng cái không

---

伯功利之徒是矣.是皆不知止於至善之過也.

[66] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Nhân tâm thị thiên uyên, vô sở bất cai. Nguyên thị nhất cá thiên, chỉ vi tư dục chướng ngại, tắc thiên chi bản thể thất liễu. [...] Như kim niệm niệm trí lương tri, tương thử chướng ngại trất tắc nhất tề khử tận, tắc bản thể dĩ phục, tiện thị thiên uyên liễu.»** 人心是天淵,無所不賅.原是一個天,只爲私欲障礙,則天之本體失了.[...] 如今念念致良知,將此障礙窒塞一齊去盡,則本體以復,便是天淵了.

[67] **LAM chú: Theo Chu Hi, *cách* là tới, vật là sự vật; xét tới cùng các Lý của sự vật thì sẽ đạt tới chỗ tối cao của nó. Trình Di cũng hiểu như thế: «*Cách* có nghĩa là đến, như chữ *cách* trong câu "*tổ khảo lai cách*" 祖考來格 (tổ tiên đến) [trong Kinh Thư]. Một vật có một Lý, mà ta phải xét tới cùng cái Lý của nó.» (Xin xem chú thích 105 của chương 12 trên đây). Ở đây Vương Dương Minh hiểu *cách* là *chính* 正 (ch h đến, sửa cho đúng), giống như *Mạnh Tử* (Ly Lâu, thượng) nói: «Duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi.» 唯大人爲能格君心之非 (Chỉ có bậc đại nhân là có thể sửa đổi cái sai trong lòng vua). Nhưng sau đây ta sẽ thấy Vương Dương Minh giảng khác: «Cách vật nghĩa là đạt được cái Lý của mỗi sự vật.» (Xin xem chú thích 71 sau đây)**

đúng tức là trừ khử điều ác; trở về đúng tức là làm điều thiện. Theo Vương Dương Minh, lương tri tức là bản tính Trời phú cho ta, tức là bản thể của tâm ta. Nó tự nhiên sáng láng, linh diệu, và minh giác. Hễ một ý niệm phát ra, thì lương tri của tâm ta sẽ biết ngay nó là thiện hay ác. Bất kể những gì lương tri chúng ta nhận biết là thiện hay ác, chúng ta phải thành thực yêu hoặc ghét. Như thế chúng ta không tự lừa dối lương tri của mình và chúng ta có thể làm cho ý của mình trở nên chân thành (*thành ý* 誠意). Không tự lừa dối lương tri tức là thực hành *cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm;* cũng tức là thực hành *minh minh đức.* Cách vật lâu rồi thì mọi chướng ngại do tư tâm gây ra đều bị diệt trừ hết, và minh đức trở về tình trạng nguyên sơ đồng nhất thể với trời đất và vạn vật. Vương Dương Minh gọi đó là «chân truyền của Nghiêu Thuấn» hay «tâm ấn của Khổng Tử».

b. Tri hành hợp nhất

Lương tri thuộc về *tri* 知(biết); *trí lương tri* thuộc về *hành* 行(thực hành). Chúng ta phải thực hành *trí lương tri*, rồi sau đó cái biết của lương tri mới hoàn thành. Đó là ý nghĩa cốt lõi của thuyết «tri hành hợp nhất» 知行合一 của Vương Dương Minh.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Nay có kẻ biết phải hiếu với cha và phải yêu kính anh, nhưng hắn lại chẳng hiếu, chẳng kính. Vậy tri và hành là hai chuyện tách biệt nhau ư?" Thầy đáp: "Đó là hắn bị tư dục ngăn cách gián đoạn, chứ không phải là bản thể của tri và hành. Chưa từng có tri mà không hành; tri mà không hành chưa phải là tri. Tri và hành của thánh hiền chính là để trở về bản thể ấy, chứ không phải để làm theo cách thức mà anh vừa nói đâu. [...] Ta thường nói: Tri là chủ ý của hành; hành công phu của tri. Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri. Nếu hiểu được chỗ này, tuy người ta chỉ nói một chữ tri thôi nhưng tự trong đó đã có hành; chỉ nói một chữ hành thôi nhưng tự trong đó đã có tri."»[68]

[68] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Viết: "Như kim nhân tẫn hữu tri đắc phụ đương hiếu, huynh đương đễ giả, khước bất năng hiếu, bất năng đễ. Tiện thị tri dữ hành phân diện thị lưỡng kiện." Tiên sinh viết: "Thử dĩ bị tư dục cách đoạn, bất thị tri hành đích bản thể liễu. Vị hữu tri nhi bất hành giả; tri nhi bất hành, chỉ thị vị tri. Thánh hiền nhân tri hành, chính thị yếu phục nã bản thể, bất thị trước nễ chỉ nhằm đích tiện bãi. [...] Mỗ thường thuyết: Tri thị hành đích chủ ý; hành thị tri đích công phu. Tri thị hành chi thuỷ; hành thị tri chi thành. Nhược hội đắc thời, chỉ thuyết nhất cá tri, dĩ tự hữu hành tại. Chỉ thuyết nhất cá hành, dĩ tự hữu tri tại."» 曰: "如今人儘有知得父當孝,兄當悌者,卻不能孝,不能悌.便是知與行分面是兩件." 先生曰: "此已被私欲隔斷,不是知行的本體了.未有知而不行者;知而不行,只是未知.聖賢人知行,正是要復那本體,不是著你只恁的便罷. [...] 某嘗說:知是行的主意;行是知的工夫.知是行之始;行是知之成.若會得時,只說一個知,已自有行在.只說一個行,已自有知在."

Trong bản thể của tâm ta, khi tư dục chưa che lấp nó, thì tri với hành là một. Như khi ta thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng thì có lòng lo sợ thương xót. Cái tình ấy thuận theo sự phát triển tự nhiên của tâm, nên ta chạy ngay đến cứu đứa bé. Hành động chạy ngay đến cứu chính là sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn, chứ không phải là một sự việc. Do đó Vương Dương Minh mới nói: «Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri.» Nếu có ý khác (hoặc sợ khó khăn mà không chạy đến, hoặc vì ghét cha mẹ nó mà không chạy đến) tức là có tri mà không có hành. Tuy nhiên đó không phải là bản thể của tri và hành.

Về lòng hiếu cũng vậy, nếu một người biết rằng hắn phải có hiếu với cha mẹ, thì hắn sẽ thuận theo sự phát triển tự nhiên của cái biết ấy, tức là thực hành đạo hiếu. Nhưng nếu hắn không thực hành đạo hiếu, tức là tâm của hắn bị tư dục che lấp. Tâm bị tư dục che lấp, tức là có lương tri mà không thể phát triển tột cùng lương tri, thế thì lương tri của hắn cũng không thể hoàn thành. Do đó Vương Dương Minh nói: «Hành là kết quả của tri.»

Nói theo tâm lý học, tri và hành là một việc. Thí dụ khi ta thấy cái đáng sợ thì ta bỏ chạy; đó là sự biểu lộ bản thể của tri và hành. Nếu kẻ nào thấy cái đáng sợ mà không bỏ chạy, thì hắn ắt có trở ngại gì đó về tâm lý hay sinh lý; đó không phải là sự biểu lộ bản thể của tri và hành. Thuyết «tri hành hợp nhất» của Vương Dương Minh rất có căn cứ về phương diện tâm lý học. Nhưng cái mà ông gọi là tri phần nhiều ám chỉ lương tri; còn cái lương tri ấy có hay không có thì tâm lý học không thể xác định.

c. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Vương Dương Minh

Trong bài tựa của *Chu Tử Vãn Niên Định Luận,* Vương Dương Minh viết: «Thủ Nhân lúc trẻ chăm về cử nghiệp, ý chí đắm chìm trong thói từ chương. Sau khi hơi biết theo đuổi chính học, ta khổ sở vì sự rối loạn và mệt mỏi do các học thuyết gây ra, nên hoang mang không đạt được hiệu quả. Nhân đó mà ta cầu học nơi Lão và Phật; ta hân hoan vì có sự lĩnh hội ở tâm, bèn cho rằng cái học làm thánh nhân là ở đấy. Tuy nhiên khi ta gắng điều chỉnh cái học ấy với giáo huấn của Khổng Tử để sử dụng hằng ngày, ta thấy nó thường có chỗ thiếu sót, không hiệu quả. Dựa vào nó rồi làm trái nó, từ bỏ nó rồi quay về nó, lòng ta nửa tin nửa ngờ. Về sau khi bị đày ở trạm Long Trường, ta khốn đốn nơi chốn man di. Chịu bao xúc động và nhẫn nhục, ta bỗng nhiên giác ngộ. Trải bao mùa đông mùa hạ, thể nghiệm và suy xét, ta chứng minh được tư tưởng của mình ở tứ thư ngũ kinh; bấy giờ ta như sông ngòi phá được chỗ bế tắc mà cuồn

cuộn đổ ra biển. [...] Riêng học thuyết của Chu Hi là bất đồng với ta, đó là điều ta luôn nhức nhối trong lòng.»[69]

Trên đây Vương Dương Minh tự thuật những giai đoạn đã trải trên con đường tu học. Nhưng học thuyết mà ông cuối cùng đạt được thì ông cho là trái với học thuyết của Chu Hi. Theo đoạn văn đã trích từ *Đại Học Vấn* trên đây, cái học của Vương Dương Minh tóm lại chỉ có ba chữ «trí lương tri» là đủ bao quát toàn bộ. Cho nên Vương Dương Minh kể từ năm 43 tuổi mới chuyên lấy «trí lương tri» để dạy đệ tử. Cái học như thế thật là giản dị và trực tiếp. Về ý nghĩa của cách vật trí tri, quả thực Vương Dương Minh và Chu Hi giải thích khác nhau. Xét tổng quát học thuyết của hai ông, sự bất đồng của hai ông cũng chính là sự bất đồng của hai phái Lý học và Tâm học vậy.

Vương Dương Minh thỉnh thoảng cũng nói về Lý và Khí. *Truyền Tập Lục* chép: «Lý là sự trật tự của Khí; Khí là sự vận dụng của Lý. Không có sự trật tự thì không thể vận dụng; không vận dụng thì cũng thể thấy cái gọi là trật tự.»[70]

Ở riêng điểm ấy, kiến giải của Vương Dương Minh và Chu Hi không khác nhau lắm. Còn những điểm bất đồng thì chính Vương Dương Minh đã nêu ra: «Chu Hi nói cách vật, nghĩa là phải xét tới cùng cái Lý của sự vật. Xét tới cùng cái Lý của sự vật, tức là tìm cái Lý đã được xác định ở mỗi sự vật. Lấy tâm ta mà tìm kiếm cái Lý trong mỗi sự vật, tức là ta tách tâm và Lý ra làm hai. [...] Cái mà tôi gọi là trí tri cách vật như thế

---

[69] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư*: «Thủ Nhân tảo tuế nghiệp cử, nịch chí từ chương chi tập. Ký nãi sảo trí tòng sự chính học, nhi khổ ư chúng thuyết chi phân nhiễu bì sấn, mang vô khả nhập. Nhân cầu chư Lão Thích, hân nhiên hữu hội ư tâm, dĩ vi thánh nhân chi học tại thử hĩ. Ư Khổng Tử chi giáo gian tương xuất nhập; nhi thố chi nhật dụng, vãng vãng khuyết lậu vô quy. Y vi vãng phản, thả tín thả nghi. Kỳ hậu trích quan Long Trường, cư dị xứ khốn. Động tâm nhẫn tính chi dư, hoảng nhược hữu ngộ. Thể nghiệm thám cầu, tái cánh hàn thử. Chứng chư ngũ kinh tứ tử, bái nhiên nhược quyết giang hà nhi phóng chư hải dã. [...] Độc ư Chu Tử chi thuyết, hữu tương để ngộ, hằng cửu ư tâm.» 守仁早歲業舉，溺志詞章之習．既乃稍知從事正學，而苦於衆說之紛擾疲疢，茫無可入．因求諸老釋，欣然有會於心，以爲聖人之學在此矣．於孔子之教間相出入；而措之日用，往往缺漏無歸．依違往返，且信且疑．其後謫官龍場，居夷處困．動心忍性之餘，恍若有悟．體驗探求，再更寒暑．證諸五經四子，沛然若決江河而放諸海也．[...] 獨於朱子之說，有相抵牾，恆疚於心．

[70] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Lý giả Khí chi điều lý, Khí giả Lý chi vận dụng. Vô điều lý tắc bất năng vận dụng, vô vận dụng tắc diệc vô dĩ kiến kỳ sở vị điều lý giả hĩ.» 理者氣之條理，氣者理之運用．無條理則不能運用，無運用則亦無以見其所謂條理者矣．

này: Đạt tới cùng lương tri của tâm ta đối với sự vật. Lương tri của tâm ta gọi là thiên lý. Đạt tới cùng thiên lý (tức lương tri của tâm ta) đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó. Trí tri nghĩa là đạt tới cùng cái lương tri trong tâm ta. Cách vật nghĩa là đạt được cái Lý của mỗi sự vật. Đó là hợp tâm với Lý làm một vậy.»[71]

Chu Hi cho rằng mỗi người hay mỗi vật đều có một Thái Cực. Thái Cực tức là toàn thể các Lý, cho nên tâm chúng ta có đầy đủ các Lý ứng với vạn sự. Do đó xét tới cùng Lý của sự vật tức là xét tới cùng các Lý trong tâm chúng ta, cũng là xét tới cùng các Lý trong bản tính chúng ta. Cho nên Vương Dương Minh nói Chu Hi tách tâm và Lý làm hai là chưa xác đáng. Theo hệ thống triết học của Chu Hi, nếu Lý không hợp với Khí tức là không có tâm. Tâm tuy không có, nhưng Lý tự nó vẫn thường tồn. Do đó về mặt thực tế, không có Lý nào mà không có Khí; về mặt lô-gíc, có thể có Lý mà không có tâm. Từ điểm này mà xét, nói rằng Chu Hi tách tâm và Lý làm hai thì cũng có thể được. Theo hệ thống triết học của Vương Dương Minh, hễ «đạt tới cùng thiên lý (tức lương tri của tâm ta) đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó.» Vậy, nếu không có tâm thì không có Lý. Vương Dương Minh nói: «Tâm tức là Lý. Thiên hạ lại có sự vật ở ngoài tâm và có Lý ở ngoài tâm hay sao?»[72]

Truyền Tập Lục còn chép: «Có người lại hỏi về thuyết *"tâm tức là Lý"* rằng: "Trình Tử nói *'Tại vật là Lý'*, tại sao Thầy nói *'Tâm tức là Lý'*?" Thầy Vương đáp: "Trong câu *'Tại vật là Lý'*, trước chữ *tại* nên

---

[71] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Chu Tử sở vị cách vật vân giả, tại tức vật nhi cùng kỳ Lý dã. Tức vật cùng Lý, thị tựu sự sự vật vật thượng cầu kỳ sở vị định Lý giả dã. Thị đĩ ngô tâm nhi cầu Lý ư sự sự vật vật chi trung, tích tâm ư Lý nhi vi nhị hĩ. [...] Nhược bỉ nhân sở vị trí tri cách vật giả, trí ngô tâm chi lương tri ư sự sự vật vật dã. Ngô tâm chi lương tri, tức sở vị thiên lý dã. Trí ngô tâm lương tri chi thiên lý ư sự sự vật vật, tắc sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý hĩ. Trí ngô tâm chi lương tri giả, trí tri dã. Sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý giả, cách vật dã. Thị hợp tâm dữ Lý nhi vi nhất giả dã.»** 朱子所謂格物云者，在即物而窮其理也．即物窮理，是就事事物物上求其所謂定理者也．是以吾心而求理於事事物物之中，析心於理而爲二矣．[...] 若鄙人所謂致知格物者，致吾心良知於事事物物也．吾心之良知，即所謂天理也．致吾心良知之天理於事事物物，則事事物物皆得其理矣．致吾心之良知者，致知也．事事物物皆得其理者，格物也．是合心與理而爲一者也．

[72] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Tâm tức Lý dã. Thiên hạ hựu hữu tâm ngoại chi sự, tâm ngoại chi Lý hồ?»** 心即理也．天下又有心外之事，心外之理乎？

thêm chữ *tâm*. Tức là *'Tâm tại vật là Lý'*."»[73]

Vương Dương Minh nói: «Thể của tâm là Tính. Tính tức là Lý. Cho nên có tâm kính hiếu cha mẹ, tức là có cái Lý của hiếu; không có tâm kính hiếu cha mẹ, tức là không có cái Lý của hiếu. Có tâm trung với vua, tức có cái Lý của trung; không có tâm trung với vua, tức không có cái Lý của trung. Lẽ nào Lý ở ngoài tâm ta ư? Hối Am (tức Chu Hi) nói cái mà người ta học chỉ là tâm và Lý mà thôi. Tâm tuy làm chủ một tấm thân, nhưng kỳ thực nó cai quản các Lý trong trời đất. Các Lý tuy phân tán ở vạn sự, nhưng kỳ thực chúng không ở ngoài một cái tâm của con người. Bởi vì chúng phân tán nhưng đồng thời cũng hợp lại, cho nên Chu Hi không tránh khỏi lỗi lầm vì dạy cho đệ tử rằng tâm với Lý là hai thứ.»[74]

Theo hệ thống của Chu Hi, ta chỉ có thể nói Tính là Lý, không thể nói Tâm là Lý. Theo đó, ta chỉ có thể nói bởi có cái Lý của hiếu, nên có hiếu tâm đối với cha mẹ; bởi có cái Lý của trung với vua, nên có cái tâm trung với vua. Chúng ta không thể nói: bởi có hiếu tâm đối với cha mẹ, nên có cái Lý của hiếu; bởi không có hiếu tâm đối với cha mẹ, nên không có cái Lý của hiếu. Tóm lại, theo Chu Hi, tâm có thể tồn tại độc lập và xa lìa Lý, tuy thực tế không có trường hợp như vậy, nhưng nó cũng có khả năng xảy ra. Trong hệ thống của Vương Dương Minh, về phương diện thực tế và lô-gíc, không có tâm tức là không có Lý. Đó là điểm bất đồng căn bản giữa Lý học và Tâm học. Trong hệ thống triết học của Vương Dương Minh không có sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ, cho nên danh từ này không hề xuất hiện trong các trứ tác của Vương Dương Minh.

---

[73] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Hựu vấn tâm tức Lý chi thuyết, "Trình Tử vân: tại vật vi Lý, như hà vị tâm tức Lý?" Tiên sinh viết: "Tại vật vi Lý, tại tự thượng đáng thiêm nhất tâm tự. Thử tâm tại vật tắc vi Lý."» 又問心即理之說,"程子云:在物爲理,如何謂心即理?" 先生曰:"在物爲理,在字上當添一心字.此心在物則爲理."

[74] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Tâm chi thể, tính dã. Tính tức Lý dã. Cố hữu hiếu thân chi tâm, tức hữu hiếu chi Lý; vô hiếu thân chi tâm, tức vô hiếu chi Lý. Hữu trung quân chi tâm, tức hữu trung chi Lý; vô trung quân chi tâm, tức vô trung Lý hĩ. Lý khởi ngoại ư ngô tâm da? Hối Am vị nhân chi sử dĩ vị học giả, tâm dữ Lý nhi dĩ. Tâm tuy chủ hồ nhất thân, nhi thực quản hồ thiên địa chi Lý. Lý tuy tán tại vạn sự, nhi thực bất ngoại hồ nhân chi nhất tâm. Thị kỳ nhất phân nhất hợp chi gian, nhi vị miễn dĩ khải học giả tâm Lý vi nhị chi tệ.» 心之體,性也.性即理也.故有孝親之心,即有孝之理;無孝親之心,即無孝之理.有忠君之心,即有忠之理;無忠君之心,即無忠之理矣.理豈外於吾心耶?晦庵謂人之所以謂學者,心與理而已.心雖主乎一身,實管乎天地之理.理雖散在萬事,而實不外乎人之一心.是其一分一合之間,而未免已啓學者心理爲二之弊.

Truyền Tập Lục chép: «Lương tri của người chính là lương tri của cây, cỏ, ngói, đá. Nếu cây, cỏ, ngói, đá không có lương tri của người, thì không thể gọi là cây, cỏ, ngói, đá được. Lẽ nào điều ấy chỉ đúng với cây, cỏ, ngói, đá thôi sao? Trời đất không có lương tri của người, thì cũng không thể gọi là trời đất. Bởi trời đất, vạn vật và con người vốn đồng một thể, nên chỗ phát ra cực tinh anh của nó chính là một cái linh diệu sáng láng tạo thành nhân tâm.»[75]

Ngữ Lục chép: «Thầy Vương [cùng bạn] đi chơi ở Nam Trấn, một người bạn chỉ vào một cây trổ hoa trên núi, nói: "Thiên hạ không có vật ở ngoài tâm, như cây hoa này, ở trong núi sâu, tự trổ hoa rồi tự rơi rụng, nó có liên quan chi tới tâm của ta?" Thầy đáp: "Lúc ông chưa nhìn thấy hoa này, thì hoa này với tâm ông cùng vắng lặng. Khi ông đến xem hoa này, thì màu sắc của hoa nhất thời rực rỡ lên. Thế đủ biết hoa này không ở ngoài tâm của ông."»[76]

Truyền Tập Lục chép: «Thầy Vương nói: "Ông xem trong cõi trời đất này, cái gì là tâm của trời đất?" Đáp: "Tôi từng nghe nói: người là tâm của trời đất." Thầy hỏi: "Ở người, cái gì gọi là tâm?" Đáp: "Chỉ là một cái linh diệu sáng láng." Thầy nói: "Từ đó có thể biết rằng chỉ có cái linh diệu sáng láng ấy lấp đầy trời đất. Con người chỉ do hình thể mà tự ly cách với trời đất. Cái linh diệu sáng láng của chúng ta là chủ nhân của quỷ thần và trời đất. [...] Hễ trời đất, quỷ thần, vạn vật, ly cách cái linh diệu sáng láng của chúng ta, thì không có trời đất, quỷ thần, vạn vật. Hễ cái linh diệu sáng láng của chúng ta ly cách trời đất, quỷ thần, vạn vật, thì cũng không có cái linh diệu sáng láng của chúng ta. Như thế,

---

[75] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Nhân đích lương tri, tựu thị thảo, mộc, ngoã, thạch đích lương tri. Nhược thảo, mộc, ngoã, thạch vô nhân đích lương tri, bất khả dĩ vi thảo, mộc, ngoã, thạch hĩ. Khởi duy thảo, mộc, ngoã, thạch vi nhiên, thiên địa vô nhân đích lương tri, diệc bất khả vi thiên địa hĩ. Cái thiên địa vạn vật dữ nhân nguyên thị nhất thể, kỳ phát khiếu chi tối tinh xứ, thị nhân tâm nhất điểm linh minh.»** 人的良知，就是草木瓦石的良知。若草木瓦石無人的良知，不可以爲草木瓦石矣。豈惟草木瓦石爲然，天地無人的良知，亦不可爲天地矣。蓋天地萬物與人原是一體，其發竅之最精處，是人心一點靈明。

[76] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư:*** **«Tiên sinh du Nam Trấn, nhất hữu chỉ nham trung hoa thụ vấn viết: "Thiên hạ vô tâm ngoại chi vật, như thử hoa thụ, tại thâm sơn trung, tự khai tự lạc, ư ngã tâm diệc hà tương quan?" Tiên sinh vân: "Nhĩ vị khán thử hoa thời, thử hoa dữ nhĩ tâm đồng quy ư tịch. Nhĩ lai khán thử hoa thời, tắc thử hoa nhan sắc, nhất thời minh bạch khởi lai. Tiện tri thử hoa, bất tại nhĩ đích tâm ngoại."»** 先生游南鎮，一友指巖中花樹問曰："天下無心外之物，如此花樹，在深山中，自開自落，於我心亦何相關？"先生云："爾未看此花時，此花與爾心同歸寂。爾來看花時，則此花顏色，一時明白起來。便知此花，不在爾的心外。"

chúng lưu thông với một Khí. Tại sao nói chúng ta ly cách với chúng?" Lại hỏi: "Trời đất, quỷ thần, vạn vật đã tồn tại từ ngàn xưa đến nay. Tại sao bảo rằng hễ không có cái linh diệu sáng láng của chúng ta, thì cũng không có trời đất, quỷ thần, vạn vật?" Thầy đáp: "Nay thử xem một người chết, cái linh diệu sáng láng của hắn đã tan rã hết, vậy thì trời đất, quỷ thần, vạn vật của hắn ở đâu?"»[77]

Như chúng ta đã biết, Chu Hi nói Tính tức là Lý; còn Vương Dương Minh nói Tâm tức là Lý. Đó là điểm bất đồng giữa Lý học và Tâm học. Tuy nhiên, có một vấn đề nảy sinh: Tại sao cái Vương gọi là Tâm không phải là cái Chu gọi là Tính? Nếu phải, tức là phần biện luận trên đây của tiết này không thể thành lập. Tuy nhiên nếu xét ba điều được trích dẫn trên đây, thì chúng ta có thể biết cái Tâm mà Vương gọi «chỉ là cái linh diệu sáng láng» (linh minh 靈明). Đó chính là cái Tâm mà Chu Hi gọi. Chu Hi nói chỗ linh diệu (linh xứ 靈處) của tri giác là Tâm chứ không phải là Tính (Linh xứ chỉ thị tâm, bất thị tính 靈處只是心,不是性).[78] Do đó, cái Vương gọi là Tâm không thể là cái Chu gọi là Tính. Chu Hi cho rằng tâm chúng ta có toàn thể Thái Cực, nên tâm có đủ các Lý của vạn vật. Tuy nhiên trong tâm chúng ta chỉ có đủ các Lý mà thôi, chứ tâm không chứa các sự vật cụ thể ứng với các Lý ấy. Còn Vương Dương Minh cho rằng tất cả trời đất và vạn vật đều có trong tâm chúng ta. Thứ Duy tâm luận này, quả thực Chu Hi không ủng hộ.

---

[77] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư*: «Tiên sinh viết: "Nhĩ khán giá cá thiên địa trung gian, thậm ma thị thiên địa đích tâm?" Đối viết: "Thường vân nhân thị thiên địa đích tâm." Viết: "Nhân hựu thậm ma khiếu tố tâm?" Đối viết: "Chỉ thị nhất cá linh minh." "Khả tri sung thiên tắc địa, trung gian chỉ hữu giá cá linh minh. Nhân chỉ vi hình thể tự gián cách liễu. Ngã đích linh minh, tiện thị thiên địa quỷ thần đích chủ tể. [...] Thiên địa quỷ thần vạn vật, ly khước ngã đích linh minh, tiện một hữu thiên địa quỷ thần vạn vật liễu. Ngã đích linh minh, ly khước thiên địa quỷ thần vạn vật, diệc một hữu ngã đích linh minh. Như thử, tiện thị nhất khí lưu thông đích, như hà dữ tha gián cách đắc?" Hựu vấn: "Thiên địa quỷ thần vạn vật, thiên cổ kiến tại, hà một liễu ngã đích linh minh, tiện câu vô liễu?" Viết: "Kim khán tử đích nhân, tha giá ta tinh linh du tán liễu, tha đích thiên địa quỷ thần vạn vật thượng tại hà xứ?"» 先生曰:"爾看這個天地中間,甚麼是天地的心?"對曰:"嘗聞人是天地的心."曰:"人又甚麼叫做心?"對曰:"只是一個靈明."“可知充天塞地,中間只有這個靈明.人只爲形體自間隔了.我的靈明,便是天地鬼神的主宰.[...] 天地鬼神萬物,離卻我的靈明,便没有天地鬼神萬物了.我的靈明離卻天地鬼神萬物,亦没有我的靈明.如此,便是一氣流通的,如何與他間隔得?"又問:"天地鬼神萬物,千古見在,何没了我的靈明,便俱無了?"曰:"今看死的人,他這些精靈游散了,他的天地鬼神萬物尚在何處?"

[78] LAM chú: Xin xem lại chú thích 55 của chương 13 ngay trên đây.

d. Phê bình Phật và Lão

Sự bất đồng giữa triết học của Vương Dương Minh và triết học của Chu Hi còn hiện rõ trong sự phê bình của hai ông đối với Phật và Lão. Khi Chu Hi nói về Tính, ông chú trọng ở điểm: Tính bao gồm các Lý. Cho nên ông nói nhà Nho xem Tính là thực, nhà Phật xem Tính là không. Khi Vương Dương Minh nói về Tâm, ông chú trọng ở điểm: Tâm thì linh diệu sáng láng. Chúng ta có bản tâm linh diệu sáng láng ấy, phát ra lương tri. Chúng ta cần thuận theo lương tri mà hành động. Ông nói: «Lương tri làm chuẩn mực tối cao cho người và vật, mà trong đó không có cái gì được thêm vào hay bớt đi. Nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi tức là tư ý và tiểu trí, chứ không phải là chí thiện.»[79] Theo Trình Hạo, nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi, thì đó gọi là tự tư 自私 và dụng trí 用智; và đó chính là sai lầm của Phật và Lão.[80]

Truyền Tập Lục chép: «Thầy Vương từng nói: "Nhà Phật không chấp tướng, kỳ thực là chấp tướng; nhà Nho ta chấp tướng, kỳ thực là không chấp tướng." Đệ tử xin giải thích, Thầy đáp: "Nhà Phật sợ cái khổ luỵ của cha con, nên chạy trốn quan hệ cha con; sợ cái khổ luỵ của vua tôi, nên chạy trốn quan hệ vua tôi; sợ cái khổ luỵ của vợ chồng, nên chạy trốn quan hệ vợ chồng. Đó đều là do chấp vào tướng của vua tôi, cha con, vợ chồng nên chạy trốn. Như nhà Nho ta có quan hệ cha con thì lấy lòng nhân mà đối đãi; có quan hệ vua tôi thì lấy nghĩa mà đối đãi; có quan hệ vợ chồng thì lấy sự phân biệt mà đối đãi. Có bao giờ chấp vào tướng của cha con, vua tôi, vợ chồng đâu?"»[81]

---

[79] **LAM chú: Xin xem chú thích 65 của chương này.**

[80] **LAM chú: Đây là ý của Trình Hạo trong thư phúc đáp Trương Hoành Cừ. Xin xem chú thích 94 của chương 12 ngay trên đây.**

[81] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Tiên sinh thường ngôn: "Phật thị bất trước tướng, kỳ thực trước liễu tướng, ngô Nho trước tướng, kỳ thực bất trước tướng." Thỉnh vấn. Viết: "Phật phạ phụ tử luỵ, khước đào liễu phụ tử, phạ quân thần luỵ, khước đào liễu quân thần, phạ phu phụ luỵ, khước đào liễu phu phụ, đô thị vi cá quân thần, phụ tử, phu phụ trước liễu tướng, tiện tu đào tỵ. Như ngô Nho hữu cá phụ tử, hoàn tha dĩ nhân, hữu cá quân thần, hoàn tha dĩ nghĩa, hữu cá phu phụ, hoàn tha dĩ biệt, hà tằng trước phụ tử, quân thần, phu phụ đích tướng?"»** 先生常言："佛氏不著相，其實著了相；吾儒著相，其實不著相．" 請問．曰："佛怕父子累，卻逃了父子；怕君臣累，卻逃了君臣；怕夫婦累，卻逃了夫婦；都是爲個君臣，父子，夫婦著了相，便須逃避．如吾儒有個父子，還他以仁；有個君臣，還他以義；有個夫婦，還他以別；何曾著父子，君臣，夫婦的相？"

Truyền Tập Lục còn chép: «Thầy Vương nói: "Tiên gia nói đến Hư, thánh nhân lẽ nào có thể thêm chút xíu Thực vào cái Hư ấy? Phật gia nói đến Vô, thánh nhân lẽ nào có thể thêm chút xíu Hữu vào cái Vô ấy? Khi tiên gia nói đến Hư, mục đích của họ là dưỡng sinh. Khi Phật gia nói đến Vô, mục đích của họ là thoát biển khổ của sinh tử. Khi họ thêm ý nghĩa ấy vào bản thể của tâm, thì nguyên nghĩa của Hư và Vô không còn nữa, và ở bản thể của tâm có chướng ngại. Thánh nhân chỉ trở về bản sắc của lương tri mình, và không thêm các ý nghĩa nói trên vào nó. Cái Hư của lương tri tức là thái hư của trời; cái Vô của lương tri tức là sự vô hình của thái hư. Mặt trời, mặt trăng, gió, sấm, núi, sông, dân chúng, đồ vật; hễ cái gì có hình dáng sắc tướng thì đều ở trong sự vô hình của thái hư mà phát ra tác dụng và lưu hành, chưa từng gây chướng ngại cho trời. Thánh nhân chỉ thuận theo lương tri của mình mà phát ra tác dụng. Trời đất, vạn vật đều ở trong sự phát ra tác dụng và lưu hành của lương tri chúng ta. Làm sao có vật gì vượt ra ngoài lương tri mà có thể gây chướng ngại cho nó?»[82]

Nhà Phật không chấp tướng để cầu Vô, kỳ thực chỉ là chấp tướng. Có ý cầu Vô, thì hễ có ý niệm ấy tức là không phải Vô. Chỉ cần thuận theo sự tự nhiên của lương tri mà làm chứ không toan tính gì hết, thì tuy hữu vi nhưng lại là vô vi. Cái Vô ấy mới là cái Vô chân thực.

---

[82] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Tiên sinh viết: "Tiên gia thuyết đáo hư, thánh nhân khởi năng hư thượng gia đắc nhất hào thực? Phật gia thuyết đáo vô, thánh nhân khởi năng vô thượng gia đắc nhất hào hữu? Đãn tiên gia thuyết hư, tòng dưỡng sinh thượng lai, Phật gia thuyết vô, tòng xuất ly sinh tử khổ hải thượng lai; khước ư bản thể thượng gia khước giá ta tử ý tứ tại, tiện bất thị tha hư vô đích bản sắc liễu, tiện ư bản thể hữu chướng ngại. Thánh nhân chỉ thị hoàn tha lương tri đích bản sắc, cánh bất trước ta tử ý tứ tại. Lương tri chi hư, tiện thị thiên chi thái hư; lương tri chi vô, tiện thị thái hư chi vô hình. Nhật, nguyệt, phong, lôi, sơn, xuyên, dân, vật, phàm hữu mạo tượng hình sắc, giai tại thái hư vô hình trung phát dụng lưu hành, vị thường tác đắc thiên đích chướng ngại. Thánh nhân chỉ thị thuận kỳ lương tri chi phát dụng; thiên địa vạn vật câu tại ngã lương tri đích phát dụng lưu hành trung; hà thường hữu hữu nhất vật siêu ư lương tri chi ngoại, năng tác đắc chướng ngại?» 先生曰："仙家說到虛，聖人豈能虛上加得一毫實？佛家說到無，聖人豈能無上加得一毫有？但仙家說虛，從養生上來，佛家說無從出離生死苦海上來；卻於本體上加卻這些子意思在，便不是他虛無的本色了，便於本體有障礙。聖人只是還他良知的本色，更不著些子意思在良知之虛，便是天之太虛；良知之無，便是太虛之無形。日月風雷山川民物，凡有貌象形色，皆在太虛無形之中發用流行，未嘗作得天的障礙。聖人只是順其良知之發用；天地萬物俱在我良知的發用流行中；何嘗又有一物超於良知之外，能作得障礙？

e. Những mức độ của ái

Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể, nhưng trên thực tế, đôi lúc con người buộc phải hi sinh cái gì đó để duy trì sự sinh tồn của mình. Cho nên Schopenhauer từng nói rằng kiếp người vốn là một đại mâu thuẫn. Ngay cả nhà Phật cũng vậy, vì lòng từ bi thương xót chúng sinh mà họ không ăn thịt, nhưng họ cũng buộc phải ăn cơm gạo. Người xem vạn vật cùng một thể tại sao có thể làm như thế? Vương Dương Minh từng giải thích vấn đề này.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Đại nhân cùng một thể với vạn vật. Tại sao sách *Đại Học* lại nói có cái quan trọng và cái kém quan trọng)?" Thầy Vương đáp: "Cái đạo lý ấy tự có cái quan trọng và cái kém quan trọng. Thí dụ như tấm thân này là một thể, nếu lấy tay chân bảo vệ đầu và mắt, lẽ nào nói đầu và mắt thì quan trọng, còn chân tay thì kém quan trọng? Đó chỉ là hợp đạo lý tự nhiên. Cầm thú và thảo mộc ta đều yêu; nhưng ta cam lòng lấy thảo mộc nuôi cầm thú. Người và cầm thú ta đều yêu, nhưng ta cam lòng giết cầm thú để nuôi cha mẹ, cúng kiến, và đãi khách. Người chí thân và người đi đường ta đều yêu. Nếu như có một giỏ cơm và canh đậu, được nó thì sống, không được nó thì chết, không thể toàn vẹn hai bên, thì ta thà cứu người chí thân chứ không cứu người đi đường. Ta cam lòng làm thế, vì theo đạo lý phải như thế. Cho đến bản thân ta và người chí thân, thì không được phân biệt ai quan trọng ai kém quan trọng nữa. Bởi vì trong đó phát xuất lòng nhân đối với mọi người và lòng yêu mọi vật. Chỗ này cam chịu được thì chỗ nào cũng cam chịu được. Cái gọi là quan trọng và kém quan trọng mà sách *Đại Học* nói, chính là nguyên lý tự nhiên theo lương tri, không thể vượt qua. Nó gọi là nghĩa. Thuận theo nguyên lý ấy thì gọi là lễ. Biết được nguyên lý ấy thì gọi là trí. Chung thuỷ với nguyên lý ấy thì gọi là tín.»[83]

---

[83] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn: "Đại nhân dữ vật đồng thể, như hà Đại Học hựu thuyết cá hậu bạc?" Tiên sinh viết: "Duy thị đạo lý tự hữu hậu bạc. Tỉ như thân thị nhất thể, bả thủ túc hãn đầu mục, khởi thị thiên yếu bạc thủ túc? Kỳ đạo lý hợp như thử. Cầm thú dữ thảo mộc đồng thị ái đích, bả thảo mộc khứ dưỡng cầm thú hựu nhẫn đắc. Nhân dữ cầm thú đồng thị ái đích, tể cầm thú dĩ dưỡng thân dữ cung tế tự, yến tân khách, tâm hựu nhẫn đắc. Chí thân dữ lộ nhân đồng thị ái đích, như đản thực đậu canh, đắc tắc sinh, bất đắc tắc tử, bất năng lưỡng toàn, ninh cứu chí thân, bất cứu lộ nhân, tâm hựu nhẫn đắc. Giá thị đạo lý hợp cai như thử. Cập chí ngô thân dữ chí thân, cánh bất đắc phân biệt bỉ thử hậu bạc. Cái dĩ nhân dân ái vật giai tòng thử xuất, thử xứ khả nhẫn, cánh vô sở bất nhẫn hĩ. Đại Học sở vị hậu bạc, thị lương tri thượng tự nhiên đích điều lý, bất khả du việt, thử tiện vị chi nghĩa. Thuận ngôn cá điều lý tiện vị chi lễ. Tri thử điều lý tiện vị chi trí. Chung thuỷ thị giá cá điều lý tiện vị chi tín.» 問："大人與物同體，如何大學說個厚薄？" 先生曰："惟是道理自有厚薄．比如身是一體，把手足捍頭目，豈是偏要薄手足？其

Ở đây nói rằng lương tri của chúng ta, trong một phạm vi chừng mực, cũng xem sự tự tư là đúng. Đối đãi sự vật, cái nào quan trọng, cái nào không quan trọng, thì tự lương tri khắc biết. Cho nên trong *Đại Học Vấn* có nói: «Khi cái chí thiện hiển hiện, thì đúng là đúng mà sai là sai. Đối với sự việc nặng nhẹ, dầy mỏng, nó tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động không ngừng, nhưng cái gì cũng tự có mức trung dung thiên nhiên.» Lương tri biết cái mức trung dung thiên nhiên, chúng ta cứ theo nó mà hành động, đó tức là *trí lương tri* và *dừng ở chí thiện* vậy.

Vương Dương Minh xem đó là lòng nhân của Nho gia, và nó khác với kiêm ái của Mặc gia. *Truyền Tập Lục* chép: «Hỏi: "Trình Tử nói: 'Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể.' Tại sao kiêm ái của Mặc gia không được xem là nhân?" Thầy Vương nói: "Điều này cũng thật khó nói. Các ông cần phải tự thể nghiệm để hiểu nó. Lòng nhân là cái Lý mà tạo hoá sinh sôi mãi không ngừng. Tuy nó tràn trề khắp nơi, chẳng nơi nào không có, nhưng sự lưu hành và phát sinh của nó cũng có mức độ dần dần, để sinh sôi không ngừng. [...] Thí dụ như cái cây, thoạt đầu nảy chồi, đấy là khởi điểm cho thấy sự sinh trưởng của cái cây. [...] Tình cha con, tình anh em, là khởi điểm cho thấy sự sinh trưởng của nhân tâm, cũng giống như chồi cây. Từ chỗ ấy mà yêu người và yêu vật; tức là chồi phát triển thành nhánh, thành cành lá. Lòng kiêm ái của Mặc gia không có mức độ sai biệt. Họ xem cha con, anh em trong nhà với người đi đường như nhau, nên làm mất đi khởi điểm của lòng nhân. Nếu không có chồi nảy sinh, thì ta biết nó không có gốc, nên không có sự sinh sôi bất tuyệt. Như thế kiêm ái sao có thể gọi là lòng nhân được?"»[84]

道理合如此.禽獸與草木同是愛的,把草木去養禽獸又忍得.人與禽獸同是愛的,宰禽獸以養親與供祭祀,燕賓客,心又忍得.至親與路人同是愛的,如簞食豆羹,得則生,不得則死,不能兩全,寧救至親,不救路人,心又忍得.這是道理合該如此.及至吾身與至親,更不得分別彼此厚薄.蓋以仁民愛物皆從此出,此處可忍,更無所不忍矣.大學所謂厚薄,是良知上自然的條理,不可踰越,此便謂之義.順言個條理便謂之禮.知此條理,便謂之智.終始是這個條理便謂之信.

[84] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Vấn: "Trình Tử vân: 'Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể.' Hà Mặc thị kiêm ái, phản bất đắc vị chi nhân?" Tiên sinh viết: "Thử diệc thậm nan ngôn. Tu thị chư quân tự thể nhận xuất lai thuỷ đắc. Nhân thị tạo hoá sinh sinh bất tức chi lý, tuy di mạn chu biến, vô xứ bất thị, nhiên kỳ lưu hành phát sinh, diệc chỉ hữu cá tiệm, sở dĩ sinh sinh bất tức. {...} Thí chi mộc, kỳ thuỷ trừu nha, tiện thị mộc chi sinh ý phát đoan xứ. {...} Phụ tử huynh đệ chi ái, tiện thị nhân tâm sinh ý phát đoan xứ, như mộc chi trừu nha. Tự thử nhi nhân dân, nhi ái vật, tiện thị phát cán, sinh chi sinh diệp. Mặc thị kiêm ái vô sai đẳng. Tương tự gia phụ tử huynh đệ dữ đổ nhân nhất ban khán, tiện tự một liễu phát đoan xứ.**

Cái mà Nho gia gọi là nhân tức là sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn. Nó không giống như lòng kiêm ái của Mặc gia, vốn dựa trên chủ nghĩa công lợi. Sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn có mức độ khác nhau về cái trước cái sau, cái quan trọng và cái kém quan trọng. Đó là điểm mà Vương Dương Minh chú trọng trong đoạn văn trên đây.

f. Căn nguyên của ác

Vương Dương Minh cho rằng trong thiên hạ không có cái gì ở ngoài tâm, và cái tâm ấy thì linh diệu sáng láng. Như thế sự căn nguyên của ác trở thành vấn đề trong học thuyết của ông.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Thầy từng nói thiện và ác chỉ là một thứ. Thiện và ác là hai cực đoan, trái nhau như nước đá và than hồng. Tại sao nói chúng chỉ là một thứ?" Thầy Vương đáp: "Chí thiện là bản thể của tâm. Bất cứ cái gì vượt quá bản thể này tức là ác. Hễ có cái thiện, thì có cái ác tương đối với nó. Cho nên thiện và ác chỉ là một thứ." Đệ tử tên là Trực nghe Thầy giảng, bèn hiểu câu nói của Trình Tử: "Thiện cố nhiên là tính, nhưng ác cũng không thể không gọi là tính." [85] Thầy lại nói: "Sự vật có thiện có ác, đều là thiên lý. Kẻ gọi là ác chẳng phải vốn ác; chỉ vì thái quá hoặc bất cập đối với bản tính mà ra như thế." [86] Thuyết này không thể nghi ngờ.»[87]

Bất trừu nha tiện tri đắc tha vô căn, tiện bất thị sinh sinh bất tức, an đắc vị chi nhân?"» 問：“程子云：‘仁者以天地萬物爲一體.’何墨氏兼愛，反不得謂之仁？”先生曰：“此亦甚難言.須是諸君自體認出來始得.仁是造化生生不息之理，雖彌漫周遍，無處不是，然其流行發生，亦只有個漸，所以生生不息.[...]譬之木，其始抽芽，便是木之生意發端處.[...]父子兄弟之愛，便是人心生意發端處，如木之抽芽.自此而仁民，而愛物，便是發幹，生枝生葉.墨氏兼愛無差等.將自家父子兄弟與途人一般看，便自沒了發端處.不抽芽便知得他無根，便不是生生不息，安得謂之仁？”

[85] **LAM chú: Xin xem chú thích 75 của chương 12 trên đây.**

[86] **LAM chú: Xin xem chú thích 81 của chương 12 trên đây.**

[87] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn: "Tiên sinh thường vị thiện ác chỉ thị nhất vật. Thiện ác lưỡng đoan, như băng thán tương phản, như hà vị chỉ nhất vật?" Tiên sinh viết: "Chí thiện giả tâm chi bản thể. Bản thể thượng tài quá đáng ta tử, tiện thị ác liễu; bất thị hữu cá thiện, khước hựu hữu nhất ác lai tương đối dã. Cố thiện ác chỉ thị nhất vật." Trực nhân văn tiên sinh chi thuyết, tắc tri Trình Tử sở vị "Thiện cố tính dã, ác diệc bất khả bất vị chi tính". Hựu viết: "Thiện ác giai thiên lý. Vị chi ác giả, phi bản ác, đãn ư bản tính thượng quá dữ bất cập chi gian nhĩ." Kỳ thuyết giai vô khả nghi.»** 問：“先生嘗謂善惡只是一物.善惡兩端，如冰炭相反，如何謂只一物？”先生曰：“至善者心之本體.本體上才過當些子，便是惡了；不是有個善，卻又有個惡來相對也.故善惡只是一物.”直因聞先生之說，則知程子所謂“善固性也，惡亦不可不謂之性”.又曰：“善惡皆天理.謂之惡者非本惡，但於本性上過與不及之間耳.”其說皆無可疑.

Theo trên, cái ác là cái quá đáng trong sự phát triển của tình cảm và ham muốn. Nếu không có cái quá đáng, thì bản thân tình cảm và ham muốn cũng không phải là ác. *Truyền Tập Lục* chép: «Hỏi: "Lương tri ví như mặt trời, dục vọng ví như mây. Mây tuy có thể che khuất mặt trời, nhưng cũng là cái hợp với một khí của trời. Dục vọng chẳng phải là cái hợp với nhân tâm sao?" Thầy Vương đáp: "Vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn, gọi là bảy tình; chúng đều hợp với nhân tâm. Nhưng ta phải nhận rõ được lương tri. Thí dụ như ánh nắng không chiếu riêng chốn nào. Hễ một khe vách có ánh sáng đi qua, đều là chỗ hiện diện của ánh nắng. Tuy mây mù lấp che bốn hướng, nhưng hình tướng của thái hư cũng có thể phân biệt, nó cũng là chỗ bất diệt của ánh nắng. Không thể vì mây có thể che khuất mặt trời mà ta bảo trời đừng sinh ra mây nữa. Bảy tình thuận theo sự vận hành tự nhiên của chúng, đều là tác dụng của lương tri, không thể phân biệt thiện hay ác, nhưng chúng ta cũng không thể chấp trước. Bảy tình có sự chấp trước, đều là dục vọng, đều là cái che lấp lương tri. Tuy nhiên, hễ ta có chấp trước thì lương tri cũng tự nhận biết, và sự che lấp bị trừ khử để lương tri trở về bản thể của nó."»[88]

Về việc không thể chấp trước bảy tình, *Truyền Tập Lục* chép: «Có người hỏi về điều "hữu sở phẫn sí" 有所忿懥(có điều tức giận) [trong mục *tu thân* của sách *Đại Học*].[89] Thầy Vương đáp: "Lòng người sao

[88] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Vấn: "Tri thí nhật, dục thí vân, vân tuy năng tế nhật, diệc thị thiên chi nhất khí hợp hữu đích; dục diệc mạc phi nhân tâm hợp hữu phủ?" Tiên sinh viết: "Hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, vị chi thất tình, thất giả câu thị nhân tâm hợp hữu đích; đãn yếu nhận đắc lương tri minh bạch. Tỉ như nhật quang, diệc bất khả chỉ trước phương sở; nhất khích thông minh, giai thị nhật quang sở tại. Tuy vân vụ tứ tắc, thái hư trung sắc tượng khả biện, diệc thị nhật quang bất diệt xứ. Bất khả dĩ vân năng tế nhật, giáo thiên bất yếu sinh vân. Thất tình thuận kỳ tự nhiên chi lưu hành, giai thị lương tri chi dụng, bất khả phân biệt thiện ác, đãn bất khả hữu sở trước. Thất tình hữu trước, câu vị chi dục, câu vi lương tri chi tế. Nhiên tài hữu trước thời, lương tri diệc tự hội giác, giác tức tế khứ, phục kỳ thể hĩ."»** 問："知譬日，欲譬雲，雲雖能蔽日，亦是天之一氣合有的；欲亦莫非人心合有否？"先生曰："喜怒哀俱愛惡欲謂之七情，七者俱是人心合有的；但要認得良知明白．比如日光，亦不可指著方所；一隙通明，皆是日光所在．雖雲霧四塞，太虛中色象可辨，亦是日光不滅處．不可以雲能蔽日，教天不要生雲．七情順其自然之流行，皆是良知之用，不可分別善惡，但不可有所著．七情有著，俱謂之欲，俱爲良知之蔽．然纔有著時，良知亦自會覺，覺即蔽去，復其體矣."

[89] **LAM chú:** ***Phẫn sí*** 忿懥 **tức là nộ** 怒 **(tức giận). Nó là một trong bốn điều khiến cho tâm không ngay thẳng, như *Đại Học* chép: «*Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả, tâm hữu sở phẫn sí*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *khủng cụ*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *hiếu nhạo*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *ưu hoạn*, tắc bất đắc kỳ chính.» 所謂修身在正其心者，心有所忿懥，則不得其正；有所恐懼則不得其正；有所好樂則不得其正；有所憂患則不得其正(Việc tu thân là tại sửa tâm cho ngay thẳng; tâm có điều *tức giận* thì sẽ không**

tránh khỏi sự tức giận? Nhưng ta không nên tức giận. Hễ ta tức giận, tức là ta đã chấp vào một ý nghĩ nào đó rồi sự tức giận bùng lên quá đáng, thế là ta không còn trong tình trạng rất công bằng và trống thoáng nữa. Do đó hễ có điều tức giận thì tâm sẽ không ngay thẳng. Như nay hễ có điều gì khiến ta phải tức giận, thì cứ tuỳ theo vật xảy đến mà thuận ứng, chớ có chấp vào một ý nghĩ nào cả; như thế tâm ta thể hiện sự rất công bằng và trống thoáng và có được sự ngay thẳng của bản thể của tâm. Thí dụ, khi đi ra ngoài đường thấy người ta đánh nhau, tâm ta sẽ giận trước chuyện sai trái. Tuy có tức giận nhưng tâm ta vẫn trống thoáng, không bị kích động vì nó. Như nay hễ có giận ai, thì ta cũng nên theo cách đó; như thế tâm mới ngay thẳng."»[90]

Trên đây ý nói rằng hễ chấp vào sự vật thì bảy tình sẽ không thuận theo sự đúng đắn nữa. *Pháp Bảo Đàn Kinh* cũng nói: «Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức bồ đề.» (Tiền niệm trước cảnh tức phiền não, hậu niệm ly cảnh tức bồ đề 前念著境即煩惱,後念離境即菩提). Trình Hạo cũng nói: «Thánh nhân vui mừng, vì thấy vật đáng vui mừng. Thánh nhân giận, vì thấy vật đáng giận.»[91]

Trên đây đã nói về cái ác theo đạo đức. Theo Vương Dương Minh, cái ác theo vật chất thì hoàn toàn bắt nguồn từ sự ưa ghét của chúng ta, chứ tất cả ngoại vật đều không có sự phân biệt thiện ác. Ông nói: «Đệ tử tên là Khản diệt cỏ lẫn trong hoa; nhân đó hỏi: "Trong trời đất, tại sao cái thiện khó vun bồi, tại sao cái ác khó diệt trừ?" Thầy Vương đáp:

---

ngay thẳng; có điều *sợ hãi* thì sẽ không ngay thẳng; có điều *ham vui* thì sẽ không ngay thẳng; có điều *lo buồn* thì sẽ không ngay thẳng). *Chú ý:* Nguyên bản chép «*thân* 身 hữu sở phẫn sí» nhưng Trình Tử sửa lại là «*tâm* 心 hữu sở phẫn sí»; chữ 好樂 đọc là *hiếu nhạo* [hàoyào] không đọc là *hảo lạc* [hǎolè].

90 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn hữu sở phẫn sí nhất điều. Tiên sinh viết: "Phẫn sí kỷ kiện, nhân tâm chẩm năng vô đắc? Chỉ thị bất khả hữu nhĩ. Phàm nhân phẫn chí, trước liễu nhất phân ý tứ, tiện nộ đắc quá đáng, phi khuếch nhiên đại công chi thể liễu. Cố hữu sở phẫn chí, tiện bất đắc kỳ chính dã. Như kim ư phàm phẫn sí đẳng kiện, chỉ thị cá vật lai thuận ứng, bất yếu trước nhất phân ý tứ, tiện tâm thể khuếch nhiên đại công, đắc kỳ bản thể chi chính liễu. Thả như xuất ngoại kiến nhân tương đấu, kỳ bất thị đích, ngã tâm diệc nộ, nhiên tuy nộ, khước thử tâm khuếch nhiên, bất tằng động ta tử khí. Như kim nộ nhân, diệc đắc như thử, phương tài thị chính."» 問有所忿懥一條.先生曰:"忿懥幾件,人心怎能無得?只是不可有耳.凡人忿懥,著了一分意思,便怒得過當,非廓然大公之體了.故有所忿懥,便不得其正也.如今於凡忿懥等件,只是個物來順應,不要著一分意思,便心體廓然大公,得其本體之正了.且如出外見人相鬥,其不是的,我心亦怒,然雖怒,卻此心廓然,不曾動些子氣.如今怒人,亦得如此,方纔是正."**

91 **LAM chú: Xin xem chú thích 94 của chương 12 trên đây.**

"[...] Quan niệm về thiện ác ấy đều phát xuất từ thân xác của chúng ta, nên sai lầm. [...] Ý trời đất sinh ra vạn vật, hoa và cỏ như nhau, làm sao có sự phân biệt thiện ác? Anh muốn xem hoa, thì cho hoa là thiện, cho cỏ là ác. Nếu như muốn dùng cỏ, thì anh lại cho cỏ là thiện. Những thứ thiện ác như vậy đều do sự ưa ghét trong tâm anh sinh ra, cho nên sai lầm." Hỏi: "Như vậy không có thiện không có ác sao?" Đáp: "Không có thiện không có ác là tình trạng tĩnh của Lý. Có thiện có ác là tình trạng của Khí. Sự bất động ở Khí, tức là không có thiện không có ác. Đó gọi là chí thiện." Hỏi: "Nhà Phật cũng nói không có thiện không có ác. Khác nhau thế nào?" Đáp: "Nhà Phật chấp ở không thiện không ác, nên mọi thứ đều chẳng màng, và không thể trị thiên hạ. Thánh nhân nói không thiện không ác, chỉ là do không làm theo ưa ghét, và bất động ở Khí. Tuy nhiên thánh nhân tuân theo vương đạo, có thể thực hiện nó cực độ, tự nhiên noi theo Thiên Lý, nên có thể giúp đỡ Trời trong việc sinh thành vạn vật." Hỏi: "Cỏ thì không ác, tức là không nên diệt cỏ?" Đáp: "Đó là ý kiến của Phật và Lão. [Còn như trường hợp của anh] nếu cỏ là chướng ngại, ai cản anh diệt nó?" Hỏi: "Như vậy là làm theo ưa ghét?" Đáp: "Không làm theo ưa ghét, không có nghĩa là hoàn toàn không ưa ghét, như thế là kẻ vô tri giác. Nói không làm theo ưa ghét, tức là sự ưa ghét phải tuân theo Lý. Không chấp vào một ý nghĩ nào, như thế cũng như không từng ưa ghét." Hỏi: "Diệt cỏ vì sao phải tuân theo Lý, mà không chấp vào ý nghĩ?" Đáp: "Cỏ gây chướng ngại, cứ theo Lý mà diệt, nhưng chỉ diệt nó mà thôi. Nếu chưa diệt được nó, ta cũng không phiền lòng. Nếu ta chấp trước vào một ý nghĩ, thì bản thể của tâm vướng luỵ, và sẽ bị nhiều khuấy động."»[92]

---

[92] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Khán khử hoa gian thảo, nhân viết: "Thiên địa gian hà thiện nan bồi, ác nan khử?" Tiên sinh viết: "[...] thử đẳng khán thiện ác, giai tòng khu xác khởi niệm, tiện hội thác. [...] Thiên địa sinh ý, hoa thảo nhất ban, hà tằng hữu thiện ác chi phân? Tử dục quan hoa, tắc dĩ hoa vi thiện, dĩ thảo vi ác. Như dục dụng thảo thời, phục dĩ thảo vi thiện hĩ. Thử đẳng thiện ác, giai do nhữ tâm hiếu ố sở sinh, cố tri thị thác." Viết: "Nhiên tắc vô thiện vô ác hồ?" Viết: "Vô thiện vô ác giả Lý chi tĩnh; hữu thiện hữu ác giả Khí chi động. Bất động ư Khí, tức vô thiện vô ác. Thị vị chí thiện." Viết: "Phật thị diệc vô thiện vô ác. Hà dĩ dị?" Viết: "Phật thị trước tại vô thiện vô ác thượng, tiện nhất thiết đô bất quản. Bất khả dĩ trị thiên hạ. Thánh nhân vô thiện vô ác, chỉ thị vô hữu tác hiếu, vô hữu tác ố, bất động ư Khí; nhiên tuân vương chi đạo, hội kỳ hữu cực, tiện tự nhất tuân thiên lý, tiện hữu cá tài thành phụ tướng." Viết: "Thảo kỳ phi ác, tức thảo bất nghi khử hĩ." Viết: "Như thử khước thị Phật Lão ý kiến, thảo nhược hữu ngại, hà phương nhữ khử?" Viết: "Như thử hựu thị tác hiếu tác ố." Viết: "Bất tác hiếu ố, phi thị toàn vô hiếu ố, khước thị vô tri giác đích nhân. Vị chi bất tác giả, chỉ thị hiếu ố nhất tuân ư Lý. Bất khử hựu trước nhất phân ý tứ; như thử tức thị bất tằng hiếu ố nhất ban." Viết: "Khử thảo như hà thị nhất tuân ư Lý, bất trước ý tứ?" Viết: "Thảo hữu phương ngại, Lý diệc nghi khử, khử chi nhi dĩ. Ngẫu vị tức khử, diệc bất luỵ tâm. Nhược trước liễu nhất phân ý tứ, tức tâm thể tiện hữu dĩ luỵ, tận hữu hứa đa động khí xứ."» 侃去花間草

Như vậy tự bản thân ngoại vật không thiện cũng không ác. Chúng thiện hay ác, chỉ là do cách ta nhìn chúng với sự ưa ghét của riêng ta. Biết rằng chúng không thiện không ác, không có nghĩa là ta trừ bỏ sự ưa ghét của ta. Ta vẫn ưa ghét, nhưng không chấp vào ngoại vật. Không chấp trước thì bản thể của tâm không vướng luỵ. Ưa và ghét thuộc về bảy tình, tức là tình cảm hợp với tâm ta, cho nên đối với chúng, ta hãy dùng phương pháp «tình thuận vạn vật mà vô tình» của thánh nhân.[93]

g. Động tĩnh hợp nhất

Vương Dương Minh nói phải tuân theo Lý tức là phải tuân theo sự tự nhiên của lương tri. *Truyền Tập Lục* chép: «Công phu trí tri của thánh nhân là chí thành không ngừng. Bản thể lương tri của ngài giống như gương sáng, không bị che lấp chút nào. Vật đẹp hay xấu hiện đến, tuỳ theo vật mà gương hiện hình ảnh, nhưng gương sáng không hề lưu lại vết bợn. [Trình Hạo] gọi đó là "tình thuận vạn sự mà vô tình". Nhà Phật chẳng sai khi nói rằng: "Chớ trụ vào đâu mà sinh tâm của mình." (Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm 應無所住而生其心).[94] Gương sáng thuận ứng theo vật. Cái đẹp thì hiện ra đẹp, cái xấu thì hiện ra xấu, hễ phản chiếu đều ra chân tướng sự vật, đó tức là "sinh tâm của mình". Cái đẹp thì hiện ra đẹp, cái xấu thì hiện ra xấu, hễ phản chiếu qua rồi thì không

---

,因曰："天地間何善難培，惡難去?" 先生曰："[...] 此等看善惡，皆從軀殼起念，便會錯. [...] 天地生意，花草一般，何曾有善惡之分? 子欲觀花，則以花爲善，以草爲惡. 如欲用草時，復以草爲善矣. 此等善惡，皆由汝心好惡所生，故知是錯." 曰："然則無善無惡乎?" 曰："無善無惡者理之靜，有善有惡氣之動. 不動於氣，即無善無惡. 是謂至善." 曰："佛氏亦無善無惡. 何以異?" 曰："佛氏著在無善無惡上，便一切都不管. 不可以治天下. 聖人無善無惡，只是無有作好，無有作惡，不動於氣；然遵王之道，會其有極，便自一循天理，便有個裁成輔相." 曰："草既非惡，即草不宜去矣." 曰："如此卻是佛老意見，草若有礙，何妨汝去?" 曰："如此又是作好作惡." 曰："不作好惡，非是全無好惡，卻是無知覺的人. 謂之不作者，只是好惡一循於理. 不去，又著一分意思；如此即是不曾好惡一般." 曰："去草如何是一循於理，不著意思?" 曰："草有妨礙，理亦宜去，去之而已. 偶未即去，亦不累心. 若著了一分意思，即心體便有貽累，盡有多動氣處."

93 **LAM chú: Đó là ý của Trình Hạo: «Thánh nhân chi thường, dĩ kỳ tình thuận vạn vật nhi vô tình.» 聖人之常，以其情順萬物而無情 (Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng). Xin xem chú thích 94 của chương 12 trên đây.**

94 **LAM chú: Câu này ở trong *Kim Cương Kinh*, là lời Phật dạy ông Tu Bồ Đề. *Pháp Bảo Đàn Kinh* (phẩm Hành Do) chép rằng Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu này thì hoát nhiên đại ngộ.**

lưu giữ hình ảnh của vật, đó tức là "không trụ vào đâu".»[95]

«Không trụ vào đâu» tức là không chấp trước. «Cỏ gây chướng ngại, cứ theo Lý mà diệt, nhưng chỉ diệt nó mà thôi.» Đó tức là chỗ «sinh tâm của mình». «Nếu chưa diệt được nó, ta cũng không phiền lòng.» Đó tức là chỗ «không trụ vào đâu». Nếu được như thế, trọn ngày chúng ta *hữu vi* mà kỳ thực là *vô vi*. Và đó là *động tĩnh hợp nhất*.

Vương Dương Minh nói: «Tâm vốn không có động và tĩnh. Nói tĩnh là ám chỉ *thể* 體 (bản thể) của tâm; nói động là ám chỉ *dụng* 用 (tác dụng) của tâm. Cho nên cái học của người quân tử không ly cách với động và tĩnh. Cái tĩnh của quân tử thường có ý thức, mà chưa từng không tồn tại, nên thường ứng. Cái động của quân tử thường an định, mà chưa từng tồn tại, nên thường vắng lặng. Thường ứng và thường vắng lặng, nên động và tĩnh đều có sự việc. Đó là *tập nghĩa* 集義 (tập hợp điều nghĩa).[96] Tập hợp điều nghĩa thì tránh được mọi hối tiếc. Cái gọi là động cũng là định; cái gọi là tĩnh cũng là định. Tâm chỉ là một mà thôi. Tĩnh là thể của tâm, mà ta lại đi tìm gốc của tĩnh [ở bên ngoài] tức là quấy nhiễu thể của tâm. Động là dụng của tâm, mà ta sợ sệt cái dễ động của nó, tức là phế bỏ tác dụng của nó. Cho nên mong cầu tâm tĩnh tức là động; ghét tâm động thì không phải là tĩnh. Đó gọi là động cũng là động, tĩnh cũng là động. Động và tĩnh khởi lên và hạ xuống để nghinh tiếp sự vật, chúng theo nhau không cùng. Cho nên theo Lý gọi là tĩnh; theo dục vọng gọi là động. Dục vọng không nhất thiết thuộc về các thứ lôi cuốn từ bên ngoài như âm thanh, sắc tướng, tài vật, lợi lộc. Hễ có cái riêng tư trong tâm thì đều là dục vọng. Cho nên hễ ta nơi theo Lý, tuy ứng phó

---

[95] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Thánh nhân trí tri chi công, chí thành vô tức. Kỳ lương tri chi thể, kiểu như minh kính, lược vô tiêm ế. Nghiên si chi lai, tuỳ vật kiến hình, nhi minh kính tằng vô lưu nhiễm; sở vị tình thuận vạn sự nhi vô tình dã. "Vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" Phật thị tằng hữu thị ngôn, vị vi phi dã. Minh kính chi ứng vật, nghiên giả nghiên, si giả si, nhất chiếu nhi giai chân, tức thị sinh kỳ tâm xứ; nghiên giả nghiên, si giả si, nhất quá nhi bất lưu, tức thị vô sở trụ xứ.»** 聖人致知之功，至誠無息．其良知之體，皦如明鏡，略無纖翳，妍媸之來，隨物見形，而明鏡曾無留染；所謂情順萬事而無情也．"無所住而生其心" 佛氏曾有是言，未爲非也．明鏡之應物，妍者妍，媸者媸，一照而皆眞，即是生其心處；妍者妍，媸者媸，一過而不留，即是無所住處．**– LAM chú: Ở đây Vương Dương Minh vận dụng triết lý *vô tâm* 無心 trong *Kim Cương Kinh:* «Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm» và triết lý *thuận ứng* 順應 trong *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng.»** 至人之用心若鏡，不將不迎，應而不藏 **(Bậc chí nhân dùng tâm như chiếc gương soi, không từ chối cũng không nghinh đón ngoại vật soi vào, đáp ứng với ngoại vật nhưng không tàng chứa hình ảnh của chúng).**

[96] **LAM chú: Mạnh Tử nói khí hạo nhiên sinh ra bằng cách tập hợp mọi việc nghĩa. Xin xem chú thích 67 của chương 6 (quyển I).**

muôn biến động, ta đều tĩnh. Đó là chủ trương tĩnh và vô dục của Chu Liêm Khê. Đó gọi là tập hợp điều nghĩa. Hễ ta chạy theo dục vọng, dù *tâm trai* (chay lòng) và *toạ vong* (ngồi quên) [như Trang Tử] thì ta cũng động. Đó cũng là biện pháp cưỡng ép và trợ trưởng của Cáo Tử, vì ông ta cho rằng điều nghĩa ở ngoài tâm.»[97]

Động tĩnh hợp nhất chính là tĩnh thực sự (chân tĩnh 眞靜), tĩnh tuyệt đối. Động cũng định, tĩnh cũng định, đó là cái định thực sự (chân định 眞定), định tuyệt đối. Ở đây Vương Dương Minh nói cũng giống như Trình Hạo nói trong *Định Tính Thư*.[98]

Vương Dương Minh nói: «Thiên Lý thường tồn mà bản thể linh giác sáng láng của thánh nhân thì chưa hề bị tổn hại và che lấp; chưa hề bị lôi kéo và quấy nhiễu, chưa hề có sợ hãi, lo buồn, ham vui, tức giận; chưa hề theo ý riêng mà phán đoán, khẳng định tuyệt đối, cố chấp, vị ngã; chưa hề khiếm khuyết, hổ thẹn. Ngài hiền hoà, trong sáng, hoạt động khắp nơi; hành động và dung mạo chu đáo mà đúng lễ; tuỳ theo lòng mình muốn mà làm nhưng không vượt khuôn phép. Như thế gọi là

---

97 *Vương Văn Thành Công Toàn Thư*: «Tâm vô động tĩnh giả dã; kỳ tĩnh dã giả, dĩ ngôn kỳ thể dã; kỳ động dã giả, dĩ ngôn kỳ dụng dã. Cố quân tử chi học, vô gián ư động tĩnh. Kỳ tĩnh dã thường giác, nhi vị thường vô dã, cố thường ứng. Kỳ động dã thường định, nhi vị thường hữu dã, cố thường tịch. Thường ứng thường tịch, động tĩnh giai hữu sự yên, thị chi vị tập nghĩa. Tập nghĩa cố năng vô kỳ hối, sở vị động diệc định, tĩnh diệc định giả dã. Tâm nhất nhi dĩ, tĩnh kỳ thể dã, nhi phục cầu tĩnh căn yên, thị nhiễu kỳ thể dã. Động kỳ dụng dã, nhi cụ kỳ dị động yên, thị phế kỳ dụng dã. Cố cầu tĩnh chi tâm tức động dã, ố động chi tâm phi tĩnh dã; thị chi vị động diệc động, tĩnh diệc động, tương nghênh khởi phục, tương tầm ư vô cùng hĩ. Cố tuần Lý chi vị tĩnh; tòng dục chi vị động. Dục dã giả, phi tất thanh sắc hoá lợi ngoại dụ dã; hữu tâm chi tư, giai dục dã. Cố tuần Lý yên, tuy thù tạc vạn biến giai tĩnh dã; Liêm Khê sở vị chủ tĩnh vô dục chi vị dã; thị vị tập nghĩa giả dã. Tòng dục yên, tuy tâm trai toạ vong diệc động dã; Cáo Tử chi cưỡng chế chính trợ chi vị dã; thị ngoại nghĩa giả dã.» 心無動靜者也;其靜也者,以言其體也;其動也者,以言其用也.故君子之學,無間於動靜.其靜也常覺,而未嘗無也,故常應.其動也常定,而未嘗有也,故常寂.常應常寂,動靜皆有事焉,是之謂集義.集義故能無祇悔,所謂動亦定,靜亦定者也.心一而已,靜其體也,而復求靜根焉,是撓其體也.動其用也,而懼其易動焉,是廢其用也.故求靜之心即動也,惡動之心非靜也;是之謂動亦動,靜亦動,將迎起伏,相尋於無窮矣.故循理之謂靜;從欲之謂動.欲也者,非必聲色貨利外誘也;有心之私,皆欲也.故循理焉,雖酬酢萬變皆靜也;濂溪所謂主靜無欲之謂也;是謂集義者也.從欲焉,雖心齋坐忘亦動也;告子之強制正助之謂也;是外義者也.

98 LAM chú: Xin đọc lá thư Trình Hạo trả lời Trương Hoành Cừ ở chương 12. Trong đó có nói: «Cái gọi là *định* 定, thì động cũng định, tĩnh cũng định, nó không nghênh đón cái gì, và cũng không có ngoài hay trong.»

tự do thoải mái thật sự.»[99]

h. Phản ứng đối với Tâm học của Vương Dương Minh

Với Vương Dương Minh, Tâm học phát triển cực thịnh. Ông còn viết *Chu Tử Văn Niên Định Luận*, cho rằng học thuyết của Chu Hi và Lục Tượng Sơn thuở trẻ thì khác nhau mà lúc già thì giống nhau. Lúc cuối đời, Chu Hi cũng hối tiếc rằng thuyết cũ của mình có chỗ sai, và tự cho cái học của mình cũng giống cái học của Lục Tượng Sơn. Sự xuất hiện của các thuyết này dẫn đến những tranh luận của những kẻ hậu học thuộc phái Chu Hi. Họ cho rằng cái học của Chu Hi khác với cái học của Lục Tượng Sơn. La Chỉnh Am 羅整庵(1465-1547) viết trong *Khốn Tri Ký* 困知記 rằng: «Trình Tử nói Tính tức là Lý; Tượng Sơn nói Tâm tức là Lý. Cái đúng chỉ có một, ý nghĩa tinh xác không có hai. Trình đúng thì Tượng sai, Trình sai thì Tượng đúng. Tại sao ta không thể phân biệt cho rõ?»[100]

La Chỉnh Am phân biệt Tâm và Tính rằng: «Tâm là thần minh của người; Tính là Lý mà người có lúc sinh ra. Chỗ ở của Lý gọi là Tâm. Cái mà Tâm có gọi là Tính. Tâm và Tính không thể lẫn lộn làm một.»[101]

Tâm và Tính khác nhau, nên «Tâm tức là Lý» khác với «Tính tức là Lý». La Chỉnh Am phê bình Vương Dương Minh rằng: «*Truyền Tập Lục* chép: "Lương tri của Tâm ta tức là Thiên Lý." [...] Lại có người hỏi

---

[99] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Đáp Thư Quốc Dụng Thư 答舒國用書): «Thiên Lý thường tồn nhi kỳ chiêu minh linh giác chi bản thể, vô sở khuy tế, vô sở khiên nhiễu, vô sở khủng cụ ưu hoạn, vô sở hiếu nhạo phẫn sí, vô sở ý tất cố ngã, vô sở khiếm nỗi quý tạc. Hoà dung oánh triệt, sung tắc lưu hành; động dung chu toàn nhi trúng lễ, tòng tâm sở dục nhi bất du; tư nãi sở vị chân sái lạc.»** 天理常存而其昭明靈覺之本體，無所虧蔽，無所牽擾，無所恐懼憂患，無所好樂忿懥，無所意必固我，無所歉餒愧怍．和融瑩徹，充塞流行；動容周旋而中禮，從心所欲而不踰；斯乃所謂灑落．**– LAM chú: Về *«khủng cụ, ưu hoạn, hiếu nhạo, phẫn sí»* xin xem chú thích 89 của chương này; về *«ý, tất, cố, ngã»* xin xem chú thích 32 của chương này. Chữ *quý tạc* (hổ thẹn) lấy từ *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân.»** 仰而愧於天俯不怍於人 **(Ngước lên không hổ với Trời, cúi xuống không thẹn với người). «Tòng tâm sở dục» là lời Khổng Tử tự nói về mình, trong *Luận Ngữ* (Vi Chính): «Thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.»** 七十而從心所欲不踰矩 **(Ở 70 tuổi ta có thể theo lòng mình muốn mà làm nhưng không vượt khuôn phép).**

[100] ***Khốn Tri Ký*** 困知記**: «Trình Tử ngôn Tính tức Lý dã, Tượng Sơn ngôn Tâm tức Lý dã. Chí đương quy nhất, tinh nghĩa vô nhị. Thử thị tắc bỉ phi, bỉ thị tắc thử phi, an khả bất minh biện chi.»** 程子言性即理也，象山言心即理也．至當歸一，精義無二．此是則彼非，彼是則此非，安可不明辨之．

[101] ***Khốn Tri Ký*** 困知記**: «Phù Tâm giả, nhân chi thần minh; Tính giả, nhân chi sinh Lý. Lý chi sở tại vị chi Tâm, Tâm chi sở hữu vị chi Tính, bất khả hỗn nhi vi nhất dã.»** 夫心者，人之神明；性者，人之生理．理之所在謂之心，心之所有謂之性，不可混而爲一也．

về câu "Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể." Vương đáp: "Nếu người ta có thể giữ được một điểm sự sống ấy, thì sẽ thành một thể với trời đất và vạn vật." Lại hỏi: "Cái gọi là sự sống ấy phải chăng là ý nghĩa của hoạt động hay là cái tri giác linh diệu trống rỗng?" Vương đáp: "Đúng [là tri giác]." Rồi nói tiếp: "Tính tức là sự sống của người." Những lời nói trên [của Vương] đều xem tri giác là Tính.»[102]

Xem tri giác là Tính, tức là xem Tâm là Lý. La Chỉnh Am nói: «Cái mà nhà Phật gọi là Tính chỉ là tri giác mà thôi.» Qua đó, Chỉnh Am ám chỉ rằng thuyết «Tri giác là Tính» của Vương cũng giống thuyết của nhà Phật.

Trần Thanh Giản 陳清澗(1497-1567) viết *Học Bộ Thông Biện* 學蔀通辯, cho rằng học thuyết của Chu Hi và Lục Tượng Sơn thuở trẻ thì giống nhau mà lúc già thì khác nhau. Nhận định này trái ngược với nhận định của Vương Dương Minh trong *Chu Tử Văn Niên Định Luận* và nhận định của Trình Hoàng Đôn 程篁墩(khoảng 1445-1500) trong *Đạo Nhất Biên* 道一編. Trần Thanh Giản cho rằng: phái Tượng Sơn xem tri giác là Tính, tức là gần với Thiền. *Học Bộ Thông Biện* chép: «Lão, Trang, Thiền, và Lục Tượng Sơn đều xem tinh thần linh giác là Lý rất huyền diệu; nhưng *Ngữ Loại* của Chu Hi nói thần chỉ thuộc hình nhi hạ. Thiên *Thích Thị Luận* trong *Văn Tập* của ông chép: "Cái mà nhà Phật gọi *thức tâm kiến tính*, thực tế là sự tụ lại của tinh thần, hồn, phách, mà nhà Nho chúng ta gọi là hình nhi hạ." Tại sao? Đáp: Vì nó thuộc Khí. Tinh thần linh giác đều là sự diệu dụng của Khí. Khí giống như có hình tích. Cho nên triết học Lục Tượng Sơn nói xem hoa trong gương, vạn tượng trong kính, hình tích hiển lộ, ảnh tượng rõ ràng. Lục Tượng Sơn nói nó là hình nhi hạ, thật đúng vậy.»[103]

---

[102] ***Khốn Tri Ký*** 困知記: «Truyền Tập Lục hữu vân: "Ngô tâm chi lương tri tức sở vị thiên lý dã." [...] Hựu hữu vấn: "Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể." Đáp viết: "Nhân năng tồn đắc giá nhất điểm sinh ý, tiện thị dữ thiên địa vạn vật vi nhất thể." Hựu vấn: "Sở vị sinh giả, tức hoạt động chi ý phủ? Tức sở vị hư linh tri giác phủ?" Viết: "Nhiên." Hựu viết: "Tính tức nhân chi sinh ý." Thử giai dĩ tri giác vi tính chi minh nghiệm dã.» 傳習錄有云："吾心之良知即所謂天理也." [...] 又有問："仁者以天地萬物爲一體." 答曰："人能存得這一點生意，便是與天地萬物爲一體." 又問："所謂生者，即活動之意否?即所謂虛靈知覺否?" 曰："然." 又曰："性即人之生意." 此皆以知覺爲性之明驗也.

[103] ***Học Bộ Thông Biện:*** «Tinh thần linh giác, tự Lão Trang Thiền Lục giai dĩ vi chí diệu chi Lý, nhi Chu Tử Ngữ Loại nãi vị thần chỉ thị hình nhi hạ giả. Văn Tập Thích Thị Luận vân: "Kỳ sở chỉ vi thức tâm kiến tính giả, thực tại tinh thần hồn phách chi tụ, nhi ngô Nho sở vị hình nhi hạ giả nhĩ." Hà dã? Viết: Dĩ kỳ thuộc ư Khí dã. Tinh thần linh giác giai Khí chi diệu dụng dã. Khí tắc do hữu hình tích dã. Cố Lục học viết kính trung quan hoa, viết giám trung vạn tượng, hình tích hiển hĩ, ảnh tượng trứ hĩ, kỳ vi hình nhi hạ dã nghi hĩ.» 精神靈覺，自老莊禪陸皆以爲至妙之理，而朱子語類乃謂神只是形而下者．文集釋氏論云："其所

Theo trên, so với phái Chu Hi thì phái Lục Tượng Sơn và Vương Dương Minh gần Thiền hơn. Lục Giá Thư 陸稼書 (1630-1693) đời Thanh, trong *Học Thuật Biện Trung* 學術辨中, cũng từ điểm này mà nêu ra sự bất đồng của Chu Hi và Vương Dương Minh. Các kẻ hậu học của phái Chu Hi cũng phân biệt rất rõ ràng thuyết «Tính tức là Lý» của Lý học với thuyết «Tâm tức là Lý» của Tâm học. Tuy nhiên họ chưa nói rõ rằng các nhà Lý học thì cần đến hai thế giới, còn các nhà Tâm học thì cần đến một thế giới.

7. Vương Long Khê và Vương Tâm Trai

Trong các đệ tử của Vương Dương Minh, có hai người gần với Thiền: Vương Long Khê 王龍谿 và Vương Tâm Trai 王心齋. Hoàng Lê Châu (tức Hoàng Tông Hi) viết rằng: «Cái học của Vương Dương Minh tiên sinh nhờ có Thái Châu 泰州 (tức Tâm Trai) và Long Khê mà lưu truyền thiên hạ; nhưng cũng vì Thái Châu và Long Khê mà dần dần mất chân truyền. Thái Châu và Long Khê thường bất mãn học thuyết của sư phụ mình, nên hai ông lấy bí nghĩa của nhà Phật bổ sung vào [học thuyết của] thầy mình, khiến cái học của Vương Dương Minh thành Thiền học.»[104]

Vương Long Khê 王龍谿 tên thật là Vương Kỳ 王畿 (1498-1583), tự là Nhữ Trung 汝中, hiệu là Long Khê; cùng quê quán là Dư Diêu 餘姚 và cùng tộc họ với Dương Minh.

Vương Tâm Trai 王心齋 tên thật là Vương Lương 王良 (1483-1540), tự là Nhữ Chỉ 汝止, hiệu là Tâm Trai, người quê ở An Phong Trường 安豐場 thuộc Thái Châu 泰州 (nay là Đông Đài 東台, tỉnh Giang Tô 江蘇).

Long Khê có thuyết Tứ Vô 四無, cải biên giáo pháp của Dương Minh. Vương Dương Minh mỗi lần dạy đệ tử đều nêu bốn câu làm giáo pháp:

指爲識心見性者,實在精神魂魄之聚,而吾儒所謂形而下者耳." 何也? 曰:以其屬於氣也.精神靈覺皆氣之妙用也.氣則猶有形跡也.故陸學曰鏡中觀花,曰鑑中萬象.形跡顯矣,影象著矣,其爲形而下也宜矣.

104 ***Minh Nho Học Án:*** **«Dương Minh tiên sinh chi học, hữu Thái Châu Long Khê nhi phong hành thiên hạ, diệc nhân Thái Châu Long Khê nhi tiệm thất kỳ truyền. Thái Châu Long Khê thời thời bất mãn kỳ sư thuyết, ích khải Cổ Đàm chi bí nhi quy chi sư, cái tễ Dương Minh nhi vi Thiền hĩ.»** 陽明先生之學,有泰州龍谿而風行天下,亦因泰州龍谿而漸失其傳.泰州龍谿時時月滿其師說,益啓瞿曇之秘而歸之師,蓋躋陽明而爲禪矣.

1. Vô thiện vô ác tâm chi thể 無善無惡心之體(không thiện không ác là bản thể của tâm);

2. Hữu thiện hữu ác ý chi động 有善有惡意之動(có thiện có ác là cái động của ý nghĩ);

3. Tri thiện tri ác thị lương tri 知善知惡是良知(biết thiện biết ác là lương tri);

4. Vi thiện khử ác thị cách vật 爲善去惡是格物(làm thiện trừ ác là cách vật).

Long Khê cho rằng chúng là quyền pháp, chưa thể chấp định. Theo quan điểm của ông, *tâm, ý, tri, vật* chỉ là một thứ. Nếu giác ngộ được rằng *tâm* không thiện không ác, thì *ý, tri, vật* cũng không thiện không ác. Bởi vì bản tính Trời phú cho ta thì thuần tuý và chí thiện, nên động cơ của cảm và ứng về tinh thần của nó thì tự nhiên và không thể bị can thiệp. Do đó chúng ta không thể lấy chữ «thiện» (theo ý nghĩa thông thường) mà gán cho nó. Ác vốn là Vô, thì thiện cũng không thể là Hữu. Tâm có cảm thì tự nhiên có ứng. Tâm có sự lưu hành tự nhiên, nếu chúng ta thuận theo sự lưu hành tự nhiên ấy, thì sẽ không chấp trước vào Hữu. Như thế, tâm là vô tâm, ý là vô ý, tri là vô tri, vật là vô vật. Do đó, ác cố nhiên là Vô thì thiện cũng không thể là Hữu. Đó là thuyết Tứ Vô (vô tâm, vô ý, vô tri, vô vật) của Long Khê.

Cái gọi là «không chấp vào Hữu» tức là thuận theo sự lưu hành tự nhiên của tâm, giống như Vương Dương Minh đã nói: «Bản thể lương tri giống như gương sáng, không bị che lấp chút nào. Vật đẹp hay xấu hiện đến, tuỳ theo vật mà gương hiện hình ảnh, nhưng gương sáng không hề lưu lại vết bợn.» Nếu Long Khê chỉ nói như thế, thì Dương Minh có thể thừa nhận. Nhưng Long Khê lại đem lời lẽ của Thiền Tông để thuyết minh chủ trương của Vương Dương Minh, cho nên *Thiên Tuyền Chứng Đạo Ký* 天泉證道記nói rằng Vương Dương Minh cũng xem thuyết Tứ Vô là một loại giáo pháp.

Long Khê nói: «Câu "hà tư hà lự" 何思何慮(nghĩ gì, lo gì?)[105] trong Hệ Từ, không có nghĩa là không lo không nghĩ. Hãy để sự lo nghĩ phát ra tự nhiên, nhưng đừng cả lo cả nghĩ. Tại sao ta lại can thiệp kia chứ? Thí dụ như ánh sáng của mặt trời và mặt trăng tự nhiên qua lại mà vạn vật được soi chiếu hết. Tại sao mặt trời và mặt trăng lại can thiệp kia chứ? [...] Huệ Năng nói: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, nhưng

[105] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 22 của chương 10 trên đây.**

không đoạn trừ trăm lo nghĩ." Đó là cái học thượng thừa, là pháp môn duy nhất vậy.»[106]

Long Khê lại nói: «Một niệm rõ ràng và tĩnh định, đó là cái học quang minh [của thánh nhân]. Một niệm là vô niệm; tức là niệm mà lìa niệm. Cho nên cái học của người quân tử lấy vô niệm làm tông chỉ.»[107]

Nếu tu dưỡng như thế, thì có thể thoát khỏi sinh tử luân hồi. Long Khê nói: «Con người có sinh tử luân hồi, là do sự tai quái mà niệm và thức gây ra. Niệm có qua lại. Niệm là tác dụng của thiện tâm hoặc ác tâm, qua lại bất thường. Đó là mầm mống của luân hồi. Thức có phân biệt. Thức là thần phát ra trí tuệ; chợt khởi, chợt diệt; khởi diệt không dừng. Đó là căn nguyên của sinh tử. Đó lẽ chung xưa nay, cũng chính là thực tế hiện nay. Nho gia xem đó là cái học dị đoan; kiêng không nói. Ta có thể thấy sự nghi hoặc của họ. Niệm bắt nguồn từ tâm. Chí nhân vô tâm thì niệm dứt và tự nhiên không có luân hồi. Thức biến hoá thành tri thức. Chí nhân vô tri thì thức trở thành không và tự nhiên không có sinh tử.»[108]

---

[106] *Long Khê Toàn Tập:* «Phù hà tư hà lự, phi bất tư bất lự dã. Sở tư sở lự, nhất xuất ư tự nhiên, nhi vị thường hữu biệt tư biệt lự, ngã hà dung tâm yên. Thí chi nhật nguyệt chi minh, tự nhiên văng lai, nhi vạn vật tất chiếu, nhật nguyệt hà dung tâm yên. [...] Huệ Năng viết: "Bất tư thiện bất tư ác, khước hựu bất đoạn bách lự tưởng." Thử thượng thừa chi học, bất nhị pháp môn dã.» 夫何思何慮，非月思月慮也．所思所慮，一出於自然，而未嘗有別思別慮，我何容心焉．譬之日月之明，自然往來，而萬物畢照，日月何容心焉．[...] 惠能曰："不思善不思惡，卻又不斷百慮想．"此上乘之學，不二法門也.– LAM chú: Lời Huệ Năng được trích ở đây không có trong *Pháp Bảo Đàn Kinh*. Câu «Bất tư thiện bất tư ác» xuất hiện hai lần trong *Đàn Kinh* (phẩm thứ 1 Hành Do và phẩm thứ 6 Sám Hối) nhưng với ngữ cảnh khác.

[107] *Long Khê Toàn Tập:* «Nhất niệm minh định, tiện thị tập hi chi học. Nhất niệm giả, vô niệm dã, tức niệm nhi ly niệm dã. Cố quân tử chi học, dĩ vô niệm vi tông.» 一念明定，便是緝熙之學．一念者，無念也，即念而離念也．故君子之學，以無念爲宗．

[108] *Long Khê Toàn Tập:* «Nhân chi hữu sinh tử luân hồi, niệm dữ thức vi chi tuỳ dã. Niệm hữu văng lai; niệm giả nhị tâm chi dụng, hoặc chi thiện, hoặc chi ác, văng lai bất thường, tiện thị luân hồi chủng tử. Thức hữu phân biệt; thức giả phát trí chi thần, thúc nhi khởi, thúc nhi diệt, khởi diệt bất đình, tiện thị sinh tử căn nhân. Thử thị cổ kim chi thông lý, diệc tiện thị hiện tại chi thực sự. Nho giả dĩ vi dị đoan chi học, huý nhi bất ngôn, diệc kiến kỳ hoặc dã dĩ. Phù niệm căn ư tâm, chí nhân vô tâm tắc niệm tức, tự vô luân hồi. Thức biến vi tri, chí nhân vô tri tắc thức không, tự vô sinh tử.» 人之有生死輪迴，念與識爲之祟也．念有往來；念者二心之用．或之善，或之惡，往來不常，便是輪迴種子．識有分別；識者發智之神，倏而起，倏而滅，起滅不停，便是生死根因．此是古今之通理，亦便是現在之實事．儒者以爲異端之學，諱而不言，亦見其惑也已．夫念根於心，至人無心則念息，自無輪迴．識變爲知，至人無知則識空，自無生死．

Niệm dứt, tức là vô niệm, cũng là «niệm mà lìa niệm». Về sự phân biệt giữa thức và tri, Long Khê nói: «Tri không có khởi và diệt; thức có chủ thể và đối tượng. Tri không giới hạn ở nơi chốn; thức có phân biệt. Thí dụ như gương sáng chiếu vật. Bản thể của gương là trống không. Vật đẹp, xấu, đen, trắng tự qua lại trong cái bản thể trống không ấy, chúng không tăng giảm. Nếu dấu vết của vật đẹp, xấu, đen, trắng, ngưng trệ mà không biến mất, thì bản thể của gương bị che lấp. Sự trống không của bản thể của gương không bị tăng hay giảm, tức là không có sinh tử; đó gọi là lương tri. Biến thức thành tri, thì thức là tác dụng của tri; xem thức là tri, thì thức là kẻ giặc của tri.»[109]

Theo trên, thức chấp trước ngoại vật sinh ra một thứ tri nào đó. Nếu thức không chấp trước ngoại vật, thì nó là tri mà vô tri. Tức là thức biến thành tri.

Trên đây là phương pháp tu dưỡng của Long Khê, về đại thể thì tương đồng với thuyết của Trình Hạo trong *Định Tính Thư* và thuyết động tĩnh hợp nhất của Vương Dương Minh. Nhưng chỉ bấy nhiêu đó mà thoát được luân hồi sinh tử thì Trình Hạo và Vương Dương Minh chưa hề nói.

Vương Dương Minh nói rằng: «Khi Phật gia nói đến Vô, mục đích của họ là thoát biển khổ của sinh tử. Khi họ thêm ý nghĩa ấy vào bản thể của tâm, thì nguyên nghĩa của Hư và Vô không còn nữa.»[110] Đó là một điểm bất đồng căn bản giữa Đạo học và Phật học đời Tống và đời Minh. Khi Long Khê trộn lẫn chúng, học thuyết của ông không chỉ gần với Thiền, mà e rằng chính là Thiền. Cho nên đối với Long Khê, cái học Nho-Phật-Lão về cơ bản thì không khác nhau.

Long Khê nói: «Học thuyết của Tam giáo có chung một nguồn. Lão nói Hư; Nho cũng nói Hư; Phật nói Tịch (vắng lặng). Ai theo đó mà phân biệt làm chi? Nhà Nho ở đời không xét được nguồn gốc, cứ xem Phật và

---

[109] ***Long Khê Toàn Tập:*** **«Tri vô khởi diệt, thức hữu năng sở. Tri vô phương thể, thức hữu khu biệt. Thí chi minh kính chi chiếu vật, kính thể bản hư, nghiên si hắc bạch, tự vãng lai ư hư thể chi trung, vô gia giảm dã. Nhược nghiên si hắc bạch chi tích, trệ nhi bất hoá, kính thể phản vi sở tế hĩ. Kính thể chi hư, vô gia giảm tắc vô sinh tử, sở vị lương tri dã. Biến thức vi tri, thức nãi tri chi dụng; nhận thức vi tri, thức nãi tri chi tặc.»** 知無起滅，識有能所．知無妨體，識有區別．譬之明鏡之照物，鏡體本虛，妍媸黑白，自往來於虛體之中，無加減也．若妍媸黑白之跡，滯而不化，鏡體反爲所蔽矣．鏡體之虛，無加減則無生死，所謂良知也．變識爲知，識乃知之用；認識爲知，識乃知之賊．

[110] **LAM chú: Xin xem chú thích 82 của chương này.**

Lão là dị đoan. Đó là vì chưa bàn luận cho thông.»[111] Lời này cơ hồ thủ tiêu một lập trường trọng yếu của Đạo học đời Tống và đời Minh, khiến người ta trở về thái độ của người đời Nguỵ và đời Tấn đối với Tam giáo.

Theo trên, Hoàng Lê Châu không phải không đúng khi nói rằng cái học của Long Khê gần với Thiền. Tuy nhiên ông nói cái học của Tâm Trai gần với Thiền thì không đúng thực tế. Kẻ hậu học của Tâm Trai là Nhan Quân mới có cái học gần với Thiền hơn. Hoàng Lê Châu viết: «Nhan Quân 顏鈞, tự là Sơn Nông 山農, người ở Cát An 吉安. [...] Học thuyết của ông cho rằng nhân tâm thì kỳ diệu nhất vạn vật nhưng khó dò. Tính là ngọc sáng, vốn không bám bụi. Có nhìn và nghe, cần chi phải cẩn thận và sợ sệt?[112] Bình thường ta chỉ cần noi theo Tính mà hành động, hoàn toàn tuỳ theo tự nhiên; như vậy gọi là Đạo. Gặp khi có phóng dật, thì phải cẩn thận và sợ sệt để tu sửa nó. Kiến văn, đạo lý, cách thức của tiên Nho cốt để làm trở ngại Đạo mà thôi.»[113]

Kiến giải ấy Tâm Trai chưa hề nói ra. Giải thích của ông về cách vật được người đời gọi là «thuyết cách vật của Hoài Nam». Thuyết ấy nói rằng: «*Cách* giống như chữ *cách* trong *cách thức*; tức là cái mà cuối sách *Đại Học* gọi là "hiệt củ" (thước vuông đo lường). Thân ta là một cái thước vuông, thiên hạ quốc gia là hình vuông. Khi ta dùng thước vuông đo nó thì biết rằng sự không chính xác của hình vuông có nghĩa là cây thước không chính xác. Do đó chỉ cần sửa cho đúng cây thước, chứ đừng cầu mong ở hình vuông. Thước vuông đúng thì hình vuông đúng,

---

[111] *Long Khê Toàn Tập:* «Tam giáo chi thuyết, kỳ lai thượng hĩ. Lão thị viết hư; thánh nhân chi học diệc viết hư; Phật thị viết tịch. Thục tòng nhi biện chi? Thế chi Nho giả bất suỷ kỳ bản, loại dĩ nhị thị vi dị đoan, diệc vị vi thông luận dã.» 三教之說,其來尚矣.老氏曰虛;聖人之學亦曰虛;佛氏曰寂.孰從而辨之?世之儒者不揣其本,類以二氏爲異端,亦未爲通論也.

[112] LAM chú: Các chữ *giới, thận, khủng, cụ, đổ, văn* liên quan *Trung Dung* (chương 1): «Quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi.» 君子戒愼乎其所不睹.恐懼乎其所不聞.莫見乎隱,莫顯乎微 (Quân tử phải cẩn thận nơi không ai nhìn thấy mình, phải sợ sệt nơi không ai nghe thấy mình. Chẳng gì hiện rõ bằng cái ẩn khuất, chẳng gì lồ lộ bằng cái tế vi).

[113] *Minh Nho Học Án:* «Nhan Quân, tự Sơn Nông, Cát An nhân dã. [...] Kỳ học dĩ nhân tâm diệu vạn vật nhi bất trắc giả dã. Tính vi minh châu, nguyên vô trần ai, hữu hà đổ văn, trước hà giới cụ. Bình thời chỉ thị suất tính nhi hành, thuần nhậm tự nhiên, tiện vị chi Đạo. Cập thời hữu phóng dật, nhiên hậu giới thận khủng cụ dĩ tu chi. Phàm Nho tiên kiến văn, đạo lý cách thức, giai túc dĩ chướng Đạo.» 顏鈞字山農,吉安人也.[...] 其學以人心妙萬物而不測者也.性爲明珠,原無塵埃,有何睹聞,著何戒懼.平時只是率性而行,純任自然,便是謂道.及時有放逸,然後戒愼恐懼以修之.凡儒先見聞,道理格式,皆足以障道.

hình vuông đúng thì thành *cách*.»[114]

Thiên hạ quốc gia đều là vật. Lấy cây thước là thân ta mà chỉnh đốn thiên hạ quốc gia, tức là cách vật. Do đó cái học của Tâm Trai chú trọng hành vi bản thân. Tác phẩm *Vương Đạo Luận* của ông dựa trên *Chu Lễ*, đề ra biện pháp thực tế đạt tới thái bình. Cái học của ông không gần với Thiền. Ngoài ra, nó mở đường cho cái học của Nhan Tập Trai 顏習齋 (1635-1704) sau này.

Vương Dương Minh có thuyết tri hành hợp nhất. Hoàng Lê Châu viết: «Thuyết cách vật của Vương tiên sinh nói rằng: Đạt tới cùng lương tri của tâm ta đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó.[115] Thánh nhân dạy người, chỉ là một chữ *hành*. Thí dụ như học rộng, tra hỏi, suy nghĩ cẩn thận, phân biệt rõ, tất cả đều là hành.[116] Gắng sức thực hành là thực hành hoài không thôi. Tiên sinh đạt tới cùng lương tri của tâm đối với sự vật. Chữ *trí* 致 (đạt tới cùng) tức là chữ *hành*, để cứu lấy sự cùng Lý suông, tức là cái sai của việc thảo luận chỉ để hiểu biết thôi.»[117]

Cái học của Vương Dương Minh được giải thích giản dị như vậy rất gần với chủ trương của Nhan Tập Trai sau này, bởi vì Nhan Tập Trai rất chú trọng sự thực hành.

---

[114] *Tâm Trai Di Tập:* «Cách như cách thức chi cách, tức hậu hiệt củ chi vị. Ngô thân thị cá củ, thiên hạ quốc gia thị cá phương. Hiệt củ tắc tri phương chi bất chính, do củ chi bất chính dã. Thị dĩ chỉ khứ chính củ, khước bất tại phương thượng cầu. Củ chính tắc phương chính hĩ, phương chính tắc thành cách hĩ.» 格如格式之格，即後絜矩之謂。吾身是個矩，天下國家是個方。絜矩則知方之不正，猶矩之不正也。是以只去正矩，卻不在方上求。矩正則方正矣，方正則成格矣。

[115] LAM chú: Xin xem lại chú thích 71 của chương này.

[116] LAM chú: *Trung Dung* (chương 20): «Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.» 博學之，審問之，愼思之，明辨之，篤行之 (Học rộng, tra hỏi, suy nghĩ cẩn thận, phân biệt rõ).

[117] *Minh Nho Học Án:* «Tiên sinh chi cách vật, vị trí ngô tâm chi lương tri ư sự sự vật vật, tắc sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý. Dĩ thánh nhân giáo nhân, chỉ thị nhất cá hành, như bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, giai thị hành dã. Đốc hành chi giả, hành thử số giả bất dĩ thị dã. Tiên sinh trí chi ư sự vật, trí tự tắc thị hành tự, dĩ cứu không không cùng Lý, chỉ tại tri thượng thảo cá phân hiểu chi phi.» 先生之格物，謂致吾心之良知於事事物物，則事事物物皆得其理。以聖人教人，只是一個行，如博學，審問，愼思，明辨，皆是行也。篤行之者，行此數者不已是也。先生致之於事物，致字則是行字，以救空空窮理，只在知上討個分曉之非。

CHƯƠNG 15

SỰ KẾ THỪA ĐẠO HỌC Ở ĐỜI THANH

1. Hán học và Tống học

Đến đời Thanh (1644-1911), học phong chuyển hướng về cái gọi là Hán học. Các nhà Hán học cho rằng Kinh học mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh giảng đã pha tạp kiến giải của Phật và Lão. Do đó, muốn biết ý nghĩa chân thực của đạo thánh hiền Khổng Mạnh thì phải đi tìm những chú giải kinh điển của người đời Hán. Nguyễn Nguyên 阮元 (1764-1849) nói: «Sở dĩ phải theo nền Kinh học của hai đời Hán là vì nó gần thời của thánh hiền hơn, tức là lúc học thuyết của hai nhà Phật và Lão chưa xuất hiện.»[1] Các nhà giảng Kinh học đời Hán gọi Đạo học đời Tống và đời Minh là Tống học 宋學, để phân biệt với Hán học của họ.

Ở đời Thanh, Tâm học và Lý học mà người đời Tống và đời Minh giảng vẫn được tiếp tục truyền thuật. Trong thời này, nó được gọi là Tống học. Tuy nhiên người truyền thuật nó ít có kiến giải mới mẻ nổi bật. Do đó nói về triết học của đời Thanh thì phải tìm ở Hán học. Các nhà Hán học nếu giảng tới cái học nghĩa lý (tức triết học) thì các vấn đề mà họ thảo luận (như Lý, Khí, Tính, Mệnh, v.v...) chính là các vấn đề mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đã nêu ra. Kinh điển mà họ căn cứ vào (như *Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung*) cũng chính là bốn bộ sách mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đã nêu ra. Ở phương diện này mà nói, khi các nhà Hán học giảng cái học nghĩa lý tức là họ đã tiếp tục giảng Đạo học đời Tống và đời Minh. Sự cống hiến của các nhà Hán học là những giải đáp mới mẻ và khá bất đồng đối với các vấn đề triết học và các kinh điển căn bản của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Tuy nhiên, các Đạo học gia cuối đời Minh đầu đời Thanh đã tạo điều kiện cho các nhà Hán học có giải thích khá bất đồng ấy trong cái học nghĩa lý. Xét theo phương hướng này, thì Đạo học có sự kế thừa và phát triển. Do đó, cái nghĩa lý học của các nhà Hán học, ở bề mặt là

[1] ***Hán Học Sư Thừa Ký:*** **«Lưỡng Hán kinh học, sở dĩ đương tuân hành giả, vi kỳ khứ thánh hiền tối cận, nhi nhị thị chi thuyết, thượng vị khởi dã.»** 兩漢經學,所以當遵行者,爲其去聖賢最近,而二氏之說,尚未起也.

sự chống lại Đạo học, nhưng kỳ thực lại chính là một phần kế thừa và phát triển của Đạo học.

2. Nhan Nguyên, Lý Cung, và một số Đạo học gia

Đời Thanh, trước khi Hán học và Tống học được thành lập, ở miền bắc Trung Quốc có học phái của thầy trò Nhan Nguyên và Lý Cung. Nhan Nguyên 顏元 (1635-1704), tự là Hồn Nhiên 渾然, hiệu là Tập Trai 習齋, người huyện Bác Dã 博野 của Trực Lệ 直隸 (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Lý Cung 李塨 (1659-1746), tự là Cương Chủ 剛主, hiệu là Thứ Cốc 恕谷, người huyện Lãi 蠡 của Trực Lệ 直隸 (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là đệ tử của Nhan Nguyên.

Hai ông phản đối Đạo học đời Tống và đời Minh, và cho rằng cái học của mình mới là Đạo chân chính của thánh hiền Khổng Mạnh. Nhan Nguyên tự nói về tông chỉ của mình rằng: «Từ đời Hán và đời Tấn, sự tầm chương trích cú quá tràn lan, họ chẳng biết rằng chương cú là công cụ truyền đạo thánh hiền, chứ chính nó không phải là đạo thánh hiền. Rồi [đời Nguỵ-Tấn] quá chuộng thanh đàm, họ chẳng biết rằng thanh đàm là công cụ xiển dương cái học của thánh hiền, chứ chính nó không phải là cái học của thánh hiền. Bởi thế sự phù phiếm rỗng tuếch ngày càng thịnh; nhưng cái đạo *"tam sự, lục phủ"* của Nghiêu và Thuấn cũng như cái học *"lục đức, lục hạnh, lục nghệ"* của Chu Công và Khổng Tử nhằm xác định địa vị đích thực của trời đất và nuôi dưỡng thực sự vạn vật, cơ hồ biến mất trong cõi Càn Khôn. Cho đến khi Phật và Lão hưng thịnh, có người thì xem trời đất và vạn vật hoàn toàn là không, nên quay về sự tịch diệt; có người thì xem trời đất và vạn vật hoàn toàn là vô, nên quay về siêu thoát. [...] Trong thời vận của họ Triệu,[2] nhiều người được nêu tên trong Khổng miếu đều là kẻ sĩ biên tập và chú giải kinh điển như thể tầm chương trích cú, đều là bọn ngồi trên cao giảng luận như thể thanh đàm. Khi họ nói về cách dạy người trở nên hiếu, đễ, trung, tín, và khi họ cho rằng khí bẩm vốn ác, thì có gì khác nhau giữa họ với Lão, tức là kẻ xem lễ và nghĩa là cái làm hại trung và tín; có gì khác nhau giữa họ với Phật, tức là kẻ xem tai, mắt, mũi, miệng, [thân, ý] là sáu tên cướp? Cho nên, theo thiển kiến của tôi, nếu bảo rằng Tống Nho là thành tựu lớn của Phật và Lão đời Hán và đời Tấn thì được, nhưng bảo rằng nó là phái chính tông của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử thì không

---

[2] **LAM chú: Họ Triệu tức Triệu Khuông Dận 趙匡胤 (thường bị đọc lầm là *Dẫn*), lập nên nhà Tống, gồm Bắc Tống (960-1127) và Nam Tống (1127-1279) cả thảy 320 năm. Khuông Dận lên ngôi, gọi là Tống Thái Tổ 宋太祖 (tại vị 960-976), lấy niên hiệu Kiến Long 建隆.**

được. [...] Vì nỗi sợ ấy, tôi viết bài *Tồn Học* (giữ gìn sự học), để làm rõ cái đạo *"tam sự, lục phủ, lục đức, lục hạnh, lục nghệ"* của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử. Mục đích chính của tôi là nói rõ: Đạo chẳng phải ở việc tầm chương trích cú trong *Thi, Thư;* và sự học chẳng phải ở việc tụng đọc và thông minh hơn người. Đạo và học, như Khổng Tử nói, là học rộng văn chương và khép mình ở lễ, đích thân thực học và thực tập nó,[3] suốt đời không biếng nhác. [Tôi còn] viết bài *Tồn Tính* (giữ gìn bản tính) với mục đích chính là nói rõ: Lý và Khí đều là Đạo Trời; Tính và hình thể [con người] đều do Trời phú bẩm. Khí chất của Tính và Mệnh của con người tuy sai biệt nhưng đều là thiện. Khí chất chính là tác dụng của Tính và Mệnh, nên không thể nói là ác. Cái gọi là ác của con người là do tác hại của bốn chữ *dẫn* 引 (lôi kéo), *tế* 蔽 (che lấp), *tập* 習 (thói quen), *nhiễm* 染 (lây nhiễm) gây ra. Mong sao bài văn ấy có thể khiến cho người ta hiểu rằng: Dù làm một điều ác nhỏ nhặt thì cũng là làm phai mờ cái bản thể sáng láng rực rỡ của mình; đạt tới cái thiện của thần thánh là bắt đầu tự làm sung túc cái hình hài vốn có của mình.»[4]

---

[3] **LAM chú: *Học* và *tập* lấy từ *Luận Ngữ* (Học Nhi): «Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?» 學而時習之，不亦說(悅)乎 (Học [cái gì] thì luôn luyện tập nó, như thế chẳng vui sao?). Cụm từ «bác văn ước lễ» lấy từ *Luận Ngữ* (Ung Dã): «Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phất bạn hĩ phù!» 君子博學於文，約之以禮，亦可以弗畔(叛)矣夫 (Người quân tử học rộng văn chương và lấy lễ ước thúc mình, như thế cũng có thể không trái [đạo lý]). Trong *Luận Ngữ* (Tử Hãn), Nhan Uyên nói: «Phu tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân: Bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ.» 夫子循循然善誘人：博我以文，約我以禮 (Thầy tuần tự khéo léo dẫn dắt người: Thầy lấy văn chương mở mang tôi, lấy lễ ước thúc tôi).**

[4] ***Tồn Học Biên:* «Tự Hán Tấn phiếm lạm ư chương cú, bất tri chương cú sở dĩ truyền thánh hiền chi đạo, nhi phi thánh hiền chi đạo dã. Cạnh thượng hồ thanh đàm, bất tri thanh đàm sở dĩ xiển thánh hiền chi học, nhi phi thánh hiền chi học dã. Nhân chi hư phù nhật thịnh, nhi Nghiêu Thuấn tam sự lục phủ chi đạo, Chu Công Khổng Tử lục đức lục hạnh lục nghệ chi học, sở dĩ thực vị thiên địa, thực dục vạn vật giả, cơ bất kiến ư Càn Khôn trung hĩ. Đãi ư Phật Lão xương xí, hoặc thủ thiên địa vạn vật nhi tận không chi, nhất quy ư tịch diệt; hoặc thủ thiên địa vạn vật nhi tận vô chi, nhất quy ư thăng thoát. [...] Triệu thị vận trung phân phân tề Khổng Tử miếu đình giả, giai tu tập chú giải chi sĩ, do nhiên chương cú dã; giai cao toạ giảng luận chi nhân, do nhiên thanh đàm dã. Chí ư ngôn hiếu đễ trung tín như hà giáo, khí bẩm bản hữu ác, kỳ dữ Lão thị dĩ lễ nghĩa vi trung tín chi bạc, Phật thị dĩ nhĩ mục khẩu tỵ vi lục tặc giả, tương khử kỷ hà dã. Cố bộc vọng luận Tống Nho, vị thị tập Hán Tấn Thích Lão chi đại thành giả tắc khả, vị thị Nghiêu Thuấn Chu Khổng chi chính phái tắc bất khả. [...] Mỗ vi thử cụ, trứ Tồn Học nhất biên, giáp minh Nghiêu Thuấn Chu Khổng tam sự lục phủ lục đức lục hạnh lục nghệ chi đạo, đại chỉ minh đạo bất tại Thi Thư chương cú, học bất tại đình ngộ tụng độc, nhi kỳ như Khổng môn bác văn ước lễ, thân thực học chi, thân thực tập chi, chung thân bất giải giả. Trứ Tồn Tính nhất biên, đại chỉ minh lý khí câu thị thiên đạo, tính hình câu thị thiên mệnh. Nhân chi tính mệnh chi khí chất, tuy các hữu sai đẳng, nhi câu thị thử thiện, khí chất chính tính mệnh chi tác dụng, nhi bất khả vị hữu ác. Kỳ sở vị ác giả, nãi do dẫn tế tập nhiễm tứ tự vi chi tuý dã. Kỳ sử nhân tri vi tí hào chi ác, giai thị điểm kỳ quang oánh chi bản thể; cực thần thánh chi**

Trên đây Nhan Nguyên dùng các từ *tam sự, lục phủ, lục đức, lục hạnh, lục nghệ*.

Tam sự và *lục phủ* lấy từ *Thư Kinh* (Đại Vũ Mô): «Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, cốc, vị chi *lục phủ*; chính đức, lợi dụng, hậu sinh, vị chi *tam sự*.» 水火金木土穀謂之六府，正德利用厚生謂之三事 (Nước, lửa, kim loại, gỗ, đất, ngũ cốc, gọi là sáu kho chứa; chỉnh đốn đạo đức của dân, dùng [tài nguyên mà] có lợi, làm dồi dào đời sống của dân, gọi là ba việc).[5]

Lục đức, lục hạnh, lục nghệ lấy từ *Chu Lễ:* «Lấy ba thứ của cấp hương học mà dạy dân; hễ ai hiền tài thì lấy lễ tân khách mà tiếp đãi rồi tiến cử người đó lên vua, [ba thứ đó là]: (1) *sáu đức:* trí 智, nhân 仁, thánh 聖 (sáng suốt), nghĩa 義, trung 忠 (trung thành), hoà 和 (hiền hoà); (2) *sáu hạnh:* hiếu 孝, hữu 友 (thân ái với anh em), mục 睦 (thân ái với cửu tộc), nhân 姻 (thân ái với họ hàng bên mẹ và bên vợ), nhậm 任 (tín nhiệm), tuất 恤 (thương xót); (1) *sáu nghề:* lễ 禮, nhạc 樂, xạ 射 (bắn tên), ngự 御

---

thiện, thuỷ tự sung kỳ cố hữu chi hình hài.» 自漢晉汎濫於章句，不知章句所以傳聖賢之道，而非聖賢之道也．競尚乎清談，不知清談所以闡聖賢之學也．因之虛浮日盛，而堯舜三事六府之道，周公孔子六德六行六藝之學，所以實位天地，實育萬物者，幾不見於乾坤中矣．迨於佛老昌熾，或取天地萬物而盡空之，一歸於寂滅；或取天地萬物而盡無之，一歸於陞脫．[...] 趙氏運中紛紛躋孔子廟庭者，皆修輯註解之士，猶然章句也；皆高坐講論之人，猶然清談也．至於言孝悌忠信如何教，氣稟本有惡，其與老氏以禮義爲忠信之薄，佛氏以耳目口鼻爲六賊者，相去幾何也．故僕妄論宋儒，謂是集漢晉釋老之大成者則可，謂是堯舜周孔之正派則不可．[...] 某爲此懼，著存學一編，甲明堯舜周孔三事六府六德六行六藝之道，大旨明道不在詩書章句，學不在穎悟誦讀，而期如孔門博文約禮，身實學之，身實習之，終身不懈者．著存性一編，大旨明理氣俱是天道，性情俱是天命．人之性命之氣質，雖各有差等，而俱是此善，氣質正性命之作用，而不可謂有惡．其所以謂惡者，乃由引蔽習染四字爲之祟也．期使人知爲絲毫之惡，皆是玷其光瑩之本體；極神聖之善，始自充其固有之形骸．

5 **LAM chú: Đây là lời ông Vũ nói với vua Thuấn. *Lục phủ* với *tam sự* gộp lại là *cửu công* 九功 (chín công). Ở đây tôi dịch theo Derk Bodde. *Đại Vũ Mô* hiện nay bị xem là ngụy cổ văn. Câu Phùng Hữu Lan trích khác với nguyên bản. *Thư Kinh Trực Giải* (Chiết Giang Văn Nghệ xbx, 1997, tr.227) chép: «Vũ viết: Ô! Đế niệm tai! Đức duy thiện chính, chính tại dưỡng dân. *Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, cốc duy tu; chính đức, lợi dụng, hậu sinh duy hoà;* cửu công duy tự, cửu tự duy ca.» 禹曰：於！帝念哉！德惟善政，政在養民．水火金木土穀惟修；正德利用厚生惟和；九功惟敘，九敘惟歌．James Legge dịch: «Yu said, Oh! think [of these things], O Ti. The virtue of the ruler is seen in his good government, and that government in the nourishing of the people. There are water, fire, metal, wood, the earth, and grain,–these must be duly regulated; there are the rectification of the**

(cưỡi ngựa), thư 書 (sáu cách tạo chữ Hán), số 數 (toán học).»[6]

Theo Nhan Nguyên và Lý Cung, ngày xưa khi dạy người thì thánh hiền dạy họ thực có *lục đức*, thực hành *lục hạnh*, thực tập *lục nghệ*, nghiên cứu thực tế công việc của sáu kho, để áp dụng có lợi và làm dồi dào đời sống của dân mà thôi. Cái gọi là «cách vật» trong sách *Đại Học* tức là nói điểm đó. *Cách* ở đây có nghĩa là *kháng cự, chống lại*, như trong câu «thủ cách mãnh thú» 手格猛獸 (tay không chống lại thú dữ).[7] *Vật* ở đây có nghĩa là *vật có gốc ngọn*, tức là *minh đức thân dân*, tức là *ý, thân, tâm, gia, quốc, thiên hạ*. Những cái đó gọi là *vật* vì các hành động thành (ý), chính (tâm), tu (thân), tề (gia), trị (quốc), bình (thiên hạ) đều là những thứ cần phải học. Lễ, nhạc, v.v... được nói trong *Chu Lễ* đều được xem là *vật* [để học].

---

people's virtue, the tools and other things that supply the conveniences of life, and the securing abundant means of sustentation,–these must be harmoniously attended to. When the nine services thus indicated have been orderly accomplished, that accomplishment will be hailed by the people's songs.» (Ông Vũ nói: Ôi! Xin Đế hãy nghĩ đến mấy điều này. Đức của vua được thấy qua nền chính trị tốt của ngài; nền chính trị ấy được thấy qua sự nuôi dân. *Có nước, lửa, kim loại, gỗ, đất, và ngũ cốc, mà chúng phải được quản lý hợp thời. Có sự chỉnh đốn đạo đức của dân, dụng cụ và đồ vật khác cung cấp sự tiện lợi của đời sống, phương tiện dồi dào bảo đảm duy trì sự sống, mà chúng phải được quan tâm hài hoà.* Khi chín công việc nêu trên được hoàn thành đâu ra đấy, thì thành tựu ấy sẽ được khen ngợi qua các bài ca dao). Thẩm Quỳnh (*Kinh Thư*, Saigon, 1973, tr.58) dịch khác: «Ông Vũ thưa rằng: Ôi! Nhà vua nên nghĩ đến lời nói của ông Ích. Có đức trạch nên cần có chính sự hay, chính sự hay cốt ở nuôi dân cho được no ấm. *Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, và các giống thóc sửa lại, không thái quá không bất cập. Luân lý để sửa đức hạnh cho dân, công tác và thương mãi để lợi dụng cho dân, chăn nuôi dân cho khỏi đói rét, đều được điều hoà.* Chín công đã tu hoà, thì dân gian yên vui ca hát.»

6 *Chu Lễ* (Đại Tư Đồ): «Dĩ hương tam vật giáo vạn dân nhi tân hưng chi: Nhất viết *lục đức*: trí, nhân, thánh, nghĩa, trung, hoà; nhị viết *lục hạnh*: hiếu, hữu, mục, nhân, nhậm, tuất; tam viết *lục nghệ*: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.» 以鄉三物教萬民而賓興之：一曰六德：知(智),仁,聖,義,忠,和；二曰六行：孝,友,睦,婣,任,恤；三曰六藝：禮,樂,射,御,書,數.– LAM chú: Tôi dịch theo bản *Chu Lễ* (Nhạc Lộc Thư Xã, 2001, tr.98), do Tiền Huyền, Tiền Hưng Kỳ, Vương Hoa Bảo, Tạ Bình Hồng dịch chú. Nói cho đúng thì *hữu* 友 là tình anh đối với em, *đễ* 悌 là tình em đối với anh. Trong *Lục nghệ*, thư là lục thư, không phải là thư pháp. Xin xem lại chú thích 16 của chương 4 (quyển I). Derk Bodde dịch khác, dựa theo bản dịch tiếng Pháp của Eduard Biot. Ông hiểu: *thánh* 聖= sageliness (hiền minh), *mục* 睦= affection toward one's associates (thân ái với người cộng sự), *nhân* 姻= marital constancy (chung thuỷ vợ chồng), *nhậm* 任= forebearance (nhẫn nại), *thư* 書= writing (viết chữ, thư pháp).

7 LAM chú: Theo từ điển *Từ Bá*, *cách* 格 dùng như động từ có 8 nghĩa: (1) *trở chỉ* 阻止 (cản trở, cách trở), (2) *củ chính* 糾正, *khuông chính* 匡正 (sửa cho đúng), (3) *suy cứu* 推究 (suy xét) như: *trí tri tại cách vật* 致知在格物, (4) *lượng độ* (đo lường), (5) *kích đả* 擊打 (đánh), (6) *kích sát* 擊殺 (giết) như: *cách địch* 格敵 (giết địch 殺敵), (7) *kháng cự* 抗拒 (chống lại) như: *cách mãnh thú* 格猛獸 (chống mãnh thú) [*Sử Ký*, Lý Tướng Quân liệt truyện], (8) dùng thông với *hạc* 恪= lai đáo 來到, đáo đạt 到達 (đến).

Nhan Nguyên xem Tống Nho chỉ là «thành tựu lớn của Phật và Lão đời Hán và đời Tấn» chứ không phải là «phái chính tông của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử». Xét về phương diện lịch sử, nhận xét ấy cũng hợp với sự thực, nhưng nếu nhân điểm ấy mà nói Tống Nho sai lầm tự căn bản thì không được.



Nhan Nguyên

Thời của Nhan Nguyên, chưa có danh từ «Hán học». Ông cũng không phải là một nhà Hán học, nhưng các lý do ông đưa ra chống lại Tống Nho cũng giống như các lý do mà các nhà Hán học về sau dùng để chống lại Tống Nho. Điều đáng chú ý là thời bấy giờ trong số những Đạo học gia cũng có người cùng ý kiến với Nhan Nguyên. Thí dụ như Lục Thế Nghi 陸世儀(1611-1672), tự là Đạo Uy 道威, hiệu là Phù Đình 桴亭, quê ở Thái Thương 太倉(thuộc Giang Tô). Lục Thế Nghi viết: «Thiên hạ không có ai giảng học, thì thế đạo suy; thiên hạ ai ai cũng giảng học, thì thế đạo cũng suy. Ba đời (Hạ, Thương, Chu), vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con; ai cũng cúc cung với công việc, tận tuỵ với bổn phận. Trong nhà trường, học sinh tụng đọc *Thi* và *Thư*, luyện tập lễ nhạc mà thôi, chưa hề có ai lấy miệng lưỡi để tranh thắng với kẻ khác.»[8]

[8] *Tư Biện Lục:* «Thiên hạ vô giảng học chi nhân, thế đạo chi suy; thiên hạ giai giảng học chi nhân, diệc thế đạo chi suy dã. Tam đại chi thế, quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, các vụ cung hành, các đôn thực hành, tường tự chi trung, tụng Thi Thư, tập lễ nhạc nhi dĩ, vị thường dĩ khẩu thiệt tương giác thắng dã.» 天下無講學之人,世道之衰;天下皆講學之人,亦世道之衰也.三代之世,君君臣臣父父子子,各務躬行,各敦實行,庠序之中,誦詩書,習禮樂而已,未嘗以口舌相角勝也.– LAM chú: Cổ văn phân biệt tên gọi nơi dạy học: *hiệu, tường, tự, học, thục, quán, thái học, quốc tử giám, thư viện*. (1) *Về tính chất công và tư*: trường tư gọi là *thục* 塾(hay *tư thục* 私塾, *tây thục* 西塾) hoặc *quán* 館(hay *thư quán* 書館); trường công thì tuỳ theo cấp độ, ở cấp tối cao cả nước thì gọi là *thái học* 太學 hay *quốc tử giám* 國子監, ở cấp địa phương thì gọi là *hiệu* 校, *tường* 庠, *tự* 序, *học* 學, *thư viện* 書院(có khi do tư nhân lập). (2) *Về thời đại*: Trường học đời Hạ gọi là *hiệu* 校, đời Thương gọi là *tường* 庠, đời Chu gọi là *tự* 序. Đời Hán sắp thứ tự cấp độ trường công từ cao xuống thấp là: *học* 學, *hiệu* 校, *tường* 庠, *tự* 序. Về sau có trường tư thì gọi là *thục* 塾 và *quán* 館. Đời Minh và Thanh, trường công cấp huyện gọi là *ấp tường* 邑庠. Học phủ tối cao là *thái học* 太學 do Hán Vũ Đế lập ra. Đến đời Tấn, *thái học* bị đổi thành *quốc tử học* 國子學 và *quốc tử tự* 國子寺(*tự* ở đây không có nghĩa là chùa). Đến đời Tuỳ Dạng Đế, thì nó gọi là *quốc tử giám* 國子監 và tên gọi này được dùng đến cuối đời Thanh. Từ đời Tống tới đời Thanh, nơi cho các văn nhân dạy học thì gọi là *thư viện* 書院(do tư nhân hoặc quan phủ thành lập). Tham khảo: Tiết Nho Chương 薛儒章(chủ biên), *Giản Minh Cổ Hán Ngữ Loại Từ Từ Điển* 簡明古漢語類詞詞典, Bắc Kinh, 1989, tr.26-28.

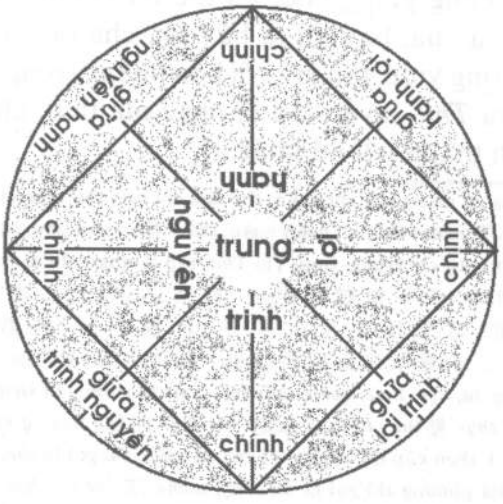
Ông còn nói: «Gần đây người ta dạy học, phần nhiều lấy thanh đàm của người đời Tấn mà dạy; thật là chuyện rất tai hại. Cửa Khổng không lời nào mà không dạy người ta hành động thiết thực.»[9]

Lục Thế Nghi viết *Tư Biện Lục* 思辨錄, nghiên cứu sâu về các chế độ quân sự, canh nông, lễ, nhạc, chính trị, và có cùng quan điểm với Nhan Nguyên. Nhan Nguyên giảng về chính tâm và thành ý (trong sách *Đại Học*) thì cũng cùng quan điểm với Lục Thế Nghi. Do đó cái học của Nhan Nguyên tuy chống Đạo học mà kỳ thực lại là một phần kế thừa và phát triển của Đạo học.

a. Lý và Khí

Phần lớn cái học của Nhan Nguyên nhằm biện luận về giáo dục và tu dưỡng. Tác phẩm có nhiều tính triết học của ông là *Tồn Tính Biên*, trong đó ông bàn về Lý, Khí, Tính, Hình. Ông nói: «Tôi trình bày ý kiến thô thiển của mình bằng bảy hình vẽ, nhằm giảng rõ tư tưởng căn bản của Mạnh Tử.»[10]

Hình vẽ cuối cùng tổng kết sáu hình vẽ đầu, như sau đây:



---

[9] *Tư Biện Lục:* «Cận nhân giảng học, đa dĩ Tấn nhân thanh đàm, thậm hại sự. Khổng môn vô nhất ngữ bất giáo nhân tựu thực xứ tố.» 近人講學，多以晉人清談，甚害事．孔門無一語不教人就實處做．

[10] *Tồn Tính Biên:* «Vi vọng kiến đồ phàm thất, dĩ thân minh Mạnh Tử bản ý.» 爲妄見圖凡七，以申明孟子本意．

Nhan Nguyên giải thích hình vẽ ấy rằng: «Vòng tròn lớn tượng trưng toàn thể Thiên Đạo. Thượng Đế là chủ tể, ở trung tâm, không thể vẽ thành hình. Nửa vòng bên trái là Dương; nửa vòng bên phải là Âm. Hợp chúng lại thì Âm Dương không ngăn cách. Âm Dương lưu hành tạo ra bốn đức là nguyên, hanh, lợi, trinh. (Nhan Nguyên chú: Tiên Nho phân bốn đức làm xuân, hạ, thu, đông; còn *Luận Ngữ* gọi nó là bốn mùa vận hành.)[11] Trục ngang và trục dọc biểu đạt Khí và Lý của tứ đức ở tình trạng "chính" 正 (ngay ngắn bình thường). Hai trục song song các cạnh hình vuông biểu đạt Khí và Lý của tứ đức ở tình trạng "gián" 間 (lệch lạc bất thường). Bốn cạnh hình vuông tượng trưng sự giao thông. Các chấm nhỏ đầy kín hình tròn tượng trưng sự hoá sinh của vạn vật. Chẳng có gì mà không giao thông; chẳng có gì mà không hoá sinh. Trong đó luôn có Khí ấy và Lý ấy. Nếu ta biết Lý và Khí hợp làm một mảnh (*dung vi nhất phiến* 融爲一片), thì biết hai khí Âm Dương là lương năng 良能 của Thiên Đạo. Bốn đức nguyên, hanh, lợi, trinh là lương năng của hai khí Âm Dương. Hoá sinh vạn vật là lương năng của bốn đức nguyên, hanh, lợi, trinh. Muốn biết hai khí [Âm Dương] của Thiên Đạo, tứ đức của hai khí [Âm Dương], tứ đức sinh vạn vật, chẳng cái gì mà không có lương năng, thì ta có thể nhìn hình vẽ này [mà hiểu].»[12]

---

[11] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Dương Hoá): «Tử viết: Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai!» 子曰:天何言哉!四時行焉,百物生焉.天何言哉!(Khổng Tử nói: Trời có nói gì đâu! Bốn mùa theo đó vận hành, vạn vật theo đó sinh trưởng. Trời có nói gì đâu!)**

[12] ***Tổn Tính Biên:* «Đại khuyên, Thiên Đạo thống thể dã. Thượng Đế chủ tể kỳ trung, bất khả đĩ đồ dã. Tả, Dương dã; hữu, Âm dã. Hợp chi tắc Âm Dương vô gián dã. Âm Dương lưu hành nhi vi tứ đức, nguyên hanh lợi trinh dã. (Tự chú: Tứ đức tiên Nho tức phân xuân hạ thu đông, Luận Ngữ sở vị tứ thời hành dã.) Hoành thụ chính hoạch, tứ đức chính Khí chính Lý chi đạt dã. Tứ giác tà hoạch, tứ đức gian Khí gian Lý chi đạt dã. Giao tà chi hoạch, tượng giao thông dã. Mãn diện tiểu điểm tượng vạn vật chi hoá sinh dã. Mạc bất giao thông, mạc bất hoá sinh dã. Vô phi thị Khí thị Lý dã. Tri Lý Khí dung vi nhất phiến, tắc tri Âm Dương nhị khí, Thiên Đạo chi lương năng dã. Nguyên hanh lợi trinh tứ đức, Âm Dương nhị khí chi lương năng dã. Hoá sinh vạn vật, nguyên hanh lợi trinh tứ đức chi lương năng dã. Tri Thiên Đạo chi nhị khí, nhị khí chi tứ đức, tứ đức chi sinh vạn vật, mạc phi lương năng, tắc khả đĩ quan thử đồ hĩ.»** 大圈,天道統體也.上帝主宰其中,不可以圖之也.左,陽也;右,陰也.合之則陰陽無間也.陰陽流行而爲四德,元亨利貞也.(自註:四德先儒即分春夏秋冬,論語所謂四時行也.) 橫豎正畫,四德正氣正理之達也.四角斜畫,四德間氣間理之達也.交斜之畫,象交通也.滿面小點,象萬物之化生也.莫不交通,莫不化生也.無非是氣是理也.知理氣融爲一片,則知陰陽二氣,天道之良能也.元亨利貞四德,陰陽二氣之良能也.化生萬物,元亨利貞四德之良能也.知天道之二氣,二氣之四德,四德之生萬物,莫非良能,則可以觀此圖矣.

Nhan Nguyên chỉ đề cập danh từ Thượng Đế một lần ở đây, ở sau không thấy giải thích gì. Trong vũ trụ luận của Nhan Nguyên, ông xem hai khí Âm Dương là lương năng của Thiên Đạo; sự lưu hành của Âm Dương là bốn đức. Đoạn văn trên nói sự giao thông của bốn đức. Kỳ thực, theo ông, bốn đức và hai khí Âm Dương thì «*giao thông thuận nghịch* 交通順逆, *thác tông huân chưng* 錯綜薰蒸(qua lại xông ướp), *biến dịch cảm xúc* 變易感觸, *tụ tán quyển thư* 聚散卷舒(tụ tán cuộn duỗi)». 16 chữ đó là biến động của bốn đức. Đức chỉ có bốn, mà biến có 16, biến mãi không cùng, vận chuyển không dứt. Bốn đức của hai khí biến động mãi mãi, lưu chuyển khắp chốn, ảnh hưởng lẫn nhau, mà vạn vật hoá sinh. Cái gọi là «biến có 16, biến mãi không cùng» kỳ thực 16 biến là 32 loại: *trung biên trực khuất* 中邊直屈(giữa-biên, thẳng-co), *phương viên hành tịch* 方圓衡僻(vuông-tròn, ngang-dốc), *tề nhuệ ly hợp* 齊銳離合(lụt-bén, lìa-hợp), *viễn cận vi ngộ* 遠近違遇(xa-gần, trái-gặp), *đại tiểu hậu bạc* 大小厚薄(lớn-nhỏ, dầy-mỏng), *thanh trọc cường nhược* 清濁強弱(trong-đục, mạnh-yếu), *cao hạ trường đoản* 高下長短(cao-thấp, dài-ngắn), *tật trì toàn khuyết* 疾遲全缺(nhanh-chậm, vẹn-khuyết). 32 loại ấy là biến động của 16 biến động; rồi cái biến động của 32 loại thì không thể kể xiết. Tuy không thể kể xiết nhưng nó không ngoài 32 loại; 32 loại không ngoài 16 biến; 16 biến không ngoài bốn đức; bốn đức cũng không ngoài hai khí; hai khí cũng không ngoài Thiên Đạo.



Lý Cung

Sự hoá sinh vạn vật đều bẩm thụ hai khí Âm Dương và bốn đức. Trên đây nói sự bẩm thụ ấy khác nhau 32 loại, cho nên vạn vật mới thông minh, ngu xuẩn, mạnh mẽ, yếu ớt, sống lâu, chết non, v.v... khác nhau. Tuy vạn vật bất đồng như thế nhưng sự bẩm thụ của chúng không ngoài hai khí (Âm Dương) và bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) của Thiên Đạo. Nhan Nguyên nói: «Tính của vạn vật là sự phú bẩm của Lý ấy. Khí chất của vạn vật là sự ngưng kết của Khí ấy. Cái ngay ngắn là Lý ấy và Khí ấy. Cái lệch lạc cũng là Lý ấy và Khí ấy. Cái cao và sáng là Lý ấy và Khí ấy. Cái thấp và tối cũng là Lý ấy và Khí ấy. Cái trong và dầy là Lý ấy và Khí ấy. Cái đục và mỏng cũng là Lý ấy và Khí ấy. [...] Người là loài tinh tuý nhất trong vạn vật. Nói thế là vì người có được trung điểm của trời đất mà sinh ra. Nhị khí và bốn đức chưa ngưng kết thì chưa thành người, hễ ngưng kết rồi thì thành người. Người tồn chứa nhân, nghĩa, lý, trí; đó gọi là Tính, tức là lấy bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh)

ở bên trong con người mà gọi tên [là Tính]. Con người biểu lộ lòng trắc ẩn, sự hổ thẹn, lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường), và phân biệt thị phi; đó gọi là Tình, tức là lấy bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) tiếp xúc ngoại vật mà gọi tên [là Tình]. Tài là cái lực của bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) tác động vào Tính mà sinh ra Tình.»[13]

Nhan Nguyên chủ yếu nói rằng Khí là bản căn của vũ trụ. Tuy cũng nói đến Lý, nhưng ông xem Lý và Khí hợp làm một mảnh (*dung vi nhất phiến* 融爲一片). Đó là điểm khác biệt của ông với các nhà Lý học.

Thuyết «Lý và Khí hợp làm một mảnh» này một số Đạo học gia cũng có nói, chẳng hạn như Lưu Tông Chu 劉宗周 (1578-1645).[14] Ông viết: «Đầy trời đất là một Khí. Khí tức là Lý. Trời được nó mới thành trời, đất được nó mới thành đất, người và vật được nó mới thành người và vật.»[15]

---

[13] ***Tồn Tính Biên:*** **«Vạn vật chi Tính, thử Lý chi phú dã. Vạn vật chi khí chất, thử Khí chi ngưng dã. Chính giả, thử Lý thử Khí dã. Gián giả, diệc thử Lý thử Khí dã. Cao minh giả, thử Lý thử Khí dã. Tì ám giả, diệc thử Lý thử Khí dã. Thanh hậu giả, thử Lý thử Khí dã. Trọc bạc giả, diệc thử Lý thử Khí dã. [...] Chí ư nhân tắc vưu vi vạn vật chi tuý, sở vị đắc thiên địa chi trung dĩ sinh giả dã. Nhị khí tứ đức giả, vị ngưng kết chi nhân dã. Nhân giả, dĩ ngưng kết chi nhị khí tứ đức dã. Tồn chi vi nhân nghĩa lý trí, vị chi Tính giả, dĩ tại nội chi nguyên, hanh, lợi, trinh danh chi dã. Phát chi vi trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi, vị chi Tình giả, dĩ cập vật chi nguyên, hanh, lợi, trinh ngôn chi dã. Tài giả, Tính chi vi Tình giả dã, thị nguyên, hanh, lợi, trinh chi lực dã.»** 萬物之性，此理之賦也。萬物之氣質，此氣之凝也。正者，此理此氣也。閒者，亦此理此氣也。高明者，此理此氣也。卑暗者，亦此理此氣也。清厚者，此理此氣也。濁薄者，亦此理此氣也。[...] 至於人則尤爲萬物之粹，所謂得天地之中以生者也。二氣四德者，未凝結之人也。人者，已凝結之二氣四德也。存之爲仁義理智，謂之性者，以在內之元亨利貞名之也。發之爲測隱羞惡辭讓是非謂之情者，以及物之元亨利貞言之也。才者，性之爲情者也，是元亨利貞之力也。

[14] **LAM chú: Lưu Tông Chu 劉宗周 (1578-1645) tự Khởi Đông 起東, hiệu là Niệm Đài 念臺, quê ở huyện Sơn Âm 山陰 (nay là Thiệu Hưng, Chiết Giang). Ông đỗ tiến sĩ năm 1601, đời Minh, vua Hi Tông 熹宗; từng làm Lễ bộ chủ sự, Công bộ thị lang, Tả đô ngự sử; từng đụng độ hoạn quan Ngụy Trung Hiền và từng can gián vua mà vua không nghe, nên cáo bệnh từ quan, về dạy học ở Trấp Sơn 蕺山, nên đời gọi là Trấp Sơn tiên sinh. Khi Hàng Châu thất thủ, rơi vào tay người Mãn, ông tuyệt thực 23 ngày rồi mất. Học trò tự đặt tên thuỵ cho ông là Chính Nghĩa 正義. Đời Thanh truy tặng tên thuỵ cho ông là Trung Giới 忠介. Các học giả gọi ông là Niệm Đài 念臺 tiên sinh. Ông viết rất nhiều, tác phẩm có: *Lưu Trấp Sơn Tập* 劉蕺山集 (17 quyển), *Chu Dịch Cổ Văn Sao* 周易古文鈔, *Luận Ngữ Học Án* 論語學案, *Thánh Học Tông Yếu* 聖學宗要, v.v... Hậu nhân sưu tập lại thành *Lưu Tử Toàn Thư* 劉子全書 (40 quyển) và *Lưu Tử Toàn Thư Di Biên* 劉子全書遺編 (24 quyển). Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển hạ, mục từ 4880, tr.1237; và Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.186-188.**

[15] ***Lưu Tử Toàn Thư:*** **«Doanh thiên địa gian, nhất Khí dã. Khí tức Lý dã. Thiên đắc chi dĩ vi thiên, địa đắc chi dĩ vi địa, nhân vật đắc chi dĩ vi nhân vật.»** 嘗天地間，一氣也。氣即理也。天得之以爲天，地得之以爲地，人物得之以爲人物。

Lưu Tông Chu còn nói: «Có kẻ nói rằng: Hư không sinh ra Khí. Nhưng hư không tức là Khí rồi, làm sao nó sinh ra Hữu? Chúng ta hãy trở ngược về lúc trước khi bắt đầu có Khí, rồi từ đó đi về nay, [thì thấy] chẳng lúc nào mà không có Khí. Khi Khí co lại, thì nó sẽ từ Vô đi tới Hữu; Hữu mà chưa phải là cái Hữu khởi đầu. Khi Khí duỗi ra, thì nó sẽ từ Hữu đi tới Vô; Vô mà chưa phải là cái Vô khởi đầu. Cái ở giữa phi Hữu và phi Vô, mà cũng tức là Hữu là Vô, chính là Thái Hư. Chúng ta phân biệt và tôn trọng nó mà gọi là Thái Cực.»[16]

Ở đây Lưu Tông Chu cho rằng sự co lại của Khí là Vô. Khí co thì duỗi, nên nó từ Vô đi tới Hữu. Tức là ông xem sự duỗi ra của Khí là Hữu. Khí duỗi thì co, nên nó từ Hữu đi tới Vô. Đó cũng là thuyết của Trương Tái (đã nói ở tiết 1 của chương 12 trên đây).

Đệ tử của Lưu Tông Chu là Hoàng Tông Hi 黃宗羲(tức Hoàng Lê Châu 黃梨洲, 1610-1695)[17] cũng có kiến giải về Lý và Khí giống như thầy. Hoàng Tông Hi nói: «Trong sự lưu hành của cuộc tiến hoá lớn chỉ có một Khí, lấp đầy khắp nơi và không gián đoạn. Đúng thời thì nó tạo ra hoà, gọi là mùa xuân; hoà sinh ấm nóng, gọi là mùa hè; ấm nóng giảm xuống thành mát mẻ, gọi là mùa thu; mát mẻ tăng thành lạnh lẽo, gọi là mùa

---

[16] ***Lưu Tử Toàn Thư:*** **«Hoặc viết: Hư sinh Khí. Phù hư tức Khí dã, hà sinh chi hữu? Ngô tố chi vị thuỷ hữu Khí chi tiên, diệc vô vãng nhi phi Khí dã. Đương kỳ khuất dã, tự vô nhi chi hữu, hữu nhi vị thuỷ hữu. Cập kỳ thân dã, tự hữu nhi chi vô, vô nhi vị thuỷ vô dã. Phi hữu phi vô chi gian, nhi tức hữu tức vô, thị vi thái hư, hựu biểu nhi tôn chi viết Thái Cực.»** 或曰:虛生氣.夫虛即氣也,何生之有?吾溯之未始有氣之先,亦無往而非氣也.當其屈也,自無而之有,有而未始有.及其伸也,自有而非無之間,而即有即無,是爲太虛,又表而尊之曰太極.

[17] **LAM chú: Hoàng Tông Hi 黃宗羲(1610-1695) tự là Thái Xung 太沖, hiệu là Nam Lôi 南雷 và Lê Châu 梨洲, người Dư Diêu 餘姚, Chiết Giang. Ông là nhà kinh học, nhà sử học, và nhà tư tưởng. Ông với Tôn Kỳ Phùng 孫奇逢(1585-1675) và Lý Ngung 李顒(1627-1705) được người đời gọi là «Thanh sơ tam đại Nho» 清初三大儒(ba đại Nho đầu đời Thanh). Cha ông là Hoàng Tông Tố 黃宗素, làm ngự sử đời Minh triều vua Hi Tông, thuộc đảng Đông Lâm, bị hoạn quan Ngụy Trung Hiền bức hại tới chết. Theo di mệnh của cha, ông theo học Lưu Tông Chu. Khi Mãn Thanh lật đổ triều Minh, ông dấy nghĩa quân để phản Thanh phục Minh. Sau khi thất bại, ông ẩn cư, dạy học, và tiềm tâm nghiên cứu học thuật. Ông nghiên cứu khắp lĩnh vực: kinh, sử, thiên văn, lịch pháp, số học, nhạc luật. Năm 1662 (niên hiệu Khang Hi, đời Thanh Thánh Tổ), ông nhiều lần được mời tu sửa *Minh Sử*, nhưng ông cáo bệnh để từ chối. Tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng của thầy là Lưu Tông Chu. Tác phẩm: *Dịch Học Tượng Số Luận* 易學象數論, *Thâm Y Khảo* 深衣考, *Mạnh Tử Sư Thuyết* 孟子師說, *Minh Nho Học Án* 明儒學案, *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案, *Thụ Y Tuỳ Bút* 授衣隨筆, *Luật Lữ Tân Nghĩa* 律呂新義, *Minh Sử Án* 明史案, *Minh Văn Hải* 明文海, v.v... (Tham khảo: Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, sđd., tr.194-196). Tư tưởng của Hoàng Tông Hi được viết chi tiết trong: Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ, Saigon, 1971, tr. 341-349.**

đông; lạnh lẽo giảm đi, trở lại thành hoà; như thế nó tuần hoàn không có đầu mối; [Hệ Từ Thượng] gọi đó là «sinh sinh chi vị Dịch» 生生之謂易 (sinh sôi bất tuyệt gọi là biến dịch).[18] Bởi tiến trình thăng giáng ấy không mất trật tự của nó, nên thánh nhân gọi nó là Lý.»[19]

Ở đây, cũng như Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi xem Khí là cái căn bản. Một điểm khác biệt giữa Lý học và Tâm học là: Lý học cần đến hai thế giới, Tâm học chỉ cần một thế giới. Hoặc cũng có thể nói rằng Lý học là Nhị nguyên luận (Dualism), còn Tâm học là Nhất nguyên luận (Monism). Vương Dương Minh nổi lên mà Tâm học hưng thịnh, tức là triết học theo Nhất nguyên luận hưng thịnh. Tuy nhiên Vương Dương Minh cũng chưa luận bàn nhiều về vấn đề Lý và Khí. Nếu duy trì kiến giải theo Nhất nguyên luận mà cũng muốn giải quyết tương đối vấn đề Lý và Khí của các nhà Lý học, thì người ta tất nhiên chọn lấy thuyết «Lý và Khí hợp làm một mảnh».

---

[18] **LAM chú: Ở đây tôi dịch theo ý của Hoàng Tông Hi. Derk Bodde (có lẽ theo James Legge) dịch là: «This is what is meant by 'production and reproduction constituting [the process of] change'» (Đấy là cái được gọi là 'tạo sinh và tái tạo lập nên quy trình biến dịch'). Trong Hệ Từ Thượng, câu «Sinh sinh chi vị Dịch» 生生之謂易 cũng có thể hiểu là: Sự chuyển hoá tương sinh giữa Âm và Dương gọi là Dịch. *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa, trang 97, giải thích *sinh sinh* 生生 là: «Âm Dương hỗ chuyển tương sinh.» 陰陽互轉相生 (Âm Dương chuyển hoá qua lại, Âm sinh Dương, Dương sinh Âm). Lý Đỉnh Tộ (*Chu Dịch Tập Giải*) dẫn lời Tuân Sảng rằng: «Âm Dương tương dịch, chuyển tương sinh dã.» 陰陽相易, 轉相生也 (Âm Dương biến đổi nhau, xoay vần mà sinh ra nhau). Khổng Dĩnh Đạt (*Chu Dịch Chính Nghĩa*) giảng: «Sinh sinh, bất tuyệt chi từ. Âm Dương biến chuyển, hậu sinh thứ ư tiền sinh, thị vạn vật hằng sinh vị chi Dịch dã. Tiền hậu chi sinh, biến hoá cải dịch; sinh tất hữu tử, Dịch chủ khuyến giới, tưởng nhân vi thiện, cố vân sinh bất vân tử dã.» 生生不絕之辭, 陰陽變轉, 後生次於前生, 是萬物恆生謂之易也. 前後之生, 變化改易; 生必有死, 易主勸戒, 獎人爲善, 故云生不云死也 (*Sinh sinh* là từ ngữ chỉ sự không dứt. Âm Dương biến chuyển, cái sinh sau nối tiếp cái sinh trước; sự sinh sôi mãi mãi này của vạn vật gọi là *Dịch*. Trước sau sinh nhau, biến hoá sửa đổi, có sinh có tử. Dịch chủ yếu khuyên răn, khen người ta làm thiện, nên chỉ nói *sinh*, không nói *tử*). Richard Wilhelm dịch: «Als Erzeuger alles Erzeugens heißt er die Wandlung.» (Dịch là cái tạo sinh của tất cả sinh thể). James Legge dịch: «Production and reproduction is what is called the process of change.» (Sự tạo sinh và tái sinh là cái được gọi là quy trình biến dịch).**

[19] ***Nam Lôi Văn Án:* «Phù đại hoá chi lưu hành, chỉ hữu nhất Khí, sung chu vô gián. Thời nhi vi hoà vị chi xuân, hoà sinh nhi ôn vị chi hạ, ôn giáng nhi lương vị chi thu, lương thăng nhi hàn vị chi đông, hàn giáng nhi phục vi hoà, tuần hoàn vô đoan, sở vị sinh sinh chi vị dịch dã. Thánh nhân tức tòng thăng giáng chi bất thất kỳ tự giả, danh chi vị Lý.»** 夫大化之流行, 只有一氣, 充周無間. 時而爲和謂之春, 和生而溫謂之夏, 溫降而涼謂之秋, 涼升而寒謂之冬, 寒降而復爲和, 循環無端, 所謂生生之謂易也. 聖人即從升降之不失其序者, 名之謂理.

Cùng thời với Hoàng Tông Hi có Vương Phu Chi 王夫之, tức Vương Thuyền Sơn 王船山 (1619-1693).[20] Cái học của Vương Phu Chi là tự lập, không học thầy nào cả, thế mà kiến giải của ông về Lý và Khí cũng tương đồng với Lưu Tông Chu. Vương Phu Chi viết: «Trong cõi trời đất chỉ có Lý với Khí; Khí chở Lý, để cho Lý là trật tự của Khí.»[21]

Lý là trật tự của Khí; Khí là cái căn bản. Vương Phu Chi nói: «Nói đến tâm, tính, trời, đất, thì đều phải dựa trên Khí thượng mà nói. Nếu chẳng có Khí, thì đều chẳng có gì hết. Trương Tái nói: "Do Khí biến hoá mà có cái danh là Đạo." Chu Hi giải thích rằng: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo, đó là sự biến hoá của Khí." [...] Trình Hạo nói: "Trời là Lý. Đã lấy Lý để nói về trời, tức là cũng xem trời là Lý. Xem trời là Lý, nhưng trời cố nhiên không rời Khí mà có tên [là trời]. Do đó Lý tức là

---

[20] **LAM chú: Vương Phu Chi 王夫之 (1619-1693), sống giữa đời Minh và đời Thanh. Về năm sinh năm mất của Vương Phu Chi, Phùng Hữu Lan chú: Phu Chi sinh năm Vạn Lịch 47 (tức 1619) đời Minh Thần Tông, mất năm Khang Hi 32 (tức 1693) đời Thanh Thánh Tổ. Bàng Phác (sđd., tr.204) ghi là: 1619-1692. Trần Trọng Kim (sđd., tr.350) ghi sai biệt quá xa: 1627-1679. Vương Phu Chi tự là Nhi Nông 而農, hiệu là Khương Trai 薑齋, người ở Hành Dương 衡陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông thông thiên văn, lịch số, kinh sử, địa lý, trứ tác rất nhiều, nhất là về Dịch học. Cha ông là Vương Triều Sính 王朝聘, tinh thông cái học Xuân Thu. Nên ngay từ nhỏ, ông được cha dạy cho kinh Xuân Thu. Ông sinh nhằm thời tao loạn, nên lòng ưu thời mẫn thế, thuở hoa niên từng tham gia các đoàn thể bấy giờ như Hành Xã 行社, Khuông Xã 匡社, Tu Minh 須盟, lập chí cách mạng xã hội. Đến khi nhà Minh sụp đổ, Vương Phu Chi dấy binh phản Thanh phục Minh năm 1648 tại Hành Dương, nhưng đại bại. Năm 1652, để chống lệnh cắt tóc kiểu đuôi sam của Mãn Thanh, ông bèn ẩn cư trong núi Thạch Thuyền Sơn 石船山 (tỉnh Hồ Nam), do đó mà người đời gọi ông là Vương Thuyền Sơn. Tuy trốn lánh quân thù, chịu bao gian khổ, nhưng ông vẫn kiên trì nghiên cứu học thuật và trứ tác rất nhiều, đủ lĩnh vực. Ông bệnh và mất, an táng tại xóm Cao Tiết 高節 trên núi Đại Đông 大東 (nay là xóm Cao Tiết 高節, làng Kim Lan 金蘭, huyện Hành Dương 衡陽, núi Đại La 大羅). Trước khi mất, ông lập sẵn bia mộ, tự tay ghi vài chữ như một lời khẳng định trên đá: «Minh di thần Vương Phu Chi chi mộ» 明遺臣王夫之之墓 (mộ của Vương Phu Chi, bầy tôi còn sót lại của triều Minh). Mấy trăm năm sau khi ông mất, người đời mới sưu tập tác phẩm của ông thành *Thuyền Sơn Di Tập* 船山遺集, gồm 324 quyển, bao quát 70 chủ đề. Trước khi mất, Phùng Hữu Lan (1895–1990) không biết tác phẩm của mình về sau có được in ra hay không, nên đã ngậm ngùi: «Nếu có người không cho [những điều tôi viết] là đúng, và do đó [sách này] không xuất bản được, thì tôi sẽ là Vương Thuyền Sơn vậy.» (Như quả hữu nhân bất dĩ vi nhiên, nhân chi bất năng xuất bản, ngô kỳ vi Vương Thuyền Sơn hĩ 如果有人不以爲然, 因之不能出版, 吾其爲王船山矣). (Xin đọc bài *Biển rộng trời cao ta vút bay* ở quyển I).**

[21] ***Thuyền Sơn Di Tập:* «Thiên địa gian chỉ Lý dữ Khí; Khí tải Lý nhi dĩ trật tự hồ Khí.»** 天地間只理與氣；氣載理而以秩序乎氣.

Lý của Khí, rồi sau đó mới bắt đầu có ý nghĩa "trời là Lý".»[22]

Về tương quan giữa trời, Âm Dương, và ngũ hành, Vương Phu Chi nói: «Tách ra thì gọi là Âm Dương và ngũ hành, tức là có hai cái khác nhau và năm vị trí. Hợp chúng lại thì gọi là trời; cũng giống như tay, chân, tai, mắt, và tâm tư hợp lại thành người, chứ không thành cái mà ở ngoài tay, chân, tai, mắt, và tâm tư lại có tay, chân, tai, và mắt để dùng. Như vậy, lẽ nào ngoài Âm Dương và ngũ hành lại có Âm Dương và ngũ hành để dùng sao?»[23]

Cái gọi là trời ở đây tức là danh từ gọi chung cho Âm Dương và ngũ hành. Lý của trời tức là Lý của Khí. Về sự phân biệt hình nhi thượng, hình nhi hạ, Đạo, Khí, Vương Phu Chi cũng nói rõ: «Thiên hạ chỉ là khí 器(khí vật, khí cụ) mà thôi. Đạo là Đạo của khí vật; khí vật không thể gọi là khí vật của Đạo. Người ta có thể nói rằng không có Đạo ấy thì không có khí vật ấy. Tuy nhiên, nếu có khí vật, lẽ nào lại lo lắng không có Đạo ư? [...] Hiếm người nói rằng không có khí vật ấy thì không có Đạo ấy; nhưng điều đó quả đúng như thế. Thời hồng hoang chẳng có cái đạo vái và nhường (của chủ và khách), đời Đường (của Nghiêu) và đời Ngu (của Thuấn) chẳng có cái đạo đem quân đánh dẹp nước khác, đời Hán và đời Đường chẳng có cái đạo như hôm nay; còn ngày nay thì không có nhiều đạo của những năm khác. Chưa có cung tên thì không có đạo bắn cung; chưa có xe và ngựa thì không có đạo đánh xe cưỡi ngựa. [...] Có nhiều trường hợp Đạo có thể có mà lại không. Cho nên không có khí vật ấy thì không có Đạo ấy, nói thế mà đúng, chỉ hiếm người ta

---

[22] ***Độc Tứ Thư Đại Toàn:*** **«Cái ngôn tâm, ngôn tính, ngôn thiên, ngôn địa, câu tất tại Khí thượng thuyết. Nhược vô Khí xứ, tắc câu vô dã. Trương Tử vân: "Do Khí hoá hữu Đạo chi danh." Nhi Chu Tử thích chi viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, Khí chi hoá dã." [...] Trình Tử ngôn: "Thiên, Lý dã. Ký dĩ Lý ngôn thiên, tắc thị diệc dĩ thiên vi Lý hĩ. Dĩ thiên vi Lý, nhi thiên cố phi ly Khí nhi đắc danh giả dã. Tắc Lý tức khí chi Lý, nhi hậu thiên vi Lý chi nghĩa thuỷ thành."»** 蓋言心，言性，言天，言地，俱必在氣上說．若無氣處，則俱無也．張子云："由氣化有道之名．"而朱子釋之曰："一陰一陽之謂道，氣之化也．"[...] 程子言："天，理也．既以理言天，則是亦以天爲理矣．以天爲理，而天固非離氣而得名者也．則理即氣之理，而後天爲理之義始成．"

[23] ***Độc Tứ Thư Đại Toàn:*** **«Chiết trước tiện khiếu tác Âm Dương ngũ hành, hữu nhị thù hựu hữu ngũ vị. Hợp trước tiện khiếu tác thiên. Do hợp thủ túc nhĩ mục tâm tư tức thị nhân, bất thành thủ túc nhĩ mục tâm tư chi ngoại, cánh hữu dụng thủ túc nhĩ mục giả. Tắc khởi Âm Dương ngũ hành chi ngoại, biệt hữu dụng Âm Dương ngũ hành giả hồ?»** 折著便叫作陰陽五行，有二殊又有五位；合著便叫作天．猶合手足耳目心思即是人，不成手足耳目心思之外，更有用手足耳目者．則豈陰陽五行之外，別有用陰陽五行者乎?

không quan sát nó thôi. [...] Gọi tên *thượng* và *hạ* thì không có ranh giới phân biệt. Hình nhi thượng không có nghĩa là vô hình. Đã có hình rồi chứ! Có hình thì mới có cái trên hình (hình nhi thượng). Từ xưa đến nay, thông qua muôn vàn biến hoá, cùng trời cùng đất, khắp người khắp vật, chưa từng không có cái trên hình (hình nhi thượng).»[24]

Trên đây là kiến giải của Vương Phu Chi về Đạo 道 và khí 器 (khí vật, khí cụ), trái ngược với kiến giải của Chu Hi. Từ kiến giải về Lý 理 và Khí 氣 của Vương Phu Chi mà suy luận, ông cố nhiên có thể nói như thế. Tuy nhiên chính ông tự nhận mình là Đạo học gia, và thuyết của ông cho rằng Khí 氣 là bản căn của tất cả, vốn là thuyết của Trương Tái (Hoành Cừ). Cho nên, Vương Phu Chi đã sớm làm bài *minh* 銘 trên bia mộ của ông rằng: «Ôm ấp lòng trung lẻ loi của Lưu Việt Thạch, mà mệnh ta chẳng được như ông. Ngưỡng mộ cái học chân chính của Trương Hoành Cừ, mà sức ta chẳng thể mong tới. May còn toàn vẹn về trong gò đất này, ngậm chặt mối hờn mà vĩnh lìa dương thế.» (Bão Lưu Việt Thạch chi cô trung, nhi mệnh vô tòng trí. Hi Trương Hoành Cừ chi chính học, nhi lực bất năng xí, hạnh toàn quy ư tư khâu, cố hàm tuất nhi vĩnh thế. 抱劉越石之孤忠,而命無從致.希張橫渠之正學,而力不能企,幸全歸於茲

[24] ***Chu Dịch Ngoại Truyện:*** **«Thiên hạ duy khí nhi dĩ. Đạo giả, khí chi Đạo; khí giả, bất khả vị chi Đạo chi khí dã. Vô kỳ Đạo tắc vô kỳ khí, nhân loại năng ngôn chi. Tuy nhiên, cẩu hữu kỳ khí hĩ, khởi hoạn vô Đạo tai? [...] Vô kỳ khí tắc vô kỳ Đạo, nhân tiển năng ngôn chi, nhi cố kỳ thành nhiên giả dã. Hồng hoang vô ấp nhượng chi đạo, Đường Ngu vô điếu phạt chi đạo, Hán Đường vô kim nhật chi đạo, tắc kim nhật vô tha niên chi đạogiả đa hĩ. Vị hữu cung thỉ nhi vô xạ đạo, vị hữu xa mã nhi vô ngự đạo. [...] Đạo chi khả hữu nhi thả vô giả đa hĩ. Cố vô kỳ khí tắc vô kỳ Đạo, thành nhiên chi ngôn dã, nhi nhân đặc vị chi sát nhĩ. [...] Thượng hạ giai danh dã, phi hữu nhai lượng chi khả biệt giả dã. Hình nhi thượng giả, phi vô hình chi vị. Ký hữu hình hĩ, hữu hình nhi hậu hữu hình nhi thượng. Vô hình chi thượng, cắng cổ kim, thông vạn biến, cùng thiên cùng địa, cùng nhân cùng vật, giai sở vị hữu giả dã.»** 天下惟氣而已.道者,器之道;器者,不可謂之道之器也.無其道則無其器,人類能言之.雖然,苟有其器矣,豈患無道哉? [...] 無其器則無其道,人鮮能言之,而故其成然者也.洪荒無揖讓之道,唐虞無弔伐之道,漢唐無今日之道,則今日無他年之道者多矣.謂有弓矢而無射道,謂有車馬而無御道. [...] 道之可有而且無者多矣.故無其器則無其道,誠然之言也,而人特謂之察耳. [...] 上下皆名也,非有涯量之可別者也.形而上者,非無形之謂.既有形矣,有形而後有形而上.無形之上,亙古今,通萬變,窮天窮地,窮人窮物;皆所謂有者也.-- **LAM chú: Ở câu chót, «vô hình chi thượng» 無形之上 nên hiểu là "không có hình nhi thượng", chứ không phải là "ở trên vô hình". Derk Bodde dịch là «an absence of shapes above» (thiếu vắng cái trên hình). Đoạn văn này nằm trong Hệ Từ Thượng (chương 12) của *Chu Dịch Ngoại Truyện* (Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1990, tr.202); nguyên văn chỗ này cũng y như bản mà Phùng Hữu Lan đã chép.**

邱, 固銜恤而永世).[25]

Vương Phu Chi không học nơi ai cả, thế mà kiến giải của ông cũng tương hợp với kiến giải của Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, và Nhan Nguyên. Có thể thấy thời bấy giờ vấn đề Lý và Khí đã theo xu hướng giải quyết như vậy.

b. Tính và Hình

Xem hình nhi thượng là căn bản, nên Nhan Nguyên đã căn cứ vào đó mà nêu ra sai lầm của Chu Hi là phân biệt Tính của khí chất và Tính của nghĩa lý. Nhan Nguyên nói: «Tính của vạn vật là sự phú bẩm của Lý ấy. Khí chất của vạn vật là sự ngưng kết của Khí ấy.»[26] Nếu chỉ nói hai câu như thế thôi thì Nhan Nguyên và Chu Hi không khác nhau, nhưng rồi kế đó Nhan Nguyên nói rằng: «Cái trong và dầy là Lý ấy và Khí ấy. Cái đục và mỏng cũng là Lý ấy và Khí ấy, v.v...» Nói như vậy, bởi vì Lý và Khí hợp thành một mảnh. Đối với Chu Hi, chỉ có Khí mới có thể nói là trong và dầy; chứ Lý thì không thể nói như vậy được. Bởi vì Lý thì mãi mãi bất biến, không thể phân biệt trong hay dầy, v.v... được. Nhan Nguyên xem Lý và Khí hợp thành một mảnh, cho nên xem cái Tính nghĩa lý tức là Tính khí chất, và người ta không thể xem khí chất là căn nguyên của ác được. Ông nói: «Bảo rằng Tình có ác, đó là nói nguyên hanh lợi trinh đã phát ra, chứ không phải nguyên hanh lợi trinh chưa phát ra. Bảo rằng Tài có ác, đó là nói cái tiềm tàng là nguyên hanh lợi trinh, chứ cái có thể tạo tác không phải là nguyên hanh lợi trinh. Bảo rằng khí chất có ác, đó là Lý của nguyên hanh lợi trinh, có thể gọi là Thiên Đạo. Khí của nguyên hanh lợi trinh không gọi là Thiên Đạo. Ôi! Thiên hạ có cái Khí không Lý sao? Có cái Lý

---

[25] *Thuyền Sơn Di Thư* (Thuyền Sơn Tiên Sinh Truyện).– LAM chú: Lưu Việt Thạch 劉越石 (270-317) tên thật là Lưu Côn 劉琨, tự là Việt Thạch 越石, người ở Ngụy Xương 魏昌 thuộc Trung Sơn 中山; sinh năm Thái Thuỷ 泰始 thứ 6 đời Tấn Vũ Đế 晉武帝 (tức 270), mất năm Kiến Vũ 建武 nguyên niên đời Tấn Nguyên Đế 晉元帝 (tức 317). Ông nổi tiếng là bậc anh hùng, tận trung báo quốc, lập nhiều công nghiệp, giữ nhiều chức quan. Triều đình nhà Tấn rất kính trọng ông. Sống thời tao loạn, nên thi ca của ông toát ra âm điệu khẳng khái mà bi tráng. Tác phẩm ông có *Văn Tập* 文集 10 quyển và *Biệt Tập* 別集 12 quyển. Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển thượng, mục từ 410, tr.127.

[26] LAM chú: Xin xem lại chú thích 13 trên đây của chương này.

không Khí sao? Có cái Lý ngoài hai khí và bốn đức sao?»[27]

Vũ trụ chỉ có một nguồn, chúng ta chỉ có một Tính. Nhan Nguyên nói: «Khí tức là Khí của Lý; Lý tức là Lý của Khí. Sao có thể nói rằng Lý thì thuần nhất thiện, còn khí chất thì thiên về ác? Thí dụ như mắt. Vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu đều là khí chất. Sự quang minh trong mắt có thể nhìn thấy mọi vật chính là Tính. Có thể nói rằng cái Lý quang minh ấy chuyên nhìn chính sắc ư? Còn vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu đều nhìn tà sắc ư? Tôi cho rằng Lý quang minh ấy cố nhiên là thiên mệnh; vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu cũng là thiên mệnh (tức là do trời phú cho). Không nhất thiết phải phân ra cái nào là Tính của thiên mệnh, cái nào là Tính của khí chất. Chỉ nên nói Tính của mắt là trời phú cho người; nó quang minh nên có thể nhìn thấy sự vật, tức là Tính của mắt thì thiện. Mắt nhìn sự vật là cái thiện của Tình. Mắt nhìn rõ hay mờ, xa hay gần, tức là sự mạnh yếu của Tài, đều không thể bị gọi là ác. [...] Chỉ vì có tà sắc lôi cuốn và tác động, làm che lấp sự sáng của mắt, nên sau mới có cái nhìn dâm và cái tên ác bắt đầu có. Nhưng khi nó bị lôi cuốn và tác động, thì đó là lỗi của Tính ư? Là lỗi của khí chất ư? Nếu quy lỗi ở khí chất, thì ta buộc phải nói rằng đừng có mắt thì Tính của mắt mới hoàn toàn.»[28]

Vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu là Hình 形. Sự quang minh trong đó có thể nhìn thấy sự vật tức là Tính. Có Hình ấy thì có Tính ấy; có Tính

---

[27] ***Tồn Tính Biên:*** **«Vị tình hữu ác, thị vị dĩ phát chi nguyên hanh lợi trinh, phi vị phát chi nguyên hanh lợi trinh dã. Vị tài hữu ác, thị vị súc giả nguyên hanh lợi trinh, năng tác giả, phi nguyên hanh lợi trinh dã. Vị khí chất hữu ác, thị nguyên hanh lợi trinh chi Lý, vị chi Thiên Đạo, nguyên hanh lợi trinh chi Khí, bất vị chi Thiên Đạo dã. Y, thiên hạ hữu vô Lý chi Khí hồ? Hữu vô Khí chi Lý hồ? Hữu nhị khí tứ đức ngoại chi Lý Khí hồ?»** 謂情有惡,是謂以發元亨利貞,非未發元亨利貞也.謂才有惡,是謂蓄者元亨利貞,能作者,非元亨利貞也.謂氣質有惡,是元亨利貞之理,謂天道,元亨利貞氣,不謂天道也.噫,天下有無理之氣乎?有無氣之理乎?有二氣四德外之理氣乎?

[28] ***Tồn Tính Biên:*** **«Cái Khí tức Lý chi Khí, Lý tức Khí chi Lý. Ô đắc vị Lý thuần nhất thiện, nhi khí chất thiên hữu ác tai? Thí chi mục hĩ. Khuông bao tinh, khí chất dã. Kỳ trung quang minh, năng kiến vật giả, Tính dã. Tương vị quang minh chi Lý chuyên thị chính sắc, khuông bao tinh nãi thị tà sắc hồ? Dư vi quang minh chi Lý cố thị thiên mệnh, khuông bao tinh giai thị thiên mệnh. Cánh bất tất phân hà giả thị thiên mệnh chi Tính, hà giả thị khí chất chi Tính. Chỉ nghi ngôn thiên mệnh nhân dĩ mục chi Tính. Quang minh năng thị, tức mục chi Tính thiện. Kỳ thị chi dã, tắc Tình chi thiện. Kỳ thị chi tường lược viễn cận, tắc Tài chi cường nhược. Giai bất khả dĩ ác ngôn. [...] Duy nhân hữu tà sắc dẫn động, chướng tế kỳ minh, nhiên hậu hữu dâm thị nhi ác thuỷ danh yên. Nhiên kỳ vi chi dẫn động giả, Tính chi cữu hồ? Khí chất chi cữu hồ? Nhược quy cữu ư khí chất, thị tất vô thử mục nhi hậu khả toàn mục chi Tính hĩ.»** 蓋氣即理之氣,理即氣之理,烏得謂理純一善,而氣質偏有惡哉?譬之目矣.眶皰睛,氣質也.其中光明,能見物者,性也.將謂光明之理專視正色,眶

ấy thì có Hình ấy. Nên Nhan Nguyên nói «Tính với Hình đều là thiên mệnh». Tư tưởng chủ yếu của Nhan Nguyên trong *Tồn Tính Biên* là bác bỏ thuyết của Chu Hi cho rằng Tính của khí chất là căn nguyên của ác.

Nhan Nguyên cho rằng căn nguyên của ác là do *dẫn* 引 (lôi kéo), *tế* 蔽 (che lấp), *tập* 習 (thói quen), *nhiễm* 染 (lây nhiễm) gây ra. Ông viết: «Cái ác là do bên ngoài lôi kéo, che lấp, quen thói, lây nhiễm. Như Khổng Tử cầu nhân, Mạnh Tử tồn tâm dưỡng Tính, thì ta hiểu rõ bản tính của chúng ta là thiện; còn tai, mắt, miệng, mũi thì vâng lệnh bản tính mà làm trọn chức năng của chúng. [...] Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm. Hễ khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời thì mọi tà sắc và dâm thanh, tự chúng không thể lôi kéo và che lấp chúng ta. Lo chi sự tập nhiễm ác? [...] *Lục hạnh* là sự thi hành của Tính chúng ta. *Lục nghệ* là tài cụ của Tính chúng ta. *Cửu dung* là phát hiện của Tính chúng ta. *Cửu đức* là thành tựu của Tính chúng ta.[29] Chế tạo lễ, sáng tác nhạc, hài hoà Âm Dương, tài thành trời đất, là sự giãn ra của Tính chúng ta. Vạn vật hài hoà, đất bình yên, trời thành tựu, vũ trụ thái hoà; đó là kết quả của Tính chúng ta. Cho nên có thể nói rằng biến hoá khí chất là hiệu quả của dưỡng Tính, cũng như đức làm tươi nhuận thân thể, hiện rõ ở sắc diện, chiếu ở lưng, thể hiện ở tứ chi.[30] Nhưng không thể nói rằng biến hoá cái ác của khí chất để khôi phục Tính, cũng giống như hỏi tội ở quân binh, hay chê trách sự nhuốm

---

跑睛乃視邪色乎?余爲光明之理固是天命,眶跑睛皆是天命.更不必分何者是天命之性,何者是氣質之性.只宜言天命人以目之性.光明能視,即目之性善.其視之也,則情之善.其視之詳略遠近,則才之強弱.皆不可以惡言.[...] 惟因有邪色引動,障蔽其明,然後有淫視而惡始名焉.然其爲之引動者,性之咎乎?氣質之咎乎?若歸咎於氣質,是必無此目而後可全目之性矣.

[29] **LAM chú: *Lục hạnh* và *lục nghệ* xin xem lại chú thích 6 trên đây. Về *cửu dung*, *Thư Kinh* không nói. Derk Bodde chú: «Neither Professor Fung nor myself have been able to idendify the nine demeanors.» (Phùng tiên sinh và tôi đều không biết *cửu dung* là gì). *Cửu đức* theo *Thư Kinh* (Cao Dao Mô) là: 1- khoan nhi lật 寬而栗 (khoan dung mà nghiêm trang), 2- nhu nhi lập 柔而立 (nhu hoà mà có lập trường), 3- nguyện nhi cung 愿而恭 (cẩn thận mà nghiêm túc), 4- loạn nhi kính 亂而敬 (có tài cai trị mà kính cẩn), 5- nhiễu nhi nghị 擾而毅 (nhu thuận mà kiên quyết), 6- trực nhi ôn 直而溫 (thẳng thắn mà ôn hoà), 7- giản nhi liêm 簡而廉 (giản dị mà liêm khiết), 8-cương nhi tắc 剛而塞 (cứng rắn mà trung thực), 9- cường nhi nghĩa 強而義 (mạnh mẽ mà có chính nghĩa). Xem: *Thư Kinh* 書經 do Trương Đạo Cần 張道勤 trực giải, Chiết Giang Văn Nghệ xbx, 1997, tr.20.**

[30] **LAM chú: Xin xem chú thích 41 của chương 12 trên đây.**

màu ở tơ lụa.»[31]

Nhan Nguyên muốn đả phá sự phân biệt của các nhà Lý học về Tính của thiên mệnh và Tính của khí chất, hay nói cách khác, đả phá sự phân biệt Tính và khí chất. Tuy nhiên, xét kỹ thuyết của Nhan Nguyên thì sự phân biệt ấy vẫn còn tồn tại. Như ông nói: «Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm. Hễ khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời thì mọi tà sắc và dâm thanh, tự chúng không thể lôi kéo và che lấp chúng ta.» Cái gọi là «sự chân chính của phép trời» (thiên tắc chi chính 天則之正), thì các nhà Lý học gọi là Lý hoặc Tính. «Sự chân chính của phép trời» này không phải là khí chất, nên Nhan Nguyên nói: «Khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời.» «Sự chân chính của phép trời» này không phải là khí chất, cho nên ông nói: «Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm.» Khí chất có thể bị tà sắc và dâm thanh lôi léo, nên «sự chân chính của phép trời» không thể ổn định, cho nên các nhà Lý học giải thích khí chất là căn nguyên của ác. Nguyên đoạn văn «*Lục hạnh* là sự thi hành của Tính chúng ta. *Lục nghệ* là tài cụ của Tính chúng ta. *Cửu dung* là phát hiện của Tính chúng ta. *Cửu đức* là thành tựu của Tính chúng ta.» Thuyết này chẳng có gì khác thuyết của Chu Hi cho rằng trong tâm ta có đầy đủ các Lý. Chẳng qua Nhan Nguyên cho rằng nó là công dụng của cái hình hài cố hữu của chúng ta.

Thuyết trên của Nhan Nguyên cũng giống thuyết của Lưu Tông Chu. Lưu Lưu Tông Chu nói: «Lý tức là Lý của Khí; nó không hề ở trước

---

[31] *Tồn Tính Biên*: «Kỳ ác giả, dẫn, tế, tập, nhiễm dã. Duy như Khổng Tử cầu nhân, Mạnh Tử tồn tâm dưỡng Tính, tắc minh ngô Tính chi thiện, nhi nhĩ mục khẩu tỵ giai phụng lệnh nhi tận chức. [...] Đáng thị tức thị, đáng thính tức thính, bất đáng tức phủ. Sử khí chất giai như kỳ thiên tắc chi chính, nhất thiết tà sắc dâm thanh, tự bất đắc dẫn tế, hựu hà tập ư ác, nhiễm chi ác chi túc hoạn hồ? [...] Lục hạnh nãi ngô Tính thiết thi. Lục nghệ nãi ngô Tính tài cụ. Cửu dung nãi ngô Tính phát hiện. Cửu đức nãi ngô Tính thành tựu. Chế lễ tác nhạc, tiếp lý Âm Dương, tài thành thiên địa, nãi ngô Tính thư trương. Vạn vật hàm nhược, địa bình thiên thành, thái hoà vũ trụ, nãi ngô Tính kết quả. Cố vị biến hoá khí chất, vi dưỡng Tính chi hiệu tắc khả, như đức nhuận thân tuỳ diện ang bối, thi ư tứ thể chi loại thị dã. Vị biến hoá khí chất chi ác đĩ phục Tính tắc bất khả, đĩ kỳ vấn tội ư binh, như trách nhiễm ư ti dã.» 其惡者,引蔽習染也.惟如孔子求仁,孟子存心養性,則明吾性之善,而耳目口鼻皆奉令而盡職. [...] 當視即視,當聽即聽,不當即否.使氣質皆如其天則之正,一切邪色淫聲,自不得引蔽,又何習於惡,染之惡之足患乎? [...] 六行乃吾性設施.六藝乃吾性材具.九容乃吾性發現.九德乃吾性成就.制禮作樂,燮理陰陽,裁成天地,乃吾性舒張.萬物咸若,地平天成,太和宇宙,乃吾性結果.故謂變化氣質,爲養性之效則可,如德潤身睟面盎背,施於四體之類是也.謂變化氣質之惡以復性則不可,以其問罪於兵,如責染於絲也.

hay ở ngoài Khí. Biết điều ấy tức là biết Đạo tâm tức là bản tâm của nhân tâm và Tính của nghĩa lý tức là bản tính của khí chất.»[32]

Ông còn nói: «Tâm chỉ có nhân tâm, còn Đạo tâm là cái được xem là tâm của người. Tính chỉ có Tính của khí chất, còn Tính của nghĩa lý là cái được xem là Tính của khí chất.»[33]

Ông còn nói: «Người xưa giải thích nhân tâm là Đạo tâm; Đạo tâm là chủ, còn nhân tâm chỉ có việc tuân mệnh Đạo tâm thôi. Nói như thế, tức là một thân thể có hai tâm sao. Ngoài nhân tâm ra, không có Đạo tâm. Như thấy lạnh nghĩ đến áo ấm, thấy đói nghĩ tới ăn. Đó là cái thể động của tâm. Đáng mặc áo ấm thì mặc, đáng ăn thì ăn. Đó là cái thể tĩnh của tâm. Tuy nhiên bất cứ khi nào ta nghĩ đến mặc và ăn (do lạnh và đói) thì ngay lúc ấy ta suy xét ở nghĩa lý để xem ăn và mặc có đáng không. Sẽ là sai khi nói rằng sau khi ta nghĩ đến mặc và ăn rồi thì ta khởi ý niệm xem ăn và mặc có đáng không.»[34]

Sự phê bình trước đây đối với Nhan Nguyên cũng có thể áp dụng cho Lưu Tông Chu ở đoạn văn trên. «Bản tâm của nhân tâm» và «cái được xem là tâm của người» không phải là nhân tâm; cũng vậy, «bản tính của khí chất» và «cái được xem là Tính của khí chất» không phải là khí chất. Cho nên tuy Lưu Tông Chu nói rằng chỉ có một tâm nhưng ông buộc phải phân ra thể động và thể tĩnh của tâm. Hoàng Tông Hi đối với vấn đề này cũng có kiến giải tương tự. Ông nói: «Cái tâm ở con người mà có lòng trắc ẩn, hổ thẹn, cung kính, phân biệt đúng sai thì đồng với sự

---

[32] *Lưu Tử Toàn Thư:* **«Lý tức Khí chi Lý, đoạn nhiên bất tại Khí tiên, bất tại Khí ngoại. Tri thử tắc tri Đạo tâm tức nhân tâm chi bản tâm, nghĩa lý chi Tính tức khí chất chi bản tính.»** 理即氣之理,斷然不在氣先,不在氣外.知此則知道心即人心之本心,義理之性即氣質之本性.

[33] *Lưu Tử Toàn Thư:* **«Tâm chỉ hữu nhân tâm, nhi Đạo tâm giả, nhân chi sở dĩ vi tâm dã. Tính chỉ hữu khí chất chi Tính, nhi nghĩa lý chi Tính giả, khí chất chi sở dĩ vi Tính dã.»** 心只有人心,而道心者,人之所以爲心也.性只有氣質之性,而義理之性者,氣質之所以爲性也.

[34] *Lưu Tử Toàn Thư:* **«Tích nhân giải nhân tâm Đạo tâm, Đạo tâm vi chủ, nhi nhân tâm mỗi thính mệnh yên. Như thử thuyết, thị nhất thân hữu nhị tâm hĩ. Ly khước nhân tâm, biệt vô Đạo tâm. Như tri hàn tư y, tri cơ tư thực, thử tâm chi động thể dã. Đáng ý nhi ý, đáng thực nhi thực, thử tâm chi tĩnh thể dã. Nhiên đáng ý đáng thực, thẩm tư nghĩa lý, tắc dữ tư ý tư thực, nhất thời tịnh đáo. Bất thị thuyết tư ý tư thực liễu, hựu yếu khởi cá đáng ý nhi ý, đáng thực nhi thực đích niệm đầu.»** 昔人解人心道心,道心爲主,而人心每聽命焉.如此說,是一身有二心矣.離卻人心,別無道心.如知寒思衣,知饑思食,此心之動體也.當衣而衣,當食而食,此心之靜體也.然當衣當食,審於義理,則與思衣思食,一時並到.不是說思衣思食了,又要起個當衣而衣,當食而食的念頭.

lưu hành của một Khí. Thánh nhân cũng theo cái trật tự và bất biến này, và gọi tên nó là Tính. Cho nên Lý là Tính của cái hữu hình; Tính là Lý của cái vô hình. Lời "Tính tức là Lý" của Tiên Nho quả thực là huyết mạch của ngàn thánh; tuy nhiên [Tính và Lý] đều do một Khí tạo ra.»[35]

Ở đây Hoàng Tông Hi cũng chấp nhận câu nói «Tính tức là Lý», mà ông cho là «huyết mạch của ngàn thánh». Tuy nhiên ông lại nói «[Tính và Lý] đều do một Khí tạo ra», tức là ông xem Khí là chủ thể.

Đối với vấn đề này, Vương Phu Chi cũng có kiến giải riêng. Ông nói: «Trình Tử lập thuyết về Tính của khí chất, thật là cao vòi vọi. [...] Người mới học chẳng hiểu, nên ngờ rằng con người có hai Tính. Nay tôi bất đắc dĩ mà làm rõ thuyết ấy. Cái gọi là Tính của khí chất giống như nói đến Tính trong khí chất. Chất là hình chất của con người, phạm vi của nó có cái Lý của sự sống ở bên trong. Khí lấp đầy bên trong hình chất. Khí cũng lấp đầy trời đất, bên trong và bên ngoài thân thể con người, cái gì cũng là Khí, nên cái gì cũng là Lý. Lý vận hành trong Khí, làm cái chủ trì và điều phối Khí. Cho nên hình chất hàm chứa Khí, mà Khí hàm chứa Lý. Hình chất hàm chứa Khí, cho nên một cá nhân có sự sống của một cá nhân; Khí hàm chứa Lý, cho nên một cá nhân có Tính của một cá nhân. Do đó trước khi có sự hàm chứa này, thì trong trời đất chỉ có Lý và Khí, chứ chưa có con người. (Vương Phu Chi tự ghi chú: Điều này có nghĩa rằng trước khi có con người thì không có tình trạng hỗn độn; thí dụ như anh A sinh năm giáp tý thì năm quý hợi [tức năm kế trước] chưa có anh A; như thế, một phần Lý và Khí cấp cho anh A còn thuộc ở trời.) Khi Khí đã cư ngụ trong hình chất rồi, thì Khí ắt phải có Lý. Từ người mà nói, thì sự sống và Tính của một cá nhân đều thuộc về sự lưu hành của trời. Ban đầu, [sự sống và Tính] chưa có ở con người, nên chúng ngăn cách, [sau khi con người chết] chúng không trở lại là cái

---

[35] ***Nam Lôi Văn Án:*** **«Kỳ tại nhân nhi vi trắc ẩn, tu ố, cung kính, thị phi chi tâm, đồng thử nhất Khí chi lưu hành dã. Thánh nhân diệc tức tòng thử trật nhi bất biến giả, danh chi vi Tính. Cố Lý thị hữu hình chi Tính; Tính thị vô hình chi Lý. Tiên Nho "Tính tức Lý dã" chi ngôn, chân thiên thánh chi huyết mạch dã, nhi yêu giai nhất Khí vi chi.»** 其在人而爲惻隱，須惡，恭敬，是非之心，同此一氣之流行也．聖人亦即從此秩而不變者，名之爲性．故理是有形之性；性是無形之理．先儒"性即理也"之言，眞千聖之血脈也，而要皆一氣爲之．

thuộc về trời. Tính của khí chất dựa vào Tính bản nhiên duy nhất.»[36]

Trên đây xem Tính của khí chất là Tính trong khí chất, kỳ thực tức là Lý trong khí chất. Tuy nhiên, Lý trong khí chất tức là cái mà Chu Hi gọi là Tính của nghĩa lý. Vương Phu Chi nói tiếp: «Khí ở trời có khi mất sự bình hoà của nó. Khi con người bắt đầu sinh ra, thì nhận lấy Khí ấy. (Vương Phu Chi tự ghi chú: Cái tạo ra hình chất [của người] cũng là Khí.) Do bởi sự mất bình hoà của Khí mà hình chất của con người trở nên không đúng đắn.»[37]

Tính của khí chất mà Chu Hi gọi, chính là nói về phương diện này.

Tóm lại, cái Lý mà các nhà Lý học gọi tự có địa vị của nó trong hệ thống của Nhan Nguyên và những nhà khác. Tuy nhiên, Nhan Nguyên và các nhà ấy cho rằng: Lý không ở ngoài Khí và Tính không ở ngoài khí chất. Điểm này, Lý Cung giảng rõ: «Cái thông hành ở Trời và ở người gọi là Đạo. Chữ "*Lý*"理xuất hiện rất ít trong thánh điển. Cụm từ "*văn Lý*" 文理

---

[36] *Thuyền Sơn Di Thư:* «Trình Tử sáng thuyết cá khí chất chi tính, thù giác tuấn tằng. [...] Sơ học bất ngộ, toại nghi nhân hữu lưỡng tính tại. Kim bất đắc dĩ nhi vi hiển chi. Sở vị khí chất chi tính giả, do ngôn khí chất trung chi tính dã. Chất thị nhân chi hình chất, phạm vi trước hữu sinh lý tại nội. Hình chất chi nội, tắc Khí sung chi. Nhi doanh thiên địa gian, nhân thân dĩ nội, nhân thân dĩ ngoại, vô phi Khí giả, cố diệc vô phi Lý giả. Lý hành hồ Khí chi trung, nhi vi Khí chủ trì phân tễ giả dã. Cố chất dĩ hàm Khí, nhi Khí dĩ hàm Lý. Chất dĩ hàm Khí, cố nhất nhân hữu nhất nhân chi sinh; Khí dĩ hàm Lý, nhất nhân hữu nhất nhân chi Tính dã. Cố đương kỳ vị hàm thời, tắc thả thị thiên địa chi Lý Khí, cái vị hữu nhân giả thị dã. (Tự chú: Vị hữu nhân phi hỗn độn chi vị. Chỉ như Triệu Giáp dĩ giáp tý sinh, đương quý hợi tuế vị hữu Triệu Giáp, tắc Triệu Giáp nhất phân Lý Khí, tiện thuộc chi thiên.) Nãi kỳ ký hữu chất dĩ cư Khí, nhi Khí tất hữu Lý. Tự nhân ngôn chi, tắc nhất nhân chi sinh, nhất nhân chi Tính, nhi kỳ vi thiên chi lưu hành giả, sơ bất dĩ nhân cố trở cách, nhi phi phục thiên chi hữu. Thị khí chất trung chi Tính, y nhất bản nhiên chi Tính dã.» 程子創說個氣質之性，殊覺峻嶒. [...] 初學不悟，遂疑人有兩性在. 今不得已而爲顯之. 所謂氣質之性者，猶言氣質中之性也. 質是人之形質，範圍著有生理在內. 形質之內，則氣充之. 而盈天地間，人身以內，人身以外，無非氣者，故亦無非理者. 理行乎氣之中，而爲氣主持分劑者也. 故質以函氣，而氣以函理. 質以函氣，故一人有一人之生；氣以函理，一人有一人之性也. 故當其未函時，則且是天地之理氣，蓋未有人者是也. (自注：未有人非混沌之謂. 只如趙甲以甲子生，當癸亥歲未有趙甲，則趙甲一分理氣，便屬之天.) 乃其既有質以居氣而氣必有理. 自人言之，則一人之生，一人之性，而其爲天之流行者，初不以人故阻隔，而非復天之有. 是氣質中之性，依一本然之性也.

[37] *Thuyền Sơn Di Thư:* «Phù Khí chi tại thiên, hoặc hữu thất kỳ hoà giả. Đương nhân chi thuỷ sinh, nhi dữ vi kiến lập. (Tự chú: Sở dĩ vi chất giả, diệc Khí vi chi.) Ư thị nhi nhân Khí chi thất, dĩ thành chất chi bất chính.» 夫氣之在天，或有失其和者. 當人之始生，而與爲建立. (自註：所以爲質者，亦氣爲之). 於是而因氣之失，以成質之不正.

[38] trong *Trung Dung* và "*điều Lý*" 條理trong *Mạnh Tử* (Vạn Chương, hạ) đều nói rằng Đạo có trật tự tự nhiên, giống như ngọc có vân, đất có phân vùng. *Dịch* viết: "Suy xét tận tường Lý của sự vật và thấu triệt Tính của chúng để hiểu Mệnh." [39] Lý hiện ở sự vật, Tính đầy đủ trong tâm, Mệnh xuất phát từ Trời; đó cũng là ý nghĩa của điều lý (trật tự).»[40]

Ông còn nói: «Hễ sự vật có điều lý (trật tự) thì gọi là Lý, tức là Lý ở trong sự vật. Nhưng nay có kẻ nói Lý ở trên sự vật, nghĩa là Lý là một sự vật khác. Về việc của trời ta gọi là thiên lý; về việc của người, ta gọi là nhân lý; về việc của vật, ta gọi là vật lý. *Thi Kinh* nói: "Có vật thì có

---

[38] **LAM chú: «Văn lý» chỉ xuất hiện một lần trong *Trung Dung* (chương 31): «Duy thiên hạ chí thánh vi năng [...] *văn lý, mật sát*, túc dĩ hữu biệt dã.» 唯天下至聖爲能[...]文理密察,足以有別也. (Chỉ có bậc chí thánh trong thiên hạ mới có thể [...] "*văn lý mật sát*", đủ để phân biệt). Có hai cách ngắt câu: (1) Theo cấu trúc song song đối ứng (parallelism) trong chương 31, thì phải xem là bốn từ: *văn, lý, mật, sát*. James Legge, Charles Muller, và Tu Wei-ming (Đỗ Duy Minh) đều nhất trí điểm này. Nhưng bốn từ này, các ông hiểu khác nhau. James Legge hiểu: *accomplished* (toàn tài), *distinctive* (độc đáo), *concentrative* (chuyên tâm), *searching* (tìm tòi); Charles Muller hiểu: *refinement* (văn vẻ), *principle* (nguyên lý), *depth* (chiều sâu), *analytical ability* (khả năng phân tích); Tu Wei-ming (Đỗ Duy Minh) hiểu: *pattern* (mẫu mực), *order* (trật tự), *thoroughness* (hoàn toàn), *penetration* (thấu suốt).(2) Có thể ngắt câu, xem là hai từ: *văn lý, mật sát*. Bản *Tứ Thư Độc Bản* của nhóm Tạ Băng Oánh 謝冰瑩(Đài Loan, 1993, tr.58): *Văn lý* 文理= điều lý 條理(trật tự, thứ tự); *mật sát* 密察= tường tế nhi minh biện 詳細而明辨 (phân biệt tỉ mỉ rõ ràng).**

[39] **LAM chú: Câu «*Cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh*» ở trong Thuyết Quái. James Legge dịch: «Do đó, các ngài [tức thánh nhân] phân biện triệt để điều đúng đắn và làm hữu hiệu sự phát triển hoàn bị của bản tính mọi vật, cho đến khi các ngài theo Dịch đạt tới thiên mệnh.» (They thus made an exhaustive discrimination of what was right, and effected the complete development of every nature, till they arrived in the *Yi* at what was appointed for it by Heaven). Richard Wilhelm hiểu *Lý* là «trật tự của ngoại giới» (die Ordnung der Außenwelt), *Tính* là «quy luật của bản chất» (das Gesetz des eignen Innern), và *Mệnh* là «số mệnh»: «Khi suy xét tận cùng cái trật tự của ngoại giới và truy cứu sâu tận cốt lõi quy luật của bản chất từng sự vật, các ngài hiểu được số mệnh.» (Indem sie die Ordnung der Außenwelt bis zu Ende durchdachten und das Gesetz des eignen Innern bis zum tiefsten Kern verfolgten, gelangten sie bis zum Verständnis des Schicksals).**

[40] ***Luận Ngữ Truyện Chú Vấn:* «Tại thiên tại nhân thông hành giả, danh chi vị Đạo. Lý tự tắc thánh kinh thậm thiểu. Trung Dung "văn Lý" dữ Mạnh Tử "điều Lý" đồng ngôn Đạo trật nhiên hữu điều, do ngọc hữu mạch lý, địa hữu phân lý dã. Dịch viết: "Cùng Lý tận Tính, dĩ chí ư mệnh." Lý kiến ư sự, Tính cụ ư tâm, mệnh xuất ư thiên, diệc điều Lý chi nghĩa dã.»** 在天在人通行者,名之謂道.理字則聖經甚少.中庸"文理"與孟子"條理"同言道秩然有條,猶玉有脈理,地有分理也.易曰:"窮理盡性,以至於命." 理建於事,性具於心,命出於天,亦條理之義也.

quy tắc của nó." Lìa sự vật thì chỗ nào là Lý?»[41]

Lý được nói trên đây không khác lắm với cái Lý mà các nhà Lý học gọi. Có điều, Lý Cung cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên sự vật», còn chính ông nói «Lý ở trong sự vật». Đây cũng là điểm mà về sau Đái Chấn (tức Đái Đông Nguyên) dùng để bài bác các nhà Lý học. Về phương diện phát triển tư tưởng mà nói, thì Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn quả thực là những người kế tục của bọn Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, và Vương Phu Chi vậy.

3. Đái Chấn

Đái Chấn 戴震 (1723-1777) tự là Đông Nguyên 東原 và Thận Tu 慎修, người ở Hưu Ninh 休寧, tỉnh An Huy 安徽.[42] Ông sinh năm Ung Chính nguyên niên (tức 1723) đời vua Thanh Thế Tông, mất năm Càn Long 42 (tức 1777) đời vua Thanh Cao Tông. Ông giảng về «cái học Lý và Khí» trong tác phẩm *Nguyên Thiện* 原善 và *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng*

---

[41] ***Luận Ngữ Truyện Chú Vấn:*** **«Phù sự hữu điều Lý viết Lý, tức tại sự trung. Kim viết Lý tại sự thượng, thị Lý biệt vi nhất sự hĩ. Thiên sự viết thiên lý, nhân sự viết nhân lý, vật sự viết vật lý. Thi viết: "Hữu vật hữu tắc." Ly sự vật hà sở vi Lý hồ?»** 夫事有條理曰理，即在事中．今曰理在事上，是理別爲一事矣．天事曰天理，人事曰人理，物事曰物理．詩曰："有物有則．"離事何所以爲理乎?

[42] **LAM chú: Đái Chấn 戴震 người An Huy. Ông hiếu học từ bé; nhà nghèo càng học giỏi. Ông học rộng, nhớ dai; học *Thuyết Văn Giải Tự* trong ba năm, thông thạo các từ cổ; cho đến các lời chú xưa trong bộ *Thập Tam Kinh* ông cũng học thuộc. Năm 23 tuổi, ông viết *Khảo Công Ký* 考工記, rất nổi tiếng. Về sau vì một lý do đặc biệt – các sách chép là chạy trốn kẻ thù, nhưng không rõ vụ việc thế nào – mà ông lên kinh đô, nhưng phải chịu cảnh đói lạnh khốn đốn. Ông đem trứ tác của mình đến yết kiến nhà kinh học và sử học nổi tiếng Tiền Đại Hân 錢大昕 (1728-1804), đàm luận hết cả ngày, được Tiền Đại Hân khen là «bậc kỳ tài trong thiên hạ». Lễ bộ thị lang Tần Huệ Điền 秦蕙田 nhân đó mời ông tham gia biên soạn bộ *Ngũ Lễ Thông Khảo* 五禮通考. Lúc đó ông chưa đỗ đạt gì. Các tân khoa tiến sĩ bấy giờ như Kỷ Quân 紀昀, Vương Minh Thịnh 王鳴盛, Vương Sưởng 王昶, Chu Quân 朱筠 sau khi đọc xong phần ông biên soạn, ai cũng khen, nên không câu nệ mà kết giao với ông; vì thế Đái Chấn rất nổi tiếng ở Bắc Kinh. Tuy vậy, con đường thi cử của ông lại lận đận. 39 tuổi mới đỗ cử nhân, rồi sáu lần thi hội đều hỏng. Đến năm 50 tuổi, cũng chỉ lấy thân phận cử nhân mà đảm nhiệm công tác tu đính *Tứ Khố Toàn Thư*. Ông 52 tuổi thi hội, lại bị hỏng. Hai năm sau thì mất. Đái Chấn học thức uyên bác, và là học giả lừng lẫy thời Càn Long - Gia Khánh đời Thanh. Ông sở trường về khảo chứng, âm vận, huấn hỗ; ông cũng nghiên cứu thiên văn, toán học, lịch pháp, sử học. Tác phẩm: *Mao Trịnh Thi Khảo Chứng* 毛鄭詩考證, *Thi Kinh Bổ Chú* 詩經補注, *Thượng Thư Nghĩa Khảo* 尚書義考, *Nghi Lễ Khảo Chính* 儀禮考正, *Khảo Công Ký Đồ Chú* 考工記圖注, *Đại Học Bổ Chú* 大學補注, *Nguyên Thiện* 原善, *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng* 孟子字義疏證, *Thanh Vận Khảo* 聲韻考, *Thanh Loại Biểu* 聲類表, *Phương Ngôn Sớ Chứng* 方言疏證, *Nhĩ Nhã Văn Tự Khảo* 爾雅文字考, *Thuỷ Kinh Chú* 水經注, *Cổ Lịch Khảo* 古歷考, v.v... Tham khảo: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, 1997, tr.232-235.**

孟子字義疏證. Trong bài tựa của *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng*, ông viết: «Mạnh Tử biện bác Dương Chu và Mặc Địch. Người đời sau quen nghe lời lẽ của Dương Chu, Mặc Địch, Lão Tử, Trang Tử, và Phật, lại còn lấy các lời lẽ ấy làm rối loạn lời của Mạnh Tử. Tôi là kẻ hậu sinh của Mạnh Tử, nên không thể [không bác bỏ các tà thuyết ấy].»[43]

Đái Chấn còn nói: «Trước đời Tống, Khổng Tử và Mạnh Tử tự là Khổng Tử và Mạnh Tử, Lão Tử và Thích Ca tự là Lão Tử và Thích Ca. Kẻ nói về Lão và Thích có lời lẽ cao diệu thì không dựa vào Khổng Tử và Mạnh Tử. Sau đời Tống, sách Khổng Tử và Mạnh Tử mất hết sự giải thích [đúng đắn] của nó, vì nhà Nho đã pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca để giải thích.»[44]

Đái Chấn cho rằng cái học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều «pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca» để giải thích kinh điển. Ông tự cho mình có trách nhiệm bác bỏ cái học của các Đạo học gia, giống như Mạnh Tử từng bác bỏ Dương Chu và Mặc Địch.

a. Đạo và Lý

Đái Chấn đồng quan điểm với Nhan Nguyên và Lý Cung, cho rằng các nhà Lý học đã xem «Lý ở trên sự vật». Đái Chấn còn nói thêm rằng cái học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều «pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca». Ông viết: «Theo Lão Trang và Thích Ca, lấy một cá nhân mà nói, hễ có hình thể là có thần thức, và thần thức được xem là căn bản. Do đó suy ngược lên, họ xem thần là yếu tố căn bản trong trời đất, từ đó họ tìm kiếm cái vô hình vô tích, và xem nó là thực hữu, đồng thời họ xem cái hữu hình hữu tích là hư huyễn. Tống Nho xem hình, khí, thần thức đều là cái riêng của bản thân ta, còn Lý thì nhận được từ trời. Do đó suy ngược lên, họ phân biệt tách bạch Lý với Khí; họ xem Lý cái vô hình vô tích là thực hữu, đồng thời xem cái hữu hình hữu tích là thô. Khai triển lời nói [của Lão Trang và Thích Ca], Tống Nho xem Khí là Khí hư không (hư ảo), xem tâm là thành quách của Tính. Do

---

[43] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Mạnh Tử biện Dương Mặc. Hậu nhân tập văn Dương Mặc Lão Trang Phật chi ngôn, thả dĩ kỳ ngôn cốt loạn Mạnh Tử chi ngôn, thị hựu hậu hồ Mạnh Tử giả chi bất khả dĩ dã.» 孟子辯楊墨，後人習楊墨老莊佛之言，且以其言汩亂孟子之言，是又後乎孟子者之不可已也.

[44] *Đái Đông Nguyên Tập:* «Tống dĩ tiền, Khổng Mạnh tự Khổng Mạnh, Lão Thích tự Lão Thích. Đàm Lão Thích giả, cao diệu kỳ ngôn, bất y phụ Khổng Mạnh. Tống dĩ lai, Khổng Mạnh chi thư, tận thất kỳ giải, Nho giả tạp tập Lão Thích chi ngôn dĩ giải chi.» 宋已前，孔孟自孔孟，老釋自老釋. 談老釋者，高妙其言，不依附孔孟. 宋已來，孔孟之書，盡失其解，儒者雜襲老釋之言以解之.

đó, [Lão Trang và Thích Ca] phân biệt hình và thần là hai [yếu tố] căn bản, cho rằng thần của trời đất cư ngụ trong Khí hư không (hư ảo), và thần của người cư ngụ trong thành quách ấy. Còn [Tống Nho] phân biệt Lý và Khí là hai [yếu tố] căn bản, cho rằng Lý của trời đất cư ngụ trong Khí hư không (hư ảo), và Lý của người cư ngụ trong thành quách ấy.»[45]

Ở câu «[Tống Nho] phân biệt Lý và Khí là hai [yếu tố] căn bản», Đái Chấn tự ghi chú rằng: «Chu Hi nói: "Giữa trời đất có Lý 理 và có Khí 氣. Lý là Đạo thuộc hình nhi thượng, là gốc sinh ra vạn vật. Khí 氣 là Khí 器 (khí vật, vật chất) thuộc hình nhi hạ, là công cụ sinh ra vạn vật."»[46] Ở đây Đái Chấn ghi lại thuyết «Lý ở trên Khí» (Khí thượng hữu Lý 氣上有理) của các nhà Lý học. Để bác bỏ thuyết này, Đái Chấn xem Âm Dương và ngũ hành (mà phái Chu Hi xem là Khí 氣) tức là Đạo. Đái Chấn nói: «Đạo giống như *hành* 行 (lưu hành), Khí biến hoá và lưu hành, sinh sôi mãi không ngừng, cho nên gọi là Đạo. *Kinh Dịch* nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Hồng Phạm nói về ngũ hành: "Một là thuỷ, hai là hoả, ba là mộc, bốn là kim, năm là thổ." *Hành* 行 cũng là từ thông dụng để gọi Đạo.[47] Hễ nêu ra Âm Dương tức là gồm

---

[45] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tại Lão, Trang, Thích thị, tựu nhất thân phận ngôn chi, hữu hình thể, hữu thần thức, nhi dĩ thần thức vi bản. Suy nhi thượng chi, dĩ thần vi hữu thiên địa chi bản, toại cầu chư vô hình vô tích giả vi thực hữu, nhi thị hữu hình hữu tích vi ảo (huyễn). Tại Tống Nho, dĩ hình Khí thần thức đồng vi kỳ chi tư, nhi Lý đắc ư thiên. Suy nhi thượng chi, tư Lý Khí tiệt nhiên phân minh, dĩ Lý đương hữu kỳ vô hình vô tích chi thực hữu, nhi thị hữu hình hữu tích vi thô. Ích tựu bỉ chi ngôn nhi chuyển chi, nhân thị Khí viết không khí, thị tâm viết Tính chi phu quách, thị bỉ biệt hình thần vi nhị bản, nhi trạch ư không khí, trạch ư phu quách giả, vi thiên địa chi thần dữ nhân chi thần. Thử biệt Lý Khí vi nhị bản, nhi trạch ư không khí, trạch ư phu quách giả, vi thiên địa chi Lý dữ nhân chi Lý.»** 在老莊釋氏，就一身分言之，有形體，有神識，而以神識爲本．推而上之，以神爲有天地之本，遂求諸無形跡者爲實有，而視有形有跡爲幻．在宋儒，以形氣神識同爲己之私，而理得由天．推而上之，於理氣截然分明，以理當有其無形無跡之實有，而視有形有跡爲粗．益就彼之言而轉之，因視氣曰空氣，視心曰性之郛郭，是彼見形神爲二本，而宅於空氣，宅於郛郭者，爲天地之神與人之神；至別理氣爲二本，而宅於空氣，宅於郛郭者，爲天地之理與人之理．

[46] **LAM chú: Đây là lời trong thư của Chu Hi phúc đáp Hoàng Đạo Phu 黃道夫. Xin xem lại chú thích 22 của chương 13 trên đây. Có một điểm khác nhau: Nguyên văn của Chu Hi chép là: «*Khí* dã giả, hình nhi hạ chi *Khí* dã, sinh vật chi cụ dã.»** 氣也者，形而下之器也，生物之具也 **(hai chữ Khí 氣 và 器 khác nhau). Lời chú của Đái Chấn chép là:** 氣也者，形而下之氣也，生物之具也 **(hai chữ Khí 氣 là một). Đây không phải là lỗi Phùng Hữu Lan sao chép, mà chính bản *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng* đang phổ biến trên Internet cũng chép y như vậy. Chỗ này tôi dịch theo Chu Hi, không dịch theo trích dẫn của Đái Chấn.**

[47] **LAM chú: Khi giảng *Đạo* cũng có nghĩa là *hành*, Đái Chấn cũng có cùng quan điểm với Đạo giáo. Thuật ngữ *Đạo*, Wilhelm thường dịch là *SINN* (giác quan, tri giác, ý thức, tư tưởng, ý nghĩa), đôi khi ông dịch là *Weg* (con đường) hay *Tao* (phiên âm chữ Hán). Trong phần dẫn nhập của bản dịch *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, ông giải thích: «Về cách dịch đúng của từ [Đạo] này,**

ngay từ đầu đã có nhiều bất đồng ý kiến. *Gott* (Thượng Đế), *Weg* (Con đường), *Vernunft* (Lý tính, Lý trí), *Wort* (Lời) chỉ là một vài cách dịch được đề nghị, trong khi một số nhà phiên dịch chỉ mượn thẳng "Tao" (Hán âm của từ này) vào các ngôn ngữ Âu Châu. [...] Chúng tôi đã chọn từ "Sinn" một cách tổng quát.» (In Beziehung auf die richtige Übersetzung dieses Wortes herrschte von Anfang an viel Meinungsverschiedenheit. «Gott», «Weg», «Vernunft», «Wort» sind nur ein paar der vorgeschlagenen Übersetzungen, während ein Teil der Übersetzer einfach das «Tao» unübertragen in die europäischen Sprachen herübernimmt. [...] Es wurde von uns durchgängig das Wort Sinn gewählt). Trong bản dịch *Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ*, 太乙金華宗旨 (trang 70) Wilhelm giải thích: «Đạo thống ngự con người giống như thống ngự bản thể vô hình và hữu hình (thiên và địa). Chữ *Đạo* nguyên thể gồm có chữ *Thủ* (đầu) – mà có lẽ phải dịch nó là *sự khởi đầu* – hợp với bộ *Sước* (đi), và kỳ thực trong tự thể kép nó có nghĩa là *quỹ đạo*. Bên dưới của bộ *Sước* là chữ *Chỉ* (đứng yên) mà trong cách viết về sau nó bị lược đi. Như vậy ý nghĩa nguyên thuỷ của chữ Đạo là "một quỹ đạo nhất định dẫn trực tiếp từ một khởi điểm đến một mục tiêu". Ý cơ bản ở đây là: mặc dù tự thân tĩnh tại nhưng Đạo làm phương tiện cho mọi chuyển động và nó đặt ra quy luật cho chúng. Thiên đạo là những con đường mà các chòm sao đi. Nhân đạo là con đường mà con người đi.» (Das *Tao*, der *Weltsinn*, Weg, beherrscht daher den Menschen ebenso wie die unsichtbare und die sichtbare Natur [Himmel und Erde]. Das Zeichen Tao in seiner ursprünglichen Form besteht aus einem Kopf, der wohl als «Anfang» gedeutet werden muß, dann dem Zeichen für «Gehen», und zwar in seiner Doppelform, in der es auch «Geleise» bedeutet, und darunter dann noch das Zeichen «stehen bleiben», das in der späteren Schreibweise weggelassen wird. Die ursprüngliche Bedeutung ist also: «ein Geleise, das – selber feststehend – von einem Anfang aus direkt zum Ziel führt.» Es liegt also der Gedanke zugrunde, daß es, selber unbewegt, alle Bewegungen vermittelt und ihr das Gesetz gibt. Himmelsbahnen sind die Bahnen, auf denen sich die Gestirne bewegen; die Bahn des Menschen ist der Weg, auf dem er wandeln soll). Phân tích sâu hơn về chữ Đạo, có thể tìm thấy trong *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đái Nguyên Trường 戴源長 và Lý Lạc Cầu 李樂俅 (trang 150): «Chữ *Đạo* được hợp thành bởi hai điểm và một nét ngang ở trên, chữ *tự* 自 ở giữa, và chữ *sước* 辶 ở dưới. Chấm bên trái chìm xuống là Âm, chấm bên phải nổi lên là Dương. Nét ngang (chữ *nhất*) là Âm Dương hợp nhất.» (Đạo tự vi thượng lưỡng điểm nhất hoạch, trung nhất tự tự, hạ nhất sước tự hợp thành. Tả điểm hạ trầm vi Âm, hữu điểm thượng phù vi Dương, nhất hoạch vi Âm Dương hợp nhất 道字爲上兩點一畫，中一自字，下一辶字合成．左點下沉爲陰，有點上浮爲陽．一畫爲陰陽合一). *Khang Hi tự điển* và Bài học chiết tự 112 E trong sách *Hán Tự* (Caractères Chinois) của Léon Wieger giải thích rõ chữ *sước* mà ta có thể tóm tắt như sau: *Sước* 辶 nghĩa là «lúc đi, lúc dừng» (sạ hành sạ chỉ 乍行乍止), gồm có 彳 tức là *sách* 彳 (nửa bước chân trái) ở trên – nửa bước chân phải là *súc* ; *sách* 彳 và *súc* hợp lại ra chữ *hành* 行 (đi) – và *chỉ* 止 (dừng lại) ở dưới. *Sước* 辶 có hai biến thể: hoặc thành 辶 (như trong chữ Đạo 道); hoặc tách *sách* 彳 và *chỉ* 止 ngang nhau (như trong các chữ *tòng* 從, *đồ* 徒, *tỷ* 徙). Những nhà chú giải bình thường đều giải rằng Đạo là «những quy luật biến hoá của vạn vật trong vũ trụ», nhưng các phân tích trên đây về chữ *Đạo* 道 dẫn đến kết luận rằng: (1) Đạo là Âm Dương hợp nhất (*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo*), tức là Thái Cực, tức là Nhất. (2) Đạo gồm *thủ* 首 và *sước* 辶, tức là liên quan đầu và chân, suy rộng là: Đạo bao quát *thuỷ* và *chung*. (3) *Sước* 辶 là «lúc đi, lúc dừng», tức là Đạo bao gồm cả động và tĩnh. (4) Yếu tố *tự* 自 nghĩa là tự thân mỗi thứ và mỗi loài trong vũ trụ đều có Đạo. Ở con người, Đạo tàng ẩn trong đầu não (*thủ* 首).

luôn ngũ hành, vì Âm và Dương mỗi cái đều có đủ ngũ hành; hễ nêu ra ngũ hành tức là gồm luôn Âm Dương, vì mỗi hành trong ngũ hành đều có Âm và Dương vậy.»[48]

Sau đoạn văn trên, Đái Chấn nói: «Âm Dương ngũ hành là thực thể của Đạo.» (Âm Dương ngũ hành Đạo chi thực thể dã 陰陽五行道之實體也). Ông xem thực thể của Âm Dương ngũ hành là thực thể của Đạo. Đạo là Khí chứ không phải là cái Lý trừu tượng vượt trên thời gian và không gian. Ở đây ý kiến của ông tương đồng ý kiến của Nhan Nguyên. Nhan Nguyên xem nhị khí (Âm Dương) và tứ đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) là Thiên Đạo. Tuy nhiên, Nhan Nguyên dùng tứ đức thì ông dùng ngũ hành, có lẽ vì tứ đức có ý vị đạo đức qua chữ «Lý» (nguyên lý).

Về sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ, Đái Chấn nói: «Khí hoá 氣化ở phẩm vật, thì có sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ. Hình là ý nói phẩm vật, chứ không phải là Khí hoá. [...] Hình ý nói đã thành hình chất. Nói về hình nhi thượng giống như nói trước khi có hình; nói về hình nhi hạ giống như nói sau khi có hình. Âm Dương chưa thành hình chất, thì gọi là hình nhi thượng, chứ không phải hình nhi hạ, điều ấy rõ ràng rồi. Khí 器(khí vật, dụng cụ) ý nói đã tạo thành thì bất biến; Đạo 道 ý nói đã thể hiện ở vật thì không thể mất. Chẳng những Âm Dương không phải là hình nhi hạ, mà ngũ hành (thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ) cũng không phải là hình nhi hạ nữa. Cái nào có chất có thể nhìn thấy, cố nhiên là hình nhi hạ, tức là khí 器(khí vật, dụng cụ). Khí 氣của ngũ hành (tức là cái mà người và vật cùng bẩm thụ) là hình nhi thượng vậy.»[49]

---

[48] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Đạo do hành dã, Khí hoá lưu hành, sinh sinh bất tức, thị cố vị chi Đạo. Dịch viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Hồng Phạm ngũ hành: "Nhất viết thuỷ, nhị viết hoả, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ." Hành diệc Đạo chi thông xưng. Cử Âm Dương tắc cai ngũ hành, Âm Dương các cụ ngũ hành dã; cử ngũ hành tức cai Âm Dương, ngũ hành các hữu Âm Dương dã.» 道猶行也，氣化流行，生生不息，是故謂之道．易曰："一陰一陽之謂道．"洪範五行："一曰水，二曰火，三曰木，四曰金，五曰土．"行亦道之通稱．舉陰陽則賅五行，陰陽各具五行也；舉五行即賅陰陽，五行各有陰陽也．

[49] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Khí hoá chi ư phẩm vật, tắc hình nhi thượng hạ chi phân dã. Hình nãi phẩm vật chi vị, phi khí hoá chi vị. [...] Hình vị dĩ thành hình chất. Hình nhi thượng do viết hình dĩ tiền, hình nhi hạ do viết hình dĩ hậu. Âm Dương chi vị thành hình chất, thị vị hình nhi thượng giả dã, phi hình nhi hạ minh hĩ. Khí ngôn hồ nhất thành nhi bất biến; Đạo ngôn hồ thể vật nhi bất khả dĩ. Bất đồ Âm Dương thị phi hình nhi hạ, như ngũ hành thuỷ hoả mộc kim thổ, hữu chất khả kiến, cố hình nhi hạ dã, Khí dã. Kỳ ngũ hành chi khí, nhân vật hàm bẩm thụ ư thử, tắc hình nhi thượng giả dã.» 氣化之於品物，則形而上下之分也．形乃品物之謂，非氣化之謂．[...] 形謂已成形質．形而上猶曰形以前，形而下猶曰形以後．陰陽之未成形質，是謂形而上者也，非形而下明矣．器言乎一成而不變；道言乎體物而不可遺．不徒陰陽是非形而下，如五行水火木金土，有質可見，固形而下也，器也．其五行之氣，人物咸稟受於此，則形而上者也．

Khí 氣 của Âm Dương ngũ hành tức là Đạo. Người và vật bẩm thụ Khí này mà bắt đầu có hình chất; đó gọi là Khí hoá. Nhưng bản thân của Khí này không có hình chất. Chỉ do không có hình chất nên nó là Đạo thuộc hình nhi thượng. Cái có hình chất tức là khí 器 (khí vật, dụng cụ) thuộc hình nhi hạ. Như vậy Khí của ngũ hành không phải là những thứ cụ thể có hình chất mà ta nhìn thấy, như nước, lửa, gỗ, kim loại, đất. Bởi vì cái gì có hình chất mà ta nhìn thấy, tức là khí vật thuộc hình nhi hạ.



Đái Chấn

Bảo rằng sự sinh ra và trưởng thành của người và vật rốt cuộc đều là Khí hoá, như vậy trong hệ thống của Đái Chấn cơ hồ không cần có cái Lý mà các nhà Lý học gọi. Tuy nhiên ở đây nảy sinh câu hỏi: Sự biến hoá của Khí có tính chất tạp loạn hay là noi theo một trật tự nhất định? Đái Chấn cho rằng sự lưu hành của Âm Dương ngũ hành vốn noi theo một trật tự: «Sự biến hoá không ngừng của trời đất tức là Đạo. Chẳng phải chăng một Âm và một Dương tác động mà sinh sôi ư? Chẳng phải sự sinh sôi ấy có trật tự ư? [...] Sự sinh sôi ấy là lòng nhân ái. Chưa từng có sự sinh sôi mà chẳng có trật tự. Sự tự nhiên lớp lang của trật tự ấy là sự thể hiện tột cùng của lễ. Sự phân minh của trật tự ấy là sự thể hiện tột cùng của nghĩa.»[50]

Đái Chấn còn nói: «Đối với trời, đất, người, vật, sự việc, hoạt động, ta chưa hề nghe nói rằng chúng không có Lý. *Thi Kinh* nói "hễ có vật thì có nguyên tắc của nó", đúng vậy. *Vật* là cái tên ám chỉ thực thể hay sự vật thực của nó; *tắc* là cái tên gọi sự thuần tuý trung chính của nó. Thực thể hay sự vật thực, chẳng gì khác hơn là sự tự nhiên, nhưng nó quy về sự tất nhiên cần có cái Lý của trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động. Bất kể độ lớn của trời và đất, sự phồn tạp của người và vật, sự phức tạp của sự việc và hoạt động, hễ mỗi thứ có được cái Lý của nó rồi thì nó như vật thẳng đứng theo dây dọi, vật nằm ngang theo mặt nước nằm ngang, vật tròn theo thước tròn (com-pa), vật vuông theo thước vuông (ê-ke), sau đó Lý còn là chuẩn mực của muôn đời trong thiên hạ. Kinh Dịch nói: "Hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo

[50] *Đái Đông Nguyên Tập* (Độc Dịch Hệ Từ Luận Tính): «Thiên địa chi hoá bất dĩ giả, Đạo dã. Nhất Âm nhất Dương kỳ sinh sinh hồ? Kỳ sinh sinh nhi điều lý hồ? [...] Sinh sinh, nhân dã. Vị hữu sinh sinh nhi bất điều lý giả. Điều lý chi trật nhiên, lễ chí giả dã. Điều lý chi tiệt nhiên, nghĩa chí giả dã.» 天地之化不已者，道也．一陰一陽，其生生乎？其生生而條理乎？[...] 生生，仁也．未有生生而不條理者．條理之秩然，禮至者也．條理之截然，義至者也．

thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần?" [51] [...] Hễ như thế, tức là đắc Lý; đó gọi là có được sự tán đồng chung của nhân tâm. [...] Tôn vinh cái Lý ấy mà nói rằng trời đất (hay Âm Dương) không đủ để sánh với nó, điều ấy tất có nghĩa là phủ nhận cái Lý của trời đất (hay Âm Dương). [...] Đối với trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động, nếu ta mong chúng cứ tất nhiên như thế không thể dịch chuyển, thì Lý của chúng hết sức rõ ràng. Tuy nhiên có kẻ tôn vinh Lý, không chỉ nói đến Lý của trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động, mà còn nói rằng Lý ở khắp nơi, và xem nó như thể là vật chất. Điều ấy khiến cho người học đi tìm vật ấy cho đến bạc đầu cũng chẳng được.»[52]

---

[51] **LAM chú: Nguyên văn trong Văn Ngôn quẻ Càn: «Phù đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung, *tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ, huống ư quỷ thần hồ!*»** 夫大人者與天地合其德，與日月合其明，與四時合其序，與鬼神合其吉凶，先天而弗違，後天而奉天時．天且弗違，而況於人乎，況於鬼神乎**(Đại nhân hoà hợp đức của mình với trời, hoà hợp sự sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hoà hợp trật tự của mình với bốn mùa, hoà hợp sự may rủi của mình với quỷ thần. Đại nhân hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần!)**

[52] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Thiên địa, nhân vật, sự vi, bất văn vô khả ngôn chi Lý giả dã. Thi viết "hữu vật hữu tắc" thị dã. Vật giả, chỉ kỳ thực thể thực sự chi danh; tắc giả, xưng kỳ thuần tuý trung chính chi danh. Thực thể thực sự, vãng phi tự nhiên, nhi quy ư tất nhiên, thiên địa, nhân vật, sự vi chi Lý đắc hĩ. Phù thiên địa chi đại, nhân vật chi phiền, sự vi chi uỷ khúc điều phân, cẩu đắc kỳ Lý hĩ, như trực giả chi trung huyền, bình giả chi trung thuỷ, viên giả chi trung quy, phương giả chi trung củ, nhiên hậu thôi chư thiên hạ vạn thế nhi chuẩn. Dịch xưng "Tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỷ thần hồ?" [...] Phù như thị, thị vi đắc Lý, thị vị tâm chi sở đồng nhiên. [...] Tôn thị lý nhi vị thiên địa Âm Dương bất túc dĩ đương chi, tất phi thiên địa Âm Dương chi Lý tắc khả. [...] Cử phàm thiên địa, nhân vật, sự vi, cẩu kỳ tất nhiên bất khả dịch, Lý chí minh hiển dã. Tòng nhi tôn đại chi, bất đồ viết thiên địa, nhân vật, sự vi chi Lý, nhi chuyển kỳ ngữ viết "Lý vô bất tại", thị chi "như hữu vật yên", tương sử học giả hạo thủ mang nhiên, cẩu kỳ vật bất đắc.»** 天地，人物，事爲，不聞無可言之理者也．詩曰"有物有則"是也．物者，指其實體實事之名；則者，稱其純粹中正之名．實體實事，罔非自然，而歸於必然，天地，人物，事爲之理得矣．夫天地之大，人物之蕃，事爲之委曲條分，苟得其理矣，如直者之中懸，平者之中水，圓者之中規，方者之中矩，然後推諸天下萬世而準．易稱"先天而天弗違，後天而奉天時．天且弗違，而況人乎？況於鬼神乎？" [...] 夫如是，是爲得理，是謂心之所同然．[...] 尊是理而謂天地陰陽不足以當之，必非天地陰陽之理則可．[...] 舉凡天地，人物，事爲，求其必然不可易，理至明顯也．從而尊大之，不徒曰天地，人物，事爲之理，而轉其語曰"理無不在"，視之"如有物焉"，將使學者皓首茫茫，求其物不得．

Trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động đều có cái Lý của chúng. Chúng là thực thể hay sự vật thực; chúng là tự nhiên. Lý của chúng thì phải thế, tất nhiên như thế, không thể dịch chuyển, và còn là chuẩn mực của muôn đời trong thiên hạ. Trời và quỷ thần không thể chống lại nó. Đái Chấn nói: «Chỉ cái thứ tự ấy là sinh sôi; nếu thứ tự ấy mất, thì nguyên lý của sự sinh sôi ấy dứt.» Do đó, Đái Chấn cũng nhìn nhận sự tồn tại của cái Lý khách quan; nó không phải là thực thể hay sự vật thực trong cõi tự nhiên, mà là cái để cho thực thể hay sự vật thực nương vào. Chỗ bất đồng giữa Đái Chấn với các nhà Lý học là: (1) Về phương diện danh từ: Cái mà các nhà Lý học gọi là Đạo thì ông không gọi là Đạo. (2) Về phương diện kiến giải: Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí, hoặc ở trước Khí», còn tự ông nói «Lý ở trong Khí». Đái Chấn nói giống như Lý Cung. Lý Cung cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên sự vật», còn chính ông nói «Lý ở trong sự vật». Tranh luận về phương diện thì không quan trọng, nhưng về phương diện kiến giải, khi các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí» tức là họ nói theo lô-gíc. Về phương diện thực tế, các nhà Lý học nói rằng: «Không có cái Khí 氣 nào mà không có Lý; Không có cái Lý nào mà không có Khí.» Nói vậy, tức là Lý ở trong Khí. Do đó sự khác biệt chính là các nhà Lý học cho rằng «Lý ở trước Khí». Theo Đái Chấn, các nhà Lý học «tôn vinh cái Lý ấy mà nói rằng trời đất (hay Âm Dương) không đủ để sánh với nó, điều ấy tất có nghĩa là phủ nhận cái Lý của trời đất (hay Âm Dương).» Lý của trời đất (hay Âm Dương) không phải là trời đất (hay Âm Dương). Các nhà Lý học nói như thế thì được, nhưng không thể nhân cái Lý của trời đất (hay Âm Dương) mà nói: Không có trời đất (hay Âm Dương) nên không có Lý của trời đất (hay Âm Dương). Các nhà Lý học nói Lý tồn tại khắp nơi, tất cả vạn vật đều có Lý. Đái Chấn cũng nói: «Mỗi vật đều có sự điều lý (trật tự) của nó, mỗi hành động đều có cái đúng của nó.» Nếu Đái Chấn nhận rằng «đối với trời, đất, người, vật, sự việc, hoạt động, ta chưa hề nghe nói rằng chúng không có Lý», thì tại sao ông không thể nói Lý tồn tại khắp nơi? Các nhà Lý học chưa từng xem Lý là một vật. Họ xem Lý là cái trên hình, tức là Lý không phải là một vật. Tóm lại, về vấn đề Lý và Khí, điểm khác nhau giữa Đái Chấn và các nhà Lý học là: Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí, hoặc ở trước Khí», còn tự ông nói «Lý ở trong Khí». Theo thuật ngữ triết học Tây phương mà nói, Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý siêu vượt trên thế giới (transcendent)», còn tự ông nói «Lý ở trong thế giới (immanent)». Đấy là kiến giải nhất trí của Đái Chấn với Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, Vương Phu Chi, Nhan Nguyên, và Lý Cung.

b. Tính và Tài

Còn một điểm bất đồng khác giữa Đái Chấn và các nhà Lý học. Các nhà Lý học cho rằng mỗi con người đều có một Thái Cực. Thái Cực trong nhân tâm tức là Tính của chúng ta. Thái Cực là toàn thể các Lý. Cho nên Tính của chúng ta cũng có đủ các Lý. Đái Chấn bác bỏ thuyết ấy, ông nói: «*Đại Đái Lễ Ký* chép: "Cái được phân ra từ Đạo gọi là Mệnh; cái thể hiện ở mỗi sự vật gọi là Tính." Điều ấy nói rằng người và vật tồn tại là do được phân ra từ Âm Dương và ngũ hành, nhưng mỗi người và mỗi vật bị giới hạn ở sự phân chia ấy, mà tạo thành Tính của mình. Âm Dương và ngũ hành là thực thể của Đạo. Huyết khí và tâm trí là thực thể của Tính. Có thực thể, nên có thể phân chia. Có phân chia, nên chúng không ngang bằng nhau.»[53]

Đái Chấn nói «huyết khí và tâm trí là thực thể của Tính» thì cũng như Nhan Nguyên nói «Tính và hình đều là cái trời phú cho» (Tính hình câu thị thiên mệnh 性形俱是天命). Đái Chấn còn nói: «Tính là cái được phân ra từ Âm Dương và ngũ hành, qua đó tạo thành huyết khí và tâm trí; và chủng loại của vật thì khác nhau để phân biệt. Sau khi người và vật được sinh ra rồi, sự mà chúng có, năng lực mà chúng đủ, đức mà chúng toàn vẹn, luôn xem Tính là gốc. Cho nên *Kinh Dịch* nói: "Cái tạo thành vạn vật là Tính."[54] Khí biến hoá sinh ra người và vật, rồi sau đó mỗi loài tự theo chủng loại của mình mà tiếp tục sinh sôi mãi. Tuy nhiên, sự khu biệt các loài từ ngàn xưa tới nay vẫn thế, chỉ noi theo mẫu cũ của từng loại mà thôi. [...] Một khi nói đến sự phân chia, thì chúng bị giới hạn ngay từ đầu: lệch lạc hay toàn vẹn, dầy hay mỏng, trong hay đục, tối tăm hay sáng láng khác nhau; mỗi thứ tuỳ theo sự phân chia riêng cho mình mà có Tính của mình. Tính của chúng khác nhau; đại khái thì người ta lấy chủng loại

---

[53] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Đại Đái Lễ Ký viết: "Phân ư Đạo vị chi mệnh, hình ư nhất vị chi tính." Ngôn phân ư Âm Dương ngũ hành, dĩ hữu nhân vật, nhi nhân vật các hạn ư sở phân, dĩ thành kỳ tính. Âm Dương ngũ hành, Đạo chi thực thể dã. Huyết khí tâm trí, tính chi thực thể dã. Hữu thực thể, cố khả phân. Duy phân dã, cố bất tề.»** 大戴禮記曰："分於道謂之命，形於一謂之性." 言分於陰陽五行，以有人物，而人物各限於所分，以成其性.陰陽五行，道之實體也.血氣心知，性之實體也.有實體，故可分.惟分也，故不齊.

[54] **LAM chú: Hệ Từ Thượng: «Kế chi giả thiện dã, thành chi giả Tính dã.»** 繼之者善也，成之者性也**(Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là Tính).**

để phân biệt chúng.»[55]

Đái Chấn xem chủng loại là thường tồn. Mỗi cá thể trong mỗi chủng loại là do khí hoá mà sinh ra. Nếu suy cho kỹ, Đái Chấn vô tình đi đến thuyết «cộng tướng bất biến». Ông xem vật trong mỗi chủng loại có sự bẩm thụ Khí khác nhau: lệch lạc hay toàn vẹn, dầy hay mỏng, trong hay đục, tối tăm hay sáng láng, nhưng về đại thể thì chúng tương đồng. Còn sự khác biệt giữa chủng loại này với chủng loại khác, ông cho rằng «chủng loại của vật thì khác nhau để phân biệt». Do đó Tính của trâu không thể so sánh với Tính của người; Tính của người không thể so sánh với Tính của chó.

Đái Chấn còn phân biệt Tính và Tài: «Khí biến hoá sinh ra người và vật. Nếu căn cứ sự giới hạn của người và vật ở chỗ phân ra từ Khí mà nói, thì Khí được gọi là Mệnh 命; nếu căn cứ gốc gác ban đầu của người và vật mà nói, thì Khí được gọi là Tính 性; nếu căn cứ thể chất của người và vật mà nói, thì Khí được gọi là Tài 才. Do cái Tính được hình thành ở mỗi loài mỗi thứ khác nhau, nên Tài chất 才質 của chúng cũng khác nhau. Tài chất là phần được phô bày của Tính. Nếu vất bỏ Tài chất [của người hay vật], làm sao ta có thể nhìn thấy cái gọi là Tính? [...] Thí dụ như Tính của quả đào hay quả hạnh đều là chất màu trắng trong hạt của nó, tiềm tàng đủ hình dáng, màu sắc, mùi, vị [của quả đào hay quả hạnh về sau], nhưng ta không thể thấy được chúng. Đến khi hạt nảy mầm, nứt vỏ, mọc lên thân, cành, lá, thì cây đào và cây hạnh khác nhau. Từ đó có hoa có quả và hình dáng, màu sắc, mùi, vị của chúng đều phân biệt rõ ràng. Tuy Tính tạo ra chúng như thế, nhưng ta đều căn cứ vào Tài mà

---

[55] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tính giả, phân ư Âm Dương ngũ hành, dĩ vi huyết khí tâm tri, phẩm vật khu dĩ biệt yên. Cử phàm kỷ sinh dĩ hậu, sở hữu chi sự, sở cụ chi năng, sở toàn chi đức, hàm dĩ thị vi kỳ bản. Cố Dịch viết: "Thành chi giả tính dã." Khí hoá sinh nhân sinh vật, dĩ hậu các dĩ loại tự sinh cửu hĩ. Nhiên loại chi khu biệt, thiên cổ như thị dã, tuần kỳ cố nhi dĩ hĩ. [...] Nhất ngôn hồ phân, tắc kỳ hạn chi ư thuỷ, hữu thiên toàn, hậu bạc, thanh trọc, hôn minh chi bất tề, các tuỳ sở phân nhi hình ư nhất, các thành kỳ tính dã. Nhiên tính tuy bất đồng, đại trí dĩ loại vi chi khu biệt.»** 性者，分於陰陽五行，以爲血氣心知（智），品物區以別焉．舉凡既生以後，所有之事，所具之能，所全之德，咸以是爲其本．故易曰："成之者性也．"氣化生人生物，以後各以類滋生久矣．然類之區別，千古如是也，循其故而已矣．[...] 一言乎分，則其限之於始，有偏全，厚薄，清濁，昏明之不齊，各隨所分而形於一，各成其性也．然性雖不同，大致以類爲之區別．

thấy [sự khác biệt].»[56]

Do đấy mà nói, Tính là tiềm năng, còn Tài là hiện thực. Tiềm năng không thấy được, ắt phải đợi nó thành hiện thực rồi ta mới biết được. Cái Tính này là cái cụ thể, nó khác với cái Tính mà các nhà Lý học gọi.

Phùng Hữu Lan chú:

Ý này của Đái Chấn thì Trần Xác đã nói rồi. Trần Xác 陳確 tức Trần Càn Sơ 陳乾初 (1604-1677), người Hải Ninh 海寧, tỉnh Chiết Giang, cùng Hoàng Tông Hi theo học Lưu Tông Chu. Hoàng Tông Hi nói về Trần Xác rằng: «Cái học của Thầy mười phần thì anh Trần đã đạt được bốn, năm phần.» Trần Xác luận về Tính rằng: «Câu nói "Ai phát triển triệt để tâm của mình thì sẽ biết Tính của mình" (Tận kỳ tâm giả, tri kỳ Tính dã) là ý tưởng cơ bản của Mạnh Tử về Tính thiện. Tính của người luôn thiện. Sau khi ta phát triển rộng Tài thì ta mới thấy Tính. Thí dụ như Tính của ngũ cốc, nếu ta không cày xới, nhổ cỏ dại, và vun trồng, thì sao biết được cái đẹp do hạt sinh ra? [...] Do đó, sau khi được vun trồng và lúa chín rồi, thì Tính của ngũ cốc tốt sẽ hoàn toàn. Nếu lười biếng vun trồng thì thu hoạch sẽ khác, vậy thì ta sẽ không đúng nếu nói Tính của lúa mạch vốn là tốt hay xấu. Sự hàm dưỡng đã chín muồi thì Tính của người quân tử mới hoàn toàn. Kính cẩn hay phóng túng thì thành quả sẽ khác, vậy thì ta sẽ không đúng nếu nói Tính của con người vốn là tốt hay xấu.» Hoàng Tông Hi bác bỏ ý của Trần Xác rằng: «Tính vốn thiện, cho dù thế nào thì rốt cuộc nó vẫn thiện. Có phát triển rộng Tài thì Tính cũng không có chỗ tăng; không phát triển rộng Tài thì Tính cũng không có chỗ giảm.» Lời này của Hoàng Tông Hi giống như lời Chu Hi, vì Chu Hi cho rằng Tính giống như ngọc báu rơi vào chỗ nước dơ bẩn đục ngầu.[57] Hoàng Tông Hi còn nói: «Tâm không có bản thể; cái mà ta nỗ lực đạt tới tức là bản thể.» Nói lời này,

---

[56] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Khí hoá sinh nhân sinh vật, cứ kỳ hạn ư sở phân nhi ngôn vị chi mệnh; cứ kỳ vi nhân vật chi bản thuỷ nhi ngôn vị chi Tính; cứ kỳ thể chất nhi ngôn vị chi Tài. Do thành Tính các thù, cố Tài chất diệc thù. Tài chất giả, Tính chi sở trình dã. Xả Tài chất, an đổ sở vị Tính tai? [...] Như đào hạnh chi Tính, toàn ư hạch trung chi bạch, hình sắc xú vị, vô nhất phất cụ, nhi vô khả kiến. Cập manh nha giáp sách, căn cán chi diệp, đào dữ hạnh các thù. Do thị vi hoa vi thực, hình sắc xú vị, vô bất khu dĩ biệt giả, tuy Tính tắc nhiên, giai cứ Tài kiến chi nhĩ.»** 氣化生人生物，據其限於所分而言謂之命；據其爲人物之本始而言謂之性；據其體質而言謂之才．由成性各殊，故才質亦殊．才質者，性之所呈也．舍才質，安睹所謂性哉？[...] 如桃杏之性，全於核中之白，形色臭味，無一弗具，而無可見．及萌芽甲坼，根榦枝葉，桃與杏各殊．由是爲華爲實，形色臭味，無不區以別者，雖性則然，皆據才見之耳．

[57] **LAM chú: Xin xem chú thích 62 của chương 13.**

có lẽ Hoàng Tông Hi chịu ảnh hưởng của Trần Xác. (Ở đây tôi viết theo thuyết của Tiền Mục).

Đái Chấn cho rằng trong Tính của huyết khí và tâm trí ở con người có ba phương diện: Tình 情, Dục 欲, Trí 知(智): «Con người sau khi sinh ra thì có *dục* (ham muốn), *tình* (tình cảm), và *trí* (lý trí). Chúng là ba cái tự nhiên của huyết khí và tâm trí. Cái gợi ham muốn là âm thanh, sắc đẹp, mùi, vị; do đó mà có yêu và sợ. Cái phát ra tình cảm là mừng, giận, buồn, vui; do đó mà có ưu sầu và sướng khoái. Cái phân biệt ở trí là đẹp, xấu, đúng, sai; do đó mà có ưa và ghét. Lòng ham muốn âm thanh, sắc đẹp, mùi, vị để nuôi dưỡng sự sống. Tình cảm mừng, giận, buồn, vui để tiếp đãi sự vật. Trí phân biệt đẹp xấu, đúng sai, phát triển tối đa thì thông với trời đất và quỷ thần. [...] Chỉ khi nào có ham muốn, có tình cảm mà lại có thêm lý trí, thì sau đó ham muốn mới được thoả và tình cảm mới đạt. Sự việc trong thiên hạ chẳng qua khiến người ta ham muốn mà chẳng thoả lòng, có tình cảm mà chẳng thấu đạt.»[58]

Chỉ khi nào có trí thì người ta mới biết được Lý của vạn vật trong trời đất. Đái Chấn nói: «Khí hoá lưu hành, sinh sôi chẳng ngừng, đó là nhân ái. Do sự sinh sôi ấy mà tự có điều lý (trật tự). Xem xét sự tự nhiên của điều lý có thứ tự, thì có thể biết lễ. Xem xét sự phân minh của điều lý không thể loạn, thì có thể biết nghĩa.»[59]

Con người có trí thì có thể biết Lý, nên có thể từ sự tự nhiên mà biết cái tất nhiên. Đái Chấn nói: «Tai có thể phân biệt âm thanh trong thiên hạ; mắt có thể phân biệt sắc đẹp trong thiên hạ; mũi có thể phân

[58] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Nhân sinh nhi hậu hữu dục, hữu tình, hữu tri (trí), tam giả, huyết khí tâm tri (trí) chi tự nhiên dã. Cấp ư dục giả, thanh sắc xú vị dã, nhi nhân hữu ái uý. Phát hồ tình giả, hỉ nộ ai lạc dã, nhi nhân hữu thảm thư. Biện ư tri giả, mỹ xú thị phi dã, nhi nhân hữu hiếu ố. Thanh sắc xú vị chi dục, tư dĩ dưỡng kỳ sinh. Hỉ nộ ai lạc chi tình, cảm nhi tiếp ư vật. Mỹ xú thị phi chi tri (trí), cực nhi thông ư thiên địa quỷ thần. [...] Duy hữu dục hữu tình nhi hựu hữu tri (trí), nhiên hậu dục đắc toại dã, tình đắc đạt dã. Thiên hạ chi sự, sử dục chi đắc toại, tình chi đắc đạt, tư dĩ hĩ.»** 人生而後有欲,有情,有知(智);三者,血氣心知(智)之自然也.給於欲者,聲色臭味也,而因有愛畏.發乎情者,喜怒哀樂也,而因有慘舒.辨於知(智)者,美醜是非也,而因有好惡.聲色臭味之欲,資以養其生.喜怒哀樂之情,感而接於物.美醜是非之知(智),極而通於天地鬼神.[...] 惟有欲有情而又有知(智),然後欲得遂也,情得達也.天下之事,使欲之得遂,情之得達,斯已矣.

[59] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Khí hoá lưu hành, sinh sinh bất tức, nhân dã. Do kỳ hữu sinh sinh, hữu tự vi chi điều lý, quan ư điều lý chi trật nhiên hữu tự, khả dĩ tri lễ hĩ. Quan ư điều lý chi tiệt nhiên bất khả loạn, khả dĩ tri nghĩa hĩ.»** 氣化流行,生生不息,仁也.由其有生生,有自爲條理,觀於條理之秩然有序,可以知禮矣.觀於條理之截然不可亂,可以知義矣.

biệt mùi hương trong thiên hạ; miệng có thể phân biệt các vị trong thiên hạ; tâm có thể phân biệt nghĩa lý trong thiên hạ. [...] Loài vật khác không đủ khả năng biết được sự trung chính của trời đất, do đó chúng không có tiết chế bên trong, nên mỗi vật tìm cách thoả mãn sự tự nhiên của nó mà thôi. Con người biết đến Thiên đức (đức của Trời), nên có thể thực hành sự trung chính [của trời đất]. Sự tự nhiên của người hợp theo sự xuôi thuận của trời đất; sự tất nhiên của người hợp theo lẽ thường của trời đất. Chẳng gì mà không tự nhiên. Sự tự nhiên của vật không đủ để nói như thế. Mạnh Tử khi nói Tính thiện, tức là xem xét tài chất của người. Sự tự nhiên có tiết chế của người gọi là thiện vậy.»[60]

Con người khác con vật ở chỗ con vật chỉ làm theo thói tự nhiên; còn con người do có lý trí, nên hiểu biết sự đúng sai, thiện ác, do đó noi theo lý trí mà hành động, tức là hành động theo đạo đức. Đái Chấn nói: «Nghĩa của Lý là tâm trí của con người; do có sự suy nghĩ hiểu ngay, nên nó có thể giúp con người không nghi ngờ cái mình phải làm. [...] Tâm trí của người ngày ngày sử dụng theo nhân luân, hành động tuỳ theo đầu mối là biết trắc ẩn, biết hổ thẹn, biết cung kính vái nhường, biết phân biệt đúng sai. Đó gọi là Tính thiện. Khi biết trắc ẩn, thì phát triển sung mãn cho lòng nhân đến tột cùng. Khi biết hổ thẹn, thì phát triển sung mãn cho nghĩa đến tột cùng. Khi biết cung kính vái nhường, thì phát triển sung mãn cho lễ đến tột cùng. Khi biết phân biệt đúng sai, thì phát triển sung mãn cho trí đến tột cùng. Nhân, nghĩa, lễ, trí là các đức chính yếu của các đức đẹp. Mạnh Tử nói ngày nay người ta chợt thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, họ đều lo sợ và động lòng trắc ẩn. Vậy thì cái gọi là trắc ẩn tức là nhân, nó không ở ngoài tâm trí ta. Nếu như có sự vật gì, thì nó được cất giấu trong tâm. Bản thân ta biết ham sống sợ chết, nên lo sợ trước sự nguy hiểm của đứa bé và trắc ẩn đối với cái chết của đứa bé. Nếu không có lòng ham sống sợ chết, thì sao có lòng lo sợ và trắc ẩn? Suy ra, sự hổ thẹn, vái nhường, phân biệt

---

[60] *Đái Đông Nguyên Tập:* «Nhĩ năng biện thiên hạ chi thanh; mục năng biện thiên hạ chi sắc; tỵ năng biện thiên hạ chi xú; khẩu năng biện thiên hạ chi vị; tâm năng biện thiên hạ chi nghĩa lý. [...] Vật bất túc dĩ tri thiên địa chi trung chính, thị cố vô tiết ư nội, các toại kỳ tự nhiên tư dĩ hĩ. Nhân hữu thiên đức chi tri, năng tiễn hồ trung chính. kỳ tự nhiên tắc hiệp thiên địa chi thuận, kỳ tất nhiên tắc hiệp thiên địa chi thường. Mạc phi tự nhiên dã, vật chi tự nhiên, bất túc ngữ ư thử. Mạnh Tử đạo Tính thiện, sát hồ nhân chi tài chất, sở tự nhiên hữu tiết chi vị thiện dã.» 耳能辯天下之聲；目能辯天下之色；鼻能辯天下之臭；口能辯天下之味；心能辯天下之義理. [...] 物不足以知天地之中正，是故無節於內，各遂其自然斯已矣. 人有天德之知，能踐乎中正. 其自然則協天地之順，其必然則協天地之常. 莫非自然也，物之自然，不足語於此. 孟子道性善，察乎人之材質，所自然有節之謂善也.

đúng sai, cũng đều đúng như thế.»[61]

Đái Chấn lại nói: «Cái trí của con người ở phương diện nhỏ thì có thể đạt tới tột bậc của đẹp và xấu; ở phương diện lớn thì có thể đạt tới tột bậc của đúng và sai. Sau đó, nó thoả mãn cái mình ham muốn, rồi mở rộng ra mà có thể thoả mãn cái người khác ham muốn; nó thấu đạt tình cảm của mình, rồi mở rộng ra mà có thể thấu đạt tình cảm của người khác. Đạo đức thịnh khiến cho lòng ham muốn của con người luôn được thoả và tình cảm của con người luôn thấu đạt.»[62]

Do đấy, con người có được mọi điều đạo đức là bởi con người có lý trí. Con người có lý trí nhưng con vật thì không. Do đó con người có thể biết đạo lý, biết cái tất nhiên phải thế để noi theo hành động; lại còn biết đồng loại cũng có cùng tình cảm và ham muốn như mình; suy bụng ta ra bụng người. Cái bản tính này của con người được gọi là thiện.

Đạt tới tột bậc của lý trí thì hành vi của chúng ta đều hoàn toàn phù hợp với sự tất nhiên. Như thế có thể nói rằng cái tiềm năng đầy đủ trong Tính của chúng ta hoàn toàn phát triển. Đái Chấn nói: «Thiện là

---

[61] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Lý nghĩa giả, nhân chi tâm trí, hữu tư triếp thông, năng bất hoặc hồ sở hành dã. [...] Nhân chi tâm trí, ư nhân luân nhật dụng, tuỳ tại nhi tri trắc ẩn, tri tu ố, tri cung kính từ nhượng, tri thị phi, đoan tự khả cử, thử chi vị tính thiện. Ư kỳ tri trắc ẩn, tắc khuếch nhi sung chi, nhân vô bất tận. Ư kỳ tri tu ố, tắc khuếch nhi sung chi, nghĩa vô bất tận. Ư kỳ tri cung kính từ nhượng, tắc khuếch nhi sung chi, lễ vô bất tận. Ư kỳ tri thị phi, tắc khuếch nhi sung chi, trí vô bất tận. Nhân nghĩa lễ trí, ý đức chi mục dã. Mạnh Tử ngôn kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Nhiên tắc sở vị trắc ẩn, sở vị nhân giả, phi tâm tri chi ngoại, như hữu vật yên, tàng ư tâm dã. Kỷ tri hoài sinh nhi uý tử, cố truật dịch ư nhụ tử chi nguy, trắc ẩn ư nhụ tử chi tử. Sử vô hoài sinh uý tử chi tâm, hựu yên hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm? Suy chi tu ố, từ nhượng, thị phi diệc nhiên.»** 理義者，人之心知(智)，有思輒通，能不惑乎所行也．[...] 人之心知(智)，於人倫日用，隨在知惻隱，知羞惡，知恭敬辭讓，知是非，端緒可舉，此之謂性善．於其知惻隱，則擴之充之，仁無不盡．於其知羞惡，則擴之充之，義無不盡．於其知恭敬辭讓，則擴之充之，禮無不盡．於其知是非，則擴之充之，智無不盡．仁義禮智，懿德之目也．孟子言今人乍見孺子將入井，皆有怵惕惻隱之心．然則所謂惻隱，所謂仁者，非心知之外，如有物焉，藏於心也．己知懷生而畏死，故怵惕於孺子之危，惻隱於孺子之死．使無懷生畏死之心，又焉有怵惕惻隱之心？推之羞惡，辭讓，是非亦然．

[62] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Duy nhân chi tri (trí), tiểu chi năng tận mỹ xú chi cực trí, đại chi năng tận thị phi chi cực trí, nhiên hậu toại kỷ chi dục giả, quảng chi năng toại nhân chi dục. Đạt kỷ chi tình giả, quảng chi năng đạt nhân chi tình. Đạo đức chi thịnh, sử nhân chi dục vô bất toại, nhân chi tình vô bất đạt, tư dĩ hĩ.»** 惟人之知(智)，小之能盡美醜之極致，大之能盡是非之極致，然後遂己之欲者，廣之能遂人之欲．達己之情者，廣之能達人之情．道德之盛，使人之欲無不遂，人之情無不達，斯已矣．

cái tất nhiên phải thế; Tính là cái tự nhiên. [Khiến cho Tính] quay về sự tất nhiên bằng cách làm hoàn hảo sự tự nhiên, đó gọi là tột đỉnh của tự nhiên. Đạo của trời đất, người, vật do đó phát triển tột cùng.»[63]

Đái Chấn lại nói: «Tuân Tử biết lễ nghĩa là giáo huấn của thánh nhân, nhưng không biết lễ nghĩa cũng phát xuất từ Tính; biết lễ nghĩa nhằm làm rõ cái tất nhiên phải thế, nhưng không biết cái tất nhiên là chuẩn tắc tối cao của cái tự nhiên, để làm hoàn hảo cái tự nhiên.»[64]

Cái tất nhiên là mức tối cao của cái tự nhiên, tức là sự phát triển hoàn toàn của cái tự nhiên. Nó là sự chí thịnh của trời đất. Đái Chấn nói: «Cho nên người là tượng trưng cho sự chí thịnh của trời đất. Chỉ thánh nhân mới phát triển tận cùng cái chí thịnh ấy.»[65]

Trên đây đã nói Đái Chấn có chỗ bất đồng với các nhà Lý học, bởi vì Đái Chấn tuy cũng cho rằng có sự tồn tại của Lý khách quan, nhưng ông không xem cái Lý ấy đồng thời ở trong Tính của chúng ta. Tính chúng ta tức là huyết khí và tâm trí, tức là Tính của khí chất mà Tống Nho gọi. Trong Tính của khí chất tuy không có Lý của vạn sự vạn vật, nhưng bởi nó có trí, nên nó có thể biết Lý của vạn sự vạn vật; do đó con người có thể từ sự tự nhiên tiến lên sự tất nhiên. Đái Chấn cho rằng «Tống Nho xem Lý là vật, có được từ trời mà đầy đủ trong tâm». Nhan Nguyên và Lý Cung muốn bác bỏ thuyết này mà chưa thể thành công hoàn toàn; nhưng Đái Chấn thì bác bỏ được thuyết này vì những lý do đã được mô tả trên đây. Tuy nhiên, như sau đây sẽ nói rõ, ông chưa thể tận lực phát huy thuyết của chính ông.

c. Phương pháp cầu Lý

Chúng ta có Trí, nên có thể biết được Lý khách quan. Về phương pháp cầu Lý này, Đái Chấn nói: «Lý là cái không sai sót của tình; chưa hề có trường hợp tình cảm [đúng đắn] không đạt được mà Lý đạt được. [...] Lấy bụng ta suy bụng người, thì Lý sẽ hiện rõ. Kẻ nói về Thiên Lý

---

[63] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Thiện, kỳ tất nhiên dã; Tính, kỳ tự nhiên dã. Quy ư tất nhiên, thích hoàn kỳ tự nhiên, thử chi vị tự nhiên chi cực trí. Thiên địa nhân vật chi đạo, ư thị hồ tận.» 善，其必然也；性，其自然也．規於必然，適完其自然，此之謂自然之極致．天地人物之道，於是乎盡．

[64] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Tuân Tử tri lễ nghĩa vi thánh nhân chi giáo, nhi bất tri lễ nghĩa diệc xuất ư Tính; tri lễ nghĩa vi minh kỳ tất nhiên, nhi bất tri tất nhiên nãi tự nhiên chi cực tắc, thích dĩ hoàn kỳ tự nhiên dã.» 荀子知禮義爲聖人之教，而不知禮義亦出於性；知禮義爲明其必然，而不知必然乃自然之極則，適以完其自然也．

[65] *Nguyên Thiện:* «Thị cố nhân dã giả, thiên địa chí thịnh chi trưng dã. Duy thánh nhân nhiên hậu tận kỳ thịnh.» 是故人也者，天地至盛之徵也．惟聖人然後盡其盛．

thì cho rằng nó là Lý phân ra của tự nhiên. Lý phân ra của tự nhiên lấy tình của ta đo lường tình của người, thì sẽ được sự bình đẳng với tất cả. [...] Hỏi: "[Ông nói] lấy tình đo lường tình mà không sai sót, khi hành sự sẽ thực sự đạt được Lý của nó. Vậy, danh từ tình và Lý khác nhau ra sao?" Đáp: "Ở bản thân ta và người đều gọi là tình. Cái tình không thái quá và không bất cập thì gọi là Lý."[66]

Trên đây đều dựa trên sự việc của con người mà chỉ ra phương pháp cầu Lý, tức là «lấy tình đo lường tình» (dĩ tình hiệt tình 以情絜情). Cái phương pháp này Khổng Tử gọi là đạo Trung Thứ (Trung Thứ chi đạo 忠恕之道), sách *Đại Học* gọi là đạo Hiệt Củ (Hiệt Củ chi đạo 絜矩之道).[67] Tình cảm và ham muốn của con người khi phát ra thì có một giới hạn nhất định. Vượt quá giới hạn ấy thì sẽ làm hại kẻ khác. Cái giới hạn nhất định ấy tức là cái Lý phân ra của tự nhiên. Nó thái quá thì tình thái quá, nó bất cập thì tình bất cập. Tình không thái quá và không bất cập tức là đạt được Lý.

Đối với Lý của sự vật, Đái Chấn nói phải mổ xẻ và phân tích sự vật tới mức tế vi thì sẽ đạt được Lý của nó. Nhưng mổ xẻ và phân tích sự vật thế nào cho tới mức tế vi? Tức là làm sao đạt được Lý của sự vật? Đái Chấn nói: «Cái mà tâm [mọi người] đồng ý là đúng thì gọi là Lý và nghĩa. Thế thì cái chưa được đồng ý là đúng, vẫn còn là ý kiến cá nhân, thì nó chẳng phải là Lý cũng chẳng phải là nghĩa. Hễ một cá nhân xem cái gì là đúng và muôn đời trong thiên hạ ai cũng đều xem nó là đúng, không thể dời chuyển, thì đó gọi là đồng nhiên (đồng ý là đúng). [...] Cái được phân ra để mỗi sự vật có nguyên tắc không đổi của nó thì gọi là Lý. Còn cái đúng đấn đối với chúng thì gọi là nghĩa.»[68]

---

[66] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Lý giả, tình chi bất sảng thất giả dã, vị hữu tình bất đắc nhi Lý đắc giả dã. [...] Dĩ ngã hiệt chi nhân, tắc Lý minh. Thiên Lý vân giả, ngôn hồ tự nhiên chi phân Lý dã. Tự nhiên chi phân Lý, dĩ ngã chi tình, hiệt nhân chi tình, nhi vô bất đắc kỳ bình thị dã. [...] Vấn: Dĩ tình hiệt tình nhi vô sảng thất, ư hành sự thành đắc kỳ Lý hĩ. Tình dữ Lý chi danh hà dĩ dị? Viết: Tại kỷ dữ nhân, giai vị chi tình, vô quá tình, vô bất cập tình chi vị Lý.» 理者,情之不爽失者也,未有情不得而理得者也。[...] 以我絜之人,則理明。天理云者,言乎自然之分理也。自然之分理,以我之情,絜人之情,而無不得其平是也。[...] 問:以情絜情而無爽失,於行事誠得其理矣。情與理之名何以異?曰:在己與人,皆謂之情,無過情,無不近情之謂理。

[67] LAM chú: Về đạo Trung Thứ và đạo Hiệt Củ, xin xem lại quyển I, chương 14, chú thích 91.

[68] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Tâm chi sở đồng nhiên thuỷ vị chi Lý, vị chi nghĩa. Tắc vị chí ư đồng nhiên, tồn hồ kỳ nhân chi ý kiến, phi Lý dã, phi nghĩa dã. Phàm nhất nhân dĩ vi nhiên, thiên hạ vạn thế, giai viết thị bất khả dịch dã, thử chi vị đồng nhiên. [...] Phân chi các hữu kỳ bất dịch chi tắc, danh viết Lý. Như tư nhi nghi, danh viết nghĩa.» 心之所同然始謂之理,謂之義。則未至於同然,存乎其人之意見,非理也,非義也。凡一人以爲然,天下萬世,皆曰是不可易也,此之謂同然。[...] 分之各有其不易之則,名曰理。如斯而宜,名曰義。

Lý thì khách quan và bất biến. Chúng ta mổ xẻ và phân tích sự vật để cầu Lý của nó. Sau khi đạt được Lý của nó rồi, ta phải xem xét: Phải chăng chỉ có ta hay một số ít người xem nó là đúng? Nếu thế, nó chỉ là ý kiến của cá nhân ta hay một số ít người, chứ không phải là Lý. Nếu muôn đời trong thiên hạ ai cũng đều xem nó là đúng, không thể dời chuyển, thì đó là cái Lý khách quan và bất biến mà ta mong cầu.

Đái Chấn phân biệt Lý và ý kiến. Lý thì khách quan và phổ quát; ý kiến thì chủ quan và riêng tư. Đái Chấn cho rằng khi Tống Nho xem Lý có đầy đủ trong tâm, tức là họ lấy ý kiến làm Lý. Ông nói: «Tống Nho cũng biết tìm Lý ở sự vật, nhưng vì họ chuyên chú vào Phật học nên đã chuyển cái mà nhà Phật ám chỉ thần thức trở thành Lý. Cho nên họ xem Lý như là vật. Không những họ nói đến Lý của sự vật mà còn nói rằng Lý phân tán ở sự vật. Đối với Lý của sự vật thì họ mổ xẻ phân tích cho đến tế vi, sau đó sẽ được Lý. Đối với Lý phân tán ở sự vật thì họ tập trung tinh thần cố tìm Lý ấy. Họ nói rằng một gốc phân tán ra muôn sai biệt; còn nói rằng Lý phóng ra thì tràn đầy bốn phương và trên dưới; cuộn lại thì rút lui, ẩn giấu ở nơi kín. Nhà Phật nói: "Toàn thế giới hiện tượng mà ta thấy khắp nơi có thể gom lại trong một hạt bụi." Quả thực họ nói tương tự nhà Phật vậy. [...] Bởi họ xem Lý như vật, nên buộc phải xem là chỉ có một Lý; nhưng mỗi sự ắt có cái Lý của nó, tuỳ theo sự mà khác nhau. Do đó họ lại nói rằng tâm có đủ các Lý, ứng với vạn sự. Cái có đủ trong tâm mà xuất ra, nếu chẳng phải là ý kiến thì là gì?»[69]

Lời phê bình này đối với Tống Nho thật đúng. Tống Nho đều chịu ảnh hưởng ít nhiều của Phật học. Do đó tuy các nhà Lý học xem vạn vật chẳng gì mà không có Lý, nhưng đồng thời cũng cho rằng vạn Lý đều có

---

[69] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tống Nho diệc tri tựu sự vật cầu Lý dã, đặc nhân tiên nhập ư Thích thị, chuyển kỳ sở chỉ vi thần thức giả dĩ chỉ Lý. Cố thị Lý như hữu vật yên, bất đổ viết sự vật chi Lý, nhi viết Lý tán tại sự vật. Sự vật chi Lý, tất tựu sự vật phẫu tích chí vi, nhi hậu Lý đắc. Lý tán tại sự vật, ư thị minh tâm cầu Lý. Vị nhất bản vạn thù; vị phóng chi tắc dĩ lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật; thực tòng Thích thị sở vân "biến kiến cụ cai pháp giới, thu nhiếp tại nhất vi trần" giả, tỷ loại đắc chi. [...] Đồ dĩ Lý vi như hữu vật yên, tắc bất dĩ vi nhất Lý nhi bất khả; nhi sự tất hữu Lý, tuỳ sự bất đồng, cố hựu ngôn tâm cụ chúng Lý, ứng vạn sự. Tâm cụ chi nhi xuất chi, phi ý kiến cố vô khả dĩ đương thử giả nhĩ.»** 宋儒亦知就事物求理也，特因先入於釋氏，轉其所指爲神識者以指理．故視理如有物焉，不徒曰事物之理而曰理散在事物．事物之理，必就事物剖析至微，而後理得．理散在事物，於是冥心求理．謂一本萬殊；謂放之則彌六合，卷之則退藏於密；實從釋氏所云"遍見具該法界，收攝在一微塵"者，比類得之．[...] 徒以理爲如有物焉，則不以爲一理而不可；而事必有理，隨事不同，故又言心具衆理，應萬事．心具之而出之，非意見固無可以當此者耳．

đủ trong tâm. Thậm chí các nhà Tâm học càng xem tâm tức là Lý. Do đó cái Lý mà cả hai phái Tâm học và Lý học nói chỉ là ý kiến chủ quan của họ thôi.

d. Khởi nguyên của ác

Tình cảm, ham muốn, và lý trí của con người đều có lỗi. Đái Chấn nói: «Lỗi của ham muốn là thói ích kỷ (*tư* 私), ích kỷ thì tham lam và tà vạy đi theo nó. Lỗi của tình cảm là thiên vị (*thiên* 偏), thiên vị thì ngang trái đi theo nó. Lỗi của lý trí là bị che lấp (*tế* 蔽), bị che lấp thì lầm lẫn đi theo nó. Không ích kỷ thì ham muốn của mình đều có lẽ nghĩa và nhân ái. Không thiên vị thì tình cảm của mình ắt ôn hoà, giản dị, bình thường, và khoan thứ. Không bị che lấp thì lý trí của mình được gọi là thông minh và thánh trí.»[70]

Tình cảm, ham muốn, và lý trí của con người đều có lỗi; đó là khởi nguyên của ác. Trong các lỗi đó, ích kỷ (*tư* 私) và bị che lấp (*tế* 蔽) là đáng chú ý nhất. Đái Chấn nói: «Con người không tận dụng tài năng của mình thì có hai tai hại: ích kỷ và bị che lấp. [...] Khử bỏ thói ích kỷ chẳng gì bằng tăng cường lòng khoan thứ, dẹp trừ sự che lấp chẳng gì bằng học tập.»[71]

Theo Đái Chấn, tăng cường lòng khoan thứ tức là từ cái ham muốn của mình mà suy ra từ cái ham muốn của người. Nếu chỉ biết cái ham muốn của mình mà chẳng biết cái ham muốn của người khác, thì ta phóng túng ham muốn mà làm hại người khác. Đó gọi là ích kỷ, tức là lỗi của ham muốn. Biết và đối tượng của biết giống như ánh sáng và vật được chiếu sáng. Ánh sáng bị che khuất, thì vật chẳng được soi sáng trọn vẹn. Lý trí bị che lấp thì vật mà ta biết ắt có sự lầm lẫn. Hiểu biết tức là đạo đức, nếu lý trí bị che lấp thì cái ác khởi lên.

Tống Nho phân biệt Thiên Lý và nhân dục. Đái Chấn cực lực phản đối. Ông nói: «Có người hỏi: "Từ đời Tống đến nay, người ta nói về Lý.

---

[70] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Dục chi thất vi tư, tư tắc tham tà tuỳ chi hĩ. Tình chi thất vi thiên, thiên tắc quai lệ tuỳ chi hĩ. Trí chi thất vi tế, tế tắc sai mậu tuỳ chi hĩ. Bất tư, tắc kỳ dục giai nhân dã, giai lễ nghĩa dã. Bất thiên, tắc kỳ tình tất hoà dị nhi bình thứ dã. Bất tế, tắc kỳ trí nãi sở vị thông minh thánh trí dã.»** 欲之失爲私，私則貪邪隨之矣．情之失爲偏，偏則乖戾隨之矣．知之失爲蔽，蔽則差謬隨之矣．不私，則其欲皆仁也，皆禮義也．不偏則其情必和易而平恕也．不蔽，則其知乃所謂聰明聖智也．

[71] ***Nguyên Tính:*** **«Nhân chi bất tận kỳ tài, hoạn nhị: viết tư, viết tế. [...] Khử tư mạc như cường thứ, giải tế mạc như học.»** 人之不盡其材，患二：曰私，曰蔽．[...] 去私莫如強恕．解蔽莫如學．

Thuyết của họ không phát xuất từ Lý thì từ dục; không từ dục thì từ Lý. Phân biệt ranh giới giữa Lý và dục nên có sự phân biệt quân tử và tiểu nhân. Nay ông xem cái không sai sót của tình là Lý, phải chăng cái Lý ấy chứa dục? Vậy không có dục là sai ư?" [Đái Chấn] đáp: "Mạnh Tử nói rằng dưỡng tâm chẳng gì bằng giảm bớt dục. Lời này nói rõ là chúng ta không thể không có dục, nhưng chỉ giảm bớt nó mà thôi. Đời người chẳng gì khốn nạn bằng cuộc sống không toại nguyện. Muốn cuộc sống của mình được toại và cuộc sống người khác cũng được toại, đó là nhân ái. Muốn cuộc sống của mình được toại nhưng chẳng ngại làm hại cuộc sống người khác, đó là bất nhân. Bất nhân kỳ thực bắt đầu từ lòng ham muốn cuộc sống của mình được toại. Nếu chẳng có lòng dục ấy, ắt không có sự bất nhân. Tuy nhiên, nếu chẳng có lòng dục ấy, thì dù cuộc sống của mọi người trong thiên hạ có khốn cùng, ta cũng trơ mắt ra mà nhìn. Bản thân ta không làm toại cuộc sống của mình mà đi làm toại cuộc sống của người khác, đó chẳng phải là tình cảm đúng đắn. Vậy, ta có thể nói rằng: không xuất từ chính thì từ tà; không từ tà thì từ chính. Nhưng ta không thể nói rằng: không phát xuất từ Lý thì từ dục; không từ dục thì từ Lý."»[72]

Biện luận trên nếu muốn có trọng lượng, thì trước hết ta phải hiểu rõ cái nhân dục mà Tống Nho gọi ám chỉ cái gì? Tống Nho không hề xem sự ham muốn ăn uống và sự ham muốn giữa trai gái vốn là ác. Ham muốn ấy nếu bất chính thì mới xem là ác. Nói cách khác, Tống Nho xem

---

[72] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** «Vấn: "Tống dĩ lai chi ngôn Lý dã, kỳ thuyết vi bất xuất ư Lý tắc xuất ư dục; bất xuất ư dục, tắc xuất ư Lý. Cố biện hồ Lý dục chi giới, dĩ vi quân tử tiểu nhân, ư thử yên phân. Kim dĩ tình chi bất sảng thất vi Lý, thị Lý giả, tồn hồ dục giả dã. Nhiên tắc vô dục phi dư?" Viết: "Mạnh Tử ngôn dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục, minh hồ dục bất khả vô dã, quả chi nhi dĩ. Nhân chi sinh dã, mạc bệnh ư vô dĩ toại kỳ sinh. Dục toại kỳ sinh, diệc toại nhân chi sinh, nhân dã. Dục toại kỳ sinh, chí ư tướng nhân chi sinh, nhi bất cố giả, bất nhân dã. Bất nhân thực thuỷ ư dục toại kỳ sinh chi tâm. Sử kỳ vô thử dục, tất vô bất nhân hĩ. Nhiên sử kỳ vô thử dục, tắc ư thiên hạ chi nhân sinh đạo cùng xúc, diệc tương mạc nhiên thị chi. Kỷ bất tất toại kỳ sinh, nhi toại nhân chi sinh, vô thị tình dã. Nhiên tắc vị bất xuất ư chính tắc xuất ư tà, bất xuất ư tà tắc xuất ư chính, khả dã. Vị bất xuất ư Lý tắc xuất ư dục, bất xuất ư dục tắc xuất ư Lý, bất khả dã."» 問:宋以來之言理也,其說爲不出於理則出於欲;不出於欲則出於理.故辨乎理欲之界,以爲君子小人,於此焉分.今以情不爽失爲理,是理者,存乎欲者也.然則無欲非歟?曰:孟子言養心莫善於寡欲,明乎欲不可無也,寡之而已.人之生也,莫病於無以遂其生.欲遂其生,亦遂人之生,仁也.欲遂其生,至於戕人之生,而不顧者,不仁也.不仁實始於欲遂其生之心.使其無此欲,必無不仁矣.然使其無此欲,則於天下之人生道窮促,亦將漠然視之.己不必遂其生,而遂人之生,無是情也.然則謂不出於正則出於邪,不出於邪則出於正,可也.謂不出於理則出於欲,不出於欲則出於理,不可也.

lỗi của ham muốn (tức thói ích kỷ) mới là ác. Chu Hi nói lòng nhân dục tuôn chảy như nước tràn bờ. Nó không tràn bờ thì không gọi là dục. Do đó cái dục mà Tống Nho xem là ác chính là nhân dục hay tư dục. Cái dục «muốn cuộc sống của mình được toại nhưng chẳng ngại làm hại cuộc sống người khác» thì Đái Chấn gọi là *tư* 私(ích kỷ), còn Tống Nho gọi là dục. Đái Chấn phân biệt chính và tà, xét cho kỹ, cũng như Tống Nho phân biệt Lý và dục. Cái gọi là chính và tà cuối cùng cũng phải lấy Lý (mà Đái Chấn gọi là sự tất nhiên) làm tiêu chuẩn để phân biệt.

Phùng Hữu Lan chú:

Ý này của Đái Chấn thì Trần Xác đã nói rồi. Trần Xác nói: «Chu Đôn Di dạy *vô dục* 無欲, tuy không phải Thiền mà là Thiền. Nhà Nho chúng ta chỉ nói *quả dục* 寡欲(giảm bớt ham muốn). Nhân tâm vốn không có Thiên Lý. Thiên Lý được thấy trong nhân dục. Khi nhân dục có chỗ thích đáng thì nhân dục là Thiên Lý.» Hoàng Tông Hi bác ý kiến Trần Xác rằng: «Lời của Lão huynh phát xuất từ câu nói của Thầy [Lưu Tông Chu]: "Đạo tâm tức là bản tâm của nhân tâm và Tính của nghĩa lý tức là bản tính của khí chất. Lìa khí chất thì không có cái gọi là Tính." Tuy nhiên, lấy câu ấy mà nói về khí chất và nhân tâm thì có thể được; còn lấy nó mà nói về nhân dục thì không thể được. Khí chất và nhân tâm là các thể lưu hành hồn nhiên, là vật chung. Nhân dục ở một nơi chốn riêng, nó là sự ích kỷ của một cá nhân.» Cái gọi là nhân dục, theo định nghĩa trên, là sự ích kỷ, là cái không thích đáng; cho nên tóm lại là ác.

e. Đái Chấn và Tuân Tử

Đái Chấn cho rằng lỗi của lý trí là bị che lấp (*tế* 蔽); dẹp trừ sự che lấp chẳng gì bằng học tập. Đó hoàn toàn là ý của Tuân Tử. Tuân Tử chú trọng học vấn. Đái Chấn cũng hết sức chú trọng học vấn; ông nói: «Huyết khí và tâm trí của con người gốc ở Âm Dương và ngũ hành. Huyết khí và tâm trí ấy là Tính. Huyết khí dựa vào ẩm thực để được nuôi dưỡng, [thức ăn uống] chuyển hoá rồi thì thành huyết khí của ta; không còn là cái mà ta ăn uống nữa. Cũng đúng như thế, tâm trí dựa vào học vấn để được nuôi dưỡng. Lấy huyết khí mà nói, xưa yếu nay mạnh, đó là do huyết khí được nuôi dưỡng. Lấy tâm trí mà nói, xưa hẹp hòi nay quảng đại, xưa u tối nay xét rõ, đó là do tâm trí được nuôi dưỡng. Cho nên nói:

Dù ngu cũng phải sáng.»[73]

Đái Chấn còn nói: «Hình thể lúc đầu thì nhỏ bé cuối cùng thì to lớn. Đức tính lúc đầu thì mông muội, cuối cùng thì thánh trí. Hình thể to lớn là dựa vào ẩm thực để nuôi dưỡng, lâu ngày tăng thêm, không trở lại thuở đầu. Đức tính dựa vào học vấn, tiến đến thánh trí, không trở lại thuở đầu. Điều ấy rõ ràng vậy.»[74]

Đái Chấn cho rằng tâm chúng ta không có đủ các Lý. Trong đó chỉ có «cái chất có thể biết» (khả tri chi chất 可知之質) như Tuân Tử đã gọi. Cho nên chúng ta phải dựa vào học vấn để biết các Lý mà thực hành. Đến khi hiểu biết đã dồi dào rồi, đạo đức đã trọn vẹn rồi, thì thói tự nhiên của chúng ta sẽ hợp với sự tất nhiên, và chúng ta được phát triển hoàn toàn. Sự thành tựu sau chót này không hề trở lại thuở ban đầu. Thuyết này chính là điểm tương đồng giữa Đái Chấn và Tuân Tử.

Tuy nhiên, điểm bất đồng giữa Đái Chấn và Tuân Tử là về vũ trụ luận. Trong vũ trụ luận của Tuân Tử không có Lý khách quan; do đó lễ, nghĩa, và đạo đức đều là những công cụ mà con người tự đặt ra để phục vụ cho đời sống của mình. Trong vũ trụ luận của Đái Chấn có Lý khách quan; do đó lễ, nghĩa, và đạo đức đều là những thể hiện cụ thể của Lý khách quan. Ở điểm này Đái Chấn chịu ảnh hưởng của phái Lý học. Tâm mà Tuân Tử gọi, thực sự chỉ có trí, tình, dục. Cái gọi là trí thì chỉ biết lợi hại chứ không biết thiện ác; về sau do kinh nghiệm mà thấy thiện thì có lợi, ác thì có hại, nên mới biết thiện là thiện, ác là ác. Đái Chấn cũng nói rõ tâm chúng ta có trí, tình, dục. Tuy nhiên theo thuyết của ông, ngoài trí ra tâm còn có trực giác biết thiện là thiện, ác là ác. Đái Chấn nói: «Vị cùng âm thanh và sắc đẹp, ở tại ngoại vật chứ không ở tại ta.

[73] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Nhân chi huyết khí tâm trì (trí), bản hồ Âm Dương ngũ hành giả, Tính dã. Như huyết khí tư ẩm thực dĩ dưỡng, kỳ hoá dã, tức vi ngũ chi huyết khí, phi phục sở ẩm thực chi vật hĩ. Tâm trì (trí) chi tư ư học vấn, kỳ tự đắc chi dã diệc nhiên, dĩ huyết khí ngôn, tích giả nhược nhi kim giả cường, thị huyết khí chi đắc kỳ dưỡng dã. Dĩ tâm trì (trí) ngôn, tích giả hiệp tiểu nhi kim dã quảng đại, tích giả ám muội nhi kim dã minh sát, thị tâm trì (trí) chi đắc kỳ dưỡng dã. Cố viết: Tuy ngu tất minh.»** 人之血氣心知，本乎陰陽五行者，性也．如血氣資飲食以養，其化也，即爲我之血氣，非復所飲食之物矣．心知之資於學問，其自得之也亦然，以血氣言，昔者弱而今之強，是血氣之得其養也．以心知言，昔者狹小而今也廣大，昔者闇昧而今也明察，是心知之得其養也．故曰：雖愚必明．

[74] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Hình thể thuỷ hồ ấu tiểu. Chung hồ trưởng đại. Đức tính thuỷ hồ mông muội. Chung hồ thánh trí. Kỳ hình thể chi trưởng đại dã, tư ư ẩm thực chi dưỡng, nãi trưởng nhật gia ích, phi phục kỳ sơ. Đức tính tư ư học vấn, tiến nhi thánh trí, phi phục kỳ sơ, minh hĩ.»** 形體始乎幼小．終乎長大．德性始乎蒙昧．終乎聖智．其形體之長大也，資於飲食之養，乃長日加益，非復其初．德性資於學問，進而聖智，非復其初，明矣．

Khi chúng tiếp xúc huyết khí của ta, thì ta có thể phân biệt chúng và vui vẻ. Cái khiến ta vui vẻ ắt là cái tốt đẹp của chúng. Lý và nghĩa ở tại sự phân tích sự tình. Khi chúng tiếp xúc tâm trí của ta, thì ta có thể phân biệt chúng và vui vẻ. Cái khiến ta vui vẻ ắt là cái rất đúng của chúng.»[75]

Đái Chấn còn nói: «Mạnh Tử nói: "Lý và nghĩa làm vui lòng chúng ta, giống như thịt thà làm khoái miệng chúng ta." Đó chẳng phải là lời ẩn dụ. Hễ con người làm một sự việc đúng theo Lý và nghĩa, thì tâm khí hẳn ắt vui sướng tự đắc; trái với Lý và nghĩa, thì tâm khí ắt buồn bã mất mát. Từ đó ta có thể thấy rằng phản ứng của tâm đối với Lý và nghĩa, giống như phản ứng của huyết khí đối với thị dục, đều do Tính khiến ra như thế.»[76]

Tâm chúng ta không những biết được lẽ nghĩa mà còn vui sướng ở lẽ nghĩa. Khi chúng ta làm một việc gì, nếu nó hợp lẽ nghĩa thì tâm tự cảm thấy vui sướng; nếu không hợp lẽ nghĩa thì tâm tự cảm thấy buồn bã. Tâm chúng ta vừa có cái mà chúng ta thường gọi là «hiểu biết» vừa có cái mà phái Tâm học gọi là «lương tri». Đái Chấn nói: «Tuân Tử chú trọng sự học, [cho rằng] bên trong ta chẳng có gì nên mới lấy từ bên ngoài [để học]. Mạnh Tử chú trọng sự học, [cho rằng] bên trong có [cái để học] nhưng cần bổ sung thêm từ bên ngoài. Bổ sung bằng ăn uống có thể dinh dưỡng huyết khí của thân ta. Khí được dùng để nuôi dưỡng cũng giống y như Khí mà thân ta bẩm thụ, đều bắt nguồn từ trời đất. Cho nên cái được sử dụng tuy lấy từ bên ngoài nhưng có thể chuyển hoá thành huyết khí để làm ích lợi bên trong. Chưa từng có trường hợp bên trong không có Khí bẩm thụ mà có thể tương đắc với cái bên ngoài để dùng nó

---

[75] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Vị dữ thanh sắc, tại vật bất tại ngã, tiếp ư ngã chi huyết khí, năng biện chi nhi duyệt chi. Kỳ duyệt giả, tất kỳ vưu mỹ giả dã. Lý nghĩa tại sự tình chi điều phân lũ tích, tiếp ư ngã chi tâm tri (trí), năng biện chi nhi duyệt chi. Kỳ duyệt giả, tất kỳ chí thị giả dã.» 味與聲色，在物不在我，接於我之血氣，能辯之而悅之．其悅者，必尤美者也．理義在事情之條分縷析，接於我之心知，能辯之而悅之．其悅者，必其至是者也．

[76] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Mạnh Tử viết: "Lý nghĩa chi duyệt ngã tâm, do sô hoạn chi duyệt ngã khẩu." Phi dụ ngôn dã. Phàm nhân hành nhất sự, hữu đương ư Lý nghĩa, kỳ tâm khí tất sướng nhiên tự đắc; bội ư Lý nghĩa, tâm khí tất trở táng tự thất. Dĩ thử kiến tâm chi ư Lý nghĩa, nhất đồng hồ huyết khí chi ư thị dục, giai tính sử nhiên nhĩ.» 孟子曰："理義之悅我心，猶芻豢之悅我口．" 非喻言也．凡人行一事，有當於理義，其心氣必暢然自得；悖於理義，心氣必沮喪自失．以此見心之於理義，一同乎血氣之於嗜欲，皆性使然耳．

bồi bổ cho thân thể. Sự học đối với đức tính cũng đúng như thế.»[77]

Nếu theo lời trên mà suy, sở dĩ chúng ta có thể biết được mọi Lý, chẳng phải là trong ta cũng đã có sẵn một số Lý nào đó hay sao? Chẳng phải là Tính của chúng ta đồng nhất với Lý của trời đất hay sao? Đái Chấn nói: «Tài năng của con người phát xuất từ sự toàn năng của trời đất và thông với toàn đức của trời đất.»[78] Đó chẳng phải là thuyết của các nhà Lý học hay sao?

Từ những trích dẫn trên, chúng ta có thể thấy rằng cái học của Đái Chấn quả thực có chỗ bất đồng với Tống Nho, nhưng ông chưa thể lấy điểm bất đồng ấy làm trung tâm để hết sức phát huy nó ra, nhằm tự lập thành một hệ thống hoàn chỉnh riêng. Do đó cái học của Đái Chấn không thể sánh với cái học của những nhà tư tưởng như Chu Hi hay Vương Dương Minh.

Nhan Nguyên, Lý Cung, cho đến Đái Chấn, đều chống lại Tống học, nhưng sự công kích và biện luận của họ đa phần nhắm vào các nhà Lý học và rất hiếm nhắm vào các nhà Tâm học. Có lẽ các ông cho rằng Tâm học gần với Thiền là sự thực hiển nhiên không thể che giấu; còn Lý học «càng gần với Lý mà gây đại loạn cho chân lý» do đó cần phải diệt trừ. Như chúng ta thấy, kiến giải của Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn đối với Lý, Khí, Tính, Hình đều có điểm tương đồng với kiến giải của Lưu Tông Chu và Hoàng Tông Hi. Thầy trò Lưu và Hoàng là người kế tục phái Tâm học, nên chủ trương của Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn ở phương diện này khá gần với Tâm học.

---

[77] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tuân Tử chi trọng học dã, vô ư nội nhi thủ ư ngoại. Mạnh Tử chi trọng học dã, hữu ư nội nhi tư ư ngoại. Phù tư ư ẩm thực, năng vi thân chi huyết khí doanh dưỡng giả, sở tư dĩ dưỡng giả chi khí, dữ kỳ thân bản thụ chi khí, nguyên ư thiên địa phi nhị dã. Cố *sở tư* tuy tại ngoại, *vô hoá vi huyết khí dĩ ích kỳ nội*. Vị hữu nội vô bản thụ chi khí, dữ ngoại tương đắc, nhi đồ tư yên giả dã. Vấn học chi ư đức tính diệc nhiên.»** 荀子之重學也，無於內而取於外．孟子之重學也，有於內而資於外．夫資於飲食，能爲身之血氣營養者，所資以養者之氣，與其身本受之氣，原於天地非二也．故所資雖在外，無化爲血氣以益其內．未有內無本受之氣，與外相得，而徒資焉者也．問學之於德性亦然．– **LÂM chú: Chữ *vô* 無 trong *«vô hoá vi huyết khí dĩ ích kỳ nội»* có lẽ là *năng* 能 thì mới hợp ngữ cảnh.**

[78] ***Nguyên Thiện:*** **«Nhân chi tài đắc thiên địa chi toàn năng, thông thiên địa chi toàn đức.»** 人之材得天地之全能，通天地之全德．

CHƯƠNG 16

KINH HỌC KIM VĂN Ở ĐỜI THANH

1. Phong trào lập giáo và cải chế cuối đời Thanh

Sự bất đồng giữa cái học Nghĩa lý mà người đời Thanh giảng với Đạo học bắt đầu từ các Kim văn Kinh học gia ở đời Thanh. Kinh học của các Kim văn Kinh học gia đời Tây Hán, kể từ sau khi bị Kinh học của các cổ văn Kinh học gia áp đảo cho đến các đời Đường, Tống, Minh, đều chưa thể khiến mọi người chú ý. Các học giả đời Thanh vốn xem việc chỉnh lý sách cổ là công tác chủ yếu. Sách cổ mà các đời Đường, Tống, Minh chú trọng, cho đến nửa sau đời Thanh đã được các học giả chỉnh lý. Sau đó, một số học giả bèn quay sang các sách thịnh hành từ đời Tây Hán đến đời Tống và đời Minh mà các học giả khác chưa chú ý. Do đó Kinh học của các Kim văn Kinh học gia đã xem *Xuân Thu Công Dương Truyện* 春秋公羊傳 là trung tâm. Kể từ nửa sau đời Thanh, Kinh học Kim văn dần dần phục hưng. Các Kinh học gia của phái này, nếu giảng đến cái học Nghĩa lý, thì các vấn đề mà họ thảo luận cũng bất đồng với các vấn đề mà các Đạo học gia thảo luận.

Sự phục hưng của phái Kinh học này cũng thích ứng với trào lưu tư tưởng mới mẻ đương thời, phát sinh từ ảnh hưởng của phương Tây đối với Trung Quốc. Từ nửa sau đời Thanh, Trung Quốc cảm thấy bị người phương Tây áp bức, mà đại biểu tiên phong cho thế lực của phương Tây là các nhà truyền đạo Thiên Chúa. Kế tiếp sau đó là áp lực trên các phương diện quân sự, chính trị, và kinh tế. Áp lực này khơi dậy nhiều vấn đề trong tâm tư của người Trung Quốc bấy giờ. Trong đó, hai vấn đề căn bản là:

(1) Người phương Tây có tôn giáo, tại sao Trung Quốc lại không? Lẽ nào Trung Quốc là nước không có tôn giáo hay sao?

(2) Trung Quốc đất rộng người đông, mà ở phương diện nào cũng bị người phương Tây áp bức, đó chẳng phải là điểm cần phải tự cải thiện hay sao?

Những nỗ lực của những người Trung Quốc có tư tưởng nhằm giải

đáp các câu hỏi ấy đã dẫn đến một phong trào tư tưởng mới mẻ. Mục đích chủ yếu của phong trào này là tự lập tôn giáo, tự cải thiện chế độ chính trị, nhằm tự cường, nói gọn là *lập giáo và cải chế*. Tuy nhiên, bấy giờ cái bình cũ Kinh học chưa bị đập bỏ. Mọi ý kiến của người thời ấy phải cậy đến Kinh học để phát biểu. Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thịnh hành đời Tây Hán trở nên rất thích hợp với nhu cầu ấy. Trong nền Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thì địa vị Khổng Tử từ thầy biến thành vua, từ vua biến thành thần. Trong các vĩ thư, địa vị Khổng Tử cố nhiên trở thành giáo chủ của tôn giáo. Do đó, nói đến Kinh học Kim văn thì Khổng Tử tự trở thành giáo chủ và học thuyết của Khổng Tử tự trở thành tôn giáo. Các Kim văn Kinh học gia lại có sự cải chế của Khổng Tử, lập chế độ chính trị của ba đời, xem là chuẩn mực cho muôn đời. Khi giảng Kinh học kim văn, người ta lấy nền chính trị trong lý tưởng của người bấy giờ mà giả danh là thuyết của Khổng Tử, để làm tiêu chuẩn cải cách các chế độ bấy giờ trên phương diện xã hội và chính trị. Trong lời tựa của *Khổng Tử Cải Chế Khảo* 孔子改制考 (Khảo về sự cải cách chế độ của Khổng Tử), Khang Hữu Vi 康有爲 (1858-1927) nói: «Trời xót thương dân chúng trên đời lắm gian nan nên khiến Hắc Đế giáng tinh[1] xuống thành bậc cứu khổ cho dân, ngài là thần minh, là thánh vương, là bậc thầy đương thời, là người bảo hộ vạn dân, là giáo chủ đời này. Ngài sinh vào thời loạn, bèn căn cứ ở loạn mà lập phép tắc ba đời (tam thế chi pháp), rồi tiến triển tinh vi cho đến thái bình. Rồi ngài lập phép ấy cho đất nước mà ngài sinh ra (tức nước Lỗ) và chú ý một đại thống nhất bờ cõi, [gồm các miền] xa và gần, lớn và nhỏ.»[2]

Thời bấy giờ cần đến một Khổng Tử như thế. Một Khổng Tử như thế chỉ có trong Kinh học kim văn. Thời đại Kinh học trong lịch sử triết học Trung Quốc bắt đầu từ Kinh học của các Kim văn Kinh học gia (thế kỷ II TCN) và cũng kết thúc bằng nền Kinh học ấy (sống lại ở đời Thanh).

---

[1] **LAM chú: Khang Hữu Vi dùng một thuyết trong vĩ thư: «Mẹ của Khổng Tử tên là Trưng Tại đi chơi ở dốc một gò mả lớn. Bà ngủ quên và mộng thấy được Hắc Đế mời đến. Trong giấc mộng, bà đi đến và giao hoan với Hắc Đế.» Xin xem tiết 8 của chương 3 trên đây.**

[2] ***Khổng Tử Cải Chế Khảo:* «Thiên kỷ ai đại địa sinh nhân chi đa gian, Hắc Đế nãi giáng tinh nhi vi cứu dân hoạn, vi thần minh, vi thánh vương, vi đương thế tác sư, vi vạn dân tác bảo, vi đại địa giáo chủ. Sinh ư loạn thế, nãi cứ loạn nhi lập tam thế chi pháp, nhi thuỳ tinh thái bình. Nãi nhân kỳ sở sinh chi quốc, nhi lập tam thế chi nghĩa, nhi chú ý ư đại địa viễn cận đại tiểu nhược nhất chi đại nhất thống.»** 夫既哀大地生人之多艱，黑帝乃降精而爲救民患，爲神明，爲聖王，爲當世作師，爲萬民作保，爲大地教主．生於亂世，乃據亂而立三世之法，而垂精太平．乃因其所生之國，而立三世之義，而注意於大地遠近大小若一之大一統．

Con người khi sống trong một hoàn cảnh mới mẻ rất dễ có tư tưởng hoang đường kỳ bí. Nền Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thì có một phần học thuyết của Âm Dương gia. Những hoang đường kỳ bí của học thuyết này rất thích hợp cho con người trong hoàn cảnh mới mẻ sử dụng. Từ cuối đời Chu đến giữa đời Tần đời Hán, các nước được thống nhất, đó là một hoàn cảnh mới mẻ. Đời Thanh, Trung Quốc giao tiếp với các nước, người Trung Quốc buộc phải chấp nhận sự thật rằng Trung Quốc chỉ là một nước trong nhiều nước, chứ không phải là trung tâm hay toàn thể thế giới. Đó cũng là một hoàn cảnh mới mẻ.

2. Khang Hữu Vi

a. Khổng Tử lập giáo và cải chế

Khang Hữu Vi 康有爲(1858-1927) có thể nói là một nhân vật trọng yếu trong phong trào lập giáo cải chế. Ông tự là Quảng Hạ 廣廈, hiệu là Trường Tố 長素, người huyện Nam Hải 南海, tỉnh Quảng Đông 廣東. Ông sinh năm Hàm Phong thứ 8 (tức 1858), đời Thanh. Năm Mậu Tuất (1898), ông tham gia biến pháp duy tân của vua Đức Tông 德宗(tại vị 1871-1908) nhưng thất bại. Năm Dân Quốc 16 (tức 1927) ông bệnh mất tại Thanh Đảo.[3]

Kinh học của Khang Hữu Vi một mặt công kích kinh điển của các cổ văn Kinh học gia, cho rằng chúng đều do Lưu Hâm nguỵ tạo; một mặt chủ trương thuyết cải chế của Khổng Tử, cho rằng kinh điển của các Kim văn Kinh học gia đều do tay Khổng Tử sáng tác. Khang Hữu Vi viết *Tân*

[3] **Derk Bodde chú: Khang Hữu Vi nổi tiếng là nhà cải cách và tuyên truyền chính trị. Chán nản trước sự suy yếu của Trung Quốc – thấy rõ nhất qua sự đại bại trong chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895) kéo theo một loạt nhượng bộ về kinh tế và chính trị về tay các cường quốc – Khang Hữu Vi nghĩ đến một chương trình cải cách với kỹ thuật công nghiệp và quân sự của phương Tây sẽ giữ được nước và khôi phục Nho giáo. Công cụ cho chương trình cải cách này là chế độ quân chủ lập hiến hơn là chế độ cộng hoà. Năm 1898, Khang Hữu Vi tranh thủ được sự chú ý của Quang Tự (tức vua Đức Tông) và hệ quả là biến pháp Mậu Tuất (cải cách trăm ngày, từ 11 tháng 6 đến 20 tháng 9 năm 1898) với một loạt sắc lệnh ra đời mà nếu thi hành đúng sẽ thay đổi tận gốc đời sống chính trị của Trung Quốc. Tuy nhiên, phần lớn chúng chỉ khơi lên sự đối kháng quyết liệt của phe bảo thủ trong triều đình. Rốt cuộc, phong trào đã bị nghiền nát dưới tay Từ Hi Thái Hậu. Bà trở về làm nhiếp chính, cầm tù vua Quang Tự, và xử tử sáu nhà cải cách. Khang Hữu Vi [và Lương Khải Siêu] trốn thoát sang Nhật, để rồi mấy năm sau chứng kiến chủ trương quân chủ lập hiến của mình trở nên lạc hậu trước những nhà cách mạng thành lập Trung Hoa Dân Quốc năm 1912.**

Học Nguỵ Kinh Khảo,[4] nói Lưu Hâm 劉歆 là bầy tôi của Vương Mãng 王莽, các kinh điển mà Lưu Hâm nguỵ tạo chỉ là cái học của triều đại Tân 新 (9-23) của Vương Mãng. Khang Hữu Vi nói: «Lưu Hâm sửa kinh trợ giúp việc soán ngôi vua; bản thân Hâm là bầy tôi của triều đại Tân, thì các kinh ấy là Tân học. Sự chính xác của danh nghĩa tại sao lại chối? Đời sau như Hán và Tống, các học phái tranh luận nhau về kinh điển, như nước với lửa. Từ đấy mà xem, phàm những gì mà đời sau ám chỉ là Hán học – như cái học của Giả Quỳ, Mã Dung, Hứa Thận, Trịnh Huyền – đều là Tân học chứ không phải Hán học. Vậy kinh điển mà người đời Tống tôn trọng và thuật lại đa phần là nguỵ kinh chứ không phải là kinh điển [chân truyền] của Khổng Tử.»[5]

Theo đó, Kinh học trải qua các đời từ Đông Hán đến Tấn, Đường, Tống, Minh không phải là chân kinh của Khổng Tử. Chỉ có Kinh học của các nhà Kim văn Kinh học gia đời Tây Hán mới là kinh điển chân truyền của Khổng Tử, là «vi ngôn đại nghĩa» (lời nhỏ, ý nghĩa lớn) của Khổng Tử. Theo Khang Hữu Vi, trước Khổng Tử là thời kỳ mờ mịt không khảo cứu được. Giữa thời Xuân Thu và Chiến Quốc, chư tử cùng nổi lên lập giáo thuyết mà giáo thuyết của Khổng Tử xuất hiện đặc biệt nên về sau được lấy làm tông chỉ để noi theo. Khang Hữu Vi viết: «Vật tích tụ cái thô rồi về sau cái tinh tuý sinh ra; tích tụ cái hèn rồi về sau cái quý sinh ra; tích tụ cái ngu rồi về sau cái trí sinh ra. Tích tụ đất đá rồi thảo mộc sinh ra; tích tụ côn trùng và bò sát rồi cầm thú sinh ra. Con người thì linh hơn vạn vật, nên sinh ra sau cùng. Trận lụt lớn bao trùm khắp nơi. Nhân loại đều sinh ra sau trận lụt lớn, cho nên dân chúng trên cõi đời đều bắt đầu sinh sản từ thời vua Vũ của đời Hạ. Tích tụ người và trí tuệ hai ngàn năm, sự và lý chứa đủ, do đó các bậc ưu tú tài trí kiệt xuất nổi lên không thể ngăn chận. Mỗi nhà dựa vào tư chất thiên phú của mình và môi

---

[4] **LAM chú: Khang Hữu Vi viết *Tân Học Nguỵ Kinh Khảo* (khảo luận về kinh giả trong cái học triều đại Tân của Vương Mãng) và công bố tác phẩm này năm 1891. Nó cùng với *Khổng Tử Cải Chế Khảo* (công bố năm 1898) gây chấn động học giới bấy giờ. Lương Khải Siêu gọi cuốn trước là *cụ phong* 颶風 (cơn gió lốc) cuốn sau là *hoả sơn đại phún hoả* 火山大噴火 (núi lửa phun lửa lớn) trong giới học thuật và tư tưởng thời ấy.**

[5] ***Tân Học Nguỵ Kinh Khảo*: «Hâm ký sức kinh tá soán, thân vi Tân thần, tắc kinh vi Tân học. Danh nghĩa chi chính phục hà từ yên? Hậu thế Hán Tống hỗ tranh, môn hộ thuỷ hoả. Tự thử thị chi, phàm hậu thế sở chỉ mục vi Hán học giả, giai Giả, Mã, Hứa, Trịnh chi học, nãi Tân học phi Hán học dã. Tức Tống nhân sở tôn thuật chi kinh, nãi đa nguỵ kinh, phi Khổng Tử chi kinh dã.»** 歆既飾佐篡，身爲新臣，則經爲新學．名義之正復何辭焉？後世漢宋互爭，門戶水火．自此視之，凡後世所指目爲漢學者，皆賈馬許鄭之學，乃新學非漢學也．即宋人所尊述之經，乃多僞經，非孔子之經也．

trường mình sống mà lập thành luận thuyết, quy tụ học trò, cải cách chế độ, mong muốn dời đổi thiên hạ. Nhưng thiên chất của họ cũng gắn liền Âm Dương, cho nên học thuyết của họ cũng nhiều thiên lệch và bị che lấp; mỗi nhà hiểu một ý nghĩa, giống như tai mắt miệng mũi không thể thông với nhau. Nhưng họ đều kiên trì gian khổ cố gắng tiến hành một mình với học thuyết tinh thâm ẩn áo, nghị lực tự thi hành ý chí, mong lập giáo để bao quát thiên hạ. [...] Khi chư tử hưng thịnh, trong đó có một bậc vô cùng thần thánh mà mọi người quy về, nên ngài tập hợp họ thành một đại thống nhất, và ngài trở thành khuôn mẫu cho muôn đời noi theo. *Luận Hành* (của Vương Sung) khen Khổng Tử là bậc trác tuyệt trong chư tử, lẽ nào không đúng hay sao? Thiên hạ quy về Khổng Tử, Đạo lớn hợp nhất. Cho nên từ đời Hán về sau không có chư tử nữa.»[6]

Khổng Tử lập giáo, Khang Hữu Vi cho rằng ý nghĩa trọng yếu trong đó chính là thuyết «Tam thống tam thế» 三統三世.[7] Ông nói: «Đạo của Khổng Tử lớn thay. Nó mênh mông như Trời và vận chuyển khắp nơi. [...] [Đạo của Khổng Tử] thoạt đầu thì gặp phải sự tầm thường

---

[6] ***Khổng Tử Cải Chế Khảo:*** **«Phàm vật tích thô nhi hậu tinh sinh yên; tích tiện nhi hậu quý sinh yên; tích ngu nhi hậu trí sinh yên. Tích thổ thạch nhi thảo mộc sinh; tích trùng giới nhi cầm thú sinh; nhân vi vạn vật chi linh, kỳ sinh vưu hậu giả dã. Hồng thuỷ giả, đại địa sở cộng dã. Nhân loại chi sinh, giai tại hồng thuỷ chi hậu, cố đại địa dân chúng, giai âu manh ư Hạ Vũ chi thời. Tích nhân tích trí nhị thiên niên, nhi sự lý hàm bị, ư thị tài trí chi vưu tú kiệt giả, phong xuất đĩnh lập, bất khả át mị. Các nhân kỳ thụ thiên chi chất, sinh nhân chi ngộ, thụ luận thuyết, tụ đồ chúng, cải chế lập độ, tư dịch thiên hạ. Duy kỳ chất tỳ tại Âm Dương, cố kỳ thuyết diệc đa thiên tế, các minh nhất nghĩa, như nhĩ mục khẩu tỵ, bất năng tương thông. Nhiên giai kiên khổ độc hành chi lực, tinh thâm áo vĩ chi luận, nghị nhiên tự hành kỳ chí, tư lập giáo đĩ phạm vi thiên hạ giả dã. [...] Tích chư tử chi thịnh, kỳ vưu thần thánh giả, chúng nhân quy chi, tập đại nhất thống, toại phạm vạn thế. Luận Hành xưng Khổng Tử vi chư tử chi trác, khởi bất nhiên tai. Thiên hạ hàm quy y Khổng Tử, đại Đạo toại hợp. Cố tự Hán dĩ hậu vô chư tử.»** 凡物積粗而後精生焉；積賤而後貴生焉；積愚而後智生焉．積土石而草木生；積蟲介而禽獸生；人爲萬物之靈，其生尤後者也．洪水者，大地所共也．人類之生，皆在洪水之後，故大地民衆，皆萌芽於夏禹之時．積人積智二千年，而事理咸備，於是才智之尤秀傑者，蜂出挺立，不可遏靡．各因其受天之質，生人之遇，樹論說，聚徒衆，改制立度，思易天下．惟其質毗在陰陽，故其說亦多偏蔽，各明一義，如耳目口鼻，不能相通．然皆堅苦獨行之力，精深奧瑋之論，毅然自行其志，思立教以範圍天下者也．[...] 積諸子盛，其尤神聖者，衆人歸之，集大一統，遂範萬世．論衡稱孔子爲諸子之卓，豈不然哉．天下咸歸依孔子，大道遂合．故自漢以後無諸子．

[7] **LAM chú:** ***Tam Thống*** **三統 (cũng gọi là Tam Chính 三正) là: hắc thống 黑統, bạch thống 白統, xích thống 赤統 (Xin xem chú thích 90 chương 2 trên đây).** ***Tam Thế*** **三世 là: Cứ Loạn Thế 據亂世, Thăng Bình Thế 升平世, và Thái Bình Thế 太平世 (Xin xem chú thích 130 chương 2 trên đây).**

cố chấp của học thuyết Tuân Tử; khoảng giữa thì bị rối loạn do sự nguỵ tạo [kinh điển] của Lưu Hâm; cuối cùng thì bị tổn hại do sự thiên lệch của Chu Hi. Do đó đạo của *tố vương* 素王 (vua không ngai, tức Khổng Tử) trở nên tối tăm không sáng và bế tắc không phát triển. [...] Bởi thế tôi kính cẩn khảo cứu toàn diện đạo của Khổng Tử. Ban đầu tôi theo vết xe đổ của người đời Tống [mà không biết] nên mắt long lanh sáng rỡ tự cho mình đã đắc đạo; sau tôi mới giác ngộ rằng Khổng Tử đâu có câu chấp và hẹp hòi như thế. Kế đó tôi theo cửa nẻo của người đời Hán, lẫn lộn tự cho mình đã bước trên đường đạo; sau tôi mới giác ngộ rằng Khổng Tử đâu có vụn vặt và rối loạn như thế. Nếu dừng ở chỗ ấy, Khổng Tử là thánh nhân chứ không phải thần nhân. [...] Cho nên tôi bèn vất bỏ sự nguỵ tạo của cổ văn mà tìm [đạo Khổng Tử] nơi Kim văn học, bao gồm [các dị bản] *Thi Kinh* của các nước Tề, Lỗ, Hàn, các bản *Thư Kinh* của Âu Dương và chú cháu Hạ Hầu, *Dịch Kinh* của Mạnh Hỉ, Tiêu Diên Thọ, Kinh Phòng, *Lễ Ký* của Đại Đái và Tiểu Đái, *Xuân Thu* của Công Dương và Cốc Lương. Nhờ đó tôi hiểu được sự biến hoá Âm Dương của Dịch và hiểu được ý nghĩa của tam thế trong *Xuân Thu*. Tôi đã nói rằng: đạo của Khổng Tử lớn, tuy không thể thấy tường tận, nhưng ít nhất cũng liếc thấy được phên vách. Đáng tiếc, đại đạo thì thâm sâu đầy tràn, không thể lấy vài lời mà tóm được điểm trọng yếu của đại đạo. Tôi vất bỏ hết phần truyện mà tìm cầu đại đạo ở phần kinh văn. Đọc tới *Lễ Vận*, tôi rất xúc động mà than rằng: [Thuyết] biến đổi ba đời của Khổng Tử và sự chân thực của đại đạo ở đây rồi. [...] Sách *Lễ Vận* là lời tế vi và chân truyền của Khổng Tử, là kinh điển cực quý của vạn quốc, là phương thuốc thần cho chúng sinh trong thiên hạ khỏi chết.»[8]

[8] *Lễ Vận Chú Tự:* «Hạo hồ Khổng Tử chi đạo, đãng đãng tắc thiên, kỳ vận vô hồ bất tại. [...] Thuỷ ngộ ư Tuân học chi câu lậu, trung loạn ư Lưu Hâm chi nguỵ mậu, mạt cát ư Chu Tử chi thiên an. Ư thị tố vương chi đại đạo, ám nhi bất minh, uất nhi bất phát. [...] Dư sở dĩ khảo cầu Khổng Tử chi đạo giả, ký bác nhi thả kính hĩ. Thuỷ tuần Tống nhân chi đồ triệt, quýnh quýnh hồ tự dĩ vi đắc chi hĩ. Ký ngộ Khổng Tử bất như thị chi câu thả ải dã. Kế tuân Hán nhân chi môn kính, phân phân hồ tự dĩ vi tiễn chi hĩ. Ký ngộ kỳ bất như thị chi toái thả loạn dã. Cầu chỉ ư thị hồ, Khổng Tử kỳ thánh nhi bất thần hĩ. [...] Ký nãi khử cổ học chi nguỵ, nhi cầu chi kim văn học. Phàm Tề Lỗ Hàn chi Thi, Âu Dương đại tiểu Hạ Hầu chi Thư, Mạnh Tiêu Kinh chi Dịch, đại tiểu Đái chi Lễ, Công Dương Cốc Lương chi Xuân Thu, nhi đắc Dịch chi Âm Dương chi biến, Xuân Thu tam thế chi nghĩa. Viết: Khổng Tử chi đạo đại, tuy bất khả tận kiến, nhi thử cơ khuy kỳ phiên. Tích kỳ di thâm thái mạn, bất đắc sổ ngôn nhi cai đại đạo chi yếu dã. Nãi tận xả truyện thuyết, nhi cầu chi kinh văn. Độc chí Lễ Vận, nãi hạo nhiên nhi thán viết: Khổng Tử tam thế chi biến, đại đạo chi chân tại thị hĩ. [...] Thị thư dã, Khổng thị chi vi ngôn chân truyền, vạn quốc chi vô thượng bảo điển, nhi thiên hạ quần sinh chi khởi tử thần phương tai.» 浩乎孔子之道，蕩蕩則天，其運無乎不在。[...] 始誤於荀學之拘陋，中亂於劉歆之僞謬，末割於朱子之偏安，於是素王之大道，閘而不明，鬱而不發。[...] 予所以考求孔子之道者，既博而且敬矣。始循宋人之途轍，炯炯乎自以爲得之矣。既悟孔

Khang Hữu Vi cho rằng: «Đạo của Khổng Tử có sự vận hành của *tam thế* 三世, *tam thống* 三統, *ngũ đức* 五德. Nhân, nghĩa, trí, tín ứng với bốn mùa mà vận hành.[9] Vận hành nhân 仁 là *đạo đại đồng* 大同; vận hành lễ 禮 là *đạo tiểu khang* 小康.»[10] Theo Khang Hữu Vi, danh từ «đại đạo» 大道 trong *Lễ Vận* tức là «nhân lý trí công, thái bình thế đại đồng chi đạo» 人理致公太平世大同之道 (đạo đại đồng của đời Thái Bình mà các nguyên lý của con người đạt tới công bình). Danh từ «tam đại chi anh» 三代之英 (các bậc anh tài hay thánh nhân của ba đời Hạ, Thương, Chu) trong *Lễ Vận* ám chỉ «Thăng Bình thế tiểu khang chi đạo» 升平世小康之道 (đạo an khang nhỏ của đời thanh bình). Đó chính là ý nghĩa của tam thế (ba đời) mà *Xuân Thu Công Dương Truyện* nói (tức là: Cứ Loạn Thế 據亂世, Thăng Bình Thế 升平世, và Thái Bình Thế 太平世. Xin xem tiết 12 của chương 2).

Khang Hữu Vi lại cho rằng trong *Luận Ngữ* cũng nói đến ý nghĩa của tam thế: «Nhân đạo tiến hoá, đều có định vị, từ chế độ thị tộc mà thành bộ lạc, rồi thành quốc gia. Từ quốc gia mà thành đại thống nhất. Từ một người rồi dần lập tù trưởng; từ tù trưởng rồi dần lập quân chủ; từ quân chủ rồi dần thành lập hiến; từ lập hiến rồi dần thành cộng hoà. Từ một người rồi dần có vợ chồng; từ vợ chồng rồi dần xác định cha con; từ cha con rồi mới yêu khắp đồng loại; từ yêu khắp đồng loại rồi dần thành đại đồng. Do đó trở lại [như] là một người. Cho nên có sự tiến hoá từ đời Cứ Loạn tới đời Thăng Bình, đời Thăng Bình tới đời Thái Bình. Sự tiến hoá có mức độ dần dần, sự cải cách có nguyên do. Suy nghiệm điều ấy ở vạn nước, nước nào cũng cùng phong hoá. Xem đứa trẻ cũng có thể biết

---

子不如是之拘且隘也.繼遵漢人之門徑,紛紛乎自以爲踐之矣.既悟其不如是之碎且亂也.苟止於是乎,孔子其聖而不神矣. [...] 既乃去古學之僞,而求之今文學.凡齊魯韓之詩,歐陽大小夏侯之書,孟焦京之易,大小戴之禮,公羊穀梁之春秋,而得易之陰陽之變,春秋三世之義.曰:孔子之道,雖不可盡見,而庶幾窺其藩.惜其獺深太漫,不得數言而賅大道之要也.乃盡舍傳說,而求之經文.讀至禮運,乃浩然嘆曰:孔子三世之變,大道之眞在是矣. [...] 是書也,孔氏之微言眞傳,萬國之無上寶典,而天下群生之起死神方哉.

9 **LAM chú: Nguyên văn chỉ có bốn chữ «nhân, nghĩa, trí, tín» ứng với bốn mùa; trong bản tiếng Anh, Derk Bodde thêm chữ «lễ» và chú thích: «Theo Kim văn kinh học gia, nhân ứng với hướng đông (=xuân), nghĩa ứng với hướng tây (=thu), lễ ứng với hướng nam (=hạ), trí ứng với hướng bắc (=đông), tín ứng với trung ương. Tín không ứng với mùa nào cả, mà chỉ trợ giúp sự vận hành của bốn mùa thôi. (Xem: tiết 8 của chương 2).»**

10 ***Lễ Vận Chú:* «Khổng Tử chi Đạo hữu tam thế, hữu tam thống, hữu ngũ đức chi vận. Nhân, nghĩa, trí, tín, các ứng thời nhi hành vận. Nhân vận giả, đại đồng chi đạo, lễ vận giả tiểu khang chi đạo.»** 孔子之道有三世,有三統,有五德之運.仁義智信各應時而行運.仁運者,大同之道,禮運者,小康之道.


康有爲

Khang Hữu Vi

lúc nó trưởng thành và già yếu; xem mầm non có thể biết lúc nó thành cây tròn một ôm và cao chọc trời; xem sự tổn ích của tam thống của ba đời Hạ, Ân, Chu cũng có thể suy ra sự biến đổi và cải cách của trăm đời vậy. Khổng Tử viết *Xuân Thu*, chủ trương *tam thế* (ba đời). Trong đời Cứ Loạn, ngài xem nước Lỗ của mình là bên trong (tức trung tâm), và xem các nước còn lại của Trung Quốc (chư Hạ 諸夏) là ở bên ngoài. Trong đời Thăng Bình (yên bình sắp đến) ngài xem các nước của Trung Quốc (chư Hạ 諸夏) là bên trong (tức trung tâm), và xem các nước di địch [tức các nước bị gọi là «man rợ»] là ở bên ngoài. Trong đời Thái Bình các nước lớn nhỏ, xa gần, được xem như một. Làm như thế là ngài suy ra từ nguyên lý tiến hoá. Khổng Tử sinh vào đời Cứ Loạn. Ngày nay [các nước trên] quả đất đã thông với nhau, Âu Mỹ biến chuyển lớn, nên tiến tới đời Thăng Bình. Rồi sẽ một ngày trên địa cầu các nước lớn nhỏ, xa gần, được xem như một. Biên giới các nước không còn, chủng loại không phân biệt, phong tục và văn hoá cùng giống nhau, tức là thái bình như một. Khổng Tử đã dự đoán và biết điều ấy.»[11]

[11] *Luận Ngữ Chú:* «Nhân đạo tiến hoá, giai hữu định vị, tự tộc chế nhi vi bộ lạc, nhi thành quốc gia. Do quốc gia nhi thành đại thống. Do độc nhân nhi tiệm lập tù trưởng, do tù trưởng nhi tiệm chính quân thần, do quân thần nhi tiệm vi lập hiến, do lập hiến nhi tiệm vi cộng hoà. Do độc nhân nhi tiệm vi phu phụ, do phu phụ nhi tiệm định phụ tử, do phụ tử nhi kiêm tích nhĩ loại, do tích loại nhi tiệm vi đại đồng, ư thị phục vi độc nhân. Cái tự cứ loạn tiến vi thăng bình, thăng bình tiến vi thái bình, tiến hoá hữu tiệm, nhân cách hữu do, nghiệm chi vạn quốc, mạc bất đồng phong. Quan anh nhi khả dĩ tri tráng phu cập lão nhân, quan manh nha khả dĩ tri hợp bão nhi tham thiên, quan Hạ Ân Chu tam thống chi tổn ích, diệc khả suy bách thế chi biến cách hĩ. Khổng Tử chi vi Xuân Thu, trương vi tam thế. Cứ loạn thế tắc nội kỳ quốc nhi ngoại chư Hạ. Thăng bình thế tắc nội chư Hạ, ngoại di địch. Thái bình thế tắc viễn cận đại tiểu nhược nhất. Cái suy tiến hoá chi lý nhi vi chi. Khổng Tử sinh đương cứ loạn chi thế. Kim giả đại địa ký thông, Âu Mỹ đại biến, cái tiến chí thăng bình chi thế hĩ. Dị nhật đại địa đại tiểu viễn cận như nhất, quốc thổ ký tận, chủng loại bất phân, phong hoá tề đồng, tắc như nhất nhi thái bình hĩ. Khổng Tử dĩ dự tri chi.» 人道進化，皆有定位，自族制而爲部落，而成國家．由國家而成大統．由獨人而漸立酋長，由酋長而漸正君臣，由君臣而漸爲立憲，由立憲而漸爲共和．由獨人而漸爲夫婦，由夫婦而漸定父子，由父子而兼錫爾類，由錫類而漸爲大同，於是復爲獨人．蓋自據亂進爲升平，升平進爲太平，進化有漸，因革有由，驗之萬國，莫不同風．觀嬰兒可以知壯夫及老人，觀萌芽可以知合抱而參天，觀夏殷周三統之損益，亦可推百世之變革矣．孔子之爲春秋，張爲三世．據亂世則內其國而內諸夏，外夷狄．太平世則遠近大小若一．蓋推進化之理而爲之．孔子生當據亂之世．今者大地既通，歐美大變，蓋進至升平之世矣．異日大地大小遠近如一，國土既盡，種類不分，風化齊同，則如一而太平矣．孔子已預知之．

Luận Ngữ nói: «Đời Ân (Thương) theo chế độ nghi lễ của đời Hạ, có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Đời Chu theo chế độ nghi lễ của đời Ân (Thương), có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Sau này có đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được.»[12] Khang Hữu Vi cho rằng câu nói ấy cũng có ý nghĩa về tam thống và tam thế.

Trung Dung chép một câu tối nghĩa: «Vương thiên hạ hữu *tam trùng* yên, kỳ quả quá hĩ hồ?» 王天下有三重焉，其寡過矣乎.[13] Khang Hữu Vi hiểu *trùng* 重 là *phục* 復 (trở lại); cho nên *tam trùng* 三重 là «tam thế chi thống» 三世之統 (sự thống nhất ba đời); do đó câu ấy có nghĩa là: «Sự cai trị thiên hạ có sự thống nhất ba đời; [nếu chú ý làm tốt] thì sẽ bớt lỗi lầm.»

Khang Hữu Vi lại nói: «Các chế độ của Khổng Tử đều lập trên thực tế. Thí dụ như lập tý là tháng giêng của Bạch thống, và màu trắng được chuộng; nên triều phục và khăn mũ đều có màu trắng; ngày nay các nước Âu Mỹ noi theo đó. Lập sửu [là tháng chạp] thì nước Nga và Hồi giáo thi hành. Quy định cho Minh đường là phải có 36 cửa sổ và 72 cửa lớn một cánh. Quy định cho nhà cửa là phải cao, dốc, tròn, lớn, hoặc bầu dục hoặc hình vuông, hoặc trên tròn dưới vuông; cung thất của Âu Mỹ noi theo đó. Áo đài có đuôi ở sau, nên lễ phục của các nước Âu Mỹ noi theo đó. Phân chia ngày, hoặc theo nửa đêm hoặc theo gà gáy hoặc theo bình minh, các nước phương Tây lấy giữa trưa để phân chia ngày, cũng là suy ra từ tam trùng. [...] Tình người bị thói quen che lấp, họ yên lòng với chế độ của một thống hay một thế nào đó, nên khi thấy một chế độ khác thì họ kinh sợ và hoài nghi. Điều này gây ra nhiều lỗi lầm. Nếu chúng ta biết ý nghĩa tam trùng của Khổng Tử, có lẽ chúng ta sẽ không

---

[12] ***Luận Ngữ*** **(Vi Chính): «Tử viết: Ân nhân ư Hạ lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Chu nhân ư Ân lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế, khả tri dã.»** 子曰：殷因於夏禮，所損益，可知也．周因於殷禮，所損益，可知也．其或繼周者，雖百世，可知也．

[13] ***Trung Dung*** **(chương 29): «Vương thiên hạ hữu tam trọng yên, kỳ quả quá hĩ hồ?»** 王天下有三重焉，其寡過矣乎．**LAM chú: Các sách chú giải thường hiểu là: «Bậc làm vua của thiên hạ có ba điều hệ trọng; [nếu làm tốt] thì dân chúng sẽ bớt đi lỗi lầm.» Ba điều hệ trọng ấy được nói ở chương 28 là:** ***Nghị lễ*** 議禮，***chế độ*** 制度，***khảo văn*** 考文: **«Phi thiên tử bất nghị lễ, bất chế độ, bất khảo văn.»** 非天子不議禮，不制度，不考文 **(Nếu chẳng phải là thiên tử thì không được nghị luận về lễ, không được ấn định chế độ phép tắc, không được khảo định văn tự). Khang Hữu Vi hiểu** 三重 **là** *tam trùng* **(ba tầng).**

có cái nhìn lo buồn và lẫn lộn?»[14]

Khang Hữu Vi phát triển thuyết tam thống và tam thế, muốn lấy nó để bao quát kiến thức mới mẻ và thực tế mới mẻ của thời bấy giờ; tức là lấy bình cũ mà đựng rượu mới. Khang Hữu Vi cũng muốn lấy nó để làm căn cứ cho biến pháp duy tân trên phương diện chính trị. Ông nói: «Phép tắc của Khổng Tử chú trọng ở sự tuỳ thời. Đang đời hôn loạn, giáo hoá chưa đến nơi, mà thi hành chế độ của đời Thái Bình, ắt sinh tai hại lớn. Đang đời Thăng Bình nhưng [còn giữ chế độ của đời] Cứ Loạn, thì cũng sinh tai hại lớn. Thí dụ như nay là đời Thăng Bình, thì ta phải phát huy ý nghĩa tự chủ và tự lập, nghị luận công khai việc lập hiến. Nếu không cải cách phép tắc, ắt loạn lớn sinh ra.»[15]

Đến đời Thăng Bình thì phải thi hành chế độ đời Thăng Bình. Khang Hữu Vi rõ ràng tự xem chủ trương của ông đối với nền chính trị đương thời là phù hợp với các chế độ của đời Thăng Bình.

b. Đại Đồng Thư

Khổng Tử có thuyết tam thế, nhưng ông nói rất sơ lược về ý nghĩa đại đồng của đời Thái Bình. Khang Hữu Vi nói: «Khổng Tử phát minh nhiều chế độ cho đời Cứ Loạn tiểu khang, nhưng ít chế độ cho đời Thái Bình đại đồng. Bởi vì tiến trình dẹp loạn phải linh động tuỳ thời. Thời

---

[14] *Trung Dung Chú:* **«Khổng Tử chi chế giai vi thực sự. Như kiến tý vi chính nguyệt, bạch thống thượng hạch, tắc triều phục thủ phục giai bạch, kim Âu Mỹ các quốc tòng chi. Kiến sửu tắc Nga La Tư Hồi giáo hành chi. Minh đường chi chế, tam thập lục dũ, thất thập nhị hộ, ốc chế cao nghiêm viên xỉ, hoặc tuỳ viên hành phương, hoặc thượng viên hạ phương, tắc Âu Mỹ cung thất tòng chi. Y trường hậu nhẫm, tắc Âu Mỹ các quốc lễ phục tòng chi. Nhật phân hoặc nhật bán, hoặc kê minh hoặc bình minh, Thái Tây dĩ nhật ngọ vi nhật phân, diệc tam trùng chi loại suy dã. [...] Nhân tình tế ư sở tập, an ư nhất thống nhất thế chi chế, kiến tha chế tức kinh nghi chi, thử sở dĩ đa quá dã, nhược tri Khổng Tử tam trùng chi nghĩa, thử cơ bất chí bi ưu huyễn thị hồ?»** 孔子之制皆爲實事．如建子爲正月，白統上白，則朝服首服皆白，今歐美各國從之．建丑則俄羅斯回教行之．明堂之制，三十六牖，七十二戶，屋制高嚴員侈，或橢員衡方，或上員下方，則歐美宮室從之．衣長後衽，則歐美各國禮服從之．日分或日半，或雞鳴或平明，泰西以日午爲日分，亦三重之類推也．[...] 人情蔽於所習，安於一統一世之制，見他制即驚疑之，此所以多過也，若知孔子三重之義，庶幾不至悲憂眩視乎?

[15] *Trung Dung Chú:* **«Khổng Tử chi pháp, vụ tại nhân thời. Đương thảo muội loạn thế, giáo hoá vị chí, nhi hành thái bình chi chế, tất sinh đại hại. Đương thăng bình thế nhi nhưng thủ cứ loạn, diệc sinh đại hại dã. Thí chi kim đương thăng bình chi thời, ưng phát tự chủ tự lập chi nghĩa, công nghị lập hiến chi sự. Nhược bất cải pháp, tắc đại loạn sinh.»** 孔子之法，務在因時．當草昧亂世，教化未至，而行太平之制，必生大害．當升平世而仍守據亂，亦生大害也．譬之今當升平之時．應發自主自立之義，公議立憲之事．若用改法，則大亂生.

của Khổng Tử, người đời còn ấu trĩ. Giống như nuôi dưỡng trẻ thơ, không thể lột ngay tã lót ra là biến nó thành người lớn tức khắc. Chế độ cho đời Cứ Loạn, Khổng Tử bất đắc dĩ phải làm. Nhưng đối với phép tắc cho đời Thái Bình và đạo đại đồng, tuy ngài dự tính khiến nó trở nên xán lạn mà cũng không đạt được chí nguyện, vì ngài sinh không đúng thời. Nguyên lý của tiến hoá có quỹ đạo nhất định, không thể vượt qua. Hễ đến đúng thời thì tự nó phải biến thông. Cho nên phép tắc tam thế và đạo tam thống mỗi thứ mỗi khác. Trong gian khổ có thể thấy ngài chỉ nhằm cứu đời. Khổng Tử biết rằng ba ngàn năm sau ắt có một thánh nhân lại ra đời để phát huy giáo lý mới về đại đồng. Vị thánh nhân ấy hẳn sẽ không vượt ra ngoài quỹ đạo Thăng Bình đến Thái Bình, cũng không cho rằng dẹp loạn và tiểu khang là sai lầm.»[16]

Luận Ngữ chép: «[Khổng Tử nói:] Sau này có đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được.» Khang Hữu Vi giải thích 30 năm là một đời, trăm đời tức ba ngàn năm. Cho nên «ba ngàn năm sau ắt có một thánh nhân lại ra đời để phát huy giáo lý mới về đại đồng». Qua đó, Khang Hữu Vi tự xem mình là thánh nhân ấy và ông viết *Đại Đồng Thư* để «phát huy giáo lý mới về đại đồng».

Trong chương 1 của *Đại Đồng Thư,* Khang Hữu Vi luận về «con người có lòng bất nhẫn» rằng: «Nguyên khí 元氣 mênh mang, tạo nên trời đất. Trời là một hồn chất 魂質 (chất có hồn) của vạn vật; người cũng là một hồn chất của vạn vật. Tuy hình thể lớn nhỏ khác nhau nhưng đều có chung hạo khí 浩氣 (khí lớn) phát xuất từ Thái Nguyên 太元 (khởi đầu lớn), [trời và người] khác nào hai giòng suối nhỏ phát xuất từ

---

[16] *Trung Dung Chú:* «Khổng Tử phát minh cứ loạn tiểu khang chi chế đa, nhi thái bình đại đồng chi chế thiểu. Cái uỷ khúc tuỳ thời, xuất ư bất loạn dã. Khổng Tử chi thời, thế thượng ấu trĩ. Như dưỡng anh nhi giả, bất năng cự đãi dĩ thành nhân, nhi sậu lý ư cường bảo. Cứ loạn chi chế, Khổng Tử chi bất đắc dĩ dã. Nhiên thái bình chi pháp, đại đồng chi đạo, cố dự vi xán trần, đãn sinh phi kỳ thời, hữu chí vị đãi nhĩ. Tiến hoá chi lý, hữu nhất định chi quỹ đạo, bất năng siêu độ. Ký chí kỳ thời, tự đương biến thông. Cố tam thế chi pháp, tam thống chi đạo, các dị. Khổ trung khả kiến, đãn tại cứu thời. Khổng Tử tri tam thiên niên hậu, tất hữu thánh nhân phục tác, phát huy đại đồng chi tân giáo giả. Nhiên tất bất năng ngoại thăng bình thái bình chi quỹ, tắc diệc bất nghi phù bát loạn tiểu khang chi ngộ dã.» 孔子發明據亂小康之制多，而太平大同之制少．蓋委曲隨時，出於撥亂也．孔子之時，世上幼稚．如養嬰兒者，不能遽待以成人，而驟離於襁褓．據亂之制，孔子之不得已也．然太平之法，大同之道，固預爲燦陳，但生非其時，有志未逮耳．進化之理，有一定之軌道，不能超度．既至其時，自當變通．故三世之法，三統之道，各異．苦衷可見，但在救時．孔子知三千年後，必有聖人復作，發揮大同之新教者．然必不能外升平太平之軌，則亦不疑夫撥亂小康之誤也．

biển lớn. Khổng Tử nói: "Đất chở thần khí; thần khí tạo gió và sấm; gió và sấm đưa [hạt giống] đi [khắp nơi để thành] hình; vạn vật hiển lộ sự sống." Thần là điện có tri giác. Điện sáng có thể truyền đi khắp nơi. Thần khí có thể cảm thụ khắp nơi. Thần quỷ thần đế, sinh trời sinh đất. Thần toàn thể là nguồn, thần phân ra là người. Thật vi diệu thay! Thần ấy có xúc cảm! Chẳng sinh vật nào mà không có điện; chẳng sinh vật nào mà không có thần. Thần ấy là khí có tri giác, là sự hiểu biết của hồn, là cái sáng của tinh, là sáng láng linh diệu, là đức sáng. Mặc dù có nhiều tên như vậy, kỳ thực chỉ là một. Có tri giác thì ắt có thu hút; đá nam châm cũng thế, huống hồ là người? *Bất nhẫn* (= không đành lòng trước đau khổ của người khác) là lực thu hút. Cho nên *nhân* (nhân ái) và *trí* cùng tàng [chứa trong tâm] thì *trí* ưu tiên hơn *nhân*; *nhân* và *trí* cùng được áp dụng, thì *nhân* quý hơn *trí*.»[17]

Trên đây đúng là thuyết của Trình Hạo và Vương Dương Minh: «Người có lòng nhân ái thì xem trời đất và vạn vật là một thể.» Khang Hữu Vi đã thêm vào đó các ý tưởng mới mẻ trong vật lý học của phương Tây mà người đương thời nghe nói đến. Sự chiết trung này là điều không tránh khỏi trong thời đại của ông. Ai ai cũng có lòng bất nhẫn cho nên giáo lý đại đồng là khả thi.

Con người có tri giác, biết sướng biết khổ. Khang Hữu Vi nói: «Sinh vật có tri giác, bộ não chứa linh diệu. Bộ não tiếp xúc với vật hay không phải vật ở bên ngoài thì nó có cái đúng và cái không đúng, có cái thích hợp và cái không thích hợp. Cái đúng và thích hợp với bộ não khiến thần

---

[17] *Đại Đồng Thư:* «Phù hạo hạo nguyên khí, tạo khởi thiên địa. Thiên giả, nhất vật chi hồn chất dã. Nhân giả, diệc nhất vật chi hồn chất dã. Tuy hình hữu đại tiểu, nhi kỳ phân hạo khí ư thái nguyên, ấp quyên trích ư đại hải, vô đĩ dị dã. Khổng Tử viết: "Địa tải thần khí; thần khí phong đình; phong đình lưu hình; thứ vật lộ sinh." Thần giả, hữu tri chi điện dã. Quang điện năng vô sở bất truyền, thần khí năng vô sở bất cảm. Thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa. Toàn thần phân thần, duy nguyên duy nhân. Vi hồ diệu tai, kỳ thần chi hữu xúc tai. Vô vật vô điện, vô vật vô thần. Phù thần giả, tri khí dã, hồn tri dã, tinh sảng dã, linh minh dã, minh đức dã; sổ giả, dị danh nhi đồng thực. Hữu giác tri tắc hữu hấp nhiếp, từ thạch do nhiên, hà huống ư nhân? Bất nhẫn giả, hấp nhiếp chi lực dã. Cố nhân trí đồng tàng, nhi trí vi tiên; nhân trí đồng dụng, nhi nhân vi quý hĩ.» 夫浩浩元氣，造起天地．天者，一物之魂質也．人者，亦一物之魂質也．雖形有大小，而其分浩氣於太元，挹涓滴於大海，無以異也．孔子曰："地載神氣；神氣風霆；風霆流形；庶物露生．"神者，有知之電也．光電能無所不傳，神氣能無所不感．神鬼神帝，生天生地．全神分神，惟元惟人．微乎妙哉，其神之有觸哉．無物無電，無物無神．夫神者，知氣也，魂知也，精爽也，靈明也，明德也；數者，異名而同實．有覺知則有吸攝，磁石猶然，何況於人？不忍者，吸攝之力也．故仁智同藏，而智爲先；仁智同用，而仁爲貴矣．

hồn vui sướng. Cái không đúng và không thích hợp với bộ não khiến thần hồn đau khổ. Trong con người, bộ não thì linh diệu nhất, còn thần hồn thì trong trẻo và sáng láng nhất. Các vật hay không phải vật cảm thụ vào thân thể thì rất nhiều. Nếu chúng tinh tế và gấp rút, thì cái thích hợp hay không thích hợp trở nên rõ ràng nhất. Cái thích hợp và đúng thì được chấp nhận, cái không thích hợp và không đúng thì bị từ chối. Cho nên đạo người chỉ có cái đúng và cái không đúng. Cái không đúng gây đau khổ, cái đúng mà thêm đúng nữa thì khiến vui sướng. Cho nên đạo người (nhân đạo) dựa theo người mà xem là đạo. Đạo dựa theo người, chỉ là đau khổ và vui sướng mà thôi. Kẻ mưu sự cho nhân loại thì trừ khử đau khổ cho họ để họ được vui sướng, chứ chẳng có con đường nào khác.»[18]

Khang Hữu Vi còn nói: «Cho nên chúng sinh khắp thiên hạ đều mong cầu vui sướng và tránh đau khổ mà thôi, chứ chẳng có con đường nào khác. Nhiều người đi trên những con đường tà vạy, giả dối, quanh co; bước đi trong gian khổ mà không than thở, cũng chỉ nhằm mong cầu vui sướng mà thôi. Tuy bản tính con người không giống nhau, nhưng có thể phỏng đoán mà nói rằng con đường của nhân loại chẳng phải để mong cầu đau khổ và vất bỏ vui sướng. Lập ra phép tắc và sáng lập tôn giáo là để nhân loại vui sướng và không đau khổ, đó là thiện của thiện vậy. Có thể khiến cho nhân loại vui sướng nhiều và đau khổ ít, đó là thiện nhưng chưa được thiện trọn vẹn. Khiến cho nhân loại đau khổ nhiều và vui sướng ít, đó là bất thiện vậy.»[19]

---

[18] *Đại Đồng Thư:* «Phù sinh vật chi hữu tri giả, não cân hàm linh. Kỳ dữ vật phi vật chi xúc ngộ dã, tức hữu nghi hữu bất nghi, hữu thích hữu bất thích. Kỳ ư não cân thích thả nghi giả, tắc thần hồn vi chi lạc. Kỳ ư não cân bất thích bất nghi giả, tắc thần hồn vi chi khổ. Huống ư nhân hồ, não cân vưu linh, thần hồn vưu thanh minh, kỳ vật phi vật chi cảm nhập ư thân giả vưu phồn khoả. Tinh vi cấp tiệp, nhi thích bất thích vưu trứ minh yên. Thích nghi giả thụ chi, bất thích nghi giả cự chi. Cố phù nhân đạo chỉ hữu nghi bất nghi. Bất nghi giả, khổ dã; nghi chi hựu nghi giả, lạc dã. Cố phù nhân đạo giả, y nhân dĩ vi đạo. Y nhân chi đạo, khổ lạc nhi dĩ. Vi nhân mưu giả, khử khổ dĩ cầu lạc nhi dĩ, vô tha đạo hĩ.» 夫生物之有知者，腦筋含靈．其與物非物之觸遇也，即有宜有不宜，有適有不適．其於腦筋適且宜者，則神魂爲之樂．其於腦筋不適不宜者，則神魂爲之苦．況於人乎，腦筋尤靈，神魂尤清明，其物非物之感入於身者尤繁夥．精微急捷，而適不適尤著明焉．適宜者受之，不適宜者拒之．故夫人道只有宜不宜．不宜者，苦也；宜之又宜者，樂也．故夫人道者，依人以爲道．依人之道，苦樂而已．爲人謀者，去苦以求樂而已，無他道矣．

[19] *Đại Đồng Thư:* «Cố phổ thiên hạ hữu sinh chi đồ, giai dĩ cầu lạc miễn khổ nhi dĩ, vô tha đạo hĩ. Kỳ hữu vu kỳ đồ, giả kỳ đạo, khúc chiết dĩ phó, hành khổ nhi bất yếm giả, diệc dĩ cầu lạc nhi dĩ. Tuy nhân chi tính hữu bất đồng hồ nhi khả đoán đoán ngôn chi viết, nhân đạo vô cầu khổ khử lạc giả dã. Lập pháp sáng giáo, lệnh nhân hữu lạc nhi vô khổ, thiện chi thiện giả dã. Năng lệnh nhân lạc đa khổ thiểu, thiện nhi vị tận thiện giả dã. Lệnh nhân khổ đa lạc thiểu, bất thiện giả dã.» 故普天下有生之徒，皆以求樂免苦而已，無他道矣．其有迂其塗，假其道

Chấp nhận tiêu chuẩn ấy có nghĩa là «đạo đại đồng và thái bình» chính là phép tắc và tôn giáo chí thiện. Khang Hữu Vi nói: «Chúng ta quan sát khắp phép tắc trên đời, nếu muốn cứu khổ cho người sống và mong cho họ có hạnh phúc lớn, thì không thể vất bỏ đạo đại đồng. Đạo đại đồng rất công bình, rất nhân ái, rất thịnh trị. Dù có đạo nào tốt mấy cũng không thể hơn được nó.»[20]

Do đó «bậc thần minh thánh vương» là Khổng Tử đã «lập ra phép tắc tam thống và tam thế, sau đời Cứ Loạn, chuyển sang đời Thăng Bình và đời Thái Bình; sau thời tiểu khang thì tiến sang thời đại đồng». Khang Hữu Vi cho rằng «cái khổ của người đời là khôn lường, là bất khả tư nghị (không thể nghĩ bàn)» nhưng nếu tính đại khái thì các đau khổ ấy là: «*Có 7 cái khổ của kiếp người:* 1- đầu thai, 2- chết yểu, 3- tàn phế khuyết tật, 4- dã man, 5- sống ở biên cương, 6- làm nô tì, 7- làm phụ nữ. *Có 8 cái khổ do thiên tai:* 1-đói kém do lụt hay hạn hán, 2- bệnh dịch, 3- hoả hoạn, 4- lụt lội, 5- núi lửa phun, 6- nhà sập, 7- đắm thuyền, 8- nạn cào cào phá mùa màng. *Có 5 cái khổ của nhân đạo:* 1- già không vợ và già không chồng, 2- mồ côi và già không con, 3- tật bệnh nan y, 4- bần cùng, 5- ti tiện. *Có 7 cái khổ của nền cai trị:* 1- hình phạt và giam cầm, 2- thuế nặng, 3- quân dịch, 4- giai cấp, 5- áp chế, 6- có quốc gia, 7- có gia đình. *Có 6 cái khổ của tình người:* 1- ngu xuẩn, 2- thù oán, 3- lao khổ, 4- luyến ái, 5- bám víu và vướng luỵ, 6- ham muốn. *Có 5 cái khổ do được kính trọng và ngưỡng mộ:* 1- người giàu, 2- người sang, 3- người sống thọ, 4- đế vương, 5- thần, thánh, tiên, phật.»[21]

,曲折以赴,行苦而不厭者,亦以求樂而已.雖人之性有不同乎而可斷斷言之曰,人道無求苦去樂者也.立法創教,令人有樂而無苦,善之善者也.能令人樂多苦少,善而未盡善者也.令人苦多樂少,不善者也.

20 *Đại Đồng Thư:* «Biến quan thế pháp, xả đại đồng chi đạo, nhi dục cứu sinh nhân chi khổ, cầu kỳ đại lạc, đãi vô do dã. Đại đồng chi đạo, chí bình dã, chí công dã, chí nhân dã, trị chi chí dã. Tuy hữu thiện đạo, vô dĩ gia thử hĩ.» 遍觀世法,舍大同之道,而欲救生人之苦,求其大樂,殆無由也.大同之道,至平也,至公也,至仁也,治之至也.雖有善道,無以加此矣.

21 *Đại Đồng Thư:* «Nhân sinh chi khổ thất: nhất đầu thai, nhị yểu chiết, tam phế tật, tứ man dã, ngũ biên địa, lục nô tì, thất phụ nữ. Thiên tai chi khổ bát: nhất thuỷ hạn cơ hoang, nhị dịch lệ, tam hoả phần, tứ thuỷ tai, ngũ hoả sơn, lục ốc hoại, thất thuyền trầm, bát hoàng trùng. Nhân đạo chi khổ ngũ: nhất quan quả, nhị cô độc, tam tật bệnh vô y, tứ bần cùng, ngũ ti tiện. Nhân trị chi khổ thất: nhất hình ngục, nhị hà thuế, tam binh dịch, tứ giai cấp, ngũ áp chế, lục hữu quốc, thất hữu gia. Nhân tình chi khổ lục: nhất ngu xuẩn, nhị thù oán, tam lao khổ, tứ ái luyến, ngũ khiên luỵ, lục nguyện dục. Nhân sở tôn tiện chi khổ ngũ: nhất phú nhân, nhị quý giả, tam lão thọ, tứ đế vương, ngũ thần thánh tiên phật.» 人生之苦七:一投胎,二夭折,三廢疾,四蠻野,五邊地,六奴婢,七婦女.天災之苦八:一水旱飢荒,二疫癘,三火焚,四

Muốn tránh được các nỗi khổ ấy thì phải biết nguồn gốc của chúng. Khang Hữu Vi nói: «Mọi đau khổ ấy đều là đau khổ của con người; còn như tình trạng đau khổ của các loài có lông mao, có lông vũ, có vẩy, có mai, thì không cần bàn luận. Tuy nhiên nếu nhìn chung các đau khổ của đời người, ta thấy nói chung nguồn gốc của đau khổ đều là do *cửu giới* 九界 (9 cõi) mà thôi. Cửu giới là gì? 1- *quốc giới:* phân biệt cương thổ và bộ lạc; 2- *cấp giới:* phân sang hèn, thanh trọc; 3- *chủng giới:* phân biệt màu da vàng, trắng, nâu đỏ, đen; 4- *hình giới:* phân biệt nam nữ; 5- *gia giới:* phân biệt cha con, chồng vợ; 6- *nghiệp giới:* phân biệt các nghề nông, công, thương; 7- *loạn giới:* có phép tắc không bình đẳng, không thông suốt, không đồng nhất, không công bằng; 8- *loại giới:* có sự phân biệt giữa người với chim, thú, côn trùng, cá; 9- *khổ giới:* lấy khổ sinh khổ, truyền giống mãi mãi, không thể nghĩ bàn.»[22]

Nếu biết nguồn gốc của khổ là cửu giới, thì khử bỏ cửu giới tức là có thể diệt khổ. Khang Hữu Vi nói: «Cứu khổ như thế nào? Giống như tuỳ bệnh cho thuốc. Chúng ta phải diệt trừ cửu giới, tháo gỡ ràng buộc của nó. Chúng ta hãy bay lên cõi siêu nhiên, chạm tới trời và xuyên thấu vào chỗ cực thâm u. Tuy mênh mang tự tại, chúng ta hãy đạt tới hạnh phúc tột cùng trong cảnh giới thái bình đại đồng, trường sinh, vĩnh giác. Đạo cứu khổ của tôi, chỉ là diệt trừ cửu giới mà thôi: 1- *diệt trừ quốc giới:* hợp nhất các nước thành một cõi đất lớn; 2- *diệt trừ cấp giới:* xoá giai cấp để dân tộc bình đẳng; 3- *diệt trừ chủng giới:* đồng nhất nhân

---

水災，五火山，六屋壞，七船沈，八蝗蟲．人道之苦五：一鰥寡，二孤獨，三疾病無醫，四貧窮，五卑賤．人治之苦七：一刑獄，二苛稅，三兵役，四皆級，五壓制，六有國，七有家．人情之苦六：一愚蠢，二讎怨，三勞苦，四愛戀，五牽累，六願欲．人所尊羨之苦五：一富人，二貴者，三老壽，四帝王，五神聖仙佛．

22 *Đại Đồng Thư:* «Phàm thử vân vân, giai nhân đạo chi khổ, nhi vũ mao lân giới chi khổ trạng, bất cập luận dã. Nhiên nhất lãm sinh ai, tổng chư khổ chi căn nguyên, giai nhân cửu giới nhi dĩ. Cửu giới giả hà? Nhất viết quốc giới, phân cương thổ bộ lạc dã; nhị viết cấp giới, phân quý tiện thanh trọc dã; tam viết chủng giới, phân hoàng bạch tông hắc dã; tứ viết hình giới, phân nam nữ dã; ngũ viết gia giới, phân phụ tử phu phụ chi thân dã; lục viết nghiệp giới, phân nông công thương chi sản dã; thất viết loạn giới, hữu bất bình, bất thông, bất đồng, bất công, chi pháp dã; bát viết loại giới, hữu nhân dữ điểu thú trùng ngư chi biệt dã; cửu viết khổ giới, dĩ khổ sinh khổ, truyền chủng vô cùng vô tận, bất khả tư nghị.» 凡此云云，皆人道之苦，而羽毛鱗介之苦狀，不及論也．然一覽生哀，總諸苦之根源，皆因九界而已．九界者何？一曰國界，分疆土部落也；二曰級界，分貴賤清濁也；三曰種界，分黃白棕黑也；四曰形界，分男女也；五曰家界，分父子夫婦之親也；六曰業界，分農工商之產也；七曰亂界，有不平，不通，不公之法也；八曰類界，有人與鳥獸虫魚之別也；九曰苦界，以苦生苦，傳種無窮盡，不可思議．

loại; 4- *diệt trừ hình giới:* [để nam nữ bình đẳng]; 5- *diệt trừ gia giới:* mọi người thành dân của trời; 6- *diệt trừ sản giới:* nghề nghiệp mưu sinh chung cho mọi người; 7- *diệt trừ loạn giới:* cai trị thái bình; 8- *diệt trừ loại giới:* yêu chúng sinh; 9- *diệt trừ khổ giới:* đến cõi cực lạc.»[23]

Cõi cực lạc tức là đời Thái Bình.[24] Nhưng đời này vẫn còn sự quy định của con người, trong khi đó ở phía trên nó là cõi trời vô hạn. Khang Hữu Vi chú giải *Trung Dung* rằng: «Tử Tư nói rằng sự truyền dạy lục kinh và sự lập pháp tam trùng (ba đời) đều là những quy định nhỏ và linh động theo thời, chứ không phải là ý tưởng thần minh của Khổng Tử. Bên trên [các quy định này] có nhiều tầng trời, uyên nguyên vô tận, không nơi chốn, không màu sắc, không mùi hương, không âm thanh, không bụi bặm. Lại còn có một cõi đời do trời tạo ra, không thể nghĩ bàn, không thể nói được. Ở đấy các thần thánh ngao du, và muốn cùng với chúng sinh biến hoá vào tầng trời của các tầng trời. Đấy là đạo tối cao của Khổng Tử. Cõi đời do trời tạo và không thể nói hay nghĩ đến hẳn là cái được ám chỉ qua lời lẽ huyền vi mà Tử Tư nghe và được Tử Tư phát biểu

---

[23] ***Đại Đồng Thư:*** **«Hà dĩ cứu khổ, như bệnh tức dược, X X kỳ giới, giải kỳ triền phọc. Siêu nhiên phi độ, ma thiên lệ uyên. Tuy hạo nhiên tự tại, du nhiên chí lạc. Thái bình đại đồng, trường sinh vĩnh giác. Ngô cứu khổ chi đạo, tức tại X X cửu giới nhi dĩ. Đệ nhất viết khử quốc giới, hợp đại địa dã; đệ nhị viết khử cấp giới, bình nhân dân tộc dã; đệ tam viết khử chủng giới, đồng nhân loại dã; đệ tứ viết khử hình giới, X X lập dã; đệ ngũ viết khử gia giới, vi thiên dân dã; đệ lục viết khử sản giới, công sinh nghiệp dã; đệ thất viết khử loạn giới, trị thái bình dã; đệ bát viết khử loại giới, ái chúng sinh giả; đệ cửu viết khử khổ giới, chí cực lạc dã.»** 何以救苦，如病即藥．〇〇其界，解其纏縛．超然飛度，摩天戾淵．雖浩然自在，悠然至樂．太平大同，長生永覺．吾救苦之道，即在〇〇九界而已．第一曰去國界，合大地也；第二曰去級界，平人民族也；第三曰去種界，同人類也；第四曰去形界，〇〇立也；第五曰去家界，爲天民也；第六曰去產界，公生業也；第七曰去亂界，治太平也；第八曰去類界，愛衆生者；第九曰去苦界，至極樂也．**– LAM chú: Nguyên văn có 6 chữ Hán bị khuyết, ghi dấu là O (tương ứng là X trong phiên âm Hán Việt).**

[24] **LAM chú: Lương Khải Siêu (*Thanh Đại Học Thuật Khái Luận*, Trung Hoa Thư Cục, Đài Loan, 1966, tr.59) tóm tắt thuyết Thái Bình Thế của Khang Hữu Vi thành 13 điểm như sau:**

(1) *Không lập quốc gia; toàn thế giới lập một chính phủ chung, phân ra làm một vài chính phủ khu vực. (Vô quốc gia, toàn thế giới trí nhất tổng chính phủ, phân nhược can khu vực* 無國家，全世界置一總政府，分若干區域).

(2) ***Chính phủ chung và chính phủ khu vực đều do dân bầu lên. (Tổng chính phủ cập khu chính phủ giai do dân tuyển*** 總政府及區政府皆由民選).

(3) **Không có gia đình và họ hàng; trai gái sống chung không quá một năm; tới kỳ hạn phải thay đổi người. (Vô gia tộc, nam nữ đồng thê bất đắc du nhất niên, giới kỳ tu dịch nhân** 無家族，男女同棲不得逾一年，屆期須易人).

(4) *Phụ nữ có thai thì vào viện dạy thai; trẻ sơ sinh được đưa vào viện nuôi trẻ. (Phụ nữ hữu thân*

giả nhập thai giáo viện; nhi đồng xuất thai giả nhập dục anh viện 婦女有身者入胎教院；兒同出胎者入育嬰院).

(5) *Trẻ con tuỳ độ tuổi cho vào viện dạy trẻ và trường học các cấp. (Nhi đồng tiếp niên nhập mông dưỡng viện, cập các cấp học hiệu* 兒童接年入蒙養院，及各級學校).

(6) *Trẻ trưởng thành được chính phủ phân công làm các nghề sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, v.v... (Thành niên hậu do chính phủ chỉ phái phân nhiệm công nông đẳng sinh sản sự nghiệp* 成年後由政府指派分任工農等生產事業).

(7) *Ai có bệnh thì vào bệnh viện, ai già yếu thì vào viện dưỡng lão. (Bệnh tắc nhập dưỡng bệnh viện, lão tắc nhập dưỡng lão viện* 病則入養病院，老則入養老院).

(8) *Năm viện như viện dạy thai, viện nuôi trẻ, viện dạy trẻ, viện dưỡng bệnh, viện dưỡng lão ở các khu vực được trang bị đầy đủ tối đa, để người vào đó được hưởng sung sướng tối đa. (Thai giáo dục anh mông dưỡng dưỡng bệnh dưỡng lão chư viện vi các khu tối cao chi thiết bị, nhập giả đắc tối cao chi hưởng lạc* 胎教育嬰蒙養養病養老諸院爲各區最高之設備，入者得最高之享樂).

(9) *Trai gái trưởng thành theo lệ phải phục vụ một thời gian trong các viện ấy, giống như ngày nay phải đi quân dịch. (Thành niên nam nữ lệ tu dĩ nhược can phục dịch ư thử chư viện, nhược kim thế chi binh dịch nhiên* 成年男女例須以若干服役於此諸院，若今世之兵役然).

(10) *Lập nhà ở tập thể và nhà ăn tập thể, có các đẳng cấp khác nhau, và mỗi người dựa theo thành tích công tác mà tự do thụ hưởng. (Thiết công cộng tác xá công cộng thực đường, hữu đẳng sai, các dĩ kỳ lao tác sở nhập tự do hưởng dụng* 設公共宿舍公共食堂，有等差，各以其勞作所以入自由享用).

(11) *Dạy kẻ lười biếng bằng hình phạt rất nghiêm. (Cảnh nọa vi tối nghiêm chi hình phạt* 警惰爲最嚴之刑罰).

(12) *Ai có phát minh gì mới về phương diện học thuật cũng như ai có thành tích lao động đặc biệt ở năm viện nói trên đều được khen thưởng đặc biệt. (Học thuật thượng hữu tân phát minh giả, cập tại thai giáo đẳng ngũ viện hữu đặc biệt lao tích giả đắc thù tưởng* 學術上有新發明者，及在胎教等五院有特別勞積者得殊獎).

(13) *Ai chết thì thiêu xác; hãi thiêu xác nằm kế nhà máy phân hóa. (Tử tắc hoả táng; hoả táng trường tỷ lân vi phì liệu công xưởng* 死則火葬；火葬場比鄰爲肥料工廠).

Lương Khải Siêu nói tiếp: «Các điều của *Đại Đồng Thư* sơ lược như thế. Trọn sách có vài chục vạn chữ, để cập rõ ràng nguồn gốc của đau khổ và vui sướng cũng như tiêu chuẩn của thiện ác. Sau đó sách giảng lý do lập pháp là then chốt quan trọng nhất. Khi huỷ diệt gia đình và họ hàng, Khang Hữu Vi nói Phật pháp xuất gia cầu thoát khổ, chẳng bằng khiến cho dân không có gia đình thì khỏi xuất; ông nói tư hữu tài sản là nguyên nhân khiến tranh loạn; hễ không có gia đình và họ hàng thì ai thích có tư sản? Còn quốc gia sẽ tuỳ theo gia đình và họ hàng bị huỷ diệt mà tiêu diệt vậy.» (Đại Đồng Thư chi điều lý lược như thị. Toàn thư sổ thập vạn ngôn, ư nhân sinh khổ lạc chi căn nguyên thiện ác chi tiêu chuẩn, ngôn chi cực tường biện. Nhiên hậu thuyết minh kỳ lập pháp chi lý do kỳ tối yếu quan kiện. Tại huỷ diệt gia tộc, Hữu Vi vị Phật pháp xuất gia cầu thoát khổ dã, bất như sử kỳ vô gia khả xuất, vị tư hữu tài sản vi tranh loạn chi nguyên, vô gia tộc tắc thuỳ phục lạc hữu tư sản. Nhược phù quốc gia tắc hựu tuỳ gia tộc nhi tiêu diệt giả dã. 大同書之條理略如是，全書數十萬言，於人生苦樂之根源善惡之標準，言之極詳辯．然後說明其立法之理由其最要關鍵．在毀滅家族，有爲謂佛法出家求脫苦也，不如使其無家可出，謂私有財產爲爭亂之源，無家族則誰復樂有私產．若夫國家則又隨家族而消滅者也).

bí mật ở cuối thiên *Trung Dung*.»[25]

Cuối *Trung Dung* có một câu của *Thi Kinh*: «Thượng thiên chi tải, vô thanh, vô xú.» 上天之載，無聲無臭 (sự vận hành của trời cao không âm thanh, không mùi). Khang Hữu Vi cho rằng câu này ám chỉ «cõi đời do trời tạo», bởi vì vượt lên trên các quy định của con người còn có một cảnh giới rất cao.

3. Đàm Tự Đồng

Cùng tham gia phong trào biến pháp và lập giáo với Khang Hữu Vi là Đàm Tự Đồng (1865-1898), mà tư tưởng của ông cũng đủ để ông trở thành một nhà tư tưởng. Đàm Tự Đồng 譚嗣同 tự là Phục Sinh 復生, người huyện Lưu Dương 瀏陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông tham gia biến pháp duy tân năm Mậu Tuất (1898), nhưng thất bại, và bị giết lúc mới 33 tuổi.[26]

---

[25] *Trung Dung Chú:* «Tử Tư cái ngôn lục kinh thuỳ giáo, tam trùng lập pháp, giai khu khu tòng quyền lập pháp chi mạt sự, phi Khổng Tử thần minh chi ý. Thượng hữu chư thiên, nguyên nguyên vô tận, vô phương, vô sắc, vô hương, vô âm, vô trần. Biệt hữu thiên tạo chi thế, bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết giả. Thử thần thánh sở du, nhi dục dữ quần sinh đồng hoá ư thiên thiên, thử nãi Khổng Tử chi chí đạo dã. Thiên tạo bất khả ngôn tư chi thế, thử tất Tử Tư sở văn chi vi ngôn, nhi vi phát chi ư thiên chung, dĩ tiếp hỗn mang.» 子思蓋言六經垂教，三重立法，皆區區從權立法之末事，非孔子神明之意．尚有諸天，元元無盡，無方，無色，無香，無音，無聲．別有天造之世，不可思議，不可言說者．此神聖所游，而欲與群生同化於天天，此乃孔子之至道也．天造不可言思之世，此必子思所聞之微言，而發之於大終，以接混茫．

[26] **LAM chú: Đàm Tự Đồng 譚嗣同 tự là Phục Sinh 復生, hiệu là Tráng Khí 壯氣, người huyện Lưu Dương 瀏陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông xuất thân từ gia đình khoa bảng, quan lại. Thuở nhỏ ông đã hấp thụ cổ học của Trung Quốc đồng thời cũng ham thích văn chương, võ hiệp, kiếm thuật. Từ chiến tranh Trung-Nhật năm Giáp Ngọ (1894), ông bức xúc, phát phẫn; bèn từ cổ học chuyển sang nghiên cứu tân học, tức là các môn khoa học tự nhiên và các thuyết xã hội học của Tây phương cận đại (qua các bản dịch chữ Hán). Ông hết sức bái phục Khang Hữu Vi, tự xem mình là đệ tử của Khang. Năm 1896 ông đến Thượng Hải tìm Khang kết giao nhưng không gặp; rồi ông làm quen Lương Khải Siêu, nhờ Lương giải đáp tư tưởng và lý luận của Khang về biến pháp duy tân. Cũng năm 1896 này, ông làm hậu bổ ở Giang Tô. Thời gian này ông tinh nghiên Phật học và trau dồi kiến thức về khoa học kỹ thuật của Tây phương. Năm 1897, theo lời kêu gọi của tuần phủ Hồ Nam là Trần Bảo Châm 陳寶箴, ông trở về Hồ Nam trù bị chính phủ mới. Ông tham gia sáng lập hai trường tư thục (Thời Vụ học đường 時務學堂 và Vũ Bị học đường 武備學堂) và hai tờ báo (Tương Học Tân Báo 湘學新報 và Tương Học Báo 湘學報), tích cực tuyên truyền cho biến pháp duy tân. Tháng 6 năm 1898, vua Đức Tông 德宗 (niên hiệu Quang Tự, tại vị 1871-1908) hạ chiếu về biến pháp. Đàm Tự Đồng được tiến cử để tham nghị về biến pháp. Ông đứng hàng tứ phẩm, hàm khanh, được sung vào Quân Cơ Chương Kinh 軍機章京. Đàm Tự Đồng, Lưu Quang Đệ 劉光第, Lâm Sưởng 林昶, và Dương Nhuệ 楊銳 là bốn người phẩm hàm khanh tham nghị biến pháp, nên được gọi là «Quân Cơ Tứ Khanh». Nhưng thế lực của phái thủ cựu quá mạnh, lại được Từ Hi**

Trên phương diện Kinh học, Đàm Tự Đồng tuy không bằng Khang Hữu Vi, nhưng trên phương diện tư tưởng ông viết *Nhân Học* 仁學 để phát huy ý nghĩa Đại Đồng, thì trình bày rõ ràng hơn Khang Hữu Vi. Đàm Tự Đồng viết: «Phàm là người học về *nhân* 仁, đối với kinh Phật thì phải thông *Hoa Nghiêm* cho đến kinh sách của Tâm Tông và Tướng Tông; đối với sách của Tây phương thì phải thông *Tân Ước* cho đến các sách về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội học; đối với kinh sách của Trung Quốc thì phải thông *Chu Dịch, Xuân Thu, Công Dương Truyện, Luận Ngữ, Lễ Ký, Mạnh Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Sử Ký* cho đến sách của các nhà như Đào Uyên Minh, Chu Mậu Thúc (Chu Đôn Di), Trương Hoành Cừ, Lục Tử Tĩnh (Lục Cửu Uyên), Vương Dương Minh, Vương Thuyền Sơn, Hoàng Lê Châu (Hoàng Tông Hi).»[27]

Tư tưởng của Đàm Tự Đồng tổng hợp nhiều phương diện nên trong đó không tránh khỏi có chỗ pha tạp; tuy nhiên ông là nhân vật đại biểu tối cao trong giới tư tưởng cuối đời Thanh.

---

hậu thuẫn, nên phong trào thất bại. Có người khuyên Đàm Tự Đồng đào tẩu như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, nhưng ông từ chối, khẳng khái nói: «Các cuộc đổi mới ở các nước, chẳng đổ máu thì không thành. Ngày nay Trung Quốc chưa nghe đến có người đổ máu vì đổi mới, cho nên đất nước này chưa được hưng thịnh. Có đấy, xin cho Tự Đồng này là người đầu tiên đổ máu!» (Các quốc biến pháp, vô bất tòng lưu huyết nhi thành, kim nhật Trung Quốc vị văn hữu nhân biến pháp lưu huyết giả, thử quốc chi sở dĩ bất xương dã. Hữu chí, thỉnh tự Tự Đồng thuỷ! 各國變法，無不從流血而成，今日中國未聞有因變法流血者，此國之所以不昌也。有之，請自嗣同始). Phong trào biến pháp duy tân năm Mậu Tuất (1898) còn gọi là «biến pháp 100 ngày» thất bại. Từ Hi Thái Hậu trở lại làm nhiếp chính, cầm tù vua Đức Tông và xử tử sáu nhà cải cách (đời gọi họ là Lục Quân Tử 六君子: Đàm Tự Đồng, Khang Quảng Nhân, Lưu Quang Đệ, Lâm Sưởng, Dương Nhuệ, Dương Thâm Tú) ngày 28 tháng 9 năm 1898. Tác phẩm của Đàm Tự Đồng năm 1954 được Tam Liên Thư Cục xuất bản dưới tên *Đàm Tự Đồng Toàn Thư* rồi năm 1981 được Trung Hoa Thư Cục tăng bổ hoàn bị và xuất bản dưới tên *Đàm Tự Đồng Toàn Tập*. Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển hạ, mục từ 6833, tr.1741; và Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.289-291.

27 ***Nhân Học*: «Phàm vi nhân học giả, ư Phật thư đương thông Hoa Nghiêm cập tâm tông tướng tông chi thư, ư Tây thư đương thông Tân Ước cập toán học cách trí xã hội học chi thư, ư Trung Quốc thư đương thông Dịch, Xuân Thu, Công Dương Truyện, Luận Ngữ, Lễ Ký, Mạnh Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Sử Ký cập Đào Uyên Minh, Chu Mậu Thúc, Trương Hoành Cừ, Lục Tử Tĩnh, Vương Dương Minh, Vương Thuyền Sơn, Hoàng Lê Châu chi thư.»** 凡爲仁學者，於佛書當通華嚴及心宗相宗之書，於西書當通新約及算學格致社會學之書，於中國書當通易，春秋，公羊傳，論語，禮記，孟子，莊子，墨子史記及陶淵明，周茂叔，張橫渠，陸子靜，王陽明，王船山，黃梨洲之書.- **LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: Cuối đời Thanh, các nhà dạy các môn học của Tây phương dùng từ *cách trí* 格致 để gọi chung các môn khoa học tự nhiên như vật lý, hoá học, v.v...**

a. Nhân và dĩ thái

Đàm Tự Đồng giảng về *nhân* 仁, cũng phát huy thuyết của Trình Hạo và Vương Dương Minh: «Người nhân ái xem trời đất và vạn vật cùng một thể.» Tuy nhiên ông cũng phụ vào đó bằng các thuyết mới mẻ của khoa học Tây phương, tức là cái học mà người bấy giờ gọi là «cách trí» 格致. Đàm Tự Đồng nói: «Khắp cõi pháp giới, cõi hư không, cõi chúng sinh có một vật cực lớn, cực tinh vi, bám dính mọi nơi, xuyên suốt mọi nơi, liên kết mọi thứ, đầy tràn tất cả. Mắt không thấy được màu sắc của nó, tai không nghe được âm thanh của nó, miệng mũi không nếm ngửi được mùi vị của nó. Nó không có tên, nên ta gọi nó là *dĩ thái* 以太 (ether). Nó hiển lộ ở công dụng. Khổng Tử gọi nó là *nhân*, là *nguyên*, là *tính*. Mặc Tử gọi nó là *kiêm ái*. Phật gọi nó là *tính hải*, là *từ bi*. Da Tô gọi nó là *linh hồn*, là *yêu người như yêu mình, xem thù địch như bạn bè*. Các nhà cách trí (tức khoa học tự nhiên) gọi nó là *ái lực* (hay *hấp lực:* sức hút). Nó là tất cả các vật đó. Từ nó mà cõi pháp giới sinh ra, cõi hư không thành lập, cõi chúng sinh xuất hiện.»[28]

Dĩ thái 以太 là phiên âm từ *ether* trong vật lý học.[29] Đàm Tự Đồng xem nó là «nguyên chất của nguyên chất» 原質之原質 (ở sau sẽ nói rõ), xem nó là nguyên nhân để tựu thành một cá thể hay một đoàn

[28] *Nhân Học:* «Biến pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới, hữu chí đại, chí tinh vi, vô sở bất giao niêm, bất quán hợp, bất quản lạc, nhi sung mãn chi nhất vật yên. Mục bất đắc nhi sắc, nhĩ bất đắc nhi thanh, khẩu tỵ bất đắc nhi xứ vị, vô dĩ danh chi, danh chi viết dĩ thái. Kỳ biến ư dụng dã, Khổng vị chi nhân, vị chi nguyên, vị chi tính. Mặc vị chi kiêm ái. Phật vị chi tính hải, vị chi từ bi. Da vị chi linh hồn, vị chi ái nhân như kỷ, thị địch như hữu. Cách trí gia vị chi ái lực, hấp lực. Hàm thị vật dã. Pháp giới do thị sinh, hư không do thị lập, chúng sinh do thị xuất.» 遍法界,虛空界,衆生界,有至大,至精微,無所不膠粘,不貫洽,不筦絡,而充滿之一物焉.目不得而色,耳不得而聲,口鼻不得而臭味,無以名之,名之曰以太.其顯於用也,孔謂之仁,謂之元,謂之性.墨謂之兼愛.佛謂之性海,謂之慈悲.耶謂之靈魂,謂之愛人如己,視敵如友.格致家謂之愛力,吸力.咸是物也.法界由是生,虛空由是立,衆生由是出.

[29] LAM chú: *Về chất ether (dĩ thái) trong vật lý*: Ngày xưa người ta ngờ rằng ether là chất ngập đầy không gian, nhưng ngày nay người ta biết rằng ether không hề tồn tại trong thực tế. Các nhà khoa học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cho rằng ether là chất trung gian giúp ánh sáng truyền đi trong không gian. Thuyết tương đối của Albert Einstein chứng minh rằng ánh sáng không cần một chất trung gian nào để truyền đi. Do đó thuyết ether đã bị bác bỏ. *Quá trình phát triển của thuyết ether:* Mấy thế kỷ trôi qua, các nhà vật lý đã cố xác định xem phải chăng ánh sáng là một luồng gồm các hạt (a stream of particles) hay là một tập hợp các song (a set of waves). Trong hai thập niên 1860 và 1870, nhà vật lý Tô Cách Lan James Clerk Maxwell thiết lập một thuyết liên kết điện (electricity), từ (magnetism), và ánh sáng với các sóng năng lượng điện từ (waves of electromagnetic energy). Thuyết của ông tiên đoán rằng các sóng của điện từ trường thay đổi, đi xuyên qua không gian dưới hình thức sóng điện từ (electromag-

thể, để vật này giao thông với vật kia. Ông nói: «Tác dụng của dĩ thái rất linh diệu và có thể trưng dẫn. Ở thân thể con người nó là não. [...] Ở hư không nó là điện, nhưng điện không chỉ ngụ ở hư không, bởi vì vật nào cũng có điện. Não là một đầu mối, là sự hữu hình hữu chất của điện. Não là điện có hình chất; còn điện là não không hình chất. Hễ con người biết rằng sức mạnh của não khí thông năm giác quan và trăm lóng xương, tạo thành một thân thể, thì ắt biết điện khí thông với trời đất, vạn vật, ta với người khác, tạo thành một thân thể vậy.»[30]

Khổng Tử nói về *nhân* 仁, chẳng qua là nói đến tác dụng của dĩ thái. Đàm Tự Đồng nói: «Sự phân biệt giữa nhân và bất nhân là ở chỗ thông suốt và bế tắc. Gốc của thông suốt và bế tắc chỉ là nhân và bất nhân. Thông suốt thì như dây điện đi khắp bốn phương, chỗ nào cũng tới, các miền khác nhau mà như một thân thể. Cho nên Kinh Dịch đầu tiên

---

netic waves). Các sóng này tải năng lượng từ nơi này đến nơi khác. Maxwell chứng minh rằng vận tốc của sóng điện từ là 300.000 km/giây (vận tốc ánh sáng trong chân không chính xác là 299.792.458 mét/giây). Thuyết của Maxwell chứng minh rằng ánh sáng được truyền đi bằng sóng. Trước khi thuyết của Maxwell ra đời, các loại sóng mà các nhà khoa học biết đều cần chất trung gian để truyền đi. Họ cho rằng sóng ánh sáng phải đi qua một chất trung gian. Họ đã biết các sóng ánh sáng từ các vì sao xa xôi đi xuyên qua không gian và tới quả đất. Như thế không gian ắt ngập đầy một chất trung gian vô hình mà họ gọi là ether, và chức năng của nó là giúp truyền ánh sáng trong không gian. *Thuyết ether bị bác bỏ:* Năm 1887, nhà vật lý Mỹ là Albert A. Michelson cộng tác nhà hoá học Mỹ Edward W. Morley thực hiện một thí nghiệm nổi tiếng (ngày nay gọi là «thí nghiệm Michelson-Morley») chứng minh rằng cái gọi là chất ether không hề tồn tại trong thực tế. Đến năm 1905, Albert Einstein đưa ra thuyết tương đối (theory of relativity) chứng minh rằng ánh sáng không cần một chất trung gian nào để truyền đi và vận tốc ánh sáng là bằng số theo mọi chiều hướng. Có nghĩa là chất ether không hề có thực. (Tham khảo: *Microsoft Encarta Encyclopedia 2004*, mục từ *ether*). Qua các sách khoa học ít ỏi của Tây phương dịch sang Hán ngữ, kiến thức của Đàm Tự Đồng về ether hẳn là thiếu sót. Từ khi Đàm Tự Đồng đưa ra học thuyết của mình đến lúc bị xử tử năm 1898, ông không ngờ rằng trong lúc ông còn thao thao hùng hồn thuyết giảng và đồng nhất cái gọi là chất dĩ thái (ether) không có thực với một số khái niệm của Nho, Phật, Mặc, Thiên Chúa giáo thì năm 1887 các nhà khoa học Tây phương đã bác bỏ thuyết ether rồi. Nay tìm hiểu lịch sử triết học, chúng ta chủ yếu ghi nhận vào thời đại ấy, trong hoàn cảnh lịch sử ấy người ta đã có tư tưởng gì, học thuyết gì, hơn là dùng thành tựu của ngày nay để phê phán ngày xưa.

30 *Nhân Học:* «Dĩ thái chi dụng chi chí linh nhi khả trưng giả, ư nhân thể vi não. [...] Ư hư không tắc vi điện, nhi điện bất chỉ ký ư hư không, cái vô vật bất di luân quán triệt. Não kỳ nhất đoan, điện chi hữu hình chất giả dã. Não vi hữu hình chất chi điện, thị điện tất vi vô hình chất chi não. Nhân tri não khí cân thông ngũ quan bách hài vi nhất thân, tức đương tri điện khí thông thiên địa vạn vật nhân ngã vi nhất thân dã.» 以太之用之至靈而可徵者，於人體爲腦．[...] 於虛空則爲電，而電不止寄於虛空，蓋無物不彌綸貫徹．腦其一端，電之有形質者也．腦爲有形質之電，是電必爲無形質之腦．人知腦氣筋通五官百骸爲一身，即當知電氣通天地萬物人我爲一身也．

nói *nguyên* 元, kế đó nói *hanh* 亨. *Nguyên* là lòng nhân 仁; *hanh* là thông suốt. Nếu có nhân, tự nó phải thông suốt; cũng vậy, chỉ có thông suốt thì sức mạnh của nhân mới có thể phát triển hoàn toàn. Do đó ta làm lợi cho mình và làm lợi cho người khác; qua đó mãi vững bền nhờ *trinh cố* 貞固 (ngay chính và bền bĩ).»[31]

Đó là ý của Trình Hạo viết trong *Nhị Trình Di Thư:* «Sách y học nói chân tay tê liệt là bất nhân; đó là câu nói rất hay về tình trạng ấy.» (Y thư ngôn thủ túc nuy tý vi bất nhân; thử ngôn tối thiện danh trạng. 醫書言手足痿痺爲不仁;此言最善名狀).[32] Kinh Dịch nói: «Càn nguyên hanh lợi trinh.» Đàm Tự Đồng cũng lấy *dĩ thái* để giải thích Kinh Dịch.

b. Hữu vô và sinh diệt

Đàm Tự Đồng cho rằng mọi sự vật chỉ là kết quả của các nguyên chất hoá học kết hợp lại. Do đó mọi sự vật không có tự tính. Ông nói: «Tính khác nhau giữa động vật và thực vật phải chăng là tự tính của chúng? Hay là vị trí của chất điểm và liều lượng phân cấp cho chúng có sự bất đồng? Chất điểm không ngoài 73 loại nguyên chất. Nguyên chất này cùng nguyên chất nọ hoá hợp thì thành tính của một vật nào đó. Còn tách rời chúng ra và cho hoá hợp với nguyên chất khác, hoặc tăng nguyên chất này, giảm nguyên chất kia, thì lại tạo thành tính của một vật nào đó. Thậm chí số nguyên chất hoá hợp giống nhau, mà liều lượng ít nhiều hay cái chính cái phụ khác nhau thì lại tạo thành tính của một vật khác nữa. Sự biến hoá phức tạp này không thể ghi chép xuể. [...] Nhưng bản thân nguyên chất vẫn

---

[31] *Nhân Học:* «Nhân bất nhân chi biện, ư kỳ thông dữ tắc. Thông tắc chi bản, duy kỳ nhân bất nhân. Thông giả như điện tuyến tử đạt, vô viễn phất giới, dị vực như nhất thân dã. Cố Dịch thủ ngôn nguyên, tức kế ngôn hanh. Nguyên, nhân dã; hanh, thông dã. Cẩu nhân tự vô bất thông, diệc duy thông nhi nhân chi lượng nãi khả hoàn. Do thị tự lợi lợi tha, nhi vĩnh đĩ trinh cố.» 仁不仁之辨,於其通與塞.通塞之本,惟其仁不仁.通者如電線四達,無遠弗屆,異域如一身也.故易首言元,即繼言亨.元,仁也;亨,通也.苟仁自無不通,亦惟通而仁之量乃可完.由是自利利他,而永以貞固.– LAM chú: Hai chữ *trinh cố* lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn: «Quân tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hoà nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự.» 君子體仁足以長人,嘉會足以合禮,利物足以和義,貞固足以干事 (Quân tử thi hành điều nhân, đủ để đứng đầu mọi người; tập hợp mọi vẻ đẹp, đủ để hợp với lễ; làm lợi cho vạn vật, đủ để phụ hoạ theo điều nghĩa. Ngay chính và bền bĩ đủ để làm việc).

[32] LAM chú: Xin xem chú thích 88 của chương 12 trên đây.

y như lúc ban sơ, không có tăng thêm hay hao tổn.»[33]

Bản chất của 73 nguyên chất chính là dĩ thái (ether). Đàm Tự Đồng nói: «Mặc dù có 73 nguyên chất khác nhau, nhưng cái gốc của nguyên chất thì chỉ là chất dĩ thái duy nhất mà thôi. Bởi nó duy nhất nên không sinh không diệt. Nó không sinh, nên ta không thể nói nó là hữu. Nó không diệt, nên ta không thể nói nó là vô.»[34]

Theo lời trên, ngoài các tính chất mà người ta gán cho nó, chất dĩ thái tức là *chất nhân* 質因 của vạn vật (nguyên nhân vật chất của mọi vật, như thuật ngữ của Aristotle dùng: *the material cause of all things*). Chất dĩ thái thì không sinh không diệt. Đàm Tự Đồng nói: «Có chứng cớ gì cho thấy [chất dĩ thái] không sinh không diệt? Đáp: nhìn khắp nơi đều đúng thế cả. Như các nguyên lý hoá học đã nói trên đây, nếu xét tới cùng, chẳng qua là lấy một số nguyên chất tách nhau ra, hoặc lấy một số nguyên chất hợp lại. Áp dụng cái dĩ nhiên mà cố nhiên, tuỳ theo thời gian thuận lợi hay bất lợi cũng như tuỳ theo liều lượng kết hợp đầy vơi, mà gọi là vật này hay vật kia, chỉ thế thôi. Lẽ nào có thể làm tiêu ma một nguyên chất ư? Lẽ nào có thể sáng tạo một nguyên chất khác ư?»[35]

---

[33] ***Nhân Học:*** **«Bỉ động thực chi dị tính, vi tự tính nhĩ hồ? Ức chất điểm chi vị trí dữ phân tễ hữu bất đồng nhĩ. Chất điểm bất xuất hồ thất thập tam chủng chi nguyên chất. Mỗ nguyên chất dữ mỗ nguyên chất hoá hợp tắc thành nhất mỗ vật chi tính. Chiết nhi dữ tha nguyên chất hoá hợp, hoặc tăng mỗ nguyên chất, giảm mỗ nguyên chất, tắc hựu thành nhất mỗ vật chi tính. Tức đồng số nguyên chất hoá hợp, nhi đa quả chủ tá chi thiểu thù, hựu biệt thành nhất mỗ vật chi tính. Phân vân phiền biến, bất khả kỷ cực. [...] Nhiên nhi nguyên chất tắc sơ vô tăng tổn ư cố dã.»** 彼動植之異性,爲自性爾乎?抑質點之位置與分劑有不同耳.質點不出乎七十三種之原質.某原質與某原質化合則成一某物之性.折而與他原質化合,或增某原質,減某原質,則又成一某物之性.即同數原質化合,而多寡主佐之少殊,又別成一某物之性.紛紜蕃變,不可紀極.[...] 然而原質則初無增損於故也.

[34] ***Nhân Học:*** **«Nhiên nguyên chất do hữu thất thập tam chi dị, chí ư nguyên chất chi nguyên, tắc nhất dĩ thái nhi dĩ hĩ. Nhất cố bất sinh bất diệt. Bất sinh cố bất đắc ngôn hữu. Bất diệt cố bất đắc ngôn vô.»** 然原質猶有七十三之異,至於原質之原,則一以太而已矣.一故不生不滅.不生故不得言有.不滅故不得言無.

[35] ***Nhân Học:*** **«Bất sinh bất diệt hữu trưng hồ? Viết, dĩ vọng giai thị dã. Như hướng sở ngôn hoá học chư lý, cùng kỳ học chi sở chí, bất quá tích số nguyên chất nhi sử chi phân, dữ tính số nguyên chất nhi sử chi hợp. Dụng kỳ dĩ nhiên nhi cố nhiên giả, thời kỳ hảo ác, tễ kỳ doanh hư, nhi dĩ hiệu viết mỗ vật mỗ vật, như thị nhi dĩ. Khởi năng cánh tiêu ma nhất nguyên chất, dữ biệt sáng tạo nhất nguyên chất tai?»** 不生不滅有徵乎?曰,彌望皆是也.如向所言化學諸理,窮其學之所至,不過析數原質而使之分,與併數原質而使之合.用其已然而固然者,時其好惡,劑其盈虛,而以號曰某物某物,如是而已.豈能竟消磨一原質,與別創造一原質哉?



Đàm Tự Đồng

Chất dĩ thái thì không sinh không diệt; các nguyên chất thì không có tăng thêm hay hao tổn đi. Do đó trong vũ trụ chỉ có sự biến dịch chứ không có sự tồn tại và tiêu vong. Đàm Tự Đồng nói: «Hữu và vô chỉ là tụ và tán chứ chẳng phải sinh và diệt. [...] Vương Thuyền Sơn giảng Chu Dịch, nói rằng một quẻ kép có 12 hào, phân nửa ẩn và phân nửa hiện. Cho nên Đại Dịch không nói hữu và vô, mà nói ẩn và hiện thôi.»[36]

Đó là ý của Trương Tái nói trong *Chính Mông*: «Hễ khí tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* (ly minh đắc thi 離明得施) trở nên hữu hình; hễ khí không tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* trở nên vô hình.»[37] Đàm Tự Đồng vốn dùng thuyết của Trương Tái nhưng lại lấy các thuyết mới mẻ trong hoá học mà ông nghe thấy vào thời đó để giảng rõ thuyết của Trương Tái.

Chất dĩ thái tuy không sinh không diệt nhưng lại có «sinh và diệt rất nhỏ nhặt» (vi sinh diệt 微生滅). Đàm Tự Đồng nói: «Nếu nhìn về quá khứ, ta thấy quá trình sinh và diệt không có khởi đầu. Nếu nhìn về tương lai, ta thấy nó không có kết thúc. Nếu nhìn ở hiện tại, ta thấy nó liên tục. [...] Trang Tử nói: "Giấu thuyền trong hang, vậy là ổn thoả, nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất."[38] Tôi nói thêm rằng kẻ ấy sẽ vác luôn cái hang mà chạy mất. Trang Tử lại nói: "Ngay cả chim hồng và chim hộc bay lượn cao muôn trượng rồi cũng bay sa xuống mà nhìn ao đầm."[39] Tôi nói thêm rằng ao đầm cũng đã bay lượn. [...] Khổng Tử đứng trên bờ sông, nói: "Ôi, trôi chảy thế này, ngày

---

[36] *Nhân Học:* **«Hữu vô giả, tụ tán dã, phi sinh diệt dã. [...] Vương Thuyền Sơn chi thuyết Dịch, vị nhất quái hữu thập nhị hào, bán ẩn bán hiện. Cố Đại Dịch bất ngôn hữu vô, ẩn hiện nhi dĩ.»** 有無者,聚散也,非生滅也.[...] 王船山之說易,謂一卦有十二爻,半隱半見(現).故大易不言有無,隱見(現)而已.

[37] **LAM chú: Xin xem chú thích 10 của chương 12 trên đây.**

[38] **LAM chú: Nguyên văn là: *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ. Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã.»** 夫藏舟於壑,藏山於澤,謂之固矣.然而夜半有力者負之而走,昧者不知也 **(Giấu thuyền trong hang; giấu núi trong cái đầm; vậy là ổn thoả. Nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất thì người đang ngủ không biết được). Xin xem lại chú thích 45 của chương 10 (quyển I).**

[39] **LAM chú: Câu này không hề có trong Trang Tử.**

đêm nó không hề ngừng nghỉ!" [40] Ngày đêm tức là lý của sông; sông tức là hình của ngày đêm. [...] Chẳng một chẳng hai, chẳng gián đoạn chẳng thường hằng. Sinh và diệt xoay vần, diệt tức là sinh. Ranh giới giữa sinh và diệt rất nhỏ nhặt, đã nhỏ lại càng nhỏ cho đến nhỏ hết mức; nó kín, đã kín lại càng kín, cho đến kín hết mức. Bằng cách này chúng dung hoá thành một, và trở thành không sinh không diệt; nhưng cái tạo thành sinh và diệt nhỏ nhặt ấy không thể dễ che giấu.»[41]

Vạn vật lúc nào cũng nằm trong sự biến dịch và sinh diệt, tức là chúng luôn đổi mới từng ngày. Đàm Tự Đồng nói: «Quan sát sự trôi chảy, chúng ta gọi nó là *nhật tân* (đổi mới từng ngày). Khổng Tử nói: "Cách là bỏ cũ; Đỉnh là lấy mới." [42] Lại nói: "Đổi mới từng ngày là đức dồi dào." [43] Cái thiện đạt tới tối đa là do đổi mới từng ngày; cái ác đạt

[40] **LAM chú:** ***Luận Ngữ*** **(Tử Hãn). Thâm ý của Khổng Tử qua câu này thì không ai biết chắc chắn. Đại khái các nhà chú giải cho rằng Khổng Tử muốn nói thời gian trôi qua nhanh, như nước chảy, đêm ngày không nghỉ; qua đó khuyên đệ tử phải cố gắng học tập.** ***Mạnh Tử*** **(Ly Lâu, hạ) viện dẫn «bất xả trú dạ» và giảng khác: «Từ Tử viết: "Trọng Ni cức xưng vu thuỷ viết: 'Thuỷ tai thuỷ tai.' Hà thủ vu thuỷ dã? Mạnh Tử viết: "Nguyên tuyền hỗn hỗn, bất xả trú dạ; doanh khoa nhi hậu tiến, phóng hồ tứ hải. Hữu bản giả như thị, thị chi thủ nhĩ."» 徐子曰："仲尼亟稱于水曰：'水哉，水哉.' 何取于水也？孟子曰："原泉混混，不舍晝夜；盈科而後進，放乎四海.有本者如是，是之取爾." (Từ Tử nói: "Trọng Ni thường ca ngợi nước: 'Nước kìa, nước kìa!' Nước có gì mà khen chứ?" Mạnh Tử đáp: "Nguồn nước cuồn cuộn, chảy đêm ngày không nghỉ. Nó lấp đầy hang hốc rồi tiến thẳng ra bốn biển. Cái có nguồn gốc là như thế, nên ngài mới khen.")**

[41] ***Nhân Học:*** **«Cầu chi quá khứ, sinh diệt vô thuỷ. Cầu chi vị lai, sinh diệt vô chung. Cầu chi hiện tại, sinh diệt tức tức. [...] Trang viết: "Tàng chu ư hác, tự vị đĩ cố, hữu đại lực giả dạ bán phụ chi nhi tẩu." Ngô vị tương tịnh hác nhi phụ chi tẩu dã. Hựu viết: "Hồng hộc đĩ tường ư vạn nhận, nhi la giả do thị hồ tẩu trạch." Ngô vị tịnh tẩu trạch diệc nhất đĩ tường giả dã. [...] Khổng tại xuyên thượng viết: "Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ." Trú dạ tức xuyên chi lý; xuyên tức trú dạ chi hình. [...] Phi nhất phi nhị, phi đoạn phi thường. Tuyền diệt, tức diệt tức sinh. Sinh dữ diệt tương thụ chi tế, vi chi hữu vi, chí ư vô khả vi. Mật chi hữu mật, chí ư vô khả mật. Phù thị đĩ dung hoá vi nhất, nhi thành hồ bất sinh bất diệt, nhi sở đĩ thành chi vi sinh diệt, cố bất dung yểm yên hĩ.»** 求之過去，生滅無始.求之未來，生滅無終.求之現在，生滅息息. [...] 莊曰："藏舟於壑，自謂已固，有大力者夜半負之而走." 吾謂將並壑而負之走也.又曰："鴻鵠已翔於萬仞，而羅者猶視乎藪澤." 吾謂並藪澤亦一已翔者也. [...] 孔在川上曰："逝者如斯夫，不舍晝夜." 晝夜即川之理；川即晝夜之形. [...] 非一非二，非斷非常.旋滅，即滅生.生與滅相授之際，微之又微，至於無可微.密之又密，至於無可密.夫是以融化爲一，而成乎不生不滅，而所以成之微生滅，固不容掩焉矣.**0**

[42] **LAM chú: Nguyên văn trong Tạp Quái: «Cách, khử cố dã. Đỉnh, thủ tân dã.»** 革，去故也.鼎，取新也. **Quẻ Cách và quẻ Đỉnh liền nhau. Cách là đổi mới, là trừ bỏ cái cũ (*khử cố*). Đỉnh là cái vạc nấu các thứ sống sít thành thức ăn mới, chế biến để có được cái mới (*thủ tân*).**

[43] **LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Thượng: «Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức.»** 富有之謂大業，日新之謂盛德 **(Sự sở hữu dồi dào của Đạo gọi là sự nghiệp lớn; sự đổi mới hằng ngày [của Đạo] gọi là thịnh đức).**

tới tối đa là do không đổi mới từng ngày. [...] Đức thì phải mới, người đời ai cũng biết thế. Tại sao đến đời nay [dân chúng] lại có cuộc sống thủ cựu tệ hại, mà cứ khư khư nói không cần cải cách chính trị? Tại sao?»[44]

Đoạn văn trên đây cho thấy Đàm Tự Đồng nêu ra cơ sở triết học của phong trào biến pháp (đổi mới chính trị) thời bấy giờ.

c. Nền chính trị đại đồng

Đàm Tự Đồng đã chú trọng ý nghĩa «người có lòng nhân ái thì xem trời đất và vạn vật là một thể» do đó trên phương diện chính trị ông cũng giảng giải cái gọi là «giáo lý đại đồng» của Khang Hữu Vi. Ông nói: «Sự thịnh trị trên địa cầu là do có thiên hạ và không có quốc gia. Trang Tử nói: "Chỉ nghe nói phải để cho thiên hạ an nhiên tự tại, chứ không nghe nói phải cai trị thiên hạ."[45] Cai trị nghĩa là có quốc gia. An nhiên tự tại nghĩa là không có quốc gia. Từ «tại hựu» 在宥 [zàiyòu] (an nhiên tự tại) tức là chuyển âm của từ «tự do» 自由 [zìyóu], ý nghĩa là thế! Người người muốn được tự do thì phải là dân chúng không quốc gia. Hễ không có quốc gia thì sẽ biên giới biến mất, chiến tranh dứt, nghi kỵ hết, quyền mưu bỏ, ta và người hết phân biệt, bình đẳng xuất hiện. Tuy có thiên hạ mà như không có thiên hạ. Hễ vua và bầy tôi phế bỏ, thì sang hèn như nhau; hễ công lý sáng tỏ, thì giàu nghèo như nhau. Trong phạm vi ngàn dặm hay vạn dặm như thể có một nhà hay một người. Mọi người xem nhà là quán trọ, xem nhau là đồng bào. Cha không có chỗ thể hiện tình cha; con không có chỗ thể hiện lòng hiếu. Anh em quên tình huynh đệ. Vợ chồng quên thói phu xướng phụ tuỳ (chồng nói vợ phải theo). Nó giống như đời thái bình (Millennium) mà các sách Tây phương nói, hoặc

---

[44] *Nhân Học:* **«Phản hồ thệ nhi quan, tắc danh chi viết nhật tân. Khổng viết: "Cách khử cố, Đỉnh thủ tân." Hựu viết: "Nhật tân chi vi thịnh đức." Phù thiện chí ư nhật tân nhi chỉ hĩ; phù ác diệc chí ư bất nhật tân nhi chỉ hĩ. [...] Đức chi nghi tân dã, thế dung trì chi. Độc hà dĩ giới kim chi thế, do hữu thủ cựu chi bỉ sinh, đoạn đoạn nhiên viết bất đương biến pháp, hà tai?»** 反乎逝而觀，則名之曰日新．孔曰："革去故，鼎取新．"又曰："日新之爲盛德．"夫善至於日新而止矣；夫惡亦至於不日新而止矣．[...] 德之宜新也，世容知之．獨何以屆今之世，猶有守舊之鄙生，斷斷然曰不當變法，何哉？

[45] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 27 của chương 10 (quyển I).**

giống như đời đại đồng mà sách *Lễ Vận* nói.»[46]

Ý nghĩa ấy, Đàm Tự Đồng cho rằng *Chu Dịch* và *Xuân Thu* cũng đã nói rồi. Ông nói: «Sự biến đổi của địa cầu mà tôi nói đến, chẳng phải là lời của tôi, mà chính là lời của *Kinh Dịch*. Dịch là đạo bao trùm thiên hạ, cho nên nó cực kỳ thâm u và không thể ghét.[47] Tôi từng nghe [một người] luận quẻ Càn, có chỗ khế hợp với ý nghĩa tam thế trong *Xuân Thu*. Dịch gồm tam tài và gấp đôi tam tài [thành sáu vạch của quẻ kép], cho nên có hai tam thế. Nội quái nghịch (từ yên đến loạn) và ngoại quái thuận (từ loạn đến yên). "*Sơ cửu, tiềm long vật dụng.*" (Hào Dương 1: Rồng ẩn, không dùng). Đó là đời Thái Bình, là nguyên thống 元統. Đời này không có giáo chủ, cũng không có quân chủ. Đó là đời hồng hoang thái cổ, dân chúng chất phác đơn sơ, xem nhau là tù trưởng. Đời này so với đời người là trẻ sơ sinh. "*Vật dụng*" (không dùng) có nghĩa là không có gì cần làm. "*Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.*" (Hào Dương 2: Rồng hiện ở ruộng; gặp đại nhân có lợi). Đó là đời Thăng Bình, là thiên thống 天統. Đời này dần dần có giáo chủ và quân chủ, nhưng họ chưa xa dân, nên mới nói "hiện ở ruộng". Đó là đời Tam Hoàng Ngũ Đế. Đời này so với đời người là

---

[46] *Nhân Học:* «Địa cầu chi trị dã, dĩ hữu thiên hạ nhi vô quốc dã. Trang viết: "Văn tại hựu thiên hạ, bất văn trị thiên hạ." Trị giả, hữu quốc chi nghĩa dã. Tại hựu giả, vô quốc chi nghĩa dã. Viết tại hựu, cái tự do chi chuyển âm, chỉ tai ngôn hồ! Nhân nhân năng tự do, thị tất vi vô quốc chi dân. Vô quốc tắc chấn vực hoá, chiến tranh tức, sai kỵ tuyệt, quyền mưu khí, bỉ ngã vong, bình đẳng xuất, thả tuy hữu thiên hạ, nhược vô thiên hạ hĩ. Quân thần phế, tắc quý tiện bình; công lý minh, tắc bần phú quân. Thiên lý vạn lý, nhất gia nhất nhân. Thị kỳ gia, nghịch lữ dã. Thị kỳ nhân, đồng bào dã. Phụ vô sở dụng kỳ từ; tử vô sở dụng kỳ hiếu. Huynh đệ vong kỳ hữu cung. Phu phụ vong kỳ xướng tuỳ. Nhược Tây thư trung bách niên nhất giác giả, đãi phảng phất Lễ Vận đại đồng chi tượng yên.» 地球之治也，以有天下而無國也．莊曰："聞在有天下，不聞治天下．" 治者，有國之義．在有者，無國之義也．曰在有，蓋自由之轉音，旨哉言乎！人人能自由，是必爲無國之民．無國則畛域化，戰爭息，猜忌絕，權謀棄，彼我亡，平等出，且雖有天下，若無天下矣．君臣廢，則貴賤平；公理明，則貧富均．千里萬里，一家一人．視其家，逆旅也．視其人，同胞也．父無所用其慈，子無所用其孝．兄弟忘其友恭．夫婦忘其倡隨．若西書中百年一覺者，殆彷彿禮運大同之象焉．

[47] **LAM chú:** Nguyên văn «Dịch mạo thiên hạ chi đạo, cố chí trách nhi bất khả ố.» 易冒天下之道，故至賾而不可惡．**Chữ *trách*** 賾 **trong câu này *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** (sđd., tr.1987) **giảng là:** u thâm 幽深，thâm áo 深奧. **Dó là nói về đạo Dịch, còn nói về vạn vật trong thiên hạ thì Chu Hi giảng *trách* là *tạp loạn*, như trong Hệ Từ Thượng: «Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi trách, nhi nghĩ chư kỳ hình dung, tượng kỳ vật nghi, thị cố vị chi tượng.»** 聖人有以見天下之賾，而擬諸其形容，象其物宜，是故謂之象 **(Thánh nhân thấy được sự tạp loạn của vạn vật trong thiên hạ nên so sánh hình dung của chúng, rồi làm những quẻ tượng trưng cho sự vật cùng bản tính của chúng. Những quẻ đó gọi là tượng).**

trẻ con. "*Cửu tam, quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu.*" (Hào Dương 3: Quân tử trọn ngày hoạt động tích cực, ban đêm còn lo lắng, dù nguy hiểm cũng không có lỗi). Đó là đời Cứ Loạn, là quân thống 君統. Đời này vua chúa bắt đầu ngang ngược; các giáo chủ không thể không ra tay khôi phục yên bình. Cho nên lời lẽ của họ nhiều âu lo.[48] Đó là ba đời Hạ, Thương, Chu. Đời này so với đời người là thanh niên tới tuổi làm lễ gia quan và kết hôn. Đó là ba đời nghịch (từ yên đến loạn) của nội quái. "*Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu.*" (Hào Dương 4: [Rồng] có lúc nhảy lên, có lúc nằm dưới vực, không có lỗi). Đó là đời Cứ Loạn, là quân thống 君統. Đời này, [thánh nhân] trên thì chẳng ở trời, dưới thì không còn ở ruộng.[49] Từ "hoặc" (có lúc) ngụ ý làm thử. "Biết việc bất khả thi mà cứ làm" đó là Khổng Tử vậy.[50] Đời này kéo dài từ đời của Khổng Tử cho đến nay. Đời này so với đời người là từ tuổi tráng niên trở đi. "*Cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân.*" (Hào Dương 5: Rồng bay trên trời; gặp đại nhân có lợi). Đó là đời Thăng Bình, là thiên thống 天統. Đời này các tôn giáo toàn cõi địa cầu cùng thờ một giáo chủ. Các nước toàn cõi địa cầu cùng thờ một ông vua. Đời này là một đại thống nhất. Đời này so với đời người là tuổi biết mệnh trời (tức 50 tuổi).[51] "*Thượng cửu, kháng long*

---

[48] **LAM chú: Lời lẽ của thánh nhân không chỉ toát ra sự âu lo mà còn cảnh báo sự nguy hiểm nữa. Đó là lúc Kinh Dịch ra đời, Hệ Từ Hạ chép: «Dịch chi hưng dã, kỳ đương Ân chi mạt thế, Chu chi thịnh đức da. Đương Văn Vương dữ Trụ chi sự da. Thị cố kỳ từ nguy.» 易之興也，其當殷之末世，周之盛德邪．當文王與紂之事邪．是故其辭危 (Kinh Dịch hưng khởi phải chăng vào cuối đời Ân suy bại và đầu đời Chu thịnh đức? Phải chăng là ghi chép chuyện Văn Vương và vua Trụ? Cho nên quái từ và hào từ thường nói đến nguy hiểm).**

[49] **LAM chú: Trên thì chẳng ở trời, dưới thì chẳng ở ruộng, bởi vì mới ở hào 4, phải đến hào 5 (phi long tại thiên) mới ở trời. Hào 4 thì trên hào 2 (hiện long tại điền) tức là không còn ở ruộng nữa.**

[50] **LAM chú: Đời loạn, Đạo không thi hành được, vậy mà Khổng Tử cứ mong thi hành Đạo, cho nên người giữ cửa ở Thạch Môn (ngoại thành nước Lỗ) mới cho Khổng Tử là người «biết việc bất khả thi mà cứ làm». *Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Tử Lộ túc ư Thạch Môn. Thần môn viết: "Hề tự?" Tử Lộ viết: "Tự Khổng thị." Viết: "Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dư?"» 子路宿於石門．晨門曰：奚自？子路曰：自孔氏．曰：是知其不可而爲之者與 (Tử Lộ ngủ đêm ở Thạch Môn. [Đến sáng] người giữ cửa ở Thạch Môn hỏi: "Ông từ đâu đến?" Tử Lộ đáp: "Từ Khổng Tử đến." Người giữ cửa nói: "Có phải cái ông Khổng biết việc bất khả thi mà cứ làm đó hay không?")**

[51] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Vi Chính): «Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.» 吾十有五而志於學，三十而立，四十而不惑，五十而知天命，六十而耳順，七十而從心所欲不踰矩 (Ta 15 tuổi chí tâm học tập; 30 tuổi thì vững vàng; 40 tuổi không còn nghi ngờ; 50 tuổi biết mệnh trời; 60 tuổi nghe ai nói thì phân biệt được thật hay giả, biết được đúng hay sai; 70 tuổi tuỳ ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc).**

hữu hối." (Hào Dương 6: Rồng bay quá cao sẽ hối hận). Đó là đời Thái Bình, là nguyên thống 元統. Đời này cả địa cầu chỉ có một giáo chủ và một ông vua. Cái thế của họ trở lại đơn độc; đơn độc nên quá cao; quá cao thì sẽ hối hận. Do sự hối hận ấy mà dân chúng ai ai cũng có đức như giáo chủ, nên giáo chủ bị phế bỏ; ai ai cũng có quyền như vua, nên vua bị phế bỏ. Đời này dân làm chủ khắp nơi trên địa cầu. Đời này so với đời người là lúc công phu hàm dưỡng đã thuần thục, có thể gọi là "tuỳ ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc" (tức lúc 70 tuổi). Đó là ba đời thuận (từ loạn đến yên) của ngoại quái. Tuy nhiên đời này vẫn còn vết tích [của đời đã qua], nên cần chuyển sang "*Dụng cửu, kiến quần long vô thủ, cát; thiên đức bất khả vi thủ dã.*" (Hào Dụng Cửu: Xuất hiện bầy rồng không có thủ lĩnh; điều tốt; [người quân tử hay thánh nhân noi theo] đức [cương kiện khiêm nhu] của Trời thì không thể tự coi mình là thủ lĩnh của người khác).[52] Lại nói: "*Thiên hạ trị dã.*" (Thiên hạ thịnh trị). Như vậy thì tất cả chúng sinh khắp nơi đã thành Phật. Không chỉ không có giáo chủ, thậm chí chẳng cần tôn giáo. Không chỉ không có quân chủ, thậm chí chẳng cần dân chủ. Không chỉ có địa cầu thống nhất, thậm chí chẳng cần địa cầu. Không chỉ thống lĩnh cõi trời, thậm chí chẳng cần cõi trời. Đến cảnh giới này là chí thiện tận mỹ, chẳng cần có thêm cái gì nữa.»[53]

---

[52] **LAM chú: Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達, *Chu Dịch Chính Nghĩa* 周易正義: «Thiên đức tắc kiện, đương dĩ nhu hòa tiếp đãi ư hạ, bất khả cánh hoài tôn cương vi vật chi thủ.» 天德則健, 當以柔和接待於下, 不可更懷尊剛爲物之首 (Thiên đức ắt mạnh mẽ, nhưng phải lấy nhu hòa mà tiếp đãi kẻ dưới nên không thể cho mình mạnh mẽ và tôn quý mà đứng đầu thiên hạ).**

[53] ***Nhân Học:* «Ngô ngôn địa cầu chi biến, phi ngô chi ngôn, nhi Dịch chi ngôn dã. Dịch mạo thiên hạ chi đạo, cố chí trách nhi bất khả ố. Ngô thường văn X X chi luận Càn quái hĩ, ư Xuân Thu tam thế chi nghĩa hữu hợp dã. Dịch kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố hữu lưỡng tam thế. Nội quái nghịch nhi ngoại quái thuận. "Sơ cửu, tiềm long vật dụng." Thái Bình thế dã, nguyên thống dã. Vô giáo chủ, diệc vô quân chủ. Ư thời vi hồng hoang thái cổ, manh chi xi xi, hỗ vi tù trưởng dĩ nhĩ. Ư nhân vi sơ sinh. Vật dụng giả, vô sở khả dụng giả dã. "Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân." Thăng Bình thế dã, thiên thống dã. Thời tắc tiệm hữu giáo chủ quân chủ hĩ, nhiên khử dân thượng vị viễn dã, cố viết tại điền. Ư thời vi Tam Hoàng Ngũ Đế. Ư nhân vi đồng trĩ. "Cửu tam, quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu." Cứ Loạn thế dã, quân thống dã. Quân chủ thuỳ hoành tứ, giáo chủ nãi bất đắc bất xuất nhi tễ kỳ bình. Cố từ đa ưu lự. Ư thời vi tam đại, ư nhân vi quan hôn. Thử nội quái chi nghịch tam thế dã. "Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu." Cứ Loạn thế dã, quân thống dã. Thượng bất tại thiên, hạ bất tại điền. Hoặc giả, thí từ dã. Tri kỳ bất khả vi nhi vi chi giả, Khổng Tử dã. Ư thời tắc tự Khổng Tử chi thời chí ư kim nhật, giai thị dã. Ư nhân tắc vi tráng niên dĩ vãng. "Cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân." Thăng Bình thế dã, thiên thống dã. Địa cầu quần giáo, tương đồng phụng nhất giáo chủ. Địa cầu quần quốc, tương đồng phụng nhất quân chủ. Ư thời vi đại nhất thống, ư nhân vi tri thiên mệnh. "Thượng cửu, kháng long hữu hối." Thái Bình thế dã, nguyên thống dã, hợp địa cầu nhi nhất giáo chủ, nhất quân chủ, thế hựu cô hĩ. Cô cố kháng, kháng cố hối. Hối tắc nhân nhân khả hữu giáo chủ chi đức, nhi giáo chủ phế. Nhân nhân khả hữu quân chủ chi quyền, nhi quân chủ phế. Ư thời vi biến địa dân**

chủ, ư nhân vi công phu thuần thục, khả vị tòng tâm sở dục bất du củ hĩ. Thử ngoại quái chi thuận tam thế dã. Nhiên nhi do hữu tích tượng dã. Chí ư "Dụng cửu, kiến quần long vô thủ, cát, thiên đức bất khả vi thủ dã." Hựu viết: "Thiên hạ trị dã." Tắc nhất thiết chúng sinh, phổ biến thành Phật. Bất duy vô giáo chủ, nãi chí vô giáo. Bất duy vô quân chủ, nãi chí vô dân chủ. Bất duy hồn nhất địa cầu, nãi chí vô địa cầu. Bất duy thống thiên, nãi chí vô thiên. Phù nhiên hậu chí hĩ, tận hĩ, miệt dĩ gia hĩ.» 吾言地球之變，非吾之言，而易之言也。易冒天下之道，故至賾而不可惡。吾嘗聞〇〇之論乾卦矣，於春秋三世之義有合也。易兼三才而兩之，故有兩三世。內卦逆而外卦順。"初九，潛龍勿用。" 太平世也，元統也。無教主，亦無君主。於時爲洪荒太古，氓之蚩蚩，互爲酋長已耳。於人爲初生。勿用者，無所可用者也。"九二，見龍在田，利見大人。" 升平世也，天統也。時則漸有教主君主矣，然去民尚未遠也，故曰在田。於時爲三皇五帝。於人爲童稚。"九三，君子終日乾乾，夕惕若厲，无咎。" 據亂世也，君統也。君主始橫肆，教主乃不得不出而削其平。故詞多憂慮。於時爲三代，於人爲冠婚。此內卦之逆三世也。"九四，或躍在淵，无咎。" 據亂世也，君統也。上不在天，下不在田。或者，試詞也。知其不可爲而爲之者，孔子也。於時則自孔子之時至於今日，皆是也。於人則爲壯年以往。"九五，飛龍在天，利見大人。" 升平世也，天統也。地球群教，將同奉一教主。地球群國，將同奉一君主。於時爲大一統，於人爲知天命。"上九，亢龍有悔。" 太平世也，元統也，合地球而一教主，一君主，勢又孤矣。孤故亢，亢故悔。悔則人人可有教主之德，而教主廢。人人可有君主之權，而君主廢。於時爲遍地民主，於人爲功夫純熟，可謂從心所欲不踰矩矣。此外卦之順三世也。然而猶有跡象也。至於"用九，見群龍無首，吉，天德不可爲首也。" 又曰："天下治也。" 則一切衆生，普遍成佛。不惟無教主，乃至無教。不惟無君主，乃至無民主。不惟渾一地球，乃至無地球。不惟統天，乃至無天。夫然後至矣，盡矣，蔑以加矣.– **LAM chú: Đoạn văn này có hai chữ Hán bị khuyết (ký hiệu X X và O O), có lẽ là Hữu Vi 有爲.– Derk Bodde chú: Thuyết của Đàm Tự Đồng liên hệ đặc biệt đến quẻ Càn. Tóm tắt:**

HÀO	TAM THẾ	THỜI ĐẠI	CON NGƯỜI
6	Thái Bình	tương lai xa	70 tuổi
5	Thăng Bình	tương lai gần	50 tuổi
4	Cứ Loạn	Khổng Tử đến nay	tráng niên
3	Cứ Loạn	đời Hạ đến Khổng Tử	gia quan, kết hôn
2	Thăng Bình	Tam Hoàng Ngũ Đế	nhi đồng
1	Thái Bình	hồng hoang thái cổ	trẻ sơ sinh

Từ sơ đồ trên, theo Đàm Tự Đồng, lịch sử thế giới gồm hai giai đoạn: (1) giai đoạn thoái hoá dần từ đời Thái Bình hồng hoang xuống đời Cứ Loạn của Khổng Tử; (2) giai đoạn tái sinh dần từ thời Cứ Loạn của Khổng Tử cho đến đời Thái Bình sẽ tái hồi trong tương lai xa. Hai giai đoạn trái ngược này ứng với nội quái (hào 1, 2, 3) nghịch biến và ngoại quái (hào 4, 5, 6) thuận biến, như Đàm Tự Đồng nói. Ngẫu nhiên, toàn bộ thuyết Tam Thế – nhất là sự thuyết minh của Đàm Tự Đồng – khi hứa hẹn về một thời hoàng kim mai sau thì nó trở nên thú vị vì nó trái ngược với quan niệm cố hữu của Trung Quốc cho rằng lịch sử là một sự thoái hoá kể từ thời hoàng kim cổ đại. Để có được quan điểm mới mẻ, hẳn Đàm Tự Đồng đã phần nào chịu ảnh hưởng thuyết tiến hoá được nói trong sách khoa học của Tây phương cũng như thuyết về một thời hoàng kim mai sau được nói trong sách thần học của Tây phương.

Nhân vật luận về quẻ Càn mà Đàm Tự Đồng nhắc đến trên đây có lẽ là Khang Hữu Vi. Dù không phải là Khang Hữu Vi đi nữa, thì cái cảnh giới tối cao «xuất hiện bầy rồng không có thủ lĩnh; điều tốt» chính là cái cảnh giới không thể suy nghĩ và bàn luận có «thần thánh rong chơi trong đó» mà Khang Hữu Vi luôn nói đến.

d. Luận về giáo chủ

Đàm Tự Đồng giả định có người chất vấn ông: «Ý tưởng ông nêu ra cao siêu quá. Đã không thể thi hành, mà cứ nói thao thao những lời suông, liệu có ích gì?» Đàm Tự Đồng tự trả lời: «Tôi quý tri thức, không quý thực hành. Tri thức là sự việc thuộc linh hồn; thực hành là sự việc thuộc thể phách. Khổng Tử nói: "Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết; đó mới là biết thực." [54] Biết cái gì cũng là biết; không biết cái gì cũng là biết [mình không biết nó]. Tức là thực hành thì hữu hạn nhưng tri thức thì vô hạn; thực hành thì có tận cùng nhưng tri thức thì vô cùng. [...] Tôn giáo là phương tiện tìm cầu tri thức. Cho nên giáo chủ và đệ tử đều lấy lời suông mà truyền thế, không cần đích thân thi hành, cũng chẳng màng bị hậu thế mắng nhiếc làm nhục. Da Tô (Jesus) bị giết và 12 đệ tử của ngài đều chết không nhắm mắt. Khổng Tử tránh được cái hoạ bị giết và 70 đệ tử của ngài có ít người thành đạt [chính trị]. Phật và đệ tử đều đói khát khốn đốn phải ăn xin, khổ hạnh suốt đời. Những bậc ấy mất thân xác để lấy cái biết trước thức tỉnh cho kẻ biết sau, lấy cái giác ngộ trước thức tỉnh cho kẻ giác ngộ sau. Lẽ nào rỗi hơi hỏi xem các ngài có thi hành được hay không? Duy có Moses và Mohammed lấy quyền lực thi hành giáo lý của mình. Đó chỉ là quân chủ mà thôi, sao đủ gọi là giáo chủ?»[55]

---

[54] **LAM chú:** ***Luận Ngữ*** **(Vi Chính): «Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.»** 知之爲知之,不知爲不知,是知也. **Câu này có hai cách dịch. Tạ Băng Oánh (*Tử Thư Độc Bản*, Tam Dân Thư Cục, Đài Loan, 1993, tr.80) dịch: «Tri đạo đích tựu thuyết tri đạo; bất tri đạo đích tựu thuyết bất tri đạo; giá tài thị chân tri a.»** 知道的就說知道;不知道的就說不知道;這才是眞知啊 **(Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết; đó mới là biết thực). Dương Bá Tuấn (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1998, tr.19) cho rằng chữ *tri*** 知 **sau chót phải đọc là *trí*** 智, **nên dịch: «Tri đạo tựu thị tri đạo, bất tri đạo tựu thị bất tri đạo, giá tựu thị thông minh trí tuệ.»** 知道就是知道,不知道就是不知道;這就是聰明智慧 **(Biết thì biết, không biết thì không biết, đó chính là thông minh trí tuệ).**

[55] ***Nhân Học:*** **«Ngô quý tri, bất quý hành dã. Tri giả, linh hồn chi sự dã. Hành giả, thể phách chi sự dã. Khổng Tử viết: "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã." Tri diệc tri, bất tri diệc tri, thị hành hữu hạn nhi tri vô hạn, hành hữu cùng nhi tri vô cùng dã. [...] Giáo dã giả, cầu tri chi phương dã. Cố phàm giáo chủ giáo đồ, giai đĩ không ngôn thuỵ thế, nhi bất khắc cập thân hành chi, thả vi hậu thế cấu lị lục nhục nhi bất cố dã. Da sát thân, kỳ đệ tử thập nhị nhân, giai bất đắc kỳ tử. Khổng cận miễn ư nhất thân, kỳ đệ tử thất thập nhân, đạt giả cái quả. Phật dữ đệ tử, giai cơ khốn khát thực, đĩ khổ hạnh chung. Thử kỳ vong khu mệnh, đĩ tiên tri giác hậu tri, đĩ tiên giác giác hậu giác, khởi hạ vấn kỳ hành bất hành tai! Duy Ma Tây Mục Hãn Mặc Đức đĩ quyền lực hành kỳ giáo; quân chủ nhi đĩ hĩ, hà**

Vậy thì giáo chủ chỉ dạy cho người ta hiểu biết. Nếu nó là chân tri (hiểu biết đúng) thì đời ắt sẽ thi hành.

Ba giáo lý của Da Tô, Khổng Tử, và Thích Ca tuy khác nhau, nhưng giống nhau ở sự biến đổi; tuy biến đổi khác nhau, nhưng giống nhau ở sự bình đẳng. Lý tưởng tối cao của ba tôn giáo ấy đều là cảnh giới tối cao như trên đây đã nói. Chỉ vì ba giáo chủ sống vào ba thời đại khác nhau, nên nói họ cơ hồ khác nhau. Đàm Tự Đồng nói: «Khi lấy thuyết tam thế trong *Công Dương Truyện* đem ra thi hành, Khổng Tử là người bất hạnh nhất. Bởi vì thời của Khổng Tử, các pháp độ của quân tử đã nhiều lại còn thâm mật. Cái tên gọi "luân thường lễ nghĩa" đã trói buộc và kiềm chế tất cả mọi người. Nó đã ngấm sâu vào tâm khảm mọi người nên không thể sửa đổi họ tức khắc. Sống trong đời Cứ Loạn, Khổng Tử khó mà thi thố được gì. Lời sâu kín và ý nghĩa lớn của ngài đành gởi trong câu nói mơ hồ u ẩn và quanh co xa xôi, để bày tỏ mục đích. Ý kiến ngài qua lời lẽ tao nhã không thể không bị lôi kéo bởi các định chế cũ của vua chúa, nên ngài cũng chỉ dừng ở các phép tắc của đời Cứ Loạn mà thôi. Đời Cứ Loạn là quân thống (vua cai trị) vậy. [...] Da Tô (Jesus) là người bất hạnh thứ hai. Ngài cũng sống vào thời vua chúa cai trị ngang ngược. Tuy nhiên sự phân biệt [xã hội] trong lễ nghi ở nước của ngài thì ít hơn ở Trung Quốc, nên thời của ngài có dấu hiệu của đời Thăng Bình. Do đó Da Tô trình bày được giáo lý trời cai trị trong đời Thăng Bình, và lập được thiên thống (trời cai trị). [...] Duy có Phật là người độc nhất thật sự may mắn. Đất nước của ngài vốn không có cái gọi là những "lãnh đạo thần thánh trải bao đời" đại loại như Moses, John, Đại Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Chu Công, để giũa mài cái thiên chân và loại bỏ sự chất phác của dân chúng. Phật lại là người lìa bỏ gia đình và vượt ra ngoài thế gian, nên không còn cần phải thuận theo thế gian nữa. Do đó ngài đã thể hiện được thuyết đại đồng ở đời Thái Bình, tức là nguyên thống (sự cai trị lớn). Trong nền cai trị đại đồng, cha không còn là cha của ai, con không còn là con của ai; quan hệ cha con đã không tồn tại huống hồ quan hệ vua và bầy tôi? Đời này, tất cả định chế ràng buộc và

---

túc vi giáo chủ?» 吾貴知，不貴行也．知者，靈魂之事也．行者，體魄之事也．孔子曰："知之爲知之，不知爲不知，是知也．" 知亦知，不知亦知，是行有限而知無限，行有窮而知無窮也．[...] 教主也者，求知之方也．故凡教主教徒，皆以空言垂世，而不克及身行之，且爲後世詬詈數辱而不顧也．耶殺身，其弟子十二人，皆不得其死．孔子僅免於一身，其弟子七十人，達者蓋寡．佛與弟子，皆饑困乞食，以苦行終．此其亡軀命，以先知覺後知，以先覺覺後覺，豈暇問其行不行哉！惟摩西穆罕默德以權力行其教；君主而已矣，何足爲教主？

kiềm chế khiến cho vua trở nên độc tài và dân thành trộm cướp đều không còn áp dụng nữa. Phật có thể đơn độc cao trỗi trên các tôn giáo, là nhờ thời thế và hoàn cảnh; ở thời thế ấy không phải thế thì không được. Nhưng ta không thể suy lường được pháp thân 法身 (dharmakāya: thực tại tuyệt đối) của các giáo chủ. Pháp thân của các giáo chủ chỉ có một mà thôi. Ngài X X X X [56] nói: "Các giáo chủ của ba tôn giáo ấy là một. Hễ ta vái lạy một vị, tức là vái lạy cả ba vị." Lời nói ấy tôi đồng ý.»[57]

---

[56] **Derk Bodde chú: Nguyên văn khuyết bốn chữ Hán, phải chăng đó là nhà truyền giáo Timothy Richard (1845-1919, tên chữ Hán là Lý Đề Ma Thái 李提摩太), một người có viễn kiến và giao du mật thiết với Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, và các nhà cải cách khác? Xem: Arthur W. Hummel, *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (Những người Trung Quốc ưu tú đời Thanh)*, Washington, 1943-1944, quyển 2, tr.703-704.**

[57] ***Nhân Học:*** **«Dĩ Công Dương Truyện tam thế chi thuyết hành chi, Khổng tối vi bất hạnh. Khổng chi thời, quân tử chi pháp độ, ký dĩ thậm mật nhi thả phồn. Sở vị luân thường lễ nghĩa, nhất thiết thúc phọc kiềm chế chi danh, ký dĩ thấm tỷ ư nhân nhân chi tâm, nhi thốt bất khả dữ cách. Ký dĩ vi Cứ Loạn chi thế, Khổng vô như chi hà dã. Kỳ ư vi ngôn đại nghĩa, cận đắc thác chư ẩn hối chi từ, nhi uyển khúc hư miểu, dĩ trứ kỳ chỉ. Kỳ kiến ư nhã ngôn, nhưng bất năng bất khiên suất ư quân chủ chi cựu chế, diệc chỉ Cứ Loạn chi thế chi pháp dĩ nhĩ. Cứ Loạn chi thế, quân thống dã. [...] Da thứ bất hạnh. Bi kỳ thời diệc quân chủ hoành thứ chi thời dã. Nhiên nhi lễ nghi đẳng sai chi tương khứ, vô nhược Trung Quốc chi huyền tuyệt, hữu Thăng Bình chi tượng yên. Cố Da đắc thân kỳ thiên trị chi thuyết ư Thăng Bình chi thế, nhi vi thiên thống dã. [...] Duy Phật độc hạnh. Kỳ quốc thổ bản vô sở xưng lịch đại thần thánh chi chủ, cập Ma Tây, Ước Hàn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công chi thuộc, trác kỳ thiên chân, ly kỳ bản bộc. Nhi Phật hựu tự vi thế ngoại xuất gia chi nhân, ư thế gian vô sở tị tựu. Cố đắc tất thân kỳ đại đồng chi thuyết, ư Thái Bình chi thế, nhi vi nguyên thống dã. Phù đại đồng chi trị, bất độc phụ kỳ phụ, bất độc tử kỳ tử; phụ tử thả vô, cánh hà hữu ư quân thần? Cử phàm độc phu dân tặc sở vi nhất tương kiềm chế thúc phọc chi danh, giai vô đắc nhi gia chư. Nhi Phật toại dĩ độc cao ư quần giáo chi thượng, thời nhiên dã, thế bất đắc bất nhiên dã. Yếu phi khả dĩ suỷ trắc giáo chủ chi pháp thân dã. Giáo chủ chi pháp thân, nhất nhi dĩ hĩ. X X X X viết: "Tam giáo giáo chủ nhất dã, ngô bái kỳ nhất, tắc giai bái chi hĩ." Tư ngôn dã, ngô thủ chi.»** 以公羊傳三世之說衡之，孔最爲不幸．孔之時，君子之法度，既已甚密而且繁．所謂倫常禮義，一切束縛箝制之名，既已浸漬於人人之心，而猝不可與革．既已爲據亂之世，孔無如之何也．其於微言大義，僅得託諸隱晦之辭，而宛曲虛渺，以著其旨．其見於雅言，仍不能不牽率於君主之舊制，亦止據亂之世之法已耳．據亂之世，君統也．[...] 耶次不幸．彼其時亦君主橫恣之時也．然而禮儀等差之相去，無若中國之懸絕，有升平之象焉．故耶得伸其天治之說於升平之世，而爲天統也．[...] 惟佛獨幸．其國土本無所稱歷代神聖之主，及摩西，約翰，禹，湯，文，武，周公之屬，琢其天眞，漓其本樸．而佛又自爲世外出家之人，於世間無所避就．故得必得畢伸其大同之說，於太平之世，而爲元統也．夫大同之治，不獨父其父，不獨子其子；父子且無，更何有於君臣？舉凡獨夫民賊所爲一相箝制束縛之名，皆無得而加諸．而佛遂以獨高於群教之上，時然也，勢不得不然也．要非可以揣測教主之法身也．教主之法身，一而已矣．○○○○曰："三教教主一也，吾拜其一，則皆拜之矣．" 斯言也，吾取之．

Ở đây, Đàm Tự Đồng cực kỳ suy tôn Phật giáo. Nhưng ông sở dĩ suy tôn Phật giáo là để kết hợp nó với thuyết của Khổng Tử. Do đó Đàm Tự Đồng suy tôn Phật cũng chỉ là suy tôn Khổng Tử mà thôi.

4. Liêu Bình

Liêu Bình 廖平(1852-1932) là một học giả thuyết giảng về Kinh học của Kim văn gia và ảnh hưởng nhiều đến Khang Hữu Vi. Liêu Bình tự là Quý Bình 季平, ban đầu lấy hiệu là Tứ Ích 四益, cuối đời lấy hiệu là Ngũ Dịch 五譯 và Lục Dịch 六譯, người ở huyện Tỉnh Nghiên 井研, tỉnh Tứ Xuyên 四川. Ông sinh năm Hàm Phong 咸豐 thứ 2 (tức 1852) triều vua Văn Tông 文宗 đời Thanh; mất năm Dân Quốc 21 (tức 1932).[58]

a. Kinh học biến đổi lần 1

Sự giải thích kinh điển của Liêu Bình trải qua 6 lần biến đổi, nên cuối đời ông lấy hiệu là Lục Dịch 六譯. Lần biến đổi thứ nhất gọi là «Kim Cổ» 今古 bắt đầu từ năm 1883. Ông cho rằng trong thời này kinh điển mà hai phái Kim văn và cổ văn căn cứ hầu hết đều phát xuất từ Khổng Tử, do đó Khổng đề xướng *pháp cổ cải chế* 法古改制 (bắt chước xưa mà cải cách chế độ) tức là lý thuyết lúc Khổng còn trẻ hoặc về già.

Trong tác phẩm *Kim Cổ Học Khảo*, Liêu Bình tóm tắt sự giống nhau và khác nhau giữa Kinh học Kim văn và Kinh học cổ văn. Ông còn cho rằng sự phân biệt giữa kim học và cổ học đã có từ thời Khổng Tử. Liêu Bình nói: «*Luận Ngữ* (Bát Dật) nói: "Đời Chu xem xét hai đời trước (tức Hạ và Thương). Các định chế đời Chu rực rỡ thay! Ta theo Chu." Đấy là lời Khổng Tử lúc trẻ, là nguồn gốc của cổ học vậy. *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công) nói: "Thi hành lịch đời Hạ, đi xe đời Ân [Thương], đội mũ miện đời Chu, âm nhạc phải dùng nhạc Thiều và nhạc Vũ." [59] Đấy là lời Khổng Tử lúc già, là nguồn gốc của kim học vậy. Ngài lại nói những cải cách dựa theo đời Hạ và đời Ân [Thương] nên đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ngài cũng có thể biết được.[60] Thiên *Vương Chế*

---

[58] LAM chú: Liêu Bình tên thật là Đăng Đình 登廷, tự là Húc Cai 旭陔, về sau đổi tên là Bình 平, tự là Quý Bình 季平, ban đầu lấy hiệu là Tứ Ích 四益, cuối đời lấy hiệu là Ngũ Dịch 五譯 và Lục Dịch 六譯, người ở huyện Tỉnh Nghiên 井研, tỉnh Tứ Xuyên 四川. Ông đỗ Tiến sĩ năm Quang Tự 光緒 15 (tức 1889). Ông dạy học nhiều địa phương trong tỉnh Tứ Xuyên như Giang Du 江油, Xạ Hồng 射洪, An Nhạc 安岳. Sau cách mạng Tân Hợi (1911), ông dạy các trường ở Thành Đô, chuyên về kinh học. Ông viết rất nhiều, nổi tiếng nhất là *Kim Cổ học Khảo* 今古學考 và *Cốc Lương Cổ Nghĩa Sớ* 穀梁古義疏. Tham khảo: Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Thượng Hải, 1997, tr.284-285.

[59] LAM chú: Xin xem lại chú thích 100 của chương 2 trên đây.

[60] LAM chú: Xin xem lại chú thích 12 trên đây của chương này.

(của *Lễ Ký*) nói đến sự nối tiếp chế độ của vua tức là vua đời Chu vậy.»[61]

Theo Liêu Bình, Khổng Tử lúc trẻ «tuân theo lệnh vua và sợ đại nhân» nên không có ý cách mạng, chỉ có lòng theo đời Chu thôi. Đến lúc già, ngài «buồn vì Đạo không thi hành được» nên mới gởi gấm ý chí của mình trong thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* và ngụ ý đó trong sách *Xuân Thu*. Thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* là do chính Khổng Tử viết. *Vương Chế* nghĩa là nối tiếp chế độ của vua đời Chu. Trong *Chu Lễ* nói đến chế độ đời Chu, tức là Khổng Tử lúc còn trẻ muốn theo đời Chu. Còn thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* là Khổng Tử viết lúc già sau khi quyết tâm cách mạng. Thời bấy giờ, chủ trương cải chế không chỉ riêng của Khổng Tử, mà còn của các chí sĩ thời Xuân Thu nữa. Điều đó cũng như ngày nay khi nói đến cai trị, đâu phải chỉ có duy nhất một người là muốn cải cách đâu. Khang Hữu Vi ắt hẳn đã căn cứ vào điểm này mà đưa ra thuyết cải cách của các chư tử đời Chu.

Bởi vì Khổng Tử có chủ trương khác nhau lúc trẻ và lúc già, nên sau khi Khổng Tử qua đời thì có phái cổ học noi theo chủ trương của Khổng Tử lúc trẻ và có phái kim học noi theo chủ trương của Khổng Tử lúc già. Liêu Bình nói: «Nước Lỗ là chính tông của kim học; hai nước Yên và Triệu là chính tông của cổ học. [...] Nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử, đệ tử đông, và các học giả lấy thuyết của Khổng Tử lúc già mà cho là lý luận cố định của ngài. [...] Các đệ tử của ngài ở hai nước Yên và Triệu, học xong trở về nước, trước khi ngài biên soạn sách *Xuân Thu*. Do đó họ chỉ nghe Khổng Tử nói theo đời Chu, còn các thuyết cải chế về sau của Khổng Tử thì họ chưa từng biết. Bởi thuyết cải chế và thuyết theo đời Chu khác nhau, nên họ bèn nghi ngờ các đệ tử của ngài ở nước Lỗ giả mạo lời ấy rồi gán cho Khổng Tử. Cho nên họ hết sức bám lấy thuyết trước, và nảy sinh vấn nạn giữa họ với [các học giả] nước Lỗ.»[62]

---

[61] *Kim Cổ Học Khảo*: «Luận Ngữ: "Chu giám ư nhị đại. Úc úc hồ văn tai. Ngô tòng Chu." Thử Khổng Tử sơ niên chi ngôn, cổ học chi tổ dã. "Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ; phục Chu chi miện; nhạc tắc Thiều Vũ." Thử Khổng Tử vãn niên sở ngôn, kim học sở tổ dã. Hựu ngôn Hạ Ân nhân cách kế Chu giả, bách thế khả tri. Tiếp Vương Chế tức sở vị kế Chu chi vương dã.» 論語：「周監於二代，郁郁乎文哉，吾從周。」此孔子初年之言，古學之祖也。「行夏之時，乘殷之輅，服周之冕，樂則韶舞。」此孔子晚年所言，今學所祖也。又云：「百世可知，其繼周者，雖百世可知，謂繼衰之王也。

[62] *Kim Cổ Học Khảo*: «Lỗ vi kim học chính tông; Yên Triệu vi cổ học chính tông. [...] Lỗ nãi Khổng Tử hương quốc, đệ tử đa, Khổng Tử vãn niên thuyết, học giả dĩ vi định luận. [...] Yên Triệu đệ tử, vị tu Xuân Thu dĩ tiền, tử nhi tiền phản. Duy văn Khổng Tử tòng Chu chi ngôn, đãi bận cải chế đẳng thuyết, vị kinh điện lĩnh. Nhân dữ tiền thuyết tương phản, toại nghi Lỗ đệ tử ngụy vi thử ngôn, ỷ thác Khổng Tử. Cố đốc thủ tiền thuyết, dữ Lỗ học tương nan.» 魯爲今學正宗；燕趙爲古學正宗。[...] 魯乃孔子鄉國，弟子多，孔子晚年說，學者以爲定論。[...]

Về sau hai phái kim học và cổ học tranh luận nhau mãi; kỳ thực, sự bất đồng của họ chỉ là ở phương diện chế độ. Liêu Bình nói: «*Luận Ngữ* nói đến cải cách, bớt đi, thêm vào, chỉ là ở chế độ [của các đời]. Đối với nghĩa lý của luân thường, thì trăm đời cũng biết được. Cho nên sự phân biệt của hai phái kim học và cổ học hoàn toàn ở tại chế độ, chứ không ở tại nghĩa lý, vì nghĩa lý thì xưa nay như nhau.»[63]

Về phương diện chế độ mà nói, cái mà kim học thay đổi thì ít, còn cái không thay đổi thì nhiều; và cái để lại không đổi thì tự nhiên nó theo cổ học. Do đó hễ ai giải kinh, nếu thấy chỗ nào mà Kinh học không đủ, thì lấy cổ học bổ sung vào là được. Cho nên hai phái kim học và cổ học trái nhau như nước với lửa, như Âm với Dương, mà thực tế là bổ sung cho nhau.

b. Kinh học *biến đổi lần 2*

Cái học của Liêu Bình biến đổi lần hai, gọi là «tôn kim ức cổ» 尊今抑古 (suy tôn kim học và đè nén cổ học), bắt đầu từ năm 1888. Về học thuyết của thời này, Liêu Bình nói: «Do đó khi khảo cứu nguồn gốc của cổ văn gia tôi thấy rằng họ đều phát xuất từ sự biên soạn giả mạo của Hứa Thận và Trịnh Huyền về sau. Các thuyết của các bậc thầy mà cổ văn gia sở hữu, thì hoàn toàn phát xuất từ sự suy diễn của Lưu Hâm về sau, căn cứ *Chu Lễ* và *Tả Truyện*. Tôi còn khảo cứu trước đời Tây Hán, hễ ai nói về Kinh học thì đều xem Khổng Tử là chủ yếu, chứ không phải là Chu Công. Lục nghệ đều là kinh mới, chứ không phải sử cũ. Do đó, để suy tôn Kinh học tôi viết thiên Tri Thánh, và để bác bỏ cổ học tôi viết thiên Tịch Lưu (trừ khử Lưu Hâm).»[64]

高趙弟子，妄修春秋之前，辭而先反。惟聞孔子從周之言，以後改制等說，未考其節。因與前說相反，遂疑魯弟子僞爲此言，依託孔子。故萬古前說，皆皆學個難。

[63] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Luận Ngữ nhân cách tổn ích, duy tại chế độ. Chí ư luân thường nghĩa lý, bách thế khả tri. Cổ kim cổ chi phân, toàn tại chế độ, bất tại nghĩa lý, dĩ nghĩa lý kim cổ đồng dã.»** 論語因革損益，唯在制度。至於倫常義理，百世可知。故今古之分，全在制度，不在義理，以義理今古同也。

[64] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Ư thị khảo cứu cổ văn gia uyên nguyên, tắc giai xuất Hứa Trịnh dĩ hậu chi ngụy soạn. Sở hữu cổ văn gia sư thuyết, tắc toàn xuất Lưu Hâm dĩ hậu cứ Chu Lễ Tả Thị chi suy diễn. Hựu khảo Tây Hán dĩ tiền, ngôn kinh học giả, giai chủ Khổng Tử, tịnh vô Chu Công. Lục nghệ giai vi tân kinh, tịnh phi cựu sử. Ư thị dĩ tôn kinh giả tác vi Tri Thánh Thiên, tịch cổ giả tác vi Tịch Lưu Thiên.»** 於是考究古文家淵源，則皆出許鄭以後之僞撰。所有古文家師說，則全出劉歆以後據周禮左氏之推衍。又考西漢以前，言經學者，皆主孔子，並無周公。六藝皆新經，并非舊史。於是以尊經者作爲知聖篇，闢古者作爲闢劉篇。– **Liêu Bình tự ghi chú: «*Không Tử Cải Chế Khảo* của Khang Hữu Vi là mô phỏng thiên *Tri Thánh* của tôi, còn *Tân Học Ngụy Kinh Khảo* của ông là mô phỏng thiên *Tịch Lưu* của tôi. Nhưng hầu hết ông ta làm mất tông chỉ của hai thiên ấy.»**

Thời này kinh điển Kim văn được xem là do Khổng Tử sáng tác. Liêu Bình nói: «Các đế và vương thể hiện ở mọi sự thực, nhưng Khổng Tử chỉ gởi gấm vào lời suông. Lục nghệ (lục kinh) tức là điển chương và chế độ của ngài, tương đồng với Lục Bộ ngày nay.»[65] Các thuyết của phái Kinh học cổ văn đều do bọn Lưu Hâm nguỵ tạo. Liêu Bình nói Lưu Hâm thực là «Đổng Trác và Tào Tháo của cửa thánh» vậy. Học thuyết về thời này của Liêu Bình giống với chủ trương của Khang Hữu Vi viết trong *Khổng Tử Cải Chế Khảo* và *Tân Học Nguỵ Kinh Khảo*. Do đó ông cho rằng *Khổng Tử Cải Chế Khảo* của Khang Hữu Vi là mô phỏng thiên *Tri Thánh* của ông, còn *Tân Học Nguỵ Kinh Khảo* của Khang là mô phỏng thiên *Tịch Lưu* của ông.

Liêu Bình cho rằng người chủ trương cải chế trong thời Xuân Thu chỉ có một mình Khổng Tử mà thôi. Ông nói: «Có người cho rằng chư tử [đời Chu] đều muốn truyền giáo, họ nghĩ đến cải chế để Khổng Tử bắt chước; nói thế là sai lầm lớn. Nay nếu khảo sách của chư tử, [chúng ta sẽ thấy] chúng đều bắt nguồn từ *tứ khoa* 四科 (đức hạnh, ngôn ngữ, chính trị, văn học) sau thời Xuân Thu, và họ gán cho cổ nhân. Do đó việc lấy lời mình để lập giáo bắt đầu từ Khổng Tử. Trước thời Xuân Thu chỉ có sách về nghệ thuật và bói toán. Phàm các nhà xuất hiện sau Khổng Tử đều do tứ khoa mà phân ra thành *cửu lưu* 九流 (9 nhà: Nho, Đạo, Âm Dương, Pháp, Danh, Mặc, Tung Hoành, Tạp, Nông). [Sách của họ] đều mượn danh cổ nhân, kỳ thực không phải là sách xưa.»[66] Bởi thế, Khổng Tử là đại thánh duy nhất.

---

[65] *Tri Thánh Thiên*: «**Đế vương kiến (hiện) chư sự thực, Khổng Tử đồ thác không ngôn. Lục nghệ tức kỳ điển chương chế độ, dữ kim lục bộ tắc lệ tương đồng.**» 帝王見諸事實，孔子徒託空言。六藝即其典章制度，與今六部則例相同。– **Derk Bodde chú: Lục bộ đời Thanh là: Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ, Công bộ. Không rõ vì sao Liêu Bình liên hệ lục nghệ (lục kinh) với lục bộ.**

[66] *Tri Thánh Thiên*: «**Hoặc dĩ chư tử giai dục truyền giáo, nhân tư cải chế, dĩ pháp Khổng Tử, thử đại ngộ dã. Kim khảo tứ thư, giai Xuân Thu hậu tứ khoa lưu phái, thác chi cổ nhân. Ấn dĩ ngôn lập giáo. Khai ư Khổng Tử. Xuân Thu dĩ tiền, đãn hữu nghệ thuật bốc phệ chi thư. Phàm tứ gia giai xuất ư Khổng Tử dĩ hậu, do tứ khoa nhi phân cửu lưu, giai thác danh cổ nhân, thực phi cổ thư.**» 或以諸子皆欲傳教，人思改制，以法孔子，此大謬也。今考子書，皆春秋後四科流派，託之古人。按以言立教，開於孔子。春秋以前，但有蓍龜卜筮之書。凡子家皆出於孔子以後，由四科而分九流，皆託名古人，實非古書。

c. Kinh học biến đổi lần 3

Cái học của Liêu Bình biến đổi lần ba, gọi là «tiểu đại» 小大 (nhỏ và lớn), bắt đầu từ năm 1898. Cái học thời này dùng thuyết của Thiệu Ung, phân chính trị thành bốn loại: hoàng, đế, vương, bá. Ông cho rằng thiên *Vương Chế* và *Xuân Thu* đều nói đến chế độ mà Khổng Tử lập cho vương và bá, có thể vận dụng để cai trị Trung Quốc. Tuy nhiên, Khổng Tử ngoài chế độ cho vương và bá, ngài còn lập chế độ cho đế và hoàng. Chế độ cho đế và hoàng lấy *Chu Lễ* làm căn bản và lấy *Thượng Thư* để hành sự; cũng giống như *Vương Chế* đối với *Xuân Thu*. Liêu Bình nói đó là «kế hoạch của Khổng Tử thi hành khắp địa cầu», là cái mà *Trung Dung* đề cập khi nói đến một bậc mà danh tiếng của ngài «lừng lẫy khắp Trung Quốc cho tới các bộ lạc man mọi, phàm ai ai có huyết khí đều tôn quý ngài», và đó là thuyết đại đồng mà *Lễ Vận* nói đến.

Biết rằng *Xuân Thu* và *Vương Chế* đề cập chế độ Khổng Tử lập để cai trị Trung Quốc, *Thượng Thư* và *Chu Lễ* đề cập chế độ Khổng Tử lập để cai trị toàn thế giới, nhưng Liêu Bình cho rằng cương vực được đề cập trong hai nhóm sách ấy thì khác nhau. Sách *Hoàng Đế Cương Vực Đồ* 皇帝疆域圖 của đệ tử Liêu Bình là Hoàng Dung 黃鎔, viết rằng: «Vương Chế nói *Xuân Thu* xem diện tích rộng 3.000 dặm là tiêu bản nhỏ. *Chu Lễ* nói *Thượng Thư* tăng lên gấp mười, tức 30.000 dặm, và xem diện tích đó là tiêu bản lớn. Trong cõi lục hợp (tức cõi con người) nó bao quát hết con người và sự vật. Trong tiểu sử Trâu Diễn có nói đến Đại Cửu Châu rộng 9 x 9 tức 81 phương, mà mỗi phương rộng 3.000 dặm. Còn Cửu Châu của nhà Nho chỉ có 1 phần 81 đó thôi. Cái gọi là Cửu Châu của nhà Nho tức là diện tích được nói đến trong *Xuân Thu* và *Vương Chế*.»[67]

Đại Cửu Châu mà Trâu Diễn nói đến tức là Cửu Châu được nói trong *Chu Lễ* và *Thượng Thư*, tức là cái mà ngày nay chúng ta gọi là toàn cõi địa cầu. *Hoàng Đế Cương Vực Đồ* chép: «Thế giới khai hoá từ dã man đến văn minh, cương thổ mở rộng từ nhỏ đến lớn. Thời Xuân Thu, Cửu Châu chỉ rộng 3.000 dặm. Suy ngược về thời nước Ngu (vua Thuấn) và đời Hạ (vua Đại Vũ), hoàn cảnh thật hoang sơ mông muội lắm. Khi

---

[67] ***Hoàng Đế Cương Vực Đồ:*** **«Vương Chế thuyết Xuân Thu tam thiên lý vi tiểu tiêu bản. Chu Lễ thuyết Thượng Thư gia thập bội phương tam vạn lý vi đại tiêu bản. Nhi lục hợp đĩ nội, nhân sự tận chi hĩ. Trâu Diễn Truyện sử xưng đại Cửu Châu đắc cửu cửu bát thập nhất phương tam thiên lý. Nho giả Cửu Châu chỉ đắc bát thập nhất phân chi nhất. Sở vị Nho giả Cửu Châu, tức chỉ Xuân Thu Vương Chế nhi ngôn.»** 王制說春秋三千里爲小標本.周禮說尚書加十倍方三萬里爲大標本.而六合以內,人事盡之矣.鄒衍傳所稱大九州得九九八十一方三千里.儒者九州止得八十一分之一.所謂儒者九州,即指春秋王制之言.

Khổng thánh san định sách vở, ngài gán các định chế trong các sách ấy cho thời cổ, và ngài căn cứ danh từ "Châu" 州 thời bấy giờ để ẩn ngụ bản đồ của hoàng và đế, đợi sau này sẽ thi hành. Giấu núi Tu Di vào trong hạt cải, để rồi phóng ra làm chuẩn cho bốn biển. Lẽ nào ngài chỉ muốn nước Lỗ cai trị các nước mà thôi ư?»[68]

Do đó cái học của Khổng Tử quả thực đã lập một biện pháp hoàn chỉnh cho xã hội và chính trị của toàn thế giới. Thế giới tiến hoá tất phải noi theo đó mà thi hành. Xét ở bề mặt, cái học của Khổng Tử dường như mô tả rằng thời cổ đã có nền chính trị của hoàng và đế, rồi nó thoái hoá thành nền chính trị của vương và bá. Kỳ thực, theo Liêu Bình, ý của Khổng Tử là «lập hình ảnh thoái hoá ấy để bố cáo cái đã qua và thông tri cái sắp đến, để cho mọi người từ cái đã biết mà suy ra cái chưa biết.» (Lập thoái hoá chi đảo ảnh, cáo vãng tri lai, sử nhân ngung phản 立退化之倒影，告往知來，使人隅反).

Liêu Bình lập ra một biểu đồ cho thấy sự tiến thoái của vận mệnh thế giới được nói trong thánh kinh. Theo biểu đồ này, kinh điển chỉ là lý thuyết, sử sách cho thấy việc thật. Kể từ đời Tần và đời Hán, lý luận trong *Xuân Thu* và *Vương Chế* đã dần dần biến thành việc thật. Người Tây phương chưa thụ giáo cái học của Khổng Tử qua kinh sách, cho nên trình độ của họ tương đồng với với trình độ của người thời Xuân Thu. Điều cần làm hiện nay là thực hành lý luận trong *Chu Lễ* và *Thượng Thư*, khiến cho toàn thế giới quy về cõi đại đồng.

Do đó cái gọi là sự phân biệt kim học và cổ học chính là sự phân biệt giữa định chế do Khổng Tử lập để cai trị Trung Quốc và định chế do ngài lập để cai trị thế giới. Liêu Bình nói: «Cho nên tôi đổi danh từ *kim cổ* thành *tiểu đại*. [...] Lấy *Vương Chế* cai trị bên trong [một nước] và lập một chủ quyền duy nhất. [...] Nhưng đối với hải ngoại toàn cầu, cái gọi là tam phần ngũ điển của Tam Hoàng Ngũ Đế thì hoàn toàn thuộc ở *Chu Lễ*. [...] Nó với *Vương Chế* một tiểu một đại, một nội một ngoại, trái nhau mà thành tựu cho nhau; mỗi cái có chỗ thích đáng của mình. [...]

---

[68] ***Hoàng Đế Cương Vực Đồ:*** **«Thế giới khai hoá, đo đã nhi văn, cương vũ đo tiểu nhi đại. Xuân Thu chi thời, Cửu Châu cận phương tam thiên lý. Thượng suy Ngu Hạ, thảo muội vưu thậm. Khổng thánh san thư, thác khắc định chế, nãi cứ đương nhật chi châu danh, ẩn ngụ hoàng đế chi bản đồ, đĩ sĩ hậu thi hành. Tàng Tu Di ư giới tử, suy nhi phóng chư tứ hải nhi chuẩn, khởi dãn vi Lỗ bang trị liệt quốc nhi dĩ hồ?»** 世界開化，由野而文，彌宇由小而大。春秋之時，九州僅方二千里，土推處交，草昧尤甚，孔聖刪書，託亮走例，乃據當日之州名，隱寓皇帝之版圖，以俟後驗行。藏須彌於芥子，推而放諸四海而準，豈但爲魯邦治列國而已乎？

Khổng Tử trở thành thần thánh của toàn cầu, lục nghệ (lục kinh) trở thành lời lẽ công chính của vũ trụ.»[69]

Theo Liêu Bình, Kinh học của Khổng Tử chính là định chế và phép tắc cho toàn cầu. Địa vị Khổng Tử và Kinh học do đó thật là tối cao.

d. Kinh học biến đổi lần 4

Liêu Bình không dừng lại ở đó, ông nói tiếp: «Tuy nhiên, đó chẳng qua là *nhân học* 人學 (cái học về con người) của lục nghệ, chuyên nói trong cõi lục hợp (tức cõi con người). Nếu người ta chỉ học *Xuân Thu, Thượng Thư,* và *Lễ*, thì mới đạt được phân nửa [chân lý]; còn *Thi, Dịch, Nhạc* của *thiên học* 天學 (cái học về Trời) thì không nằm trong các thứ kể trên.»[70]

Do đó từ năm 1902 cái học của Liêu Bình biến đổi lần 4, gọi là «Thiên Nhân» 天人 (cõi trời và cõi người). Ông nói: «Thoạt đầu tôi lấy bốn kinh *Xuân Thu, Thượng Thư, Thi, Dịch* phối hợp với hoàng, đế, vương, bá theo đạo, đức, nhân, nghĩa. [...] Về lâu về dài, tôi nhận thấy thể lệ của bốn kinh ấy là nhằm phân cách trời với người. Nhân học 人學 (cái học về con người) là nói trong cõi lục hợp (tức cõi con người); thiên học 天學 (cái học về Trời) là nói ngoài cõi lục hợp (tức ngoài cõi con người). *Xuân Thu* nói về bá mà bao hàm vương. *Thượng Thư* nói về đế mà bao hàm hoàng. Thuyết Tam Hoàng Ngũ Đế của *Chu Lễ* chuyên nói [đến thời kỳ chép trong] *Thượng Thư;* thuyết vương bá của *Vương Chế* chuyên nói [đến thời kỳ chép trong] *Xuân Thu*. Nói đến hoàng đế vương bá, về chế độ thì ở *Chu Lễ* và *Vương Chế*, còn về kinh thì ở *Thượng Thư* và *Xuân Thu*. [Giữa *Thượng Thư* và *Xuân Thu*] một tiểu một đại; đấy là hai bộ kinh của nhân học. [...] Nhân học liên quan bên trong lục hợp (tức cõi người). Cái gọi là "dứt tuyệt giao thông giữa trời và đất" nghĩa là cách

---

[69] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Cổ cải kim cổ chi danh viết tiểu đại. [...] Dĩ Vương Chế trị nội, độc lập nhất tôn. [...] Nhi hải ngoại toàn cầu, sở vị Tam Hoàng Ngũ Đế chi tam phần ngũ điển giả, tắc toàn dĩ thuộc chi Chu Lễ. [...] Dữ Vương Chế nhất tiểu nhất đại, nhất nội nhất ngoại, tương phản tương thành, các đắc kỳ sở. [...] Khổng Tử nãi đắc vi toàn cầu chi thần thánh, lục nghệ nãi đắc vi vũ trụ chi công ngôn.»** 故改今古之名曰小大。[...] 以王制治內，獨立一尊。[...] 而海外全球，所謂三皇五帝之三墳五典者，則全以屬之周禮。[...] 與王制一小一大，一內一外，相反相成，各得其所。[...] 孔子乃得爲全球之神聖，六藝乃得爲宇宙之公言。

[70] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Tuy nhiên, thử bất quá lục nghệ chi nhân học, chuyên ngôn lục hợp đĩ nội. Đản vi Xuân Thu Thượng Thư dữ Lễ, cận đắc kỳ bán; nhi thiên học chi Thi Dịch Nhạc, thượng bất tại thử số dã.»** 雖然此不過六藝之人學，專言六合以內。但爲春秋尚書與禮，僅得其半；而天學之詩易樂，尚不在此數也。

lìa trên với dưới, người không phải là trời, cho nên người và thần cách tuyệt. Đến như *Kinh Thi* và *Kinh Dịch*, lấy cái ở trên đi lên và cái ở dưới nổi lên làm mẫu mực lớn; đó là cảnh giới mà *Trung Dung* [trích dẫn *Kinh Thi*] gọi là "diều hâu bay lên trời, cá nhảy ở dưới vực, xem xét cả trên lẫn dưới". Việc chu du trong cõi lục mạc (lục hợp), giống như hồn bay ra khỏi thân xác lúc ta nằm mộng, nói theo lời lẽ ngày nay, quả thực là sức ta làm không được. Tuy nhiên, từ quan điểm của dân chúng ngày nay mà nhìn lại thời hồng hoang mông muội chưa tới muôn ngàn năm trước, ta thấy rằng đạo đức, phong tục, linh hồn, thể phách của chúng ta không thể sánh với đạo đức, phong tục, linh hồn, thể phách của người xưa. Nếu tăng thêm vài ngàn năm tiến bộ và cải cách cũng như sự rực rỡ mà các bộ môn khoa học liên tục đạt được, thì chúng ta có thể tính tới một sự tiến bộ hơn nữa mà khi đó chúng ta chẳng cần y phục và thực phẩm, chỉ cần hớp không khí mà trường thọ.»[71]

Liêu Bình cho rằng «hễ làm rõ nhân học và thiên học, thì các sách mà nhà Nho xem là quỷ quái chẳng phải là kinh điển sẽ được giải thích đúng đắn». Những lời lẽ hoang đường trong các sách như *Linh Khu, Tố Vấn, Sở Từ, Sơn Hải Kinh, Mục Thiên Tử Truyện* đều nói đến một thế giới riêng, khác với cõi người ta. Các sách ấy đều là thiên học. Thí dụ như bài *Đại*

---

[71] *Kim Cổ Học Khảo*: «Sơ dĩ Xuân Thu, Thượng Thư, Thi, Dịch, phân phối đạo đức nhân nghĩa chi hoàng đế vương bá. [...] Trì chí hữu cửu, nãi tri tứ kinh chi thể lệ, dĩ thiên nhân phân. Nhân học vi lục hợp dĩ nội, thiên học vi lục hợp dĩ ngoại. Xuân Thu ngôn bá nhi bao vương. Thượng Thư ngôn đế nhi bao hoàng. Chu Lễ Tam Hoàng Ngũ Đế chi thuyết, chuyên ngôn Thượng Thư; Vương Chế vương bá chi thuyết, chuyên ngôn Xuân Thu. Ngôn hoàng đế vương bá, chế độ tại Chu Lễ Vương Chế, kinh tại Thượng Thư Xuân Thu. Nhất tiểu nhất đại, thử nhân học chi nhị kinh dã. [...] Nhân học lục hợp dĩ nội, sở ngôn tuyệt địa thiên thông, cách ư thượng hạ, nhân nhi phi thiên, cố nhân thần cách tuyệt. Chí ư Thi Dịch, dĩ thượng chỉnh hạ phù vi đại lệ; Trung Dung sở vị "diên phi ư thiên, ngư dược ư uyên, vi thượng hạ sát" chi chỉ cảnh. Chu du lục mạc, hồn mộng phi thân, dĩ kim nhật thời thế ngôn chi, thành vi lực sở bất chí. Nhiên dĩ kim nhật chi nhân dân, thị thảo muội chi sơ, bất quá số thiên vạn niên, đạo đức phong tục, linh hồn thể phách, dĩ phi tích tỷ. Nhược tái gia số thiên niên tinh tiến cải lương, các khoa học kế dĩ xương minh, sở vị trường thọ phục khí, bất y bất thực, kỳ tiến bộ cố khả án trình nhi kế dã.»
初以春秋，尚書，詩，易，分配道德仁義之皇帝王伯。[...] 遲之又久，乃知四經之體例，以天人分。人學爲六合以內，天學爲六合以外。春秋言伯而包王，尚書言帝而包皇，周禮三皇五帝之說，專言尚書；王制王伯之說，專言春秋。言皇帝王伯，制度在周禮王制，經在尚書春秋。一小一大，此人學之二經也。[...] 人學六合以內，所言絕地天通，格於上下，人而非天，故人神隔絕。至於詩易，以上征下浮爲大例；中庸所謂"鳶飛於天，魚躍於淵，爲上下察"之止境，周遊五漠，魂夢飛身，以今日時世言之，誠爲力所不至。然以今日之人民，視草昧之初，不過數千萬年，道德風俗，靈魂體魄，已非昔比。若再加數千年精進改良，各科學繼以昌明，所謂長壽服氣，不衣不食，其進步固可按程而繼也。

Nhân Phú 大人賦 của Tư Mã Tương Như 司馬相如 (khoảng 179-117 TCN), theo Liêu Bình, chính là nói tới một cõi ở ngoài cõi của con người chúng ta. Theo ông, kinh Phật cũng thuộc về thiên học: «Tương lai thế giới tiến hoá, chúng sinh đều thành Phật, người người không ăn lúa gạo, thân có thể bay được, không còn âu lo nghĩ ngợi gì cả; gần đây người ta đã luận bàn rõ về điều ấy. Nhưng họ chưa biết rằng Phật phát xuất từ Đạo giáo, Phật là người đầu tiên [sang Ấn Độ] cải hoá người dân ở đấy. Cái được nói [trong kinh Phật] sẽ là việc có thật trong tương lai; đó là kết quả của thiên học. Nếu một người mà làm được thì sẽ bị xem là kỳ quái, nhưng nếu cả thế gian mà làm được thì sẽ được xem là chuyện bình thường.»[72]

Liêu Bình cho rằng Phật phát xuất từ Đạo, Đạo phát xuất từ Khổng; do đó kinh điển của Khổng bao quát phạm vi rộng lớn và hữu ích.

e. Kinh học biến đổi lần 5

Về cái học của Liêu Bình biến đổi lần 5, Hoàng Dung (đệ tử của Liêu Bình) ghi chú rằng: «Năm 1918, thầy bỏ danh từ "Kim Cổ" mà đổi thành "Tiểu Đại", chuyên lấy lục kinh để phân ra Thiên, Nhân, đại, tiểu.» Lần biến đổi này khác với lần 4. Ở lần 4, Liêu Bình cho rằng *Xuân Thu* và *Thượng Thư* liên quan nhân học, còn *Kinh Thi* và *Kinh Dịch* liên quan thiên học. Ở lần 5 này, Liêu Bình phân lục kinh thành hai nhóm: nhân học có ba kinh, thiên học có ba kinh. Trong ba kinh của nhân học có kinh Lễ. Liêu Bình nói: «Trong Lục nghệ (lục kinh), đầu tiên có Tiểu Lễ và Tiểu Nhạc. Đó là Lễ Kinh, nói về tu thân và tề gia, là căn bản của trị quốc và bình thiên hạ. Tu thân là gốc; gốc là Lễ vậy.»[73] (Hoàng Dung chú: Tiểu Lễ là các thiên Khúc Lễ 曲禮, Thiếu Nghi 少儀, Nội Tắc 內則, Dung Kinh 容經, Đệ Tử Thức 弟子職. Tiểu Nhạc là Thập Tam Vũ Chước 十三舞勺 và Thành Đồng Vũ Tượng 成童舞象).

---

[72] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Tương lai thế giới tiến hoá, quy tư chúng sinh giai Phật, nhân nhân tịch cốc phi thân, vô tư vô lự, cận nhân luận chi tường hĩ. Đặc vị tri Phật tức xuất tự Đạo, vi hoá Hồ chi tiên khu. Sở ngôn tức vi tương lai thực hữu chi sự, vi thiên học chi kết quả, nhất nhân vi chi tắc vi quái, cử thế năng chi tắc vi hằng.»** 將來世界進化，歸於衆生皆佛，人人辟穀飛身，無思無慮，近人論之詳矣．特未知佛即出於道，爲化胡之先驅．所言即爲將來實有之事，爲大學之結果，一人爲之則爲怪，舉世能之則爲恆．

[73] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Lục nghệ trung, tiên hữu tiểu Lễ, tiểu Nhạc. Thử vi Lễ Kinh, nãi tu thân tề gia sự, vi trị bình căn bản. Tu thân vi bản, bản thử lễ dã.»** 六藝中，先有小禮，小樂．此爲禮經，乃修身齊家事，爲治平根本．修身爲本，本此禮也．

Tiểu Lễ và Tiểu Nhạc là cái học tu thân và tề gia, là kinh thứ nhất trong ba kinh của nhân học. Kinh thứ hai là *Xuân Thu* «là cái học trị quốc, cái học làm vương làm bá, làm nhân làm nghĩa; còn *Vương Chế* là phần truyện của *Xuân Thu*.» Đó là «tiểu bản nhỏ của nhân học, là căn bản của Nho, Mặc, Danh gia, Pháp gia.» Kinh thứ ba của nhân học là *Thượng Thư*. Đó là «cái học bình thiên hạ, cái học làm hoàng làm đế, làm đạo làm đức. Còn *Chu Lễ* là phần truyện của *Thượng Thư*». Đó là «tiểu bản lớn của nhân học, là căn bản của Đạo gia và Âm Dương gia.»

Ba kinh của thiên học có *Nhạc* và *Đại Lễ*. Liêu Bình nói: «Nhạc của vương và bá, Trung Quốc có đại khái chút đỉnh; còn nhạc của hoàng và đế thì Trung Quốc không có, bởi thời đó nhạc sĩ chưa sinh. Tôi tồn nghi thuyết này.»[74]

Liêu Bình cũng không nói rõ về cái gọi là *Đại Lễ*. Có lẽ ông cũng tồn nghi để đợi một thuyết chắc chắn. *Đại Lễ* là kinh thứ nhất trong ba kinh của thiên học. Kinh thứ hai là *Thi Kinh*, «là cái học xuất thần rong chơi». Ông nói: «Giống như anh nhi luyện hồn của Tiên gia, thần xuất ra khỏi xác, không thể ban ngày phi thăng, thoát khỏi thân xác này. Cho nên *Thi Kinh* chuyên nói về mộng cảnh. Mộng thấy làm chim trên trời làm cá dưới vực. Các sách như *Nội Kinh, Linh Khu, Tố Vấn, Sơn Hải Kinh, Liệt Tử, Trang Tử, Sở Từ*, cho đến các bài phú xưa, và các bài thơ nói về dạo chơi cõi tiên, đều được xem là phần truyện của *Thi Kinh*.»[75]

Khang Hữu Vi và Đàm Tự Đồng cho rằng bên trên nền cai trị đại đồng còn có một thế giới trời tạo ra (thiên tạo chi thế 天造之世), Liêu Bình gọi đó là thiên học, nhưng ông trình bày rõ ràng hơn Khang và Đàm.

Kinh thứ ba trong ba kinh của thiên học là *Kinh Dịch*, nhưng trong sách của ông không nói đến, theo tôi thấy là do in sót. Cái học của Liêu Bình còn có lần biến đổi thứ 6, nhưng bài luận của ông chưa xuất bản, nên tôi không biết lần 6 và lần 5 có khác nhau thế nào.

---

[74] *Kim Cổ Học Khảo*: «Vương bá chi nhạc, Trung Quốc lược hữu phảng phất; hoàng đế chi nhạc, Trung Quốc vô thử thế cục. Kỳ nhân vị sinh, không tồn kỳ thuyết dĩ đãi chi.» 王伯之樂，中國略有彷彿；皇帝之樂，中國無此世局，其人未生，空存其說以待之。

[75] *Kim Cổ Học Khảo*: «Như Tiên gia chi anh nhi luyện hồn, thần khử hình lưu, bất năng bạch nhật phi thăng, thoát thử khu xác. Thi cố chuyên ngôn mộng cảnh, ngư điểu thượng hạ. Nội Kinh, Linh Khu, Tố Vấn, Sơn Hải Kinh, Liệt Tử, Trang Tử, Sở Từ, cổ phú, du tiên thi, các thư dĩ vi chi truyện.» 如仙家之嬰兒鍊魂，神去形留，不能白日飛昇，脫此軀殼，詩故專言夢境，魚鳥上下。內經，靈樞素問，山海經，列子，莊子，楚辭，古賦，遊仙詩，各書以爲之傳。

5. Thời đại Kinh học kết thúc

Thuyết của Liêu Bình, xét về phương diện lịch sử hay triết học, đều không có có giá trị đáng tin; nhưng cái học của ông thực sự đã kết thúc thời đại Kinh học trong lịch sử triết học Trung Quốc. Từ phương diện này mà nói, Liêu Bình cũng có địa vị tương đối quan trọng trong lịch sử triết học Trung Quốc. Ở chương 1 của quyển 2 này, tôi có nói rằng thời đại từ Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179?-104? TCN) đến Khang Hữu Vi 康有爲 (1858-1927) mà tôi gọi là thời đại Kinh học (thời đại nghiên cứu kinh điển), bất kể các kiến giải của các triết gia có mới hay không, thì họ cũng đều phải dựa vào cái danh của triết gia nào đó của thời đại tử học. Kiến giải của họ cũng phần nhiều là lấy các thuật ngữ trong triết học của thời đại tử học mà diễn đạt, giống như lấy bình cũ mà chứa rượu mới vậy.

Từ khi Trung Quốc giao lưu với Tây phương, các phương diện chính trị, xã hội, kinh tế, học thuật của Trung Quốc đều thay đổi tận gốc rễ. Những sự vật mới mẻ từ Tây phương bắt đầu được đưa vào Kinh học, tức là tiếp tục đổ thứ rượu rất mới vào trong chiếc bình cũ. Chương 16 này lược thuật ba nhân vật đại biểu (Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Liêu Bình) mà trong số họ, Liêu Bình qua đời sau cùng. Lần biến đổi thứ 5 trong Kinh học của ông bắt đầu từ 1918 (Dân Quốc năm thứ 7) có thể nói là đã mở rộng phạm vi của Kinh học đến cực điểm, lôi kéo theo nhiều chi tiết buồn cười. Sự mở rộng cực điểm của Kinh học làm vỡ tung chiếc bình quá cũ. Do đó cái học của Liêu Bình là thành luỹ sau cùng của Kinh học. Xét theo thời gian và theo nội dung, cái học của Liêu Bình đã thực sự kết thúc thời đại Kinh học.

Những thay đổi thời đại về phương diện lịch sử khó có thể phân cắt chính xác vào ngày nào giờ nào. Trước khi một thời đại kết thúc thì một thời đại mới đã mở ra rồi. Khi thời đại trước kết thúc thì luồng chủ lưu của thời đại sau đã phát hiện. Trước khi Liêu Bình qua đời (1932), thậm chí trước năm 1918 khi ông bắt đầu giảng lần biến thứ 5 của Kinh học, cũng đã có người vất bỏ Kinh học và đưa ra tư tưởng của mình. Nhưng các nhà tư tưởng của thời đại mới này chưa lập thành một hệ thống hoàn chỉnh. Do đó thời đại mới này của triết học Trung Quốc vẫn còn đang trong giai đoạn thành hình. Cho nên thay vì mô tả những phát triển mới mẻ này, tôi xin tạm dừng bộ sử nơi đây, với sự kết thúc của thời đại Kinh học.

Nội dung *LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC* của Phùng Hữu Lan và phương pháp đọc sách này

TRƯƠNG QUÝ ĐỒNG 张岂同

1. CƠ CẤU CỦA BỘ SÁCH

Đây là bộ sách rất tốt về lịch sử triết học Trung Quốc. Ở nhiều phương diện, bộ sách có sắc thái độc đáo mà các sách khác cùng chủ đề này không thể sánh bằng. Thật không quá lời nếu bảo rằng từ trước đến nay chưa có sách nào viết về lịch sử triết học Trung Quốc mà hay như bộ này. Trong các sách xuất bản mấy năm nay, đây là một trứ tác rất lớn, cực kỳ giá trị. Sự diễn biến và phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc được trình bày rất hệ thống, rất rõ ràng. Đọc xong bộ này, độc giả có thể hiểu rõ ràng và chính xác về quá trình diễn biến và phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc.

Tác giả phân chia sự phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc làm hai thời kỳ: Tử Học và Kinh Học. Thời Tử Học bắt đầu từ Khổng Tử cho đến Hoài Nam Tử. Thời Kinh Học bắt đầu từ Đổng Trọng Thư cho đến Khang Hữu Vi và Liêu Bình. Các sách phổ thông viết về lịch sử triết học Trung Quốc thường phân chia sự phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc làm ba thời kỳ: thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Nhưng trong bộ sách này, Phùng Hữu Lan nói Trung Quốc chưa có triết học cận đại. Thật là một ý kiến vượt trội. Ông viết: «Trong lịch sử triết học Tây phương cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng. [...] Trong lịch sử triết học Trung Quốc, từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi đều là triết học trung cổ, còn triết học cận đại thì mới manh nha.» (quyển 2, chương 1). Ông nhận định rằng triết học trung cổ và triết học cận đại của Trung Quốc có tính chất khác nhau. Triết học trung cổ căn cứ trên triết học thượng cổ và bổ sung các kiến giải mới hoặc suy diễn thêm. Nói

chung, các triết gia không dám vượt qua giới hạn của triết học thượng cổ cũng như không dám sáng lập ra một hệ thống hoàn toàn mới. Họ chỉ một mực dựa vào cổ nhân và dùng thuật ngữ của cổ nhân đã dùng để biểu đạt tư tưởng của mình. Phùng Hữu Lan ví von đó là «bình cũ rượu mới». Triết học cận đại thì độc lập, tự sáng lập ra học thuyết mới mẻ, chứ không hề chịu sự hạn chế của triết học các thời trước. Kể từ đời Hán về sau, xét về đại thể, triết học Trung Quốc đã không thể vượt qua phạm vi của triết học đời Chu và đời Tần; nói chung là nó dựa vào kinh điển xưa. Quá lắm thì cũng tăng thêm giải thích mới. Dù có giải thích mới thì cũng tìm kiếm trong kinh điển để có căn cứ cho mình. Tức là lấy hình thức giải thích kinh để trình bày triết học mới. Phật học đời Tuỳ và đời Đường, dù không dựa vào kinh điển Trung Quốc thì cũng dựa vào kinh Phật, tư tưởng của họ đều là suy diễn lời Phật nói. Thái độ căn bản ấy hoàn toàn khác với thái độ của chư tử đời Chu và đời Tần, tức là các triết gia hoàn toàn tự sáng lập học thuyết và hệ thống riêng. Từ đời Hán cho đến cuối đời Thanh các nhà tư tưởng hầu hết đều lấy việc giải thích kinh để trình bày triết học mới, nên Phùng Hữu Lan mới gọi đó là thời Kinh Học và nói Trung Quốc chưa có triết học cận đại.[1] Điểm này quả thực đã biểu hiện cái nhìn sắc bén của tác gia.

Phùng Hữu Lan luận về triết học thượng cổ, tức thời Tử Học, cũng khác với các tác giả khác. Họ đều cho rằng triết học thượng cổ kết thúc bằng sự thống nhất Trung Quốc ở đời Tần. Nhưng Phùng Hữu Lan cho rằng Tần chẳng qua chỉ muốn thống nhất tư tưởng chứ không hề muốn tận diệt mọi học thuyết. Hơn nữa đời Tần rất ngắn, trong một thời đại ngắn ngủi như vậy các tư tưởng bấy giờ không thể nào bị quét sạch. Huống chi đầu đời Hán học thuyết của các nhà vẫn tồn tại, lịch sử có minh chứng. Do đó triết học thượng cổ không kết thúc ở đời Tần mà kết thúc ở đời Hán Vũ Đế với sự kiện bãi truất bách gia để độc tôn Nho học. Phùng Hữu Lan nói: «Chủ trương của Đổng Trọng Thư được thi hành thì thời đại Tử Học bị diệt vong. Học thuyết của Đổng Trọng Thư lập ra mở đầu cho thời đại Kinh Học.» (quyển 1, chương 2, tiết 3). Đó cũng là cái nhìn rất khách quan của ông.

Về thời Tử Học, tác giả xem Khổng Tử là ông tổ khai sơn phá thạch của triết học Trung Quốc. Tuy nhiên ông cũng lược thuật tình hình

[1] **LAM chú: Phùng Hữu Lan đưa ý kiến này vào hai thập niên đầu thế kỷ 20. Ý kiến này đã thay đổi, vì cuối đời (1990), ông đã viết *Trung Quốc Hiện Đại Triết Học sử*.**

tư tưởng trước thời của Khổng Tử. Ông dời thời đại của Lão Tử về sau, tức là sau Mạnh Tử mà trước Huệ Thi và Trang Tử. Sau khi nói về Khổng Tử, ông lần lượt nói về cái học của bách gia như Mặc Tử, Mạnh Tử, Dương Chu, Hứa Hành, Tống Khanh, Thận Đáo, v.v...; rồi nói đến Lão Tử, Huệ Thi, Công Tôn Long, Trang Tử, *Mặc Kinh*, Tuân Tử, Hàn Phi; các Nho gia giữa đời Tần và đời Hán; rồi *Dịch Truyện* với *Hoài Nam Hồng Liệt*.

Về thời Kinh Học, tác giả nói đến kinh học kim văn của Đổng Trọng Thư đời Tây Hán, Dương Hùng, Vương Sung, Huyền học đời Ngụy-Tấn và thời Nam Bắc Triều, Phật học đời Tuỳ và đời Đường, Đạo học đầu đời Tống và đời Minh, Đạo học đầu đời Thanh, cho đến học phái kim văn cuối đời Thanh. Phạm vi nội dung của bộ sách này là như thế.

2. ƯU ĐIỂM CỦA BỘ SÁCH

Ưu điểm của bộ sách này thì rất nhiều, hiện tại tôi xin nêu ra mấy điểm quan trọng. Thứ nhất, điểm đáng chú ý là tác giả vận dụng duy vật sử quan. Hơn nữa, ông vận dụng duy vật sử quan rất linh hoạt chứ không máy móc. Khuynh hướng vận dụng duy vật sử quan thể hiện rất minh bạch, thí dụ như ông viết: «Tư tưởng con người đều bị hoàn cảnh tinh thần và vật chất của họ hạn chế.» (quyển 2, chương 1). Do đó, trước khi trình bày sự biến hoá tư tưởng triết học thì ông nói về căn nguyên xã hội của nó. Thí dụ: về nguyên nhân khiến triết học thời Tử Học trở nên rất hưng thịnh thì Phùng Hữu Lan nói khác với Lương Khải Siêu, Hồ Thích, v.v... Theo Phùng Hữu Lan, nguyên nhân ấy chính là sự biến động lớn ở phương diện kinh tế, xã hội, và chính trị của thời bấy giờ. Ông cho rằng thời Xuân Thu Chiến Quốc là thời kỳ đại quá độ trong lịch sử tiến hoá của xã hội Trung Quốc. Các chế độ chính trị, các tổ chức xã hội, các chế độ kinh tế đều thay đổi lớn đến tận gốc: nền chính trị do giới quý tộc đương thời nắm giữ bị sụp đổ, nông nô được giải phóng, hạng con buôn nổi lên. Các chế độ cũ đều bị phá hoại, dẫn đến một thời đại giải phóng lớn. Do đó lĩnh vực tư tưởng mới có hiện tượng xán lạn và bồng bột. Sự biến động ấy bắt đầu ở thời Xuân Thu, hoàn thành và dần ngưng lại ở nửa sau đời Hán. Trên phương diện chính trị đã có qui mô, các phương diện xã hội và kinh tế cũng dần dần có trật tự mới mẻ ổn định. Cho nên thời kỳ đại quá độ bắt đầu từ thời Xuân Thu đến đó là chấm dứt, tư tưởng bồng bột một thời đến đó cũng suy. Từ đó về sau, cho đến gần đây, chế độ chính trị kinh tế và tổ chức xã hội của Trung Quốc đều không hề có thay đổi cơ bản. Do đó triết học cận đại cũng chưa thể phát

sinh. Có thể nói tác giả đã hoàn toàn dùng quan điểm duy vật sử quan để lập luận về nguyên nhân tại sao triết học thượng cổ hưng thịnh và kết thúc, và nguyên nhân tại sao Trung Quốc chưa có triết học cận đại.

Bởi tác giả chỉ dùng quan điểm duy vật sử quan, nên trong các chương, trước khi trình bày tư tưởng của một triết gia thì tác giả thường nói đến hoàn cảnh của người đó. Thí dụ khi nói đến Khổng Tử thì tác giả trình bày trước tiên tình hình văn hoá của nước Lỗ; khi giảng về Mặc Tử thì trình bày trước tiên quan hệ của Mặc Tử với nước Tống và nước Lỗ; khi giảng về Lão Tử và Trang Tử thì trước tiên thuyết minh tình hình văn hoá của nước Sở và tinh thần của người Sở. Phùng Hữu Lan rất chú trọng thái độ của mỗi triết gia đối với chế độ chính trị của thời đại ông ta sống. Khi nói đến một triết gia nào đó thì ông thường tìm căn cứ lý luận ở chế độ chính trị của thời đại triết gia đó. Thí dụ khi nói đến Khổng Tử và Mạnh Tử thì tác gia lấy chế độ chính trị của đời Chu làm căn cứ lý luận; nói đến Pháp gia thì tác giả lấy xu thế tự nhiên của nền chính trị thực tế bấy giờ – từ nền chính trị do quý tộc nắm giữ đến nền chính trị quân chủ chuyên chế – làm căn cứ lý luận. Đó cũng là cái nhìn duy vật, bởi vì hiểu được thái độ của một triết gia đối với chế độ chính trị của thời đại ông ta thì hiểu được địa vị xã hội của triết gia ấy, và căn nguyên xã hội của học thuyết của ông ta sẽ hiện rõ.

Ưu điểm thứ hai của bộ sách này là tác giả rất chú trọng hệ thống triết học của các triết gia. Ông nói: «Một trong những yếu nghĩa của việc giảng về triết học sử là cần tìm ra một hệ thống thực chất trong một triết học không có hệ thống hình thức.» (quyển I, chương 1, tiết 6). Do đó, đối với tư tưởng của một triết gia, tác gia khéo tìm ra quan niệm cốt lõi của triết gia và thứ tự lớp lang của nó để trình bày hệ thống tư tưởng của triết gia ấy. Đó không phải là công việc dễ dàng, thế mà Phùng Hữu Lan đã làm được rất mỹ mãn. Thí dụ ông giảng rất hay về Mặc Tử; trước tiên ông tìm ra quan niệm cốt lõi của Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi, do đó trật tự học thuyết của Mặc gia tự nhiên hiện ra. Hay khi giảng về Lão Tử, ông tìm ra quan niệm cốt lõi của Lão học là Đạo 道 và phản 反 , do đó trình tự lô-gic của Lão học trở nên rõ ràng. Ngoài ra, khi giảng về Mạnh Tử, Tuân Tử, Huệ Thi, Công Tôn Long, Trang Tử, cho đến Đổng Trọng Thư, Phật học đời Tuỳ-Đường, Đạo học gia đời Tống-Minh, chẳng nhà nào mà ông không trình bày hệ thống

tư tưởng của họ. Chẳng hạn như hệ thống tư tưởng của Chu Hi, ông giảng cực kỳ tinh tế và thông suốt. Tư tưởng của các triết gia Trung Quốc vốn thể hiện tản mạn lộn xộn thế mà ông trình bày rất hệ thống và thứ tự. Đó quả là một trong những cống hiến rất lớn của Phùng Hữu Lan.

Ưu điểm thứ ba của bộ sách này là tác giả rất khách quan và có cái nhìn rất sâu. Ông khéo mô tả bản lai diện mục của các triết gia. Có thể hiểu được chỗ tinh vi u ẩn trong tư tưởng của họ để rồi trình bày bằng ngôn từ minh bạch thấu triệt, đó là quả là việc làm cực kỳ khó khăn, không phải ai cũng làm được như Phùng Hữu Lan. Chỗ nông cạn của nhiều bộ lịch sử triết học là dựa vào một quan điểm nào đó để viết, thành thử bị cái quan niệm ấy che lấp, do đó không thể lĩnh hội được chỗ tinh vi u ẩn trong tư tưởng của các triết gia ngày xưa. Con người nói chung thường khó tránh được thiên kiến, cho nên khi viết lịch sử triết học cũng rất dễ có thiên kiến. Chẳng hạn như thích một Nho gia nào rồi thì không nhận ra được chỗ thâm sâu của Mặc gia; thích một Mặc gia nào rồi thì không nhận ra được ý nghĩa tinh diệu của Nho gia và Đạo gia. Tuy nhiên Phùng Hữu Lan đã không như thế. Khi ông viết về một triết gia nào thì ông dùng quan điểm của chính triết gia đó. Chẳng hạn viết về triết học của Nho gia thì ông lấy quan điểm của Nho gia; viết về triết học của Mặc gia thì lấy quan điểm của Mặc gia; viết về Đạo gia và biện giả thì cũng theo phương pháp ấy. Thậm chí viết về Phật học thì dùng quan điểm của Phật gia mà viết; viết về Đạo học đời Tống và đời Minh thì dựa vào quan điểm của Đạo học. Tuy nhiên bộ sách này không chia năm xẻ bảy, mà nó có một quan điểm nhất quán, đó là tính khách quan. Chỉ có vậy thôi, cho nên đối với các triết gia, tác giả thông suốt được chỗ ẩn vi của họ, hiểu được sự thâm u của họ, nhìn thấu bản lai diện mục của họ. Đối với một hệ triết học, có thể nói rằng có sự bất đồng giữa nội quan và ngoại quan. Nội quan tức là lấy thái độ đồng tình để quan sát nó. Ngoại quan tức là chỉ quan sát bề mặt của nó. Đối với một hệ triết học, ta không thể lấy thái độ đồng tình để quan sát nó, bởi vì ta sẽ không hiểu được tinh tuý của nó. Sách này cũng lấy thái độ đồng tình để quan sát triết học của các nhà, nhưng tác giả không có thiên kiến.

Ưu điểm thứ tư của bộ sách này là tác giả rất chú trọng nguồn giòng phát triển tư tưởng. Đối với nhân trước quả sau của mỗi một học phái, sự manh nha của tư tưởng ở thời

nào, sự thành thục của tư tưởng ở thời nào, cho đến dấu tích biến thiên chuyển hoá ảnh hưởng qua lại giữa các triết gia, tác giả đã thuyết minh rất rõ ràng. Do đó đọc xong bộ sách này, độc giả sẽ hiểu rõ nguồn giòng phát triển tư tưởng triết học của Trung Quốc. Tác giả giảng rất rõ nguồn giòng của Nho, Mặc, Đạo cho đến ảnh hưởng qua lại giữa chúng. Ông giảng rõ ràng và đầy đủ nhất về nguồn gốc của Đạo học đời Tống, ảnh hưởng và xu thế của tư tưởng Đạo giáo và tư tưởng Phật giáo; lại còn nói rằng cơ sở của Đạo học đời Tống và đời Minh đã do Hàn Dũ và Lý Ngao đời Đường xác định. Có thể nói điều đó cực kỳ rõ ràng và thấu triệt. Ông cũng giảng sự phát sinh và phát triển quan niệm căn bản của mỗi một hệ triết học. Rõ ràng nhất là ông giảng sự phát triển quan niệm về Lý trong Đạo học. Quan niệm về Lý manh nha từ Chu Liêm Khê và Trương Hoành Cừ, được thành lập bởi Trình Y Xuyên, và hoàn bị bởi Chu Hi. Dấu vết diễn tiến trước sau được tác giả giảng rất rõ ràng khúc triết.

Ưu điểm thứ năm của bộ sách này là tác giả hết sức chú trọng diện mục đặc thù của mỗi thời đại lịch sử. Điều này đặc biệt thấy rõ ở thời đại Kinh Học. Thời đại Kinh Học là một thời đại lớn mà bên trong nó gồm nhiều thời đại nhỏ; mỗi thời đại nhỏ cũng có diện mục đặc thù của nó. Như ông giảng triết học của Đổng Trọng Thư và tư tưởng trong các vĩ thư rất rõ ràng tinh tế, ý nói đó là diện mục đặc thù của tư tưởng đời Tây Hán. Ông giảng Huyền học đời Nguỵ-Tấn và thời Nam Bắc Triều cũng rất rõ ràng tinh tế; nhất là giảng rất cặn kẽ tư tưởng trong *Trang Tử Chú*, ý nói đó là diện mục đặc thù của tư tưởng đời Nguỵ-Tấn và thời Nam Bắc Triều. Ông giảng Phật học đời Tuỳ-Đường cũng rất tường tận, ý nói đó là tình thế đặc thù của giới tư tưởng đời Tuỳ-Đường. Ông cũng giảng rõ ràng cái học của Liêu Bình cuối đời Thanh. Ông không nhân cái học của Liêu Bình mà xem nó có giá trị, mà cho rằng nó kết thúc thời đại Kinh Học là điều rất hiển minh. Chỗ này tác giả ắt cũng khổ tâm.

Ưu điểm thứ sáu của bộ sách này là tác giả trích dẫn tư liệu cực kỳ tinh nghiêm. Các sử liệu được tuyển lựa rất chọn lọc. Điều này khiến bộ sách khác hẳn với các sách khác. Có thể nói tác giả rất có nhận thức lịch sử. Chẳng hạn khi nói về chư tử đời Chu và đời Tần, tác giả không hề căn cứ vào nguỵ thư. Trong thời đại Kinh Học, tác giả chọn các nhân vật bằng sự nhận thức rất đặc biệt. Nhiều bộ lịch sử triết học Trung Quốc thường tuỳ tiện tuyển chọn các nhân vật. Còn trong

bộ sách này, các nhà được giảng đều là những triết gia có hệ thống triết học riêng của chính mình.[2]

3. TÓM TẮT NỘI DUNG TỪNG CHƯƠNG

Trên đây trình bày nội dung tổng quát và ưu điểm của toàn bộ sách. Sau đây xin trình bày đại ý và tinh hoa của từng chương.

QUYỂN 1: THỜI ĐẠI TỬ HỌC

CHƯƠNG 1 tổng luận về: nội dung và phương pháp của triết học, tính chất của triết học sử, tiêu chuẩn chọn tài liệu để viết sử, v.v... Tác giả nói triết học Trung Quốc về hình thức thì không có hệ thống nhưng về thực chất thì có hệ thống; lại nói lịch sử là tiến bộ. Từ đời Hán về sau, triết học ở bề mặt là sự thuật lại các học thuyết đã thành tựu của cổ nhân, nhưng trên thực tế, «lý luận trong triết học trở nên rõ ràng hơn trước đời Hán». Hai phương pháp viết sử «thuật lại» và «tuyển lục» được giải thích ở đây, và tác giả đã dùng cả hai phương pháp để viết bộ sử này. Đó là điểm mà độc giả cần chú ý khi đọc sách.

CHƯƠNG 2 tổng luận về thời đại Tử Học. Tác giả luận về khởi nguyên và kết thúc của triết học thượng cổ, nguyên nhân khiến triết học thượng cổ phát đạt và suy thoái. Tác giả cho rằng thời đại Tử Học bắt đầu từ Khổng Tử và kết thúc ở đời Hán Vũ Đế với sự độc tôn Nho học. Bàn về nguyên nhân khiến thời đại Tử Học hưng thịnh và suy vong, tác giả hoàn toàn dùng duy vật sử quan để lập luận; cái nhìn của ông cực kỳ tinh tế và thấu triệt. Ở cuối chương, ông luận về thể tài trứ thuật của người xưa, và cho rằng «các sách hiện nay ghi tên là của các nhà trước thời Chiến Quốc thì chúng ta nên coi đó là sách của học

---

[2] **LAM chú: Một ưu điểm nữa của bộ sách này là Phùng Hữu Lan có cái nhìn xuyên suốt tư tưởng Đông Tây. Ông đã so sánh chư tử Trung Quốc với các hiền triết, các trí giả, hoặc các nhà tư tưởng Tây phương. Chẳng hạn Khổng Tử sánh với Socrate. Khổng Tử mất thì Mạnh Tử và Tuân Tử tiếp tục phát huy Khổng học; Socrate qua đời thì Plato và Aristotle tiếp tục phát huy tư tưởng của Socrate. Mạnh Tử tức là Plato, Tuân Tử tức là Aristotle. Công Khổng Tử còn hơn Socrate vì đã sáng lập (hoặc phát triển) giai cấp kẻ sĩ. Tác giả còn so sánh tư tưởng Mặc Tử với Jeremy Bentham. Bentham cho rằng mục đích của đạo đức và pháp luật là mưu cầu hạnh phúc tối đa cho đại đa số nhân dân, Mặc Tử cũng có tư tưởng ấy nên chủ trương phản chiến. Còn Trang học thì tương đồng với triết học của Spinoza, v.v...**

phái ấy, chứ không nên coi là sách do một người viết ra». Nói thế, thật là có nhãn quang tinh tường.

Chương 3 nói về tư tưởng triết học và tôn giáo trước và trong thời đại của Khổng Tử. Trước thời của Khổng Tử, tư nhân không viết sách. Đến thời Khổng Tử thì mới có tư tưởng có hệ thống. Trước thời của Khổng Tử cũng đã manh nha các loại tư tưởng. Chương này sưu tập chúng và thuật lại. Trước tiên tác giả trình bày các loại tư tưởng về thiên, đế, quỷ thần, thuật số, v.v... trước thời Xuân Thu; rồi nói về những người có tư tưởng sáng suốt của thời Xuân Thu không tin quỷ thần. Thuở ban sơ, người ta cho rằng mọi chế độ trong xã hội đều do Thượng đế tạo ra. Đến thời Xuân Thu, người ta dần dần có cách giải thích mang tính chất nhân bản (humanistic) đối với các chế độ xã hội.

Chương 4 nói về Khổng Tử, khởi nguyên của Nho gia, và triết học của Khổng Tử. Trước tiên tác giả luận về địa vị của Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc. Ông cho rằng Khổng Tử là người đầu tiên đã đem học thuật mà phổ biến cho đại chúng, mở ra phong trào giảng học và du thuyết, sáng lập ra (hoặc ít nhất là phát triển) hạng kẻ sĩ. Kế đó tác giả nói về thái độ của Khổng Tử đối với tín ngưỡng và các chế độ truyền thống. Ông cho rằng Khổng Tử là người ủng hộ chế độ đời Chu và rất thủ cựu đối với tín ngưỡng truyền thống. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử là chủ nghĩa chính danh; tư tưởng nhân sinh của Khổng Tử là thẳng thắn, nhân, và trung thứ. Nhân là tính tình chân thực của con người mà khi biểu lộ thì phải hợp lễ. Thực hành điều nhân là suy bụng ta ra bụng người. Cuối chương luận thái độ căn bản của Khổng Tử là nói về nghĩa chứ không nói về lợi. Khổng Tử không chú trọng kết quả của hành vi, chỉ đặt vấn đề phải làm thế nào mà thôi.

Chương 5 nói về Mặc Tử và Mặc gia trong thời kỳ đầu. Trước tiên tác giả khảo chứng niên đại và cội nguồn tư tưởng của Mặc Tử; kế đó luận rằng triết học Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi, cho rằng Nho và Mặc khác nhau về căn bản: Mặc trọng công lợi, còn Nho chống công lợi. Điểm này là nhận thức đặc biệt của tác giả. Mặc cho rằng mối lo lớn trong thiên hạ là người ta không biết thương nhau; thiên hạ được lợi lớn là nhờ biết thương nhau. Do đó Mặc Tử chủ trương kiêm ái và phản đối chiến tranh. Ông cổ vũ sự thi hành đạo kiêm ái. Mặc Tử còn thiết lập sự chế tài về tôn giáo và sự chế tài về chính trị. Ông còn giảng về *thiên chí* (ý trời), *minh quỷ* (giảng về quỷ thần), *thượng đồng* (người dưới tuân theo người trên).

Chương 6 nói về Mạnh Tử và Mạnh học trong Nho gia. Trước tiên tác giả thuật thái độ của Mạnh Tử đối với chế độ của nhà Chu và tư tưởng chính trị của Mạnh Tử. Mạnh Tử ủng hộ chế độ nhà Chu nhưng ông lý luận hoá và lý tưởng hoá nó. Mạnh Tử tuy ủng hộ cách thức ban tước lộc của nhà Chu nhưng quan điểm căn bản về chính trị và kinh tế của ông không giống như quan điểm truyền thống. Theo quan điểm truyền thống, tất cả chế độ chính trị và kinh tế được ấn định hoàn toàn là cho quý tộc. Còn quan điểm của Mạnh Tử thì tất cả chế độ được ấn định là vì nhân dân. Đó là ý tưởng căn bản trong triết học xã hội và chính trị của Mạnh Tử. Kế đó tác giả bàn về thuyết tính thiện và tư tưởng chống công lợi của Mạnh Tử. Ông cho rằng lập luận của Mạnh Tử đều phát xuất từ dân và cho dân. Cuối chương tác giả đề cập chủ nghĩa thần bí trong Mạnh học. Nhận xét ấy rất tinh thâm. Nhiều người giảng triết học Trung Quốc đều không thấy được điểm đó. Chương này có kiến giải sáng tạo rất nhiều.

Chương 7 nói về cái học bách gia thời Chiến Quốc. Tác giả trình bày học thuyết của Dương Chu, Trần Trọng Tử, Hứa Hành, Cáo Tử, Doãn Văn, Tống Khanh, Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo, cho đến Trâu Diễn. Các tiết luận về Dương Chu, Tống Khanh, Điền Biền, Thận Đáo thật tinh tế thấu triệt. Dương Chu là kẻ có hệ thống tư tưởng của kẻ sĩ muốn tốt riêng thân mình. Tư tưởng Tống Khanh là tổng hợp của Dương học và Mặc học. Tác giả mở ra chương này là có nhận thức rất đặc biệt, bởi vì thời Chiến Quốc có nhiều nhà tư tưởng mà sách của họ không được lưu truyền, cho đến nay học thuyết của họ chỉ còn là các mảnh vụn. Nếu mỗi nhà viết riêng thành một chương thì không đủ tư liệu, mà bỏ qua hết thì thiếu sót. Biện pháp tốt nhất chẳng gì bằng gộp họ vào một chương, và luận chung với nhau để thấy tình hình xán lạn và hưng thịnh của giới tư tưởng thời ấy.

Chương 8 nói về Lão Tử và Lão học trong Đạo gia. Tác giả cho rằng sách *Lão Tử* có sau sách *Mạnh Tử;* sách của Lý Nhĩ không phải là sách của Lão Đam; Lý Nhĩ và Lão Đam không phải là một người. Quan niệm căn bản của triết học Lão Tử là Đạo và phản phục. Lão Tử quan sát sự vật mà có được nguyên tắc phản phục, rồi ứng dụng nó vào việc xử thế, xã hội, chính trị, v.v... Phản phục là cốt lõi của Lão học. Hiểu được điểm này thì những chỗ tối tăm u ẩn trong Lão học sẽ được giải quyết thuận lợi, và hệ thống Lão học cũng hiển hiện rõ ràng. Chương này quả thực thuật lại cốt tuỷ của Lão học, trình bày

tinh thâm và có thứ tự lớp lang. Các sách viết về Lão học trước đây không thể nào sánh kịp.

Chương 9 nói về Huệ Thi, Công Tôn Long, và các biện giả khác. Chương này cũng có sắc thái đặc biệt. Đầu chương tác giả nói về khuynh hướng tổng quát của học thuyết của các biện giả. Kế đó ông khảo về quan hệ giữa Huệ Thi và Trang Tử, cho rằng Trang Tử chịu ảnh hưởng của Huệ Thi rất lớn, sự tương đồng tư tưởng của hai ông rất nhiều; nay sách *Trang Tử* có thể dùng để giải thích những mẩu tư tưởng của Huệ Thi. Do đó sách *Trang Tử* dùng giải thích 10 câu nghịch lý của Huệ Thi thì rất rõ ràng và thấu triệt. Tiếp đó, tác giả giảng bạch mã luận, kiên bạch luận, chỉ vật luận, thông biến luận của Công Tôn Long và 21 nghịch lý của các biện giả trong thiên hạ. Tác giả cho rằng «chỉ» mà Công Tôn Long nói tức là cái được «danh» trỏ vào, cũng chính là cái mà triết học hiện đại gọi là «cộng tướng» hay «yếu tố». Quả thực điểm này là một phát hiện rất lớn, tinh xác không dời đổi. Lấy ý nghĩa này giải thích các thiên lý luận của Công Tôn Long thì sẽ thông suốt. Trong chương này tác giả cũng so sánh Huệ Thi với Công Tôn Long, ông cho rằng triết học của Huệ Thi là «hợp đồng dị», còn triết học của Công Tôn Long là «ly kiên bạch». Huệ Thi chú trọng vật cá thể, Công Tôn Long chú trọng cộng tướng. Cá thể thì thường biến, cộng tướng thì bất biến; nên Huệ học là triết học về biến; Công học là triết học về bất biến. Lập luận của tác giả thật là tinh tế, thấu triệt, vô song.

Chương 10 nói về Trang Tử và Trang học trong Đạo gia. Đầu chương, tác giả luận về các quan niệm «Đạo, Đức, Trời» trong triết học của Trang Tử; rồi nói đến triết học về sự biến hoá. Kế đó tác giả nói về tư tưởng tự do thuận theo tính, tư tưởng bình đẳng tề vật (xem vạn vật ngang như nhau), tư tưởng vạn vật nhất thể, và chủ nghĩa thần bí tiêu dao tuyệt đối của Trang Tử. Tác giả trình bày thật đầy đủ, rõ ràng, cẩn thận, tinh mật. Đọc chương này ta sẽ hiểu đầy đủ về Trang học.

Chương 11 nói về Mặc Kinh và các Mặc gia về sau. Chương này trình bày rất có thứ tự lớp lang và cực kỳ đầy đủ, tỉ mỉ. Trước tiên tác giả nói về chủ nghĩa công lợi trong Mặc Kinh, kế đó nói về tri thức luận và sự biện thuyết trong Mặc Kinh. Rồi ông đề cập sự biện luận về đồng dị, sự biện luận về kiên bạch trong Mặc Kinh. Cuối chương nói về sự biện luận của Mặc Kinh đối với các biện giả khác, sự biện hộ của Mặc Kinh cho thuyết kiêm ái, sự biện luận của Mặc Kinh đối với các nhà tư tưởng khác thời bấy giờ. Có thể nói mọi phương diện

tác giả đều đề cập không chút sơ sót, mỗi tiết giảng đều cực kỳ rõ ràng thấu triệt trong một thiên ngắn gọn.

Chương 12 nói về Tuân Tử và Tuân học trong Nho gia. Trước tiên tác giả đề cập tinh thần học tập của Tuân Tử. Kế đó ông thuật lại ý kiến của Tuân Tử đối với Khổng Tử và Mạnh Tử, ý kiến đối với chế độ của nhà Chu. Sau đó là lý luận của Tuân Tử về: trời và bản tính, sự khởi nguyên của quốc gia và xã hội, lễ nhạc. Tác giả cũng giảng về tâm lý học và tư tưởng chính trị của Tuân Tử. Chương này giảng rất tinh tế về tâm lý học và *tính ác luận* (lý luận nhân tính vốn ác). Tác giả cho rằng «trong tâm lý học của Tuân Tử, không chỉ có cái tâm năng tri năng lự mà còn có tình cảm và ham muốn». Lấy ý nghĩa ấy mà giảng tính ác luận của Tuân Tử thì rất xác đáng. Giảng về danh học và lý luận về khởi nguyên của quốc gia và xã hội của Tuân Tử, tác giả đều có ý kiến mới mẻ.

Chương 13 nói về Hàn Phi và các Pháp gia khác. Trước tiên tác giả nói về quan hệ giữa học thuyết của Pháp gia và xu thế kinh tế chính trị xã hội trong thời đại của họ. Kế đó ông trình bày ba phái Pháp gia: phái trọng thế, phái trọng thuật, phái trọng pháp. Ông nói: «Người tổng hợp ba phái Pháp gia, rồi thêm Lão học và Tuân học làm căn cứ, để lập nên học thuyết của một nhà, đó là Hàn Phi.» Sau đó tác giả bàn luận tư tưởng của Hàn Phi về pháp, thuật, thế; thuyết tính ác, và lý tưởng vô vi.

Chương 14 nói về Nho gia giữa đời Tần và đời Hán. Tác giả trình bày lý luận của Nho gia sau Mạnh Tử và Tuân Tử về lễ, nhạc, hiếu. Ông cho rằng thái độ của Nho gia đối với cúng tế mang tính chất nghệ thuật hơn là tôn giáo, có tính chất thi ca hơn là mê tín. Đó quả thực là kiến giải rất mới mẻ mà ông giải thích rất thấu triệt. Ông còn nói về tư tưởng của *Đại Học* và *Trung Dung*; cho rằng *Đại Học* là Tuân học, còn *Trung Dung* là Mạnh học.

Chương 15 nói về vũ trụ luận trong *Dịch Truyện* và sách *Hoài Nam Hồng Liệt*. Tác giả giảng rất thấu đáo về ý nghĩa và nguồn gốc của các quan niệm Âm Dương, Bát Quái, v.v., tư tưởng phản phục trong *Dịch Truyện*, và ý nghĩa của Dịch tượng. Cuối chương nói về thuyết phát sinh vũ trụ được chép trong *Hoài Nam Hồng Liệt*.

Chương 16 nói về lục nghệ của Nho gia và sự độc tôn của Nho gia. Tác giả nêu ra nguyên nhân khiến Nho gia trở nên độc tôn. Cũng từ quan điểm duy vật mà lập luận, ông cho rằng sự thống nhất của tư tưởng thời bấy giờ là một xu thế tự nhiên, chứ không phải do lý tưởng của một vài người mà tạo ra

được. Ý kiến này thật là tinh tế.

Quyển 2: Thời đại Kinh Học

Chương 1 nói tổng quát về thời đại Kinh Học. Tác giả luận về tính chất của thời này là «bình cũ rượu mới» và nguyên nhân khiến Trung Quốc chưa có triết học cận đại.

Chương 2 nói về Đổng Trọng Thư và kinh học kim văn. Tác giả luận về tính chất của kinh học kim văn và hệ thống tư tưởng của Đổng Trọng Thư. Kinh học kim văn là sự hỗn hợp của tư tưởng Nho gia với tư tưởng Âm Dương gia, thường có rất nhiều lý luận kỳ quái. Đổng Trọng Thư là đại biểu lớn nhất của kinh học kim văn. Rồi tác giả trình bày các thuyết của Đổng Trọng Thư như: Trời, Âm Dương, ngũ hành, bốn mùa, thiên nhân hợp nhất, tam cương ngũ kỷ, ngũ đức, v.v.

Chương 3 nói về cái học sấm vĩ và tượng số giữa hai đời Hán. Tác giả trình bày tượng số học được giảng trong vĩ thư, đạo của trời và người, v.v. Chương 2 và chương này đều có thứ tự lớp lang. Tư tưởng lộn xộn của đời Tây Hán mà trình bày rõ ràng như vậy thật không dễ chút nào.

Chương 4 nói về kinh học cổ văn, Dương Hùng và Vương Sung. Kinh học cổ văn trái ngược với kinh học kim văn; nó một mực quét sạch các lý luận quái dị. Đại biểu cho xu thế tư tưởng ấy là Dương Hùng và Vương Sung. Triết học của Vương Sung là chủ nghĩa tự nhiên; phương pháp của ông hơi có tinh thần khoa học.

Chương 5 và **Chương 6** nói về Huyền Học thời Nam Bắc Triều. Tác giả trình bày tư tưởng của Hà Án, Vương Bật, Nguyễn Tịch, Kê Khang, v.v.; Duy vật luận và cơ giới luận trong sách Liệt Tử; nhân sinh quan buông bỏ tình cảm và ý chí trong thiên Dương Chu; triết học trong *Trang Tử Chú* của Hướng Tú và Quách Tượng. Tác giả bàn luận rất tinh thâm về Hà Án, Vương Bật, và triết học của *Trang Tử Chú*. *Trang Tử Chú* tuy chú giải Trang nhưng trong đó cũng có kiến giải rất độc lập, khác với Trang Tử; nó phát triển hơn Trang học một bước, rất có giá trị. Đa số tác giả khác không nhận thức được điểm ấy. Ở đây Phùng Hữu Lan trình bày rất rõ ràng.

Chương 7 nói về Phật học thời Nam Bắc Triều và sự tranh luận của người đương thời về Phật học. Trước tiên tác giả thuyết minh tính chất của Phật học Trung Quốc; kế đó nói về 6 nhà 7 tông của thời Nam Bắc Triều, tư tưởng của Tăng Triệu và Đạo Sinh. Cuối chương ông thuật lại cuộc tranh luận về Thần diệt luận thời Nam Bắc Triều.

Chương 8 và **Chương 9** nói về Phật học đời Tuỳ và đời Đường.

Tác giả trình bày sự phát triển tư tưởng Phật học của hai đời này. Trước tiên ông nói về Nhị đế nghĩa của Cát Tạng; kế đó giảng về *Thành Duy Thức Luận* của Huyền Tâng; rồi đến *Kim Sư Tử Luận* của Pháp Tạng thuộc Hoa Nghiêm Tông. Tác giả so sánh tư tưởng Duy Thức với tư tưởng Hoa Nghiêm, cho rằng tư tưởng Duy Thức là Duy tâm luận chủ quan, còn tư tưởng Hoa Nghiêm là Duy tâm luận khách quan. Sau đó tác giả giảng về *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* của Thiên Thai Tông và tư tưởng Thiền tông. Phật học vốn u ẩn khó hiểu, mà hai chương này giảng rất rõ ràng. Tác giả quả thật là tinh thâm.

Chương 10 nói về sơ khởi của Đạo học và thành phần «Phật-Đạo» trong Đạo học. Trước tiên tác giả trình bày tư tưởng của Hàn Dũ và Lý Ngao; rồi đề cập quan hệ giữa Đạo học với Phật học và Đạo giáo. Ông cho rằng Hàn Dũ và Lý Ngao đã khai đường mở lối cho Đạo học đời Tống và đời Minh.

Chương 11 nói về tư tưởng của Chu Liêm Khê và tượng số học của Thiệu Khang Tiết. Tác giả luận chung về *Thái Cực Đồ Thuyết* và *Thông Thư* của Chu Liêm Khê; so sánh và nghiên cứu chúng rất thấu đáo. Tượng số học của Thiệu Khang Tiết được giảng rất rõ ràng và có thứ tự lớp lang. Cái học tiên thiên của Thiệu Khang Tiết tối tăm khó hiểu được giảng rõ ràng như vậy thật là hiếm có.

Chương 12 nói về Trương Hoành Cừ và Nhị Trình. Tác giả giảng vũ trụ luận duy Khí, qui luật trật tự trong vũ trụ, và nhân sinh quan thiên nhân hợp nhất của Trương Hoành Cừ. Kế đó tác giả trình bày và so sánh rất hay về thuyết hình thượng và hình hạ của anh em Trình Hạo và Trình Di, cũng như thuyết về tính và phương pháp tu dưỡng của họ. Hoành Cừ đã nói Khí lại còn nói Thái Hư. Quan hệ giữa Khí và Thái Hư nhiều tác giả không phân biệt rõ, vậy mà chương này thuyết minh được rất ngắn gọn. Về phương pháp tu dưỡng của Nhị Trình, tác giả trình bày rất độc đáo.

Chương 13 nói về Chu Hi. Tác giả trình bày lý luận của Chu Hi về: Lý, Khí, Tính, đạo đức, tu dưỡng, tư tưởng chính trị, v.v. Ông giảng rất tinh mật và có thứ tự lớp lang, có kiến giải mới mẻ. Nhiều tác giả không tránh được ngộ nhận khi giảng về Chu Hi. Chương này giảng về chân diện mục của tư tưởng Chu Hi. Đọc chương này ta sẽ giải trừ được nhiều ngộ nhận.

Chương 14 nói về Lục Tượng Sơn, Vương Dương Minh, và Tâm Học đời Minh. Trước tiên tác giả trình bàt tư tưởng của Lục Tượng Sơn và Dương Từ Hồ. Kế đó ông

phân tích chỗ bất đồng cơ bản giữa tư tưởng Chu Hi và tư tưởng Lục Tượng Sơn: Chu xem Tính là Lý, Lục xem Tâm là Lý. Sau đó tác giả giảng về hệ thống tư tưởng của Vương Dương Minh, cho rằng Tâm Học đến Vương là đạt được thành tựu lớn. Ông giảng về Vương học thật giản yếu và rõ ràng. Các thuyết yêu có sai biệt, khởi nguyên của ác, động tĩnh hợp nhất của Vương Dương Minh được ông giảng rất khác với các tác giả khác.

Chương 15 nói về sự kế thừa Đạo học ở đời Thanh. Trước tiên tác giả trình bày cái học của Nhan Nguyên và Lý Cung, tư tưởng của Đái Đông Nguyên. Ông cho rằng chỗ bất đồng giữa các Lý học gia và Nhan, Lý, Đái là: Lý học gia xem Lý ở trước sự; Nhan, Lý, Đái xem Lý ở trong sự. Tác giả cho rằng tư tưởng Đái Đông Nguyên gần với tư tưởng Tuân Tử.

Chương 16 nói về kinh học kim văn đời Thanh. Tác giả trình bày tư tưởng của Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Liêu Bình. Ông cho rằng cuối đời Thanh bị ảnh hưởng trào lưu tư tưởng phương Tây, nên phát sinh phong trào lập giáo và cải chế. Các học giả lấy tân tri thức và tân lý tưởng phụ thêm vào Kinh Học, khiến cho phạm vi của Kinh Học mở rộng ra đến cực độ, rốt cuộc cái bình cũ Kinh Học không chứa nổi rượu mới, bèn vỡ tung. Do đó thời đại Kinh Học chấm dứt.

4. PHƯƠNG PHÁP ĐỌC SÁCH

Phương pháp đọc bộ sách này có thể phân làm hai điểm:

(1) Khi đọc chính văn và các đoạn trích dẫn, độc giả cần chú ý hơn. Những đoạn trích dẫn có điểm nào khó hiểu thì nên tra lại ở nguyên tác của nó và đọc các chú thích.[3] Bộ sách này gồm hai cách viết: trần thuật và tuyển lục. Những chỗ trích dẫn cổ văn không chỉ là dẫn chứng mà thôi, kỳ thực đó cũng là tuyển lục. Do đó cần phải đọc kỹ, không thể đọc phớt qua. Đọc phớt qua thì sau khi đọc xong bộ sách này chúng ta sẽ không đạt được ích lợi lớn và thâm sâu. Các kinh sách chư tử đời Chu và đời Tần hầu hết đã được chú giải tốt, chúng ta có thể tra lại. Các kinh sách sau đời Hán thì tương đối dễ hiểu hơn, chỉ cần đọc kỹ mà thôi. Đọc lời lẽ của cổ nhân, nếu ta không lấy hư tâm mà đọc thì sẽ không có kết quả. Lời xưa phần lớn là giản

[3] **LAM chú: Phùng Hữu Lan chỉ trích dẫn cổ văn mà không chú giải hay dịch ra bạch thoại, cho nên đây là lời Trương Quý Đồng dặn riêng cho các độc giả đọc nguyên tác chữ Hán. Bản dịch tiếng Việt đã chú thích phần lớn những chỗ khó hiểu.**

ước. Mỗi lần đọc phải hai ba lần suy gẫm, thì mới lĩnh hội được ý nghĩa trong đó. Điểm này độc giả nên chú ý.

(2) Đọc bộ sách này, độc giả cần quan sát hệ thống thứ tự của mỗi chương, càng phải xem sự quán thông mạch lạc giữa các chương để thấy nguồn giòng phát triển của triết học Trung Quốc ngõ hầu đạt được sự thông hiểu trọn vẹn. Mỗi triết gia đều có một hệ thống tư tưởng riêng, mỗi hệ thống đều có quan niệm cốt lõi và tinh thần đặc thù. Bộ sách này trình bày điều đó rất rõ ràng. Sau khi đọc xong một chương, độc giả cần đọc lại một lần, xem đại ý của nó, chú ý trật tự của nó, để có sự xem xét hoàn chỉnh. Giữa các triết gia đều có sự tương đồng và dị biệt. Mỗi học phái đều có nguồn gốc. Giữa các học phái càng có sự ảnh hưởng qua lại. Lịch sử là một giòng chảy phát triển, cái trước cái sau đều có sự tương quan mạch lạc, chúng ta cần xem xét trọn vẹn thì mới hiểu sâu sát nó. Đó cũng là điều cần chú ý khi đọc bộ sách này.

Bộ sách này không phải dễ đọc. Do đó tính chất của sách càng quan trọng thì trọng lượng càng lớn, phạm vi càng rộng, nội dung càng phong phú. Những chỗ nào lời giản ước mà ý thâm sâu, nếu không lấy hư tâm mà lĩnh hội thì sẽ không hiểu được gì. Do đó, bộ sách này chúng ta không thể nào đọc nhanh đọc vội. Đọc nhanh vội thì sẽ không hiểu được những chỗ hay trong sách.

Nói tóm lại, bộ sách này là một đại tác phẩm cực kỳ giá trị xuất hiện gần đây. Nội dung rất phong phú và tinh thâm, không thể xem là loại sách bình thường.[1]

---

[1] **LAM chú: Bài điểm sách này đăng trên tạp chí *Xuất Bản Chu San*, số 126 và 127, năm 1935; được Phùng Hữu Lan tuyển chọn in vào tập *Trung Quốc Triết Học Sử Bổ*, in tại Hương Cảng (không ghi năm và nhà xuất bản), tr.161-179.**

NIÊN BIỂU THỜI ĐẠI KINH HỌC

Năm 100 – 0

* Tây Phương: Lucretius (94-54).
* Đời **Tiền Hán** (206 TCN-24 CN).
* Kinh học kim văn với sấm vĩ và tượng số học là sự hỗn hợp của tư tưởng Nho gia với tư tưởng Âm Dương gia: Đổng Trọng Thư (179-104), Mạnh Hỉ, Kinh Phòng.
* Kinh học cổ văn: Dương Hùng (53 TCN-18 CN), Lưu Hâm (46 TCN-23 CN), Hoàn Đàm (mất khoảng năm 25 CN), Vương Sung (27-100).

Năm 0 – 100

* Đời **Hậu Hán** (25-220).
* Vương Mãng lập đời **Tân,** niên hiệu Thuỷ Kiến Quốc (9-23).
* Tây phương: Epictetus.
* NHO: Hà Hưu (129-182) chú *Công Dương Truyện; Bạch Hổ Thông* (biên soạn sau năm 79).
* PHẬT: Phật giáo truyền vào Trung Quốc.
* *Hán Thư* của Ban Cố, *Luận Hành* của Vương Sung, *Thuyết Văn Giải Tự* của Hứa Thận.
* Ban Cố chết trong ngục năm 92.

Năm 100 – 200

* ĐẠO: *Tham Đồng Khế* của Ngụy Bá Dương; Ngu Phiên (164-233).
* Giả Quỳ (nhà chú giải kinh) mất năm 101. An Thế Cao đến Lạc Dương năm 147.

Năm 200 – 300

* Tây phương: Marcus Aurelius (121-180), Plotinus (204-269).
* Đời **Ngụy** (220-265).
* Đời **Tấn** (265-420).
* ĐẠO: Vương Bật (226-249), Hướng Tú (221-300), Quách Tượng (?-312), Cát Hồng (250-330).

* Tào Tháo mất năm 220. Tào Phi mất năm 226. Kê Khang mất năm 262. Nguyễn Tịch mất năm 263. Hoa Đà mất năm 265. Khang Tăng Hội đến Nam Kinh năm 247.

Năm 300 – 400

* Tây phương: Augustine (353-430).
* PHẬT: Huệ Viễn (334-416), Tăng Triệu (384-414), Đạo Sinh (355-434), Tạ Linh Vận (385-433).
* Phật Đồ Trừng đến Trường An năm 310. Quách Tượng mất năm 312. Vương Hi Chi mất năm 365.

Năm 400 – 500

* Thời **Nam Bắc Triều** (420-581)
* ĐẠO: Cố Hoan (420-483), Thái Sử Thúc Minh (474-546).
* PHẬT: *Thần Diệt Luận:* Tăng Hựu (445-518), Phạm Chẩn (450-515). *Thất tông* (1- Bản Vô Tông, 2- Bản Vô Dị Tông, 3- Tức Sắc Tông, 4- Tâm Vô Tông, 5- Thức Hàm Tông, 6- Ảo Hoá Tông, 7- Duyên Hội Tông).
* *Hậu Hán Thư* (năm 430).

Năm 500 – 600

* Đời **Tuỳ** (581-618)
* NHO: Vương Thông (584-617).
* PHẬT: *Tam Luận Tông:* Cát Tạng (549-623) – *Thiên Thai Tông:* Trí Nghĩ (538-597).

Năm 600 – 700

* Đời **Đường** (618-907)
* PHẬT: *Duy Thức Tông:* Huyền Tăng (?-664), Khuy Cơ (632-682) – *Hoa Nghiêm Tông:* Pháp Tạng (643-712), Trừng Quán (738-839) – *Thiền Tông:* Thần Tú (600-706), Huệ Năng (638-713), Hoài Nhượng (677-744), Thần Hội (686-760).

Năm 700 – 800

* NHO: Hàn Dũ (768-824).
* PHẬT: *Thiên Thai Tông:* Trạm Nhiên (711-782), Lương Túc (753-793) – *Thiền Tông:* Đạo Nhất (709-788).

Năm 800 – 900

* Tây phương: Scotus Erigena (810-877).
* NHO: Lý Ngao (?-844).

Năm 900 – 1000

* Đời **Bắc Tống** (960-1127).

Năm 1000 – 1100

* Đời **Nam Tống** (1127-1279).
* Tây phương: Abelard (1079-1142).
* NHO: Chu Đôn Di (1017-1073), Thiệu Ung (1011-1077), Trương Tái (1020-1077). Trình Hạo (1032-1085),

Năm 1100 – 1200

* Đời **Nguyên** (1279-1368).
* NHO: *Lý học:* Trình Di (1033-1108), Chu Hi (1130-1200) – *Tâm học:* Lục Cửu Uyên (1139-1193), Dương Giản (1140-1226).

Năm 1200 – 1300

* Tây phương: Acquinas (1226-1274).

Năm 1300 – 1400

* Đời **Minh** (1368-1644).

Năm 1400 – 1500

* Tây phương: Machiavelli (1469-1527).
* NHO: *Lý học:* La Chỉnh Am (1465-1547), Trần Thanh Giản (1497-1567) – *Tâm học:* Trần Hiến Chương (1428-1500), Trạm Cam Tuyền (1466-1560), Vương Dương Minh (1473-1529), Vương Tâm Trai (1483-1540), Vương Long Khê (1498-1583).

Năm 1500 – 1600

* Tây phương: Bruno (1548-1600), Bacon (1561-1626), Descartes (1596-1650), Hobbes (1588-1679).
* NHO: Lưu Tông Chu (1578-1645).

Năm 1600 – 1700

* Đời **Thanh** (1644-1911).

* Tây phương: Spinoza (1632-1677), Locke (1632-1704), Leibniz (1646-1716), Berkeley (1685-1753).
* NHO: Lục Thế Nghi (1611-1672), Trần Xác (1604-1677), Hoàng Tông Hi (1610-1695), Vương Phu Chi (1619-1693), Nhan Nguyên (1635-1704), Lý Cung (1659-1746).

Năm 1700 – 1800

* Tây phương: Hume (1711-1776), Kant (1724-1804), Hegel (1770-1831), Schopenhauer (1788-1860).
* NHO: Đái Chấn (1723-1777).

Năm 1800 – 1900

* Tây phương: Mill (1806-1873), Marx (1818-1883), James (1842-1910), Bergson (1859-1941).
* NHO: Khang Hữu Vi (1858-1927), Đàm Tự Đồng (1865-1898), Liêu Bình (1852-1932).

Thời đại Kinh Học kết thúc.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: PHIẾM LUẬN VỀ THỜI ĐẠI KINH HỌC 5

CHƯƠNG 2: ĐỔNG TRỌNG THƯ VÀ KINH HỌC KIM VĂN 10

1. Âm Dương gia và Kim văn Kinh học gia 10
2. Hệ thống vũ trụ trong tư tưởng của Âm Dương gia 13
3. Địa vị của Đổng Trọng Thư trong Nho gia đời Tiền Hán 16
4. Nguyên, Thiên, Âm Dương, Ngũ Hành 19
5. Bốn mùa 23
6. Người tương ứng với các con số của trời 29
7. Tính và tình 32
8. Luân lý cá nhân và luân lý xã hội 37
9. Triết học chính trị và triết học xã hội 46
10. Tai ương và quái dị 56
11. Triết học của lịch sử 59
12. Đại nghĩa của Xuân Thu 70

CHƯƠNG 3: CÁI HỌC SẤM VĨ VÀ TƯỢNG SỐ GIỮA HAI ĐỜI HÁN 85

1. Vĩ và sấm 85
2. Cái học tượng số 88
3. Số Âm Dương 92
4. Phương vị của Bát quái 95
5. Quái khí 99
6. Mạnh Hỉ và Kinh Phòng 102
7. Âm luật phối hợp với quẻ 108
8. Những Vĩ thư khác 112
9. Âm Dương gia và khoa học 118

CHƯƠNG 4: KINH HỌC CỔ VĂN VÀ DƯƠNG HÙNG, VƯƠNG SUNG 120
1. Cổ học và Lưu Hâm 120
2. Dương Hùng 122
a. Thái Huyền 125
b. Pháp Ngôn 133
3. Vương Sung 138
a. Chủ nghĩa tự nhiên 140
b. Phê bình kiến giải của người cùng thời 141
c. Kiến giải của Vương Sung đối với lịch sử 146
d. Phương pháp luận 148
e. Nói về tính 150
f. Kiến giải của Vương Sung đối với vận mệnh 152
* So sánh Dịch và Thái Huyền 158

CHƯƠNG 5: HUYỀN HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU (1) 162
1. Huyền học gia và Khổng Tử 162
2. Hà Án, Vương Bật và Kinh học của các Huyền học gia 164
3. Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh 180
4. Duy vật luận và Cơ giới luận trong sách Liệt Tử 188
5. Nhân sinh quan buông bỏ tình cảm và ý chí trong thiên Dương Chu 196

PHỤ CHƯƠNG 211
1. Huyền học gia và Khổng Tử 211
2. Danh lý 217
3. Vương Bật 220
a. Vô 220
b. Khái niệm và lý 224
c. Tình cảm của thánh nhân 229

CHƯƠNG 6: HUYỀN HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU (2) 232
1. Hướng Tú và Quách Tượng 232
2. Độc hóa 234

3. Quan hệ giữa các sự vật trong vũ trụ 238
4. Sự biến hóa của thiên nhiên và nhân sự 241
5. Vô vi 245
6. Thánh trí 249
7. Tiêu dao 256
8. Tề vật 261
9. Chí nhân 273

CHƯƠNG 7: PHẬT HỌC THỜI NAM BẮC TRIỀU VÀ SỰ TRANH LUẬN CỦA NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI VỀ PHẬT HỌC 281
1. Phật gia và Đạo gia 287
2. Lục gia thất tông (6 nhà - 7 tông) 292
a. Bản Vô Tông 294
b. Bản Vô Dị Tông 297
c. Tức Sắc Tông 299
d. Tâm Vô Tông 302
e. Thức Hàm Tông 306
f. Ảo Hoá Tông 307
g. Duyên Hội Tông 307
3. Tăng Triệu 308
a. Vật Bất Thiên Luận 311
b. Bất Chân Không Luận 314
c. Bát Nhã Vô Tri Luận 316
4. Đạo Sinh 320
a. Thuyết thiện bất thụ báo 322
b. Thuyết đốn ngộ thành Phật 325
5. Biện luận về «thần diệt» và «thần bất diệt» 336

CHƯƠNG 8: PHẬT HỌC ĐỜI TUỲ VÀ ĐỜI ĐƯỜNG (1) 348
1. Thuyết «Nhị Đế» của Cát Tạng 348
2. Thành Duy Thức Luận của Huyền Tăng 354
a. Duy thức dạy cùng lìa không và hữu (song ly không hữu) ... 356

b. Bốn phần của Thức 358
c. Đệ nhất năng biến (A Lại Da Thức) 360
d. Đệ nhị năng biến (Mạt Na Thức) và đệ tam năng biến (Tiền Lục Thức) 366
e. Nhất thiết duy thức 372
f. Tam tính, tam vô tính, chân như 385
g. Chuyển thức thành trí 389
3. Kim Sư Tử Luận của Pháp Tạng 395
a. Minh duyên khởi 398
b. Biện sắc không 399
c. Ước tam tính 400
d. Hiển vô tướng 401
e. Thuyết vô sinh 401
f. Luận ngũ giáo 402
g. Lặc thập huyền 406
h. Quát lục tướng 412
i. Thành bồ đề 412
j. Nhập niết bàn 414
k. Duy tâm luận chủ quan và Duy tâm luận khách quan 415

CHƯƠNG 9: PHẬT HỌC ĐỜI TUỲ VÀ ĐỜI ĐƯỜNG (2) 417
1. Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn của Thiên Thai Tông 417
a. Chân như, Như lai tạng 418
b. Tam tính 422
c. Cộng tướng thức và bất cộng tướng thức 426
d. Vạn pháp hỗ nhiếp 428
e. Chỉ quán 433
f. Tính ô nhiễm của chư Phật 437
g. Giác ngộ và không giác ngộ 439
h. So sánh Thiên Thai Tông với Duy Thức Tông và Hoa Nghiêm Tông 441
i. Thuyết «Vô tình hữu tính» của Trạm Nhiên 442
2. Thiền Tông 444

a. Cơ sở trí tuệ của Thiền Tông 446
b. Đệ nhất nghĩa bất khả thuyết (chân lý tuyệt đối không thể diễn đạt được) 448
c. Đạo bất khả tu (Đạo không thể tu) 451
d. Cứu cánh vô đắc (rốt cuộc không đạt được cái gì cả) 459
e. Phật pháp vô đa tử (Phật pháp không có gì nhiều) 461
f. Đảm thuỷ khảm sài, vô phi diệu đạo (gánh nước và bổ củi, tất cả đều là đạo huyền diệu) 462

CHƯƠNG 10: SƠ KHỞI CỦA ĐẠO HỌC VÀ THÀNH PHẦN «PHẬT-ĐẠO» TRONG ĐẠO HỌC 466

1. Hàn Dũ 468
2. Lý Ngao 473
3. Đạo học và Phật học 488
4. Tư tưởng của một bộ phận trong Đạo giáo 489
5. Tinh thần khoa học trong Đạo giáo 494

* Chú thích chương 10 .....

Phụ Đính: Luận Phật Cốt Biểu (Hàn Dũ) 497

CHƯƠNG 11: CHU LIÊM KHÊ VÀ THIỆU KHANG TIẾT 503

1. Chu Liêm Khê 503
   a. Thái Cực Đồ Thuyết 504
   b. Thái Cực Đồ Thuyết và Thông Thư 513
2. Thiệu Khang Tiết 520
   a. Thái Cực và Bát Quái 522
   b. Tiên Thiên Đồ và những hình đồ khác 526
   c. Sự phát sinh của các sự vật đặc thù 530
   d. Người và thánh nhân 531
   e. Niên biểu thế giới 535
   f. Triết học chính trị 538

CHƯƠNG 12: TRƯƠNG HOÀNH CỪ VÀ NHỊ TRÌNH 541

1. Trương Hoành Cừ 541
   a. Khí 543

b. Qui luật cho sự vật trong vũ trụ tuân theo 546
c. Một số hiện tượng phổ biến trong vũ trụ 546
d. Trương Hoành Cừ giảng thiên văn và địa lý 548
e. Lý thuyết về Tính 551
f. Thiên nhân hợp nhất 554
g. Phê bình Phật giáo và Đạo giáo 560
2. Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên 561
a. Thiên lý 564
b. Phê bình Phật giáo 572
c. Hình nhi thượng và hình nhi hạ 573
d. Khí 576
e. Tính 578
f. Sự tiêu trưởng của Âm Dương và thiện ác 583
g. Trình Minh Đạo nói về phương pháp tu dưỡng 585
h. Trình Y Xuyên nói về phương pháp tu dưỡng 593

CHƯƠNG 13: CHU HI 597
1. Lý và Thái Cực 598
2. Khí 604
3. Sự sinh thành của trời đất và vạn vật 608
4. Tính của người và tính của vật 612
5. Đạo đức và phương pháp tu dưỡng 619
6. Triết học về chính trị 623
7. Phê bình Phật giáo 627

CHƯƠNG 14: LỤC TƯỢNG SƠN, VƯƠNG DƯƠNG MINH VÀ TÂM HỌC ĐỜI MINH 632
1. Lục Tượng Sơn 632
2. Dương Từ Hồ 641
3. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Lục Tượng Sơn ... 648
4. Lý học từ Chu Hi về sau 654
5. Trần Bạch Sa và Trạm Cam Tuyền 656

6. Vương Dương Minh 658
a. Đại học vấn 659
b. Tri hành hợp nhất 664
c. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Vương Dương Minh 665
d. Phê bình Phật và Lão 671
e. Những mức độ của ái 673
f. Căn nguyên của ác 675
g. Động tĩnh hợp nhất 679
h. Phản ứng đối với Tâm học của Vương Dương Minh 682
7. Vương Long Khê và Vương Tâm Trai 684

CHƯƠNG 15: SỰ KẾ TỤC ĐẠO HỌC Ở ĐỜI THANH 690
1. Hán học và Tống học 690
2. Nhan Nguyên, Lý Cung, và một số Đạo học gia 691
a. Lý và Khí 696
b. Tính và Hình 705
3. Đái Chấn 713
a. Đạo và Lý 714
b. Tính và Tài 721
c. Phương pháp cầu Lý 727
d. Khởi nguyên của ác 730
e. Đái Chấn và Tuân Tử 732

CHƯƠNG 16: KINH HỌC KIM VĂN Ở ĐỜI THANH 736
1. Phong trào lập giáo và cải chế cuối đời Thanh 736
2. Khang Hữu Vi 738
a. Khổng Tử lập giáo và cải chế 738
b. Đại Đồng Thư 745
3. Đàm Tự Đồng 753
a. Nhân và Dĩ Thái 755
b. Hữu vô và sinh diệt 757
c. Nền chính trị đại đồng 761

d. Luận về giáo chủ 766
4. Liêu Bình 769
a. Kinh học biến đổi lần 1 769
b. Kinh học biến đổi lần 2 771
c. Kinh học biến đổi lần 3 773
d. Kinh học biến đổi lần 4 775
e. Kinh học biến đổi lần 5 777
5. Thời đại Kinh học kết thúc 779



中国哲学史



Tiến sĩ Phùng Hữu Lan (1895-1990) – tốt nghiệp Đại học Columbia (Mỹ) 1924 – rực sáng cuối thế kỷ XX như là một sử gia lỗi lạc về triết học Trung Quốc kiêm triết gia hiện đại mà hệ thống triết học của ông hiện nay được nghiên cứu sâu rộng với danh xưng <<Phùng học>>.

Từ khi chào đời, bộ TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ (quyển I, 1931; quyển II, 1934) của Phùng Hữu Lan đã trở thành sách giáo khoa trọng yếu của bậc đại học và cũng là tác phẩm kinh điển trong lĩnh vực lịch sử triết học Trung Quốc, chiếm địa vị quan trọng không chỉ tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản (với nguyên tác Hán ngữ), mà còn ở phương Tây nữa (với bản dịch Anh ngữ của Derk Bodde).

Quyển I bao quát thời đại Tử Học, một thời đại có thể nói là rực rỡ nhất của triết học Trung Quốc, trải dài từ thời xa xưa đến khoảng năm 100 TCN với địa vị chính thống của Nho giáo. Quyển II bao quát thời đại Kinh Học, tức là từ cuối thời đại Tử Học cho đến cuối đời Thanh.

Nguyên tác trích dẫn rất nhiều đoạn cổ văn từ các nguồn thư tịch gốc, khiến nó không những là một sách tham khảo quý báu về các văn bản gốc của triết học Trung Quốc, mà còn tạo sự thuận lợi vì các văn bản cổ xưa đã tự lên tiếng. Đó là một điều rất quan trọng trong một lĩnh vực như triết học Trung Quốc, vì một văn bản thường có nhiều lời bình chú. Tác giả đã vận dụng vốn tri thức và phương pháp luận thu nhận thêm từ phương Tây vào việc nghiên cứu lịch sử triết học Trung Quốc, do đó bộ sách này có tính khoa học rất cao. Học giả Lý Thận của Trung Quốc hiện nay nhận định chung về Phùng Hữu Lan bằng tám chữ <<Dung quán Trung Tây, thông thích kim cổ>> (dung hoà thấu triệt hai nền học thuật Trung Quốc và phương Tây, giải thích thông suốt việc xưa nay) và cho rằng nếu người Trung Quốc biết đến học thuật của phương Tây nhờ Nghiêm Phục, thì người ngoại quốc hiểu được triết học Trung Quốc là nhờ Phùng Hữu Lan.

TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ của Phùng Hữu Lan đến nay mới được dịch ra tiếng Việt. Bản dịch bảo lưu các trích dẫn kinh điển y như nguyên tác, kèm phiên âm Hán Việt, lại còn có thêm rất nhiều chú thích tỉ mỉ như dồn nén thông tin. Do đó độc giả đang có trên tay một nguồn tham khảo rất hệ thống và thiết yếu về tư tưởng triết học Trung Quốc.

Thư Pháp: Lê Anh Minh

Phát hành tại TP. HCM:
Nhà sách Ngọc Trầm
177B Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 9256961 Fax: 9256960 Email: ngoctram@giavu.com.vn

Phát hành tại HÀ NỘI:
Nhà sách ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh - HÀ NỘI - ĐT/FAX: 04.7733041

Giá: 130.000đ